

C.MÁC  
VÀ  
PH.ĂNG-GHEN  
TOÀN TẬP  
18

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
SỰ THẬT

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN XUẤT BẢN  
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH  
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C. MÁC VÀ PH. ĂNG- GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS.PTS. Trần Ngọc Hiền	Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, uỷ viên
PGS. Hà Học Hợi	Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, uỷ viên
GS.PTS. Phạm Xuân Nam	Phó giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Nhâm	Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản chính trị quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị - quân sự, uỷ viên

C. MÁC  
VÀ  
PH. ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP  
TẬP 18

(Tháng Ba 1872- tháng Tư 1875)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
SỰ THẬT  
HÀ NỘI - 1995

---

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 18 của bộ Toàn tập C. Mác và Ph. Ăng-ghen gồm những tác phẩm của hai nhà kinh điển viết trong thời gian từ tháng Ba 1872 đến tháng Tư 1875.

Đây là thời kỳ mà chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Thế lực phản động sau khi dập tắt Công xã Pa-ri, lại hoạt động ngày càng ráo riết hơn. Tuy nhiên, phong trào công nhân đã bước vào một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ tập hợp và cố kết các lực lượng của giai cấp vô sản, và những tư tưởng của chủ nghĩa Mác được truyền bá ngày càng sâu rộng.

Trong các tác phẩm viết vào thời kỳ này, C.Mác và Ph.Ăng-ghen tiếp tục đi sâu phân tích các bài học kinh nghiệm của Công xã Pa-ri, phát triển và hoàn thiện thêm một bước học thuyết của hai ông về Nhà nước sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền. Đồng thời hai ông tiếp tục đấu tranh chống các âm mưu chia rẽ và bè phái, kịch liệt phê phán các lý thuyết và tư tưởng phi vô sản, củng cố sự đoàn kết về tư tưởng và về tổ chức của phong trào vô sản và đề ra đường lối chiến lược và sách lược cho phong trào đó trong tình hình mới.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen tập 18 do Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1961. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 5-1995  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN**

**CÁI GỌI LÀ NHỮNG SỰ PHÂN LIỆT  
TRONG QUỐC TẾ**

**Thông tri nội bộ của Tổng Hội đồng Hội liên  
hiệp công nhân quốc tế<sup>1</sup>**

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n viết vào  
giữa tháng Giêng - 5 tháng Ba 1872  
In thành tập sách mỏng ở Giơ-ne-vơ  
năm 1872*

*In theo bản in trong tập  
sách mỏng  
Nguyên văn là tiếng Pháp*

LES  
**PRÉTENDUES SCISSIONS**  
DANS  
**L'INTERNATIONALE**

CIRCULAIRE PRIVÉE  
DU  
**CONSEIL GÉNÉRAL**  
DE  
L'ASSOCIATION INTERNATIONALE DES TRAVAILLEURS

GENÈVE  
IMPRIMERIE COOPÉRATIVE, RUE DU  
**CONSEIL-GÉNÉRAL, 8**

1872

BÌA TRONG CUỐN SÁCH CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN  
"CÁI GỌI LÀ NHỮNG SỰ PHÂN LIỆT TRONG QUỐC TẾ"

---

Cho đến nay, Tổng Hội đồng vẫn nhận thấy cần phải hoàn toàn tránh phát biểu bất cứ ý kiến nào về cuộc đấu tranh nội bộ của Quốc tế và không bao giờ công khai đáp lại những sự công kích công khai mà một số thành viên của Hội đã tiến hành đối với nó từ hơn hai năm nay.

Nhưng, nếu Tổng Hội đồng còn có thể tiếp tục im lặng khi vấn đề còn đóng khung trong những mưu mô của mấy kẻ âm mưu cố ý ra sức gây nên sự lẫn lộn giữa Quốc tế và một hội nào đó<sup>1\*</sup> vốn đã đối địch với Quốc tế ngay từ khi mới ra đời, thì bây giờ, lúc mà thế lực phản động châu Âu đang dựa vào những chuyện tai tiếng do hội này gây ra vào lúc mà Quốc tế đang trải qua một sự khủng hoảng mà nó chưa từng phải chịu đựng từ khi được thành lập tới nay thì Tổng Hội đồng buộc phải công khai trình bày lịch sử của tất cả những âm mưu đó.

## I

Bước thứ nhất mà Tổng Hội đồng bắt tay làm, sau khi Công xã Pa-ri thất bại, là công bố lời kêu gọi của mình về cuộc nội chiến ở Pháp<sup>2</sup>, trong đó Tổng Hội đồng bày tỏ sự đồng tình của mình với tất cả những hành động của Công xã, những hành động được giai cấp tư sản, các báo chí và các chính phủ ở châu Âu dùng để không ngớt lời vu khống một cách hết sức đê tiện những người Pa-ri chiến bại. Thậm chí một bộ phận của giai cấp công nhân cũng không hiểu rằng sự nghiệp của chính họ đã thất bại.

---

1\* - Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế.



Đối với Tổng Hội đồng thì một trong những bằng chứng của việc đó là hai uỷ viên, công dân Ôt-gie-rơ và Lê- cráp-tơ, rút lui khỏi Tổng Hội đồng, họ đã hoàn toàn không đồng tình với lời kêu gọi ấy. Có thể nói rằng việc củng cố lời kêu gọi ấy trong tất cả các nước văn minh của thế giới đã đặt cơ sở cho sự thống nhất quan điểm của giai cấp công nhân đối với những sự kiện ở Pa-ri.

Mặt khác, Quốc tế đã có được một phương tiện tuyên truyền hết sức mạnh mẽ là báo chí tư sản và đặc biệt là các báo chí lớn của nước Anh - báo chí này đã bị lời kêu gọi đó buộc phải tham gia một cuộc tranh luận được duy trì bằng những lời đáp lại của Tổng Hội đồng<sup>3</sup>.

Đông đảo những người lưu vong của Công xã đến Luân Đôn đã làm cho Tổng Hội đồng biến thành một uỷ ban cứu trợ và buộc nó phải thực hiện trong khoảng thời gian hơn tám tháng<sup>4</sup> cái chức năng ấy, cái chức năng hoàn toàn không nằm trong trách nhiệm chung của nó. Cố nhiên, những người chiến bại và những người tham gia Công xã phải lưu vong không thể trông chờ gì vào sự cứu trợ của giai cấp tư sản. Còn về giai cấp công nhân, thì những yêu cầu giúp đỡ lại được đặt ra vào lúc khó khăn nhất. Thụy Sĩ và Bỉ đã nhận những đoàn người lưu vong mà nó phải chi viện cho họ hoặc giúp họ đi Luân Đôn. Những món tiền quyên góp được ở Đức, Áo và Tây Ban Nha đều được chuyển đến Thụy Sĩ. Ở Anh, cuộc đấu tranh lớn đòi chế độ ngày làm chín giờ mà trận quyết định của nó đã diễn ra ở Niu-cát-xơ<sup>5</sup>, đã tiêu cạn hết cả hội phí do các cá nhân công nhân đóng góp và tiền quỹ của công đoàn; tiện thể nói thêm rằng căn cứ theo điều lệ thì chỉ có thể sử dụng quỹ này để chỉ tiêu cho những mục đích đấu tranh nghiệp đoàn. Song, nhờ những hoạt động không mệt mỏi và nhờ việc liên tục trao đổi thư từ nên Tổng Hội đồng đã thu góp được những món tiền không lớn lắm, để đem phân phối hàng tuần. Công nhân Mỹ đã hưởng ứng lời kêu gọi của Tổng Hội đồng một cách rộng rãi hơn. Những món tiền hàng triệu bạc mà trí tưởng

tượng đầy kinh hoàng của giai cấp tư sản đã gán cho ngân quỹ của Quốc tế một cách hào phóng như thế, giá như Tổng Hội đồng có thể biến thành sự thật được thì hay biết mấy!

Sau tháng Năm 1871, một số người lưu vong của Công xã đã được đưa vào Tổng Hội đồng thay thế cho những đại biểu Pháp do chiến tranh nên không còn là đại biểu trong Tổng Hội đồng nữa. Trong số các uỷ viên được bổ sung, có những hội viên cũ của Quốc tế và một số người nổi tiếng vì có nghị lực cách mạng, và lựa chọn họ là biểu thị lòng tôn kính đối với Công xã Pa-ri.

Ngoài tất cả những việc bận rộn ấy ra, Tổng Hội đồng còn phải tiến hành công việc trừ bị cho hội nghị đại biểu do nó triệu tập<sup>6</sup>.

Những cuộc đàn áp tàn khốc của Chính phủ Bô-na-pác-tơ chống Quốc tế đã cản trở việc triệu tập Đại hội đại biểu ở Pa-ri mà nghị quyết của Đại hội Ba-lơ đã quy định. Sở dụng quyền hạn mà điều 4 của Điều lệ đã trao cho mình, Tổng Hội đồng ra thông tri ngày 12 tháng Bảy 1870 tuyên bố triệu tập Đại hội đại biểu ở Ma-in-xơ<sup>7</sup>. Đồng thời, Tổng Hội đồng đã viết thư cho các liên chi đề nghị chuyển trụ sở của Tổng Hội đồng từ nước Anh, sang một nước khác và yêu cầu cấp cho các đại biểu những giấy uỷ nhiệm hạn chế về vấn đề này. Các liên chi đã nhất trí để Tổng Hội đồng ở lại Luân Đôn<sup>8</sup>. Cuộc chiến tranh Đức - Pháp nổ ra mấy ngày sau đó đã làm cho không thể triệu tập đại hội được. Và chỉ tới lúc bảy giờ, các liên chi mà chúng tôi đã hỏi ý kiến, mới trao cho chúng tôi toàn quyền tuỳ theo sự phát triển của tình hình mà định thời hạn triệu tập đại hội tiếp theo.

Ngay sau khi tình hình chính trị cho phép, Tổng Hội đồng đã triệu tập hội nghị đại biểu bí mật, dựa vào tiền lệ của hội nghị đại biểu năm 1865<sup>9</sup> và của những cuộc họp bí mật về các vấn đề tổ chức trong thời gian của mỗi kỳ đại hội. Trong khi bọn phản động châu Âu đang tổ chức chè chén say sưa; trong khi Giuy-lơ Pha-vơ đang yêu cầu tất cả các chính phủ, ngay cả

Chính phủ Anh, giao nộp cho hẳn những người lưu vong như những tên phạm tội hình sự; trong khi Đuy-phô-rơ đưa ra trước nghị viện địa chủ một đạo luật đặt Quốc tế ra ngoài vòng pháp luật<sup>10</sup>, đạo luật mà sau này Ma-lu đã đem cái chế phẩm giả, giả nhân giả nghĩa của nó hiến dâng cho người Bỉ; trong khi ở Thụy Sĩ, một người lưu vong của Công xã đã bị tạm giam để chờ đợi quyết định của chính phủ liên bang đối với yêu cầu giao nộp người lưu vong đó; trong khi việc truy nã những hội viên của Quốc tế đã trở thành cơ sở rõ ràng của sự liên minh giữa Boi-xtơ và Bít-xmác, sự liên minh mà Vích-to Ê-ma-nu-en II cũng vội vàng tán thành điều khoản chống lại Quốc tế; trong khi Chính phủ Tây Ban Nha, hoàn toàn vâng lệnh bọn đao phủ Véc-xay buộc Hội đồng liên chi hội Ma-đrít phải tìm nơi ẩn náu ở Bồ Đào Nha<sup>11</sup>; cuối cùng, trong khi nhiệm vụ hàng đầu của Quốc tế là đoàn kết chặt chẽ tổ chức của mình và chấp nhận sự thách thức của các chính phủ, - thì việc triệu tập đại hội đại biểu công khai là không thể được, và chỉ có thể dẫn đến chỗ nộp các đại biểu của lục địa cho chính phủ các nước.

Tất cả những chi hội đã giữ mối liên hệ đều đặn với Tổng Hội đồng đều được kịp thời mời tham gia hội nghị đại biểu, hội nghị này tuy không phải là một đại hội đại biểu công khai, nhưng việc chuẩn bị vẫn gặp phải những khó khăn nghiêm trọng. Cố nhiên, nước Pháp, với hoàn cảnh lúc bấy giờ của mình, không thể cử được đại biểu. Ở I-ta-li-a, chi hội duy nhất được tổ chức lúc đó là Chi hội Naplơ sắp đến lúc bầu cử đại biểu thì nó lại bị giải tán bằng vũ lực. Ở Áo và Hung-ga-ri, những hội viên tích cực nhất của Quốc tế đều bị bỏ tù. Ở Đức, một số hội viên nổi tiếng nhất của Quốc tế bị truy nã về tội phản quốc, một số khác thì bị bỏ tù, và tiền của đảng thì hoàn toàn dùng vào việc cứu giúp gia đình họ<sup>12</sup>. Người Mỹ thì dành tiền cho việc gửi đoàn đại biểu đi, để giúp đỡ những người lưu vong, và chỉ gửi báo cáo tường tận về tình hình của Quốc tế trong nước họ cho hội nghị<sup>13</sup>. Tuy vậy, tất cả các liên chi hội đều thừa nhận cần phải

triệu tập hội nghị đại biểu bí mật, chứ không họp đại hội đại biểu công khai.

Hội nghị đại biểu, sau khi đã họp tại Luân Đôn từ ngày 17 đến ngày 23 tháng Chín 1871, đã giao cho Tổng Hội đồng công bố những nghị quyết của hội nghị, tổng hợp lại thành một bản quy chế tổ chức và đem công bố bằng ba thứ tiếng cùng với bản Điều lệ chung đã được đem lại và sửa chữa, thi hành nghị quyết về việc thay thế hội viên bằng những phiếu hội phí, cải tổ Quốc tế ở Anh<sup>14</sup> và, cuối cùng, lo liệu những khoản chí phí cần thiết để hoàn thành công việc ấy.

Ngay sau khi những tài liệu của hội nghị đại biểu vừa mới được công bố, các báo chí phản động từ Pa-ri đến Mát-xcơ-va và từ Luân Đôn đến Niu Oóc đều tuyên bố rằng nghị quyết về chính trị của giai cấp công nhân<sup>15</sup> chứa đựng những mưu đồ rất nguy hiểm - báo "Times" buộc tội nó là "một sự xúc phạm được suy tính một cách trầm tĩnh" - cho nên cần phải lập tức đặt Quốc tế ra ngoài vòng pháp luật. Mặt khác, nghị quyết lên án những chi hội bè phái chủ nghĩa, tự phong<sup>16</sup> thì bị cảnh sát quốc tế dùng làm cái cớ hàng mong đợi từ lâu để làm âm ỉ lên, như thế chúng bảo vệ sự tự trị tự do của những công nhân được chúng che chở chống lại sự chuyên chế dê hèn của Tổng Hội đồng và của hội nghị đại biểu. Giai cấp công nhân cảm thấy mình bị Tổng Hội đồng "áp bức nặng nề" đến nỗi Tổng Hội đồng đã nhận được từ châu Âu, châu Mỹ, Ô-xtơ-rây-li-a và thậm chí cả từ Ấn Độ, những lá đơn xin gia nhập Quốc tế và những báo cáo về việc thành lập những chi hội mới.

## II

Những lời tố cáo của báo chí tư sản và những lời than phiền của cảnh sát quốc tế đã có được một sự hưởng ứng đồng tình, ngay cả trong Hội liên hiệp của chúng ta. Những âm mưu, bẻ

ngoài thì nhằm chống lại Tổng Hội đồng, nhưng trên thực tế là chống cả Hội liên hiệp, đã được suy tính trong nội bộ Hội liên hiệp. Đằng sau những âm mưu ấy, vẫn là *Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế*, con đẻ của một người Nga tên là Mi-kha-in Ba-cu-nin. Sau khi từ Xi-bia trở về, Ba-cu-nin bắt đầu tuyên truyền trên báo "Cái chuông" của Ghéc-sen, cái chủ nghĩa Đại Xla-ơ và chiến tranh chủng tộc<sup>17</sup>, một thành quả của thực nghiệm lâu năm của ông ta. Sau này, trong thời gian ở Thụy Sĩ, ông ta được bầu vào uỷ ban lãnh đạo của Đồng minh hoà bình và tự do, được lập ra để chống lại Quốc tế<sup>18</sup>. Vì tình hình của cái đoàn thể tư sản này ngày càng tồi đi, cho nên vị chủ tịch của nó, ông G.Phô-gtơ, theo lời khuyên của Ba-cu-nin, đã kiến nghị với Đại hội đại biểu của Quốc tế họp tại Bruy-xen vào tháng Chín 1868, liên minh với Đồng minh. Đại hội đại biểu đã nhất trí tuyên bố rằng chỉ có thể chọn một trong hai điều: hoặc là Đồng minh cũng theo đuổi những mục đích như là Quốc tế, và như thế thì sự tồn tại của nó không còn ý nghĩa gì nữa; hoặc là nó nhằm những mục đích khác, và như thế thì không thể có sự liên minh. Tại Đại hội đại biểu của Đồng minh họp tại Béc-nơ mấy hôm sau, Ba-cu-nin lại tiến hành một sự chuyển hướng. Ông ta đã đưa ra ở đây, một cương lĩnh soạn thảo vội vàng, mà giá trị khoa học chỉ có thể được đánh giá bằng cái câu này: "*sự bình đẳng về kinh tế và xã hội của các giai cấp*"<sup>19</sup>. Được một thiểu số không đáng kể ủng hộ, ông ta đã đoạn tuyệt với Đồng minh để gia nhập Quốc tế, với ý đồ thay thế Điều lệ chung của Quốc tế bằng cái cương lĩnh ngẫu nhiên của ông ta đã bị Đồng minh bác bỏ, thay thế Tổng Hội đồng bằng sự độc tài cá nhân của ông ta. Để đạt mục đích đó, ông ta đã sáng tạo ra cho mình một công cụ riêng, đó là *Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế*, nhằm biến nó thành một Quốc tế trong Quốc tế.

Ba-cu-nin đã tìm thấy những phần tử cần thiết để lập ra cái đoàn thể ấy, trong số những người mà ông ta đã liên hệ trong thời gian ở I-ta-li-a và trong số một nhóm nhỏ những người Nga

lưu vong; họ giúp ông ta làm những phái viên mật và làm những người đi lôi kéo các hội viên của Quốc tế tại Thụy Sĩ, Pháp và Tây Ban Nha. Nhưng chỉ sau khi các Hội đồng liên chi hội ở Bỉ và ở Pa-ri cũng lại từ chối không thừa nhận "Đồng minh" thì Ba-cu-nin mới quyết định đưa ra Tổng Hội đồng thông qua bản điều lệ của đoàn thể mới của mình, bản điều lệ này chẳng qua chỉ là một sự sao lại y hệt cái cương lĩnh Béc-nơ "không sao hiểu nổi". Tổng Hội đồng đã đáp lại bằng thông tri sau đây ra ngày 22 tháng Chạp 1868<sup>20</sup>.

#### TỔNG HỘI ĐỒNG GỬI ĐỒNG MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ

Khoảng một tháng trước đây, một số công dân đã thành lập ở Giơ-ne-ơ, một *uỷ ban khởi xướng trung ương* của một đoàn thể quốc tế mới, mang tên là *Đồng minh dân chủ xã hội, chủ nghĩa quốc tế*, với "*sứ mệnh đặc biệt*" của mình "là nghiên cứu những vấn đề chính trị và triết học trên cơ sở nguyên tắc *bình đẳng vĩ đại*, v.v.".

Cương lĩnh và điều lệ do uỷ ban khởi xướng ấy in ra chỉ mới được thông báo cho Tổng Hội đồng liên hiệp công nhân quốc tế vào ngày 15 tháng Chạp 1868. Theo những văn kiện ấy thì Đồng minh nói trên "hoàn toàn hoà vào Quốc tế", đồng thời lại hoàn toàn được thành lập ngoài tổ chức ấy. Bên cạnh Tổng Hội đồng của Quốc tế được bầu ra tại các đại hội kế tiếp nhau ở Giơ-ne-ơ, Lô-dan và Bruy-xen thì theo điều lệ của những người khởi xướng, sẽ còn có một Tổng Hội đồng khác tự chỉ định ở Giơ-ve-ơ. Ngoài những chi hội địa phương của *Quốc tế* thì sẽ còn có những chi hội địa phương của Đồng minh, những chi hội này của Đồng minh, thông qua các ban thường vụ ở nước mình hoạt động ngoài các ban thường vụ của *Quốc tế* ở nước đó, "*sẽ đề nghị Trung ương cục của Đồng minh cho gia nhập Quốc tế*"; như vậy là Trung ương cục của Đồng minh nắm quyền cho gia

nhập *Quốc tế*. Cuối cùng, *đại hội toàn thể của Hội liên hiệp công nhân quốc tế* cũng sẽ có một người anh em sinh đôi là *đại hội toàn thể của Đồng minh*, bởi vì theo quy chế của những người khởi xướng thì đại hội đại biểu hàng năm của công nhân, đoàn đại biểu của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế, với tư cách là một phân bộ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, "*sẽ tiến hành những phiên họp công khai của mình tại một địa điểm riêng biệt*".

Xét thấy rằng:

sự tồn tại của một tổ chức quốc tế thứ hai vừa hoạt động bên trong, vừa hoạt động bên ngoài Hội liên hiệp công nhân quốc tế sẽ chắc chắn làm rối loạn tổ chức của Hội liên hiệp;

bất cứ một nhóm người nào khác ở bất cứ địa phương nào cũng sẽ có quyền bắt chước theo nhóm khởi xướng Giơ-ne-vơ, và viện những lý do ít nhiều có vẻ chính đáng để đưa những tổ chức quốc tế khác có sứ mệnh riêng biệt khác vào Hội liên hiệp công nhân quốc tế;

như vậy, Hội liên hiệp công nhân quốc tế ắt sẽ biến thành đồ chơi trong tay những kẻ âm mưu của bất cứ dân tộc nào và của bất cứ đảng phái nào;

ngoài ra, Điều lệ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế chỉ cho những chi hội địa phương và chi hội toàn quốc gia nhập Hội (xem điều I và điều IV của Điều lệ);

Các chi hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế bị cấm không được thông qua những điều lệ và quy chế tổ chức trái với Điều lệ chung và Quy chế tổ chức chung của Hội liên hiệp công nhân quốc tế (xem điều XII của quy chế tổ chức);

Điều lệ và Quy chế tổ chức của Hội liên hiệp công nhân quốc tế chỉ có thể do một đại hội toàn thể xem xét lại với điều kiện phải có hai phần ba số đại biểu có mặt tán thành (xem điều XIII của Quy chế tổ chức);

vấn đề này đã được giải quyết trước trong những nghị quyết chống *Đồng minh hoà bình* mà đại hội toàn thể ở Bruy-xen đã nhất trí thông qua;

trong những nghị quyết ấy, đại hội đã tuyên bố rằng sự tồn tại của *Đồng minh hoà bình* là hoàn toàn vô căn cứ, vì căn cứ theo những tuyên bố gần đây của nó thì mục đích và nguyên tắc của nó giống hệt với mục đích và nguyên tắc của Hội liên hiệp công nhân quốc tế;

một số thành viên trong nhóm khởi xướng của *Đồng minh*, với tư cách là đại biểu Đại hội Bruy-xen, đã bỏ phiếu tán thành những nghị quyết ấy;

Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế, trong phiên họp ngày 22 tháng Chạp 1868, nhất trí quyết định:

1. Tất cả những điều khoản trong Điều lệ của *Đồng minh* dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế quy định những quan hệ của nó với Hội liên hiệp công nhân quốc tế, đều bị tuyên bố xoá bỏ và vô hiệu;

2. Không thu nhận *Đồng minh* dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế và Hội liên hiệp công nhân quốc tế, như một chi hội.

Chủ tọa cuộc họp: **Ốt-gie-rơ**

Tổng thư ký: **R.Sô**

Luân Đôn, ngày 22 tháng Chạp 1868

Mấy tháng sau, *Đồng minh* lại viết thư cho Tổng Hội đồng và hỏi Tổng Hội đồng có *thừa nhận hay không* thừa nhận *những nguyên tắc* của *Đồng minh*? Nếu có thì *Đồng minh* tuyên bố sẵn sàng hoà vào trong các chi hội của *Quốc tế*. *Đồng minh* đã được trả lời bằng văn bản thông tri đề ngày 9 tháng Ba 1869 sau đây<sup>21</sup>:

## TỔNG HỘI ĐỒNG GỬI TRUNG ƯƠNG CỤC ĐỒNG MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ

Căn cứ theo điều I trong Điều lệ của chúng tôi, Hội liên hiệp kết nạp tất cả mọi đoàn thể công nhân cùng theo đuổi một mục tiêu chung, tức là: *bảo vệ lẫn nhau, phát triển và giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân*.

Vì các đội ngũ của giai cấp công nhân trong mỗi nước đều nằm trong những điều kiện phát triển khác nhau, nên dĩ nhiên là những quan điểm lý luận của họ phản ánh phong trào thực tế, cũng khác nhau.

Tuy nhiên, sự thống nhất hành động mà Hội liên hiệp công nhân quốc tế đã tạo ra, việc trao đổi tư tưởng mà cơ quan ngôn luận của các chi hội ở từng nước đã tạo điều kiện thuận lợi, và những cuộc tranh luận trực tiếp tại các đại hội đại biểu toàn thể, sẽ nhất định dần dần dẫn đến việc hình thành một cương lĩnh lý luận chung.

Như vậy, việc *xem xét có tính chất phê phán cương lĩnh của Đồng minh* không nằm trong chức năng của Tổng Hội đồng. Việc nghiên cứu xem cương lĩnh ấy có phản ánh hay không phản ánh đúng phong trào vô sản, đó không phải là nhiệm vụ của chúng tôi. Điều quan trọng đối với chúng tôi chỉ là cần biết cương lĩnh đó có điều gì trái với *phương hướng chung* của Hội liên hiệp chúng tôi, tức là trái với *việc giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân*, hay không. Trong cương lĩnh của các ngài có một câu không phù hợp với yêu cầu đó. Điều 2 viết:

"Trước hết, nó (tức Đồng minh) phấn đấu đạt tới *sự bình đẳng hoá về chính trị, kinh tế và xã hội của các giai cấp*".

*Sự bình đẳng hoá của các giai cấp*, hiểu theo nghĩa đen, chung quy lại là *sự hài hoà giữa tư bản và lao động* mà các nhà xã hội chủ nghĩa tư sản đang tuyên truyền đến phát ngấy. Không

phải *sự bình đẳng hoá các giai cấp* - đó là một điều vô lý, và trên thực tế không thể thực hiện được, mà ngược lại, mà ngược lại, *sự thủ tiêu các giai cấp*, điều bí mật thật sự của phong trào vô sản, mới là mục đích vĩ đại của *Hội liên hiệp công nhân quốc tế*.

Nhưng, nếu xem xét kỹ văn cảnh trong đó có câu " *sự bình đẳng hoá các giai cấp*" thì hình như nó đã nằm ở đó do một lỗi viết lầm. Tổng Hội đồng tin chắc rằng các ông không từ chối xoá đi trong cương lĩnh của các ông cái câu nói có thể dẫn đến những sự hiểu lầm rất nguy hiểm như vậy. Hội liên hiệp của chúng tôi, chiếu theo nguyên tắc của mình, cho phép mỗi chi hội được tự do xây dựng cương lĩnh lý luận của mình, trừ những trường hợp làm trái với phương hướng chung của Hội liên hiệp.

Bởi vậy, tuyệt nhiên không có cái gì làm trở ngại cho việc *biến* các chi hội của Đồng minh thành những chi hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Nếu vấn đề *giải tán Đồng minh và cho các chi hội của Đồng minh gia nhập Quốc tế* được giải quyết dứt khoát, thì căn cứ theo quy chế của chúng tôi, cần phải *báo cáo cho Tổng Hội đồng rõ về địa chỉ và số người của mỗi chi hội mới*.

### ***Phiên họp Tổng Hội đồng ngày 9 tháng Ba 1869***

Vì Đồng minh đã đồng ý những điều kiện đó, nên Tổng Hội đồng, bị một số chữ ký trên bản cương lĩnh của Ba-cu-nin đánh lừa, đã kết nạp Đồng minh vào Quốc tế, cho rằng Đồng minh đã được Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh ở Giơ-ne-vơ thừa nhận, kỳ thực thì trái lại, Ban chấp hành đó luôn luôn tránh liên hệ với nó. Thế là Đồng minh đã đạt được mục đích trước mắt của nó: giành được quyền đại diện tại Đại hội Ba-lơ. Mặc dù các tín đồ của Ba-cu-nin đã sử dụng những thủ đoạn bất chính - những thủ đoạn được dùng nhân dịp đó và chỉ một lần đó thôi - trong một đại hội đại biểu của Quốc

tế, Ba-cu-nin vẫn tính nhằm rằng đại hội đại biểu sẽ dời trụ sở của Tổng Hội đồng sang Giơ-ne-vơ và chính thức phê chuẩn cái điều xằng bậy theo thuyết Xanh-Xi-mông về việc xoá bỏ ngay tức khắc quyền thừa kế, một biện pháp mà Ba-cu-nin đề ra coi như điểm xuất phát thực tế của chủ nghĩa xã hội. Đó là một dấu hiệu báo trước cuộc chiến tranh công khai và liên tục của Đồng minh không chỉ chống Tổng Hội đồng, mà còn chống tất cả những chi hội của Quốc tế đã từ chối không thừa nhận cương lĩnh của bọn biệt phái này, và đặc biệt là cái học thuyết của bọn này về việc tuyệt đối không tham gia hoạt động chính trị.

Ngay trước Đại hội Ba-lơ, khi Ne-sa-ép đến Giơ-ne-vơ, Ba-cu-nin đã liên hệ với anh ta và lập ra ở Nga một hội kín trong đám sinh viên. Luôn luôn che giấu cái bộ mặt thật của mình dưới danh nghĩa đủ thứ "ủy ban cách mạng", ông ta cố giành lấy cái quyền lực vô hạn dựa trên những thủ đoạn lừa dối và loè bịp có thể có của thời đại Ca-li-ô-xtơ-rô. Phương pháp tuyên truyền chủ yếu của hội này là làm cho cảnh sát Nga tình nghi những người hoàn toàn vô tội, bằng cách gửi cho họ những bức thư từ Giơ-ne-vơ trong những phong bì màu vàng có in ở bên ngoài bằng chữ Nga, dấu của "Ủy ban cách mạng bí mật". Những báo cáo đã được công bố về vụ án Ne-sa-ép chứng minh một sự lạm dụng rất đê tiện danh nghĩa của *Quốc tế*<sup>1)</sup>.

Trong thời gian đó, Đồng minh bắt đầu luận chiến công khai với Tổng Hội đồng, thoát tiên trên tờ báo "Progrès"<sup>23</sup> xuất bản ở Lốc-lơ, về sau trên báo "Égalité"<sup>24</sup> ở Giơ-ne-vơ, cơ quan chính thức của Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, tờ báo mà trong đó, theo sau Ba-cu-nin, còn có một số hội viên của Đồng minh lọt vào. Tổng Hội đồng vốn coi thường những sự công kích của báo "Progrès", một cơ quan riêng của Ba-cu-nin, nhưng không

1) Sắp tới đây sẽ công bố những trích yếu trong vụ án Ne-sa-ép<sup>22</sup>. Độc giả sẽ tìm thấy trong đó mẫu mực của những quy tắc vô nghĩa và đồng thời ti tiện mà những người bạn của Ba-cu-nin đã gán cho *Quốc tế* trách nhiệm đối với những quy tắc ấy.

thể làm ngơ trước những sự công kích của báo "Égalité", vì nó cho rằng những sự công kích này đã được sự đồng ý của Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh. Vì vậy, Tổng Hội đồng đã công bố bản thông tri ngày 1 tháng Giêng 1870<sup>25</sup>, trong đó nói:

"Trên tờ báo "Égalité" ra ngày 11 tháng Chạp 1869, chúng tôi đọc thấy:

*"Không còn nghi ngờ gì nữa, Tổng Hội đồng coi thường những việc cực kỳ quan trọng. Chúng tôi xin nhắc để Tổng Hội đồng nhớ những nhiệm vụ của Tổng Hội đồng đã ghi trong điều 1 của Quy chế: Tổng Hội đồng có trách nhiệm phải chấp hành những quyết nghị của đại hội đại biểu, v.v.. Chúng tôi có thể nêu ra cho Tổng Hội đồng khá nhiều câu hỏi mà việc trả lời phải là một văn kiện khá dài. Chúng tôi sẽ làm việc đó sau này... Còn bây giờ thì v.v.."*

Tổng Hội đồng không hề thấy trong Điều lệ cũng như trong Quy chế có một điều khoản nào buộc nó phải trao đổi thư từ hoặc tranh luận với báo "Égalité" hay "trả lời những câu hỏi" của báo chí. Đối với Tổng Hội đồng thì chỉ có Ban chấp hành Liên chi hội ở Giơ-ne-vơ mới là đại diện của các chi hội Thụy Sĩ vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh. Nếu Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh chất vấn hoặc chỉ trích chúng tôi bằng một con đường hợp pháp duy nhất, tức là thông qua bí thư của mình, thì Tổng Hội đồng sẽ luôn luôn sẵn sàng trả lời. Nhưng Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh không có quyền nhường chức trách của mình cho ban biên tập tờ "Égalité" và tờ "Progrès", cũng chẳng có quyền để cho những tờ báo này chiếm đoạt chức trách của mình. Nói chung, nếu đem công bố những thư từ giữa Tổng Hội đồng với các ban chấp hành ở từng nước và từng địa phương về những vấn đề tổ chức thì không tránh khỏi gây tác hại lớn cho lợi ích chung của Hội liên hiệp. Thực vậy, nếu như các cơ quan ngôn luận khác của Quốc tế cũng bắt chước theo báo "Progrès" và báo "Égalité" thì Tổng Hội đồng ắt sẽ phải lựa chọn một trong hai điều: hoặc là sẽ mất uy tín

đối với công chúng khi cứ lặng thinh; hoặc là làm sai trách nhiệm của mình nếu cứ trả lời công khai. Báo "Égalité" đã cùng với báo "Progrès" *đề nghị* với báo "Travail"<sup>26</sup> ở Pa-ri là báo này cũng đả kích Tổng Hội đồng. Đây chẳng phải là cái Liên minh về phúc lợi công cộng thì còn là cái gì<sup>27</sup>!"

Thế nhưng, trước khi xem thông tri này thì Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh đã đuổi những người ủng hộ Đồng minh ra khỏi ban biên tập báo "Égalité" rồi.

Thông tri ra ngày 1 tháng Giêng 1870, cũng như các thông tri ra ngày 22 tháng Chạp 1868 và ngày 9 tháng Ba 1869, đã được tất cả các chi hội của Quốc tế tán thành.

Hiển nhiên là Đồng minh không hề chấp hành bất cứ một điều kiện nào mà nó đã chấp nhận. Cái gọi là những chi hội của nó vẫn là một bí mật đối với Tổng Hội đồng. Ba-cu-nin cố sức khống chế, dưới sự lãnh đạo của cá nhân mình, một số nhóm phân tán ở Tây Ban Nha và ở I-ta-li-a và cả các chi hội Na-plơ đã tách khỏi Quốc tế vì chịu ảnh hưởng của ông ta. Trong những thành phố khác ở I-ta-li-a, ông ta đã duy trì quan hệ với một số nhóm nhỏ không phải do công nhân mà do luật sư, nhà báo và các nhà không luận tư sản khác hợp thành. Ở Bác-xê-lô-na thì nhờ có một số bạn bè mà ảnh hưởng của ông ta vẫn được duy trì. Trong một vài thành thị miền Nam nước Pháp, Đồng minh đã tìm cách thành lập những chi hội có tính chất phân lập chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của An-béc Ri-sác và Ga-xpác Blăng ở Ly-ông, về những chi hội ấy sau này sẽ còn phải bàn đến. Nói tóm lại, một hội quốc tế tiếp tục hoạt động trong nội bộ Quốc tế.

Đồng minh đã dự tính giáng một đòn quyết định, tức là mưu toan chiếm quyền lãnh đạo các chi hội Thụy Sĩ vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, tại đại hội đại biểu ở Sô-đơ-Phôn khai mạc ngày 4 tháng Tư 1870.

Cuộc đấu tranh đã bắt đầu về vấn đề quyền tham gia đại hội của các đại biểu của Đồng minh, cái quyền đã bị bác bỏ bởi các

đại biểu của Liên chi hội Giơ-ne-vơ và của các chi hội Sô-đơ-Phôn.

Tuy những người ủng hộ Đồng minh, theo sự tính toán riêng của họ, chỉ đại biểu cho một phần năm hội viên của Liên chi hội, nhưng do diễn lại cái thủ đoạn xảo trá ở Ba-lơ, họ đã bảo đảm được cho họ cái đa số giả tạo hơn một vài phiếu; cái đa số mà theo lời của cơ quan ngôn luận của chính họ (xem báo "Solidarité"<sup>28</sup> ngày 7 tháng Năm 1870) chỉ đại diện cho *mười lăm* chi hội, trong khi chỉ riêng Giơ-ne-vơ đã có ba mươi chi hội! Do kết quả của việc bỏ phiếu, đại hội đại biểu vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh chia thành hai bộ phận, hai bộ phận này tiếp tục khai hội riêng. Những người tán thành Đồng minh tự coi mình là đại diện hợp pháp của toàn Liên chi hội, đã đòi trụ sở của Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh đến Sô-đơ-Phôn và thành lập ở Nơ-sa-ten cơ quan chính thức của mình, tờ "Solidarité", do công dân Ghi-ôm chủ biên. Sứ mệnh đặc biệt của người cầm bút trẻ tuổi này là nói xấu những công nhân "công xưởng" ở Giơ-ne-vơ<sup>29</sup>, những bọn "tư sản" đáng căm ghét ấy, là tiến hành đấu tranh với cơ quan ngôn luận "Égalité" của Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh và tuyên truyền việc hoàn toàn không tham gia hoạt động chính trị. Những tác giả của những bài báo đáng chú ý nhất về chủ đề này là Ba-xtê-li-ca ở Mác-xây và hai trụ cột lớn của Đồng minh là An-béc Ri-sác và Ga-xpác Blăng ở Ly-ông.

Sau khi trở về, các đại biểu Giơ-ne-vơ đã triệu tập đại hội toàn thể của các chi hội của mình, đại hội đã tán thành hành động của họ tại đại hội đại biểu ở Sô-đơ-Phôn bất chấp sự phản đối của Ba-cu-nin và bạn bè ông ta. Chẳng bao lâu sau, Ba-cu-nin và những tên tay sai tích cực nhất của ông ta đã bị khai trừ ra khỏi Liên chi hội cũ ở vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh.

Đại hội đại biểu vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh vừa mới bế mạc thì Ban chấp hành mới ở Sô-đơ-Phôn đã viết một bức thư

yêu cầu Tổng Hội đồng can thiệp, người ký tên vào bức thư là Ph.Rô-bóc với tư cách thư ký và Hăng-ri Sơ-va-li-ê, với tư cách chủ tịch; hai tháng sau Sơ-va-li-ê bị cơ quan ngôn luận của ban chấp hành này là tờ "Solidarité", ra ngày 9 tháng Bảy, tố cáo là một *tên ăn cắp*. Sau khi xem xét văn kiện do hai bên đưa ra thì ngày 28 tháng Sáu 1870, Tổng Hội đồng quyết định vấn đề cho Ban chấp hành Liên chi hội ở Giơ-ne-vơ giữ nguyên chức năng trước đây của nó và kiến nghị Ban chấp hành Liên chi hội mới ở Sô-đơ-Phôn lấy một tên gọi địa phương nào đó<sup>30</sup>. Thất vọng về quyết định đó, Ban chấp hành ở Sô-đơ-Phôn đã tố cáo là Tổng Hội đồng hành động theo *chủ nghĩa quyền uy*, mà quên mất rằng chính nó là kẻ đầu tiên đã đòi Tổng Hội đồng phải can thiệp. Tình trạng rối loạn mà nó đã gây ra trong Liên chi hội Thụy Sĩ do cố tình chiếm đoạt cái tên gọi của Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, đã buộc Tổng Hội đồng phải cắt đứt mọi quan hệ chính thức với nó.

Không bao lâu trước đó, Lu-i Bô-na-pác-tơ cùng với đội quân của mình đã đầu hàng tại Xê-đăng. Từ khắp mọi phía, các hội viên của Quốc tế đều lên tiếng phản đối việc tiếp tục chiến tranh. Trong lời kêu gọi ra ngày 9 tháng Chín, Tổng Hội đồng đã vạch trần kế hoạch xâm lược của Phổ, chỉ rõ thắng lợi của Phổ là nguy hiểm cho sự nghiệp của giai cấp vô sản và báo trước cho công nhân Đức biết rằng họ sẽ trở thành vật hi sinh đầu tiên của thắng lợi ấy<sup>31</sup>. Ở nước Anh, Tổng Hội đồng đã triệu tập những cuộc *mít-tinh* chống lại những khuynh hướng thân Phổ của triều đình nước Anh. Ở nước Đức, những công nhân là hội viên Quốc tế đã tổ chức biểu tình thị uy đòi phải thừa nhận nước cộng hoà và "một nền hoà bình danh dự cho nước Pháp"...

Song le, bản chất hiếu chiến của Ghi-ôm (ở Nơ-sa-ten) sôi sục nhiệt tình đã làm cho ông ta bật ra một ý nghĩ hay là ra một bản tuyên ngôn *vô danh*, công bố tuyên ngôn ấy dưới đầu đề "Đoàn kết" thành phụ trương của cơ quan ngôn luận chính thức "Solidarité", yêu cầu tổ chức những đạo quân tình nguyện Thụy Sĩ để đánh quân Phổ;

điều mà hiển nhiên là những quan điểm không tham gia của bản thân Ghi-ôm đã cản trở ông ta tiến hành<sup>32</sup>.

Cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ ở Ly-ông<sup>33</sup>. Ba-cu-nin đã học tốc tới đó và nhờ có sự giúp đỡ của An-béc Ri-sác, Ga-xpác Blăng và Ba-xtê-li-ca nên ngày 28 tháng Chín, ông ta đã đặt chân được vào toà thị chính, nhưng *đã tránh* bố trí bảo vệ xung quanh vì coi đó là hành động chính trị. Ông ta đã bị một vài lính cận vệ quốc gia đuổi ra khỏi nơi đó một cách nhục nhã vào ngay lúc mà sau nhiều cơn đau đẻ dữ dội, bản sắc lệnh của ông ta về việc *thủ tiêu nhà nước* đã ra đời.

Vào tháng Mười 1870, do thiếu những uỷ viên nước Pháp, Tổng Hội đồng đã bổ sung thêm công dân Pôn Rô-bin, một người lưu vong từ Bre-xtơ đến, một trong những kẻ nổi tiếng nhất trong việc ủng hộ Đồng minh, hơn thế còn là tác giả của những bài báo công kích Tổng Hội đồng trên tờ "Égalité", và từ đó, không ngừng hoạt động trong Tổng Hội đồng với tư cách là một thông tin viên bán chính thức của Ban chấp hành ở Sô-đơ-Phôn. Ngày 14 tháng Ba 1871, ông ta đề nghị triệu tập một hội nghị đại biểu bí mật để giải quyết vụ xung đột Thụy Sĩ. Thấy trước rằng những sự kiện trọng đại đang chín muồi ở Pa-ri, Tổng Hội đồng đã bác bỏ đề nghị đó một cách thẳng thừng, Rô-bin đã mấy lần quay trở lại vấn đề đó và thậm chí đã đề nghị Tổng Hội đồng ra quyết nghị dứt khoát về vụ xung đột đó. Ngày 25 tháng Bảy, Tổng Hội đồng quyết định đưa việc này vào trong số những vấn đề được đưa ra xem xét tại hội nghị đại biểu sẽ được triệu tập vào tháng Chín 1871.

Vì hoàn toàn không muốn để cho những âm mưu của nó bị một hội nghị đại biểu điều tra nên ngày 10 tháng Tám, Đồng minh tuyên bố rằng nó đã được giải tán từ ngày 6 tháng đó<sup>34</sup>. Nhưng ngày 15 tháng Chín, nó lại xuất hiện và yêu cầu Tổng Hội đồng kết nạp nó với cái tên "*Chi hội của những người xã hội chủ nghĩa vô thần*". Căn cứ theo nghị quyết V của Đại hội Ba-lơ về vấn đề tổ chức<sup>35</sup>, Tổng Hội đồng không có quyền kết



nap nó, nếu không hỏi ý kiến của Ban chấp hành Liên chi hội Giơ-ne-vơ, một ban chấp hành đã gánh lấy trọng trách đấu tranh chống những chi hội biệt phái chủ nghĩa, trong suốt hai năm. Và lại, Tổng Hội đồng cũng đã tuyên bố với những hội công nhân Cơ Đốc giáo Anh (Young men's Christian Association<sup>1\*</sup>) rằng Quốc tế không thừa nhận những chi hội theo thuyết hữu thần.

Ngày 6 tháng Tám, ngày giải tán Đồng minh, Ban chấp hành Liên chi hội Sô-đơ-Phôn lại đưa ra yêu cầu thiết lập quan hệ chính thức với Tổng Hội đồng và tuyên bố với Tổng Hội đồng rằng nó sẽ tiếp tục phủ nhận nghị quyết ngày 28 tháng Sáu và đối với phía Giơ-ne-vơ, nó vẫn tiếp tục tự coi là Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, rằng "vấn đề này phải do đại hội toàn thể giải quyết". Ngày 4 tháng Chín, cũng ban chấp hành đó lại gửi kháng nghị bác bỏ thẩm quyền của hội nghị đại biểu, tuy rằng nó đã nêu lên trước tiên vấn đề triệu tập hội nghị đại biểu đó. Về phía mình, hội nghị đại biểu cũng có thể hỏi rằng thẩm quyền của Hội đồng Liên chi hội Pa-ri, kể trước khi Pa-ri bị bao vây đã được Ban chấp hành đó yêu cầu ra quyết nghị về vấn đề xung đột<sup>36</sup> Thụy Sĩ, là thẩm quyền như thế nào? Nhưng hội nghị đại biểu chỉ giới hạn ở chỗ chuẩn y quyết nghị của Tổng Hội đồng ra ngày 28 tháng Sáu 1870 (xin xem lý do của việc đó trong báo "Égalité" ở Giơ-ne-vơ ra ngày 21 tháng Mười 1871<sup>37</sup>)

### III

Sự có mặt của một số người Pháp lưu vong đến lánh nạn ở Thụy Sĩ đã làm cho Đồng minh nhận nhiệm vụ lên phần nào.

Các hội viên của Quốc tế ở Giơ-ne-vơ đã giúp những người lưu vong tất cả những việc gì mà sức họ có thể giúp được. Ngay từ những ngày đầu tiên, họ đã bảo đảm việc trợ giúp cho những

1\*- Hội liên hiệp thanh niên Cơ Đốc giáo

người lưu vong ấy và bằng một công tác cổ động rộng lớn, đã ngăn cản chính quyền Thụy Sĩ đồng ý giao trả những người lưu vong theo yêu cầu của Chính phủ Véc-xay. Nhiều người đã phải trải qua những nỗi nguy hiểm lớn khi sang nước Pháp để giúp những người chạy trốn vượt qua biên giới. Công nhân Giơ-ne-vơ đã kinh ngạc biết mấy khi họ thấy rằng một số thủ lĩnh, như B.Ma-lông<sup>1)</sup>, đã lập tức đặt quan hệ với những người trong Đồng minh và với sự giúp đỡ của ông N.Giu-cốp-xki, nguyên thư ký của Đồng minh, đã tìm cách thành lập ở Giơ-ne-vơ một "Chi hội tuyên truyền và hành động cách mạng xã hội chủ nghĩa"<sup>39</sup> mới, đứng ngoài Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh. Trong điểm thứ nhất của Điều lệ, chi hội này tuyên bố rằng, nó

"chấp nhận Điều lệ chung của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, nhưng vẫn dành cho mình toàn bộ quyền tự do hành động và khởi xướng, cái quyền mà nó nhận được như là một kết quả lô-gích của nguyên tắc tự trị và liên hiệp mà Điều lệ và các đại hội đại biểu của Hội liên hiệp đã thừa nhận".

1) Những người bạn của ông B.Ma-lông đã ba tháng nay cứ lải nhải quảng cáo rùm beng ông ta là người sáng lập Quốc tế và gọi cuốn sách của ông ta<sup>38</sup> là một tác phẩm khách quan duy nhất về Công xã, thì liệu có biết lập trường của người trợ thủ này của viên khu trưởng khu Ba-ti-nhô-lơ trước ngày bầu cử tháng Hai là như thế nào không? Lúc bấy giờ, B.Ma-lông vẫn chưa dự kiến trước được là sẽ có Công xã và chỉ muốn làm sao mình được bầu vào quốc hội, nên đã thi thố mọi âm mưu để được đưa vào danh sách của bốn uỷ ban bầu cử, với tư cách là hội viên của Quốc tế. Với mục đích ấy, ông ta đã phủ nhận một cách vô liêm sỉ sự tồn tại của Hội đồng Liên chi hội Pa-ri và trao cho các uỷ ban một bản danh sách của chi hội mà ông ta đã thành lập ở Ba-ti-nhô-lơ, mạo nhận là bản danh sách do toàn thể Hội liên hiệp đưa ra. Sau đó, ngày 19 tháng Ba, trong một văn kiện chính thức, ông ta đã lăng mạ thậm tệ những người lãnh đạo của cuộc đại cách mạng xảy ra ngày hôm trước. Hiện giờ, con người vô chính phủ từ đầu chí chân ấy đang in hoặc để cho người ta in ra những điều mà cách đây một năm, ông ta còn nói với bốn uỷ ban: "Quốc tế chính là tôi!" B.Ma-lông đã khéo bắt trước đồng thời cả Lu-i XIV, lẫn chủ xưởng sô-cô-la Pe-rôn. Ông chủ xưởng này há chẳng đã tuyên bố rằng *chỉ* có sô-cô-la của ông ta...mới có thể ăn được đó sao!

Nói một cách khác, nó vẫn dành cho nó toàn bộ quyền tự do tiếp tục sự nghiệp của Đồng minh.

Ngày 20 tháng Mười 1871, Ma-lông đã gửi cho Tổng Hội đồng một bức thư, trong đó chi hội mới này đã yêu cầu lần thứ ba, tiếp nhận nó vào Quốc tế. Căn cứ theo nghị quyết V của Đại hội Ba-lơ, Tổng Hội đồng đã hỏi ý kiến của Ban chấp hành Liên chi hội Giơ-ne-vơ, Ban chấp hành này đã kịch liệt phản đối việc Tổng Hội đồng thừa nhận "cái lò âm mưu và tranh chấp" mới đó. Thật vậy, Tổng Hội đồng đã tỏ ra khá là "quyền uy chủ nghĩa" để không muốn áp đặt những ý chí của B.Ma-lông và của N.Giu-cốp-xki, cựu thư ký của Đồng minh, cho toàn thể Liên chi hội.

Khi tờ "Solidarité" không tồn tại nữa, những tín đồ mới của Đồng minh đã sáng lập tờ "Révolution Sociale"<sup>40</sup>, dưới sự lãnh đạo tối cao của bà Ăng-đrê Lê-ô, là người trước đó không lâu, đã tuyên bố tại Đại hội của Đồng minh hoà bình ở Lô-dan như sau:

"Ra-un Ri-gô và Phe-rê là hai nhân vật cực ác của Công xã, là những kẻ trước đó (trước khi những con tin bị xử tử), đã không ngớt yêu cầu dùng những biện pháp đẫm máu, song luôn luôn uống công vô ích"<sup>41</sup>.

Ngày từ số đầu tiên, tờ báo đã vội vàng đứng ngang hàng với báo "Figaro", báo "Gaulois", báo "Paris - Journal"<sup>42</sup> và những tờ báo bản thủ khác, đăng lại những lời của chúng công kích Tổng Hội đồng một cách đê tiện. Tờ báo ấy cho rằng thời cơ là thuận lợi để nhen lên ngọn lửa thù hằn dân tộc ngay cả trong nội bộ Quốc tế. Theo nó thì Tổng Hội đồng là một uỷ ban Đức thị lãnh đạo bởi một người mang khí chất của Bít-xmác<sup>1)</sup>

1) Đây là thành phần dân tộc của Tổng Hội đồng ấy: 20 người Anh, 15 người Pháp, 7 người Đức (trong đó có 5 người sáng lập Quốc tế), 2 người Thụy Sĩ, 2 người Hung-ga-ri, 1 người Ba Lan, 1 người Bỉ, 1 người Ai-rơ-len, 1 người Đan Mạch và 1 người I-ta-li-a.

Sau khi thấy rõ rằng một vài uỷ viên của Tổng Hội đồng không thể tự khoe khoang mình là "*người Gô-loa trên hết*", tờ "Révolution Sociale" chỉ còn cách là chộp lấy khẩu hiệu thứ hai mà cảnh sát châu Âu đã làm lan truyền, và lớn tiếng tố cáo *chủ nghĩa quyền uy* của Tổng Hội đồng.

Những sự việc mà người ta định dùng để biện bạch cho những lời la hét nhảm nhí trẻ con ấy là những gì? Tổng Hội đồng đã để cho Đồng minh chết một cách tự nhiên và đồng ý với Ban chấp hành Liên chi hội Giơ-ne-vơ, đã không cho nó sống trở lại. Ngoài ra, Tổng Hội đồng còn đề nghị với Ban chấp hành Sô-lơ-Phôn lấy một tên gọi cho phép nó sống hoà thuận với tuyệt đại đa số hội viên Quốc tế ở Thụy Sĩ vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh.

Ngoài những hành động "quyền uy chủ nghĩa" ấy ra thì trong thời kỳ từ tháng Mười 1869 đến tháng Mười 1871, Tổng Hội đồng đã sử dụng như thế nào những quyền hạn khá rộng rãi mà Đại hội Ba-lơ đã trao cho nó?

1. Ngày 8 tháng Hai 1870, "Hội những người vô sản thực chứng chủ nghĩa" ở pa-ri yêu cầu Tổng Hội đồng cho gia nhập Quốc tế. Tổng Hội đồng đã trả lời rằng những nguyên tắc thực chứng chủ nghĩa, có liên quan đến tư bản, được trình bày trong điều lệ riêng của hội là trái rõ ràng với phần mở đầu của Điều lệ chung; bởi vậy, cần phải xoá bỏ những nguyên tắc ấy và gia nhập Quốc tế không phải với tư cách là "những người thực chứng chủ nghĩa", mà với tư cách là "những người vô sản" nhưng vẫn có thể dành cho mình quyền tự do làm cho những quan điểm lý luận của mình phù hợp với những nguyên tắc chung của Hội liên hiệp. Sau khi thừa nhận sự đúng đắn của quyết định đó, chi hội đã gia nhập quốc tế.

2. Ở Ly-ông, đã xảy ra sự chia rẽ giữa Chi hội năm 1865 và một chi hội mới được thành lập, trong đó, ngoài những công nhân chính trực ra, còn có An-béc Ri-sác và Ga-xpác Blăng là những

đại diện của Đồng minh. Cũng như thường lệ, trong những trường hợp tương tự, quyết định của toà án trọng tài, được thành lập ở Thụy Sĩ, không được thừa nhận. Ngày 15 tháng Hai 1870, chi hội mới không những yêu cầu. Tổng Hội đồng căn cứ vào nghị quyết VII của Đại hội Ba-lơ, mà ra quyết nghị về việc xung đột đó, mà còn gửi cho Tổng Hội đồng một bản quyết nghị làm sẵn, lên án sự dè tiện của những thành viên chi hội năm 1865 và khai trừ họ ra khỏi quốc tế, và người ta đề nghị Tổng Hội đồng ký tên vào quyết nghị đó và gửi trả lại *bằng bưu điện*. Tổng Hội đồng đã chỉ trích cái cách làm chưa từng thấy đó và đòi phải có bằng chứng. Đáp lại cũng yêu cầu đó, Chi hội năm 1865 trả lời rằng những tài liệu buộc tội An-béc Ri-sác được trình lên toà án trọng tài đã bị Ba-cu-nin chiếm lấy và không chịu trả lại, vì thế Chi hội không thể hoàn toàn thoả mãn ý muốn của Tổng Hội đồng được. Quyết nghị ngày 8 tháng Ba của Tổng Hội đồng về vấn đề này không hề bị bên nào phản đối cả.

3. Chi hội Pháp ở Luân Đôn, do tiếp nhận vào hàng ngũ của mình những phần tử hết sức khả nghi, dần dà biến thành một công ty cổ phần đặc biệt, trong đó ngài Phê-lích-xơ Pi-a tha hồ làm ăn không bị ai giám sát cả. Ông ta lợi dụng chi hội này để tổ chức những cuộc tuần hành làm mất uy tín đòi giết L. Bô-na-pác-tơ, v.v., và để lấy danh nghĩa Quốc tế mà phổ biến trong nước Pháp những tuyên ngôn lối bịch của mình. Tổng Hội đồng chỉ tuyên bố trên các cơ quan báo chí của Hội liên hiệp nói rằng ông Pi-a không phải là một hội viên của Quốc tế và Quốc tế không thể chịu trách nhiệm về những hành vi và việc làm cuồng vọng của ông ta<sup>43</sup>. Thế là Chi hội Pháp tuyên bố rằng nó không thừa nhận Tổng Hội đồng và cũng chẳng thừa nhận các đại hội đại biểu; nó dán trên những bức tường Luân Đôn những biểu ngữ nói rằng trừ chi hội đó ra, cả Quốc tế là một hội phản cách mạng. Các hội viên Quốc tế của nước Pháp đã bị bắt, ngay trước hôm trưng cầu dân ý, với cái cố là họ tham gia hoạt động âm mưu; thực ra thì hoạt động âm mưu đó

là do cơ quan cảnh sát bịa đặt ra, nhưng lại được những tuyên ngôn của bọn Pi-a làm như thế là có thật, nên Tổng Hội đồng buộc phải công bố trên tờ "Marseillaise" và tờ "réveil" nghị quyết của mình ngày 10 tháng Năm 1870, trong đó tuyên bố rằng từ hơn hai năm nay, cái gọi là chi hội người Pháp đã không còn thuộc Quốc tế nữa và những hành động của nó đều là việc làm của lũ chó săn của cơ quan cảnh sát<sup>44</sup>. Tuyên bố của Hội đồng Liên chi hội Pa-ri trên cũng những tờ báo ấy và cả tuyên bố của những hội viên Quốc tế Pa-ri trong thời gian tiến hành vụ án của họ đều đã chứng thực sự cần thiết phải dùng biện pháp đó; cả hai bản tuyên bố đều dựa vào nghị quyết của Tổng Hội đồng. Chi hội Pháp đã bị tan rã vào đầu cuộc chiến tranh, nhưng cũng như Đồng minh ở Thụy Sĩ, chi hội ấy lại xuất hiện ở Luân Đôn với những bạn đồng minh mới và với những tên gọi khác.

Vào những ngày cuối của hội nghị đại biểu ở Luân Đôn, những người lưu vong của Công xã đã thành lập một chi hội Pháp năm 1871, gồm khoảng 35 hội viên. Hành động "quyền uy chủ nghĩa" đầu tiên của Tổng Hội đồng là công khai vạch mặt tên Guy-xta-vơ Duy-răng, thư ký của chi hội ấy, là mật thám của cơ quan cảnh sát Pháp<sup>45</sup>. Những tài liệu hiện có trong tay chúng tôi chứng minh rằng cơ quan cảnh sát có ý định thoạt đầu thì tìm cách làm cho Duy-răng được tham gia hội nghị đại biểu, rồi sau đó đưa hắn vào Tổng Hội đồng. Vì điều lệ của chi hội mới này quy định cho hội viên của nó "không được chấp nhận bất cứ một sự uỷ nhiệm nào vào Tổng Hội đồng ngoài sự uỷ nhiệm của chi hội mình", cho nên những công dân Tây-xơ và Ba-xtê-li-ca đã rút ra khỏi Tổng Hội đồng.

Ngày 17 tháng Mười, chi hội đã cử vào Tổng Hội đồng hai hội viên của mình, với giấy uỷ nhiệm hạn chế, một người trong đó không phải ai khác mà chính là ông Sô-ta-rơ, nguyên uỷ viên của uỷ ban pháo binh. Tổng Hội đồng từ chối không nhận họ

vào Tổng Hội đồng khi chưa xem xét điều lệ của Chi hội năm 1871<sup>1)</sup>. Ở đây chỉ cần nhắc lại những điểm chính của cuộc tranh luận do điều lệ này gây nên.

Điều 2 nói:

"Muốn được nhận làm thành viên của chi hội, cần phải cho biết rõ nguồn sống của mình, phải có sự bảo đảm về đạo đức v.v.."

Trong nghị quyết ra ngày 17 tháng Mười 1871<sup>46)</sup>, Tổng Hội đồng đã đề nghị xoá mấy chữ: "*cho biết rõ nguồn sống của mình*".

Tổng Hội đồng tuyên bố: "Trong trường hợp nghi vấn, chi hội có thể điều tra tìm hiểu nguồn sống coi là "bảo đảm về đạo đức", mặc dù trong nhiều trường hợp khác, - chẳng hạn khi nói đến những người lưu vong, những công nhân bãi công, v.v., - việc thiếu nguồn sống có thể hoàn toàn coi là bảo đảm về đạo đức. Nhưng nếu như đòi hỏi người xin gia nhập phải cho biết rõ nguồn sống của mình coi như điều kiện chung của việc gia nhập Quốc tế thì đó sẽ là một cách làm mới theo kiểu tư sản, trái với lời văn và tinh thần của Điều lệ chung". Chi hội đã đáp lại rằng,

"Điều lệ chung buộc các chi hội phải chịu trách nhiệm về đạo đức của hội viên của mình, do đó, thừa nhận các chi hội có quyền đòi hỏi những bảo đảm mà *chi hội coi là cần thiết*".

Ngày 7 tháng Mười một Tổng Hội đồng đã bác bỏ điều đó<sup>47)</sup>:

"Theo quan điểm ấy thì một chi hội Quốc tế do *teetotalers* (những hội viên của hội kiêng rượu) lập nên cũng có thể ghi vào bản điều lệ địa phương của mình một điều khoản đại loại như thế này: "Muốn được nhận làm hội viên của chi hội thì phải thể kiêng tất cả mọi thứ rượu". Nói tóm lại, các chi hội có thể đặt ra, trong

1) Một thời gian sau, cái ông Sô-ta-rô mà người ta muốn buộc Tổng Hội đồng phải nhận, đã bị đuổi ra khỏi chi hội của mình vì là mật thám của Chi-e. Hắn bị vạch mặt bởi chính những người đã cho rằng hắn là người xứng đáng nhất đại diện cho họ ở Tổng Hội đồng.

điều lệ địa phương của mình, những điều kiện lối bịch nhất và hết sức linh tinh cho việc gia nhập Quốc tế, với lý do là có làm như thế thì mới có thể tin chắc vào đạo đức của những hội viên của mình được... "Quỹ bãi công", - Chi hội Pháp năm 1871 nói thêm, - "là nguồn sống của công nhân bãi công". Về điểm này thì trước hết có thể bác bỏ rằng quỹ bãi công thường là hữu danh vô thực... Hơn thế nữa, những cuộc điều tra chính thức của nước Anh đã chứng tỏ rằng đại bộ phận công nhân nước Anh... - khi thì do bãi công hoặc do thất nghiệp, khi thì do tiền lương không đủ và do đã đến hạn phải trả tiền rồi, hoặc do nhiều nguyên nhân khác nữa - buộc phải luôn luôn đi cầm đồ và *vay nợ*. Đó là những nguồn sống mà người ta không thể nào đòi hỏi phải cho biết rõ, nếu không dùng một biện pháp không được phép: tức là can thiệp vào đời sống riêng tư của công dân. Như vậy là phải chọn một trong hai điều sau đây: hoặc là chi hội tìm hiểu nguồn sống chỉ là tìm những bảo đảm về đạo đức, nhưng nếu thế thì đề nghị của Tổng Hội đồng là phù hợp với mục đích ấy... Hoặc là chi hội, trong điều 2 của điều lệ của mình, cố ý nói tới việc cho biết rõ nguồn sống, coi đó là điều kiện gia nhập chi hội, *ngoài* những bảo đảm về đạo đức... Nếu thế thì Tổng Hội đồng khẳng định rằng đó là một cách làm mới theo kiểu tư sản trái với lời văn và tinh thần của Điều lệ chung".

Điều 11 của Điều lệ của họ nói:

"Một hoặc một vài đại biểu sẽ được cử vào Tổng Hội đồng".

Tổng Hội đồng yêu cầu xoá bỏ điều khoản này, "vì Điều lệ chung của Quốc tế không thừa nhận các chi hội có quyền cử đại biểu vào Tổng Hội đồng". Tổng Hội đồng nói thêm: "Điều lệ chung chỉ thừa nhận có hai phương thức lựa chọn uỷ viên của Tổng Hội đồng: hoặc là đại hội đại biểu bầu ra họ, hoặc là Tổng Hội đồng chỉ định bổ sung họ..."

Thực vậy, các chi hội ở Luân Đôn lúc bấy giờ đã được đề nghị cử đại biểu của mình vào Tổng Hội đồng; để không vi phạm Điều

lệ chung. Tổng Hội đồng luôn luôn làm như sau: trước hết, quy định số lượng đại biểu mà mỗi chi hội được cử, trong khi đó vẫn dành cho mình quyền chấp nhận hoặc bác bỏ họ, tùy theo Tổng Hội đồng nhận định họ có khả năng hoàn thành những chức năng lãnh đạo chung được giao hay không. Những đại biểu này trở thành những uỷ viên của Tổng Hội đồng, không phải là vì họ là đại biểu do chi hội cử, mà là do quyền mà Điều lệ chung đã giao cho Tổng Hội đồng được chỉ định bổ sung uỷ viên mới. Trước khi có nghị quyết do hội nghị đại biểu gần đây thông qua, Hội đồng ở Luân Đôn đã hoạt động vừa với tư cách Tổng Hội đồng Hội liên hiệp quốc tế, vừa với tư cách Hội đồng trung ương nước Anh, vì vậy nó cho là hợp lý nếu như ngoài những uỷ viên mà nó trực tiếp chỉ định bổ sung ra, còn nhận cả những uỷ viên trước hết do các chi hội hữu quan đề cử. Sẽ là một sai lầm lớn nếu coi thể lệ bầu cử Tổng Hội đồng và thể lệ bầu cử Hội đồng Liên chi hội Pa-ri là như nhau; Hội đồng liên chi hội này thậm chí cũng không phải là một hội đồng có tính chất toàn quốc do đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra, chẳng hạn như Hội đồng Liên chi hội Bruy-xen hoặc Hội đồng Liên chi hội Ma-đrít. Hội đồng Liên chi hội Pa-ri chỉ bao gồm những đại biểu của các chi hội Pa-ri... Thể lệ bầu cử Tổng Hội đồng là do Điều lệ chung quy định, và những thành viên của Tổng Hội đồng không thể nhận một uỷ nhiệm hạn chế nào khác ngoài Điều lệ chung và Quy chế ra... Nếu xét điều khoản ở trên nó thì rõ ràng là điều 11 không có một ý nghĩa nào khác hơn là hoàn toàn làm thay đổi thành phần của Tổng Hội đồng và, trái với điều 3 của Điều lệ chung, làm cho Tổng Hội đồng biến thành hội nghị đại biểu của các chi hội Luân Đôn, trong đó ảnh hưởng của toàn Hội liên hiệp công nhân quốc tế sẽ bị thay thế bằng ảnh hưởng của các tổ chức địa phương". Cuối cùng, Tổng Hội đồng mà nhiệm vụ đầu tiên của nó là phải chấp hành nghị quyết của Đại hội đại biểu (xem điều 1 của Quy chế tổ chức đã được Đại hội đại biểu ở Giơ-ne-vơ thông qua), đã tuyên bố rằng "những quan điểm do Chi

hội Pháp năm 1871 nêu ra về những điểm sửa đổi căn bản cần phải được đưa vào các điều khoản nói về thành phần của Tổng Hội đồng trong Điều lệ chung, là hoàn toàn không liên quan gì đến vấn đề mà nó phải thảo luận".

Tuy vậy, Tổng Hội đồng cũng tuyên bố rằng Tổng Hội đồng sẽ chấp nhận cho hai đại biểu của chi hội này tham gia Tổng Hội đồng với cùng những điều kiện như đối với các đại biểu của các chi hội khác ở Luân Đôn.

Chi hội năm 1871 không thoả mãn với câu trả lời đó nên ngày 14 tháng Chạp đã công bố một bản tuyên bố<sup>48</sup> do tất cả thành viên của chi hội, trong đó có cả viên thư ký mới ký tên; viên thư ký này chẳng bao lâu đã bị đuổi ra khỏi đám người lưu vong, vì y là một tên vô lại. Theo bản tuyên bố này, Tổng Hội đồng đã không chịu nắm lấy chức năng lập pháp, nên đã phạm tội "xuyên tạc thô bạo tư tưởng xã hội".

Chúng tôi xin nêu lên một vài kiểu mẫu về lòng chính trực được thể hiện khi thảo ra văn kiện này.

Hội nghị đại biểu Luân Đôn đã hoan nghênh hành vi của công nhân Đức trong thời gian chiến tranh<sup>49</sup>. Hoàn toàn rõ ràng là nghị quyết này, do một đại biểu Thụy Sĩ<sup>1\*</sup> đề nghị, được một đại biểu Bỉ ủng hộ và được nhất trí thông qua, chỉ nhằm nói tới những hội viên Quốc tế ở Đức, là những người đã bị tù tội và hiện đang còn nằm tù vì thái độ chống chủ nghĩa sô-vanh trong thời kỳ chiến tranh. Hơn nữa, để phòng ngừa mọi sự giải thích thiếu thiện ý, thư ký liên lạc với nước Pháp<sup>2\*</sup> của Tổng Hội đồng, trong bức thư đăng trên các báo "Qui Vive!"<sup>50</sup>, "Constitution", "Radical", "Emancipation", "Europe", v.v., đã giải thích ý nghĩa thực sự của nghị quyết ấy. Thế mà một tuần sau, ngày 20 tháng Mười một 1871, mười lăm hội viên của Chi hội Pháp năm

1\* - N.U-tin

2\* - Ô.Xê-rai-ơ

1871 đã đăng trên tờ "Qui vive!" "một bản kháng nghị" đầy những lời lẽ thoá mạ công nhân Đức, và tố cáo nghị quyết của hội nghị đại biểu là một bằng chứng không thể chối cãi về "tư tưởng bành trướng Đức" đang chi phối Tổng Hội đồng. Toàn bộ báo chí phong kiến, tư do chủ nghĩa và báo chí cảnh sát của nước Đức cũng đã vội vàng chộp lấy sự kiện ấy để chứng minh cho công nhân Đức thấy những nguyện vọng quốc tế của họ là uổng công vô ích. Rốt cuộc, toàn thể Chi hội năm 1871 hoàn toàn ủng hộ bản kháng nghị ngày 20 tháng Mười một và đưa nó vào tuyên ngôn ngày 14 tháng Chạp của họ.

Để chứng minh rằng "Tổng Hội đồng đang trượt xuống cái dốc chủ nghĩa quyền uy", bản tuyên bố dẫn ra "việc *Tổng Hội đồng* đã công bố một bản *chính thức* của Điều lệ chung *do chính nó sửa lại*".

Chỉ cần nhìn qua bản mới của Điều lệ cũng có thể thấy rõ rằng về mỗi điều khoản thì trong phần phụ lục đều có chỉ dẫn những nguồn tài liệu chứng minh tính xác thực của nó<sup>51</sup>! Còn về những chữ "*bản chính thức*" thì Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Quốc tế đã quyết định rằng "văn bản *chính thức và bắt buộc phải theo* của Điều lệ chung và Quy chế sẽ do Tổng Hội đồng công bố" (xem "Đại hội đại biểu của Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp tại Giơ-ne-vơ từ ngày 3 đến ngày 8 tháng Chín 1866", tr.27, chú thích<sup>52</sup>).

Hiển nhiên là Chi hội năm 1871 vẫn liên hệ liên tục với những phần tử phân liệt ở Giơ-ne-vơ và Nơ-sa-ten. Sa-ten, thành viên của Chi hội này, - một người khi đấu tranh chống Tổng Hội đồng đã thể hiện một sự kiên quyết mà ông ta chưa từng bao giờ thể hiện ra khi bảo vệ Công xã, - đã được B.Ma-lông khôi phục danh dự một cách hoàn toàn bất ngờ, vì B.Ma-lông cách đây không lâu, trong bức thư gửi cho một uỷ viên của Tổng Hội đồng, đã buộc tội Sa-ten rất nghiêm khắc. Song Chi hội Pháp năm 1871 chưa kịp đưa ra bản tuyên bố của mình thì

trong hàng ngũ của nó, đã nổ ra cuộc nội chiến. Trước hết Tây-xơ, áp-ri-an và Ca-me-li-na đã rút lui khỏi Chi hội. Từ đó, Chi hội phân liệt thành nhiều nhóm nhỏ, trong đó có một nhóm nằm dưới sự lãnh đạo của ông Pi-e Vê-di-nơ, một kẻ đã bị khai trừ ra khỏi Tổng Hội đồng vì tội vu khống Va-rơ-lin và những người khác, và về sau bị đuổi ra khỏi Quốc tế bởi Uỷ ban Bỉ mà Đại hội đại biểu Bruy-xen năm 1868 đã bầu ra. Một nhóm khác được thành lập ra bởi B.Lan-đe-xơ, một người nhờ có việc chạy trốn bất ngờ ngày 4 tháng Chín của Cục trưởng cảnh sát Pi-ê-tơ-ri, mới không phải giữ lời cam kết

"mà ông ta đã tận tâm thực hiện, tức là không làm *chính trị* nữa và không còn dính dáng đến những công việc của Quốc tế ở Pháp nữa!" (xem "Vụ án thứ ba của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Pa-ri, năm 1870, tr.4<sup>53</sup>).

Mặt khác, khối đông những người Pháp lưu vong ở Luân Đôn đã thành lập một chi hội hành động hoàn toàn nhất trí với Tổng Hội đồng.

#### IV

Các ngài trong Đồng minh, nấp sau lưng Ban chấp hành Liên chí hội Nơ-sa-ten, muốn thực hiện một mưu đồ mới trên một địa bàn lớn hơn nhằm phá rối tổ chức của Quốc tế, nên đã triệu tập đại hội đại biểu các chi hội của mình ngày 12 tháng Mười một 1871 ở Xông-vi-li-ê. Ngay từ tháng Bảy, thầy Ghi-ôm, trong hai bức thư gửi cho người bạn của mình là Rô-bin, đã đe dọa Tổng Hội đồng là sẽ tiến hành một cuộc vận động như thế, nếu Tổng Hội đồng không chịu thừa nhận thái độ đúng đắn của họ "đối với bọn cướp ở Giơ-ne-vơ".

Đại hội đại biểu ở Xông-vi-li-ê gồm có mười sáu đại biểu tự xưng là đại diện cho chín chi hội, trong đó có cả cái chi hội mới: "Chi hội tuyên truyền và hoạt động cách mạng xã hội chủ nghĩa" ở Giơ-ne-vơ.

Mười sáu vị ấy mở đầu bằng một sắc lệnh vô chính phủ chủ nghĩa tuyên bố giải tán Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh. Liên chi hội này cũng vội vàng trả lại cho những phần tử của Đồng minh cái "quyền tự trị" của họ, bằng cách đuổi họ ra khỏi tất cả các chi hội. Song Tổng Hội đồng vẫn phải thừa nhận rằng họ còn có một chút lý trí lành mạnh nên đã chấp nhận cái tên gọi Liên chi hội Giuy-ra mà hội nghị đại biểu Luân Đôn<sup>54</sup> đã đặt cho họ.

Tiếp đó, đại hội của mười sáu vị đã bắt tay vào việc "cải tổ Quốc tế", bằng cách tung ra một bản thông báo chống hội nghị đại biểu và Tổng Hội đồng, gửi cho tất cả các liên chi hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Các tác giả của bản thông báo lên án Tổng Hội đồng trước tiên về việc năm 1871, Tổng Hội đồng đã không triệu tập đại hội đại biểu mà lại triệu tập hội nghị đại biểu. Những điều giải thích nêu ở trên cho thấy rõ rằng những lời công kích đó nhằm thẳng vào toàn thể Quốc tế vì Quốc tế đã nhất trí tán thành triệu tập hội nghị đại biểu; nhân tiện nói thêm rằng, tại cuộc hội nghị này, Đồng minh đã được đại diện một cách thỏa đáng bởi những công dân Rô-bin và Ba-xtê-li-ca.

Tổng Hội đồng đều có đại biểu của mình trong mỗi kỳ đại hội đại biểu; chẳng hạn trong Đại hội Ba-lơ, nó có sáu đại biểu. Thế mà mười sáu người ấy lại khẳng định rằng

"ngay từ trước, đa số của hội nghị đại biểu đã bị gian lận bởi việc tiếp nhận sáu đại biểu có quyền biểu quyết của Tổng Hội đồng".

Sự thực thì trong số các đại biểu của Tổng Hội đồng dự hội nghị, những người Pháp lưu vong lại chính là những đại biểu của Công xã Pa-ri, còn những uỷ viên người Anh và Thụy Sĩ của Tổng Hội đồng thì chỉ có thể tham gia hội nghị trong những trường hợp hãn hữu, điều đó có thể thấy rõ trong những biên bản sẽ được đưa trình đại hội đại biểu kỳ tới. Một đại biểu của Tổng Hội đồng có giấy chứng nhận tư cách đại biểu do một liên chi hội toàn quốc cấp cho. Theo một bức thư gửi hội nghị đại biểu thì một giấy chứng nhận tư cách đại biểu cấp cho một uỷ viên

khác của Tổng Hội đồng, không được gửi đi vì các báo có đăng tin ông ta đã chết<sup>1\*</sup>. Còn lại chỉ có một vị đại biểu, thành thử tỷ lệ số đại biểu chỉ riêng của Bỉ so với số đại biểu của Tổng Hội đồng là 6 so với 1.

Cảnh sát quốc tế muốn đưa Guy-xta-vơ Duy-răng tham gia hội nghị đại biểu mà bị gạt ra, đã phàn nàn một cách chua chát rằng triệu tập hội nghị đại biểu "bí mật" là vi phạm Điều lệ chung. Nó chưa hiểu rõ Quy chế chung của chúng ta nên không biết rằng các phiên họp của các kỳ đại hội đại biểu về những vấn đề tổ chức thì *nhất thiết phải bí mật*.

Song những lời phàn nàn của nó đã được mười sáu người ở Xông-vi-li-ê đồng tình hưởng ứng, họ la lên rằng:

"Ngoài tất cả những điều đó ra, hội nghị đại biểu còn quyết định rằng Tổng Hội đồng có thể tự mình quy định ngày giờ và địa điểm triệu tập đại hội đại biểu kỳ sau hoặc triệu tập *hội nghị đại biểu thay cho đại hội đại biểu*; thành thử chúng ta đang đứng trước nguy cơ là những kỳ đại hội đại biểu, những cuộc hội nghị công khai lớn ấy của Quốc tế, sẽ bị bãi bỏ".

Mười sáu người ấy đã không muốn hiểu rằng bằng quyết định ấy, Quốc tế chỉ chứng thực trước tất cả các chính phủ cái quyết tâm không thể lay chuyển của mình là bất chấp mọi biện pháp đàn áp, vẫn cứ tiến hành các cuộc hội nghị chung của mình, bằng cách này hay cách khác.

Tại hội nghị toàn thể của các chi hội Giơ-ne-vơ ngày 2 tháng Chạp 1871, trong đó hai công dân Ma-lông và Lơ-phơ-răng-xe đã bị tiếp đón lạnh nhạt, hai ông này đưa ra một đề nghị nhằm tán thành những nghị quyết được mười sáu người ở Xông-vi-li-ê thông qua, những kiến nghị nhằm khiển trách Tổng Hội đồng và không thừa nhận hội nghị đại biểu<sup>55</sup>. Hội nghị quyết định rằng "những nghị quyết của hội nghị được dự định không công bố, mà sẽ được thông báo cho các *Hội đồng liên chi hội các nước* thông qua những bí thư thông tấn của *Tổng Hội đồng*".

1\* Đây là nói về Mác.

Nghị quyết này, hoàn toàn phù hợp với Điều lệ chung và Quy chế chung, đã bị ông B.Ma-lông và những người bạn của ông ta xuyên tạc đi như sau:

"*Một phần* nghị quyết của hội nghị sẽ chỉ thông báo cho các Hội đồng liên chi hội và cho những bí thư thông tấn hữu quan".

Ngoài ra, họ còn buộc tội Tổng Hội đồng là đã "vi phạm nguyên tắc thành thực", vì đã không chịu "công bố công khai" những nghị quyết có mục đích duy nhất là cải tổ Quốc tế ở những nước mà nó bị cấm, tức là đã không chịu giao những nghị quyết ấy cho cảnh sát.

Những công dân Ma-lông và Lơ-phơ-răng-xe còn phàn nàn cho rằng

"hội nghị đại biểu đã xâm phạm đến tự do tư tưởng và tự do diễn đạt tư tưởng..., vì đã trao cho Tổng Hội đồng quyền lên án và không thừa nhận bất cứ cơ quan báo chí nào của các chi hội và liên chi hội, trong đó có bàn đến những nguyên tắc cơ bản của Hội liên hiệp, hoặc bàn đến lợi ích qua lại của các chi hội và liên chi hội, hoặc cuối cùng, bàn đến lợi ích chung của toàn Hội liên hiệp (xem "Égalité" ngày 21 tháng Mười)".

Vậy tờ "Égalité" ngày 21 tháng Mười đã viện dẫn cái gì? - Đã viện dẫn một nghị quyết của hội nghị đại biểu, trong đó, hội nghị đại biểu đã "báo trước rằng kể từ nay, Tổng Hội đồng sẽ có trách nhiệm công khai lên án và không thừa nhận tất cả những báo chí tự xưng là những cơ quan của Quốc tế, bắt chước báo "Progrés" và báo "Solidarité" mà bàn luận trên những trang báo của mình, trước công chúng tư sản, những vấn đề chỉ nên bàn luận trong các cuộc họp của ban chấp hành địa phương, của ban chấp hành liên chi hội và của Tổng Hội đồng, hoặc tại các cuộc họp kín của các đại hội đại biểu liên chi hội hoặc đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp về các vấn đề tổ chức"<sup>56</sup>.

Để đánh giá đúng đắn những lời than phiền vừa chua chát, vừa ngọt ngào của B.Ma-lông cần chú ý rằng, nghị quyết ấy chấm dứt vĩnh viễn mọi ý đồ của một số ký giả muốn thay thế những uỷ ban có trách nhiệm của Quốc tế và muốn giữ trong Quốc tế cái vai trò mà các nhà báo phóng đảng đang đóng trong thế giới

tư sản. Chính vì ý đồ như vậy mà Ban chấp hành Liên chi hội Giơ-ne-vơ, các thành viên của *Đồng minh* đã biên tập tờ báo "Égalité", cơ quan chính thức của Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, theo một tinh thần hoàn toàn đối địch với liên chi hội.

Song, nếu không có hội nghị đại biểu Luân Đôn thì Tổng Hội đồng cũng có thể "công khai lên án và không thừa nhận" những sự lạm dụng của các ký giả, vì Đại hội Ba-lơ đã quyết định (nghị quyết II) rằng

"Các chi hội phải gửi ngày tức khắc cho Tổng Hội đồng tất cả những ấn phẩm có những lời lẽ công kích Hội liên hiệp".

"Rõ ràng là", - Ban chấp hành liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh nói trong tuyên bố ngày 20 tháng Chạp 1871 ("Égalité" ngày 24 tháng Chạp) của mình, - "điều này được thông qua không phải để Tổng Hội đồng giữ trong hồ sơ lưu trữ của mình những ấn phẩm công kích Hội liên hiệp, mà để Tổng Hội đồng trả lời lại và nếu cần thì thủ tiêu hậu quả tai hại của những sự vu khống và sự công kích độc ác. Cũng rõ ràng là điều này đề cập tới tất cả mọi ấn phẩm nói chung, và nếu chúng ta không muốn để cho những lời công kích của các báo chí tư sản không bị đập lại thì chúng ta lại càng phải thông qua cơ quan đại biểu trung ương của chúng ta, tức Tổng Hội đồng, mà không thừa nhận những ấn phẩm núp dưới danh nghĩa Hội liên hiệp của chúng ta để công kích chúng ta".

Nhân tiện cũng xin lưu ý rằng tờ "Times", tờ báo khổng lồ quái gở ấy của báo chí tư bản, tờ "Progrés" ở Ly-ông, tờ báo của giai cấp tư sản tư do, và tờ "Journal de Genève", tờ báo cực kỳ phản động, đều đã đổ lên đầu hội nghị đại biểu cũng những lời trách cứ như vậy và cũng dùng những lời lẽ gần như những lời lẽ của những công dân Ma-lông và Lơ-phơ-răng-xe.

Sau khi đã phản đối việc triệu tập hội nghị đại biểu, rồi phản đối thành phần và cái gọi là tính chất bí mật của hội nghị, bản thông báo của mười sáu người lại công kích cả bản thân những nghị quyết của nó.

Trước hết, nhận thấy rằng Đại hội đại biểu Ba-lơ đã vứt bỏ những quyền của mình,



"vì đã trao cho Tổng Hội đồng quyền cho hoặc không cho các chi hội gia nhập" Quốc tế và tạm thời khai trừ các chi hội của Quốc tế".

tiếp đó, bản thông báo còn gán cho hội nghị đại biểu cái tội sau đây:

"Hội nghị đại biểu này... đã thông qua những nghị quyết... nhằm làm cho Quốc tế, một liên hợp tự do của những chi hội tự trị, biến thành một tổ chức tôn ti và quyền uy của những chi hội bị khép vào kỷ luật, hoàn toàn phải phục tùng một Tổng Hội đồng có quyền tùy ý khước từ việc kết nạp chúng hoặc đình chỉ hoạt động của chúng!".

Tiếp theo, thông báo quay trở lại nói về Đại hội Ba-lơ, cho rằng tồng như đại hội "đã làm sai lệch những chức năng của Tổng Hội đồng".

Tất cả những điều trái ngược nhau ấy trong bản thông báo của mười sáu người chung quy lại là như sau: Hội nghị đại biểu năm 1871 phải chịu trách nhiệm về những nghị quyết của Đại hội Ba-lơ năm 1869, còn Tổng Hội đồng thì có lỗi là đã tuân theo bản Điều lệ quy định nó phải chấp hành những nghị quyết của các kỳ đại hội.

Thực ra, nguyên nhân thật sự của tất cả những lời công kích hội nghị đại biểu như vậy mang một tính chất kín đáo hơn. Trước hết, bằng những nghị quyết của mình, hội nghị đại biểu đã ngăn chặn những âm mưu thực tế của các ngài trong *Đồng minh ở Thụy Sĩ*. Ngoài ra, tại I-ta-li-a, Tây Ban Nha, một phần Thụy Sĩ và Bỉ, những thủ lĩnh của *Đồng minh* đã tạo ra và duy trì một cách kiên trì tuyệt diệu một sự lẫn lộn có tính toán giữa *cương lĩnh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và cương lĩnh được soạn thảo bởi bác của Ba-cu-nin*.

Thông qua hai nghị quyết của mình về chính sách của giai cấp vô sản và về những chi hội bè phái chủ nghĩa, Hội nghị đại biểu đã lưu ý đến sự hiểu lầm cố ý đó. Nghị quyết thứ nhất đập tan cái thuyết không tham gia hoạt động chính trị được tuyên truyền trong cương lĩnh của Ba-cu-nin, đã được chứng giải một

cách đầy đủ trong phần mở đầu dựa trên Điều lệ chung, trên nghị quyết của Đại hội Lô-dan và trên những tiền lệ khác<sup>1)</sup>.

1) Đây là nghị quyết của Hội nghị đại biểu về "*hoạt động chính trị của giai cấp công nhân*".

"xét rằng,

trong lời mở đầu của Điều lệ ban đầu có nói "Sự giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế là mục đích lớn mà mọi phong trào chính trị đều phải phục tùng, với tư cách là thủ đoạn";

Tuyên ngôn Thành lập của Hội liên hiệp công nhân quốc tế (1864) viết: "**Bọn** trùm ruộng đất và bọn trùm tư bản luôn luôn lợi dụng những đặc quyền chính trị của mình để bảo vệ và duy trì mãi mãi những độc quyền kinh tế của chúng. Chẳng những không giúp gì cho sự nghiệp giải phóng của lao động, chúng lại tiếp tục dựng lên càng nhiều chướng ngại càng tốt trên con đường giải phóng lao động... Vì vậy, việc giành lấy chính quyền đã trở thành một nhiệm vụ to lớn của giai cấp công nhân";

Đại hội Lô-dan (năm 1867) đã thông qua nghị quyết sau đây: "Sự giải phóng xã hội của công nhân là gắn liền với sự giải phóng chính trị của họ";

trong tuyên bố của Tổng Hội đồng về cái gọi là âm mưu của những hội viên Quốc tế của Pháp trước hôm trưng cầu dân ý (năm 1870) có nói: "Theo tinh thần của Điều lệ chúng ta thì hiển nhiên là nhiệm vụ riêng của các chi hội của chúng ta ở Anh, ở lục địa châu Âu và ở Mỹ là không những phải trở thành những trung tâm tổ chức đấu tranh của giai cấp công nhân, mà còn phải ủng hộ trong những nước ấy mọi phong trào chính trị góp phần đạt tới mục đích cuối cùng của chúng ta: Sự giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế";

những bản dịch xuyên tạc Điều lệ ban đầu đã tạo nên những vụ giải thích sai lệch làm hại đến sự phát triển và hoạt động của Hội liên hiệp công nhân quốc tế;

trước thế lực phản động không thể ngăn nổi đang thẳng tay trấn áp mọi mưu toan của công nhân nhằm tự giải phóng và đang ra sức dùng bạo lực hồng ynh viễn duy trì sự khác biệt giai cấp và sự thống trị do sự khác biệt đó đẻ ra của các giai cấp hữu sản;

Xét rằng,

*chỉ khi đã tự tổ chức thành một đảng chính trị riêng biệt, đối lập với tất cả các đảng phái cũ do các giai cấp hữu sản lập nên*, thì giai cấp công nhân mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp, chống lại quyền lực liên hiệp ấy của các giai cấp hữu sản;

việc tổ chức của giai cấp công nhân như vậy thành một chính đảng là cần thiết để bảo đảm thắng lợi của cách mạng xã hội và mục đích cuối cùng của nó - xoá bỏ giai cấp;

việc thống nhất các lực lượng mà giai cấp công nhân đã đạt được thông qua những cuộc đấu tranh kinh tế, cũng phải được dùng làm đòn bẩy cho giai cấp đó trong cuộc đấu tranh chống lại quyền lực chính trị của bọn đại địa chủ và đại tư bản,

hội nghị đại biểu nhắc nhở các hội viên "*Quốc tế* rằng:

trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, sự vận động kinh tế và hoạt động chính trị của nó gắn bó chặt chẽ với nhau".

Bây giờ chúng ta bàn đến những nhóm bè phái:

Giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, chống giai cấp tư sản mang tính chất của một phong trào bè phái. Điều này có căn cứ của nó trong thời kỳ mà giai cấp vô sản còn chưa phát triển đầy đủ để hành động với tư cách là một giai cấp. Một số nhà tư tưởng cá biệt đã phê phán những mâu thuẫn xã hội và đưa ra một giải pháp ảo tưởng cho những mâu thuẫn ấy, những giải pháp mà quần chúng công nhân chỉ việc tiếp thu, tuyên truyền và thực hiện thôi. Do bản chất của chúng, những bè phái do những kẻ khởi xướng ấy lập nên, là những bè phái chủ trương không tham gia hoạt động: xa lạ với mọi hoạt động thực tế, với chính trị, với bãi công, với lập hội, nói tóm lại là xa lạ với mọi phong trào tập thể. Quần chúng vô sản luôn luôn tỏ ra lãnh đạm hoặc thậm chí đối địch với sự tuyên truyền của họ. Công nhân ở Pa-ri và Ly-ông chẳng muốn biết đến phái Xanh - Xi-mông, phái Phu-ri-ê, phái I-ca-ri, cũng như phái Hiến chương và phái Công liên Anh không thừa nhận phái Ô-oen. Các bè phái ấy, khi mới ra đời đã từng làm đòn bẩy của phong trào, nhưng một khi bị phong trào vượt lên trước thì các bè phái ấy biến thành chướng ngại đối với phong trào; lúc đó, chúng trở thành phản động. Bằng chứng là những bè phái ở Pháp và ở Anh, và gần đây phái Lát-xan ở Đức, là phái trong nhiều năm, đã cản trở sự tổ chức của giai cấp vô sản và rốt cuộc đã trở thành những công cụ giản đơn trong tay cảnh sát. Nói chung, đó là thời thơ ấu của phong trào vô sản, cũng tựa như thuật chiêm tinh và thuật luyện vàng là thời thơ ấu của khoa học. Trước khi có thể thành lập được Quốc tế, giai cấp vô sản tất phải bước qua giai đoạn phát triển đó.

Đối lập với những tổ chức bè phái mang nặng ảo tưởng và kình địch nhau, Quốc tế là một tổ chức chân chính và chiến đấu của giai cấp vô sản của tất cả các nước gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh chung chống bọn tư bản và bọn địa chủ, và chống sự thống trị giai cấp của bọn chúng được tổ chức thành nhà nước. Vì vậy, Điều lệ của Quốc tế chỉ nói đến những đoàn thể công

nhân cùng theo đuổi một mục đích và cùng thừa nhận một cương lĩnh như nhau, một cương lĩnh được giới hạn ở chỗ vạch ra những đường lối cơ bản của phong trào vô sản, còn việc luận chứng lý luận cho những đường lối ấy thì được thực hiện dưới tác động của những yêu cầu của cuộc đấu tranh thực tiễn và thông qua sự trao đổi ý kiến trong các chi hội, các cơ quan báo chí và các đại hội đại biểu của các chi hội đó là nơi mà quan niệm xã hội chủ nghĩa thuộc mọi sắc thái đều được phép trình bày ý kiến của mình.

Cũng như trong mỗi giai đoạn lịch sử mới, những sai lầm cũ lại tái hiện trong một thời gian ngắn để rồi sau đó lại nhanh chóng biến mất, Quốc tế cũng thấy những nhóm bè phái sống lại trong nội bộ nó, tuy rằng dưới một hình thức không rõ rệt cho lắm.

Đồng minh cho rằng sự sống lại của các bè phái là một bước tiến lên rất lớn, song bản thân Đồng minh lại là một bằng cứ có sức thuyết phục chứng tỏ rằng thời đại của các bè phái đã qua rồi. Vì nếu như vào buổi đầu mới ra đời, các bè phái còn là những nhân tố tiến bộ thì cương lĩnh của cái Đồng minh bị chi phối bởi một "Ma-hô-mét không có Kinh thánh đạo Hồi", chỉ là một mớ hỗn độn những tư tưởng đã bị chôn vùi từ lâu và được che đậy bằng những lời lẽ kêu rỗng, những lời lẽ chỉ có thể dọa được những tên tư sản đần độn hoặc chỉ có thể dùng cho những công tố viên thuộc phái Bô-na-pác-tơ, hoặc những công tố viên khác làm chúng có để buộc tội các hội viên Quốc tế<sup>1)</sup>

1) Những bài viết của cảnh sát nói về *Quốc tế* xuất hiện trên báo chí trong thời gian gần đây, kể cả bản thông tri của Giuy-lơ Pha-vơ gửi các cường quốc và bản báo cáo của đại biểu nghị viện địa chủ Xa-ca-đơ nói về dự luật của Đuy-phô-rơ, đều đầy rẫy những lời trích dẫn trong các bản tuyên ngôn văn hoa bóng bẩy của Đồng minh<sup>57</sup>. Những lời lẽ trống rỗng của những phần tử bè phái chủ nghĩa ấy, mà toàn bộ chủ nghĩa cấp tiến của họ chỉ là những lời trống rỗng, đang phục vụ đắc lực nhất cho những âm mưu của bọn phản động.

Cuộc hội nghị, trong đó đại biểu của tất cả các màu sắc xã hội chủ nghĩa đều có mặt, đã nhất trí tán thành nghị quyết chống lại những chi hội bè phái chủ nghĩa, hoàn toàn tin tưởng rằng nghị quyết ấy, nhấn mạnh trở lại một lần nữa tính chất chân chính của Quốc tế, sẽ đánh dấu một giai đoạn mới trong sự phát triển của nó. Những kẻ ủng hộ Đồng minh đã bị nghị quyết ấy giáng cho một đòn chí tử, lại coi nghị quyết ấy chỉ là thắng lợi của Tổng Hội đồng đối với Quốc tế, thắng lợi, - như thông báo của họ nói, - nhờ đó Tổng Hội đồng đã bảo đảm "sự thống trị của cương lĩnh riêng" của một vài uỷ viên Tổng Hội đồng, của "học thuyết cá nhân của họ", của "học thuyết chính thống", của "lý luận chính thức độc nhất có quyền công dân trong Hội liên hiệp". Song đó không phải là lỗi của một vài uỷ viên ấy mà là hậu quả tất yếu, "anh hưởng bại hoại" của việc họ đã tham gia Tổng Hội đồng bởi vì

"tuyệt đối không thể có một người có quyền lực (!) đối với những kẻ giống như mình, mà vẫn là người có đạo đức. Tổng Hội đồng đang trở thành cái lò của những âm mưu".

Theo ý kiến của mười sáu người thì chỉ riêng việc Điều lệ chung của Quốc tế trao cho Tổng Hội đồng quyền chỉ định bổ sung những uỷ viên mới, cũng làm cho Điều lệ ấy đáng chỉ trích rất nghiêm khắc rồi. Họ nói rằng một khi đã nắm được quyền đó thì

"sau đó, Tổng Hội đồng có thể chỉ định bổ sung cả một nhóm người có thể làm thay đổi hoàn toàn đa số và xu hướng của Tổng Hội đồng".

Dường như họ cho rằng chỉ riêng việc trở thành uỷ viên của Tổng Hội đồng cũng đủ để làm cho không những mất *đạo đức*, mà còn mất cả lý trí lành mạnh. Lẽ nào lại có thể cho rằng một đa số, bằng những cuộc bổ sung tự nguyện, lại biến thành thiểu số được?

Song hình như bản thân mười sáu người đó cũng chẳng tin tất cả những điều ấy cho lắm, vì ở đoạn sau, họ còn than phiền thêm rằng Tổng Hội đồng

"trong năm năm liền *cũng vẫn chỉ gồm những người luôn luôn được bầu lại ấy*"

nhưng tiếp ngay theo đó, họ lại tuyên bố:

"*đa số trong những người ấy* không phải là những người được uỷ nhiệm hợp pháp của chúng ta, vì họ *không được một đại hội đại biểu bầu ra*".

Thực ra thì thành viên của Tổng Hội đồng luôn luôn thay đổi, mặc dù có một vài người trong số những người sáng lập vẫn tiếp tục ở lại trong đó, cũng giống như trong Hội đồng Liên chi hội Bỉ, Hội đồng Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, và các hội đồng liên chi hội khác.

Tổng Hội đồng phải đáp ứng được ba điều kiện căn bản thì mới thực hiện được quyền hạn của mình. Trước tiên, Tổng Hội đồng phải có đủ số uỷ viên để hoàn thành công tác nhiều mặt mà nó được giao; sau nữa, Tổng Hội đồng phải bao gồm "những công nhân thuộc các nước khác nhau có đại diện trong Hội liên hiệp quốc tế", và cuối cùng, trong Tổng Hội đồng, thành phần công nhân phải chiếm ưu thế. Nhưng nếu như công nhân phải lệ thuộc vào cơ hội tìm được việc làm khiến cho thành viên của Tổng Hội đồng luôn luôn thay đổi, mà Tổng Hội đồng lại không được quyền chỉ định bổ sung, thì làm sao có thể có đủ được tất cả những điều kiện cần thiết ấy? Vì vậy, Tổng Hội đồng vẫn nhận thấy cần phải quy định quyền này một cách rõ ràng hơn; Tổng Hội đồng đã bày tỏ nguyện vọng đó tại cuộc hội nghị đại biểu mới đây.

Việc Tổng Hội đồng được bầu lại y nguyên như trước, trong nhiều kỳ đại hội liên tiếp mà đại biểu của nước Anh là rất ít, dường như chứng minh rằng Tổng Hội đồng đã chấp hành nhiệm vụ theo khả năng của mình. Ngược lại, mười sáu người ấy lại coi đó chỉ là bằng chứng của "sự tín nhiệm mù quáng của các đại hội", một sự tín nhiệm mà ở Ba-ler đã được đẩy

"tới chỗ trở thành như là sự tự nguyện nhường chỗ cho Tổng Hội đồng".

Theo họ, "vai trò bình thường" của Tổng Hội đồng phải là vai trò của "một thông tin và thống kê thông thường". Họ chứng thực cách giải thích đó bằng một số điều khoản trích dẫn trong một bản dịch sai lệch của Điều lệ.

Trái với điều lệ của tất cả các đoàn thể tư sản. Điều lệ chung của Quốc tế chỉ đề cập qua tới những vấn đề về cơ cấu tổ chức của nó. Điều lệ để cho thực tiễn phát triển cơ cấu tổ chức của nó và để cho các đại hội sau này sẽ chỉnh lý cơ cấu tổ chức đó. Nhưng vì chỉ có sự thống nhất và sự nhất trí hành động mới có thể mang lại cho chi hội các nước một tính chất quốc tế chân chính, cho nên Điều lệ chú ý đến Tổng Hội đồng nhiều hơn các phần khác nói về tổ chức.

Điều 5 của Điều lệ ban đầu<sup>58</sup> nói:

"Tổng Hội đồng là *cơ quan quốc tế* của các nhóm ở từng nước và từng địa phương khác nhau" và sau đó lại nêu lên một vai thí dụ về cách thức hoạt động của Tổng Hội đồng. Trong số những thí dụ ấy, có một chỉ thị cho Tổng Hội đồng phải làm sao.

"để khi cần phải hành động tức khắc, chẳng hạn như trong trường hợp có những xung đột quốc tế thì tất cả các nhóm của Hội liên hiệp có thể hành động đồng thời và nhất trí".

Điều khoản này nói tiếp:

"Trong mọi trường hợp cần thiết, Tổng Hội đồng phải chủ động kiến nghị với các đoàn thể của từng nước và từng địa phương".

Ngoài ra, Điều lệ còn quy định vai trò của Tổng Hội đồng trong việc triệu tập và chuẩn bị đại hội đại biểu và giao cho Tổng Hội đồng nghiên cứu những vấn đề nhất định mà có phải trình cho đại hội xem xét. Điều lệ ban đầu coi hoạt động tự chủ của các nhóm là chẳng trái gì mấy với sự thống nhất hành động của toàn thể Hội liên hiệp, cho nên điều 6 viết:

"Vì thắng lợi của phong trào công nhân trong mỗi nước chỉ có thể được bảo đảm bằng sức mạnh do sự đoàn kết và tổ chức mang lại và, mặt khác, vì hoạt động của Tổng Hội đồng sẽ càng hữu hiệu hơn..., nên các hội viên của Quốc tế phải hết sức cố gắng liên hiệp các đoàn thể công nhân phân tán thành những tổ chức toàn quốc được đại diện bởi các cơ quan Trung ương".

Nghị quyết thứ nhất của "Đại hội đại biểu Giơ-ne-vơ về vấn đề tổ chức (điều 1) viết:

"Tổng Hội đồng có nhiệm vụ *phải chấp hành* những nghị quyết của các đại hội đại biểu".

Nghị quyết này đã hợp pháp hoá cái địa vị mà ngay từ đầu Tổng Hội đồng đã giữ" địa vị là *cơ quan chấp hành* của Hội liên hiệp. Khi không có "quyền uy được thừa nhận một cách tự nguyện" nào khác thì thật khó mà chấp hành nghị quyết nếu không có "quyền uy" về mặt đạo đức. Đồng thời Đại hội đại biểu Giơ-ne-vơ đã giao cho Tổng Hội đồng công bố "văn bản chính thức và nhất thiết phải chấp hành của Điều lệ".

Cũng kỳ đại hội đại biểu này đã quyết định (nghị quyết của Đại hội đại biểu Giơ-ne-vơ về các vấn đề tổ chức, điều 14):

"Mỗi chi hội đều có quyền thảo ra điều lệ và quy chế địa phương của mình, cho thích hợp với điều kiện địa phương và luật pháp nước mình, nhưng những điều lệ và quy chế ấy không được bao hàm bất cứ điều gì trái với Điều lệ chung và quy chế chúng".

Trước hết, chúng tôi nhận thấy rằng ở đây, tuyệt nhiên không có điều gì ám chỉ tới những tuyên bố đặc biệt về mặt nguyên tắc, cũng như tới những nhiệm vụ đặc biệt mà chi hội nào đó có thể đảm nhận ngoài mục đích chung mà tất cả những tổ chức của Quốc tế đang theo đuổi. Ở đây chỉ đề cập đến quyền của các chi hội được vận dụng Điều lệ chung và Quy chế chung cho thích hợp với "điều kiện địa phương và luật pháp nước mình".

Thứ hai, ai phải xác định rằng điều lệ địa phương có phù hợp với Điều lệ chung không? Rõ ràng rằng nếu như không có một

"quyền uy" đảm nhiệm chức năng ấy thì nghị quyết sẽ thành vô hiệu. Lúc đó, chẳng những có thể nảy sinh ra những chi hội cảnh sát hoặc những chi hội đối địch, mà việc những phần tử bè phái và những nhà từ thiện tư sản chui vào Hội liên hiệp có thể khiến cho tính chất của Hội liên hiệp bị biến chất, và những phần tử đó có thể áp đảo công nhân trong đại hội bằng số lượng của chúng.

Ngay từ khi thành lập, các liên chi hội toàn quốc và địa phương đã nắm lấy quyền kết nạp hoặc không kết nạp những chi hội mới trong nước mình, tùy theo điều lệ của những chi hội đó có phù hợp với Điều lệ chung hay không. Việc Tổng Hội đồng cũng thực hiện một chức năng như thế, là do điều 6 của Điều lệ chung quy định, điều này để cho *các đoàn thể độc lập ở địa phương*, tức là các đoàn thể đứng ngoài các tổ chức liên chi hội của những nước ấy, được quyền trực tiếp quan hệ với Tổng Hội đồng. *Đồng minh* đã không coi nhẹ quyền đó, khi nó cố gắng làm cho mình ứng với những điều kiện cho phép nó cử đại biểu tham gia Đại hội Ba-ler.

Điều 6 Điều lệ cũng ngừa trước những trở ngại về mặt luật pháp ngăn cản việc thành lập các liên chi hội toàn quốc ở một số nước, do đó Tổng Hội đồng có nhiệm vụ làm chức năng của Hội đồng liên chi hội tại đó (xem "*Biên bản Đại hội đại biểu Lô-dan v.v, 1867*", tr.13<sup>59</sup>).

Kể từ khi Công xã thất bại, những trở ngại về mặt luật pháp trong các nước chỉ ngày càng tăng lên và làm cho hoạt động của Tổng Hội đồng ở những nước đó càng trở nên cần thiết hơn để ngăn chặn những phần tử đáng nghi chui vào hàng ngũ của Hội liên hiệp. Vì vậy, cách đây không lâu, một số Ban chấp hành ở Pháp đã yêu cầu sự can thiệp của Tổng Hội đồng để thoát khỏi sự theo dõi của bọn mật thám, và các hội viên Quốc tế của một nước lớn khác<sup>1\*</sup> đã yêu cầu Tổng Hội đồng chỉ thừa nhận những

1\* - Áo

chi hội do những người được họ trực tiếp uỷ quyền hoặc do chính bản thân họ lập ra. Họ đã nói rõ rằng sở dĩ họ phải yêu cầu như vậy là vì cần phải loại trừ những phần tử khiêu khích, những phần tử mà nhiệt tình âm ỉ biểu hiện ra ở chỗ đòi phải tức tốc thành lập những chi hội theo cái chủ nghĩa cấp tiến chưa từng thấy của chúng. Mặt khác, cái gọi là những chi hội phản đối quyền uy, một khi xảy ra xung đột trong nội bộ họ, thì cũng đã không ngần ngại nhờ đến Tổng Hội đồng và thậm chí còn yêu cầu Tổng Hội đồng trừng phạt hết sức nghiêm khắc những đối thủ của họ, như trường hợp vụ xung đột ở Ly-ông. Vừa đây, ngay sau khi hội nghị đại hội bế mạc, Liên đoàn công nhân Tu-rin đã quyết định tự tuyên bố là chi hội của Quốc tế. Sau khi liên đoàn này bị phân liệt, phải thiếu số đã thành lập Hội giải phóng người vô sản<sup>60</sup>. Hội này gia nhập Quốc tế và bắt đầu ngay việc thông qua một nghị quyết có lợi cho người Giu-y-ra. Tờ báo của hội này "Proletario" đầy rẫy những lời lẽ phẫn nộ đối với mọi chủ nghĩa quyền uy. Thư ký của hội này<sup>1\*</sup>, khi nộp hội phí của hội, đã báo trước với Tổng Hội đồng rằng liên đoàn cũ có lẽ cũng sẽ nộp hội phí. Rồi ông ta viết tiếp:

"Các anh có lẽ đã đọc thấy trên tờ "Proletario" rằng Hội giải phóng người vô sản... đã tuyên bố... cự tuyệt mọi sự đồng tình với giai cấp tư sản là bọn đang mang mặt nạ công nhân để *lập nên Liên đoàn công nhân*", và ông ta còn yêu cầu Tổng Hội đồng

"thông báo nghị quyết này cho tất cả các chi hội và không nhận hội phí 10 xăng-tim nếu như những hội phí như thế được gửi đến Tổng Hội đồng"<sup>1)</sup>.

1) Quan điểm của Hội giải phóng người vô sản lúc bấy giờ *hình như* là như vậy, người đại diện của hội này là thư ký thông tấn của hội, một người bạn của Ba-cu-nin. Thực ra thì ý đồ của chi hội này là hoàn toàn khác. Sau khi đã đuổi người đại diện hai lần bội tín này ra vì tội lấy cắp quỹ và có quan hệ thân thiết với viên cảnh sát trưởng ở Tu-rin, hội này đã đưa ra một bản giải thích khiến cho những sự hiểu lầm giữa nó và Tổng Hội đồng không còn nữa.

1\* - C.Téc-xa-ghi

Cũng giống như tất cả các tổ chức của Quốc tế, Tổng Hội đồng có nhiệm vụ phải tuyên truyền. Tổng Hội đồng đã thực hiện nhiệm vụ này bằng những lời kêu gọi của mình và thông qua những đại diện của mình, tức là những người đã đặt cơ sở đầu tiên cho Quốc tế ở Bắc Mỹ, ở Đức và ở nhiều thành thị nước Pháp.

Một nhiệm vụ khác nữa của Tổng Hội đồng là phải giúp đỡ những công nhân bãi công, bảo đảm cho họ sự chi viện của toàn thể Quốc tế (xem báo cáo của Tổng Hội đồng tại các đại hội đại biểu). Ngoài những sự việc khác ra, một sự việc sau đây cũng chứng minh rằng sự can thiệp của Tổng Hội đồng vào các cuộc bãi công là có ý nghĩa như thế nào. Bản thân hội phản kháng của công nhân đúc nước Anh là một công đoàn quốc tế, có chi nhánh trong các nước khác, nhất là ở Hợp chủng quốc. Thế mà trong thời gian bãi công, công nhân đúc nước Mỹ nhận thấy cần phải nhờ Tổng Hội đồng nói giúp để ngăn ngừa việc đưa thợ đúc nước Anh vào đất nước họ.

Sự phát triển của Quốc tế đã giao cho Tổng Hội đồng, cũng như cho các hội đồng liên chi hội cái chức năng của người trọng tài.

Đại hội Bruy-xen quyết định:

"Cứ ba tháng một lần, các hội đồng liên chi hội phải báo cáo lên Tổng Hội đồng về công tác tổ chức và tình hình tài chính của những chi hội thuộc quyền mình" (Nghị quyết số 3 về các vấn đề tổ chức<sup>61</sup>).

Cuối cùng; Đại hội Ba-lơ, cái đại hội làm cho mười sáu người tức lộn mặt, chỉ làm cái việc là hợp thức hoá những quan hệ về tổ chức đã hình thành trong quá trình phát triển của Hội liên hiệp. Nếu đại hội nói rộng quá mức phạm vi quyền hạn của Tổng Hội đồng thì kẻ có lỗi là ai, nếu không phải là Ba-cu-nin, Svít-xguê-ben, Ph.Rô-bóc Ghi-ôm và những đại biểu khác của Đồng minh, những kẻ đã lớn tiếng kêu gào đòi cho được điều đó? Chẳng phải họ đã bắt giặc tự lên án mình là đã "tín nhiệm mù quáng" Tổng Hội đồng Luân Đôn đó sao?

Đây là hai điểm trong nghị quyết của Đại hội Ba-lơ:

"IV. Mỗi chi hội hoặc đoàn thể mới được thành lập và muốn gia nhập Quốc tế phải báo cáo ngay tức khắc cho Tổng Hội đồng biết việc xin gia nhập của mình".

và "V. Tổng Hội đồng có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận những đoàn thể và tổ chức mới, đồng thời vẫn dành cho những đoàn thể và tổ chức đó quyền khiếu nại trong kỳ đại hội đại biểu tới".

Còn về các đoàn thể địa phương độc lập được thành lập ngoài các tổ chức liên chi hội thì những điều khoản đó chỉ xác nhận một cách làm đã được tuân theo khi Quốc tế mới thành lập và việc duy trì cách làm ấy là một vấn đề sống còn đối với Hội liên hiệp. Nhưng nếu phổ biến hoá cách làm đó và vận dụng nó một cách không phân biệt cho tất cả mọi đoàn thể hoặc chi hội mới thành lập, thì như thế sẽ là đi quá xa. Thật vậy, những điểm đó mạng lại cho Tổng Hội đồng quyền can thiệp vào sinh hoạt nội bộ của các liên chi hội, nhưng Tổng Hội đồng chưa bao giờ vận dụng những điểm đó theo ý nghĩa ấy. Tổng Hội đồng khẳng định rằng mười sáu người không thể nào nêu ra được bất cứ một trường hợp nào chứng tỏ rằng Tổng Hội đồng đã can thiệp vào công việc của các chi hội mới muốn gia nhập các tổ chức hoặc các liên chi hội hiện có.

Những điểm trong nghị quyết mà chúng tôi viện dẫn là có liên quan tới những chi hội vừa mới được thành lập; còn những điểm dưới đây là có liên quan tới những chi hội đã được thừa nhận:

"VI. Tổng Hội đồng cũng có quyền tạm thời khai trừ chi hội của Quốc tế cho đến kỳ đại hội đại biểu tới".

"VII. Tổng Hội đồng có quyền giải quyết những vụ bất đồng xảy ra giữa các đoàn thể hoặc các chi hội nằm trong một tổ chức toàn quốc, hoặc giữa các tổ chức thuộc các nước khác nhau; nhưng các bên vẫn được quyền khiếu nại lên đại hội sắp tới là đại hội sẽ quyết định cuối cùng".

Hai điều khoản này là cần thiết cho những trường hợp vận bất đắc dĩ, song cho đến nay Tổng Hội đồng cũng chưa bao giờ phải vận dụng tới. Sự trình bày có tính lịch sử nói trên chứng tỏ rằng Tổng Hội đồng chưa lần nào phải áp dụng biện pháp khai trừ tạm thời một chi hội nào và trong trường hợp xảy ra bất đồng, Tổng Hội đồng đã hành động chỉ với tư cách người trọng tài được hai bên yêu cầu.

Cuối cùng, chúng tôi bàn tới một chức năng mà Tổng Hội đồng phải đảm nhiệm do yêu cầu của cuộc đấu tranh. Dù cho những người ủng hộ Đồng minh cảm thấy không hài lòng đến đâu đi nữa, nhưng đây là một sự thật không thể chối cãi: Tổng Hội đồng sở dĩ được đặt ở vị trí tiên phong của tất cả những chiến sĩ đấu tranh cho Hội liên hiệp công nhân quốc tế, chính vì nó đang bị tất cả những kẻ thù của phong trào vô sản công kích một cách mãnh liệt.

## V

Sau khi nhận xét cái Quốc tế hiện đang tồn tại, mười sáu người nói cho chúng ta biết rằng Quốc tế phải là như thế nào.

Trước hết, về mặt hình thức, Tổng Hội đồng sẽ phải là một bản thông tin và thống kê thông thường. Khi chức năng tổ chức của nó không còn nữa thì thứ tín của nó tất sẽ chỉ là sự sao lại những tin tức đã được công bố trên các báo chí của Hội liên hiệp. Như vậy là cái ban thông tin cũng sẽ bị thủ tiêu. Còn về việc thống kê thì đó là một việc không thể thực hiện được nếu như không có một tổ chức mạnh mẽ, và đặc biệt là điều này đã được nêu riêng trong Điều lệ ban đầu - nếu không có một sự lãnh đạo chung. Nhưng vì tất cả những cái đó đều mang nặng mùi vị của "chủ nghĩa quyền uy", nên cũng có thể có một ban, nhưng chắc chắn là chẳng có thống kê gì cả. Tóm lại, Tổng Hội đồng biến mất. Theo cái lô-gích ấy thì các hội đồng liên chi hội, các ban chấp hành địa phương và các trung tâm "quyền uy" khác

cũng bị xoá bỏ. Chỉ còn lại những chi hội tự trị mà thôi.

Sứ mệnh của "những chi hội tự trị" ấy, những chi hội được tư do liên minh với nhau và may mắn thoát khỏi mọi quyền lực, "thậm chí cả cái quyền lực do công nhân bầu ra và lập ra", là sứ mệnh gì?

Ở đây, cần phải lấy bản báo cáo mà Ban chấp hành Liên chi hội Giuy-ra đã trình bày trước đại hội mười sáu người để bổ sung cho bản thông báo.

"Để biến giai cấp công nhân thành người đại diện chân chính cho những lợi ích mới của loài người", thì tổ chức của nó cần "được chỉ đạo bằng cái tư tưởng nhất định phải chiến thắng. Bằng sự nghiên cứu triệt để những hiện tượng của đời sống xã hội mà rút ra tư tưởng ấy từ những yêu cầu của thời đại chúng ta, từ những nguyện vọng thầm kín của loài người, sau đó ra sức quán triệt tư tưởng ấy vào trong các tổ chức công nhân của chúng ta, - mục đích phải là như vậy", v.v.. Cuối cùng, cần phải lập ra "trong dân cư công nhân chúng ta, một trường học xã hội chủ nghĩa cách mạng chân chính".

Như vậy là những chi hội công nhân tự trị bỗng nhiên biến thành trường học, trong đó các ngài trong Đồng minh sẽ là những thầy giáo. Họ rút ra tư tưởng bằng "sự nghiên cứu triệt để", một sự nghiên cứu chẳng hề để lại một vết tích nào cả. "Sau đó" họ đem tư tưởng ấy "quán triệt" vào trong các tổ chức công nhân của chúng ta". Đối với họ, giai cấp công nhân là nguyên liệu, là một mớ hỗn độn; muốn thành hình thì nó cần đến hơi thổi của đức thánh thần của họ.

Tất cả điều đó chỉ là cái cương lĩnh cũ của Đồng minh<sup>62</sup> được nói theo một cách khác đi, cương lĩnh đó bắt đầu bằng những lời lẽ như sau:

"Sau khi phá thiếu số xã hội chủ nghĩa của Đồng minh hòa bình và tự do tách ra khỏi Đồng minh này", họ dự định thành lập một "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa mới... tự gánh vác cái sứ mệnh đặc biệt là nghiên cứu các vấn đề chính trị và triết học..."

Đó là *tư tưởng* được "rút ra" từ cương lĩnh!

"Một công việc như vậy...sẽ đem lại cho các nhà dân chủ xã hội chủ nghĩa chân thực của châu Âu và châu Mỹ *cái phương tiện* tìm ra tiếng nói chung và xác lập *tư tưởng của mình*"<sup>1)</sup>.

Như vậy là theo sự thú nhận của chính họ, phải thiếu số của một đoàn thể tư sản đã lên vào Quốc tế, không lâu trước Đại hội Ba-lơ, với mục đích duy nhất là dùng Quốc tế *làm phương tiện* để ra mắt quần chúng công nhân với tư cách là những người hiến thân cho một thứ khoa học huyền bí, thứ khoa học bốn câu mà tột đỉnh là "sự bình đẳng về mặt kinh tế và xã hội của các giai cấp".

Ngoài "sứ mệnh lý luận" ấy ra, cái tổ chức mới mà người ta đã đề nghị với Quốc tế còn có mặt thực tiễn của nó.

Thông báo của mười sáu người viết: "Xã hội tương lai nhất thiết phải là sự áp dụng phổ biến cái tổ chức mà Quốc tế sẽ xác định cho bản thân mình. Vì vậy, chúng ta phải chăm lo làm cho tổ chức ấy xích lại gần với lý tưởng của chúng ta càng tốt".

"Có thể nào mà từ một tổ chức quyền uy chủ nghĩa, lại sản sinh ra được một xã hội dựa trên cơ sở bình đẳng và tự do? Không thể được. Ngay bây giờ, Quốc tế, mầm mống của xã hội loài người tương lai, đã phải phản ánh một cách trung thành những nguyên tắc tự do và liên minh của chúng ta".

---

1) Các ngài trong Đồng minh không ngớt chê trách Tổng Hội đồng về việc triệu tập hội nghị đại biểu bí mật vào lúc mà việc triệu tập đại hội đại biểu công khai sẽ là một việc làm phản bội hoặc ngu xuẩn tột độ: trái với Điều lệ của chúng ta, những kẻ chủ trương làm ồn ào và công khai một cách vô điều kiện này đã tổ chức trong nội bộ Quốc tế, một hội bí ẩn thật sự, chống lại bản thân Quốc tế, nhằm mục đích làm cho những chi hội Quốc tế bị đặt - mà không hề hay biết - dưới sự lãnh đạo của đại giáo chủ Ba-cu-nin.

Tổng Hội đồng dự định yêu cầu đại hội sắp tới phải điều tra hoạt động của cái tổ chức bí ẩn này và những người cổ vũ tổ chức đó trong một số nước, ở Tây Ban Nha chẳng hạn.

Nói cách khác, giống như những tu viện thời trung cổ là hình ảnh của cuộc sống thiên đường, Quốc tế cũng phải là hình ảnh của Giê-ru-xa-lem mới mà "mầm mống" của nó đang hình thành trong nội bộ Đồng minh. Ý chừng những chiến sĩ Công xã Pa-ri sẽ không bị thất bại, nếu hiểu rằng Công xã là cái "mầm mống của xã hội loài người tương lai", họ vứt bỏ sạch mọi kỷ luật và mọi vũ khí - những cái mà chỉ khi không còn chiến tranh nữa mới phải biến mất!

Nhưng để chứng minh rõ ràng mặc dù có "sự nghiên cứu triết đề", không phải mười sáu người đã đề ra cái phương án đáng yêu ấy về việc làm tan rã Quốc tế vào lúc mà Quốc tế đang đấu tranh cho sự tồn tại của mình, Ba-cu-nin mới đây đã công bố nguyên bản của phương án ấy trong bút ký của ông ta về tổ chức của Quốc tế (xem "Almanach du Peuple pour 1872", Giơ-ne-vơ)<sup>63</sup>.

## VI

Bây giờ, xin hãy đọc báo cáo do Ban chấp hành Giuy-ra trình bày trước đại hội của mười sáu người.

Cơ quan chính thức của họ, tờ "Révolution Sociale" (ngày 16 tháng Mười một) tuyên bố: "Đọc nó thì biết rõ là có thể trông đợi những gì ở sự trung thành và trí óc thực tiễn của những hội viên của Liên chi hội Giuy-ra".

Bản báo cáo bắt đầu từ việc gán cho "những sự kiện đáng sợ ấy" - cuộc chiến tranh Pháp - Phổ và cuộc nội chiến ở Pháp, - là đã có một ảnh hưởng "*làm tan rã tinh thần* đến một mức độ nhất định... đối với tình hình các chi hội của Quốc tế".

Nếu quả là cuộc chiến tranh Pháp - Phổ vì đã động viên một số lượng rất lớn những công nhân vào quân đội của hai bên nên tất phải thúc đẩy sự *tan rã tinh thần* của các chi hội, thì cũng đúng là sự sụp đổ của đế chế và việc Bít-xmác công khai tuyên bố cuộc chiến tranh xâm lược đã gây nên ở Đức và ở Anh một cuộc đấu tranh khốc liệt giữa giai cấp tư sản đứng về phía người



Phổ với giai cấp vô sản đã biểu lộ tình cảm quốc tế của mình một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Chính chỉ vì thế thôi mà ảnh hưởng của Quốc tế trong cả hai nước ấy cũng đã phải tăng lên rồi. Ở Mỹ, cũng sự kiện đó đã gây nên sự chia rẽ trong đám đông đảo kiều dân công nhân Đức; bộ phận quốc tế chủ nghĩa tách rời hẳn với bộ phận sô- vanh chủ nghĩa.

Mặt khác, việc thành lập Công xã Pa-ri đã đem lại một sức thúc đẩy mạnh mẽ chưa từng thấy cho sự phát triển rộng rãi của Quốc tế và cho sự kiên trì ủng hộ của các chi hội của tất cả các dân tộc đối với những nguyên tắc của Quốc tế, - nhưng chỉ trừ những chi hội Giu-y-ra; báo cáo của các chi hội này nói tiếp: "Sự bắt đầu cuộc đấu tranh to lớn đang làm cho người ta suy nghĩ... Một số người thì xa lánh để che giấu sự bất lực của mình... Đối với nhiều người thì tình hình đó" (trong hàng ngũ của chính họ) "là dấu hiệu của sự suy sụp" nhưng "ngược lại,... đó là *một tình thế có thể cải tạo hoàn toàn được Quốc tế*", theo kiểu mẫu của chính họ. Cái nguyện vọng nhỏ bé này thì có thể hiểu được sau khi nghiên cứu sâu sắc hơn một tình thế có lợi đến như thế.

Nếu không tính đến Đồng minh đã bị giải tán và sau này được chi hội của Ma-lông thay thế, thì Ban chấp hành phải báo cáo về tình hình của hai mươi chi hội. Trong số các chi hội ấy có bảy chi hội đã thắng thường đoạn tuyệt với nó; về điểm này, báo cáo nói:

"Chi hội *thợ làm vỏ đồng hồ* và cả chi hội *thợ chạm và thợ thêu ở Bi-en* không hề trả lời *một* bức thư nào của chúng ta gửi cho họ".

"Những chi hội nghề nghiệp ở Nơ-sa-ten - *thợ mộc, thợ làm vỏ đồng hồ, thợ chạm và thợ thêu - chưa hề lần nào* trả lời thư của Ban chấp hành liên chi hội".

"Chúng ta không thể có được *một* tin tức nào về Chi hội Van-đơ Ruy-dơ cả".

"Chi hội *thợ chạm và thợ thêu ở Lóc-lơ chưa lần nào* trả lời thư của Ban chấp hành liên chi hội".

Đấy gọi là *liên hệ tự do* của các chi hội tự trị với Ban chấp hành liên chi hội của mình.

Một chi hội khác, chi hội

*"thợ chạm và thợ thêu* khu vực *Cuốc-tơ-la-ri* ba năm bên bể và kiên trì ... hiện giờ... được tổ chức thành một đoàn thể phản kháng" -

*đứng ngoài Quốc tế*, nhưng điều đó tuyệt nhiên không cản trở chi hội này phái hai đại biểu tham gia đại hội đại biểu của mười sáu người.

Tiếp đến là bốn chi hội hoàn toàn đã chết:

*"Chi hội trung ương ở Bi-en* hiện đã *tan rã*: song mới đây, một hội viên trung thành của chi hội đã viết thư cho chúng ta nói rằng *chưa phải là toàn bộ hy vọng* về sự sống lại của Quốc tế ở Bi-en *đã mất đi*".

"Chi hội ở *Xanh-Blê-dơ* đã *tan rã*".

Chi hội ở Ca-tê-ba, sau khi đã tồn tại một cách chói lọi, *đã buộc phải lùi bước* trước những âm mưu do các ông chủ (!) của địa phương này tiến hành nhằm mục đích giải tán chi hội *dũng cảm* (!) đó".

"Cuối cùng, chi hội ở Coóc-giơ-mông cũng *trở thành vật hy sinh* của những âm mưu của các ông chủ".

Rồi đến Chi hội *Trung ương của khu vực Cuốc-tơ-la-ri*, nó

"đã dùng đến một biện pháp khôn ngoan: *tạm thời đình chỉ hoạt động*".

nhưng điều đó cũng không cản trở chi hội này phái hai đại biểu tham gia đại hội đại biểu của mười sáu người.

Bây giờ đến bốn chi hội mà sự tồn tại của chúng còn rất đáng ngờ.

"Chi hội Grăng-giơ thu hẹp lại thành một *hạt nhân nhỏ* gồm những người công nhân xã hội chủ nghĩa... hoạt động địa phương của họ bị tê liệt vì họ ít người quá".

*"Chi hội Trung ương ở Nơ-sa-ten bị tổn thất rất lớn* do những sự kiện, nếu như không có sự hy sinh và tinh tích cực của một số hội viên cá biệt thì *chi hội* này đã không tránh khỏi *bị diệt vong*".

"Chi hội Trung ương ở Lóc-lơ, trong vòng nhiều tháng đã sống dở chết dở, cuối cùng tan rã. Mới đây, nó lại được tổ chức lại".

rõ ràng là với mục đích duy nhất là cử hai đại biểu tham gia đại hội đại biểu của mười sáu người.

"Chi hội tuyên truyền xã hội chủ nghĩa ở Sô-đa-phôn đang ở trong tình trạng nguy kịch... tình hình của nó chẳng những không tốt hơn, mà còn xấu thêm".

Sau đến hai chi hội - tổ nghiên cứu ở Xanh - I-mê và ở Xông-vi-li-ê; hai nhóm này chỉ nhắc qua thôi, còn tình hình của chúng thì không được nói đến chút nào cả.

Còn lại một chi hội kiểu mẫu, căn cứ theo cái tên gọi *chi hội Trung ương* của nó mà xét đoán, thì bản thân nó chỉ là cận bã của những chi hội khác đã khuất bóng mà thôi.

"Chi hội Trung ương ở Mu-chi-e so với các chi hội khác, hiển nhiên là bị thiệt hại ít hơn cả... Ban chấp hành của nó giữ quan hệ thường xuyên với Ban chấp hành liên chi hội... *Các chi hội còn chưa được thành lập...*".

Nguyên nhân là như sau:

"Hoạt động của chi hội ở Mu-chi-e ở vào những điều kiện đặc biệt *thuận lợi nhờ mối cảm tình tốt đẹp của dân cư công nhân...* có những phong tục tập quán nhân dân: chúng tôi mong rằng giai cấp công nhân của địa phương này giữ vững được nhiều hơn nữa tính độc lập *đối với mọi nhân tố chính trị*".

Thật ra, bản báo cáo này

"cho *biết rõ* là có thể trông đợi những gì ở sự hy sinh và ở *trí óc thực tiễn* của những hội viên của Liên chi hội Giuy-ra".

Đáng lẽ họ phải bổ sung bản báo cáo bằng cách nói thêm rằng công nhân ở Sô-đơ-Phôn, trụ sở ban đầu của Ban chấp hành của họ, luôn luôn khước từ mọi quan hệ với họ. Mới đây thôi, tại đại hội toàn thể ngày 18 tháng Giêng 1872, những công nhân này đã trả lời bản thông báo của mười sáu người bằng cách nhất trí bỏ phiếu chuẩn y nghị quyết của Hội nghị đại biểu Luân Đôn

và cả nghị quyết của Đại hội đại biểu vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh trong tháng Năm 1871, nghị quyết này nói:

"vĩnh viễn đuổi Ba-cu-nin, Ghi-ôm và các môn đồ của chúng ta khỏi Quốc tế".

Có cần phải nói thêm dù chỉ một lời về ý nghĩa của cái gọi là đại hội đại biểu ở Xông-vi-li-ê, cái đại hội, theo lời của những người tham gia, "đã làm nổ ra một cuộc chiến tranh công khai trong nội bộ Quốc tế" chẳng?

Cố nhiên, những người này - bản thân họ càng bé nhỏ bao nhiêu thì họ lại càng la to bấy nhiêu- đã thu được những thành tựu không thể phủ nhận được. Tất cả các báo chí của phái tự do và báo chí cảnh sát đều công khai đứng về phía họ; trong việc cá nhân họ vu khống Tổng Hội đồng, và công kích một cách yếu ớt Quốc tế, họ đã được tiếp tay bởi những người cải cách giả hiệu ở tất cả các nước - ở Anh, bởi những người cộng hoá tư sản mà âm mưu đã bị Tổng Hội đồng làm cho thất bại; ở I-ta-li-a, bởi những người tự do tư tưởng giáo điều, tức là những kẻ, cách đây không lâu, dưới ngọn cờ của Xtê-pha-nô-ni, đã thành lập một "Hội toàn thế giới những người duy lý chủ nghĩa", có trụ sở bắt buộc tại Rô-ma, một hội "quyền uy chủ nghĩa" và "tôn ti", với những tu viện dành cho các thầy tu và các bà sơ vô thần; một hội mà điều lệ đã cho phép mỗi người tư sản hiến một vạn phrăng<sup>64</sup> thì được dựng một tượng bán thân bằng đá hoa trong phòng họp; cuối cùng ở Đức, bởi những người xã hội chủ nghĩa phái Bít-xmác, tức là những người đang đóng vai trò bọn áo trắng<sup>65</sup> của Đế chế Đức - Phổ, ấy là chưa kể đến cái tờ báo mang tính chất cảnh sát "Neuer Social - Demokrat"<sup>66</sup> do họ xuất bản.

Cái hội nghị giáo chủ ở Xông-vi-li-ê, trong một lời kêu gọi rung động lòng người, yêu cầu tất cả các chi hội Quốc tế kiên trì đòi triệu tập ngay tức khắc tại đại hội đại biểu, "để trừng phạt" - như công dân Ma-lông và Lơ-phơ-răng-xe nói - "những hành vi liên tục của Hội đồng Luân Đôn nhằm chiếm đoạt quyền hạn", những thực ra là để thay Quốc tế bằng Đồng minh. Lời kêu gọi

này đã được hưởng ứng một cách khích lệ đến nỗi họ phải lập tức làm giả một nghị quyết của cuộc đại hội đại biểu Bỉ gần đây. Họ tuyên bố trên cơ quan chính thức của mình ("Révolution Sociale" ngày 4 tháng Giêng 1872 rằng:

"Cuối cùng điều quan trọng hơn cả là các chi hội Bỉ đã họp đại hội ở Bruy-xen, ngày 24 và 25 tháng Chạp, và đã nhất trí ra nghị quyết giống hệt nghị quyết của đại hội ở Xông-vi-li-ê, về sự cấp thiết phải triệu tập ngay một đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp".

Cần phải nhận thấy rằng đại hội Bỉ đã thông qua một nghị quyết hoàn toàn trái ngược lại. Đại hội này đã giao cho đại hội Bỉ sẽ họp sau tháng Sáu, xây dựng một dự thảo cho Điều lệ chung mới, để trình cho đại hội đại biểu sắp tới của Quốc tế<sup>67</sup> xem xét.

Được tuyệt đại đa số hội viên Quốc tế đồng ý, Tổng Hội đồng sẽ chỉ triệu tập đại hội đại biểu hàng năm vào tháng Chín 1872.

## VII

Mấy tuần sau hội nghị đại biểu, các ông An-béc Ri-sác và Ga-xpác Blăng những thành viên có ảnh hưởng nhất và sốt sắng nhất của *Đồng minh*, đã tới Luân Đôn, với sứ mệnh là tuyển mộ trong số người Pháp lưu vong những trợ thủ sẵn sàng hoạt động cho việc phục hồi Đế chế, một việc mà họ cho là một biện pháp duy nhất để thoát khỏi Chi-e, và để cho túi của họ khỏi rỗng không. Tổng Hội đồng đã báo trước cho những người hữu quan, trong đó có cả Hội đồng Liên chi hội Bruy-xen, về những âm mưu kiểu Bô-na-pác-tơ của họ.

Vào tháng Giêng 1872, họ đã trút bỏ mặt nạ khi công bố cuốn sách: "Đế chế và nước Pháp mới. Lời nhân dân và thanh niên kêu gọi lương tâm của người Pháp". Tác phẩm của An-béc Ri-sác và Ga-xpác Blăng, Bruy-xen 1872<sup>68</sup>.

Với một vẻ khiêm tốn thường có của những tay bịp bợm trong Đồng minh, họ rao hàng như sau:

"Chúng tôi, những người đã tổ chức ra đạo quân to lớn của giai cấp vô sản Pháp,... chúng tôi, những lãnh tụ có ảnh hưởng nhất của Quốc tế ở nước Pháp<sup>1)</sup>,... chúng tôi may mắn không bị bắn chết, chúng tôi đến đây để dựng lên trước mắt họ (*những ông nghị hám danh, những phần tử cộng hoà bung phê, những người dân chủ giả danh đủ loại*) ngọn cờ dưới đó chúng ta đang chiến đấu; và bất chấp sự vu khống, sự đe dọa và mọi sự công kích đang chờ đón chúng tôi, chúng tôi đến đây để thét lên với châu Âu kinh ngạc cái tiếng thét xuất phát từ đáy lòng chúng tôi, cái tiếng thét chẳng bao lâu nữa sẽ vang lên trong trái tim của mọi người Pháp: **"Hoàng đế muôn năm!"**

"Cần phải khôi phục danh dự một cách rạng rỡ cho Na-pô-lê-ông III, người đã bị sỉ nhục và phỉ nhổ" -

---

1) Trên tờ "Égalité" (xuất bản ở Giơ-ne-vơ) ngày 15 tháng Hai 1872, dưới cái tiêu đề "Hãy vạch mặt chỉ trán!", chúng ta đọc thấy:

"Vẫn chưa đến lúc trình bày lịch sử thất bại của phong trào Công xã ở miền Nam nước Pháp, nhưng ngày bây giờ chúng tôi phần đông là những người đã chứng kiến sự thất bại thê thảm của cuộc khởi nghĩa Ly-ông ngày 30 tháng Tư, có thể tuyên bố rằng một trong những nguyên nhân khiến cho cuộc khởi nghĩa ấy thất bại là sự hèn nhát, sự phản bội và hành vi trộm cắp của G.Blăng, hắn đã lén vào khắp nơi mọi chốn, chấp hành mệnh lệnh của tên A.Ri-sác núp trong bóng tối.

Bằng những mảnh khoé có dụng ý, những tên vô lại này đã bôi nhọ được danh dự của nhiều người trong số những người đã tham gia công tác chuẩn bị của các uỷ ban khởi nghĩa.

Hơn nữa, bọn phản bội này còn làm cho Quốc tế ở Ly-ông mất hết uy tín đến mức trong khi nổ ra cuộc cách mạng Pa-ri, công nhân Ly-ông đã có một thái độ rất không tin nhiệm đối với Quốc tế. Đó là nguồn gốc của tình trạng hoàn toàn không có tổ chức; đó là nguồn gốc của sự thất bại của cuộc khởi nghĩa, một sự thất bại không tránh khỏi dẫn đến sự sụp đổ của Công xã chỉ dựa vào lực lượng của mình! Chi sau bài học đẫm máu đó, công tác tuyên truyền của chúng ta mới đoàn kết được công nhân Ly-ông xung quanh ngọn cờ của Quốc tế.

An-béc Ri-sác là đứa con cứng và là một nhà tiên tri của Ba-cu-nin và đồng bọn".

thế là ngài An-béc Ri-sác và ngài Ga-xpác Blăng được thưởng công bằng tiền của một quỹ bí mật, quỹ Xâm lăng thứ ba, đã nhận nhiệm vụ đặc biệt khôi phục danh dự cho hẳn.

Vả lại, họ thú nhận rằng:

"Quá trình phát triển tự nhiên của những tư tưởng của chúng tôi làm cho chúng tôi trở thành những người ủng hộ nền đế chế".

Đấy là một lời thú nhận ắt phải làm bùi tai đồng bọn của họ trong Đồng minh. Cũng như trong những ngày tốt đẹp của tờ "Solidarité", A.Ri-sác và Blăng vẫn tuân ra những lời lẽ cũ rích về cái thuyết "không tham gia hoạt động chính trị", là cái thuyết, căn cứ theo "quá trình phát triển tự nhiên", chỉ có thể thực hiện được dưới chế độ độc tài chuyên chế nhất, trong đó công nhân chẳng hề được tham gia vào chính trị, giống như một tù nhân không được đi dạo dưới ánh mặt trời.

"Thời đại của những nhà cách mạng", - họ tuyên bố, - "đã qua rồi... chủ nghĩa cộng sản đã được xác lập ở Đức và ở Anh, trước tiên là ở Đức. Chính tại nước Đức, tiện thể xin nói thêm, chủ nghĩa cộng sản đã được nghiên cứu một cách cẩn thận từ lâu để sau này phổ cập trong toàn bộ Quốc tế, và những thành tựu khiến cho người ta lo âu ấy của *ảnh hưởng Đức* trong Hội liên hiệp đã góp phần không nhỏ làm cản trở sự phát triển của Quốc tế, hay nói một cách chính xác hơn, đem lại cho nó một phương hướng mới trong các chi hội miền Trung và miền Nam nước Pháp, những chi hội chưa bao giờ tiếp nhận bất cứ một khẩu hiệu nào ở một người Đức nào".

Ở đây, chúng ta há chẳng đã nghe thấy tiếng nói của bản thân một ông trùm thầy cúng vĩ đại nhất<sup>1\*</sup>, một người kể từ khi Đồng minh ra đời, với tư cách là người Nga, đã tự đảm nhiệm cái sứ mệnh đặc biệt là đại diện cho các *chủng tộc la-tinh*, đó sao? Hay đấy là tiếng nói của "những nhà truyền giáo thực sự" của tờ "Révolution Sociale" (ngày 2 tháng Mười một 1871), trình trọng tố cáo

1\* - M. Ba-cu-nin.

"sự vận động giạt lùi mà những bậc trí giả của nước Đức và của Bít-xmác đã tìm cách gán cho Quốc tế".

Nhưng may thay, những truyền thống chân chính của Quốc tế vẫn được duy trì, và ông An-béc Ri-sác cùng ông Ga-xpác Blăng không bị bắn! Bởi vậy, "công việc" của họ là "đem lại một phương hướng mới" cho Quốc tế ở miền Trung và miền Nam nước Pháp, bằng cái mưu toan thành lập những chi hội mang tính chất Bô-na-pác-tơ và chỉ do đó cũng là những chi hội "tự trị" rồi.

Còn về việc tổ chức giai cấp vô sản thành một chính đảng mà hội nghị đại biểu Luân Đôn đã đề nghị, thì "chúng tôi" - Ri-sác và Blăng -

"sau sự phục tích của Đế chế, sẽ nhanh chóng thanh toán không chỉ những lý luận xã hội chủ nghĩa, mà cả những mưu đồ thực hiện những lý luận ấy hiện đang được thể hiện trong tổ chức cách mạng của quân chúng". Nói tóm lại, sử dụng cái "nguyên tắc chi hội tự trị" vĩ đại, cái nguyên tắc "tạo nên sức mạnh thật sự của Quốc tế... đặc biệt là trong các nước *chủng tộc la-tinh*"... ("Révolution Sociale", ngày 4 tháng Giêng)."

các ngài này đang trông ngóng vào trạng thái vô chính phủ trong Quốc tế.

Trạng thái vô chính phủ - đó là con ngựa chiến của ông thầy Ba-cu-nin của họ, kẻ chỉ lấy những nhãn hiệu trong các hệ thống xã hội chủ nghĩa thôi. Tất cả những người xã hội chủ nghĩa đều hiểu trạng thái vô chính phủ như sau: sau khi đã đạt được mục đích của phong trào vô sản là thủ tiêu giai cấp thì quyền lực nhà nước, cái quyền lực tồn tại để duy trì sự áp bức của một thiểu số rất nhỏ gồm những kẻ bóc lột đối với tuyệt đại đa số gồm những người sản xuất, cũng sẽ tiêu vong, và những chức năng chính phủ sẽ biến thành những chức năng quản lý đơn thuần Đồng minh lại đặt lộn ngược vấn đề. Nó tuyên bố trạng thái vô chính phủ trong hàng ngũ giai cấp vô sản là một thủ đoạn chắc chắn nhất để xoá bỏ sự tập trung mạnh mẽ của những lực lượng xã hội và chính trị trong tay bọn bóc lột. Viện cố đó, nó yêu

câu Quốc tế phải thay thế sự tổ chức của mình bằng trạng thái vô chính phủ, trong khi mà thế giới cũ đang tìm cách đè bẹp Quốc tế. Cảnh sát quốc tế cũng chẳng yêu cầu gì hơn để vĩnh viễn duy trì nền cộng hoà của Chi-e bằng cách khoá cho nó chiếc áo ngự bào<sup>1)</sup>.

Tổng Hội đồng:

*R.A-plơ-gác, Ăng-toan Ác-nô, M.G.Bun, Ph.Brát-ni-cơ, G.H. Bát-te-ri, Ph.Cu-rơ-nơ, Đơ-la-hay, Ô-gien Duy-pông, U-Hây-dơ, Hua-li-man, Giuy-lơ Giô-an-na-rơ, Hác-ri-ét Lô, Ph. Le-xnơ, Lóc-nơ, Mác-gơ-rít, Cô-xtan Mác-tanh, De-vi Mô-ri-xơ, Hen-ri-Mây-ô, Gioóc-giơ Min-nơ, Sác-lơ Ma-ri, Pơ-phen-đơ, Vi-ta-pơ Rét-gi-xơ, I.Rô-dơ-va-đốp-xki, Gi-rốt-chơ, Ruy-lơ, G.Run-vi-e, Xát-lơ, Cau-en Xtép-ni, An-phrét Tay-lo, U. Tao-xen-đơ, Ê. Vai-ăng, Giôn Oét-xơn, Ph. Gi.Gia-rau.*

Các bí thư thông tấn:

**Các Mác** - liên lạc với Đức và Nga: **Lê-ô Phran-ken** - liên lạc với Áo và Hung, **A. Héc-man** - liên lạc với Bỉ: **T.Mốt-tơ-xhết** - liên lạc với Đan Mạch: **I.G. ếch-ca-ri-út**, liên lạc với Hợp chúng

1) Trong báo cáo về đạo luật của Đuy-phô-rơ, đại biểu nghị viện địa chủ Xa-ca-dơ, trước hết công kích "tổ chức" của Quốc tế. Hắn rất căm ghét tổ chức này. Sau khi xác nhận "bước tiến lên của Hội liên hiệp đáng sợ này", hắn nói tiếp: "Hội liên hiệp này bác bỏ... hoạt động bí mật của các phe phái có trước nó. Tổ chức của nó hình thành và biến đổi trước con mắt mọi người. Do sức mạnh của tổ chức ấy... phạm vi hoạt động và ảnh hưởng của nó ngày càng mở rộng. Ảnh hưởng ấy đang thâm nhập khắp mọi nước". Sau đó Xa-ca-dơ "trình bày sơ lược" tổ chức đó và cuối cùng nói: "Kế hoạch của cái tổ chức rộng khắp ấy... với tính thống nhất sáng suốt của nó, là như vậy đó. Sức mạnh của nó nằm trong bản thân ý đồ của nó. Sức mạnh của nó cũng ở trong khối đông tít đồ của nó, những tít đồ được gắn bó vào một hoạt động chung và cuối cùng ở trong sự kích thích không thể cưỡng lại được thúc đẩy họ hành động".

quốc; **Lơ Mút-xuy** - liên lạc với Chi hội người Pháp ở Hợp chúng quốc; **Ô-Xê-rai-ơ** - liên lạc với Pháp, **Sác-lơ Rô-sa** - liên lạc với Hà Lan; **G.P. Mác Đô-nen** - liên lạc với Ai-rơ-len; **Ph.Ăng-ghen** - liên lạc với I-ta-li-a và Tây Ban Nha; **Va-lê-ri Vru-bơ-lép-xki** - liên lạc với Ba Lan: **H.I-ung** liên lạc với Thụy Sĩ.

**Sác-lơ Lông-ghê** - Chủ tịch hội nghị

**Héc-man I-ung** - Thủ quỹ

**Giôn Hây-đơ** - Tổng thư ký.

Luân Đôn, ngày 5 tháng Ba 1872

33, Quảng trường Rát-bon.

## C.MÁC

### CÁC NGHỊ QUYẾT NÓI VỀ SỰ CHIA RẼ TRONG LIÊN CHI HỘI NƯỚC MỸ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI HỘI NGHỊ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

Ngày 5 và ngày 12 tháng Ba 1872<sup>69</sup>

#### I

#### VỀ HAI HỘI ĐỒNG LIÊN CHI HỘI

*Điều 1.* - Xét rằng các hội đồng Trung ương được lập ra chỉ là để bảo đảm "sức mạnh đoàn kết và sức mạnh tổ chức của phong trào công nhân" (điều 7 của Điều lệ chung) trong mỗi nước; rằng sự tồn tại của hai hội đồng Trung ương cạnh tranh nhau trong cùng một liên chi hội là rõ ràng vi phạm Điều lệ chung;

Tổng Hội đồng kêu gọi hai hội đồng liên chi hội lâm thời ở Niu Oóc đoàn kết lại và hành động như một Hội đồng liên chi hội lâm thời thống nhất của nước Mỹ cho đến khi triệu tập đại hội đại biểu toàn quốc nước Mỹ kỳ tới.

*Điều 2.* - Xét rằng nếu trong thành phần của Hội đồng liên chi hội lâm thời này có quá nhiều những uỷ viên chỉ vừa mới gia nhập Hội liên hiệp công nhân quốc tế, thì năng lực công tác

của Hội đồng sẽ yếu, nên Tổng Hội đồng đề nghị những chi hội vừa mới thành lập và còn ít người hãy hợp lại để cử ra một số đại biểu chung.

#### II

#### ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC CỦA LIÊN CHI HỘI NƯỚC MỸ

*Điều 1.* - Tổng Hội đồng đề nghị triệu tập vào ngày 1 tháng Bảy 1872 đại hội đại biểu toàn quốc của các chi hội và các đoàn thể đã gia nhập ở nước Mỹ.

*Điều 2.* - Đại hội đại biểu này phải bầu ra Hội đồng liên chi hội của nước Mỹ. Đại hội có thể, nếu nhận thấy cần thiết, giao cho Hội đồng liên bang, được bầu ra theo cách đó, quyền chỉ định bổ sung một số uỷ viên rất hạn chế vào Hội đồng của mình.

*Điều 3.* - Chỉ đại hội đại biểu này mới có quyền đặt ra điều lệ và quy chế địa phương cho tổ chức của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở nước Mỹ, nhưng bản điều lệ và quy chế địa phương đó không được có điểm gì trái với Điều lệ và Quy chế chung của Hội liên hiệp (Quy chế tổ chức, chương V, điều 1).

#### III

#### CÁC CHI HỘI<sup>1\*</sup>

*Điều 1.* - Xét rằng chi hội số 12 ở Niu Oóc chẳng những đã chính thức thông qua nghị quyết, theo đó "mỗi chi hội" đều có "quyền" giải thích "một cách độc lập" theo ý của mình "những nghị quyết của các kỳ đại hội đại biểu" và "Điều lệ và Quy chế chung"; và hơn nữa, nó đã thực hiện một cách đầy đủ nguyên tắc ấy, một nguyên tắc mà nếu được tất cả mọi người chấp nhận

<sup>1\*</sup> Trong báo Woodhull and Claflin's Weekly" chương này có tiêu đề là "Chi hội thứ 12".

thì sẽ khiến cho Hội liên hiệp công nhân quốc tế không còn gì nữa ngoài cái tên gọi mà thôi.

xét rằng chi hội này thường xuyên lợi dụng Hội liên hiệp công nhân quốc tế để thực hiện những mục đích xa lạ hoặc trái ngược hẳn với nhiệm vụ và tôn chỉ của Quốc tế;

vì lý do đó, Tổng Hội đồng nhận thấy có trách nhiệm phải thi hành nghị quyết của Đại hội Ba-lơ lần thứ VI về những vấn đề tổ chức<sup>70</sup> và tạm thời khai trừ chi hội số 12 cho đến khi triệu tập Đại hội chung thường kỳ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế phải họp vào tháng Chín 1872.

*Điều 2.* - Xét rằng Hội liên hiệp công nhân quốc tế, căn cứ theo Điều lệ chung, phải bao gồm chỉ "những đoàn thể công nhân" (xem các điều 1, 7 và 11 Điều lệ chung);

rằng do đó, điều 9 Điều lệ chung - điều này quy định hễ người nào thừa nhận và bảo vệ những nguyên tắc của Hội liên hiệp công nhân quốc tế đều có thể trở thành hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế" - tuy cũng cho những người không phải là công nhân<sup>1\*</sup> nhưng tích cực ủng hộ *Quốc tế*, có quyền trực tiếp gia nhập một cách cá biệt vào Quốc tế hoặc được nhận kết nạp vào những chi hội của Quốc tế do công nhân hợp thành, nhưng tuyệt nhiên không thừa nhận là hợp pháp việc thành lập những chi hội chỉ bao gồm hoặc chủ yếu bao gồm những hội viên không thuộc giai cấp công nhân.

rằng chính vì vậy mà Tổng Hội đồng trước đây mấy tháng đã buộc phải từ chối thừa nhận chi hội người Xla-vơ chỉ bao gồm những sinh viên<sup>71</sup>;

rằng căn cứ theo chương V, điều 1 Quy chế tổ chức, thì có thể vận dụng Điều lệ và Quy chế chung cho thích hợp với "điều kiện địa phương của mỗi nước";

1\* Trong báo "Woodhull and Claflin's Weekly" những chữ "không phải là công nhân" bị lược bỏ.

rằng những điều kiện xã hội của nước Mỹ, tuy về nhiều mặt khác cũng rất là thuận lợi cho thành công của phong trào công nhân, nhưng đặc biệt dễ dàng làm cho những bọn cải cách giả hiệu, những tên tư sản bịp bợm và những chính khách đã bán mình chui vào *Quốc tế*;

vì lẽ đó, Tổng Hội đồng đề nghị từ nay trở đi không chấp nhận những chi hội mới<sup>1\*</sup> của nước Mỹ gia nhập Hội liên hiệp, nếu những chi hội này không có ít nhất là hai phần ba hội viên là công nhân làm thuê.

*Điều 3.* - Tổng Hội đồng lưu ý Liên chi hội nước Mỹ điều 3 nghị quyết của Hội nghị đại biểu Luân Đôn lần thứ II về những chi hội "bè phái chủ nghĩa"<sup>2\*</sup> hoặc "những tổ chức phân lập chủ nghĩa đòi thực hiện những nhiệm vụ đặc biệt" khác với mục đích chung của Hội liên hiệp, tức là: giải phóng người lao động khỏi "sự chi phối về mặt kinh tế của bọn độc quyền đối với tư liệu lao động", sự chi phối đó là "cơ sở của sự nô dịch dưới mọi hình thức, của mọi sự bần cùng xã hội, mọi sự khuất phục tinh thần và mọi sự lệ thuộc chính trị" (xem lời nói đầu của Điều lệ chung).

*Do C.Mác viết khoảng ngày 5 tháng Ba 1872*

*Đã đăng trên báo "La Emancipacion" số 43, ngày 6 tháng Tư 1872, báo "Woodhull and Claflin's Weekly", số 103, ngày 4 tháng Năm 1872 và báo "Der Volksstaat" số 37, ngày 8 tháng Năm 1872*

*In theo bản thảo có đối chiếu với bản đăng trên báo*

*Nguyên văn là tiếng Anh*

1\* Trong báo "Woodhull and Claflin's Weekly", chữ "mới" bị lược bỏ.

2\* Trong báo "Woodhull and Claflin's Weekly", những chữ "bè phái chủ nghĩa" bị lược bỏ.

## C.MÁC

### GỬI ÔNG CHỦ BÚT BÁO "LA LIBERTÉ"<sup>72</sup>

Luân Đôn, ngày 12 tháng Ba 1872

Thưa ngài chủ bút!

Trong cuốn sách của ngài G. Lơ-phơ-răng-xe "Bàn về phong trào công xã" mà tôi mới được đọc cách đây mấy ngày, ở trang 92 tôi đã phát hiện ra mấy dòng sau đây:

"Bức thư mà C.Mác, người cố vũ chính của chi hội Đức của Quốc tế, sau này đã viết cho ngài Xê-rai-ơ về cuộc bầu cử ngày 8 tháng Hai, trong đó ông ta có phần xót xa phê bình việc chi hội nước Pháp tham gia những cuộc bầu cử ấy, - chứng tỏ một cách đầy đủ rằng Quốc tế - dấu hiệu này có đúng hay không - lúc bấy giờ ít muốn can thiệp vào chính trị"<sup>73</sup>.

Ngay sau khi trên báo xuất hiện bức thư tưởng như là do tôi viết cho Xê-rai-ơ, tôi đã tuyên bố trên báo "Times", trên báo "Courrier de l'Éuro", trên báo "Zukunft" ở Béc-lin v.v. rằng bức thư đó là do tờ "Paris - Journal" bịa ra. Về phần mình, Xê-rai-ơ đã công khai vạch trần một nhà báo cảnh sát là tác giả thật sự của bức thư đó. Vì hầu như tất cả các cơ quan báo chí của Quốc tế và thậm chí một số tờ báo ở Pa-ri cũng đã đăng bản tuyên bố của chúng tôi, cho nên tôi thành thật lấy làm ngạc nhiên về việc ông Lơ-phơ-răng-xe vẫn cứ công khai ký tên chứng thực tài liệu giả mạo do Hăng-ri-Đơ Pe-nơ bịa đặt ra<sup>74</sup>.

Thưa ngài, xin gửi ngài lời chào rất kính trọng.

*Các Mác*

*Đã đăng trên báo "La Liberte" số 11,  
ngày 17 tháng Ba 1872*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Pháp*



## C.MÁC

### CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA CUỘC MÍT-TINH KỶ NIỆM CÔNG XÃ PA-RI<sup>75</sup>

Cuộc mít-tinh được triệu tập nhân dịp kỷ niệm ngày 18 tháng Ba 1871 đã thông qua các nghị quyết sau đây:

#### I

Cuộc mít-tinh nhận định phong trào anh dũng ngày 18 tháng Ba là bình minh của cuộc cách mạng xã hội vĩ đại sẽ giải phóng vĩnh viễn loài người khỏi xã hội có giai cấp.

#### II

Cuộc mít-tinh tuyên bố rằng sự ngu xuẩn và những tội ác của các của giai cấp tư sản vì căm thù công nhân mà liên kết lại ở khắp cả châu Âu, đã kết án tử hình xã hội cũ, bất kể chính thể của xã hội đó là như thế nào - dù là chính thể quân chủ hay chính thể cộng hoà.

#### III

Cuộc mít-tinh tuyên bố rằng cuộc thập tự chinh của chính phủ tất cả các nước chống Quốc tế và sự khủng bố của bọn giết người ở Véc-xay, cũng như của bọn người Phổ chiến thắng chúng, chúng

tổ thắng lợi của chúng ta không bền vững và chứng minh rằng đứng sau đội tiên phong anh dũng mà Chi-e và Vin-hem đang hợp lực để tiêu diệt, có cả một đội quân đáng ghê sợ của giai cấp vô sản thế giới.

*Do C.Mác viết vào khoảng giữa những ngày từ 13 đến 18 tháng Ba 1872  
Đã đăng trên báo "La Liberie" số 12, ngày 24 tháng Ba 1872 và trên báo "The International Herald" số 3, ngày 30 tháng Ba 1872.*

*In theo bản chép tay của con gái Mác là Gi-en-ni Mác và đã được Mác sửa chữa  
Nguyên văn là tiếng Pháp*

## PH.ĂNG-GHEN GỬI HỘI ĐỒNG LIÊN CHI HỘI TÂY BAN NHA

Chúng tôi đã nhận được bức thư của các đồng chí đề ngày 15 tháng Ba và rất cảm ơn các đồng chí đã báo cáo tường tận về tình hình thực tế của Hội liên hiệp chúng ta ở Tây Ban Nha, một tình hình khiến cho người ta rất hài lòng đối với hoàn cảnh hiện nay của chúng ta. Phân quan trọng nhất trong báo cáo của các đồng chí, chúng tôi sẽ công bố. Chúng tôi gửi các đồng chí một bức thư cho đại hội Xa-ra-gốt và sau đây ít nữa, sẽ đánh một bức điện<sup>1\*</sup>. Bức điện sẽ gửi đi nhân danh Tổng Hội đồng và Hội đồng Liên chi hội Anh. Còn về nước Pháp, thì do đạo luật Duy-phô-rơ chống Quốc tế, nên Hội đồng Liên chi hội không thể tồn tại ở đây; nhưng chúng tôi sẽ viết thư đến Pa-ri để chi hội Phê-re<sup>76</sup> gửi các đồng chí bức thư cho đại hội - trong thư này sẽ không ký tên, song nếu các đồng chí thấy trong đó có ký tên chi hội Phê-re là mọi việc đều ổn. Ở Đức, những vụ án xét xử gần đây tạm thời làm cho Hội liên hiệp bị phá hoại tổ chức, và như các đồng chí đã biết, Líp-nếch và Bê-ben bị kết án hai năm tù chủ yếu vì hoạt động theo tinh thần của Quốc tế; vì vậy việc chuyển điện đi từ đó trong lúc này là một việc không thể thực hiện được, nhưng chúng tôi đã gửi bức thư của các đồng chí đến nước Đức.

<sup>1\*</sup> Xem tập này, tr.87-89.

Còn về những thẻ hội phí thì chẳng có khó khăn gì cả. Theo ý các đồng chí, có thể dùng bao nhiêu thì cứ yêu cầu bấy nhiêu, và chuyển cho chúng tôi hội phí hoặc một phần của số hội phí *đã thu được* cho đến ngày 1 tháng Bảy; chậm nhất là ba tuần lễ trước khi đại hội đại biểu được triệu tập, hãy gửi cho chúng tôi số hội phí còn lại cùng với những thẻ hội phí không dùng hết. Thẻ hội phí còn rất nhiều ở chỗ chúng tôi, nhưng nếu các đại biểu của các đồng chí tại đại hội trả lại cho chúng tôi nghìn tờ, thì cũng chẳng sao cả.

Chiều hôm qua uỷ viên tài chính I-ung không có mặt tại phiên họp của Hội đồng, tôi đã gửi giấy biên nhận cho đồng chí đó, để đồng chí ấy ký vào đó; khi nào tôi nhận được giấy biên nhận, tôi sẽ chuyển ngay cho các đồng chí cùng với bức thư gửi đại hội đại biểu Xa-ra-gốt.

Chúng tôi hy vọng rằng các đồng chí sẽ trình những nghị quyết của hội nghị đại biểu Luân Đôn lên đại hội đại biểu của mình thông qua. Hiện giờ những nghị quyết ấy đã được những liên chi hội sau đây thừa nhận: Liên chi hội Đức, Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh. Liên chi hội Đức - Thụy Sĩ (Xuy-rích), Liên chi hội Anh, Liên chi hội Hà Lan và Liên chi hội Mỹ, và các chi hội Pháp và Ai-rơ-len.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 27 tháng Ba 1872*

*Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, xuất bản lần thứ nhất, t.XXVI, năm 1935*

*In theo bản thảo bức thư*

*Nguyên văn là tiếng Tây Ban Nha*

## C.MÁC

# QUỐC HỮU HOÁ RUỘNG ĐẤT<sup>77</sup>

Sở hữu ruộng đất, nguồn gốc đầu tiên của mọi của cải, đã trở thành một vấn đề lớn mà việc giải quyết sẽ quyết định tương lai của giai cấp công nhân<sup>1\*</sup>.

Tôi không đề ra cho mình nhiệm vụ thảo luận ở đây tất cả những luận cứ mà những người bảo vệ chế độ tư hữu về ruộng đất đã đưa ra - những nhà luật học, những nhà triết học và những nhà kinh tế học - ở đây, tôi chỉ nêu ra rằng trước hết, những người này đã bỏ ra không ít công sức để che đậy cái *sự kiện* chiếm đoạn *ban đầu*, bằng cái "*quyền tự nhiên*". Nếu như sự chiếm đoạt đã tạo nên quyền tự nhiên cho một số ít người thì số đông chỉ còn việc tập hợp những lực lượng đầy đủ để giành lấy cái quyền tự nhiên là chiếm lại cái mà họ đã bị cướp mất.

Trong tiến trình lịch sử, những kẻ chiếm đoạt đều nhận thấy cần phải thông qua những luật pháp do chính bản thân họ đặt ra, để đem lại một tính ổn định<sup>2\*</sup> xã hội nào đó cho cái quyền nguyên thủy này sinh ra từ sức mạnh thô bạo.

Thế rồi một nhà triết học xuất hiện và tuyên bố rằng, những luật pháp đó hàm ý và thể hiện sự nhất trí chung của loài người<sup>3\*</sup>.

1\* Trong bản nháp trước câu này ghi "Để nói thêm về điểm 1".

2\* Trong bản nháp thay cho những chữ "tính ổn định" là những chữ "sự thừa nhận".

3\* Trong bản nháp, thay cho những chữ "loài người" là những chữ "xã hội".

Nếu quả thật chế độ tư hữu về ruộng đất là dựa trên một sự nhất trí chung như vậy thì rõ ràng là chế độ đó nhất định phải mất đi khi mà đại đa số của xã hội không muốn duy trì chế độ đó nữa.

Nhưng tôi hằng gác lại một bên cái gọi là "những quyền" sở hữu, tôi khẳng định rằng sự phát triển kinh tế của xã hội, sự tăng lên và sự tập trung dân số - đó là những điều kiện buộc người chủ trại tư bản chủ nghĩa áp dụng, trong nông nghiệp, lao động tập thể, có tổ chức và sử dụng các máy móc và những phát minh khác - sẽ làm cho việc quốc hữu hoá ruộng đất ngày càng trở thành một "*tất yếu xã hội*" mà chống lại nó, mọi lý lẽ về quyền sở hữu đều bất lực. Những nhu cầu bức thiết của xã hội phải được thoả mãn và nhận định sẽ được thoả mãn, những biến đổi do dự tất yếu xã hội đòi hỏi, sẽ tự mở cho mình con đường đi và sớm muộn sẽ làm cho luật pháp thích ứng với những biến đổi đó.

Cái mà chúng ta cần là một nền sản xuất ngày một lớn, và nhu cầu của nền sản xuất vẫn không thể nào được thoả mãn khi một nhóm người còn có thể điều tiết sản xuất theo sở thích và lợi ích riêng tư của họ hoặc làm cạn kiệt ruộng đất một cách ngu ngốc. Tất cả những phương pháp hiện đại như tưới nước, tiêu nước, cày bằng hơi nước, sản phẩm hoá học v.v..., phải được áp dụng rộng rãi trong nông nghiệp. Nhưng những tri thức khoa học mà chúng ta nắm được và những phương tiện kỹ thuật để canh tác mà chúng ta có, như máy móc v.v... chỉ có thể dùng một cách có kết quả nếu được dùng trong việc canh tác đại quy mô.

Nếu như việc canh tác đại quy mô (ngay cả bằng cái phương thức tư bản chủ nghĩa ngày nay đang làm cho bản thân người sản xuất trở thành trâu ngựa), xét theo quan điểm kinh tế<sup>1\*</sup>, vẫn

1\* Trong bản nháp không có những chữ "xét theo quan điểm kinh tế".

có lợi hơn nhiều so với canh tác nông nghiệp trên những mảnh đất nhỏ và phân tán, thế thì việc canh tác nông nghiệp trên quy mô toàn quốc lẽ nào không tạo nên một sức thúc đẩy lớn hơn cho sự phát triển sản xuất?

Một mặt, nhu cầu của nhân dân không ngừng tăng lên, mặt khác, sự tăng lên không ngừng của giá cả sản phẩm nông nghiệp đang chứng minh một cách không thể bác bỏ được rằng việc quốc hữu hoá ruộng đất đã trở thành một tất yếu xã hội.

Cố nhiên là không thể có tình trạng sản phẩm nông nghiệp bị giảm sút do hành động tùy tiện của một số cá nhân, khi việc canh tác ruộng đất được đặt dưới sự kiểm soát của xã hội<sup>1\*</sup> và vì lợi ích của xã hội.

Tất cả các vị đã phát biểu khi thảo luận vấn đề này đều bảo vệ việc quốc hữu hoá ruộng đất, nhưng họ giữ những quan điểm hết sức khác nhau<sup>2\*</sup>.

Người ta luôn luôn dẫn chứng nước Pháp; nhưng nước Pháp với chế độ sở hữu nông dân của nó, so với nước Anh với chế độ đại địa chủ của nó, thì còn cách xa với quốc hữu hoá ruộng đất nhiều lắm<sup>3\*</sup>. Ở Pháp, quả vậy, hễ ai có khả năng mua ruộng đất, đều có thể có ruộng đất, nhưng chính việc có thể có được ruộng đất như vậy đã dẫn đến tình trạng phân chia đất đai thành nhiều mảnh nhỏ được canh tác bởi những người có ít tiền và chủ yếu dựa vào lao động bản thân và lao động của gia đình mình. Hình thức sở hữu ruộng đất này và phương thức canh tác bằng những mảnh đất nhỏ do hình thức sở hữu ấy tạo nên, đang loại trừ mọi việc ứng dụng những phương pháp cải tiến hiện đại trong nông nghiệp, đồng thời biến bản thân người nông dân thành kẻ

1\* Trong bản nháp tiếp đó là những chữ: "do xã hội đòi hỏi và vì lợi ích của xã hội".

2\* Trong bản nháp không có câu này: hình như câu này là của ông Duy-pông.

3\* Trong bản nháp trước câu này ghi: "Để nói thêm về điểm 5".

kiên quyết phản đối mọi tiến bộ xã hội và nhất là phản đối quốc hữu hoá ruộng đất. Người nông dân bị trói chặt vào miếng đất mà họ phải bỏ tất cả tinh lực của mình vào đó để có được một thu nhập nhỏ bé, họ phải đem phần lớn sản phẩm của họ nộp cho nhà nước dưới hình thức thuế má, nộp cho bon quan toà dưới hình thức án phí và nộp cho bọn cho vay nặng lãi dưới hình thức lợi tức; họ không biết gì về phong trào xã hội ngoài cái phạm vi hoạt động nhỏ bé của họ và vẫn cứ bám chặt với ý thức cuồng tín vào mảnh đất nhỏ của họ và vào cái quyền sở hữu thuần túy trên danh nghĩa của họ về mảnh đất nhỏ đó. Vì thế người nông dân Pháp bị hãm vào một tình trạng đối lập bất hạnh với giai cấp công nhân công nghiệp.

Vì chế độ sở hữu nông dân là một trở ngại lớn nhất cho việc quốc hữu hoá ruộng đất, nên trong tình hình hiện nay, nước Pháp hiển nhiên không phải là nước mà chúng ta phải tìm ở đấy cái giải pháp cho vấn đề trọng đại này.

Khi chính quyền đang nằm trong tay giai cấp tư sản thì việc quốc hữu hoá ruộng đất và việc giao lại những mảnh đất nhỏ đó cho cá nhân hoặc các hội hiệp tác công nhân chỉ gây ra sự cạnh tranh tàn khốc giữa họ và do đó làm cho địa tô tăng lên, mà như vậy thì lại đem lại những lợi lộc mới cho những kẻ chiếm hữu đang sống dựa vào những người sản xuất.

Tại đại hội đại biểu của Quốc tế ở Bruy-xen năm 1868, một trong những đồng chí chúng ta đã nói:

"Chế độ tư hữu về ruộng đất bị khoa học lên án, còn chế độ sở hữu lớn về ruộng đất bị chính nghĩa lên án. Như vậy, chỉ có một trong hai khả năng này: hoặc là ruộng đất phải trở thành sở hữu của các tổ chức hiệp hội nông nghiệp, hoặc là ruộng đất phải trở thành sở hữu của cả nước. Tương lai sẽ giải quyết vấn đề đó"<sup>78</sup>

Ngược lại, tôi nói rằng<sup>1\*</sup>: sự vận động của xã hội sẽ quyết

1\* Trong bản nháp thay cho câu tiếp theo là câu: "Tương lai sẽ quyết định đất đai chỉ có thể là sở hữu nhà nước".

định là ruộng đất chỉ có thể là sở hữu của nhà nước. Giao đất đai cho những người lao động nông nghiệp đã liên hợp lại, sẽ làm cho xã hội chỉ phải phục tùng một giai cấp những người sản xuất thối.

Quốc hữu hoá ruộng đất sẽ làm thay đổi hoàn toàn quan hệ giữa lao động và tư bản, và rút cục lại, sẽ thủ tiêu hoàn toàn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp. Lúc đó sẽ không còn sự phân biệt giai cấp, đặc quyền, cùng với cơ sở kinh tế làm chỗ dựa cho chúng<sup>1\*</sup>. Sống dựa vào lao động của kẻ khác sẽ trở thành chuyện dĩ vãng. Mà chính phủ hoặc nhà nước đối lập với bản thân xã hội cũng sẽ không còn nữa! Nông nghiệp, ngành khai khoáng, công nghiệp, tóm lại, tất cả các ngành sản xuất, dần dần sẽ được tổ chức một cách hợp lý nhất. *Sự tập trung với quy mô toàn quốc những tư liệu sản xuất* sẽ trở thành cơ sở toàn quốc<sup>2\*</sup> của một xã hội gồm những tổ chức liên hợp của những người sản xuất bình đẳng và tự do, tiến hành lao động xã hội theo một kế hoạch chung và hợp lý. Đó là cái mục tiêu nhân đạo<sup>3\*</sup> mà sự vận động kinh tế vĩ đại của thế kỷ XIX đang dẫn đến.

*Do C.Mác viết vào tháng Ba - tháng Tư  
1872*

*Đã đăng trên báo "The International  
Herald" số 11, ngày 15 tháng Sáu 1872*

*In theo bản đăng trên báo, có đôi  
chiều với bản nháp*

*Nguyên văn là tiếng Anh*

1\* Trong bản nháp thay cho những chữ "làm chỗ dựa cho chúng" là những chữ "đã sản sinh ra những giai cấp ấy, và xã hội biến thành một liên hợp của những người sản xuất tự do".

2\* Trong bản nháp thay cho những chữ "toàn quốc" là những chữ "tự nhiên".

3\* Trong bản nháp những chữ "nhân đạo" bị gạch bỏ.

## PH.ĂNG-GHEN GỬI CÁC VỊ ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC TÂY BAN NHA HỌP TẠI XA-RA-GỐT<sup>79</sup>

Luân Đôn, ngày 3 tháng Tư 1872

Thưa các vị!

Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế uỷ thác cho tôi chuyển tới các vị lời chào mừng của Hội đồng nhân dịp triệu tập đại hội đại biểu lần thứ hai của các chi hội Tây Ban Nha. Thực vậy, các vị có thể chào mừng những thành tựu mà mình đã đạt được trong một thời gian ngắn ngủi như vậy. Quốc tế được thành lập ở Tây Ban Nha cách đây chưa đầy ba năm, mà hiện nay đã có những chi hội và những liên chi hội khắp cả nước; nó có tổ chức trong tất cả các thành phố và hiện nay đang thâm nhập vào nông thôn. Do hoạt động của các vị và cũng do những hành vi truy bức vô lý và ngu ngốc của các

chính phủ bị thay đi đổi lại của nước các vị, các vị mới có thể giành được những thành tích to lớn và đạt tới chỗ Quốc tế ở Tây Ban Nha đã biến thành một lực lượng thực tế. Nhưng đồng thời cũng không nên quên rằng những thành tích ấy chỉ có thể giành được nhờ có cơ cấu tổ chức đặc biệt của Hội liên hiệp chúng ta, một cơ cấu tổ chức đem lại sự tự do hành động hoàn toàn cho mỗi liên chi hội toàn quốc hoặc địa phương, còn đối với các cơ quan trung ương của Hội liên hiệp, thì chỉ trao cho toàn quyền trong phạm vi tuyệt đối cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho những cơ quan này đấu tranh có kết quả cho sự thống nhất cương lĩnh và cho lợi ích chung, không để cho Hội liên hiệp biến thành cái đồ chơi của những âm mưu của giai cấp tư sản và của cảnh sát<sup>1\*</sup>.

Chắc chắn các vị còn gặp phải không ít những sự hãm hại. Lúc đó các vị hãy nhớ cho rằng có những nước khác - như Pháp, Đức, Áo, Hung -ga-ri tại đó có các hội viên của Quốc tế đang gặp phải những sự đàn áp còn tàn khốc hơn nữa của chính phủ, nhưng họ vẫn không cúi đầu khuất phục: họ cũng như các vị đều hiểu rằng, những sự truy nã là cách tuyên truyền tốt nhất cho Hội liên hiệp của chúng ta và trên thế giới không có một lực lượng nào hùng mạnh đủ để diệt trừ tận gốc phong trào cách mạng không ngừng dâng lên của giai cấp vô sản ngày nay. Để tiêu diệt Quốc tế, cần phải tiêu diệt cái cơ sở đang sản sinh ra Quốc tế một cách tự nhiên, tức là tiêu diệt bản thân xã hội ngày nay.

Chào thân ái.

<sup>1\*</sup> Trong bản nháp của bức thư, tiếp đó là đoạn sau đây: "Không một tổ chức nào của giai cấp tư sản có thể tồn tại trong những điều kiện như vậy; công lao vô cùng to lớn của giai cấp vô sản ngày nay là ở chỗ, để tiến hành cuộc đấu tranh chung nó đã lập nên một Hiệp hội bao trùm khắp tất cả các nước văn minh và đồng thời không hề xâm phạm đến sự tự trị của mỗi liên chi hội riêng lẻ".

Theo sự uỷ nhiệm của Tổng Hội đồng  
Bí thư về Tây Ban Nha,  
**Ph.Ăng-ghen**

*Đã đăng trên các báo "La Emancipacion"  
số 44, ngày 13 tháng Tư 1872, báo "La Liberté"  
số 17, ngày 28 tháng Tư 1872 và báo "Der  
Volksstaat" số 36, ngày 4 tháng Năm 1872*

*In theo bản đăng trên báo "La  
Emancipacion", có đối chiếu với  
bản nháp bức thư  
Nguyên văn là tiếng Tây Ban Nha*

**PH.ĂNG-GHEN**  
**GỬI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU XA-RA-GỐT**

Luân Đôn, ngày 6 tháng Tư 1872

Tổng Hội đồng và Hội đồng liên chi hội Anh chào mừng đại hội đại biểu Xa-ra-gốt.

Sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản muôn năm!

*Ăng-ghen*

*Đã đăng trên báo "La*

*Emancipacion" số 44, ngày 13 tháng*

*Tư 1872*

*In theo bản đăng trên báo*

*Nguyên văn là tiếng Tây Ban Nha*

**C.MÁC**  
**TUYÊN BỐ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG**  
**HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ**  
**NHÂN BÀI PHÁT BIỂU CỦA CÔ-CREN**  
**TẠI HẠ NGHỊ VIỆN<sup>80</sup>**

Những chiến công của nghị viện địa chủ Véc-xay và nghị viện Tây Ban Nha, - những nghị viện này coi việc tiêu diệt Quốc tế là mục đích của mình, - đã thức tỉnh thật là đúng lúc các tinh thần đua tranh cao cả trong trái tim của các đại diện quý tộc trong Hạ nghị viện Anh. Và đây, ngày 12 tháng Tư 1872, ngài B.Cô-cren - một trong những đại biểu xuất chúng của loài người mà ta có thể dựa vào đó để xét đoán trình độ hiểu biết của các giai cấp lớn trên - đã lưu ý nghị viện về lời nói và việc làm của các đoàn thể đáng sợ này. Vốn là một người không ưa thích đọc sách cho lắm, cho nên để chuẩn bị bài về vấn đề này, ông ta đã làm một chuyến đi, vào mùa thu năm qua, nhằm mục đích tìm hiểu tình hình của một số bộ tham mưu của Quốc tế trên lục địa; sau chuyến đi ấy trở về ông ta vội vàng viết một bức thư cho báo "Times" để giữ lấy cho mình cái quyền ưu tiên nào đó trong vấn đề này. Bài phát biểu của ông ta tại nghị viện, nếu ở cửa miệng của bất cứ người nào khác, sẽ được coi là cố tình và chủ tâm không bàn đến vấn đề đang được nói đến. Rất nhiều ấn phẩm chính thức của Quốc tế, chỉ trừ một ngoại lệ, không được ông ta biết đến; ông ta không viện dẫn những ấn phẩm đó, là lại viện dẫn một số những điều trích dẫn trong

các sách báo tư nhân có số in rất ít và xuất bản tại Thụy Sĩ; về những điều trích dẫn thì Quốc tế, với tính cách là một tổ chức, có phần chịu trách nhiệm ở mức độ cũng như nội các Anh chịu trách nhiệm về bài diễn văn của ngài Cô-cren mà thôi. Theo lời của ông ta,

"đại đa số những người gia nhập Hội liên hiệp này tại nước Anh - tổng cộng có 18 vạn người - hoàn toàn không biết gì cả về những nguyên tắc được dự định thực hiện, những nguyên tắc đó, trong lúc họ gia nhập Quốc tế đã được giấu giếm một cách rất cẩn thận đối với họ.

Nhưng những nguyên tắc mà Quốc tế dự định thực hiện, đều đã được trình bày trong lời nói đầu của Điều lệ chung, còn ngài Cô-cren thì có điểm phức là không biết được rằng bất cứ ai cũng không thể gia nhập Hội liên hiệp, nếu không bày tỏ rõ ràng sự đồng ý của mình với những nguyên tắc ấy. Tiếp theo:

"khi mới đầu được thành lập, Hội liên hiệp đã dựa trên những nguyên tắc của chủ nghĩa công liên, và lúc đó Hội không mang một tính chất chính trị nào cả".

Chẳng những phần mở đầu của Điều lệ chung đầu tiên đã mang tính chất chính trị rõ rệt, mà những khuynh hướng chính trị của Hội liên hiệp cũng được trình bày một cách hết sức đầy đủ trong Tuyên ngôn Thành lập đã được công bố năm 1864 đồng thời với Điều lệ này<sup>81</sup>. Một phát hiện khác rất kỳ lạ là Ba-cu-nin được "ủy thác" thay mặt Quốc tế đáp lại sự công kích của Mát-di-ni, đó là điều hoàn toàn đối trá. Sau khi trích dẫn một đoạn trong cuốn sách của Ba-cu-nin<sup>82</sup>, ông ta viết tiếp:

"Một điều phi lý hoa mỹ như vậy cũng có thể làm cho chúng ta cười lên được, nhưng nếu những văn kiện ấy xuất xứ từ Luân Đôn" (song những văn kiện ấy không xuất xứ từ Luân Đôn) "thì có gì đáng ngạc nhiên về việc các chính phủ nước ngoài đã báo động?".

Nếu ngài Cô-cren đã trở thành kẻ phát ngôn của các chính phủ nước ngoài ở Anh, thì có gì đáng ngạc nhiên chứ? Lời chỉ trích sau đây, - rằng Quốc tế cách đây không lâu mới bắt đầu

xuất bản "báo" ở Luân Đôn, - cũng là một điều nói sai sự thật. Song điều làm cho ngài Cô-cren có thể tự an ủi mình là: Quốc tế có nhiều cơ quan báo chí của mình ở châu Âu và châu Mỹ và xuất bản bằng các thứ tiếng của hầu hết tất cả các dân tộc văn minh.

Nhưng thực chất của toàn bộ bài diễn văn được trình bày trong những lối lẽ sau đây;

"*Nó có thể chứng minh* rằng Công xã và Hội liên hiệp công nhân quốc tế trên thực tế cũng là một, rằng Hội liên hiệp quốc tế đóng tại" (?) "Luân Đôn đã ra lệnh cho Công xã thiêu cháy Pa-ri và giết hại vị tổng giám mục của thành phố này".

Bây giờ chúng ta hãy nói đến bằng chứng Ó-gien Duy-pông, với tư cách là chủ tịch của Đại hội Bruy-xen họp vào tháng Chín 1868, đã khẳng định một cách thực sự rằng Quốc tế đang ra sức đi tới cách mạng xã hội. Nhưng mối liên hệ bí mật giữa lời khẳng định ở Ó-gien Duy-pông năm 1868 và hành động của Công xã năm 1871 là ở chỗ nào? Mối liên hệ ấy là ở chỗ.

"chỉ mới tuần lễ qua. Ó-gien Duy-pông bị bắt tại Pa-ri, nơi mà ông đã bí mật từ nước Anh đến đây. Nhưng ông Ó-gien Duy-pông này là uỷ viên của Công xã và cũng là hội viên của Hội liên hiệp quốc tế".

Thật là không may cho cái cách thức luận chứng hết sức có sức thuyết phục ấy, A. Duy-pông, uỷ viên của Công xã, bị bắt tại Pa-ri lại không phải là hội viên của Quốc tế, còn Ó. Duy-pông, hội viên của Quốc tế thì lại không phải là uỷ viên của Công xã. Bằng chứng thứ hai.

"vào tháng Bảy 1869 Ba-cu-nin đã phát biểu tại Đại hội đại biểu do ông ta chủ trì ở Giơ-ne-vơ như sau: "Quốc tế đã tự nguyện tuyên bố là vô thần".

Nhưng tháng Bảy 1869 ở Giơ-ne-vơ chẳng có đại hội đại biểu nào cả. Ba-cu-nin cũng chưa lần nào chủ tạo một đại hội đại biểu nào của Quốc tế, và ông ta cũng chưa bao giờ được uỷ thác nhân danh đại hội đại biểu đưa ra những lời tuyên bố. Bằng chứng thứ ba: "Volksstimme", cơ quan của Quốc tế ở Viên<sup>83</sup>, viết:



"Lá cờ đỏ là tượng trưng của tình bác ái chung, nhưng kẻ thù của chúng ta hãy coi chừng, chớ để nó trở thành tượng trưng của sự khủng bố rộng khắp".

Hơn thế nữa, cũng tờ báo ấy đã nhiều lần tuyên bố rằng Tổng Hội đồng Luân Đôn thực ra là Tổng Hội đồng của Quốc tế, tức là cơ quan lãnh đạo Trung ương của Quốc tế. Bằng chứng thứ tư; tại một phiên toà xét xử Quốc tế ở Pháp, Tô-lan đã chế giễu luận điểm của uỷ viên công tố cho rằng tuồng như

"chỉ cần chủ tịch của Quốc tế" (làm gì có cái chức chủ tịch ấy) "phẩy tay một cái, thì toàn địa cầu đều tuân theo".

Cái đầu óc rối rắm của ngài Cô-cren đang làm cho sự phủ định ấy của Tô-lan biến thành khẳng định. Bằng chứng thứ năm: lời kêu gọi của Tổng Hội đồng về cuộc nội chiến ở Pháp, từ trong lời kêu gọi ấy, ngài Cô-cren dẫn chứng điểm nói về việc cần phải khủng bố đối với con tin và điểm nói về việc dùng lửa như một phương pháp tiến hành chiến tranh cần thiết trong những trường hợp thích ứng. Nhưng từ việc ngài Cô-cren tán thành những vụ tàn sát do những phần tử Véc-xay tiến hành, chẳng lẽ chúng ta lại phải rút ra kết luận rằng đây là ông ta ra *lệnh* tiến hành những vụ tàn sát ấy, mặc dù trên thực tế ông ta chẳng phạm tội giết chóc nào cả, trừ việc giết hại loài muông thú? Bằng chứng thứ sáu:

"Trước khi thiêu cháy Pa-ri, các lãnh tụ của Quốc tế và Công xã đã họp hội nghị".

Điều đó cũng chính xác như cái tin đã loan truyền gần đây trên báo chí nước I-ta-li-a, rằng Tổng Hội đồng Quốc tế đã phái người con trung thành và yêu mến của mình là A-lếch-xan-đơ Báy-li Cô-cren đến lục địa để thị sát, Cô-cren đã trình một bản báo cáo khiến cho người ta hết sức hài lòng về tình hình phát triển tốt đẹp của tổ chức và đã cho biết rằng trong tổ chức hiện đã có mười bảy triệu hội viên. Sau cùng, một bằng chứng có tính chất quyết định:

"Trong sắc lệnh của Công xã có bao hàm một mệnh lệnh phá huỷ cái cột trên quảng trường Văng-dôm, có nói rõ sự tán thành của Quốc tế".

Trong sắc lệnh ấy không hề nói như thế, mặc dù Công xã, hiển nhiên, đã biết rõ hoàn toàn rằng toàn thể Quốc tế trên toàn thế giới chắc sẽ tán thành quyết định đó.

Vậy mà, theo báo "Times" thì đây là những bằng chứng không thể bác bỏ được về lời khẳng định của ngài Cô-cren nói rằng, tuồng như vị tổng giám mục Pa-ri bị giết, còn Pa-ri thì bị thiêu huỷ theo lệnh trực tiếp của Tổng Hội đồng Quốc tế đóng tại Luân Đôn. Hãy đối chiếu cái chuyện nói nhằm ông chàng bà chuộc ấy với bản báo cáo của ông Xa-ca-dơ ở Véc-xay về đạo luật chống Quốc tế thì sẽ có một khái niệm về sự khác nhau vẫn còn tồn tại giữa ông nghị của nghị viện địa chủ Pháp và ông Đóc-be-ri ở Anh.

Về *fidus Achates*<sup>1\*</sup> của ngài Cô-cren, ông I-xtơ-uych, nếu như ông ta không nói bậy khi bảo rằng tựa hồ Quốc tế phải chịu trách nhiệm về tờ báo "Père Duchêne"<sup>84</sup> của Véc-méc-sơ, người mà nhà học giả Cô-cren đặt tên là Véc-mút, thì chúng ta có thể nói theo lời của Đan-tơ: "Hãy thoảng nhìn hấn rồi rẽ qua một bên mà đi".

Nếu có một đối thủ như ngài Cô-cren là một điều thú vị quá chừng, thì được sự che chở dù như thế nào đi nữa của ông Phô-xét cũng vẫn là một thiên tai. Nếu như ông ta đủ can đảm để bảo vệ Quốc tế khỏi những biện pháp trấn áp mà Chính phủ Anh hiện nay không dám áp dụng và cũng không thấy cần phải áp dụng, thì ông ta cũng đồng thời có tình thần trách nhiệm và cái dũng khí đạo đức cao cả thúc đẩy ông ta nói với Quốc tế lời khiển trách cao thượng nhất theo lối giáo sư của mình. Rủi thay, cái gọi là học thuyết của Quốc tế mà ông ta đang công kích, chẳng qua chỉ là con đẻ của đầu óc thiếu thông minh của chính bản thân ông ta.

1\* - người tôi tớ trung thành

Ông ta nói: "Nhà nước phải làm việc này, việc nọ, và phải kiểm tiền để thực hiện tất cả những phương án của Quốc tế. Điểm đầu tiên của cương lĩnh nói rằng nhà nước phải mua hết toàn bộ đất đai và tất cả công cụ sản xuất và đem cho nhân dân thuê theo giá công bằng và phải chăng"<sup>85</sup>

Còn về việc nhà nước mua đất đai trong những hoàn cảnh nhất định và cho nhân dân thuê theo giá công bằng và phải chăng, thì hãy để cho ông Phô-xét tự mình giải quyết vấn đề đó cùng với ông thầy của mình về những vấn đề lý luận, tức là với ông Stiu-ác Min và với lãnh tụ chính trị của mình là ông Giôn Brai-tơ. Điểm thứ hai của cương lĩnh "đề nghị nhà nước quy định thời gian ngày lao động". Sự thông thái lịch sử của vị giáo sư của chúng ta được thể hiện một cách hết sức lỗi lạc khi ông ta làm cho Quốc tế biến thành tác giả của những đạo luật công xưởng nước Anh, còn tâm hiểu biết của ông ta về những vấn đề kinh tế khi đánh giá bản thân những luật pháp ấy, cũng chẳng thua kém gì. Điểm thứ ba:

"Nhà nước phải bảo đảm việc học hành không phải trả tiền".

Những sự thật về chế độ học không phải trả tiền ở nước Mỹ và ở Thụy Sĩ và những kết quả tốt đẹp của chế độ đó thì ai ai cũng đều biết cả, nhưng nếu đem những sự thật đó mà so sánh với những lời tiên tri đen tối của giáo sư Phô-xét, thì chúng có ý nghĩa gì? Điểm thứ tư:

"Nhà nước phải cho các hợp tác xã vay vốn".

Ở đây có một sai lầm nhỏ: ông Phô-xét lẫn lộn những yêu cầu do Lát-xan đề ra, một người đã chết trước khi Quốc tế thành lập, với những nguyên tắc của Quốc tế. Nhân tiện xin nói, Lát-xan đã dẫn chứng một tiền lệ - đó là những công trái, mà các nhà điền chủ Anh viện cố cải tiến nền nông nghiệp, nhờ sự giúp sức của nghị viện để ban cho bản thân họ một cách khảng khái đến như thế. Điểm thứ năm:

"điều cốt yếu nhất là phải dùng cách thu thuế lũy tiến đối với sở hữu đất đai để bù đắp đầy đủ toàn bộ phần thu của ngân sách đất nước".

Các yêu sách của ông Rô-bóc Glát-xtôn và của những người ủng hộ ông ta, những nhà cải cách tài chính tư sản Li-vóc-pun, mà được coi là "điều cốt yếu nhất" của Cương lĩnh Quốc tế, thì chẳng còn ra làm sao cả!

Một người đại tinh thông kinh tế chính trị học, ông Phô-xét, mà cao vọng của ông ta cố giành lấy danh tiếng về học thuật lại hoàn toàn dựa trên cuốn sách thuật lại một cách đơn giản giáo trình sơ lược về kinh tế chính trị học của ông Giôn Xtiu-ác Min dành cho các em học sinh, - cũng phải thừa nhận rằng "những ý kiến táo bạo" (của những người chủ trương tự do mậu dịch) "phát biểu cách đây hai mươi lăm năm nay, đã bị những sự thật bác bỏ".

Nhưng đồng thời ông lại tin rằng mình có thể ngăn chặn được phong trào vô sản rộng lớn ngày nay, bằng cách không ngớt lặp đi lặp lại, dưới một hình thức nhạt nhẽo hơn, những câu nói đã nhằm tai mà những lời tiên tri giả dối ấy đã dựa vào đó cách đây hai mươi lăm năm. Có thể hy vọng rằng việc ông ta giả vờ bảo vệ Quốc tế, thực ra là một sự ăn năn hèn hạ về việc trước kia mình đã giả đồng tình với giai cấp công nhân, sẽ mở mắt ra cho những công nhân nước Anh vẫn còn bị lầm lẫn bởi tính uỷ mi đa cảm mà đến nay ông Phô-xét vẫn dùng để tìm cách che đậy trình độ học thuật chẳng đáng là bao của ông ta.

Nếu ngài B.Cô-cren là đại diện cho trí tuệ chính trị, còn ông Phô-xét là đại diện cho khoa học kinh tế của Hạ nghị viện Anh, thế thì liệu có thể so sánh các "câu lạc bộ dễ chịu nhất trong số tất cả những câu lạc bộ Luân Đôn" ấy với Hạ nghị viện nước Mỹ không, một Hạ nghị viện đã thông qua vào ngày 13 tháng Chạp 1871 đạo luật về việc thành lập Cục thống kê lao động<sup>86</sup> và đã tuyên bố rằng đạo luật này đã được thông qua phù hợp với nguyện vọng bức thiết của Hội liên hiệp công nhân Quốc tế, nguyện vọng mà Hạ nghị viện thừa nhận là một trong những hiện tượng quan trọng nhất của thời đại ngày nay.

Tổng Hội đồng

*R.A.plơ-gác, A.Ác-nô, M.Bu-ri, M.T. Bun, Ph. Brát-ni-cơ, G.H.Bát-te-ri, Ph.Cu-rơ-nơ, E.Đơ-la-hay, Ở-gien, Đuy-pông, U.Hây-dơ, Hua-li-man, Guy-lơ, Giô-an-na-rơ, S.Kin, Hác-ri-ét Lô, Ph. Le-xnơ, Lốc-nơ, S.Lông-ghê, Mác-gơ-rít, C.Mác-tanh, D.Mô-ri-xơ, H.Mây-ô, Gi.Min-nơ, S.Ma-ri, Pơ-phen-đơ, I.Rô-dơ-va-đốp-xki, V.Rét-gi-xơ, Gi.Rốt-chơ, Ruy-lơ, G.Run-vi-e, Xát-lơ, C.Xiếp-ni, A.Tay-lo, U.Tao-xen-đơ, Ê.Vai-ăng, Gi.O ét-xtơn, Đơ Vôn-phéc-xơ, Ph.Gi.Gia-rau.*

Các bí thư thông tấn:

**Lê-ô Phrun-ken** - liên lạc với Áo và Hung-ga-ri; **A.Héc-man** - liên lạc với Bỉ; **T.Mốt-to-xhết** - liên lạc với Đan Mạch, **Ô.Xê-ran-ơ** - liên lạc với Pháp; **Các Mác** - liên lạc với Đức và Nga; **S.Rô-sa** - liên lạc với Hà Lan; **Gi.P. Mác-Đô-nen** - liên lạc với Ai-rơ-len; **Ph. Ăng-ghen** - liên lạc với I-ta-li-a và Tây Ban Nha; **Va-lê-ri Vru-bơ-lép-xki** - liên lạc với Ba Lan; **Héc-man I-ung** - liên lạc với Thụy Sĩ; **I.G. Éch-ca-ri-út** - liên lạc với Hợp chúng quốc; **Lơ Mút-xuy** - liên lạc với các chi hội người Pháp của Hợp chúng quốc; **Gi.Hây-dơ** - tổng thư ký.

*Do C.Mác viết vào khoảng giữa những ngày từ 13 đến 16 tháng Tư 1872  
Đã in thành truyền đơn và đăng trong các báo "The Eastern Past" số 186, ngày 20 tháng Tư 1872 báo "La Emancipacion" số 49, ngày 18 tháng Năm 1872, báo "O Pensamento Social" số 14, tháng Năm 1872*

*In theo bản in trên tờ truyền đơn  
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN  
GỬI HIỆP HỘI CÔNG NHÂN PHÊ-RA<sup>87</sup>

Thưa các vị!

Trả lời bức thư thân thiết của các vị đề ngày 3 tháng Ba, tôi xin thay mặt Tổng Hội đồng cảm tạ các vị về việc các vị gia nhập Hội liên hiệp công nhân quốc tế; đồng thời tôi phải báo cáo với các vị rằng trước khi phê chuẩn việc đó, Hội đồng phải được giải thích rõ ý nghĩa của điều bảo lưu về "sự tự trị" của các vị.

Khi một đoàn thể nào đó được lập ra, thì trước tiên phải thảo ra điều lệ và quy chế tổ chức; các vị có những văn kiện như vậy, Quốc tế cũng có những văn kiện như vậy. Những văn kiện ấy của Quốc tế có thể các vị chưa đọc đến, nên tôi gửi kèm theo một bản bằng tiếng Pháp. Mong các vị giới thiệu bản văn kiện đó với hội của các vị và nếu tán thành bản văn kiện đó thì báo tin cho tôi biết. Bản Điều lệ chung và quy chế tổ chức này là những luật lệ duy nhất hiện có trong Hội liên hiệp chúng tôi và có thể hạn chế sự tự trị của các vị đấy. Nhưng chính các vị cũng hiểu rằng Quốc tế không thể có hai loại chi hội; loại chi hội này thì chấp nhận luật lệ chung, loại chi hội kia thì không chấp nhận<sup>1\*</sup>. Song tôi hy vọng rằng các vị sẽ không phản đối gì cả việc chấp nhận những luật lệ ấy, những luật lệ đã được

1\* Trong bản nháp bức thư, tiếp theo đó có mấy chữ sau đây đã bị xoá: "và cứu vãn sự tự trị của mình".

công nhân toàn thể châu Âu xây dựng nên, đã được soạn thảo bảy năm nay trong các đại hội đại biểu hàng năm của họ và đã được tất cả mọi người thừa nhận.

Điều 1, chương V của Quy chế tổ chức quy định rằng "mỗi chi hội đều có quyền thảo ra điều lệ và quy chế địa phương của mình căn cứ vào điều kiện địa phương và pháp luật nước mình". Nhưng điều lệ ấy và quy chế ấy không được có điều gì trái với Điều lệ và Quy chế chung<sup>1\*</sup>.

Điều 5, chương II của Quy chế tổ chức quy định Tổng Hội đồng có quyền kết nạp hoặc không kết nạp bất cứ một chi hội mới nào, đồng thời giao cho Tổng Hội đồng nhiệm vụ phải kiểm tra xem điều lệ và quy chế của những chi hội mới có phù hợp với điều khoản này không; vì vậy, tôi đề nghị gửi cho Hội đồng một bản điều lệ của các vị để có thể thực hiện thủ tục ấy.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 16 tháng Tư*

*1872*

*Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong*

*C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, xuất*

*bản lần thứ nhất, t.XXVI năm 1935*

*In theo bản nháp bức thư*

*Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a*

## PH.ĂNG-GHEN NHỮNG BỨC THƯ TỪ LUÂN ĐÔN<sup>88</sup>

### I

#### \*CUỘC BÃI CÔNG CỦA CÔNG NHÂN NÔNG NGHIỆP ANH

Luân Đôn, ngày 20 tháng Tư 1872

Phong trào công nhân ở Anh trong thời gian gần đây đã tiến lên một bước rất lớn: phong trào ấy đã thâm nhập một cách hết sức sâu sắc vào trong giới công nhân nông nghiệp. Ai cũng biết rằng ở Anh toàn bộ đất đai thuộc về một số ít những chủ sở hữu lớn, trong đó những kẻ nghèo nhất cũng thu nhập tiền tô hàng năm mười vạn lía, còn kẻ giàu nhất thì thu nhập nhiều triệu. Thu nhập hàng năm của hầu tước Oét-xmin-xtơ lên đến trên mười triệu.

Đất đai chia thành những khu vực lớn do một số ít nông dân làm việc cho chủ trại thuê ruộng, canh tác bằng máy móc. Ở đây không có những chủ nhỏ; số công nhân nông nghiệp so với số đất đai mà họ canh tác thì đã rất bé nhỏ rồi, lại còn do việc dùng máy móc mới nữa, cho nên mỗi năm số công nhân này ngày một giảm đi; do vậy, những công nhân nông nghiệp nước Anh

---

<sup>1\*</sup> Trong bản thảo bức thư, tiếp theo đó là đoạn sau đây đã bị xoá: "Vì rằng đến nay ở I-ta-li-a chưa có hội đồng thường trực liên chi hội, cho nên Tổng Hội đồng vẫn còn nhiệm vụ kiểm tra điều lệ và quy chế của các chi hội I-ta-li-a".

dốt nát, bị trói chặt vào mảnh đất hơn bao giờ hết và đồng thời cũng là nạn nhân của sự cạnh tranh, tạo thành một lớp người hưởng tiền công thấp nhất trong nhân dân. Mấy lần họ đã vùng lên chống lại số phận đau khổ của họ; năm 1831 ở miền Nam nước Anh họ đã đốt cháy những đồng rơm và đụn lúa của các chủ trại<sup>89</sup>, cách đây mấy năm ở quận Y-oooc cũng đã xảy ra tình trạng đó; có khi đã từng có những mưu toan thành lập những đoàn thể phản kháng trong đám họ, nhưng chẳng có kết quả gì đáng kể. Vậy mà phong trào hiện giờ mới trong mấy tuần lễ mà đã có được một quy mô có thể bảo đảm cho nó thắng lợi to lớn. Phong trào này bắt đầu trong giới công nhân nông nghiệp của quận Y-oooc, họ đòi tăng tiền công từ 11-12 si-linh (13-14 phrăng) đến 16b si-linh (19 phrăng) mỗi tuần; để đạt được mục đích đó họ đã tổ chức ra đoàn thể phản kháng và bắt đầu ngay tức khắc bãi công<sup>90</sup>. Một sự kinh hoàng đã bao trùm lên bọn chủ ruộng, bọn chủ trại thuê ruộng, bọn bảo thủ của quận: công nhân nông nghiệp, những kẻ nô lệ về thể xác và linh hồn, sau ngàn năm nay lần đầu tiên đã dám cả gan vùng lên chống lại quyền lực của các ông chủ! Họ đã thật sự đứng lên bạo động, tổ chức bãi công, và đã đạt được kết quả tốt đến mức trong vòng vài ba tuần lễ phong trào chẳng những đã bao trùm lấy I-ô-rích-si-a, mà còn lan tràn đến tất cả các công nhân nông nghiệp trong tám quận lân cận. Liên minh công nhân nông nghiệp, đối với bọn chủ ruộng và chủ trại hoảng sợ, cũng giống như *Quốc tế* đối với các chính phủ phản động châu Âu, – đã trở thành con ngoáo ộp đáng sợ, chỉ riêng cái tên gọi của nó đã làm cho bọn chúng hết hồn hết vía. Chúng đã tiến hành cuộc đấu tranh chống lại Liên minh, nhưng phí công vô ích; Liên minh được sự giúp đỡ ý kiến và kinh nghiệm của đoàn thể phản kháng của công nhân công nghiệp, ngày càng củng cố và lớn mạnh, thậm chí còn được dư luận xã hội tư sản ủng hộ. Giai cấp tư sản tuy liên minh chính trị với giới quý tộc, nhưng luôn luôn tiến hành một thứ chiến tranh kinh tế nhỏ với giới quý tộc; và vì lúc bấy giờ công nghiệp đang trên

đà phát triển mạnh mẽ, cần rất nhiều công nhân, nên hầu hết những người nông dân bãi công đã được di chuyển vào thành phố và kiếm được công ăn việc làm với số tiền lương so với trong nông nghiệp thì khá hơn nhiều. Do đó, bãi công đã được kết quả rất tốt đến nỗi giới địa chủ và chủ trại khắp cả nước Anh đã tự động tăng lương cho công nhân của họ 25% - 30%. Thắng lợi to lớn đầu tiên này đang mở ra một thời đại mới trong đời sống tinh thần và đời sống xã hội của giai cấp vô sản nông thôn mà đồng đảo họ đã tham gia phong trào của vô sản thành thị chống sự áp chế của tư bản.

Trong tuần qua nghị viện Anh đã xem xét vấn đề *Quốc tế*. Ngài Cô-cren, một phần tử phản động cuồng nhiệt buộc tội cái tổ chức công nhân khủng khiếp này đã ra lệnh cho Công xã Pa-ri giết tổng giám mục và thiêu huỷ thành phố! Sau đó, ông ta yêu cầu có những biện pháp trấn áp đối với Tổng Hội đồng lúc bấy giờ đóng tại Luân Đôn. Đương nhiên, chính phủ đã trả lời ông ta rằng các hội viên của *Quốc tế*, cũng như tất cả người dân nước Anh, chỉ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và nếu cho đến nay họ chưa vi phạm gì đến pháp luật thì không có lý do để áp dụng những biện pháp tàn bạo đối với họ<sup>91</sup>. Chắc chắn là Tổng Hội đồng của Hội liên hiệp sẽ trả lời đối với những điều bịa đặt đối trá của ngài Cô-cren<sup>1\*</sup>.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 20 tháng Tư 1872*

*Đã đăng trên báo "La Plebe" số 48, ngày 29 tháng Tư 1872*

*Ký tên: Ph.Ă*

*In theo bản đăng trên báo*

*Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a*

*In bằng tiếng Nga lần đầu*

1\* Xem tập này, tr. 91- 98.

**PH.ĂNG-GHEN**  
**\* VỀ VIỆC TRUY NÃ TÊ-Ô-ĐO CU-NÔ,**  
**HỘI VIÊN QUỐC TẾ<sup>92</sup>**

Ít lâu nay ai cũng biết rằng các chính phủ Đức, Áo, I-ta-li-a đã ký kết một hiệp nghị bí mật nhằm truy nã những hội viên Quốc tế. Hiệp nghị đã có hiệu lực như thế nào, căn cứ theo những sự việc sau đây thì thấy rõ; một hội viên nổi tiếng của Quốc tế sống ở mi-la-nô là ông Tê-ô-đo Cu-nô, sinh tại Phổ, là một công trình sư, bị tước mất chức tại một xí nghiệp chế tạo máy lớn và bị bắt ngày 25 tháng Hai, tất cả giấy tờ của ông và ảnh mà ông có (kể cả bức ảnh của cha ông v.v..) đều bị tịch thu. Ông bị xiềng lại chuyển đi Vê-rôn, tại đây ông bị giam giữ gần một tháng trời trong nhà tù cùng với bọn trộm cướp và bọn giết người; người ta đối xử với ông hoàn toàn giống như đối xử với những hạng người ấy, còn giấy tờ của ông thì được gửi đến La Mã để thẩm tra. Ngày 29 tháng Ba, người ta đã xích ông lại cùng một xiềng với phạm nhân hình sự giải ra biên giới và chuyển giao cho nhà đương cục Áo.

Ở đây lần đầu tiên ông mới hiểu rõ nguyên nhân đã gây ra tình hình đó. Ông đã ngạc nhiên biết bao khi đọc thấy rằng sở dĩ người ta bắt ông là vì

"ở Mi-la-nô ông là người không có nghề nghiệp nhất định, là một kẻ lang thang, không có phương tiện sinh sống nào cả và ngoài ra, còn là một đại diện nguy hiểm của chính đảng xã hội chủ nghĩa quốc tế; vì tất cả những lý do đó, ông bị trục xuất khỏi vương quốc I-ta-li-a!"

Sự thực thì ông tuyệt nhiên không phải là một người không có nghề nghiệp nhất định, ngày 1 tháng Ba ông còn phải đảm nhiệm chức vụ giám đốc một xưởng may, tiền lương rất hậu, tại Cô-mô; còn nói về việc không có phương tiện sinh sống, thì nhà đương cục I-ta-li-a- khi dẫn ông đi còn phải đưa cho ông hơn 111 phrăng tiền của bản thân ông kia mà! Người Áo đã không thể tháo gỡ ra khỏi điều mâu thuẫn đó, nhưng không trả tự do cho ông, mà lại cho cảnh sát áp giải ông ra biên giới Ba-vi-e, tiền chi tiêu của viên cảnh sát đi theo ông cũng do ông chịu nốt. Vì vậy, Cu-nô chẳng những phải ở trong tù một tuần nữa, mà còn tiêu hết phần lớn số tiền của mình. Tại biên giới Ba-vi-e, rõ ràng là do không có những chỉ thị cần thiết và cũng nhờ sự ngu ngốc bẩm sinh của tụi cảnh sát Ba-vi-e, mà ông đã tìm cách gửi được một bức điện cho người thân của ông, và sau khi nhận được trả lời một cách thoả mãn, cuối cùng ông được trả lại tự do. Vậy thì, cái liên minh cảnh sát được lập nên ở châu Âu để chống lại Quốc tế xem ra là một điều có thật. Người ta có thể dẫn Cu-nô đến biên giới Thụy Sĩ và phóng thích ông tại đó, nhưng người ta không làm như thế, mà lại giao ông cho người Áo, người Áo lại giao ông cho người Ba-vi-e, đưa ông đi từ nhà tù này sang nhà tù khác như một tên phạm tội hình sự. Đây là chủ nghĩa tự do của những nước quân chủ lập hiến "tự do".

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào những ngày 22-23 tháng Tư 1872*

*Đã đăng trên báo "The Eastern Post" số 187, ngày 27 tháng Tư 1872 và báo "Gazzettino Rosa" số 127, ngày 7 tháng Năm 1872*

*In theo bản đăng trên báo "The Eastern Post"*

*Nguyên văn là tiếng Anh  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**PH.ĂNG-GHEN**  
**\*VỀ MỐI QUAN HỆ QUA LẠI GIỮA**  
**CÁC CHI HỘI AI-RƠ-LEN VÀ HỘI ĐỒNG**  
**CỦA LIÊN CHI HỘI ANH<sup>93</sup>**  
**BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA TÁC GIẢ**  
**TẠI HỘI NGHỊ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG**  
**NGÀY 14 THÁNG NĂM 1872**

Ngài Ăng-ghen nói rằng mục đích thật sự của kiến nghị đã được nêu ra đó là nhằm đặt các chi hội Ai-rơ-len dưới thẩm quyền của Hội đồng Liên chi hội Anh, đó là một điều mà các chi hội Ai-rơ-len không bao giờ đồng ý cả, và Tổng Hội đồng cũng không có quyền hạn và quyền lực áp đặt điều đó cho những chi hội ấy. Theo điều lệ và quy chế, Tổng Hội đồng không có quyền bắt buộc bất cứ chi hội nào hoặc chi nhánh nào phải thừa nhận thẩm quyền phán xử của bất kỳ hội đồng liên chi hội nào. Hiển nhiên, trước khi chấp nhận hoặc không chấp nhận bất cứ một chi hội mới nào thuộc thẩm quyền phán xử của bất kỳ Hội đồng liên chi hội nào. Tổng Hội đồng cũng buộc phải nghe ý kiến của hội đồng đó. Ăng-ghen khẳng định rằng thẩm quyền phán xử của Hội đồng liên chi hội Anh đối với các chi hội Ai-rơ-len tại nước Anh cũng chẳng khác gì đối với các chi Hội Pháp, chi hội Đức hoặc chi hội I-ta-li-a<sup>1\*</sup> tại nước Anh. Người Ai-rơ-len về tất cả

<sup>1\*</sup> Trong số biên bản của Tổng Hội đồng tiếp đó là mấy chữ: "và các chi hội Ba Lan".

mọi mặt là một dân tộc độc lập, còn việc họ nói tiếng Anh, thì không thể làm cho họ mất đi cái quyền có một tổ chức dân tộc độc lập bên trong Quốc tế như tất cả mọi người.

Ngài Hây-dơ nói về những quan hệ giữa Anh và Ai-rơ-len như thế là những quan hệ mang tính chất trù tình đã từng có giữa Anh và Pháp trong thời kỳ Chiến tranh Crưm, lúc bấy giờ các giai cấp cầm quyền của hai nước Anh - Pháp tâng bốc lẫn nhau một cách không mệt mỏi và tất cả đều cảm thấy hết sức hài hoà. Nhưng ở đây thì tình hình lại hoàn toàn khác. Việc nước Anh xâm chiếm và áp bức Ai-rơ-len đến 700 năm là một sự thực đang sờ sờ ra đó, chùng nào sự áp bức ấy còn tồn tại, thì sẽ là một sự sỉ nhục cho những công nhân Ai-rơ-len nếu yêu cầu họ phải phục tùng Hội đồng liên chi hội Anh. Địa vị của Ai-rơ-len đối với nước Anh là không bình đẳng, cũng giống như địa vị của Ba Lan đối với nước Nga vậy. Nếu như Tổng Hội đồng kêu gọi các chi hội Ba Lan thừa nhận sự lãnh đạo của Hội đồng liên chi hội Nga ở Pê-téc-bua, kêu gọi các chi hội ở Ba Lan thuộc Phổ, ở Bắc Slê-dơ-vích hoặc ở Anda-xơ phải thừa nhận sự lãnh đạo của Hội đồng liên chi hội ở Béc-lin thì người ta sẽ nói như thế nào? Thực ra thì yêu cầu đó đối với những chi hội Ai-rơ-len về thực chất cũng như thế mà thôi. Nếu những hội viên quốc tế thuộc dân tộc đang thống trị lại kêu gọi dân tộc bị chinh phục và đang tiếp tục bị lệ thuộc hãy quên đi tính dân tộc và cảnh ngộ của chính mình, "vứt bỏ những bất đồng dân tộc" v.v., thì đó chẳng phải là chủ nghĩa quốc tế, mà chỉ là một sự tuyên truyền cho người ta cứ cúi đầu chịu áp bức, một mưu toan hòng biện hộ và duy trì muôn đời nạn kiếp cái nền thống trị của kẻ chinh phục dưới sự che đậy của chủ nghĩa quốc tế. Như vậy chỉ tổ làm cho sâu sắc thêm cái quan niệm rất phổ biến trong giới công nhân Anh cho rằng họ là người thượng đẳng so với người Ai-rơ-len và là quý tộc đối với người Ai-rơ-len, cũng giống như là bọn người da trắng suy đốn nhất trong các bang chiếm hữu nô lệ tự coi mình là quý tộc với người da đen.

Trong trường hợp Ai-rơ-len, thì chủ nghĩa quốc tế chân chính cố nhiên phải dựa trên cơ sở tổ chức dân tộc độc lập. Người Ai-rơ-len, cũng như các dân tộc bị áp bức khác, chỉ có thể gia nhập hội liên hiệp với tư cách là những người bình đẳng với các đại diện của dân tộc thống trị và chống lại sự nô dịch. Vì vậy, sự tồn tại của những chi hội Ai-rơ-len chẳng những là chính đáng, mà thậm chí họ còn phải tuyên bố trong lời mở đầu của bản điều lệ của họ rằng nhiệm vụ hàng đầu và bức thiết nhất của họ, với tư cách là những người Ai-rơ-len, là phải giành cho được nền độc lập dân tộc của mình. Sự đối kháng giữa công nhân Ai-rơ-len và công nhân Anh tại nước Anh luôn luôn là một trong những thủ đoạn mạnh mẽ nhất, nhờ đó mà sự thống trị giai cấp ở nước Anh vẫn được duy trì. Sự đối kháng ấy khiến cho người ta hồi tưởng lại giờ phút tôi thấy Phéc-guy-xơ Ô Con-no-rơ và những người thuộc phái Hiến chương Anh bị người Ai-rơ-len đuổi ra khỏi phòng khoa học ở Man-se-xtơ<sup>94</sup>. Hiện giờ, lần đầu tiên công nhân Anh và công nhân Ai-rơ-len đã có khả năng cùng nhau đồng tâm nhất trí giành lấy sự giải phóng chung của mình – những kết quả mà xưa nay chưa từng có một phong trào nào ở Anh đã đạt được. Nhưng trước khi đạt tới mục đích đó, thì người ta đã kêu gọi chúng tôi ra lệnh cho những người Ai-rơ-len và tuyên bố với họ rằng họ không phải phát triển phong trào của chính mình, mà phải phục tùng sự lãnh đạo của Hội đồng Anh! Làm như thế có nghĩa là ngay trong Quốc tế cũng thực hành sự áp bức của người Anh đối với người Ai-rơ-len.

Nếu những tác giả của kiến nghị này giàu tinh thần chủ nghĩa quốc tế chân chính đến như thế, thì các vị hãy chứng minh điều đó đi; bằng cách di chuyển trụ sở của Hội đồng liên chi hội Anh đến Đu-blin và chịu phục tùng một hội đồng gồm những người Ai-rơ-len.

Còn về cái gọi là những sự xung đột giữa các chi hội Ai-rơ-len và các chi hội Anh, thì sở dĩ những sự xung đột đó xảy ra là vì các uỷ viên của Hội đồng liên chi hội Anh tìm cách can thiệp

vào công việc của các chi hội Ai-rơ-len, bắt họ phải từ bỏ tính chất dân tộc riêng của họ và thừa nhận sự lãnh đạo của Hội đồng Anh.

Ngoài ra, không thể tách rời các chi hội Ai-rơ-len ở Anh với các chi hội Ai-rơ-len ở Ai-rơ-len; cũng không thể để cho một số người Ai-rơ-len này thì do Hội đồng liên chi hội ở Luân Đôn lãnh đạo, còn một số người Ai-rơ-len khác thì do Hội đồng Liên chi hội Đu-blin lãnh đạo. Các chi hội Ai-rơ-len ở nước Anh là những điểm tựa của chúng ta để làm công tác với công nhân Ai-rơ-len ở tại Ai-rơ-len. Các chi hội Ai-rơ-len được đặt trong những điều kiện thuận lợi hơn, nên họ đã giành được những thành tích lớn hơn, và việc tuyên truyền và tổ chức phong trào ở Ai-rơ-len cũng chỉ thông qua họ mới có thể thực hiện được. Lẽ nào lại phải cố ý phá huỷ các điểm tựa của chính mình và thủ tiêu phương tiện duy nhất có thể dựa vào đó làm cho ảnh hưởng của Quốc tế phát triển sâu rộng trong toàn bộ Ai-rơ-len? Nhưng chớ nên quên rằng các chi hội Ai-rơ-len, – như thế cũng hoàn toàn đúng thôi – không bao giờ có thể đồng ý từ bỏ tổ chức dân tộc riêng của mình và chịu phục tùng Hội đồng Anh. Bởi vậy, vấn đề là ở chỗ: để cho người Ai-rơ-len tự do hành động, hay là đẩy họ ra khỏi Hội liên hiệp? Nếu kiến nghị đưa ra đã được Hội đồng chấp thuận, thì Hội đồng chắc sẽ phải tuyên bố với công nhân Ai-rơ-len nguyên văn như sau: sau khi quý tộc Anh đã thống trị Ai-rơ-len, sau khi giai cấp tư sản Anh đã thống trị Ai-rơ-len, thì bây giờ họ phải sẵn sàng thiết lập sự thống trị của giai cấp công nhân Anh đối với Ai-rơ-len.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 14 tháng Năm 1872*  
*Công bố lần đầu tiên*

*In theo bản thảo có đối chiếu với bản ghi trong sổ biên bản*  
*Nguyễn văn là tiếng Anh*



## C.MÁC

# TUYÊN BỐ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG VỀ HỘI ĐỒNG LIÊN BANG CHỦ NGHĨA TOÀN THẾ GIỚI<sup>95</sup>

Cách đây mấy tuần có xuất hiện một tập sách mang tên là "Hội đồng liên bang chủ nghĩa toàn thế giới của Hội Liên hiệp công nhân quốc tế và của các đoàn thể cộng hoà xã hội chủ nghĩa ủng hộ nó". Cuốn sách này có tham vọng làm một *coup d'état*<sup>1\*</sup> trong Quốc tế, không hơn, không kém. Nó loan báo việc thành lập một Tổng Hội đồng thứ hai và phát biểu những lời buộc tội đối với toàn thể tổ chức của Quốc tế và đối với sự lãnh đạo của Tổng Hội đồng của Quốc tế. Nhưng những uỷ viên của cái hội đồng mới tự xưng ấy và những tác giả của những lời buộc tội ấy là ai? Trong số những tên tuổi ký dưới văn kiện này, trước tiên chúng ta thấy chữ ký của ông Giôn Oét-xtôn, uỷ viên Tổng Hội đồng và nguyên uỷ viên tài chính của Hội đồng; trong một bức thư gửi Hội đồng, ông đã tuyên bố chữ ký của ông được ghi vào mà không có sự đồng ý của ông. Thứ hai, chúng ta thấy chữ ký của sáu đại biểu của Đại liên minh cộng hoà<sup>96</sup>, một đoàn thể hoàn toàn xa lạ với Quốc tế. Thứ ba, chúng ta thấy chữ ký của hai đại biểu của các "chi hội cộng hoà liên bang chủ nghĩa quốc tế" mà Quốc tế hoàn toàn không biết đến sự tồn tại của nó. Thứ tư, chúng ta thấy chữ ký của hai đại biểu Liên minh ruộng đất và lao động<sup>97</sup>, một đoàn thể không hề gia nhập Quốc tế. Thứ năm, chúng ta thấy chữ ký của hai đại biểu tự xưng

1\* - cuộc đảo chính

của Hội giáo dục công nhân Đức, thực ra là những kẻ đại diện cho một nhóm nhỏ người Đức đã bị khai trừ ra khỏi đoàn thể này vì công khai đối địch với Quốc tế<sup>98</sup>. Cuối cùng, chúng ta thấy chữ ký của bốn đại biểu của hai đoàn thể Pháp có tổng cộng chưa đến mười hai hội viên, – hai đoàn thể này không được Tổng Hội đồng thừa nhận là chi hội của Quốc tế; trong số họ, chúng ta thấy có ông Vê-di-nơ đã từng bị uỷ ban, do Đại hội Bruy-xen cử ra năm 1868<sup>99</sup>, khai trừ ra khỏi Quốc tế, và Lan-đe-xơ, ông này nhờ có vụ chạy trốn tội vạ của viên cảnh sát trưởng của Lu-i Bô-na-pác-tơ vào ngày 4 tháng Chín 1870 mà mới thoát khỏi cái nghĩa vụ tự nguyện mà ông đã hứa với viên quan chức ấy và "đã được chấp hành một cách tận tâm là không tham gia hoạt động chính trị ở Pháp và cũng không dính dáng đến công việc của Quốc tế nữa" (xem báo cáo đã được công bố về vụ án thứ ba đối với Quốc tế tại Pa-ri<sup>100</sup> và vừa mới đây ông bị đuổi ra khỏi hội của những chiến sĩ công xã lưu vong ở Luân Đôn.

Ngay những người đã ký tên dưới văn kiện đó, hẳn cũng phải thấy rõ rằng cái đại hội bao gồm những con người hoàn toàn xa lạ với Quốc tế như thế, mà có thể can thiệp vào công việc của tổ chức Quốc tế và tự tuyên bố là Tổng Hội đồng của Quốc tế thì như thế chẳng khác gì bản thân Tổng Hội đồng của Quốc tế cũng có thể can thiệp vào công việc của Tổng công ty đường sắt miền Bắc và tự tuyên bố là ban quản lý của công ty này.

Chẳng lấy gì làm lạ rằng những người này không biết chút gì cả về lịch sử của Quốc tế, về cơ cấu tổ chức của Quốc tế. Họ làm sao mà biết được rằng theo Điều lệ của chúng ta, Tổng Hội đồng phải trình bày báo cáo của mình tuyệt nhiên không phải cho họ, mà cho đại hội đại biểu chung? Hoặc làm sao mà biết được khi cuộc chiến tranh nổ ra năm 1870 đã cản trở việc triệu tập đại hội đại biểu, tất cả các liên chi hội đã nhất trí quyết định kéo dài nhiệm kỳ của Tổng Hội đồng cho đến khi

nào tình hình chính trị cho phép triệu tập đại hội công khai? Còn về quỹ mà Tổng Hội đồng thu góp được để trợ giúp những người lưu vong, thì tổng số tiền quyên góp được đã được thông báo định kỳ trong các báo cáo được công bố về các cuộc hội nghị của Hội đồng, và uỷ viên phụ trách tài chính của chúng ta, ông I.ung, – phố Sác-lơ, số 4, quảng trường Noóc-tem-ptôn, khu Clác-ke-nu-en, vẫn giữ những biên lai về mỗi phác-thình đã chi; những biên lai này, cũng như những báo cáo bất cứ lúc nào mỗi người đóng quyên góp đều có thể kiểm tra được. Sự kiểm tra như vậy sẽ chứng tỏ rằng Hội đồng chẳng những đã dành một phần lớn thời gian của mình vào việc đó, một việc hoàn toàn không nằm trong chức năng thông thường của nó, mà bản thân Hội đồng, với tư cách là một tổ chức, cũng như những uỷ viên riêng biệt, đều đóng góp vào quỹ ủng hộ những người lưu vong, với tất cả mọi khả năng của mình.

Kể từ khi Quốc tế đã đạt đến mức phát triển và lớn mạnh hiện nay của mình, thì con đường duy nhất chống lại Quốc tế, đem lại cơ hội may mắn nào đó cho các tổ chức đối địch và cạnh tranh với Quốc tế có thể giành được thắng lợi, chung quy lại cũng chỉ là chiếm đoạt cái tên của Quốc tế để phá hoại sức mạnh của nó. Tất cả báo chí hèn hạ đã bị chính phủ và giai cấp thống trị mua chuộc hiểu rất rõ điều đó, cho nên chính những tờ báo ấy - từ báo chí cảnh sát cho đến cái gọi là báo chí của phái dân chủ và của phái cộng hoà - đều thận trọng lờ đi không nói đến bất cứ tuyên bố chính thức nào của Tổng Hội đồng, nhưng luôn luôn vội vàng loan báo cho khắp cả châu Âu biết những lời phát biểu chẳng đáng giá gì cả và lố lăng xằng bậy, như những lời phát biểu của "Hội đồng liên bang chủ nghĩa toàn thế giới".

Tổng Hội đồng

**R.A-plơ-gác, A-Ác-nô, M.Ba-ri, M.T.Bun, Ph.Brát-ni-cơ, G.H.Bát-te-ri, E.Đơ-la-hay, Ô-gien Đuy-pông, I.G.Ếch-ca-ri-út, U.Hây-dơ,**

**Hua-li-man, Giuy-lơ Giô-an-na-rơ, S.kin, Hác-ri-ét Lô, Ph.Le-xơ, Lóc-nơ, S.Lông-ghê, Mác-gơ-rit, C.Mác-tanh, Đê-vi Mô-ri-xơ, H.Mây-ô, Gi.Min-nơ, T.Mốt-tơ-xết, Pơ-phen-đơ, I.Rô-dơ-va-đốp-xki, V.Rét-gi-xơ, Gi-rốt-cho, Ruy-lơ, G.Ran-vi-e, Xát-lơ, Gi.Xéc-xtôn, C.Xtép-ni, A.Tay-lo, U.Tao-xen-đơ, E.Vai-ăng, Gi-Oét-xtơ, Đơ Vôn-phéc-xơ, Ph. Gi-gia-rau.**

Các bí thư thông tấn:

**Lê-ô Phran-ken** - liên lạc viên với Áo và Hung-ga-ri, **A.Héc-men** - liên lạc với Bỉ; **Ph. Cu-rơ-nơ** - liên lạc với Đan Mạch; **Ô.Xê-rai-ơ** - liên lạc với Pháp; **Các Mác** - liên lạc với Đức và Nga; **S.Rô-sa** - liên lạc với Hà Lan; **G.P. Mác-đô-nen** - liên lạc với Ai-rơ-len; **Ph.Ăng-ghen** - liên lạc với I-ta-li-a và Tây Ban Nha; **Va-lê-ri Vru-bơ-lép-xki** - liên lạc với Ba Lan; **Héc-man I-ung** - liên lạc với Thụy Sĩ; **Lơ Mút-xuy** - liên lạc với các chi hội người Pháp của Hợp chúng quốc.

**S.Ma-ri**, chủ tịch,

**A.I-ung**, thủ quỹ.

**Giôn Hây-dơ**, tổng thư ký.

33. Quảng trường Rát-bon Luân Đôn  
ngày 20 tháng Năm 1872

Do C.Mác viết

Đã đăng trên các báo "The Eastern Post" số 191, ngày 26 tháng Năm 1872; "The International Herald" số 9, ngày 1 tháng Sáu 1872; "Der Volksstaat" số 44, ngày 1 tháng Sáu 1872; "La Liberté" số 22, ngày 2 tháng Sáu 1872; "La Emancipacion" số 52, ngày 8 tháng Sáu 1872; "O Pensamento Social" số 16, tháng Sáu 1872; "L Égalité" số 13, ngày 23 tháng Sáu 1872

In theo bản đăng trên bao "The Eastern Post"  
Nguyên văn là tiếng Anh

## C.MÁC

### LẠI NÓI VỀ XTÊ-PHA-NÔ-NI VÀ QUỐC TẾ (THƯ GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "GAZZETTINO ROSA")<sup>101</sup>

Luân Đôn, ngày 23 tháng Năm 1872

Thưa ông chủ bút!

Trong số báo "Libero Pensiero" ra ngày 28 tháng Ba, ông Xtê-pha-nô-ni đã dự đoán một cách hoàn toàn có cơ sở rằng mặc dù ông ta chẳng gặp may mắn với Líp-nếch<sup>102</sup>, nhưng từ nay tôi vẫn sẽ trả lời cho sự vụ khống không ngót của ông ta bằng sự im lặng. Nếu bây giờ tôi phá tan sự im lặng đó thì cũng chỉ vì ông Các Phô-gơ, một người ở nước Đức đã bị cuốn sách của tôi "Ngài Phô-gơ" giết chết về mặt chính trị và đạo đức, - là người khích lệ những lời tuyên bố của Xtê-pha-nô-ni, một kẻ ý hợp tâm đồng với ông ta.

Ông Xtê-pha-nô-ni sao lục và trích dẫn trong cuốn sách của Phô-gơ cái chuyện vụ vợ đầu đầu về mối quan hệ giữa tôi với tên mật thám Séc-van nhằm chống tôi và chống Đảng Cộng sản Đức, nhưng lại dè dặt làm thinh không nói đến bức thư của I.Ph. Béch-cơ (Giơ-ne-vơ), trong đó vạch trần, với một giọng hài hước, những điều bịa đặt lố bịch của Phô-gơ (xem "Ngài Phô-gơ", tr. 21<sup>103</sup>).

Sự vụ khống đó, cũng như những lời vu khống tương tự như thế, mà Phô-gơ viết đầy cả cuốn sách thối tha của mình, qua mấy hôm sau khi được công bố, đã được đăng lại trong tờ "National

Zeitung"<sup>104</sup> ở Béc-lin. Tôi đã lập tức từ Luân Đôn phát đơn kiện tờ báo đó về tội vu khống. Song, theo luật pháp Phổ thì trước tiên tôi phải trải qua một thủ tục sơ bộ, tức là phải được cơ quan tư pháp cho phép truy tố chủ bút báo ""National Zeitung". Vì vậy mà tôi đã phải trải qua một loạt những cấp xét xử, từ quan dự thẩm cho đến toà án tối cao để rốt cuộc lại, chẳng đạt được điều gì cả. Tóm lại, người ta không để cho tôi khởi tố làm mất danh dự của ông Phô-gơ (tiện thể xin nói thêm, trong "Những nghiên cứu chính trị"<sup>105</sup> của ông ta, có đề nghị Phổ dùng sức mạnh vũ khí để chiếm lấy phần còn lại của Đức), đồng thời cùng làm mất danh dự của tờ báo, một tờ báo mang mặt nạ của cái gọi là phái đối lập, nhưng thực tế thì phục vụ cho chính phủ, sau này lại tỏ ra là một công cụ tiêu cực của Bít-xmác, - người ta không để cho khởi tố vì việc đó có thể đem lại một sự thoả mãn hoàn toàn cho một con người lúc đó đang bị tất cả các báo chí đã bán mình ở nước Đức công kích điên cuồng theo mệnh lệnh cấp trên.

Tất cả những biến cố trong cuộc đấu tranh của tôi với toà án Phổ, và cả những tài liệu chứng minh vô tội mà tôi đã trình bày cho toà án, đều được công bố trong cuốn sách của tôi "Ngài Phô-gơ", do vậy mà ông Xtê-pha-nô-ni nhất định phải biết rõ.

Ông Xtê-pha-nô-ni còn trích dẫn trong cuốn "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuê-n" của tôi (1853)<sup>106</sup> để chứng minh (chứng minh cái gì?) rằng tôi có quan hệ với những người cộng sản Đức. Tôi lấy làm tự hào về điều đó.

Song, mục đích thật sự của cuốn sách nói trên là nhằm chứng minh Liên đoàn những người cộng sản không phải là một hội kín với ý nghĩa được đề cập trong bộ luật hình sự, chính vì vậy mà Chính phủ Phổ mới phải bắt tên Sti-bơ đề tiện và bọn đồng mưu của hắn bịa ra một loạt những tài liệu giả mạo gán cho tôi và các bị cáo. Ngày nay ở nước Đức không sao tìm thấy một kẻ nào, ngay cả trong đám người ủng hộ Bít-xmác, dám phủ nhận

sự thật đó. Ông Xtê-pha-nô-ni chẳng những cấu kết với Phô-gơ, mà còn cấu kết với cả Sti-bơ, - điều đó thậm chí đối với esprit fort\* như Xtê-pha-nô-ni cũng quá rõ ràng.

Trong tờ báo bươm ra ngày 18 tháng Tư của mình, ông Xtê-pha-nô-ni lại tiến hành cuộc tiến công. Tôi đã chứng minh một cách rất có sức thuyết phục trong cuốn sách của mình rằng ông Phô-gơ vào năm 1859 đã bán mình cho Bô-na-pác-tơ, đã thành tay sai chính của Bô-na-pác-tơ ở Đức và Thụy Sĩ. Mười năm sau, sự thiếu khiêm tốn của bạn bè ông ta - Giuy-lơ Pha-vơ và đồng bọn - đã đem lại cơ hội chứng thực điều đó bằng tài liệu<sup>107</sup>.

Điều tuyệt đối không chính xác là tưởng như tôi vì lợi ích của nước Đức mà đã bảo vệ Áo chống lại ông Phô-gơ, một con người anh dũng bảo vệ I-ta-li-a. Vào những năm 1848 - 1849, trong tờ "Báo mới vùng Ranh" tôi đã bảo vệ sự nghiệp của nước I-ta-li-a chống phái đa số của nghị viện Đức và báo chí Đức<sup>108</sup>. Sau này, trong năm 1853 và vào thời gian khác, trong tờ "New - York Tribune", tôi đã bảo vệ một người mà tôi luôn luôn có sự bất đồng với ông ta về những vấn đề có tính nguyên tắc - ông Mát-di-ni<sup>109</sup>. Nói tóm lại, tôi bao giờ cũng đứng về phía nước I-ta-li-a cách mạng chống lại nước Áo.

Nhưng cuộc chiến tranh năm 1859 lại là một việc hoàn toàn khác. Tôi đã vạch trần cuộc chiến tranh đó là một cuốn chiến tranh có sứ mệnh kéo dài thêm sự sống còn của đế chế Bô-na-pác-tơ thêm một chục năm nữa, bắt nước Đức phải phục tùng chế độ quân phiệt Phổ và biến nước I-ta-li-a thành cái như nó hiện nay<sup>110</sup>. Mát-di-ni đứng về phía quan điểm của tôi, đó là một ngoại lệ (xem "Pensiero ed Azione" ngày 2-15 tháng Năm 1859<sup>111</sup>). Ông ta cũng như tôi lúc bấy giờ đều bị sự công kích của ông Phô-gơ là kẻ không chỗ nào không thò vào.

1\* - người có tư tưởng tự do

Tuy rằng tôi luôn luôn sẵn sàng vạch trần ông Phô-gơ là mặt vụ của Bô-na-pác-tơ, nhưng tôi vẫn phải phủ nhận tôi là tác giả của cái truyền đơn nặc danh mà ngài Các-lơ Blin-đơ đã phát ra để chống lại Phô-gơ. Ông Xtê-pha-nô-ni trích dẫn - theo lời của Phô-gơ - những lời tuyên bố của chủ nhà in và thợ sắp chữ mà ông ta tìm được để chứng minh rằng Blin-đơ không phải là tác giả của truyền đơn và truyền đơn ấy không phải do ông chủ nhà in nói trên in ra.

Song, nếu như ông Xtê-pha-nô-ni, như ông ta nói, đọc cuốn sách của tôi, thì ông ta sẽ thấy những lời khai được sao lại trên những trang 186 - 187<sup>112</sup> là *những lời khai* do một người thợ sắp chữ mà tôi đã nhắc tới và một người trong số bạn đồng nghiệp của anh ta *trình bày sau khi tuyên thệ trước toà án Anh*, họ đã khẳng định rằng tác giả của tờ truyền đơn nặc danh chính là Các-lơ Blin-đơ!

Từ Phô-gơ ông Xtê-pha-nô-ni chuyển sang nói đến Ghéc-sen. Trước tiên ông ta buộc cho Ghéc-sen là có tham gia cuộc hội nghị thành lập Quốc tế, và nói Hội liên hiệp được thành lập vào năm 1867. Ai cũng biết rằng Quốc tế được thành lập vào tháng Chín 1864 tại hội nghị họp ở Long-Ây-crơ, và Ghéc-sen không tham gia hội nghị ấy. Tác giả sách phúc âm theo chủ nghĩa duy lý, ông Xtê-pha-nô-ni, đối xử với vấn đề niên đại và khoa trắc địa hoàn toàn giống như các bậc tiền bối về Tân ước của ông ta đã đối xử với những cái đó cách đây mười tám thế kỷ. Cách đây khoảng mười năm, trước khi thành lập Quốc tế, tôi đã từ chối phát biểu trên cùng một diễn đàn với ông Ghéc-sen, một người Nga theo chủ nghĩa Đại Xla-vơ, trong một cuộc mít-tinh công khai.

Chính Ghéc-sen trong một cuốn sách do con trai ông ta xuất bản sau khi ông ta chết<sup>113</sup>, một cuốn sách đầy rẫy những ý kiến sai lầm nói về tôi, cũng không dám khẳng định rằng tôi đã có khi nào đó gọi ông ta là tên gián điệp Nga, như ông Xtê-pha-nô-ni,

một người sùng bái chân lý, đã tuyên bố như vậy. Song, những ai khao khát muốn biết rõ xem ông Ghéc-sen - một nhà xã hội chủ nghĩa nông cạn - đáng được đối xử như thế nào, chỉ cần đọc qua tập sách nhỏ "Việc nhà của chúng tôi"<sup>114</sup> của Xéc-nô Xô-lô-vê-vích, thì đủ rõ.

Thưa Ngài chủ bút, xin rất vinh hạnh được gửi lời chào tới ngài.

### *Các Mác*

*Viết ngày 23 tháng Năm 1872*

*Đã đăng trên báo "Gazzettino Rosa" số 148*

*ngày 28 tháng Năm 1872 và trong tạp chí "Il*

*Libero Pensiero" ngày 1 tháng Tám 1872*

*In theo bản đăng trên báo*

*Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a*

## C.MÁC TRẢ LỜI BÀI BÁO CỦA BREN-TA-NÔ<sup>115</sup>

Một người bạn đã từ nước Đức gửi cho tôi tờ "Tạp chí về vấn đề công nhân" "Concordia" số 10, ra ngày 7 tháng Ba, trong đó "cơ quan của liên minh các chủ xưởng" này đã đăng một bài xã luận dưới đầu đề "*Các Mác trích dẫn như thế đấy*".

Trong Tuyên ngôn Thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế, tôi nhân tiện có dẫn chứng một đoạn trong bài diễn văn về ngân sách của ông Glát-xtôn ngày 16 tháng Tư 1863, đoạn này không có trong bản in bán chính thức về những cuộc tranh luận nghị trường của Nhà xuất bản Han-xác-đơ<sup>116</sup>. Do đó tờ "Concordia", với cái lô-gích thực thà của chủ xưởng, đã kết luận thẳng tuột ra rằng: "Câu nói đó hoàn toàn không có trong bài diễn văn của Glát-xtôn và hý hửng biểu lộ niềm hân hoan của mình in chữ đậm bằng tiếng Đức theo khẩu khí chủ xưởng:

***"Mác về hình thức và về thực chất đã thêm thắt câu này!"***

Nếu quả là trong bản Tuyên ngôn Thành lập được xuất bản đầu tiên bằng tiếng Anh ở Luân Đôn, ngay trước mắt ông Glát-xtôn, mà có một câu nói tuồng như là do tôi xen thêm vào lại gán cho ông ta, và câu nói ấy đã được đăng một cách thông suốt trên khắp tất cả báo chí Luân Đôn trong vòng bảy năm rưỡi rồi, vậy mà chỉ đến bây giờ cuối cùng mới bị "các vị học giả" trong liên minh chủ xưởng nước Đức ở Béc-lin vạch trần, thì điều đó quả là hết sức kỳ lạ.

Câu nói trong Tuyên ngôn Thành lập và được đề cập tới ở đây là như thế này:

"This intoxicating augmentation of wealth and power is entirely confined to classes of property" (p.6, Inaugural Address etc.). (Dịch nguyên văn ra tiếng Đức có nghĩa là: "*Sự tăng lên đến mức choáng váng ấy của sự giàu có và của thế lực hoàn toàn chỉ được giới hạn trong giai cấp hữu sản*".)

Trong bài báo trên tờ "Fortnightly Review" (tháng Mười một 1870), một bài báo đã gây cho người ta một ấn tượng sâu sắc và đã được tất cả báo chí ở Luân Đôn thảo luận, ông Bi-dơ-li, một giáo sư sử học của trường đại học tại nơi đây, đã dẫn chứng câu sau đây ở trang 518:

"An intoxicating augmentation of wealth and power, as Mr. Gladstone observed, entirely confined to classes of property". (Dịch sang tiếng Đức là: "*Sự tăng lên đến mức choáng váng của sự giàu có và của thế lực, như ông Glát-xtôn nhận xét, hoàn toàn chỉ được giới hạn trong giai cấp hữu sản*".)<sup>117</sup>

Nhưng bài báo của giáo sư Bi-dơ-li xuất hiện sáu năm sau khi công bố Tuyên ngôn Thành lập kia mà! Thôi được! chúng ta hãy đọc qua cuốn sách chỉ dành riêng cho khu Xi-ti ở Luân Đôn, được xuất bản chẳng những sớm hơn Tuyên ngôn Thành lập, mà còn trước khi thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế, đầu đề cuốn sách là: "Lý luận về tỷ giá kỳ phiếu. Luật ngân hàng năm 1844". Luân Đôn, năm 1864, nhà xuất bản T.Cau-tơ-lây Niu-bi, phố Oen-béch, số 30<sup>118</sup>. Bài diễn văn về ngân sách của Glát-xtôn được phê bình rất cặn kẽ trong cuốn sách đó, câu sau đây được dẫn chứng ở trang 134 trong cuốn sách đó:

"This intoxicating augmentation of wealth and power is entirely confined to classes of property". (Dịch sang tiếng Đức là: "*Sự tăng lên đến mức choáng váng ấy của sự giàu có và của thế lực hoàn toàn chỉ được giới hạn trong giai cấp hữu sản*").

tức là đúng hệt như tôi đã dẫn chứng.

Điều đó đã chứng minh một cách không thể bác bỏ được rằng liên minh chủ xưởng nước Đức "*về hình thức và về thực chất đã nói dối*", bịa ra "câu nói" ấy là sản phẩm "của tôi"!

Nhân tiện chúng tôi xin nêu rõ: tờ "Concordia" đứng đắn ấy còn đăng lại một đoạn khác bằng chữ đậm, trong đó ông Glát-xtôn nói lái nhại gì đó về một sự cải thiện "khác thường và chưa từng có ở bất kỳ nước nào và trong tất cả mọi thời đại" của tình cảnh giai cấp công nhân Anh trong hai mươi năm gần đây. Chữ đậm ắt là phải chứng minh rằng tôi đã che giấu đoạn ấy. Trái ngược lại! Trong Tuyên ngôn Thành lập, chính là tôi đặc biệt nhấn mạnh sự tương phản quá đỗi của câu nói trơ trẽn ấy với "số liệu thống kê kinh khủng", ("appalling statistics"), như giáo sư Bi-dơ-li đã miêu tả rất đúng, số liệu thống kê ấy được dẫn chứng trong các báo cáo chính thức của nước Anh trong thời kỳ đó<sup>1)</sup>.

Tác giả "Lý luận về tỷ giá kỳ phiếu", giống như tôi, cũng đã trích dẫn không phải theo Han-xác-đơ, mà theo báo Luân Đôn, tờ báo này đã đăng bài diễn văn về ngân sách ngày 16 tháng Tư trong số ra ngày 17 tháng Tư. Tôi đã ra sức tìm kiếm trong tập bút ký năm 1863 của mình đoạn trích yếu ấy và cả tên của tờ báo đã được trích yếu, nhưng chẳng tìm được gì cả. Mặc dù các báo chí Luân Đôn luôn luôn có sự khác nhau, song tôi vẫn tin rằng, không một tờ báo nào có thể bỏ qua lời tuyên bố hết sức lạ lùng của ông Glát-xtôn. Cho nên tôi có tờ "Times" ra ngày 17 tháng Tư 1863 - lúc đó cũng như hiện nay tờ báo ấy vẫn là cơ quan của Glát-xtôn và tìm thấy trong đó, ở trang 7, cột 5, trong báo cáo về bài diễn văn về ngân sách:

"That is the state of the case as regards *the wealth of this country*, I must say for one, I should look almost with apprehension and with pain upon *this intoxicating*

1) Trong tác phẩm "Tư bản" của tôi (tr.638, 639)<sup>119</sup>, tôi đã bác bỏ những điều biện hộ bậy bạ khác trong bài diễn văn đó.

*augmentation of wealth and power. If it were my belief that it was confined to classes who are in easy circumstances. This takes no cognizance at all of the condition of the labouring population. The augmentation I have described, and which is founded, I think, upon accurate returns, is an augmentation entirely confined to classes of property.*

Dịch sang tiếng Đức là: "Đó là tình hình của đất nước chúng ta xét về mặt giàu có. Tôi phải thừa nhận rằng tôi hầu như lo âu và đau buồn khi nhìn vào sự tăng lên đến mức chói sáng ấy của sự giàu có và của thế lực, nếu như tôi tin rằng sự tăng lên ấy chỉ giới hạn trong giai cấp giàu có<sup>1)</sup>. ở đây hoàn toàn không chú ý gì đến tình hình của dân cư lao động. Sự tăng lên mà tôi mô tả" (ông ta vừa mới mô tả sự tăng lên ấy là "sự tăng lên đến mức chói sáng ấy của sự giàu có và của thế lực") "hoàn toàn chỉ được giới hạn trong những giai cấp hữu sản".

Vậy thì, theo bài tường thuật của chính bản thân cơ quan ngôn luận của ông ta, tờ "Times", ra ngày 17 tháng Tư 1863, ông Glát-xtôn "về hình thức và về thực chất" đã tuyên bố ngày 16 tháng Tư 1863 tại hạ nghị viện, rằng "sự tăng lên đến mức chói sáng ấy của sự giàu có và của thế lực hoàn toàn chỉ được giới hạn trong những giai cấp hữu sản" và chỉ mới nghĩ rằng chỉ riêng một bộ phận của các giai cấp ấy, tức là cái bộ phận thật sự giàu có, được hưởng sự tăng lên ấy của sự giàu có, thì ông ta đã phần nào khiếp sợ rồi.

"Italiam, Italiam!"<sup>1\*</sup> Cuối cùng chúng tôi bàn đến cả Han-xác-đơ nữa. Ông Glát-xtôn thật là khôn ngoan, đã vứt bỏ cái đoạn văn hiển nhiên làm mất danh dự của ông ta với tư cách là một vị đại thần tài chính nước Anh, cái đoạn văn đã được xào xáo muộn mằn trong bài diễn văn của ông ta; song đấy là truyền thống nghị viện thông thường ở nước Anh chứ hoàn toàn không phải

1) Những chữ "easy classes", "classes in easy circumstances" do Uây-cơ-phin dùng lần đầu tiên để chỉ bộ phận giàu có của giai cấp hữu sản<sup>120</sup>.

1\* "Nước I-ta-li-a! Nước I-ta-li-a!" (Viếc-gi-lơ. "Ê-nê-ít". Quyển ba).

điều phái minh của cậu bé La-xke-rơ nhằm contra<sup>1\*</sup> Bê-ben<sup>121</sup>. Một sự đối chiếu rành rọt bài diễn văn mà ông Glát-xtôn thực tế đã trình bày, như đã được đăng trong tờ "Times", với toàn văn của nó do chính bản thân ông Glát-xtôn sửa đổi sau đó, sẽ đem lại không ít tài liệu buồn cười để bình phẩm vị anh hùng tư sản ngọt lời bù tai, róm đời, hết sức sùng đạo, đang rụt rè phô bày lòng sùng tín và "attitudes of mind"<sup>2\*</sup> tự do chủ nghĩa của mình.

Cuốn "Tư bản" của tôi gây nên một sự bức tức đặc biệt gay gắt, vì trong cuốn sách đó, có dẫn chứng nhiều tài liệu chính thức để nhận xét chế độ tư bản chủ nghĩa, mà cho đến nay chưa có một học giả nào có thể tìm thấy sai lầm trong những tài liệu ấy. Về điều này ngay cả những ngài trong liên minh các chủ xưởng nước Đức cũng đều nghe nói cả. Nhưng họ nghĩ:

"Cái mà bậc tài trí nhìn không thấy.

Lại không giấu nổi tâm hồn trẻ thơ"<sup>3\*</sup>.

Đã nói là làm. Để tìm hiểu cho rõ đoạn trích dẫn mà họ cảm thấy ngờ vực trong Tuyên ngôn thành lập, họ cần viện đến một đồng nghiệp ở Luân Đôn, một người tình cờ bắt gặp, ông Mun-đen-la; ông này, bản thân là một chủ xưởng, đã vội vàng gửi qua bên kia bờ biển La Măng-sơ cái đoạn trích đã được ghi chép bằng giấy trắng mực đen rút ra trong những văn kiện tranh luận nghị trường của nhà xuất bản Han-xác-đơ. Bây giờ thì họ đã biết rõ bí mật sản xuất của tôi rồi. Tôi chẳng những chế tạo ra nguyên bản, mà còn làm giả cả những đoạn trích dẫn của nguyên bản nữa kia. Trong khi say sưa vì thắng lợi, họ đã la lên với cả thế giới: "Các Mác trích dẫn như thế đấy!" Thế là người ta làm cho

1\* - chống lại.

2\* - tâm trạng

3\* Si-lơ. "Những lời của lòng tin".

*hàng hoá* của tôi mãi mãi mất hết tín nhiệm, và hơn thế nữa, bằng cái con đường buôn bán thông thường mà mỗi chủ xưởng cần tuân theo, nghĩa là không phải chi phí gì cả cho việc nghiên cứu khoa học đối với vấn đề.

Cái kết cục không lấy gì làm thú vị có lẽ sẽ chỉ cho các thành viên của Liên minh chủ xưởng thấy rõ rằng dù họ có sành sỏi đến mấy chẳng nữa trong việc làm giả hàng hoá, họ cũng chẳng có chút tài năng nào phán xét được món hàng văn chương cả, giống như con lừa gẩy đàn mà thôi.

### *Các Mác*

Luân Đôn, ngày 23 tháng Năm 1872

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" số 44,  
ngày 1 tháng Sáu 1872*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Đức*

## PH. ĂNG-GHEN NGHỊ QUYẾT CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG VỀ VIỆC TRIỆU TẬP VÀ CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU Ở LA HAY<sup>122</sup>

1. Xét rằng Đại hội Ba-ler đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu kỳ tới tại Pa-ri, và Tổng Hội đồng lại ra quyết định ngày 12 tháng Bảy 1870 chọn Ma-in-xơ làm địa điểm triệu tập Đại hội đại biểu vì không thể triệu tập Đại hội đại biểu tại Pa-ri và chiếu theo điều 4 của Điều lệ chung; sau nữa, xét thấy rằng lúc này ở nước Pháp cũng như ở nước Đức các chính phủ đang truy nã Quốc tế, nên không thể triệu tập Đại hội đại biểu tại Pa-ri cũng như tại Ma-in-xơ.

Tổng Hội đồng căn cứ theo điều 4 của Điều lệ chung quy định trong trường hợp cần thiết nó được quyền thay đổi địa điểm họp Đại hội, nay quyết định triệu tập Đại hội đại biểu kỳ tới của Hội liên hiệp công nhân quốc tế vào thứ hai, tức ngày 2 tháng Chín 1872 tại La Hay, Hà Lan.



2. Xét thấy rằng nội dung chương trình nghị sự của Đại hội dự định họp tại Ma-in-xơ ngày 5 tháng Chín 1870, hiện giờ không còn phù hợp với yêu cầu bức thiết của Quốc tế vì những yêu cầu do đã thay đổi một cách căn bản do những sự kiện lịch sử to lớn đã xảy ra; xét thấy rằng nhiều chi hội và liên chi hội của các nước đã đề nghị Đại hội đại biểu kỳ tới phải xem xét lại Điều lệ chung và Quy chế chung; xét thấy rằng hiện nay hầu như trong tất cả các nước châu Âu, Quốc tế đang bị truy nã, do đó, nhiệm vụ trước mắt của Quốc tế là phải củng cố tổ chức của mình;

Tổng Hội đồng quyết định ghi vào chương trình nghị sự việc sửa đổi Quy chế và Điều lệ chung, coi đó là một vấn đề quan trọng nhất trong những vấn đề phải thảo luận tại Đại hội La Hay, đồng thời vẫn dành cho mình quyền sau này căn cứ trên những đề nghị của các chi hội và các liên chi hội để thảo ra một chương trình chi tiết hơn của Đại hội.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 8 tháng Sáu 1872*  
 Đã đăng trên các báo "The International Herald" số 13, ngày 29 tháng Sáu năm 1872; "Der Volksstaat" số 53, ngày 3 tháng Bảy 1872; "L'Égalité" số 14, ngày 7 tháng Bảy 1872; "La Emancipacion" số 57, ngày 13 tháng Bảy 1872; "La Liberté" số 28, ngày 14 tháng Bảy 1872

*In theo bản đăng trên báo "The International Herald", có đối chiếu với bản thảo viết tay bằng tiếng Pháp*  
 Nguyên văn là tiếng Anh

## C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN LỜI TỰA VIẾT CHO BẢN TIẾNG ĐỨC "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" XUẤT BẢN NĂM 1872<sup>123</sup>

Liên đoàn những người cộng sản, - một tổ chức công nhân quốc tế, trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, tất nhiên chỉ có thể là một tổ chức bí mật, - đã uỷ cho những người ký tên dưới đây, là đại biểu dự Đại hội ở Luân Đôn tháng Mười một 1847, khởi thảo ra một cương lĩnh của Đảng có đầy đủ chi tiết, vừa về mặt lý luận, vừa về mặt thực tiễn, để đưa ra công bố. Đó là nguyên do vì đâu có bản "Tuyên ngôn" này; bản thảo của nó, một vài tuần trước Cách mạng tháng Hai, đã được gửi tới Luân Đôn để in. Trước tiên, bản ấy được công bố bằng tiếng Đức và ít ra cũng đã được xuất bản bằng tiếng này có đến mười hai lần ở Đức, ở Anh và ở Mỹ. Bản tiếng Anh do Ê-len Mác-pha-rơ-lin dịch, đã được đăng năm 1850 trên báo "Red Republican"<sup>124</sup> ở Luân Đôn, và đến năm 1871, ở Mỹ, ít ra cũng có ba bản dịch ra tiếng Anh. "Tuyên ngôn" được xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Pháp ở Pa-ri, ít lâu trước cuộc Khởi nghĩa tháng Sáu 1848, và gần đây, được đăng trên tờ "Socialiste"<sup>125</sup> ở Niu Oóc. Hiện nay, một bản dịch mới đang được chuẩn bị. "Tuyên ngôn" được in ra tiếng Ba Lan ở Luân Đôn, ít lâu sau lần xuất bản thứ nhất bằng tiếng Đức. Trong những năm sáu mươi<sup>126</sup>, nó được xuất bản bằng tiếng Nga ở Giơ-ne-vơ. Nó cũng đã được dịch ra tiếng Đan Mạch, ít lâu sau khi được công bố.

Mặt dầu hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong "Tuyên ngôn" này vẫn còn hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, có một vài chi tiết cần phải xem lại. Chính ngay "Tuyên ngôn" cũng đã giải thích rõ ràng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đó, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi. Vì đại công nghiệp đã có những bước tiến hết sức lớn trong hai mươi lăm năm qua và giai cấp công nhân cũng đạt được những tiến bộ song song trong việc tự tổ chức thành chính đảng, do có những kinh nghiệm thực tiễn, trước hết là của Cách mạng tháng Hai, sau nữa và nhất là của Công xã Pa-ri lần đầu tiên đã đem chính quyền lại cho giai cấp vô sản trong hai tháng, cho nên hiện nay, cương lĩnh này có một số điểm đã cũ. Nhất là Công xã đã chứng minh rằng "giai cấp công nhân không thể chỉ nắm lấy bộ máy nhà nước sẵn có và bắt nó hoạt động phục vụ mình". (Xem "Nội chiến ở Pháp", "Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế", trong đó ý kiến nói trên đã được phát triển rõ hơn<sup>127</sup>). Ngoài ra, hiển nhiên là việc phê phán những văn phẩm xã hội chủ nghĩa chưa được đầy đủ, chưa nói đến thời kỳ hiện nay, vì nó chỉ nói đến những văn phẩm từ năm 1847 trở về trước. Và cũng hiển nhiên là những nhận định về thái độ của người cộng sản đối với các đảng đối lập (chương IV), nếu cho đến nay vẫn còn đúng trên những nét cơ bản thì trong chi tiết, những nhận định ấy đã cũ rồi, vì tình hình chính trị đã hoàn toàn thay đổi và sự tiến triển lịch sử đã làm tiêu tan phần lớn những đảng được kể ra trong đó.

Tuy nhiên, "Tuyên ngôn" là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại. Có lẽ là trong một lần xuất bản, sẽ có một lời tựa để bổ sung vào khoảng trống từ năm 1847 đến nay;

lần tái bản này đột ngột quá không cho phép chúng tôi có đủ thì giờ để viết lời tựa ấy.

**Các Mác**  
**Phri-đrich Ăng-ghen**

Luân Đôn, ngày 24 tháng Sáu 1872

*Theo đúng bản in trong cuốn "Das kommunistische Manifest. Neue Ausgabe mit einem Vorwort der Verfasser". Leipzig. 1872*

*In theo bản in trong cuốn sách Nguyên văn là tiếng Đức*

## PH.ĂNG-GHEN QUỐC TẾ Ở MỸ<sup>128</sup>

Độc giả của chúng tôi đã biết rõ qua các phóng viên ở Mỹ của chúng tôi rằng ở nước Mỹ đã xảy ra sự chia rẽ giữa các hội viên Quốc tế. Tình hình xảy ra trong những tháng gần đây tại Niu Oóc quả thật là không bình thường trong lịch sử của Quốc tế, nên cần phải trình bày một cách cặn kẽ. Chúng tôi lấy một bài trong tờ "Emancipacion" (ngày 22 tháng Sáu) làm cơ sở cho báo cáo của chúng tôi, đồng thời bổ sung thêm vào đó những sự việc rút ra trong những văn kiện xác thực hiện có ở chúng tôi.

Ai cũng biết rằng ở châu Âu, giai cấp tư sản và các chính phủ đã làm cho Quốc tế trở thành một con quái vật đáng sợ, đã dùng con quái vật đó để dọa dẫm tất cả những công dân lương thiện đến nỗi bây giờ có thể chẳng cần phải lo sợ là những phần tử tư sản sẽ tràn ngập Quốc tế và làm cho Quốc tế đi chệch những nhiệm vụ ban đầu. Ở Mỹ thì tình hình hoàn toàn khác hẳn. Cái mà giai cấp tư sản và các chính phủ châu Âu đang khiếp sợ, thì ngược lại, ở nước Mỹ được coi như một cái gì hết sức thú vị. Đối với một xã hội lớn lên trên cơ sở thuần túy tư sản, không có tầng lớp quý tộc địa chủ và không có chế độ quân chủ, thì những sự sợ hãi ngây ngô trẻ con của giai cấp tư sản châu Âu thật là nực cười, giai cấp tư sản châu Âu - ngay cả ở nước Pháp, ít ra là về mặt tinh thần - vẫn chưa thoát khỏi sự bảo hộ của chế độ quân chủ và của tầng lớp quý tộc. Chính vì vậy mà Quốc tế ở châu Âu càng tỏ ra đáng sợ bao nhiêu, các ký giả

của báo chí Mỹ miêu tả nó càng khủng khiếp bao nhiêu, - mà cũng chẳng có ai có thể tô vẽ lấm màu lấm sắc đến thế như các ông này, - thì ở Mỹ người ta càng tin chắc rằng hiện nay có thể dùng Quốc tế để kiểm soát vốn liếng- cả vốn liếng tiền tệ lẫn vốn liếng chính trị.

Phát hiện đó trước tiên là của hai bà người Mỹ, hai bà cũng tìm cách lợi dụng Quốc tế để làm chuyện buôn bán kiểm soát, sự việc đó đã chứng minh rất rõ là xã hội nước Mỹ đã tiến rất xa về phía trước so với xã hội châu Âu. Khi mà những kẻ trượng phu của giai cấp tư sản châu Âu đang run sợ trước Quốc tế, thì hai bà tư sản người Mỹ - bà Vích-to-ri-a Vút-han và em của bà là Ten-ne-xi Cla-phơ-lin (hai người xuất bản tờ "Woodhull and Claflin's Weekly"<sup>129</sup>) - đã vạch kế hoạch lợi dụng cái đoàn thể đáng sợ này. Và mưu đồ của hai bà suýt nữa thành công.

Cả hai chị em, hai nhà triệu phú, hai người tuyên truyền giải phóng phụ nữ, nhất là "tự do luyện ái", đã dùng cảm gia nhập Quốc tế. Dưới sự lãnh đạo của bà Cla-phơ-lin, chi hội số 9 đã được thành lập; còn chi hội số 12 thì được thành lập dưới sự lãnh đạo của bà Vút-han; tiếp theo sau đó nhiều chi hội khác cũng ra đời khắp các nơi trong nước Mỹ; tất cả những chi hội đó đều do những người sùng bái hai chị em ấy lập nên. Theo quy định hiện hành, mỗi chi hội đều có quyền phái một đại biểu tới Ủy ban trung ương họp tại Niu Oóc. Kết quả là hội đồng liên chi hội này ban đầu gồm những công nhân Đức, công nhân Ai-rơ-len và công nhân Pháp, chẳng bao lâu sau đã bị tràn đầy bởi những nhà phiêu lưu tư sản Mỹ cả nam lẫn nữ đủ loại. Công nhân bị đẩy xuống phía sau; thắng lợi của hai chị em phiêu lưu hình như đã chắc chắn lắm. Thế là chi hội số 12 ra mắt và giải bày cho những người sáng lập Quốc tế ở Mỹ hiểu thấu nguồn cơn sự tình.

Ngày 30 tháng Tám 1871, chi hội số 12 công bố bản tuyên ngôn của mình do bí thư U.Oét-xtơ<sup>130</sup> ký tên. Trong bản tuyên ngôn này có nói:

"Mục đích cuối cùng của Quốc tế rất đơn giản: giải phóng nam nữ công nhân bằng con đường giành lấy chính quyền. Việc đó trước tiên đòi hỏi phải có sự bình đẳng chính trị và tự do xã hội của cả nam lẫn nữ. *Bình đẳng chính trị* có nghĩa là mọi người đều tự mình tham gia vào việc dự thảo, thông qua và thực hiện những đạo luật mà tất cả mọi người đều phải tuân theo. *Tự do xã hội* nghĩa là bảo đảm đầy đủ không để có một sự can thiệp vô lý nào vào tất cả những vấn đề có tính chất thuần túy cá nhân, chẳng hạn như: tín ngưỡng tôn giáo, *quan hệ nam nữ, thời trang v.v..* Sau nữa, việc đó còn bao gồm cả việc lập nên một *chính phủ chung* cho toàn thế giới. Cố nhiên cương lĩnh ấy cũng bao hàm cả việc *xoá bỏ tất cả những sự khác nhau về ngôn ngữ*."

Để không xảy ra một sự hiểu lầm nào về mục đích được đề cập đến ở đây, nên người ta đề ra yêu cầu thành lập một tổ chức, mà trong đó,

"cố gắng hết sức trong mỗi khu bầu cử có một chi hội của mình để xúc tiến hoạt động chính trị... trong mỗi thành phố có một uỷ ban thành phố tương ứng với hội đồng thành phố hiện có; trong mỗi bang có một uỷ ban tương ứng với cơ quan lập pháp của bang, còn trong phạm vi cả nước thì phải có một uỷ ban toàn quốc tương ứng với quốc hội nước Mỹ... Nhiệm vụ của Quốc tế chung quy lại chỉ là xây dựng, trong khuôn khổ những hình thức hiện có, một hình thức quản lý mới thay thế cho hình thức quản lý cũ".

Như vậy, căn cứ vào đó thì sứ mệnh của Quốc tế không phải là lật đổ những cơ sở của nhà nước hiện đang tồn tại, mà là sử dụng nhà nước ấy. Quả thực, ông Oét-xơ hoàn toàn có quyền tuyên bố:

"Việc ban bố bản tuyên ngôn của chi hội số 12 là sự mở đầu của *thời đại mới* trong lịch sử Quốc tế!" (Woodhull and Claflin's Weekly" ra ngày 2 tháng Ba 1872).

Để bảo đảm cho "thời đại mới" ấy đến, trước tiên cần phải vứt bỏ những sự ràng buộc của Điều lệ chung của Quốc tế và của những nghị quyết của các Đại hội Quốc tế mà cho đến nay vẫn còn hiệu lực pháp luật không thể tranh cãi. Quả vậy, chi hội số 12 đã tuyên bố ("Woodhull and Claflin's Weekly" ra ngày 21 tháng Mười 1871)

"quyền độc lập tự chủ của mỗi chi hội là tự do giải thích các nghị quyết của các kỳ đại hội. Điều lệ và những nghị quyết của Tổng Hội đồng" (tức là Điều lệ và Quy chế chung của Hội liên hiệp), "bởi vì mỗi chi hội chịu trách nhiệm đối với các hành động của mình".

Chẳng bao lâu sau, tình hình biến chuyển hoàn toàn tồi tệ. Thay vì những chi hội công nhân, lại xuất hiện những chi hội của tất cả những phần tử bịp bợm tư sản, của những kẻ chủ trương tự do luyến ái, của những bọn thuật sĩ chiêu hồn, những bọn Sê-cơ<sup>131</sup> v.v.. Lúc đó, chi hội số 1 (chi hội người Đức) là chi hội đầu tiên trong số những chi hội Quốc tế đã xuất hiện ở Mỹ, cuối cùng, đã ra một bản kêu gọi, trong đó nhấn mạnh bản chất vô sản của Hội liên hiệp nhằm đối lập lại cái kiểu bịp bợm ấy. Thuỷ tổ của các chi hội nước Mỹ, tức chi hội số 12, đã đáp lại ngay tức khắc. Trong tờ "Woodhull and Claflin's Weekly" ra ngày 18 tháng Mười một 1871, chi hội số 12, thông qua của miệng ông Oét-xơ, bí thư chi hội đã tuyên bố:

"Việc áp dụng quyền bình đẳng công dân cho phụ nữ trên toàn thế giới phải đi trước mọi sự thay đổi chung của những quan hệ giữa tư bản và lao động... Chi hội số 12 cũng phải chống lại cái tiền đề sai lầm làm cơ sở cho toàn bộ bản kháng nghị" (bản kháng nghị của chi hội số 1). "cho rằng tuồng như Hội liên hiệp công nhân quốc tế là tổ chức của giai cấp công nhân".

Ngày 25 tháng Mười một lại xuất hiện một bản kháng nghị mới của chi hội số 12, trong đó nói:

"Sự khẳng định" (trong Điều lệ chung) "rằng giai cấp công nhân chỉ có thể tự giải phóng mình, - điều khẳng định đó là đúng, song chỉ với ý nghĩa là *giai cấp công nhân không thể được giải phóng trái với ý chí của chính mình*".

Thế là, rốt cuộc, tình hình đã đi đến một cuộc chiến tranh công khai giữa một bên là những kẻ chủ trương lợi dụng chính quyền nhà nước, những kẻ mưu cầu danh vọng, những kẻ chủ trương tự do luyến ái, những thuật sĩ chiêu hồn và những tên bịp bợm tư sản khác, với một bên khác là những công nhân chân chất cho rằng Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Mỹ cũng là

tổ chức của giai cấp công nhân, chứ không phải là tổ chức của giai cấp tư sản. Chi hội người Đức số 1 yêu cầu Ủy ban trung ương đuổi cổ chi hội số 12 và khai trừ những đại biểu của tất cả các chi hội không có ít nhất hai phần ba hội viên là những công nhân làm thuê. Yêu cầu đó đã gây ra sự chia rẽ trong Ủy ban trung ương; một bộ phận ủy viên người Đức, những ủy viên người Ai-rơ-len, một số ủy viên người Pháp đã ủng hộ chi hội số 1, trong khi đó những ủy viên người Mỹ và cả phần lớn các ủy viên người Pháp và hai chi hội người Đức (những người ủng hộ Svai-xơ) đã thành lập một Ủy ban trung ương mới.

Ủy ban trung ương cũ (chúng tôi gọi nó là ủy ban số 1) ngày 4 tháng Chạp đã ra một thông cáo, trong đó mô tả tình hình lúc đó như sau:

"Ủy ban Trung ương lẽ ra phải là cái lá chắn ngăn chặn mọi hành vi bịp bợm cải lương, nhưng trong đó rốt cuộc đã hình thành một đa số bao gồm những nhà từ thiện và những nhà cải cách mà hiện nay hầu như không còn ai nhớ đến nữa; kết quả là những người truyền bá Phúc âm tự do luyện ái thì ngồi thân mật sát cánh những người muốn đem lại hạnh phúc cho toàn thể giới bằng cái ngôn ngữ vạn năng; bọn con buôn đầu cơ hợp tác xã nông nghiệp, bọn thuật sĩ chiêu hồn, những phần tử vô thần luận và bọn tự nhiên thần luận - ai nấy đều ra sức trở tài. Đặc biệt là chi hội số 12 (Vút-han)... Bước thứ nhất cần phải tiến hành vì lợi ích của phong trào chúng ta là tổ chức lại và đồng thời tăng cường cái nhân tố cách mạng đang chứa đựng trong sự đối lập lợi ích giữa công nhân và nhà tư bản... Đại biểu của các chi hội số 1, 4, 5, 7, 8, 11, 16, 21, 23, 24, 25 và đại biểu của các chi hội khác thấy rõ rằng tất cả những cố gắng nhằm chấm dứt tình trạng quái gở ấy, đều không có kết quả, nên đã quyết định: thành lập một Ủy ban mới *gồm những công nhân chân chính* sau khi Ủy ban trung ương cũ đình chỉ hoạt động của mình trong một thời gian vô hạn định (ngày 3 tháng Chạp 1871)"<sup>132</sup>.

Nhưng Ủy ban trung ương số 2 (Vút-han) vẫn tiếp tục hoạt động; Ủy ban đó được bổ sung thêm nhiều đại biểu tuồng như của những chi hội mới, những chi hội này chủ yếu do các chi hội số 9 và số 12 lập nên, nhưng phần lớn những chi hội ấy

rất ít người, đến nỗi rất khó chọn đủ số ủy viên để bổ nhiệm những chức vụ cần thiết nhất (bí thư, ủy viên tài chính. v.v.).

Cả hai ủy ban đều hướng đến Tổng Hội đồng Luân Đôn tìm sự ủng hộ. Lúc bấy giờ, một số chi hội (chẳng hạn, chi hội Pháp số 10 và tất cả những chi hội Ai-rơ-len) đã cắt đứt quan hệ với cả hai ủy ban, chờ quyết định của Tổng Hội đồng.

Ngày 5 và ngày 12 tháng Ba Tổng Hội đồng đã thông qua quyết nghị<sup>1\*</sup>, đã được công bố trên tờ "Volksstaat" (số 37). Tổng Hội đồng tạm thời khai trừ chi hội số 12, khuyên hai ủy ban trung ương hãy thống nhất lại, chờ triệu tập đại hội đại biểu nước Mỹ sẽ giải quyết vấn đề về thực chất, và kiến nghị trong thời gian sau này không chấp nhận tất cả những chi hội nào không có ít nhất là hai phần ba số hội viên là công nhân làm thuê. Mặc dù do những nguyên nhân hoàn toàn dễ hiểu, những quyết nghị này được đưa ra chỉ dưới hình thức những kiến nghị, song những quyết nghị ấy có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của Quốc tế ở Mỹ. Những quyết nghị này thừa nhận về thực chất sự đúng đắn của ủy ban số 1, đồng thời làm cho những phần tử tư sản trong ủy ban số 2 không còn có thể lạm dụng danh nghĩa của Quốc tế để phục vụ cho những mục đích của bản thân họ.

Từ những ngày đầu tiên của sự phân liệt, ủy ban số 2 đã công nhiên làm trái nghị quyết của hội nghị đại biểu XVII ở Luân Đôn, - nghị quyết này yêu cầu tất cả những công việc nội bộ của Hội liên hiệp chỉ được thảo luận trong nội bộ các chi hội và các liên chi hội, tuyệt đối không được công khai bàn bạc<sup>133</sup>, - ủy ban số 2 này đã mời các phóng viên báo chí Niu Oóc tham dự tất cả các hội nghị của mình và lo làm sao cho tất cả mọi việc đó đều trở thành đề tài của các báo chí tư sản có tiếng xấu nhất. Hiện giờ, tình hình như thế lại diễn ra khi mà ủy ban ấy

1\* Xem tập này, tr.72 - 75.

tưởng rằng nó đã dùng mánh khéo đánh lừa được Tổng Hội đồng, đã vùng lên chống lại Tổng Hội đồng. Những tờ báo đề tiện nhất ở Niu Oóc, như tờ "Herald"<sup>134</sup> v.v. đã được uỷ ban số 2 tạo cho cơ hội trình bày toàn bộ tình hình như là sự xung đột giữa người Đức và người Pháp, giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội v.v.. Kẻ thù của công nhân ở Niu Oóc mừng rỡ về cái gọi là sự tan rã của Quốc tế ở Mỹ.

Đồng thời, uỷ ban số 2 luôn luôn cố sức làm cho tất cả mọi người tin rằng Quốc tế không phải là tổ chức của giai cấp công nhân, mà là tổ chức của của giai cấp tư sản. Ngày 16 tháng Chạp 1871, cơ quan của uỷ ban ấy, tờ "Woodhull and Claflin' Weekly", đã tuyên bố:

"Uỷ ban chúng tôi chẳng cần phải chứng minh rằng hai phần ba hoặc một phần nào đó của một chi hội nào đó phải là *những kẻ nô lệ làm thuê, tuồng như làm một người dân tự do là một tội ác*".

Ngày 4 tháng Năm 1872, nó lại tuyên bố:

"Trong một chỉ thị của mình, Tổng Hội đồng không ngưng ngừng kiến nghị rằng sau này sẽ không chấp nhận bất cứ một chi hội nào ở Mỹ không có ít nhất hai phần ba hội viên là *nô lệ làm thuê*. Phải chăng các thành viên của các chi hội cũng phải trở thành *những nô lệ chính trị*". Hai điều đó chẳng khác gì nhau. Người ta phải lo lắng nhất về sự xâm nhập của "những nhà cải cách giả hiệu và những nhà từ thiện, những tay bịp bợm tư sản và những phần tử đầu cơ chính trị", chính là từ phía giai cấp gồm những công dân không có tư liệu sinh sống nào khác ngoài khoản tiền *công lao động nô lệ làm thuê của mình*".

Có lẽ, uỷ ban số 2 không thể đi xa hơn thế. Hoá ra, coi Hội liên hiệp công nhân quốc tế là một tổ chức liên hiệp công nhân, thì lại là một sự ngu xuẩn lớn nhất; chẳng những thế, cái Hội liên hiệp ấy nếu khai trừ toàn thể công nhân, toàn thể nô lệ làm thuê đi, hoặc ít ra cũng phải nghi ngờ tất cả những người công nhân đó, thì mới có thể đạt được mục đích của mình cơ đấy.

Trong trường hợp đó, mục đích của Hội liên hiệp công nhân quốc tế (mà không có công nhân) ở Mỹ là gì? Đối với câu hỏi này hiện giờ chúng ta đã được trả lời rõ ràng rồi. Cuộc bầu cử vị tổng thống mới của nước Mỹ sắp đến rồi.

Cái tờ báo đàn bà đầu đầu cũng có mặt, tờ "Woodhull and Claflin's Weekly", ngày 2 tháng Ba 1872 đã đăng một bài với nhan đề là "Hội nghị liên tịch sắp tới", trong đó nói:

"Các đại diện của những phần tử cải cách khác nhau trong nước hiện đang thảo luận đề nghị về việc tiến hành tại đây vào tháng Năm một cuộc đại hội toàn thể... Thực vậy, nếu đại hội này hoạt động khôn khéo, thì biết đâu những tàn dư của cái đảng dân chủ" (tức là ưa chuộng chế độ nô lệ) "đã quá cố lại không xuất hiện trên cõi đời và tham gia vào cuộc họp này... Cần phải làm sao cho tất cả *những người cấp tiến* đều có đại biểu tại đại hội" v.v...

Cũng tờ báo đó từ tuần này qua tuần khác đều đăng lời kêu gọi gửi tất cả những nhà cách tân trên thế giới.

"Gửi những nhà cải cách trong lĩnh vực vấn đề công nhân và ruộng đất, gửi những người hoà bình chủ nghĩa và những người chủ trương cấm uống rượu, gửi những người theo Quốc tế và những người đấu tranh cho quyền bỏ phiếu của phụ nữ và nói chung gửi tất cả những ai cho rằng đã đến lúc thực hiện những nguyên tắc đạo đức và tôn giáo chân chính (!)".

Những kẻ ký tên vào lời kêu gọi ấy trước tiên là Vích-to-ri-a Vút-han, rồi đến T.G.Ban-cơ-xơ, R.U. Hi-um, G.R.A-len, U.Oét-xtơ, G.V. Ma-đô-xơ, T.Mi-lốt, tóm lại là những kẻ cầm đầu uỷ ban số 2. Trong tất cả những bài kêu gọi ấy người ta đều nói thẳng ra rằng hội nghị đại biểu phải đề cử các ứng cử viên chức tổng thống và phó tổng thống nước Mỹ.

Cái hội nghị đại biểu hết sức đặc biệt này rốt cuộc đã họp vào ngày 9, 10 và 11 tháng Năm tại hội trường A-pô-lô ở Niu Oóc. Tất cả những nhân vật gàn dở cả nam lẫn nữ đủ loại ở khắp nước Mỹ đều có mặt tại hội nghị này. Uỷ ban số 2 đã tham gia đủ mặt. Bà Vích-to-ri-a Vút-han được đề cử làm ứng

*cử viên chức tổng thống nước Mỹ và hơn nữa lại nhân danh Quốc tế!*

Cả nước Mỹ đã đáp lại việc đó bằng tiếng cười ô. Cố nhiên, điều đó không làm cho bọn con buôn đầu cơ ở nước Mỹ đang tính chuyện kiếm chác trong chuyến buôn này phải bối rối. Nhưng những người Đức và người Pháp đã để cho người ta lôi kéo mình vào cái việc đó đã phản ứng một cách khác. Chi hội số 2 (người Pháp) đã triệu hồi đại biểu của mình ra khỏi uỷ ban số 2 và phục tùng nghị quyết của Tổng Hội đồng. Chi hội số 6 (người Đức) cũng triệu hồi đại biểu của mình là tiến sĩ Grô-xơ mà có một đạo đã làm thư ký riêng của Svai-xơ ở Béc-lin ra khỏi uỷ ban số 2, và rút khỏi uỷ ban số 2 cho đến khi uỷ ban này phục tùng nghị quyết của Tổng Hội đồng. Ngày 20 tháng Năm, thêm tám chi hội nữa (chi hội người Pháp và chi hội người Đức) rút ra khỏi uỷ ban, vì thế mà hiện giờ uỷ ban đó chỉ đại diện cho những phần tử khả nghi của nước Mỹ, trước khi gia nhập Quốc tế thì trên thực tế họ cũng đã kết thành một khối: bà Vích-to-ri-a Vút-han và những người chung quanh bà. Hiện nay họ tuyên bố rằng họ muốn lập ra một Quốc tế mang tính chất Mỹ đặc biệt riêng của mình; việc đó tất nhiên, họ có thể tự do thực hiện.

Đồng thời, Tổng Hội đồng trong khi trả lời câu hỏi của chi hội người Đức ở Xanh-Lu-i và chi hội người Pháp ở Tân Oóc-lê-ăng, đã tuyên bố rằng Tổng Hội đồng chỉ thừa nhận uỷ ban số 1 (hiện nay là Hội đồng liên chi hội lâm thời của nước Mỹ)<sup>135</sup>. Cái chiến dịch xâm lược của bà Vích-to-ri-a Vút-han đối với Quốc tế đã kết thúc như thế đấy.

Tờ "Emancipacion" nói thêm vào đó:

"Bất cứ người nào có đầu óc vô tư đứng trước những sự thật ấy cũng phải tự hỏi mình: giá như không có một Tổng Hội đồng có thẩm quyền bảo vệ những nguyên tắc cơ bản của Quốc tế và khai trừ, trước khi họp đại hội kỳ tới, những chi hội và liên chi hội nào đang tìm cách biến Hội liên hiệp thành công cụ thực hiện mục đích

chính trị hay mục đích cá nhân của họ, thì câu chuyện xấu xa ấy bao giờ mới kết thúc và sẽ kết thúc ra sao?".

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 9 tháng Bảy 1872*

*Đã đăng trên báo ""Der Volksstaat" số 57, ngày 17 tháng Bảy 1872*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyễn văn là tiếng Đức*

**PH. ĂNG-GHEN**  
**GỬI ỦY BAN GIẢI PHÓNG**  
**CÁC GIAI CẤP LAO ĐỘNG Ở PÁC-MO<sup>136</sup>**

Theo bức thư của các vị đề ngày 7 tháng Sáu, có đóng dấu bưu điện ngày 9 tháng Sáu, đã nhận được ở đây ngày 13 tháng Bảy, thì tôi phải rút ra kết luận là đoàn thể của các vị muốn gia nhập Hội liên hiệp công nhân Quốc tế vĩ đại.

Bởi vì Điều lệ của các vị không có điều gì trái với Điều lệ và Quy chế chung của Hội liên hiệp, cho nên chẳng có gì trở ngại cho việc gia nhập của các vị.

Duy chỉ có một điều cần thiết là các vị phải thừa nhận Điều lệ và Quy chế chung của Hội liên hiệp, tôi gửi cho các vị kèm theo thư này một bản văn kiện ấy bằng tiếng Pháp (vì bản tiếng I-ta-li-a không đầy đủ và không đúng nguyên văn). Mong các vị hãy thảo luận đề nghị ấy và nếu quyết định thừa nhận, thì báo cho tôi biết để tôi có thể làm mọi việc cần thiết cho việc kết nạp các vị.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 18 tháng Bảy  
1872*

*Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga  
trong C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập,  
xuất bản lần thứ nhất, t.XXVI, năm 1935*

*In theo bản thảo bức thư  
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a*

**C.MÁC**  
**GỬI CÔNG NHÂN MỎ BÃI CÔNG**  
**CỦA VÙNG RUA**

Báo chí tư bản chủ nghĩa Đức đề nghị các đồng chí hãy từ bỏ những yêu sách của các đồng chí về chế độ ngày làm việc tám giờ và tăng lương 25% và hay trở lại làm việc để cho công nghiệp Đức khỏi phải nhập than từ nước Anh và do đó tiền của Đức khỏi chạy ra nước ngoài, thay vì được dùng để trả công lao động của người Đức.

Lời kêu gào thảm thiết ấy của giai cấp tư sản lại vang lên mỗi khi công nhân hành động độc lập và ra sức thực hiện cho kỳ được một yêu sách nào đó. Ở nước Anh, cái bài hát cũ rích đó đã kéo dài khoảng bốn mươi năm rồi, mà cũng chẳng ai chú ý đến nó nữa. Nhưng trong trường hợp này thì cần phải vạch rõ ràng báo chí tư bản chủ nghĩa đang cố tình tìm cách lừa dối các đồng chí, mô tả tình hình tựa hồ như các chủ mỏ và chủ xưởng chỉ cần viết một lá thư tới nước Anh, thế là họ muốn có bao nhiêu than thì được bấy nhiêu than.

Ở nước Anh, từ năm 1869 lượng tiêu thụ than tăng đến mức trước kia chưa từng thấy, vì nền công nghiệp Anh kể từ lúc đó đã vươn cao một cách rộng khắp, số công xưởng tăng lên, ngành đường sắt tiêu thụ than ngày càng nhiều, ngành hàng hải phát triển vùn vụt, nhưng chủ yếu là vì sự phát triển to lớn của công nghiệp luyện kim trong ba năm gần đây đã vượt xa tất cả các thời kỳ phồn vinh trước kia. Về điều này tờ báo tự do tư sản



"Daily News"<sup>137</sup> (số ra ngày 12 tháng Bảy năm đó) viết như thế này:

"Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng đắt đỏ hiện nay của than đá hiển nhiên là sự phát triển đột ngột chưa từng có của ngành công nghiệp luyện kim. Miền Bắc nước Anh cung cấp khoảng một phần tư toàn bộ số than khai thác được trong nước. Phần lớn số than ấy được chở tới Luân Đôn, đến miền Nam và miền Đông nước Anh; tàu bè cũng tiêu thụ rất nhiều than; song sự phát triển gần đây của những nhà máy luyện kim ở Clip-len-đơ (rất gần với các mỏ than) bỗng nhiên tạo nên một nhu cầu về than tại chỗ. Sự phát triển như vậy của một ngành công nghiệp hiện đang cần tiêu thụ hàng năm ít ra là *năm - sáu triệu tấn*<sup>1)</sup>, tất nhiên dẫn đến một sự tăng lên mạnh mẽ của lượng khai thác than. Thêm vào đó, vùng quặng sắt đỏ miền duyên hai phía Tây cũng phát triển rất nhanh. Những lò cao Cam-béc-len và Lan-kê-sia hầu như chỉ lấy nhiên liệu ở vùng than Đốc-hêm và theo ước tính sơ sơ thì mỗi năm nó cần đến *một triệu rưỡi tấn*. Chỉ riêng những lò cao mới đang xây dựng ở miền Bắc nước Anh hàng năm cũng cần đến *ba phần tư triệu tấn*. Thêm vào đó, còn có những nhà máy cán sắt và lò cao mới ở miền duyên hải phía Tây cũng cần than. Vì vậy không lấy gì làm lạ rằng vấn đề nhiên liệu rất sớm trở thành vấn đề sống còn đối với toàn bộ miền Bắc nước Anh và giá than đương nhiên tăng lên rất nhanh. Ở miền Nam Xtáp-phốt-sia, Xcốt-len, miền Nam Oen-xơ, Đốc-bi-sia, miền Tây I-oo-c-sia và ở các vùng khác, chính những nguyên nhân đó đã làm cho giá than tăng lên".

Trong tình hình ấy, công nhân mỏ ở nước Anh cũng đã hành động như các đồng chí: họ đòi tăng lương và giảm giờ làm. Những ông chủ mỏ than ở nước Anh, về mặt khôn ngoan và kinh nghiệm đường đời, thì luôn luôn vượt xa những đối thủ của họ ở nước Đức, nên đã không phản kháng một cách gay gắt, mà lại thoả mãn tất cả mọi yêu sách. Hãy lắng nghe tờ "Daily News" kể tiếp:

"Đôi khi tiền lương có được tăng lên... Nhưng công nhân mỏ vẫn đòi tiếp tục giảm thêm giờ làm. Hơn nữa, các chuyên gia còn khẳng định rằng hiện nay công nhân chỉ khai thác được 3/5 của số lượng than mà họ đã khai thác trước kia khi tình hình còn

xấu hơn, tiền lương còn thấp hơn. Vì thế, chắc hẳn có thể thuê nhiều công nhân thêm; nhưng chính lúc này lại không thể tìm ra công nhân. Thực vậy, các vùng nông nghiệp cung cấp rất nhiều công nhân; nhưng công nhân mỏ cần được huấn luyện trong một thời hạn dài, do vậy, sự cải thiện tình hình ở đây chỉ có thể đến một cách chậm chạp và dần dần. Hiện nay công nhân trong một số vùng *đã đạt được* mức hạn chế thời gian làm việc xuống còn *tám giờ một ngày*; đồng thời *tiền lương khắp nơi đều tăng lên rất nhanh*, nên rõ ràng là không còn lối thoát nào khác ngoài biện pháp tăng giá than".

Thêm vào đó còn có một tình hình nữa. *Những tầng than trên cùng ở khắp nước Anh hầu như đã cạn hết rồi*, nên các giếng than ắt phải ngày càng sâu thêm. Hãy nghe tiếp bài báo của "Daily News":

"Những tầng than tốt nhất của những vỉa than quý giá ấy ở miền Nam quận Xtáp-phốt-sia đã bị sử dụng một cách bừa bãi. Tại nhiều nơi của các vùng trước kia vốn rất giàu than ấy các mỏ than đều khô kiệt, các bãi thải ngày càng biến thành ruộng cày và đồng cỏ chăn nuôi, tuy còn có hàng ngàn moóc-ghen (bãi thải) đang bỏ hoang. Song tài nguyên của vùng này vẫn chưa cạn hết. Chung quanh những khu khai thác than cũ còn đầy rẫy những giếng than ngày càng sâu... Nhưng tình hình là như thế này: khai thác than, ngay cả với những thiết bị tối tân, cũng ngày càng đắt hơn: chẳng những thế, các mỏ than lại cách nhà máy luyện kim rất xa... Tình hình mà chúng tôi đã trình bày về miền Nam Xtáp-phốt-sia cũng nằm trong tình hình của rất nhiều vùng khác. Than thì phải khai thác ngày càng sâu và chuyển vận đến địa điểm quy định thì phải đi xa".

Do vậy, giá than trong điều kiện thu nhận tại chỗ, theo lời của tờ "Daily News", đã "tăng gấp đôi", và *nạn thiếu than thật sự đã đến rồi*, nó trở thành trung tâm của sự chú ý của cả nước. Một tạp chí khác, cơ quan ngôn luận kinh tế chính của các nhà tư bản Anh, tờ "Economist"<sup>138</sup>, đã nói trong số ra ngày 13 tháng Bảy như sau:

"Từ đầu năm nay giá than không ngừng tăng lên, hiện nay so với năm trước đây thì giá cao hơn 60% - 100% - và qua một vài tuần lễ nữa giá còn có thể cao hơn trên 100%; ngoài ra, không có một dấu hiệu rõ ràng nào chứng tỏ giá than sẽ không còn tiếp tục tăng thêm nữa. Than xuất cảng tháng Sáu năm nay đạt 1108000 tấn, hoặc

1) Tấn Anh bằng gần đúng 2000 pao hoặc 1.000 kg.

tăng 4% so với tháng Sáu năm ngoái, nhưng với tổng giá trị là 758000 pao xtéc-ling, hoặc đắt hơn 53% so với năm ngoái. Năm nay giá than xuất cảng tháng Sáu trung bình mỗi tấn là 13 si-ling 9 pen-ni" (hoặc 4 ta-le 17 ½ grô-sơ), "còn năm ngoái thì mỗi tấn là 9 si-ling 4 pen-ni" (hoặc 3 ta-le 3 ½ grô-sơ).

Tờ báo tư sản thứ ba, tờ "Spectator"<sup>139</sup> (ra ngày 20 tháng Bảy), cũng nói rằng ở Luân Đôn giá than hảo hạng dùng cho nhu cầu sinh hoạt đã tăng từ 23 si-ling, hay là 7 ta-le 20 grô-sơ, lên đến 35 si-ling, hay là 11 ta-le 20 grô-sơ.

Căn cứ theo những sự kiện đó, các vị có thể thấy rõ, đối với sự đe dọa của các ông chủ mỏ và các ông chủ xưởng về việc phải nhập than từ nước Anh thì sự thế là như thế nào. Ông An-phrết *Crúp-pơ muốn ban hành bao nhiêu pháp lệnh thì có thể ban hành bấy nhiêu pháp lệnh, nhưng mua than nước Anh thì ông ta phải trả tiền đắt hơn là than vùng Rua, và nói chung ông ta có mua được than nước Anh hay không, thì đó vẫn còn là một câu hỏi lớn.*

Với tư cách là bí thư về nước Đức của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân Quốc tế, tôi thấy mình có trách nhiệm báo cho các đồng chí biết rõ những sự việc đó.

### Các Mác

Luân Đôn, ngày 21 tháng Bảy 1872

Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" số 60,  
ngày 27 tháng Bảy 1872

In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Đức

## C.MÁC TRẢ LỜI BÀI BÁO THỨ HAI CỦA BREN-TA-NÔ<sup>140</sup>

Trong tạp chí "Concordia" ra ngày 4 tháng Bảy, liên minh các chủ xưởng Đức tìm cách chứng minh với tôi rằng "những nhà thông thái" của nó am hiểu món hàng văn chương cũng thành thạo như là bản thân nó làm giả hàng hoá vậy.

Về cái đoạn văn trích trong bài phát biểu về ngân sách của Glát-xtôn ngày 16 tháng Tư 1863 đã được viện dẫn trong Tuyên ngôn Thành lập của Quốc tế, thì cơ quan của các chủ xưởng (số 10) đã tuyên bố:

**"Mác về hình thức và về thực chất đã thêm thắt câu này".**

Như vậy là nó tuyên bố rằng câu nói ấy về hình thức về nội dung là sản phẩm của tôi. Ngoài ra, nó còn biết một cách hoàn toàn chính xác, tôi đã chế tạo ra câu nói ấy *như thế nào*.

Tờ "Concordia" nói: "*Mác lợi dụng việc Glát-xtôn khẳng định... để gán cho Glát-xtôn v.v..*". Sau khi trích dẫn câu nói đó trong cuốn sách "Lý luận về tỷ giá kỳ phiếu" xuất bản trước khi Tuyên ngôn Thành lập ra đời, tôi đã vạch trần sự nói láo lố bịch của cơ quan ngôn luận của các chủ xưởng<sup>1\*</sup>. Sau đó, như tờ báo này kể, nó đã đặt mua từ Luân Đôn cuốn sách mà trước đây nó chưa từng biết đến và tin rằng sự thật là như thế. Bây giờ nó lại nói dối như thế nào để tự bào chữa? Hãy lắng nghe:

1\* Xem tập này, tr.119-124.

"Khi nói rằng Mác đã thêm thắt câu nói ấy vào bài diễn văn của Glát-xtôn, chúng tôi cả về hình thức lẫn về thực chất đều không khẳng định *rằng chính bản thân ông ta cũng đã chế tạo ra nó*".

Rõ ràng ở đây nảy ra một sự lẫn lộn khái niệm vốn là đặc điểm của lối suy xét của các chủ xưởng. Chẳng hạn, nếu một chủ xưởng gian dối giao hẹn với bạn hàng của mình bán cho họ một số cuộn dải băng tưởng đâu là chứa ba mươi sải, nhưng thực ra chỉ chứa hai mươi sải, vậy thì người chủ xưởng đó quả thật đã *thêm thắt* vào mười sải, chính vì y đã *"không chế tạo ra mười sải đó"*. Cái chuyện những sải dải băng được thêm vào là như thế, có sao những câu nói thêm vào lại không thể như thế được? A-đam Xmit nói: "Trí khôn của tuyệt đại đa số con người tất nhiên là xuất phát từ những công việc hàng ngày của họ và phát triển trên cơ sở đó"<sup>141</sup>, vậy thì trí tuệ của các chủ xưởng cũng như thế mà thôi.

Nhờ tờ "Volksstaat" mà tôi đã làm cho cái bọc hành lý tri thức khoa học của cơ quan ngôn luận của các chủ xưởng phong phú thêm chẳng những bằng đoạn văn trích trong "Lý luận về tỷ giá kỳ phiếu", mà còn bằng những trang sách "Tư bản" của tôi đề cập đến bài diễn văn về ngân sách của ông Glát-xtôn. Và bây giờ cái cơ quan ấy đang tìm cách dùng những tài liệu do chính tôi cung cấp cho nó để chứng minh rằng cái đoạn văn đang có sự tranh cãi mà tôi trích dẫn, không phải rút trong "báo Luân Đôn", mà là trong "Lý luận về tỷ giá kỳ phiếu". Cách chứng minh đó là ví dụ nữa về lô-gích các chủ xưởng.

Tôi đã nói với tờ tạp chí của các chủ xưởng rằng "Lý luận về tỷ giá kỳ phiếu" ở trang 134 dẫn chứng y hệt như tôi dẫn chứng, còn tờ tạp chí này thì lại phát hiện ra rằng tôi dẫn chứng y hệt như "Lý luận về tỷ giá kỳ phiếu" dẫn chứng ở trang 134.

Còn nữa kia!

"Những lời bình luận của Mác về sự mâu thuẫn chứa đựng trong lời trình bày đó, cũng đã có trong cuốn sách này".

Đây chỉ là lời nói láo. Ở trang 639 cuốn "Tư bản", tôi liên hệ những lời bình luận của tôi với những lời lẽ trong bài diễn văn của Glát-xtôn, ông ta nói: "Tuy rằng người giàu càng giàu thêm, song người nghèo dẫu sao cũng ít nghèo hơn. Nhưng tôi không dám khẳng định rằng tình trạng nghèo cùng cực đã giảm bớt". Về điểm này tôi đã vạch rõ: "Thật là những lời quanh co thâm hại! Nếu nói giai cấp công nhân vẫn "nghèo", nhưng chỉ có điều là ít nghèo hơn trong chừng mực "sự tăng lên đến mức choáng váng của sự giàu có và của thế lực" mà nó đã tạo ra cho những ông chủ, thì như vậy có nghĩa là giai cấp công nhân vẫn là tương đối nghèo như cũ. Nếu tình trạng nghèo cùng cực không giảm bớt đi, thì tức là tình trạng nghèo cùng cực ấy tăng lên, vì tình trạng giàu có cùng cực ấy tăng lên"<sup>142</sup>. Những điều bình luận ấy không hề thấy có ở chỗ nào trong "Lý luận về tỷ giá kỳ phiếu".

"Những điều bình luận... cũng đã có trong cuốn sách ấy, và cả đoạn văn trích của Mô-li-e được dẫn chứng trong chú thích 105 ở trang 640 cuốn "Tư bản" cũng có trong cuốn sách ấy".

Như vậy, "và cả " tôi cũng trích dẫn Mô-li-e-rơ và tạo cơ hội cho "các học giả" trong "Concordia" tìm ra tung tích và báo cáo với công chúng biết đoạn văn ấy trích trong "Lý luận về tỷ giá kỳ phiếu" đấy. Thực ra thì trong chú thích 105, trang 640 của "Tư bản", tôi đã nói thẳng ra rằng tác giả của "Lý luận về tỷ giá kỳ phiếu" đã *"dẫn chứng đoạn văn sau đây của Mô-li-e-rơ để vạch rõ"* "những điều mâu thuẫn rõ rệt luôn luôn có trong bài diễn văn về ngân sách của Glát-xtôn".

Cuối cùng:

"giống hệt như ở trang 135 của cuốn sách đó, chúng ta thấy những tài liệu của London Orphan Asylum<sup>1\*</sup> về tình trạng dốt nát của tư liệu sinh hoạt mà Mác đã dẫn

1\* - Trại trẻ mồ côi ở Luân Đôn

chúng. Nhưng để chứng nhận tính chất xác thực của những tài liệu ấy, Mác không dẫn chứng cuốn sách đó, mà dẫn chứng những nguồn xuất xứ của nó (xem "Tư bản", trang 640, chú thích 104)".

Tạp chí "Concordia" khôn ngoan quên nói với độc giả của mình rằng "cuốn sách ấy" không cung cấp *nguồn tài liệu xuất xứ nào cả*. Vậy tạp chí ấy muốn chứng minh cái gì chứ? Nó muốn chứng minh rằng tôi đã sao chép trong "cuốn sách ấy" một đoạn trong bài diễn văn của ông Glát-xtôn, mà không biết xuất xứ của bài diễn văn ấy, thế thì nó lấy gì để chứng minh điều đó? Nó nói rằng cái đoạn trích dẫn đúng là trích trong cuốn sách ấy được tôi kiểm tra lại căn cứ theo tài liệu xuất xứ gốc, chứ không theo cuốn sách ấy!

Về đoạn văn của tôi trích trong bài của giáo sư Bi-dơ-li đăng trên tờ "Fortnightly Review" ( tháng Mười một 1870), tạp chí "Concordia" nhận xét:

"Bài báo ấy của giáo sư Bi-dơ-li thực ra chỉ đề cập đến lịch sử của Quốc tế và được viết ra như chính tác giả đã nói công khai trước mọi người, căn cứ theo tài liệu do chính Mác đã cung cấp cho ông ta".

Giáo sư Bi-dơ-li viết:

"Công ơn của tiến sĩ Các Mác đối với thắng lợi của Hội liên hiệp không ai sánh được, ông là một người am hiểu lịch sử và số liệu thống kê của phong trào công nghiệp trong tất cả các nước châu Âu, theo tôi thì, không ai bằng. Tôi đội ơn ông rất lớn (largely) về những tư liệu được dùng trong bài báo này"<sup>143</sup>.

Tất cả những tài liệu mà tôi cung cấp cho giáo sư Bi-dơ-li chỉ liên quan đến lịch sử của Quốc tế và không có lấy một chữ nói đến nội dung của Tuyên ngôn Thành lập mà ông ta đã biết từ khi Tuyên ngôn ấy được xuất bản. Nhận xét nói trên của ông ít gây nên điều gì nghi ngờ về mặt này, đến nỗi tờ "Saturday Review" khi phê phán bài báo của ông<sup>144</sup>, đã ám chỉ một cách

quá rõ rệt *chính bản thân ông* là tác giả của Tuyên ngôn Thành lập<sup>1)</sup>.

Tạp chí "Concordia" khẳng định rằng giáo sư Bi-dơ-li không trích dẫn đoạn nói trên trong bài diễn văn của Glát-xtôn, mà chỉ nêu lên rằng "*trong Tuyên ngôn Thành lập có đoạn trích dẫn ấy*". Chúng ta hãy xem xét vấn đề.

Giáo sư Bi-dơ-li nói:

"Tuyên ngôn chắc chắn là một văn kiện có hiệu lực nhất và chói lọi nhất nhằm bảo vệ lợi ích của công nhân chống giai cấp tư sản, một văn kiện mà xưa nay chưa từng có ai trình bày được như thế trong khuôn khổ mười hai trang giấy nho nhỏ. Tôi muốn dành chỗ để có nhiều đoạn trích dẫn trong Tuyên ngôn ấy".

Sau khi nhắc đến "sự thống kê đáng sợ của những cuốn Sách xanh" được dẫn chứng trong Tuyên ngôn, ông nói tiếp:

"Từ sự thống kê đáng sợ ấy, Tuyên ngôn chuyển qua nói về những số liệu chính thức về thuế lợi tức, căn cứ theo những số liệu ấy thì thấy rõ rằng thu nhập trong nước phải đóng thuế trong tám năm đã tăng 20%: "sự tăng lên đến mức choáng váng của sự giàu có và của thế lực", *như ông Glát-xtôn nêu lên*. "hoàn toàn chỉ được giới hạn trong những giai cấp hữu sản".

Giáo sư Bi-dơ-li, khi đặt những chữ "*như ông Glát-xtôn nêu lên*" ngoài ngoặc kép, tức là nói lời của mình, và chính điều đó đối với "Concordia" là một bằng chứng có sức thuyết phục chứng minh rằng ông ta biết được bài diễn văn về ngân sách của Glát-xtôn... chỉ thông qua đoạn trích của Tuyên ngôn Thành lập! Chỉ có một bạn hàng ở Luân Đôn của Liên minh các chủ xưởng Đức biết được bài diễn văn về ngân sách của Glát-xtôn, cũng giống như là chỉ riêng một mình ông ta biết được rằng "những người có thu nhập dưới 150 p.xt. ở nước Anh thì không phải đóng thuế

1) Giáo sư Bi-dơ-li đã từng viết thư lưu ý tôi về cái quid pro quo (sự hiểu lầm) này.

lợi tức" ( xem số 10 và số 27 tờ "Concordia"). Thế mà những nhân viên thuế vụ nước Anh vẫn tâm tâm niệm niệm một điều là chỉ miễn thuế lợi tức cho những ai có thu nhập *dưới 100* pao xtéc-ling cơ đấy.

Về đoạn văn đang tranh cãi trong Tuyên ngôn Thành lập, tạp chí của các chủ xưởng viết:

"*Câu nói ấy không hề thấy có trong bài diễn văn của Glát-xtôn*". Tôi đã chứng minh điều trái ngược lại, bằng cách dẫn chứng một đoạn trích dẫn *trong một bài báo cáo của báo "Times"* ra ngày 17 tháng Tư 1863. Tôi đã dẫn chứng đoạn trích ấy bằng tiếng Anh và bằng tiếng Đức trên tờ "Volksstaat", bởi vì cần có sự bình luận về lời khẳng định của ông Glát-xtôn cho rằng ông ta "hầu như rất lo âu và đau buồn nhìn thấy *sự tăng lên đến mức choáng váng ấy của sự giàu có và của thế lực*, nếu như tin rằng sự tăng lên ấy chỉ giới hạn ở "classes who are in easy circumstances". Khi viện dẫn lời của Uây-cơ-phin, tôi đã chỉ ra rằng "classes who are in easy circumstances", - một cách diễn đạt mà trong tiếng Đức không có những từ tương ứng chính xác, - có nghĩa là "những kẻ thực sự giàu có", "bộ phận thực sự giàu sang" trong các giai cấp hữu sản. Uây-cơ-phin thậm chí cũng gọi thẳng giai cấp trung lưu thực sự là "*the uneasy class*", gần giống với cách diễn đạt bằng tiếng Đức "giai cấp không thực sự giàu" - [die ungemächliche Klasse]<sup>1)</sup>.

Cái cơ quan ngôn luận chững chạc của các chủ xưởng chẳng những không nói gì đến sự giải thích của tôi. Nó kèm thêm vào đoạn văn do tôi trích dẫn những chữ sau đây: "Mác trích dẫn báo "Times" đến đấy", nó muốn để cho độc giả của nó hiểu rằng nó trích dẫn theo lời dịch của tôi, thực ra thì nó dịch câu "classes who are in easy circumstances" khác với tôi, không phải là "giai

1) "The middle or uneasy class" ["giai cấp trung lưu hoặc không thực sự giàu"] (Nước Anh và nước Mỹ, Luân Đôn, 1833, T.I, tr.185)<sup>145</sup>.

cấp giàu sang", mà là "giai cấp ở *trong những điều kiện khá giả*". Nó còn để cho độc giả của nó hiểu đủ để thấy được rằng không phải tất cả những bộ phận tổ thành của giai cấp hữu sản đều là "*giàu sang*" cả, tuy rằng có tài sản cố nhiên bao giờ cũng được coi là "điều kiện khá giả" của tất cả các bộ phận tổ thành của giai cấp hữu sản. Nhưng căn cứ theo đoạn văn mà tôi trích dẫn, được tạp chí "Concordia" dịch ra, ông Glát-xtôn miêu tả sự tăng tiến của sự giàu có tư bản chủ nghĩa như là "*sự tăng lên đến mức choáng váng ấy của sự giàu có và của thế lực*", và nêu lên rằng ở đây ông ta "*hoàn toàn không để ý* đến tình cảnh của nhân dân lao động"; cuối cùng ông ta nói rằng "*sự tăng lên*" ấy "*hoàn toàn chỉ được giới hạn trong những giai cấp hữu sản*". Sau khi gán cho ông Glát-xtôn trong bài báo của tờ "Times" ngày 17 tháng Tư 1863, cái câu mà "về hình thức và về thực chất" chính là cái câu mà tôi đã gán cho ông ta trong Tuyên ngôn Thành lập, "nhà thông thái" của Liên minh các chủ xưởng Đức tự đâm vào cái ngực cao quý của mình và hét lên:

"*Nhưng mặc dù như vậy, Mác còn dám viết bậy bạ* trong tờ "Volksstaat" ra ngày 1 tháng Sáu: "Thế là, căn cứ theo bài báo của chính tờ "Times", cơ quan ngôn luận của ông ta, ra ngày 17 tháng Tư 1863, thì ông Glát-xtôn "về hình thức và về thực chất đã tuyên bố vào ngày 16 tháng Tư 1863 tại hạ nghị viện rằng *sự tăng lên đến mức choáng váng ấy của sự giàu có và của thế lực hoàn toàn chỉ được giới hạn trong những giai cấp hữu sản*".

"Nhà thông thái" của Liên minh các chủ xưởng Đức hiển nhiên biết rất rõ rằng ông ta phải hiển dăng cái gì cho công chúng độc giả!

Tôi đã vạch rõ trong tờ "Volksstaat" số ra ngày 1 tháng Sáu rằng tờ "Concordia" cố làm cho độc giả của mình tin rằng, tuồng như trong Tuyên ngôn Thành lập tôi không dẫn chứng câu nói của Glát-xtôn về mức sống được nâng cao của giai cấp công nhân Anh, ấy thế mà ngược hẳn lại, ở đây tôi đã đặc biệt nhấn mạnh

sự mâu thuẫn rõ rệt giữa cái lối diễn giảng đó với những sự thực đã được xác định một cách chính thức. Trong bài trả lời ngày 4 tháng Bảy, cơ quan ngôn luận của các chủ xưởng lại diễn lại cũng cái mẹo ấy.

Nó nói: "Mác dẫn chúng tờ "Times" đến đấy thôi, chúng tôi dẫn chúng tiếp nữa".

Để bác bẻ nó, thực ra tôi chỉ cần dẫn chúng đoạn đang có sự tranh cãi, là đủ. Song, chúng ta hãy xét một chút xem cái đoạn "tiếp nữa" là gì.

Sau khi ca tụng sự sinh sôi nảy nở của sự giàu có tư bản chủ nghĩa, Glát-xtôn chuyển sang giai cấp công nhân. Ông ta tuyệt nhiên không nói rằng giai cấp công nhân được hưởng phần của mình trong "sự tăng lên đến mức choáng váng của sự giàu có và của thế lực".

Trái ngược lại, theo bài báo của tờ "Times", những chữ tiếp theo mà Glát-xtôn nói, là như thế này:

"*Song sự tăng lên của tư bản cũng là điều có lợi gián tiếp đối với công nhân v.v.*". Tiếp nữa, ông ta tự *an ủi* mình rằng "tuy người giàu càng giàu thêm, nhưng người nghèo cũng ít nghèo hơn". Cuối cùng, ông ta làm cho người ta tin rằng ông ta và những bạn bè nghị viện đã phát tài của ông ta "rất là may mắn biết được" rằng những cuộc điều tra và tài liệu thống kê của nghị viện nói lên một tình hình trái ngược lại, tức là

"tình hình của công nhân Anh hai mươi năm gần đây, xét ở mức trung bình, thì đã được cải thiện với một mức độ thật là khác thường mà chúng ta có thể tuyên bố rằng một sự cải thiện như vậy hầu như chưa từng có trong lịch sử của tất cả các nước và các thời đại".

Trước thời ông Glát-xtôn, tất cả những người đã từng giữ chức vị này trước ông ta, trong những bài diễn văn về ngân sách của họ, khi mô tả sự tăng lên của sự giàu có tư bản chủ nghĩa, cũng đã "thật là may mắn" bổ sung thêm mấy lời tự đắc về

tình hình được cải thiện của giai cấp công nhân. Tuy vậy, ông ta vẫn lên án tất cả những người đó đã nói láo, bởi vì cái vương quốc ngàn năm chỉ đến sau khi thi hành những đạo luật về tự do buôn bán. Song, ở đây vấn đề không phải ở chỗ là những lý do của ông Glát-xtôn để tự an ủi hay tự chúc mừng, đúng hay là sai. Điều nói ở đây chỉ là: tuồng như "sự cải thiện khác thường" trong tình cảnh của giai cấp công nhân, theo quan điểm của ông ta, dứt khoát không mâu thuẫn với "sự tăng lên đến mức choáng váng của sự giàu có và của thế lực hoàn toàn chỉ được giới hạn ở những giai cấp hữu sản". Trái lại, học thuyết chính thống của những kẻ biện hộ cho chủ nghĩa tư bản, - mà ông Glát-xtôn là một trong những người biện hộ được trả lương hậu hĩ nhất cho tư bản, - chính là ở chỗ: cái thủ đoạn hiệu nghiệm nhất của công nhân để cải thiện tình cảnh của mình là làm giàu cho những kẻ bóc lột mình.

Cái tính chất tầm thường hèn hạ hoặc cái tính chất hèn hạ tầm thường của cơ quan ngôn luận của các chủ xưởng đã đạt tới tột đỉnh của nó qua sự khẳng định rằng "bài báo của tờ "Times" chỉ trình bày một cách ngắn gọn hơn về điều mà bản ghi tốc ký của Han-xác-đơ dẫn chứng đúng từng chữ<sup>1)</sup>". Chúng ta hãy đối chiếu hai bài đó:

## I

*Trích bài diễn văn của Glát-xtôn ngày 16 tháng Tư 1863 đăng trên tờ "Times" ngày 17 tháng Tư 1863*

## II

*Trích bài diễn văn của Glát-xtôn ngày 16 tháng Tư 1863 in trong sổ biên bản nghị viện số 170 từ ngày 27 tháng Ba đến ngày 28 tháng Năm 1863, nhà xuất bản Han-xác-đơ.*

1) Hình như tờ báo của các chủ xưởng thực sự nghĩ rằng các tờ báo lớn ở Luân Đôn không sử dụng tài liệu tốc ký trong những bài báo của mình về nghị viện.

"Đấy là tình hình đất nước chúng ta xét về mặt giàu có. Về phía mình, tôi phải nói rằng tôi hầu như lo âu và đau buồn nhìn thấy sự tăng lên đến mức chói sáng ấy của sự giàu có và của thế lực, nếu như tôi tin rằng sự tăng lên như thế chỉ giới hạn ở những giai cấp giàu sang (classes who are in easy circumstances). Ở đây hoàn toàn không xét đến tình hình của nhân dân lao động. Sự tăng lên mà tôi vừa mới miêu tả... là một sự tăng lên hoàn toàn chỉ được giới hạn trong những giai cấp hữu sản. Những sự tăng lên của tư bản cũng là điều có lợi gián tiếp cho công nhân v.v."

Tôi để cho bản thân độc giả so sánh cái văn phong bóng bẩy, rắc rối đây rẫy những sự rào đón của Circumlocution Office<sup>1\*</sup> trong bản in của nhà xuất bản Han-xác-đơ với bản tường thuật của tờ "Times".

Ở đây chỉ cần xác định một sự thực là: những lời lẽ trong bản tường thuật của tờ "Times": "*Sự tăng lên đến mức chói sáng ấy của sự giàu có và của thế lực mà tôi vừa mới miêu tả... hoàn toàn chỉ được giới hạn trong những giai cấp hữu sản*", - trong bản in của nhà xuất bản Han-xác-đơ một phần bị xuyên tạc, một phần bị bỏ đi. "Ý nghĩa đúng từng chữ" rất khoa trương

1\* Bộ quanh co rườm rà (từ ngữ của Đích-ken-xơ dùng trong cuốn tiểu thuyết "Bé Do-rít").

"Đấy là tình hình xét theo góc độ sự tăng tiến chung của tích lũy, nhưng về phía mình tôi phải nói rằng tôi phần nào hơi đau buồn và hết sức lo âu nhìn thấy sự tăng lên lạ kỳ và hầu như làm cho người ta chói sáng ấy, nếu như tôi nghĩ rằng sự tăng lên ấy chỉ giới hạn ở loại người có thể được coi là giàu sang (the class of persons who may be described as in easy circumstances). Những con số mà tôi dẫn chứng rất ít hoặc không xét đến tình hình của những người không phải đóng thuế lợi tức, hoặc nói một cách khác, những con số ấy cũng đủ chính xác để xác định một chân lý chung (!), nhưng hoàn toàn không xét đến tài sản (!) của nhân dân lao động hoặc (!) sự tăng thu nhập của họ. Sự tăng lên đơn thuần của tư bản thực ra hết sức có lợi, một cách gián tiếp, cho giai cấp công nhân v.v."

của những lời lẽ ấy không lọt qua tai bất cứ ai đã từng nghe bài diễn văn ấy. Chẳng hạn:

Tờ "*Morning Star*"<sup>146</sup>, ngày 17 tháng Tư 1863 (diễn văn về ngân sách của Glát-xtôn đọc ngày 16 tháng Tư 1863).

"Về phía mình, tôi phải nói rằng tôi sẽ lo âu và đau buồn nhìn vào sự tăng lên đến mức chói sáng ấy của sự giàu có và của thế lực, nếu tôi nghĩ rằng sự tăng lên ấy chỉ được giới hạn trong những giai cấp thực sự giàu sang (classes who are in easy circumstances). Sự tăng lên rất lớn ấy của sự giàu có (this great increase of wealth) hoàn toàn không tính đến tình hình của nhân dân lao động. Sự tăng lên ấy là một sự tăng lên (the augmentation is an augmentation) hoàn toàn chỉ được giới hạn ở những giai cấp có tài sản (entirely confined to the classes possessed of property). Nhưng sự tăng lên ấy (But that augmentation) nhất định là có lợi, một cách gián tiếp, cho nhân dân lao động v.v.."

Tờ "*Morning Advertiser*"<sup>147</sup>, ngày 17 tháng Tư 1863 (diễn văn về ngân sách của Glát-xtôn đọc ngày 16 tháng Tư 1863).

"Về phía mình, tôi phải nói rằng tôi hầu như lo âu và sợ hãi (alarm) nhìn sự tăng lên đến mức chói sáng ấy của sự giàu có và của thế lực, nếu tôi nghĩ rằng sự tăng lên ấy chỉ được giới hạn trong những giai cấp thực sự giàu sang (classes who are in easy circumstances). Sự tăng thêm rất lớn ấy của sự giàu có hoàn toàn không tính đến tình hình của nhân dân lao động. Sự tăng lên nói trên (The augmentation stated) là một sự tăng lên hoàn toàn chỉ được giới hạn trong những giai cấp có tài sản (classes possessed of property). Sự tăng lên ấy (This augmentation) nhất định là có lợi, một cách gián tiếp, cho giai cấp công nhân v.v..."

Như vậy là ông Glát-xtôn sau đó đã giấu kín trong bản in bán chính thức của Han-xác-đơ, những lời trong bài diễn văn mà ông ta đã phát biểu tại hạ nghị viện ngày 16 tháng Tư 1863 như sau: "*Sự tăng lên đến mức chói sáng ấy của sự giàu có và của thế lực... là một sự tăng lên hoàn toàn chỉ được giới hạn trong những giai cấp hữu sản*". Vì vậy, tạp chí "Concordia" đã không tìm thấy những lời lẽ ấy trong đoạn trích yếu mà người bạn hàng Luân Đôn gửi đến, nên đã kêu âm lên:

"Nhưng trong bài diễn văn của Glát-xtôn không chỗ nào có câu này. *Mác về hình thức và về thực chất đã thêm thắt câu này*".

Chẳng có gì phải ngạc nhiên nếu tạp chí "Concordia" bây giờ dạy bảo tôi rằng "tục lệ" của giới phê bình là khi dẫn chứng bài diễn văn của nghị viện thì phải theo bài diễn văn mà người ta đã bịa đặt một cách chính thức, chứ không phải là theo bài diễn văn đã được thực sự trình bày. Cái "tục lệ" ấy trên thực tế phù hợp với cái "nền văn hoá chung" của Béc-lin và với trí tuệ Phổ ngoan ngoãn chật hẹp của Liên minh của chủ xưởng nước Đức. Vì thiếu thời gian nên tôi buộc phải từ nay vĩnh viễn đình chỉ mối quan hệ khoan khoái dễ chịu với liên minh đó, nhưng, khi từ biệt tôi còn phải đề nghị với các "nhà thông thái" của nó giải đáp hộ cho vấn đề hóc búa này. Trong bài báo nào và người nào đã nói với đối thủ - ít ra cũng ngang bằng với tạp chí "Concordia" về địa vị - những lời lẽ thật là xác đáng sau đây: "Asinus manebis in secula seculorum"<sup>1\*</sup>?

*C.Mác*

Luân Đôn, ngày 28 tháng Bảy 1872

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" số 63,  
ngày 7 tháng Tám 1872*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Đức*

1\* - Đòi đòi kiếp kiếp nhà người vẫn là một con lừa.

## PH.ĂNG-GHEN TỔNG HỘI ĐỒNG GỬI TOÀN THỂ HỘI VIÊN HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ<sup>148</sup>

Thưa các đồng chí!

Tổng Hội đồng thấy cần phải công khai vạch trần trước các đồng chí những âm mưu đang được tiến hành trong nội bộ Quốc tế đã mấy năm nay, nhưng tuyệt đại bộ phận trong các đồng chí lại không hề bao giờ nghi ngờ về sự tồn tại của những âm mưu đó.

Trong thông báo nội bộ của chúng tôi ngày 5 tháng Ba 1872 "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế"<sup>1\*</sup>, chúng tôi buộc phải lưu ý các đồng chí về những âm mưu của những bè phái trong cái gọi là Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, những âm mưu nhằm mục đích gieo rắc những sự bất hoà trong hàng ngũ chúng ta và ngấm giao quyền lãnh đạo tối cao đối với Hội liên hiệp chúng ta cho cái tập đoàn do Mi-kha-in Ba-cu-nin cầm đầu.

Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, như các vị còn nhớ, khi được thành lập đã in một bản điều lệ mà nếu được chúng ta phê chuẩn thì nó sẽ bảo đảm cho Đồng minh một sự tồn tại song trùng - vừa tồn tại bên trong Quốc tế, vừa tồn tại bên ngoài Quốc tế. Thực vậy, Đồng minh cũng có những chi hội, những liên chi hội và những đại hội đại biểu riêng của mình song song

1\* Xem tập này, tr. 13-71.



với những chi hội, những liên chi hội và những đại hội đại biểu của Quốc tế, đồng thời lại đòi trở thành một bộ phận tổ thành của Quốc tế. Mục đích của Đồng minh chính là lấy cái cương lĩnh riêng của ông Ba-cu-nin thay thế Điều lệ chung của chúng ta và áp đặt quyền độc tài cá nhân của ông ta lên Hội liên hiệp của chúng ta.

Trong thông báo của mình ngày 22 tháng Chạp 1868, Tổng Hội đồng đã bác bỏ những đòi hỏi ấy<sup>149</sup>. Tổng Hội đồng chỉ đồng ý cho Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa gia nhập Quốc tế với điều kiện nhất quyết là Đồng minh phải thôi không còn là một hội liên hiệp quốc tế, phải giải tán tổ chức của mình, và các chi hội của Đồng minh sẽ gia nhập Quốc tế với quyền hạn của các chi hội địa phương bình thường. Những điều kiện đó đã được Đồng minh chấp nhận một cách chính thức. Song, trong số những cái gọi là chi hội của nó chỉ có một chi hội, chi hội trung ương Giơ-ne-vơ, gia nhập Hội liên hiệp của chúng ta mà thôi. Còn những chi hội khác thì vẫn là điều bí mật đối với Tổng Hội đồng. Cho nên Tổng Hội đồng vẫn phải cho rằng những chi hội này không tồn tại.

Và giờ đây, sau hơn ba năm qua, trong tay chúng tôi có những văn kiện chứng minh một cách không thể bác bỏ được, rằng chính Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa ấy, bất chấp lời hứa chính thức của mình, trước kia cũng như hiện nay vẫn cứ tồn tại với tính cách là một hội liên hiệp quốc tế bên trong Quốc tế, và ngoài ra, còn tồn tại dưới hình thức một hội kín; rằng hiện nay nó vẫn chịu sự lãnh đạo của ông Ba-cu-nin; rằng mục đích của nó vẫn như trước kia và tất cả mọi sự công kích trong năm gần đây tưởng như chĩa vào Hội nghị đại biểu Luân Đôn và Tổng Hội đồng, nhưng trên thực tế chĩa vào toàn bộ tổ chức chúng ta, đều xuất phát từ Đồng minh. Chính những kẻ chỉ trích Tổng Hội đồng mang tư tưởng "cực quyền chủ nghĩa", tuy chưa lần nào có thể vạch ra hành vi cực quyền chủ nghĩa của Tổng Hội đồng, những kẻ hễ có cơ hội thuận tiện là lập đi lập lại về "sự

tự trị của các chi hội", "sự liên hợp tự do các nhóm", những kẻ trách cứ Tổng Hội đồng muốn áp đặt cho Quốc tế "học thuyết chính thức và chính thống của mình" và muốn biết Quốc tế thành một hiệp hội được tổ chức "theo tôn ti" - chính những kẻ ấy trên thực tế đã tổ chức thành một hội kín được xây dựng "theo tôn ti", chẳng những áp dụng chế độ cực quyền chủ nghĩa, mà còn áp dụng chế độ độc tài một cách trọn vẹn; họ dấn đạp lên mọi sự tự trị của các chi hội và liên chi hội; họ dựa vào cái tổ chức bí mật ấy để ra sức áp đặt cho Quốc tế cái học thuyết chính thống và riêng của ông Ba-cu-nin. Họ yêu cầu Quốc tế phải được tổ chức "từ dưới lên trên", nhưng chính bản thân họ, với tư cách là những hội viên của Đồng minh, lại cúi đầu vâng theo mệnh lệnh "từ trên đưa xuống".

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rõ là một hội kín như vậy mà tồn tại trong nội bộ Quốc tế thì đó là một sự vi phạm rõ rệt Điều lệ chung của chúng ta. Điều lệ của chúng ta chỉ biết một loại hội viên Quốc tế có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau; Đồng minh thì chia họ ra thành hai loại: những hội viên thân tín và những hội viên không thân tín; loại hội viên không thân tín phải chịu số phận bị loại hội viên thân tín lãnh đạo thông qua cái tổ chức mà họ không được biết. Quốc tế yêu cầu hội viên của mình phải thừa nhận chân lý, chính nghĩa và đạo đức là cơ sở của hành vi của mình; Đồng minh thì dạy những người ủng hộ mình phải nói dối, giả vờ và lừa bịp, coi đó như nghĩa vụ hàng đầu, bắt họ phải lừa dối những hội viên không thân tín của Quốc tế, giấu giếm họ về sự tồn tại của tổ chức bí mật và cả động cơ, mục đích thật sự của lời nói và hành động của mình. Cương lĩnh của Quốc tế đã được nêu lên trong Điều lệ của Quốc tế và ai cũng đều biết cả; cương lĩnh của Đồng minh thì vẫn bị giấu kín và cho đến hôm nay người ta vẫn không biết gì về nó.

Hạt nhân của Đồng minh là Liên chi hội Giuy-ra; từ đó phát ra những khẩu hiệu, những khẩu hiệu ấy lập tức được hưởng ứng

và được ủng hộ bởi những chi hội và các tờ báo chịu sự chi phối của tổ chức bí mật. Ở I-ta-li-a có một số hội do Đồng minh lãnh đạo. Những hội này tự xưng là những chi hội của Quốc tế, nhưng chưa hề bao giờ xin gia nhập Quốc tế, chưa hề bao giờ đóng hội phí và chưa hề thực hiện bất cứ một điều kiện nào trong những điều kiện mà Quy chế của chúng ta đã quy định. Ở Bỉ, Đồng minh có một vài kẻ đại diện có ảnh hưởng khá khá. Ở miền Nam nước Pháp, Đồng minh có những thông tin viên của mình; trong đó có kẻ kiêm nhiệm nhiệm vụ ấy với nhiệm vụ thư ký trong sở cảnh sát. Nhưng ở Tây Ban Nha thì Đồng minh được tổ chức tốt hơn cả, ở đây Đồng minh có nhiều chi nhánh nhất. Ngay từ đầu nó đã lạng lẽ chui vào được hàng ngũ Quốc tế, và hầu như luôn luôn nắm được quyền lãnh đạo đối với các khoá hội đồng của các liên chi hội và các kỳ đại hội đại biểu. Thậm chí những thành viên trung thành nhất của Quốc tế ở Tây Ban Nha cũng bị họ làm cho phải tin rằng cái tổ chức bí mật này đều tồn tại trong nội bộ Hội liên hiệp chúng ta ở khắp nơi và việc gia nhập tổ chức này tưởng như là nghĩa vụ của mỗi người. Sự lầm lẫn này đã được xua tan bởi Hội nghị đại biểu Luân Đôn, - tại hội nghị này một đại biểu<sup>1\*</sup> Tây Ban Nha, bản thân là hội viên của Đồng minh, cũng thấy rõ điều trái ngược lại - và còn bởi sự đối trá và sự công kích điên cuồng mà các chiến hữu trung thành của Ba-cu-nin, theo lệnh Ba-cu-nin, đã tiến hành ngay tức khắc chống lại hội nghị đại biểu và Tổng Hội đồng. Sau một cuộc đấu tranh dài trong nội bộ Đồng minh, trong số hội viên Tây Ban Nha của Đồng minh, có những người quý trọng Quốc tế hơn Đồng minh đã rời bỏ hàng ngũ Đồng minh. Họ lập tức bị lãng mạ và vu khống dồn dập bằng những lời lẽ độc ác nhất của những kẻ vẫn còn trung thành với hội kín. Họ đã bị khai trừ hai lần ra khỏi liên chi hội địa phương là Liên chi hội Ma-đrít, việc đó rõ ràng là một sự vi phạm quy chế hiện hành. Khi họ muốn được

1\* - A. Lo-ren-xô

tổ chức thành một Liên chi hội Ma-đrít mới,<sup>150</sup> Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha đã không cho phép họ làm như thế và đã trả lại số hội phí mà họ đã gửi đến. Ở đây cần phải nói rằng, như chúng ta biết, trong tám uỷ viên của Hội đồng liên chi hội có năm uỷ viên là thành viên của Đồng minh (Vi-xen-tơ Rô-xen, Pê-réc-rin Môn-tô-rô, Xa-ve-ri-nô An-ba-ra-xin, Phran-xi-cô Tô-mát và Phran-cô Mác-ti-nê-xơ); thậm chí có thể còn có những người khác nữa. Vậy là các chi hội và liên chi hội địa phương ở Tây Ban Nha rất lấy làm tự hào về sự tự trị của mình, bản thân không hề hoài nghi gì cả, lại như một đàn cừu tuân theo những mệnh lệnh bí mật được phát đi từ Thụy Sĩ, những mệnh lệnh mà Hội đồng liên chi hội phải chấp hành một cách mù quáng, nếu không muốn để cho Đồng minh đặt nó ra ngoài vòng pháp luật.

Để bảo đảm việc bầu cử thành viên Đồng minh làm đại biểu tại Đại hội La Hay, Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha đã gửi cho các chi hội và liên chi hội địa phương một bản thông tri nội bộ đề ngày 7 tháng Bảy yêu cầu các chi hội và liên chi hội đóng góp một khoản hội phí bất thường để trang trải những chi tiêu của đại biểu đi dự Đại hội và dùng quyền uy ra lệnh cho các chi hội và liên chi hội phải bầu những đại biểu ấy theo một bản danh sách chung cho toàn Tây Ban Nha, để chính nó, tức Hội đồng liên chi hội, được giao việc kiểm phiếu. Cái lối bầu bán như vậy ắt phải bảo đảm thắng lợi cho những ứng cử viên của Đồng minh. Hơn thế nữa, Hội đồng liên chi hội còn thông báo rằng nó sẽ làm một giấy uỷ nhiệm đại biểu chung với quyền hạn nhất định mà những đại biểu ấy sẽ phải tuân theo. Sau khi chúng tôi vừa biết được cái phương án dùng tiền của hội viên Quốc tế để cử đại biểu của Đồng minh đi dự đại hội, và có được những bằng chứng về sự đồng phạm của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha vào những âm mưu của hội kín, chúng tôi liền đề ra cho nó vào ngày 24 tháng Bảy một số yêu cầu sau đây:

1) báo cáo cho chúng tôi danh sách tất cả các hội viên của Đồng minh ở Tây Ban Nha và nói rõ những chức vụ mà họ đảm nhiệm trong Quốc tế;

2) tiến hành điều tra tính chất và hoạt động của Đồng minh ở Tây Ban Nha, cũng như về tổ chức của nó và các chi nhánh ở ngoài nước;

3) gửi cho chúng tôi một bản thông tri không công khai đề ngày 7 tháng Bảy;

4) giải thích cho chúng tôi rõ, làm sao hội đồng ấy dung hoà được việc thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Quốc tế với sự có mặt trong hội đồng ấy ít nhất là ba thành viên rõ ràng là thành viên của Đồng minh;

5) trả lời tường tận khi gửi thư phúc đáp<sup>1\*</sup>,

Lẽ ra chúng tôi nhận được thư trả lời chậm lắm là vào ngày 1 tháng Tám. Song mãi đến ngày 5 tháng Tám chúng tôi mới nhận được một bức thư đề "Va-len-xi-a, ngày 1 tháng Tám" (dấu bưu điện không rõ ràng), trong đó viện có các uỷ viên của Hội đồng không hiểu bức thư của chúng tôi viết bằng tiếng Pháp, nên báo cho biết thư trả lời còn hoãn lại vì cần có thời gian để dịch ra. Nhưng chính cái hội đồng này trong bức thư đề ngày 15 tháng Sáu đã yêu cầu chúng tôi cố hết sức gửi những ấn phẩm bằng tiếng Pháp của chúng tôi cho họ vì họ (các uỷ viên hội đồng) có biết chút ít tiếng pháp. Như vậy là cái cố giả dối: chẳng qua là họ muốn làm cho chúng tôi mất thời gian quý báu.

Bởi vậy, chúng tôi buộc phải tuyên bố với toàn thể hội viên của Hội liên hiệp, nhất là với những hội viên Tây Ban Nha của Quốc tế, rằng Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha *đã phản bội Hội liên hiệp công nhân Quốc tế*. Đáng lẽ phải nắm chắc những thẩm quyền do hội viên Quốc tế Tây Ban Nha giao cho mà hành

động, thì nó lại trở thành cơ quan của một đoàn thể chẳng những xa lạ với Quốc tế, mà thậm chí còn đối địch với Quốc tế. Đáng lẽ phải phục tùng Điều lệ và Quy chế chung và những nghị quyết của các Đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp và của các đại hội đại biểu Tây Ban Nha, thì nó lại phục tùng những mệnh lệnh bí mật do ông Ba-cu-nin phát ra. Bản thân sự tồn tại của cái Hội đồng liên chi hội gồm phần lớn những thành viên của hội kín xa lạ với Hội liên hiệp của chúng ta, đã là một sự vi phạm rõ rệt đối với Điều lệ chung.

Các đồng chí, đây là những sự việc cần phải báo cho các đồng chí biết rõ trước khi bầu cử đại biểu tham dự đại hội. Lần đầu tiên trong lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân, chúng ta gặp phải trong nội bộ giai cấp công nhân một âm mưu bí mật nhằm mục đích không phải là phá huỷ chế độ bóc lột hiện hành, mà là phá huỷ Hội liên hiệp đang tiến hành cuộc đấu tranh kiên quyết nhất chống chế độ đó. Đó là âm mưu nhằm chĩa vào bản thân phong trào công nhân. Vì vậy bất cứ ở đâu mà chúng ta gặp phải âm mưu đó, chúng ta đều thấy nó đang truyền bá cái học thuyết có tính chất làm suy yếu, học thuyết hoàn toàn cự tuyệt mọi hoạt động chính trị. Trong khi những hội viên Quốc tế bình thường, không được biết đến âm mưu đó, đang bị bức hại và bắt bớ hầu như ở khắp các nước châu Âu, thì những hội viên "anh dũng" của Đồng minh lại được hưởng quyền bất khả xâm phạm hoàn toàn đặc biệt.

Các đồng chí, các đồng chí phải lựa chọn. Vấn đề hiện nay không phải là sự tự trị của các chi hội, không phải là sự liên hợp tự do của các nhóm, không phải là tổ chức "từ dưới lên trên", cũng không phải là bất cứ lời lẽ nào khác rất kêu và rất huênh hoang. Vấn đề hiện nay là: các đồng chí có muốn các cơ quan trung ương của các đồng chí bao gồm những người không thừa nhận thẩm quyền nào khác ngoài những thẩm quyền do các đồng chí giao cho, hay là các đồng chí lại muốn cơ quan trung ương của các đồng chí bao gồm những người được bầu ra bằng cách

1\* Xem bài tiếp theo sau.

lừa bịp, những người cố tình điều khiển các đồng chí như một đàn cừu theo những chỉ thị bí mật xuất xứ từ một nhân vật thần bí nào đó ở Thụy Sĩ?

Vạch trần sự tồn tại của cái hội kín ấy gồm những bọn bịp bợm - điều đó có nghĩa là tiêu diệt sức mạnh của nó. Các ngài trong Đồng minh chẳng ngu ngốc đến nỗi cho rằng đồng đảo quần chúng hội viên Quốc tế khi biết được có một tổ chức như thế, thì cũng sẽ tự giác phục tùng tổ chức đó. Giữa những kẻ lừa bịp và những người mà họ muốn lừa bịp, giữa Đồng minh và Quốc tế, không thể có một điều gì giống nhau cả.

Ngoài ra, cần phải vĩnh viễn chấm dứt những chuyện phân tranh xảy ra lần này qua lần khác trong Hội liên hiệp của chúng ta chỉ vì trong đó có cái tổ chức ký sinh này. Những chuyện phân tranh đó chỉ làm hao phí lực lượng dành cho cuộc đấu tranh chống chế độ tư sản đang tồn tại. Đồng minh đang phục vụ tốt nhất cho của giai cấp tư sản và chính phủ các nước, bằng cách gây trở ngại cho hoạt động của Quốc tế chống kẻ thù của giai cấp công nhân.

Xuất phát từ đó, Tổng Hội đồng yêu cầu Đại hội La Hay khai trừ khỏi Quốc tế tất cả những hội viên của Đồng minh và giao cho Tổng Hội đồng những thẩm quyền cần thiết để ngăn ngừa những âm mưu như thế về sau này.

### ***Tổng Hội đồng***

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào những ngày 4-6 tháng Tám 1872*

*Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, xuất bản lần thứ nhất, t.XIII, phần II, năm 1940*

*In theo bản thảo  
Nguyên văn là tiếng Pháp*

## **C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN GỬI CÁC CHI HỘI TÂY BAN NHA CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ<sup>151</sup>**

Luân Đôn, ngày 8 tháng Tám 1872

Nhân vì những âm mưu của các thành viên của hội kín là Đồng minh tiến hành chống Hội liên hiệp công nhân Quốc tế, Ban chấp hành của Tổng Hội đồng<sup>152</sup> trong phiên họp ngày 24 tháng Bảy 1872 đã giao cho đồng chí Ph.Ăng-ghen, bí thư về Tây Ban Nha, gửi cho Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha ở Va-len-xi-a bức thư sau đây:

### **GỬI HỘI ĐỒNG LIÊN CHI HỘI TÂY BAN NHA**

Thưa các đồng chí!

Chúng tôi có những bằng cứ chứng minh rằng trong nội bộ Quốc tế, đặc biệt là ở Tây Ban Nha, có một hội kín tự xưng là *Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Hội này - trung ương của nó đặt tại Thụy Sĩ - cho rằng sứ mệnh đặc biệt của nó là hướng Hội liên hiệp vĩ đại của chúng ta thích ứng với những khuynh hướng riêng của nó và đưa Hội liên hiệp chúng ta tới những mục tiêu mà tuyệt đại đa số hội viên Quốc tế hoàn toàn không biết. Ngoài ra, căn cứ theo tờ báo "Razon"<sup>153</sup> ở Xê-vin, chúng tôi còn biết rằng hội đồng của các đồng chí ít ra cũng có đến ba uỷ viên là thành viên của Đồng minh.

Năm 1868 khi hội này được thành lập với tính cách là một đoàn thể công khai, Tổng Hội đồng buộc phải không chấp nhận nó gia nhập Quốc tế chùng nào nó vẫn duy tính chất quốc tế của nó, bởi vì nó mưu đồ trở thành một tổ chức liên hiệp quốc tế thứ hai, vừa hoạt động trong nội bộ *Hội liên hiệp công nhân quốc tế*, vừa hoạt động ngoài *Hội liên hiệp công nhân quốc tế* Đồng minh chỉ có thể gia nhập Quốc tế sau khi nó cam kết tự giới hạn mình ở địa vị của một chi hội địa phương thông thường ở Giơ-ne-vơ (xem bản thông báo nội bộ của Tổng Hội đồng "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế", tr. 17 và v.v.<sup>1\*</sup>).

Nếu tổ chức và tính chất của hội này khi nó còn công khai, đã trái với tinh thần và lời văn của Điều lệ chúng ta, thì việc nó tồn tại một cách bí mật trong nội bộ Quốc tế bất chấp sự cam kết đã đề ra, cũng bị xem là sự phản bội trực tiếp Hội chúng ta vậy. Quốc tế chỉ biết có một loại hội viên mà quyền lợi và nghĩa vụ đều như nhau; Đồng minh thì lại chia hội viên thành hai loại, loại hội viên thân tín và loại hội viên không thân tín; loại hội viên không thân tín thì phải chịu số phận là bị loại hội viên thân tín lãnh đạo họ thông qua một tổ chức mà bản thân sự tồn tại của tổ chức ấy họ không hề biết. Quốc tế yêu cầu hội viên của mình phải thừa nhận chân lý, chính nghĩa và đạo đức là cơ sở của hành vi của mình; Đồng minh thì bắt những người ủng hộ mình phải giấu các hội viên không thân tín về sự tồn tại của tổ chức bí mật, cũng như động cơ và mục đích thật sự của những lời nói và hành động của mình. Tổng Hội đồng đã tuyên bố trong bản thông báo nội bộ của mình, yêu cầu trong đại hội kỳ tới tiến hành điều tra hoạt động của Đồng minh này, âm mưu thật sự chống Quốc tế. Tổng Hội đồng còn biết rõ những biện pháp mà Hội đồng của Liên chi hội Tây Ban Nha đã thông qua theo sự đòi hỏi kiên quyết của các ngài trong Đồng minh vì lợi ích của đoàn thể của họ, cho nên Tổng Hội đồng kiên quyết

1\* Xem tập này, tr. 18-22.

quyết định chấm dứt những hoạt động âm mưu đó. Với mục đích đó, Tổng Hội đồng yêu cầu các đồng chí làm những việc sau đây để soạn thảo bản báo cáo về Đồng minh mà Tổng Hội đồng phải trình lên Đại hội La Hay:

1) báo cáo danh sách toàn thể hội viên Đồng minh ở Tây Ban Nha và nói rõ những chức vụ mà họ đảm nhiệm trong Quốc tế;

2) tiến hành điều tra tính chất và hoạt động của Đồng minh, cũng như tổ chức của nó và các chi nhánh ở ngoài nước;

4) gửi cho một bản *thông tri nội bộ đề ngày 7 tháng Bảy 1872* của các đồng chí;

4) giải thích rõ tại sao các đồng chí cho rằng có thể dung hoá việc thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Quốc tế với việc có mặt trong một hội đồng mà ít nhất là ba thành viên của nó rõ ràng là thành viên của Đồng minh.

Nếu Tổng Hội đồng không nhận được *thư phúc đáp trả lời dứt khoát và tường tận*, thì nó sẽ buộc phải công khai tuyên bố trong nước Tây Ban Nha, cũng như ngoài nước Tây Ban Nha, rằng các đồng chí đã vi phạm tinh thần và lời văn của Điều lệ chung và đã phản bội Quốc tế vì lợi ích của cái hội kín chẳng những xa lạ, mà còn đối địch với Quốc tế.

Gửi lời chào thân ái.

Theo sự uỷ nhiệm của Tổng Hội đồng

Bí thư về Tây Ban Nha  
**Phri-đrich Ăng-ghen**

33, Quảng trường Rát-bon,

Luân Đôn, ngày 24 tháng Bảy 1872

Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha trong bức thư đề "Va-len-xi-a, ngày 1 tháng Tám" và nhận được ở Luân Đôn ngày 5 tháng Tám, đã trả lời những yêu cầu của Tổng Hội đồng như sau:

"Các đồng chí! Chúng tôi đã nhận được bức thư mới đây của các đồng chí, nhưng vì thư viết bằng tiếng Pháp, nên chúng tôi không thể hiểu được nội dung bức thư, người phiên dịch thường xuyên của chúng tôi thì lại không có mặt tại Va-len-xi-a. Chúng tôi sẽ nhờ một đồng chí khác phiên dịch gấp để có thể trả lời bức thư".

Ban chấp hành của Tổng Hội đồng tại phiên họp ngày 8 tháng Tám 1872 đã quyết định trong khi chờ đợi Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha cung cấp dữ liệu cho biết rõ những điều yêu cầu, cần phải công bố bức thư này để thúc đẩy tất cả những liên chi hội và chi hội Tây Ban Nha tiến hành điều tra về sự tồn tại, hoạt động và mục đích của cái hội kín tự xưng là Đồng minh.

Ban chấp hành Tổng Hội đồng:

**Lê-ô Phran-ken** bí thư thông tấn liên lạc với Áo và Hung-ga-ri; **G.P. Mác-Đô-nen** liên lạc với Ai-rơ-len; **Ph.Ăng-ghen** - liên lạc với Tây Ban Nha và I-ta-li-a; **Ô.Xê-rai-ơ** - liên lạc với Pháp; **Lơ Mút-xuy** - liên lạc với Mỹ; **Héc-man I-ung** - liên lạc với Thụy Sĩ; **Các Mác** - liên lạc với Đức và Nga.

Chủ tịch hội nghị -

**Va-lê-ri Vru-bơ-lép-xki**, bí thư về Ba Lan

Thư ký hội nghị -

**Ph.Cu-rơ-nơ**, bí thư về Hà Lan

Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày 8 tháng Tám 1872

Đã đăng trên báo "La Emancipacion" số 62, ngày 17 tháng Tám 1872

In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với bản thảo viết tay bằng tiếng Pháp

Nguyên văn là tiếng Tây Ban Nha

## PH.ĂNG-GHEN TỔNG HỘI ĐỒNG GỬI LIÊN CHI HỘI MA-ĐRÍT MỚI<sup>154</sup>

Ban chấp hành được Tổng Hội đồng tạm thời giao nhiệm vụ điều khiển tất cả các công tác tổ chức của Hội liên hiệp.

xét bức thư của Liên chi hội Ma-đrít mới đề ngày 5 tháng Tám yêu cầu Tổng Hội đồng thừa nhận Liên chi hội ấy;

xét nghị quyết của Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha ngày 16 tháng Bảy không chấp nhận Liên chi hội nói trên gia nhập Quốc tế;

xét thấy rằng, về vấn đề này, nếu đồng ý với quan điểm của Hội đồng Liên chi hội - một Hội đồng phần lớn gồm những thành viên của cái hội kín đối địch với Quốc tế và sắp bị Tổng Hội đồng chống lại tại đại hội, - thì ngay cả về mặt hình thức, cũng sẽ là một sự phi lý;

xét thấy rằng trên thực tế chính những người sáng lập ra Liên chi hội Ma-đrít mới là những người đầu tiên ở Tây Ban Nha đã can đảm ly khai với cái hội kín ấy mang tên là *Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa*, vạch trần nó và làm thất bại những mưu kế của nó, -

căn cứ theo những lý do kể trên và nhân danh Tổng Hội đồng, Ban chấp hành,

quyết định thừa nhận Liên chi hội Ma-drít mới và đặt quan hệ thường xuyên và trực tiếp với Liên chi hội này.

Luân Đôn, ngày 15 tháng Tám 1872

Thay mặt Ban chấp hành  
Bí thư về Tây Ban Nha  
*Phri-đrich Ăng-ghen*

*Đã đăng trên báo "La Emancipacion"  
số 63, ngày 24 tháng Tám 1872*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Tây Ban Nha*

PH.ĂNG-GHEN  
THƯ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG GỬI  
CÁC CHI HỘI I-TA-LI-A CỦA HỘI LIÊN  
HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ NÓI VỀ  
HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU RI-MI-NI<sup>155</sup>

33, Quảng trường Rát-bon,  
Luân Đôn, ngày 23 tháng Tám 1872

Chúng tôi đã nhận được bản nghị quyết đề "Ri-mi-ni, ngày 6 tháng Tám" của hội nghị đại biểu của một liên chi hội I-ta-li-a nào đó tưởng như là thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế<sup>156</sup>, nghị quyết đó quyết định cự tuyệt mọi sự nhất trí với Tổng Hội đồng ở Luân Đôn và *tự ý* quyết định triệu tập<sup>1\*</sup> đại hội chống cự quyền ở Nơ-sa-ten (Thụy Sĩ), tất cả các chi hội theo phái ấy được mời cử đại biểu của mình đến đó, chứ không đến La Hay là nơi mà đại hội đại biểu thường kỳ của Quốc tế sẽ họp.

Cần phải xác nhận rằng trong số 21 chi hội mà đại biểu của họ ký tên vào nghị quyết ấy, *chỉ có một* (chi hội Nơ-sa-ten) thuộc Quốc tế mà thôi. Trong số 20 chi hội còn lại, không một chi hội nào chấp hành bất cứ một điều kiện nào trong số những điều kiện mà Điều lệ và Quy chế chung của chúng ta đã quy định cho việc kết nạp những chi hội mới. Bởi vậy, không hề có một liên chi hội I-ta-li-a nào cả của Hội liên hiệp công nhân quốc

1\* Trong bản nháp bức thư, tiếp đó là mấy chữ: "cái gọi là".

tế. Chính những kẻ mưu đồ thành lập cái liên chi hội đó, đang thành lập Quốc tế riêng của mình ở ngoài Hội liên hiệp công nhân quốc tế vĩ đại.

Đại hội La Hay sẽ phải ra nghị quyết về vấn đề sự mạo danh như vậy.

Thay mặt và thừa lệnh Tổng Hội đồng  
Bí thư về I-ta-li-a  
*Phri-đrich Ăng-ghen*

*Đã đăng một phần trên báo "La Plebe" số 95, ngày 28 tháng Tám 1872 và đăng toàn văn trong báo "Il Popolino" số 20, ngày 29 tháng Chín 1872*

*In theo bản đăng trên báo "Il Popolino", có đối chiếu với bản nháp bức thư Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a*

## ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LA HAY CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

NGÀY 2-7 THÁNG CHÍN 1872<sup>157</sup>



---

**C.MÁC**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG**  
**TRƯỚC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU HÀNG NĂM**  
**LẦN THỨ NĂM CỦA HỘI LIÊN HIỆP**  
**CÔNG NHÂN QUỐC TẾ HỢP TẠI LA HAY**

NGÀY 2-7 THÁNG CHÍN 1872<sup>158</sup>

Các đồng chí!<sup>1\*</sup>

Kể từ Đại hội đại biểu lần trước của chúng ta tại Ba-lơ đến nay, hai cuộc đại chiến - cuộc chiến tranh Pháp - Phổ và cuộc nội chiến ở Pháp - đã làm thay đổi bộ mặt châu Âu. Một cuộc chiến tranh thứ ba đã nổ ra trước hai cuộc chiến tranh đó, diễn ra đồng thời với hai cuộc chiến tranh đó và hiện nay vẫn còn đang tiếp tục, - đó là cuộc chiến tranh chống Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Các hội viên ở Pa-ri của<sup>2\*</sup>Quốc tế đã báo trước một cách công khai và rõ ràng với nhân dân Pháp rằng tham gia vào cuộc trưng cầu dân ý, tức là bỏ phiếu tán thành chế độ chuyên chế trong

---

1\* Trong truyền đơn và trên báo "Volksstaat" thay cho những chữ "các đồng chí", là những chữ "Anh em công nhân".

2\* Trong các báo "Internationale", "Liberté" v.v.. câu này bắt đầu bằng những chữ "Khi nền đế chế yêu cầu nước Pháp phải thần thánh hoá sự tồn tại của nó bằng cuộc trưng cầu dân ý mới, thì".

nước Pháp và cuộc chiến tranh ngoài nước Pháp<sup>159</sup>. Ngày hôm trước cuộc trưng cầu dân ý, tức là ngày 23 tháng Tư 1870<sup>160</sup>, họ đã bị bắt giữ vì cái cớ tuồng như là họ đã tham gia âm mưu giết Lu-i Bô-na-pác-tơ. Đồng thời, ở Ly-ông, Ru-ăng, Mác-xây, Brê-xơ và ở những thành phố khác, các vụ bắt bớ hội viên Quốc tế vẫn tiếp diễn. Trong bản tuyên bố ngày 3 tháng Ba 1870, Tổng Hội đồng đã nói<sup>161</sup>:

"Âm mưu trước mắt cũng sẽ có một vị trí tương xứng với hai âm mưu trước nó vốn đã là trò cười cho thiên hạ. Sự rùm beng và những biện pháp bạo lực chống các chi hội Pháp của chúng ta chỉ nhằm một mục đích: góp phần thực hiện cái trò bịp trưng cầu dân ý"<sup>1\*</sup>

Và thực vậy, sau sự sụp đổ của nền đế chế tháng Chạp, những kẻ kế tục nó đã công bố những văn kiện chứng tỏ rằng âm mưu trước mắt ấy được bày đặt ra bởi chính bản thân cơ quan cảnh sát Bô-na-pác-tơ<sup>162</sup> và ngày hôm trước cuộc trưng cầu dân ý, Ô-li-vi-ê đã trực tiếp ra lệnh cho những người dưới quyền mình trong một thông tri bí mật:

"Phải bắt giữ những người lãnh đạo của Quốc tế, nếu không thì không thể tiến hành cuộc trưng cầu dân ý một cách thoả đáng".

Sau khi kết thúc cái trò hề trưng cầu dân ý ấy, ngày 8 tháng Bảy, các uỷ viên của Hội đồng Liên chi hội Pa-ri quả nhiên bị buộc tội bởi chính những quan toà của Lu-i Bô-na-pác-tơ, nhưng vẫn chỉ là vì họ đã tham gia "một cách tội lỗi" vào Quốc tế, chứ không phải vì họ tham gia vào âm mưu không có thực<sup>163</sup>. Vì vậy, Chính phủ Bô-na-pác-tơ nhận thấy cần phải phát động một cuộc chiến tranh tai hại nhất mà nước Pháp chưa hề bao giờ gặp phải, bằng cách tiến hành trước tiên một chiến dịch chống các chi hội Pháp của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Không nên quên rằng

1\* Trong truyền đơn và trên báo "Volksstaat" tiếp đó là câu: "Chúng tôi đã nói đúng".

giai cấp công nhân Pháp, đồng tâm nhất trí như một, đã bác bỏ cuộc trưng cầu dân ý. Cũng không nên quên rằng

"các sở giao dịch, nội các của các cường quốc, các giai cấp thống trị và báo chí châu Âu đã chào mừng cuộc trưng cầu dân ý, coi đó như một thắng lợi huy hoàng của hoàng đế Pháp đối với giai cấp công nhân Pháp" (Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ công bố ngày 23 tháng Bảy 1870<sup>164</sup>).

Mấy tuần sau cuộc trưng cầu dân ý, khi các báo chí ủng hộ chính sách Bô-na-pác-tơ bắt đầu thổi bùng lên trong nhân dân Pháp một sự cuồng nhiệt hiếu chiến, thì các hội viên Quốc tế ở Pa-ri bất chấp những hành vi bức hại của chính phủ, ngày 12 tháng Bảy đã ra lời kêu gọi "Gửi công nhân tất cả các nước", trong đó lên án cuộc chiến tranh đã phát động là "một hành động điên rồ tội lỗi", và nói với "những người anh em của mình ở nước Đức" như sau:

"Sự thù địch giữa chúng ta sẽ đem lại kết quả duy nhất là sự thắng lợi hoàn toàn của chế độ chuyên chế ở hai bên bờ sông Ranh"; "Chúng... ta những hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, - họ tuyên bố, - không thừa nhận bất cứ biên giới quốc gia nào cả"<sup>165</sup>.

Lời kêu gọi đó đã được hưởng ứng nhiệt liệt ở nước Đức, vì vậy Tổng Hội đồng hoàn toàn có quyền khẳng định:

"Trong khi nước Pháp quan phương và nước Đức quan phương đang lao vào một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, thì công nhân Pháp và công nhân Đức lại trao đổi cho nhau những thông điệp hoà bình và hữu nghị. Chỉ riêng một sự kiện vĩ đại ấy chưa từng có trong lịch sử... chúng tỏ rằng đối lập với cái xã hội cũ, với sự nghèo nàn về kinh tế và sự điên rồ về chính trị của nó, một xã hội mới đang nảy sinh, nguyên tắc quốc tế của xã hội mới ấy sẽ là *hoà bình*, bởi vì mỗi dân tộc đều sẽ có cùng một đấng tối cao là *lao động!*"

Người báo hiệu của xã hội mới ấy là Hội liên hiệp công nhân quốc tế" (lời kêu gọi ngày 23 tháng Bảy 1870).

Mãi cho đến khi tuyên bố thành lập nền cộng hoà, các uỷ viên của Hội đồng Liên chi hội Pa-ri vẫn bị giam trong nhà tù. Các hội viên còn lại của Hội liên hiệp thì hàng ngày bị sỉ nhục trước đám đông và bị gọi là những kẻ phản bội được nước Phổ trả tiền.

Khi mà nền Đế chế thứ hai kết thúc bằng cuộc đầu hàng ở Xê-đăng giống như nó đã bắt đầu bằng một màn kịch nhạo báng thì cuộc chiến tranh Pháp - Phổ đã bước vào giai đoạn thứ hai. Nó đã biến thành cuộc chiến tranh chống nhân dân Pháp. Sau nhiều lần tuyên bố long trọng rằng nước Phổ cầm vũ khí với mục đích duy nhất là đánh lui bọn xâm lược nước ngoài, bây giờ nước Phổ đã vứt bỏ mặt nạ và tuyên bố chiến tranh xâm lược. Kể từ nay, nó chẳng những buộc phải chống lại nền cộng hoà ở nước Pháp, mà còn phải đồng thời chống lại cả Quốc tế ở nước Đức. Ở đây chúng tôi chỉ có thể trình bày quá trình của cuộc đấu tranh này trên những nét khái quát.

Ngay tức khắc sau khi tuyên bố chiến tranh, đại bộ phận lãnh thổ Liên bang Bắc Đức (Han-nô-vơ, Ôn-đen-buốc, Brê-men, Hăm-buốc, Brao-svai-gơ, Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ, Mếch-clen-bua, Pô-mê-ra-ni và tỉnh Phổ) đều bị tuyên bố giới nghiêm và phó mặc cho sự lộng hành của tướng Phô-ghen Phôn Phan-ken-stai-nơ. Tình trạng giới nghiêm này, được tuyên bố với tính cách là một biện pháp phòng ngự chống sự xâm nhập của nước ngoài đang đe dọa, đã lập tức biến thành một cuộc chiến tranh chống các hội viên Đức của Quốc tế.

Sang ngày thứ hai sau khi nền cộng hoà được tuyên bố thành lập ở Pa-ri, Uỷ ban trung ương Brao-svai-gơ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức - đảng này là một chi hội của Quốc tế ra đời trong tình hình phải tính đến luật lệ địa phương, - (ngày 5 tháng Chín) đã ra một bản tuyên ngôn kêu gọi giai cấp công nhân

dùng tất cả mọi phương tiện có trong tay chống lại việc chia cắt nước Pháp, đòi hỏi một nền hoà bình trong danh dự cho nước Pháp và cổ động cho việc thừa nhận nước Cộng hoà Pháp<sup>166</sup>. Bản tuyên ngôn đã lên án ý đồ thôn tính vùng An-da-xơ, và Lo-ren-nơ là một hành vi tội ác mà kết quả của nó sẽ là biến toàn bộ nước Đức thành một trại lính Phổ và làm cho chiến tranh trở thành một chế độ thường xuyên của châu Âu. Ngày 9 tháng Chín Phô-ghen Phôn Phan-ken-stai-nơ ra lệnh bắt các uỷ viên uỷ ban Brao-svai-gơ, xích họ lại và dẫn họ đi xa hơn 600 dặm đến pháo đài Lốt-sen của Phổ đóng trên biên giới Nga, tại đây việc đối xử đê tiện đối với họ đã thành một sự tương phản rõ rệt với việc chào mừng trọng thể vị khách quý oai nghiêm đến Vin-hem-huê-ơ<sup>167</sup>. Bất chấp những hành động bắt bớ, trục xuất công nhân từ bang này sang bang khác trong nước Đức, bất chấp sự cấm đoán báo chí vô sản, sự đàn áp bằng quân sự và mọi sự bắt bẻ của cảnh sát, đội tiên phong của giai cấp công nhân Đức vẫn hành động theo tinh thần của Quốc tế và căn cứ theo Tuyên ngôn Brao-svai-gơ, vì thế mà Phô-ghen Phôn Phan-ken-stai-nơ đã ra sắc lệnh ngày 21 tháng Chín<sup>1\*</sup> cấm mọi cuộc tụ họp của Đảng dân chủ - xã hội. Lệnh cấm ấy đã được bãi bỏ bằng một sắc lệnh khác ban hành ngày 5 tháng Mười, trong đó ông ta đã khôn ngoan chỉ thị cho lũ mật thám cảnh sát.

"báo cáo cho bản thân ông ta biết tất cả những kẻ công khai phát biểu ý kiến khích lệ nước Pháp chống lại những điều kiện hoà bình do nước Đức đề nghị, để ông ta có thể làm cho họ không thể gây tác hại trong suốt thời gian mà cuộc chiến tranh còn tiếp diễn".

Sau khi giao cho Môn-tơ-kê lo liệu chiến tranh ngoài nước, quốc vương Phổ cố sức làm cho chiến tranh trong nước có một bước ngoặt mới. Căn cứ theo mệnh lệnh của bản thân nhà vua ngày 17 tháng Mười, Phô-ghen Phôn Phan-ken-stai-nơ phải trao những tù nhân của mình ở Lốt-sen cho toà án khu Brao-svai-gơ xét xử,

1\* - năm 1870

toà án này hoặc là lại phải tìm ra cơ sở pháp lý để bỏ tù họ, hoặc là giao họ trở lại cho vị tướng quân tàn bạo trông giữ chắc chắn.

Cố nhiên là trong toàn nước Đức người ta đều bắt chước theo Phô-ghe-n Phôn Phan-ken-stai-nơ, mặc dù trong một thông tri ngoại giao Bít-xmác lại giở giọng nhạo báng mà lên mặt trước châu Âu cứ y như ông ta là một kẻ đầy lòng căm phẫn cao cả nhiệt liệt bảo vệ tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do hội họp cho phái chủ hoà ở pháp. Chính trong khi ông ta đòi hỏi cho nước Pháp một Quốc hội được bầu ra một cách tự do, thì ở nước Đức ông ta lại ra lệnh bỏ tù Bê-ben và Líp-nêch vì họ đã nhân danh Quốc tế phát biểu chống lại ông ta tại nghị viện Đức, và cũng để ngăn chặn họ hoạt động trong thời gian tiến hành cuộc bầu cử phổ thông<sup>168</sup> sắp tới.

Vị chủ của ông ta, Vin-hem - người chinh phục, đã ủng hộ ông ta, đã gửi đi một mệnh lệnh từ Véc-xay, trong đó kéo dài thời hạn giới nghiêm, tức là bãi bỏ tất cả dân luật trong suốt cả thời gian bầu cử. Trên thực tế sau khi ký hoà ước với Pháp được hai tháng, nhà vua mới cho phép bãi bỏ lệnh giới nghiêm. Việc nhà vua khăng khăng duy trì tình trạng giới nghiêm trong nước, việc nhà vua nhiều lần thân hành nhúng tay vào việc công của những tù nhân trong nước Đức của chính mình, - chứng tỏ sự kinh sợ mà nhà vua đang cảm thấy - trong tiếng âm vang của vũ khí vô địch và trong tiếng gào thét hoan nghênh điên dại của toàn thể của giai cấp tư sản Đức - trước đảng vô sản ngày càng lớn mạnh. Đó là một sự nhân nhượng bất đắc dĩ của bạo lực vật chất đối với sức mạnh tinh thần.

Nếu cuộc chiến tranh chống Quốc tế lúc mới đầu chỉ đóng khung trước tiên trong nước Pháp - kể từ ngày có cuộc trưng cầu dân ý cho đến khi đế chế sụp đổ, rồi sau đó lại chỉ đóng khung trong nước Đức - trong suốt thời gian cuộc đấu tranh của nước cộng hoà chống Phổ, thì kể từ ngày Công xã Pa-ri tuyên

bố thành lập và sau khi Công xã Pa-ri thất bại, cuộc chiến tranh ấy đã trở thành cuộc chiến tranh diễn ra khắp mọi nơi.

Ngày 6 tháng Sáu 1871, Giuy-lơ Pha-vrơ đã phát đi một bản thông báo gửi cho các nước ngoài, yêu cầu giao nộp những thành viên lưu vong<sup>1\*</sup> của công xã Pa-ri; coi đó là những tên tội phạm hình sự và kêu gọi tiến hành một cuộc thập tự chinh có tính chất toàn diện chống Quốc tế - kẻ thù của gia đình, của tôn giáo, của trật tự và của sở hữu mà chính bản thân Pha-vrơ là kẻ đại diện thật xứng đáng<sup>169</sup>. Áo và Hung-ga-ri đã hưởng ứng ngay lập tức lời hiệu triệu ấy. Ngày 13 tháng Sáu một cuộc tập kích theo lối ăn cướp đã được thực hiện đối với những người mà họ cho là lãnh tụ của Hội liên hiệp công nhân ở Pét; tài liệu giấy tờ của những người này đã bị tịch thu, bản thân họ bị bắt và bị đưa ra toà và bị kết án phản quốc<sup>170</sup>. Một số đại biểu của chi hội Viên của Quốc tế lúc bấy giờ đang ở tại Pét cũng bị giải tới Viên để áp dụng những biện pháp xử lý như vậy. Boi-xtơ đã yêu cầu và đã được nghị viện cấp thêm 30.000 pao xtéc-ling.

"để chi cho công tác tình báo chính trị, một công tác cần hơn bất cứ lúc nào trước đây vì sự lan tràn nguy hiểm của Quốc tế khắp cả châu Âu".

Kể từ khi đó, ở Áo và ở Hung-ga-ri một sự thống trị thật sự của khủng bố đã được xác lập chống lại giai cấp công nhân. Chính phủ Áo ngay khi hấp hối sắp chết đến nơi rồi vẫn còn giẫy giụa bám lấy cái đặc quyền xưa kia của nó là đóng vai Đồng Ki-sốt của thế lực phản động châu Âu.

Mấy tuần sau khi xuất hiện bản thông cáo của Giuy-lơ Pha-vrơ, Duy-phô-rơ đã đề nghị với nghị viện địa chủ của mình một dự luật mà hiện nay đã có hiệu lực pháp luật, dự luật này quy định chỉ riêng việc tham gia Hội liên hiệp công nhân quốc tế hoặc thừa nhận những nguyên tắc của Hội này cũng bị trừng trị như là

1\* Trong tờ truyền đơn và trên báo "Volksstaat", thay cho những chữ "những thành viên lưu vong" là những chữ "những thành viên".

một tội phạm. Chi-e, khi phát biểu với tư cách là người làm chứng trước uỷ ban dự luật của nghị viện địa chủ về dự luật của Duy-phô-rơ, đã khoác lác rằng luật này là sản phẩm của tài trí của bản thân ông ta, rằng chính ông ta là người đầu tiên đã phát hiện ra bảo pháp đáng tin cậy này - xử lý Quốc tế theo cách mà toà án tôn giáo Tây Ban Nha đã xử lý những người tà giáo. Nhưng ngay cả về điểm đó, ông ta cũng không thể tự cho mình là có tính độc đáo. Rất lâu trước khi ông ta được bổ nhiệm giữ cái chức vị người cứu tinh của xã hội, thì cái lý luận luật pháp chân chính ấy mà giai cấp thống trị áp dụng đối với hội viên của Quốc tế, đã được các toà án ở Viên đề ra rồi.

Ngày 26 tháng Bảy 1870, những đại diện xuất sắc nhất của đảng vô sản ở Áo, bị coi là phạm tội phản quốc và bị kết án nhiều năm khổ sai, mỗi tháng họ phải bị một ngày nhện đói. Bản án viết như sau:

"Các phạm nhân, theo sự thú nhận của chính họ, đã tiếp thu cương lĩnh của Đại hội đại biểu công nhân Đức ở Ai-dơ-nác (1869) và đã hành động theo cương lĩnh ấy. Cương lĩnh này bao hàm cả cương lĩnh của Quốc tế. Quốc tế được lập ra để giải phóng giai cấp công nhân khỏi sự thống trị của giai cấp hữu sản và khỏi sự lệ thuộc về mặt chính trị. Sự giải phóng ấy là trái với chế độ nhà nước Áo hiện hành. Bởi vậy, bất cứ ai tiếp thu và truyền bá những nguyên lý cơ bản của cương lĩnh của Quốc tế, đều tiến hành những hoạt động chuẩn bị lật đổ Chính phủ Áo, như vậy là phạm tội phản quốc".

Ngày 27 tháng Mười một 1871, bản án được tuyên án đối với những uỷ viên của Uỷ ban Brao-svai-gơ. Họ đều bị kết án tù giam với thời hạn khác nhau. Toà án đã viện dẫn một cách hết sức rõ ràng bản án đã được tuyên án ở Viên, coi đó là tiền lệ.

Ở Pét, những người tham gia Hiệp hội công nhân bị giam giữ đã phải ra trước toà án ngày 22 tháng Tư 1872, sau gần một năm tròn bị đối xử tàn tệ như Chính phủ Anh đã đối xử với những hội viên hội Phê-ni-ăng<sup>171</sup>. Ngày ở đây, công tố viên cũng yêu cầu phải vận dụng cái lý luận luật pháp đã được nêu ra ở Viên. Song, họ đã được trắng án.

Tại Lai-pxich ngày 27 tháng Ba 1872, Bê-ben và Líp-nếch bị kết án hai năm tù trong pháo đài về tội mưu đồ phản quốc - cũng căn cứ theo bản án đã tuyên án ở Viên. Khác nhau chỉ ở chỗ là bản án của quan toà ở Viên, trong trường hợp này, được các quan bồi thẩm Dắc-den phê chuẩn.

Ở Cô-pen-ha-ghen, ba uỷ viên Uỷ ban trung ương Quốc tế là Brích-xơ, Pi-ô và Ghê-lép ngày 5 tháng Năm<sup>1\*</sup> bị tổng giam vì họ đã tuyên bố ý định kiên quyết tiến hành hội họp ngoài trời bất chấp sự cấm đoán của cơ quan cảnh sát. Khi họ đã vào tù rồi, người ta mới cho họ biết rằng việc buộc tội đối với họ có tính chất chung hơn, tức là tư tưởng xã hội chủ nghĩa tự nó không dung hợp được với sự tồn tại của Nhà nước Đan Mạch, vì vậy chỉ riêng việc tuyên truyền những tư tưởng ấy đã cấu thành tội phạm chống hiến pháp Đan Mạch rồi. Vẫn lại cái lý luận luật pháp được đề ra ở Viên! Hiện giờ bị cáo vẫn còn ở trong nhà giam, chờ đợi xét xử.

Chính phủ Bỉ đồng tình đáp lại những yêu cầu của Giuy-lơ Pha-vrơ về việc giao nộp các chiến sĩ Công xã; thông qua của miệng Ma-lu, nó đã vội vàng đưa ra một dự luật sao lại một cách thô lợ đạo luật Duy-phô-rơ.

Đấng chí tôn giáo hoàng Pi IX đã trút nỗi giận dữ của mình trong thư gửi đoàn đại diện các tín đồ Thiên chúa giáo Thụy Sĩ.

Ông nói: "Chính phủ cộng hoà của các con thấy mình có nghĩa vụ phải hy sinh nặng nề cho cái được gọi là tự do. Chính phủ có ban quyền tị nạn cho một số rất đông những người hạ đẳng nhất. Chính phủ đó cam chịu bên mình nó có một giáo phái gọi là Quốc tế, giáo phái này cũng muốn đối xử với toàn bộ châu Âu giống như nó đã đối xử với Pa-ri. Đối với những ngài này trong Quốc tế, - nhân tiện xin nói, họ chẳng phải là ngài là ông gì cả, - cần phải dè chừng, bởi vì họ hành động cho lợi ích của kẻ thù muôn đời của chúa trời và của loài người. Bảo vệ họ mà làm gì chứ? Phải cầu nguyện cho họ".

1\* - năm 1872.

Trước tiên hãy treo cổ họ lên, rồi sau đó mới cầu nguyện cho họ!

Hoàng đế nước Áo và hoàng đế nước Đức được Bít-xmác, Boi-xtơ và Sti-bơ - tên cầm đầu mật thám Phổ - ủng hộ, nên vào đầu tháng Chín 1871 đã gặp mặt nhau ở Dan-xbuốc, với mục đích không che giấu là thành lập một liên minh thần thánh chống Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Tờ "Báo Bắc Đức"<sup>172</sup>, moniteur<sup>1\*</sup> riêng của Bít-xmác, tuyên bố "Một liên minh châu Âu như vậy mới là con đường duy nhất có khả năng cứu vớt nhà nước, nhà thờ, quyền sở hữu, nền văn minh, nói tóm lại, cứu vớt tất cả những gì mà các nhà nước châu Âu được dựng lên trên đó".

Đương nhiên, mục đích thật sự của Bít-xmác là nhằm bảo đảm cho mình có những đồng minh trong cuộc chiến tranh sắp bùng nổ với nước Nga, còn Quốc tế thì chẳng qua cũng bị người ta dùng để khích nước Áo mà thôi, như là dùng một mảnh vải điều để khích con bò đực chọi nhau vậy.

Lan-da cấm quốc tế hoạt động ở I-ta-li-a bằng một mệnh lệnh giản đơn. Xa-ga-xta tuyên bố đặt Quốc tế ngoài vòng pháp luật ở Tây Ban Nha<sup>173</sup>, hy vọng làm như thế có lẽ sẽ tranh thủ được cảm tình của sở giao dịch chứng khoán nước Anh. Chính phủ Nga, kể từ khi xoá bỏ chế độ nông nô, đã buộc phải dùng đến những biện pháp liều lĩnh, - hôm nay có một số nhượng bộ dè dặt đối với những yêu sách của nhân dân để rồi ngày mai lại thu hồi những nhượng bộ ấy, - đã tìm thấy trong lời kêu gọi chung truy nã Quốc tế cái cớ để tăng cường thêm nữa thế lực phản động trong nước. Trong khi hoạt động ở nước ngoài với ý định thăm dò bí mật của Hội chúng ta, chính phủ đó đã thuyết phục một quan toà Thụy Sĩ khám xét, với sự có mặt của một tên mật thám Nga, căn phòng của U-tin, một hội viên người Nga của Quốc

1\* - tờ tin tức.

tế và chủ bút tờ báo "Égalité" ở Giơ-ne-vơ, cơ quan của Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh của chúng ta<sup>174</sup>. Chỉ có sự tuyên truyền cổ động của các hội viên Quốc tế Thụy Sĩ mới ngăn chặn được Chính phủ cộng hoà ở Thụy Sĩ giao nộp những thành viên lưu vong của Công xã Pa-ri cho Chi-e.

Cuối cùng, chính phủ của ông Glát-xtôn tuy không thể hành động theo tinh thần ấy ở ngay tại nước Anh, nhưng ít ra thì cũng đã chứng minh ý đồ tốt của mình, phóng tay tiến hành những thủ đoạn khủng bố của cảnh sát ở Ai-rơ-len chống những chi hội của chúng ta đã được thành lập ở đấy và hạ lệnh cho những đại diện của mình ở nước ngoài thu thập tin tức tình báo về Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Nhưng tất cả những biện pháp trấn áp mà trí tuệ của các chính phủ ở châu Âu hợp sức lại có thể nghĩ ra, cũng bị lu mờ, trước cuộc chiến tranh vu khống do các lực lượng nói láo của thế giới văn minh phát động. Những chuyện ăn không nói có và việc vạch vôi "bí mật" của Quốc tế, việc giả mạo vô liêm sỉ những văn bản chính thức và thư riêng, những bức điện giật gân - tất cả những việc đó liên tiếp nhau diễn ra một cách nhanh chóng; tất cả những nguồn vu khống đang nằm trong tay các báo chí loại đáng kính bán mình, lập tức được tung ra và tuôn ra tất cả những gì dè tiện xấu xa như một dòng nước nhằm nhận chìm địch thủ đáng căm ghét. Cuộc chiến tranh này được tiến hành bằng sự vu khống, là cuộc chiến tranh chưa từng có trong lịch sử, xét về quy mô của những hành động chiến tranh mà tất cả các nước đều là bãi chiến trường, cũng như xét về sự đồng tâm hiệp lực của những đại diện đủ các màu sắc trong giai cấp thống trị đang tham chiến. Khi vụ cháy lớn xảy ra ở Si-ca-gô, một điện báo truyền đi toàn thế giới báo rằng đó là việc làm độc ác của Quốc tế; chỉ lấy làm lạ là sao họ không nói cơn bão đã tàn phá Tây - Ấn cũng là do Quốc tế dùng phép ma gây nên.

Trong báo cáo hàng năm trước đây của mình, Tổng Hội đồng thường hay trình bày khái quát về những thành tích của Hội kể từ Đại hội đại biểu lần trước đến nay. Các đồng chí, những công dân<sup>1\*</sup>, tất nhiên các đồng chí sẽ hiểu rõ những nguyên nhân lần này buộc chúng tôi phải vi phạm cái lệ ấy. Và lại, báo cáo của các đại biểu các nước, trên một mức độ nhất định sẽ bổ sung thiếu sót ấy, họ biết rất rõ họ có thể trình bày trong báo cáo của mình đến mức nào thì thôi. Chúng tôi chỉ nêu lên rằng kể từ Đại hội Ba-ler, nhất là từ hội nghị đại biểu Luân Đôn tháng Chín 1871, Quốc tế đã phát triển rộng khắp trong những người Ai-rơ-len ở Anh và ở ngay tại Ai-rơ-len, ở Hà Lan, Đan Mạch, Bồ Đào Nha; Quốc tế đã củng cố tổ chức của mình ở nước Mỹ và có những chi nhánh ở Bu-ê-nốt Ai-rét, ở Ô-xtơ-rây-li-a và Niu Di Lân.

Nếu chúng ta nhìn trở lại thời kỳ năm 1848, thì giữa giai cấp công nhân chưa có tổ chức quốc tế và giai cấp công nhân có Quốc tế, sự khác nhau thật là rõ rệt. Cần phải có một thời gian rất dài để giai cấp công nhân hiểu được rằng cuộc khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848 là sự nghiệp của những chiến sĩ tiên phong của chính bản thân họ. Còn Công xã Pa-ri thì đã được toàn thể giai cấp vô sản quốc tế hoan nghênh vui mừng ngay lập tức.

Các đồng chí, những đại biểu của giai cấp công nhân, họp lại để củng cố tổ chức chiến đấu của hội, mục đích của nó là giải phóng lao động và thủ tiêu mối hiểm thù dân tộc. Và dường như chính vào lúc này các đế vương của thế giới cũ cũng đang tụ họp tại Béc-lin để rèn thêm những xiềng xích mới và suy tính những cuộc chiến tranh mới<sup>175</sup>.

1\* Trong truyền đơn và trên báo "Volksstaat" thay cho những chữ "những công dân", là những chữ "những công nhân".

### Hội liên hiệp công nhân quốc tế muôn năm!

*Do C.Mác viết vào cuối tháng Tám 1872  
In thành truyền đơn: "Offizieller Bericht  
des Londoner Generalrats, verlesen in  
öffentlicher Sitzung des Internationalen  
Kongress", Braunschweig 1872; và cả trên  
các báo ""Der Volksstaat" số 75, ngày 18  
tháng Chín 1872; "La Liberté" số 32, ngày  
29 tháng Chín 1872, "L'Internationale" số  
195, ngày 6 tháng Mười 1872; "La  
Emancipacion" các số 68 và 69, các ngày  
5 và 13 tháng Mười 1872; "The  
International Herald" các số 27, 28 và 29,  
các ngày 5, 12 và 19 tháng Mười 1872*

*In theo bản đăng trên báo "The  
International Herald", có đôi  
chiều với bản in trên tờ truyền  
đơn bằng tiếng Đức  
Nguyên văn là tiếng Anh*

**PH.ĂNG-GHEN**  
**BÁO CÁO VỀ ĐỒNG MINH DÂN CHỦ**  
**XÃ HỘI CHỦ NGHĨA DO ĐẠI DIỆN**  
**CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG TRÌNH BÀY**  
**TRƯỚC ĐẠI HỘI LA HAY<sup>176</sup>**

Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa do M.Ba-cu-nin thành lập vào cuối năm 1868. Đó là một đoàn thể quốc tế có ý đồ đồng thời hoạt động cả bên trong lẫn bên ngoài Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Đoàn thể này bao gồm những hội viên Hội liên hiệp yêu cầu được quyền tham gia tất cả các cuộc họp của hội viên Quốc tế, nhưng lại muốn giữ quyền có các tổ chức địa phương của mình, các liên chi hội toàn quốc của mình, các đại hội đại biểu của mình song song với các đại hội đại biểu của Quốc tế và ở ngoài các đại hội đó. Do vậy, ngay từ đầu Đồng minh đã có ý đồ tạo nên trong nội bộ Hội liên hiệp chúng ta một lớp quý tộc, một bè phái gồm những người được chọn lựa, có cương lĩnh riêng và đặc quyền riêng.

Những thư từ mà Ủy ban trung ương của Đồng minh và Tổng Hội đồng chúng ta trao đổi với nhau lúc bấy giờ, đã được sao lại trong thông báo "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế", tr.7-9<sup>1\*</sup> (văn kiện số 1). Chừng nào Đồng minh còn giữ tính chất quốc tế riêng biệt, thì Tổng Hội đồng vẫn cự tuyệt chấp

1\* Xem tập này, tr. 18-23.

nhận Đồng minh; Tổng Hội đồng hứa chấp nhận Đồng minh chỉ với điều kiện là Đồng minh giải tán tổ chức quốc tế riêng của mình, những chi hội của Đồng minh trở thành những chi hội thông thường của Hội liên hiệp chúng ta và Tổng Hội đồng được thông báo về trụ sở và số hội viên của mỗi chi hội mới.

Ủy ban trung ương của Đồng minh này<sup>1\*</sup> từ nay tự gọi là "Chi hội Giơ-ne-vơ của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa" trong quan hệ của nó với Tổng Hội đồng, nó đã trả lời những yêu cầu ấy vào ngày 22 tháng Sáu 1869 như sau:

"Theo điều kiện đã thoả thuận giữa Tổng Hội đồng của các đồng chí và Ủy ban trung ương của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, chúng tôi đã đặt ra trước các tổ chức của Đồng minh vấn đề giải tán Đồng minh với tính cách là một tổ chức độc lập với Hội liên hiệp công nhân quốc tế... Chúng tôi vui mừng báo cáo với các đồng chí rằng tuyệt đại bộ phận các tổ chức đều tán thành ý kiến của Ủy ban trung ương đã dự định ra nghị quyết giải tán Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế. *Hôm nay vấn đề giải tán đã được giải quyết.* Trong khi thông báo nghị quyết đó cho các tổ chức của Đồng minh, chúng tôi cũng đồng thời đề nghị các tổ chức ấy, theo gương chúng tôi, tổ chức thành những chi hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và tranh thủ cho được các đồng chí hoặc các Hội đồng liên chi hội của Hội liên hiệp trong các nước hữu quan thừa nhận là những chi hội như thế. Để xác nhận việc nhận được thư của các đồng chí gửi cho Ủy ban trung ương cũ của Đồng minh, hôm nay chúng tôi gửi các đồng chí bản điều lệ của chi hội chúng tôi để xét và đề nghị các đồng chí chính thức thừa nhận chi hội ấy là chi hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế..." (ký tên) Bí thư lâm thời S.Pe-rôn (văn kiện số 2).

Bản Điều lệ này của Đồng minh được đánh số 3 trong số những văn kiện.

Chi hội Giơ-ne-vơ là chi hội duy nhất xin được gia nhập Quốc tế. Còn về những chi hội khác của Đồng minh tuồng như đang tồn tại, thì người ta chẳng nghe thấy gì cả. Tuy vậy, mặc dù

1\* Trong bản thảo, tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "trong trường hợp này đã thay đổi tên gọi của mình".



có những âm mưu liên tiếp của những thành viên Đồng minh cố sức áp đặt cương lĩnh riêng của mình cho cả Quốc tế và chiếm đoạt quyền lãnh đạo Hội liên hiệp, song lúc bấy giờ người ta có thể cho rằng Đồng minh đã giữ lời hứa và đã tự giải tán. Song<sup>1\*</sup> Tổng Hội đồng đã nhận được những tài liệu khá chính xác, căn cứ vào đó Tổng Hội đồng buộc phải kết luận rằng Đồng minh cũng chẳng hề nghĩ đến việc tự giải tán, rằng bất chấp lời hứa trịnh trọng nó đã và đang tiếp tục tồn tại dưới hình thức một hội kín và lợi dụng cái tổ chức bí mật ấy để theo đuổi mục đích ban đầu của nó, tức là giành lấy quyền thống trị. Sự tồn tại của nó, đặc biệt là ở Tây Ban Nha, ngày càng trở nên rõ rệt do những chuyện bất hoà trong nội bộ Đồng minh, dưới đây chúng tôi sẽ nói đến lai lịch của những chuyện bất hoà ấy. Ở đây chỉ cần nói rằng bản thông tri do các uỷ viên của Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha cũ, đồng thời cũng là uỷ viên của Uỷ ban trung ương của Đồng minh ở Tây Ban Nha, khởi thảo ra (xem "Emancipacion" số 61, trang 3, cột 2, văn kiện số 4<sup>177</sup>), đã bóc trần sự tồn tại của Đồng minh<sup>2\*</sup>. [Trước nữa] bản thông tri ngày 2 tháng Sáu 1872 đã thông báo cho tất cả những chi hội của Đồng minh ở Tây Ban Nha rằng những người ký tên vào bản thông tri vừa mới tự giải tán mình với tư cách là chi hội của Đồng minh và đề nghị những người khác cũng theo gương họ<sup>178</sup>. Bản thông tri được công bố trên tờ "Emancipacion" (số 59, văn kiện số 5).

Việc công bố bản thông tri đó đã buộc tờ báo của Đồng minh "Federacion" ở Bác-xê-lô-na (số 155, ngày 4 tháng Tám 1872) cũng công bố, về phía mình, bản điều lệ của Đồng minh (văn kiện số 6). Do vậy sự tồn tại của cái hội kín ấy hoàn toàn được xác minh.

1\* Trong bản thảo tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "từ tháng Năm năm nay".

2\* Trong bản thảo tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "Vì không thể điều hoà nghĩa vụ của mình trong Quốc tế với cái địa vị thành viên hội kín của mình trong nội bộ Quốc tế, nên ngày 2 tháng Sáu họ đã đề đạt".

So sánh điều lệ của hội kín với điều lệ mà chi hội Giơ-ne-vơ của Đồng minh trình cho Tổng Hội đồng, trước tiên chúng ta thấy rằng phần mở đầu ở trước văn kiện thứ nhất giống với phần mở đầu ở trước văn kiện thứ hai. Chỉ có một vài điểm khác nhau về mặt biên tập, thể hiện ở chỗ là trong điều lệ bí mật thì cương lĩnh riêng của Ba-cu-nin được trình bày rành mạch hơn.

Đây là bản kê chính xác:

Điều lệ Giơ-ne-vơ		Điều lệ bí mật
Điều 1	giống hệt	với điều 5
Điều 2	đại thể giống	với điều 1
Điều 3	giống hệt	với điều 2
Điều 4 và 5	đại thể giống	với điều 3
Điều 6	đại thể giống	với điều 4

Bản thân điều lệ bí mật là dựa theo điều lệ Giơ-ne-vơ. Chẳng hạn, điều 4 của điều lệ bí mật giống hệt với điều 3 của điều lệ Giơ-ne-vơ, điều 8 và điều 9 của điều lệ Giơ-ne-vơ rút ngắn lại thì tương ứng với điều 10 của điều lệ bí mật, cũng như điều 15 đến điều 20 của điều lệ Giơ-ne-vơ rút ngắn lại thì tương ứng với điều 3 của điều lệ bí mật.

Trái với thực tiễn hiện nay của các phân tử thuộc Đồng minh, điều 7 của điều lệ Giơ-ne-vơ tuyên truyền về một "tổ chức mạnh mẽ" của Quốc tế và buộc tất cả các thành viên của Đồng minh phải "ủng hộ... nghị quyết của Đại hội đại biểu và *thảm quyền của Tổng Hội đồng*". Trong điều lệ bí mật không có điều khoản này, nhưng ban đầu thì có, bằng chứng là: điều này đã được sao lại hầu như nguyên văn trong điều 15 của Quy chế seccion de oficios varios<sup>1\*</sup> Ma-drít (văn kiện số 7), bản Quy chế này cũng bao hàm cả cương lĩnh của Đồng minh.

1\* - chi hội liên hợp các nghề nghiệp khác nhau.

Như vậy, rõ ràng đây không phải là hai đoàn thể khác nhau, mà là cùng một đoàn thể. Trong khi Ủy ban trung ương Giơ-ne-vơ cam kết với Tổng Hội đồng rằng Đồng minh đã bị giải tán và đã được chấp nhận là một chi hội của Quốc tế căn cứ theo bản quyền bố đó, thì các thủ lĩnh của Ủy ban trung ương ấy, đứng đầu là ông Ba-cu-nin, lại tăng cường tổ chức của Đồng minh ấy, biến nó thành một hội kín và duy trì tính chất quốc tế của nó mà họ đã hứa từ bỏ. Sự tin cậy của Tổng Hội đồng và của toàn bộ Quốc tế - nó đã được thông báo về thư trao đổi này - đã bị lừa dối một cách không xứng đáng. Những người này mới thoạt đầu đã nói dối như vậy, thì không còn có lý do nào ngăn ngại tiến hành những thủ đoạn xảo trá nhằm mục đích khuất phục Quốc tế hoặc nếu bị thất bại thì phá hoại Quốc tế.

Bây giờ chúng tôi dẫn chứng những điều khoản chính của điều lệ bí mật:

"1) Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa *gồm những hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế* và theo đuổi mục đích tuyên truyền và phát triển những nguyên tắc của cương lĩnh *của mình*, và còn nghiên cứu mọi thủ đoạn có thể đẩy tới việc giải phóng trực tiếp và *lập tức* giai cấp công nhân.

2) Để giành được những kết quả tốt nhất có thể có và không làm tổn thương đến sự phát triển của tổ chức xã hội. Đồng minh phải *hoàn toàn bí mật*.

4) Không ai có thể được kết nạp làm hội viên, nếu trước tiên không thừa nhận một cách hoàn toàn và thành thật những nguyên tắc của cương lĩnh v.v..

5) Đồng minh sẽ cố hết sức *phát huy ảnh hưởng từ trong nội bộ đối với liên chi hội công nhân ở địa phương*, để nó không đi vào con đường phản động hoặc phản cách mạng.

9) Đa số hội viên *có thể khai trừ* bất cứ hội viên nào của mình *ra khỏi Đồng minh mà không cần nói rõ lý do*".

Như vậy, Đồng minh là một hội kín được lập ra ngay trong nội bộ Quốc tế, có cương lĩnh riêng, hoàn toàn không phải là cương lĩnh của Quốc tế; là một hội nhằm tuyên truyền cái cương

lĩnh mà nó coi là cương lĩnh duy nhất cách mạng. Hội này giao nhiệm vụ cho hội viên của mình hoạt động trong nội bộ liên chi hội địa phương của họ của Quốc tế sao cho liên chi hội ấy không đi vào con đường phản động hoặc phản cách mạng, tức là không đi chệch cương lĩnh của Đồng minh về bất cứ vấn đề gì. Như thế có nghĩa là mục đích của Đồng minh là dựa vào tổ chức bí mật của mình mà áp đặt cương lĩnh có tính chất bè phái cho toàn thể Quốc tế. Thủ đoạn hiệu quả nhất để đạt tới mục đích đó là nắm chắc trong tay các hội đồng của các liên chi hội và các hội đồng địa phương và cả Tổng Hội đồng, bằng cách sử dụng lực lượng của tổ chức bí mật tìm cách bầu hội viên của Đồng minh vào những cơ quan ấy. Nơi nào mà Đồng minh thấy có khả năng giành được thắng lợi thì nó đã làm chính là như vậy; điều đó chúng ta sẽ thấy dưới đây:

Rõ ràng là không ai có thể hạch sách gì các hội viên của Đồng minh cả, nếu như họ<sup>1\*</sup> tuyên truyền cương lĩnh của mình. Quốc tế bao gồm những người xã hội chủ nghĩa với các màu sắc rất khác nhau. Cương lĩnh của Quốc tế khá rộng rãi đủ để bao hàm tất cả các màu sắc ấy, phái Ba-cu-nin được chấp nhận theo những điều kiện như là các phái khác. Nó bị chê trách chính là vì nó đã vi phạm những điều kiện đó.

Còn nói về tính chất bí mật của Đồng minh, thì đó hoàn toàn là một chuyện khác. Tại nhiều nước, ở Ba Lan, ở Pháp, ở Ai-rơ-len, các tổ chức bí mật đang là một thủ đoạn hợp pháp để chống lại sự khủng bố của các chính phủ, Quốc tế không thể coi thường điều đó. Nhưng Quốc tế đã tuyên bố tại Hội nghị đại biểu Luân Đôn rằng nó muốn vẫn cứ hoàn toàn không dính dáng với những đoàn thể đó, do đó, sẽ không thừa nhận những đoàn thể đó là chi hội của mình. Nhưng cái chính là ở đây chúng ta đang đứng trước một hội kín được lập ra không phải để chống các chính phủ, mà để chống lại bản thân Quốc tế.

1\* Trong bản thảo tiếp đó là những chữ đã bị xóa: "một cách công khai".

Tổ chức một hội kín như thế chẳng những là vi phạm rõ rệt nghĩa vụ đã cam kết đối với Quốc tế, mà còn vi phạm lời văn và tinh thần của Điều lệ chung<sup>1\*</sup> của chúng ta. Điều lệ của chúng ta chỉ thừa nhận một loại hội viên của Quốc tế mà tất cả họ đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Đồng minh thì chia hội viên thành hai loại: hội viên thân tín và hội viên không thân tín, quý tộc và bình dân; hơn nữa, số phận của loại hội viên sau là phải để cho loại hội viên trước lãnh đạo mình thông qua một tổ chức mà họ không biết về sự tồn tại của nó. Quốc tế yêu cầu hội viên của mình phải thừa nhận chân lý, chính nghĩa và đạo đức là cơ sở của hành vi của mình; Đồng minh thì lại bắt những người theo mình phải nói láo, giả vờ và lừa bịp làm nghĩa vụ hàng đầu, buộc họ phải lừa dối những hội viên không thân tín của Quốc tế, giấu giếm họ về sự tồn tại của tổ chức bí mật và cả động cơ, mục đích của những lời nói và hành động của mình. Những người sáng lập Đồng minh biết rất rõ rằng đông đảo quần chúng hội viên không được thân tín ấy của Quốc tế nếu mà biết được có một tổ chức như vậy thì chẳng đời nào họ tự giác phục tùng tổ chức đó. Đó là lẽ tại sao họ đã biến nó thành một tổ chức "hoàn toàn bí mật". Bởi vì, cần phải nhấn mạnh rằng tính chất bí mật của Đồng minh này không có mục đích che tai bịt mắt sự cảnh giác của các chính phủ, nếu không thì nó đã không bắt đầu sự tồn tại của mình với tư cách là một hội công khai; tính chất bí mật này<sup>2\*</sup> chỉ cốt lừa dối những hội viên không thân tín của Quốc tế, mà việc Đồng minh đã lừa dối Tổng Hội đồng một cách không xứng đáng, đã chứng minh điều đó. Vì vậy, đây là một âm mưu thật sự chống lại Quốc tế. Lần đầu tiên trong lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân chúng ta gặp phải một âm mưu bí mật ngay trong nội bộ giai cấp công nhân nhằm mục

1\* Trong bản thảo tiếp đó là những chữ đã bị xoá: "và Quy chế".

2\* Trong bản thảo tiếp đó là những chữ đã bị xoá: "sự thực đã chứng minh điều đó".

đích không phải phá huỷ cái chế độ bóc lột đang tồn tại, mà là phá hoại bản thân Hội liên hiệp đang tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết nhất chống lại chế độ đó.

Vả lại, thật là buồn cười nếu cho rằng một hội nào đó phải biến thành một hội kín để tự vệ tránh những sự truy nã của các chính phủ hiện hành, khi mà chính cái hội ấy lại tuyên truyền ở khắp nơi học thuyết có tác dụng làm suy yếu là chủ trương hoàn toàn không tham gia hoạt động chính trị, và tuyên bố trong cương lĩnh của mình (điều 3, lời mở đầu điều lệ bí mật) rằng hội

"bác bỏ bất cứ hành động cách mạng nào không lấy thắng lợi của sự nghiệp của công nhân chống tư bản làm mục đích trực tiếp và lập tức của mình".

Hoạt động của cái hội kín này trong nội bộ Quốc tế là như thế nào?

Câu hỏi đó đã được giải đáp một phần trong bản thông báo nội bộ của Tổng Hội đồng "*Cái gọi là những sự phân liệt...*". Nhưng vì lúc bấy giờ Tổng Hội đồng chưa biết rõ quy mô của tổ chức bí mật, và từ đó đến nay lại xảy ra rất nhiều sự kiện quan trọng, nên sự giải đáp như vậy có thể chỉ là một sự giải đáp rất không đầy đủ.

Trước tiên cần phải xác nhận rằng có thể phân chia dễ dàng hoạt động của Đồng minh thành hai giai đoạn. Thoạt đầu nó cho rằng nó sẽ nắm được Tổng Hội đồng, do đó nó sẽ chiếm được quyền lãnh đạo tối cao trong Hội liên hiệp của chúng ta. Chính hồi đó Đồng minh yêu cầu những người ủng hộ mình phải ủng hộ "tổ chức mạnh mẽ" của Quốc tế và trước hết phải ủng hộ

"thẩm quyền của Tổng Hội đồng, và cả của các hội đồng liên chi hội và các uỷ ban chấp hành trung ương".

Chính hồi đó các ngài trong Đồng minh tại Đại hội Ba-lơ đã đòi trao cho Tổng Hội đồng những thẩm quyền rộng rãi mà sau này họ lại bác bỏ một cách ghê tởm, coi đó là những quyền lực mang tính chất *cực quyền*.

Đại hội Ba-lơ đã phá vỡ, ít ra cũng trong một khoảng thời gian nào đó, niềm hy vọng của Đồng minh<sup>1\*</sup>. Sau đó Đồng minh lại suy tính những âm mưu đã được đề cập đến trong "*Cái gọi là những sự phân liệt*"; ở vùng Giuy-ra của Thụy Sĩ, ở I-ta-li-a và ở Tây Ban Nha nó không ngớt đem cương lĩnh riêng của mình đánh tráo cương lĩnh của Quốc tế. Hội nghị đại biểu Luân Đôn đã ra các nghị quyết về đường lối chính trị của giai cấp công nhân và về những chi hội bè phái chủ nghĩa để chấm dứt cái tình trạng qui pro quo<sup>2\*</sup> ấy trong Quốc tế. Đồng minh lập tức ngo ngoe hoạt động trở lại. Liên chi hội Giuy-ra, thành trì của Đồng minh ở Thụy Sĩ, đã ra bản thông báo Xông-vi-li-ê của mình phản đối Tổng Hội đồng; trong bản thông báo đó, tổ chức mạnh mẽ, quyền lực của Tổng Hội đồng, các nghị quyết Ba-lơ - do bản thân những người đã ký vào bản thông báo này đưa ra và bỏ phiếu thông qua - đều bị tuyên bố là những cái nghị quyết có tính chất *cực quyền chủ nghĩa*, - đây là một định nghĩa có lẽ đủ để lên án những nghị quyết đó một cách vô căn cứ; bản thông báo nói đến "chiến tranh, một cuộc chiến tranh công khai đã nổ ra trong hàng ngũ chúng ta", yêu cầu đem lại cho Quốc tế một hình thức tổ chức không phải thích hợp với những nhu cầu đấu tranh hiện nay, mà thích hợp với cái lý tưởng bí ẩn nào đó của xã hội tương lai v.v... Kể từ lúc này sách lược được thay đổi. Mệnh lệnh đã được ban ra. Hễ nơi nào Đồng minh có những chi nhánh, ở I-ta-li-a và đặc biệt là ở Tây Ban Nha, thì những nghị quyết cực quyền chủ nghĩa của Đại hội Ba-lơ và của Hội nghị đại biểu Luân Đôn, cũng như chủ nghĩa cực quyền của Tổng Hội đồng,

1\* Trong bản thảo tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "hoạt động của nó tập trung vào những âm mưu tại các địa phương. Nó vẫn còn rất yên tâm trước khi... Hội nghị đại biểu Luân Đôn có những nghị quyết về đường lối chính trị của giai cấp công nhân và về những chi hội bè phái chủ nghĩa, nhằm nhấn mạnh rằng cương lĩnh ban đầu của Quốc tế khác với cương lĩnh của Đồng minh".

2\* - lầm lẫn.

đều bị công kích một cách điên cuồng. Đâu đâu cũng chỉ bàn đến các chi hội tự trị, các nhóm liên hợp tự do, chủ nghĩa vô chính phủ, v.v.. Tất cả những điều đó rất là dễ hiểu. Ảnh hưởng của cái hội kín trong lòng Quốc tế tất nhiên phải được tăng lên theo đà suy yếu của tổ chức công khai của Quốc tế. Trở ngại quan trọng nhất trên con đường đi của Đồng minh là Tổng Hội đồng, chính vì vậy mà Tổng Hội đồng bị công kích trước tiên, nhưng bây giờ chúng ta sẽ thấy rằng nếu có cơ hội thuận lợi thì họ cũng đối xử như vậy với Hội đồng các liên chi hội.

Bản thông báo Giuy-ra chẳng gây được ảnh hưởng ở bất cứ chỗ nào, trừ những nước mà Quốc tế ít nhiều chịu ảnh hưởng của Đồng minh, như là ở I-ta-li-a và ở Tây Ban Nha. Ở Tây Ban Nha, Đồng minh và Quốc tế được thành lập cùng một lúc ngay sau Đại hội Ba-lơ. Thậm chí những hội viên trung thành nhất của Quốc tế ở Tây Ban Nha cũng bị họ làm cho phải tin rằng, cương lĩnh của Đồng minh đồng nhất với cương lĩnh của Quốc tế, rằng cái tổ chức bí mật ấy tồn tại khắp nơi và việc gia nhập tổ chức ấy tưởng như là nghĩa vụ của mỗi người. Sự lầm lẫn ấy sẽ được xoá bỏ bởi Hội nghị đại biểu Luân Đôn, tại hội nghị này, một đại biểu Tây Ban Nha<sup>1\*</sup>, mà bản thân là uỷ viên Ban Chấp hành trung ương của Đồng minh trong nước, đã có thể thấy rõ điều trái ngược lại; và sự lầm lẫn ấy còn được xoá bỏ bởi chính bản thân bản thông báo Giuy-ra mà những lời công kích điên cuồng và vu khống của nó đối với hội nghị đại biểu và đối với Tổng Hội đồng đã được toàn thể các cơ quan báo chí của Đồng minh phụ họa theo ngay tức khắc. Hậu quả thứ nhất của bản thông báo Giuy-ra ở Tây Ban Nha là việc xảy ra những sự bất đồng trong nội bộ của bản thân Đồng minh ở Tây Ban Nha, giữa những người trước hết là hội viên Quốc tế với những người không muốn thừa nhận Quốc tế, vì Quốc tế không phục tùng Đồng minh. Cuộc đấu tranh thoát đầu mang tính chất thâm kín, chẳng bao lâu bùng nổ công khai tại các hội nghị của Quốc tế. Sau khi Hội

1\* - A.Lo-ren-xô

đồng liên chi hội do hội nghị đại biểu ở Va-len-xi-a (tháng Chín năm 1874)<sup>179</sup> bầu ra, đã chứng minh bằng hành động của mình rằng nó muốn phục tùng Quốc tế, chứ không phục tùng Đồng minh, thì phần lớn số uỷ viên của hội đồng này đã bị khai trừ ra khỏi Liên chi hội địa phương của Ma-drít mà Đồng minh đã chiếm địa vị thống trị trong đó<sup>180</sup>. Họ đã được Đại hội Xa-ra-gốt phục hồi, trong số đó có hai người<sup>1\*</sup>, Mô-ra và Lo-ren-xô, lại được bầu vào Hội đồng liên chi hội mới<sup>2\*</sup>, mặc dù tất cả những uỷ viên của Hội đồng cũ đã tuyên bố trước rằng họ không muốn chấp nhận hai người này<sup>3\*</sup>.

Đại hội đại biểu Xa-ra-gốt<sup>181</sup> đã làm cho các vị cầm đầu Đồng minh lo ngại rằng có thể Tây Ban Nha sẽ tuột khỏi tay của họ, Đồng minh lập tức mở một chiến dịch chống thẩm quyền của Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha, lập lại những lời công kích mà bản thông báo Giuy-ra đã chĩa vào cái gọi là những thẩm quyền có tính chất cực quyền chủ nghĩa của Tổng Hội đồng. Ở Tây Ban Nha, một hình thức tổ chức hoàn toàn dân chủ, đồng thời lại rất rõ ràng rành mạch, đã được vạch ra trong đại hội đại biểu ở Bác-xê-lô-na<sup>182</sup> và trong hội nghị đại biểu ở Va-len-xi-a. Nhờ hoạt động của Hội đồng Liên chi hội được bầu ra ở Va-len-xi-a (hoạt động này đã được tán thành trong một cuộc bỏ phiếu riêng

1\* Trong bản thảo, tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "những thành viên tích cực nhất của nó".

2\* Trong bản thảo, tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "họp tại Va-len-xi-a".

3\* Trong bản thảo, tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "Đại hội chọn Va-len-xi-a làm trụ sở của Hội đồng liên chi hội với hy vọng rằng địa điểm này sẽ là một vùng trung lập và những vụ tranh chấp sẽ không còn xảy ra nữa. Nhưng trong số năm uỷ viên của Hội đồng liên chi hội mới có ba người là tay sai của Đồng minh, và do kết quả của việc chỉ định bổ sung uỷ viên, số người làm tay sai của Đồng minh ít ra cũng đã tăng lên đến năm người".

của đại hội) tổ chức này đã giành được những thành tích chói lọi mà bản báo cáo chung đã nói tới<sup>1\*</sup>. Ở Xa-ra-gốt, Mô-ra-gô - linh hồn của Đồng minh tại Tây Ban Nha - đã tuyên bố rằng những thẩm quyền trao cho Hội đồng liên chi hội trong tổ chức Tây Ban Nha là những thẩm quyền mang tính chất *cực quyền chủ nghĩa*, cần phải hạn chế những thẩm quyền ấy, cần phải tước đi của hội đồng ấy quyền được chấp nhận hoặc không chấp nhận những chi hội mới, tức là quyền quyết định xem điều lệ của các chi hội mới có phù hợp với điều lệ của liên chi hội hay không, nói tóm lại, quy vai trò của hội đồng thành vai trò của phòng thông tin và thống kê đơn thuần. Đại hội đã bác bỏ các đề nghị của Mô-ra-gô, quyết định vẫn duy trì hình thức tổ chức cực quyền hiện có (xem "Trích yếu các văn kiện của Đại hội đại biểu công nhân lần thứ hai" v.v., trang 109 và 110, văn kiện số 8<sup>183</sup>. Về điểm này, bằng chứng của ông La-phác-gơ, đại biểu tại Đại hội đại biểu Xa-ra-gốt, sẽ là một bằng chứng quan trọng).

Để Hội đồng Liên chi hội mới tránh xa những sự bất đồng đã xảy ra ở Ma-drít, đại hội đại biểu đã di chuyển nó tới Va-len-xi-a. Song, nguyên nhân của những sự bất đồng ấy, sự đối kháng đã bắt đầu phát triển giữa Đồng minh và Quốc tế, không phải là mang tính chất địa phương. Đại hội thậm chí không biết đến sự tồn tại của Đồng minh, nên đã thành lập một hội đồng mới chỉ gồm những thành viên của hội này; nhưng trong đó có hai người là Mô-ra và Lo-ren-xô, đã trở thành những người chống đối hội đồng, và Mô-ra đã từ chối tham gia hội đồng. Bản thông báo của Tổng Hội đồng "*Cái gọi là những sự phân liệt*" là một sự đáp lại bản thông báo Giuy-ra, và đã đặt toàn thể hội viên Quốc tế trước một tình hình phải tuyên bố mình theo Quốc tế hay là theo Đồng minh. Cuộc luận chiến giữa một bên là báo "Emancipacion" và một bên là các báo chí của phía Đồng minh, tờ "Federacion"

1\* Xem tập này, tr.175-187.

ở Bác-xê-lô-na và tờ "Razon" ở Xê-vi-li-a ngày càng trở nên gay gắt. Cuối cùng, ngày 2 tháng Sáu các uỷ viên của Hội đồng Liên chi hội cũ - các biên tập viên tờ "Emancipacion" và các uỷ viên Ban Chấp hành trung ương Đồng minh ở Tây Ban Nha - đã quyết định đưa ra một thông báo gửi tất cả các chi hội Đồng minh ở Tây Ban Nha, trong đó họ tuyên bố rằng họ tự giải tán với tư cách chi hội của hội kín và kêu gọi các chi hội khác cũng theo gương họ. Sự trả thù không chậm trễ. Họ lập tức lại bị đuổi ra khỏi Liên chi hội địa phương ở Ma-đrít, và điều này cũng rõ ràng là vi phạm quy chế hiện hành. Khi đó họ đã tổ chức ra một Liên chi hội Ma-đrít và đề nghị Hội đồng Liên chi hội thừa nhận họ.

Nhưng lúc bấy giờ, thành phần của Đồng minh trong hội đồng - do việc chỉ định bổ sung mà được củng cố thêm - đã giành được địa vị thống trị hoàn toàn, và Lo-ren-xô đã rút lui khỏi hội đồng này. Đề nghị của Liên chi hội Ma-đrít mới đã bị Hội đồng Liên chi hội kiên quyết bác bỏ, vì khi đó Hội đồng Liên chi hội đã tập trung mọi cố gắng để bảo đảm việc bầu các ứng cử viên của Đồng minh đắc cử làm đại biểu đi dự Đại hội La Hay. Với mục đích đó, Hội đồng đã gửi cho các liên chi hội địa phương một bản thông tri mật đề ngày 7 tháng Bảy, trong đó nhắc lại lời vu cáo của báo "Federacion" đối với Tổng Hội đồng, đề nghị các liên chi hội cử đến đại hội một đoàn đại biểu chung của toàn Tây Ban Nha, được bầu ra bằng đa số phiếu; danh sách của những người trúng cử sẽ do bản thân hội đồng xác định (văn kiện số 9). Đối với tất cả những ai biết được cái tổ chức bí mật đang tồn tại trong nội bộ Quốc tế, thì thấy rõ ràng điều đó có nghĩa là phải bầu các ngài trong Đồng minh để cử các ngài đi dự đại hội bằng tiền của hội viên Quốc tế. Vốn dĩ không nhận được bản thông tri, Tổng Hội đồng khi biết được những sự việc đó<sup>1\*</sup>, ngày 24

1\* Trong bản thảo, tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "Đây chính là lúc mà nó có được những bằng chứng không thể bác bỏ về sự tồn tại của tổ chức bí mật".

tháng Bảy đã gửi cho Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha một bức thư đính kèm theo văn kiện<sup>1\*</sup> (số 10). Ngày 1 tháng Tám Hội đồng Liên chi hội<sup>2\*</sup> đã trả lời rằng cần phải có thời gian để dịch bức thư của chúng tôi viết bằng tiếng Pháp; ngày 3 tháng Tám Hội đồng này viết cho Tổng Hội đồng một bức thư trả lời quanh co đăng trên tờ "Federacion" (văn kiện số 11). Trong thư trả lời này, họ bắt đầu đứng về phía Đồng minh. Sau khi nhận được bức thư đề ngày 1 tháng Tám, Tổng Hội đồng đã công bố bức thư này trên tờ "Emancipacion".

Xin nói thêm rằng tổ chức bí mật vừa mới bị vạch trần, thì người ta đã cả quyết nói rằng Đồng minh đã bị giải tán tại Đại hội ở Xa-ra-gốt rồi. Thế nhưng Ban Chấp hành Trung ương không được thông báo trước về điều này (văn kiện số 4).

Liên chi hội Ma-đrít mới phủ nhận sự việc đó, mà lẽ ra thì nó phải biết sự việc đó. Và lại, thật là điều nực cười khi khẳng định rằng, chi hội Tây Ban Nha của một hội có tính chất quốc tế như là Đồng minh lại có thể tự giải tán, mà không bàn bạc với các chi hội các nước khác.

Ngay liền sau đó, Đồng minh đã mưu toan làm coup d'état<sup>3\*</sup>. Xét thấy rằng tại Đại hội La Hay, Đồng minh không thể bảo đảm được cho mình một đa số giả tạo bằng cách diễn lại những mảnh khoé như ở Ba-lơ và Sô-dơ-Phôn<sup>184</sup>, cho nên Đồng minh đã lợi dụng hội nghị đại biểu của cái liên chi hội I-ta-li-a tự xưng họp tại Ri-mi-ni để công khai tuyên bố sự phân liệt. Các đại biểu họp ở đây đã nhất trí thông qua một nghị quyết (xem văn kiện số 12). Và như vậy là đại hội của Đồng minh đối chọi lại với đại hội đại biểu của Quốc tế. Nhưng họ đã sớm nhận thấy rằng kế hoạch

1\* Xem tập này, tr. 165 - 168.

2\* Trong bản thảo tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "ban đầu ra sức tranh thủ thời gian tuồng như đã tuyên bố".

3\* cuộc đảo chính

đó không hứa hẹn mang lại kết quả. Cho nên họ từ bỏ kế hoạch đó, quyết định đi đến La Hay; chính bản thân những chi hội I-ta-li-a ấy - trong hai mươi một chi hội *chỉ có một* chi hội thuộc về Hội liên hiệp chúng ta - sau khi đã phủ nhận Đại hội đại biểu La Hay, lại mặt dày mày dạn cử đại biểu của họ đến La Hay.

Xét rằng:

1) Đồng minh (cơ quan chủ yếu của nó là uỷ ban trung ương Liên chi hội Giuy-ra) do M.Ba-cu-nin lập ra và lãnh đạo, là một đoàn thể đối địch với Quốc tế, bởi vì nó đáng ra sức làm cho Quốc tế phải phục tùng sự thống trị của nó, hoặc là phá hoại Quốc tế.

2) Do đó Quốc tế và Đồng minh không thể dung hợp với nhau  
Đại hội quyết định:

1) Khai trừ M. Ba-cu-nin và tất cả hội viên hiện có của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa ra khỏi Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Họ có thể gia nhập lại Hội liên hiệp công nhân quốc tế, nếu chấp nhận công khai từ bỏ mọi liên hệ với cái hội kín ấy.

2) Khai trừ Liên chi hội Giuy-ra, với tư cách là một hội như thế, ra khỏi Quốc tế.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng  
Tám 1872*

*Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga  
trong C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập,  
xuất bản lần thứ nhất, t.XIII, phần II,  
năm 1940*

*In theo bản thảo viết tay  
Nguyên văn là tiếng Pháp*

## C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN THỂ HỘI LIÊN HIỆP HỢP Ở LA HAY NGÀY 2 -7 THÁNG CHÍN 1872<sup>185</sup>

### I NGHỊ QUYẾT VỀ ĐIỀU LỆ

Sau điều 7 trong Điều lệ phải ghi thêm một điều sau đây tóm tắt nội dung nghị quyết của Hội nghị đại biểu lần thứ IX ở Luân Đôn (tháng Chín 1871).

*Điều 7<sup>a</sup>.* Trong cuộc đấu tranh của mình chống quyền lực liên hợp của các giai cấp hữu sản, giai cấp công nhân, chỉ khi được tổ chức thành một chính đảng độc lập với tất cả các chính đảng cũ do các giai cấp hữu sản lập nên, thì mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp.

Việc tổ chức như vậy giai cấp công nhân thành một chính đảng là cần thiết để bảo đảm thắng lợi của cách mạng xã hội và giành được mục đích cuối cùng của nó là thủ tiêu các giai cấp.

Sự thống nhất các lực lượng của giai cấp công nhân đã đạt được thông qua đấu tranh kinh tế, cũng phải trở thành đòn bẩy trong cuộc đấu tranh của nó chống quyền lực chính trị của những kẻ bóc lột nó.

Vì bọn trùm ruộng đất và trùm tư bản luôn luôn lợi dụng đặc quyền chính trị của mình để bảo vệ và duy trì mãi mãi những

độc quyền kinh tế của chúng và để nô dịch lao động, cho nên việc chiếm đoạt quyền lực chính trị đã trở thành một nghĩa vụ vĩ đại của giai cấp vô sản.

Đã được thông qua với 29 phiếu tán thành, 5 phiếu chống, 8 phiếu trắng. Những người bỏ phiếu tán thành: Ác-nô, I.Ph.Béch-cơ, B.Béch-cơ, Cu-rơ-nơ, Đê-rô-rơ, Duy-mông, Duy-pông, Duy-va-lơ, Éch-ca-ri-út, Ăng-ghen, Phác-ca-sơ, Phrít-len-đơ, Phran-ken, Héc-nét, Hây-mơ, Giô-an-na-rơ, Cu-ghen-man, La-phác-gơ, Lông-ghê, Lơ Mút-xuy, Mốt-tơ-xhết, Pin, Ran-vi-e, Xê-rai-ơ, Doóc-gơ, Xvác-mơ, Vai-ăng, Vin-mô, Mác-Đô-nen.

Những người bỏ phiếu chống: Bri-xmen, Cô-nen, Ghéc-hác, Xvít-xguê-ben, Vác-đéc Hô-út.

Những người bỏ phiếu trắng: Van-den A-be-lơ, Đan-vơ, Ê-béc-hác, Phlu-dơ, Ghi-ôm, Héc-man, Xô-va, Mác-xê-lau.

Đại hội đã thông qua một quyết định chính thức về việc thừa nhận hiệu lực của những phiếu của các đại biểu vì bận công tác trong các tiểu ban nên không thể tham gia phiên họp. Những đại biểu sau đây bỏ phiếu tán thành: Cu-nô, Lu-ken, Mác, Vi-sác, Van-téc, Vru-bơ-lép-xki; tổng cộng là 6 phiếu, không nhận được phiếu nào phản đối<sup>1\*</sup>.

## II

### NGHỊ QUYẾT VỀ QUY CHẾ

#### 1. Quyền hạn của Tổng Hội đồng

Trong phần II, điều 2 và điều 6 được thay bằng những điều khoản sau đây:

---

<sup>1\*</sup> Trong bản thảo của Ăng-ghen, tiếp đó là một đoạn đã bị xóa: "Vì nghị quyết được hơn hai phần ba số phiếu tán thành, cho nên theo Điều 12 của Điều lệ chung, từ nay nghị quyết trở thành một phần của Điều lệ chung".

*Điều 2:* - Tổng Hội đồng có trách nhiệm thực hiện các nghị quyết của Đại hội và theo dõi trong mỗi nước việc tuân thủ nghiêm chỉnh những nguyên tắc của Điều lệ và Quy chế chung của Quốc tế.

*Điều 6:* - Tổng Hội đồng cũng có quyền tạm thời khai trừ các phân bộ, các chi hội, các hội đồng liên chi hội hoặc các ban chấp hành và các liên chi hội của Quốc tế cho đến Đại hội kỳ tới.

Tuy nhiên, đối với những chi hội thuộc thành phần của một liên chi hội nào đó, thì Tổng Hội đồng chỉ sử dụng quyền ấy sau khi đã nghe ý kiến trước của hội đồng liên chi hội ấy.

Trong trường hợp giải tán hội đồng liên chi hội thì Tổng Hội đồng phải đồng thời đề nghị với các chi hội của liên chi hội, trong thời hạn không quá 30 ngày, cử ra một hội đồng liên chi hội mới.

Trong trường hợp tạm thời khai trừ cả một liên chi hội thì Tổng Hội đồng phải lập tức thông báo việc đó cho tất cả các liên chi hội. Nếu đa số các liên chi hội yêu cầu thì Tổng Hội đồng trong thời hạn không chậm quá 1 tháng phải triệu tập hội nghị đại biểu bất thường, cứ mỗi dân tộc có một đại biểu tham gia, và hội nghị sẽ ra quyết định cuối cùng đối với các vấn đề còn tranh luận.

Nhưng cố nhiên, những nước mà ở đó Quốc tế bị cấm, cũng được hưởng những quyền như những liên chi hội đang tồn tại một cách hợp pháp.

Điều 2 - được thông qua với 40 phiếu thuận, 4 phiếu chống; 11 phiếu trắng.

Những người bỏ phiếu tán thành: Ác-nô, Ba-ri, I.Ph.Béch-cơ, B.Béch-cơ, Cu-rơ-nơ, Cu-nô, Đê-rô-rơ, Duy-mông, Duy-pông, Duy-va-lơ, Ăng-ghen, Phác-ca-sơ, Phran-ken, Phrít-len-đơ, Héc-nét, Hây-mơ, Giô-an-na-rơ, Cu-ghen-man, La-phác-gơ, Le-xnơ, Lơ Mút-xuy, Lông-ghê, Lu-ken, Mác-Đô-nen, Mác, Min-cơ, Pin, Ran-vi-e,



Rốt-chơ, Xô-va, Sây, Xê-rai-ơ, Xéc-xtôn, Doóc-gơ, Xvác-mơ, Su-mác-sơ, Vai-ăng, Vi-sác, Van-téc, Vru-bơ-lép-xki.

Những người bỏ phiếu chống: Phlu-dơ, Ghéc-hác, Xpơ-len-gác, Van-đéc Hô-út.

Những người bỏ phiếu trắng: A-le-ri-ni, Cô-nen, Đa-vơ, Ê-béc-hác, Ghi-ôm, Héc-man, Mô-ra-gô, Mác-xê-lau, Phác-ga Pê-li-xéc, Svít-xguê-ben, Van-đen A-be-lơ.

Điều 6 - được thông qua với 36 phiếu thuận, 6 phiếu chống; 16 phiếu trắng.

Những người bỏ phiếu tán thành: Ác-nô, Ba-ri, I.Ph.Béch-cơ, B.Béch-cơ, Cu-rơ-nơ, Cu-nô, Đê-rô-nơ, Duy-pông, Duy-va-lơ, Ăng-ghen, Phác-ca-sơ, Phran-ken, Phrít-len-đơ, Héc-nét, Hây-mơ, Giô-an-na-rơ, Cu-ghen-man, La-phác-gơ, Le-xnơ, Lơ Mút-xuy, Lông-ghê, Lút-vích, Mác-Đô-nen, Mác, Min-cơ, Pin, Ran-vi-e, Xê-rai-nơ, Su-mác-sơ, Xéc-xtôn, Doóc-gơ, Xvác-mơ, Vai-ăng, Vi-sác, Van-téc, Vru-bơ-lép-xki.

Những người bỏ phiếu chống: Bri-xme, Cô-nen, Phlu-dơ, Héc-man, Xô-va, Xpơ-len-gác.

Những người bỏ phiếu trắng: A-le-ri-ni, Xi-rin, Đa-vơ, Duy-mông, Ê-béc-hác, Ghi-ôm, Lu-ken, Mác-xê-lau, Mô-ra-gô, Mốt-tơ-xhết, Phác-ga Pê-li-xéc, Rốt-chơ, Svít-xguê-ben, Van-đen A-be-lơ, Van-đéc Hô-út, Vin-mô.

## 2. Về hội phí phải nộp cho Tổng Hội đồng

Vì có những thư yêu cầu gửi đến, một mặt, có ý kiến đòi tăng hội phí, mặt khác lại có ý kiến đòi giảm hội phí, đại hội phải quyết định: có nên sửa đổi mức hội phí hiện hành là 10 xăng-tim mỗi năm, hay là vẫn giữ mức hội phí đó. Đại hội đã quyết định vẫn giữ mức hội phí 10 xăng-tim, bằng 17 phiếu thuận, 12 phiếu chống, 8 phiếu trắng.

Những người bỏ phiếu chống việc sửa đổi mức hội phí: I.Ph.Béch-cơ, Bri-xme, Cô-nen, Xi-rin, Duy-pông, Duy-va-lơ, Ê-béc-hác, Éch-ca-ri-út, Phác-ca-sơ, Phlu-dơ, Ghéc-hác, Héc-man, Héc-nét, Xê-rai-ơ, Doóc-gơ, Xvác-mơ, Vin-mô.

Những người bỏ phiếu tán thành sửa đổi mức hội phí: Duy-mông, Ăng-ghen, Phran-ken, Hây-mơ, Giô-an-na-rơ, La-phác-gơ, Lơ Mút-xuy, Lông-ghê, Lu-ken, Mác-Đô-nen, Pin, Xô-va.

Những người bỏ phiếu trắng: A-le-ri-ni, Đa-vơ, Đê-rô-rơ, Ghi-ôm, Mác-xê-lau, Mô-ra-gô, Phác-ga Pê-li-xéc, Svít-xguê-ben.

Những đại biểu sau đây buộc phải rời La Hay trước khi thảo luận vấn đề này, đã bỏ phiếu bằng cách viết thư tán thành việc tăng hội phí: Ác-nô, Cu-rơ-nơ, Ran-vi-e, Vai-ăng.

### III NGHỊ QUYẾT VỀ MỐI LIÊN HỆ QUỐC TẾ GIỮA CÁC ĐOÀN THỂ PHẢN KHÁNG

Đặc biệt uỷ nhiệm cho Tổng Hội đồng mới tiến hành việc thành lập các nghiệp đoàn quốc tế.

Với mục đích đó, trong vòng một tháng sau đại hội, Tổng Hội đồng phải thảo lời kêu gọi, dịch ra và in bằng tất cả các thứ tiếng và gửi cho tất cả các đoàn thể công nhân đã gia nhập Quốc tế hoặc chưa gia nhập Quốc tế, mà Tổng Hội đồng biết rõ địa chỉ.

Trong lời kêu gọi này Hội đồng phải kêu gọi tất cả các đoàn thể công nhân thành lập hội liên hiệp quốc tế theo ngành nghề.

Mỗi đoàn thể công nhân sẽ được tự mình quyết định những điều kiện mà nó có thể gia nhập nghiệp đoàn quốc tế tương ứng.

Giao cho Tổng Hội đồng thu thập tất cả những điều kiện được nêu ra bởi các đoàn thể đồng ý với chủ trương thành lập Hội liên

hiệp quốc tế, và thảo ra một đề án chung để đề nghị với các đoàn thể muốn gia nhập các nghiệp đoàn quốc tế, hãy tạm thời chấp nhận đề án ấy.

Đại hội sắp tới sẽ phê chuẩn điều lệ chính thức của các hội liên hiệp quốc tế.

Đã được nhất trí thông qua, trừ một vài người bỏ phiếu trắng, số lượng những người này không được ghi vào biên bản.

#### IV

### NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC KẾT NẠP VÀ KHAI TRỪ CÁC CHI HỘI

Tiểu ban kiểm tra tư cách đại biểu được thành lập như sau: Ghéc-hác (50 phiếu), Ran-vi-e (44 phiếu), Rốt-chơ (41 phiếu), Mác (41 phiếu), Mác-Đô-nen (39 phiếu), Đê-rô-rơ (36 phiếu), Phran-ken (22 phiếu).

1. *Chi hội số 2* (Niu Oóc, chi hội người Pháp) của *Liên chi hội Bắc Mỹ*. - Chi hội này đã bị Hội đồng Liên chi hội nước Mỹ khai trừ. Tổng Hội đồng cũng không thừa nhận nó là một chi hội độc lập. Đại hội cũng không chấp nhận chi hội này tham gia. Có 38 phiếu phản đối việc tham gia của chi hội này, 9 phiếu tán thành, 11 phiếu trắng.

2. *Chi hội số 12* (Niu Oóc, chi hội người Mỹ) của *Liên chi hội Bắc Mỹ*, tạm thời bị khai trừ bởi Tổng Hội đồng<sup>1\*</sup>.

Trong quá trình thảo luận vấn đề giấy chứng nhận tư cách đại biểu của chi hội số 12, các đại biểu đã thông qua đề nghị sau đây với 47 phiếu thuận, không có phiếu chống, 9 phiếu trắng:

"Hội liên hiệp công nhân quốc tế dựa trên nguyên tắc xoá bỏ giai cấp, không thể tiếp nhận bất cứ chi hội tư sản nào".

Những người bỏ phiếu tán thành: Ác-nô, I-Ph.Béch-cơ, Ba-ri, Bri-xme, Cu-rơ-nơ, Cu-nô, Cô-nen, Đa-vơ, Đê-rô-rơ, Đì-xơ-ghen, Đuy-pông, Đuy-van, Ê-béc-hác, Phlu-dơ, Phác-ca-sơ, Phran-ken, Phrít-len-đơ, Ghi-ôm, Ghéc-hác, Hây-mơ, Héc-nét, Héc-man, Giô-an-na-rơ, Cu-ghen-man, La-phác-gơ, Lơ Mút-xuy, Le-xnơ, Lu-ken, Mác, Min-cơ, Mốt-tơ-xhết, Pin, Ran-vi-e, Xô-va, Sây, Su-mác-sơ, Xê-rai-ơ, Xéc-xtôn, Doóc-gơ, Xpơ-len-gác, Xvác-mơ, Vai-ăng, Vi-sác, Vin-mô, Vru-bơ-lép-xki, Van-téc, Van-đen A-be-lơ.

Những người bỏ phiếu trắng: A-le-ri-ni, Éch-ca-ri-út, Hác-cốt, Mác-xê-lau, Mô-ra-gô, Phác-ga Pê-li-xác, Rốt-chơ, Svít-xguê-ben, Van-đéc Hô-út.

Chi hội số 12 bị khai trừ với 49 phiếu thuận, không có phiếu chống, 9 phiếu trắng

Những người bỏ phiếu tán thành Ác-nô, I-Ph.Béch-cơ, Ba-ri, Bri-xme, Cu-rơ-nơ, Cô-nen, Cu-nô, Đa-vơ, Đê-rô-rơ, Đì-xơ-ghen, Đuy-mông, Đuy-pông, Đu-va-lơ, Ê-béc-hác, Phlu-dơ, Phác-ca-sơ, Phran-ken, Phrít-len-đơ, Ghéc-hác, Hây-mô, Héc-nét, Héc-man, Giô-an-na-rơ, Cu-ghen-man, La-phác-gơ, Lơ Mút-xuy, Le-xnơ, Lu-ken, Mác-Đô-nen, Mác, Min-cơ, Pin, Ran-vi-e, Rốt-chơ, Xô-va, Sây, Su-mác-sơ, Xê-rai-ơ, Xéc-xtôn, Doóc-gơ, Xpơ-len-gác, Xvác-mơ, Vai-ăng, Van-đen A-be-lơ, Van-đéc Hô-út, Vi-sác, Vin-mô, Vru-bơ-lép-xki, Van-téc.

Những người bỏ phiếu trắng: A-le-ri-ni, Éch-ca-ri-út, Ghi-ôm, Hác-cốt, Mác-xê-lau, Mô-ra-gô, Phác-ga Pê-li-xéc, Mốt-tơ-xhết, Svít-xguê-ben.

3. *Chi hội Mác-xây*. - Chi hội này thì Tổng Hội đồng và những chi hội Pháp có quan hệ thư từ với Tổng Hội đồng đều hoàn toàn không biết đến, nên không được chấp nhận. Có 38 phiếu phản đối việc chấp nhận chi hội này, không ai tán thành, có 14 phiếu trắng.

1\* Xem tập này, tr.73.

4. *Chi hội tuyên truyền và hành động cách mạng Giơ-ne-vơ.* - Chi hội này, chẳng qua là sự sống lại của chi hội Giơ-ne-vơ Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa (công khai) bị giải tán vào tháng Tám 1871, chi hội này không được Hội đồng Liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man thừa nhận, cũng không được Tổng Hội đồng thừa nhận; Tổng Hội đồng đã trả lại cho chi hội này khoản hội phí mà Ban chấp hành Liên chi hội Giuy-ra đã gửi đến. Đại hội quyết định tạm thời khai trừ chi hội này cho đến khi kết thúc việc thảo luận vấn đề về *Đồng minh bí mật*<sup>1\*</sup>. Việc tạm thời khai trừ đã được biểu quyết nhất trí thông qua, có một vài người bỏ phiếu trắng, số người này không được ghi lại.

5. *Liên chi hội Ma-đrít mới.* - Liên chi hội Ma-đrít mới được lập ra bởi những uỷ viên của Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha trước kia, những uỷ viên này do đã vạch trần âm mưu của Đồng minh bí mật chống Hội liên hiệp công nhân quốc tế mà bị khai trừ ra khỏi Liên chi hội Ma-đrít cũ, việc khai trừ ấy là sự sai phạm rõ rệt quy chế hiện hành; ban đầu Liên chi hội này đã yêu cầu lên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha, nhưng hội đồng này đã từ chối kết nạp nó. Lúc bấy giờ, nó yêu cầu lên Tổng Hội đồng<sup>2\*</sup>. Tổng Hội đồng đã tự mình chịu trách nhiệm<sup>3\*</sup> thừa nhận nó, không cần thoả thuận với Hội đồng liên chi hội Tây

1\* Trong bản thảo của Ăng-ghen, tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "Đại hội buộc phải kết thúc công việc của mình ngay sau cuộc thảo luận này, nên đã không giải quyết được vấn đề đó".

2\* Trong bản thảo của Ăng-ghen, tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "Tổng Hội đồng đã thừa nhận nó, không hỏi trước ý kiến của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha như Quy chế tổ chức đã quy định. Trong trường hợp này Tổng Hội đồng đã tự mình chịu trách nhiệm mà hành động không tuân theo Quy chế, bởi vì Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha có 8 uỷ viên thì ít nhất có 5 người là thành viên của Đồng minh bí mật. Chính vì vụ vạch trần âm mưu ấy chống Hội liên hiệp công nhân quốc tế nên những thành viên ấy muốn khai trừ Liên chi hội Ma-đrít mới.

3\* Xem tập này, tr.169.

Ban Nha, vì trong tám uỷ viên Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha, ít ra có năm người là thành viên của Đồng minh bí mật.

Đại hội đại biểu đã chấp nhận liên chi hội này với 40 phiếu thuận, không có phiếu chống; có một vài người bỏ phiếu trắng, số người này không được ghi lại.

## V

### KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG

Tiểu ban được đại hội bầu ra để kiểm tra báo cáo tài chính của Tổng Hội đồng (trong những năm 1871 - 1872) gồm những vị sau đây: Duy-mông, đại biểu nước Pháp; A-le-ri-ni, đại biểu Tây Ban Nha; Phác-ca-sơ, đại biểu Áo và Hung-ga-ri, Bri-xme, đại biểu Bỉ; La-phác-gơ đại biểu Liên chi hội Ma-đrít mới và Bồ Đào Nha; Pin, đại biểu Đan Mạch; I.Ph.Béch-ơ, đại biểu Thụy Sĩ vùng nói tiếng Đức; Duy-va-lơ, đại biểu Liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man (Thụy Sĩ); Svít-xguê-ben, đại biểu Liên chi hội Giuy-ra (Thụy Sĩ); Đa-vơ, đại biểu Hà Lan; Đê-rô-rơ, đại biểu nước Mỹ; Cu-nô, đại biểu nước Đức.

Bản báo cáo tài chính trình cho tiểu ban này đã được toàn thể uỷ viên tiểu ban duyệt y và ký tên, trừ Đa-vơ vắng mặt.

Bản báo cáo tài chính, sau khi tuyên đọc, đã được đại hội nhất trí chuẩn y.

## VI

### NHỮNG QUYỀN HẠN DO TỔNG HỘI ĐỒNG VÀ CÁC HỘI ĐỒNG LIÊN CHI HỘI TRAO CHO

Đại hội quyết định "xoá bỏ mọi quyền hạn do Tổng Hội đồng cũng như do các hội đồng liên chi hội trao cho hội viên của Quốc tế trong những nước mà Quốc tế bị cấm, và trao cho Tổng Hội

đồng mới quyền hạn tuyệt đối được cử những đại diện toàn quyền của Hội liên hiệp công nhân quốc tế quốc tế tại những nước ấy".

Đã được nhất trí thông qua, chỉ có một vài người bỏ phiếu trắng, số người này không được ghi lại.

## VII NGHỊ QUYẾT VỀ ĐỒNG MINH

Tiểu ban được giao nhiệm vụ điều tra hoạt động của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa (bí mật) gồm có các vị: Cu-nô (33 phiếu), Lu-ken (24 phiếu), Xpơ-len-gác (31 phiếu), Vi-sác (30 phiếu), Van-téc (29 phiếu).

Trong bản báo cáo trình lên đại hội, đa số của tiểu ban này đã tuyên bố với đại hội rằng "Đồng minh bí mật được lập ra căn cứ theo một điều lệ hoàn toàn trái với Điều lệ của Quốc tế", và kiến nghị:

khai trừ Mi-kha-in Ba-cu-nin ra khỏi Quốc tế, vì người này là kẻ sáng lập ra Đồng minh và còn vì hành vi của cá nhân ông ta;

khai trừ Ghi-ôm và Xvít-xguê-ben là thành viên của Đồng minh;

khai trừ B.Ma-lông Bau-xơ<sup>1)</sup> (thư ký sở cảnh sát Bê-di-e ở nước Pháp) và Lu-i Mác-san đã bị vạch tội có hành vi nhằm mục đích phá hoại Hội liên hiệp công nhân quốc tế;

coi A-le-ri-ni, Mác-xê-lau, Mô-ra-gô, Phác-ga Pê-li-xéc và Giu-cốp-xki là những người không dính dáng đến việc này vì họ đã chính thức tuyên bố rằng họ không còn thuộc về Đồng minh nữa.

1) Tiểu ban không biết rằng ông Bau-xơ đã bị Tổng Hội đồng ra quyết định chính thức khai trừ theo yêu cầu của chi hội này.

Ủy quyền cho tiểu ban công bố những văn kiện mà tiểu ban đã căn cứ vào đó để đưa ra kết luận.

Đại hội quyết định:

1. Khai trừ Mi-kha-in Ba-cu-nin. Có 27 phiếu thuận, 6 phiếu chống, 7 phiếu trắng.

Những người bỏ phiếu tán thành: I.Béch-cơ, Cu-nô, Đê-rô-rơ, Duy-mông, Duy-pông, "Đuy-van, Ăng-ghen, Phác-ca-sơ, Phran-ken, Hây-mơ, Héc-nét, Giô-an-na-rơ, Cu-ghen-man, La-phác-gơ, Lơ Mút-xuy, Lông-ghê, Lu-ken, Mác-Đô-nên, Mác, Pin, Xê-rai-ơ, Doóc-gơ, Xvác-mơ, Vi-sác, Vin-mô, Van-téc, Vru-bơ-lép-xki.

Những người bỏ phiếu chống: Bri-xme, Đa-vơ, Phlu-dơ, Héc-man, Cô-nen, Van-đen A-be-lơ.

Những người bỏ phiếu trắng: A-le-ri-ni, Ghi-ôm, Mác-xê-lau, Mô-ra-gô, Xô-va, Xpơ-len-gác, Svít-xguê-ben.

2. Khai trừ Ghi-ôm: có 25 phiếu thuận, 9 phiếu chống; 8 phiếu trắng.

Những người bỏ phiếu thuận: I.Ph.Béch-cơ, Cu-nô, Duy-mông, Duy-pông, Đuy-van, Ăng-ghen, Phác-ca-sơ, Phran-ken, Hây-mơ, Héc-nét, Giô-an-na-rơ, Cu-ghen-man, La-phác-gơ, Lơ Mút-xuy, Lông-ghê, Lu-ken, Mác, Pin, Xê-rai-ơ, Doóc-gơ, Xvác-mơ, Vi-sác, Van-téc, Vin-mô, Vru-bơ-lép-xki.

Những người bỏ phiếu chống: Bri-xmê, Xi-rin, Đa-vơ, Phlu-dơ, Héc-man, Cô-nen, Xô-va, Xpơ-len-gác, Van-đen A-be-lơ.

Những người bỏ phiếu trắng: A-le-ri-ni, Đê-rô-rơ, Phrít-lên-đơ, Mác-Đô-nen, Mác-xê-lau, Mô-ra-gô, Phác-ga Pê-li-xéc, Xvít-xguê-ben.

3. Không khai trừ Xvít-xguê-ben. Có 15 phiếu tán thành khai trừ, 16 phiếu phản đối khai trừ; 7 phiếu trắng.

Những người bỏ phiếu tán thành khai trừ: I.Ph. Béch-cơ, Cu-nô, Duy-mông, Ăng-ghen, Phác-ca-sơ, Hây-mơ, Héc-nét, Cu-ghen-man, Lơ Mút-xuy, Mác, Pin, Xpơ-len-gác, Van-téc, Vi-sác, Vru-bơ-lép-xki.

Những người bỏ phiếu phản đối khai trừ: Bri-xme, Cô-nen, Xi-rin, Đa-vơ, Đê-rô-rơ, Duy-pông, Phlu-dơ, Phran-ken, Héc-man, Giô-an-na-rơ, Lông-ghe, Xô-va, Xê-rai-ơ, Xvác-mơ, Vin-mô, Van-den A-be-lơ.

Những người bỏ phiếu trắng: Duy-va-lơ, La-phác-gơ, Lu-ken, Mác-Đô-nen, Mác-xê-lau, Mô-ra-gô, Phác-ga Pê-li-xéc.

4. Không biểu quyết đối với những kiến nghị khác của tiểu ban về việc khai trừ. Điểm này được nhất trí thông qua, chỉ một vài người bỏ phiếu trắng.

5. Công bố những văn kiện có liên quan đến Đồng minh. Điểm này được nhất trí thông qua, chỉ một vài người bỏ phiếu trắng.

Cần phải nêu rõ rằng một cuộc bỏ phiếu này về Đồng minh đã được tiến hành sau khi rất đông các đại biểu Pháp<sup>1\*</sup> và Đức buộc phải ra đi.

## VIII

### TRỤ SỞ VÀ THÀNH PHẦN CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG TƯƠNG LAI

1. Biểu quyết về vấn đề thay đổi trụ sở của Tổng Hội đồng. Có 26 phiếu tán thành thay đổi trụ sở, 23 phiếu phản đối; 9 phiếu trắng.

Những người bỏ phiếu tán thành: Ba-ri, I.Ph. Béch-cơ, Bri-xme, Cu-nô, Đa-vơ, Duy-mông, Duy-pông, Ăng-ghen, Hác-cốt, Giô-an-na-rơ, Cu-ghen-man, La-phác-gơ, Le-xnơ, Lơ Mút-xuy, Lông-ghe, Mác-Đô-nen, Mác, Rốt-chơ, Xô-va, Xê-rai-ơ, Xéc-xtôn, Doóc-gơ, Xvác-mơ, Vi-sác, Van-den A-be-lơ, Vru-bơ-lép-xki.

Những người bỏ phiếu chống: Ác-nô, B.Béch-cơ, Cu-rơ-nơ, Đê-rô-rơ, Héc-nét, Héc-man, Lu-ken, Lút-vích, Min-cơ, Pin, Ran-vi-e, Su-mác-sơ, Xpơ-len-gác, Vai-ăng, Vin-mô, Van-téc, Van-đéc Hô-út.

1\* Trong bản thảo của Ăng-ghen tiếp đó là chữ "Anh".

Những người bỏ phiếu trắng: Xi-rin, Ê-béc-hác, Phlu-dơ Ghi-ôm, Mác-xê-lau, Mô-ra-gô, Phác-ga Pê-li-xéc, Xvít-xguê-ben, A-le-ri-ni.

2. Trụ sở của Tổng Hội đồng dời sang Niu Oóc: 30 phiếu thuận, 14 phiếu chống - đồng ý để tại Luân Đôn, 12 phiếu trắng.

Những người bỏ phiếu tán thành dời sang Niu Oóc: I.Ph. Béch-cơ, B.Béch-cơ, Bri-xme, Cu-nô, Cô-nen, Đa-vơ, Duy-mông, Duy-pông, Ăng-ghen, Phác-ca-sơ, Phlu-dơ, Phrít-len-đơ, Héc-man, Cu-ghen-man, La-phác-gơ, Le-xnơ, Lơ Mút-xuy, Lông-ghe, Lu-ken, Mác-Đô-nen, Mác, Pin, Rốt-chơ, Xê-rai-ơ, Xéc-tôn, Xpơ-len-gác, Xvác-mơ, Vi-sác, Van-den A-be-lơ, Vru-bơ-lép-xki.

Những người bỏ phiếu tán thành để tại Luân Đôn: Ác-nô, Cu-rơ-nơ, Đê-rô-rơ, Duy-va-lơ, Phran-ken, Hây-mơ, Héc-nét, Lút-vích, Min-cơ, Ran-vi-e, Su-mác-sơ, Vai-ăng, Vin-mô, Van-téc.

Những người bỏ phiếu trắng: Xi-rin, Ê-béc-hác, Ghéc-hác, Ghi-ôm, Giô-an-na-rơ, A-le-ri-ni, Mác-xê-lau, Mô-ra-gô, Phác-ga Pê-li-xéc, Doóc-gơ, Xvít-xguê-ben, Van-đéc Hô-út.

3. Đại hội quyết định bầu ra mười hai uỷ viên Tổng Hội đồng, đặt trụ sở tại Niu Oóc, trao cho Tổng Hội đồng quyền chỉ định bổ sung thêm ba uỷ viên.

Những người trúng cử:

Béc-tơ-ran,	người Đức	- 29 phiếu
Bôn-tê,	người đức	- 29 phiếu
Lo-ren,	người Thụy Điển	- 29 phiếu
Ca-va-nác,	người Ai-rơ-len	- 29 phiếu
Xanh - Cle-rơ,	người Ai-rơ-len	- 29 phiếu
Lê-vi-en,	người Pháp	- 28 phiếu
Các,	người Đức	- 28 phiếu
Đa-vít	người Pháp	- 26 phiếu
Đê-rô-rơ,	người Pháp	- 26 phiếu

Phoóc-na-se-ri,	người I-ta-li-a	- 25 phiếu
Xpây-éc,	người Đức	- 23 phiếu
Uóc-đơ,	người Mỹ	- 22 phiếu

## IX

## ĐỊA ĐIỂM TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI KỲ SAU

Nhân có ý kiến đề nghị đại hội kỳ sau sẽ họp ở Thụy Sĩ và Tổng Hội đồng mới phải quy định rõ địa điểm, nên đã biểu quyết như sau: 15 phiếu tán thành họp ở Thụy Sĩ, 5 phiếu tán thành họp ở Luân Đôn, 1 phiếu tán thành họp ở Si-ca-gô và 1 phiếu tán thành họp ở Tây Ban Nha.

## X

## TIỂU BAN BIÊN TẬP BIÊN BẢN

Nhất trí được bầu: Đuy-pông, ăng-ghen, Phran-ken, Lơ Mút-xuy, Mác, Xê-rai-ơ.

Luân Đôn, ngày 21 tháng Mười 1872

## Tiểu ban

***E.Đuy-pông, Ph.Ăng-ghen, Lê-ô Phran-ken,  
Lơ Mút-xuy, Các Mác, Ô-guy-xơ Xê-rai-ơ.***

*Do C. Mác và Ph.Ăng-ghen soạn thảo  
Đã in thành sách mỏng "Résolutions du  
congrès général tenu à la Haye du 2 au 7  
septembre 1872", Londres, 1872, và đăng  
trong các báo "La Emancipacion" số 72,  
ngày 2 tháng Mười một 1872 và "The  
International Herald" số 37, ngày 14  
tháng Chạp 1872*

*In theo bản in trong cuốn sách  
mỏng có đối chiếu với bản thảo  
viết tay của Ăng-ghen  
Nguyên văn là tiếng Pháp*

## C.MÁC

## VỀ ĐẠI HỘI LA HAY

## BẢN GHI CỦA THÔNG TÍN VIÊN

## BÀI DIỄN VĂN ĐỌC TẠI CUỘC MÍT-TINH

Ở AM-XTÉC-ĐAM NGÀY 8 THÁNG CHÍN 1872<sup>186</sup>

Trong thế kỷ XVIII, các vua chúa và những kẻ quyền quý của thế giới này thường hay hội họp tại La Hay để thảo luận những lợi ích của triều đại họ.

Chính tại đây, bất chấp mọi sự doạ dẫm, chúng tôi đã quyết định triệu tập đại hội đại biểu công nhân. Chính ở giữa một dân cư phản động nhất, chúng tôi muốn chứng thực sức sống, sự phát triển và niềm hy vọng vào tương lai của Hội liên hiệp vĩ đại của chúng ta.

Sau khi nghị quyết của chúng tôi được công bố, người ta đã nói đến những phái viên mà tuồng như chúng tôi đã phái đến để chuẩn bị cơ sở. Vâng, chúng tôi không phủ nhận rằng ở bất cứ đâu, chúng tôi cũng có những phái viên, nhưng chúng tôi đều không được biết đại bộ phận trong số những phái viên ấy. Những phái viên của chúng tôi ở La Hay là những công nhân lao động hết sức vất vả; ở Am-xtéc-đam, những phái viên ấy cũng là công nhân, những người đang làm việc mười sáu tiếng đồng hồ mỗi ngày. Những phái viên của chúng tôi là như thế đó, chúng tôi không có những phái viên nào khác; trong tất cả các nước mà chúng tôi đến, họ luôn luôn sẵn sàng đón tiếp chúng tôi một cách thân ái, vì họ rất chóng hiểu rằng mục đích của chúng tôi

là cải thiện tình hình của họ.

Đại hội La Hay đã hoàn thành thắng lợi ba việc quan trọng:

Đại hội đã tuyên bố rằng giai cấp công nhân cần phải tiến hành đấu tranh trên lĩnh vực chính trị cũng như trên lĩnh vực xã hội, chống cái xã hội cũ đang sụp đổ; và chúng tôi có thể lấy làm mừng rằng hiện nay nghị quyết này của Hội nghị đại biểu Luân Đôn đã được đưa vào Điều lệ của chúng tôi<sup>1\*</sup>.

Một nhóm nào đó đã hình thành trong nội bộ chúng tôi, tuyên bố công nhân không tham gia hoạt động chính trị. Chúng tôi có nhiệm vụ phải tuyên bố rằng chúng tôi coi những nguyên tắc đó thật hết sức nguy hiểm và hết sức có hại cho sự nghiệp của chúng ta biết bao. Một ngày nào đó, công nhân sẽ phải giành lấy chính quyền vào tay mình để thiết lập một tổ chức lao động mới; công nhân sẽ phải lật đổ cái nền chính trị cũ đang duy trì những chế độ lỗi thời, nếu họ không muốn vĩnh viễn mất đi cái thiên quốc của mình trên trần gian, như những tin đồn Cơ Đốc đầu tiên đã khinh thị và bác bỏ chính trị.

Song chúng tôi không bao giờ quyết đoán rằng để đạt tới mục đích đó, đâu đâu cũng phải dùng những biện pháp như nhau.

Chúng tôi biết rằng cần phải chú ý đến những thiết chế, phong tục và truyền thống của các nước khác nhau, và chúng tôi không phủ nhận rằng hiện có những nước như Mỹ, Anh - và nếu tôi hiểu biết rõ hơn về những thiết chế của các bạn thì tôi có thể thêm vào đó cả Hà Lan nữa, - ở đây, công nhân có thể đạt tới mục đích của mình bằng biện pháp hoà bình. Nhưng nếu đúng là như thế đi nữa thì chúng tôi cũng phải thừa nhận rằng trong đại đa số các nước trên lục địa, bạo lực vẫn phải là cái đòn bẩy của cuộc cách mạng của chúng ta; và có lúc sẽ phải dùng đến bạo lực để thiết lập một cách triệt để sự thống trị của lao động<sup>2\*</sup>.

1\* Xem tập này, tr.203.

2\* Trên tờ "Volksstaat" thay cho câu đó là câu: "Song không phải ở tất cả

Đại hội La Hay đã quy định những thẩm quyền mới và rộng hơn nữa cho Tổng Hội đồng. Thực vậy, trong khi các vị quốc vương đang tụ họp tại Béc-lin và trong khi cuộc họp mặt đó của những đại diện có thể lực của chế độ phong kiến và của thời quá khứ sẽ thông qua những biện pháp trấn áp mới, tàn bạo hơn, để đối phó với chúng ta; trong khi những cuộc truy nã đang được tổ chức, thì Đại hội đại biểu La Hay cho rằng điều hợp lý và cần thiết là tăng cường thẩm quyền của Tổng Hội đồng và việc tập trung hoạt động - nếu phân tán thì hoạt động đó sẽ không có kết quả - cho cuộc đấu tranh trước mắt, và lại còn có ai, ngoài kẻ thù của chúng ta, lại có thể bị thẩm quyền của Tổng Hội đồng làm cho lo lắng? Phải chăng là Tổng Hội đồng có một bộ máy quan liêu hoặc đội cảnh sát vũ trang để bắt người ta phải phục tùng mình? Lẽ nào uy tín của Tổng Hội đồng không phải là uy tín có tính chất thuần túy đạo đức? Và phải chăng Tổng Hội đồng lại không thông báo cho các liên chi hội biết những nghị quyết của mình mà các liên chi hội có nghĩa vụ phải chấp hành? Nếu như các vị quốc vương bị đặt vào điều kiện như vậy, tức không có quân đội, không có cảnh sát, không có các viên quan lại, mà lại phải xây dựng quyền lực của mình chỉ dựa trên ảnh hưởng đạo đức và uy tín đạo đức thì họ sẽ chỉ là một trở ngại nhỏ yếu trên con đường đi của cách mạng mà thôi.

Cuối cùng, Đại hội La Hay đã dời trụ sở của Tổng Hội đồng đến Niu Oóc. Nhiều người, ngay cả trong bè bạn của chúng ta, xem ra cũng lấy làm ngạc nhiên về một quyết định như vậy. Rõ ràng là họ quên mất rằng nước Mỹ đang đặc biệt trở thành một thế giới của công nhân, hàng năm có nửa triệu công nhân di cư đến cái lục địa thứ hai này và Quốc tế cần phải bắt rễ sâu vào cái mảnh đất mà công nhân chiếm ưu thế đó. Ngoài ra nghị quyết của Đại hội còn giao cho Tổng Hội đồng quyền chỉ định bổ sung vào Tổng Hội đồng những uỷ viên mà nó thấy cần thiết

các nước tình hình đều như vậy cả".

và có ích cho sự nghiệp chung. Chúng ta tin tưởng ở sự thận trọng của Tổng Hội đồng, hy vọng rằng Tổng Hội đồng sẽ biết



lựa chọn những người ngang tầm với nhiệm vụ, có thể gương cao ngọn cờ của Hội liên hiệp chúng ta ở châu Âu.

Thưa quý vị, chúng ta hãy nhớ một nguyên tắc cơ bản của Quốc tế: sự đoàn kết. Chúng ta sẽ đạt được mục đích vĩ đại mà chúng ta đang hướng tới, nếu chúng ta củng cố vững chắc nguyên tắc đầy sức sống ấy trong tất cả các công nhân ở tất cả các nước. Cách mạng phải là đoàn kết, kinh nghiệm lớn lao của Công xã Pa-ri đã dạy chúng ta như thế; Công xã Pa-ri sở dĩ thất bại là vì<sup>1\*</sup> tại tất cả những trung tâm chính, như Béc-lin, Ma-đrít, v.v., đã không đồng thời bùng nổ một phong trào cách mạng to lớn tương xứng với trình độ đấu tranh cao của giai cấp vô sản Pa-ri.

Còn về phần tôi, tôi sẽ tiếp tục sự nghiệp của mình và làm việc không mệt mỏi để tạo nên một sự đoàn kết như vậy trong toàn thể công nhân, một sự đoàn kết có kết quả tốt như vậy cho tương lai. Không, tôi sẽ không rút lui khỏi Quốc tế, và phần còn lại của cuộc đời tôi, cũng như hoạt động trước đây của tôi, sẽ được cống hiến cho thắng lợi của những tư tưởng xã hội, như chúng ta tin tưởng sâu sắc, sớm hoặc muộn sẽ dẫn đến sự thống trị của giai cấp vô sản trên toàn thế giới.

*Đã đăng trên các báo "La Liberté"  
số 37, ngày 15 tháng Chín 1872 "Der  
Volksstaat" số 79, ngày 2 tháng  
Mười 1872*

*In theo bản đăng trên báo "La  
Liberté", có đôi chiếu với bản đăng  
trên báo "Der Volksstaat"  
Nguyên văn là tiếng Pháp*

<sup>1\*</sup> Trên báo "Volksstaat" tiếp đó là những chữ "công nhân của các nước khác đã không thể hiện tinh thần đoàn kết".

## C.MÁC GỬI ÔNG CHỦ BÚT BÁO "CORSAIRE"<sup>187</sup>

Thưa Ngài!

Trong tờ "Figaro", số ra ngày 11 tháng Chín đã đăng lại một cuộc nói chuyện tuồng như đã diễn ra giữa tôi với ký giả của tờ báo "Soir"<sup>188</sup>. Những loại báo chí như "Figaro" thì có thể tự cho phép mình nói xấu vu khống như thế nào cũng được, và cũng chẳng ai thêm bỏ công bác bỏ lại nó; nhưng nếu cái trí tưởng tượng đã bị bán rẻ của một ký giả nào đó dồi dào đến mức gán cho tôi là người đã nói những lời buộc tội nặng nề đối với những người bạn của tôi trong Tổng Hội đồng cũ, thì tôi không thể không tuyên bố rằng khi nào ông ta dám cả quyết rằng tuồng như là ông ta đã nói chuyện với tôi dù chỉ là một câu, thì lời nói của ông ta quả thật không có lấy một chút xú sự thực.

Nhân dịp này tôi tuyên bố với bạn bè và kẻ thù của tôi rằng tôi không bao giờ nghĩ đến việc rút lui khỏi Quốc tế và việc đòi trụ sở của Tổng Hội đồng đến Niu Oóc là do tôi và một vài uỷ viên khác của Tổng Hội đồng cũ đề nghị.

Cái tin nói rằng Ba-cu-nin và tên tay sai của ông ta, Ghi-ôm, vì là những lãnh tụ của cái gọi là đảng liên bang chủ nghĩa, nên đã bị khai trừ rồi, là một tin nói láo. Lý do của việc khai trừ Ba-cu-nin và Ghi-ôm là vì họ đã thành lập trong nội bộ Hội liên hiệp chúng tôi một hội kín gọi là *Đông minh dân chủ xã hội chủ nghĩa*, cái hội này có tham vọng lãnh đạo Quốc tế nhằm những mục đích trái ngược hẳn với những nguyên tắc của Quốc tế.

Nghị quyết của Hội nghị đại biểu Luân Đôn về hành động chính trị của giai cấp công nhân đã được đại đa số các Đại hội tán thành và đồng ý đưa nghị quyết này vào Điều lệ chung.

Công nhân La Hay và Am-xtéc-đam tỏ ra rất đồng tình với đại hội.

Những tin tức của báo chí phản động đáng giá như thế đấy.

La Hay, ngày 12 tháng Chín 1872

Xin gửi tới Ngài lời chào kính trọng

**Các Mác**

*Đã đăng trên các báo "Le Corsaire",  
ngày 15 tháng Chín 1872 và báo "La  
Emancipation" số 66, ngày 21 tháng  
Chín 1872*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Pháp*

## C.MÁC GỬI ÔNG CHỦ BÚT BÁO "DAILY NEWS"

Thưa Ngài!

Sau khi từ La Hay trở về, tôi được biết rằng tờ báo của Ngài đã gán cho tôi cái ý định dời sang Niu Oóc theo Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Để đáp lại, cho phép tôi tuyên bố rằng tôi có ý định và luôn luôn có ý định vẫn ở lại Luân Đôn. Cách đây nhiều tháng tôi đã báo cho bạn bè ở Luân Đôn và cho các thông tin viên của tôi ở lục địa biết quyết định kiên quyết của tôi là không làm uỷ viên của Tổng Hội đồng nữa hoặc thành viên của bất cứ cơ quan lãnh đạo nào, bởi vì công tác khoa học của tôi không cho phép tôi đảm nhiệm những việc đó nữa. Còn về những bài tường thuật xuyên tạc đăng trên các báo chí nói về các phiên họp của Đại hội đại biểu La Hay, thì việc công bố sắp tới những biên bản chính thức của Đại hội này sẽ làm rõ vấn đề đó<sup>189</sup>.

Biệt thự Mô-đen, công viên Mây-tơ-len-đơ,  
ngày 17 tháng Chín

Rất hân hạnh  
**Các Mác**

*Đã đăng trên báo "The Daily News"  
ngày 18 tháng Chín 1872*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Anh*

## PH.ĂNG-GHEN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LA HAY (Thư gửi Bi-na-mi)

Luân Đôn, ngày 1 tháng Mười 1872

Bi-na-mi thân mến!

64 đại biểu của Hội liên hiệp công nhân quốc tế đã họp tại La Hay từ ngày 2 đến ngày 7 tháng Chín. Trong số đại biểu ấy có 16 đại biểu của nước Pháp, 10 đại biểu của nước Đức, 7 đại biểu của nước Bỉ, 5 đại biểu của nước Anh, 5 đại biểu nước Mỹ, 4 đại biểu của Hà Lan, 4 đại biểu của Tây Ban Nha, 3 đại biểu Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh (Thụy Sĩ), 2 đại biểu của Liên chi hội Giuy-ra (Thụy Sĩ), 1 đại biểu của Ai-rơ-len, 1 đại biểu của Áo, 1 đại biểu của Hung-ga-ri, 1 đại biểu của Ba Lan, 1 đại biểu của Bồ Đào Nha, 1 đại biểu của Ô-xtrây-li-a và 2 đại biểu của Đan Mạch. Về thành phần dân tộc, có 20 người Pháp, 16 người Đức, 8 người Bỉ, 6 người Anh, 1 người Ba Lan, 1 người Ai-rơ-len, 1 người Coóc-xơ và 1 người Đan Mạch<sup>190</sup>.

Việc kiểm tra giấy chứng nhận tư cách đại biểu chiếm mất hơn hai ngày. Bằng hình thức này, tất cả những vấn đề nội bộ mà Quốc tế đã quan tâm tới kể từ đại hội lần trước đều được xem xét, và hầu như trong mỗi trường hợp đều đề cập đến hoạt động của Tổng Hội đồng.

Trong ba giấy chứng nhận tư cách đại biểu của ngài La-phác-gơ, đại biểu của Bồ Đào Nha và của hai liên chi hội địa phương Tây

Ban Nha, có một giấy chứng nhận tư cách đại biểu, tức giấy chứng nhận tư cách đại biểu của Liên chi hội Ma-đrít mới, đã bị các đại biểu khác của Tây Ban Nha bác bỏ. Liên chi hội Ma-rít mới - Liên chi hội này được thành lập bởi những hội viên quốc tế đã bị khai trừ ra khỏi liên chi hội cũ một cách võ đoán và một cách vi phạm Điều lệ - đã không được Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha thừa nhận, cho nên nó đã đề nghị với Tổng Hội đồng ở Luân Đôn và cơ quan này đã thừa nhận nó<sup>1\*</sup>.

Đại hội đã nhất trí chuẩn y quyết định này.

Sáu đại biểu mà Tổng Hội đồng cử đến, dựa vào tiền lệ của các kỳ đại hội đại biểu trước kia, đều được phép tham gia đại hội, tuy nhiên những đại biểu này, trừ một người ra, đều có những giấy chứng nhận tư cách đại biểu khác. Giấy chứng nhận tư cách đại biểu của đại biểu chi hội tuyên truyền và hành động cách mạng xã hội chủ nghĩa Giơ-ne-vơ - một chi hội không được Tổng Hội đồng thừa nhận - bị coi là không có giá trị để tham gia các phiên họp của đại hội này, còn bản thân chi hội này cũng không được đại hội thừa nhận<sup>2\*</sup>. Bốn đại biểu của Liên chi hội Tây Ban Nha chỉ sau khi nộp hội phí những năm 1871 - 1872 cho Tổng Hội đồng rồi mới được tham dự đại hội. Cuối cùng, chi hội Niu Oóc số 12 - là chi hội bị Tổng Hội đồng tạm thời khai trừ - mặc dù đã phát biểu ý kiến của mình hơn một giờ, vẫn không được tham gia đại hội. Tất cả những quyết định ấy đều được thông qua với đa số ba phần tư số phiếu, đồng thời cũng là biểu hiện của sự tín nhiệm đối với Tổng Hội đồng mà những hành vi "cực quyền chủ nghĩa" (như có kẻ thích gọi như thế) của nó đã được tuyệt đại đa số đại biểu đại hội hoàn toàn hoan nghênh.

Sau những cuộc tranh luận ấy, - những cuộc tranh luận đã giải quyết nhiều sự bất đồng đã xảy ra trong nội bộ Quốc tế và,

1\* Xem tập này, tr.169.

2\* Xem tập này, tr. 208-211.

do đó, hoàn toàn không phải là vô ích, - người ta lập tức chuyển qua vấn đề về bản thân Tổng Hội đồng. Có nên bãi bỏ Tổng Hội đồng hay không? Nếu cần phải duy trì nó, thì có nên vẫn dành thẩm quyền cho nó không, hay là nên hạ thấp nó xuống thành một ban thông tin và thống kê đơn giản, có thể nói là cái *boitte aux lettres*<sup>1\*</sup>? Về điểm này, đại hội sẽ giải đáp hết sức rành mạch. Điều 2 trong phần II của Quy chế tổ chức quy định như sau:

"Tổng Hội đồng có trách nhiệm phải thực hiện các nghị quyết của đại hội".

Đại hội đại biểu La Hay đã bổ sung thêm vào đó:

"và theo dõi trong mỗi nước việc tuân thủ nghiêm chỉnh những nguyên tắc của Điều lệ chung và Quy chế chung của Quốc tế"<sup>2\*</sup> (40 đại biểu bỏ phiếu tán thành điểm bổ sung ấy, 5 đại biểu bỏ phiếu chống và 11 đại biểu bỏ phiếu trắng).

Điều 6 cũng của phần này trao cho Tổng Hội đồng quyền tạm thời khai trừ một chi hội nào đó, thì quy định như sau:

"Điều 6. - Tổng Hội đồng cũng có quyền tạm thời khai trừ những phân bộ, những chi hội, những hội đồng của liên chi hội hoặc những Ban chấp hành và những liên chi hội của Quốc tế cho đến kỳ đại hội tới.

Tuy nhiên, đối với những chi hội thuộc một liên chi hội nào đó, thì Tổng Hội đồng phải nghe ý kiến của hội đồng liên chi hội hữu quan trước đã, rồi mới sử dụng quyền ấy...

Trong trường hợp tạm thời khai trừ cả một liên chi hội thì Tổng Hội đồng phải thông báo ngay tức khắc việc đó cho tất cả các liên chi hội. Nếu đại đa số các liên chi hội yêu cầu, thì Tổng Hội đồng, trong thời hạn không được chậm quá một tháng, phải triệu tập hội nghị đại biểu bất thường, cứ mỗi dân tộc có

1\* - hòm thư

2\* Xem tập này, tr.204.

một đại biểu tham gia, để ra quyết định cuối cùng về các vấn đề đang tranh cãi.

Cố nhiên, những nước mà tại đó Quốc tế bị cấm, cũng được hưởng những quyền như là các liên chi hội đang tồn tại một cách hợp pháp<sup>1\*</sup>.

Rõ ràng là điều khoản mới này của Quy chế quy định rõ rệt hơn các thẩm quyền của Tổng Hội đồng, đồng thời kèm theo những bảo đảm cần thiết để ngăn chặn việc lạm dụng các thẩm quyền đó.

Đại hội mong muốn rằng Tổng Hội đồng có thẩm quyền, nhưng là thẩm quyền có tinh thần trách nhiệm. Điều khoản này được đa số thông qua với 30 phiếu thuận, 11 phiếu chống và 9 phiếu trắng.

Tiếp đến là vấn đề về Tổng Hội đồng mới. Nếu Tổng Hội đồng sau khi hết nhiệm kỳ mà muốn được bầu lại toàn bộ hoặc một bộ phận, thì chắc là bảo đảm có được một sự ủng hộ hầu như nhất trí, bởi vì trong vấn đề này, người Bỉ và người Hà Lan đã tách ra khỏi phái thiểu số và tán thành với Luân Đôn, Mác, Ăngghen, Xê-rai-ơ, Vru-bơ-lép-xki, Duy-pông và những uỷ viên khác của Tổng Hội đồng cũ - hoàn toàn không phải vì bản thân mình - đã đòi hỏi những quyền hạn rộng hơn và rõ ràng hơn cho Tổng Hội đồng, bằng chứng của việc đó là họ đã đề nghị di chuyển Tổng Hội đồng sang Niu Oóc, như là một địa điểm duy nhất, ngoài Luân Đôn ra, có thể bảo đảm hai điều kiện cơ bản: an toàn của tài liệu lưu trữ và tính chất quốc tế của thành phần Hội đồng. Trong tất cả những đề nghị do Hội đồng cũ đưa ra, thì đó là một đề nghị duy nhất gặp phải một số trở ngại, bởi vì, trừ những đại biểu của Liên chi hội Giuy-ra và người Tây Ban Nha, tất cả mọi người đều một lòng mong muốn vẫn duy trì sự lãnh đạo Quốc tế trong tay những người từ trước đến nay đã lãnh đạo Quốc

1\* Xem tập này, tr.204.

tế. Chỉ sau khi những uỷ viên tích cực nhất và tiếng tăm nhất của Hội đồng cũ chính thức tuyên bố họ khước từ giấy uỷ nhiệm mới, thì việc di chuyển tới Niu Oóc mới được thông qua bằng đa số tuyệt đối. Đại hội chuyển qua bầu cử Tổng Hội đồng mới, Hội đồng mới gồm 2 người Ai-rơ-len, 1 người Thụy Điển, 1 người I-ta-li-a, 3 người Pháp, 1 người Mỹ, 4 người Đức; nó có quyền đưa thêm ba uỷ viên nữa vào Hội đồng;

Như đã biết, nghị quyết của hội nghị đại biểu Luân Đôn lần thứ IX (tháng Chín 1871) về hành động chính trị của giai cấp công nhân đã bị công kích một cách điên cuồng bởi những đại biểu của Liên chi hội Giuy-ra, một số người Tây Ban Nha và đa số người I-ta-li-a, coi nghị quyết ấy tuồng như trái với những nguyên tắc của Quốc tế. Tuy vậy, hiện nay nghị quyết ấy đã được đưa vào Điều lệ chung của Quốc tế dưới tiêu đề điều 7<sup>a</sup>, điều này quy định như sau:

*Điều 7<sup>a</sup>.* Trong cuộc đấu tranh của mình chống quyền lực liên kết của các giai cấp hữu sản, chỉ khi đã tổ chức thành một chính đảng độc lập, đối lập với tất cả những đảng cũ do giai cấp hữu sản lập nên, thì giai cấp công nhân mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp.

Tổ chức như vậy giai cấp công nhân thành một chính đảng là điều cần thiết để bảo đảm thắng lợi của cách mạng xã hội và bảo đảm đạt tới mục đích cuối cùng của nó là xoá bỏ giai cấp.

Sự thống nhất các lực lượng của giai cấp công nhân, đã đạt được nhờ đấu tranh kinh tế, cũng phải trở thành cái đòn bẩy trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống quyền lực chính trị của bọn bóc lột.

Vì bọn trùm địa chủ và trùm tư bản luôn luôn lợi dụng đặc quyền chính trị của chúng để bảo vệ và duy trì mãi mãi độc quyền kinh tế của chúng và để nô dịch lao động, cho nên việc giành chính quyền đã trở thành nghĩa vụ vĩ đại của giai cấp vô sản".

Nghị quyết này đã được thông qua bằng đa số 28 phiếu thuận và 13 phiếu chống (kể cả phiếu trắng), và vì đa số vượt quá hai phần ba, cho nên nghị quyết này đã được đưa vào Điều lệ chung. Còn phải thêm vào đa số ấy 6 phiếu của các đại biểu Đức và 4 phiếu của các đại biểu Pháp, nhưng đại biểu này đã buộc phải rời La Hay và đã viết thư biểu quyết tán thành nghị quyết; như vậy chủ trương không làm chính trị đã bị lên án bởi đa số phiếu là ba phần tư trên một phần tư. Chỉ còn lại một vấn đề quan trọng. Tổng Hội đồng đã vạch trần trước đại hội sự tồn tại của một hội kín trong nội bộ Quốc tế, hội này không chống các chính phủ hiện hành, mà chính là chống Hội liên hiệp của chúng ta. Các hội viên của hội kín này, do Mi-kha-in Ba-cu-nin, người sáng lập ra nó, đứng đầu, chia thành ba loại theo mức độ được thân tín của họ. Mục đích của hội kín này là nhằm chiếm lấy quyền lãnh đạo trung ương đối với Quốc tế, nếu không thể làm được như vậy, thì phá hoại Quốc tế để bằng cách đó có thể bảo đảm ảnh hưởng của mình tốt hơn. Với mục đích đó, họ đưa ra những khẩu hiệu về quyền *tự trị* của các chi hội, *phản đối* khuynh hướng "cực quyền chủ nghĩa" của Tổng Hội đồng. Đại hội đã thành lập một uỷ ban điều tra về hội này, báo cáo của uỷ ban này đã được đọc tại phiên họp bế mạc. Báo cáo đưa ra những bằng chứng về sự tồn tại của hội kín này và tính chất thù địch của nó. Báo cáo được kết thúc bằng đề nghị khai trừ Ba-cu-nin, Ghi-ôm, Xvít-xguê-ben, Ma-lông và hai người khác nữa ra khỏi Quốc tế.

Những kết luận của báo cáo này - trong phần nói về Đồng minh - đã được Đại hội thông qua; còn về một số cá nhân, thì có Ba-cu-nin và Ghi-ôm bị khai trừ; Xvít-xguê-ben được một vài phiếu cứu vớt, những người còn lại thì được xá tội.

Đó là những nghị quyết của Đại hội đại biểu La Hay, những nghị quyết ấy mang tính chất khá rõ ràng minh bạch, nhưng đồng thời cũng hết sức có mức độ. Tổng Hội đồng được đại hội ủng hộ bằng đa số, với ba phần tư số phiếu thuận, một phần tư số phiếu chống, đã cố gắng hết sức để bảo đảm cho Hội đồng mới

có một địa vị rõ ràng và hoàn toàn xác định, để tuyên bố một cách sáng tỏ cương lĩnh chính trị của Quốc tế mà pháỉ thiếu số bè pháỉ chủ nghĩa đã hoài nghi, và để thủ tiêu cái hội kín đã không chống các chính phủ hiện hành, nhưng lại bày mưu lập kế chống lại chính Quốc tế. Sau đó Tổng Hội đồng đã từ chối việc được tái cử, và đã phải cố gắng nhiều lắm mới được chấp nhận để cho từ chức.

Pháỉ đa số của đại hội chủ yếu gồm các đại biểu Pháp, Đức, Hung-ga-ri, Đan Mạch, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Ai-rơ-len, Ô-xtrây-li-a và Mỹ, và cả những đại biểu của vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh của Thụy Sĩ; pháỉ thiểu số gồm có người Bỉ, người Hà Lan, người Tây Ban Nha, các đại biểu của Liên chi hội Giuy-ra và một người Mỹ. Những người Anh thì có những ý kiến bất đồng nhau và bỏ phiếu khác nhau. Pháỉ thiểu số không có lần nào (kể cả những người bỏ phiếu trắng) vượt quá 20 phiếu trong số 64 đại biểu, thường thì lên xuống trong giới hạn từ 12 đến 16 phiếu.

Tham dự đại hội có một đại biểu I-ta-li-a<sup>1\*</sup>, chủ tịch của một liên chi hội được thành lập ở Ri-mi-ni, nhưng không xuất trình giấy chứng nhận tư cách đại biểu; có đưa hay không cũng thế thôi, đại hội tuyệt đối không thể chấp nhận tư cách đại biểu của ông ấy được. Ông đã tham dự các phiên họp với tư cách là khách.

Sau khi từ La Hay trở về, tôi đã phát hiện được trong tờ "Favilla"<sup>191</sup>, xuất bản ở Man-tu-e, một bài báo ký tên Kẻ vô thân<sup>2\*</sup>, trong đó bác bỏ một ý kiến đúng đắn cho rằng trong số 21 chi hội có đại biểu ký tên vào nghị quyết ở Ri-mi-ni, thì chỉ có một chi hội (chi hội Na-pơ) thuộc Quốc tế.

"Hơn nữa, khi khẳng định rằng chỉ có chi hội Na-pơ là chi hội có thẩm quyền, thì Tổng Hội đồng đã nói sai sự thực. Tiểu tổ công nhân Mi-la-nô, hội ở Giéc-gien-ti,

hội ở Ra-ven-na, ở La Mã, chi hội Tu-rin - vốn là một chi hội khởi xướng - từ lâu đã nộp 10 sen-te gi-mi như Điều lệ chung đã quy định".

Để thấy rõ xem Tổng Hội đồng hay là ngài "Kẻ vô thân", ai nói sai sự thực, chỉ cần nêu lên rằng chẳng phải chi hội Mi-la-nô, chẳng phải chi hội Tu-rin, cũng chẳng phải chi hội ở Giéc-gien-ti là những chi hội đã ký vào bản nghị quyết ở Ri-mi-ni và chi hội La Mã cũng chỉ sau cuộc hội nghị đại biểu này mới đề nghị lên Tổng Hội đồng (và tôi nghĩ rằng đó hoàn toàn không phải là chi hội đã có đại biểu tại Ri-mi-ni).

Các hội viên I-ta-li-a của Quốc tế có thể tin chắc rằng chừng nào Quốc tế, Đại hội đại biểu, Tổng Hội đồng, Điều lệ và Quy chế chung còn tồn tại, thì không một chi hội nào được Tổng Hội đồng chấp nhận, nếu chi hội đó không thừa nhận những điều kiện chung mà Điều lệ và Quy chế chung đã quy định cho tất cả mọi hội viên.

### *Phri-đrich Ăng-ghen*

*Viết ngày 1 tháng Mười 1872*

*Đã đăng trên tờ "La Plebe" số 106,*

*ngày 5 tháng Mười 1872*

*In theo bản đăng trên báo*

*Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a*

1\* - C.Ca-phi-ê-rô.

2\* - C.Téc-xa-ghi

## PH.ĂNG-GHEN CÁC GIẤY ỦY NHIỆM BẮT BUỘC TẠI ĐẠI HỘI LA HAY<sup>192</sup>

Do những sự phản bội trong thời gian gần đây của nhiều nghị viên đối với cử tri của mình, cho nên những giấy uỷ nhiệm bắt buộc cổ xưa của thời trung đại đã từng bị cuộc cách mạng năm 1789 huỷ bỏ, nay lại trở thành thời thượng. Ở đây chúng tôi sẽ không đi vào cuộc thảo luận có tính nguyên tắc về loại giấy uỷ nhiệm này. Chúng tôi chỉ vạch ra rằng nếu tất cả cử tri đều giao cho các đại biểu của mình những giấy uỷ nhiệm bắt buộc về tất cả mọi điểm ghi trong chương trình nghị sự, thì cuộc họp của các đại biểu và những cuộc tranh luận của họ sẽ trở thành thừa. Nếu thế thì chỉ cần gửi những giấy uỷ nhiệm đến một cơ quan kiểm kê trung ương nào đó tiến hành việc kiểm phiếu và tuyên bố kết quả của cuộc bỏ phiếu, là đủ. Như vậy thì đỡ tốn kém hơn biết bao.

Điều quan trọng đối với chúng tôi chỉ là nêu rõ cái tình cảnh hết sức lạ thường mà những giấy uỷ nhiệm bắt buộc đã đặt những người mang giấy uỷ nhiệm ấy vào đó tại Đại hội La Hay, tình cảnh ấy có thể là một bài học hay cho những kẻ nhiệt liệt ủng hộ những giấy uỷ nhiệm ấy.

Như tất cả chúng ta đều biết, các đại biểu của Liên chi hội Tây Ban Nha được bầu ra dưới sức ép của Hội đồng liên chi hội<sup>1\*</sup>,

1\* Xem tập này, tr.161.

đã nhận các giấy uỷ nhiệm bắt buộc, với chỉ thị yêu cầu họ phải đòi.

"tính số phiếu phải căn cứ theo số lượng hội viên của những tổ chức được đại diện bằng những đại biểu có giấy uỷ nhiệm bắt buộc, còn số phiếu của những hội viên được đại diện bằng những đại biểu không có giấy uỷ nhiệm bắt buộc thì chỉ được tính sau khi những chi hội, hoặc những liên chi hội do họ làm đại biểu, thảo luận và quyết nghị về những vấn đề được thảo luận tại đại hội. Nếu Đại hội cứ kiên trì giữ phương pháp biểu quyết theo lối cũ thì các đại biểu của chúng tôi sẽ tham gia các cuộc thảo luận, nhưng sẽ không biểu quyết<sup>1)</sup>.

Bởi vậy, giấy uỷ nhiệm này yêu cầu đại hội trước khi bước vào thảo luận bất cứ vấn đề gì, đều phải ra ba nghị quyết sau đây:

1. Sửa đổi điều khoản của Quy chế nói về phương pháp biểu quyết.
2. Quy định rằng các đại biểu không có giấy uỷ nhiệm bắt buộc thì không có quyền biểu quyết.
3. Tuyên bố những điểm sửa đổi này sẽ có hiệu lực ngay trong đại hội này.

Các đại biểu Liên chi hội Tây Ban Nha lập tức nhận được lời tuyên bố rằng thậm chí nếu đại hội có chấp nhận yêu cầu thứ nhất và yêu cầu thứ hai của họ, thì yêu cầu thứ ba cũng tuyệt đối không thể chấp nhận được. Đại hội La Hay được triệu tập trên cơ sở những nguyên tắc nhất định của điều lệ tổ chức

1) Tờ "Bulletin"<sup>193</sup> Giuy-ra, như mọi người đều biết, là cơ quan của các nhà lãnh đạo Đồng minh, trong số gần đây đã đăng một bản lược thuật nói về các phiên họp của Đại hội La Hay: về sự chính xác của bản lược thuật ấy, có thể xét đoán căn cứ theo những lời lẽ mà chúng tôi dẫn chứng nguyên văn sau đây: "Những đại biểu Tây Ban Nha được các đại biểu Bỉ và các đại biểu Giuy-ra ủng hộ, đã yêu cầu không theo phương thức cá nhân bỏ phiếu, mà lấy *liên chi hội làm đơn vị* bỏ phiếu". Phải chăng yêu cầu này nằm trong giấy uỷ nhiệm của Liên chi hội Tây Ban Nha?

của Hội liên hiệp. Đương nhiên, đại hội có quyền sửa đổi những nguyên tắc của Điều lệ tổ chức; nhưng nếu đại hội sửa chữa những nguyên tắc của Điều lệ tổ chức, thì như vậy đại hội tự tước mất quyền tồn tại của mình và đặt mình trước một sự cần thiết tuyệt đối phải lập tức tự giải tán, ấn định triệu tập một đại hội mới mà các đại biểu đến dự đại hội ấy sẽ được bầu ra căn cứ theo những nguyên tắc điều lệ tổ chức mới. Nếu đem những nguyên tắc mới này vận dụng vào đại hội này, thì sẽ có nghĩa là làm cho những nguyên tắc này có hiệu lực ngược lại và vi phạm mọi nguyên tắc đúng đắn. Bởi vậy, dù cho đại hội có chấp nhận đề nghị thứ nhất và thứ hai hay không, đại hội cũng tuyệt đối không thể chấp nhận đề nghị thứ ba được. Và nếu các đại biểu Tây Ban Nha đã nhận lấy một giấy uỷ nhiệm hết sức mâu thuẫn làm cho họ không thể tham gia biểu quyết trong tất cả các phiên họp của đại hội được, thì lỗi tại ai?

Vấn đề thật là rõ, đến nỗi phách thiếu số và ngay cả những đại biểu Tây Ban Nha cũng không thể bác bỏ một lời. Kết quả là họ vẫn ở lại đại hội, nhưng không tham gia biểu quyết. Việc này cuối cùng đã làm cho những đại biểu Hà Lan bức tức, khiến cho một người trong số họ đã chất vấn:

"Tại sao các anh không ở lại nhà, nếu các giấy uỷ nhiệm của các anh cấm các anh bỏ phiếu và làm cho phách thiếu số cứ mỗi lần biểu quyết lại mất dứt 4 phiếu?"

Nhưng với tính cách là giấy uỷ nhiệm thật sự của Đồng minh và phương pháp sử dụng giấy uỷ nhiệm theo kiểu của Đồng minh, thì giấy uỷ nhiệm của Liên chi hội Giuy-ra là một kiểu mẫu không gì sánh được.

Đây là một giấy uỷ nhiệm của đại biểu Liên chi hội Giuy-ra:

"Các đại biểu Liên chi hội Giuy-ra nhận giấy uỷ nhiệm bắt buộc tại Đại hội La Hay có nhiệm vụ phải bảo vệ những nguyên tắc sau đây, coi đó là cơ sở tổ chức của Quốc tế:

Bất cứ tổ chức nào của người lao động thừa nhận cương lĩnh của Quốc tế, như đã được nêu lên trong lời nói đầu của Điều lệ chung do Đại hội Giơ-ne-vơ thông qua, và cam kết tuân theo tinh thần đoàn kết về mặt kinh tế đối với tất cả công nhân, và các nhóm công nhân trong cuộc đấu tranh chống độc quyền tư bản, thì đều là chi hội có đầy đủ quyền trọng Quốc tế<sup>194</sup>.

Vậy là ở đây Điều lệ và Quy chế chung đã bị bác bỏ mất rồi. Nếu phần trình bày lý do vẫn còn hiệu lực, thì chẳng qua chỉ vì phần đó đã mất hết ý nghĩa, bởi lẽ từ đó chẳng rút ra được kết luận nào cả.

Chúng ta đọc tiếp: "Vì nguyên tắc liên hiệp là cơ sở tổ chức của Quốc tế, cho nên các chi hội tự do liên kết với nhau, cũng như các liên chi hội tự do liên kết với nhau, được hoàn toàn tự trị và nếu thấy cần thiết, thì lập ra theo yêu cầu của mình, tất cả những cơ quan liên lạc, những phòng thống kê v.v..

Xuất phát từ những nguyên tắc nói trên. Liên chi hội Giuy-ra chủ trương bác bỏ Tổng Hội đồng và thủ tiêu mọi quyền uy trong Quốc tế".

Như vậy là Tổng hội đồng, các hội đồng của Liên chi hội, các hội đồng địa phương, các điều lệ và quy chế có "quyền uy", đều cần phải được bãi bỏ. Ai muốn làm như thế nào thì cứ làm, được "hoàn toàn tự trị".

"Các đại biểu Giuy-ra phải hành động hoàn toàn nhất trí với các đại biểu Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Pháp và với tất cả những đại biểu đang công khai chống lại nguyên tắc cực quyền. Do đó, nếu khước từ không cho bất cứ một đại biểu nào của những liên chi hội ấy tham gia hội nghị, thì điều đó nhất định sẽ khiến các đại biểu Giuy-ra phải *rút lui ngay tức khắc*. Cũng vậy, nếu đại hội không thừa nhận những cơ sở tổ chức nói trên của Quốc tế, thì các đại biểu Giuy-ra sẽ phải *rời bỏ* đại hội cùng với những đại biểu của các liên chi hội chống chủ nghĩa cực quyền".

Bây giờ chúng ta hãy xem các đại biểu Giuy-ra đã sử dụng các giấy uỷ nhiệm bắt buộc ấy ra sao. Trước hết, trong đại hội không có những đại biểu Pháp chống chủ nghĩa cực quyền, trừ một phần tử diên khùng quả thật đã mấy lần làm âm ỉ lên và "rút lui", nhưng rồi lần nào cũng trở lại, vì không thể nào lồi



kéo được một đại biểu khác chống chủ nghĩa cực quyền. Giấy uỷ nhiệm của Xô-va thuộc chi hội Niu Oóc số 2 (chi hội chống chủ nghĩa cực quyền), đã bị phế bỏ<sup>1\*</sup>, còn *những đại biểu Giuy-ra* thì vẫn cứ ở lại đại hội. Giấy uỷ nhiệm của chi hội *tuyên truyền và hành động cách mạng xã hội chủ nghĩa* Gionevo, một chi hội trực thuộc Liên chi hội Giuy-ra, bị tuyên bố không có giá trị cho đến khi kết thúc đại hội<sup>2\*</sup>, còn những đại biểu Giuy-ra thì cứ làm ra vẻ chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Giấy uỷ nhiệm của chi hội Niu Oóc số 12 - là chi hội đã được chính họ khuyến khích đấu tranh chống Tổng Hội đồng - cũng bị xoá bỏ<sup>3\*</sup>, và những đại biểu Giuy-ra vẫn cứ điềm tĩnh như không. Còn về giấy uỷ nhiệm của vị đại biểu I-ta-li-a<sup>4\*</sup> đã có mặt, thì họ cũng không dám đưa nó ra nữa.

Thế thì những nguyên tắc tổ chức, hay nói chính xác hơn, những nguyên tắc phá rối tổ chức do các đại biểu Giuy-ra đề ra, có được đại hội thông qua hay không? Không. Trái ngược hẳn lại: đại hội đã quyết định củng cố tổ chức vững mạnh, nói theo thuật ngữ của họ, tức là củng cố quyền uy. Vậy sau đó họ có rút lui không? Tuyệt nhiên không: họ chỉ tuyên bố rằng từ nay trở đi họ sẽ không tham gia biểu quyết.

Vậy đó, đấy là phương pháp thực sự sử dụng giấy uỷ nhiệm bắt buộc. Đại biểu tuân theo giấy uỷ nhiệm, nếu nhận thấy thuận lợi cho mình, còn nếu không, thì viện cớ hoàn cảnh không thể lường trước và chung quy lại, đại biểu ấy làm những gì có lợi cho đại biểu ấy. Suy cho cùng, chẳng lẽ việc coi thường *quyền uy* của giấy uỷ nhiệm bắt buộc cũng như mọi thứ giấy uỷ nhiệm khác, lại không phải là nghĩa vụ của những kẻ chống chủ nghĩa

1\* Xem tập này, tr.207 - 209.

2\* Xem tập này, tr.208 - 211.

3\* Xem tập này, tr.207 - 209.

4\* - C.Ca-phi-ê-rô

cực quyền hay sao? Cái tinh thần Đồng minh quá mức mà giấy uỷ nhiệm bắt buộc của các đại biểu Giuy-ra biểu hiện hết sức rõ rệt, lại được tăng thêm nữa qua kiểu cách thật sự vô chính phủ chủ nghĩa của các đại biểu khi họ miệt thị giấy uỷ nhiệm của mình. Phải chăng từ đó không thể rút ra được kết luận là: trong Đồng minh, những đại biểu ấy thuộc vào hạng thân tín cao hơn so với những đồng nghiệp Tây Ban Nha của họ hay sao?

Giấy uỷ nhiệm của các đại biểu *Giuy-ra* còn đem lại cho người ta một lý do để có những suy nghĩ khác nữa. Giấy uỷ nhiệm này phơi trần toàn bộ tình trạng bên trong Đồng minh: trái ngược lại với tất cả những lời lẽ về chế độ *vô chính phủ, tự trị, tự do liên hiệp v.v.. nhưng thực ra thì trong Đồng minh chỉ có quyền uy và phục tùng*. Mấy tuần lễ trước khi Xvít-xguê-ben và Ghi-ôm tự sáng tạo ra cho mình một giấy uỷ nhiệm đòi huỷ bỏ Điều lệ chung, trừ phần tình bày lý do, thì những bạn bè của hai ông ấy, không phải là hội viên Quốc tế, những đại biểu của hội nghị đại biểu ở Ri-mi-ni, đã thảo ra bản điều lệ của Liên chi hội I-ta-li-a tự phong, bản điều lệ này bao gồm phần trình bày lý do của bản Điều lệ chung và Quy chế của liên chi hội. Như vậy, tổ chức được lập ra tại hội nghị đại biểu Ri-mi-ni *đã vứt bỏ* bản Điều lệ chung rồi. Từ đó có thể thấy rằng các ngài trong Đồng minh, qua hành động của họ, đã triệt để phục tùng những mệnh lệnh bí mật và thống nhất. Tờ ""Federacion"<sup>195</sup> ở Bác-xê-lô-na bỗng nhiên ra sức vận động cho việc phá hoại Quốc tế, hiển nhiên cũng phục tùng những mệnh lệnh bí mật đó. Vấn đề là ở chỗ, tổ chức vững chắc của Hội liên hiệp chúng ta ở Tây Ban Nha đã trở thành mối đe dọa đối với những nhà lãnh đạo bí mật của Đồng minh. Tổ chức đó mang lại cho giai cấp công nhân một sức mạnh quá lớn và do đó gây nên những khó khăn cho nhóm chớp bu bí mật của các ngài trong Đồng minh có biệt tài lợi dụng nước đục để mò cá.

Các người hãy phá huỷ tổ chức đi, các người sẽ được thoả sức đục nước béo cò. Trước tiên hãy thủ tiêu các công đoàn, hãy tuyên chiến với những cuộc bãi công, hãy làm cho sự đoàn kết công

nhân chỉ còn là lời nói suông, thì các người sẽ có được đầy đủ tự do để huỳnh hoang những lời lẽ rất kêu, nhưng trống rỗng và đạo lý suông. Tuy nhiên, điều đó chỉ có thể có trong trường hợp công nhân Tây Ban Nha cho phép các người thủ tiêu thành quả hoạt động bốn năm của họ, thủ tiêu tổ chức của họ, một tổ chức rõ ràng là ưu tú nhất trong toàn bộ Quốc tế.

Trở lại nói những giấy uỷ nhiệm bắt buộc, chúng ta còn phải giải quyết một vấn đề: tại sao những phần tử Đồng minh - là kẻ thù không đội trời chung của nguyên tắc quyền uy dưới mọi hình thức - lại cứ khẳng khẳng kiên trì như vậy cái quyền uy của những giấy uỷ nhiệm bắt buộc? Tại vì đối với một hội kín như hội của họ nằm trong lòng một tổ chức công khai là Quốc tế, thì không có gì tiện lợi hơn là các giấy uỷ nhiệm bắt buộc. Tất cả những giấy uỷ nhiệm của các phần tử Đồng minh đều sẽ giống nhau, còn những giấy uỷ nhiệm của các chi hội không chịu ảnh hưởng của những phần tử Đồng minh hoặc chống lại Đồng minh, thì không giống nhau; như vậy đa số tuyệt đối thường sẽ thuộc về hội kín, và dấu sao thì họ cũng được đa số tương đối; song ở một đại hội không có những giấy uỷ nhiệm bắt buộc, thì tư tưởng lành mạnh của những đại biểu độc lập sẽ nhanh chóng liên hiệp họ lại và đoàn kết họ chống những người ủng hộ hội kín. Giấy uỷ nhiệm bắt buộc là một phương pháp thống trị cực kỳ hiệu nghiệm, chính vì vậy mà Đồng minh, bất chấp toàn bộ *chủ nghĩa vô chính phủ* của mình, đã bảo vệ quyền uy của giấy uỷ nhiệm đó.

Trước khi kết thúc, chúng tôi xin nói rằng đối với Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha bao gồm những phần tử Đồng minh, thì phương pháp hành động tiện lợi nhất là tạo ra giấy uỷ nhiệm bắt buộc *tập thể*; cách làm đó tất nhiên chỉ có thể dẫn đến kết quả là giấy uỷ nhiệm đó là giấy uỷ nhiệm của Hội đồng liên chi hội, hoặc nói cách khác, chính đó cũng là giấy uỷ nhiệm của Đồng minh. Tất cả những liên chi hội ở Tây Ban Nha đã chấp nhận đề nghị của Hội đồng trái với Quy chế, đã gửi đến Va-len-xi-a

những khoản tiền đóng góp bắt buộc để làm chi phí đi đường cho đại biểu, kèm theo hội phí là kết quả cuộc bỏ phiếu, kèm theo kết quả bỏ phiếu là giấy uỷ nhiệm bắt buộc của liên chi hội của mình để "thống nhất tất cả các giấy uỷ nhiệm lại và làm thành một *giấy uỷ nhiệm bắt buộc tập thể*". Chúng tôi sẵn sàng thừa nhận rằng nếu như Hội đồng liên chi hội có *thái độ thành thực* và *thiện chí* thì có thể giao cho nó kiểm phiếu của tất cả các liên chi hội địa phương, nhưng muốn tạo ra được một ý kiến thống nhất từ những nghị quyết khác nhau của các liên chi hội địa phương, thì cần phải có một bộ óc khác thường hoặc một cái nôi đúc hợp kim kỳ diệu có thể hoà hợp các giấy uỷ nhiệm bắt buộc khác nhau. Vậy thì từ trong cái nôi đúc kiểu mới ấy đã đúc ra được cái gì? Chỉ có thể đúc ra được một thứ thôi: ý kiến của Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha. Chúng tôi thách tất cả các hội viên của Đồng minh: các người hãy chỉ cho chúng tôi xem cái phép xào nấu bầu bán nào có thể mạng lại kết quả khác.

Vậy là Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha mang tinh thần chống chủ nghĩa cực quyền đến như vậy, mang tinh thần vô chính phủ đến như vậy... lại đã *tập trung* hội phí vào tay mình để cử đại biểu đến La Hay; nó tự *tiến hành* việc bầu cử các đại biểu ấy một cách khéo léo đến nỗi chỉ những phần tử Đồng minh mới trúng cử và, ngoài ra nó đã làm ra một *giấy uỷ nhiệm bắt buộc tập thể* mà theo lời nó, đã phản ánh ý chí của các hội viên Quốc tế ở Tây Ban Nha.

Thật khó mà tưởng tượng ra một sự quý trọng nào hơn thế đối với quyền tự trị.

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào đầu tháng*

*Chap 1872*

*Đã đăng trên báo "La Emancipacion"*

*số 69, ngày 13 tháng Mười 1872*

*In theo bản đăng trên báo*

*Nguyên văn là tiếng Tây Ban Nha*

## PH.ĂNG-GHEN NHỮNG BỨC THƯ TỪ LUÂN ĐÔN

### II \*LẠI BÀN VỀ ĐẠI HỘI LA HAY

Luân Đôn, ngày 5 tháng Mười 1872

Tôi hy vọng rằng kết cục của Đại hội La Hay sẽ làm cho những người bạn "tự trị" của chúng ta ở I-ta-li-a phải suy nghĩ. Họ cần phải biết rằng ở đâu có tổ chức, thì ở đấy tất nhiên phải hy sinh một phần sự tự trị vì lợi ích sự thống nhất hành động. Nếu họ không hiểu rằng *Quốc tế* là một đoàn thể được tổ chức ra để đấu tranh, chứ không phải để phát minh những lý luận đẹp đẽ, thì rất lấy làm tiếc, song có thể nói một điều chắc chắn: *Quốc tế* vĩ đại sẽ để cho I-ta-li-a cứ việc tự lực tự cường, chừng nào nó chưa tuân theo những quy tắc chung cho tất cả.

Trong Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa bí mật có ba cấp anh em quốc tế (số này không nhiều), anh em dân tộc và các hội viên thường. C.<sup>1\*</sup> ở trong số những anh em *quốc tế*, cũng như Ghi-ôm (người đứng đầu bộ tổng tham mưu của Ba-cu-nin) và một hoặc hai người Tây Ban Nha.

Trong số đại biểu Pháp có 5 người lấy tên giả từ Pháp đến, những người còn lại là những người lưu vong, những người tham gia công xã. Tôi đính kèm theo đây một bản danh sách, trong

1\* - C.Ca-phi-ê-rô.

đó không chỉ ghi rõ tên gọi của các chi hội nước Pháp và trụ sở của những chi hội đó để khỏi lộ cho cảnh sát biết<sup>196</sup>. Nhưng những tổ chức của chúng ta đã được khôi phục trong hơn ba mươi tỉnh của nước Pháp, ở đó *Quốc tế* hiện giờ đã lớn mạnh hơn và sôi nổi hơn bao giờ hết.

Một điều đáng mừng là ở La Hay, người Pháp và người Đức bao giờ cũng cùng nhau nhất trí biểu quyết: điều đó chứng tỏ rõ ràng rằng đối với *Quốc tế* không có chiến tranh, không có xâm chiếm, không có thù hằn dân tộc. Và cũng chính sự liên minh ấy của người Pháp và người Đức đã bảo đảm để tất thảy mọi nghị quyết đều được thông qua.

Lý do của việc di chuyển Tổng Hội đồng tới Niu Oóc là: 1. Quyết định kiên quyết của Mác, Xê-rai-ơ, Duy-pông và Ăng-ghe-nen không nhận những sự uỷ quyền mới. Mác và Ăng-ghe-nen có những công trình khoa học cần phải hoàn thành, vậy mà trong hai năm gần đây họ đã không có thời gian để làm việc đó. 2. Nhận thức tin chắc rằng trong trường hợp họ từ chức, thì những đại biểu người Pháp tham gia Tổng Hội đồng ở Luân Đôn sẽ là *những người theo thuyết Blăng-ki*, bọn này có thể dở trò âm mưu ra làm cho phần đông những người ủng hộ chúng ta ở nước Pháp bị bắt nên nhìn chung họ đi theo bọn đó; những đại biểu người Anh tham gia Tổng Hội đồng ở Luân Đôn sẽ là những kẻ bị mua chuộc, luôn luôn bán rẻ chúng ta cho giai cấp tư sản tự do và cho những tay sai *cấp tiến* của ngài Glát-xtôn. Còn các dân tộc khác thì hoàn toàn không thể có đại biểu tham gia Hội đồng, bởi vì Vru-bơ-lép-xki, Mác-Đô-nen, Phran-ken không muốn ở lại trong Tổng Hội đồng nếu không có Mác và những người khác.

Dù cho báo chí tư sản có nói gì chẳng nữa, những công nhân La Hay vẫn tiếp đón chúng tôi rất tốt. Có một lần, bọn phản động ngấm phái đến chỗ chúng tôi một số tên say rượu để sau khi hội nghị kết thúc bọn này phải hát bài quốc ca của nhà vua Ha Lan. Chúng tôi cứ để cho chúng hát và chúng tôi cũng hát

bài "Mác-xây-e" để đáp lại trong khi đi qua bọn chúng. Muốn đuổi bọn chúng đi bằng vũ lực thì chỉ cần một số ít đại biểu của đại hội cũng đủ thôi. Trong phiên họp cuối cùng, vào thứ bảy, rất đông công chúng đã nhiều lần vỗ tay hoan nghênh các diễn giả.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 5 tháng Mười  
1872  
Đã đăng trên báo "La Plebe" số 107, ngày  
18 tháng Mười 1872*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**PH.ĂNG-GHEN**  
**GỬI HỘI ĐỒNG LIÊN CHI HỘI ANH**  
**CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN**  
**QUỐC TẾ VỀ NHỮNG CUỘC BÃI CÔNG**  
**Ở BỜ ĐÀO NHA**

122, Đường công viên Ri-giân  
Luân Đôn, ngày 16 tháng Mười 1872

Các bạn!

Tôi lấy làm vinh dự thông qua ông Duy-pông tại cuộc họp của các bạn ngày 26 tháng Chín, trình bày với các bạn bản thông báo do Hội đồng Liên chi hội Li-xbon gửi cho tôi nói về một vài sự việc của những chi bộ Quốc tế sở tại có liên quan đến cuộc đấu tranh kinh tế và đòi hỏi phải có những biện pháp cấp bách tại nước Anh<sup>197</sup>. Tôi đã thấy bản thông báo đăng trên tờ "International Herald", nhưng tôi không biết Hội đồng Liên chi hội có quyết định biện pháp gì thêm không về sự kiện này.

Vì tôi có trách nhiệm phải báo cho những thông tin viên Li-xbon của tôi biết xem tôi đã làm gì cho các bên hữu quan, nên tôi hy vọng rằng Hội đồng Liên chi hội sẽ không từ chối báo cho

tôi biết xem về sự việc này hội đồng có làm gì không và cụ thể đã làm gì.

Xin gửi lời chào anh em  
**Ph.Ă** của các bạn

*Do Ph. Ăng-ghen viết*

*Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga  
trong C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập  
xuất bản lần thứ nhất, t.XXVI, năm 1935.*

*In theo bản thảo*

*Nguyên văn là tiếng Anh*

## C.MÁC

### GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "VOLKSSTAAT"

Bài xã luận trong tờ "Volksstaat" số 84 - "Về Đại hội La Hay. III" - có nói đến một việc liên quan đến tôi mà không đúng, tôi nhận thấy cần phải cải chính lại, chỉ vì sự sai lầm đó lộ ra chính là ở trong tờ báo "Volksstaat". Nếu như tôi thấy cần phải bác bỏ sự nói dối, sự vu khống, sự đê tiện, và cả những "sự sai lầm" vô tình của báo chí đối địch với tôi, thì tôi sẽ không còn dù chỉ là một phút cho công việc thật sự!

Trong bài xã luận nói trên viết:

"La-phác-gơ hoàn toàn không giữ vai trò của "quan hầu" của Mác, cho nên khi đề cập đến việc khai trừ Xvít-xguê-ben là người bạn chiến đấu của Ghi-ôm, thì ông ta đã *không biểu quyết*, mặc dù đề nghị khai trừ là do Mác đưa ra"<sup>198</sup>.

Đề nghị nói trên do một uỷ ban điều tra được Đại hội chỉ định, đưa ra, chứ không phải do tôi đưa ra. Còn về phần tôi, thì tôi đề nghị Đại hội *khai trừ Đồng minh* và chỉ định một uỷ ban điều tra hoạt động của nó. Trước uỷ ban này, tôi cùng với những người khác đã có mặt với tư cách là người làm chứng của bên buộc tội. Đến khi cuộc điều tra sắp xong, tức là đến lúc cuối cùng, hơn nữa, chính trong khi một phiên họp của Đại hội đang tiến hành, thì những lời khai của tôi mới được nghe. Trước đó, một uỷ viên của Uỷ ban tỏ ý muốn nói chuyện riêng với tôi nhằm mục đích hiểu rõ những vấn đề thuần tuý về những sự việc. Tôi đã từ chối cuộc gặp gỡ đó để người ta khỏi tưởng là cá nhân tôi gây ảnh hưởng đối với uỷ ban.

Khi trình bày những lời khai của mình với uỷ ban, tôi không hề nhắc đến Xvít-xguê-ben, cũng như không nhắc đến Ghi-ôm là người lãnh đạo của ông ta. Tôi chỉ nhắc đến *một thành viên của Đồng minh*<sup>1\*</sup> đã có mặt tại đại hội, đồng thời còn bày tỏ niềm tin của mình rằng thành viên đó không phải là một thành viên của Đồng minh "bí mật" hoặc ít ra thì cũng đã không còn được tham gia Đồng minh "bí mật" ấy nữa từ lâu rồi.

Trong phiên họp cuối cùng của đại hội, tôi đã bỏ phiếu *tán thành* khai trừ Xvít-xguê-ben, bởi vì những bằng chứng minh ông ta là thành viên của Đồng minh "bí mật" đã hết sức rõ ràng như những bằng chứng ấy đối với Ghi-ôm. Trong tình hình như vậy, những lời hối lỗi đau đớn của Xvít-xguê-ben không thể thuyết phục được tôi đổi ý kiến. Nhân tiện xin nói, ông Ghi-ôm nói cả quyết trong tờ "Bulletin jurassien" rằng tuồng như Xvít-xguê-ben tuyên bố đoàn kết một lòng với ông ta, như vậy rõ ràng là ông Ghi-ôm *nói dối*, nhưng mà nói dối lại là nghĩa vụ của mọi thành viên hội "kín". Trái hẳn lại. Mặc dù Ghi-ôm tuyên bố một cách hết sức nồng nhiệt rằng số phận của Xvít-xguê-ben gắn chặt với số phận của ông ta, nhưng Xvít-xguê-ben vẫn như điếc không nghe thấy lời kêu gào ấy in extremis<sup>2\*</sup> ! Trong lời hối lỗi của mình, ông không hề nhắc tới Ghi-ôm, và chính lời hối lỗi đó đã tranh thủ được cảm tình của đại đa số. Với tư cách là một thành viên của uỷ ban công bố văn kiện đại hội, cố nhiên tôi đã xem rất cẩn thận những biên bản chính thức của đại hội.

Còn về phần La-phác-gơ, thì cần phải chỉ rõ rằng anh Bi-đéc-man<sup>3\*</sup> "thành thật" đang nói dối khi gọi La-phác-gơ là đại biểu của Bác-xê-lô-na. La-phác-gơ là đại biểu của Hội đồng Liên chi hội

1\* - T.Mô-ra-gô

2\* - trước giờ phút lâm chung

3\* chơi chữ: "Biedermann" - "người thành thật" và Biedermann- họ của tổng biên tập của báo "Deutsche Allgemeine Zeitung"

Bồ Đào Nha, của Liên chi hội Ma-đrít, và còn là đại biểu của một chi hội Tây Ban Nha nữa.

Luân Đôn, ngày 20 tháng Mười 1872

**C.Mác**

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat"  
số 86, ngày 26 tháng Mười 1872*

*In theo bản đăng tên báo  
Nguyên văn là tiếng Đức*

**PH.ĂNG- GHEN**  
**BÁO CÁO GỬI TỔNG HỘI ĐỒNG**  
**VỀ TÌNH HÌNH CỦA HỘI LIÊN HIỆP**  
**CÔNG NHÂN QUỐC TẾ Ở TÂY BAN NHA,**  
**BỒ ĐÀO NHA, I-TA-LI-A<sup>199</sup>**

**1. Tây Ban Nha**

Ở Tây Ban Nha, Quốc tế được lập ra lúc đầu như là một vật phụ thuộc đơn giản của hội kín Ba-cu-nin, tức Đồng minh; Quốc tế phải trở thành cơ sở tuyển mộ người cho Đồng minh và đồng thời phải là đòn bẩy để tác động vào toàn bộ phong trào vô sản. Chúng ta sẽ thấy rằng ngay cả bây giờ Đồng minh cũng vẫn công khai tìm cách làm cho Quốc tế ở Tây Ban Nha quay trở lại địa vị phụ thuộc trước kia của nó.

Do tình trạng lệ thuộc đó, cho nên những luận thuyết đặc biệt của Đồng minh - xoá bỏ ngay tức khắc nhà nước, trạng thái vô chính phủ, phản đối chủ nghĩa cực quyền, khước từ mọi hành động chính trị... đã được tuyên truyền ở Tây Ban Nha và được coi như là *học thuyết* của Quốc tế. Đồng thời mỗi hội viên nổi tiếng của Quốc tế đều lập tức được liệt vào tổ chức bí mật và người ta sẽ làm cho họ tưởng rằng cách thức lãnh đạo như thế của hội kín đối với Hội liên hiệp công khai được áp dụng khắp mọi nơi và là một hiện tượng hoàn toàn tự nhiên.

Tất cả điều đó đã xảy ra vào năm 1869, và nhân vật người I-ta-li-a có tên là Pha-ne-li, người đầu tiên đặt cơ sở cho Quốc tế ở Tây Ban Nha, đồng thời cả cho Đồng minh đã làm trái với những niềm tin về thuyết không tham gia của mình, và hiện giờ là một nghị viên của nghị viện I-ta-li-a. Tháng Sáu năm 1870, đại hội đại biểu Tây Ban Nha đầu tiên của Quốc tế họp tại Bác-xê-lô-na; đại hội đã thông qua kế hoạch tổ chức, sau đó kế hoạch này đã được xây dựng đầy đủ tại hội nghị đại biểu ở Va-len-xi-a (tháng Chín 1871), hiện tại kế hoạch đó đang được thực hiện và đã đem lại những kết quả xuất sắc nhất.

Việc Hội liên hiệp chúng ta đã tham gia vào những sự kiện cách mạng Công xã Pa-ri (cùng với sự tham gia mà người ta gán cho nó) đã đặt Quốc tế lên hàng đầu ở Tây Ban Nha, cũng như ở mọi nơi khác. Địa vị xuất sắc đó, cùng với những vụ truy nã đầu tiên của chính phủ tiếp ngay sau đó, đã mở rộng rất nhiều hàng ngũ của chúng ta ở Tây Ban Nha. Tuy nhiên, trong cả nước Tây Ban Nha, cho đến khi triệu tập hội nghị đại biểu ở Va-len-xi-a, tổng cộng có 13 liên chi hội địa phương, không kể một số chi hội riêng lẻ trong các địa phương.

Hội nghị đại biểu ở Va-len-xi-a đã quyết định để trụ sở Hội đồng liên chi hội ở Ma-đrit, nơi mà nó đã đóng ở đây theo quyết nghị của Đại hội đại biểu Bác-xê-lô-na; thành phần của Hội đồng liên chi hội hầu như vẫn như cũ; tuy nhiên, một uỷ viên có tiếng nhất của nó là Tô-mát Gôn-xa-le-xô Mô-ra-gô (đại biểu Đại hội La Hay) không được bầu lại. Khi Hội đồng liên chi hội - trong thời gian chính phủ tiến hành những vụ truy nã đầu tiên, vào tháng Sáu năm 1871 - phải tìm chỗ ẩn náu ở Li-xbon thì Mô-ra-gô đã rời bỏ cương vị của mình vào lúc nguy cấp, đó cũng là nguyên nhân khiến ông ta bị khai trừ ra khỏi Hội đồng liên chi hội mới. Từ đó bắt đầu một cuộc đấu tranh ngấm ngầm được kết thúc bằng một sự chia rẽ công khai.

Tiếp sau hội nghị đại biểu ở Va-len-xi-a thì Hội nghị đại biểu Luân Đôn họp (tháng Chín năm 1871), người Tây Ban Nha đã

cử đại biểu của mình là An-xen-mô Lo-ren-xô tham gia hội nghị này. Lo-ren-xô là người đầu tiên đã mang đến Tây Ban Nha cái tin nói rằng Đồng minh bí mật chẳng những *không phải* là một hiện tượng bình thường trong Hội liên hiệp của chúng ta, mà trái lại, Tổng Hội đồng và đại đa số các liên chi hội là những đối thủ rất kiên quyết chống lại nó, vì sự tồn tại của nó lúc bấy giờ ai ai cũng đều biết cả.

Chẳng bao lâu sau đó, *Xa-ga-xta* bắt đầu truy nã Quốc tế, đặt Quốc tế ra ngoài vòng pháp luật. Còn *Mô-ra-gô* lúc bấy giờ vẫn là uỷ viên của hội đồng địa phương Ma-đrít, lại rời bỏ cương vị của mình và xin từ chức. Song sau những việc doạ dẫm ấy của chính phủ, cũng chẳng thấy có những biện pháp nghiêm ngặt nào tiếp theo. Tuy nhiên, các hội viên Quốc tế bị bác bỏ quyền tổ chức những cuộc hội họp *công khai*, nhưng các chi hội và các hội đồng vẫn tiếp tục tiến hành những cuộc họp này mà không gặp trở ngại. Kết quả duy nhất của những cuộc truy nã ấy của chính phủ là sự tăng lên rất nhiều số người ủng hộ Quốc tế. Đến khi Đại hội Xa-ra-gốt họp, tức là vào tháng Tư năm 1872, Hội liên hiệp đã có 70 liên chi hội địa phương được hình thành về tổ chức, đồng thời 100 địa phương khác đã tích cực tiến hành công tác tuyên truyền và công tác tổ chức. Ngoài ra còn tổ chức được tám công đoàn bao trùm khắp cả nước và được đặt dưới sự lãnh đạo của Quốc tế, và kế hoạch tổ chức ra một Tổng công đoàn thống nhất của tất cả công nhân xí nghiệp Tây Ban Nha (công nhân cơ khí, công nhân nhà máy sợi và công nhân dệt) cũng sắp được thực hiện.

Lúc đó, cuộc đấu tranh ngấm ngấm trong nội bộ Quốc tế vẫn tiếp tục và đã bắt đầu có một sự chuyển biến khác và nghiêm trọng hơn. Sự ghét bỏ riêng tư của *Mô-ra-gô* (mặc dù ông ta đào ngũ lần thứ hai, nhưng vẫn có ảnh hưởng rất lớn ở Ma-đrít) đối với những thành viên của Hội đồng liên chi hội mới được bầu ra tại Hội nghị đại biểu ở Va-len-xi-a, đã không còn là động cơ duy nhất của cuộc đấu tranh ấy. Những nghị quyết của Hội nghị

đại biểu Luân Đôn về chi hội công khai của Đồng minh và về hành động chính trị của giai cấp công nhân đã làm nổi khùng những người cầm đầu Đồng minh bí mật và đặc biệt là những kẻ thân tín cấp cao trực tiếp nhận chỉ thị của Ba-cu-nin; *Mô-ra-gô* cũng thuộc vào số đó. Sự nổi khùng này được thể hiện qua bản thông báo Xông-vi-li-ê của Liên chi hội Giuy-ra đòi triệu tập ngay tức khắc đại hội đại biểu bất thường. Về vấn đề này, Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha và cả nhiều chi hội nữa không dám phản đối Tổng Hội đồng và Hội nghị đại biểu Luân Đôn, điều đó bị coi là một tội mới. Hơn thế nữa tháng Giêng năm 1872, Pôn La-phác-gơ đến Ma-đrít, đặt quan hệ thân thiết với những uỷ viên của Hội đồng liên chi hội và đã mau chóng lấy nhiều sự việc để chứng minh cho họ rằng tất cả mọi việc ám muội của những người ở Giuy-ra đều là âm mưu dựa trên sự vu khống nhằm phá hoại Quốc tế. Kể từ khi đó, số phận của họ đã được định đoạt sẵn rồi. Vì những uỷ viên của Hội đồng liên chi hội đồng thời cũng là các biên tập viên của tờ "Emancipacion", cho nên hội đồng địa phương đã sinh sự cãi vã với tờ báo này và đã khai trừ được họ ra khỏi Liên chi hội địa phương Ma-đrít. Tại Đại hội Xa-ra-gốt, việc khai trừ này tuy bị bãi bỏ, nhưng lại đạt được mục đích trực tiếp là lợi dụng những chuyện cãi vã cá nhân làm cho trụ sở Hội đồng liên chi hội không thể đóng tại Ma-đrít. Quả vậy, Hội đồng liên chi hội đã di chuyển đến Va-len-xi-a, thành phần hội đồng hoàn toàn bị thay đổi. Trong hai uỷ viên được tái cử của hội đồng cũ, *Mô-ra* đã từ chức ngay rồi, còn *Lo-ren-xô* thì vì những ý kiến bất đồng xảy ra, chẳng bao lâu cũng từ bỏ những thẩm quyền của mình. Những uỷ viên còn lại của hội đồng phần lớn đều là thành viên của Đồng minh bí mật<sup>1\*</sup>.

1\* Trong bản thảo, tiếp đó là một đoạn đã bị xoá: "Càng gần tới thời gian triệu tập Đại hội đại biểu của Quốc tế, được ấn định vào tháng Chín 1872, thì những mảnh khoẻ của Đồng minh nhằm bảo đảm có được đa số tại Đại hội, càng lộ rõ".



Sau Đại hội Xa-ra-gốt, sự chia rẽ giữa những người ủng hộ Đồng minh và những người ngả theo Quốc tế ngày càng rõ rệt. Cuối cùng, ngày 2 tháng Sáu 1872, các uỷ viên của Hội đồng liên chi hội cũ (Mê-xa, Mô-ra, Pau-li, Pa-khe-xơ v.v.) lúc đó chiếm đa số trong chi hội Ma-đrít của Đồng minh, đã gửi thông tri cho tất cả các chi hội của hội kín này báo tin việc giải tán chi hội của mình và kêu gọi các chi hội khác cùng làm theo gương họ<sup>200</sup>. Ngày hôm sau, tất cả những người ấy đều bị khai trừ ra khỏi Liên chi hội địa phương Ma-đrít của Quốc tế với một lý do giả tạo và rõ ràng việc khai trừ ấy trái với Điều lệ. Trong số 130 hội viên, chỉ có 15 người có mặt trong cuộc bỏ phiếu này, những người bị khai trừ đã thành lập một liên chi hội mới, nhưng không được Hội đồng liên chi hội thừa nhận. Họ đã đề nghị lên Tổng Hội đồng, Tổng Hội đồng đã thừa nhận họ mà không hỏi ý kiến của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha, và quyết định của Tổng Hội đồng đã được Đại hội La Hay phê chuẩn.

Nguyên nhân khiến cho Tổng Hội đồng cũ trong trường hợp đó không hỏi ý kiến của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha, là: cuối cùng, sau khi đã nắm được đầy đủ bằng cứ chứng minh về sự tồn tại và hoạt động của Đồng minh ở Tây Ban Nha và còn chứng minh được rằng đại đa số, nếu không phải là tất cả, những uỷ viên của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha, đồng thời cũng là hội viên của Đồng minh, Tổng Hội đồng đã viết thư cho hội đồng này yêu cầu trình bày và báo cáo về hội kín<sup>1\*</sup>. Trong thư trả lời ngày 3 tháng Tám 1872, Hội đồng Tây Ban Nha đã công khai đứng về phía Đồng minh và ngoài ra còn tuyên bố rằng Đồng minh đã giải tán rồi. Hỏi ý kiến một hội đồng mà trong cuộc đấu tranh giữa Quốc tế và các hội kín được lập ra trong nội bộ Quốc tế, hội đồng này đã đứng về phía hội kín ấy, thì hiển nhiên điều đó là quá thừa, vì vậy Đại hội La Hay đã hoàn toàn phê chuẩn quyết định của Tổng Hội đồng.

1\* Xem tập này, tr. 165-168.

Để bảo đảm việc bầu các thành viên Đồng minh làm đại biểu tại Đại hội La Hay; Hội đồng liên chi hội đã ra một thông tri mật mà không thể cho Tổng Hội đồng biết nội dung, bằng cách đó đã vận dụng các mảnh khốe thủ đoạn, những mảnh khốe này đã bị bóc trần tại đại hội; nếu không có tinh thần chịu đựng lạ thường mà phần đông đại biểu của Đại hội La Hay đã tỏ ra, thì chỉ chừng đó cũng đủ để thừa nhận giấy chứng nhận tư cách đại biểu của bốn đại biểu Liên chi hội Tây Ban Nha là vô hiệu rồi.

Như vậy, tình hình ở Tây Ban Nha hiện giờ là như sau:

Ở Tây Ban Nha chỉ có hai liên chi hội địa phương hoàn toàn và công khai thừa nhận nghị quyết của Đại hội La Hay và Tổng Hội đồng mới; đó là Liên chi hội Ma-đrít mới và Liên chi hội ở Anca-la-đơ - Ê-na-rê-xơ. Nếu hai liên chi hội này không thể lôi cuốn được phần lớn hội viên Quốc tế ở Tây Ban Nha về phía mình, thì họ sẽ tạo thành hạt nhân của một liên chi hội Tây Ban Nha mới.

Phần đông các hội viên Quốc tế ở Tây Ban Nha vẫn còn đi theo Đồng minh, Đồng minh vừa thống trị trong Hội đồng liên chi hội, vừa thống trị trong các hội đồng địa phương quan trọng hơn. Nhưng có nhiều dấu hiệu chứng tỏ những nghị quyết của đại hội đã gây ấn tượng sâu sắc đối với quần chúng ở Tây Ban Nha. Quốc tế có tiếng tăm rất lớn ở đây, biểu hiện chính thức của Quốc tế - đại hội đại biểu - có ảnh hưởng tinh thần to lớn. Do vậy, các ngài trong Đồng minh ngày càng khó làm cho quần chúng tin ở sự đúng đắn của họ. Thái độ chống đối bắt đầu trở nên nghiêm trọng. Đứng đầu phong trào này là những công nhân công xưởng Ca-ta-lô-ni với tổ chức công đoàn đông 4 vạn người; họ yêu cầu triệu tập đại hội bất thường của tổ chức Tây Ban Nha để nghe các báo cáo của các đại biểu Đại hội La Hay và điều tra hành vi của Hội đồng liên chi hội. Cơ quan của Liên chi hội Ma-đrít mới, tờ "Emancipacion", - có lẽ là một tờ báo tốt nhất mà Quốc tế có hiện nay - tuần nào cũng vạch trần Đồng minh. Căn cứ theo những số báo mà tôi đã gửi cho ông Doóc-gơ,

Tổng Hội đồng có thể thấy rõ rằng tờ báo này đang tiến hành cuộc đấu tranh một cách kiên quyết biết nhường nào, một cách sắc sảo biết nhường nào, với một sự am hiểu như thế nào về những nguyên tắc lý luận của Hội liên hiệp chúng ta. Hô-xê Mê-xa, tổng biên tập hiện nay của tờ báo này, mà xét về phẩm chất và tài năng thì rõ ràng là một người xuất sắc nhất trong số những người của chúng ta ở Tây Ban Nha, và đương nhiên cũng là một người ưu tú trong tất cả những người ưu tú của chúng ta.

Tôi mạn phép khuyến nghị với những người bạn Tây Ban Nha của chúng ta chớ nên đặc biệt vội vã triệu tập đại hội bất thường, mà nên chuẩn bị một cách kỹ càng. Đồng thời tôi đã gửi cho báo "Emancipacion" những báo cáo về đại hội và cả những bài báo khác<sup>1\*</sup>; và từ nay về sau tôi cũng sẽ làm như vậy, bởi vì Mê-xa - hiện nay là người duy nhất ở Ma-đrít có khả năng viết lách giỏi - dù có nghị lực phi thường, cũng không thể một mình ứng phó nổi tất cả mọi việc. Tôi không nghi ngờ gì cả, nếu các đồng chí Tây Ban Nha của chúng ta được sự ủng hộ đầy đủ của Tổng Hội đồng, thì chúng ta sẽ khắc phục được mọi trở ngại ở đây và làm cho một trong những tổ chức ưu tú nhất của Quốc tế thoát khỏi ảnh hưởng của những tay bịp bợm trong Đồng minh.

**Ph.Ăng-ghen**

nguyên bí thư về Tây Ban Nha

Luân Đôn, ngày 31 tháng Mười 1872

*Công bố lần đầu tiên bằng tiếng viết trong nguyên bản trong tập sách "Briefe und Auszüge aus Briefen von Joh. Phil. Becker, Jos. Dietzgen Friedrich Engels, Karl Marx u.A.an F.A. Sorge und Andere". Stuttgart 1906.*

*In theo bản thảo  
Nguyên văn là tiếng Anh*

1\* Xem tập này, tr. 232 - 239.

**PH. ĂNG-GHEN**  
**GỬI HIỆP HỘI CÔNG NÔNG MIỀN**  
**HẠ LÔM-BẮC-ĐI (CHI HỘI CỦA QUỐC TẾ)**  
**Ở LÔ-ĐI<sup>201</sup>**

Luân Đôn, ngày 13 tháng Mười một 1872

Các bạn!

Tôi hết sức vui mừng được biết các bạn đã thành lập một chi hội của Quốc tế. Tôi đã báo cáo ngay việc đó cho Tổng Hội đồng ở Niu Oóc. Cuối bức thư này, tôi chỉ cho các bạn biết địa chỉ để trao đổi thư từ trực tiếp với Tổng Hội đồng, đồng thời tôi cũng luôn sẵn sàng cung cấp mọi tin tức, mọi sự giải thích cho các bạn hoặc làm bất cứ việc gì khác mà các bạn mong muốn.

Xin gửi lời chào anh em  
**Phri-đrich Ăng-ghen**

*Đã đăng trên báo "La Plebe" số 117,  
ngày 17 tháng Mười một 1872*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

## PH.ĂNG-GHEN

### NHỮNG BỨC THƯ TỪ LUÂN ĐÔN

#### III

#### \*CUỘC MÍT-TINH Ở CÔNG VIÊN HÂY-ĐƠ

Luân Đôn, ngày 14 tháng Mười một 1872

Chính phủ của *phái tự do* Anh hiện giờ đang giam cầm trong nhà tù ít nhất là 42 chính trị phạm Ai-rơ-len, chính phủ đối xử với họ chẳng những như với bọn trộm cắp và bọn giết người, mà còn tệ hơn nhiều, cực kỳ tàn bạo. Trong những thời kỳ huy hoàng của ông vua trái phá<sup>1\*</sup>, người đứng đầu nội các *phái tự do* hiện nay, ngài Glát-xtôn đã làm một chuyến đi đến nước I-ta-li-a và đã thăm các chính trị phạm ở Na-plơ; sau khi trở về nước Anh, ngài đã công bố một tập sách nghiêm khắc lên án Chính phủ Na-plơ trước châu Âu về sự đối xử tàn tệ của chính phủ này đối với chính trị phạm<sup>202</sup>.

Điều đó chẳng ngăn cản được ngài Glát-xtôn ấy đối xử một cách như vậy với các chính trị phạm Ai-rơ-len mà ngài vẫn còn giam cầm họ. - Các hội viên Ai-rơ-len của Quốc tế đã quyết định tổ chức một cuộc biểu tình khổng lồ ở Công viên Hây-đơ (công viên lớn nhất Luân Đôn, trong thời kỳ các cuộc vận động chính trị tất cả những cuộc hội họp nhân dân đông đảo đều được tiến hành ở đây) đòi thực hiện đại ân xá. Họ liên lạc với tất cả các

1\* - Phéc-di-năng II

tổ chức dân chủ Luân Đôn và thành lập một uỷ ban mà thành phần của nó ngoài những người khác ra, còn có Mác-Đô-nen (người Ai-rơ-len), Ma-ri (người Anh) và Le-xơ (người Đức) - là những uỷ viên của Tổng Hội đồng cũ của Quốc tế.

Một khó khăn đã nảy sinh. Trong thời gian có kỳ họp gần đây của nghị viện, chính phủ đã thông qua được một đạo luật trao quyền cho chính phủ đặt quy chế cho những cuộc hội họp công chúng tại các công viên Luân Đôn. Chính phủ đã lợi dụng quyền ấy, và ra lệnh dán bản quy chế quy định rằng ai muốn tổ chức một cuộc hội họp công chúng như vậy thì phải viết giấy báo cáo cho cảnh sát biết việc đó hai ngày trước khi triệu tập cuộc hội họp và ghi rõ tên của các diễn giả<sup>203</sup>. Quy chế này được giấu giếm một cách cẩn thận đối với báo chí Luân Đôn, chỉ một lần hạ bút mà nó đã xoá mất một trong những quyền mà nhân dân lao động Luân Đôn quý nhất, quyền hội họp trong công viên bất cứ lúc nào và bằng bất cứ cách gì. Phục tùng quy chế ấy thì tức là hy sinh quyền lợi của nhân dân.

Những người Ai-rơ-len là bộ phận cách mạng nhất trong nhân dân, chẳng phải là những kẻ có thể tỏ ra hèn yếu như vậy. Uỷ ban đã nhất trí quyết định hành động, tuồng như thể không biết là có quy chế ấy và cứ tiến hành hội họp, bất chấp mệnh lệnh của chính phủ.

Chủ nhật trước, vào khoảng ba giờ chiều, có hai đoàn người tuần hành rất đông, có kèm theo đội nhạc và cờ, tiến về phía Công viên Hây-đơ. Đội nhạc chơi những bài hát dân tộc Ai-rơ-len và bài "Mác-xây-e"; cờ hầu như toàn là cờ Ai-rơ-len (cờ màu xanh, có hình đàn thụ cầm màu vàng ở giữa) và cờ đỏ. Ở các cửa vào công viên chỉ có vài nhân viên của cảnh sát; các đoàn tuần hành không gặp phải sự phản kháng nào cả, cứ tiến vào công viên, tập họp tại địa điểm đã định, và người ta bắt đầu các bài diễn thuyết.

Ít ra đã có 3 vạn người đứng xem, trong đó hơn một nửa trên khuy áo có cài băng xanh hay tờ giấy xanh để biểu thị họ là người thuộc dân tộc Ai-rơ-len; những người còn lại là người Anh, người Đức, người Pháp. Đám người quá đông, khó mà nghe được các bài diễn thuyết, vì vậy bên cạnh đó lại tổ chức một cuộc mít-tinh khác nữa do những diễn giả khác phát biểu về cùng một chủ đề. Những bản nghị quyết đầy tinh thần kiên quyết đã được thông qua, đòi thực hiện cuộc đại ân xá và bãi bỏ những đạo luật đặc biệt đang tạo ra ở Ai-rơ-len chế độ giới nghiêm thường trực. Khoảng 5 giờ chiều, những người tuần hành lại xếp thành hàng, và đám đông rời khỏi công viên, xéo đạp lên bản quy chế của Chính phủ Glát-xtôn.

Đó là trường hợp biểu tình đầu tiên của người Ai-rơ-len ở công viên Hây-đơ; cuộc biểu tình này đã giành được thắng lợi to lớn, mà ngay cả báo chí tư sản Luân Đôn cũng không thể phủ nhận. Đó là dịp đầu tiên biểu thị sự đoàn kết thân ái của người Anh và người Ai-rơ-len trong nhân dân ta. Hai bộ phận giai cấp công nhân mà sự thù địch lẫn nhau giữa họ đã phục vụ rất tốt cho lợi ích của chính phủ và của các giai cấp giàu có, thì giờ đây đang chia tay ra cho nhau; sự việc đáng mừng ấy trước hết là kết quả của ảnh hưởng của Tổng Hội đồng Quốc tế cũ đã luôn luôn tập trung mọi cố gắng để chuẩn bị cho sự liên hiệp công nhân hai dân tộc trên cơ sở hoàn toàn bình đẳng. Cuộc hội họp ngày 3 tháng Mười một sẽ mở ra một thời đại mới trong lịch sử phong trào công nhân Luân Đôn.

Nhưng các bạn sẽ hỏi tôi, chính phủ làm gì đây? Có thể nào nó lại dễ dàng cam chịu một sự khinh miệt như vậy? Liệu nó có thể cho người ta dẫm đạp lên quy chế của nó mà không bị trừng phạt không?

Chính phủ đã hành động như sau: nó đã bố trí cạnh diễn đài trong công viên Hây-đơ hai phái viên cảnh sát kèm theo hai tên mặt vụ ghi tên diễn giả. Ngày hôm sau hai phái viên này

đã khởi tố các diễn giả trước *quan toà tiểu hình*. Quan toà đã gửi giấy gọi họ và họ phải ra trước toà trong ngày thứ bảy. Cái cách hành động như vậy đã chứng minh một cách khá rõ ràng rằng người ta không muốn tính chuyện làm một vụ án lớn đối với họ. Rõ ràng chính phủ đã thừa nhận rằng người Ai-rơ-len hoặc, như cách gọi ở đây, các hội viên hội Phê-ni-ăng đã làm cho chính phủ phải chịu thất bại, cho nên chính phủ mới bằng lòng với một khoản tiền phạt không lớn. Dù sao chẳng nữa, những cuộc tranh luận tại toà sẽ rất thú vị, trong bức thư sắp tới tôi sẽ báo cho các bạn biết những cuộc tranh luận đó<sup>1\*</sup>. Nhưng có một điều hoàn toàn khẳng định là người Ai-rơ-len, nhờ nghị lực của mình đã cứu được quyền của dân Luân Đôn được tổ chức hội họp tại công viên vào bất cứ lúc nào và bằng bất cứ cách nào.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 14 tháng Mười một 1872*

*Đã đăng trên báo "La Plebe" số 117, ngày 17 tháng Mười một 1872*

*Ký tên: Ph. Ăng-ghen*

*In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a In bằng tiếng Nga lần đầu*

1\* Xem tập này, tr. 260 - 263.

## PH.ĂNG-GHEN NHỮNG BỨC THƯ TỪ LUÂN ĐÔN

### IV

#### \*CUỘC MÍT-TINH Ở CÔNG VIÊN HÂY-ĐƠ - TÌNH HÌNH Ở TÂY BAN NHA

Luân Đôn, ngày 11 tháng Chạp 1872

Vụ án mà Chính phủ Anh khởi tố đối với những diễn giả phát biểu tại cuộc mít-tinh của người Ai-rơ-len ở Công viên Hây-đơ, nay đã trút lên đầu nó một cơn giông tố phũ phàng. Quả vậy, quan toà của tiểu hình đã xử phạt bị cáo năm đồng bảng Anh, nhưng những cuộc tranh luận trước toà đã chứng minh bản quy chế mới về công viên, xét theo tất cả mọi góc độ, là phi pháp, nên toà phúc thẩm thụ lý vụ án ấy sẽ phải tuyên bố các bị cáo trắng án.

Nhưng không phải chỉ có thế:" sau cuộc mít-tinh đầu tiên đó, không một chủ nhật nào lại không có tụ họp công khai tại công viên Hây-đơ, và chính phủ cũng chẳng dám gây khó dễ cho bất cứ một diễn giả nào cả. Một bận đã có cuộc hội họp nhằm bảo vệ những cảnh sát đã tuyên bố bãi công; một lần khác người ta họp mít-tinh chỉ để khẳng định quyền tổ chức hội họp tại công viên.

Cảnh sát cũng bãi công ư? - Các vị sẽ hỏi. Đúng thế, các vị ạ; nước Anh là một nước bị ma ám, ở đây đâu đâu cũng có phong

trào bãi công. Tôi nhớ, cách đây mười lăm năm cảnh sát Man-se-xtơ tuyên bố bãi công đòi tăng lương, và đã giành được thắng lợi hoàn toàn sau vài ba ngày. Cách đây mấy tuần lễ cảnh sát ở thủ đô này cũng đã dọa bãi công, vì họ đòi tăng lương khoảng 20%; nhưng đã bị khước từ. Đến phút cuối cùng, chính phủ thấy cần phải thoả mãn tất cả những yêu cầu của họ thì mới có lợi; nhưng để trấn áp, chính phủ đã xử phạt người thư ký của *hội phản kháng* do chính cảnh sát lập ra, và người này đã bị thả hồi vì không muốn tuân theo hình phạt. Lúc đó, trong hàng ngũ cảnh sát bắt đầu có một phong trào chống đối và tuyên bố triệu tập hội họp tại Công viên Hây-đơ. Chính phủ lại nhượng bộ, đã tha những người nổi loạn trước khi tiến hành hội họp, trừ người thư ký nói trên. Điều đó chứng tỏ rằng ở nước Anh, dưới cái vỏ hoàn toàn quý tộc, tinh thần tư sản đã thâm nhập khắp nơi. Quả thật, liệu có một nước nào khác mang tính chất tư sản đến mức dám để cho các hội chống đối tồn tại và cảnh sát bãi công không?

Những tin tức gửi tới đây nói về thái độ của các liên chi hội Quốc tế đối với nghị quyết của Đại hội La Hay khiến cho người ta vô cùng hài lòng. Ở Hà Lan (các đại biểu của nước này đã biểu quyết cùng với phái thiểu số), tại Đại hội đại biểu toàn quốc đã thông qua những nghị quyết phù hợp với tinh thần chân chính của Hội liên hiệp vĩ đại chúng ta<sup>204</sup>. Ở đây người ta đã cố gắng hành động theo Điều lệ của Quy chế của Tổng Hội đồng Niu Oóc, nhưng vẫn bảo lưu quyền đề ra những điểm sửa đổi cần thiết tại Đại hội chung sẽ họp vào tháng Chín 1873, và không thừa nhận bất cứ đại hội nào khác được quyền thông qua những nghị quyết nào đó đụng chạm đến lợi ích chung của Hội liên hiệp.

Ở Tây Ban Nha, những người lãnh đạo của phái thiểu số của Đại hội La Hay tự coi mình là những kẻ hoàn toàn làm chủ tình thế, nhưng ý thức lãnh mạnh của công nhân vẫn thắng thế. Những người ủng hộ Đồng minh đứng đầu Hội đồng liên chi hội đã quyết định ngày 25 tháng Chạp sẽ họp Đại hội đại biểu toàn quốc ở Coóc-dô-va<sup>205</sup>. Theo chương trình nghị sự đã được thông qua tại

đại hội lần trước ở Xa-ra-gốt, thì đại hội lần này phải chỉnh đốn cơ cấu tổ chức của Liên chi hội Tây Ban Nha theo đúng các nghị quyết sẽ được đại hội chung của Quốc tế thông qua. Đáng lẽ làm như vậy, thì Hội đồng liên chi hội lại đưa vào chương trình nghị sự vấn đề lựa chọn giữa những nghị quyết của Đại hội đại biểu Quốc tế La Hay và những nghị quyết của Đại hội đại biểu chống Quốc tế được triệu tập ở Xanh - I-mê<sup>206</sup>. Đó là một sự vi phạm rõ rệt Điều lệ chung. Vì vậy, Liên chi hội Ma-drít mới đã kêu gọi tất cả những liên chi hội trung thành với Quốc tế (thừa nhận Điều lệ chung và những nghị quyết của các kỳ đại hội) bầu ra một hội đồng liên chi hội mới lâm thời<sup>207</sup>. Lời kêu gọi đó đã được sự ủng hộ của những liên chi hội và các chi hội quan trọng như: ở Lê-ri-đa, Ba-đa-lơn, Đê-ni-a, Pông-đơ Vi-lu-ma-rơ. Ngoài ra, các liên chi hội ở Gra-xi, Tô-le-đô, An-ca-la và rất nhiều liên chi hội ở Ca-đi-xơ và Va-len-xi-a cũng chống lại Hội đồng liên chi hội hiện nay. Ở Gra-xi-a, một vùng ngoại ô công nghiệp của Bác-xê-lô-na, sau ba tối tranh luận kéo dài với những *phần tử Đồng minh* ở Bác-xê-lô-na, liên chi hội này (có 500 hội viên) đã nhất trí tán thành tất cả những nghị quyết La Hay và quyết nghị khiêu tránh các đại biểu Tây Ban Nha về hành vi của họ tại kỳ đại hội chung gần đây của Hội liên hiệp. Ở Va-len-xi-a, Hội đồng liên chi hội cảm thấy nguy cơ bị đánh bại trong hội nghị toàn liên chi hội và đã gây trở ngại cho cuộc bỏ phiếu có thể bất lợi cho họ; hành động đó đã dẫn đến sự chia rẽ<sup>208</sup>. Tây Ban Nha cũng chỉ mới bước lên con đường đó; qua vài tuần lễ phong trào sẽ đủ mạnh để chứng minh rằng công nhân Tây Ban Nha không muốn cam chịu để cho người ta phá hoại *Quốc tế* vì lợi ích của những người lãnh đạo của những hội kín nào đó.

Trong Đại hội La Hay người ta đã nêu lên vấn đề về một ông Bau-xơ<sup>1\*</sup> nào đó, thư ký của Sở cảnh sát ở Bê-di-e, đã chui vào hàng ngũ *Quốc tế*, nhưng theo yêu cầu của chi hội mình hắn đã

bị Tổng Hội đồng cũ khai trừ ra khỏi Quốc tế. Gã này về sau đã được Chi-e thăng chức đội trưởng cảnh sát trong thành phố của hắn và đã tìm được một người bảo vệ hắn trong số 21 của tờ "Bulletin jurassin"<sup>209</sup>. Chẳng cần phải đặc biệt ngạc nhiên về điều đó, vì hàng ngũ của Liên chi hội Giuy-ra đã hun đúc ra những tay cự phách như An-béc Ri-sác và Ga-xpác Bẳng, những kẻ hiện làm tay sai cho Lu-i-Na-pô-lê-ông.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 11 tháng  
Chạp 1872  
Đã đăng trên báo "La Plebe" số 122,  
ngày 14 tháng Chạp 1872  
Ký tên: Ph. Ăng-ghen*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a*

1\* Xem tập này, tr.212.

## C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN GỬI ÔNG CHỦ BÚT BÁO "INTERNATIONAL HERALD"<sup>210</sup>

Ông chủ bút thân mến!

Cho đến nay chúng tôi vẫn nhận thấy cần phải đáp lại những điều dối trá và vu khống mà ông Giôn Hây-dơ "tự trị" đã không ngớt phao ra đối với chúng tôi. Nhưng khi sự vu khống như vậy được tung ra với danh nghĩa của Hội đồng Liên chi hội Anh và tuồng như theo sự uỷ nhiệm của Hội đồng liên chi hội ấy, khi sự vu khống đó nhằm mục đích gây tổn thất cho Quốc tế nói chung, thì chúng tôi buộc phải lên tiếng.

Ông Hây-dơ này bỗng nhiên đóng vai chiến sĩ đấu tranh cho "sự tự trị" của các chi hội và liên chi hội, trên thức tế đang hiểu sự tự trị ấy là sự chuyên quyền độc đoán của ông ta. Ông ta đã đạt được việc cử mình làm, thứ nhất, thư ký lập biên bản, thứ hai, bí thư thông tấn (trong nước Anh và ngoài nước); thứ ba, làm uỷ viên tài chính của Hội đồng. Liên chi hội Anh; nhưng vì bản thân ông ta không thể đồng thời cùng một lúc thực hiện tất cả những nhiệm vụ ấy, cho nên, thứ tư, ông ta cử những uỷ viên khác của hội đồng ấy làm tay sai của ông ta. Và thứ năm, ông ta lấy danh nghĩa của Hội đồng Liên chi hội Anh, viết thư đi khắp bốn phương nhưng không hề cho hội đồng này biết và không được hội đồng này phê chuẩn.

Chẳng hạn, trong số 23 của tờ "Bulletin jurassien" chúng ta tìm thấy một bức thư chính thức của Uỷ ban Giuy-ra phân liệt

gửi cho Hội đồng Liên chi hội Anh để trả lời bức thư cũng đăng trên tờ báo đó của ông Giôn Hây-dơ. Hội đồng Liên chi hội Anh hoàn toàn không biết là có bức thư đó, chúng tôi tin chắc như vậy.

Trong bức thư này ông Hây-dơ quả quyết nói:

"Kỳ đại hội này" (ở La Hay) "đã vạch trần bộ mặt giả dối của những nhà hoạt động của Tổng Hội đồng cũ, họ đã mưu toan tổ chức bên trong Hội liên hiệp chúng ta một hội kín rộng rãi, lấy cơ tiêu diệt một hội kín khác mà sự tồn tại của nó do họ phát minh ra vì những mục đích riêng của họ".

Lô-gích của ông Hây-dơ thật là tuyệt vời. Việc đại hội khai trừ Đồng minh ra khỏi Quốc tế trở thành một bằng cứ giúp ông ta chứng minh sự giả dối của Tổng Hội đồng cũ, hội đồng này đã không thừa nhận tổ chức đó. Về cái Đồng minh tuồng như là do Tổng Hội đồng phát minh ra và về cái âm mưu bí mật cũng do Tổng Hội đồng bày đặt ra đó, thì ông I-ung, đương kim uỷ viên Hội đồng liên chi hội, có thể cung cấp những tài liệu cần thiết, một việc làm không ai có thể làm hơn ông ta được. Vốn là bí thư về Thụy Sĩ, ông ta hiểu rõ những công trạng của Đồng minh, mà cũng lại là một uỷ viên của Uỷ ban chấp hành Tổng Hội đồng cũ, ông ta biết rất tường tận về "âm mưu" do Giôn Hây-dơ phát minh ra. Những công trạng của cái Đồng minh công khai đã được công bố trong thông báo của Tổng Hội đồng cũ - "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế". Hoạt động bí mật của hội này cũng sẽ bị bóc trần thông qua việc công bố, hiện đang được chuẩn bị những tài liệu mà Uỷ ban điều tra do Đại hội La Hay cử ra nắm được<sup>1\*</sup>.

Ông Hây-dơ than vãn:

"Khi đang là Tổng thư ký của Hội đồng, tôi không hề biết và không thể có được địa chỉ của các liên chi hội lục địa".

1\* Xem tập này, tr.447-634.

Khi ông Hây-dơ là thư ký và là quan chức duy nhất hưởng lương của Tổng Hội đồng, thì ngoài việc làm các biên bản, gửi các trích yếu biên bản cho báo chí và trao đổi thư từ với các chi hội nước Anh và các tổ chức công liên, ông ta chẳng còn có trách nhiệm gì khác.

Việc trao đổi tin tức với các liên chi hội khác, các liên chi hội lục địa và các liên chi hội khác, được giao phó cho những vị thư ký không lĩnh thù lao, mà hoạt động của họ ông ta không cần phải nhúng vào. Còn ông ta làm nhiệm vụ trao đổi tin tức đã được giao phó như thế nào, thì qua nghị quyết riêng mà Tổng Hội đồng đã thông qua có thể thấy rõ theo nghị quyết ấy nhiệm vụ đó đã được chuyển giao cho ngài Min-nơ<sup>211</sup>.

Ông Hây-dơ tuyên bố tiếp:

"Có một lần Hội đồng liên chi hội Anh nhận được một bức thư rất quan trọng của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha gửi đến, nhưng tác giả bức thư, ông An-xen-mô Lo-ren-xô, đã quên báo địa chỉ của mình; Hội đồng Liên chi hội Anh đã hỏi ngài Ăng-ghen, - lúc ấy là thư ký thông tấn và Tây Ban Nha - đề nghị cho biết địa chỉ của Lo-ren-xô, ngài Ăng-ghen đã trả lời bằng cách chính thức từ chối. Cách đây không lâu, Ăng-ghen cũng trả lời bằng cách từ chối như vậy với chúng tôi về vấn đề địa chỉ của Hội đồng liên chi hội Li-xbon".

Về vấn đề này, ông Ăng-ghen chỉ biết được như sau: ông Ăng-ghen nhận được bức thư Tây Ban Nha nói ở trên do ông I-ung gửi đến, với yêu cầu duy nhất là phiên dịch bức thư ấy, việc đó Ăng-ghen đã làm. Còn việc Hội đồng Liên chi hội Anh yêu cầu báo cho biết địa chỉ của Lo-ren-xô, thì Ăng-ghen không hề biết gì cả. Nếu người ta gửi cho Ăng-ghen trích yếu biên bản của hội đồng về vấn đề này, thì Ăng-ghen sẽ cảm ơn.

Còn về sự việc Li-xbon, thì Hội đồng Bồ Đào Nha đã viết thư cho Ăng-ghen yêu cầu giúp đỡ nhân cuộc bãi công; và việc đầu tiên mà Ăng-ghen đã làm là yêu cầu Hội đồng Liên chi hội Anh giúp sức; đồng thời Ăng-ghen cũng đã bắt tay vào những biện pháp khác mà mình có thể làm được. Sau vài ba lần yêu cầu

bằng miệng được chuyển đạt thông qua các uỷ viên của Hội đồng liên chi hội và sau khi gửi một bức thư đề nghị<sup>1\*</sup>, khoảng vài tháng sau Ăng-ghen mới nhận được thư của ông Hây-dơ, trong đó ông ta báo cho biết rằng hội đồng đã tiến hành một số biện pháp trong việc này, và đồng thời đề nghị gửi cho ông ta địa chỉ Li-xbon. Ăng-ghen đã không trả lời bức thư này, vì biết rõ rằng Hây-dơ cần đến những địa chỉ này để thực hiện những âm mưu cá nhân. Các uỷ viên khác của Hội đồng liên chi hội Anh thì chẳng bao giờ có một sự thận trọng như vậy. Khi ông I-ung nhân danh Hội đồng Liên chi hội Anh yêu cầu cho biết các địa chỉ Béc-lin, Lai-pxích và Viên, thì các địa chỉ ấy lập tức được gửi cho ông ta.

Việc công bố trích yếu trong các biên bản của Tổng Hội đồng cũ mà phần lớn là do chính bản thân ông Hây-dơ soạn ra sẽ lật trần những động cơ của sự giận dữ của ông ta chống Tổng Hội đồng. Khi đó, vấn đề sẽ rõ ràng rành, nếu nói theo những lời lẽ trong bức thư của chính ông ta gửi cho Uỷ ban Giuy-ra, thì

"bất cứ ai không hiểu biết tường tận về Tổng Hội đồng cũ, thì thậm chí không thể hình dung được sự thật bị xuyên tạc đến mức độ nào"... bởi ông Giôn Hây-dơ.

Xin gửi lời chào anh em

**Ph.Ăng-ghen**  
**C.Mác**

*Viết ngày 29 tháng Chạp 1872*  
*Đã đăng trên các báo "The International Herald" số 38, ngày 21 tháng Chạp 1872 và báo "La Emancipacion" số 80, ngày 28 tháng Chạp 1872*

*In theo bản đăng trên báo "The International Herald"*  
*Nguyên văn là tiếng Anh*

1\* Xem tập này, tr.243.



**PH.ĂNG-GHEN**  
**CHI HỘI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**  
**Ở MAN-SE-XTƠ GỬI TẤT CẢ CÁC CHI HỘI**  
**VÀ HỘI VIÊN LIÊN CHI HỘI ANH<sup>212</sup>**

Các đồng chí công nhân!

Chúng tôi nhận thấy có nhiệm vụ kêu gọi các đồng chí nhân bản thông tư do những người tự xưng là phái đa số của Hội đồng liên chi hội Anh đưa ra, trong đó họ kêu gọi các đồng chí tham gia cuộc nổi loạn công khai của họ chống những nguyên tắc cơ bản của Hội liên hiệp chúng ta<sup>213</sup>.

Trong thông báo ấy, phái đa số của Hội đồng liên chi hội khẳng định rằng, tuồng như là phái thiểu số đã làm cho mọi công việc không thể thực hiện được và dẫn tới một tình trạng bế tắc, vì phiên họp gần đây bị chủ tịch giải tán trong khi đang tranh luận gay gắt nhất, tuồng như thể nhằm ngăn trở cuộc thảo luận.

Mối thoạt nhìn hình như có điều kỳ lạ là phái thiểu số lại có thể đặt phái đa số vào một tình trạng bế tắc, trong khi có lẽ chỉ cần biểu quyết một cách thông thường thì có thể bắt phái thiểu số phải im lặng. Xưa nay thường thường phái thiểu số tự tách ra. Đây là trường hợp đầu tiên *phái đa số* tự tách ra; và chỉ riêng một sự việc đó cũng đủ khiến cho người ta nghi ngờ ở đây có vấn đề gì không ổn rồi. Còn về những kêu ca phàn nàn đối với chủ tịch<sup>1\*</sup> tại một phiên họp, thì, như chúng ta đã

biết căn cứ theo những tài liệu xác thực, trong trường hợp này chủ tịch đã tuyên bố giải tán cuộc họp muộn hơn với bình thường là nửa giờ, vào 11 giờ 30 phút, vì những người ủng hộ phái đa số cứ khăng khăng đòi tạm nghỉ thảo luận vấn đề<sup>214</sup>.

Như trong thông báo đã nêu rõ, Hội đồng liên chi hội đã bắt đồng ý kiến về vấn đề có nên thừa nhận những nghị quyết của đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp chúng ta họp vào tháng Chín ở La Hay là những nghị quyết có hiệu lực hay không. Song, đối với hội viên Quốc tế thì điều đó hoàn toàn không thành vấn đề. Theo điều 3 Điều lệ chung của Quốc tế, đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp phải "áp dụng những biện pháp cần thiết cho hoạt động của Hội liên hiệp chúng ta có kết quả"<sup>215</sup>. Đại hội đại biểu là cơ quan lập pháp của nó. Nghị quyết của đại hội phải được toàn thể tuân theo. Kẻ nào không vừa lòng thì có thể hoặc là ra khỏi Hội liên hiệp, hoặc là tìm cách huỷ bỏ những nghị quyết đó trong đại hội kỳ sau. Nhưng bất kể hội viên nào của Hội liên hiệp, bất kể chi hội nào, hội đồng liên chi hội nào, đại hội đại biểu địa phương hoặc đại hội đại biểu toàn quốc nào, cũng đều không có quyền tuyên bố những nghị quyết ấy, là vô hiệu, trong khi đó lại muốn ở lại trong Quốc tế.

Những người đã ký tên vào bản thông báo ấy tuyên bố rằng Đại hội La Hay không phải là đại hội có thẩm quyền và tuyệt nhiên không đại diện cho số đông hội viên của Hội liên hiệp. Đại hội được Tổng Hội đồng triệu tập căn cứ theo điều 4 Điều lệ chung, dựa trên những cơ sở hợp pháp. Tham dự đại hội có 64 đại biểu đại diện cho 15 nước khác nhau và bản thân các vị đại biểu đó cũng thuộc 12 dân tộc khác nhau. Chưa có một đại hội đại biểu nào trước đây có thể tự hào về thành phần thực sự quốc tế như vậy. Những nghị quyết đã được thông qua đều quán triệt tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính, điều đó được chứng minh bằng sự thực là hầu như tất cả những nghị quyết đều được thông qua với đa số ba phần tư số phiếu và đại biểu của hai nước mới đây bị lôi cuốn vào một cuộc chiến tranh huynh

1\* - X.Vích-ke-ri

đệ tương tàn - người Pháp và người Đức - hầu như trong tất cả mọi trường hợp đều cùng nhất trí bỏ phiếu tán thành những nghị quyết ấy. Nếu nước Anh do lỗi của chính mình mà không có một đoàn đại biểu đông đảo tham dự đại hội, thì chẳng lẽ đó là một lý do để tuyên bố đại hội là không có thẩm quyền hay sao?

Các tác giả của bản thông báo đó không hài lòng đối với nghị quyết của đại hội về hành động chính trị của giai cấp công nhân. Họ nói rằng nghị quyết được thông qua sau khi đa số đại biểu đã ra về. Báo cáo chính thức đăng trong số 37 tờ "International Herald" (ngày 14 tháng Chạp) chứng tỏ rằng về vấn đề này có 48 đại biểu trong số 64 đại biểu đã bỏ phiếu, trong đó có 35 đại biểu bỏ phiếu tán thành nghị quyết. Trong số 35 người này chúng tôi cũng thấy có tên ông Mốt-tơ-xhết hiện ký tên vào bản thông báo bác bỏ nghị quyết.

Nghị quyết này là như thế nào? Xét về nội dung và phần lớn cả về lời lẽ nữa, thì nghị quyết này giống với nghị quyết đã được thông qua tại Hội nghị đại biểu Luân Đôn tháng Chín 1871 và đã được Tổng Hội đồng công bố chính thức cùng với những nghị quyết khác vào ngày 17 tháng Mười năm đó<sup>216</sup>; trong nghị quyết đó, ngoài những chữ ký khác ra, còn có chữ ký của Giôn Hây-dơ của T.Mốt-tơ-xhết, của H.I-ung, của Ph. Brát-ni-cơ, của H. Mây-ô và của Giôn Rốt-chơ đấy! Một khi Tổng Hội đồng phải thực hiện những nghị quyết của hội nghị đại biểu, thế thì có sao lúc đó không có một ai trong số những ngài ấy xin từ chức, rút ra khỏi Tổng Hội đồng và phản đối bản nghị quyết mà bây giờ họ bỗng đứng cho là nguy hiểm đến thế?

Bản thông báo hoàn toàn xuyên tạc ý nghĩa của nghị quyết ấy, cứ đọc toàn văn nghị quyết ấy đăng trong số 37 "International Herald"<sup>1\*</sup> thì sẽ thấy điều đó một cách dễ dàng. Trái với điều

được khẳng định trong thông báo, nghị quyết không buộc các công liên và các tổ chức chính trị trung lập khác phải hoạt động chính trị, nghị quyết chỉ yêu cầu thành lập trong mỗi nước chính đảng độc lập của giai cấp công nhân đối lập với tất cả các đảng phái tư sản. Như thế có nghĩa là nghị quyết kêu gọi giai cấp công nhân ở đây, tại nước Anh, thôi đừng làm cái đuôi của "đảng tự do vĩ đại" và thành lập chính đảng đối lập của mình, như nó đã làm trong những ngày quang vinh của phong trào hiến chương vĩ đại.

Như vậy, những lời cả quyết nói về sự phản bội đối với các công liên là hoàn toàn bịa đặt. Nhưng xin phép hỏi, những công liên mà đã có thời gia nhập Quốc tế thì *hiện nay ở đâu rồi*. Bản cân đối thu chi năm qua chứng tỏ rằng hầu như tất cả các công liên đều biến đi mất trong thời gian ông Hây-dơ phụ trách chức thư ký.

Còn một điều phàn nàn nữa là việc Tổng Hội đồng di chuyển sang Niu Oóc và trong Tổng Hội đồng không có người Anh, cũng không có người Mỹ. Tổng Hội đồng mới bao gồm những người thuộc năm dân tộc khác nhau, và nếu người Anh ở Niu Oóc vẫn đặt mình ngoài Quốc tế, thì họ hãy tự trách bản thân mình không có đại biểu tham gia Hội đồng. Khi Tổng Hội đồng còn đóng tại Luân Đôn, đại biểu của người Anh bao giờ cũng quá đông so với bất cứ nước nào khác, và thường hay chiếm đa số tuyệt đối; nhưng, người Pháp chẳng hạn thì một đạo hoàn toàn không có đại biểu tham gia Tổng Hội đồng. Song người Anh không thể đòi hỏi phải duy trì trật tự như vậy coi như quyền không thể tước đoạt của mình. Trong khi Đại hội La Hay, căn cứ theo những quyền lợi và nghĩa vụ mà điều 3 Điều lệ chung ban cho nó, đã bầu ra Tổng Hội đồng mới, nó đã lực chọn một địa điểm tốt nhất theo ý nó và những người tốt nhất trong địa phương đó. Những kẻ đã ký tên vào bản thông báo có thể cứ giữ ý kiến khác, nhưng điều đó không làm giảm bớt quyền của đại hội đại biểu.

1\* Xem tập này, tr.203.

Bản thông báo khẳng định rằng tuồng như là do cách làm như vậy mà các chi hội và liên chi hội bị tước mất cái quyền trước đây của họ được quyết định vấn đề xét xem họ phải thực hành chính sách gì trong nước họ. Điều đó cũng không đúng. Dù Tổng Hội đồng đóng tại đâu - ở Luân Đôn, ở Niu Oóc hay bất cứ ở nơi nào khác nữa - thì quyền của các chi hội và liên chi hội vẫn không thay đổi. Nhưng - thông báo lại nói - để điểm này không bị vi phạm,

"đại hội đại biểu đã trao cho Tổng Hội đồng này quyền tạm thời khai trừ theo ý mình bất cứ chi hội nào, liên chi hội nào hay hội đồng liên chi hội nào, không cần trình bày lý do của việc làm đó".

Cũng lại không đúng nữa rồi. Quyền tạm thời khai trừ bất cứ chi hội nào đã được Đại hội Ba-lơ (năm 1869) giao cho Tổng Hội đồng. Việc ban bố chính thức những nghị quyết của Đại hội La Hay, nghị quyết thứ II, điều<sup>1\*</sup> ("International Herald" số 37) chỉ rõ rằng nếu quyền hạn của Tổng Hội đồng được mở rộng hoặc, nói chính xác hơn, được quy định một cách rành mạch hơn, thì quyền hạn ấy lại cũng bị kèm theo những điều kiện nhất định mà trước kia không có. Chẳng hạn, nếu Tổng Hội đồng giải tán một hội đồng liên chi hội nào đó, thì *trong vòng ba mươi ngày* Tổng Hội đồng phải tìm cách cử ra một hội đồng mới và do đó, rút cục quyền tối hậu vẫn thuộc về liên chi hội ấy. Nếu Tổng Hội đồng tạm thời khai trừ cả một liên chi hội thì khi các liên chi hội còn lại yêu cầu, Tổng Hội đồng *trong thời hạn một tháng* phải trình quyết định của mình cho hội nghị đại biểu có đại diện của tất cả các liên chi hội mới có thể ra phán quyết cuối cùng. Đó là điều mà trong thông báo gọi là quyền tạm thời khai trừ không nói rõ lý do!

Các đồng chí công nhân! Dù các đồng chí tự mình tán thành hay là không tán thành những nghị quyết được thông qua ở La

Hay, thì hiện nay chúng cũng đã thành *đạo luật đối với Quốc tế*. Nếu người nào trong các đồng chí không tán thành những nghị quyết ấy, thì có thể phát biểu ý kiến với đại hội sắp tới. Nhưng không một chi hội nào, không một hội đồng liên chi hội nào của nước Anh, không một đại hội đại biểu toàn quốc nào do hội đồng ấy triệu tập lại có quyền bác bỏ nghị quyết của đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp được triệu tập trên cơ sở hợp pháp. Kẻ nào mưu toan làm như vậy, thì trên thực tế tự đặt mình ra ngoài hàng ngũ Quốc tế. Chính những kẻ đã ký tên vào bản thông báo đã ở trong tình trạng đó. Cứ để mặc cho những hành động như vậy được thực hành trong Quốc tế thì chẳng khác gì giải tán Quốc tế.

Thậm chí trong những nước mà đại biểu thuộc phái thiểu số tại La Hay, người ta cũng đã bắt đầu kiên quyết chống lại những khuynh hướng chia rẽ do các đại biểu ấy thể hiện. Nếu ở Mỹ, Pháp, Đức, Ba Lan, Áo, Hung-ga-ri, Bồ Đào Nha và toàn bộ Thụy Sĩ, trừ một nhóm chừng 200 người, các nghị quyết La Hay đều được nhiệt liệt hoan nghênh, thì những hội viên Quốc tế ở Hà Lan cũng đã quyết nghị, tại đại hội đại biểu của mình, ủng hộ Tổng Hội đồng ở Niu Oóc và chỉ đưa những yêu cầu mà họ có thể nêu ra cho đại hội đại biểu hợp pháp kỳ tới của toàn Hội liên hiệp sẽ được triệu tập vào tháng Chín 1873 giải quyết chứ không đưa cho bất cứ đại hội nào cả<sup>217</sup>. Ở Tây Ban Nha, nơi mà Hội đồng liên chi hội đã mưu đồ gây nên một cuộc vận động chia rẽ, giống như cuộc vận động chia rẽ do bản thông báo đó tạo ra, thì ở đây sự chống lại cuộc vận động ấy ngày càng tăng lên, và các chi hội cũng lần lượt đồng tình với những nghị quyết La Hay.

Các đồng chí công nhân! Vì tất cả những lý do đó mà chúng tôi phản đối việc triệu tập bất cứ đại hội đại biểu ở Anh nào mà có thể sẽ phán quyết về những luật lệ của Hội liên hiệp đã được quy định bởi những đại biểu của tất cả các nước có đại diện trong đó.

1\* Xem tập này, tr.204.

Chúng tôi phản đối việc triệu tập bất cứ đại hội nào trong một kỳ hạn gần như vậy, như thời hạn vào ngày 26 tháng Giêng.

Chúng tôi khẩn thiết yêu cầu tất cả các chi hội đem những điều trình bày ở trên ra cho các hội viên của mình thảo luận, nên nhớ rằng tương lai của Hội liên hiệp chúng ta ở nước Anh tùy thuộc vào thái độ của họ trong tình hình cuộc khủng hoảng hiện nay.

Cần phải thừa nhận rằng chỉ những ai bảo vệ quyền uy của Đại hội La Hay và ra sức thực hiện những nghị quyết đã được thông qua ở đấy, mới là những đại biểu hợp pháp của Hội đồng liên chi hội.

Đã được thông qua tại hội nghị toàn chi hội người nước ngoài ở Man-se-xtơ, họp ngày thứ bảy, tức ngày 21 tháng Chạp 1872.

Gửi lời chào anh em tới toàn thể hội viên của Hội liên hiệp chúng ta.

**P.Xuy-rơ-khéc,** chủ tịch hội nghị.

**P.Cúp-pu-rơ,** tổng thư ký và thư ký nước Đức.

**Ô.Vít-xơ** thư ký nước Pháp.

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 20 tháng Chạp 1872*

*Đã in thành truyền đơn ngày 23 tháng Chạp 1872 và đăng trên tờ "Arbeiter-Zeitung" số 5 và số 6, ngày 8 và ngày 15 tháng Ba 1873*

*In theo bản in trên tờ truyền đơn Nguyên văn là tiếng Anh*

**C.MÁC**  
**THƯ CỦA HỘI ĐỒNG LIÊN CHI HỘI ANH**  
**GỬI CÁC CHI HỘI, CÁC PHÂN BỘ,**  
**CÁC ĐOÀN THỂ ĐÃ ĐƯỢC GIA NHẬP**  
**VÀ CÁC HỘI VIÊN CỦA LIÊN CHI HỘI ANH**  
**CỦA QUỐC TẾ<sup>218</sup>**

Thưa quý vị!

Tại cuộc họp ngày 19 tháng Chạp 1872 của Hội đồng, chúng tôi đã chú ý xem xét bản thông báo do các đại biểu của những phần tử chia rẽ ở Anh phát ra. Chúng tôi đã quyết định ngay tức khắc gửi một bản thông tri cho tất cả các chi hội, đề nghị với các chi hội không phát biểu nhận xét về vấn đề này trước khi các chi hội chưa nhận được bài đáp lại của chúng tôi mà chúng tôi đã hứa sẽ đưa ra ngay. Cuộc họp đặc biệt của Hội đồng liên chi hội Anh vào chiều thứ hai, ngày 23 tháng Chạp đã nhất trí thông qua bài đáp lại sau đây đối với những lời lẽ bịa đặt vu vơ trong bản thông báo nói trên:

1. "Tình trạng bế tắc" sở dĩ có là vì: phải liên tiếp mắc vào những chuyện riêng tư của Hây-dơ: ông ta và Mốt-tơ-xhết, cả hai tố cáo lẫn nhau về những việc tham nhũng, do đó mà đã cố tạo ra tình trạng bế tắc như thế trong Tổng Hội đồng. "Tình trạng bế tắc" trong cuộc họp mà thông báo đã nói đến là do Mốt-tơ-xhết gây nên; Mốt-tơ-xhết khi đó say rượu, không ngớt cãi nhai những

lời chỉ trích sỉ nhục đối với vị chủ tịch<sup>1\*</sup> và do đó bắt buộc phải tuyên bố giải tán cuộc họp lúc 11 giờ rưỡi, người yêu cầu giải tán cuộc họp không phải ai khác, mà chính là Hây-dơ. Các hội viên Liên chi hội Anh có lẽ đã đọc được từ lâu trong tờ "International Herald" rằng chi hội Lam-bét-tơ miền Nam đã triệu hồi đại biểu của mình, bởi vì phái đa số không thể cho làm bất cứ một công việc thực sự nào.

2. Nguyên nhân thực sự của sự xuất hiện thông báo này là như sau: các đại biểu phái thiểu số chia rẽ trong Đại hội La Hay đã bàn định với nhau rằng gần ngày lễ Nô-en sẽ triệu tập một loạt những đại hội đại biểu trong tất cả các nước để tranh thủ các đại hội này đồng tình với những hành động chia rẽ của họ. Do vậy, những đại hội như thế đã được quyết định họp tại Bỉ và Tây Ban Nha ngày 25 tháng Chạp (để phản đối việc này, ở Tây Ban Nha đã xuất hiện phái đối lập vững mạnh ngày càng lớn mạnh). Và hiện nay họ lại dùng thủ đoạn lừa bịp tìm cách làm cho những chi hội Anh không nắm được tình hình sự việc, phải giúp sức vào âm mưu này.

3. Bản thông báo nói đến ở đây không được trình lên cho Hội đồng liên chi hội. Các tác giả của bản thông báo này sợ hãi thảo luận đến mức nào, bằng chứng rõ rệt nhất về điều đó là việc họ đã thêu dệt ra bản thông báo ấy sau lưng Hội đồng, trong một cuộc họp bí mật. Có bao giờ thấy một phái đa số lẽ ra thông qua việc biểu quyết để giành lấy ưu thế đối với phái thiểu số, thì lại tự mình tách khỏi phái thiểu số, hay không? Khi mà trong hội đồng phái đa số dường như chiếm ưu thế, chỉ cần biểu quyết một cách thông thường cũng có thể giải quyết được vấn đề có lợi cho họ rồi, vậy thì phái đa số còn yêu cầu triệu tập đại hội đặc biệt để làm gì?

1\* - Vích-ke-ri

4. Tất cả những người đã ký tên vào bản thông báo này đều không dám hoàn toàn đồng tình với phần tử chia rẽ trên lục địa, những phần tử này tuyên bố thẳng ra rằng họ phủ nhận quyền uy của bất cứ đại hội đại biểu nào, trừ đại hội đại biểu lần thứ nhất họp tại Giơ-ne-vơ. Nhưng đồng thời họ lại bắt đầu từ chỗ phủ nhận thẩm quyền của Đại hội La Hay, một đại hội mà về cơ cấu mang tính chất quốc tế nhất và thật sự là một đại hội quốc tế chân chính đầu tiên của Hội liên hiệp, bởi vì đại hội này là đại hội đầu tiên mà trong đó phái đa số không phải bao gồm những đại biểu của một nước nào hoặc thậm chí cũng không phải chỉ bao gồm những đại biểu của các tổ chức địa phương. Nếu đại hội này được triệu tập một cách không hợp lệ, thế thì tại sao ông Rốt-chơ, vốn là ủy viên ủy ban thẩm tra tư cách đại biểu, lại ký tên vào báo cáo của ủy ban này? Và bây giờ ông ta cũng lại ký tên vào cái bản thông báo phản đối đại hội này.

5. Họ nói rằng họ sẽ ủng hộ bản Điều lệ chung dưới dạng của nó đã có trước Đại hội La Hay. Điều 3 của Điều lệ này quy định: Đại hội... đề ra những biện pháp cần thiết để hoạt động của Hội liên hiệp có kết quả và cử ra Tổng Hội đồng của Hội liên hiệp. Điều 12 quy định: Điều lệ này có thể được sửa đổi trong mỗi kỳ đại hội, nếu hai phần ba đại biểu có mặt tán thành việc sửa đổi. Điều lệ chung quy định không một đại hội đại biểu địa phương nào hoặc một đại hội đại biểu liên chi hội nào có quyền sửa đổi nghị quyết của bất cứ kỳ đại hội đại biểu nào của toàn Hội liên hiệp. Vì vậy, những người đã ký tên vào bản thông báo này đang dấy lên một cuộc nổi loạn công khai chằng những chống lại hiến pháp của Quốc tế đã được Đại hội La Hay phê chuẩn, mà còn chống lại Điều lệ chung mà họ có nói là ủng hộ nó.

Những nghị quyết của Đại hội La Hay mà những người đã ký tên vào bản thông báo cảm thấy khó chịu đến thế, là những nghị quyết như thế nào?

Trước tiên, đó là nghị quyết về hành động chính trị của giai cấp công nhân; nghị quyết ấy, theo họ khẳng định đã được thông qua sau khi đa số đại biểu đã rời đại hội. Điều đó hoàn toàn không đúng sự thực: trong số 64 đại biểu tham gia đại hội thì có 48 đại biểu tham gia biểu quyết nghị quyết này, trong đó có 35 đại biểu, tức là hơn hai phần ba, đã biểu quyết tán thành nghị quyết này, trong số đó có cả ông Mốt-tơ-xhết cũng biểu quyết tán thành, thế mà ông ta lại ký tên vào bản thông báo. Ngoài ra, nhiều đại biểu khi ra đi, cũng đã để thư lại cho chủ tịch, tuyên bố họ cũng ủng hộ nghị quyết.

Bản thân nghị quyết này chẳng qua là sự trình bày cô đọng nghị quyết của hội nghị đại biểu lần thứ IX ở Luân Đôn (tháng Chín 1871), là nghị quyết đã được Tổng Hội đồng công bố cùng với những nghị quyết khác vào ngày 17 tháng Mười 1871; nghị quyết này có chữ ký của các ông Brát-ni-cơ, Mây-ô, Mốt-tơ-xhết, I-ung, Rốt-chơ và Hây-dơ với tư cách tổng thư ký. Nghị quyết này của hội nghị đại biểu viện dẫn Điều lệ chung. Tuyên ngôn thành lập, nghị quyết của Đại hội Lô-dan và toàn bộ hoạt động của Tổng Hội đồng từ khi mới thành lập, để chứng minh rằng điều mà nghị quyết đã khẳng định chỉ là sự giải thích, với ý nghĩa y như thế, những gì luôn luôn là chính sách đã được chính thức thừa nhận của Hội liên hiệp. Trước Đại hội La Hay, Tổng Hội đồng đã nhất trí quyết định đề nghị đại hội ghi nghị quyết này vào Điều lệ chung<sup>219</sup>. Ông I-ung là thư ký trong buổi chiều hôm ấy, bởi vì ông Hây-dơ bị tạm thời bãi chức. Và ngay cả Đại hội đại biểu Nốt-tinh-hêm mà bản thông báo đã viện dẫn nghị quyết của nó như là tiền lệ, và thực chất cũng đã thông qua một nghị quyết giống như vậy<sup>220</sup>.

Còn về ý kiến nói rằng nghị quyết này đẩy các công liên ra, thì trái lại, những gì mà Đại hội La Hay đã làm được cho các công liên thật nhiều hơn rất nhiều so với Điều lệ chung hoặc bất cứ đại hội nào trước đây. Đại hội La Hay đã giao cho Tổng Hội đồng mới tổ chức Hội liên hiệp công nhân quốc tế, tiếp thu

vào hội liên hiệp ấy ngay cả những công liên chưa gia nhập Quốc tế, đề nghị mỗi công liên tự mình quy định những điều kiện mà nó muốn gia nhập hội liên hiệp đó, và thảo ra một kế hoạch chung đưa cho tất cả những công liên đã gia nhập hội liên hiệp để sơ bộ thông qua trước khi đại hội đại biểu kỳ tới sẽ phê chuẩn lần cuối cùng.

Một sự việc nữa bị kêu ca là việc dời Tổng Hội đồng sang Niu Oóc. Điều này chung quy lại chỉ là để khẳng định rằng Tổng Hội đồng mà không có các ông Hây-dơ, Mốt-tơ-xhết, I-ung, Brát-ni-cơ, Mây-ô và Rốt-chơ tham gia, thì đừng có hòng đại diện cho Quốc tế.

Một việc kêu ca khác nữa đề cập đến vấn đề mở rộng quyền hạn của Tổng Hội đồng. Nghị quyết thứ nhất được thông qua tại La Hay về vấn đề này nói: "Tổng Hội đồng có trách nhiệm thực hiện những nghị quyết của các kỳ đại hội và theo dõi trong mỗi nước việc tuân thủ nghiêm chỉnh những nguyên tắc của Điều lệ chung và Quy chế tổ chức Quốc tế". Nghị quyết này đã được đưa ra đại hội sau khi Tổng Hội đồng cũ nhất trí tán thành<sup>221</sup>. Nếu như Tổng Hội đồng không có quyền tạm thời khai trừ, cho đến đại hội kỳ tới, những tổ chức thuộc Quốc tế mà lại hoạt động chống Quốc tế, thì liệu nghị quyết đó có thể thực hiện được không? Ngoài ra, nghị quyết Đại hội La Hay về quyền tạm thời khai trừ các chi hội, các Hội đồng liên chi hội và các liên chi hội, trên thực tế đã hạn chế quyền lực mà Đại hội Ba-lơ đã giao cho (xem Quy chế tổ chức, chương II, điều 6 và điều 7) và trong từng sự việc đã làm cho những hành động của Tổng Hội đồng phải chịu sự kiểm tra đặc biệt<sup>222</sup>.

Khắp nơi trên lục địa, các chính phủ và báo chí tư sản đang ủng hộ những mưu toan của những kẻ đang cố sức gây chia rẽ trong hàng ngũ Hội liên hiệp, trong khi đó những người trung thành với Quốc tế thì bị bắt bớ, báo chí của họ thì bị cảnh sát hăm hại. Mặc dù các phân tử chia rẽ khoác lác rằng do những

cố gắng của chúng mà Quốc tế ở khắp nơi đang lâm vào tình trạng tan rã và xuất hiện hiện tượng nổi lên phản đối nghị quyết La Hay, nhưng trên thực tế, hiện nay Hội liên hiệp vững mạnh hơn bao giờ hết, và những nghị quyết La Hay đều được hoàn toàn đồng tình ở Pháp, Đức, Áo, Hung-ga-ri, Bồ Đào Nha, Mỹ, Đan Mạch, Ba Lan và Thụy Sĩ; ở Thụy Sĩ, những phần tử chia rẽ có khoảng chừng 150 người, đó là ngoại lệ. Mặc dù các đại biểu Hà Lan bỏ phiếu ở La Hay với phái thiểu số, nhưng tại Hà Lan đại hội họp quyết định vẫn trung thành với Tổng Hội đồng và không thừa nhận đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp nào khác, ngoài đại hội đại biểu sắp tới được triệu tập vào tháng Chín năm 1873 tại Thụy Sĩ. Ở Tây Ban Nha, nơi mà các phần tử chia rẽ hy vọng sẽ giành được tất cả, bởi vì Hội đồng liên chi hội đứng về phía chúng, song lực lượng đối lập chống lại chúng ngày càng mạnh. Thậm chí ở I-ta-li-a, các chi hội vẫn tiếp tục gửi thư báo cho biết họ theo Tổng Hội đồng mới, còn cái mảnh khoẻ triệu tập một đại hội đại biểu mới ở nước Anh là thủ đoạn cuối cùng mà bọn chia rẽ buộc phải dùng đến.

Để trả lời những đề nghị của thông báo này, chúng tôi phải tuyên bố như sau:

1. Chúng tôi tuyên bố rằng bất cứ đại hội đại biểu nào triệu tập ở nước Anh để sửa đổi những nghị quyết đã được Đại hội La Hay thông qua, đều là không hợp pháp, bởi vì mỗi liên chi hội đều có quyền trình bày những ý kiến phản đối của mình với đại hội đại biểu thường kỳ của toàn Hội liên hiệp. Hơn nữa chúng tôi tuyên bố đại hội đại biểu sẽ họp ở Man-se-xtơ vào ngày lễ Tam vị, căn cứ theo nghị quyết mà Đại hội đại biểu Nốt-tinh-hêm đã thông qua vào tháng Bảy năm 1872, là đại hội duy nhất hợp pháp của Liên chi hội Anh.

2. Kiến nghị với các chi hội thu hồi giấy uỷ nhiệm đại biểu cấp cho những người đã ký vào thông báo và cử những đại biểu mới vào hội đồng liên chi hội làm đại diện cho mình.

3. Kiến nghị với các chi hội cử ra một uỷ ban, uỷ ban này được trao những biên bản của Hội đồng Liên chi hội và phát biểu những kết luận của mình về những vấn đề: ai cản trở công việc của Hội liên hiệp và ai thúc đẩy công việc của Hội liên hiệp, và ai hành động vì lợi ích của kẻ thù của giai cấp công nhân.

4. Kiến nghị với các chi hội cử ra một uỷ ban để làm sáng tỏ những tình hình tổ chức các chi hội, số hội viên của chi hội và ngày tháng thành lập của các chi hội và nói riêng là số đại biểu mà các chi hội thường cử đến hội đồng liên chi hội.

Vì hiện giờ các chi hội đều có cả hai văn kiện, chúng tôi để cho các chi hội tự giải quyết lấy vấn đề và chỉ đề nghị rằng sau khi ra quyết định, các chi hội báo cáo ngay tức khắc cho chúng tôi.

Nhưng chúng tôi quả quyết rằng chúng tôi đang hành động phù hợp với Điều lệ và Hiến pháp của Hội liên hiệp, phù hợp với lợi ích chân chính của giai cấp công nhân.

Hội liên hiệp công nhân quốc tế muôn năm!

- |                   |   |
|-------------------|---|
| <b>Ph. Ha-ri</b>  | - Chi hội Nam Lam-bét-tơ, chủ tịch.   |
| <b>E.Hin-dơ</b>   | - Chi hội Uê-xtơ-En-đơ.   |
| <b>Ph.Le-xơ</b>   | - Đại hội đại biểu Nốt-tinh-hêm, nguyên uỷ viên Tổng Hội đồng, hội viên sáng lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế. |
| <b>U.H.Rai-li</b> | - Đại hội đại biểu Nốt-tinh-hêm.  |
| <b>S.Ma-ri</b>    | - Chi hội Noóc-men-bi, nguyên uỷ viên Tổng Hội đồng.  |
| <b>G.Min-nơ</b>   | - Liên minh cải cách toàn quốc, nguyên uỷ viên Tổng Hội đồng.   |
| <b>G.Mit-sen</b>  | - Chi hội Hin-clây, quận Len-xtơ-sia.   |

- G.A. Vây-lơ-rơ** - Chi hội người Đức ở Luân Đôn.  
**X.Vích-ke-ri** - Chi hội Biéc-ken-hê-đa.  
**E-Đuy-pông** - Chi hội Man-se-xtơ, nguyên uỷ viên  
 Tổng Hội đồng, hội viên sáng lập  
 Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Mọi thông báo xin gửi cho ông Rai-li, chủ bút báo "International Herald", số 7, Rít Lai-on-coóc-tơ, phố Phơ-lít, Luân Đôn.

Luân Đôn, ngày 23 tháng Chạp 1872

*Do C.Mác soạn thảo ngày 20 tháng  
 Chạp 1872  
 Đã in thành truyền đơn ngày 30 - 31  
 tháng Chạp 1872*

*In theo bản in trên tờ truyền đơn  
 Nguyên văn là tiếng Anh  
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

## PH.ĂNG-GHEN VỀ VẤN ĐỀ NHÀ Ở<sup>223</sup>

*Do Ph.Ăng-ghen viết từ tháng Năm 1872 -  
 tháng Giêng 1873*

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" các  
 số 51, 52, 53, 103 và 104, ngày 26 và  
 29 tháng Sáu, 3 tháng Bảy, 25 và 28  
 tháng Chạp 1872, các số 2, 3, 12, 13,  
 15 và 16, ngày 4 và 8 tháng Giêng, 8,  
 12, 19 và 22 tháng Hai 1873 và đã in  
 ba lần thành sách riêng tại Lai-pxích  
 những năm 1872 - 1873*

*Ký tên: Phri-đrich Ăng-ghen*

*In theo bản in của lần xuất bản  
 năm 1887, có đối chiếu với bản in  
 trên báo  
 Nguyên văn là tiếng Đức*



Bìa trong cuốn sách của Ph.Ăng-ghen "Về vấn đề nhà ở"  
có chữ của tác giả đề tặng Lau-rơ La-phác-gơ

---

PHẦN I  
**PRU ĐÔNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ NHÀ Ở  
NHƯ THẾ NÀO**

Trên tờ "Volksstaat" số 10 và những số tiếp theo, có một loạt sáu bài nói về vấn đề nhà ở, đang được chú ý: trừ một vài đoạn đông dài viết theo lối văn chương của những năm 1840 mà đã từ lâu không ai nhớ đến nữa, những bài đó là mưu toan đầu tiên định chuyển học phái Pru-đông vào nước Đức. Đó là một bước lùi khổng lồ so với toàn bộ sự phát triển của chủ nghĩa xã hội Đức là chủ nghĩa, cách đây 25 năm, đã giáng một đòn quyết định vào tư tưởng Pru-đông<sup>1)</sup>; vì thế, cần phải lập tức phản đối mưu toan đó.

Hiện tượng khan hiếm nhà ở, mà báo chí ngày nay chú ý đến nhiều như thế, không phải là tình trạng phổ biến này: giai cấp công nhân ở tồi tàn, trú ngụ trong những căn nhà chật ních người và thiếu vệ sinh. Hiện tượng khan hiếm nhà ở *đó* không phải là một hiện tượng đặc thù của thời kỳ hiện nay: nó cũng không phải là một trong những tai nạn riêng của giai cấp vô sản hiện đại và làm cho giai cấp vô sản này khác với tất cả những giai cấp bị áp bức tồn tại trước giai cấp vô sản: trái hẳn lại, tất cả những giai cấp bị áp bức trong mọi thời kỳ đều đã phải chịu tai nạn đó gần như nhau. Muốn chấm dứt nạn khan hiếm nhà ở *đó* thì chỉ có *một* cách là thủ tiêu hoàn toàn ách bóc lột và

---

1) Trong cuốn sách của Mác "Sự khốn cùng của triết học". Bruy-xen và Pa-ri, 1847<sup>224</sup>.

áp bức của giai cấp thống trị đối với giai cấp cần lao. Điều mà ngày nay người ta cho là khủng hoảng nhà ở, chính là tình trạng những điều kiện cư trú của những người lao động ngày càng đặc biệt xấu đi, do việc dân cư đột nhiên đổ xô về các thành phố lớn sinh ra; chính là việc tăng tiền thuê nhà lên quá nhiều; là tình trạng những người thuê nhà ngày càng chen chúc nhiều thêm trong mỗi căn nhà và một đôi người còn không kiếm được chỗ ở nữa. Và sở dĩ cuộc khủng hoảng nhà ở đó được bàn đến nhiều như thế, chính là vì nó không phải chỉ giới hạn trong giai cấp công nhân mà còn tác hại trong cả giai cấp tiểu tư sản nữa.

Cuộc khủng hoảng nhà ở đối với những người lao động và một bộ phận của giai cấp tiểu tư sản trong các thành phố lớn hiện đại của chúng ta là một trong vô số tai họa *nhỏ nhặt* và thứ yếu, do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện nay sản sinh ra. Nó tuyệt nhiên không phải là hậu quả trực tiếp của việc chủ nghĩa tư bản bóc lột người lao động, vì *họ là* người lao động. Ách bóc lột ấy là tai họa cơ bản mà cách mạng xã hội muốn xoá bỏ bằng cách thủ tiêu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cơ sở của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đó là sự thật sau đây: tổ chức hiện nay của xã hội chúng ta đã cho phép bọn tư bản có thể mua sức lao động của công nhân đúng với giá trị của sức lao động đó, nhưng lại bòn rút từ sức lao động đó ra nhiều hơn giá trị của nó rất nhiều, bằng cách bắt công nhân làm việc lâu hơn thời gian cần thiết để bù lại số tiền mua sức lao động đó. Giá trị thặng dư tạo ra bằng cách đó, được phân chia cho mọi thành viên trong giai cấp bọn tư bản và địa chủ và cho bọn đầy tớ ăn lương của chúng, từ giáo chủ và hoàng đế cho đến người gác đêm và những người dưới nữa. Ở đây chúng ta không bàn đến phương thức phân chia đó; điều chắc chắn là tất cả những kẻ không lao động thì chỉ có thể sống bằng những phần giá trị thặng dư đó mà chúng nhận được bằng cách này hay bằng cách khác (xem "*Tư bản*" của *Mác*, trong đó điều này được giải thích lần đầu tiên<sup>225</sup>).

Trong những giai cấp ăn không ngồi rồi, việc phân phối giá trị thặng dư do giai cấp công nhân làm ra và bị tước đoạt không trả tiền, được tiến hành giữa những cuộc cãi vã rất đáng chú ý và những sự lừa bịp lẫn nhau; chừng nào mà sự phân phối đó được tiến hành bằng còn đường mua bán thì một trong những thủ đoạn chính của nó là sự lường gạt của người bán đối với người mua, thủ đoạn lường gạt này hiện nay đã trở thành một tất yếu sống còn tuyệt đối của người bán trong việc buôn bán lẻ, đặc biệt là ở trong các thành phố lớn. Nhưng nếu người lao động bị người bán tạt hoá hay người làm bánh mì lừa dối về giá cả hay về phẩm chất hàng hoá, thì đó không phải là vì tư cách đặc biệt của anh ta là một người lao động mà anh ta bị lừa. Trái lại, khi một số lượng trung bình những thủ đoạn lường gạt trở thành thông lệ xã hội ở một nơi nào đấy thì dần dần nó ắt phải được bù lại bằng sự tăng tương ứng về tiền công. Đứng trước người bán tạt hoá, người lao động là người mua hàng, tức là một người có tiền hay có tín dụng, do đó hoàn toàn không phải là một người lao động, tức là một người bán sức lao động của mình. Thủ đoạn lường gạt quả có thể làm cho anh ta, cũng như cho toàn thể giai cấp nghèo khổ, thiệt hại nặng nề hơn những giai cấp xã hội khá giả; nhưng thủ đoạn đó tuyệt nhiên không phải là một tai họa riêng của giai cấp anh ta.

Đối với cuộc khủng hoảng nhà ở thì cũng đúng y như thế. Việc mở rộng những thành phố hiện đại lớn làm cho đất đai tại một vài khu phố, nhất là tại những khu trung tâm, có một giá trị giả tạo; đôi khi tăng lên một cách phi thường; những nhà đã được xây dựng trên những đất đó không làm tăng giá trị đó lên, mà lại hạ nó xuống, vì những nhà ở ấy không còn đáp ứng những điều kiện mới nữa; cho nên người ta phá huỷ những nhà ở đó đi và xây những nhà ở khác thay vào đó. Điều này hay xảy ra nhất là đối với những căn nhà công nhân nằm ở trung tâm, mà tiền thuê, ngay cả trong những căn nhà chật ních người ở, cũng không bao giờ có thể vượt quá một giá tối đa nào đó, hay

có vượt được chằng nữa thì cũng chỉ vượt được một cách hết sức chậm chạp thôi. Người ta phá những nhà đó đi, và thay vào đấy, xây dựng các tiệm buôn, các cửa hiệu lớn và các công sở. Ở Pa-ri<sup>1\*</sup>, chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ, mà đại biểu là Ô-xman, đã lợi dụng triệt để xu hướng đó để làm lợi rất nhiều cho sự đầu cơ và làm giàu riêng; nhưng tinh thần Ô-xman cũng đã tồn tại ở Luân Đôn, Man-se-xtơ, Li-vóc-pun và hình như cũng cảm thấy dễ chịu cả ở Béc-lin và Viên như ở tại nhà nó vậy. Kết quả là công nhân bị đuổi từ trung tâm các thành phố ra vùng ngoại ô, là nhà ở công nhân, và những ngôi nhà nhỏ bé nói chung, trở nên khan hiếm và đắt đỏ và thậm chí thường là không thể kiếm ra được; vì, trong những điều kiện đó, công nghiệp xây dựng nhà ở, - đối với công nghiệp này, thì những ngôi nhà cho thuê với giá cao là một trường rộng hơn nhiều cho hoạt động đầu cơ - chỉ xây dựng ở công nhân, trong những trường hợp ngoại lệ thôi.

Vì vậy, chắc chắn là cuộc khủng hoảng nhà ở đó đánh vào người lao động một cách nặng nề hơn là vào mọi giai cấp khác khá giả hơn; nhưng không hơn gì thủ đoạn lừa đảo của người bán hàng tạp hoá, cuộc khủng hoảng đó không phải là một tai hoạ chỉ đè nặng lên giai cấp công nhân không thôi, và trong chừng mực mà cuộc khủng hoảng đó gây tác hại đến giai cấp công nhân thì nhất định nó cũng sẽ được bù đắp về mặt kinh tế bằng một cái gì đó, khi nó đã đạt đến một trình độ nào đó và đã kéo dài trong một thời gian nào đó.

Chính những tai hoạ đó, những tai hoạ chung cho giai cấp công nhân và nhiều giai cấp khác, cho giai cấp tiểu tư sản chẳng hạn, là những tai hoạ mà chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, - Pru-đông cũng theo chủ nghĩa này - thích quan tâm đến. Và do đó, tuyệt đối không phải ngẫu nhiên mà anh học trò người Đức của Pru-đông nắm lấy trước hết vấn đề nhà ở, là vấn đề, như chúng ta đã

thấy, không phải chỉ liên quan đến độc một mình giai cấp công nhân mà không liên quan đến tất cả các giai cấp khác; cũng không phải ngẫu nhiên mà ông ta tuyên bố trái lại rằng đó là một vấn đề liên quan thật sự và chỉ liên quan đến giai cấp công nhân thôi.

"Quan hệ giữa người làm thuê với nhà tư bản là hoàn toàn giống quan hệ giữa người thuê nhà với người sở hữu nhà ở".

Điều này là hoàn toàn sai.

Trong vấn đề nhà ở, chúng ta có hai bên đối lập nhau: người thuê nhà và người cho thuê nhà hay sở hữu nhà. Người thứ nhất muốn mua của người thứ nhì việc tạm thời sử dụng một căn nhà ở; anh ta có tiền hay có tín dụng, ngay cả khi anh ta phải mua tín dụng đó của người sở hữu nhà với một giá cắt cổ bằng cách trả thêm một khoản phụ vào tiền thuê nhà cũng vậy. Đó chỉ là một chuyện bán hàng hóa thôi, chứ không phải là một việc giao dịch giữa vô sản và tư sản, giữa công nhân và tư bản; người thuê nhà - dù là công nhân đi nữa - xuất hiện với tư cách là một người có tiền; trước hết anh ta phải bán được món hàng thuộc quyền sở hữu của anh ta, tức là sức lao động của anh ta, rồi mới có thể xuất hiện, với số tiền bán sức lao động, với tư cách là người mua quyền sử dụng một căn nhà, hoặc là anh ta phải có thể bảo đảm là sau này sẽ bán được sức lao động đó. Ở đây hoàn toàn không có một hậu quả đặc thù nào của việc bán sức lao động cho người tư bản cả. Bọn tư bản trước hết bắt sức lao động mà chúng đã mua phải tái sản xuất ra giá trị của nó; rồi lại phải tái sản xuất ra một giá trị thặng dư, giá trị này tạm thời nằm trong tay chúng trong khi chờ được phân phối cho những người trong giai cấp các nhà tư bản. Như vậy là ở đây, có việc sản xuất ra một giá trị trội ra; tổng số giá trị hiện có đã tăng lên. Trong việc cho thuê nhà, vấn đề lại khác hẳn. Dù cho người chủ nhà có lấy của người thuê nhà những mối lợi quá đáng thế nào đi nữa thì ở đây, cũng vẫn chỉ là sự di chuyển

<sup>1\*</sup> Những từ "Ở Pa-ri" do Ăng-ghen bổ sung trong lần xuất bản năm 1887.

một giá trị đã *tồn tại, đã được sản xuất ra* từ trước; tổng số những giá trị do người thuê nhà và người sở hữu nhà *cùng* chiếm hữu, trước sau vẫn không thay đổi. Người công nhân luôn luôn bị lường gạt mất một phần sản phẩm lao động của anh ta, dù lao động của anh ta được người tư bản trả đúng giá, dưới giá hoặc cao hơn giá trị của nó cũng vậy; còn người thuê nhà thì chỉ bị lường gạt trong trường hợp anh ta phải trả tiền thuê nhà quá giá trị của nó mà thôi. Do đó, muốn coi quan hệ giữa những người lao động và những người tư bản là đồng nhất với quan hệ giữa người thuê nhà và người sở hữu nhà thì như vậy là hoàn toàn bóp méo quan hệ giữa người thuê nhà và người sở hữu nhà. Trái hẳn lại, vấn đề ở đây là một sự giao dịch buôn bán thuộc loại thông thường, giữa hai công dân, và được tiến hành theo những quy luật kinh tế chi phối việc bán hàng hoá nói chung và việc bán món hàng "bất động sản" này, nói riêng. Tiền phí tổn về xây dựng và bảo quản ngôi nhà hay một phần của ngôi nhà, phải được tính đến trước nhất; tiếp đó là giá trị đất đai, do địa điểm thuận tiện nhiều hay ít của bất động sản quyết định; cuối cùng, quyết định vấn đề là quan hệ giữa cung và cầu lúc bấy giờ. Quan hệ kinh tế, rất giản đơn đó biểu hiện trong đầu óc của anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta như sau:

"Ngôi nhà một khi được xây dựng xong, trở thành *một lý do pháp quyền vĩnh cửu* về một phần nhất định của lao động xã hội, ngay cả khi giá trị thực tế của ngôi nhà đã được trả, một cách quá đầy đủ và từ lâu rồi, cho người sở hữu nhà, dưới hình thức tiền thuê nhà. Chính vì vậy mà một ngôi nhà được dựng lên cách đây 50 năm chẳng hạn, thì trong thời gian đó, tiền cho thuê nhà đã bù lại nhiều gấp 2, 3, 5, 10, v.v.. lần số tiền đã bỏ ra trước kia".

Toàn bộ Pru-đông là ở trong đó. Thứ nhất, người ta quên rằng tiền thuê nhà chẳng những phải bù lại tiền phí tổn về xây dựng, mà cũng còn phải bù lại tiền sửa chữa và tiền thu nhập bị mất đi do bị quỵ nợ, do không thu được tiền thuê nhà cũng như do nhà ở tạm thời chưa cho thuê được, và cuối cùng tiền thuê nhà phải bù lại sự khấu hao của tư bản đã bỏ vào việc xây dựng một

bất động sản không tồn tại vĩnh viễn và sau này sẽ trở thành không thể ở được và không còn giá trị<sup>1\*</sup>. Thứ hai, người ta quên rằng tiền thuê nhà cũng còn phải bù lại khoản tăng lên của giá trị của miếng đất, trên đó ngôi nhà đã được dựng lên và một phần tiền cho thuê nhà là địa tô. Đành rằng anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta tuyên bố ngay rằng khoản tăng giá trị đó, vì không phải là do sự tham gia của những người sở hữu nhà mà có, nên không thuộc về người sở hữu nhà mà thuộc về xã hội; song anh chàng đó đã không hiểu rằng thực ra như vậy là anh ta đã yêu cầu xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất: một vấn đề mà chúng ta sẽ không bàn đến, vì điều đó có thể kéo chúng ta đi quá xa. Cuối cùng, anh ta không thấy rằng trong toàn bộ việc giao dịch đó, vấn đề tuyệt nhiên không phải là mua bất động sản của người sở hữu nhà, mà chỉ là mua quyền sử dụng bất động sản này và mua trong một thời gian nhất định. Pru-đông, kể chẳng bao giờ quan tâm đến những điều kiện thực tế, cụ thể, trong đó phát sinh một hiện tượng kinh tế nào đó, thì đương nhiên là không thể giải thích rõ hơn vì sao mà số tiền bỏ ra để xây dựng một bất động sản, trong một vài trường hợp nào đó, đã được bù lại gấp 10 lần trong 50 năm, dưới hình thức tiền cho thuê nhà. Đáng lẽ phải đứng về mặt kinh tế để xem xét vấn đề không có chút gì là rắc rối đó, và phải xác định xem là nó có mâu thuẫn với những quy luật kinh tế hay không và mâu thuẫn ở điểm nào thì Pru-đông lại giải quyết nó bằng cách bạo gan nhảy từ kinh tế học sang pháp luật học: "Ngôi nhà một khi được xây dựng xong trở thành *một lý do pháp quyền vĩnh cửu*" về một món tiền nhất định trả hàng năm. Điều đó đã diễn ra *như thế nào*, bất động sản *trở thành* một lý do pháp quyền *như thế nào*, Pru-đông không hề nói tới. Thế mà đó lại chính là điểm mà lẽ ra ông ta phải làm sáng tỏ. Giá như ông ta nghiên cứu điểm

1\* Phần cuối câu, bắt đầu từ những từ "và cuối cùng" là do Ăng-ghen bổ sung trong lần xuất bản năm 1887.

đó thì ông ta sẽ thấy được rằng mọi lý do pháp quyền trên thế giới, dù là vĩnh cửu mấy đi nữa, cũng đều không thể trao cho một bất động sản cái quyền được nhận trong 50 năm, dưới hình thức tiền cho thuê nhà, gấp 10 lần số tiền bỏ ra để xây dựng nó, mà chỉ có những điều kiện kinh tế (đành rằng những điều kiện kinh tế này, về mặt xã hội, có thể được công nhận dưới hình thức lý do pháp quyền) mới có thể thu được kết quả đó thôi. Và như thế là ông ta sẽ lại trở về khởi điểm.

Toàn bộ học thuyết của Pru-đông là dựa vào cái lối thoát ly hiện thực kinh tế như vậy để trốn vào trong những lời lẽ ba hoa về pháp luật. Cứ mỗi lần mà ông Pru-đông dưng cảm của chúng ta không nhận ra được mối liên hệ kinh tế giữa các hiện tượng, - và đó là điều xảy ra trong tất cả mọi vấn đề quan trọng, - thì ông ta lại trốn vào trong lĩnh vực pháp luật và viện đến *công lý vĩnh cửu*.

"Trước hết Pru-đông đi tìm cái lý tưởng công lý vĩnh cửu của ông ta ở trong những quan hệ pháp lý tương ứng với nền sản xuất hàng hoá; nhân tiện đây cũng xin nói rằng điều đó đã cung cấp cho tất cả bọn phi-li-xtanh một bằng chứng thú vị nói lên rằng hình thái sản xuất hàng hoá cũng vĩnh cửu như bản thân công lý vậy. Sau đó, ngược lại, ông ta lại muốn cải tổ nền sản xuất hàng hoá hiện thực và pháp luật hiện thực tương ứng với nền sản xuất đó cho phù hợp với cái lý tưởng công lý ấy. Người ta sẽ nghĩ như thế nào về một nhà hoá học, khi lẽ ra phải nghiên cứu các quy luật hiện thực về sự trao đổi chất và dựa trên cơ sở các quy luật đó mà giải quyết những vấn đề nhất định, thì người đó lại đòi cải tạo những sự trao đổi chất ấy sao cho phù hợp với "những quan niệm vĩnh cửu" về "tính tự nhiên và ái lực"? Khi người ta nói với chúng ta rằng" nạn cho vay nặng lãi" là trái với "công lý vĩnh cửu" và với sự "công bằng vĩnh cửu", "nghĩa tương thân vĩnh cửu" và nhiều thứ "chân lý vĩnh cửu" khác thì liệu chúng ta có hiểu biết gì về nạn cho vay nặng lãi hơn các giáo phụ trước kia không, khi họ tuyên bố rằng nạn cho vay nặng

lãi là trái với "ân sủng vĩnh cửu", "đức tin vĩnh cửu", "ý chí vĩnh cửu của Chúa? (*Mác, "Tư bản" tr.45<sup>226</sup>*).

Anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta cũng không tài gì hơn ông thầy của anh ta. Anh ta nói:

"Trong đời sống của xã hội hiện đại, hợp đồng thuê nhà là một trong muôn nghìn sự giao dịch cũng cần thiết như sự tuần hoàn của máu trong cơ thể động vật vậy. Đương nhiên là vì lợi ích của xã hội đó mà *quan niệm pháp quyền* phải thâm nhập vào tất cả những sự giao dịch ấy, nghĩa là những sự giao dịch đó phải luôn luôn được tiến hành đúng theo những yêu cầu nghiêm khắc của công lý. Tóm lại, đời sống kinh tế của xã hội, theo như lời Pru-đông, phải được nâng lên cao ngang với một *nền công lý kinh tế*. Thực ra thì như ai nấy đều biết, tình hình xảy ra trái ngược hẳn lại".

Liệu có thể tưởng tượng được rằng năm năm sau khi Mác đã vạch mặt Pru-đông bằng những lời rành mạch đến thế và chính về điểm chủ yếu đó, mà lại còn có thể cho in bằng tiếng Đức một cái mớ bong bong như thế nữa chẳng? Như vậy thì cái mớ bong bong đó nói lên cái gì? Nó chỉ nói lên rằng những hậu quả cụ thể của những quy luật kinh tế chi phối xã hội hiện nay đang kịch liệt bác lại tình cảm về công lý của tác giả của chúng ta và tác giả này thành tâm hy vọng rằng tình hình có thể được thu xếp sao cho có thể cứu chữa được mâu thuẫn đó. Vâng, nếu cóc có đuôi thì đã không phải là cóc nữa rồi! Và sau hết, há chẳng phải là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã "thấm nhuần một quan niệm pháp quyền", quan niệm về quyền riêng của nó được bóc lột những người lao động sao? Và khi tác giả nói với chúng ta rằng "quan niệm pháp quyền" của ông ta không phải là như thế thì liệu chúng ta có tiến thêm được bước nào không?

Nhưng chúng ta hãy trở lại vấn đề nhà ở. Anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta đã để cho "quan niệm pháp quyền" của anh ta tự do tuôn ra và anh ta đả chúng ta bài diễn văn thống thiết sau đây:

"Chúng tôi không ngần ngại mà khẳng định rằng đối với toàn bộ nền văn minh của thế kỷ được ca tụng biết bao của chúng ta, không có điều nào bằng nào ghê gớm hơn sự thật này, trong những thành phố lớn, 90% dân cư và thậm chí nhiều hơn nữa, không có lấy một chỗ nào khả dĩ coi như thuộc sở hữu của họ được. Trung tâm thật sự của đời sống tinh thần và đời sống gia đình, tức là nhà ở và gia đình, đã bị cơn lốc xã hội cuốn đi... Về mặt đó, chúng ta còn thấp kém hơn những người dã man rất nhiều. Người ăn lông ở lỗ có cái hang, người châu Ô-xơ-rây-li-a có túp lều tranh, người in-đi-an có cái nhà riêng, còn người vô sản hiện đại thì thực tế lại không có lấy một chỗ đặt lưng".v.v..

Lời oán thán đó để lộ rõ tất cả bộ mặt phản động của chủ nghĩa Pru-đông. Muốn tạo ra giai cấp cách mạng hiện đại là giai cấp vô sản, không thể không cắt bỏ cái cuống rốn đã gắn chặt người lao động thời xưa với ruộng đất. Người thợ dệt có, bên cạnh khung cửi của anh ta, ngôi nhà nhỏ, mảnh vườn con và thửa ruộng tí xíu, là một người bình thản và sung sướng, sống "với tất cả tấm lòng thành kính và chân thật", mặc dù là anh ta rất túng khổ và bị áp bức về chính trị; anh ta khúm núm trước bọn nhà giàu, bọn thầy tu và bọn quan lại của nhà nước, và từ đầu chí chân, anh ta thấm đầy tinh thần nô lệ. Chính công nghiệp lớn hiện đại đã làm cho người lao động bị gắn chặt vào ruộng đất, trở thành một người vô sản hoàn toàn không có gì, thoát khỏi mọi xiềng xích cổ truyền<sup>1\*</sup>, *tự do như không khí*<sup>2\*</sup>; chính cuộc cách mạng kinh tế đó đã tạo ra những điều kiện duy nhất để xoá bỏ sự bóc lột giai cấp công nhân dưới hình thức cuối cùng của nó, tức là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhưng hiện tại, anh chàng theo phái Pru-đông lại xen vào, khóc than về việc đuổi những người lao động ra khỏi gia đình và nhà ở của họ, coi như

1\* Trên tờ "Volksstaat" thay cho những chữ "thoát khỏi mọi xiềng xích cổ truyền" là những chữ "thoát khỏi mọi nền văn hoá cổ truyền".

2\* Chơi chữ: "Vogelfrei", "được đặt ra ngoài pháp luật" và cũng có nghĩa là "tự do như không khí".

đó là một bước lùi lớn; nhưng thật ra đó lại chính là điều kiện trước tiên để giải phóng tinh thần của họ.

Cách đây 27 năm (trong cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh"<sup>227</sup>) tôi đã miêu tả, trên những nét lớn, việc đuổi những người lao động ra khỏi gia đình và nhà ở của họ hồi thế kỷ XVIII ở Anh đã diễn ra như thế nào. Tôi cũng đã trình bày tình cảnh nhục nhã vô cùng trầm trọng do bọn địa chủ và chủ xưởng gây ra, cùng những điều bất lợi mà trước hết những người lao động bị đuổi như thế không thể nào tránh khỏi, cả về mặt tinh thần lẫn về mặt vật chất. Nhưng liệu tôi có thể xem sự tiến triển lịch sử đó, sự tiến triển tuyệt đối cần thiết trong những hoàn cảnh như thế, là một quá trình giật lùi, đưa đến tình trạng "thấp kém hơn những người dã man", hay chẳng? Chắc chắn là không. Người vô sản Anh năm 1872 ở vào một trình độ vô cùng cao hơn trình độ của người thợ dệt ở nông thôn năm 1772 là người đã có "gia đình và nhà ở". Và người ăn lông ở lỗ có cái hang, người châu Ô-xơ-rây-li-a có túp lều tranh, người In-đi-an có ngôi nhà riêng, thử hỏi rằng những người đó có bao giờ làm được một cuộc khởi nghĩa tháng Sáu hay một Công xã Pa-ri không?

Từ khi áp dụng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trên một quy mô rộng lớn thì nói chung, tình trạng những người lao động trở nên tồi tệ hơn về mặt vật chất, - điều đó thì chỉ có người tư sản mới hoài nghi mà thôi. Nhưng phải chăng vì thế mà chúng ta phải nhìn về đằng sau để tiếc rẻ những cái nôi thịt của người Ai Cập<sup>288</sup> (cũng rất là đậm bạc), tiếc rẻ nền tiểu công nghiệp nông thôn chỉ tạo ra những đầu óc nô lệ, hay đến những "người dã man"? Trái hẳn lại. Chỉ có giai cấp vô sản do công nghiệp lớn hiện đại tạo ra, được giải phóng khỏi mọi xiềng xích của quá khứ, kể cả những xiềng xích đã ràng buộc giai cấp đó vào đất đai, và được tập trung trong những thành phố lớn, mới có thể tiến hành được cuộc biến đổi xã hội lớn lao, chấm dứt mọi ách bóc lột và thống trị giai cấp. Những người thợ dệt cũ ở nông thôn, có nhà ở và gia đình, không bao giờ có thể làm nổi điều

đó; họ không bao giờ có thể sản sinh ra được một cách suy nghĩ như thế, mà lại càng không muốn thực hiện cách suy nghĩ đó.

Trái lại, Pru-đông cho rằng toàn bộ cuộc cách mạng công nghiệp từ một trăm năm lại đây, - hơi nước, đại công xưởng sản xuất đã lấy máy móc thay thế lao động thủ công và làm cho sức sản xuất của lao động tăng lên gấp trăm nghìn lần, - là một sự biến vô cùng đáng buồn, thật ra không nên xảy ra mới phải. Anh chàng tiểu tư sản Pru-đông đòi hỏi một thế giới, trong đó mỗi người làm ra, một cách độc đáo và độc lập, một sản phẩm có thể đem tiêu dùng và trao đổi trên thị trường được ngay; sau đó chỉ cần mỗi người thu lại được đầy đủ giá trị lao động của mình ở một sản phẩm khác, là đủ thoả mãn được yêu cầu "công lý vĩnh cửu" và đủ cho một thế giới tốt đẹp nhất được sáng lập. Nhưng chưa thành hình thì cái thế giới tốt đẹp nhất đó của Pru-đông đã bị nghiền nát dưới bước chân của sự phát triển công nghiệp đang ở trong thời kỳ tiến bộ mạnh, một sự phát triển đã xoá bỏ từ lâu lao động cá thể trong mọi ngành công nghiệp chủ yếu và xoá bỏ, mỗi ngày mỗi nhiều hơn một ít, lao động cá thể trong những ngành thứ yếu cũng như trong những ngành quan trọng nhất; lao động cá thể được thay thế bằng lao động xã hội được trợ lực bởi máy móc và lực lượng tự nhiên đã bị chinh phục, tức là lao động sản xuất ra những thành phẩm có thể đem trao đổi hoặc tiêu dùng ngay và là thành quả của lao động chung của rất nhiều người. Và chính là nhờ cuộc cách mạng công nghiệp đó mà sức sản xuất của lao động của loài người đã đạt đến một trình độ có thể, - lần đầu tiên từ khi có loài người, - nhờ sự phân phối lao động hợp lý giữa tất cả mọi người, chẳng những sản xuất ra đủ bảo đảm sự tiêu dùng dồi dào của tất cả mọi người trong xã hội và gây một quỹ dự trữ quan trọng, mà còn làm cho mọi người có đủ thì giờ nhàn rỗi để tiếp thu tất cả những gì thật sự đáng quý trong di sản văn hoá do lịch sử truyền lại - khoa học, nghệ thuật, các hình thức giao tiếp, v.v. - và chẳng những tiếp thu mà còn làm cho tất cả những cái đó từ chỗ là

độc quyền của giai cấp thống trị trở thành tài sản chung của toàn thể xã hội và làm cho tài sản đó phát triển phong phú thêm mãi. Và đó là bước ngoặt quyết định. Khi sức sản xuất của lao động loài người đã đạt đến mức độ đó thì giai cấp thống trị không còn có một lý do nào để tồn tại nữa. Phải chăng lý do cuối cùng biện hộ cho những sự khác biệt giai cấp bao giờ cũng là: cần có một giai cấp không cần phải nai lưng ra sản xuất những thứ tiêu dùng hàng ngày của mình để có đủ thì giờ làm công việc lao động trí óc trong xã hội? Câu chuyện bày đặt ấy, - từ trước đến nay vẫn được lịch sử xác minh một cách rất rõ ràng, - đã bị cuộc cách mạng công nghiệp một trăm năm gần đây vĩnh viễn biến thành vô căn cứ. Sự tồn tại của một giai cấp thống trị ngày càng tỏ ra là một trở ngại cho sự phát triển của những lực lượng sản xuất công nghiệp, cũng như cho sự phát triển của khoa học, nghệ thuật và đặc biệt là cho sự phát triển của những hình thức giao tiếp văn minh. Chưa từng bao giờ có những người thô lỗ hơn những người tư sản hiện đại của chúng ta.

Nhưng tất cả điều ấy, ông bạn Pru-đông không quan tâm đến. Điều mà ông ta muốn, chính là "công lý vĩnh cửu" và chỉ có thể thôi. Đem đổi sản phẩm của mình, mỗi người phải nhận được toàn bộ thu nhập, toàn bộ giá trị của lao động của mình. Nhưng nếu là một sản phẩm của công nghiệp hiện đại thì việc tính toán đó không phải là giản đơn: thực vậy, công nghiệp hiện đại làm lu mờ phần của cá nhân trong toàn bộ sản phẩm, còn ở trong điều kiện lao động thủ công nghiệp trước kia thì phần đó tự nó biểu hiện ra trong sản phẩm đã làm ra. Hơn nữa, công nghiệp hiện đại loại bỏ dần dần việc trao đổi bằng hiện vật, trên đó Pru-đông đã xây dựng toàn bộ hệ thống của ông ta, tức là sự trao đổi trực tiếp giữa hai người sản xuất, trong đó người này lấy sản phẩm của người kia để tiêu dùng<sup>1\*</sup>. Do đó, toàn bộ chủ

1\* Phần cuối của câu này bắt đầu từ những chữ: "tức là trao đổi trực tiếp" do Ăng-ghe-nơ bổ sung trong lần xuất bản năm 1887.



nghĩa Pru-đông đã tiêm nhiễm một xu hướng phản động: tinh thần oán ghét cuộc cách mạng công nghiệp và hy vọng, đã ít nhiều biểu hiện công khai, là bỏ quách tồn bộ công nghiệp hiện đại, những máy hơi nước, máy kéo sợi và những phát minh viễn vông khác, để trở về với chế độ lao động thủ công cổ xưa đáng tin cậy. Như vậy, dù chúng ta có mất 999 phần nghìn sức sản xuất, dù toàn nhân loại có bị dồn vào tình trạng nô lệ đáng sợ nhất, dù một cuộc đói khát là thông lệ đi nữa thì cũng chẳng can chi, - điều chủ yếu chẳng phải là tiến đến chỗ tổ chức việc trao đổi như thế nào để mỗi người đều nhận được "tồn bộ thu nhập của lao động của mình" và để "công lý vĩnh viễn" được thực hiện, hay sao? *Fiat justitia, pereat mundus!*

Chỉ cần là công lý đắc thắng

Còn mặc cho thế giới tiêu vong!

Và thế giới sẽ tiêu vong, nếu ngẫu nhiên mà cuộc phản cách mạng của Pru-đông có thể thực hiện được.

Tuy nhiên rõ ràng là ngay cả trong nền sản xuất xã hội do công nghiệp lớn chi phối, mỗi người đều có thể chắc chắn nhận được "toàn bộ thu nhập của lao động của mình", trong chừng mực câu nói chung chung đó có một ý nghĩa. Và câu nói đó chỉ có thể có ý nghĩa, nếu ta hiểu nó theo một nghĩa rộng hơn, tức là hiểu rằng người sở hữu "toàn bộ thu nhập của lao động của mình" không phải là cá nhân người lao động, mà chính là toàn thể xã hội, một xã hội chỉ gồm toàn những người lao động mà thôi; chính xã hội này là người sở hữu toàn bộ sản phẩm lao động của những người lao động: một phần do xã hội phân phối cho những thành viên trong xã hội để tiêu dùng, phần khác được dùng để thay thế và tăng thêm tư liệu sản xuất, cuối cùng, một phần nữa được dành riêng ra làm vốn dự trữ để sản xuất và tiêu dùng<sup>1\*</sup>

<sup>1\*</sup> Toàn bộ câu cuối bắt đầu từ những chữ: "Và câu nói đó..." do Ăng-ghen bổ sung trong lần xuất bản năm 1887.

\*  
\*     \*

Theo những điều đã nói trên đây thì cũng dễ thấy trước được rằng anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta sẽ giải quyết vấn đề lớn lao về nhà ở như thế nào rồi. Một mặt, anh ta đòi hỏi rằng mỗi người lao động phải có một ngôi nhà thuộc sở hữu riêng của mình, để không còn phải ở vào tình trạng *thấp kém hơn những người đã man* nữa. Mặt khác, anh ta lại khẳng định rằng giá thành lúc đầu của ngôi nhà sẽ được trả gấp 2, 3, 5 hay 10 lần dưới hình thức tiền thuê nhà - như đã xảy ra như thế, trong thực tế, - là dựa trên một *lý do pháp quyền*, rằng lý do đó mâu thuẫn với "*công lý vĩnh cửu*". Biện pháp giải quyết vấn đề thì thật là giản đơn: thủ tiêu lý do pháp quyền và tuyên bố, chiếu theo công lý vĩnh cửu, rằng tiền thuê nhà là tiền trả góp về chính ngay giá cả của ngôi nhà. Khi người ta đã lấy những tiền để sao cho những tiền để đó đã chứa đựng được cả kết luận rồi thì không cần gì phải khéo hơn mọi thầy lang băm mới rút được từ cái bị của mình ra cái kết quả đã được chuẩn bị sẵn và hãnh diện rằng cái lô-gích đã dẫn đến kết quả ấy là không gì lay chuyển được.

Và đó là điều xảy ra ở đây. Người ta công bố là cần phải xoá bỏ tiền thuê nhà và đòi hỏi rằng mỗi người thuê nhà phải trở thành người sở hữu ngôi nhà mình. Người ta làm cách nào? Một cách rất đơn giản.

"Sẽ mua lại ngôi nhà cho thuê... Người ta sẽ trả giá trị ngôi nhà mình ở cho người sở hữu cũ không thiếu một xu nào. Lẽ ra, như từ trước đến nay, tiền thuê nhà là cống vật mà người thuê nhà nộp cho quyền lợi vĩnh cửu của tư bản kể từ ngày công bố việc mua lại nhà ở, số tiền do người thuê nhà trả, tính toán rất tỉ mỉ, sẽ là tiền trả góp hàng năm về giá cả ngôi nhà được chuyển thành sở hữu của mình... Như thế là bằng cách đó, xã hội... sẽ biến thành một tập thể những người sở hữu tự do và độc lập về nhà ở".

Anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta cho rằng khi người sở hữu nhà ở có thể không làm lụng gì mà vẫn thu được địa tô và tiền lãi của tư bản đã bỏ vào bất động sản của họ, thì như thế là một tội ác chống lại công lý vĩnh cửu. Anh ta ra một mệnh lệnh: tình trạng đó phải chấm dứt và tư bản bỏ vào nhà ở không được lấy lãi, cũng không được lấy địa tô, khi mà tư bản đó là tiền mua miếng đất. Nhưng chúng ta thấy rằng như thế thì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cơ sở của xã hội hiện nay, không hề bị động đến. Cái mấu chốt trong việc tổ chức bóc lột người lao động, chính là việc người lao động bán sức lao động của mình cho nhà tư bản và việc nhà tư bản sử dụng sức lao động ấy bằng cách bắt người lao động phải sản xuất ra nhiều hơn so với giá mua sức lao động của mình. Chính sự giao dịch đó giữa nhà tư bản và người lao động đã để ra giá trị thặng dư; rồi sau đó, giá trị thặng dư, dưới hình thức địa tô, lợi nhuận thương nghiệp, lợi tức của tư bản, thuế má, v.v., sẽ được phân phối cho nhiều loại nhà tư bản khác nhau và bọn đầy tớ của chúng. Ấy thế mà anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta lại tưởng tượng rằng nếu người ta cấm *độc có một loại* những nhà tư bản, - đây là những người không trực tiếp mua sức lao động và do đó không làm ra một giá trị thặng dư nào, - không được lấy lợi nhuận hay tiền lãi thì người ta sẽ tiến lên được một bước đấy. Nếu ngày mai, người ta không để cho những người sở hữu nhà ở có thể thu địa tô và tiền lãi thì khối lượng lao động không được trả công mà giai cấp công nhân bị tước đoạt, cũng vẫn sẽ y nguyên như trước; nhưng điều đó cũng không cản trở anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta tuyên bố rằng:

"Xoá bỏ tiền cho thuê nhà là một trong những *nguyện vọng có hiệu quả nhất và cao thượng nhất* do tư tưởng cách mạng để ra và nguyện vọng đó phải trở thành một *yêu cầu chủ yếu* của phái dân chủ - xã hội".

Đó hoàn toàn là cái lối mị dân quen thuộc của ông thầy Pru-đông, là con người mà tiếng cục tác thì to nhưng trứng đẻ ra lại nhỏ.

Và bây giờ, hãy thử tưởng tượng một chút xem những người lao động, những người tiểu tư sản hay những người tư sản, do trả tiền hàng năm, đã buộc phải trở thành người sở hữu một phần rồi trở thành người sở hữu hoàn toàn của ngôi nhà họ ở, sẽ ở vào một tình cảnh đẹp đẽ như thế nào. Tại những vùng công nghiệp ở Anh là nơi có một nền công nghiệp lớn nhưng lại có nhiều nhà bé nhỏ cho công nhân và ở đó, mỗi người lao động có vợ con đều ở một ngôi nhà nhỏ riêng, thì điều đó còn có thể có một ý nghĩa. Nhưng ở Pa-ri, cũng như ở phần nhiều những thành phố lớn trên lục địa, nền công nghiệp nhỏ lại kèm theo những nhà lớn, trong đó 10, 20, 30 gia đình sống chung với nhau. Ngày mà sắc lệnh giải phóng ban bố việc mua lại nhà ở, thì anh Pê-tơ, chẳng hạn, đang làm việc trong một công xưởng chế tạo máy ở Béc-lin. Một năm sau, anh ta là người sở hữu giả thử 1 phần 15 chỗ anh ta ở, gồm có một căn phòng trên gác 5, tại một địa điểm nào đó ở cổng Hăm-buốc. Anh ta mất việc và ít lâu sau thì về ở Pô-tô-phơ ở Han-nô-vơ, trong một nơi tương tự như chỗ ở cũ, trên gác 3, đằng sau nhìn ra một cái sân phong cảnh đẹp tuyệt: năm tháng sau, anh ta sở hữu 1/36 ngôi nhà thì một cuộc bãi công lại đuổi anh ta đến mãi tận Muyn-sen; ở đây mười một tháng, anh ta buộc phải gánh đúng 11/180 quyền sở hữu một chỗ ở khá tồi tăm, ở tầng dưới cùng, sau phố Ô-bơ Ăng-ơ. Nhiều lần di chuyển khác, như ngày nay thường xảy ra trong giới những người lao động, lại buộc anh ta phải gánh 7/360 quyền sở hữu một chỗ ở Ga-len mà tiện nghị không kém gì những chỗ trước, 23/180 một chỗ ở khác ở Lít-xơ và 347/56223 một chỗ ở thứ ba ở Xê-ren; đây là những con tính làm rất chính xác để cho "công lý vĩnh cửu" không còn than phiền gì được cả. Và bây giờ, liệu anh Pê-tơ của chúng ta được gì trong tất cả những phần chỗ ở ấy? Ai sẽ cho anh ta vật ngang giá thật sự của những phần đó? Anh ta sẽ tìm ở đâu ra người sở hữu hoặc những người sở hữu của những phần nhà ở mà anh ta ở trước đây? Và trước hết, trong một ngôi nhà lớn nào đó, có những tầng gác gồm 20

chỗ ở chẳng hạn, và một khi đã quá hạn cần thiết để mua lại và việc cho thuê đã bị xoá bỏ, sẽ thuộc quyền sở hữu của độ chừng 300 người sở hữu bộ phận, phân tán khắp bốn phương trời thì những điều kiện sở hữu sẽ là những điều kiện nào? Anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta sẽ trả lời rằng từ nay đến ngày đó, ngân hàng trao đổi của Pru-đông sẽ hoạt động, ngân hàng này sẽ trả, bất cứ lúc nào và cho từng người, toàn bộ thu nhập của lao động của họ và như vậy là cũng trả cả toàn bộ giá trị của phần nhà ở của họ. Nhưng thứ nhất là cái ngân hàng trao đổi đó của Pru-đông, ở đây, không quan hệ gì đến chúng ta, vì nó không hề được nêu lên trong những bài báo viết về vấn đề nhà ở: thứ hai là ngân hàng đó căn cứ vào một ý kiến sai lầm kỳ quặc cho rằng người muốn bán một món hàng nhất định phải tìm được một người mua toàn bộ giá trị của món hàng ấy; thứ ba là trước khi được Pru-đông phát minh ra thì cái ngân hàng đó, dưới nhãn hiệu là Labour Exchange Bazaar<sup>229</sup>, đã nhiều lần bị phá sản ở Anh rồi.

Chính cái ý kiến cho rằng người lao động phải *mua chỗ ở* của mình cũng lại dựa trên cái nguyên lý phản động của Pru-đông mà chúng ta đã nêu lên, nguyên lý cho rằng tình trạng do công nghiệp lớn và hiện đại tạo ra là một biểu hiện bệnh tật; cho nên phải đưa xã hội, bằng cách dùng bạo lực, - nghĩa là bằng cách đi ngược lại trào lưu đã lỗi cuốn xã hội từ 100 năm nay, - đến một trạng thái, trong đó lao động thủ công thủ cựu cổ xưa của người sản xuất riêng biệt sẽ thành lẽ thường, như vậy chẳng qua chỉ là phục hồi một cách lý tưởng nền tiểu công nghiệp đã bị diệt vong hay đang ở trên con đường diệt vong. Khi những người lao động đã bị quăng vào trạng thái thủ cựu đó và đã may mắn thoát khỏi "cơn lốc xã hội", thì quyền sở hữu "một ngôi nhà và một gia đình" lại có thể trở nên bổ ích đối với họ và lý luận về việc mua lại nhà của nói trên kia sẽ có vẻ ít phi lý hơn. Pru-đông chỉ quên có một điều, đó là muốn đạt đến kết quả ấy thì trước nhất, ông ta phải làm cho cái đồng hồ lịch sử thế giới chậm lại

một trăm năm, và do đó ông ta gây lại cho những người lao động ngày nay một tâm lý nô lệ, đối nát, khúm núm và nham hiểm, giống như tâm lý của tổ tiên ba đời của họ.

Trong chừng mực mà giải pháp đó của phái Pru-đông về vấn đề nhà ở có những điều hợp lý, khả dĩ sử dụng được trong thực tiễn, thì giải pháp đó ngày nay đã được áp dụng rồi, sự áp dụng đó thực ra không hề "do tư tưởng cách mạng đẻ ra", mà là do chính giai cấp đại tư sản đẻ ra. Chúng ta hãy nghe ý kiến về vấn đề đó của một tờ nhật báo xuất sắc, tờ "La Emancipacion", xuất bản bằng tiếng Tây Ban Nha ở Ma-đrít, ngày 16 tháng Ba 1872;

"Còn có một giải pháp khác nữa về vấn đề nhà ở, giải pháp do Pru-đông đề nghị: thoát nhìn thì đó là một giải pháp hấp dẫn, nhưng nếu nghiên cứu sâu sắc thì thấy rõ rằng đó là một giải pháp hoàn toàn bất lực, Pru-đông đề nghị biến những người thuê nhà thành những người mua nhà trả tiền góp, bằng cách này, tiền thuê nhà trả hàng năm sẽ được coi là tiền trả góp dần cho giá trị của ngôi nhà và sau một thời gian nào đó, người thuê nhà sẽ có thể trở thành người sở hữu ngôi nhà đó. Giải pháp này, mà Pru-đông cho là rất cách mạng, ngày nay đã được các công ty đầu cơ thực hiện trong tất cả các nước; những công ty đầu cơ đó, bằng cách tăng tiền thuê nhà lên, đã thu được gấp 2 và 3 lần giá trị ngôi nhà. Ông Đôn-phu-xơ và các chủ xưởng lớn khác ở đông - bắc nước Pháp đã áp dụng chế độ đó, chẳng những để làm tiền, mà hơn nữa, cũng còn có một ẩn ý chính trị nữa.

Những lãnh tụ khôn ngoan nhất của các giai cấp thống trị luôn luôn ra sức tăng thêm con số những người tiểu tư hữu để tạo ra cho mình một đạo quân chống lại giai cấp vô sản. Những cuộc cách mạng tư sản hồi thế kỷ vừa qua đã chia vụn chế độ sở hữu nhiều ruộng đất của giai cấp quý tộc và của tầng lớp thành ra những sở hữu nhỏ phân tán - giống như điều mà những người cộng hoà Tây Ban Nha muốn thực hiện ngày nay - và do đó, họ đã tạo nên một giai cấp những người sở hữu ít ruộng đất, giai cấp này từ đó đã trở thành nhân tố phản động nhất của xã hội và là trợ lực thường xuyên chống đối lại phong trào cách mạng của giai cấp vô sản ở thành thị. Na-pô-lê-ông III đã có ý định tạo ra, trong các thành thị, một giai cấp tương tự bằng cách giảm bớt giá mỗi phiếu quốc trái: ông Đôn-phu-xơ và những bạn đồng

nghiệp, trong khi bán cho công nhân của họ những nhà ở nhỏ nhỏ có thể trả dần từng năm, đã tìm cách bóp chết mọi tinh thần cách mạng của những người lao động, đồng thời ràng buộc họ vào công xưởng trong đó họ làm việc: vì thế, cái kế hoạch của Pru-đông không những không giảm bớt được những nỗi đau khổ của giai cấp công nhân, mà thậm chí còn trực tiếp quay lại chống họ nữa"<sup>1)</sup>.

Vậy giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào? Trong xã hội chúng ta hiện nay, người ta giải quyết vấn đề nhà ở như giải quyết mọi vấn đề xã hội khác, nghĩa là bằng cách dần dần tạo ra một sự thăng bằng kinh tế giữa cung và cầu; giải pháp này làm cho vấn đề được đặt đi đặt lại mãi nên không phải là một giải pháp. Còn một cuộc cách mạng xã hội sẽ giải quyết vấn đề như thế nào, điều đó tùy thuộc không những vào những điều kiện trong đó cách mạng nổ ra, mà cũng còn tùy thuộc vào nhiều vấn đề rộng lớn hơn nhiều, mà một trong những vấn đề chủ yếu nhất là xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn. Vì chúng ta không làm cái việc xây dựng những hệ thống không tưởng về việc tổ chức xã hội tương lai, cho nên nói dài dòng về vấn đề đó ở đây, sẽ là một việc quá ư phù phiếm. Có điều chắc chắn là những thành phố lớn đã có khá đầy đủ nhà dùng làm nhà ở để khắc

1) Giải pháp đó về vấn đề nhà ở, - giải pháp ràng buộc những người lao động vào "nhà" riêng của họ - đã được thực hiện một cách tự phát như thế nào ở ngoại ô những thành phố lớn ở Mỹ hoặc những thành phố đang phát triển, về điều này ta có thể xem một đoạn trích trong một bức thư của Ê-lê-ô-no-ra Mác-Ê-vơ-ling [một trong những con gái của Mác] viết tại In-đi-a-nô-pô-lít, ngày 28 tháng Mười một 1886: "Ở Can-dát-xơ Xi-ti, hay nói đúng hơn là ở vùng ngoại ô thành phố đó, chúng tôi thấy những túp lều ván nhỏ bé tồi tàn, khoảng chừng ba gian, dựng trên những miếng đất bỏ hoang. Đất đai trị giá 600 đô-la và chỉ vừa vụn để dựng túp lều bé nhỏ; túp lều trị giá 600 đô-la nữa, vị chi là 4800 mác cả thấy mới có được một túp lều nhỏ bé tồi tàn ở cách xa thành phố một giờ đồng hồ đường đất, nằm trong bãi sa mạc bùn lầy". Như vậy, những người lao động muốn có chỗ ở phải chịu những món nợ cầm cố nặng nề và hơn bao giờ hết, họ là những nô lệ của bon chủ của họ; họ bị trói buộc vào nhà ở của họ, họ không thể bỏ nó ra đi và họ buộc phải nhận tất cả mọi điều kiện lao động để ra cho họ.

phục ngay tức khắc mọi tình trạng thật sự "*khủng hoảng nhà ở*", bằng cách sử dụng hợp lý những nhà của đó. Dĩ nhiên là điều này chỉ có thể tiến hành được bằng cách tước quyền sở hữu của những chủ nhà hiện tại, bằng cách để cho những người lao động không có nhà ở hay sống chen chúc trong những chỗ ở của họ đến ở những nhà của đó; và ngay sau khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền thì biện pháp đó, do lợi ích của xã hội đòi hỏi, cũng sẽ được thực hiện dễ dàng như hiện nay nhà nước đang thực hiện những biện pháp tước đoạt và trưng thu.

\*  
\*   \*  
\*

Nhưng anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta chưa thỏa mãn với sự đóng góp của anh ta từ trước đến nay trong vấn đề nhà ở. Anh ta nâng vấn đề nhà ở từ thực tế tầm thường lên những lĩnh vực cao của chủ nghĩa xã hội, để làm cho vấn đề đó, ở đây nữa, cũng biểu hiện ra là một "bộ phận chủ yếu của vấn đề xã hội".

"Vậy thì chúng tôi giả định rằng người ta tấn công kiến quyết vào năng suất của tư bản, - điều đó sớm hay muộn nhất định cũng sẽ xảy ra, - chẳng hạn bằng cách ban bố một đạo luật quá độ *quy định tiền lãi của tất cả mọi tư bản là 1%*, với xu hướng - chúng ta hãy chú ý điều này, - làm cho lời tức đó ngày càng nhích lại gần con số không, cho đến khi nào mà cuối cùng người ta chỉ còn phải trả tiền công *lao động cần thiết cho sự chu chuyển của tư bản*. Như tất cả mọi sản phẩm khác, ngôi nhà và chỗ ở sẽ do đạo luật đó chi phối... Chính người sở hữu nhà ở sẽ là người đầu tiên đưa tay ra thoả thuận bán, bởi vì nếu không thì nhà của anh ta sẽ không được sử dụng và tư bản bỏ vào đó sẽ không sinh lợi gì cả".

Đoạn này bao hàm một trong những tín điều cơ bản của giáo lý của Pru-đông và là một ví dụ nổi bật về sự mơ hồ trong giáo lý đó.

"Năng suất của tư bản" là một điều kỳ quặc mà Pru-đông lặp lại nguyên văn theo các nhà kinh tế tư sản. Đành rằng ngay từ

đầu các nhà kinh tế tư sản khẳng định rằng lao động là nguồn gốc của mọi của cải và là thước đo giá trị của mọi hàng hoá; nhưng họ còn phải giải thích xem bằng cách nào mà người tư bản ứng trước ra một số tư bản để kinh doanh công nghiệp hay thủ công nghiệp, cuối cùng chẳng những lấy lại được số tư bản của hần mà còn thu thêm được một số lợi nhuận nữa. Vì thế những nhà kinh tế tư sản không thể nào không lúng túng trong đủ mọi loại mâu thuẫn và gán cho bản thân tư bản là có một năng suất nào đó. Pru-đông đã bị lệ thuộc sâu sắc đến đâu vào cách suy nghĩ kiểu tư sản - không có gì chứng tỏ điều đó được rõ ràng hơn việc ông ta đã dùng thuật ngữ năng suất của tư bản đó. Ngay từ đầu, chúng ta đã thấy rằng cái gọi là "năng suất của tư bản" đó không phải là cái gì khác hơn là tính chất cố hữu của tư bản (trong những điều kiện xã hội hiện nay, và lại nếu không có những điều kiện đó thì tư bản lại chẳng phải là tư bản nữa), là có thể chiếm đoạt lao động không công của những người lao động làm thuê.

Tuy vậy Pru-đông lại khác với các nhà kinh tế tư sản ở chỗ là ông ta không tán thành cái "năng suất của tư bản" đó, mà trái lại còn phát hiện rằng năng suất đó là một sự vi phạm "công lý vĩnh cửu". Chính năng suất đó đã làm cho người làm thuê không được hưởng toàn bộ sản phẩm lao động của mình. Vậy phải thủ tiêu nó đi. Bằng cách nào? Bằng cách dùng sắc lệnh để hạ thấp *tỷ suất lợi tức* xuống và bằng cách giảm dần *tỷ suất* đó đến chỗ không còn gì cả. Như vậy, theo anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta, tư bản sẽ ngừng không sinh lợi nữa.

Lợi tức của tư bản *tiền tệ* cho vay chỉ là một phần của lợi nhuận; lợi nhuận này dù là do tư bản công nghiệp hay do tư bản thương nghiệp mà có, thì cũng chỉ là một phần của giá trị thặng dư do giai cấp tư bản tước của giai cấp công nhân dưới hình thức lao động không công. Nói chung những quy luật của cùng một hình thái xã hội có thể độc lập đối với nhau như thế nào thì những quy luật kinh tế quyết định *tỷ suất lợi tức* cũng độc lập

đối với những quy luật quyết định *tỷ suất* của giá trị thặng dư như thế. Trong việc phân phối giá trị thặng dư đó giữa những cá nhân bọn tư bản, rõ ràng là đối với những nhà công nghiệp hay nhà buôn được những nhà tư bản khác ứng cho nhiều tư bản để kinh doanh, thì trong những điều kiện giống nhau, *tỷ suất lợi tức* giảm đi bao nhiêu thì *tỷ suất lợi nhuận* cũng tăng lên theo cùng một *tỷ lệ* như thế. Như vậy, việc giảm bớt và cuối cùng là việc thủ tiêu *tỷ suất lợi tức* sẽ không "kiên quyết tấn công" cái gọi là "năng suất của tư bản", mà sẽ chỉ điều tiết, bằng một cách khác, sự phân phối, giữa những nhà tư bản khác nhau, cái giá trị thặng dư cường đoạt của giai cấp công nhân; và đó không phải là sẽ làm lợi cho người lao động bằng cách làm thiệt hại cho chủ nghĩa tư bản công nghiệp, mà là sẽ làm lợi cho chủ nghĩa tư bản công nghiệp bằng cách làm thiệt hại cho người thực lợi.

Đứng trên quan điểm pháp quyền của mình, Pru-đông giải thích *tỷ suất lợi tức*, như giải thích tất cả mọi hiện tượng kinh tế, không phải bằng những điều kiện sản xuất xã hội, mà bằng những đạo luật nhà nước, tức là những biểu hiện chung của những điều kiện ấy. Đứng trên quan điểm ấy, người ta không thể có mấy may ý niệm nào về mối liên quan giữa những đạo luật của nhà nước và những điều kiện sản xuất của xã hội; cho nên những đạo luật nhà nước đó nhất định phải xuất hiện như những sắc lệnh hoàn toàn tùy tiện mà người ta có thể thay thế bất kỳ lúc nào, bằng những sắc lệnh khác, đối lập hẳn lại. Do đó, đối với Pru-đông thì không có gì dễ dàng hơn là ban hành một sắc lệnh - khi ông ta có quyền làm như thế - giảm *tỷ suất lợi tức* xuống mức 1%. Và nếu tất cả mọi điều kiện xã hội khác vẫn y nguyên như trước thì sắc lệnh đó sẽ chỉ tồn tại trên giấy tờ mà thôi. Bất chấp tất cả mọi sắc lệnh, *tỷ suất lợi tức* sẽ được quyết định như trước kia theo những quy luật kinh tế hiện đang chi phối nó; y hệt như trước kia, tất cả những người có khả năng trả nợ sẽ vay tiền với lãi suất 2,3% và hơn thế nữa, tùy trường hợp, chỉ có chỗ

khác là những người thực lợi sẽ thận trọng hơn và sẽ chỉ ứng trước cho những ai mà họ không sợ là sẽ kiện họ. Ngoài ra, cái kế hoạch lớn lao đó, nhằm tước "năng suất" của tư bản đi, đã quá ư cũ kỹ, cũ kỹ như... những *đạo luật về cho vay lãi* là những đạo luật không có mục đích nào khác ngoài việc hạn chế tỷ suất lợi tức và ngày nay đã bị xoá bỏ ở khắp nơi vì, trong thực tiễn, những đạo luật đó thường thường bị vi phạm hay bị tránh né và vì nhà nước đã phải thừa nhận là bất lực đối với những quy luật sản xuất xã hội. Thế mà lại khôi phục lại những đạo luật trung cổ không thể thi hành được đó, đề "kiên quyết tấn công năng suất của tư bản"! Rõ ràng là càng xem xét chủ nghĩa Pru-đông kỹ bao nhiêu thì lại càng thấy nó phản động bấy nhiêu.

Và khi mà người ta đã đưa tỷ suất lợi tức lãi xuống con số không bằng cách đó, tức là đã thủ tiêu tiền lãi của tư bản, thì lúc ấy "người ta chỉ còn phải trả tiền công lao động cần thiết cho sự chu chuyển của tư bản thôi". Điều đó có nghĩa là thủ tiêu tỷ suất lợi tức, cũng là thủ tiêu lợi nhuận và thậm chí thủ tiêu cả giá trị thặng dư nữa. Nhưng nếu có thể *thật sự* thủ tiêu tỷ suất lợi tức lãi bằng sắc lệnh thì hậu quả sẽ ra sao? Lúc đó, giai cấp những *người thực lợi* sẽ không có một lý do nào để đem tư bản của họ cho vay dưới hình thức tiền ứng trước, và họ sẽ buộc phải đem tư bản đầu tư vào công nghiệp để kiếm lợi cho bản thân, hoặc đầu tư trực tiếp, hoặc bằng cách tham gia các công ty cổ phần. Cái khối giá trị thặng dư do giai cấp các nhà tư bản tước đoạt của giai cấp công nhân sẽ vẫn y nguyên như trước; chỉ có sự phân phối giá trị thặng dư là thay đổi, nhưng cũng chẳng thay đổi được là bao.

Thực tế, anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta không thấy rằng ngay bây giờ, trong việc mua hàng hoá, như vẫn được tiến hành trong xã hội tư sản, thì bình quân mà tính, người ta đã chỉ trả giá cho 'lao động cần thiết cho sự chu chuyển của tư bản' (nghĩa là: cần thiết để sản xuất một món hàng nhất định). Lao động là thước đo giá trị của tất cả mọi hàng hoá và trong xã hội hiện nay, và bình quân mà tính, tuyệt đối không thể -

nếu không kể đến những sự biến động của thị trường - trả cho những hàng hoá, một cái giá cao hơn lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hoá đó. Không, ông bạn theo phái Pru-đông của tôi ơi, khó khăn không phải là ở chỗ ấy đâu; khó khăn là ở chỗ 'lao động cần thiết cho sự chu chuyển của tư bản' )nói theo cái lối nói mơ hồ của ông bạn) chính cũng *chưa được trả giá đầy đủ*. Còn về việc giải thích điều đó, ông bạn hãy tìm trong trước tác của Mác ("*Tư bản*", tr.128-160<sup>230</sup>).

Nhưng thế chưa phải là đã hết. Một khi lợi tức của *tư bản* bị thủ tiêu thì đồng thời *tiền thuê nhà*<sup>1\*</sup> cũng bị thủ tiêu luôn. Vì "như tất cả mọi sản phẩm khác, nhà ở và chỗ ở dĩ nhiên cũng bị đạo luật đó chi phối". Điều đó thật chẳng khác nào cái việc một viên thiếu tá già đã cho gọi một quân nhân tình nguyện của mình đến và bảo: "Này anh, tôi nghe nói anh là bác sĩ: vậy thì thỉnh thoảng anh hãy đến nhà tôi: khi người ta có vợ và bầy con thì bao giờ chả có người bệnh để mà chữa".

Người quân nhân tình nguyện thưa rằng: "Xin lỗi thiếu tá, nhưng tôi lại là bác sĩ triết học kia!"

Viên thiếu tá nói: "Cái đó chẳng can chi, bác sĩ nào mà chẳng là bác sĩ".

Anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta cũng giống y như thế; đối với anh ta thì lợi tức của tư bản hay do nhà ở mang lại cũng chỉ là một thôi: lợi tức là lợi tức, và bác sĩ là bác sĩ.

Trên đây chúng ta đã thấy rằng giá tiền thuê nhà, vulgo<sup>2\*</sup> gọi là tiền thuê nhà, bao gồm nhiều phần khác nhau: "1) địa tô; 2) tiền lãi của tư bản bỏ vào việc xây dựng, kể cả lợi nhuận của người thầu khoán; 3) số tiền dùng để trả những chi phí về sửa

1\* Chơi chữ: Zins - lợi tức. Miethzins (hay Mieth) - tiền kiếm được bằng cho thuê nhà.

2\* - thông thường.

chữa và những khoản bảo hiểm; 4) những số tiền hàng năm để bù dần số tư bản bỏ ra, kể cả lợi nhuận, tùy theo tình trạng nhà ở hư hỏng dần dần.

Và bây giờ hẳn là phải rõ ràng, ngay cả đối với người mù lòa nhất, rằng: "Chính người sở hữu nhà ở sẽ là người đầu tiên đưa tay ra thỏa thuận bán, vì nếu không thì nhà của anh ta sẽ không được sử dụng và tư bản bỏ vào đó sẽ không sinh lợi gì cả". Đương nhiên là như vậy. Nếu người ta xoá bỏ tiền lãi của mọi tư bản ứng trước thì lúc đó, sẽ không có một người sở hữu nhà ở nào có thể nhận được một xu tiền cho thuê nhà của mình, vì cái lý do rất đơn giản là thay vì nói tiền thuê nhà, người ta cũng có thể nói *tiền lãi* cho thuê nhà và tiền lãi này lại gồm một phần thật sự là tiền lãi của một tư bản. Bác sĩ nào mà chẳng là bác sĩ. Nếu về mặt tiền lãi thông thường của tư bản, người ta đã có thể làm cho những đạo luật về cho vay lãi không có hiệu quả, chỉ bằng cách tránh né những đạo luật đó, thì những đạo luật đó chẳng bao giờ đụng chạm mảy may đến tiền thuê nhà. Cứ để cho Pru-đông tưởng tượng rằng đạo luật mới của ông ta về cho vay lãi sẽ nhất định có thể quy định chẳng những tiền lãi đơn giản của tư bản, mà cả giá cả phức tạp của tiền thuê nhà, và do đó, đạo luật đó sẽ dần dần xoá bỏ chúng<sup>231</sup>. Vậy thì tại sao người ta lại có thể mua ngôi nhà "đơn thuần vô dụng" của người sở hữu nhà ở với một giá trị rất đắt, và trong những điều kiện đó vì sao người sở hữu nhà ở lại không phải trả tiền để trút bỏ cái ngôi nhà "đơn thuần vô dụng" đó, nhằm khỏi phải mất tiền chi phí sửa chữa? Về vấn đề này, người ta chưa làm cho chúng ta sáng tỏ được chút nào cả.

Sau cái công việc khó nhọc ấy, được tiến hành có vẻ thắng lợi trong những lĩnh vực cao của chủ nghĩa xã hội cao cấp (ông thầy Pru-đông đã gọi là chủ nghĩa xã hội siêu cấp), anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta tự cho là có quyền bước lên cao hơn một chút nữa.

"Bây giờ chỉ còn có việc là rút ra một vài kết luận để làm hoàn toàn sáng tỏ vấn đề rất quan trọng của chúng tôi".

Và những kết luận đó là gì? Những kết luận đó ít toát ra từ những điều trên đây, cũng như tình trạng những nhà ở không có giá trị ít nảy sinh ra từ việc xoá bỏ tỷ suất tiền lãi; tức bỏ những câu văn hoa và trịnh trọng của tác giả của chúng ta đi thì những kết luận đó chỉ có nghĩa là muốn làm cho việc mua lại nhà ở được dễ dàng, cần có ba điều: 1) một thống kê chính xác về vấn đề đó; 2) một tổ chức cảnh sát vệ sinh tốt; và 3) các hợp tác xã công nhân kiến trúc có khả năng đảm nhiệm việc xây dựng ngôi nhà mới. Đương nhiên, tất cả những điều đó đều tốt đẹp, nhưng cũng tuyệt đối chẳng hề làm "sáng tỏ hoàn toàn" tư tưởng tối tăm và mơ hồ của phái Pru-đông, mặc dù tư tưởng này đã mang cái giọng ba hoa của bọn bán hàng rong.

Người nào đã đạt được một kỷ lục như thế hẳn là rất có quyền cảnh cáo nghiêm khắc những người lao động Đức:

"Chúng tôi thiết tưởng rằng những vấn đề đó và những vấn đề khác tương tự đáng được Đảng dân chủ - xã hội hoàn toàn chú ý đến... Mong rằng, cũng như trong vấn đề nhà ở ở đây, họ sẽ cố gắng nghiên cứu rõ ràng những vấn đề cũng cực kỳ quan trọng như vấn đề *tín dụng, công trái, tiền nợ của tư nhân, thuế má*", v.v..

Anh chàng theo phái Pru-đông đã hé cho chúng ta thấy ở đây cả một loạt bài báo về những "vấn đề tương tự" và nếu anh ta bàn đến các vấn đề đó một cách cũng rườm rà như bàn đến vấn đề "rất quan trọng" này, thì tờ "Volksstaat" sẽ có đủ bản thảo cho một năm. Trong khi chờ đợi, chúng ta có thể vạch trước ra nội dung của những bài báo đó, vì chung quy lại thì cũng chỉ là điều đã được nói ra rồi: lợi tức của tư bản bị thủ tiêu thì đồng thời lợi tức trả cho công trái và tiền nợ của tư nhân cũng bị thủ tiêu, tín dụng trở thành không có lãi, v.v.. Cũng cái công thức bùa chú ấy đã được áp dụng cho tất cả mọi vấn đề, dù vấn đề ấy như thế nào và trong mọi trường hợp, người ta đều đi đến, một cách hết sức lô-gích, cùng một kết luận đáng kinh ngạc: đến

khi lợi tức của tư bản bị xoá bỏ thì vay tiền sẽ không phải trả lãi nữa.

Chẳng qua đó là những vấn đề rất ư là đẹp đẽ mà anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta đem ra dọa chúng ta: *tín dụng!* Người lao động có thể rất cần đến tín dụng nào, nếu không phải là tín dụng hàng tuần<sup>1\*</sup> hay là tín dụng của nhà cầm đô? Và nếu anh ta được nhận tín dụng không có lãi, dù rằng đó là những lãi nặng giống như tiền lãi nợ của nhà cầm đô đi nữa, thì đối với anh ta có gì là khác nhau không? Và nói chung, nếu do đó anh ta có lợi và vì thế mà những chi phí sản xuất ra sức lao động sẽ giảm đi thì liệu chính ngay giá cả của sức lao động đó có thể không bị sụt xuống không? Nhưng đối với người tư bản và nhất là đối với người tiểu tư sản, thì tín dụng là một vấn đề trọng yếu; đặc biệt nhất là đối với người tiểu tư sản, nếu có thể có tín dụng bất kỳ lúc nào và hơn nữa, không phải trả lãi thì thật là tuyệt diệu. - *Công trái!* Giai cấp công nhân biết rằng họ không chịu trách nhiệm về công trái và khi họ nắm chính quyền, họ sẽ để cho những kẻ đã vay, phải trả nợ. - *Tiền nợ của tư nhân!* Xin xem điều vừa nói về tín dụng. - *Thuế má!* Thuế má thì có quan hệ lợi hại nhiều đối với giai cấp tư sản, và rất ít đối với những người lao động: cái mà những người lao động phải đóng dưới hình thức thuế má, lâu dần nhập vào những chi phí sản xuất ra sức lao động và do đó phải được bọn tư bản bù lại. Vì tất cả những điểm trình bày với chúng ta ở đây như những vấn đề có một tầm quan trọng cao đối với giai cấp công nhân, chỉ chủ yếu có quan hệ lợi hại đối với những nhà tư sản, và nhất là những người tiểu tư sản, nên trái với Pru-đông, chúng tôi chủ trương rằng những người lao động không có trách nhiệm phải chăm lo đến lợi ích của những giai cấp đó.

Anh học trò của Pru-đông của chúng ta không nói qua một câu nào về cái vấn đề lớn, tức là vấn đề đụng chạm thật sự đến

những người lao động và là vấn đề quan hệ giữa bọn tư bản và người làm thuê, vấn đề xét xem vì sao mà bọn tư bản có thể làm giàu bằng lao động của những người làm thuê. Đành rằng ông thầy của anh ta có nghiên cứu vấn đề đó, nhưng không làm sáng tỏ vấn đề ấy được chút nào và ngay cả trong những tác phẩm cuối cùng của ông ta, thì về thực chất, ông ta cũng không tiến bộ gì hơn trong cuốn "Philosophie de la Misere" ("Triết học về sự khốn cùng"<sup>232</sup>), mà luận cứ rất danh thếp của Mác đã đập cho tan tành vào năm 1847.

Thật không may là những người lao động thuộc các nước latin, từ 25 năm nay, hầu như không còn có một món ăn tinh thần nào khác về chủ nghĩa xã hội, ngoài những tác phẩm của con người "xã hội chủ nghĩa của Đế chế II" đó. Điều không may đó lại càng lớn gấp bội nếu ngày nay, lý luận của phái Pru-đông lại cũng được phổ biến ở nước Đức. Nhưng chẳng có gì đáng ngại. Quan điểm lý luận của những người lao động Đức đã đi trước quan điểm của Pru-đông 50 năm và sẽ chỉ cần lấy một vấn đề nhà ở làm thí dụ, cũng đủ thấy rằng về mặt đó, bất tất phải có những sự cố gắng mới.

1\* - Đi vay hàng tuần thường là phải chịu lãi rất nặng.



## PHẦN II

# GIAI CẤP TƯ SẢN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ NHÀ Ở NHƯ THẾ NÀO

### I

Việc nghiên cứu giải pháp của phái Pru-đông về vấn đề nhà ở đã chỉ ra rằng vấn đề ấy có quan hệ lợi hại trực tiếp đến giai cấp tiểu tư sản đến mức nào. Nhưng nó cũng có quan hệ lợi hại không kém đối với giai cấp đại tư sản mặc dầu chỉ có quan hệ gián tiếp thôi. Khoa học tự nhiên hiện đại chứng tỏ rằng những "khu tồi tàn", nơi mà những người lao động sống chen chúc, là những cái ổ của mọi thứ bệnh dịch tác hại một cách chu kỳ trong các thành phố của chúng ta. Những mầm bệnh thổ tả, bệnh truyền nhiễm, bệnh thương hàn, bệnh đậu mùa và nhiều bệnh phá hoại khác đều lan tràn trong bầu không khí nhiễm trùng và trong nước ô nhiễm của những khu công nhân ấy; ở đó, những mầm bệnh ấy không bao giờ chết hẳn mà lại phát triển ngay khi có điều kiện thuận lợi, và gây ra những bệnh dịch, những bệnh dịch này liền tràn ra khỏi các gia đình công nhân đến tận những khu thoáng khí hơn và trong sạch hơn của các ngài tư bản. Những nhà tư bản này không thể nhẫn nại để cho những bệnh dịch hoành hành trong giai cấp công nhân, mà bản thân họ cũng phải chịu những hậu quả của những bệnh dịch ấy; thân chết cũng chẳng nói tay đối với họ, hơn là đối với những người lao động.

Ngay khi mà sự thật đó đã được khoa học xác nhận thì những nhà tư sản từ thiện đều có một tinh thần thi đua cao quý sôi nổi, lo lắng đến sức khỏe của công nhân của họ. Người ta lập

hội, viết sách, phác ra những đề án, thảo luận và công bố những đạo luật nhằm tiêu trừ nguồn gốc của những bệnh dịch không ngừng phát sinh trở lại. Người ta xem xét những điều kiện cư trú của những người lao động và người ta mưu tính khắc phục những tệ nạn rõ ràng nhất. Nhất là ở Anh, nơi có phần lớn những thành phố quan trọng và nơi mà sự nguy hại đối với giai cấp đại tư sản trở nên đặc biệt bức thiết, thì người ta đã hoạt động tích cực; người ta cử ra những uỷ ban của chính phủ để xem xét những điều kiện vệ sinh của giai cấp cần lao; những bản báo cáo của họ có những tài liệu chính xác, hoàn bị và vô tư hơn hẳn những báo cáo đã tập hợp được ở lục địa; những báo cáo ấy đã được dùng làm cơ sở cho những đạo luật mới có ít nhiều tinh thần cấp tiến. Dù những đạo luật đó chưa được hoàn hảo lắm, nhưng cũng đã hơn hẳn mọi mưu toan từ trước đến nay về phương diện ấy trên lục địa. Tuy nhiên, chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa không ngừng sinh ra và tất nhiên phải sinh ra những tệ hại cần phải chữa, đến nỗi, ngay cả ở nước Anh, cũng khó nói rằng công tác chạy chữa đó đã có được một bước tiến.

Theo lệ thường, ở Đức cần phải có một thời kỳ dài hơn nhiều mới có thể khiến cho những ổ bệnh dịch - ở đây, những bệnh này cũng có tính chất kinh niên - phát triển được đến trình độ nguy kịch cần thiết để kéo giai cấp đại tư sản ra khỏi tình trạng hôn mê. Tuy nhiên, di thông thả thì vững vàng hơn, vì thế nên cuối cùng ở nước ta, đã nảy ra một loại sách báo tư sản nói về sức khỏe của công chúng và vấn đề nhà ở; đó là một thứ sách báo nhắc lại một cách rườm rà những điều của những tiên bối ngoại quốc của họ đã viết, nhất là của người Anh, và người ta đã tìm cách dùng những lời hoa mỹ, rôm và kêu để khoác cho những sách báo đó cái vẻ lừa dối của một tư tưởng sâu sắc hơn. Thuộc vào thứ văn chương đó là cuốn: *Tiến sĩ Ê-min Dắc-xơ. "Những điều kiện cư trú của các giai cấp lao động và việc cải cách những điều kiện đó"*. Viên, 1869<sup>233</sup>.

Để trình bày cách của giai cấp tư sản giải quyết vấn đề nhà ở, tôi đã chọn cuốn sách đó vì nó định tóm tắt, trong phạm vi có thể, toàn bộ sách báo tư sản viết về vấn đề đó. Và cái thứ sách báo mà tác giả của chúng ta đã dùng làm "tài liệu" thì thật là đẹp đẽ biết bao! Trong số những báo cáo của nghị viện Anh là những nguồn tài liệu thật sự và chủ yếu, ông ta chỉ kể tên có ba bản báo cáo cũ nhất thôi; nhưng đọc toàn bộ cuốn sách thì chúng ta thấy rằng *ông ta không hề xem qua một bản báo cáo nào cả*; trái lại, người ta dẫn ra cho chúng ta một loạt trước tác đầy rẫy những sáo ngữ tư sản, những thiện ý hoàn toàn phản động và một sự bác ái giả dối; Duy-pe-xi-ô, Rô-bóc Hô-lơ, Hu-bơ, những cuộc tranh luận trong các hội nghị khoa học xã hội (hay nói đúng hơn: hội nghị nói nhảm) ở Anh, tờ tạp chí của Hội đấu tranh cho phúc lợi của các giai cấp lao động ở Phổ, bản báo cáo chính thức của Áo về cuộc triển lãm quốc tế ở Pa-ri, những báo cáo chính thức của những nhà đương cục dưới thời Bô-na-pác-tơ cũng về vấn đề đó, tờ Illustrated London News, "Uber Land und Meer", và cuối cùng, "một quyền uy được thừa nhận", một con người "có cách nhìn sáng suốt và thực tế", "có lời nói hấp dẫn và nồng nhiệt" tức là *I-u-li-út Phau-sơ!* Trên bản danh sách đó, chỉ còn thiếu tờ "Gartenlaube" tờ "Kladderadatsch", và người lính Cút-sco<sup>234</sup>.

Đề cho người ta đừng hiểu lầm quan điểm của mình, ông Dắc-xơ tuyên bố ở trang 22:

"Chúng tôi dùng danh từ kinh tế xã hội để chỉ học thuyết kinh tế chính trị được vận dụng vào những vấn đề xã hội: - nói cho đúng hơn, toàn bộ đường lối và biện pháp mà khoa học đó cung cấp cho chúng ta để nâng những cái gọi là (!) *những giai cấp vô sản lên ngang với những giai cấp hữu sản, bằng cách căn cứ vào những "quy luật sắt" của khoa học đó và trong khuôn khổ của trật tự xã hội hiện hành*".

Chúng ta sẽ không để mất thì giờ với cái khái niệm mơ hồ cho rằng "học thuyết về nền kinh tế quốc dân" hay kinh tế chính trị học có thể thật sự nghiên cứu những vấn đề khác ngoài những

vấn đề "xã hội". Và chúng ta bàn ngay đến điểm trọng yếu nhất. Tiến sĩ Dắc-xơ đòi hỏi là những "quy luật sắt" của nền kinh tế tư sản, cái "khuôn khổ của trật tự xã hội hiện hành", nói một cách khác là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, không được thay đổi, tuy nhiên những "cái gọi là những giai cấp vô sản" vẫn được nâng lên "ngang với những giai cấp hữu sản". Song, một điều kiện tiên quyết tuyệt đối của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự tồn tại của một giai cấp vô sản thật sự chứ không phải của cái gọi là giai cấp vô sản, giai cấp này không hề có một cái gì để bán, ngoài sức lao động của mình và do đó, đã buộc phải bán sức lao động của mình cho bọn tư bản công nghiệp. Vậy nhiệm vụ của khoa học mới, khoa kinh tế xã hội do ông Dắc-xơ phát minh ra là như thế này; tìm ra trong một chế độ xã hội xây dựng trên sự đối kháng giữa một bên là những nhà tư bản chiếm hữu mọi nguyên liệu, mọi tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, và một bên là những người làm thuê hoàn toàn không có gì khác ngoài sức lao động của họ, tìm ra trong một chế độ xã hội như thế những con đường và biện pháp để biến tất cả những người làm thuê thành những nhà tư bản, nhưng lại không vì thế mà không còn là người làm thuê nữa. Ông Dắc-xơ nghĩ rằng mình đã giải quyết được vấn đề đó. Có lẽ ông ta cũng còn lòng tốt chỉ ra cho chúng ta biết là phải làm như thế nào để biến thành những vị thống chế tất cả những người lính trong quân đội Pháp, mỗi người lính này, kể từ thời Na-pô-lê-ông trở đi, đều có ở trong túi đạn của mình một cái gậy thống chế, mà lại vẫn là những người lính thường. Hoặc làm cách nào để mỗi người trong số 40 triệu thần dân của Đế chế Đức đều trở thành hoàng đế cả.

Thực chất của chủ nghĩa xã hội tư sản chính là ở chỗ tìm cách duy trì cơ sở của mọi tai họa trong xã hội hiện nay và đồng thời lại muốn xoá bỏ những tệ hại đó. Như cuốn "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" đã nói, những nhà xã hội chủ nghĩa tư sản muốn "chữa bệnh tật xã hội, cốt để củng cố xã hội tư sản"; họ muốn "*có của giai cấp tư sản mà không có giai cấp vô sản*"<sup>235</sup>. Chúng

ta đã thấy là ông Dắc-xơ đặt vấn đề đúng y như thế. Ông ta cho rằng giải quyết vấn đề nhà ở thì giải quyết được vấn đề đó. Ý kiến của ông ta là:

"nhờ cải thiện nhà ở của những giai cấp cần lao, người ta có thể cứu chữa có kết quả sự khốn cùng về thể xác và tinh thần đã được miêu tả trên đây và do đó - *chỉ* nhờ sự cải tiến rộng rãi những điều kiện nhà ở - đa số những giai cấp đó sẽ có thể thoát khỏi vũng lầy, trong đó chìm ngập cuộc sống của họ, một cuộc sống lảm khi hầu như không phải là cuộc sống của con người nữa, và sẽ có thể vươn lên những đỉnh cao trong sạch của phúc lợi vật chất và tinh thần" (tr.14).

Tiện thể xin nói qua một chút: lợi ích của của giai cấp tư sản là phải che giấu sự tồn tại của một giai cấp vô sản được tạo ra trong những điều kiện sản xuất tư bản chủ nghĩa và rất cần thiết cho sự tiếp tục tồn tại của của giai cấp tư sản. Vì thế nên ở trang 21, ông Dắc-xơ kể lể với chúng ta rằng ngoài những người công nhân chính cống ra, thì cái tên gọi những giai cấp cần lao còn bao gồm tất cả "những giai cấp bản cùng trong xã hội", "những người dân thường nói chung, như những người thợ thủ công, những đàn bà góa, những người được hưởng trợ cấp (!), những viên chức cấp dưới v.v.". Chủ nghĩa xã hội tư sản đã bắt tay với chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản.

Do đâu mà có nạn khan hiếm nhà ở? Nó đã phát sinh như thế nào? Là một nhà tư sản tốt, ông Dắc-xơ làm sao mà có thể biết được rằng nạn khủng hoảng nhà ở là sản phẩm tất yếu của hình thái xã hội tư sản: một xã hội không thể tồn tại mà không có khủng hoảng nhà ở, khi tuyệt đại đa số những người lao động chỉ hoàn toàn sống bằng tiền công của họ, tức là chỉ sống bằng tổng số những tư liệu sinh hoạt cần thiết để sống và sinh con đẻ cái; khi những cải tiến mới về máy móc, v.v., không ngừng làm cho những khối lớn công nhân mất việc làm; khi những nạn khủng hoảng công nghiệp gay gắt và có tính chu kỳ, một mặt, quyết định sự tồn tại của một đạo quân hậu bị to lớn gồm những người thất nghiệp và mặt khác, thỉnh thoảng lại quẳng một khối

đông đảo những người lao động ra ngoài đường phố; khi những người lao động sống chen chúc trong những thành phố lớn, và ngày càng chen chúc với một nhịp độ nhanh hơn nhịp độ xây dựng nhà cửa trong những điều kiện hiện nay và khi những túp lều tồi tệ nhất cũng luôn luôn có người thuê; cuối cùng, khi người sở hữu một ngôi nhà, với tư cách là nhà tư bản, chẳng những có quyền mà trong một phạm vi nào đó, nhờ có sự cạnh tranh, còn có bổn phận phải không được ngần ngại cho thuê ngôi nhà của mình với tiền thuê nhà cao nhất. Trong một xã hội như thế, nạn khủng hoảng nhà ở không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên, mà là một hiện tượng tất yếu; người ta chỉ có thể loại trừ được nạn khủng hoảng nhà ở cũng như những hậu quả của nó đối với sức khỏe, v.v., khi đã hoàn toàn thay đổi toàn bộ trật tự xã hội đã sản sinh ra nạn khủng hoảng đó. Nhưng chủ nghĩa xã hội tư sản không thể nào biết điều đó. Nó không *thể* giải thích nạn khủng hoảng nhà ở bằng những điều kiện hiện tại. Vì vậy, nó không còn cách nào để giải thích hiện tượng đó, ngoài cách dùng những thuyết giáo đạo đức để giải thích rằng sở dĩ thiếu nhà ở là do tính độc ác của loài người, có thể nói là do tội tổ tông vậy.

"Và ở đây, người ta không thể không thừa nhận - do đó, cũng không thể chối cãi (kết luận táo bạo thay!) - rằng tội lỗi... một phần là tại chính *bản thân những người lao động* đòi hỏi nhà ở, nhưng một phần lớn quan trọng hơn nhiều, lại là tại những người có trách nhiệm thoả mãn nhu cầu đó, hoặc là mặc dầu có những phương tiện cần thiết, nhưng không đảm nhận việc đó, tức là tại *những giai cấp trên, hữu sản trong xã hội*. Tội lỗi của những giai cấp này... là không để hết tâm trí vào việc cung cấp đầy đủ nhà ở tốt".

Cũng giống như Pru-đông đã đưa chúng ta từ khoa kinh tế sang khoa pháp lý, ở đây nhà xã hội chủ nghĩa tư sản của chúng ta lại kéo chúng ta từ khoa kinh tế sang khoa luân lý. Điều đó cũng hoàn toàn tự nhiên thôi. Đối với kẻ tuyên bố rằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, những "quy luật sắt" của xã hội tư sản hiện nay, là bất khả xâm phạm và tuy vậy, lại muốn trừ

bỏ những hậu quả khó chịu nhưng tất nhiên của cái xã hội đó, thì thử hỏi còn có cách nào khác hơn là giảng luân lý cho bọn tư bản? Hiệu quả tình cảm do những lời giảng đó tạo ra, lại tan ngay như mây khói dưới ảnh hưởng của lợi ích riêng và nếu cần, của sự cạnh tranh. Những lời giảng đó chẳng khác nào những lời gà mái mẹ đứng trên bờ ao nói với lũ vịt con do mình đã ấp ra, đang vui vẻ bơi lội ở dưới ao. Lũ vịt con nháy xuống nước bất chấp cả tình trạng không có ván, còn bọn tư bản thì lăn xả vào lợi nhuận mà rất ít để ý đến việc lợi nhuận không có tâm hồn. Ông già Han-dơ-man<sup>236</sup>, người hiểu biết nhiều hơn ông Dắc-xơ về mặt này, đã nói: "Trong công việc tiền nong, không thể nói đến tình cảm được".

"Những nhà của tốt thì đất đến nổi đại đa số công nhân *hoàn toàn không có khả năng* sử dụng được. Đại tư bản... sợ rằng bỏ tiền ra xây dựng những ngôi nhà dành cho những giai cấp cần lao là mạo hiểm... do đó, nhu cầu về nhà ở khiến cho những giai cấp này phải chịu làm mồi cho nạn đầu cơ".

Nạn đầu cơ đáng nguyên rủa; dĩ nhiên là đại tư bản chẳng bao giờ đầu cơ! Nhưng không phải vì ác ý, mà chỉ vì không biết, nên đại tư bản đã không đầu cơ về nhà ở công nhân:

"Những người sở hữu nhà ở đều hoàn toàn không *biết* rằng việc thoả mãn một cách bình thường nhu cầu về nhà ở đóng một vai trò quan trọng đến mức nào; *họ không biết điều tại hại mà họ gây ra cho dân chúng*, khi họ cung cấp một cách rất vô trách nhiệm cho những người này, theo thường lệ, những ngôi nhà tồi tàn và thiếu vệ sinh, và cuối cùng, họ không *biết* là do đó họ đã làm hại cho bản thân họ biết nhường nào" (tr.27).

Nhưng cái không biết của bọn tư bản cần phải được cái không biết của những người lao động bổ sung thì mới gây ra nạn khủng hoảng nhà ở được. Sau khi thừa nhận rằng những "tầng lớp thấp nhất" của giai cấp công nhân "buộc phải (!) tìm kiếm bằng cách này hay cách khác một chỗ trú ban đêm để không đến nỗi phải hoàn toàn không có lấy một mái nhà và về mặt này thì họ không hề được giúp đỡ cũng như không hề được bảo vệ", ông Dắc-xơ

nói tiếp:

"Vì ai nấy đều biết rằng phần đông những người đó (công nhân) vì kinh suất, nhưng chủ yếu là vì không biết, nên có thể nói hầu như là đều trở hết tài ba thật sự ra để tước mất cơ thể của họ, những điều kiện của một sự phát triển bình thường về thể chất và của một cuộc sống lành mạnh, vì họ *không hiểu biết một chút gì* về vệ sinh hợp lý và đặc biệt là về ý nghĩa lớn lao của nhà ở" (tr.27)

Nhưng chính đây là chỗ mà con lừa tư sản của chúng ta đã để lòi đuôi ra. "Tội lỗi" của những nhà tư bản tan đi thành sự không hiểu biết, còn thì sự không hiểu biết của những người lao động lại là nguyên nhân gây ra tội lỗi. Hãy nghe ông ta nói:

"Như vậy kết quả là (chính là do sự không hiểu biết) họ, miễn sao tiết kiệm được chút ít về tiền thuê nhà, bước vào những căn nhà tồi tằm, ẩm thấp, chật hẹp, tóm lại là bất chấp mọi yêu cầu về vệ sinh... và thường thường thì nhiều gia đình thuê chung nhau chỉ một căn nhà, thậm chí chỉ một căn buồng, - tất cả điều đó là để trả tiền thuê nhà càng ít càng tốt, trong lúc đó thì họ *lại phung phí tiền thu nhập của họ một cách thật là tội lỗi vào rượu chè và đủ mọi thứ khoái lạc tầm thường*".

Đối với ông Dắc-xơ thì tiền bạc mà người công nhân lãng phí "vào rượu và thuốc là" (tr.28), "cuộc sống trong quán rượu với tất cả những hậu quả bi thảm của nó, giống như một khối chì không ngừng lôi kéo giai cấp công nhân xuống vũng bùn", là giống như một quả tạ đè nặng trên lòng dạ ông. Thậm chí trong những điều kiện hiện nay, bệnh nghiện rượu trong giới lao động là một sản phẩm tất yếu của nếp sống của họ, cũng tất yếu như bệnh thương hàn, tội ác, chấy rận, nha lại và những bệnh tật xã hội khác, tất yếu đến nỗi mà người ta có thể tính trước được con số trung bình những người sẽ ham mê rượu chè, - tất cả những điều đó, ông Dắc-xơ cũng lại không thể biết được. Và chẳng, ở trường làng, thầy giáo của chúng ta cũng đã nói với chúng ta rằng: "Những người dân thường thì đến quán rượu và những người có tư cách thì đến câu lạc bộ", và vì tôi đã từng đến cả hai nơi đó nên tôi có thể chứng thực rằng những lời đó là chính xác.

Tất cả những lời lẽ ba hoa về "sự không hiểu biết" của hai bên chung quy cũng chỉ là những lời hiệu triệu cũ rích chủ trương điều hoà lợi ích giữa tư bản và lao động. Nếu những nhà tư bản hiểu biết lợi ích thật sự của họ, họ sẽ cung cấp cho công nhân những ngôi nhà tương tất và nói chung, một mức sống tốt hơn; và nếu những người lao động hiểu biết lợi ích thật sự của họ, họ sẽ không bãi công, sẽ không bận tâm đến chủ nghĩa xã hội, sẽ không làm chính trị, mà sẽ rất ngoan ngoãn đi theo các vị bề trên của họ, tức là các nhà tư bản. Khốn nỗi, hai bên đều nhận thấy rằng lợi ích của mình hoàn toàn ở chỗ khác chứ không phải là ở trong những lời giáo lý của ông Dắc-xơn và của vô số những vị tiên bối của ông ta. Bản kinh Phúc âm về sự điều hoà lợi ích giữa tư bản và lao động đã được tuyên truyền từ năm mươi năm nay; tấm lòng từ thiện tư sản đã chi những số tiền khổng lồ để xây dựng những cơ quan kiểu mẫu nhằm chứng tỏ sự điều hoà đó; và như chúng ta sẽ thấy dưới đây, hiện nay chúng ta cũng chẳng tiến gì hơn là cách đây năm mươi năm.

Và bây giờ tác giả của chúng ta bàn đến giải pháp thực tiễn của vấn đề. Pru-đông đã đưa ra kế hoạch biến những người lao động thành *những người sở hữu* những ngôi nhà họ ở; việc chủ nghĩa xã hội tư sản, ngay từ trước ông ta và cả bây giờ nữa, vẫn còn có ý định thực hiện kế hoạch ấy, chứng tỏ rằng giải pháp đó không lấy gì làm cách mạng cho lắm. Đến lượt mình, ông Dắc-xơ cũng lại tuyên bố với chúng ta rằng chỉ có thể giải quyết vấn đề nhà ở bằng cách chuyển cho công nhân quyền sở hữu nhà họ ở (tr.58 và 59). Hơn nữa, khi nghĩ như thế, ông ta lại lảng hồn thơ và tuôn ra những lời nồng nhiệt trữ tình sau đây:

"Nỗi nhớ của con người đối với quyền sở hữu ruộng đất quả là một điều rất đặc biệt; đó là một bản năng mà ngay cả *nhịp độ quay cuồng của cuộc sống vụ lợi hiện nay* cũng không thể làm nguôi đi được. Đó là sự hiểu biết không tự giác về ý nghĩa quan trọng của thành quả kinh tế mà đại biểu là quyền sở hữu ruộng đất. Có quyền sở hữu ruộng đất đó, người ta sẽ có một địa vị vững vàng, có thể nói là người ta

sẽ bám rễ chặt chẽ ruộng đất, và cơ sở bền vững nhất của kinh tế (!) của mỗi nhà là quyền sở hữu ruộng đất ấy. Nhưng ân huệ của quyền sở hữu ruộng đất còn vượt ra ngoài những lợi ích vật chất đó rất nhiều. Người nào may mắn có được quyền sở hữu đó, là đã *đạt được địa vị kinh tế độc lập cao nhất có thể tưởng tượng được*: anh ta có một khu đất mà anh ta được *toàn quyền* xử lý và quản trị: anh ta là *chủ của bản thân anh ta*; anh ta có một quyền lực nhất định và một *nơi nương tựa chắc chắn* trong những ngày khó khăn; sự tự ý thức của anh ta tăng lên và cùng với nó, sức mạnh tinh thần của anh ta cũng tăng lên. Do đó, trong vấn đề hiện nay, quyền sở hữu có một ý nghĩa sâu sắc... Người lao động, hiện nay phải bó tay trước những biến đổi của tình hình, vĩnh viễn phụ thuộc vào người chủ của anh ta, thì do đó mà trong một chừng mực nào đó, sẽ thoát khỏi tình trạng bấp bênh đó; anh ta *sẽ trở thành một nhà tư bản*, do đó mà có tin dụng được đảm bảo bằng bất động sản, khiến anh ta có thể tránh được nguy cơ bị thất nghiệp hoặc mất khả năng lao động. *Anh ta sẽ bước từ giai cấp không có của lên giai cấp có của*" (tr.63).

Hình như ông Dắc-xơ giả thiết rằng con người ta, về bản chất, là nông dân, nếu không thì ông ta sẽ không thể tưởng tượng được rằng những người lao động ở các thành phố lớn của chúng ta có một nỗi nhớ quyền sở hữu ruộng đất, nỗi nhớ mà chưa một ai phát hiện ra cho họ cả. Đối với họ, tự do đi lại là điều kiện sống còn đầu tiên và quyền sở hữu ruộng đất chỉ có thể là một sợi dây ràng buộc họ mà thôi. Hãy cấp cho họ những nhà ở thuộc quyền sở hữu của họ, hãy lại buộc họ vào ruộng đất, như vậy là bẻ gãy được sức kháng cự của họ chống lại việc bọn chủ công xuống hạ thấp tiền công. Một người lao động cá biệt có thể tình cờ bán được ngôi nhà bé nhỏ của mình, nhưng trong trường hợp có bãi công nghiêm trọng hay tổng khủng hoảng công nghiệp<sup>1\*</sup> thì tất cả những ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của những người lao động bị những sự biến ấy đụng chạm đến, đều nhất định phải đem bán, do đó không thể tìm ra được người mua, hoặc là lúc đó, phải bán với một giá hạ hơn giá mua rất nhiều. Và nếu tất

1\* Các từ "hay tổng khủng hoảng công nghiệp" do Ăng-ghen bổ sung trong lần xuất bản năm 1887.

cả những ngôi nhà đó đều có người mua thì kế hoạch cải lương vĩ đại của ông Dắc-xơn nhằm giải quyết vấn đề nhà ở sẽ trở thành con số không và ông ta sẽ phải bắt đầu lại từ đầu. Chẳng qua là thi sĩ trong một thế giới tưởng tượng, và đó cũng là trường hợp của ông Dắc-xơn, ông ta tưởng tượng rằng người sở hữu ruộng đất "đã đạt được địa vị kinh tế độc lập cao nhất có thể tưởng tượng được", rằng người đó có "một nơi nương tựa chắc chắn", rằng anh ta "sẽ trở thành một nhà tư bản", khiến anh ta có thể tránh được nguy cơ bị thất nghiệp hoặc mất khả năng lao động", v.v.. Xin ông Dắc-xơn hãy thử nhìn những tiểu nông ở Pháp và ở Anh mà xem: nhà ở và ruộng nương của họ đã hoàn toàn đem cầm cố hết cả rồi; mùa màng của họ là thuộc bọn chủ nợ từ khi còn chưa gặt, và không phải họ là kẻ có toàn quyền quản lý "khu đất" của họ, mà chính chủ nợ, luật sư và nha lại mới có quyền ấy. Đây quả là địa vị kinh tế độc lập cao nhất có thể tưởng tượng được - đối với người chủ nợ. Và để cho những người lao động đem nhà cửa nhỏ bé của họ đặt dưới quyền tự do xử lý của chủ nợ càng nhanh càng tốt. Ông Dắc-xơn, con người tốt bụng và biết lo xa ấy bèn chỉ cho họ thấy *tín dụng được đảm bảo bằng bất động sản* đã được mở ra cho họ, và có thể giúp đỡ họ trong trường hợp bị thất nghiệp, hay bị mất khả năng lao động mà bất tất phải nhờ đến cứu tế xã hội.

Dù sao, ông Dắc-xơn cũng đã giải quyết vấn đề đặt ra lúc ban đầu: nhờ có được ngôi nhà nhỏ bé của mình mà công nhân "trở thành một nhà tư bản".

Tư bản mang lại cái quyền sử dụng lao động không công của người khác. Như vậy là ngôi nhà nhỏ bé của người lao động chỉ trở thành tư bản, nếu anh ta cho một người thứ ba thuê, và do đó chiếm lấy một phần lao động của người thứ ba ấy dưới hình thức tiền thuê nhà. Khi chính bản thân anh ta ở ngôi nhà ấy thì anh ta đã làm cho ngôi nhà ấy không thể trở thành tư bản được, chẳng khác nào cái áo khoác mà tôi mua của người thợ may và mặc nó vào người thì ngay lúc đó không còn là tư bản

nữa. Đành rằng người lao động có một ngôi nhà nhỏ trị giá một nghìn ta-le thì không còn là một người vô sản nữa, nhưng phải là ông Dắc-xơn thì mới dám gọi anh ta là một nhà tư bản.

Chủ nghĩa tư bản của người lao động của chúng ta có một mặt khác. Giả thiết rằng trong một vùng công nghiệp nào đấy, việc mỗi công nhân có ngôi nhà nhỏ của riêng mình đã trở thành thông lệ. Trong trường hợp ấy, *giai cấp công nhân ở vùng đó được ở không mất tiền*; tiền chi phí về nhà ở không còn nằm trong giá trị sức lao động của họ nữa. Nhưng mọi sự giảm bớt chi phí sản xuất ra sức lao động, nghĩa là mọi sự giảm giá lâu dài một chút của những tư liệu sinh hoạt của công nhân, thì "dựa trên cơ sở những quy luật sắt của học thuyết kinh tế chính trị", lại là sự giảm bớt giá trị của sức lao động, do đó mà cuối cùng là làm giảm tiền lương xuống một mức tương ứng. Như vậy là tiền lương đó lại sẽ giảm mất món tiền tiết kiệm trung bình về khoản trả tiền thuê nhà, nghĩa là người lao động sẽ trả tiền thuê nhà của chính ngôi nhà của anh ta, không phải như trước kia, bằng cách trả một số tiền cho người sở hữu nhà ở, mà là bằng cách lao động không công cho người chủ xưởng thuê anh ta. Như thế thì những khoản tiền tiết kiệm mà người lao động bỏ vào ngôi nhà nhỏ bé của anh ta, trong một chừng mực nào đó, đúng là sẽ trở thành tư bản, không phải cho anh ta, mà là cho nhà tư bản, người thuê anh ta.

Do đó, ngay cả trên giấy, ông Dắc-xơn cũng không biến được người công nhân của ông ta thành một nhà tư bản.

Tiện thể xin nói thêm rằng điều nói trên đây cũng thích hợp đối với mọi công cuộc gọi là cải lương xã hội nhằm thực hiện tiết kiệm hoặc nhằm hạ giá những tư liệu sinh hoạt của người công nhân. Thật vậy: hoặc là những biện pháp cải lương ấy được thực hành một cách phổ biến và do đó mà mang lại kết quả là giảm tiền lương xuống một mức tương ứng; hoặc là những biện pháp cải lương ấy vẫn chỉ là những cuộc thí nghiệm riêng lẻ, và lúc đó, bản thân sự tồn tại của những thí nghiệm ấy, với tính

cách là những trường hợp ngoại lệ cá biệt, cũng đã chứng minh rằng việc thực hành những biện pháp cải lương ấy trên quy mô lớn là không tương dung được với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện hành. Giả thiết rằng trong một địa phương nào đó, nhờ lập ra một cách phổ biến những hợp tác xã tiêu thụ mà người ta đã giảm được 20% giá cả tư liệu sinh hoạt của người công nhân thì dần dần, tiền lương ở đó cũng sẽ sụt xuống khoảng 20%, nghĩa là sụt xuống theo tỷ lệ mà những tư liệu sinh hoạt chiếm trong tổng ngạch thu chi của người công nhân. Ví dụ như người công nhân bỏ ra trung bình 3/4 tiền lương hàng tuần của anh ta để mua những tư liệu sinh hoạt đó, thì cuối cùng tiền lương sẽ giảm đi  $\frac{3}{4} \times 20\%$ , tức là 15%. Tóm lại, ngay khi mà một trong những biện pháp cải lương đó nhằm thực hiện tiết kiệm đã trở thành phổ biến thì tiền lương của người lao động cũng giảm đi mất cái số gọi là tiền tiết kiệm khiến cho người lao động có thể sống với giá sinh hoạt rẻ. Nếu quả *mỗi* người lao động được một khoản thu nhập độc lập là 52 ta-le do tiết kiệm mà có, thì cuối cùng tiền lương hàng tuần của anh ta sẽ giảm một ta-le. Do đó, anh ta càng tiết kiệm nhiều bao nhiêu thì tiền lương của anh ta lại càng ít đi bấy nhiêu. Như vậy thì tiết kiệm không làm lợi cho bản thân anh ta, mà làm lợi cho nhà tư bản. Để "gây cho anh ta đức tính kinh tế đầu tiên, tức là ý thức tiết kiệm" thì còn cần phải có cái gì nữa? (tr.64).

Vả lại, ông Dắc-xơn cũng nói ngay với chúng ta rằng những người lao động cần phải trở thành người sở hữu nhà ở của họ, vì lợi ích của những nhà tư bản hơn là vì lợi ích của bản thân họ:

"Không phải chỉ riêng giai cấp công nhân, mà toàn bộ xã hội đều rất quan tâm làm sao cho tuyệt đại đa số thành viên trong xã hội được gắn liền (!) vào đất đai... (Tôi rất muốn được thấy ông Dắc-xơn ở trong tình trạng đó)\*... Tất cả những lực

1\* Trên tờ "Volksstaat" đoạn trích được dẫn đầy đủ hơn; trước những từ: "Tất cả những lực lượng bí mật" còn có thêm một đoạn: "Quyền sở hữu ruộng đất... đã làm giảm số người đấu tranh chống sự thống trị của giai cấp hữu sản".

lượng bí mật làm rực cháy cái núi lửa vấn đề xã hội, cái núi lửa đang nóng bỏng ở dưới chân chúng ta, tức là những nổi đấng cai của những người vô sản, mối căm hờn... những tư tưởng mơ hồ nguy hiểm..., tất cả những lực lượng đó đều sẽ tan đi như sương mai lúc mặt trời mọc, khi... bản thân những người lao động sẽ chuyển bằng cách đó thành giai cấp những người hữu sản" (tr.65).

Nói một cách khác, ông Dắc-xơn hy vọng rằng những người lao động, do có được một ngôi nhà mà đã thay đổi địa vị xã hội, nên đồng thời sẽ mất luôn tính chất vô sản của họ và sẽ trở thành dễ bảo và nhu nhược như tổ tiên của họ là những người cũng đã có một ngôi nhà. Mong rằng các ngài theo phái Pru-đông chú ý đến điều đó cho.

Ông Dắc-xơn tưởng rằng như thế là đã giải quyết xong vấn đề xã hội:

"*Sự phân phối của cải một cách công bình hơn*, điều bí ẩn ấy mà biết bao nhiêu người đã hoài công giải quyết, há chẳng phải là một sự thật cụ thể đã được thực hiện trước mắt chúng ta hay sao, há chẳng phải là sự phân phối đó đã bị kéo như vậy từ lĩnh vực lý tưởng xuống lĩnh vực thực tế rồi hay sao? Và thực hiện được sự phân phối đó, há chẳng phải là chúng ta đã đạt được một trong những mục đích tối cao mà ngay cả *những nhà xã hội chủ nghĩa cực đoan nhất cũng cho là một điểm tột cùng trong lý luận của họ, hay sao?*" (tr.66).

Lên được đến điểm đó, quả là một điều may mắn. Thực vậy, tiếng reo mừng ấy là "điểm tột cùng" của tác phẩm của ông Dắc-xơn, và từ đó, người ta lại êm ả bước từ "lĩnh vực lý tưởng" xuống lĩnh vực thực tế tầm thường, và khi người ta xuống đến nơi rồi thì người ta thấy rằng trong khi chúng ta vắng mặt, tuyệt đối không có gì thay đổi cả.

Người hướng đạo của chúng ta chỉ cho chúng ta đi bước đầu trên còn đường đi xuống, bằng cách mách cho chúng ta rằng có hai chế độ nhà ở của công nhân: chế độ nhà nhỏ, theo đó mỗi gia đình công nhân có ngôi nhà nhỏ của mình và nếu có thể, cả một mảnh vườn con như ở Anh, và chế độ nhà có nhiều căn hộ, với những ngôi nhà lớn có nhiều chỗ ở cho công nhân, như

Pa-ri, Viên, v.v.. Giữa hai chế độ đó có chế độ thông dụng ở miền Bắc nước Đức. Song, thật ra thì chế độ nhà nhỏ là chế độ duy nhất đúng đắn, chế độ *duy nhất* khiến người lao động được hưởng quyền sở hữu ngôi nhà của mình; và lại, chế độ nhà có nhiều căn hộ là rất bất lợi cho sức khỏe, đạo đức và sự êm ấm gia đình - nhưng than ôi, ba lần than ôi, chế độ nhà nhỏ lại không thể thực hiện được ở chính những trung tâm có nạn khủng hoảng nhà ở, tức là ở những thành phố lớn, vì đất đai đắt đỏ; và người ta còn có thể lấy làm sung sướng nếu ở đó, thay vào những nhà lớn có nhiều căn hộ, người ta có thể xây dựng được những ngôi nhà có từ 4 đến 6 chỗ ở, hay là nếu người ta khắc phục được những nhược điểm chính của nhà có nhiều căn hộ, bằng đủ mọi phương pháp xây dựng khéo léo (tr.71 - 92).

Thế là chúng ta đã xuống cách xa những đỉnh cao rồi, có đúng thế chăng? Biến những người lao động thành những nhà tư bản, giải quyết vấn đề xã hội, làm cho mỗi người lao động có ngôi nhà thuộc về mình - tất cả những điều đó đều ở lại trên kia, "trong lĩnh vực lý tưởng"; hiện tại, việc chúng ta phải làm, thì chỉ còn là thực hiện chế độ nhà nhỏ ở nông thôn và tổ chức không đến nỗi quá tồi, trong các thành phố, những nhà lớn có nhiều căn hộ cho công nhân.

Như vậy là người ta thú nhận rằng giải pháp của giai cấp tư sản về vấn đề nhà ở đã bị phá sản; nó vấp phải *sự đối lập giữa thành thị và nông thôn*. Thế là chúng ta đã đến chính ngay trung tâm của vấn đề; vấn đề đó sẽ chỉ có thể giải quyết được khi nào xã hội đã được biến đổi một cách khá sâu sắc để có thể bắt tay vào xoá bỏ sự đối lập đó, sự đối lập đã bị đẩy lên đến cực độ, trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện nay. Còn rất xa mới có thể xoá bỏ được sự đối lập đó; trái lại, xã hội tư bản chủ nghĩa làm cho sự đối lập đó ngày càng trở nên gay gắt hơn. Những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng hiện đại đầu tiên. Ô-oen và Phu-ri-ê, đã hoàn toàn thừa nhận điều đó. Trong những tổ chức kiểu mẫu của các vị ấy, sự đối lập giữa thành thị và nông thôn

không còn tồn tại nữa. Vậy là nảy ra điều trái ngược với điều mà ông Dắc-xơ khẳng định: không phải là hễ giải quyết được vấn đề nhà ở thì tức khắc giải quyết được vấn đề xã hội, mà chính là có giải quyết vấn đề xã hội, nghĩa là có xoá bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì mới có thể giải quyết được vấn đề nhà ở. Muốn giải quyết vấn đề nhà ở mà đồng thời lại duy trì các thành phố lớn hiện đại thì thật là phi lý. Chỉ có xoá bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì mới có thể xoá bỏ được những thành phố lớn hiện đại đó và khi mà điều đó được thực hiện thì vấn đề lúc đó, sẽ lại hoàn toàn khác đi chứ không còn là cấp cho mỗi người lao động một ngôi nhà nhỏ bé thuộc quyền sở hữu của họ nữa.

Lúc khởi đầu, mọi cuộc cách mạng xã hội đều phải nắm được tình hình thực tế lúc đó và phải dùng những phương tiện hiện có để khắc phục những tệ hại lộ liễu nhất. Và chúng ta đã thấy rằng có thể làm dịu bớt tức khắc *nạn khủng hoảng* nhà ở bằng cách tước đoạt một phần những nhà ở sang trọng thuộc quyền sở hữu của những giai cấp hữu sản và trưng dụng nốt phần còn lại.

Khi mà, tiếp theo đó, ông Dắc-xơ lại xuất phát từ sự tồn tại của những thành phố lớn và nói dài dòng về những khu nhà công nhân phải được xây dựng *bên cạnh* các thành phố, miêu tả cho chúng ta tất cả những cái đẹp đẽ của các khu nhà đó, "những ống dẫn nước, ánh sáng đèn khí, lò sưởi bằng hơi nóng và bằng nước nóng, những phòng giặt, phòng phơi sấy, phòng tắm, v.v..", với những "vườn trẻ, trường học, phòng câu nguyện (!), và phòng đọc sách, thư viện... quán cà phê và quán giải khát, phòng khiêu vũ và phòng âm nhạc đầy đủ tiện nghi", với hơi nước do một hệ thống ống dẫn đưa đến khắp mọi nhà, "do đó, trong một phạm vi nào đấy, làm cho người ta có thể chuyển việc sản xuất ở các công xưởng về xưởng gia đình": những cái đó không hề làm thay đổi được gì cả. Cái khu nhà mà ông ta miêu tả cho chúng ta đó, là do ông Hu-bơ trực tiếp mượn của các nhà xã hội chủ nghĩa



Ô-oen và Phu-ri-ê, nhưng lại hoàn toàn tư sản hoá nó đi bằng cách tước bỏ một cách giản đơn tất cả những cái gì có tính chất xã hội chủ nghĩa của nó. Và do đấy, cái khu nhà đó lại càng trở nên không tưởng gấp đôi. Không một nhà tư bản nào thiết xây dựng những khu nhà như thế, cũng vì thế mà trên thế giới, không có một khu nhà nào như thế, ngoài khu Ghi-dơ ở Pháp; mà khu này là do một người theo phái Phu-ri-ê xây dựng lên, không coi đó là một việc kinh doanh có lợi, mà coi đó là một thí nghiệm xã hội chủ nghĩa<sup>1)</sup>. Để bênh vực cái thói thích xây dựng lên những phương án tư sản, có lẽ ông Dắc-xơ cũng rất có thể kể ra cái khu cộng sản chủ nghĩa "Harmony Hall"<sup>238</sup> do Ô-oen sáng lập nên ở vùng Hêm-pơ-sia vào đầu những năm bốn mươi và đã tiêu vong từ lâu rồi.

Nhưng tất cả những lời ba hoa ấy về việc xây dựng những khu nhà chỉ là một ý đồ đáng thương, chỉ chốc lát đã bị bỏ rơi, để lại bay bổng lên "lĩnh vực lý tưởng". Từ đó, chúng ta lại nhanh chân đi xuống. Bây giờ thì giải pháp đơn giản nhất là:

"những người chủ, những chủ công xưởng giúp cho công nhân tìm được nhà ở thích hợp với nhu cầu của công nhân, hoặc là chính họ xây dựng nhà ở, hoặc là họ khuyến khích công nhân xây dựng nhà ở bằng cách cung cấp đầy đủ cho công nhân, bằng cách ứng vốn ra để xây dựng, v.v." (tr. 106).

Thế là một lần nữa, chúng ta lại bị đưa ra ngoài phạm vi những thành phố lớn, - ở đây không thể bàn đến những vấn đề như thế được, - và lại bị đưa về nông thôn. Khi đó, ông Dắc-xơ bèn chứng minh rằng giúp đỡ cho công nhân kiếm được nhà khả dĩ ở được thì chính là có lợi cho ngay bản thân những chủ công xưởng, một mặt, đó là một nơi đầu tư tốt; mặt khác, kết quả nhất định sẽ là

1) Và cuối cùng thì chính khu nhà này cũng chỉ trở thành một trung tâm để bóc lột công nhân mà thôi. Xem tờ "Socialiste?", Pa-ri, 1886<sup>237</sup>. (*Chú thích của Ăng-ghen viết cho lần xuất bản năm 1887.*)

"đời sống công nhân được nâng cao... sức lao động nhọc thể và tinh thần của họ tăng lên, thì dĩ nhiên là... cũng làm lợi cho người chủ không kém. Điều này chỉ cho ta thấy quan điểm thật sự của người chủ khi họ tham gia giải quyết vấn đề nhà ở: sự tham gia đó là kết quả của *sự liên hợp vô hình*, của sự quan tâm của những người chủ đối với phúc lợi thể chất và kinh tế, phúc lợi tinh thần và đạo đức của những công nhân của họ, một sự quan tâm thường thường được che đậy bằng những ý đồ nhân đạo, một sự quan tâm, nhờ những kết quả thu được, như là việc lập ra và đảm bảo có được một giai cấp công nhân có khả năng khéo léo, dễ bảo, mẫn nguyện và *tận tụy* mà được đền đáp lại bằng tiền bạc" (tr.108).

Cái từ ngữ hoa mỹ "liên hợp vô hình"<sup>239</sup> mà Hu-bơ đã dùng để tìm cách khoác cho những lời lẩn thẩn kiểu nhà tư bản từ thiện của mình một "ý nghĩa cao hơn", chẳng làm cho tình hình thay đổi được chút nào cả. Dù không có từ ngữ đó thì những chủ công xưởng lớn ở nông thôn, đặc biệt là ở nước Anh, cũng đã biết từ lâu rằng việc xây dựng nhà ở cho công nhân chẳng những là một việc cần thiết và là một bộ phận không thể thiếu được trong việc xây dựng công xưởng, mà còn là một việc hoàn toàn sinh lợi nữa. Ở Anh, từng làng một đã mọc lên theo cách đó, một số sau này đã trở thành những thành phố. Còn những người lao động thì chẳng những không tỏ ra biết ơn các nhà tư bản từ thiện, mà còn luôn luôn kịch liệt phản đối "chế độ nhà nhỏ". Chẳng những họ phải mua những ngôi nhà đó với giá độc quyền, vì chủ xưởng không bị cạnh tranh; nhưng trong mỗi cuộc bãi công, họ lập tức trở thành người không nhà không cửa, vì bị chủ xưởng đuổi ngay ra đường, khiến họ rất khó phản kháng. Về những chi tiết khác, có thể tìm đọc trong cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" của tôi (tr.224 và 228)<sup>240</sup>. Tuy nhiên ông Dắc-xơ nghĩ rằng mọi điều này "vị tất đã đáng bị bác bỏ" (tr.111). Há chẳng phải là ông ta muốn cấp cho người lao động quyền sở hữu ngôi nhà nhỏ của họ hay sao? Chắc chắn là như thế, nhưng vì "những người chủ luôn luôn phải có sẵn nhà để dành cho người thế chân người công nhân khi người này bị đuổi"<sup>241</sup>,

thế thì ắt phải có "*một sự thoả thuận miệng* quy định trước việc *bãi bỏ quyền sở hữu*"<sup>1)</sup>(tr.113).

Lần này thì chúng ta đi xuống với một tốc độ bất ngờ. Ban đầu, vấn đề là làm cho công nhân trở thành người sở hữu ngôi nhà nhỏ bé của mình; sau đó, người ta cho chúng ta biết rằng điều đó không thể thực hiện được ở các thành phố mà chỉ có thể thực hiện được ở nông thôn thôi; và bây giờ, người ta lại tuyên bố với chúng ta rằng ngay cả ở nông thôn nữa, quyền sở hữu đó cũng "có bị *bãi bỏ* do sự thoả thuận miệng"! Với cái loại quyền sở hữu mới đó do ông Dắc-xơ phát hiện ra cho những người lao động sử dụng, với việc biến những người lao động thành những nhà tư bản "có thể bị *bãi bỏ* do sự thoả thuận miệng", chúng ta lại bình yên vô sự trở về trần gian. Bây giờ, chúng ta phải tìm xem những nhà tư bản và những nhà bác ái khác đã *thật sự* làm được những gì để giải quyết những vấn đề nhà ở.

## II

Cứ như lời tiến sĩ Dắc-xơ của chúng ta thì ngay từ bây giờ, các ngài tư bản cũng đã đóng góp một phần quan trọng vào việc giải quyết nạn khủng hoảng nhà ở, và đã có bằng chứng là vấn

1) Cũng về mặt ấy, những nhà tư bản Anh đã từ lâu chẳng những đã thực hiện mà còn vượt rất xa những nguyện vọng của ông Dắc-xơ. Ngày thứ hai, 14 tháng Mười 1872, ở Moóc-pét, để lập bảng danh sách cử tri đi bầu cử Nghị viện, toà án đã phải xét đơn xin ghi tên cử tri của 2000 thợ mỏ. Trong dịp đó, xuất hiện vấn đề là đại đa số những thợ mỏ đó, căn cứ theo điều lệ của mỏ trong đó họ làm việc *không được coi là những người thuê* những ngôi nhà nhỏ bé họ đang ở, mà chỉ được coi là những người *được ở không* có thể bị đuổi ra ngoài đường bất kỳ lúc nào và không cần báo trước. (Chủ mỏ dĩ nhiên cũng là chủ nhà). Viên quan toà quyết định rằng những người đó không phải là những người thuê nhà, mà là *những tôi tớ* và là tôi tớ thì tuyệt đối không có quyền được ghi tên vào danh sách cử tri ("Daily News", ngày 15 tháng Mười 1872).

đề đó có thể giải quyết được trên cơ sở phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Trước hết, ông Dắc-xơ dẫn ra cho chúng ta ví dụ là... nước Pháp dưới thời Bô-na-pác-tơ! Ai nấy đều biết rằng trong thời kỳ có hội chợ triển lãm quốc tế ở Pa-ri, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã cử ra một ban, bề ngoài nói là để làm một bản báo cáo về tình trạng của những giai cấp lao động ở Pháp, nhưng thực ra là để miêu tả tình trạng đó như là cảnh thiên đường thật sự, nhằm đem lại vinh dự lớn lao nhất cho đế chế. Và ông Dắc-xơ đã dẫn chúng bản báo cáo của cái ban gồm toàn những tên đầy tớ hủ bại nhất của chế độ Bô-na-pác-tơ đó, đặc biệt là vì những kết quả công tác của ban đó, "*theo chính lời tuyên bố* của uỷ ban phụ trách, khá hoàn bị đối với nước Pháp"! Nhưng những kết quả đó thế nào? 31 trong số 89 nhà công nghiệp lớn hay công ty cổ phần đã cung cấp tài liệu, *đã không* xây dựng được một căn nhà nào cho công nhân cả; còn những ngôi nhà đã được xây dựng thì theo như chính sự nhận định của ông Dắc-xơ, chứa được nhiều lắm từ 50 000 đến 60 000 người và hầu như chỉ gồm có hai gian cho mỗi gia đình mà thôi.

Dĩ nhiên nhà tư bản nào bị gấn chặt vào một địa phương nhất định ở nông thôn, do những điều kiện của ngành công nghiệp của mình - sức nước, mỏ than, mỏ sắt và những mỏ khác, v.v. - thì đều phải xây dựng nhà ở cho công nhân nếu như chưa có. Nhưng muốn coi đó là một bằng chứng về "liên hợp vô hình", là "một bằng chứng hùng hồn chứng tỏ rằng vấn đề và ý nghĩa cao xa của nó đã được hiểu sâu hơn", là "một bước đầu đầy hứa hẹn" (tr.115) thì phải có cái thói quen thâm căn cố đế là tự lừa phỉnh mình. Vả lại, cả về mặt đó nữa, những nhà công nghiệp tại các nước khác nhau đều không giống nhau, tùy theo đặc tính dân tộc của từng người. Chẳng hạn ông Dắc-xơ kể cho chúng ta nghe (tr.117) như sau:

Ở Anh, chỉ trong thời gian rất gần đây người ta mới thấy những người chủ tăng cường hoạt động theo hướng đó. Đặc biệt là ở các thôn xóm xa xôi, nông thôn... Những người lao động thường phải đi một quãng đường dài từ một địa phương gần nhất đến công xưởng, và khi đến nơi thì họ đã kiệt sức nên lao động kém, chính đó là *nguyên nhân thúc* những người chủ phải *xây dựng* nhà ở cho công nhân của họ. Đồng thời, con số những người do *hiểu biết sâu sắc hơn* về tình hình nên kết hợp được ít hay nhiều tất cả những yếu tố khác của sự liên hợp vô hình vào việc cải cách nhà ở, cũng tăng lên; và cũng nhờ có họ nên mới có những khu nhà thịnh vượng đó. Cũng vì thế mà ở Vương quốc liên hiệp, tên tuổi của A-ston ở Hai-dơ, A-su-uớc-tơ ở Tóc-tơn, Gran-tơ ở Bơ-ri, Gréch ở Bôn-linh-tơn, Mác-san ở Lít-xơ, Xtơ-rét ở Ben-pơ, Xôn-tơ ở Xôn-te-rơ, A-crôi-đơ ở Cô-pli, và nhiều người khác, đã được nhiều người biết đến".

Sự chất phác thần thánh và sự ngu dốt lại còn thần thánh hơn nữa! Ở Anh, chỉ trong "thời gian rất gần đây", những chủ công xưởng ở nông thôn mới xây dựng nhà công nhân mà thôi! Không phải như thế đâu, ông Dắc-xơ thân mến ạ, những nhà tư bản Anh là những nhà công nghiệp lớn thật sự, chẳng những lớn do túi tiền, mà cũng là lớn do đầu óc của họ nữa. Rất lâu trước khi nước Đức có được một nền công nghiệp lớn thật sự, họ đã hiểu rằng: trong trường hợp sản xuất công xưởng ở nông thôn thì tiền bỏ ra để cất nhà cho công nhân là một bộ phận cần thiết, trực tiếp và gián tiếp sinh lợi, của toàn bộ tư bản bỏ ra. Rất lâu trước khi cuộc đấu tranh giữa Bít-xmác và giai cấp tư sản mang lại cho những người lao động Đức quyền tự do liên hợp, thì ở Anh, những chủ công xưởng, chủ mỏ và chủ xưởng luyện sắt đã nghiệm thấy rằng trên thực tiễn, họ có thể dùng áp lực đối với những người lao động bãi công, nếu đồng thời họ lại là những người sở hữu những căn nhà mà công nhân của họ đang ở. "Những khu nhà thịnh vượng" của những người như hạng Gréch, A-ston, A-su-uớc-tơ không phải là mới xây dựng "trong thời gian rất gần đây", mà cách đây 40 năm, những khu nhà như vậy đã được giai cấp tư sản đánh trống khua chiêng nêu lên làm kiểu mẫu, cũng như cách đây 28 năm, chính bản thân tôi cũng đã chỉ ra một cách tỉ mỉ trong cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao

động ở Anh" (tr.228-230), chú thích<sup>241</sup>). Những khu nhà của Mác-san và A-crôi-đơ (Akroyd - tên của ông ta viết như thế) đã được sáng lập cũng gần vào thời kỳ đó và khu nhà của Stơ-rét lại còn có trước đó nhiều, khu này bắt đầu được sáng lập từ thế kỷ trước. Và vì ở Anh, người ta cho rằng một ngôi nhà công nhân có thể tồn tại trung bình trong 40 năm, nên ông Dắc-xơ có thể tính dốt ngón tay để tự mình thấy được rằng hiện nay những "khu nhà thịnh vượng đó" đã ở vào tình trạng suy sụp như thế nào. Hơn nữa, đại đa số những khu nhà đó không còn nằm ở nông thôn nữa; do sự phát triển lớn lao của công nghiệp, công xưởng và nhà ở đã bao quanh phần lớn những khu đó nên ngày nay những khu nhà đó lọt thỏm vào giữa những thành phố bẩn thỉu và đầy khói có từ 20 000 đến 30 000 dân và nhiều hơn nữa; điều này không hề ngăn cản khoa học tư sản Đức, do ông Dắc-xơ đại biểu, nhắc lại một cách hoàn toàn trung thực những lời tán dương cũ hồi năm 1840 ở Anh, những lời ngày nay không còn một chút ý nghĩa nào cả.

Còn ông già A-crôi-đơ<sup>1\*</sup>. Con người dưng cảm ấy quả là một nhà từ thiện mười phần vẹn mười. Ông ta thương yêu công nhân của ông ta, và đặc biệt là thương yêu nữ công nhân của ông ta, đến nỗi mà những người cạnh tranh với ông ta ở vùng Y-óc-sia, không giàu lòng từ thiện bằng, đã quen nói rằng ông ta chỉ hoàn toàn dùng chính con cái của ông ta để làm cho công xưởng của ông ta hoạt động! Thế mà ông Dắc-xơ vẫn quả quyết rằng trong những khu nhà thịnh vượng đó "những đứa con hoang ngày càng hiếm hơn" (tr.118). Đúng lắm, những đứa con hoang, *ngoài hôn nhân*, ngày càng hiếm, vì trong những khu công nghiệp Anh, các cô thanh nữ xinh đẹp đều lấy chồng rất sớm.

Ở Anh, từ 60 năm nay và hơn thế nữa, việc xây dựng cùng một lúc nhà ở cho công nhân bên cạnh mọi công xưởng lớn ở

1\* Trên tờ "Volksstaat" thay cho những chữ "ông già "A-crôi-đơ" là những chữ "ông già A. - Tôi không muốn nhắc tên vì ông ta đã chết và yên nghỉ từ lâu".

nông thôn, đã trở thành thông lệ. Như chúng ta đã nói, nhiều làng công nghiệp như thế đã trở thành trung tâm, xung quanh đó sau này mọc lên một thành phố công nghiệp, với tất cả mọi tai họa do nó đem lại. Thế là những khu nhà đó không giải quyết được vấn đề nhà ở, trái lại, chính những khu nhà đó *đã lần đầu tiên* gây ra vấn đề nhà ở trong địa phương của mình.

Trái lại, ở những nước đi sau nước Anh về mặt công nghiệp lớn và mãi đến năm 1848, mới có một ngành công nghiệp lớn, tức là ở Pháp và nhất là ở Đức thì tình hình lại khác hẳn. Ở đó, chỉ có những công xưởng và nhà máy luyện kim to lớn - như nhà máy Snai-đơ ở chính Crơ-đơ và nhà máy Crúp ở Êt-xen - sau khi ngân ngại chán đi rồi, mới quyết định xây dựng một vài ngôi nhà công nhân. Đại đa số các nhà công nghiệp ở nông thôn để cho những người lao động của họ phải đi hàng cây số dưới mưa rơi tuyết đổ hoặc dưới nắng thiêu như đốt để sáng đến nhà máy và chiều trở về nhà. Đó là điều xảy ra đặc biệt tại những vùng miền núi - tại những miền núi Vô-he-đơ ở Pháp và ở An-da-xơ, cũng như tại những lưu vực của những con sông Vúp-pơ, Di-gơ, Ác-gơ, Len-nơ và của những con sông con khác ở xứ Ve-xtơ-pha-li và ở xứ Ranh. Tại miền Núi quặng, ở An - da-xơ, tình trạng cũng chẳng hơn gì. Bất luận là người Đức hay người Pháp, đều keo cú như thế cả.

Ông Dắc-xơ thừa biết rằng bước đầu đây hứa hẹn, hoàn toàn cũng như những khu nhà thịnh vượng đều không có ý nghĩa gì cả. Vì vậy, bây giờ ông ta lại tìm cách chứng minh cho các nhà tư bản thấy rằng trong việc xây dựng nhà ở cho công nhân, họ có thể rút ra những món lợi to lớn như thế nào. Nói một cách khác, ông ta tìm cách chỉ cho các nhà tư bản một phương pháp mới để lường gạt những người lao động.

Trước hết, ông ta nêu làm ví dụ cho họ thấy một loạt những công ty xây dựng, nửa từ thiện, nửa đầu cơ, đã thu được, ở Luân Đôn, một số tiền lãi thực tế từ 4% đến 6% và hơn nữa. Thật

ra thì ông Dắc-xơ cũng chẳng cần gì phải chứng minh cho chúng ta thấy rằng tư bản, đem đầu tư vào việc xây dựng nhà công nhân, thì mang lại những lợi nhuận tốt đẹp. Sở dĩ các nhà tư bản không đầu tư nhiều hơn nữa vào việc xây dựng nhà công nhân, ấy là vì những nhà ở đất tiền hơn vẫn đem lại nhiều hơn cho người sở hữu nhà ở. Thế là lời ông Dắc-xơ khuyến khích các nhà tư bản chung quy lại chỉ là một lời giảng luân lý mà thôi.

Còn những công ty xây dựng ở Luân Đôn, mà những thành tích rực rỡ đã được ông Dắc-xơ tán tụng rất nhiều, và căn cứ vào bản tính toàn của chính bản thân ông ta - trong đó, ông ta nêu ra tất cả những sự đầu cơ có thể có - thì tổng cộng lại những công ty đó chỉ xây dựng nhà ở cho cả thảy là 2132 gia đình và 706 người chưa lập gia đình, vị chi là cho chưa đầy 15 000 người mà thôi. Ấy thế mà ở Đức, người ta lại cả gan trình bày một cách trịnh trọng những trò trẻ con đó như thế những thành tích lớn, trong khi mà chỉ riêng ở khu Đông Luân Đôn, cũng đã có một triệu người lao động sống trong những túp lều tồi tàn nhất ư? Thực ra tất cả những sự cố gắng đầy lòng từ thiện đó đều là những con số không bi thảm đến nỗi chẳng bao giờ được ghi vào ngay cả những báo cáo của nghị viện Anh nói về tình trạng công nhân.

Ở đây, chúng ta sẽ không nói đến sự ngu dốt lộ bịch của ông Dắc-xơ về Luân Đôn trong suốt cả đoạn văn ấy. Chúng ta chỉ ghi lại một điểm này: ông Dắc-xơ nghĩ rằng ở Xô-hô, những ngôi nhà dành cho những người chưa lập gia đình đã bị bỏ trống, vì ở khu ấy "không hy vọng có nhiều khách hàng". Ông Dắc-xơ hình dung toàn bộ khu Tây Luân Đôn là một thành phố hoa lệ mà không biết rằng, ngay đằng sau những phố sang trọng nhất, lại có những khu công nhân lầm than nhất trong số đó có Xô-hô. Ngôi nhà kiểu mẫu ở Xô-hô mà ông ta nói đến và tôi đã được biết cách đây đã 23 năm, thoát tiên có rất nhiều người thuê, nhưng sau đó bị bỏ trống vì không một ai có thể trú ngụ ở đó được.

Ấy thế mà ngôi nhà ấy hãy còn là một trong những ngôi nhà tốt nhất kia đấy.

Nhưng còn khu công nhân Muyn-hau-den ở An-da-xơ chẳng phải là một thành tựu hay sao?

Khu công nhân Muyn-hau-den ấy là cái để cho giai cấp tư sản trên lục địa đem ra phô trương chẳng khác nào những khu nhà thịnh vượng trước đây của A-ston, A-su-uốc-tơ, Grêch và đồng bọn là những cái mà người tư sản Anh đã từng phô trương. Khốn nỗi khu công nhân đó lại không phải là con đẻ của liên hợp "vô hình" mà là con đẻ của liên hợp công khai giữa Đế chế Pháp đệ nhị và các nhà tư bản An-da-xơ. Nó là một trong những thí nghiệm xã hội chủ nghĩa của Lu-i Bô-na-pác-tơ; và nhà nước đã ứng ra 1/3 tư bản. Trong 14 năm (cho đến năm 1867), người ta đã xây dựng 800 ngôi nhà nhỏ theo một phương thức tồi tàn, mà nước Anh không thể chấp nhận được vì ở đây người ta hiểu rõ việc đó hơn; sau khi đã trả tiền thuê nhà hàng tháng rất đắt trong 13 đến 15 năm, những người lao động trở thành những người sở hữu những ngôi nhà đó. Như chúng ta sẽ thấy sau đây, cái phương thức sở hữu đó đã được vận dụng từ lâu trong các hợp tác xã xây dựng ở Anh, không cần phải đợi có phải Bô-na-pác-tơ ở An-da-xơ, mới được phát minh ra. Số tiền phụ vào tiền thuê nhà để được hưởng quyền sở hữu nhà ở thì khá nặng, so với ở nước Anh; chẳng hạn, sau khi đã trả 4500 phrăng trong 15 năm, người lao động được quyền sở hữu một ngôi nhà trước đó 15 năm chỉ trị giá có 3.300 phrăng. Nếu người công nhân muốn dời đi nơi khác hoặc chậm trả tiền thuê nhà, dù chỉ là một tháng (trong trường hợp đó, anh ta có thể bị đuổi khỏi nhà), người ta sẽ tính tiền thuê nhà mỗi năm là bằng 62/3% giá trị của ngôi nhà lúc mới xây (tức là hàng tháng trả 17 phrăng nếu ở một ngôi nhà trị giá 3 000 phrăng) và người ta sẽ trả lại cho anh ta số tiền anh ta đã trả trội ra, nhưng *không có một xu lãi nào cả*. Rất dễ hiểu rằng công ty, không nói đến "trợ cấp của nhà nước", có thể nhờ phương pháp đó mà phát tài; đồng thời cũng rất dễ hiểu

rằng nhà ở được cung cấp trong những điều kiện đó và do nằm ở ngoài thành phố, mà có tính chất nửa nông thôn, nên đều tốt hơn những ngôi nhà có nhiều căn hộ cũ kỹ ở ngay trong thành phố rất nhiều.

Chúng ta sẽ không nói đến những thí nghiệm đáng ghét được thực hiện ở Đức mà ngay ông Dắc-xơ (tr.157) cũng thừa nhận là nghèo nàn.

Vậy những thí dụ đó chứng minh cho ta điều gì? Chỉ chứng minh rằng việc xây dựng nhà ở cho công nhân sinh lợi cho các nhà tư bản, ngay cả khi mà những quy luật vệ sinh không bị chà đạp. Chưa hề có một ai phủ nhận điều đó; tất cả chúng ta đều đã biết điều đó từ lâu rồi. Mọi cuộc đầu tư đáp ứng một nhu cầu đều sinh lợi nếu được kinh doanh hợp lý. Vấn đề chính là xét xem vì sao mà *mặc dầu như thế*, những nhà tư bản vẫn không quan tâm làm cho công nhân có đầy đủ nhà ở hợp vệ sinh? Và một lần nữa, ông Dắc-xơ lại chỉ khuyến khích các nhà tư bản và không giải đáp cho chúng ta rõ. Chính là chúng ta, ở trên kia, đã giải đáp một cách đúng đắn.

Tư bản không *muốn* xoá bỏ nạn khan hiếm nhà ở, ngay cả khi nó có thể làm được; hiện nay điều đó đã được hoàn toàn chứng minh. Vậy chỉ còn có hai lối thoát khác là: sự giúp đỡ lẫn nhau giữa những người lao động và sự giúp đỡ của nhà nước.

Ông Dắc-xơ, con người nhiệt tình tán thành sự giúp đỡ lẫn nhau, biết thuật lại cho chúng ta thấy những điều kỳ diệu về sự tương trợ, cả về phương diện vấn đề nhà ở nữa. Khốn nỗi ngay từ đầu, ông ta đã phải thừa nhận rằng sự giúp đỡ lẫn nhau chỉ có thể có hiệu quả ở nơi nào có chế độ nhà nhỏ hay ít ra cũng có thể áp dụng chế độ đó, vậy là, lại chỉ ở nông thôn mà thôi; trong những thành phố lớn, ngay cả ở Anh, sự giúp đỡ lẫn nhau chỉ có hiệu quả trong một phạm vi rất hạn chế. Thế rồi, ông Dắc-xơ than thở.

"sự cải cách bằng phương pháp đó (bằng sự giúp đỡ lẫn nhau) chỉ có thể thực hiện được bằng một *con đường vòng* và do đó *luôn luôn* chỉ được thực hiện một cách không đầy đủ, tức là chỉ có thể thực hiện trong chừng mực mà nguyên tắc quyền sở hữu cá nhân có đầy đủ sức mạnh để tác động đến chất lượng nhà ở".

Điều đó cũng còn thành vấn đề; vô luận thế nào "nguyên tắc quyền sở hữu cá nhân" không hề có tác dụng cải tiến đối với "chất lượng" văn phong của tác giả của chúng ta. Mặc dầu như thế, ở Anh sự giúp đỡ lẫn nhau đã thực hiện được những điều kỳ diệu, đến nỗi tất cả những điều đã được làm theo những phương hướng khác để giải quyết vấn đề nhà ở đều *bị vượt rất xa*. Đó là nói đến những building societies<sup>1\*</sup>, và sở dĩ ông Dác-xơ nghiên cứu những công ty đó một cách rộng hơn chính là vì

"có những ý kiến sai lầm hoặc rất thiếu sót đang được lưu hành về thực chất và hoạt động của các công ty đó. Những building societies Anh tuyệt nhiên không phải là... những công ty hay hợp tác xã xây dựng: nói cho đúng hơn thì đó là cái mà người ta có thể gọi "những hiệp hội để sở hữu nhà ở"; mục đích của những hiệp hội đó là dựa vào tiền đóng góp của hội viên mà thu góp một số vốn nhằm tùy theo mức độ tích lũy vốn mà cho hội viên vay để mua một ngôi nhà. Như thế, đối với một số hội viên thì building societies là một quỹ tiết kiệm và đối với số hội viên khác thì nó là một cái quỹ cho vay. Do đó, những công ty ấy là những cơ quan tín dụng cầm cố, đã được làm cho thích hợp với nhu cầu của công nhân và chủ yếu là dùng... tiền tiết kiệm của những người lao động... để giúp đỡ anh em giai cấp của những người đã gửi tiền, trong việc mua hoặc xây dựng một ngôi nhà. Như người ta có thể đoán trước, tiền cho vay đó được người ta thoả thuận cấp căn cứ vào sự cầm cố một giá trị thực tế tương đương và quy định sao cho món nợ đó được trả dần dần theo từng thời kỳ gần nhau, kể cả tiền lãi lẫn tiền trả nợ dần... Tiền lãi sẽ không trả cho những người gửi tiền, mà ghi thêm vào tài khoản của họ để *rồi lại để ra tiền lãi kép*... Bất kỳ lúc nào, sau khi đã báo trước một tháng... là có thể rút lại tiền đã gửi, cộng cả tiền lãi" (tr.170 - 172). "Ở nước Anh, có hơn 2 000 hiệp hội thuộc loại đó... Tư bản tích lũy ở đó lên đến độ 15 000 000 pao xtéc-ling và nhờ phương pháp đó. 100 000

1\* - công ty xây dựng.

gia đình *công nhân* đã trở thành người sở hữu một chỗ ở; đó là một thành tựu xã hội mà chắc chắn là người ta khó tìm được một thành tựu nào sánh kịp" (tr.174).

Tiếc rằng ở đây cũng lại có một chữ "nhưng" đang tập tễnh đi đến:

"Nhưng điều này *chưa hề đem lại* cho chúng ta một giải pháp hoàn bị nào về vấn đề đó, ít ra cũng là vì chỉ những người lao động có *hoàn cảnh khá giả hơn*... mới có thể chiếm hữu được một ngôi nhà... Và cũng cần phải chú ý rằng những điều kiện vệ sinh thường thường không được tôn trọng đầy đủ" (tr.176).

Trên lục địa, "cái loại hiệp hội đó... chỉ có được một địa bàn phát triển rất hạn chế". Muốn có những hiệp hội đó thì phải có chế độ nhà nhỏ trước đã, ở đây chế độ này chỉ tồn tại ở nông thôn; nhưng ở nông thôn, những người lao động lại chưa đạt đến trình độ có thể giúp đỡ lẫn nhau được. Mặt khác, trong những thành phố là nơi những hợp tác xã xây dựng thật sự có thể thành lập được thì những hợp tác xã đó lại vấp phải "đủ mọi loại khó khăn nghiêm trọng và lớn lao" (tr.179). Thực vậy, các hợp tác xã đó chỉ có thể xây dựng được những nhà nhỏ, nhưng điều này thì lại không thể thực hiện được trong các thành phố lớn. Tóm lại, "cái hình thức hợp tác tương trợ đó" không thể" trong những điều kiện hiện nay", - "và cả trong tương lai gần đây nữa, nó cũng khó có thể - có tác dụng chủ yếu trong việc giải quyết vấn đề trước mắt chúng ta". Thực vậy, những hợp tác xã xây dựng đó hãy còn ở vào "giai đoạn đầu, phôi thai". "Điều nhận xét đó cũng đúng đối với cả nước Anh nữa" (tr.181).

Thế là: những nhà tư bản thì không *muốn*, còn những người lao động thì không *thể*. Như vậy chúng ta có thể kết thúc chương này ở đây, nếu như không cần phải làm sáng tỏ đôi chút về những building societies Anh mà bọn tư sản thuộc loại Sun-tơ Đê-lít-xơ vẫn luôn luôn đưa ra làm kiểu mẫu cho công nhân của chúng ta.

Những building societies đó không phải là những đoàn thể công nhân mà mục đích chính của các công ty đó không có gì hơn là làm cho những người lao động có những ngôi nhà thuộc riêng về họ. Chúng ta sẽ thấy trái lại rằng đó là một ngoại lệ. Về thực chất, các building societies là những tổ chức đầu cơ, những công ty nhỏ lúc đầu cũng đầu cơ không kém gì những công ty lớn mô phỏng theo chúng. Trong một quán rượu - thông thường là do người chủ quán gọi lên, sau này những cuộc họp hàng tuần sẽ họp tại đây - một nhóm những khách hàng quen và bạn bè của họ, những chủ hiệu tạp hoá, những nhân viên nhà buôn, những người đi chào hàng cho các hiệu buôn, những người làm nghề thủ công và những người tiểu tư sản khác - đôi khi cũng có một công nhân ngành chế tạo máy móc hoặc bất kỳ một người lao động nào đó thuộc tầng lớp quý tộc của giai cấp của người đó, - họp thành một hợp tác xã xây dựng, thông thường thì nguyên nhân ngẫu nhiên là ở chỗ người chủ quán được biết là có một miếng đất bán, tương đối rẻ, ở vùng lân cận hay bất cứ ở một nơi nào đó. Đại đa số hội viên không bị công việc làm ăn của mình ràng buộc vào một địa phương nhất định; nhiều chủ hiệu tạp hoá và người làm nghề thủ công chỉ có một cửa hàng mà không có chỗ ở trong thành phố; ai có khả năng thì đều thích ở ngoại ô hơn là ở trong thành phố âm khí. Mua được đất rồi, người ta bèn xây dựng những nhà nhỏ ở đó, càng nhiều càng tốt. Tiền mua đất là tiền của những người có nhiều tiền hơn cho vay; những số tiền đóng góp hàng tuần và vay mượn thêm chút ít, là dùng để trang trải những khoản chi phí hàng tuần về xây dựng. Nhà ở xây dựng xong đến đâu, thì những hội viên muốn có được một ngôi nhà sẽ rút thăm đến đấy, để nhận một ngôi nhà nhỏ, và số tiền mà những người được nhận ngôi nhà trả thêm vào tiền thuê nhà sẽ là tiền trả góp giá mua. Những ngôi nhà nhỏ còn lại sẽ đem cho thuê hoặc đem bán. Còn bản thân công

ty xây dựng, nếu làm ăn khá giả, sẽ thu được một món tiền lớn hay nhỏ, món tiền này vẫn thuộc quyền sử dụng của những hội viên chùng nào mà những hội viên đó còn đóng góp; số tiền đó thỉnh thoảng lại được phân phối cho hội viên hoặc sẽ phân phối cho hội viên khi hội đó giải tán. Tình hình hoạt động của 9 phần 10 những công ty xây dựng ở Anh là như thế. Những công ty khác là những công ty lớn hơn, được dựng lên dưới chiêu bài chính trị hay từ thiện, nhưng chung quy lại thì mục đích chủ yếu bao giờ cũng là tạo ra cho những món tiền tiết kiệm của *giai cấp tiểu tư sản*, có chỗ để đầu tư cầm cố một cách có lợi hơn, có nhiều lãi và có triển vọng được chia lãi, nhờ đầu cơ tài sản ruộng đất.

Tờ quảng cáo của một trong những công ty lớn nhất, nếu không phải là công ty lớn nhất, chỉ cho chúng ta thấy rõ các loại khách hàng mà những công ty đó nhằm vào. "Birkbeck Building Society, 29 and 30, Southampton Buildings, Chancery Lane<sup>1\*</sup> ở Luân Đôn, từ khi thành lập đến nay, thu nhập hơn 10 triệu rưỡi p.xt. (70 triệu ta-le), đã bỏ vào các ngân hàng và các chứng khoán quốc gia 416 000 p.xt. và hiện nay có 21441 hội viên và người gửi tiền, công ty đó ra mắt công chúng bằng cách sau đây:

"Phần đông đều đã quen với cái gọi là chế độ ba năm của những người chủ xưởng chế tạo đàn dương cầm, theo chế độ đó thì tất cả những người thuê đàn dương cầm trong 3 năm, sẽ trở thành chủ nhân chiếc đàn dương cầm đó, khi hết hạn 3 năm ấy. Trước khi có chế độ ấy, những người chỉ có thu nhập hạn chế mà mua một đàn dương cầm tốt, cũng gần khó như tậu một ngôi nhà; mỗi năm người ta trả tiền thuê một chiếc đàn dương cầm, thế là người ta đã phải trả gấp hai hay ba lần giá chiếc đàn. Nhưng điều có thể áp dụng đối với một chiếc đàn dương cầm thì cũng có thể áp dụng

1\* "Công ty xây dựng Biéc-bếch, ở toà nhà Xao-hêm-pton, số 29 - 30, đường Chen-xe-ri".

được đối với một ngôi nhà... Tuy nhiên, vì giá một ngôi nhà đắt hơn... cho nên phải có một thời gian dài hơn để trả dần tiền mua nhà bằng tiền thuê nhà. Vì thế cho nên, trong những khu phố khác nhau ở Luân Đôn và ở ngoại ô Luân Đôn, các vị giám đốc đã ký những hợp đồng với các người sở hữu nhà ở và do đó đã có thể để cho những hội viên của Công ty xây dựng Biéc-béch và cả những người khác, được tha hồ lựa chọn nhà ở trong các khu phố khác nhau. Các vị giám đốc có ý định thực hiện một chế độ như sau: nhà ở sẽ cho thuê trong 12½ năm và sau thời gian đó, nếu tiền thuê nhà được trả đều đặn thì nhà ở đó sẽ hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của người thuê nhà, không phải trả thêm bất kỳ một khoản nào khác nữa cả... Đồng thời người thuê nhà cũng có thể ký hợp đồng rút ngắn kỳ hạn hơn với tiền thuê nhà cao hơn hay là kéo dài kỳ hạn hơn với tiền thuê nhà thấp hơn... *Những người mà tiền thu nhập có hạn, những nhân viên hiệu buôn hay những người bán hàng ở các cửa hiệu và những người khác* một khi trở thành những hội viên của Birkbeck Building Society thì lập tức có thể không còn bị phụ thuộc vào bất kỳ một người sở hữu nhà ở nào nữa".

Thật đã rõ ràng. Tuyệt nhiên đó không phải là nói đến những công nhân, mà là nói đến những người mà tiền thu nhập có hạn, tức là những người bán hàng ở các cửa hiệu và những nhân viên hiệu buôn. v.v.; và hơn nữa người ta giả định rằng nói chung những người sẽ sở hữu nhà là những người đã có một chiếc đàn dương cầm rồi. Sự thật thì ở đây tuyệt nhiên không nói đến những công nhân, mà nói đến những người tiểu tư sản và những người muốn và có thể trở thành người tiểu tư sản, những người mà tiền thu nhập, dù có hạn nhưng nói chung vẫn tăng thêm dần dần, như tiền thu nhập của nhân viên hiệu buôn và trong các ngành tương tự; trái lại, tiền thu nhập của công nhân thì may mắn lắm mới không thay đổi; trên thực tế thì gia đình anh ta càng đông lên và nhu cầu của anh ta càng tăng lên bao nhiêu thì tiền thu nhập của anh ta càng thấp xuống bấy nhiêu. Thực ra, chỉ có một số hãn hữu công nhân là có thể tham gia những công ty như thế. Tiền thu nhập của họ một mặt thì quá thấp,

và mặt khác thì bấp bênh quá đổi, khiến cho họ không thể đảm đương nổi những điều giao ước trong 12½ năm. Có một vài trường hợp ngoại lệ, đó là trường hợp những công nhân được trả công hậu hơn mức chung hoặc trường hợp những đốc công<sup>1)</sup>.

Ngoài ra, mọi người đều nhận thấy rằng những người theo phái Bô-na-pác-tơ ở Muyn-hau-den, thành phố công nhân, chỉ là những người bất chước một cách thảm hại các công ty xây dựng đó của những người tiểu tư sản Anh. Chỉ khác ở chỗ là những người bất chước đó, mặc dầu được nhà nước giúp đỡ, vẫn lường gạt khách hàng của họ được rất nhiều hơn các công ty đó. Nói chung thì những điều kiện của họ không rộng rãi bằng những điều kiện

---

1) Đây là một vài điểm nói rõ thêm về hoạt động đặc biệt của các công ty xây dựng ở Anh. Người ta biết rằng hầu hết đất đai ở Luân Đôn đều thuộc về độ một tá những nhà quý tộc, trong đó các công tước Oét-min-xơ, Bét-phốt. Póc-len, v.v.. đứng hàng đầu. Thoạt tiên họ cho thuê đất trong 99 năm và hết thời hạn đó, những đất đai đó với tất cả những cái gì ở trên miếng đất đó đều thuộc về họ. Bây giờ họ cho thuê nhà trong một thời hạn ngắn hơn, 39 năm chẳng hạn, với cái mà người ta gọi là điều khoản sửa chữa (repairing lease): theo điều khoản đó thì người thuê nhà phải sửa chữa và giữ gìn nhà ở cho tốt. Ngay sau khi ký hợp đồng, người chủ đất có kiến trúc sư của họ và nhân viên cảnh sát kiến trúc trong khu vực đó (surveyor) đến để kiểm tra nhà ở và quy định những sự sửa chữa cần thiết. Thường thường những sự sửa chữa đó rất lớn, thậm chí phải sửa chữa cả mặt tiền, lợp lại mái nhà, v.v.. Lúc đó, người thuê nhà đem hợp đồng thuê nhà của mình đặt làm bảo chứng tại một công ty xây dựng và nhận vay của công ty đó số tiền cần thiết - với giá tiền thuê nhà hàng năm từ 130 đến 150 p.xt. thì có thể vay đến 1 000 p.xt. và hơn thế nữa để tiến hành việc sửa chữa do *anh ta* chịu tiền phí tổn. Thế là các công ty xây dựng đó trở thành một người trung gian quan trọng trong một chế độ mà mục đích là thường xuyên sửa chữa và giữ gìn tốt những ngôi nhà ở Luân Đôn, của các địa chủ quý tộc, mà chẳng làm phiền phức cho bọn địa chủ quý tộc ấy và tiền phí tổn lại do công chúng chịu.

Ấy thế mà gọi là giải quyết vấn đề nhà ở cho những người lao động đấy! (Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1887).



được thi hành phổ biến ở Anh; ở Anh, người ta tính lãi đơn và lãi kép của từng lần đóng tiền một, và người ta trả lại những khoản đó sau khi báo trước một tháng, còn những người chủ công xưởng ở Muyn-hau-den thì bỏ túi mọi khoản tiền lời và chỉ trả lại số tiền đã nộp bằng những đồng tiền đúc. Và trước sự khác nhau đó thì ông Dắc-xơ là người đã đưa mọi điều ấy vào trong cuốn sách của ông ta mà không biết, lại ngạc nhiên hơn ai hết.

Thế là sự giúp đỡ lẫn nhau của công nhân cũng chẳng đem lại kết quả nào. Còn lại sự giúp đỡ của nhà nước. Về mặt này ông Dắc-xơ đề ra với chúng ta những điều gì? Ông ta đề nghị với chúng ta ba việc:

"Thứ nhất: trong việc lập pháp và hành chính của mình, nhà nước phải dự kiến trước việc thủ tiêu hoặc cải thiện, bằng cách này hay bằng cách khác, mọi cái gì gây ra nạn khủng hoảng nhà ở ngày càng thêm nghiêm trọng cho những giai cấp lao động" (tr.187).

Vậy là: xét lại luật lệ về xây dựng và bảo đảm tự do cho các ngành xây dựng nhà ở, nhằm xây dựng được rẻ hơn. Nhưng ở Anh, luật lệ đó đã bị hạn chế đến mức tối thiểu, các ngành xây dựng nhà ở được hoàn toàn tự do, thế mà nạn khủng hoảng nhà ở vẫn tồn tại. Hơn nữa, ở đó bây giờ người ta xây dựng với giá rẻ đến mức mà một chiếc xe bò đi qua cũng làm rung chuyển nhà ở và hàng ngày vẫn còn những ngôi nhà đổ. Chỉ mới hôm qua đây, 25 tháng Mười 1872, sáu ngôi nhà ở Man-se-xơ đột nhiên sụp đổ, làm sáu người công nhân bị thương nặng. Vậy, đó cũng không phải là một giải pháp.

"Thứ hai: quyền lực nhà nước phải ngăn chặn không cho một công dân, vì chủ nghĩa cá nhân hẹp hòi của mình, mà gieo rắc bệnh tật hoặc lại gây ra bệnh tật".

Vậy là: kiểm tra tình hình vệ sinh và an toàn của nhà của công nhân, quyết định cho phép các nhà đương cục có quyền đóng

của những ngôi nhà thiếu vệ sinh và hư hỏng, như đã tiến hành ở Anh từ năm 1857. Nhưng điều đó đã được tiến hành như thế nào? Đạo luật thứ nhất năm 1855 (Nuisances Removal Act<sup>1\*</sup>) vẫn là "một đạo luật trên giấy" như ông Dắc-xơ đã thừa nhận; đạo luật thứ hai năm 1858 (Local Government Act<sup>2\*</sup>) cũng thế (tr.197). Trái lại Ô. Dắc-xơ nghĩ rằng đạo luật thứ ba (Artisans Dwellings Act<sup>3\*</sup>), là đạo luật chỉ áp dụng cho những thành phố có trên 10 000 dân, "chắc chắn đem lại cho chúng ta một bằng chứng hùng hồn về những sự hiểu biết sâu sắc của Nghị viện Anh về mặt xã hội" (tr.199); nhưng lời khẳng định ấy lại chỉ đem lại cho chúng ta "một bằng chứng hùng hồn" rằng ông Dắc-xơ hoàn toàn không hiểu biết gì về những "công việc" ở Anh. Đối với lục địa thì Anh là nước rất tiến bộ "về mặt xã hội", đó là điều hiển nhiên: nước Anh là Tổ quốc của công nghiệp lớn hiện đại; ở đây, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát triển hết sức tự do và hết sức rộng rãi; ở đây, những hậu quả của phương thức sản xuất đó xuất hiện một cách hết sức trắng trợn, và lần đầu tiên những hậu quả ấy gây ra một sự phản ứng trong việc lập pháp. Luật công xưởng là một ví dụ tốt nhất đối với chúng ta. Nhưng nếu ông Dắc-xơ tưởng rằng chỉ cần một nghị quyết của Nghị viện có được hiệu lực của một đạo luật là có thể được thực hiện ngay lập tức, như thế thì ông ấy lắm to. Về phương diện này, bất kỳ một nghị quyết nào khác của Nghị viện (dĩ nhiên là trừ Workshops, Act<sup>4\*</sup>) cũng chẳng hơn gì đạo luật về hành chính địa phương. Việc thi hành đạo luật đó được giao cho các nhà đương cục ở thành thị; mà ở hầu khắp nước Anh, những nhà đương cục này là trung

1\* - Đạo luật thủ tiêu những hành động có hại (cho vệ sinh chung)

2\* - Đạo luật về hành chính địa phương

3\* - Đạo luật về nhà cửa của những người làm nghề thủ công

4\* - Đạo luật về công xưởng thủ công

tâm nổi tiếng của sự hối lộ dưới đủ mọi hình thức, của thói lợi dụng người thân làm trong công sở và của thói jobbery<sup>1)</sup>. Những nhân viên của các cơ quan hành chính thành thị đó, do đủ mọi thứ quan hệ gia đình mà có được địa vị trong những cơ quan ấy, thì hoặc là không có khả năng thi hành những đạo luật xã hội như thế, hoặc không muốn thi hành. Nhưng chính là ở Anh, những công chức của nhà nước, có nhiệm vụ chuẩn bị và thi hành luật lệ xã hội, thường lại khác người ở chỗ là họ thi hành đúng đắn nhiệm vụ của họ - dù rằng ngày nay, điều đó không đúng bằng cách đây 20 hay 30 năm. Ở hầu khắp mọi nơi, một số lớn những người trong hội đồng thành phố là đại biểu trực tiếp hay gián tiếp cho những người sở hữu các ngôi nhà thiếu vệ sinh và đồ nát. Việc bầu cử các hội đồng thành phố theo những khu nhỏ, làm cho những người trúng cử bị lệ thuộc vào những lợi ích địa phương và những ảnh hưởng nhỏ nhen nhất; không có một uỷ viên hội đồng thành phố nào muốn được trúng cử lần nữa mà lại dám bỏ phiếu tán thành việc thi hành đạo luật đó trong khu của mình. Do đó có thể hiểu được sự phản đối của những nhà đương cục địa phương đối với đạo luật đó ở hầu hết mọi nơi và từ trước đến nay đạo luật đó chỉ được thi hành trong những trường hợp xấu nhất - thường là khi một bệnh dịch đã

1) *Jobbery* nghĩa là lợi dụng một chức vụ công để làm lợi riêng cho bản thân hay gia đình mình. Chẳng hạn khi viên giám đốc bưu điện của một nước trở thành hội viên bí mật của một xưởng làm giấy, ông ta cấp gỗ rừng của ông ta cho xưởng đó và sau đó đặt xưởng đó cung cấp giấy cho các cơ quan của ông ta, thì đó là một job<sup>3\*</sup> tuy khá nhỏ, nhưng dù sao cũng thật là đẹp, trong chừng mực nó cho phép người ta hiểu được đầy đủ những nguyên tắc của jobbery: vả lại, ở thời đại Bít-xmác thì điều đó là dĩ nhiên và không nói cũng rõ. [Trên báo "Volksstaat" không có đoạn từ những chữ "vả lại, ở..." trở đi.]

1\* - công việc làm ăn.

phát sinh, như năm vừa qua ở Man-se-xơ và Xôn-phoóc, nơi mà bệnh đậu mùa hoành hành. Cho đến nay, việc thỉnh cầu bộ nội vụ chỉ có hiệu quả trong những trường hợp tương tự thôi. Vì nguyên tắc của mọi chính phủ *thuộc phái tự do* ở Anh là chỉ đề nghị những cuộc cải lương xã hội trong trường hợp cấp thiết và nếu có thể, là không thi hành những đạo luật đã có. Đạo luật nói đó, cũng như bao nhiêu đạo luật khác ở Anh, chỉ có một ý nghĩa là: khi nó nằm trong tay một chính phủ do những người lao động chi phối hoặc thúc đẩy, nên phải thật sự thi hành, thì đạo luật đó sẽ trở thành một vũ khí lợi hại để mở một đợt phá khẩu trong chế độ xã hội hiện nay.

"Thứ ba là" chính quyền nhà nước, theo ý kiến ông Dác-xơ "phải tiến hành một cách hết sức rộng rãi tất cả những biện pháp tích cực của mình để xoá bỏ nạn khủng hoảng nhà ở hiện hành".

Điều đó có nghĩa là nhà nước phải xây dựng các nhà ở nhiều căn hộ, "nhà ở kiểu mẫu thật sự", cho "những viên chức và những người phụ tá cấp dưới" của mình, (nhưng không phải là công nhân đâu!) và "cho các cơ quan thị chính, các đoàn thể và các cá nhân vay tiền để cải thiện nhà ở cho công nhân" (tr.203), giống như điều đã thực hiện ở Anh căn cứ vào đạo luật về việc cho vay để làm những việc công ích (Public Works Loan Act) và giống như điều mà Lu-i Bô-na-pác-tơ đã thực hiện ở Pa-ri và Muyn-hauden. Nhưng đạo luật về việc cho vay để làm những việc công ích chỉ có trên giấy tờ mà thôi; chính phủ bỏ ra nhiều nhất là 50 000 p.xt. cho các uỷ viên sử dụng, tức là chỉ đủ để xây dựng nhiều nhất là 400 nhà nhỏ; như vậy là trong 40 năm, nhiều nhất cũng chỉ xây dựng được 16 000 nhà nhỏ hay chỗ ở cho 80 000 người: một giọt nước trong một cái thùng! Cứ cho rằng sau 20 năm đầu, tiền vốn của các uỷ hội sẽ tăng lên gấp đôi nhờ những món tiền trả lãi, và do đó trong 20 năm sau người ta sẽ xây dựng nhà ở cho 40 000 người khác đi nữa, thì luôn luôn cũng vẫn là một giọt nước trong một cái thùng mà thôi. Vì những nhà nhỏ chỉ có thể dùng được trung bình là 40 năm, nên sau thời gian

đó thì cứ mỗi năm lại phải dùng một số tiền mặt 50 000 hay 100 000 p.xt. để thay những nhà nhỏ lâu đời nhất bị đổ nát. Đó là điều mà ông Dắc-xơ gọi là (tr.203) áp dụng nguyên tắc một cách đúng đắn và thực tiễn và "cũng không hạn chế". Và ông Dắc-xơ kết thúc cuốn sách của ông ta bằng lời thú nhận rằng ngay cả ở nước Anh, nhà nước cũng không hề thực hiện được một điều gì "một cách không hạn chế", nhưng đồng thời lại phóng thêm ra một bài thuyết giáo đạo đức cho tất cả những người hữu quan<sup>1)</sup>.

Nhà nước hiện nay không thể và cũng không muốn khắc phục nạn khan hiếm nhà ở, điều đó thật rõ như ban ngày. Nhà nước không phải là cái gì khác hơn là quyền lực tổng hợp có tổ chức của những giai cấp hữu sản, những địa chủ và những nhà tư bản, đối lập với những giai cấp bị bóc lột, những nông dân và công nhân. Điều gì mà cá nhân những nhà tư bản (ở đây chỉ nói đến những nhà tư bản, vì trong vấn đề này thì chủ đất hữu quan xuất hiện trước hết với tư cách là nhà tư bản) không muốn, thì nhà nước của họ cũng không muốn. Vì vậy, nếu quả có những *cá nhân* nhà tư bản than vãn về nạn khủng hoảng nhà ở nhưng cũng không nhúc nhích bao nhiêu để giảm bớt cái gọi là những hậu quả khủng khiếp của nạn khủng hoảng đó, thì những nhà tư bản

1) Mới đây, trong những đạo luật giao cho các nhà đương cục ở Luân Đôn phụ trách công việc xây dựng, quyền lấy đất nhằm mở thêm đường phố mới, Nghị viện Anh có quan tâm đôi chút đến những công nhân do đó mà bị đuổi ra khỏi nhà. Nghị viện đưa ra một điều khoản quy định rằng những ngôi nhà mới sẽ xây dựng phải thích hợp để thu nhận những giai cấp trong dân cư trước đã ở trong những ngôi nhà bị phá. Do đó người ta xây dựng cho công nhân những ngôi nhà lớn từ 5 đến 6 tầng, trên những miếng đất rẻ tiền nhất, và như thế là người ta đã tuân theo từng chữ của đạo luật. Vấn đề còn lại là xét xem cái lối bố trí nhà ở đó, cái lối bố trí rất lạ lùng đối với những người lao động và hoàn toàn dị thường đối với lối sống cổ truyền của những người dân Luân Đôn sẽ mang lại kết quả ra sao? Trong trường hợp tốt nhất, thì tối đa, cũng chỉ thu nhận được một phần tư những công nhân bị đuổi vì những kế hoạch mới. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1887*).

*gộp chúng lại*, tức là nhà nước, cũng sẽ không làm được gì hơn thế. Nhiều lắm thì nhà nước cũng sẽ chỉ chú ý làm cho ở khắp nơi đều nhất loạt thi hành cái biện pháp nhất thời bề ngoài, đã trở thành thông dụng. Và chúng ta đã thấy rằng trường hợp ở đây là đúng như thế.

Nhưng, - người ta có thể bác lại chúng ta, - ở Đức giai cấp tư sản chưa thống trị; ở Đức nhà nước vẫn còn là một quyền lực bay lượn độc lập trên xã hội ở một mức độ nhất định, vì thế nhà nước đại biểu cho toàn bộ lợi ích của xã hội đó chứ không phải đại biểu cho những lợi ích của riêng một giai cấp. Chắc chắn một nhà nước *như thế* có thể làm những việc mà nhà nước tư sản không có khả năng làm được; về mặt xã hội, người ta có thể mong đợi ở nhà nước đó những việc hoàn toàn khác hẳn.

Đó là giọng lưỡi của bọn phản động. Thật ra thì nhà nước hiện nay ở Đức cũng là sản phẩm tất nhiên của hạ tầng cơ sở xã hội đã sản sinh ra nó! Ở Phổ - và nước Phổ ngày nay có một vai trò quyết định - bên cạnh một giai cấp quý tộc vẫn có thể lực, gồm bọn đại địa chủ, còn có một giai cấp tư sản tương đối trẻ và đặc biệt hèn nhát, từ trước đến nay chưa hề chiếm được chính quyền một cách trực tiếp như ở Pháp, hoặc một cách ít nhiều gián tiếp như ở Anh. Nhưng bên cạnh hai giai cấp đó thì giai cấp vô sản, rất phát triển về mặt trí lực, tăng lên một cách nhanh chóng và ngày càng có tổ chức. Do đó, ở đây, chúng ta thấy có hai thế thăng bằng; thế thăng bằng giữa giai cấp địa chủ quý tộc và giai cấp tư sản, điều kiện căn bản của nền quân chủ chuyên chế cũ; và thế thăng bằng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, điều kiện căn bản của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ hiện đại. Nhưng, dưới nền quân chủ chuyên chế cũ cũng như dưới nền quân chủ hiện đại kiểu Bô-na-pác-tơ, chính quyền thật sự đều nằm trong tay của một đảng cấp đặc biệt gồm những sĩ quan và quan lại; ở nước Phổ, đảng cấp đó được bổ sung một phần bằng những người xuất thân trong chính hàng ngũ của đảng cấp đó, một phần nữa bằng những người xuất thân trong giai cấp

tiểu quý tộc, một phần rất ít bằng những người trong giai cấp đại quý tộc và phần ít nhất bằng những người xuất thân trong giai cấp tư sản. Sự độc lập của đẳng cấp đó, một sự độc lập có vẻ là ở bên ngoài và có thể nói là ở bên trên xã hội, làm cho nhà nước có cái vẻ là độc lập đối với xã hội.

Hình thức nhà nước đã phát triển ở nước Phổ (và, theo kiểu mẫu đó, trong hiến pháp mới của Đế chế Đức) từ những điều kiện xã hội mâu thuẫn đó và là hậu quả tất nhiên của những điều kiện xã hội đó, hình thức nhà nước đó là chế độ lập hiến giả hiệu; hình thức đó cũng đúng là hình thức hiện tại của nền quân chủ chuyên chế cổ xưa đang tan rã, và cũng là của nền quân chủ kiểu Bô-na-pác-tơ. Ở nước Phổ, từ năm 1848 đến năm 1866, chế độ lập hiến giả hiệu đó chỉ làm cái việc là che đậy và xoá nhoà quá trình mục nát dần dần của nền quân chủ chuyên chế, từ năm 1866 và nhất là từ năm 1870, xã hội đảo lộn, và sau đó nhà nước cũ tan rã trước mắt mọi người với một tốc độ ngày càng tăng lên một cách dị kỳ. Tất cả mọi giai cấp thống trị đều bị lôi cuốn vào trong cơn lốc của sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp và đặc biệt là của sự đầu cơ tại sở giao dịch. Sự hủ bại cao độ, nhập hồi năm 1870 từ nước Pháp, phát triển với một nhịp độ phi thường. Stơ-ru-xơ-béc và Pê-rây-rơ bắt tay nhau. Những bộ trưởng, tướng soái, công tước và bá tước thi đua đầu cơ với những tay đầu cơ Do Thái giáo quyết nhất, và nhà nước thừa nhận sự bình đẳng của những người Do Thái đó bằng cách phong hàng loạt chức nam tước cho họ. Giai cấp địa chủ - quý tộc, - từ lâu trở thành những nhà công nghiệp với những xưởng làm đường bằng củ cải đường và những xưởng cất rượu mạnh của họ, - đã sớm quên thời đại tốt đẹp trước kia và tên tuổi họ đã được ghi đầy trong những bản danh sách các giám đốc của đủ mọi công ty cổ phần, chẳng kể những công ty đó có vững hay không. Quan lại ngày càng không thèm trông cậy vào cái thủ đoạn duy nhất là hà lạm quỹ để cải thiện lương bổng của họ; họ bỏ rơi nhà nước và đuổi theo những chức vụ

trong cơ quan quản lý các xưởng công nghiệp là những chức vụ có lương bổng vô cùng nhiều hơn; những người còn tại chức, noi gương những thủ trưởng của họ, đều đầu cơ về cổ phần hoặc có "phần tham dự" về đường sắt, v.v...Thậm chí người ta cũng có lý do để nghĩ rằng chính bản thân những viên trung uý trẻ tuổi cũng nhúng tay vào nhiều vụ đầu cơ. Tóm lại, sự giải thể của mọi nhân tố của nhà nước cũ, bước quá độ từ nền quân chủ chuyên chế sang nền quân chủ kiểu Bô-na-pác-tơ, đang ở trong thời kỳ tiến triển mạnh, và đến cuộc khủng hoảng công thương nghiệp lớn sắp tới thì chẳng những sự đầu cơ hiện đại sẽ tan rã, mà toàn bộ nhà nước cũ của nước Phổ sẽ sụp đổ<sup>1)</sup>

Và nhà nước ấy, trong đó những phần tử không phải là tư sản ngày càng tư sản hoá hơn, liệu có giải quyết "vấn đề xã hội", hay ít ra cũng giải quyết vấn đề nhà ở không? Trái hẳn lại. Trong mọi vấn đề kinh tế, nhà nước Phổ ngày càng rơi vào tay giai cấp tư sản; và nếu từ năm 1866, việc lập pháp về phương diện kinh tế vẫn còn chưa trở thành thích hợp hơn với những lợi ích của giai cấp tư sản - như trường hợp hiện nay, - thì là lỗi tại ai? Chủ yếu là tại chính bản thân giai cấp tư sản, trước hết là vì nó quá hèn nhát trong việc kiên quyết bảo vệ những yêu sách của mình, và hai là vì nó phản đối mọi sự nhượng bộ khi sự nhượng bộ này đồng thời cung cấp những vũ khí mới cho giai cấp vô sản đáng sợ. Và nếu quyền lực của nhà nước, tức là Bít-xmác, định tạo ra một giai cấp vô sản của chính mình, trung thành với cá nhân mình, để do đó mà kiềm chế hoạt động chính trị của giai cấp tư sản, thì điều đó là cái gì nếu không phải là một thủ đoạn đáng thương theo kiểu Bô-na-pác-tơ, một thủ đoạn tất

1) Ngày nay, năm 1886, điều vẫn còn cản trở sự tan rã của nhà nước Phổ và của cơ sở của nó, tức sự liên minh - được thuê quan bảo hộ làm cho chặt chẽ - giữa giai cấp địa chủ và giai cấp tư bản công nghiệp, chỉ là sự sợ hãi trước giai cấp vô sản là giai cấp, từ năm 1872, đã phát triển một cách hết sức mạnh mẽ số lượng và về tinh thần giác ngộ giai cấp. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1887.*)

yếu và ai nấy đều biết, một thủ đoạn không hứa hẹn một điều gì với những người lao động, ngoài một vài khẩu hiệu suông đầy thiện ý, và nhiều lắm là hứa hẹn sự giúp đỡ tối thiểu của nhà nước cho những công ty xây dựng à la<sup>1\*</sup> Lu-i Bô-na-pác-tơ?

Không có gì chứng tỏ rõ điều mà những người lao động mong đợi ở nước Phổ hơn là việc nhà nước đó sử dụng hàng tỷ đồng tiền bồi thường của Pháp<sup>242</sup>, tức là khoản tiền này đã làm cho bộ máy nhà nước Phổ được độc lập thêm một thời gian ngắn ngủi nữa đối với xã hội. Thủ hồi đã có một đồng ta-le nào trong số tiền hàng tỷ ấy đã được dùng vào việc xây dựng nhà ở cho những gia đình lao động ở Béc-lin bị quẳng ra ngoài đường phố chưa? Trái hẳn lại. Khi mùa thu đến, nhà nước lại còn cho phá một vài túp lều tồi tàn đã dùng làm chỗ nương thân tạm thời cho những gia đình lao động đó trong mùa hè. Năm tỷ đồng ấy biến đi theo con đường cũ một cách quá nhanh chóng và biến thành pháo đài, đại bác và binh lính; và bất chấp Vác-ne-rơ<sup>243</sup>, bất chấp những cuộc hội nghị kiểu Sti-bơ với nước Áo<sup>244</sup>, trong số mấy tỷ đó, cái phần dùng cho công nhân Đức không bằng ngay cả số tiền mà Lu-i Bô-na-pác-tơ sử dụng cho công nhân Pháp, số tiền trích trong số hàng triệu mà hắn đã ăn cắp của nước Pháp.

### III

Trong thực tế, giai cấp tư sản chỉ có mỗi một phương pháp để giải quyết vấn đề nhà ở theo lối của họ, nghĩa là: giải quyết vấn đề đó như thế nào để mỗi lần giải quyết thì lại luôn luôn đề xuất vấn đề trở lại. Phương pháp đó là phương pháp "Ô-xman".

Ở đây, tôi hiểu danh từ "Ô-xman" không phải chỉ với nghĩa là một cách thức đặc biệt theo kiểu Bô-na-pác-tơ của Ô-xman ở Pa-ri là mở những con đường dài, thẳng và rộng chạy qua những khu công nhân đường sá chật hẹp, và xây dựng ở hai bên những

con đường ấy những ngôi nhà đồ sộ sang trọng; nhằm mục đích - ngoài tác dụng chiến lược của những con đường ấy là làm cho những cuộc chiến đấu ngoài đường phố trở nên khó khăn - là tạo ra một giai cấp vô sản của ngành xây dựng, đặc biệt có tính chất Bô-na-pác-tơ chủ nghĩa, lệ thuộc vào chính phủ, và là biến đổi thành phố thành một đô thị sang trọng. Ở đây, tôi hiểu danh từ "Ô-xman" theo nghĩa là một biện pháp phổ biến nhằm mở những đột phá khẩu vào những khu công nhân, nhất là vào những khu trung tâm của các thành phố lớn của chúng ta, vô luận là với lý do nào, lý do quan tâm đến vệ sinh công cộng, đến mỹ quan của thành phố, đến việc đáp ứng được yêu cầu có những ngôi nhà buôn bán lớn ở trung tâm, hoặc là yêu cầu của giao thông - như việc xây dựng đường sắt, đường phố, v.v.. Dù lý do là gì đi nữa thì kết quả ở đâu cũng giống nhau: những đường phố bé nhỏ và những ngõ hẻm ô ứ nhất bị thủ tiêu, và giai cấp tư sản rất lấy làm đắc chí về sự thành công to lớn ấy - nhưng những đường phố bé nhỏ và ngõ hẻm lại xuất hiện ngay lập tức ở chỗ khác và thường thường là ở ngay gần đấy.

Trong cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh", tôi đã miêu tả Man-se-xtơ, trong những năm 1843 - 1844. Từ đó đến nay, do việc kiến thiết đường sắt chạy qua thành phố, mở mang nhiều đường phố mới, xây dựng nhiều ngôi nhà lớn công và tư, nên một vài khu tồi tàn nhất miêu tả trong cuốn sách đó, đã được mở mang, giải toả, cải thiện, nhiều khu tồi tàn khác đã bị phá bỏ hoàn toàn, nhưng hiện nay, - mặc dầu các cơ quan vệ sinh kiểm soát chặt chẽ hơn, - vẫn còn tồn tại nhiều khu cũng tồi tàn như thế về mặt xây dựng, nếu không phải là tồi hơn. Trái lại, do sự phát triển lớn lao của thành phố, do số dân đã tăng lên hơn một nửa, nên ngày nay, các khu phố trước đây còn thoáng khí và sạch sẽ cũng đã đầy rẫy những nhà ở bẩn thỉu và chật chội hơn là những khu phố có tiếng là tồi tàn nhất trước đây. Đây chỉ là một thí dụ: trong cuốn sách của tôi, ở trang 80 và những trang tiếp theo, tôi nói đến một nhóm nhà ở nằm ở

1\* - theo kiểu

hạ lưu sông Mét-lốc; dưới cái tên *Tiểu Ai-rơ-len*, nhóm nhà ở đó đã là một cái nhọc cho Man-se-xtơ<sup>245</sup> từ bao năm nay rồi; Tiểu Ai-rơ-len đã biến mất đi từ lâu rồi; thay vào đó, người ta xây dựng một nhà ga xe lửa trên những nền móng rất cao; giai cấp tư sản khoe khoang về việc Tiểu Ai-rơ-len đã may mắn và vĩnh viễn biến đi, cho đó là một thắng lợi vĩ đại. Nhưng trong mùa hè vừa qua, đã xảy ra một nạn lụt khủng khiếp, vì nói chung, do những nguyên nhân rất dễ hiểu, những con sông có bờ đê trong những thành phố lớn của chúng ta hàng năm gây ra những nạn lụt ngày càng dữ dội. Lúc đó mới thấy rõ là Tiểu Ai-rơ-len không hề bị tiêu diệt, mà chỉ di chuyển từ phía Nam đường Ốc-xphốt lên phía Bắc và nó vẫn thịnh vượng. Hãy xem tờ "Manchester Weekly Times", cơ quan của giai cấp tư sản cấp tiến ở Man-se-xtơ, ra ngày 20 tháng Bảy 1872, đã nói gì với chúng ta về điều đó;

"Chúng tôi hy vọng rằng tai nạn gây thiệt hại cho dân cư ở hạ lưu sông Mét-lốc ngày chủ nhật vừa qua, sẽ mang lại *một* kết quả tốt là làm cho công chúng chú ý đến việc khinh thường một cách hiển nhiên tất cả những phép vệ sinh, và việc khinh thường này, từ rất lâu, lại được dung túng ở ngay trước mắt các viên chức thành phố và cơ quan vệ sinh. Hôm qua, trong tờ xuất bản hàng ngày của chúng tôi, một bài báo rần rỏi, nhưng vẫn còn quá yếu ớt, và vạch rõ tình trạng nhọc nhãi của một vài căn nhà hầm bị lụt ở trong các phố Sác-lơ và Brúc. Điều tra tỉ mỉ một trong những cái sân nêu trong bài báo đó, chúng ta có thể xác nhận mọi sự thật đã kể lại và tuyên bố rằng những căn nhà hầm đó đáng lẽ phải bị đóng cửa từ lâu rồi: hơn nữa, không bao giờ người ta nên để cho những hầm đó dùng làm nhà ở của loài người. Xquai-rơ Cốc gồm bảy hoặc tám ngôi nhà ở góc các phố Sác-lơ và ở ngay chỗ thấp nhất của phố Brúc, dưới gầm cầu của đường xe lửa, người ta có thể, ngày này sang ngày khác, qua lại nơi đó mà không ngờ rằng có những người đang sống ở đó, ở dưới đáy sâu, trong những cái hầm. Sân thì chẳng ai nhìn thấy và chỉ có những người mà nghèo khổ bắt buộc phải tìm một chỗ trú ở trong cái nơi hẻo lánh và giống như một cái mồ ấy, mới tới được cái sân đó. Ngay cả khi mà nước sông Mét-lốc. - thường là tù đọng và được những bao lớn ngăn lại, - ở mức thường đi nữa thì sân nhà của những chỗ ở đó cũng chỉ cao hơn mực nước được vài phân. Hễ có một trận mưa hơi to,

là dù để làm dâng lên một thứ nước hôi thối, lộn mửa, chảy từ cống, rãnh lên, thế là những chỗ ở cũng ngột ngạt những khí độc giống như thứ khí mà tất cả các trận lụt đã để lại sau khi rút xuống... Xquai-rơ Cốc lại còn ở thấp hơn những cái hầm bỏ hoang của những ngôi nhà ở phố Brúc... Thấp hơn mặt đường hai mươi pi-ê, thành thử ngày thứ bảy nước hôi hám từ cống dồn vào, lên đến mái nhà. Chúng ta đều biết như thế, và do đó, chúng ta định ninh là cái sân bị bỏ hoang, hoặc chỉ có những công chức của cơ quan vệ sinh đến để chùi rửa và tẩy uế những bức tường nhớp nhúa. Đáng lẽ như thế thì chúng ta lại thấy, trong cái nhà hầm của một anh thợ cạo, một người đang chất lên xe cút kít một đồng rác rưởi đang thổi rữa trong một xô... Người thợ cạo có cái hầm đã được dọn dẹp xong, liền đưa chúng tôi đến một dãy nhà ở còn thấp hơn nữa và nói rằng nếu anh ta biết viết thì anh ta sẽ viết lên báo yêu cầu đóng cửa dãy nhà đó. Như thế là cuối cùng chúng tôi đã đến Xquai-rơ Cốc, ở đó chúng tôi gặp một cô gái Ai-rơ-len xinh đẹp và tươi tắn, đang bận giặt giũ. Hai vợ chồng cô ta - chồng làm gác đêm cho các nhà tư, ở trong cái sân ấy từ sáu năm nay rồi, gia đình họ đông người. Trong cái nhà mà họ vừa rời bỏ, nước đã lên gần đến mái nhà, cửa sổ đều bị hỏng, những vật dụng trong nhà chỉ còn là một đồng đồ nát vụn. Muốn làm cho ngôi nhà không có mùi khó ngửi thì cứ hai tháng phải quét vôi lại một lần... Đi vào sân trong, người phóng viên của chúng tôi thấy ở đó có ba gian nhà dựa lưng vào cái nhà vừa mới được mô tả; hai gian đã có người ở. Mùi hôi thối rất khó chịu đến nỗi người khoẻ nhất cũng không thể tránh khỏi lộn mửa sau vài phút đồng hồ... Cái hang kinh tởm đó chứa một gia đình bảy người : tất cả đều ngủ trong nhà đêm thứ năm, tức là ngày có trận lụt thứ nhất. Hay nói cho đúng hơn, - người phụ nữ cải chính lại, - họ không ngủ, mà phải thức gần hết đêm để nôn mửa vì hôi thối. Ngày thứ bảy, họ phải lội nước lên đến tận ngực để đem con cái họ ra ngoài. Người phụ nữ cũng đồng ý là một con lợn cũng không thềm sống trong một cái hang như thế, nhưng chị ta vẫn ở đó vì tiền thuê nhà rẻ - 1 si-linh 1/2 một tuần - vả lại, trong những ngày vừa qua, chồng chị ốm nên thường thường không kiếm được xu nào... Cái sân đó và những dân cư giam mình trong đó như trong một cái ngôi mộ xây sẵn làm cho chúng tôi có ấn tượng đó là tình trạng vô cùng quẩn bách. Ngoài ra, cần nói thêm rằng sau cuộc điều tra. Xquai-rơ Cốc chỉ là hình ảnh - có lẽ hơi quá đáng - của rất nhiều nhà ở khác trong vùng này: và Ủy ban vệ sinh thì không thể biện bạch được cho sự tồn tại của những căn nhà đó được, và nếu người ta để

cho những căn nhà đó vẫn được tiếp tục sử dụng thì khỏi phải nói rằng Ủy ban sẽ hứng lấy trách nhiệm và vùng lân cận sẽ hứng lấy mối nguy cơ của bệnh dịch; chúng ta sẽ không bàn thêm về tình trạng nghiêm trọng của những bệnh dịch đó".

Đó là một thí dụ nổi bật về cách giai cấp tư sản đã thực tế giải quyết vấn đề nhà ở. Những ổ dịch, những căn hầm bẩn thỉu nhất, trong đó phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa giam hãm những người lao động của chúng ta đêm này sang đêm khác, những cái đó không phải là đã được xoá bỏ, mà chỉ... *được di chuyển đi nơi khác!* Ở đâu cũng vậy, những cái đó đều do cùng một tất yếu kinh tế đẻ ra cả. Và chừng nào mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa còn tồn tại thì ý định muốn giải quyết riêng vấn đề nhà ở hay mọi vấn đề xã hội khác có liên quan đến số phận của công nhân, quả là một sự điên rồ. Cách giải quyết là ở chỗ phải tiêu diệt phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là bản thân giai cấp công nhân phải chiếm hữu mọi tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt.

### PHẦN III

## BÀN THÊM VỀ PRU-ĐÔNG VÀ VẤN ĐỀ NHÀ Ở

### I

Trên tờ "Volksstaat" số 86, A. Muyn-béc-gơ tự giới thiệu là tác giả của những bài báo mà tôi đã phê phán trong số 51 và những số tiếp theo<sup>1\*</sup>. Trong bài trả lời của ông ta, ông ta không ngớt trách móc tôi và đồng thời làm rối mù tất cả các quan điểm, cho nên dù muốn dù không, tôi cũng cần phải trả lời ông ta. Rất tiếc là đại bộ phận bài trả lời lần này phải đặt trong phạm vi một cuộc luận chiến cá nhân do Muyn-béc-gơ đã buộc tôi phải tiến hành; tuy nhiên, tôi sẽ cố gắng làm cho bài này đem lại một hứng thú cho mọi người bằng cách lại phát triển một lần nữa và nếu có thể, phát triển rõ ràng hơn trước kia những điểm chủ yếu; dù chẳng may một lần nữa, tôi lại bị đối thủ của tôi cho biết là tất cả những điều này là "căn bản không có gì mới đối với ông ta cũng như đối với mọi bạn đọc khác của "Volksstaat".

Cả hình thức lẫn nội dung của bài phê phán của tôi đều không làm vừa lòng Muyn-béc-gơ. Về hình thức, tôi chỉ cần vắn lại rằng thời kỳ đó tôi hoàn toàn không biết ai đã viết những bài báo đó. Như vậy thì không thể bảo rằng đó là vấn đề "thành kiến" cá nhân đối với tác giả những bài báo đó; còn đối với giải pháp về vấn đề nhà ở được phát triển trong các bài báo đó thì đương nhiên là tôi có "thành kiến", vì nhờ Pru-đông, tôi đã biết nó từ lâu và ý kiến của tôi đã được xác định dứt khoát.

1\* Xem tập này, tr. 283 - 315.

Tôi không có ý định tranh luận với ông bạn Muyn-béc-gơ về cái "giọng" của bài phê phán của tôi. Khi người ta đã tham gia phong trào công nhân khá lâu như tôi thì người ta sẽ có một lớp da khá dày để chống lại những cuộc tấn công, và do đó người ta có xu hướng cho rằng người khác cũng có một lớp da như thế. Để làm vừa lòng ông Muyn-béc-gơ, lần này tôi sẽ cố dùng một cái "giọng" thích hợp với lớp da nhạy cảm của ông ta.

Muyn-béc-gơ than phiền một cách đặc biệt chua chát rằng tôi đã coi ông ta là người theo phái Pru-đông và ông ta quả quyết rằng ông ta không phải là người theo phái đó. Đương nhiên là tôi buộc phải tin ông ta, nhưng tôi sẽ đưa ra bằng chứng minh rằng những bài báo đó - và tôi chỉ nói đến những bài đó thôi - chỉ chứa đựng toàn có chủ nghĩa Pru-đông thuần túy mà thôi.

Nhưng, theo Muyn-béc-gơ thì tôi đã phê phán bản thân Pru-đông "một cách nông nổi", và hoàn toàn bất công đối với Pru-đông:

"Lý luận cho rằng Pru-đông là một người tiểu tư sản, đã trở thành một giáo điều rất kiên cố ở nước Đức, và thậm chí có nhiều kẻ truyền bá lý luận đó, lại không hề đọc qua một dòng nào của lý luận đó cả".

Khi tôi phàn nàn rằng từ hai mươi năm nay, những người lao động các nước la-tinh không có một món ăn tinh thần nào khác ngoài những tác phẩm của Pru-đông, thì ông Muyn-béc-gơ trả lời tôi rằng ở những người lao động đó "thì những nguyên lý do Pru-đông nêu ra tựa hồ như ở đâu đâu cũng đều là linh hồn sống của phong trào". Tôi buộc phải phủ nhận điều đó. Thứ nhất, "linh hồn sống" của phong trào công nhân không hề ở trong những "nguyên lý", mà ở khắp mọi nơi đều ở trong sự phát triển của nền công nghiệp lớn với những hậu quả của nó: một mặt là sự tích lũy và tập trung của tư bản, mặt khác là sự tích lũy và tập trung của giai cấp vô sản. Thứ hai: thật là không chính xác nếu nói rằng những cái gọi là "nguyên lý" của Pru-đông có tác dụng quyết định đối với những người lao động ở các nước la-tinh, tác dụng mà Muyn-béc-gơ đã gán cho những cái gọi là nguyên lý đó, và nếu nói rằng "ở

đó, những nguyên lý của tình trạng vô chính phủ, của l'organisation des forces économiques, của la liquidation sociale<sup>1\*</sup>, v.v., đã trở thành những trụ cột thật sự của phong trào cách mạng", thì nói như thế là không chính xác. Không nói gì đến Tây Ban Nha và I-ta-li-a, là những nơi mà môn thuốc vạ ứng của Pru-đông chỉ có được đôi chút ảnh hưởng dưới một hình thức mà Ba-cu-nin lại còn trình bày sai lệch đi nữa, thì tất cả những ai đã hiểu biết phong trào công nhân quốc tế, đều cũng thấy rõ ràng là ở Pháp, phái Pru-đông hợp thành một phái rất thừa thớt và quần chúng lao động Pháp hoàn toàn không muốn biết gì về kế hoạch cải lương xã hội do Pru-đông thảo ra dưới cái tên "Liquidation sociale và Organisation des forces économiques". Người ta đã thấy rõ điều đó dưới thời Công xã Pa-ri. Mặc dầu là phái Pru-đông có rất nhiều đại biểu ở đấy, nhưng tuyệt nhiên không hề có một mưu toan nào nhằm tiêu diệt xã hội cũ, hoặc tổ chức những lực lượng kinh tế theo đề án của Pru-đông. Hoàn toàn trái lại. Đó là một điều vinh quang của Công xã Pa-ri: trong những biện pháp kinh tế của Công xã, "linh hồn sống" không phải là những nguyên lý linh tinh nào đó, mà hoàn toàn chỉ là những nhu cầu thực tế. Chính vì thế mà những biện pháp - như xoá bỏ việc làm đêm trong các lò làm bánh mỳ, cấm những khoản phạt trong các công xưởng, tịch thu những công xưởng và xưởng thủ công đã đóng cửa và giao lại cho các hội liên hiệp công nhân - tuyệt nhiên là không phù hợp với tinh thần của Pru-đông, mà rất phù hợp với tinh thần của chủ nghĩa xã hội khoa học Đức. Biện pháp duy nhất mà những người theo phái Pru-đông đã làm cho người ta áp dụng là *không* tịch thu ngân hàng Pháp và một phần vì thế mà Công xã Pa-ri đã thất bại. Đối với những người gọi là theo phái Blăng-ki thì cũng vậy, ngay khi mà họ định biến từ những nhà cách mạng chính trị đơn thuần thành một phái công nhân xã hội chủ nghĩa có một cương lĩnh xác định - điều mà những

1\* - của việc tổ chức những lực lượng kinh tế, của sự tiêu diệt xã hội.



người theo phái Blăng-ki di cư đến Luân Đôn đã làm trong bản tuyên ngôn "Quốc tế và Cách mạng"<sup>246</sup> của họ - thì điều mà họ công bố không phải là những "nguyên lý" của kế hoạch Pru-đông về việc cứu vớt xã hội, mà trái lại là những quan điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học Đức hầu như là được theo đúng từng chữ một như: tính tất yếu của hoạt động chính trị của giai cấp vô sản và tính tất yếu của chuyên chính vô sản, coi đó là bước quá độ tiến tới xoá bỏ các giai cấp và cùng với việc xoá bỏ các giai cấp thì xoá bỏ nhà nước - hết như những quan điểm đã được nêu lên trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" và đã được nêu lên rất nhiều lần từ đó đến nay. Và nếu từ các việc người Đức không ưa chuộng Pru-đông mà Muyn-béc-gơ đi đến chỗ rút ra kết luận rằng họ không hiểu biết phong trào các nước la-tinh, "thậm chí và kể cả Công xã Pa-ri" nữa thì xin ông ta hãy đưa ra cho chúng ta một bằng chứng minh điều đó và cho chúng ta biết tên tác phẩm bằng chữ la-tinh nào đã phân tích và thuật lại, dù sơ qua thôi, Công xã Pa-ri một cách cũng chính xác như "Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng Quốc tế về cuộc nội chiến ở Pháp" của một người Đức là Mác.

Nước Bỉ là nước duy nhất mà phong trào công nhân bị ảnh hưởng trực tiếp của những "nguyên lý" của Pru-đông, vì thế nên phong trào đó, theo lời Hê-ghen, đi "từ không, qua không, đến không"<sup>247</sup>.

Nếu tôi coi việc Pru-đông, từ hai mươi năm nay, đã trực tiếp hay gián tiếp là món ăn tinh thần duy nhất của những người lao động nói tiếng la-tinh, là một điều bất hạnh, thì sở dĩ tôi tin như vậy, không phải là vì ưu thế hoàn toàn thần bí của những môn thuốc cải lương của Pru-đông - mà Muyn-béc-gơ gọi là những "nguyên lý" -, mà vì cái sự thật là: sự phê phán, về mặt kinh tế, của những người lao động đối với xã hội, đã bị tiêm nhiễm cái quan điểm hoàn toàn sai lầm của Pru-đông và hoạt động chính trị của họ đã bị ảnh hưởng của Pru-đông làm hư hỏng đi. Đối với vấn đề xét xem sau đó thì những "người lao động đã Pru-đông

hoá ở các nước la-tinh" hay những người Đức - vô luận thế nào thì những người Đức cũng hiểu chủ nghĩa xã hội khoa học Đức nhiều hơn là những người thuộc các nước la-tinh hiểu Pru-đông của họ - ai "ở trong cuộc cách mạng nhiều hơn" thì chúng tôi sẽ có thể trả lời, khi nào người ta đã giải thích cho chúng tôi hiểu thế nào là: "ở trong cuộc cách mạng". Người ta đã nghe nói đến những người "ở trong đạo Thiên chúa, trong sự tín ngưỡng chân chính, trong sự phù hộ của Thượng đế", v.v.. Nhưng "ở" trong cuộc cách mạng, trong cái phong trào mãnh liệt ấy! Phải chăng "cuộc cách mạng" là một giáo điều tín ngưỡng mà người ta phải tin theo?

Tiếp theo đó, Muyn-béc-gơ trách tôi là đã khẳng định, trái với lời lẽ rõ ràng trong tác phẩm của ông ta, rằng ông ta cho vấn đề nhà ở là một vấn đề thuần túy công nhân.

Lần này thì Muyn-béc-gơ quả là có lý. Tôi không để ý đến đoạn được nói đến đó, và như thế là không thể tha thứ được, vì đoạn đó là một trong những đoạn biểu thị được nhiều nhất đặc điểm của xu hướng của toàn bộ bản trình bày của ông ta. Thực tế, Muyn-béc-gơ nói một cách không bóng gió quanh co rằng:

"Vi người ta thường hay trách móc chúng tôi một cách *lố lăng* rằng chúng tôi tiến hành *chính trị giai cấp*, cầu mong một sự *thống trị giai cấp* và nhiều điều tương tự khác, cho nên trước hết, chúng tôi khẳng định rõ ràng là vấn đề nhà ở tuyệt nhiên không phải là vấn đề chỉ quan hệ đến giai cấp vô sản, mà hoàn toàn trái lại: nó có quan hệ lợi hại *rất nhiều đến những giai cấp trung đẳng chính cống*, những người làm nghề tiểu thủ công, giai cấp tiểu tư sản, toàn thể quan lại... Vấn đề nhà ở chính là vấn đề những cải lương xã hội, vấn đề này hình như là một trong những vấn đề có khả năng nhất trong việc phát hiện *sự đồng nhất tuyệt đối và sâu sắc giữa lợi ích của một bên là giai cấp vô sản và một bên khác là những giai cấp trung đẳng chính cống*. Những giai cấp trung đẳng đó cũng khổ sở về nạn phải đi thuê nhà ở, chẳng khác gì giai cấp vô sản, và *có lẽ còn nhiều hơn nữa*... Ngày nay, những giai cấp trung đẳng đó đang đứng trước vấn đề là xét xem nếu... liên minh với đảng trẻ tuổi, khỏe và kiên cường của những người lao động thì họ sẽ có đủ lực lượng để tham gia tích

cực vào quá trình cải tạo xã hội, trong đó, chính họ sẽ là những người đầu tiên được hưởng lợi".

Vì thế nên ông bạn Muyn-béc-gơ đã có những nhận xét như sau:

1) "Chúng tôi" không tiến hành "chính trị giai cấp" và chúng tôi cũng không hề cầu mong "sự thống trị giai cấp". Song Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức tất nhiên phải tiến hành "chính trị giai cấp", chính trị của giai cấp công nhân, chính là vì nó là một *đảng công nhân*. Vì tất cả các đảng chính trị đều ra sức giành chính quyền trong nhà nước, nên Đảng dân chủ - xã hội Đức tất nhiên cũng hy vọng xác lập được quyền thống trị *của mình*, quyền thống trị của giai cấp công nhân, tức là "sự thống trị giai cấp". Hơn nữa, *tất cả* các đảng vô sản chân chính, kể từ những người theo phái Hiến chương ở Anh, luôn luôn lấy chính trị giai cấp, lấy việc tổ chức giai cấp vô sản thành một chính đảng độc lập, làm điều kiện tiên quyết, và lấy chuyên chính vô sản làm mục đích phấn đấu gần nhất. Nói rằng điều đó là "lố lăng", như thế là Muyn-béc-gơ tự đặt mình ra ngoài phong trào vô sản và đứng vào hàng ngũ của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản.

2) Vấn đề nhà ở có cái thuận lợi này là nó không phải là một vấn đề thuần túy công nhân, mà là một vấn đề "có quan hệ lợi hại rất nhiều" đến giai cấp tiểu tư sản, vì "những giai cấp trung đẳng chính cống" cũng khổ sở về vấn đề ấy, "chẳng khác gì" giai cấp vô sản, mà "có lẽ còn nhiều hơn nữa". Nếu người nào đó tuyên bố rằng giai cấp tiểu tư sản, dù chỉ về một mặt nào đấy, chịu khổ sở "có lẽ nhiều hơn giai cấp vô sản", thì chắc chắn anh ta sẽ không kêu ca vào đâu được khi bị liệt vào hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản. Do đó, liệu Muyn-béc-gơ lấy gì để phàn nàn khi người ta xếp ông ta vào hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản? Lẽ nào ông ta lại có thể bất bình khi tôi nói rằng:

"Chính những tai họa đó, những tai họa chung cho giai cấp công nhân và nhiều giai cấp khác, cho giai cấp tiểu tư sản chẳng hạn, là những tai họa mà chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản - Pru-đông cũng theo chủ nghĩa này - thích quan tâm đến. Và do đó, tuyệt đối không phải ngẫu nhiên mà anh học trò người Đức của Pru-đông nắm lấy trước hết vấn đề nhà ở, là vấn đề, như chúng ta đã thấy, không phải chỉ liên quan đến độc một mình giai cấp công nhân"<sup>1\*</sup>.

3) Giữa những lợi ích của các "giai cấp trung đẳng chính cống" và những lợi ích của giai cấp vô sản, có một "sự đồng nhất tuyệt đối và sâu sắc", và "chính" những giai cấp trung đẳng đó "sẽ là những người đầu tiên được hưởng lợi" về quá trình cải tạo xã hội sắp tới đây, chứ không phải là giai cấp vô sản.

Vậy thì những người lao động sẽ tiến hành cuộc cách mạng xã hội sắp tới "chính" vì lợi ích của những người tiểu tư sản, "những người đầu tiên được hưởng lợi". Ngoài ra, còn có một sự đồng nhất tuyệt đối và sâu sắc giữa những lợi ích của những người tiểu tư sản và những lợi ích của giai cấp vô sản. Song, nếu những lợi ích của những người tiểu tư sản là đồng nhất sâu sắc với những lợi ích của công nhân, thì ngược lại, những lợi ích của công nhân cũng đồng nhất sâu sắc với những lợi ích của những người tiểu tư sản. Do đó, trong phong trào công nhân, quan điểm tiểu tư sản cũng chính đáng như quan điểm của những người vô sản. Và việc xác nhận sự bình đẳng ấy về quyền lợi chính là cái mà người ta gọi là chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản.

Do đó Muyn-béc-gơ đã hoàn toàn nhất quán khi trong trang 25 quyển sách của mình<sup>248</sup>, ông ta đã tán tụng "thủ công nghiệp" là "*cột trụ* chân chính của xã hội", "vì thủ công nghiệp, do chính ngay bản chất của nó, đã tập hợp trong bản thân nó ba yếu tố: lao động - thu lợi - chiếm hữu, và vì nhờ sự tập hợp của ba yếu

1\* Xem tập này, tr. 289 - 292.

tố đó mà năng lực phát triển cá nhân tuyệt nhiên không hề bị hạn chế". Ông ta cũng hoàn toàn nhất quán khi ông ta đặc biệt trách nên công nghiệp hiện đại là đã phá hoại cái cơ sở đào tạo những con người mới đó và đã biến "một giai cấp đầy sinh lực, không ngừng đổi mới, thành một *khối* người không tự giác, chẳng biết hướng cái nhìn lo âu của mình về phía nào cả". Do đó, anh tiểu tư sản là còn người điển hình của Muyn-béc-gơ và thủ công nghiệp là phương thức sản xuất kiểu mẫu của ông ta. Như thế thì khi tôi xếp ông ta vào hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản, có phải là tôi đã vu khống ông ta chăng?

Vì Muyn-béc-gơ khước từ tất cả mọi trách nhiệm về Pru-đông, nên cũng chẳng cần gì phải tiếp tục giải thích xem những kế hoạch cải lương của Pru-đông định biến tất cả những thành viên xã hội thành tiểu tư sản và tiểu nông như thế nào. Bàn cặn kẽ về cái gọi là sự đồng nhất về lợi ích giữa tiểu tư sản và công nhân, cũng hoàn toàn là điều vô ích. Điều căn bản đã được nói đến trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" (lần xuất bản ở Lai-pxích, 1872, tr. 12 và 21)<sup>249</sup>.

Do đó, kết quả của việc nghiên cứu của chúng ta là: bên cạnh "thần thoại hoang đường của anh tiểu tư sản Pru-đông" đã xuất hiện cái thực tế của anh tiểu tư sản Muyn-béc-gơ.

## II

Bây giờ chúng ta bàn tới một điểm chủ yếu. Tôi có trách những bài báo của Muyn-béc-gơ là đã xuyên tạc những quan hệ kinh tế, theo lối Pru-đông, bằng cách biểu hiện những quan hệ đó thành thuật ngữ pháp luật. Tôi trích đoạn sau đây làm ví dụ:

"Ngôi nhà, một khi được xây dựng xong, trở thành một *lý do pháp quyền vĩnh cửu* về một phần nhất định của lao động xã hội, ngay cả khi giá trị thực tế của ngôi nhà đã được trả một cách quá đầy đủ và từ lâu rồi, cho người sở hữu nhà, dưới hình thức tiền thuê nhà. Chính vì vậy mà một ngôi nhà được dựng lên, cách đây 50 năm

chẳng hạn, thì trong thời gian đó, tiền cho thuê nhà đã bù lại nhiều gấp 2, 3, 5, 10, v.v.. lần số tiền đã bỏ ra trước kia".

Rồi Muyn-béc-gơ than phiền rằng:

"*Lời nhận xét giản đơn và khách quan ấy về một sự thật* là một dịp để Ăng-ghen làm cho tôi thấy rằng đáng lẽ tôi phải giải thích xem ngôi nhà trở thành một "lý do pháp quyền" *như thế nào* một vấn đề hoàn toàn không phải là nhiệm vụ mà tôi tự đề ra cho mình... *Miêu tả* là một việc, *giải thích* lại là một việc khác. Nếu, sau Pru-đông, tôi nói rằng sinh hoạt kinh tế phải thối nát như một *quan niệm về pháp quyền* thì như thế là tôi *miêu tả* xã hội hiện tại là một xã hội không có *quan niệm về pháp quyền của cách mạng* chứ không phải là thiếu hẳn mọi quan niệm về pháp quyền, một sự thật mà chính bản thân Ăng-ghen cũng sẽ phải thừa nhận".

Trước hết, chúng ta hãy nói đến ngôi nhà đã được xây dựng xong. Khi nhà được đem cho thuê, nó mang lại cho người đã xây dựng nó một số địa tô, tiền chi phí về sửa chữa và lợi tức của tư bản đầu tư, kể cả lợi nhuận thu được dưới hình thức tiền thuê nhà; tùy theo hoàn cảnh, những món tiền đó có thể lên tới gấp 2, 3, 5, 10 lần giá thành lúc đầu. Điều này, ông bạn Muyn-béc-gơ ạ, là một "sự nhận xét giản đơn và khách quan", về một sự thật *kinh tế*; và nếu chúng ta muốn biết vì sao "lại như thế", thì phải hướng về địa hạt kinh tế mà nghiên cứu. Hãy khảo sát sự thật đó kỹ hơn một chút nữa để cho chính bản thân một đứa trẻ cũng không thể hiểu lầm được. Người ta biết rằng khi bán một món hàng, người sở hữu rời bỏ giá trị sử dụng của món hàng đó và thu về giá trị trao đổi của nó. Nếu những giá trị sử dụng của các món hàng không giống nhau, thì ngoài những lý do khác, cũng chính là vì sự tiêu thụ những món hàng đó đòi hỏi những thời gian khác nhau. Một ổ bánh mì biến đi trong một ngày, một chiếc quần sẽ mòn đi trong một năm, một ngôi nhà, trong một trăm năm chẳng hạn. Với những món hàng lâu hao mòn, người ta có thể bán giá trị sử dụng của nó từng phần, mỗi lần bán trong một thời gian nhất định, nói một cách khác là đem nó *cho thuê*. Do đó, việc bán từng phần chỉ có thể thực hiện được giá

trị trao đổi một cách dần dần thôi; vì không cần thu hồi ngay tức khắc tư bản đã bỏ ra và lợi nhuận do tư bản đó đem lại, nên người bán được đền bù bằng việc tăng giá lên và bằng một món tiền lãi mà tỷ suất là do những quy luật kinh tế chính trị quyết định, chứ tuyệt nhiên không phải là được quyết định một cách độc đoán. Sau một trăm năm, ngôi nhà đã hết thời, đã bị hỏng nát, không thể ở được. Nếu lúc đó, trong toàn bộ số tiền thuê nhà đã thu được, chúng ta trừ đi: 1) địa tô, với số tiền tăng lên nào đấy của địa tô trong thời gian đó; 2) những chi phí dùng vào việc sửa chữa trong thời gian đó, thì chúng ta sẽ thấy là số tiền còn lại, trung bình gồm có: 1. tư bản bỏ ra lúc đầu để xây dựng ngôi nhà, 2. lợi nhuận do tư bản đó đem lại, 3. những lợi tức của tư bản thu hồi dần và của lợi nhuận. Đành rằng sau thời gian đó thì người thuê nhà không có nhà, nhưng người sở hữu nhà cũng không có gì hơn. Người sở hữu nhà chỉ còn có miếng đất, nếu miếng đất đó thuộc quyền sở hữu của anh ta, và những vật liệu xây dựng còn nằm trên miếng đất đó nhưng không còn là một ngôi nhà nữa. Và nếu trong thời gian đó, ngôi nhà đã bù lại được "5 hay 10 lần số tiền chi phí bỏ ra lúc đầu", thì chúng ta sẽ thấy rằng đó chỉ là do tăng giá địa tô mà có; điều này không phải là một điều bí mật đối với những ai đã ở những nơi như ở những thành phố như Luân Đôn, là nơi mà địa chủ và chủ nhà thường là hai người khác nhau. Tình trạng tăng tiền thuê nhà cao như thế đều xảy ra trong những thành phố phát triển nhanh chóng<sup>1\*</sup>, chứ không xảy ra trong một làng nông nghiệp, ở đó tiền cho thuê đất để xây dựng nhà ở hầu như không thay đổi. Cho nên rõ ràng là trừ tiền tăng giá địa tô ra, thì trung bình hàng năm tiền thuê nhà không đem lại được hơn 7% tư bản đầu tư - kể cả lợi nhuận -, với số tiền đó lại còn phải trả tiền chi phí về sửa chữa, v.v.. Tóm lại, hợp đồng cho thuê nhà là một sự giao dịch buôn bán rất thông thường; đối với công nhân thì

1\* Trên tờ "Volksstaat" in là "trong những thành phố lớn phát triển nhanh chóng".

về mặt lý luận, sự giao dịch buôn bán đó cũng chỉ có quan hệ lợi hại như một sự giao dịch khác thôi, không hơn không kém - trừ vấn đề mua và bán sức lao động của mình ra thì không kể -, còn về mặt thực tiễn, sự giao dịch buôn bán đó là một trong muôn nghìn hình thức lừa đảo của giai cấp tư sản, mà tôi đã nói ở trang 4<sup>1\*</sup> của lần xuất bản thành sách riêng; nhưng như tôi đã chứng minh, những hình thức đó cũng phải chịu sự chi phối của những quy luật kinh tế. Muyn-béc-gơ chỉ thấy hợp đồng cho thuê nhà là "hành vi độc đoán" thuần túy (tr.19 của lần xuất bản thành sách riêng). Và khi tôi chứng minh cho ông ta thấy rằng trái lại thế mới đúng, thì ông ta phàn nàn rằng tôi nói với ông ta "toàn là những điều mà tiếc rằng ông ta đã biết cả rồi".

Nhưng với tất cả những sự nghiên cứu kinh tế về tiền thuê nhà, chúng ta cũng không sao biến được sự xoá bỏ tiền thuê nhà thành "một trong những công việc có kết quả nhất và vĩ đại nhất do những tư tưởng cách mạng đẻ ra". Muốn tiến hành tốt việc cải biến đó, chúng ta phải chuyển một sự kiện giản đơn của khoa kinh tế chính trị khách quan vào lĩnh vực pháp quyền, một lĩnh vực ý thức tư tưởng có trình độ cao hơn nhiều. "Ngôi nhà là một lý do pháp quyền vĩnh cửu" về tiền thuê nhà; "*chính vì thế*" mà giá trị của ngôi nhà có thể được trả gấp 2, 3, 5, 10 lần, dưới hình thức tiền thuê nhà. Muốn biết tại sao mà "lại như thế", thì cái "lý do pháp quyền" không làm cho chúng ta biết thêm được chút nào cả, vì thế tôi đã nói rằng chỉ có tìm hiểu xem ngôi nhà trở thành một lý do pháp quyền như thế nào thì Muyn-béc-gơ mới có thể hiểu được rằng *vì sao* mà "lại như thế". Chúng ta đã biết vì sao mà lại như thế, bằng cách nghiên cứu, như tôi đã làm, tính chất *kinh tế* của tiền thuê nhà, chứ đừng bực mình với cái thuật ngữ pháp luật mà giai cấp thống trị dùng để phê chuẩn tiền cho thuê nhà. Người nào đề nghị những biện pháp kinh tế để xoá bỏ tiền thuê nhà thì hình như cũng đã hiểu vấn

1\* Xem tập này, tr. 288 - 290.

đề đó hơn một chút so với định nghĩa nói rằng tiền thuê nhà "tiêu biểu cho công vật mà người thuê nhà nộp cho cái quyền vĩnh cửu của tư bản". Về điều đó, Muyn-béc-gơ lại trả lời tôi rằng: "Miêu tả là một việc, giải thích lại là một việc khác".

Như thế là chúng ta đã biến ngôi nhà, dù rằng ngôi nhà đó hoàn toàn không phải là vĩnh cửu, thành một lý do pháp quyền vĩnh cửu về tiền thuê nhà. Chúng ta thấy rằng - nguyên nhân khiến nó "Lại như thế" thì không quan trọng lắm - nhờ cái lý do pháp quyền đó mà ngôi nhà mang lại gấp bội giá trị của nó, dưới hình thức tiền thuê nhà. Do chuyển sang lĩnh vực thuật ngữ pháp luật, chúng ta đã gặp may là ở khá xa khoa kinh tế, để chỉ còn nhìn thấy hiện tượng là: một ngôi nhà có thể được trả dần làm nhiều lần bằng tổng số tiền thuê nhà. Vì chúng ta nghĩ và nói theo kiểu những nhà pháp luật học, nên chúng ta dùng tiêu chuẩn của pháp quyền, tiêu chuẩn của công lý mà xem xét hiện tượng đó, và chúng ta thấy rằng nó *bất công*, nó không thích hợp với "quan niệm về công lý của cách mạng", (như thế có nghĩa là gì?) và do đó, lý do pháp quyền là không có giá trị. Ngoài ra, chúng ta còn thấy rằng đối với tư bản sinh lợi và đối với đất đai nông nghiệp cho thuê thì cũng đều như vậy; và bây giờ, chúng ta đã có lý do để xếp những loại quyền sở hữu đó sang một bên và khảo sát chúng một cách đặc biệt. Việc khảo sát đặc biệt đó đòi hỏi: 1. tước bỏ của người sở hữu cái quyền đuổi người thuê, tức là tước bỏ quyền được đòi lại tài sản; 2. để cho người thuê, người vay nợ hay người tá điền được hưởng không cái đã trao cho anh ta và không thuộc quyền sở hữu của anh ta; 3. trả tiền dần cho sở hữu trong những kỳ hạn dài và không trả lãi. Như vậy là về mặt này, chúng ta đã nói hết những "nguyên lý" của Pru-đông. Chính đó là sự "thanh toán xã hội" của ông ta.

Luôn tiện xin nói thêm: rõ ràng là toàn bộ kế hoạch cải lương đó gần như chỉ hoàn toàn có lợi cho những người tiểu tư sản và những người tiểu nông, vì nó *củng cố* địa vị xã hội của những người đó. Ở đây, anh "tiểu tư sản Pru-đông", nhân vật thần thoại

đó theo con mắt của Muyn-béc-gơ, bỗng nhiên lại có một tính hiện thực lịch sử hoàn toàn cụ thể.

Muyn-béc-gơ nói tiếp:

"Nếu, sau Pru-đông, tôi nói rằng sinh hoạt kinh tế phải thấm nhuần một *quan niệm về công lý* thì như thế là tôi *miêu tả* xã hội hiện tại là một xã hội không có quan niệm về pháp quyền của cách mạng chứ không phải là thiếu hẳn mọi quan niệm về pháp quyền, một sự thật mà chính bản thân Ăng-ghe-n cũng sẽ phải thừa nhận".

Tiếc rằng tôi không thể làm cho Muyn-béc-gơ hài lòng như thế được. Ông ta yêu cầu là xã hội *nen* thấm nhuần một quan niệm về công lý và ông ta gọi đó là một sự miêu tả. Nếu toà án phải mở toà đến buộc tôi phải trả một món nợ thì theo lời như Muyn-béc-gơ, như thế là toà án chỉ làm cái việc là *miêu tả* tôi là một người không trả nợ mà thôi! Miêu tả là một việc, đòi hỏi lại là một việc khác. Sự khác nhau chủ yếu giữa Pru-đông và chủ nghĩa xã hội khoa học Đức chính là ở chỗ đó. Chúng tôi miêu tả - và bất chấp ý kiến của Muyn-béc-gơ, mọi sự miêu tả chân thật đều là một sự giải thích những quan hệ kinh tế y như chúng đang tồn tại và cách chúng phát triển, và chúng tôi chứng minh thật chặt chẽ về mặt kinh tế rằng sự phát triển của những quan hệ kinh tế, đồng thời cũng là sự phát triển của những nhân tố của một cuộc cách mạng xã hội: một mặt là sự phát triển của một giai cấp, giai cấp vô sản mà hoàn cảnh sinh hoạt tất nhiên sẽ đẩy đến cách mạng xã hội; mặt khác, là sự phát triển của những lực lượng sản xuất, là những lực lượng nhất định phải làm nổ tung cái khuôn khổ của xã hội tư bản chủ nghĩa, vì cái khuôn khổ này đã trở thành quá chật hẹp đối với chúng, và là những lực lượng đồng thời cung cấp những thủ đoạn để vĩnh viễn thủ tiêu những sự phân biệt giai cấp, vì lợi ích của bản thân sự tiến bộ xã hội. Trái lại, Pru-đông đòi hỏi xã hội hiện tại phải tự cải biến, không phải theo những quy luật phát triển kinh tế riêng của xã hội, mà là theo những quy định của chính nghĩa ("*quan niệm pháp quyền*" không phải của ông ta, mà là của

Muyn-béc-gơ). Ở chỗ nào mà chúng ta đưa ra những bằng chứng thì ở chỗ đó Pru-đông, và cả Muyn-béc-gơ, *thuyết giáo* và than vãn.

"Quan niệm pháp quyền của cách mạng" là cái gì, điều đó đối với tôi vẫn còn là một điều bí ẩn. Đúng là coi "cuộc cách mạng" là một thứ thần linh thể hiện và thi hành "công lý" của ông ta, nhưng đồng thời ông ta phạm một sai lầm lạ kỳ là đã lẫn lộn cuộc Cách mạng tư sản 1789 - 1794 với cuộc Cách mạng vô sản tương lai. Trong hầu hết những tác phẩm của ông ta, nhất là từ năm 1848 trở đi, đều thấy có sự lẫn lộn như thế; tôi chỉ xin nêu lên làm ví dụ cuốn "Tư tưởng chung của cách mạng" (xuất bản năm 1866, tr. 39 - 40)<sup>250</sup>. Tuy nhiên, vì khi nói đến Pru-đông thì Muyn-béc-gơ từ chối không nhận trách nhiệm, dù trách nhiệm đó như thế nào đi nữa, cho nên tôi không thể xuất phát từ Pru-đông để giải thích "quan niệm về công lý của cách mạng" và do đó tôi vẫn hoàn toàn ở trong vòng tối tăm.

Muyn-béc-gơ nói tiếp:

"Nhưng cả Pru-đông và tôi, chẳng ai kêu gọi đến "công lý vĩnh cửu" để *giải thích* những tình trạng bất công hiện nay, hoặc - như Ăng-ghen đã gán cho tôi - để mong rằng lời kêu gọi đó sửa chữa những tình trạng bất công đó".

Chắc chắn là Muyn-béc-gơ cũng dựa vào sự thật là "ở Đức có thể nói là hoàn toàn không có ai biết đến Pru-đông. Trong tất cả mọi tác phẩm của mình, Pru-đông đều dùng "công lý" làm tiêu chuẩn để xem xét mọi nguyên tắc xã hội, pháp quyền, chính trị, tôn giáo<sup>1\*</sup>, và ông ta thừa nhận hay bác bỏ những nguyên tắc ấy tùy theo những nguyên tắc ấy có phù hợp hay không phù hợp với cái mà ông ta gọi là "công lý". Trong cuốn "Mâu thuẫn kinh tế"<sup>251</sup>, công lý đó còn được gọi là "công lý vĩnh cửu". Sau này, tính vĩnh cửu

1\* Trên tờ "Volksstaat", thay cho những chữ "mọi nguyên tắc xã hội, pháp quyền, chính trị, tôn giáo" là những chữ: "mọi điều kiện xã hội, pháp quyền, chính trị. mọi nguyên tắc lý luận, triết học, tôn giáo".

không được nói đến nữa, nhưng vẫn còn tồn tại trong thực tế. Chẳng hạn như trong cuốn "Bàn về công lý trong cách mạng và trong giáo hội" (xuất bản năm 1858)<sup>252</sup>, đoạn sau đây là nội dung của toàn bộ thuyết giáo gồm 3 tập (tập I, tr. 41):

"Nguyên lý nào là nguyên lý cơ bản, nguyên lý có tính chất hữu cơ, có tính chất điều tiết, tối cao của các xã hội, nguyên lý, do chi phối mọi nguyên lý khác, nên chỉ đạo, bảo hộ, đẩy lùi sửa chữa, và thậm chí, khi cần thiết bóp chết những nhân tố phản nghịch?... Có phải là tôn giáo, lý tưởng, *lợi ích* không?... Theo tôi thì nguyên lý đó là *công lý*, - Công lý là gì? *Nó chính là bản chất của loài người*. Từ khi khai thiên lập địa đến nay, nó là cái gì? Chẳng là cái gì cả. - Nó sẽ phải là cái gì? Tất cả".

Một công lý, với tư cách là bản chất của loài người, là cái gì, nếu không phải là công lý *vĩnh cửu*. Công lý, với tư cách là nguyên lý cơ bản, có tính chất hữu cơ, có tính chất điều tiết tối cao của xã hội, và tuy vậy, từ trước đến nay vẫn chưa là cái gì cả, nhưng lại phải là tất cả, là cái gì, nếu không phải là tiêu chuẩn dùng để xem xét tất cả những sự việc của loài người, nếu không phải là trọng tài tối cao mà người ta phải viện đến trong tất cả mọi cuộc tranh chấp? Đã có bao giờ tôi nói điều gì khác điều này chưa: Pru-đông giấu cái dốt và sự bất lực về kinh tế của ông ta, khi ông ta xem xét mọi quan hệ kinh tế không phải căn cứ vào những quy luật kinh tế, mà căn cứ vào chỗ xem những quan hệ kinh tế đó có phù hợp hay không phù hợp với quan niệm về công ty vĩnh cửu của ông ta? Và Muyn-béc-gơ khác Pru-đông ở chỗ nào khi ông ta đòi rằng: "tất cả những cuộc biến đổi trong xã hội hiện đại... phải thấm nhuần một *quan niệm về công lý*, nghĩa là ở khắp mọi nơi, những cuộc biến đổi ấy đều phải được thực hiện theo những *yêu cầu nghiêm ngặt của công lý*?" Phải chăng là tôi không biết đọc, hay là Muyn-béc-gơ không biết viết?

Muyn-béc-gơ nói tiếp:

"Hoàn toàn cũng như Mác và Ăng-ghen, Pru-đông biết rằng động cơ thật sự của xã hội loài người là những quan hệ kinh tế chứ không phải là những quan hệ pháp

quyền: ông ta cũng biết rằng những quan niệm của một dân tộc về công lý chỉ là biểu hiện, hình ảnh, sản phẩm của những quan hệ kinh tế, đặc biệt là của những quan hệ sản xuất... Tóm lại, đối với Pru-đông, công lý là một sản phẩm kinh tế đã trở thành sản phẩm của lịch sử".

Nếu Pru-đông biết tất cả những điều đó (tôi sẽ không nhấn mạnh những thuật ngữ khó hiểu của Muyn-béc-gơ làm gì mà sẽ chỉ nói đến những thiên ý của ông ta)... nếu "cũng hoàn toàn như Mác và Ăng-ghen", Pru-đông biết hết tất cả mọi điều đó, thì hà tất chúng ta lại còn phải tranh luận với nhau làm gì? Nhưng, chính cái điều mà Pru-đông biết cũng hơi khác một chút. Những quan hệ kinh tế của một xã hội nhất định nào đó biểu hiện trước hết dưới hình thức lợi ích. Song, trong đoạn trích dẫn trên kia trong tác phẩm chủ yếu của ông ta, Pru-đông dùng những lời chính xác để nói với chúng ta rằng "nguyên lý cơ bản, có tính chất điều tiết, hữu cơ, tối cao của xã hội, chi phối mọi nguyên lý khác" không phải là *lợi ích*, mà là *công lý*. Và ông ta nhắc lại điều đó trong tất cả những đoạn quan trọng của mọi tác phẩm của ông ta. Điều đó không ngăn cản Muyn-béc-gơ tiếp tục nói rằng:

"...quan niệm về công lý kinh tế, như Pru-đông đã phát triển hết sức sâu sắc trong cuốn "Chiến tranh và hoà bình", là hoàn toàn ăn khớp với những quan điểm cơ bản của Lát-xan, những quan điểm mà Lát-xan đã trình bày rất rõ ràng trong lời tựa viết cho cuốn "Hệ thống những quyền đã đạt được".

Cuốn "Chiến tranh và hoà bình"<sup>253</sup> có lẽ là tác phẩm ấu trĩ nhất trong số rất nhiều tác phẩm ấu trĩ của Pru-đông: vô luận thế nào tôi cũng không hy vọng có thể dùng cuốn ấy để chứng minh cái gọi là sự hiểu biết của Pru-đông về quan điểm duy vật của Đức về lịch sử là quan điểm dùng những điều kiện sinh hoạt vật chất, những điều kiện kinh tế của một thời kỳ lịch sử nhất định để giải thích tất cả những sự biến và những khái niệm lịch sử, chính trị, triết học, tôn giáo. Cuốn sách đó ít có tính chất duy vật đến nỗi ông ta không thể nào xây dựng nổi quan điểm

của mình về chiến tranh, mà không phải cần cứu đến *đấng tạo hóa*.

"Vả lại, đấng tạo hoá cũng có những lý do để lựa chọn cho chúng ta cái phương thức sinh hoạt đó" (tập II, tr.100 của lần xuất bản năm 1869).

Việc ông ta tin tưởng có sự tồn tại lịch sử của thời đại hoàng kim, đã chứng tỏ sự hiểu biết của ông ta về lịch sử như thế nào, sự hiểu biết mà ông ta đã dùng làm chỗ dựa để viết cuốn sách của ông ta:

"Ban đầu, khi loài người còn thưa thớt trên trái đất, giới tự nhiên đã thoả mãn những nhu cầu của họ một cách dễ dàng. Đó là thời đại hoàng kim, thời đại phong phú và hoà bình" (cũng tác phẩm đó, tr.102).

Quan điểm kinh tế của ông ta là quan điểm của chủ nghĩa Man-tút thô sơ nhất:

"Nếu sản xuất tăng lên gấp đôi thì rồi dân cư cũng sẽ tăng lên gấp đôi" (tr.106).

Như vậy, chủ nghĩa duy vật của tác phẩm đó là ở chỗ nào? Ở quan điểm cho rằng từ trước đến nay, "sự bần cùng hoá" bao giờ cũng vẫn là nguyên nhân gây ra chiến tranh (ví dụ tr.143). Chú Brê-xích thật cũng là một nhà duy vật tuyệt diệu chẳng kém, khi chú điem tĩnh đọc trong bài diễn văn năm 1848 những lời rần rở sau đây: "Sự nghèo nàn cực độ là nguyên nhân của sự pauvreté<sup>1\*</sup> cực độ".

Cuốn "Hệ thống những quyền đã đạt được"<sup>254</sup> của Lát-xan không những bị tiêm nhiễm ảo tưởng của nhà luật học, mà cũng còn bị tiêm nhiễm ảo tưởng của phái Hê-ghen già nữa. Ông ta tuyên bố rất rõ ràng (tr.VII) rằng "*về mặt kinh tế*" cũng thế, "khái niệm về quyền đã đạt được là nguồn động lực của mọi sự phát triển sau này". Ông ta muốn chứng minh rằng "pháp quyền là một cơ thể hợp lý, phát triển *từ bản thân nó*" (như vậy là không phải từ những điều kiện kinh tế tiên quyết) (tr.XI); đối với ông ta,

1\* - khốn cùng

vấn đề không phải là chứng minh rằng pháp quyền bắt nguồn từ những quan hệ kinh tế, mà bắt nguồn từ "bản thân khái niệm về ý chí, triết học pháp quyền chỉ là sự phát triển và sự phản ánh của khái niệm đó mà thôi" (tr.XII). Như vậy thì cuốn sách đó có tác dụng gì đây? Pru-đông và Lát-xan chỉ khác nhau ở mỗi một điểm: Lát-xan là nhà luật học thực sự và là người thực sự theo phái Hê-ghen; còn Pru-đông thì, về mặt pháp luật và mặt triết học, cũng như về nhiều mặt khác, chỉ hoàn toàn là một tay tài tử mà thôi.

Không phải là tôi không biết rằng Pru-đông, con người không ngừng mâu thuẫn với bản thân, có lúc đã phát biểu đây đó một vài ý kiến khiến người ta có cảm tưởng rằng ông ta đã căn cứ vào sự việc để giải thích các quan niệm. Những ý kiến cá biệt ấy hoàn toàn không có quan hệ gì với khuynh hướng cơ bản trong tư tưởng của ông ta; hơn nữa, khi những ý kiến ấy xuất hiện thì đó là những ý kiến cực kỳ mơ hồ và không lô-gích.

Ở một giai đoạn rất cổ sơ nào đấy của sự phát triển của xã hội, người ta thấy phát sinh nhu cầu phải tập hợp, dưới một quy tắc chung, những hành vi sản xuất, phân phối và trao đổi sản phẩm, những hành vi này cứ tái diễn hàng ngày, và phải làm thế nào để mọi người phải phục tùng những điều kiện chung của sản xuất và trao đổi. Quy tắc đó, thoạt tiên là thói quen, sau đó trở thành *pháp luật*. Có pháp luật, thì những cơ quan có nhiệm vụ duy trì pháp luật đó tất phải xuất hiện: quyền lực công cộng, tức là nhà nước. Trong tiến trình phát triển sau này của xã hội, pháp luật phát triển thành một việc lập pháp ít nhiều rộng rãi. Việc lập pháp càng phức tạp bao nhiêu, thì thuật ngữ của nó càng xa rời thuật ngữ biểu hiện những điều kiện kinh tế thông thường của xã hội bấy nhiêu. Lúc đó, việc lập pháp ấy xuất hiện như một nhân tố độc lập mà lý do tồn tại và cơ sở của sự tiến triển sau này của nó không xuất phát từ những điều kiện kinh tế, mà từ chính những nguyên nhân sâu sắc của bản thân nó hay có thể nói là từ "khái niệm về ý chí". Người ta quên rằng

pháp quyền của người ta bắt nguồn từ những điều kiện sinh hoạt kinh tế của người ta, chẳng khác nào người ta đã quên rằng bản thân người ta là từ ở giới động vật mà ra. Cùng với việc lập pháp phát triển thành một tổng thể phức tạp và rộng rãi, sự phân công mới trong xã hội cũng trở thành tất yếu; một đẳng cấp những nhà luật học chuyên nghiệp hình thành và đồng thời khoa luật học cũng ra đời. Trong quá trình phát triển, khoa luật học so sánh những hệ thống pháp luật của các dân tộc và của các thời đại, hoàn toàn không coi những hệ thống pháp luật đó là hình ảnh của những quan hệ kinh tế trong giai đoạn đương thời, mà coi đó là những hệ thống có lý do tồn tại trong ngay bản thân nó. Song, sự so sánh giả định một nhân tố chung; những nhà luật học làm cho nhân tố đó xuất hiện bằng cách lấy những nét ít nhiều có tính chất chung trong tất cả những hệ thống đó mà lập ra *pháp quyền tự nhiên*. Và tiêu chuẩn dùng để xét xem cái gì là pháp quyền tự nhiên và cái gì không phải là pháp quyền tự nhiên, lại chính là sự biểu hiện hết sức trừu tượng của bản thân pháp quyền, tức là *công lý*. Từ lúc đó, đối với những nhà luật học và những người tin lời họ nói, thì sự phát triển của pháp quyền chỉ còn là sự cố gắng nhằm luôn luôn làm cho điều kiện sinh hoạt của loài người, trong biểu hiện pháp quyền của nó, tiến gần tới lý tưởng của công lý, của công lý *vĩnh cửu*. Và công lý luôn luôn chỉ là biểu hiện trên lĩnh vực quan niệm và siêu hình, của những điều kiện kinh tế hiện có, khi thì về phương diện bảo thủ, khi thì về phương diện cách mạng của những điều kiện kinh tế đó. Công lý của người Hy Lạp và người La Mã cho rằng chế độ nô lệ là công bằng: công lý của những nhà tư sản năm 1789 đòi hỏi thủ tiêu chế độ phong kiến, vì chế độ ấy không công bằng. Đối với những địa chủ - quý tộc Phổ thì ngay cả cái sắc lệnh đáng ghét về việc tổ chức các khu cũng là một sự vi phạm công lý vĩnh cửu. Do đó, khái niệm về công lý vĩnh cửu biến đổi, chẳng những cùng với thời gian và không gian, mà cả cùng với bản thân con người nữa. Như Muyn-béc-gơ nhận xét rất



đúng, những khái niệm đó là một bộ phận của những sự vật mà "mỗi người hiểu một cách". Trong sinh hoạt hàng ngày, vì những quan hệ mà người ta cần nhận xét là những quan hệ giản đơn, nên những từ ngữ như công bằng, không công bằng, công lý, ý thức về pháp quyền, đều được chấp nhận mà không dẫn tới sự hiểu lầm nào cả, ngay cả khi những từ ngữ đó được áp dụng vào những hiện tượng xã hội: còn trong việc nghiên cứu khoa học về những quan hệ kinh tế, thì như chúng ta đã thấy, những từ ngữ đó gây ra cũng một sự lẫn lộn tai hại như sự lẫn lộn đã xảy ra hiện nay trong hoá học chẳng hạn, nếu người ta muốn giữ lại cái thuật ngữ của thuyết phlô-gi-xtông. Sự lẫn lộn lại càng nghiêm trọng hơn nữa khi người ta tin, như Pru-đông, vào cái phlô-gi-xtông xã hội ấy, tức là "công lý", hay khi người ta khẳng định, như Muyn-béc-gơ, rằng thuyết phlô-gi-xtông và thuyết ô-xy đều có căn cứ như nhau<sup>1)</sup>.

### III

Ngoài ra, Muyn-béc-gơ còn phàn nàn rằng tôi đã gọi bài công kích "khoa trương" của ông ta là một lời oán thán phản động; trong bài đó, ông ta nói rằng:

---

1) Trước khi tìm ra ô-xy, những nhà hoá học giải thích hiện tượng những vật thể cháy trong không khí bằng cách giả định có một nhiên tố đặc biệt, là phlô-gi-xtông (phlogiston): khi vật thể bị đốt cháy thì nhiên tố này thoát ra. Vì thấy rằng những vật thể giản đơn khi bị đốt cháy, lại cân nặng hơn khi chưa bị đốt, các nhà hoá học giải thích rằng chất phlô-gi-xtông có một trọng lượng âm tính, do đó một vật thể không có chất phlô-gi-xtông cân nặng hơn một vật thể có chất phlô-gi-xtông. Thế là óc tưởng tượng đã gán dần dần cho chất phlô-gi-xtông những đặc tính của ô-xy, nhưng theo chiều *ngược lại*. Sự phát hiện rằng hiện tượng cháy là sự hỗn hợp những vật thể đang cháy với một vật thể khác tức là ô-xy, và sự chế tạo ô-xy đã chấm dứt giả thuyết đó, nhưng chỉ là sau một cuộc kháng cự lâu dài của các nhà hoá học nhiều tuổi hơn.

"Đối với toàn bộ nền văn minh của thế kỷ được ca tụng biết bao của chúng ta, không có điều nhạo báng nào mà lại ghê gớm hơn sự thật này: trong những thành phố lớn, 90% dân cư và thậm chí nhiều hơn nữa, không có lấy một chỗ ở nào khả dĩ coi là sở hữu của họ được".

Thật vậy, nếu Muyn-béc-gơ chỉ miêu tả "thảm trạng của thời đại hiện nay", như ông ta cho là như thế, - thì chắc chắn là tôi đã không chê bai "ông ta cũng như những bài diễn văn khiêm tốn của ông ta". Nhưng việc làm của ông ta lại hoàn toàn khác hẳn. Ông ta miêu tả "thảm trạng" đó như là *kết quả* của tình trạng những người lao động "*không có lấy một chỗ ở nào khả dĩ coi là sở hữu của họ*". Cứ để cho người ta phàn nàn rằng "thảm trạng của thời đại hiện nay" là do chỗ quyền sở hữu của công nhân về ngôi nhà của họ đã bị xoá bỏ, hoặc như những quý tộc nông thôn đã phàn nàn rằng do chỗ chế độ phong kiến và những phường hội đã bị thủ tiêu: trong hai trường hợp, kết quả chỉ là một lời oán thán phản động, một lời than vãn về sự phát sinh ra điều không thể tránh được, là tất yếu trong lịch sử. Điều phản động, chính là muốn, như Muyn-béc-gơ, phục hồi lại cho công nhân quyền sở hữu cá nhân một ngôi nhà: một vấn đề mà lịch sử đã xoá bỏ từ lâu; là không thể nghĩ ra cách nào khác để giải phóng những người lao động, ngoài cái cách làm cho mỗi người lao động lại trở thành người sở hữu một ngôi nhà.

Ông ta nói tiếp:

"Tôi khẳng định kiên quyết rằng cuộc đấu tranh thực sự là cuộc đấu tranh để chống lại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. và *chỉ có thay đổi phương thức sản xuất đó* thì mới có thể hy vọng cải thiện được những điều kiện về nhà ở. Ăng-ghen không thấy tí gì về tất cả điều đó... Tôi giả định là toàn bộ vấn đề xã hội đã được giải quyết xong trước khi có thể đề cập đến vấn đề mua lại nhà ở".

Tiếc rằng mãi đến ngày nay, tôi cũng vẫn chưa thấy một tý gì về tất cả điều đó. Tuy nhiên tôi không thể đoán được điều giả định của một người không quen biết mà thậm chí tôi không biết tên nữa. Tôi chỉ có thể căn cứ vào những bài báo đã đăng

của Muyn-béc-gơ thôi. Và mãi đến ngày nay, tôi cũng vẫn thấy rằng (tr.15 và 16 của lần xuất bản thành sách riêng) trước khi có thể đề cập đến vấn đề mua lại nhà ở, ông ta không giả định cái gì khác... ngoài chính bản thân nhà ở ra. Chỉ ở trang 17, ông ta mới tấn công "kiên quyết vào năng suất của tư bản", một vấn đề mà chúng ta sẽ lại bàn đến sau này. Và ngay bài trả lời của ông ta cũng đã xác nhận điều đó, khi ông ta nói:

"Vấn đề lúc đó chính là chứng tỏ xem, *xuất phát từ hoàn cảnh hiện có*, người ta có thể cải biến hoàn toàn vấn đề nhà ở như thế nào".

"Xuất phát từ hoàn cảnh hiện có" và "xuất phát từ việc thay đổi" (tức là: xoá bỏ) phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: dù sao đó cũng là hai điều hoàn toàn khác nhau.

Không đáng lấy làm ngạc nhiên rằng Muyn-béc-gơ than phiền khi tôi thấy rằng những ý đồ từ thiện của các ông Đôn-phu-xơ và của các chủ công xưởng khác muốn giúp cho những người lao động có được nhà ở, là khả năng thực tế duy nhất để thực hiện những kế hoạch kiểu Pru-đông của ông ta. Nếu ông ta có thể thấy được rằng kế hoạch của Pru-đông nhằm cứu vớt xã hội là một ảo tưởng hoàn toàn dựa trên cơ sở xã hội *tư sản*, thì tự nhiên là ông ta sẽ không tin ở kế hoạch đó. Chưa bao giờ và chẳng có chỗ nào mà tôi lại nghi ngờ thiện ý của ông ta cả. Nhưng tại sao ông ta lại ca ngợi tiến sĩ Rê-sau-rơ là đã đề nghị Hội đồng thành phố Viên phỏng theo kế hoạch Đôn-phu-xơ?

Muyn-béc-gơ lại tuyên bố:

"Đặc biệt là đối với sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, ý nghĩ muốn tiêu diệt sự đối lập đó chỉ là một ảo tưởng. Sự đối lập đó là một sự đối lập tự nhiên, hay nói cho chính xác hơn: sự đối lập đó đã nảy sinh ra trong quá trình lịch sử... Vấn đề không phải là *xoá bỏ* sự đối lập, mà chính là phải phát hiện ra những hình thức chính trị và xã hội khả dĩ làm cho sự đối lập ấy *trở nên vô hại* và thậm chí trở nên *có lợi* nữa. Có như thế thì người ta mới có thể hy vọng điều hoà lợi ích một cách hoà bình, dung hoà dần dần những lợi ích đó".

Do đó, xoá bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn là một ảo tưởng, vì sự đối lập đó là một sự đối lập tự nhiên, hay nói cho chính xác hơn: vì sự đối lập đó đã nảy sinh ra trong quá trình lịch sử. Hãy áp dụng cái lô-gích đó vào những sự đối lập khác trong xã hội hiện tại và xét xem nó đưa chúng ta đến đâu. Chẳng hạn:

"Đặc biệt là đối với sự đối lập giữa" bọn tư bản và công nhân làm thuê", ý nghĩ muốn tiêu diệt sự đối lập đó chỉ là một ảo tưởng. Sự đối lập đó là một sự đối lập tự nhiên, hay nói cho chính xác hơn: sự đối lập đó đã nảy sinh ra trong quá trình lịch sử. Vấn đề không phải là *xoá bỏ* sự đối lập, mà chính là phải phát hiện ra những hình thức chính trị và xã hội khả dĩ làm cho sự đối lập ấy *trở nên vô hại* và thậm chí trở nên *có lợi* nữa. Có như thế thì người ta mới có thể hy vọng điều hoà lợi ích một cách hoà bình, dung hoà dần dần những lợi ích đó".

Thế là chúng ta lại trở về với Sun-tơ Đê-lít-xơ.

Xoá bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn không phải là một ảo tưởng, chẳng khác gì xoá bỏ sự đối lập giữa bọn tư bản và công nhân làm thuê cũng không phải là một ảo tưởng. Sự xoá bỏ đó ngày càng trở thành yêu cầu thực tế của sản xuất công nghiệp cũng như của sản xuất nông nghiệp. Không có ai đã đòi hỏi điều đó kịch liệt hơn Li-bích trong những tác phẩm về hoá học nông nghiệp của ông ta, những tác phẩm trong đó ông ta đòi hỏi trước hết và luôn luôn rằng người ta phải hoàn lại cho đất những cái gì đã nhận được của đất, và chứng minh rằng sự tồn tại của các thành phố, đặc biệt là của các thành phố lớn, đã cản trở điều đó. Khi người ta thấy rằng ở đây, chỉ riêng ở Luân Đôn thôi, hàng ngày người ta đã chi phí rất nhiều để đổ xuống biển một số phân bón tự nhiên nhiều gấp bội số phân bón mà toàn bộ vương quốc Đắc-den có thể sản xuất ra, và khi người ta thấy rằng phải có những kiến trúc đồ sộ đến như thế nào, mới giữ được cho toàn thành phố Luân Đôn khỏi

bị những phân bón đó đầu độc, thì lúc đó điều không tưởng là xoá bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn sẽ có một cơ sở cực kỳ thực tế. Bản thân Béc-lin, tương đối không lớn lắm, cũng ngột thở giữa những đống rác rưởi của chính mình từ ít nhất là ba mươi năm nay. Mặt khác, thật là hoàn toàn ảo tưởng nếu muốn như Pru-đông, là đảo lộn xã hội tư sản hiện tại mà vẫn giữ lại y nguyên người nông dân hiện nay. Giả định là đã thực hiện được xong xuôi việc xoá bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa rồi, thì lúc đó chỉ có phân phối hết sức đều dân cư trong cả nước và kết hợp chặt chẽ sản xuất công nghiệp và sản xuất nông nghiệp, đồng thời phát triển những phương tiện giao thông lúc đó trở thành cần thiết, chỉ có làm như thế mới có thể kéo dân cư nông thôn ra khỏi tình trạng cô lập và ngu muội, trong đó họ đã sống lay lắt hầu như không thay đổi từ muôn nghìn năm nay. Không tưởng không phải là ở chỗ khẳng định rằng loài người chỉ có thể được hoàn toàn giải phóng khỏi những xiềng xích do quá khứ lịch sử của họ sản sinh ra, khi mà sự đối lập giữa thành thị và nông thôn đã bị xoá bỏ; không tưởng bắt đầu từ lúc mà người ta tìm cách quy định "xuất phát từ hoàn cảnh hiện có", *hình thức* giải quyết sự đối lập này hay sự đối lập khác trong xã hội hiện tại. Và đó chính là điều mà Muyn-béc-gơ đã làm bằng cách dùng công thức kiểu Pru-đông để giải quyết vấn đề nhà ở.

Sau đó, Muyn-béc-gơ phàn nàn rằng tôi đã làm cho ông ta hầu như là phải chịu trách nhiệm về "những quan điểm kỳ quái của Pru-đông về vấn đề tư bản và lợi tức", và ông ta nói:

"Tôi giả định là *đã đạt được* việc thay đổi những quan hệ sản xuất; lúc đó thì đối tượng của pháp luật quá độ quy định tỷ suất lợi tức không phải là những quan hệ sản xuất, mà là những sự cải biến xã hội, những điều kiện giao thông... Sự thay đổi trong những quan hệ sản xuất hay, như trường phái Đức đã nói một cách chính xác hơn, sự xoá bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, không phải là kết quả của pháp luật quá độ thủ tiêu lợi tức, như Ăng-ghe-nơ đã *gán cho tôi là đã nói như thế*, mà là kết quả của việc nhân dân lao động *thực tế chiếm hữu toàn bộ công cụ*

*lao động* toàn bộ công nghiệp. Còn về việc xét xem nhân dân lao động có tán thành (!) mua lại hay tước đoạt ngay, thì cả Ăng-ghe-nơ lẫn tôi, không ai có thể quyết định được cả".

Ngạc nhiên, tôi dụi mắt xem có đọc nhầm không. Tôi đọc lại cẩn thận một lần nữa từ đầu đến cuối bản trình bày của Muyn-béc-gơ để tìm ra cái đoạn trong đó ông ta nói rằng khi ông ta nói mua lại nhà ở là ông ta giả định rằng việc "nhân dân lao động thực tế chiếm hữu toàn bộ công cụ lao động, toàn bộ công nghiệp" đã hoàn thành rồi. Tôi không thấy có đoạn đó. Không có đoạn ấy. Tuyệt nhiên không phải là vấn đề "thực tế chiếm hữu", v.v.. Trái lại, ở trang 17 có nói:

"Vậy thì chúng tôi giả định rằng người ta *tấn công kiên quyết* vào năng suất của tư bản, - điều đó sớm hay muộn nhất định cũng sẽ xảy ra, - chẳng hạn bằng cách ban hành một *đạo luật quá độ quy định lợi tức* của tất cả mọi tư bản là 1%, với xu hướng - chúng ta hãy nhớ kỹ điều này - làm cho lợi tức đó ngày càng nhích lại gần con số không... Như mọi sản phẩm khác, ngôi nhà và chỗ ở đều sẽ do đạo luật đó chi phối... Như vậy, theo quan điểm ấy, chúng ta thấy rằng việc mua lại nhà ở sẽ là *kết quả tất nhiên của việc xoá bỏ năng suất của tư bản nói chung*".

Thế là ở đây, và hoàn toàn mâu thuẫn với cách nói gần đây của mình, Muyn-béc-gơ đã nói rành mạch với chúng ta rằng: đạo luật nhằm xoá bỏ lợi tức quả là "sẽ kiên quyết tấn công" vào năng suất của tư bản - thuật ngữ mơ hồ mà theo lời ông ta, ông ta đã dùng để chỉ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa -, và chính do luật pháp đó mà "việc mua lại nhà ở sẽ là kết quả tất nhiên của việc xoá bỏ năng suất của tư bản nói chung". Bây giờ Muyn-béc-gơ lại khẳng định rằng hoàn toàn không phải như thế. "Đối tượng" của luật pháp quá độ đó "không phải là những *quan hệ sản xuất*, mà là những điều kiện *lưu thông*". Trước một sự mâu thuẫn hoàn toàn như thế, mâu thuẫn mà Gơ-tơ coi là một "điều cũng huyền bí đối với người khôn cũng như đối với người điên"<sup>255</sup>, tôi chỉ còn có cách là thừa nhận rằng tôi đang đứng trước hai Muyn-béc-gơ hoàn toàn khác nhau, một người thì phàn nàn có

lý rằng tôi đã "gán một cách sai lầm" cho người đó là đã nói điều mà người kia cho đăng lên báo.

Hoàn toàn đúng là nhân dân lao động, khi đã thực tế chiếm hữu rồi, sẽ không hỏi tôi, mà cũng sẽ không hỏi Muyn-béc-gơ để xét xem họ "sẽ tán thành mua lại hay tước đoạt ngay". Đại khái, họ sẽ cho rằng tốt hơn hết là không "tán thành" gì cả. Nhưng ở đây, vấn đề tuyệt nhiên không phải là nhân dân lao động thực tế chiếm hữu tất cả những công cụ lao động, mà chỉ là Muyn-béc-gơ khẳng định rằng "toàn bộ giải pháp của vấn đề nhà ở là nằm trong danh từ *chুক্ত lại*". Nếu bây giờ ông ta tuyên bố rằng việc *chুক্ত lại* ấy là vô cùng không chắc chắn thì cả hai chúng ta, cũng như độc giả của chúng ta, bắt tất phải khó nhọc như thế?

Ngoài ra, cần phải nhận thấy rằng việc nhân dân lao động "thực tế chiếm hữu" tất cả những công cụ lao động toàn bộ công nghiệp, là điều trái ngược hẳn với việc "chুক্ত lại" theo kiểu Pru-đông. Theo cách giải quyết sau thì *mỗi công nhân* trở thành người sở hữu ngôi nhà, áp trại, công cụ lao động của mình. Theo cách giải quyết thứ nhất thì "nhân dân lao động" vẫn là người sở hữu tập thể những ngôi nhà, nhà máy và công cụ lao động và ít ra, sau một thời kỳ quá độ, họ sẽ chẳng dễ dàng gì mà để cho cá nhân hoặc công ty tư nhân sử dụng những thứ đó mà không đòi trả tiền phí tổn. Điều đó cũng đúng y như xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất không phải là xoá bỏ địa tô, mà là chuyển nó cho xã hội, dù là dưới một hình thức đã cải biến. Do đó, việc nhân dân lao động thực tế chiếm hữu mọi công cụ lao động tuyệt nhiên không hề loại bỏ việc duy trì chế độ thuê và cho thuê nhà ở.

Nói chung, vấn đề không phải là xét xem khi giai cấp vô sản đã lên nắm chính quyền rồi, thì có phải là họ sẽ đơn thuần dùng bạo lực để chiếm đoạt những công cụ sản xuất, những nguyên liệu và những tư liệu sinh hoạt, hay là họ sẽ trả tiền ngay để lấy những thứ đó, hoặc là họ sẽ *chুক্ত lại* quyền sở hữu những thứ đó bằng cách trả tiền dần dần từng năm. Muốn trả lời trước

một vấn đề như thế và trả lời cho đủ mọi trường hợp thì thật là không tưởng, tôi xin nhường việc đó lại cho những người khác.

#### IV

Cần phải tốn bao nhiêu là giấy mực để cuối cùng, xuyên qua những lời thoái thác và những lời quanh co của Muyn-béc-gơ, đi đến được điểm chính của vấn đề, điểm mà ông ta thận trọng tránh không đả động đến trong bài trả lời của ông ta.

Trong bản trình bày của ông ta, có những kiến giải khẳng định nào không?

*Thứ nhất:* "Số tiền chênh lệch giữa số tiền bỏ ra xây dựng một ngôi nhà, mua một miếng đất làm nhà, v.v., với giá trị hiện tại" của ngôi nhà, của miếng đất ấy, đứng về lý mà nói, là thuộc về xã hội. Theo ngôn ngữ kinh tế thì số tiền chênh lệch đó gọi là địa tô. Bản thân Pru-đông cũng muốn trao cái đó cho xã hội, như chúng ta có thể đọc thấy trong cuốn "Idée générale de la Révolution", xuất bản năm 1868, tr.219.

*Thứ hai:* Giải pháp của vấn đề nhà ở là làm cho mỗi người thuê nhà đều trở thành người sở hữu ngôi nhà mình ở.

*Thứ ba:* Giải pháp đó sẽ được thi hành nhờ có một đạo luật biến tiền thuê nhà thành tiền trả góp về giá mua ngôi nhà. Những điểm 2 và 3 đều mượn của Pru-đông, như mọi người có thể thấy rõ trong cuốn "Tư tưởng chung của cách mạng", ở trang 199 và những trang tiếp theo; ở trong cuốn đó, tr. 203, còn có cả dự luật tương ứng đã được thảo sẵn.

*Thứ tư:* Người ta kiên quyết tấn công năng suất của tư bản bằng một đạo luật quá độ tạm thời hạ thấp tỷ suất lợi tức xuống 1%, với điều kiện là sau đó còn giảm xuống nữa. Điều này cũng lại là mượn của Pru-đông, và người ta có thể đọc được điều đó rải rác trong cuốn "Idée générale", tr.182 - 186.

Về mỗi điểm này, tôi đều có dẫn chứng đoạn văn của Pru-đông mà Muyn-béc-gơ đã dùng làm nguyên bản để sao lại, và bây giờ thử hỏi là tôi có hay không có quyền gọi tác giả của một bài báo 100% có tính chất Pru-đông, một bài báo chỉ gồm có những quan điểm Pru-đông, là người theo phái Pru-đông? Ấy thế mà Muyn-béc-gơ chưa bao giờ lại than phiền chua chát như than phiền về cái tên gọi đó mà tôi đã tặng cho ông ta, vì tôi "đã bắt gặp một vài *câu chữ* đặc biệt của Pru-đông". Nhưng chính là trái lại. Tất cả những "*câu chữ*" đều là của Muyn-béc-gơ cả, còn *nội dung* thì lại là của Pru-đông. Sau đó, khi tôi lấy Pru-đông để bổ sung bản trình bày có tính chất Pru-đông của ông ta, thì Muyn-béc-gơ lại buộc tội tôi là đã gán một cách sai lầm cho ông ta những "tư tưởng kỳ quái" của Pru-đông.

Và bây giờ, tôi lấy gì để đối lập với kế hoạch kiểu Pru-đông đó?

*Thứ nhất:* chuyển giao địa tô cho nhà nước có nghĩa là xoá bỏ quyền chiếm hữu cá nhân về ruộng đất.

*Thứ hai:* việc chuộc lại ngôi nhà đang thuê và chuyển quyền sở hữu ngôi nhà đó vào tay người thuê nhà là người đã ở đó từ trước đến nay, việc đó không ảnh hưởng một chút nào đến phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cả.

*Thứ ba:* trong sự phát triển hiện nay của nền công nghiệp lớn và của những thành phố, đề nghị đó vừa là phi lý vừa là phản động; việc khôi phục lại một cách phổ biến quyền sở hữu cá nhân về nhà ở, sẽ là một bước giạt lùi.

*Thứ tư:* việc cưỡng ép giảm hạ tỷ suất lợi tức tuyệt nhiên không đụng chạm gì đến phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; trái lại, những đạo luật về cho vay lãi chứng minh rằng đề nghị đó vừa cũ vừa không thể thực hiện được.

*Thứ năm:* việc xoá bỏ lợi tức của tư bản tuyệt nhiên không dẫn đến việc xoá bỏ tiền thuê nhà đối với nhà ở.

Bây giờ, Muyn-béc-gơ đã chịu nhượng bộ tôi về những điểm 2 và 4. Còn những điểm khác thì ông ta không hề dả động đến. Thế mà chính những điểm ấy lại là những điểm trọng yếu của cuộc tranh luận. Và lại, bài trả lời của Muyn-béc-gơ tuyệt không phải là một lời bác lại; bài đó thận trọng tránh nói đến những điểm thuộc về kinh tế, tức là những điểm có ý nghĩa quyết định; đó chỉ là một bài trình bày những lời ta thán của ông ta thôi, chứ không phải là một cái gì khác cả. Do đó ông ta trách tôi là đã nói trước về cách giải quyết những vấn đề khác mà ông ta tuyên bố là có ý định bàn đến - như công trái, tiền nợ tư nhân, tín dụng, và trách tôi là đã nói rằng bất cứ ở đâu, những giải pháp đó cũng giống hệt những giải pháp về vấn đề nhà ở, rằng những giải pháp đó là xoá bỏ lợi tức, biến việc trả lợi tức thành việc trả góp tổng số tư bản và quyết định tín dụng không có lãi. Ấy thế mà, cho đến cả ngày nay nữa, tôi cũng dám nói chắc rằng nếu có ngày những bài báo của Muyn-béc-gơ ra đời thì nội dung chủ yếu của những bài đó sẽ giống hệt với cuốn "Tư tưởng chung" của Pru-đông (về tín dụng, xem tr. 182; về công trái, xem tr. 186; về tiền nợ tư nhân, xem tr. 196), hoàn toàn như những bài về vấn đề nhà ở đã giống hệt những đoạn văn trích dẫn cũng trong tác phẩm đó.

Nhân cơ hội đó, Muyn-béc-gơ cho tôi biết rằng những vấn đề như vấn đề thuế má, công trái, tiền nợ tư nhân, tín dụng, ngày nay thì có thêm vấn đề tự trị của các công xã, đều là những vấn đề quan trọng nhất đối với nông dân và đối với việc tuyên truyền ở nông thôn. Đồng ý trên phần lớn, nhưng 1) từ trước đến nay, tuyệt nhiên chúng ta không nói đến nông dân, và 2) những "giải pháp" kiểu Pru-đông về tất cả những vấn đề đó, hoàn toàn cũng như giải pháp về vấn đề nhà ở của ông ta, đều là những giải pháp phi lý về mặt kinh tế và căn bản là tư sản. Đối với lời nói bóng gió của Muyn-béc-gơ ám chỉ rằng tôi không nhận thấy sự cần thiết phải lôi kéo nông dân vào phong trào cách mạng, thì về phần tôi, tôi chẳng cần gì phải tự bào chữa. Nhưng quả

thật là tôi cho rằng vì mục đích đó mà khuyến nông dân dùng những môn thuốc vụn vụn của nhà ảo thuật Pru-đông thì thật là điên rồ. Ở Đức, hiện vẫn còn chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất. Theo luận thuyết của Pru-đông thì phải chia vụn chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất ấy ra thành những ấp trại nhỏ; trong tình trạng hiện nay của khoa học nông nghiệp và căn cứ theo những kinh nghiệm về chế độ sở hữu ruộng đất nhỏ đã tiến hành ở Pháp và Đức, thì điều đó hoàn toàn là phản động. Trái lại, chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất hiện còn tồn tại sẽ là cơ sở tốt khiến cho những người lao động liên hợp có thể thực hiện nông nghiệp đại quy mô; chỉ có chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất mới có thể sử dụng tất cả những phương tiện hiện đại, máy móc, v.v., và do đó, chỉ có tiểu nông thấy được lợi ích của việc liên hợp lại để tiến hành kinh doanh đại quy mô. Về mặt này, những người xã hội chủ nghĩa Đan Mạch, tiến trước những người khác rất nhiều, đã hiểu điều đó từ lâu rồi<sup>256</sup>.

Tôi cũng không cần gì phải tự bào chữa đối với lời trách móc bảo rằng tôi coi trình trạng nhục nhã về nhà ở của công nhân hiện tại "là một sự việc vụn vặt không đáng kể". Theo như tôi biết thì tôi là người đầu tiên đã dùng tiếng Đức để miêu tả sự phát triển điển hình của tình trạng đó, như ta thấy ở Anh; không phải vì "tình trạng đó trực tiếp làm tổn thương đến *ý thức công lý của tôi*", như Muyn-béc-gơ đã nghĩ - người nào muốn viết thành sách tất cả những cái gì làm tổn thương đều *ý thức công lý của mình*, thì còn phải tổn nhiều công phu mới làm nổi - mà như tôi đã nói trong lời tựa cuốn sách của tôi<sup>257</sup>, chỉ là để đem lại cho chủ nghĩa xã hội Đức, - lúc đó đang ở bước đầu và đang lạc lõng trong một thứ văn chương ba hoa vô ích, - một cơ sở cụ thể, bằng cách miêu tả cho họ thấy hoàn cảnh xã hội do nền công nghiệp lớn hiện đại tạo ra. Còn về việc muốn giải quyết cái gọi là *vấn đề nhà ở* thì tôi ít để ý đến việc đó hơn là quan tâm tởm tởm đến *vấn đề lương thực* là vấn đề còn quan trọng hơn nhiều. Tôi sẽ lấy làm thoả mãn nếu có thể chứng minh rằng trong

xã hội hiện đại của chúng ta, có thể sản xuất đủ cho mọi thành viên có ăn, và có thể có nhà để cung cấp tạm thời cho quần chúng lao động một chỗ ở rộng rãi và sạch sẽ. Nhưng suy luận về cái cách mà xã hội tương lai sẽ điều tiết sự phân phối lương thực và nhà ở thì sẽ đi thẳng đến không *tương*. Quá lắm thì chúng ta cũng chỉ có thể, căn cứ vào sự hiểu biết của chúng ta về những điều kiện cơ bản của tất cả những phương thức sản xuất đã có từ trước đến nay, mà chứng minh rằng cùng với sự sụp đổ của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, một số hình thức nhất định về quyền chiếm hữu trong xã hội hiện tại sẽ trở thành không thể thực hiện được. Bất cứ ở đâu, bản thân những biện pháp quá độ cũng sẽ phải thích ứng với những điều kiện sẽ có trong thời gian đó; những biện pháp quá độ đó, trong các nước có chế độ chiếm hữu ít ruộng đất, sẽ căn bản khác với những biện pháp quá độ trong các nước có chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất, v.v.. Ngoài chính Muyn-béc-gơ ra thì không còn ai có thể chỉ cho chúng ta thấy rằng người ta sẽ đi đến kết quả nào khi người ta kiếm những giải pháp đơn độc cho những vấn đề gọi là thực tế, như vấn đề nhà ở; trước hết ông ta trình bày, trên 28 trang, cho chúng ta thấy là "toàn bộ cách giải quyết vấn đề nhà ở nằm gọn trong hai tiếng *chuyện lại*" như thế nào; sao đó, nếu người ta ráo riết hỏi dồn ông ta thì ông ta sẽ áp dụng ngược ngạo trả lời rằng thực ra, người ta hoàn toàn không thể biết được rằng khi đã thực tế chiếm hữu nhà ở thì "nhân dân lao động có sẽ tán thành việc *chuyện lại*" hơn là tán thành mọi hình thức tước đoạt khác không.

Muyn-béc-gơ yêu cầu rằng chúng ta nên *thực tế*, rằng "đứng trước hoàn cảnh hiện thực và thực tiễn" thì không nên thoả mãn với cái việc chấp nối các công thức chết và trừu tượng, rằng nên "thoát ra khỏi chủ nghĩa xã hội trừu tượng để đề cập đến *những quan hệ cụ thể và nhất định của xã hội*". Nếu Muyn-béc-gơ đã làm cái điều mà ông ta đòi hỏi đó thì có lẽ ông ta đã rất xứng đáng với phong trào công nhân. Nhưng lẽ nào bước đầu đề cập

đến những quan hệ cụ thể và nhất định của xã hội, lại không phải là làm quen với việc tìm hiểu và phân tích những quan hệ đó trong mối liên hệ kinh tế của chúng hay sao? Song, chúng ta đã thấy Muyn-béc-gơ nói gì về vấn đề đó? Vắn vắn có hai câu:

1) "Quan hệ giữa người làm thuê và nhà tư bản là hoàn toàn giống quan hệ giữa người thuê nhà và người sở hữu nhà".

Ở trang 6<sup>1\*</sup> của lần xuất bản thành sách riêng, tôi đã chứng minh rằng khẳng định như thế là hoàn toàn sai, và Muyn-béc-gơ không kiếm được một câu nào để trả lời cả...

2) "Nhưng con bò mộng mà" (trong vấn đề cải cách xã hội) "người ta phải nắm lấy sừng, chính là *năng suất của tư bản*, gọi theo danh từ của những nhà kinh tế chính trị theo phái tự do; song năng suất của tư bản *không tồn tại trong thực tế*, nhưng *sự tồn tại tưởng tượng* của nó lại được dùng để che đậy tất cả mọi sự bất bình đẳng đang đè nặng lên xã hội hiện tại".

Do đó, con bò mộng mà người ta phải nắm lấy sừng "*không tồn tại trong thực tế*", và do đó, không có "sừng". Tất cả tai họa không phải là do con bò mộng đó, mà chính là do *sự tồn tại tưởng tượng* của nó mà ra. Tuy nhiên, "cái gọi là năng suất (của tư bản) có thể làm mọc lên trên mặt đất một cách thần diệu những nhà ở và thành phố", và sự tồn tại của những nhà ở và thành phố đó tuyệt nhiên không phải "chỉ có trong tưởng tượng" (tr.12). Và con người đó, con người mà bộ "Tư bản" của Mác "cũng rất quen thuộc đối với anh ta", đang nói lúng túng một cách cực kỳ mơ hồ như thế về những quan hệ giữa tư bản và lao động, con người đó lại chủ trương chỉ cho công nhân Đức thấy một con đường mới và tốt hơn, và tự cho mình là "kiến trúc sư thấy được rõ ràng toàn bộ và những nét lớn của kết cấu kiến trúc của xã hội tương lai"!

1\* Xem tập này, tr.291.

Không có ai đã "đề cập tỉ mỉ đến những quan hệ cụ thể và nhất định của xã hội hơn" là Mác trong bộ "*Tư bản*". Trong hai mươi lăm năm, ông đã nghiên cứu những quan hệ đó về đủ mọi mặt, và trong mọi trường hợp, những kết quả của sự phân tích của Mác cũng đều bao hàm những mầm mống của cái gọi là những giải pháp, cố nhiên trong chừng mực mà ngày nay những giải pháp đó có khả năng thực thi được. Nhưng ông bạn Muyn-béc-gơ cho rằng như vậy chưa đủ; tất cả điều đó là chủ nghĩa xã hội trừu tượng, là những công thức chết và trừu tượng. Đáng lẽ nghiên cứu những "quan hệ cụ thể và nhất định của xã hội" thì ông ta lại chỉ đọc một vài pho sách của Pru-đông thôi; có thể nói là những pho sách ấy không cống hiến cho ông ta một chút gì về những quan hệ đó, mà trái lại, dạy cho ông ta những món thuộc vụn ứng cụ thể và nhất định đối với tất cả những tai họa của xã hội; thế rồi ông ta trình bày với công nhân Đức cái phương án về việc cứu vớt xã hội đó, cái *hệ thống* kiểu Pru-đông đã có sẵn rồi đó, lấy có là "muốn từ biệt *các hệ thống*", còn tôi, "tôi chọn con đường đối lập"! Muốn hiểu được điều đó thì phải giả định là tôi bị mù và Muyn-béc-gơ bị điếc, đến nỗi là về căn bản chúng tôi không thể hiểu nhau được.

Nhưng về vấn đề này thì nói như thế cũng khá đủ rồi. Nếu cuộc luận chiến này không thể dùng vào việc gì khác, thì ít ra nó cũng có thể dùng để cung cấp bằng cứ nói lên giá trị của cái thực tiễn của những nhà xã hội chủ nghĩa tự xưng là "thực tiễn". Ở khắp mọi nơi và bất cứ lúc nào, những đề nghị thực tế nhằm tiêu trừ tất cả những tai họa xã hội đó, những môn thuộc xã hội vụn ứng đó, cũng hoàn toàn đều là do những nhà sáng lập ra các phái trong thời kỳ mà phong trào vô sản hãy còn trong thời ấu trĩ, tưởng tượng ra. Pru-đông cũng là một trong số người đó. Trong khi phát triển, giai cấp vô sản đã nhanh chóng rũ bỏ được những tã lót của mình và đi đến chỗ thừa nhận rằng không có gì ít thực tế hơn những "giải pháp thực tế" đó, những giải pháp được xây dựng sẵn và có thể áp dụng cho đủ mọi trường hợp, và thừa nhận rằng chủ nghĩa xã hội thực tế là ở chỗ hiểu

biết chính xác phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dưới tất cả mọi mặt của nó. Giai cấp vô sản hiểu biết về lĩnh vực đó, sẽ *không bao giờ* bị lúng túng trong việc xét xem, trong một trường hợp nhất định, họ sẽ phải hướng những cuộc tấn công chủ yếu của họ vào những chế độ xã hội nào và bằng cách nào.

---

## C.MÁC GỬI ÔNG CHỦ BÚT BÁO "TIMES"

Thưa ngài!

Bài báo nhỏ đăng trên số báo ngày hôm nay của tờ "Times" nhan đề: "Các Mác và Quốc tế" đã lôi cuốn sự chú ý của tôi. Trong bài báo nhỏ này có nói rằng Tổng Hội đồng liên hiệp công nhân quốc tế khi đề nghị các liên chi hội và các chi hội tự mình đưa danh sách những người được đề cử làm đại biểu toàn quyền cho Tổng Hội đồng duyệt y, đã tuyên bố

"nhất thiết phải đồng thời gửi một bản sao chính xác cho Các Mác ở Luân Đôn. Ý nghĩa của việc này là ở chỗ, chỉ những người ở Luân Đôn được Các Mác chấp nhận và đồng ý thì mới có thể có được toàn quyền. Vì những người đại diện này dĩ nhiên sẽ giữ mối liên hệ thường xuyên với ông ta, cho nên trên thực tế người lãnh đạo phong trào sẽ là một mình cá nhân ông ta".

Bản thông tư nói ở đây đã được công bố cùng với những văn kiện khác trong tờ báo Lai-xpích "Volksstaat" ngày 25 tháng Chạp<sup>258</sup>. Thông tư này đề nghị các hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở nước Đức gửi bản sao những kiến nghị của mình cho bí thư thông tấn liên lạc với nước Đức (tức là tôi) để xác định văn bản là thật hay giả. Rõ ràng Tổng Hội đồng mới không thể nào biết được bản thân những người ấy và cũng không thể nhận ra được nét chữ của họ. Vai trò của tôi trong vấn đề này, theo Tổng Hội đồng ở Niu Oóc, là lẽ đương nhiên rồi, cho nên thậm chí họ cũng không báo trước cho tôi biết. Còn về "những đại diện" cho những nước khác mà ở đó tổ chức tự do của Quốc tế đang gặp



phải những trở ngại về phía cơ quan lập pháp, thì tôi chẳng có quan hệ gì với việc chứng thực nhân thân của những người đó.

Bài báo nhỏ đó nói tiếp:

"Ở nước Pháp, những người đại diện này khai trừ hội viên, không lắng nghe ý kiến của họ, tùy ý giải tán các chi hội, các uỷ ban và các liên chi hội".

Thông tin viên của Quý báo cần phải nói cho rõ, bằng cách nào những "đại diện" ấy có thể làm được tất cả những việc đáng ghê sợ như vậy, khi mà chưa có một người nào trong số những đại diện ấy được bổ nhiệm. Nếu ở nước Pháp có một số kẻ bị khai trừ ra khỏi Quốc tế, thì đó là do các chi hội địa phương khai trừ, chứ hoàn toàn không phải cho Tổng Hội đồng Niu Oóc khai trừ.

Thưa ngài, xin gửi lời chào thân ái tới ngài.

Ngày 2 tháng Giêng

*Các Mác*

Đã đăng trên báo "Times" số 27577, ngày  
3 tháng Giêng 1873

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Anh  
In bằng tiếng Nga lần*

*đầu*

## PH.ĂNG GHEN "KHỦNG HOẢNG" Ở PHỔ

Thực vậy, "dân tộc vĩ đại" Pháp đã bị "dân tộc vĩ đại" Đức đẩy xuống hàng thứ yếu một cách chính đáng. Ở Véc-xay xảy ra một cuộc khủng hoảng, bởi vì bọn đại địa chủ thủ cựu nước Pháp đang mưu đồ thay thế chế độ cộng hòa hiện hành bằng chế độ quân chủ; trong lúc đó ở Béc-lin cũng nổ ra một cuộc khủng hoảng, bởi vì bọn đại địa chủ quý tộc thủ cựu Phổ không muốn hy sinh cái chế độ cảnh sát địa chủ phong kiến cổ lỗ đã qua 80 năm sau cuộc cách mạng Pháp vẫn còn được duy trì. Bây giờ liệu còn có thể nghi ngờ gì về tính ưu việt của nền "văn hóa" Đức so với nền văn minh Pháp? Người Pháp với cái tình nồng nức thông thường của họ cứ cãi vã nhau về *hình thức* trống rỗng: chế độ cộng hoà hay là chế độ quân chủ. Người Phổ chín chắn cặn kẽ tìm hiểu cho đến tận chân tơ kẽ tóc, và rút cuộc vào năm 1872 là kẻ cuối cùng ở châu Âu, nếu không kể Méc-clen-bua và nước Nga, giải quyết vấn đề: cái lưng nông dân, cái cơ sở xã hội ấy, có thể thoát khỏi cái roi địa chủ hay là không!

Nói đến hành vi hèn hạ của giai cấp tư sản Phổ, thì không gì nổi bật hơn là toàn bộ cái trò hề ban hành điều lệ về các khu<sup>259</sup>. Năm 1848 ở Phổ đã nổ ra cách mạng; chính quyền đã rơi vào tay giai cấp tư sản; chỉ cần quân đội thể trung thành với hiến pháp, - bất kể là hiến pháp nào cũng thể thôi, - thì giai cấp tư sản vẫn giữ được chính quyền. Bọn chúa phong kiến và bọn quan liêu đã hoảng sợ lắm rồi, cho nên việc thủ tiêu những tàn dư còn được duy trì của chế độ phong kiến lúc bấy giờ là

lẽ đương nhiên. Thực vậy, những dự thảo ban đầu của bản hiến pháp năm 1848 và thậm chí của năm 1849, tuy với một hình thức sơ sài thông thường, nhưng đã bao hàm tất cả cái có tính chất bản chất theo hướng đó. Chỉ cần một sự chống đối nhỏ nhỏ của giai cấp tư sản cũng đủ làm cho không thể khôi phục được những quyền phong kiến; ngoài một số địa chủ thủ cựu, họa chăng còn có thêm Phri-đrich Vin-hem IV lảng mạn, thì chẳng ai còn quan tâm đến những quyền phong kiến ấy nữa. Nhưng thế lực phản động châu Âu vừa mới giành được thắng lợi, thì giai cấp tư sản Phổ đã bò theo chân Man-toi-phen, đáp lại mỗi đòn roi vọt của hắn bằng cách ve vẩy cái đuôi tỏ lòng biết ơn. Giai cấp tư sản chẳng những đã hồi phục cho bọn địa chủ Ô-xtơ-en-bơ cái chế độ cảnh sát lãnh địa thế tập và mọi thứ rác rưởi khác của chế độ phong kiến; thậm chí nó còn tự trừng phạt mình vì cái chủ nghĩa tự do đầy tội lỗi của mình, tự tay xóa bỏ nền tự do công nghiệp đã được xác lập vào năm 1808 và khôi phục chế độ phường hội vào giữa thế kỷ XIX<sup>260</sup>.

Giai cấp tư sản nhiều lắm cũng chỉ là một giai cấp chẳng có anh hùng khí khái gì cả. Ngay cả những thành tựu chói lọi nhất của nó, vào thế kỷ XVII ở Anh và vào thế kỷ XVIII ở Pháp, cũng không phải tự nó đã giành được cho nó, mà chính là quảng đại quần chúng bình dân, tức công nhân và nông dân, đã giành được cho nó. Ngay chính tại nước Pháp này, của giai cấp tư sản đã cúi rạp mình dưới chân của anh chàng hề để tránh khỏi những sự kinh hoàng của những ngày tháng Sáu năm 1848; ở chính tại nước Anh này, sau năm 1848 đã bắt đầu một thời kỳ phản động kéo dài; nhưng thế lực phản động trong cả hai nước này đều hành động với cái cơ bảo vệ nền tảng của xã hội *tư sản* chống lại sức ép của giai cấp vô sản. Ở Phổ, do kết quả của cuộc cách mạng mà những mong ước thời trung cổ của con người lảng mạn Phri-đrich Vin-hem IV rốt cuộc đã có thể được thoả mãn, vì thế lực phản động chiến thắng đã thủ tiêu được rất nhiều thiết chế chống chủ nghĩa lảng mạn đã lén thâm nhập vào Nhà nước Phổ trong thời

gian từ Phri-đrich II đến Stanh và Hác-den-béc-gơ. Viện cơ bảo vệ xã hội tư sản khỏi bị giai cấp vô sản xâm phạm, người ta lại bắt cái xã hội này phải phục tùng sự thống trị của chủ nghĩa phong kiến. Không một giai cấp tư sản nào trên thế giới có thể khoe khoang về thời kỳ nhục nhã như là thời kỳ mà giai cấp tư sản Phổ đã trải qua dưới thời Man-toi-phen. Trong nước nào khác lại có thể tôn sùng Hin-ken-đây như là một người bảo vệ và một người tử vì đạo cho tự do<sup>261</sup>.

Cuối cùng do những mưu kế lắt léo trong cung đình mà một kỷ nguyên mới đã bắt đầu<sup>262</sup>. Nội các tự do chủ nghĩa cũ bắt ngờ rơi vào tay của giai cấp tư sản. Cái giai cấp tư sản này chẳng phải nhấc tay động chân để làm cho nội các này ra đời, cái giai cấp tư sản nhút nhát nhất thế giới này, bỗng nhiên nghĩ rằng nó đã nắm được chính quyền rồi, chính phủ cảnh sát - quân sự cũ Phổ đã tiêu ma rồi, nó đã có thể bổ nhiệm và bãi chức các bộ trưởng và ra lệnh cho triều đình. Nếu thời kỳ Man-toi-phen đã chứng tỏ tính nhút nhát của nó, thì kỷ nguyên mới đã phơi trần tính chất không đúng vững về chính trị của nó.

Trả giá cho việc chấp nhận nối các tự do chủ nghĩa kiểu cũ là việc cải tổ quân đội. Cuộc chiến tranh I-ta-li-a<sup>263</sup> đã tạo nên cái cơ rất tốt để yêu cầu nghị viện cải tổ quân đội. Một mặt cuộc động viên năm 1859 đã chứng minh rằng tổ chức cũ của quân đội đã lỗi thời rồi. Mặt khác, thái độ thờ ơ lãnh đạm ở nước Pháp đối với việc thôn tính vùng Xa-voa và Ni-xơ chứng tỏ rằng chỉ có triển vọng chiếm lĩnh sông Ranh, tức là cuộc chiến tranh chống Phổ, mới có thể thật sự khêu gợi chủ nghĩa sô-vanh nước Pháp. Bởi vậy, rất rõ ràng là một khi đế chế Lu-i Bô-na-pác-tơ, do những sự biến trong nội bộ nước Pháp mà lại gặp phải nguy hiểm một lần nữa, thì khả năng duy nhất tránh khỏi sự nguy hiểm ấy sẽ là phát động chiến tranh chống Phổ, trong cuộc chiến tranh đó, quân đội Phổ cũ, một khi không có đồng minh thì không tránh khỏi bị thất bại. Mặt khác, bản thân nước Phổ, tuy về thực chất vốn là một nhà nước quân phiệt, nhưng đã không tạo ra được

những tiền đề cần thiết cho việc tổ chức một đội quân lớn hiện đại. Để làm được việc đó, nó còn quá yếu ớt. Nhưng nó không thể tránh khỏi một tình hình đã trở thành tất yếu chung trên lục địa, hơn thế nữa "chính sách những bàn tay tự do" mập mờ của nó đã cắt đứt nó với con đường ký kết hiệp ước đồng minh ít nhiều đáng tin cậy. Cuối cùng, dù cho giai cấp tư sản Phổ quan niệm như thế nào việc cải tổ quân đội, nó vẫn phải biết rằng nó không thể nào cản trở được việc đó. Bởi vậy, kế hoạch hành động duy nhất đúng đối với nó chỉ có thể là đồng ý việc cải tổ không thể tránh khỏi ấy để đổi lấy những nhân nhượng chính trị càng nhiều càng tốt cho mình. Nhưng giai cấp tư sản Phổ khắp mình mẩy bị giày vò của Man-toi-phen đá cho còn tím bầm, bây giờ đột nhiên lên mặt vênh váo. Nó bỗng xưng tự xưng là lực lượng quyết định trong nhà nước; nó bác bỏ việc cải tổ quân đội. Thế là những ảo tưởng đã chấm dứt. Bít-xmác đã giải thích cho nó rằng cái hiến pháp trên giấy của nó và việc biểu quyết của nghị viện đều không đáng giá một đồng xu, rằng người cai trị nước Phổ là nhà vua, còn nghị viện tồn tại cũng chỉ để gạt mà thôi. Việc cải tổ quân đội đã được tiến hành bất chấp hiến pháp, còn các nghị viện thì bị đối xử theo cách của Man-toi-phen. Sau một cuộc phản kháng vờ vịt không lâu làm cho giai cấp tư sản Phổ chóng chán chường hơn là Bít-xmác, kẻ địch thủ của nó, giai cấp tư sản đã tìm thấy trong cuộc chiến tranh Đan Mạch<sup>264</sup> cái cơ thú nhất để mưu toan hoà giải một cách vô liêm sỉ. Sau trận Xa-đô-va<sup>265</sup>, nó không còn ngượng ngùng gì nữa, vênh vang đắc ý cúi rạp mình dưới chân Bít-xmác, và kể từ đó nó chỉ có mặt trong đám người thấp tầng của Bít-xmác. Sau cuộc chiến tranh Pháp<sup>266</sup>, sự vui mừng khoái trá của nó không còn biên giới nào nữa, từ nay cả linh hồn và thể xác của nó đã thuộc về Bít-xmác, nó đã hoàn toàn tan biến đứng trước Bít-xmác.

Nhưng trên thế giới có một điều mà Hê-ghe-n đã phát hiện ra và được ông gọi là "sự trở trêu của lịch sử". Sự trở trêu của lịch sử này đã giễu cợt rất nhiều nhân vật còn lớn hơn cả Bít-xmác

nữa. Cả Nhà nước Phổ cùng với Bít-xmác cũng chịu sự chi phối của nó. Kể từ khi những mục đích khao khát của chính sách Phổ lần lượt được thực hiện, thì nền tảng của Nhà nước Phổ bắt đầu lung lay. Nước Phổ cũ về thực chất dựa vào giai cấp đại địa chủ quý tộc, tầng lớp sĩ quan và giới quan chức cũng chủ yếu được bổ sung từ trong giai cấp đại địa chủ đó. Chỉ trong sáu tỉnh miền Đông giai cấp đại địa chủ quý tộc là còn ở vào thời kỳ toàn thịnh và trong trường hợp đất đai chiếm hữu của bọn đại địa chủ quý tộc này phần lớn bị hạn chế, thì nó cần có một số đặc quyền phong kiến nào đó cho sự tồn tại của nó; nếu không có những đặc quyền đó, đại bộ phận những đại địa chủ quý tộc này sẽ rơi xuống hàng địa chủ thường. Chừng nào mà chỉ có hai tỉnh miền Tây đối lập với bọn đại địa chủ quý tộc này, thì chưa có nguy cơ nào đe dọa nó cả. Song những vụ thôn tính năm 1866<sup>267</sup> đã tăng cường rất nhiều những phần tử tư sản và nông dân trong nhà nước. Không phải lời nói nhảm nhí vu vơ của phái chính thống, mà ở mức độ hết sức lớn, hơn chính sự nhận thức rất chính xác mối đe dọa mà việc đó có thể gây ra cho nó, đã khiến cho phái Stan-Ghéc-la-kho<sup>268</sup> chống đối các vụ thôn tính ấy. Do việc các tiểu bang gia nhập vào Liên bang Bắc Đức<sup>269</sup>, việc chuyển giao cho Liên bang này những chức năng nhà nước có tính chất quyết định, viện quý tộc Phổ trở thành phụ thuộc và việc gia nhập hoàn toàn của các bang Nam Đức, - tất cả điều đó đã giáng những đòn nặng nề vào giai cấp đại địa chủ quý tộc, giai cấp này chỉ còn là một thiểu số tan biến dần trong đế chế. Không phải chỉ có thể thôi. Bất cứ một chính phủ nào, ngay cả chính phủ chuyên chế nhất, trong hoạt động của mình đều phải tính đến những điều kiện hiện hữu, nếu không thế thì sẽ chuốc lấy thất bại thảm hại. Nước Phổ có thể bắt tiểu Đức phục tùng mình, nhưng nó không thể áp đặt chế độ đại địa chủ quý tộc của mình cho hai mươi lăm triệu người Đức sống bên phía Tây sông En-bơ. Ngược lại, giai cấp đại địa chủ quý tộc mà nước Phổ cũ cần đến, đã trở thành cái gánh nặng phiến toái cho "đế chế". Cũng như

Bít-xmác đã buộc lòng làm trái với những quan điểm trước đây của mình, đành phải thực hành tự do công nghiệp, tự do đi lại từ quốc gia Đức này sang quốc gia Đức khác và thực hành mọi cải cách có tính chất tư sản khác - cố nhiên là những cải cách mà chủ nghĩa quan liêu đã làm cho méo mó, - tên Bít-xmác, đại địa chủ quý tộc par excellence<sup>1\*</sup> ấy cũng bị "sự trở trêu của lịch sử" ép buộc phải bóp chết giai cấp đại địa chủ quý tộc bằng cải cách về các khu.

Điều lệ về các khu ấy là một trong những luật lệ đáng thương nhất đã từng được ban bố xưa nay. Nội dung của nó có thể truyền đạt trong hai câu. Nó tước mất của người đại địa chủ quý tộc *riêng lẽ* cái quyền lực nhờ đặc quyền phong kiến mà có, để rồi viện cố thực hiện sự tự trị của các khu, trả lại quyền lực ấy cho *giai cấp* đại địa chủ quý tộc. Chế độ chiếm hữu ruộng đất hết sức lớn và chế độ chiếm hữu lớn ruộng đất vẫn sẽ chiếm địa vị thống trị trong các vùng nông nghiệp của các tỉnh miền Đông; quyền lực của giai cấp đại địa chủ quý tộc thậm chí cũng sẽ tăng lên do việc chuyển giao vào tay nó những quyền lực cho đến nay vẫn thuộc nhà nước. Nhưng mỗi tên đại địa chủ quý tộc riêng lẽ thì lại mất đi cái địa vị đặc biệt mà chúng đã có được với tư cách là một ông chủ phong kiến. Nó tụt xuống hàng đại địa chủ bình thường ngày nay và do đó không còn là đại địa chủ quý tộc nữa. Nhưng đồng thời tình hình đó cũng phá hoại cơ sở của nước Phổ cũ, và vì vậy viện quý tộc, xét theo quan điểm của nó, hoàn toàn đứng khi nó chống lại điều lệ về các khu. Điều lệ về các khu được thi hành thì giai cấp đại địa chủ quý tộc cũng bị diệt vong, mà nếu không có giai cấp đại địa chủ quý tộc thì cũng chẳng còn có nước Phổ đặc biệt nữa.

Giai cấp tư sản Phổ trong vấn đề này vẫn xứng đáng với chính nó. Thoạt đầu thì nói rằng điều lệ về các khu chỉ là bước đầu tiên đi tới tự trị, rằng cần phải đi bước đó, bởi vì lúc này không

1\* - chính cống.

thể nào đạt được cái gì tốt hơn thế, rằng đó là một sự thoả hiệp với chính phủ, nhưng về sau này thì không thể nhượng bộ một chút nào cả. Viện quý tộc bác bỏ điều lệ về các khu. Chính phủ tuy đã ký kết một hiệp nghị có tính chất thoả hiệp với viện dân biểu, nhưng vẫn yêu cầu viện dân biểu nhượng bộ thêm. Viện dân biểu thì đầy đủ dũng cảm để đồng ý một cách không điều kiện về những nhượng bộ ấy; đáp lại việc đó giai cấp tư sản được hứa hẹn sẽ được phong làm những quý tộc mới và có hy vọng cải cách viện quý tộc. Việc phong những quý tộc mới được thực hiện: hai mươi lăm tướng lĩnh và quan chức được phong làm quý tộc; viện quý tộc đã tiếp nhận họ. Sự thoả hiệp được cứu vãn, nhưng... việc cải cách viện quý tộc thì bị xếp lại. Song người ta lại tự an ủi mình rằng điều lệ về các khu vẫn là một bước lớn để đi lên... Nhưng bỗng có tin về cuộc khủng hoảng nội các truyền đến. Rôn, Den-khốp, I-txen-plít-xơ muốn từ chức; phái tự do chiến thắng khắp nơi; vậy thì nội các phái tự do sẽ là điều không thể tránh khỏi? Không, hoàn toàn không phải, nội các *liên hiệp* đấy mà! Người tư sản của chúng ta không tham vọng đến thế đâu! Thậm chí họ cũng vừa lòng với điều nhỏ hơn nữa kia mà. Bít-xmác đã rời khỏi cương vị thủ tướng. Rôn, một kẻ phản đối điều lệ về các khu, thay thế ông ta, còn có một vị tướng nữa tham gia vào nội các, Den-khốp và I-txen-plít-xơ vẫn giữ nguyên cương vị, nội các liên hiệp mà lại ít liên hiệp hơn so với bất kỳ thời gian nào, các phần tử phong kiến trong nội các này được tăng cường, - còn những anh chàng tư sản cứ bình thản tiếp tục uống cốc rượu bia của mình với một ý nghĩ kiêu hãnh cho rằng rốt cuộc Bít-xmác vẫn là linh hồn của tất cả.

Thí dụ đó nói lên một cách rõ rệt lập trường của giai cấp tư sản Phổ. Địa vị lịch sử mà Bít-xmác đã đặt nước Phổ vào và sự tiến bộ công nghiệp của hai mươi năm gần đây đã bắt buộc ông ta, tức Bít-xmác, phải làm những việc mà bản thân giai cấp tư sản Phổ trong những năm 1848 - 1850 đã không dám làm vì nhút nhát, thế mà giai cấp tư sản Phổ lại coi đó là công lao của

mình. Nó không đủ can đảm, thậm chí để bắt Bít-xmác của mình thực hành những cải cách nho nhỏ ấy một cách giản đơn, theo lối giai cấp tư sản đường hoàng công nhiên, không cần trải qua những sự xuyên tạc bóp méo của nhà nước - cảnh sát. Nó lớn tiếng hoan hô việc Bít-xmác hiện nay buộc phải cắt đi những yêu cầu của bản thân nó đã đề ra năm 1846<sup>270</sup>; ngoài ra cũng phải thấy điều này - đấy chỉ là những đòi hỏi kinh tế, tức là những đòi hỏi mà việc thực hiện những đòi hỏi đó, dù một ngàn Bít-xmác có muốn ngăn cản cũng không thể ngăn cản được. Còn về những đòi hỏi *chính trị*, tức việc chuyển giao chính quyền cho giai cấp tư sản, nếu còn được đề cập đến, thì cũng chỉ vì thể diện mà thôi. Giai cấp tư sản Phổ *không muốn* nắm chính quyền; cũng giống như nước Nga quan phương thời Vôn-te, giai cấp tư sản Phổ, một giai cấp chưa kịp thành thực đã mục nát, chưa nắm được chính quyền đã rút xuống tới một mức độ thoái hoá mà giai cấp tư sản Pháp đã rơi xuống sau tám mươi năm đấu tranh và sau một sự thống trị lâu dài. Panem et circenses! - bánh mì và tiêu khiển - tầng lớn bình dân La Mã suy đồi đã yêu cầu các hoàng đế của họ như vậy. Panem et circenses! - những khoản lợi nhuận đầu cơ và sự xa hoa man rợ! - không phải nhân dân Phổ, mà chính là giai cấp tư sản Phổ yêu cầu các hoàng đế của họ như vậy đó. Đám bình dân La Mã cùng với các hoàng đế của họ đã bị các dân tộc Giéc-manh đã man xoá sạch; sau lưng người tư sản Phổ, công nhân Đức đang vươn lên một cách đáng sợ.

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào đầu tháng  
Giêng 1873*

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat"  
số 5, ngày 15 tháng Giêng 1873*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Đức*

## C.MÁC TRẢ LỜI BẢN THÔNG BÁO MỚI CỦA CÁI GỌI LÀ PHÁI ĐA SỐ CỦA HỘI ĐỒNG LIÊN CHI HỘI ANH<sup>271</sup>

Bản thông báo mới của cái gọi là phái đa số trong Hội đồng Liên chi hội Anh dường như là đã được dùng để đáp lại hai thư kêu gọi: thư kêu gọi của Hội đồng Liên chi hội Anh và thư kêu gọi của Chi hội người nước ngoài ở Men-se-xtơ<sup>1\*</sup>. Thực ra thì bản thông báo này chẳng bác bỏ một điểm nào trong hai thư kêu gọi đó. Bản thông báo mới này chỉ mưu đồ đem những chuyện đơm đặt nói xấu cá nhân, những chuyện vu khống và nói láo để tung bụi mù vào mắt những người đọc thông báo, với hy vọng rằng những chi hội mới được tổ chức gần đây sẽ không tránh khỏi hiểu không đầy đủ lịch sử của Quốc tế.

Một điều hết sức đáng chú ý là trong số sáu uỷ viên ban chấp hành ký tên vào thông báo này, có hai người - ông I-ung và ông Pây-pơ - không còn có locus standi<sup>2\*</sup> nữa trong Hội đồng Liên chi hội Anh. Họ vốn là những đại biểu: người thứ nhất là đại biểu của Mi-đơn-xtô-rô, người thứ hai là đại biểu của Nốt-tinh-hêm, nhưng trong hai chi hội vừa kể thì một chi hội đã huỷ bỏ giấy uỷ nhiệm của nó, còn chi hội kia thì nhất trí bác bỏ bản thông

1\* Xem tập này, tr. 268 - 281.

2\* - địa vị hợp pháp.

báo. Chúng tôi chỉ nêu lên một vài ví dụ để thấy rõ những luận đoán trở trên đặc trưng cho cái văn kiện đang được đề cập đến.

Về cái gọi là "báo cáo chính thức", trong văn kiện đó nói:

"Tuy trong thư kêu gọi cũng có nói đến "64" vị đại biểu của Đại hội La Hay, nhưng trong báo cáo không hề liệt kê danh sách của họ".

"Báo cáo" nói ở đây chẳng qua là bản in chính thức *những nghị quyết đã được đại hội thông qua*<sup>272</sup>, trong bản in đó mà liệt kê danh sách đại biểu thì sẽ không thích hợp, vì danh sách đại biểu đã được công bố tại La Hay và đã được đăng lại trong nhiều báo chí trên lục địa, trong các cơ quan ngôn luận của Quốc tế, cũng như trong các báo chí tư sản. Ngoài ra, trong báo cáo về mỗi cuộc bỏ phiếu, có liệt kê số người bỏ phiếu, còn chỗ nào có sự phân tán số phiếu, thì còn liệt kê cả tên họ của người bỏ phiếu.

"Nghị quyết đã bị lờ đi hoặc bị xuyên tạc. Chẳng hạn, nghị quyết về vấn đề nộp hội phí cho Tổng Hội đồng đã yêu cầu mỗi hội viên của Hội liên hiệp, bao gồm cả những công liên, mỗi năm nộp hội phí cho Tổng Hội đồng lên đến 1 si-ling".

Điểm 2 trong báo cáo chính thức dưới tiêu đề "Hội phí phải nộp cho Tổng Hội đồng" ghi rõ: do có yêu cầu, một phía thì yêu cầu tăng mức hội phí, một phía thì yêu cầu giảm mức hội phí, cho nên đại hội đã quyết định vẫn giữ mức hội phí 1 pen-ni, bằng 17 phiếu thuận, 12 phiếu chống, 8 phiếu trắng<sup>1\*</sup>. Vậy ở đây cái gì bị lờ đi chứ?

Còn về việc "xuyên tạc: nghị quyết, thì mong họ cứ cả gan chỉ ra cho xem một nghị quyết nào trong báo cáo không đúng hoàn toàn với biên bản.

Mặt khác, những luận đoán của những tác giả của bản thông báo này đề cập đến nghị quyết của đại hội về hành động chính trị chúng tỏ rằng về nghiệp vụ "xuyên tạc", bản thân những tác

1\*. Xem tập này, tr. 206.

giả ấy thành thạo biết bao. Trước hết, câu: "Việc giành chính quyền đã trở thành nhiệm vụ vĩ đại của giai cấp công nhân" đã được trích nguyên văn trong Tuyên ngôn Thành lập của Quốc tế (1864) đưa vào nghị quyết của Hội nghị đại biểu Luân Đôn lần thứ IX, ấy thế mà họ lại tuyên bố rằng câu ấy do Đại hội La Hay sáng tác ra.

Thứ hai, các tác giả của thông báo khẳng định rằng dịch "*doit servir*" tiếng Pháp thành ra "*ought to serve*"<sup>1\*</sup> tiếng Anh thì sai. Nếu quả có sai, thì cái sai ấy là của Tổng Hội đồng cũ trong bản dịch chính thức ra tiếng Anh nghị quyết của hội nghị đại biểu mà nguyên bản là tiếng Pháp. Nhưng ở đây không có sai. Vì các tác giả của thông báo hình như không thạo tiếng Anh, mà cũng chẳng thạo tiếng Pháp, cho nên chúng tôi phải giới thiệu họ đi tra cứu bất cứ một cuốn tự điển Anh - Pháp nào, chẳng hạn cuốn "Tự điển Anh - Pháp Bôi-e, Nhà xuất bản Bốt-ri, Pa-ri, năm 1854", trong đó từ "*ought*" được giải nghĩa là: "Ought to be so - cela doit être ainsi"<sup>2\*</sup>.

Để bác bỏ ý kiến khẳng định rằng nghị quyết của Đại hội La Hay được hoàn toàn hoán nghênh ở Pháp, Đức, Áo, Hung-ga-ri, Bồ Đào Nha, Mỹ, Đan Mạch, Ba Lan và Thụy Sĩ, bản thông báo của Giôn Hây-dơ yêu cầu địa chỉ của các thư ký những nước ấy. Đối với nước Đức, ông ta chỉ cần xem tờ báo "Volksstaat" và hàng nửa tá những tờ báo công nhân khác cũng đủ rõ; đối với nước Áo và nước Hung-ga-ri thì nên xem tờ "Volkswille"<sup>273</sup>; đối với nước Bồ Đào Nha, nên xem tờ "Pensamento Social"; đối với Đan Mạch, nên xem tờ "Socialisten"; đối với Tây Ban Nha, nên xem tờ "Emancipacion"; đối với Hà Lan, nên xem tờ "De Werkman"; đối với I-ta-li-a, nên xem tờ "Plebe"; đối với Thụy Sĩ, nên xem tờ "Égalité" và "Tagwacht"<sup>274</sup>. Còn về phần nước Mỹ, thì liên chi hội công nhân duy nhất đang tồn tại ở đây năm ngoái đã bầu vào Hội

1\* - "phải là".

2\* - "phải như thế".

đồng liên chi hội của mình những người mà hiện giờ đang tham gia Tổng Hội đồng. Còn về phần Ba Lan và Pháp, thì cố nhiên không thể phó thác địa chỉ của những thông tin viên tương ứng cho những hạng người như là Giôn Hây-dơ và đồng bọn.

Về tính chất "tự phát" của cuộc vận động chia rẽ, chỉ cần dẫn chứng một sự việc sau đây cũng đủ: đại hội đại biểu phái chia rẽ được triệu tập vào tháng Chín năm ngoái ở Xanh-I-mê đối chọi lại với Đại hội quốc tế La Hay, đã thông qua một nghị quyết chính thức tổ chức cuộc vận động này khắp nơi, "đi tới một sự thoả thuận ngay lập tức với tất cả những chi hội và liên chi hội" tỏ ra đồng tình với sự chia rẽ, để có thể triệu tập "chậm nhất là trong vòng sáu tháng một đại hội đại biểu quốc tế" của phái chia rẽ.

*Do C.Mác viết vào giữa tháng Giêng 1873  
Đã in trên báo "The International Herald"  
số 43, ngày 25 tháng Giêng 1873*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Anh  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

## C.MÁC CHỦ NGHĨA THỜ Ờ CHÍNH TRỊ<sup>275</sup>

"Giai cấp công nhân không cần phải tự tổ chức thành chính đảng; giai cấp công nhân không được viện bất cứ lý do gì để làm chính trị, vì tiến hành đấu tranh chống nhà nước tức là thừa nhận nhà nước, và như vậy là trái với những nguyên tắc vĩnh cửu! Công nhân không nên tiến hành bãi công, vì phí sức mình để giành cho được tăng lương hoặc để ngăn chặn hạ lương có nghĩa là thừa nhận *chế độ lao động làm thuê*, như thế là trái với những nguyên tắc vĩnh cửu của việc giải phóng giai cấp công nhân!

"Nếu trong cuộc đấu tranh chính trị chống nhà nước tư sản, công nhân chỉ giành được một số nhượng bộ cá biệt thì tức là công nhân đã thực hành thoả hiệp; mà như thế là trái với những nguyên tắc vĩnh cửu. Vì vậy cần phải cự tuyệt mọi phong trào hoà bình mà công nhân Anh và Mỹ có cái thói quen xấu hay tham gia. Công nhân không nên phí sức để giành cho được sự hạn chế ngày lao động bằng pháp luật, vì như thế tức là thoả hiệp với chủ xí nghiệp, khiến cho chủ xí nghiệp vẫn có thể bóc lột 10 giờ hoặc 12 giờ thay cho 14 giờ hoặc 16 giờ mà thôi. Công nhân cũng không nên phí sức mình để giành cho được sự cấm đoán bằng pháp luật việc sử dụng lao động của những em gái dưới 10 tuổi trong công xưởng, vì bằng cách đó họ vẫn không chấm dứt được việc bóc lột những em trai dưới 10 tuổi: như vậy họ chỉ đi vào một sự thoả hiệp mới, nó vi phạm sự trong sáng của những nguyên tắc vĩnh cửu!

"Công nhân lại càng không nên đòi nhà nước - mà ngân sách dựa vào sự đóng góp của công nhân - phải đảm nhiệm nền giáo dục sơ đẳng cho con cái công nhân như ở nước Cộng hoà Mỹ, vì nền giáo dục sơ đẳng không phải là một nền giáo dục đầy đủ. Thà cứ để cho công nhân nam nữ không biết đọc, không biết viết, không biết tính toán còn hơn là tiếp thu sự giáo dục của một ông giáo trường công. Chẳng thà cứ để cho sự dốt nát và mười sáu giờ lao động mỗi ngày tiếp tục làm cho giai cấp công nhân dần dần đi, miễn là không làm hoen ố những nguyên tắc vĩnh cửu.

"Nếu cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân mang những hình thức cách mạng, nếu công nhân thiết lập nên chuyên chính cách mạng của mình thay cho nền chuyên chính của giai cấp tư sản, thì công nhân phạm phải một tội ghê gớm là vi phạm những nguyên tắc, vì để thoả mãn những nhu cầu hàng ngày rất đáng thương, thô thiển của mình, để đập tan sự phản kháng của giai cấp tư sản, công nhân đã không hạ vũ khí, không xoá bỏ nhà nước mà đã làm cho nhà nước có một hình thức cách mạng tạm thời. Công nhân không cần phải thành lập các công đoàn, vì như vậy công nhân sẽ làm cho sự phân công lao động xã hội, như hiện có trong xã hội tư sản, tồn tại mãi mãi; chính sự phân công ấy khiến cho công nhân chia rẽ và là cơ sở thật sự của tình trạng nô lệ hiện nay của họ.

"Tóm lại, công nhân nên khoanh tay đứng nhìn và không nên lãng phí thời gian của mình vào việc tham gia phong trào chính trị và kinh tế. Loại hoạt động đó chỉ có thể mang lại cho họ những hiệu quả trực tiếp. Như những tín đồ thật sự, coi khinh những nhu cầu thường ngày, họ phải kêu to lên rằng: "Thà để cho giai cấp chúng ta bị đóng đinh trên giá chữ thập, thà để cho dòng giống của chúng ta bị diệt vong, nhưng những nguyên tắc vĩnh cửu vẫn phải trong sáng!" Họ phải giống như những tín đồ Cơ Đốc ngoan đạo tin những lời nói của cha cố, từ bỏ mọi hạnh phúc trên cõi trần và chỉ tâm niệm được lên thiên

đường. Hãy đem thiên đường thay bằng *sự thủ tiêu xã hội*, một sự thủ tiêu sẽ được thực hiện vào một hôm nào đó chẳng biết ở đâu, chẳng biết bằng cách gì, chẳng biết do ai, thì sẽ xuất hiện một ảo cảnh giống thế.

"Trong khi chờ đợi sự thủ tiêu xã hội xấu danh ấy, giai cấp công nhân phải tỏ ra hiền từ nhã nhặn như đàn cừu no nê, không được quấy rầy chính phủ, phải sợ sệt cảnh sát, phải tôn trọng luật pháp, phải chịu nhẫn nhục làm bia đỡ đạn.

"Trong đời sống thực tế hàng ngày, công nhân phải là người đầy tố trung thành nhất của các nước, nhưng trong thâm tâm, họ phải kiên quyết phản đối sự tồn tại của nhà nước và chúng tỏ sự miệt thị sâu sắc về mặt lý luận của mình đối với nhà nước bằng cách mua và đọc những sách bàn về việc xoá bỏ nhà nước; nhưng dù sao họ cũng không được chống đối chế độ tư bản, ngoài việc cao đàm về cái xã hội tương lai không còn chế độ đáng ghét ấy nữa!"

Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, nếu như các vị tông đồ của chủ nghĩa thờ ơ chính trị đã nói rõ ràng như vậy thì giai cấp công nhân ắt đã để cho quỷ tha ma bắt họ đi từ lâu rồi. Giai cấp công nhân sẽ coi đó là một sự lãng nhục của bọn khống luận tư sản và của bọn quý tộc hủ hoá truy lạc nhằm xúc phạm họ; bọn này hoặc là dần dần hoặc là ngay ngô đến mức cấm giai cấp công nhân sử dụng mọi thủ đoạn đấu tranh hiện thực, vì thủ đoạn chiến đấu ắt phải lấy trong xã hội hiện đại, vì điều kiện không tránh khỏi của cuộc đấu tranh ấy đáng tiếc là không phù hợp với những ảo tưởng duy tâm chủ nghĩa mà các vị tiến sĩ *khoa học xã hội* ấy đã thần thánh hoá dưới cái tên gọi *tự do, tự trị, trạng thái vô chính phủ*. Nhưng phong trào của giai cấp công nhân hiện nay đã lớn mạnh đến mức những phần tử bè phái từ thiện ấy không còn dám nhắc lại trong lĩnh vực đấu tranh kinh tế, *những chân lý vĩ đại* mà bọn họ không ngớt tuyên truyền trong lĩnh vực đấu tranh chính trị. Bọn họ quá nhút nhát đến



nổi không dám vận dụng những chân lý ấy vào bãi công, vào liên minh, vào công hội, vào những luật pháp về lao động phụ nữ và lao động trẻ em, về hạn chế ngày lao động, v.v. và v.v..

Bây giờ, chúng ta hãy xem bọn họ có thể viện dẫn những truyền thống cũ, sự chính trực, tận tâm và những nguyên tắc vĩnh cửu đến mức độ nào.

Một số những nhà xã hội chủ nghĩa đầu tiên là Phu-ri-ê, Ô-oen, Xanh-Xi-mông, v.v. - vì quan hệ xã hội thời bấy giờ chưa phát triển đến mức khiến cho giai cấp công nhân có thể tự tổ chức thành một giai cấp chiến đấu - nên họ tất phải bị hạn chế ở những ảo tưởng về *xã hội kiểu mẫu* của tương lai và lên án tất cả những ý đồ của giai cấp công nhân như là bãi công, lập hội và hành động chính trị nhằm cải thiện phần nào số phận của mình. Nhưng nếu như chúng ta không có quyền phủ nhận những vị giáo chủ ấy của chủ nghĩa xã hội, cũng như các nhà hoá học ngày nay không có quyền phủ nhận tổ tiên của họ, là những kỹ thuật sĩ luyện vàng thì dù sao chẳng nữa chúng ta cũng phải cố gắng không sa vào những sai lầm của họ, vì nếu chúng ta mắc phải những sai lầm như thế thì sẽ không thể tha thứ được.

Song sau này, vào năm 1839, khi cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh kinh tế của giai cấp công nhân ở Anh đã mang một tính chất rất rõ ràng rồi thì Brây, một trong những môn đồ của Ô-oen và một trong những người đã phát minh ra *hỗ trợ luận trước Pru-ông* rất lâu, đã xuất bản một cuốn sách nhan đề "Labour's Wrongs and Labour's Remedy" ("Những sự bất công đối với lao động và phương thuốc cứu chữa")<sup>276</sup>.

Trong cuốn sách này, ở chương nói về *việc công nhân mà muốn thông qua cuộc đấu tranh trước mắt của mình để giành tất cả những cải thiện cục bộ* là một việc không công vô ích, ông ta đã phê phán sâu cay tất cả những phong trào đấu tranh chính trị và kinh tế của công nhân Anh; ông ta chỉ trích phong trào chính trị, các cuộc bãi công, việc hạn chế thời gian lao động,

việc điều chỉnh lao động công xưởng của phụ nữ và trẻ em, vì theo ý kiến ông ta, tất cả những điều đó chẳng những không giúp gì cho việc xoá bỏ tình trạng xã hội hiện nay, mà trái lại còn làm cho tình trạng ấy củng cố thêm và còn làm cho những mâu thuẫn càng gay gắt thêm nhiều.

Bây giờ chúng ta hãy bàn đến nhà tiên tri của các vị tiến sĩ khoa học xã hội ấy, tức Pru-ông. Mặc dù ông thầy này có can đảm kiên quyết phản đối mọi phong trào kinh tế (phản đối lập hội, bãi công v.v.) trái với cái lý luận cứu thế của ông ta, tức *hỗ trợ luận*, nhưng bản thân ông ta vẫn viết sách và tự mình tham gia để kích lệ phong trào chính trị của giai cấp công nhân, còn các học trò của ông ta thì lại không dám công khai phản đối phong trào đó. Ngay từ năm 1847, khi một tác phẩm chủ yếu của ông thầy được xuất bản: "Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế", tôi đã bác bỏ những luận cứ nguy hiểm của ông ta phản đối phong trào công nhân<sup>1)</sup>. Nhưng năm 1864, sau khi thông qua đạo luật Ô-li-vi-ê cho công nhân Pháp được quyền liên hiệp, cố nhiên là trong phạm vi hết sức hạn chế, Pru-ông lại quay trở lại trình bày những quan điểm của mình trong cuốn sách "Bàn về năng lực chính trị của giai cấp công nhân", cuốn sách này đã ra đời vài ngày sau khi ông ta chết.

Những lời công kích của ông thầy này thật là hợp khẩu vị của của giai cấp tư sản, thành thử nhân xảy ra một cuộc bãi công lớn của những người thợ máy ở Luân Đôn vào năm 1866, tờ báo "Times" đã dành cho Pru-ông cái vinh dự là dịch đăng tác phẩm của ông ta, dùng những lời lẽ của bản thân Pru-ông để chỉ trích những người bãi công. Đây là một vài ví dụ.

1) Xem tác phẩm "Sự khốn cùng của triết học. Trả lời cuốn "Triết học về sự khốn cùng" của ông Pru-ông" (Pa-ri. 1847. Nhà xuất bản Phrăng-cơ). chương II.V: "Những cuộc bãi công và liên minh của công nhân"<sup>277</sup>.

Công nhân mở than ở Ri-vơ-đơ-gie tuyên bố bãi công; để làm cho đầu óc của họ sáng ra, người ta đã phái binh lính đến đó.

"Chính quyền". - Pru-đông thốt lên. - "bắn giết những công nhân mở than ở Ri-vơ-đơ-gie, đã lâm vào một tình trạng hết sức khó khăn. Nhưng chính quyền đã hành động như Bru-tút người Rô-ma: Bru-tút đã buộc phải lựa chọn giữa tình phụ tử và chức trách quan chấp chính của mình: cần phải hy sinh những đứa con của mình để cứu lấy nước cộng hoà. Bru-tút đã không ngập ngừng do dự, và hậu thế cũng không dám chỉ trích ông ta"<sup>1)</sup>.

Không một công nhân nào nhớ lại được rằng có một nhà tư bản nào đó đã do dự khi hy sinh những công nhân của mình để cứu lấy những lợi ích của bản thân mình. Các vị tư sản ấy là những Bru-tút nào kia chứ!

"Bởi vậy, - không có quyền liên hiệp, cũng như không có quyền lừa bịp và quyền trộm cắp, cũng như không có quyền loạn dâm và thông dâm"<sup>2)</sup>.

Song phải thừa nhận, chắc là có quyền được *ngu độn*.

Vì những nguyên tắc vĩnh cửu mà ông thầy đã thốt ra những nguyên rủa vô nghĩa, vậy những nguyên tắc vĩnh viễn ấy là những nguyên tắc như thế nào?

*Nguyên tắc vĩnh cửu thứ nhất:*

"Mức lương quyết định giá cả hàng hoá".

Ngay cả những người không hiểu biết kinh tế chính trị học và không biết rằng nhà kinh tế học tư sản vĩ đại Ri-các-đô đã vĩnh viễn bác bỏ điều sai lầm truyền thống ấy trong tác phẩm của ông: "*Những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị*" xuất bản

1) Pru-đông. "Bàn về năng lực chính trị của giai cấp công nhân", Pa-ri. 1868. Nhà xuất bản La-croa và Công ty<sup>278</sup>. tr.327.

2) Pru-đông "Bàn về năng lực chính trị của giai cấp công nhân". Pa-ri. 1868. Nhà xuất bản La-croa và Công ty. tr.333.

năm 1817<sup>279</sup> thì cũng đều biết được một đặc điểm nổi bật của nền công nghiệp Anh là có thể tiêu thu hàng hoá của nó với giá cả hạ hơn rất nhiều so với công nghiệp của bất cứ một nước nào khác, trong khi tiền công ở nước Anh lại tương đối cao hơn so với bất cứ một nước nào khác ở châu Âu.

*Nguyên tắc vĩnh cửu thứ hai:*

"Luật pháp cho phép liên hiệp là luật pháp hết sức trái với luật học và trái với kinh tế học, mâu thuẫn với mọi xã hội và mọi trật tự".

Nói tóm lại, nó "mâu thuẫn với *quyền lợi* kinh tế về tự do cạnh tranh".

Nếu ông thầy không phải là một kẻ chauvin<sup>1\*</sup> đến như thế, thì ông ta sẽ tự hỏi rằng làm thế nào mà giải thích được rằng cách đây bốn mươi năm, ở nước Anh, người ta đã có thể ban hành một đạo luật trái ngược với *quyền lợi kinh tế về tự do cạnh tranh*, và tại làm sao công nghiệp càng phát triển, và cùng với công nghiệp, *tự do cạnh tranh* cũng phát triển thì ngay cả những nhà nước tư sản cũng buộc phải dùng cái đạo luật trái ngược với *mọi xã hội và mọi trật tự* ấy như là một cái gì tất yếu. Khi đó, có lẽ ông ta sẽ thấy rõ rằng cái Quyền (Q viết hoa) mà ai nấy đều biết ấy, chỉ tồn tại trong *các cuốn sách giáo khoa kinh tế học* do những người anh em dốt nát của khoa kinh tế chính trị tư sản viết ra, những cuốn sách giáo khoa trong đó cũng có những câu tinh hoa của kinh tế học như: *tài sản là thành quả lao động...*, nhưng họ quên thêm: *của người khác*.

*Nguyên tắc vĩnh cửu thứ ba:*

"Vì vậy, viện cố muốn đưa giai cấp công nhân thoát ra khỏi cái gọi là địa vị xã hội thấp kém, trước hết họ bôi nhọ cả một giai cấp công dân: giai cấp các ông chủ, các chủ xí nghiệp, các chủ xưởng và các nhà tư sản; họ kích động phá sản dân

1\* - số-vanh

chủ công nhân khinh miệt và căm ghét những đại diện không xứng đáng ấy của giai cấp trung đẳng: họ thích chiến tranh thương nghiệp và chiến tranh công nghiệp hơn là những thủ đoạn chống đối hợp pháp, họ thích đấu tranh giai cấp hơn là cảnh sát nhà nước"<sup>1)</sup>.

Để ngăn trở giai cấp công nhân thoát ra khỏi cái gọi là *địa vị xã hội thấp kém*, ông thày lên án những liên minh đang làm cho giai cấp công nhân thành một giai cấp đối địch với *loại những người đáng kính*, tức là *những chủ xưởng, những chủ xí nghiệp, những nhà tư sản*, cái loại những người cố nhiên, cũng như ông Pru-đông chuộng *cảnh sát nhà nước* hơn là *đấu tranh giai cấp*. Để làm cho giai cấp đáng kính này tránh khỏi mọi sự khó chịu, ông Pru-đông tốt bụng (có nhiên là trước khi vương quốc hỗ trợ luận được thiết lập) giới thiệu cho tất cả công nhân rằng "tự do hoặc cạnh tranh, đó là một đảm bảo duy nhất cho chúng ta" (mặc dù có những điều bất lợi rất lớn gắn liền với những cái đó)<sup>2)</sup>.

Ông thày tuyên truyền chủ nghĩa thờ ơ kinh tế *nhằm bảo vệ tự do, hoặc là sự cạnh tranh của giai cấp tư sản*, - một bảo đảm duy nhất cho chúng ta. Các học trò thì tuyên truyền chủ nghĩa thờ ơ chính trị để bảo vệ tự do tư sản, - một bảo đảm duy nhất của họ. Nếu những tín đồ Cơ Đốc giáo đầu tiên, những người cũng tuyên truyền chủ nghĩa thờ ơ chính trị, đã cần đến sự giúp sức của hoàng đế để làm cho họ biến từ chỗ là những người bị bức hại thành những kẻ đi bức hại, thì các vị tín đồ ngày nay của chủ nghĩa thờ ơ chính trị hoàn toàn không tin rằng những nguyên tắc vĩnh cửu của họ làm cho họ phải từ bỏ những vui thú trần gian và những đặc quyền tạm thời của xã hội tư sản. Song, phải thừa nhận rằng họ chịu đựng, với một tinh thần khổ

1) Pru-đông "Bàn về năng lực chính trị của giai cấp công nhân". Pa-ri, 1868. Nhà xuất bản La-croa và Công ty. tr.337 - 338.

2) Pru-đông "Bàn về năng lực chính trị của giai cấp công nhân". Pa-ri, 1868, La-croa và Công ty, tr.334.

hạnh của tín đồ Cơ Đốc giáo thực sự, cái chế độ lao động 14 giờ hay 16 giờ, miễn là lao động đó trút lên đầu những công nhân công xưởng!

Luân Đôn, tháng Giêng 1873

*Do C.Mác viết*

*Đã in vào tháng Chạp 1873 trong văn tập  
"Almanaco Repubblicano per l'anno 1874"*

*Ký tên: Các Mác*

*In theo bản in trong văn tập  
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a*

## PH. ĂNG-GHEN BÀN VỀ QUYỀN UY<sup>280</sup>

Một vài người xã hội chủ nghĩa, trong thời gian gần đây, đã mở một cuộc viễn chinh chữ thập thực sự chống cái mà họ gọi là *nguyên tắc quyền uy*. Họ chỉ cần tuyên bố rằng hành vi này hay hành vi nọ có *tính chất quyền uy* là đủ để kết tội hành vi đó. Người ta đã hết sức lạm dụng cái lời nhận xét đơn giản đó, cho nên cần phải xét vấn đề kỹ hơn. Quyền uy nói ở đây, có nghĩa là ý chí của người khác mà người ta buộc chúng ta phải tiếp thụ; mặt khác, quyền uy lấy sự phục tùng làm tiền đề. Nhưng vì hiện nay, hai tiếng đó nói lên nghe đều không êm tai cả, và mối quan hệ mà hai tiếng đó nói lên lại làm cho bên phải phục tùng thấy khó chịu, bởi vậy cho nên vấn đề đặt ra là: có thể không cần đến quan hệ đó không, và trong điều kiện xã hội hiện nay, chúng ta có thể tạo ra một chế độ xã hội trong đó cái quyền uy ấy mất hết ý nghĩa, do đó mà phải tiêu vong đi không. Xem xét các quan hệ kinh tế, như quan hệ công nghiệp và quan hệ nông nghiệp, hiện đang là cơ sở của xã hội tư sản hiện đại, chúng ta sẽ thấy được rằng những quan hệ đó có xu hướng là ngày càng thay thế hành động phân tán bằng hành động liên hợp của nhiều người. Những xưởng nhỏ bé của những người sản xuất phân tán đã được thay thế bằng công nghiệp hiện đại với những công xưởng và nhà máy to lớn, trong đó hàng trăm công nhân điều khiển những máy móc phức tạp chạy bằng hơi nước; những xe ngựa chở người và xe ngựa vận tải trên các đường cái lớn đã nhường chỗ cho những đoàn xe lửa, cũng như các thuyền buồm, thuyền,

chèo đã nhường chỗ cho các tàu thủy. Ngay cả trong nông nghiệp, các máy móc và hơi nước ngày càng chiếm địa vị thống trị và thay thế dần dần nhưng chắc chắn những tiểu nông tự canh bằng những nhà đại tư bản dùng công nhân làm thuê để canh tác những khoảng đất rộng lớn. Như vậy, hành động liên hợp, sự phức tạp hoá các quá trình công tác tùy thuộc lẫn nhau, đang thay thế cho hoạt động độc lập của từng cá nhân riêng lẻ. Nhưng hoạt động liên hợp có nghĩa là tổ chức nhau lại, mà tổ chức thì liệu không dùng đến quyền uy được chăng?

Giả định rằng một cuộc cách mạng xã hội đã lật đổ bọn tư bản hiện nay đang dùng quyền uy để chi phối sản xuất và lưu thông các của cải. Hoàn toàn đứng về phương diện những địch thủ của quyền uy, chúng ta giả định rằng đất đai và công cụ lao động đã trở thành sở hữu tập thể của những công nhân đang sử dụng các thứ đó. Như thế thì liệu quyền uy có mất đi không, hay nó chỉ thay đổi hình thức? Chúng ta hãy xét vấn đề đó.

Hãy lấy một nhà máy sợi làm thí dụ. Trước khi thành sợi, bông phải trải qua ít ra là 6 động tác liên tiếp nhau, phần lớn những động tác đó đều xảy ra trong các phòng khác nhau. Sau đó, để làm cho máy móc không ngừng hoạt động, người ta lại cần có kỹ sư trông coi máy hơi nước, cần có thợ máy để làm các việc sửa chữa hàng ngày, và nhiều công nhân khác để chuyển sản phẩm từ phòng này sang phòng khác, v.v.. Tất cả những người lao động đó, đàn ông, đàn bà và trẻ con, đều bắt buộc phải bắt đầu làm việc và nghỉ làm việc vào thời gian do quyền uy của hơi nước quy định mà không kể gì đến quyền tự trị của một cá nhân nào cả. Như vậy là các công nhân trước hết phải thoả thuận với nhau về thời gian làm việc; một khi định xong thời gian ấy rồi thì tất cả mọi người, không trừ một ai, đều phải nhất luật tuân theo. Sau nữa, trong mỗi phòng, bất cứ lúc nào, cũng lại nảy ra những vấn đề cục bộ về phương pháp sản xuất, về phân phối vật liệu, v.v.. Những vấn đề đó đòi hỏi phải được giải quyết tức khắc, nếu không thì toàn bộ sản xuất phải dừng lại

ngay. Không kể vấn đề được giải quyết bằng cách nào, được giải quyết bởi quyết định của người được lựa chọn để lãnh đạo mỗi ngành lao động hay trong tình hình có thể được, bằng biểu quyết của đa số, thì ý chí của từng người luôn luôn phải phục tùng; như thế nghĩa là các vấn đề được giải quyết bằng quyền uy. Bộ máy tự động của một nhà máy lớn lại còn chuyên chế hơn nhiều so với tên tư bản nhỏ, sử dụng lao động của công nhân, ít nhất là về mặt giờ giấc, người ta cũng có thể ghi ở cửa các nhà máy đó: *Đã vào đây, xin anh hãy vứt bỏ mọi quyền tự trị đi!*<sup>281</sup> Nếu con người nhờ vào khoa học và thiên tài sáng tạo của mình mà chinh phục được các lực lượng tự nhiên, thì các lực lượng tự nhiên trả thù lại bằng cách bắt bản thân con người, trong chừng mực con người sử dụng những lực lượng tự nhiên ấy, phải phục tùng một sự chuyên chế thực sự, bất chấp tổ chức xã hội là như thế nào. Muốn tiêu diệt quyền uy trong đại công nghiệp, chính là muốn tiêu diệt ngay cả bản thân công nghiệp, chính là tiêu diệt nhà máy sợi để quay về với cái xa kéo sợi.

Hãy lấy một ví dụ khác là xe lửa. Ở đây cũng thế, sự hợp tác của số rất đông người là tuyệt đối cần thiết: sự hợp tác này phải được thực hiện trong những giờ phút quy định một cách rất chính xác, để tránh xảy ra tai nạn. Ở đây cũng thế, điều kiện trước hết của công việc là phải có một ý chí có quyền chi phối để giải quyết mọi vấn đề thuộc phạm vi chi phối của mình, không kể rằng đại biểu cho ý chí là một người được chọn ra hay là một ban có trách nhiệm chấp hành những quyết định của đa số những người hữu quan. Trong trường hợp này hay trường hợp kia, đều có một quyền uy biểu hiện rõ rệt. Hơn nữa: nếu thủ tiêu quyền uy của các nhân viên xe lửa đối với các ngài hành khách thì đoàn tàu cho chạy đầu tiên kia sẽ ra sao?

Nhưng trên một chiếc tàu đi giữa biển cả thì lại càng thấy rõ hơn hết là cần phải có quyền uy, hơn nữa phải có một quyền uy độc đoán nhất. Trên tàu, gặp lúc nguy hiểm thì sinh mệnh của mọi người phụ thuộc vào sự phục tùng tức khắc và không điều kiện của tất cả mọi người vào ý chí của một người.

Nếu tôi đưa những lý lẽ đó ra để chống lại những kẻ phản đối quyền uy một cách ngoan cố nhất thì họ cũng chỉ có thể trả lời tôi như sau: "Phải đấy! nói thế đúng; nhưng ở đây không phải là quyền uy mà chúng ta trao cho đại biểu của chúng ta, *mà là một sự uỷ nhiệm nào đó thôi!*" Những kẻ đó tưởng rằng cứ thay đổi tên gọi, là có thể thay đổi được sự vật. Các nhà tư tưởng thâm thúy đó quả là đã chế nhạo chúng ta.

Như thế, chúng ta vừa thấy được rằng một mặt, một quyền uy nhất định, không kể quyền uy đó đã được tạo ra bằng cách nào, và mặt khác, một sự phục tùng nhất định, đều là những điều mà trong bất cứ tổ chức xã hội nào, cũng đều do những điều kiện vật chất trong đó tiến hành sản xuất và lưu thông sản phẩm, làm cho trở thành tất yếu đối với chúng ta.

Mặt khác, chúng ta đã thấy rằng những điều kiện vật chất để sản xuất và lưu thông không thể không trở thành phức tạp, đồng thời với sự phát triển của đại công nghiệp và đại nông nghiệp, và những điều kiện ấy đều có xu hướng ngày càng mở rộng phạm vi của quyền uy đó. Vì vậy, thật là vô lý, nếu trình bày nguyên tắc quyền uy là một nguyên tắc hoàn toàn xấu và nguyên tắc tự trị là một nguyên tắc hoàn toàn tốt. Quyền uy và tự trị là những điều tương đối mà phạm vi áp dụng thì tùy theo những giai đoạn khác nhau của sự phát triển xã hội mà thay đổi. Nếu những người chủ trương tự trị chỉ muốn nói rằng tổ chức xã hội tương lai sẽ chỉ để cho quyền uy được tồn tại trong những giới hạn do những điều kiện sản xuất tất nhiên quy định, - nếu họ nói thế thì chúng ta có thể đồng ý với họ được. Nhưng họ lại nhắm mắt trước tất cả những sự việc khiến cho quyền uy trở thành cần thiết và họ cứ lao vào phản đối danh từ.

Tại sao những người phản đối quyền uy lại không chỉ kêu gào chống quyền uy chính trị, chống nhà nước không thôi? Tất cả mọi người xã hội chủ nghĩa đều đồng ý công nhận rằng nhà nước và cùng với nhà nước là quyền uy chính trị, sẽ mất đi sau cuộc

cách mạng xã hội tương lai, nghĩa là những chức năng xã hội sẽ mất tính chất chính trị và sẽ biến thành những chức năng quản lý đơn thuần chăm lo đến lợi ích của xã hội. Song những người phản đối quyền uy lại đòi phải lập tức xoá bỏ nhà nước chính trị có tính chất quyền uy, ngay cả trước khi xoá bỏ những điều kiện xã hội đã sản sinh ra nó. Họ đòi hỏi rằng việc đầu tiên của cách mạng xã hội là phải xoá bỏ quyền uy. Các ngài ấy đã bao giờ nhìn thấy một cuộc cách mạng chưa? Cách mạng chắc chắn là một cái có quyền uy nhất, cách mạng là một hành vi trong đó một bộ phận dân cư dùng súng, lưỡi lê, đại bác, tức là những thủ đoạn quyền uy phi thường, để cưỡng bức một bộ phận khác phải phục tùng ý chí của mình. Đảng chiến thắng không thể không dùng vũ khí của mình làm cho bọn phản động phải khiếp sợ để duy trì quyền thống trị của mình. Nếu Công xã Pa-ri không dùng quyền uy của nhân dân vũ trang để chống lại giai cấp tư sản thì liệu nó có thể đứng vững được quá một ngày không? Trái lại, lẽ nào chúng ta lại không thể trách Công xã là dùng quyền uy đó quá ít, hay sao?

Như vậy, hoặc là phải thế này hoặc là phải thế kia. Hoặc là những người phản đối quyền uy tự họ không hiểu được những lời họ nói, và như thế thì họ chỉ gieo rắc những quan niệm hồ đồ mà thôi. Hoặc là họ hiểu thì như thế là họ phản bội sự nghiệp của giai cấp vô sản. Trong cả hai trường hợp, họ chỉ phục vụ cho phe phản động mà thôi.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Mười 1872  
- tháng Ba 1973*

*Đã in vào tháng Mười 1873 trong văn tập  
"Almanacco Repubblicano per l'anno  
1874"*

*Ký tên: Phri-đrích Ăng-ghen*

*In theo bản in trong văn tập  
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a*

## PH. ĂNG-GHEN

### \* THÔNG BÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC TẾ TRÊN LỤC ĐỊA<sup>282</sup>

#### I

Chúng ta đã nhận được từ lục địa tin tức sau đây:

Cơ quan ngôn luận của Quốc tế ở I-ta-li-a "Plebe" loan tin rằng Chính phủ I-ta-li-a chưa bao giờ ngăn trở hoạt động của các chi hội chủ trương phân liệt, nhưng đã ở một chiến dịch hăm hại điên cuồng đối với chi hội ở Lô-di, một chi hội đã thừa nhận Tổng Hội đồng mới và tán thành nghị quyết của Đại hội La Hay. Chi hội đã bị giải tán, và người ta đã ban bố một mệnh lệnh bắt tất cả những uỷ viên của Ban chấp hành; trong số uỷ viên đó, có ba người thật sự đã bị bỏ tù, còn sáu người còn lại đã bỏ trốn. Trong số những người bị bắt, có Bi-na-mi, chủ bút báo "Plebe". Số báo của tờ báo này có đăng lời kêu gọi của Tổng Hội đồng (đã được công bố trong tờ "International Herald" số 34)<sup>283</sup> cũng bị tịch thu với lý do đó, thế mà những tuyên ngôn điên cuồng nhất của những phần tử chia rẽ lại được phổ biến một cách hoàn toàn tự do. Những người bị bắt sắp đưa ra toà xét xử về tội phản quốc.

Tờ báo của chúng ta ở Ma-đrít "Emancipacion" xác nhận rằng việc chống lại hoạt động chia rẽ của Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha ngày càng được đẩy mạnh. Hội đồng này vừa mới quyết định triệu tập đại hội đại biểu vào ngày 26 tháng Chạp ở

Coóc-dô-va<sup>284</sup>, để chấp nhận hay bác bỏ nghị quyết Đại hội La Hay, thì Liên chi hội Ma-đrít mới đã tuyên bố rằng hội đồng hành động như vậy là đã tự đặt mình ra ngoài hàng ngũ Quốc tế, và liên chi hội này đã kêu gọi tất cả các Chi hội và liên chi hội địa phương không cử đại biểu tham gia đại hội đại biểu của những phần tử chia rẽ, mà bầu ra một Hội đồng liên chi hội mới lâm thời<sup>285</sup>. Các liên chi hội địa phương ở Lê-ri-đa, Tô-lê-đô, Xa-ra-gốt, Vích-to-ri-a, An-ca-la-đơ Ê-na-rê-xơ, và cả Liên chi hội Ca-đi-xơ mới và những chi hội có ảnh hưởng ở Va-len-xi-a, Đê-ni-a, Pông-đơ - Vi-lu-ma-rơ và các địa phương khác đã tán thành đề nghị đó. Ngoài ra, Liên chi hội Gra-xi-a (khu công xưởng ngoại ô thành phố Bác-xê-lô-na) cũng đồng tình với nghị quyết La Hay và lên án hành vi của các đại biểu Tây Ban Nha tại Đại hội La Hay, còn Liên chi hội Gra-na-đa thì quyết định cử đại biểu đi dự đại hội đại biểu của những phần tử chia rẽ ở Coóc-dô-va, nhưng với mục đích đó đã chọn một người kiên quyết chống sự chia rẽ<sup>286</sup>. Không còn nghi ngờ gì cả, Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha sẽ đạt được mục đích của nó ở Coóc-dô-va, nhưng điều đó chỉ thúc đẩy nhanh chóng sự khủng hoảng.

Căn cứ theo bức thư nhận được từ Bồ Đào Nha gửi tới, thì rõ ràng là phong trào công nhân do Quốc tế tổ chức ở đó đạt tới quy mô khác thường. Chỉ riêng ở Li-xbon và các vùng kế cận đã có trên mười lăm ngàn công nhân được tổ chức vào công hội, và tổ chức này còn được mở rộng đến Ô-poóc-tô và miền Bắc. Tất cả những đoàn thể này đều do Quốc tế lập ra và tiếp tục chịu ảnh hưởng trực tiếp của Quốc tế. Nhưng bản thân Quốc tế thì lại do những luật pháp hiện hành trong nước này mà không thể tự do tổ chức được. Tờ báo của Quốc tế "Pensamento Social" hiện giờ vẫn tự trang trải được. Chúng tôi còn có thể nói thêm rằng ở Bồ Đào Nha không có những phần tử chia rẽ. Nghị quyết La Hay chẳng những được nhất trí tán thành mà còn được tiếp thu một cách nhiệt tình. Trong số 25 của báo "Pensamento" có đăng một bài viết rằng Đại hội đại biểu La Hay là một đại hội

quan trọng nhất trong tất cả các đại hội kể từ khi thành lập Quốc tế đến nay, và những nghị quyết của đại hội đó đánh dấu một bước tiến rất lớn trong sự phát triển của Hội liên hiệp<sup>287</sup>.

Căn cứ theo những tin tức nói trên, thì thấy rõ ràng phái đa số trước đây trong Hội đồng liên chi hội Anh, trong hoạt động của nó, đã lập lại y nguyên hoạt động của hội đồng phái chia rẽ Tây Ban Nha. Do đó thấy rằng các phần tử chia rẽ dù là ở Anh hay là ở Tây Ban Nha cũng đều hoạt động theo cùng một kế hoạch và đều được chỉ đạo bởi cùng một bọn âm mưu. Tiếc thay, lực lượng đông đảo hội viên Quốc tế chân chính ở Tây Ban Nha đã bị cuốn hút vào việc tham gia cuộc khởi nghĩa gần đây, tình hình đó có thể tạo nên một ưu thế tạm thời cho phái chia rẽ.<sup>288</sup>

## II

Bức thư của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha gửi đến làm cho chúng ta lưu ý rằng ở Tây Ban Nha đang nổ ra một cuộc bãi công của những người thợ lái xe lửa và đốt lò xe lửa, và các công ty đường sắt đang tuyển mộ người ở nước Anh, ở mức Bỉ và ở các nước khác để phá hoại những ý đồ của công nhân làm việc trong những công ty ấy tìm cách cải thiện tình trạng của mình<sup>289</sup>. Hội đồng chúng tôi đã cử ra một uỷ ban, giao cho uỷ ban đó viết một bài nhận định về sự việc này và gửi cho toà báo. Uỷ ban này đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, sự xuất hiện của bài nhận định đó trong các tờ báo ra ngày thứ bảy đã chứng minh điều đó. Còn có một số biện pháp khác nữa được thi hành để làm cho những công nhân lái xe lửa và đốt lò xe lửa ở nước Anh hiểu rõ tình hình bãi công ở Tây Ban Nha.

## III

Những tin tức mà chúng ta nhận được từ lục địa rất có ý nghĩa.

Từ nước Đức đã truyền đi những tin tức về một thắng lợi lớn. Bê-ben, hội viên Quốc tế, nghị sĩ Quốc hội Đức bị tòa án Dác-den kết án chín tháng tù giam và bị tước mất hết tất cả quyền nghị sĩ về tội đã nói những lời có tính chất "sỉ nhục" trong một bài diễn thuyết, nhưng vừa mới đây, ngày 20 tháng Giêng, ông lại được trúng cử với đa số 10.470 phiếu so với 4.420 phiếu mà ứng cử viên chính phủ thu được. Đây là lần thứ ba mà Bê-ben trúng cử trong khu bầu cử của mình, và lần này ông lại thu được nhiều hơn 2500 phiếu so với bất kỳ lần bầu cử nào trước đây. Thế là Bít-xmác lại phải đụng đầu với một con người duy nhất trong Quốc hội hiện nay dám công khai chống lại ông ta để bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân, và phải đụng đầu với một con người duy nhất đang thực sự làm cho ông ta sợ hãi. Để ngăn trở việc Bê-ben tái cử, người ta đã làm đủ hết cách: dọa dẫm, cảnh sát giải tán các hội nghị vận động bầu cử...; ứng cử viên mà người ta đưa ra tranh cử với Bê-ben là một trong những nhân vật quan trọng nhất mà người ta có thể tìm được, nhưng bất chấp tất cả những nỗ lực như vậy, công nhân Glau-hay và các vùng phụ cận hầu như đã bỏ phiếu với tỷ lệ: cứ bốn phiếu thì có ba phiếu bỏ cho Bê-ben, hơn nữa nơi đây cũng chẳng có những ông Xa-mu-en Mô-rơ-li nào cả để mà mua chuộc cử tri.

Lại nhận được những tài liệu chi tiết hơn về đại hội đại biểu của phái chia rẽ họp ở Tây Ban Nha. Xem ra, về mọi mặt đây là một đại hội đại biểu của phái thiểu số. Trong số 101 liên chi hội địa phương bao gồm 398 chi hội, chỉ có 41 liên chi hội địa phương, hay là 57 chi hội cử đại biểu tham gia đại hội ấy; do vậy, những nghị quyết được thông qua tại đại hội này chỉ do số đại biểu đại diện chưa đến một phần sáu số chi hội hiện có ở Tây Ban Nha bỏ phiếu. Những con số này rút từ tờ báo "Federacion" của phái chia rẽ và không thể nào phủ nhận được. Hành động một cách bất ngờ và tranh thủ cho được bất cứ một thiểu số nào bỏ phiếu cho mình để chuẩn y những hành động của mình - đó là chính sách mà phái chia rẽ áp dụng khắp nơi. Đó còn

là một bằng cứ chứng tỏ rằng đầu đầu họ cũng hành động theo cùng một chỉ thị bí mật như nhau.

Tại Pháp, hầu như ở khắp tất cả những thành phố lớn đã diễn ra vô số những vụ bắt bớ những người bị coi là hội viên Quốc tế. Cố nhiên, không sao biết được người ta đã phát hiện ra được những hội viên thật sự của Hội liên hiệp hay không, nhưng giá như biết được điều đó, thì để bảo vệ bản thân người bị bắt, không nên đưa việc đó ra công khai, bởi vì hiện nay ở Pháp, tham gia Quốc tế là việc làm bị trừng trị. Chỉ biết một điều là một số ít phần tử chia rẽ hiện có ở Pháp là không bị hãm hại. Trái lại, họ đang giữ quan hệ tốt đẹp với chính phủ của ông Chi-e, chẳng hạn ở Bê-di-e, người đại biểu cho họ là một cảnh sát trưởng, mang tên là Bau-xơ mà đức tính thành thật của ông ta cách đây không lâu đã được tờ "Bulletin Jurassien", sách phúc âm của phái chia rẽ, bảo đảm một cách hết sức nhiệt liệt.

#### IV

Theo những tài liệu mà chúng tôi nhận được từ Bồ Đào Nha, thì Liên chi hội Bồ Đào Nha sau khi biết rõ cái Đại hội đại biểu Tây Ban Nha tự xưng họp ở Coóc-đô-va tán thành việc chia rẽ, đã lập tức viết thư báo cho Liên chi hội Ma-đrít mới (trung thành với Quốc tế) biết rằng ở Bồ Đào Nha tất cả đều một lòng ủng hộ Hội liên hiệp chống những phần tử chia rẽ; rằng người ta đã thực hiện những mưu đồ hòng đưa Đồng minh bí mật vào trong hàng ngũ của họ; rằng chính Ba-cu-nin đã viết thư cho một người trong số họ nhằm thuyết phục họ ủng hộ hội kín này, nhưng tất cả hội viên của liên chi hội đã nhất trí quyết định nói cho Ba-cu-nin biết sự lên án chính thức đối với hành động của Đồng minh. Bức thư này gửi cho Liên chi hội Ma-đrít mới do ban thư ký Phran-xơ viết và ký tên theo sự uỷ nhiệm và với danh nghĩa của đại biểu các chi hội, và đã được đăng trong tờ báo Ma-đrít "Emancipacion" ngày 1 tháng Hai Liên chi hội Bồ Đào Nha hiện



nay có trên 15 000 người; chỉ riêng ở Li-xbon có 48 chi hội theo nghề nghiệp, mỗi chi hội đều thành lập công đoàn. Đó là sự thật về lời quả quyết của các phần tử chia rẽ nói rằng tất cả những chi hội có tổ chức đều đứng về phía họ!

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào tháng Giêng - giữa tháng Hai 1873  
Đã đăng trên báo "The International Herald" các số 41, 44, 45 và 46, ngày 11 tháng Giêng ngày 1, 8 và 15 tháng Hai 1873*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Anh  
In bằng tiếng Nga lần  
đầu*

## PH. ĂNG-GHEN MẤY DÒNG VIẾT GỬI TỔNG HỘI ĐỒNG<sup>290</sup>

1. Tôi hy vọng rằng đã nhận được tờ "International Herald" và tờ "Emancipacion" đã được gửi đi đều đặn.

2. Bọn Hây-dơ ngày 26 tháng Giêng đúng là đã họp đại hội đại biểu của họ, tất thảy có 10 người. Họ thậm chí không dám nói ra xem họ tự nhận là đại biểu của những chi hội nào. Một sự thất bại thảm hại. Cố nhiên là họ quyết định không thừa nhận các nghị quyết La Hay và cũng không thừa nhận Tổng Hội đồng. Nửa đầu của báo cáo đã đăng trong tờ "Eastern Post" ra ngày 1 tháng Hai, nhưng số báo ngày hôm nay lại không đăng tiếp gì cả! Hội đồng liên chi hội sẽ chính thức gửi cho các đồng chí những tài liệu đó. Các ngài này hầu như đã mất hết tất cả tín đồ của mình, trừ một số tay sai của cá nhân Hây-dơ ở I-xtơ-En-dơ của Luân Đôn. Một trong những người đã ký tên vào bản thông báo thứ nhất của Hây-dơ là Ben-nét đã trở về với các đồng chí chúng ta cũng với mệnh lệnh nghiêm ngặt của chi hội mình (Ha-li-phắc) bắt phải đứng vững về phía chúng ta và Hội liên hiệp lawful<sup>1\*</sup>. Chỉ sau khi đã có sự eating humble pie<sup>2\*</sup> một cách đau xót, Ben-nét mới được tiếp nhận lại (xem tờ "International Herald" ngày hôm nay).

3. Tại Lô-đi, tờ "Plebe" tỏ ra rất dửng dưng, tuy không công khai đoạn tuyệt với những người khác, và chẳng tạm thời nó chưa

1\* - hợp pháp.

2\* - hối hận rơi lệ.

thể nào làm như vậy được. Nhưng chính bản thân những người đó đang làm cho tình hình trở nên gay gắt. Họ triệu tập Đại hội đại biểu I-ta-li-a ngày 15 tháng Ba, nhưng chỉ muốn chấp nhận những chi hội đã thừa nhận, hoặc trong một thời hạn nhất định sẽ thừa nhận nghị quyết Ri-mi-ni<sup>291</sup>! Đó gọi là tự trị và tự do liên hiệp. Điều lệ của Quốc tế thì có thể dẫm đạp lên, còn nghị quyết Ri-mi-ni là thiêng liêng.

4. Chúng tôi hết sức lấy làm tiếc, Tổng Hội đồng có thể nêu thẳng ra rằng những người Giuy-ra không chịu thừa nhận nghị quyết La Hay và thành lập liên minh riêng của mình, như thế là họ tự đòi *rút ra khỏi tổ chức rồi*, nhưng Tổng Hội đồng lại không làm như vậy, mà chỉ tạm thời khai trừ họ<sup>292</sup>. Như vậy thì thứ nhất, lúc nào họ cũng có thể đòi triệu tập hội nghị đại biểu. Thứ hai, vấn đề này sẽ được đặt ra tại đại hội dưới một hình thức hoàn toàn khác: vẫn phải để cho đại biểu của họ tham gia đại hội, chừng nào chưa biểu quyết xem giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu của những đại biểu đó còn có hiệu lực nữa hay không. Thứ ba. Tổng Hội đồng sẽ phải đối xử cũng như thế với người Bỉ và người Tây Ban Nha, ditto<sup>1\*</sup> đối xử với bọn Hây-dơ, song những vụ khai trừ liên tiếp như vậy sẽ gây ấn rất xấu, chẳng bằng Tổng Hội đồng cứ đợi thêm vài tuần nữa, cho đến khi biết được kết quả của Đại hội đại biểu của người Bỉ và Đại hội đại biểu của người Tây Ban Nha đã, rồi sẽ tuyên bố việc đó trong một bản tuyên bố duy nhất, trong đó ngoài những lý do chính thức ra, còn có thể nói rõ rằng không thể nào vừa ở trong Quốc tế, lại vừa ở ngoài Quốc tế được; không thể nào nói mình tham gia Quốc tế đồng thời lại tuyên bố các luật lệ của Quốc tế là không có hiệu lực, như vậy trong bản tuyên bố ấy đã có thể xác nhận purement et simplement<sup>2\*</sup> rằng những người này hoặc những người kia đã tự đặt mình ra ngoài Quốc tế.

1\* - cũng như.

2\* - một cách đơn giản.

5. Tôi hy vọng rằng bản nghị quyết tương ứng đã được các đồng chí gửi tới Xông-vi-li-ê và Giơ-ne-vơ, bởi vì tôi không nhận được chỉ thị nào cả về việc đó. Còn về phần Xê-rai-ơ thì trong lúc này các vụ bắt bớ đang liên tiếp xảy ra và toàn bộ thư từ liên lạc với Pháp bị cắt đứt, cho nên đồng chí ấy cũng không thể gửi cái gì đến đó được.

6. *La-róc*, đại biểu toàn quyền của các đồng chí ở đây đã tự mình đạt được thẩm quyền với tư cách là một người lưu vong. Đồng chí ấy đã từ đây đi Xanh-Xê-ba-xti-en rồi, tại đây đồng chí ấy cũng lại sẽ thu xếp công việc ổn thoả.

7. Ở *Bồ Đào Nha*, mọi việc đều tiến hành rất tốt, đọc tờ "Emancipacion" gửi tới hôm nay thì thấy rõ điều đó. Chúng tôi còn nhận được những thư riêng từ đó gửi đến; các đồng chí đang làm rất nhiều việc trong các công đoàn.

8. Ở *Lô-di* chỉ còn có Bi-na-mi mà thôi. Ban chấp hành Hăm-buốc của đảng đã gửi cho họ 20 ta-le và Ô-béc-vin-déc ở Viên đã gửi 50 gun-đen, việc đó nhất định sẽ đem lại hiệu quả.

9. Mưu mẹo của Cu-nô lấy tên là Ca-pe-xtơ-rô để hoạt động, đã bị phát giác trong tờ báo "Internationale" ở Bruy-xen<sup>293</sup>.

10. Nếu Tổng Hội đồng chưa nhận được báo chí của những chi hội đã cắt đứt quan hệ, thì phải dùng một cái tên gì đó, mà không ai biết, để đặt mua báo của họ. Ở đây chúng tôi phải mất rất nhiều công sức và phải bằng con đường quanh co mới kiếm được mỗi tờ báo chỉ có *một số* - và không phải bao giờ cũng được như thế: cho đến nay chúng tôi vẫn chưa có ba số mới nhất của tờ "Bulletin jurassien", vì vậy mặc dù chúng tôi rất muốn, nhưng không thể gửi đi những số báo đó. Song, chỉ có tờ "Internationale" (Bruy-xen), tờ "Bulletin de la Fédération jurassienne" (Xông-vi-li-ê) và tờ "Federation" (Bác-xê-lô-na) mới nằm trong tình trạng đó.

11. Tôi đã nói chuyện với Lơ Mút-xuy về vấn đề phiếu hội

phí; đồng chí đó vẫn đảm nhiệm việc này như năm ngoái<sup>294</sup>. Nhưng thật nực cười là ở Niu Oóc không thể làm được việc đó.

12. Mác-Đô-nen gặp phải chuyện gì thế? Lẽ ra đồng chí này phải đến đây từ lâu rồi. Chẳng nghe thấy tin tức gì về đồng chí đó cả.

Bưu điện sắp đóng cửa.

Chào thân ái.

Luân Đôn, ngày 8 tháng Hai 1873

*Ph. Ăng-ghen*

*Công bố toàn văn lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, xuất bản lần thứ nhất, t.XXVI, năm 1935*

*In theo bản thảo Nguyên văn là tiếng Đức*

## PH.ĂNG-GHEN GỬI TỔNG HỘI ĐỒNG LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

Luân Đôn, ngày 15 tháng Tư 1873

122, Đường công viên Ri-gân

Thưa quý vị!

Tôi đã nhận được thư của các đồng chí ngày 21 tháng Ba cùng với một ngân phiếu 8 bảng 6 pen-ni để chuyển cho Lô-di. Đồng thời tôi còn nhận được một bức thư của Bi-na-mi cho biết rằng đồng chí đó lại phải lẩn trốn để tránh sự giam cầm mà bản án đã quy định cho mình, - đồng chí ấy muốn chẳng thà một thời gian nữa sau khi sức khoẻ bình phục rồi lại chấp hành hình phạt thì hơn. Vì vậy tiên gửi đến thật hết sức đúng lúc. Tôi đã đổi số tiền đó thành 200 phrăng (ngân phiếu *Pháp*) và đã gửi ngay cho đồng chí đó.

Lơ Mút-xuy đã nhận lo vấn đề làm phiếu hội phí, và tôi cũng đã nhiều lần nhắc nhở đồng chí này về việc đó, nhưng theo chỗ tôi biết, công việc đó không nhích lên được mấy chút.

Tờ "Arbeiter - Zeitung"<sup>295</sup> vẫn được gửi đến đều đặn.

Những chi phí về in Điều lệ bằng tiếng Anh và tiếng Pháp mất ước khoảng 15 p.xt, mỗi lần in, in bằng tiếng Đức thì rẻ hơn nhiều, bởi vì Điều lệ ban đầu đã được in tại báo "Volksstaat" rồi nên không phải trả tiền sắp chữ nữa, mà chỉ phải trả tiền

giấy, tiền in và tiền đóng sách<sup>296</sup>. Bây giờ mà làm lại như thế, thì dĩ nhiên là không thể được.

Hiện nay đang làm báo cáo về Đồng minh<sup>1\*</sup>, La-phác-gơ và tôi ngày ngày đang làm việc đó - không thể bỏ phí thời gian. Lu-ken đã giữ những văn kiện ở Bruy-xen cho đến ngày lễ Giáng sinh, hiện giờ còn một số văn kiện đang nằm trong tay đồng chí đó.

Bản Điều lệ bằng tiếng Đức ở đây còn có vài trăm bản, do hội đồng<sup>2\*</sup> giữ. Tiếng Anh thì không có lấy một bản. Bản tiếng Pháp thì toàn bộ đã gửi đi Pa-ri, nhưng không đến đó. Có lẽ chúng ta có thể sẽ nhận được một cái gì đó trả về. Chúng tôi đang có những cố gắng như vậy.

Báo cáo về "Đồng minh" một khi được thảo xong, chúng tôi sẽ bắt tay vào công việc về biên bản của đại hội đại biểu.

Báo Ma-drít "Emancipacion", nếu không phải là đã chết, thì cũng đang sắp chết. Chúng ta đã gửi tới đó 15 p.xt., nhưng vì hầu như không ai trả tiền báo cả, cho nên không thể nào duy trì được sự tồn tại của tờ báo ấy. Tôi đang viết thư cho Mê-xa bàn việc lập một tờ báo khác, nhưng hiện giờ chưa thể nói kết quả sẽ ra sao.

Báo "Pensamento Social" ở Li-xbon, một tờ báo rất tốt, trong số mới đây đã trả lời rất hay cho Ủy bản của Liên chi hội Tây Ban Nha ở An-côi-e về vấn đề Đồng minh<sup>297</sup>, - cũng sẽ phải tạm thời đình bản, nhưng rồi sẽ xuất bản lại.

Như các đồng chí có lẽ đã thấy rõ, tờ "International Herald" cũng đang thoi thóp. Chúng tôi có thể còn tìm cách duy trì tờ báo này cho đến khi triệu tập Đại hội đại biểu nước Anh sắp tới đây (vào tuần Thánh linh giáng lâm)<sup>298</sup>, sau đó có thể chúng tôi

sẽ xuất bản một tờ báo khác. Giá trị của "Herald" cũng không nhiều; nó chỉ có ý nghĩa với tư cách là một cơ quan đăng tải liệu của Hội đồng liên chi hội Anh, nhưng với tư cách là một tờ báo như vậy, trong lúc này nó hầu như là bất khả thay thế.

Qua các báo Pháp, các đồng chí có lẽ biết rằng Van-téc (Hê-đê-hem) hoá ra chỉ đơn giản là một tên đặc vụ. Nghe đâu từ dưới thời Bô-na-pác-tơ hẳn đã là một tên đặc vụ của cảnh sát. Ở Tu-lu-dơ, Xvác-nơ (Đen-tơ-rê-giơ) tỏ ra tốt hơn đôi chút, nhưng vì tôi chưa được đọc toàn văn bản báo cáo, cho nên không thể khẳng định điều đó một cách chắc chắn; dù sao chẳng nữa trước đây anh ta cũng không phải là một tên mật thám, nhưng xem ra thì đó là một con người yếu đuối và không vững vàng.

Chào thân ái

**Ph.Ăng-ghen**

Hiện thời tôi chưa nhận được đồng nào của Tổng Hội đồng. Cũng chẳng được tin tức gì từ I-ta-li-a cả, ngoài ra tờ "Plebe" có lẽ cũng tạm thời đình bản. Việc bắt bớ những phần tử thuộc Đồng minh ở Bô-lô-nhơ và Mi-ran-đôn sẽ không kéo dài, người ta sắp thả họ ra; nếu có kẻ nào đó trong bọn họ hoạ hoàn bị bắt nhầm, thì họ chẳng bao giờ phải chịu thiệt hại thật sự.

*Công bố lần đầu tiên bằng tiếng viết trong nguyên bản có lược một số đoạn trong cuốn sách "Brieje und Auszuge aus Briefen von joh. Phil. Becker, Jos. Dietzgen, Friedrich Engels, Karl Marx u. A.an. F.A. Sorge und Andere". Stuttgart, 1906.*

*In theo bản thảo  
Nguyên văn là tiếng Anh*

1\* Xem tập này, tr. 447.

2\* Có ý chỉ Hội đồng liên chi hội Anh.

**PH.ĂNG-GHEN**  
**\*BÀN VỀ MỘT SỐ BÀI BÁO TRONG TỜ**  
**"NEUER SOCIAL - DEMOKRAT"**  
**(Trích trong thư gửi cho A. Héc-nét)<sup>299</sup>**

Nhân bào báo lừng tiếng trong tờ "Neuer" và vì mục đích của việc đưa tin sau này của ngài, chúng tôi xin lưu ý ngài - có phần nhắc lại - những điểm sau đây: a) Thật là một điều phi lý nếu khẳng định rằng tựa hồ như Ba-cu-nin chống lại những hoạt động âm mưu trong khi ông ta đã suy tính trong nội bộ Quốc tế một âm mưu chung - Đồng minh, nhưng có nhiên, không phải để chống chính phủ, mà chống bản thân Quốc tế. b) Ở nước Pháp, sau khi luật Duy-phô-rơ được ban hành, Quốc tế nói chung không thể nào tồn tại được *theo cách nào khác* ngoài cách "tồn tại bí mật", nhưng đoàn thể tuyên truyền bí mật và việc hoạt động âm mưu, - đó là hai điều khác nhau. c) Đại hội La Hay phản đối một cách hết sức kiên quyết những người theo chủ nghĩa Blăng-ki muốn biến Quốc tế thành một công cụ âm mưu, cho nên những người này đã rút ra khỏi Quốc tế và công khai chống lại Quốc tế, bởi vì Quốc tế, như họ nói, không đủ "nghị lực cách mạng", d) Hê-đê-hem (Van-téc), một người đàn ông ở La Hay, tính tình lạng lẽ, dong dỏng cao, tóc hung đỏ, thường đi kèm theo một người gọi là "vợ", vóc người nhỏ bé, mặc tang phục có bộ mặt Ma-ri Ma-đơ-len - bây giờ thì đã bị vạch trần là một tên mật thám cũ của cảnh sát, - tên này chỉ sau khi hấn lấy một uỷ viên Tổng Hội đồng là *Ran-vi-e*, một phần tử Blăng-ki ra làm chứng cho hấn và phần

tử Blăng-ki này đã thừa nhận hấn là một người *tuyệt đối đáng được tín nhiệm*, thì hấn mới được Xê-rai-ơ đề nghị với Tổng Hội đồng trước đây chấp nhận cùng với chi hội của hấn. đ) Hê-đê-hem, cũng như Đen-tơ-rê-gơ, đều có những giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu hợp pháp của chi hội mình, do đó khi chưa có ý kiến nào phát biểu lên án họ và trong phái thiểu số cũng chẳng có người nào có ý nghĩ lên án họ cả - thì vẫn phải để cho họ tham gia đại hội. e) Tờ "Neuer" tự bộc lộ một cách rõ nhất mình là cơ quan của cảnh sát, phụ họa theo sự vu khống do những tên đại diện của cảnh sát và của Bô-na-pác-tơ tung ra, đại loại như Phô-gơ và đồng bọn, nói bậy rằng Mác đang cố sức làm "một lãnh tụ quốc tế của bọn âm mưu" và đã trải qua "một tá vụ án của người cộng sản", kỳ thực thì chính việc làm của Đại hội La Hay - một đại hội mà người ta đồng nhất Mác với phái đa số của nó - chống những phần tử Blăng-ki đang chứng minh điều ngược lại, còn những điều đối trá của Sở cảnh sát về *một* vụ án của những người cộng sản diễn ra vào năm 1852 thì đã bị Mác vạch trần từ lâu trong bài báo của ông: "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở khuên"<sup>300</sup>. g) Nếu như bây giờ có kẻ nào trong tờ "Neuer social - Demokrat" mà bị kết án phải ngồi tù, thì người ta cũng đã biết mình nên xử sự như thế nào, sau khi tờ "Neuer" đã làm cho người ta chú ý đến cái mách khoé của cảnh sát là: cũng xử tội cả cảnh sát, nhưng lại bảo đảm cho chúng một cuộc sống thoải mái hơn trong trại giam "*Công nhân luôn luôn phải cảnh giác đề phòng!*"

Tuy vậy, Đen-tơ-rê-gơ vốn không phải là một tên mật vụ, mà là một phần tử sa đọa thoái hoá, chỉ khi nằm trong trại giam hấn mới trở thành một tên mật báo, và chẳng bao lâu sau đó hấn hoàn toàn chuyển sang phục vụ cho cảnh sát. Trái lại Hê-đê-hem vốn đã là một tên mật vụ dưới thời Bô-na-pác-tơ; có được một con người như thế, chúng ta phải đội ơn chỉ riêng những người theo chủ nghĩa Blăng-ki. Nhưng "vị chiến sĩ lão thành vĩ đại đấu tranh cho tự do" Ba-cu-nin, luôn luôn có trong hàng ngũ mình

những tên mật vụ cảnh sát, chẳng hạn như An-béc Ri-sác, tên này từ năm 1868, kể từ khi thành lập Đồng minh, đã là cánh tay phải của ông ta ở nước Pháp. Và vì những người Giuy-ra quả quyết rằng họ *cũng* có những chi hội bí mật ở Pháp (các vụ án lại chứng minh điều ngược lại), vậy thì sự khác nhau mà tờ "Neuer" đã bịa đặt ra, là ở chỗ nào kia chứ?

Còn nói về bài báo trong số 45<sup>301</sup>, thì cần phải nêu thêm mấy điểm sau đây để bác lại những ý kiến được đề ra trong bài báo đó. Phát biểu chống Đại hội La Hay, có: 1) Liên chi hội I-ta-li-a tự xưng, liên chi hội này *chưa bao giờ* gia nhập Quốc tế, bởi vì nó không muốn thừa nhận Điều lệ chung và do đó, chừng nào nó còn không phục tùng Điều lệ chung, thì nó không sao có thể gia nhập Quốc tế được. - Trái lại, hàng loạt những chi hội chân chính ở I-ta-li-a đã thừa nhận Điều lệ và đang duy trì mối liên hệ thường xuyên với Tổng Hội đồng. 2) Liên chi hội Giuy-ra có 150 người đối chọi với 4 000 - 5 000 người chỉ riêng ở vùng nói tiếng Pháp của Thụy Sĩ; vì vậy liên chi hội đã tạm thời bị khai trừ. 3) Người Bỉ. 4) Một bộ phận người Tây Ban Nha, còn một bộ phận khác thì lại thành lập ở Va-len-xi-a một Hội đồng liên chi hội đặt quan hệ thường xuyên với Tổng Hội đồng tại Niu Oóc. 5) Ở nước Anh, có mười người tất cả, họ không có một chi hội thật sự nào cả; trong khi đó thì Hội đồng liên chi hội Anh lại có rất nhiều chi hội làm chỗ dựa, trong đó nhiều chi hội có đến 500 người và nhiều hơn nữa, mỗi tuần một phát triển; Hội đồng liên chi hội Anh cho rằng việc thừa nhận nghị quyết của Đại hội La Hay là điều kiện cơ bản để gia nhập Quốc tế. 6) Ở Pháp, "*chừng nào ở đây tổ chức còn tồn tại*", thì nó vẫn đứng về phía La Hay và Tổng Hội đồng, điều đó đã được chứng minh *chính* bằng những vụ án đã được dùng làm nguyên cớ để viết ra bài báo đăng trong số 49. "*Những người lưu vong của Công xã*", dù là toàn bộ hay là "đa số". cũng chưa hề bao giờ "kiên quyết phản đối v.v.", bởi vì một phe phái như vậy thì chưa từng có. Những người theo chủ nghĩa Blăng-ki tất cả có năm người, trong đó bốn người là thành viên của Công xã, đã rút ra vì Quốc tế

không muốn trở thành *công cụ* của hoạt động âm mưu của họ. Ngoài ra, *tuyệt đối không có điều gì xảy ra* để có thể đem lại một nguyên cớ dù là nhỏ nhất cho sự đối trá đó.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Tư  
1873

Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" số 37  
ngày 7 tháng Năm 1873

In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Đức

## PH.ĂNG-GHEN QUỐC TẾ VÀ TỜ "NEUER"

Luân Đôn, ngày 2 tháng Năm 1873

Trong số 49 của báo "Neuer social - Demokrat" có đăng một bài báo nói láo về một số vụ án gần đây đối với Quốc tế ở nước Pháp, tác giả của bài báo này hiển nhiên là đã được tặng nhuận bút đặc biệt hào hiệp rút trong quỹ báo chí bồi bút<sup>302</sup> vì bài báo đó đã thắm đượm đầu sự nói láo. Về vụ án xét xử ở Tu-lu-dơ, tờ "Neuer" dựa vào bài báo trong tờ "Internationale" ở Bruy-xen; bài báo này lại được sao lại của tờ "Liberté"<sup>303</sup> và xuất xứ từ ông Giuy-lơ Ghết. Ông Ghết, một người Pháp lưu vong, kể từ khi đến Giơ-ne-vơ đã cùng với một số người khác đang tập tểnh muốn làm "những nhân vật vĩ đại" của đám lưu vong tại đây, thổi vang tiếng kèn của Ba-cu-nin và tại đại hội của Liên chi hội người Giuy-ra ở Xông-vi-li-ê (tháng Mười một năm 1871) đã ký vào bản thông báo lừng danh của Liên chi hội Giuy-ra, mà trong đó Đồng minh bí mật của ông Ba-cu-nin đã tuyên chiến với Quốc tế. Ông Ghết đã đóng một vai trò như thế nào trong hoạt động của Quốc tế nước Pháp, thì bây giờ chúng ta sẽ thấy rõ. Bài báo gọi ông Đen-tơ-rê-gơ - trong vụ án đó, ông này đã khai báo các đồng chí của mình đang bị ngồi trên ghế bị cáo là những hội viên Quốc tế - là một vị tổng đại diện toàn quyền của Mác và muốn đem hành vi phản bội đó và những bản án buộc tội tiếp theo sau đó gán cho Mác, có cả Tổng Hội đồng và cho "tổ chức mang tính chất cục quyền từ trên xuống dưới".

Sự thật là như thế nào.

Ông Đen-tơ-rê-gơ, một nhân viên vẽ đồ án của cục đường sắt ở Pê-dê-nác (quận Ê-rô), ngày 24 tháng Chạp 1871 đã gửi đơn lên Tổng Hội đồng nói rằng một Ban chấp hành dân chủ - cấp tiến đại diện cho bảy công đoàn, mà ông ta là chủ tịch của Ban chấp hành đó, đòi được gia nhập Quốc tế. Ngày 4 tháng Giêng, thư ký về vấn đề nước Pháp đã viết một bức thư đến Pê-dê-nác cho ông Ca-la-xơ (hiện nay bị kết án một năm), người này sở dĩ được tín nhiệm hoàn toàn là nhờ sự bảo đảm của một ban chấp hành xã hội - dân chủ đã gia nhập Quốc tế ở Bê-di-e (Ê-rô); nhiều uỷ viên Công xã hiện ở Luân Đôn biết rõ các uỷ viên của ban chấp hành này - các uỷ viên này cũng bị kết án - là những người đáng được tin cậy. Ngày 14 tháng Giêng Ca-la-xơ đã viết thư giới thiệu về Đen-tơ-rê-gơ và còn nói ông ta đã thoả thuận với Đen-tơ-rê-gơ rằng "họ sẽ cộng tác chặt chẽ". Vào tháng Ba, Đen-tơ-rê-gơ di chuyển đến Tu-lu-dơ, vì vậy, cho tới khi bị bắt ông ta đã hoạt động ở đấy chín tháng tròn, và các hội viên Quốc tế ở Tu-lu-dơ không có một mảy may lý do nào than phiền về ông ta, đã sống với ông ta hết sức hoà hợp và đã chứng thực điều đó sau khi tất cả chi hội có hội viên khá đông đã *nhất trí* bầu ông ta ngày 18 tháng Tám làm đại biểu tham gia Đại hội La Hay. Trong bốn giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu mới chỉ có các uỷ viên ban chấp hành và những người lãnh đạo các tiểu tổ ký tên, mà đã có 67 chữ ký. Như vậy, nếu Tổng Hội đồng cử con người này làm đại diện toàn quyền ở Tu-lu-dơ và các vùng ngoại ô Tu-lu-dơ, thì việc làm đó của Tổng Hội đồng chỉ là thể hiện nguyện vọng của bản thân những hội viên Quốc tế ở đấy mà thôi.

Bây giờ chúng tôi bàn sang ông Ghết.

Ngày 18 tháng Tám 1872, chi hội Mông-pen-li-ê đã viết thư báo cáo với Tổng Hội đồng rằng ông Pôn Brau-xơ, thông tin viên và bạn của ông Ghết, đang tìm cách gây chia rẽ trong chi hội địa

phương; ông yêu cầu các hội viên không phải nộp những khoản hội phí đã được quy định trước nhằm trang trải tiền đi đường của đại biểu Tu-lu-dơ và nói chung không được tiến hành bất cứ một biện pháp nào trước khi Đại hội La Hay chưa phát biểu ý kiến. Vì việc đó mà chi hội đã khai trừ ông Brau-xơ và yêu cầu Tổng Hội đồng khai trừ ông ra khỏi Quốc tế. Bức thư do Ca-la-xơ và ba người khác ký tên. Tổng Hội đồng biết rằng ông Brau-xơ hoạt động âm mưu ở đây vì lợi ích của những phần tử chia rẽ trong Liên chi hội Giuy-ra, nhưng nhận thấy chẳng cần phải đặc biệt chú trọng đến anh chàng thanh niên này - anh ta là một sinh viên đại học y - và cũng chẳng để ý đến việc đó nữa. Ông Ghết lúc bấy giờ đang ở La Mã, vào tháng Mười đã viết một bản tin cho báo "Liberté", trong đó gọi những hành động hoàn toàn có thể hiểu được của các chi hội Mông-pen-li-ê là hành động "cực quyền chủ nghĩa"; đồng thời đối với ông bạn Brau-xơ của mình, ông Ghết chỉ viết tên bằng chữ viết tắt, còn tên của "Ca-la-xơ ở Mông-pen-li-ê thì *in toàn văn*. Sở cảnh sát Pháp chẳng cần đến lần thứ hai mới nắm được tình hình đó. Bức thư mà thư ký Tổng Hội đồng gửi cho Ca-la-xơ vào lúc ấy nói tởm về Đen-tơ-rê-gơ, đã bị tóm tại sở bưu điện, - Đen-tơ-rê-gơ bị bắt ngay tức khắc, tiếp đó Ca-la-xơ cũng bị bắt.

Vậy ai là kẻ mật báo - Đen-tơ-rê-gơ hay Ghết?

Nếu ông Ghết còn tuyên bố rằng việc cử missi dominici<sup>1\*</sup> của Tổng Hội đồng cũng như việc đi lại của các đại biểu từ ngoài đến - dấu tích của họ thì sở cảnh sát biết rất rõ - là thủ đoạn tốt nhất làm cho Quốc tế ở nước Pháp bị thất bại, thì ông ta quên mất rằng:

1. Ba đại biểu toàn quyền của Tổng Hội đồng ở Pháp không phải là những người đi làm phúc ngẫu nhiên từ ngoài đến, mà là những người thường trú ở những địa phương mà họ là đại biểu toàn quyền và được sự tín nhiệm của những chi hội địa phương.

1\* - sứ giả.

2. Chỉ riêng một số "đại biểu quốc tế từ ngoài đến" có mặt tại miền Nam nước Pháp vào mùa thu và mùa đông năm ngoái thì không phải do Tổng Hội đồng cử đến mà do những phần tử chia rẽ trong Liên chi hội Giuy-ra cử đến. Các vị này, không lâu trước khi bị bắt, đã làm ồn ào trong một tiệm cà phê ở Tu-lu-ơ v.v., chính việc đó đã làm cho cảnh sát chú ý đến Hội liên hiệp chúng ta; song, bất cứ ở đâu và lúc nào những người bị bắt cũng đều là những hội viên chân chính của Quốc tế, còn những kẻ bốc phét vô chính phủ chủ nghĩa thì lại được hưởng sự bảo hộ đặc biệt của các ông trùm cảnh sát.

Nếu ông Đen-tơ-rê-gơ vì động cơ cá nhân và vì yếu đuối mà đã khai báo một vài điều, thì cũng có đủ sự thực để chứng minh rằng trước khi bị kết án, ông không phải là một tên mật vụ của cảnh sát. Các ngài trong Đồng minh - một trong những người sáng lập Đồng minh là An-béc-Ri-sác ở Ly-ông, một đại diện của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ ngày nay - tuyệt nhiên không có quyền ném đá vào người khác, và tờ "Neuer" lại càng không có quyền làm việc đó, cái quá khứ và hiện tại phục vụ cảnh sát của nó là một sự sỉ nhục lớn nhất cho phong trào công nhân Đức.

Còn về vụ án ở Pa-ri<sup>304</sup>, thì hiện giờ đã xác minh được rằng Hê-de-hem là một tên mật vụ của cảnh sát, con người này đã được chi hội của mình ở Pa-ri cử ra giữ chức thư ký, đã dựa vào *Ran-vi-e* là một uỷ viên Công xã và uỷ viên Tổng Hội đồng, đã được ông này nhận xét đánh giá rất tốt về mặt trung thành tin cậy cũng như về mặt hoạt động của hắn, căn cứ vào sự đánh giá đó mà Hê-de-hem mới được duyệt y. Vì vậy, cả lần trước lẫn lần này Tổng Hội đồng đều phải áp dụng tất cả mọi biện pháp phòng ngừa có thể có.

Có một ý kiến mới nói rằng tuồng như Ba-cu-nin bị khai trừ tại La Hay là vì ông ta "muốn chấm dứt lối hành động có hại của hoạt động âm mưu bí mật". Uỷ ban của Đại hội La Hay điều tra về Đồng minh đã nắm được bản quy chế về âm mưu bí mật



của Ba-cu-nin nhằm không phải chống chính phủ, mà chống Quốc tế, - đã đi đến một kết luận hoàn toàn khác.

Còn có một ý kiến nữa cũng mới nói rằng tưởng như là Mác đã trải qua "hơn một tá những vụ án cộng sản xét xử những người theo gót ông ta". Lịch sử chỉ chứng kiến một vụ án xử những người cộng sản ở Khuên năm 1852; nhưng thực ra thì tờ "Neuer" nhận được tiền không phải là để nói lên sự thật. Dù sao chúng ta cũng không thể quên lời cảnh cáo cuối cùng của nó":

"Mảnh khoé của các nhà đương cục cảnh sát là trong trường hợp mà họ gây ra một vụ án có dụng ý, thì về bề ngoài vẫn cứ xử tội cả những tên mặt vụ của họ, rồi sau lại tạo ra những điều kiện sinh hoạt dễ chịu cho chúng trong nhà tù".

Đoạn này rút ra từ trong cuộc đời của ông Phôn Svai-xơ, đáng được mọi người chú ý.

"Nếu như có khi nào đó các ngài trong tờ "Neuer" ngẫu nhiên "về bề ngoài bị xử tội", thì "công nhân phải luôn luôn đề phòng"!

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 2 tháng Năm 1873  
Đã đăng trên tờ "Der Volksstaat" số 38, ngày  
10 tháng Năm 1873*

*In theo bản đăng trên  
báo  
Nguyên văn là tiếng Đức  
In bằng tiếng Nga lần  
đầu*

## PH.ĂNG-GHEN GỬI TỔNG HỘI ĐỒNG HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

Luân Đôn, ngày 14 tháng Sáu 1873  
122, đường công viên Ri-gân

Thưa quý vị!

Tôi phải trả lời hai bức thư của các đồng chí đề ngày 11 tháng Tư và ngày 14 tháng Năm 305. Như tôi đã báo cáo trước đây, toàn bộ số tiền chuyển đến Lô-di (200 phrăng), tôi đã gửi vào ngày 10 tháng Tư cho Bi-na-mi, tôi vẫn còn giữ biên lai có chữ ký của đồng chí này. - Cách đây mười ngày, tờ "Plebe" lại bắt đầu xuất bản và đã đăng lời kêu gọi của các đồng chí gửi người Tây Ban Nha và còn đăng ở một vị trí rất nổi bật bản tuyên bố của các đồng chí về sự tự đoạn tuyệt của những chi hội đã tách ra khỏi Hội liên hiệp chúng ta<sup>306</sup>.

Những văn kiện hữu quan đã được gửi cho Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha.

Bản sửa đổi Điều lệ của tôi định gửi cho Tổng Hội đồng cũ, đã bị mất, nhưng người ta đã hứa gửi cho tôi một bản khác, sau khi nhận được tôi sẽ gửi ngay tức khắc cho các đồng chí.

Vì tờ "Plebe" lại sống lại, cho nên trong bản tin đầu tiên gửi cho tờ báo ấy tôi sẽ viết về những người lưu vong I-ta-li-a, về cuộc bãi công của công nhân nhà máy hơi đốt... Trước đây tôi

không thể làm được việc đó, bởi vì thông tin viên duy nhất của tôi - Bi-na-mi - thì không sao liên hệ được, còn địa chỉ khác thì đồng chí đó lại không cho tôi.

Về vấn đề các phiếu hội phí thì tôi đã nhắc Lơ Mút-xuy.

Đã nhận được 4 p.xt và 3 pen-ni, khi nào tìm được địa chỉ chắc chắn ở Pa-ri số tiền sẽ được gửi đi và sẽ được sử dụng theo quy định.

Gửi lời chào anh em.

*Ph.Ăng-ghen*

*Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong  
C.Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, xuất bản  
lần thứ nhất, t.XXVI, năm 1835*

*Anh*

*In theo bản thảo*

*Nguyên văn là tiếng*

**C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN**

**ĐỒNG MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA VÀ HỘI LIÊN HIỆP  
CÔNG NHÂN QUỐC TẾ**

**BÁO CÁO VÀ CÁC VẤN KIẾN ĐƯỢC CÔNG BỐ THEO  
QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI LA HAY CỦA QUỐC TẾ<sup>307</sup>**

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết với sự tham  
gia của P.La-phác-gơ vào tháng Tư - tháng  
Bảy 1873*

*Đã in thành sách mỏng ở Luân Đôn và ở  
Hăm-buốc vào tháng Tám 1873*

*In theo bản in trong cuốn  
sách mỏng*

*Nguyên văn là tiếng Pháp*

L'ALLIANCE  
DE LA  
**DÉMOCRATIE SOCIALISTE**  
ET  
L'ASSOCIATION INTERNATIONALE  
DES TRAVAILLEURS

---

RAPPORT ET DOCUMENTS PUBLIÉS PAR ORDRE DU  
CONGRÈS INTERNATIONAL DE LA HAYE.

---

LONDRES:  
A. DARSON, SUCCESSRUR DE FOUCAULT,  
46S, RATHBONE PLACE, OXFORD SR.  
HAMBOURG:  
EN VENTE CHEZ OTTO MEISSNER.

---

**1873.**

Bìa trong cuốn sách của C.Mác và Ph.Ăng-ghen  
"Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế"

---

## I LỜI MỞ ĐẦU

Hội liên hiệp công nhân quốc tế đề ra cho mình mục đích đoàn kết thành một khối những lực lượng phân tán của giai cấp vô sản thế giới và, do đó, trở thành người thể hiện sinh động tình đồng nhất về lợi ích, là cho công nhân liên hiệp lại, tất nhiên Hội liên hiệp phải mở cửa đón những người xã hội chủ nghĩa đủ mọi màu sắc. Những người sáng lập Hội liên hiệp và những đại diện của các tổ chức công nhân của thế giới cũ và thế giới mới, khi phê chuẩn Điều lệ chung của Hội liên hiệp tại các kỳ đại hội quốc tế, đã không chú ý rằng chính sự rộng rãi của cương lĩnh của Hội đã cho phép những phần tử thoái hoá giai cấp chui vào Hội và lập ra những tổ chức bí mật trong nội bộ Hội, những tổ chức này sẽ không cố gắng chống giai cấp tư sản và các chính phủ hiện hành, mà là chống bản thân Quốc tế. *Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa* chính là một tổ chức như vậy.

Tại Đại hội La Hay, Tổng Hội đồng đã yêu cầu điều tra về tổ chức bí mật này. Đại hội đã giao phó việc điều tra này cho một uỷ ban gồm năm người (các ông Cu-nô, Lu-ken, Xơ-len-gác, Vi-sác và Van-téc: người sau cùng đã rút ra khỏi uỷ ban), uỷ ban này đã trình báo cáo tại phiên họp ngày 7 tháng Chín. Đại hội đã quyết định:

1. Khai trừ Mi-kha-in Ba-cu-nin ra khỏi Quốc tế, vì nhân vật này là người sáng lập ra *Đồng minh* và còn vì những hành vi tội lỗi của cá nhân ông ta;

2. Khai trừ Giêm-xơ Ghi-ôm là một thành viên của Đồng minh;

3. Công bố những văn kiện về Đồng minh.

Vì uỷ ban điều tra hoạt động của Đồng minh không thể công bố những văn kiện làm cơ sở cho báo cáo của uỷ ban, bởi vì các uỷ viên của uỷ ban đã đi các nước, cho nên ông Vi-sác, một uỷ viên duy nhất còn ở lại Luân Đôn, đã chuyển giao những văn kiện đó cho uỷ ban biên tập<sup>308</sup>, nay uỷ ban biên bản lại chịu trách nhiệm sao lại trong báo cáo dưới đây.

Hồ sơ về Đồng minh có một quy mô rất lớn, cho nên uỷ ban làm việc trong thời gian đại hội chỉ mới kịp xem xét những văn kiện quan trọng nhất cần thiết cho việc rút ra những kết luận thực tế; còn một phần rất lớn những văn kiện tiếng Nga thì chưa thể xem xét được, vì thế mà báo cáo do uỷ ban trình trước đại hội chỉ bao quát một phần của vấn đề, hiện giờ chưa thể coi là đầy đủ được. Bởi vậy, để độc giả có thể hiểu rõ nội dung và ý nghĩa của những văn kiện đó, chúng tôi buộc phải trình bày lịch sử của Đồng minh.

Những văn kiện mà chúng tôi công bố gồm mấy loại. Một số văn kiện đã được công bố riêng, chủ yếu bằng tiếng Pháp; nhưng để nắm được chính xác tinh thần của Đồng minh, cần phải đối chiếu những văn kiện ấy với những văn kiện khác, bởi vì có đối chiếu như vậy thì những văn kiện đó mới được biểu lộ dưới ánh sáng mới. Loại văn kiện này gồm có cương lĩnh của Đồng minh công khai. Những văn kiện khác là những văn kiện của Quốc tế và được in lần đầu tiên; một phần trong đó là những văn kiện của chi hội Tây Ban Nha của Đồng minh bí mật mà sự tồn tại của nó đã bị một số thành viên của Đồng minh công khai vạch trần vào mùa xuân năm 1871. Người nào theo dõi phong trào Tây Ban Nha thời kỳ này, cũng chỉ có thể tìm thấy trong những văn kiện đó những tài liệu chính xác hơn về những sự kiện mà người ta đã biết được ít nhiều. Ý nghĩa của những văn kiện này không phải ở chỗ chúng được công bố lần đầu tiên, mà ở chỗ

chúng được đối chiếu với nhau lần đầu tiên, do đó mà toàn bộ hoạt động bí mật quyết định sự ra đời của những văn kiện đó, đã bị phơi trần, và đặc biệt là ở chỗ chúng ta đối chiếu chúng với hai loại văn kiện dưới đây. Loại thứ nhất bao gồm những văn kiện được công bố bằng tiếng Nga và phơi trần cương lĩnh thật sự và phương pháp hành động của Đồng minh. Những văn kiện này, vì viết bằng tiếng Nga, nên không thể đọc được, cho đến nay phương Tây vẫn không biết, vì tình hình đó đã khiến cho các tác giả tha hồ vận dụng trí tưởng tượng và phương thức diễn đạt của mình trong những văn kiện đó. Bản dịch chính xác của những văn kiện đó, mà chúng tôi đang viện dẫn, cho phép độc giả đánh giá đúng đắn trình độ hiểu biết, đạo đức, chính trị và trình độ kinh tế chính trị học của những người cầm đầu Đồng minh.

Loại thứ hai chỉ có một văn kiện, các quy chế bí mật của Đồng minh; đây là một văn kiện duy nhất có khuôn khổ tương đối lớn, lần đầu tiên được công bố trong báo cáo này. Một vấn đề có thể được đặt ra là: đối với những người cách mạng, liệu có được phép đưa ra công khai những văn kiện về một đoàn thể bí mật, về một âm mưu đang được dự tính, hay không. Trước tiên chúng tôi xin vạch rõ rằng những quy chế bí mật này đã được trực tiếp chỉ rõ trong số những văn kiện mà uỷ ban điều tra sự việc về Đồng minh đã yêu cầu công bố tại Đại hội La Hay, và không một vị đại biểu nào bỏ phiếu phản đối việc đó, ngay cả uỷ viên đại diện cho phái thiểu số trong uỷ ban cũng có thái độ như vậy. Thế là việc công bố những văn kiện này đã được đại hội chỉ thị một cách dứt khoát, chỉ thị của đại hội thì chúng ta phải chấp hành. Thực ra cần phải nói rõ như sau:

Trước mặt chúng ta là một hội mang cái mặt nạ của chủ nghĩa vô chính phủ cực đoan nhất, đang hướng những ngọn đòn của nó không phải chia vào các chính phủ hiện hữu, mà chia vào những người cách mạng không chấp nhận những giáo điều và sự lãnh

đạo của nó. Hội này được lập ra bởi phái thiểu số của một đại hội đại biểu tư sản nào đó, nó chui vào hàng ngũ tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân và trước tiên tìm cách chiếm đoạt quyền lãnh đạo tổ chức đó, nhưng nếu kế hoạch đó không thành công, thì ra sức phá hoại tổ chức ấy. Hội này đang đánh tráo một cách trắng trợn cương lĩnh rộng lớn và ý hướng vĩ đại của Hội chúng ta bằng cái cương lĩnh bè phái chủ nghĩa và những tư tưởng chật hẹp của nó: nó tổ chức, trong nội bộ các chi hội đang tồn tại công khai của Quốc tế, những chi hội bí mật nhỏ của nó, những chi hội bí mật này tuân theo những chỉ thị thống nhất và do đó thường thường nắm chắc được các chi hội của Quốc tế bằng những hành động đã được bàn bạc thống nhất từ trước; nó công khai công kích trên báo chí của nó tất cả những ai không chịu phục tùng ý chí của nó; và, theo lời lẽ của chính nó, thổi bùng một cuộc chiến tranh công khai trong hàng ngũ chúng ta. Để đạt tới mục đích của mình, hội này không từ một thủ đoạn nào, không từ hành vi bội tín nào; nói dối, vu khống, dọa dẫm, lén lút tấn công - tất cả những điều đó đều là những thủ đoạn đặc trưng cho nó. Cuối cùng, ở nước Nga thì hội này hoàn toàn thay chân Quốc tế, và núp dưới danh nghĩa Quốc tế nó đã gây ra những tội ác hình sự, lừa đảo, giết người; nhưng đối với những tội phạm đó, báo chí của chính phủ và báo chí của giai cấp tư sản đang đổ trách nhiệm cho Hội chúng ta. Song Quốc tế vẫn phải làm thanh đối với tất cả những sự việc đó, vì cái đoàn thể thủ phạm về tất cả những sự việc đó lại là một hội bí mật! Trong tay Quốc tế có quy chế của hội này, - một kẻ tử thù của Quốc tế, - quy chế mà trong đó nó tuyên bố bản thân nó là một hội dòng Tên của thời đại ngày nay và tuyên bố việc áp dụng trong thực tiễn tất cả những biện pháp của hội dòng Tên là quyền và nghĩa vụ của nó; quy chế giải thích rõ ràng ngay tức khắc tất cả những hành động đối địch của hội này đối với Quốc tế; song Quốc tế lại không thể sử dụng những tài liệu này được: vì làm như thế có nghĩa là khai ra một hội bí mật.

Để chống lại tất cả những mưu kế ấy, chỉ có một biện pháp, nhưng là một biện pháp có sức mạnh trí mạng; đó là đưa ra công khai hết tất cả. Vạch trần toàn bộ những mưu kế ấy tức là làm cho những mưu kế ấy mất hết hiệu lực. Về phía chúng ta, che đậy những mưu kế ấy bằng sự im lặng chẳng những là một sự ngây thơ, mà trước tiên những kẻ cầm đầu Đồng minh có thể chế giễu, và còn là một sự nhút nhát. Hơn thế nữa, đó sẽ là một hành vi bội phản đối với các hội viên Quốc tế Tây Ban Nha, tuy là những thành viên của Đồng minh bí mật, nhưng đã không do dự vạch trần sự tồn tại của hội này và phương pháp hoạt động của nó, khi hội này vừa mới giữ một lập trường công khai thù địch với Quốc tế. Thêm vào đó, tất cả điều gì được ghi trong điều lệ bí mật đều đã có trong những văn kiện do chính bản thân Ba-cu-nin và Nesa-ép công bố bằng tiếng Nga, và hơn nữa, dưới một hình thức diễn đạt còn rõ ràng hơn. Các quy chế chẳng qua chỉ là sự chứng thực những văn kiện ấy mà thôi.

Các người cầm đầu Đồng minh cứ la ó về sự phản bội đi. Chúng tôi sẽ để cho công nhân khinh bỉ họ và các chính phủ có hảo tâm đối với họ, những chính phủ mà họ đã có những sự giúp đỡ vô giá bằng cách phá hoại phong trào công nhân. Tờ báo Xuy-riích "Tagwacht" khi trả lời cho Ba-cu-nin, đã có đầy đủ lý do để tuyên bố:

"Nếu Ngài không phải là một tên mật vụ được trả công thì dù sao cũng có một điều rất rõ là không có một tên mật vụ được trả công nào lại có thể gây ra nhiều tai hại hơn so với Ngài"<sup>309</sup>.

## II ĐỒNG MINH BÍ MẬT

Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa có nguồn gốc thuần túy tư sản. Nó ra đời không phải từ Quốc tế; nó là dòng dõi của Đồng minh hoà bình và tự do, một đoàn thể chết non khi mới đẻ của phái cộng hoà tư sản. Mi-kha-in Ba-cu-nin nảy ra ý nghĩ muốn đóng vai trò của người giải phóng giai cấp vô sản, thì Quốc tế đã bám rễ rất chặt rồi. Quốc tế chỉ tạo cho ông ta trường hoạt động chung cho tất cả các hội viên Quốc tế. Để trội lên trong Quốc tế, thoát đầu ông ta buộc phải làm việc một cách kiên trì và quên mình để làm cho mình nổi tiếng tăm; nhưng ông ta quyết định rằng đứng về phía người tư sản trong Đồng minh thì ông ta sẽ có nhiều cơ hội thành công hơn và tìm thấy con đường dễ dàng thuận lợi hơn.

Vì vậy, vào tháng Chín 1867 ông ta đã tìm cách được bầu làm uỷ viên uỷ ban thường trực của Đồng minh hoà bình và đã thật sự đóng vai trò của mình. Thậm chí có thể nói, ông ta cũng với Bác-ni, một nghị viện đương chức ở Véc-xay, là linh hồn của uỷ ban này. Nhằm đóng vai trò nhà lý luận của Đồng minh, Ba-cu-nin đã dự định xuất bản dưới sự bảo hộ của Đồng minh này một tác phẩm lấy tên là "Chủ nghĩa liên bang, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa vô thần"<sup>1)</sup>. Song, chẳng bao lâu ông ta lại thấy rõ rằng Đồng minh vẫn là một đoàn thể chẳng đáng gì cả và những người

1) Cuốn kinh thánh này về *các chủ nghĩa* in đến trang in thứ ba thì bị đình chỉ, vì không có phần tiếp theo của bản thảo<sup>310</sup>.

phái tự do tham gia Đồng minh này đều coi các kỳ Đại hội đại biểu của nó chỉ là một cách thức kết hợp cuộc hành trình du ngoạn với những bài diễn văn khoa trương, trong khi đó thì, ngược lại. Quốc tế ngày càng phát triển lớn mạnh. Vì thế mà ông ta bắt đầu mơ ước gắn Đồng minh vào Quốc tế. Để thực hiện kế hoạch này, Ba-cu-nin đã tìm cách được chấp nhận làm hội viên chi hội trung ương Giơ-ne-vơ<sup>1\*</sup> vào tháng Bảy năm 1868 theo sự giới thiệu của En-pi-đin; mặt khác, ông ta lại thông qua trong uỷ ban của Đồng minh một quyết định đề nghị với Đại hội của Quốc tế ở Bruy-xen ký kết một liên minh tiến công và phòng thủ giữa hai đoàn thể. Muốn cho đại hội đại biểu của Đồng minh phê chuẩn cái sáng kiến nóng bỏng này, Ba-cu-nin đã thảo ra một bản thông báo bí mật, sau đó đã thuyết phục uỷ ban thông qua thông báo đó và gửi cho "các ngài" trong Đồng minh<sup>311</sup>. Trong thông báo, ông ta đã thừa nhận một cách thật thà rằng Đồng minh cho đến nay vẫn là một trò hề đáng thương, chỉ có thể có được ý nghĩa khi nó đối lập lại với liên minh của những kẻ áp bức, bằng

"liên minh của các dân tộc, liên minh của công nhân... chúng ta chỉ có thể trở thành một cái gì đó khi nào chúng ta muốn trở thành những người đại diện chân thành và thật sự của hàng triệu công nhân".

Sứ mệnh thiên định của Đồng minh thần thánh ấy là nhằm ban cho giai cấp công nhân một nghị viện tư sản tự phong mà giai cấp công nhân có thể giao phó cho nghị viện đó chăm lo việc lãnh đạo mình về lĩnh vực chính trị.

Bản thông báo kết thúc: "Để trở thành một lực lượng hữu ích và hiện thực. Đồng minh của chúng ta phải trở thành sự *thể hiện chính trị thuần túy* của những lợi ích kinh tế và xã hội vĩ đại và của những nguyên tắc mà hiện giờ Hội liên hiệp công nhân quốc tế vĩ đại của châu Âu và châu Mỹ đang phát triển và truyền bá một cách hết sức thắng lợi".

1\* - của Quốc tế.

Đại hội Bruy-xen dám cả gan bác bỏ đề nghị của Đồng minh. Ba-cu-nin đã thất vọng và tức giận biết bao. Một mặt, Quốc tế đã tuyệt khỏi sự giám hộ của ông ta. Mặt khác, chủ tịch của Đồng minh, giáo sư Gu-xtáp Phô-gtơ, đã quở mắng ông ta một trận nên thân.

Phô-gtơ đã viết cho Ba-cu-nin: "Hoặc là anh không tin tưởng vào kết quả của lời mời của chúng tôi, như thế thì anh đã làm tổn thương danh dự của Đồng minh chúng ta: hoặc là anh đã biết những người bạn của anh trong Quốc tế đang chuẩn bị cho chúng tôi một món quà bất ngờ như thế nào rồi, mà như thế thì anh đã lừa dối chúng tôi một cách không xứng đáng. Tôi hỏi anh, chúng ta sẽ nói như thế nào với đại hội của chúng ta đây...".

Ba-cu-nin đã viết thư trả lời cho Phô-gtơ, bức thư này ông ta đã kể cho tất cả những ai muốn xem đều được đọc.

Ông ta viết: "Tôi không thể thấy trước rằng Đại hội của Quốc tế sẽ trả lời chúng ta bằng một sự lãng nhục thô bạo và ngạo mạn đến như thế, nhưng việc đó được gây ra bởi âm mưu của một bọn người Đức nào đó căm ghét người Nga" (ông ta giải thích bằng miệng cho các thánh giả rằng đây là "bọn" Mác). "Anh hỏi tôi, chúng ta sẽ làm gì? Tôi sẽ giành lấy vinh dự nhân danh uỷ ban để từ trên diễn đàn của đại hội chúng ta đáp lại sự lãng nhục thô bạo ấy".

Đáng lẽ thực hiện lời hứa ấy, thì Ba-cu-nin lại thay đổi cái bộ trang phục của mình. Ông ta đề nghị với Đại hội Béc-nơ của Đồng minh một cương lĩnh của chủ nghĩa xã hội hoang đường, trong đó ông ta đòi một sự bình đẳng giữa các giai cấp và giữa các cá nhân, muốn trội hơn các bà trong Đồng minh này chỉ đòi bình đẳng nam nữ. Bị thất bại một lần nữa, ông ta cùng với một nhóm thiểu số ít ỏi rời khỏi đại hội và đi tới Giơ-ne-vơ<sup>1)</sup>.

1) Trong số những người tách ra, chúng ta thấy có tên của An-béc Ri-sác ở Ly-ông hiện làm mật vụ cho cảnh sát của Bô-na-pác-tơ. Gam-bu-di - luật sư ở Na-plơ (xem chương nói về I-ta-li-a). Giu-cốp-xki mà sau này làm thư ký của Đồng minh công khai, và Bút-nơ nào đó vốn là một người thợ làm đồ sắt ở Giơ-ne-vơ mà hiện giờ ở trong một đảng cực kỳ phản động.

Sự liên minh giữa tư sản và công nhân mà Ba-cu-nin mơ ước, không giới hạn ở sự liên minh công khai. Những quy chế bí mật của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa (xem "Văn kiện", số 1<sup>\*</sup>) đã chỉ rõ rằng ngay trong lòng của Đồng minh, Ba-cu-nin đã đặt cơ sở của một hội bí mật phải lãnh đạo Đồng minh này. Không chỉ tên gọi của các cơ quan lãnh đạo trùng hợp với tên gọi của các cơ quan của Đồng minh (uỷ ban trung ương thường trực, trung ương cục, các uỷ ban dân tộc), mà trong các quy chế bí mật còn tuyên bố rằng "đa số thành viên sáng lập ra Đồng minh" đều là "những người trước đây đã tham gia Đại hội Béc-nơ". Để bắt người ta phải thừa nhận mình là lãnh tụ của Quốc tế, thì ông ta phải xuất hiện với tư cách là lãnh tụ của một đội quân khác, mà sự trung thành tuyệt đối của nó đối với con người của ông ta phải được bảo đảm bằng một tổ chức bí mật. Khi dự định đem cái hội của mình công khai gia nhập Quốc tế, ông ta hy vọng mở rộng chi nhánh của hội này vào trong tất cả các chi hội và bằng cách đó nắm vào trong tay mình quyền lãnh đạo không giới hạn đối với Quốc tế. Nhằm mục đích đó, ông ta đã lập ra Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa (công khai) ở Giơ-ne-vơ. Nhìn bề ngoài, đó chỉ là một đoàn thể công khai thông thường, đoàn thể này tuy là hoàn toàn hoà vào trong Quốc tế, nhưng đồng thời lại phải có tổ chức quốc tế độc lập, uỷ ban trung ương, các cục và các chi hội dân tộc, không lệ thuộc vào Hội liên hiệp chúng ta; song song với Đại hội đại biểu hàng năm của chúng ta, Đồng minh cũng phải công khai triệu tập Đại hội đại biểu của mình. Nhưng đằng sau Đồng minh công khai ấy còn ẩn giấu một Đồng minh khác, Đồng minh này lại chịu sự lãnh đạo của một Đồng minh bí mật hơn nữa của những người anh em quốc tế, một đội thị vệ của nhà độc tài Ba-cu-nin.

Điều lệ bí mật của "tổ chức Đồng minh những người anh em quốc tế" ghi rõ rằng trong Đồng minh này có "ba cấp: I. *Những*

1\* - Xem tập này, tr. 617- 618.



*anh em Quốc tế; II. Những anh em dân tộc; III. Tổ chức nửa bí mật, nửa công khai của Đảng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế".*

I. Những người anh em quốc tế, mà số lượng họ giới hạn ở con số "một trăm", lập thành một đoàn hồng y giáo chủ thần thánh. Họ phục tùng uỷ ban trung ương và các uỷ ban dân tộc, các uỷ ban dân tộc được tổ chức thành các cục chấp hành và các uỷ ban giám sát. Bản thân các uỷ ban này phải chịu trách nhiệm trước "hội nghị lập hiến", hay là hội nghị chung, gồm ít nhất hai phần ba những người anh em quốc tế. Những người anh em trong Đảng minh này.

"không có tổ quốc nào khác ngoài cách mạng thế giới, không có miền đất lạ nào khác và kẻ thù nào khác ngoài bọn phản động. Họ bác bỏ mọi chính sách thỏa hiệp và nhượng bộ và cho rằng mọi cuộc vận động chính trị nào mà không lấy sự thắng lợi của những nguyên tắc của họ làm mục đích trực tiếp, đều là cuộc vận động phản động".

Nhưng vì điều khoản này khiến cho hành động chính trị của nhóm "một trăm người" bị gác lại cho đến một thời kỳ vô định và vì những kẻ không thỏa hiệp này không có ý định từ bỏ những lợi lộc gắn liền với việc phục vụ xã hội, cho nên điều 8 viết:

"Không một anh em nào có thể đảm nhiệm một cương vị xã hội, nếu không có sự đồng ý của uỷ ban mà mình là thành viên".

Khi chúng tôi đề cập tới Tây Ban Nha và I-ta-li-a thì chúng ta sẽ thấy các vị cầm đầu Đảng minh đã vội vàng vận dụng điều này vào thực tiễn như thế nào. Những người anh em quốc tế.

"là những người anh em... mỗi người phải là thiêng liêng đối với tất cả những anh em khác, thiêng liêng hơn là anh em ruột thịt: mỗi anh em phải được tất cả những anh em khác giúp đỡ và bảo vệ đến mức có thể làm được".

Vụ Ne-sa-ép sẽ chỉ cho chúng ta thấy cái mức giới hạn bí ẩn có thể làm được là như thế nào.

"Tất cả những anh em quốc tế đều hiểu biết lẫn nhau. Giữa họ không bao giờ được có những bí mật chính trị. Không một anh em nào có thể tham gia vào bất cứ một đoàn thể bí mật nào nếu chưa được sự đồng ý rõ ràng của uỷ ban của mình, còn trong trường hợp cần thiết mà uỷ ban yêu cầu làm như vậy, thì cũng không thể tham gia nếu không có sự đồng ý của uỷ ban trung ương. Và anh em đó cũng chỉ có thể tham gia vào đoàn thể bí mật ấy với điều kiện là anh em đó sẽ phơi trần trước uỷ ban tất cả những bí mật có thể trực tiếp hoặc gián tiếp làm cho uỷ ban này quan tâm đến".

Bọn Pi-ê-tơ-ri và Sti-bơ chỉ sử dụng những kẻ đê hèn và đòi truy làm mật vụ. Còn Đảng minh thì khi đưa những anh em giả của mình vào các đoàn thể bí mật để họ tiết lộ những bí mật của những đoàn thể này, đã gán ép vai trò mật vụ cho chính những người mà theo kế hoạch của nó phải cầm đầu "cuộc cách mạng thế giới". - Song, thành hệ cách mạng đang thực hiện hành vi đê tiện bằng trò hề.

"Chỉ những ai tiếp thu một cách chân thành toàn bộ cương lĩnh với tất cả những hệ quả lý luận và thực tế bắt nguồn từ cương lĩnh ấy, chỉ những ai mà trí tuệ, nghị lực, lòng thành thật" (!) "và sự trầm tĩnh được kết hợp với nhiệt tình cách mạng, chỉ những ai *gan như quý sứ*, thì mới có thể trở thành người anh em quốc tế".

II. Những người anh em dân tộc được những người anh em quốc tế tổ chức, cũng theo cùng một kế hoạch như thế, thành hiệp hội dân tộc trong mỗi nước, nhưng bất luận thế nào họ cũng không được, thậm chí hoài nghi về sự tồn tại của tổ chức quốc tế.

III. Đảng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế bí mật mà các thành viên được chiêu mộ ở khắp nơi, có một cơ quan lập pháp là *uỷ ban trung ương thường trực*, mà sau khi họp toàn thể thành viên, sẽ lấy tên là hội nghị toàn thể bí mật của Đảng minh. Hội nghị này họp mỗi năm một lần trong thời gian họp đại hội

đại biểu của Quốc tế hoặc, trong trường hợp đặc biệt, họp theo sự triệu tập của trung ương cục hoặc của chi hội trung ương Giơ-ne-vơ.

*Chi hội trung ương Giơ-ne-vơ* là "đoàn đại biểu thường nhiệm của uỷ ban trung ương thường trực" và là "hội đồng chấp hành của Đồng minh"; chi hội này chia thành *trung ương cục* và *uỷ ban giám sát*. Trung ương cục gồm từ 3 đến 7 thành viên là cơ quan quyền lực chấp hành thực sự của Đồng minh.

"nó nhận chỉ thị của chi hội trung ương Giơ-ne-vơ và gửi đi những thông tri của mình, - để *không phải nói những mệnh lệnh bí mật*, - cho tất cả các uỷ ban dân tộc mà từ đó nó nhận được ít nhất mỗi tháng một lần những báo cáo bí mật".

Trung ương cục này khéo tìm cách vừa làm đôi vừa chuột, vừa bí mật vừa công khai; bởi vì với tư cách là một bộ phận của

"chi hội trung ương bí mật, trung ương cục là tổ chức bí mật... với tư cách là quyền lực chấp hành của Đồng minh công khai, nó là tổ chức công khai".

Vì vậy, chúng ta thấy rằng Ba-cu-nin đã thiết lập từ trước tất cả sự lãnh đạo bí mật và công khai ấy đối với cái "Đồng minh yêu quý" của mình trước khi Đồng minh ấy ra đời, rằng những thành viên của Đồng minh sau này có tham gia vào những cuộc bầu cử nào đó, cũng chỉ là những con rối trong cái trò hề do ông ta biểu diễn mà thôi. Song, như chúng ta sẽ thấy, ông ta không chút ngại ngần tuyên bố điều đó; chi hội trung ương Giơ-ne-vơ mà nhiệm vụ của nó là ra chỉ thị cho trung ương cục, thì bản thân nó chỉ là một chi hội hữu danh vô thực, bởi vì những quyết nghị của nó, ngay cả những quyết nghị được đa số thông qua, chỉ có tính chất bắt buộc đối với trung ương cục, trong trường hợp đa số uỷ viên trung ương cục không muốn đề nghị hội nghị chung bác bỏ những quyết nghị ấy, và trung ương cục phải triệu tập hội nghị ấy trong thời hạn ba tuần.

"Hội nghị chung được triệu tập như vậy, chỉ có thẩm quyền trong trường hợp hai phần ba tổng số thành viên tham gia".

Như chúng ta thấy, trung ương cục đã tạo ra cho mình đầy đủ tất cả những bảo đảm có tính chất hiến định để bảo đảm tính độc lập của mình.

Có thể nào ngây ngô tưởng rằng các trung ương cục tự trị ấy ít ra cũng được chi hội trung ương Giơ-ne-vơ bầu ra một cách tự do. Đâu có phải như thế: trung ương cục lâm thời

"được trình cho nhóm khởi xướng Giơ-ne-vơ phê chuẩn, coi như được lâm thời cử ra bởi toàn thể thành viên sáng lập ra Đồng minh, phần đông những thành viên này trước đây là những người tham gia Đại hội Béc-nơ, *sau khi chuyển giao thẩm quyền của mình cho ông B... đã đi về nước mình*" (trừ Ba-cu-nin ra).

Như vậy, những thành viên sáng lập ra Đồng minh chỉ là mấy tên tư sản đã tách ra khỏi Đồng minh hoà bình.

Do đó, uỷ ban trung ương thường trực nắm lấy quyền thành lập và quyền lập pháp đối với toàn thể Đồng minh và tự đề cử mình. Đoàn đại biểu chấp hành thường nhiệm của uỷ ban trung ương thường trực này, tức chi hội trung ương Giơ-ne-vơ, là tự phong, chứ không phải do uỷ ban này cử ra. Trung ương cục chấp hành của chi hội trung ương Giơ-ne-vơ này, lẽ ra thì do chi hội này cử ra, nhưng lại do một nhóm người đã nhất loạt "chuyển giao thẩm quyền của mình cho ông B" áp đặt cho chi hội đó.

Vậy thì "ông B" là cái cột trụ chính của Đồng minh. Để giữ cái vai trò chính ấy cho ông này, trong điều lệ bí mật của Đồng minh có nói nguyên văn như sau:

"Đối với bên ngoài, cơ cấu quản lý của nó sẽ tương ứng với chế độ tổng thống trong nước cộng hoà liên bang",

một chế độ tổng thống mà trước khi được thiết lập đã có tổng thống rồi - đó là "ông B" thường trực<sup>1\*</sup>.

1\* Trong nguyên bản - "permanent" có nghĩa là "thường trực", "thường xuyên hoạt động".

Vì Đồng minh là một đoàn thể quốc tế, cho nên trong mỗi nước sẽ có một uỷ ban dân tộc được lập nên, bao gồm

"tất cả những uỷ viên của uỷ ban trung ương thường trực thuộc một dân tộc.

Muốn thành lập một uỷ ban dân tộc, chỉ cần ba uỷ viên là đủ. Để bảo đảm sự tuân thủ chính xác mối liên hệ theo tôn ti ngôi thứ,

"các uỷ ban dân tộc sẽ là những cơ quan trung gian *duy nhất* giữa trung ương cục và tất cả những nhóm địa phương của nước mình".

#### Các uỷ ban dân tộc

"phải bảo đảm tổ chức Đồng minh trong nước mình, sao cho các uỷ viên của uỷ ban trung ương thường trực *luôn luôn giữ địa vị thống trị trong Đồng minh* và đại diện cho Đồng minh trong các kỳ đại hội đại biểu".

Đấy là cái mà ngôn ngữ của các thành viên của Đồng minh gọi là xây dựng tổ chức từ dưới lên. Những tổ chức địa phương này không có quyền nào khác ngoài quyền trình lên uỷ ban dân tộc những cương lĩnh và điều lệ của mình để đưa ra

"trung ương cục phê chuẩn, nếu không thì các tổ chức địa phương không thể tham gia Đồng minh".

Sau khi cái tổ chức độc tài và theo tôn ti bí mật này đã được găm vào Quốc tế rồi, thì chỉ còn một việc là phá hoại Quốc tế. Muốn thế, chỉ cần làm cho các chi hội của Quốc tế trở thành những chi hội vô chính phủ và tự trị, làm cho các cơ quan trung ương của Quốc tế biến thành những hòm thư giản đơn, những "cục thông tin và thống kê", như sau này họ đã tìm cách thực sự làm như vậy.

Bảng kê công lao cách mạng của "ông B", thường trực không vinh quang đến mức khiến cho ông ta có thể hy vọng duy trì vĩnh viễn sự chuyên chính thường xuyên mà ông ta đã nắm được trong Đồng minh bí mật, nhất là trong Đồng minh công khai.

Bởi vậy, cần phải che đậy nó bằng những lời lẽ hào nhoáng về dân chủ. Vì thế, quy chế bí mật quy định trung ương cục lâm thời (hãy đọc là: ông thường trực) vẫn thừa hành chức năng cho đến hội nghị chung công khai lần đầu tiên của Đồng minh, hội nghị này sẽ cử các uỷ viên của trung ương cục thường trực mới Nhưng

"vì trung ương cục luôn luôn nhất thiết phải gồm các uỷ viên của uỷ ban trung ương thường trực, cho nên uỷ ban trung ương thường trực phải thông qua các uỷ ban dân tộc của mình, mà bảo đảm tổ chức và *lãnh đạo* tất cả các tổ chức địa phương, sao cho các tổ chức địa phương *sẽ chỉ cử những uỷ viên uỷ ban trung ương thường trực làm đại biểu* tại hội nghị này hoặc nếu không có uỷ viên của uỷ ban trung ương thường trực, thì cử những người *tuyệt đối trung thành với sự lãnh đạo* của uỷ ban dân tộc của mình, sao cho uỷ ban trung ương thường trực *luôn luôn nằm trong tay mình* toàn bộ tổ chức của Đồng minh".

Chỉ thị đó không phải là do một bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ hoặc một vị quận trưởng ban ra hôm trước ngày bầu cử, mà được ban ra bởi một nhân vật chống chủ nghĩa cực quyền siêu đẳng, bởi một phần tử vô chính phủ vô hạn, bởi một nhà thuyết giáo về tổ chức từ dưới lên trên, bởi một Ba-i-a chủ trương sự tự trị của các chi hội và sự tự do liên hiệp của các nhóm tự trị, - bởi ông Mi-kha-in Ba-cu-nin thần thánh nhằm mục đích duy trì cái địa vị thường trực của mình.

Chúng ta đã phân tích tổ chức bí mật có sứ mạng duy trì vĩnh viễn sự chuyên chính của "ông B"; bây giờ chúng ta hãy bàn về cương lĩnh của ông ta.

"Việc liên hiệp những người anh em quốc tế nhằm tiến tới một cuộc tổng cách mạng, - đồng thời cùng một lúc mang tính chất cách mạng xã hội, cách mạng triết học, cách mạng kinh tế và cách mạng chính trị, - để phá sạch, trước tiên ở khắp cả châu Âu, sau đó ở các nơi khác trên thế giới", cái trật tự ngày nay được xây dựng trên sở hữu, trên sự bóc lột, trên nguyên tắc quyền uy - quyền uy tôn giáo, quyền uy siêu hình và quyền uy thuyết lý - tư sản hoặc thậm chí quyền uy cách mạng theo kiểu Gia-cô-banh; bằng những khẩu hiệu: hoà bình cho người lao động, tự do cho tất

cả những người bị áp bức, tiêu diệt những kẻ đi áp bức, những kẻ bóc lột và những bọn bảo hộ đủ loại, chúng ta ra sức phá huỷ tất cả những nhà nước và tất cả những giáo hội cùng với tất cả những thiết chế và luật pháp của chúng trong lĩnh vực tôn giáo, chính trị, pháp luật, tài chính, cảnh sát, đại học, kinh tế và xã hội, để hàng triệu con người bất hạnh bị lừa bịp, bị nô dịch, bị đầy đọa, bị bóc lột, cuối cùng sẽ được thở phào nhẹ nhõm sau khi được giải thoát khỏi tất cả những ông thầy và những ân nhân chính thức và bán chính thức, tập thể và cá thể của họ.

Đấy, tính cách mạng mang tính chất cách mạng là như thế đó! Điều kiện trước tiên để đạt tới mục đích đáng kinh ngạc ấy là không chống lại các nhà nước và các chính phủ hiện hành bằng những thủ đoạn thông thường của các nhà cách mạng bình thường, mà trái lại, dùng những lời lẽ rất kêu và dạy đời để công kích

"thiết chế nhà nước, cũng như hậu quả của nó đồng thời là cơ sở của nó, tức chế độ tư hữu".

Bởi vậy, vấn đề là ở chỗ: cái cần phải lật đổ lại không phải là Nhà nước Bô-na-pác-tơ, Nhà nước Phổ hoặc Nhà nước Nga, mà là nhà nước trừu tượng, nhà nước với tính cách là nhà nước, cái nhà nước không tồn tại ở đâu cả. Nhưng nếu những người anh em quốc tế trong cuộc đấu tranh quyết liệt của mình chống nhà nước hão huyền ấy biết cách tránh dùi cui cảnh sát, nhà tù và đạn mà những nhà nước hiện thực đang sử dụng đối với những người cách mạng bình thường, thì mặt khác, chúng ta cũng thấy rằng họ đang giữ lấy cho mình cái quyền chỉ có giáo hoàng cho phép mới có, cái quyền sử dụng tất cả mọi lợi thế mà những nhà nước tư sản hiện thực ấy ban cho. Những ví dụ về Pha-nê-li - một nghị sĩ I-ta-li-a, về Xô-ri-a-nô - một quan chức của Chính phủ A-ma-đây Xa-voa và có thể cả về An-béc Ri-sác và Ga-xpác Băng - mặt vụ của cảnh sát Bô-na-pác-tơ, là những ví dụ chứng tỏ, về mặt này, giáo hoàng dễ dãi biết chừng nào... Đó, vì sao "Đồng minh hay là, nói toạc ra, âm mưu" của ông B. chống cái ý niệm trừu tượng về nhà nước lại không mảy may làm cho cảnh sát phải lo lắng.

Vì vậy, hành động đầu tiên của cách mạng phải là ban hành sắc lệnh về việc xoá bỏ nhà nước, như Ba-cu-nin đã làm ngày 28 tháng Chín ở Ly-ông, mặc dù việc xoá bỏ nhà nước như thế không tránh khỏi là một hành động cực quyền chủ nghĩa. Nhà nước mà ông ta quan niệm là bất cứ chính quyền nào, dù là chính quyền cách mạng hay là chính quyền phản động,

"bởi vì đối với chúng ta, quyền uy đó dù được gọi là giáo hội, là nước quân chủ, là nhà nước lập hiến, là nước cộng hòa tư sản, hay thậm chí là nền chuyên chính cách mạng, cũng đều như nhau cả thôi. Chúng ta đều căm ghét tất thảy chúng như nhau cả và bác bỏ tất thảy chúng như là nguồn gốc tất nhiên của sự bóc lột và chế độ chuyên chế".

Vì thế mà ông ta tuyên bố rằng tất cả những người cách mạng muốn "xây dựng một nhà nước cách mạng" vào ngày hôm sau cuộc cách mạng, đều là nguy hiểm hơn nhiều sơ với tất cả những chính phủ hiện hành và rằng

"chúng ta - những người anh em quốc tế - đều là kẻ thù tự nhiên của những người cách mạng ấy", -

bởi vì việc phá hoại cách mạng là nghĩa vụ hàng đầu của những người anh em quốc tế.

Những lời lẽ khoác lác ấy về việc xoá bỏ ngay tức khắc nhà nước thiết lập một tình trạng vô chính phủ đã được trả lời trong bản thông báo nội bộ của Tổng Hội đồng "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế", tháng Ba năm 1872, trang 37<sup>1\*</sup>. "Tình trạng vô chính phủ - đấy là con chiến mã của ông thầy Ba-cu-nin của họ đã bắt chước một số nhãn hiệu trong các hệ thống xã hội chủ nghĩa mà thôi. Tất cả những người xã hội chủ nghĩa đều hiểu tình trạng vô chính phủ như sau: sau khi đã đạt được mục đích của phong trào vô sản là tiêu diệt giai cấp, thì sẽ mất đi cái chính quyền nhà nước tồn tại để gìn giữ tuyệt đại đa số của xã hội, bao gồm những người sản xuất, phải chịu sự áp bức của

1\* Xem tập này, tr.69.

một nhóm thiểu số bóc lột, và những chức năng chính phủ được biến thành những chức năng quản lý đơn thuần. Đồng minh thì đặt vấn đề ngược lại. Nó tuyên bố tình trạng vô chính phủ trong hàng ngũ giai cấp vô sản như là một thủ đoạn vững chắc nhất để phá hủy sự tập trung mạnh mẽ các lực lượng xã hội và lực lượng chính trị trong tay những kẻ bóc lột. Viện lẽ đó, nó yêu cầu Quốc tế, trong khi thế giới cũ đang ra sức đè bẹp Quốc tế, phải thay thế tổ chức của mình bằng tình trạng vô chính phủ".

Song, chúng ta hãy theo dõi xem sách phúc âm vô chính phủ chủ nghĩa đi đến những kết luận gì; chúng ta hãy giả định rằng có thể dùng pháp lệnh để xóa bỏ nhà nước. Theo điều 6<sup>1\*</sup>, những kết quả của hành động này sẽ là: sự phá sản của nhà nước, đình chỉ sự can thiệp của nhà nước vào việc thu những món nợ tư nhân, đình chỉ việc bắt nộp mọi thứ thuế má, giải tán quân đội, ngành toà án, quan chức, cảnh sát và giới thầy tu (!); bãi bỏ chế độ tư pháp nhà nước, đồng thời thiêu huỷ tất cả mọi giấy tờ văn bản về quyền sở hữu và hết thảy mọi công văn giấy tờ rác rưởi về tư pháp và dân sự, tịch thu tất cả những tư bản sản xuất và công cụ lao động để trao cho các hiệp hội công nhân và liên hợp của những hiệp hội ấy để "lập thành công xã". Công xã này sẽ cung cấp những thứ cần thiết nhất cho những cá nhân đã bị tước mất tài sản bằng cách ấy, đồng thời để cho họ tự do kiếm ra được thu nhập nhiều hơn bằng lao động của chính mình.

Những sự kiện Ly-ông đã chứng tỏ rằng nếu chỉ dùng pháp lệnh về xóa bỏ nhà nước thì không đủ để thực hiện tất cả những điều hứa hẹn đẹp đẽ ấy. Thế nhưng chỉ hai đại đội vệ binh quốc gia của giai cấp tư sản cũng đủ để đập tan điều mơ tưởng tuyệt vời ấy và buộc Ba-cu-nin với cái pháp lệnh kỳ diệu của ông ta trong túi áo vội vàng cất bước đi Giơ-ne-vơ. Cố nhiên, ông ta không coi những người theo gót ông ta là những kẻ ngu xuẩn đến nỗi không thấy cần phải đem lại cho họ một kế hoạch tổ

1\* Xem tập này, tr.626.

chức nào đó có thể bảo đảm thực hiện một cách thực tế cái pháp lệnh của ông ta. Đây là kế hoạch đó:

"Muốn tổ chức công xã, thì phải liên hợp các chiến lữ hoạt động thường trực và thành lập hội đồng của công xã cách mạng bằng cách mỗi chiến lữ cử một hoặc hai đại biểu, mỗi đường phố hoặc khu phố cử một đại biểu - những đại biểu này được cấp giấy uỷ nhiệm hạn chế, phai chịu trách nhiệm về tất cả mọi mặt và có thể bị thay thế bất cứ lúc nào" (kỳ lạ thay những chiến lữ này của Đồng minh, trong đó không phải người ta đánh nhau, mà người ta sáng tác ra những giấy uỷ nhiệm). "*Hội đồng công xã* được tổ chức bằng cách như vậy có thể cử ra, trong số uỷ viên hội đồng, những *ủy ban chấp hành* riêng cho từng ngành quản lý cách mạng của công xã".

Thủ đô khởi nghĩa, sau khi đã được tổ chức thành công xã như vậy, sẽ tuyên bố với các công xã khác trong nước rằng nó từ bỏ mọi tham vọng cai quản những công xã ấy; nó kêu gọi những công xã ấy cải tổ lại theo phương thức cách mạng, sau đó cử đại biểu đến một địa điểm quy ước để gặp nhau - những đại biểu này có trách nhiệm, có thể bị thay thế và được cấp giấy uỷ nhiệm hạn chế - để thành lập liên bang của các hội liên hiệp, của các công xã và của các tỉnh đã khởi nghĩa và để tổ chức *lực lượng* cách mạng có khả năng chiến thắng phe phản động. Tổ chức này sẽ không giới hạn ở những công xã của một nước đã khởi nghĩa, các tỉnh khác và nước khác cũng có thể tham gia tổ chức đó, nhưng

"những tỉnh, những công xã, những Hội liên hiệp và những cá nhân đứng về phía phản động, thì *không được tham gia tổ chức đó*".

Vì vậy, ở đây việc xóa bỏ biên giới được tiến hành đi đôi với việc khoan dung một cách độ lượng nhất đối với những tỉnh phản động sẽ khôi phục ngay nội chiến.

Như thế, trong cái tổ chức vô chính phủ chủ nghĩa này của những chiến lữ - diễn đàn, trước hết có hội đồng công xã, rồi đến các uỷ ban chấp hành - những uỷ ban chấp hành này dù chấp hành việc gì, cũng nhất thiết phải được giao một quyền lực

nào đó và phải dựa vào sức mạnh cưỡng chế xã hội, tiếp theo là cả một *ngụ viện* liên bang hoàn chỉnh, mà nhiệm vụ chủ yếu của nó phải là tổ chức *lực lượng cưỡng chế xã hội* ấy. Ngụ viện này, cũng như hội đồng công xã, sẽ phải chuyển giao *quyền lực chấp hành* cho một hoặc một số *ủy ban*, những ủy ban này chỉ riêng vì một lý do đó cũng đã mang tính chất quyền uy rồi, cái tính chất quyền uy này trong quá trình đấu tranh ngày càng phải được tăng cường. Do đó, tất cả những yếu tố của "nhà nước quyền uy" dần dần được phục hồi; và việc chúng ta gọi bộ máy ấy là "công xã cách mạng được tổ chức từ dưới lên trên", cũng chẳng có ý nghĩa gì lắm. Tên gọi không làm cho thực chất thay đổi được; tổ chức từ dưới lên trên thì trong bất cứ nước cộng hòa tư sản nào cũng đều có cả, còn những giấy uỷ nhiệm hạn chế thì trong thời trung cổ đã thấy có rồi. Vả lại, chính bản thân Ba-cu-nin cũng thừa nhận điều đó, khi ông ta (trong điều 8<sup>1\*</sup>) đặt cho tổ chức của mình tên gọi "nhà nước cách mạng mới".

Cũng chẳng đáng nói về giá trị thực tế của kế hoạch cách mạng ấy, mà theo đó người ta không phải chiến đấu, mà chỉ cãi vã.

Bây giờ chúng ta hãy khám phá bí mật của tất cả những cái hòm có đáy hai tầng và ba tầng của Đồng minh. Muốn cho cương lĩnh chính thống được thực hiện và tình trạng vô chính phủ đi theo con đường đúng đắn, thì

"điều cần thiết là, trong cái trạng thái vô chính phủ nhân dân tạo thành bản thân đời sống và toàn bộ nghị lực cách mạng. *sự thống nhất của tư tưởng cách mạng và hành động phải được thể hiện qua một cơ quan nào đó. Cơ quan đó phải là một liên minh bí mật và toàn thế giới của những người anh em quốc tế.*

Liên minh ấy bắt nguồn từ một niềm tin rằng cách mạng không bao giờ có thể được thực hiện bởi những cá nhân hay, bởi những hội kín. Cách mạng được thực hiện dường như một cách tự nhiên bởi sức mạnh của sự vật, bởi tiến trình của các sự biến

1\* Xem tập này, tr.627.

và sự kiện. Cách mạng được chuẩn bị một thời gian dài trong ý thức bản năng sâu xa của quần chúng nhân dân, rồi sau đó mới nổ bùng ra... Tất cả những điều mà một đoàn thể bí mật được tổ chức tốt, có thể làm, trước hết là giúp cho cách mạng ra đời bằng cách truyền bá trong quần chúng những tư tưởng phù hợp với bản năng của quần chúng và tổ chức, nhưng không phải tổ chức đội quân của cách mạng - đội quân của cách mạng bao giờ cũng phải là nhân dân" (bia đồ đạn), "mà tổ chức một *bộ tổng tham mưu cách mạng* gồm những người bạn của nhân dân trung thành, đầy nghị lực, thông minh và, chủ yếu là phải thành thực, - chứ không phải những người hám danh - có năng lực làm cầu nối giữa tư tưởng cách mạng" (do họ độc quyền) "và bản năng nhân dân",

Vì vậy, số lượng những người này không được nhiều lắm. Đối với tổ chức quốc tế trong toàn châu Âu, *chỉ cần một trăm người cách mạng đoàn kết thật sự và chặt chẽ là đủ rồi.* Đối với tổ chức của một nước lớn nhất, vài ba trăm người cách mạng là đủ rồi".

Tóm lại, tất cả đều biến đổi. Tình trạng vô chính phủ, "sự thả lỏng cuộc sống nhân dân", "những đục vụng xấu xa" v.v., - những điều đó đã không đủ nữa rồi. Để bảo đảm thắng lợi của cách mạng, cần phải có *sự thống nhất của tư tưởng và hành động.* Các hội viên của Quốc tế thì đang ra sức xây dựng sự thống nhất ấy bằng cách tuyên truyền, tranh luận và tổ chức công khai giai cấp vô sản, - còn Ba-cu-nin thì chỉ cần cái tổ chức bí mật của một trăm, những người đại diện đặc quyền cho *tư tưởng cách mạng*, chỉ cần cái bộ tổng tham mưu để dành sẵn, tự bổ nhiệm mình và được đặt dưới sự thống lĩnh của "ông B", thường trực. Sự thống nhất của tư tưởng và hành động không phải là cái gì khác mà chỉ là chủ nghĩa giáo điều và sự phục tùng mù quáng. Perinde ac cadaver<sup>1\*</sup>. Trước mặt chúng ta là một hội đồng Tên thật sự.

1\* - Người hãy như là cái xác chết. (Đó là một trong những nguyên tắc của hội viên dòng Tên quy định hội viên cấp dưới phải phục tùng tuyệt đối hội viên cấp trên, do Lôi-ô-ta đặt ra).

Nói rằng một trăm anh em quốc tế phải "làm chiếc cầu nối giữa tư tưởng cách mạng và bản năng nhân dân", thì có nghĩa là đào một hố sâu không thể vượt qua giữa tư tưởng cách mạng của Đồng minh và quần chúng vô sản, có nghĩa là thừa nhận không thể nào tuyển mộ được một trăm lính cận vệ ấy nếu không phải là tuyển mộ trong các giai cấp hưởng đặc quyền.

### III ĐỒNG MINH Ở THỤY SĨ

Đồng minh giống như là Phôn-stáp, nó "cho rằng sự bình tĩnh và thận trọng là biểu hiện tốt nhất của tinh thần dũng cảm"<sup>1\*</sup>. Vì vậy "gan quý sứ trong người họ" không mấy may cản trở những người anh em quốc tế ngoan ngoãn cúi đầu khuất phục trước các chính quyền quốc gia hiện hành, đồng thời không ngót kịch liệt chống thiết chế nhà nước trừu tượng; nhưng con "quý sứ" ấy lại chia những ngọn đèn của họ chỉ nhằm vào Quốc tế. Ban đầu họ muốn nắm lấy Quốc tế, nhưng khi họ không thực hiện được điều đó, thì họ lại tìm cách phá hoại Quốc tế. Bây giờ chúng ta hãy vạch rõ việc làm của họ trong các nước.

Những người anh em quốc tế chẳng qua là một bộ tổng tham mưu được dành sẵn; họ không có quân đội. Họ quả quyết rằng Quốc tế chính là được lập ra vì mục đích đó. Để có thể chỉ huy được đạo quân ấy, cần phải đưa Đồng minh công khai vào Quốc tế. Họ e ngại rằng nếu yêu cầu Tổng Hội đồng cho họ gia nhập Quốc tế thì sẽ làm bề mặt Đồng minh, vì như thế hoá ra họ thừa nhận quyền lực của Tổng Hội đồng, cho nên, vì mục đích đó, họ đã mấy lần yêu cầu Hội đồng liên chi hội Bỉ và Hội đồng liên chi hội Pa-ri, nhưng uống công. Nhiều lần bị cự tuyệt như vậy buộc Đồng minh ngày 15 tháng Chạp 1868 phải yêu cầu Tổng Hội đồng cho gia nhập. Đồng minh đã gửi điều lệ và cương lĩnh của mình, trong đó tuyên bố công khai ý đồ của Đồng minh ("Văn

1\* Sếch-xpia. "Vua Hen-ri IV", phần 1, hồi V, cảnh IV.

kiện", số 2<sup>1\*</sup>). Đồng minh tuyên bố nó "hoàn toàn hoà vào trong Quốc tế", đồng thời lại mưu đồ lập ra một tổ chức quốc tế thứ hai trong lòng Quốc tế. Song song với Tổng Hội đồng của Quốc tế do các kỳ đại hội bầu ra, còn phải có một uỷ ban trung ương tự phong của Đồng minh, đóng tại Giơ-ne-vơ. Song song với các tổ chức địa phương của Quốc tế, còn phải có những tổ chức địa phương của Đồng minh, những tổ chức địa phương này của Đồng minh, thông qua các cục dân tộc của mình hoạt động không kể các cục dân tộc của Quốc tế, "sẽ yêu cầu với trung ương cục Đồng minh cho họ gia nhập Quốc tế". Như vậy, trung ương cục của Đồng minh nắm quyền kết nạp vào Quốc tế. Song song với các kỳ đại hội đại biểu của Quốc tế, còn phải tiến hành Đại hội đại biểu của Đồng minh, bởi vì "đoàn đại biểu của Đồng minh trong các kỳ Đại hội đại biểu công nhân hàng năm" có ý định muốn tiến hành "các cuộc họp công khai của mình trong một hội trường riêng".

Ngày 22 tháng Chạp, Tổng Hội đồng (trong bức thư đã được công bố ở trang 7<sup>2\*</sup> bản thông báo của Tổng Hội đồng "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế") tuyên bố rằng những yêu sách đó rõ ràng trái ngược với Điều lệ của Quốc tế, và kiên quyết bác bỏ việc kết nạp Đồng minh. Mấy tháng sau, Đồng minh lại viết thư cho Tổng Hội đồng, hỏi Tổng Hội đồng có thừa nhận những nguyên tắc của Đồng minh, hay không. Nếu trả lời là có, thì Đồng minh tuyên bố sẵn sàng tự giải tán, tự cải tổ thành những chi hội bình thường của Quốc tế. Tổng Hội đồng ngày 9 tháng Ba 1869 (xem "*Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế*", tr.8<sup>3\*</sup>) đã trả lời rằng nếu phán xét về giá trị khoa học của cương lĩnh của Đồng minh thì có nghĩa là Tổng Hội đồng

1\* Xem tập này, tr. 628 - 631.

2\* Xem tập này, tr. 18 - 21.

3\* Xem tập này, tr. 20 - 22.

sẽ vượt qua phạm vi chức năng của mình, còn nếu như đem "sự xoá bỏ giai cấp" thay cho "sự bình đẳng của các giai cấp", thì việc chuyển những chi hội của Đồng minh thành những chi hội của Quốc tế sẽ không gặp trở ngại gì. Tổng Hội đồng còn bổ sung thêm: "*Nếu vấn đề giải tán Đồng minh và kết nạp các chi hội của Đồng minh vào Quốc tế* được giải quyết dứt khoát, thì theo Quy chế của chúng tôi, cần phải báo cáo cho Tổng Hội đồng biết địa chỉ và số lượng hội viên của từng chi hội mới".

Ngày 22 tháng Sáu 1869, chi hội của Đồng minh ở Giơ-ne-vơ đã báo cáo với Tổng Hội đồng về việc giải tán Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế như là một sự việc đã xảy ra rồi, tất cả các chi hội của Đồng minh tưởng như đã được kiến nghị "chuyển thành những chi hội của Quốc tế". Sau lời tuyên bố dứt khoát đó, Tổng Hội đồng, vì bị mắc lừa bởi mấy chữ ký trong cương lĩnh làm cho tưởng rằng Đồng minh đã được Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh thừa nhận, cho nên đã chấp nhận Đồng minh. Xin nói thêm rằng chưa bao giờ họ thực hiện bất cứ một điều kiện nào đã được đề ra. Ngược lại, chính từ lúc đó, tổ chức bí mật núp sau Đồng minh công khai đã hoạt động toàn lực. Đằng sau chi hội của Quốc tế ở Giơ-ne-vơ ẩn giấu trung ương cục của Đồng minh bí mật, đằng sau những chi hội của Quốc tế ở Na-plơ, Bác-xê-lô-na, Ly-ông, Giuy-ra, ẩn giấu những chi hội bí mật của Đồng minh. Dựa vào cái tổ chức mang tính chất bí ẩn kiểu Phrăng-ma-xông ấy mà các hội viên bình thường của Quốc tế và cả những trung tâm lãnh đạo của họ thậm chí cũng không nghi ngờ tới sự tồn tại của tổ chức ấy, Ba-cu-nin mong rằng hắn sẽ nắm được trong tay quyền lãnh đạo Quốc tế tại Đại hội Ba-lơ tháng Chín 1869. Bằng những thủ đoạn không ngay thẳng được đem ra thi thố, Đồng minh đã cử được ít ra mười đại biểu tham gia đại hội này, trong số đó có An-béc Ri-sác lừng tiếng và bản thân Ba-cu-nin. Đoàn đại biểu này đã mang theo rất nhiều giấy uỷ nhiệm để trống, mà họ không thể sử dụng được vì không có những người đáng tin cậy, tuy đoàn cũng đã



đề nghị cấp những giấy uỷ nhiệm ấy cho các hội viên của Quốc tế ở Ba-lơ. Nhưng số đại biểu hiện có của Đồng minh không đủ ngay cả để buộc đại hội phải chuẩn y việc bãi bỏ quyền kế thừa - một mớ rẻ rách của chủ nghĩa Xanh-Xinh-mông - mà Ba-cu-nin muốn biến thành điểm xuất phát của chủ nghĩa xã hội<sup>312</sup>; ý đồ - đây là điều Ba-cu-nin mơ ước - buộc đại hội phải dời trụ sở của Tổng Hội đồng từ Luân Đôn đến Giơ-ne-vơ, càng ít có hiệu quả.

Lúc bấy giờ ở Giơ-ne-vơ đã diễn ra một cuộc chiến tranh công khai giữa Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh hầu như được toàn thể hội viên Quốc tế ở Giơ-ne-vơ ủng hộ, và Đồng minh. Những bạn đồng minh của Đồng minh trong cuộc chiến tranh này là tờ báo "Progrès" ở Lóc-lơ do Giêm-xơ Ghi-ôm chủ biên, và tờ báo "Égalité" ở giơ-ne-vơ là cơ quan chính thức của Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, nhưng đa số trong bộ biên tập là những hội viên của Đồng minh, chúng viện đủ mọi lý do để công kích Ban chấp hành liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh. Không bỏ rơi mục tiêu chính là di chuyển trụ sở của Tổng Hội đồng tới Giơ-ne-vơ, ban biên tập báo "Égalité" đã triển khai một chiến dịch chống Tổng Hội đồng hiện hành và kêu gọi tờ báo Pa-ri "Travail" ủng hộ họ. Tổng Hội đồng đã tuyên bố trong thông báo ngày 1 tháng Giêng 1870 rằng Tổng Hội đồng nhận thấy không cần thiết phải luận chiến với những tờ báo ấy<sup>313</sup>. Đồng thời Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh đã đuổi những người của Đồng minh ra khỏi ban biên tập báo "Égalité".

Lúc bấy giờ phái này chưa khoác cái áo chủ nghĩa chống cực quyền. Họ cho rằng họ sẽ nắm được Tổng Hội đồng, cho nên tại Đại hội Ba-lơ họ là những người đầu tiên yêu cầu thông qua và đã đưa ra văn bản các nghị quyết về các vấn đề tổ chức nhằm trao cho Tổng Hội đồng "những quyền lực có tính chất cực quyền chủ nghĩa" mà hai năm sau họ lại công kích một cách điên cuồng đến như thế. Về những quan điểm lúc bấy giờ của họ đối với vai trò quyền uy của Tổng Hội đồng, thì không có cái gì có thể

nói lên một cách rõ ràng hơn là đoạn trích dẫn sau đây rút ra trong tờ báo "Progrès" ở Lóc-lơ (ngày 4 tháng Chạp 1869), do Giêm-xơ Ghi-ôm chủ biên, nói về sự xung đột giữa "Social - Demokrat"<sup>314</sup> và "Volksstaat".

"Chúng tôi cảm thấy rằng Tổng Hội đồng của Hiệp hội chúng ta *phải can thiệp vào* và bắt đầu điều tra những gì đang xảy ra ở Đức.*phải ra nghị quyết* về vụ tranh chấp giữa Xvai-xơ và Líp-nếch, nhờ đó mà chấm dứt tình trạng mập mờ mà chúng ta đã sa vào do tình trạng lạng lạng đó".

Có thể nào tin rằng đó cũng chính là ông Ghi-ôm ngày 12 tháng Mười một 1871 trong bản thông báo Xông-vi-li-ê đã chỉ trích Tổng Hội đồng mà xưa kia vốn chưa đầy đủ quyền uy ấy, về tội "muốn đưa *nguyên tắc cực quyền chủ nghĩa* vào trong Quốc tế"?

Các tờ báo của Đồng minh từ khi mới ra đời chẳng những đã tiến hành tuyên truyền cương lĩnh riêng của Đồng minh - điều đó thì không ai có thể trách cứ những tờ báo ấy được - mà còn cố sức tạo ra và duy trì một tình trạng lộn xộn lăm lăm có chủ đích giữa cương lĩnh của Đồng minh và cương lĩnh của Quốc tế. Hễ chỗ nào Đồng minh nắm được một tờ báo nào đó hoặc có cộng tác vào đó, - ở Tây Ban Nha, ở Thụy Sĩ, ở I-ta-li-a thì tình hình ấy được diễn đi diễn lại; nhưng trong những ấn phẩm bằng tiếng Nga của Đồng minh thì hệ thống ấy đạt tới sự hoàn chỉnh.

Phái này đã tiến hành một cuộc quyết chiến tại Đại hội đại biểu của Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh ở Sô-đơ-Phôn (ngày 4 tháng Tư 1870). Vấn đề là nhằm buộc những chi hội Giơ-ne-vơ phải thừa nhận Đồng minh công khai ở Giơ-ne-vơ là một bộ phận của liên chi hội và di chuyển ban chấp hành liên chi hội và cơ quan ngôn luận của nó đến một địa phương nào đó của Giuy-ra mà ở đó Đồng minh bí mật có thể làm chủ tình hình.

Khi khai mạc đại hội, hai đại biểu của "chi hội Đồng minh" yêu cầu cho phép họ tham gia đại hội. Các đại biểu Giơ-ne-vơ

đề nghị gác vấn đề này lại đến khi kết thúc đại hội sẽ bàn và đi ngay vào một việc quan trọng hơn - thảo luận cương lĩnh. Họ tuyên bố rằng giấy uỷ nhiệm hạn chế của họ chỉ thị cho họ thà rời bỏ đại hội, chứ không để cho chi hội này tham gia vào chi hội của mình.

"vì hoạt động âm mưu và lòng thèm khát quyền lực của những người trong Đồng minh, và việc bỏ phiếu tán thành kết nạp Đồng minh có nghĩa là bỏ phiếu tán thành chia rẽ Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh".

Nhưng Đồng minh không muốn bỏ lỡ cơ hội ấy. Các chi hội Giuy-ra nhỏ của nó ở gần bên cạnh nhau, tình hình đó đã cho phép nó giành được một đa số giả tạo không đáng kể, bởi vì Giơ-ne-vơ và các trung tâm lớn của Quốc tế có một số đại biểu hết sức ít ỏi. Vì Ghi-ôm và Xvít-xguê-ben khẩn khoản yêu cầu, chi hội đã được chấp nhận bằng một đa số phiếu ít ỏi, chỉ nhiều hơn một vài phiếu. Các đại biểu Giơ-ne-vơ sau khi đánh điện ngay tức khắc hỏi ý kiến tất cả các chi hội mình, đã nhận được lệnh rời bỏ đại hội. Vì các hội viên Quốc tế ở Sô-đơ-Phôn đều ủng hộ những người Giơ-ne-vơ, cho nên các phần tử Đồng minh buộc phải rời khỏi hội trường đại hội thuộc quyền sở hữu của các chi hội địa phương. Mặc dù theo lời lẽ của cơ quan ngôn luận của chính họ (xem bao "Solidarité" ngày 7 tháng năm 1870), họ chỉ đại diện cho 15 chi hội, trong khi đó chỉ riêng ở một địa phương Giơ-ne-vơ đã có ba mươi chi hội, thế mà họ đã giành lấy danh hiệu Đại hội đại biểu vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, đã cử ban chấp hành liên chi hội mới cho vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh ở Thụy Sĩ mà trong đó Sơ-va-li-ê và Cô-nôn<sup>1)</sup> đã từng nổi bật một thời, và họ đã tuyên bố tờ báo của Ghi-ôm "Solidarité" là cơ quan của Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh. Sứ

1) Sau hai tháng, cơ quan ngôn luận của ban chấp hành này (tờ "Solidarité", ngày 9 tháng Bảy) đã tuyên bố cả hai tên này đều là kẻ trộm. Chúng đã chứng minh một cách thực tế tính cách mạng vô chính phủ chủ nghĩa của chúng, sau khi lấy trộm hết sạch một hội hợp tác may mặc ở Sô-đơ-Phôn.

mệnh đặc biệt của ông thầy tiểu học trẻ tuổi này là ở chỗ vu khống công nhân "công xưởng"<sup>315</sup> ở Giơ-ne-vơ - những người "tư sản" đáng căm ghét ấy -, tiến hành đấu tranh với cơ quan ngôn luận của Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh là tờ "Égalité" và tuyên truyền chủ thuyết hoàn toàn không tham gia chính trị. Những tác giả của những bài đáng kể nhất về chủ đề này ở Mác-xây là Ba-xtê-li-ca và ở Li-ông là hai nhân vật cột trụ của Đồng minh: An-béc Ri-sác và Ga-xpác Bläss.

Nhân tiện xin nói rằng cái đa số ngẫu nhiên và giả tạo của đại hội đại biểu ở Sô-đơ-Phôn đã rõ ràng vi phạm điều lệ của Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh mà họ đòi đại diện; thêm vào đó, cần vạch rõ rằng những kẻ cầm đầu Đồng minh đã tham gia rất nhiều vào việc khởi thảo điều lệ này<sup>316</sup>. Căn cứ theo các điều 53 và 55, mọi quyết nghị quan trọng của đại hội phải được hai phần ba các chi hội đã gia nhập liên chi hội phê chuẩn, mới có hiệu lực pháp luật. Thế nhưng, chỉ riêng những chi hội Giơ-ne-vơ và Sô-đơ-Phôn chống Đồng minh đã chiếm tới hai phần ba tổng số các chi hội rồi. Tại hai cuộc hội nghị chung lớn, các hội viên Quốc tế ở Giơ-ne-vơ, bất chấp sự phản kháng của Ba-cu-nin và của bạn bè y, hầu như đã nhất trí tán thành hành vi của các đại biểu của họ, những vị đại biểu này trước những tràng vỗ tay của cả hội trường đã đề nghị với Đồng minh không được thọc mũi vào nơi không được thọc và không được đòi gia nhập Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh; với điều kiện như vậy thì mới có thể hoà giải được. Sau này, một số phần tử Đồng minh không còn ảo tưởng nữa đã đề nghị giải tán Đồng minh, nhưng Ba-cu-nin và những tên tay sai của y đã cố hết sức phản đối điều đó. Bất chấp tất cả, Đồng minh vẫn cứ tiếp tục khẳng khái đòi gia nhập Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh; lúc đó Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh buộc phải thông qua nghị quyết khai trừ Ba-cu-nin và những kẻ đồng mưu chính khác ra khỏi hàng ngũ của mình.

Do vậy, tại vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh ở Thụy Sĩ có hai ban chấp hành liên chi hội: một tại Giơ-ne-vơ, một tại Sô-đơ-Phôn. Tuyệt đại đa số các chi hội vẫn trung thành với ban chấp hành ở Giơ-ne-vơ, trong khi đó chỉ có mười lăm chi hội đi theo ban chấp hành Sô-đơ-Phôn, trong số đó có nhiều chi hội, như chúng ta sẽ thấy, lần lượt chấm dứt sự tồn tại của mình.

Đại hội đại biểu vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh vừa mới bế mạc, thì Ban chấp hành mới ở Sô-đơ-Phôn đã viết thư yêu cầu Tổng Hội đồng can thiệp, bức thư mang chữ ký của Ph. Rô-bóc với tư cách là thư ký và Hăng-ri Sơ-va-li-ê với tư cách là chủ tịch (xem chú thích ở trang trước). Sau khi xem xét những văn kiện do hai bên trình lên, Tổng Hội đồng ngày 28 tháng Sáu 1870 đã quyết định vẫn giữ nguyên những chức năng cũ cho ban chấp hành Giơ-ne-vơ và đề nghị ban chấp hành liên chi hội mới ở Sô-đơ-Phôn lấy một tên gọi địa phương nào đó<sup>317</sup>. Ban chấp hành Sô-đơ-Phôn bị quyết định đó làm cho mất hết hy vọng, đã la lối om sòm về chủ nghĩa cực quyền của Tổng Hội đồng, nhưng lại quên mất rằng chính nó trước tiên đã yêu cầu sự can thiệp của Tổng Hội đồng. cuộc tranh chấp mà ban chấp hành này, vì khăng khăng muốn chiếm đoạt cái tên gọi là ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, nên lôi kéo Liên chi hội Thụy Sĩ vào đó, đã buộc Tổng Hội đồng phải chấm dứt mọi quan hệ chính thức với ban chấp hành ấy.

Ngày 4 tháng Chín 1870 ở Pa-ri tuyên bố thành lập nên cộng hoà Đồng minh nhận định rằng cái giờ phút "tháo xích cho con rắn cách mạng ở Thụy Sĩ" (lời viết của Ghi-ôm) đã điểm rồi. báo "Solidari" phát ra một bản Tuyên ngôn kêu gọi thành lập những đội quân tình nguyện Thụy Sĩ chống người Phổ. Bản tuyên ngôn này - nếu tin vào nhà sư phạm Ghi-ôm - tuy "không chút may mắn *nặc danh*", nhưng vẫn "không có ký tên". Tiếc rằng khi tờ báo và bản tuyên ngôn vừa bị tịch thu, thì tất cả sự hăng máu hiếu chiến của Đồng minh cũng biến mất. Nhưng tôi. - ông Ghi-ôm hăng máu và khao khát "liều thân mình" đã kêu lên, - "tôi vẫn

đứng trên cương vị của mình... trong nhà in của tờ báo" ("Bulletin jurassien", ngày 15 tháng Sáu 1872).

Phong trào cách mạng đã nổ ra ở Ly-ông. Ba-cu-nin vội vàng đến liên kết với viên trung uỷ của mình An-béc Ri-sác và với hai hạ sĩ quan của mình là Ba-xtê-li-ca và Ga-xpác Blăng. Ngày 28 tháng Chín, ngày mà ông ta đến, nhân dân đã chiếm lĩnh toà thị chính. Ba-cu-nin đã đặt chân trong toà thị chính; thế là cái thời điểm gay cấn mà người ta mong đợi bấy nhiêu năm, cái thời điểm mà Ba-cu-nin có cơ hội thực hiện hành vi cách mạng nhất mà thế giới chưa từng thấy, - đã đến rồi, - ông ta ra lệnh *xoá bỏ nhà nước*. Nhưng nhà nước dưới hình thức hai đại đội quân vệ binh quốc gia tư sản đã bước vào cổng toà thị chính quên không canh gác, dọn sạch gian phòng và buộc Ba-cu-nin phải vội vã chuồn đi Giơ-ne-vơ.

Chính lúc mà ông Ghi-ôm hiếu chiến "trên cương vị của mình" bảo vệ nền cộng hoà tháng Chín, thì A-khát - Rô-bin trung thành của ông ta lại chạy trốn khỏi nước cộng hoà ấy và ẩn náu tại Luân Đôn. Mặc dù Tổng Hội đồng biết rõ Rô-bin là một trong những người ủng hộ một cách hăng hái nhất Đồng minh và còn là tác giả của những bài công kích Tổng Hội đồng trên tờ báo "Égalité", Tổng Hội đồng xét thấy không có những uỷ viên người Pháp trong Hội đồng, nên vẫn để Rô-bin làm uỷ viên Hội đồng, mặc dù có những báo cáo của các chi hội Brê-xơ nói về hành vi không dũng cảm gì của Rô-bin. Kể từ lúc đó Rô-bin liên tục thực hiện trong Hội đồng chức năng thông tin viên bán chính thức của ban chấp hành Sô-đơ-Phôn. Ngày 14 tháng Ba 1871, Rô-bin đề nghị triệu tập hội nghị đại biểu họp kín của Quốc tế để giải quyết cuộc xung đột ở Thụy Sĩ. Tổng Hội đồng tiên đoán rằng những sự kiện trọng đại đang chín muồi ở Pa-ri, bèn bác bỏ thẳng thừng đề nghị ấy, Rô-bin đã mấy lần trở lại vấn đề này và thậm chí còn đề nghị Tổng Hội đồng ra quyết định dứt khoát về vụ xung đột này. Ngày 25 tháng Bảy, Tổng Hội đồng

quyết định xếp việc này vào những vấn đề phải được giải quyết trong hội nghị đại biểu sẽ được triệu tập vào tháng Chín 1871.

Đồng minh hoàn toàn không muốn để cho những âm mưu của nó bị điều tra tại hội nghị đại biểu, cho nên ngày 10 tháng Tám đã tự tuyên bố giải tán kể từ ngày 6 tháng ấy. Nhưng chẳng bao lâu, sau khi được sự tăng viện của một vài người Pháp lưu vong, nó lại xuất hiện, hoạt động dưới những tên gọi khác, chẳng hạn: chi hội của những người xã hội chủ nghĩa vô thần, và chi hội tuyên truyền và hành động cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở nghị quyết Đại hội Ba-ler<sup>318</sup>, Tổng Hội đồng với sự nhất trí hoàn toàn của Ban chấp hành Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, đã từ chối thừa nhận những chi hội đó - những cái lò âm mưu mới.

Hội nghị đại biểu Luân Đôn (tháng Chín năm 1871) đã phê chuẩn nghị quyết của Tổng Hội đồng đưa ra ngày 28 tháng Sáu 1870 về những phần tử chia rẽ ở Giuy-ra.

Vì tờ "Solidarité" đã đình bản, nên những tin đồn mới của Đồng minh lập ra tờ báo "Révolution Sociale" với sự cộng tác của bà An-đơ Lê-ô; chính vào lúc mà Phê-re trong nhà lao đang chờ được chuyển tới Xa-tô-ri, thì bà An-đơ Lê-ô đã tuyên bố tại đại hội đại biểu của Đồng minh hoà bình ở Lô-dan rằng.

"Rau-lơ Ri-gô và Phê-re là hai nhân vật hung ác nhất của công xã, trước đó" (trước khi xử tử con tin) "họ không ngớt yêu cầu, - thực ra thì luôn luôn không đạt kết quả - thi hành những biện pháp đẫm máu".

Ngay từ số đầu, tờ báo đó đã vội vàng đứng ngang tầm với báo "Figaro", báo "Gaulois", báo "Paris-Journal" và với những tờ báo bản thủ khác, đăng lại những lời lẽ đê tiện của những tờ báo ấy chống Tổng Hội đồng. Tờ báo đó cho rằng thời điểm đã thích hợp để nhen lên ngọn lửa căm thù dân tộc ngay cả trong bản thân Quốc tế. Theo lời lẽ của nó, Tổng Hội đồng là một uỷ ban của người Đức và kẻ lãnh đạo Uỷ ban đó là một người mang tư chất Bít-xmác.

Bằng ba nghị quyết: nghị quyết về vụ xung đột ở Thụy Sĩ, nghị quyết về hành động chính trị của giai cấp công nhân, nghị quyết về việc công khai không công nhận Ne-sa-ép, hội nghị đại biểu đã giáng cho Đồng minh một đòn trúng tim<sup>319</sup>. Trong số những nghị quyết đó, nghị quyết thứ nhất đã trực tiếp khiển trách Ban chấp hành giả hiệu của vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh ở Sô-đơ-Phôn và tán thành hành động của Tổng Hội đồng. Hội nghị đại biểu đã khuyên các chi hội Giuy-ra hãy gia nhập Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, còn nếu không thể liên hợp như vậy, thì hội nghị đề nghị các chi hội vùng núi lấy tên là Liên chi hội Giuy-ra. Hội nghị tuyên bố rằng nếu các ban chấp hành của họ cứ tiếp tục bút chiến trên báo chí trước công chúng tư sản, thì những tờ báo này sẽ bị Tổng Hội đồng không thừa nhận. Nghị quyết thứ hai, nói về hành động chính trị của giai cấp công nhân, đã thanh toán triệt để sự lăm lăm mà Ba-cu-nin muốn tạo ra trong Quốc tế bằng việc đưa vào cương lĩnh của mình học thuyết tuyệt đối không tham gia chính trị. Nghị quyết thứ ba, về Ne-sa-ép, là một sự đe dọa trực tiếp đối với Ba-cu-nin. Chúng ta sẽ thấy sau đây khi nói về nước Nga, Ba-cu-nin tự mình đã quan tâm đến mức nào về việc giấu giếm những việc làm đê tiện của Đồng minh không để châu Âu biết đến.

Đồng minh nhận thấy rất đúng rằng đó là một sự tuyên chiến, và nó đã lập tức triển khai những hành động quân sự. Các chi hội Giuy-ra ủng hộ Ban chấp hành giả hiệu của vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh đã họp đại hội đại biểu ngày 12 tháng Mười 1871 tại Xông-vi-li-ê. Tại đại hội đó có mặt mười sáu đại biểu tuồng như là đại diện cho chín chi hội. Theo báo cáo của Ban chấp hành liên chi hội thì chi hội Cuốc-tơ-la-ri có hai đại biểu, "đã đình chỉ hoạt động"; chi hội trung ương Lốc-lơ "cuối cùng đã tan rã", nhưng sau đó lại tạm thời được khôi phục để cử hai đại biểu tham gia đại hội của mười sáu người; chi hội của những thợ khác và thợ làm hoạ tiết Cuốc-tơ-la-ri (hai đại biểu) "đã tổ chức thành một hội đê kháng", không gia nhập Quốc tế; chi hội

tuyên truyền ở Sô-đơ-Phôn (một đại biểu) "ở trong tình trạng khủng hoảng; tình hình của nó chẳng những không tốt hơn, mà còn xấu đi"; chi hội trung ương Nơ-sa-ten (hai đại biểu), trong đó có Ghi-ôm) "đã bị tổn thất rất nặng và nếu không có sự hy sinh quên mình của một số thành viên cá biệt của nó, thì nó đã không tránh khỏi sự diệt vong". Hai tiểu tổ nghiên cứu vấn đề xã hội ở Xông-vi-li-ê và Xanh-I-mê (bốn đại biểu) trong khu vực Cuốc-tơ-la-ri, theo báo cáo, đã được thành lập do kết quả của việc giải tán chi hội trung ương ở Cuốc-tơ-la-ri; như vậy, chỉ mấy thành viên của khu vực ấy mà đã ba lần có sáu đại biểu! Chi hội ở Mu-chi-ê (một đại biểu) xem ra chỉ do một Ban chấp hành hợp thành. Vậy là trong mười sáu đại biểu, có mười bốn đại biểu đại diện cho những chi hội đã chết và đang chết. Song, muốn hiểu được sự tan rã mà việc thuyết giáo vô chính phủ đã gây nên trong cái liên chi hội này, thì nên đọc thêm chút nữa bản báo cáo này. Trong hai mươi hai chi hội, chỉ có chín chi hội cử đại biểu tham gia đại hội; có bảy chi hội chưa lần nào đáp lại lời kêu gọi của ban chấp hành, còn bốn chi hội bị tuyên bố là đã chết rồi. Cái liên chi hội tự cho mình có sứ mệnh làm rung chuyển những cơ sở của tổ chức Quốc tế, là như thế đấy!

Tuy vậy, đại hội đại biểu ở Xông-vi-li-ê mới đầu còn phục tùng hội nghị đại biểu Luân Đôn là hội nghị đã kiến nghị với các tổ chức đã triệu tập nó lấy tên gọi Liên chi hội Giuy-ra; nhưng đồng thời để chứng tỏ chủ nghĩa vô chính phủ của mình, đại hội đã tuyên bố toàn thể Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh đã bị giải tán (liên chi hội này đã trả lại cho người Giuy-ra quyền tự trị của họ, đuổi họ ra khỏi tất cả các chi hội). Sau đó đại hội đã ra một bản thông cáo gây âm ỉ, mục đích chính là phản đối tính hợp pháp của hội nghị đại biểu và trông cậy vào đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp mà nó yêu cầu triệu tập ngay tức khắc.

Bản thông cáo lên án Quốc tế đã phản bội tinh thần của mình, tinh thần ấy chính là "sự phản kháng kịch liệt đối với quyền uy".

Trước đại hội đại biểu Bruy-xen, trong cái đoàn thể tốt nhất đó, mọi việc đều được tiến hành không gì tốt hơn, nhưng ở Ba-lơ các vị đại biểu đã bị quẫn trí và bị tràn ngập "niềm tin mù quáng", "đã vi phạm cả tinh thần lẫn lời văn của Điều lệ chung", trong đó quyền tự trị của mỗi chi hội và của mỗi nhóm chi hội được tuyên bố hết sức rõ ràng. Vậy là, Quốc tế đã viết lên lá cờ của mình chủ nghĩa cực quyền, còn Liên chi hội Giuy-ra là con rối của Đồng minh thì viết lên lá cờ của mình quyền tự trị của các chi hội. Chúng ta đã thấy Đồng minh định dùng phương pháp gì để thực hiện sự tự trị ấy.

Song những tội lỗi của Đại hội Ba-lơ bị lu mờ trước những tội lỗi của Hội nghị đại biểu Luân Đôn mà các nghị quyết của nó.

"ra sức làm cho Quốc tế từ một liên hiệp tự do của các chi hội tự trị biến thành một tổ chức tôn ti và cực quyền chủ nghĩa của những chi hội phải tuân theo kỷ luật, hoàn toàn nằm trong tay của Tổng Hội đồng mà có thể tùy ý từ chối tiếp nhận những chi hội ấy hoặc đình chỉ hoạt động của những chi hội ấy".

Rõ ràng các phần tử Đồng minh viết bản thông cáo ấy đã quên mất rằng bản điều lệ bí mật của họ được thảo ra chỉ nhằm mục đích củng cố cái "tổ chức tôn ti và cực quyền chủ nghĩa" do đích thân "ông B" thường trực cầm đầu, và bao hàm những chỉ thị về việc làm như thế nào để các chi hội "tuân theo kỷ luật" và làm như thế nào để bản thân "ông" ấy không chỉ là "nắm được" những chi hội ấy, mà thậm chí "nắm *chặt* được" những chi hội ấy.

Nếu như những tội lỗi của hội nghị đại biểu là những tội của những người trần thế thì tội lỗi lớn nhất trong tất cả những tội lỗi - tội báng bổ thành thần - lại do Tổng Hội đồng phạm phải. Trong Tổng Hội đồng có "một vài cá nhân" coi

"giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu" (của các uỷ viên Tổng Hội đồng) là tài sản cá nhân, còn Luân Đôn đối với họ là thủ đô mãi mãi của Hội liên hiệp chúng ta... Một số người đã đi đến chỗ... muốn bảo đảm trong Quốc tế có sự thống trị của cương

lĩnh riêng của họ, của học thuyết riêng của họ, như lý luận chính thức mà duy nhất chỉ có nó mới có quyền công dân trong Hội liên hiệp ... do đó, dần dần hình thành một thứ tư tưởng chính thống mà trung tâm của nó là Luân Đôn, và các đại diện là các uỷ viên của Tổng Hội đồng".

Nói tóm lại, họ muốn bảo đảm có sự thống nhất của Quốc tế bằng con đường "tập trung và chuyên chính". - Chính trong thông cáo này, đồng minh đòi "bảo đảm ưu thế của cương lĩnh riêng của mình trong Quốc tế", - gọi cương lĩnh của mình là "sự phản kháng kịch liệt đối với quyền uỷ" và tuyên bố rằng việc giải phóng công nhân bằng những nỗ lực của bản thân công nhân phải được tiến hành "không cần có bất cứ ban lãnh đạo cực quyền chủ nghĩa nào, ngay cả ban lãnh đạo do công nhân bầu ra và phê chuẩn". Chúng ta sẽ thấy rằng hệ chỗ nào đồng minh có được ảnh hưởng, thì việc mà nó làm chính là chỉ trích một cách láo lếu Tổng Hội đồng, - tìm cách gán cho người ta điều lối bịch đại loại như lý luận của mình trong tính cách "lý luận chính thức, lý luận duy nhất có quyền công dân trong Hội liên hiệp"<sup>1)</sup>. - Tất cả điều đó chẳng qua chỉ là hoạt động công khai của Đồng minh trước công chúng; còn hoạt động bí mật của Đồng minh, thì "tinh thần và lời văn" của quy chế bí mật đã chỉ cho chúng ta thấy "tư tưởng chính thống", "học thuyết riêng", "sự tập trung" và "chuyên

1) Chẳng hạn. Mát-di-ni bắt toàn bộ Quốc tế phải chịu trách nhiệm đối với những lời bịa đặt lối lằng của giáo hoàng Ba-cu-nin. Tổng Hội đồng tự thấy cần phải công khai tuyên bố trong các báo chí I-ta-li-a rằng nó "luôn luôn chống lại những mưu toan nhiều lần hòng thay thế cái cương lĩnh rộng rãi, dễ hiểu của Quốc tế (mở cửa đón cả những tín đồ của Ba-cu-nin vào hàng ngũ của nó) bằng cái cương lĩnh chất hẹp, bè phái chủ nghĩa của Ba-cu-nin, cái cương lĩnh này nếu được áp dụng thì có thể dẫn đến việc khai trừ tuyệt đại đa số hội viên Quốc tế"<sup>320</sup>. Bản thông cáo của Giuy-lơ Pha-vrơ, báo cáo của đại biểu nghị viện địa chủ Xa-ca-dơ về Hội liên hiệp chúng ta, những bài diễn văn phản động trong thời gian tranh luận vấn đề về Quốc tế tại nghị viện Tây Ban Nha<sup>321</sup>, và tất cả những bài công kích công khai chủ chốt vào Quốc tế, đều đầy rẫy những trích dẫn rút từ trong những lời lẽ vô chính phủ chủ nghĩa cực đoan bắt nguồn từ phe Ba-cu-nin.

chính" đang thống trị đến mức độ nào trong "hội liên hiệp tự do của những nhóm tự trị" ấy. Chúng ta hoàn toàn hiểu rõ rằng Đồng minh muốn ngăn trở giai cấp công nhân lập nên ban lãnh đạo chung của mình, bởi vì thâm ý của Ba-cu-nin, khi thành lập *Đồng minh* của mình với tính cách là bộ tổng tham mưu của cách mạng, đã quan tâm đến điều đó rồi.

Tổng Hội đồng chẳng những không có ý gán bất cứ một tư tưởng chính thống nào cho Quốc tế, mà trái lại, còn kiến nghị với Hội nghị đại biểu Luân Đôn xóa bỏ những tên gọi bè phái chủ nghĩa của một số chi hội, hơn nữa, kiến nghị ấy cũng đã được nhất trí thông qua<sup>1)</sup>

Tổng Hội đồng đã viết như thế về các bè phái trong bản thông báo nội bộ ("Cái gọi là những sự phân liệt...", tr.24<sup>1\*</sup>).

"Giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản mang tính chất của một phong trào bè phái. Điều này có căn cứ của nó trong thời kỳ mà giai cấp vô sản chưa phát triển đầy đủ để hành động với tư cách là một giai cấp. Một số nhà tư tưởng cá biệt đã phê phán những mâu thuẫn xã hội, và đưa ra một giải pháp ảo tưởng cho những mâu thuẫn ấy, những

1) Nghị quyết thứ hai của Hội nghị đại biểu, điều 2, viết: "Tất cả những phân bộ, chi hội, tiểu tổ địa phương và những ban chấp hành của những tổ chức đó từ nay trở đi đều nhất loạt được đặt tên và được thành lập như là những phân bộ chi hội, tiểu tổ và ban chấp hành của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, có kèm theo tên gọi của địa phương hữu quan". Điều 3 viết: "Vì thế tất cả các phân bộ, chi hội và tiểu tổ từ nay trở đi cấm lấy những tên gọi có tính chất bè phái chủ nghĩa, chẳng hạn như: phái thực chứng luận, phái hỗ trợ luận, phái tập thể chủ nghĩa, phái cộng sản chủ nghĩa v.v.. hoặc thành lập những tổ chức phân lập chủ nghĩa mang tên gọi "chi hội tuyên truyền" v.v.. mưu đồ thực hiện những nhiệm vụ riêng và khác với mục đích chung của Hội liên hiệp".

1\* Xem tập này, tr.48.

giải pháp mà quần chúng công nhân chỉ việc tiếp thu, tuyên truyền và thực hiện thôi. Do bản chất của chúng, những bè phái do những kẻ khởi xướng ấy lập nên là những bè phái chủ trương không tham gia hoạt động: xa lạ với mọi hoạt động thực tế, với chính trị, với bãi công, với lập hội, nói tóm lại là xa lạ với mọi phong trào tập thể. Quần chúng vô sản luôn luôn tỏ ra lãnh đạm hoặc thậm chí đối địch với sự tuyên truyền của họ. Công nhân ở Pa-ri và Ly-ông chẳng muốn biết đến phái Xanh-Xi-mông, phái Phu-ri-ê, phái I-ca-ri, cũng như phái Hiến chương Anh và phái Công liên Anh không thừa nhận phái Ô-oen. Các bè phái ấy, khi mới ra đời đã từng làm đôn bẩy của phong trào, nhưng một khi bị phong trào vượt lên trước thì các bè phái ấy biến thành chướng ngại đối với phong trào; lúc đó chúng trở thành phản động. Bằng chứng là những bè phái ở Pháp và ở Anh, và gần đây phái Lát-xan ở Đức, là phái trong nhiều năm đã cản trở sự tổ chức của giai cấp vô sản và rốt cuộc đã trở thành những công cụ giản đơn trong tay cảnh sát. Nói chung, đó là thời thơ ấu của phong trào vô sản cũng tựa như thuật chiêm tinh và thuật luyện vàng là thời thơ ấu của khoa học. Trước khi có thể thành lập được Quốc tế, giai cấp vô sản tất phải bước qua giai đoạn phát triển đó.

Đối lập với những tổ chức bè phái mang nặng ảo tưởng và kình địch nhau, Quốc tế là một tổ chức chân chính và chiến đấu của giai cấp vô sản của tất cả các nước gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh chung chống bọn tư bản và bọn địa chủ, và chống sự thống trị giai cấp của bọn chúng được tổ chức thành nhà nước. Vì vậy, Điều lệ của Quốc tế chỉ nói đến những đoàn thể công nhân cùng theo đuổi một mục đích và cùng thừa nhận một cương lĩnh như nhau, một cương lĩnh được giới hạn ở chỗ vạch ra những đường lối cơ bản của phong trào vô sản, còn việc luận chứng lý luận cho những đường lối ấy thì được thực hiện dưới tác động của những yêu cầu của cuộc đấu tranh thực tiễn và thông qua sự trao đổi ý kiến trong các chi hội, các cơ quan báo chí và các đại hội đại biểu của các chi hội, đó là nơi mà các quan niệm xã

hội chủ nghĩa thuộc mọi sắc thái đều được phép trình bày ý kiến của mình.

Đồng minh không muốn Quốc tế trở thành một tổ chức chiến đấu; trong bản thông cáo, người ta đòi hỏi Quốc tế phải là một hình mẫu đúng đắn của xã hội tương lai:

"Vì vậy chúng ta tìm cách làm cho tổ chức này hết sức xích gần lý tưởng của chúng ta... Quốc tế, mầm mống của xã hội loài người tương lai, ngay bây giờ đã phải phản ánh chính xác những nguyên tắc của chúng ta về tự do và liên bang, và phải vứt bỏ bất cứ nguyên tắc nào dẫn tới chủ nghĩa cực quyền, dẫn tới chuyên chính".

Giá như Liên chi hội Giuy-ra có thể thực hiện được kế hoạch của mình và biến Quốc tế thành một sự phản ảnh chính xác của cái xã hội chưa tồn tại, làm cho Quốc tế mất hết mọi khả năng hành động nhất trí nhằm mục đích kín đáo là bắt Quốc tế phải phục tùng "quyền lực và sự chuyên chính" của Đồng minh và của nhà độc tài thường trực của Đồng minh là "ông B.", thế thì những nguyện vọng của cảnh sát châu Âu sẽ được thực hiện hoàn toàn, cảnh sát châu Âu chẳng cần gì cả, chỉ cần Quốc tế rút lui khỏi vũ đài.

Để chứng minh cho những người đồng sự trước kia của họ trong Đồng minh hoà bình và giai cấp tư sản cấp tiến thấy rằng cái chiến dịch mà họ đã mở là nhằm chĩa vào Quốc tế, chứ không phải chĩa vào giai cấp tư sản, các ngài trong Đồng minh đã phân phát bản thông cáo của mình cho tất cả các báo chí cấp tiến. Tờ báo "République française" của ngài Gam-bét-ta, trong bài đầy khích lệ đối với những người ở Giuy-ra và đầy những lời công kích đối với Hội nghị đại biểu Luân Đôn, đã vội vàng thừa nhận công lao của họ<sup>322</sup>. Tờ "Bulletin jurassien" rất vui mừng đối với sự ủng hộ như thế của báo chí tư sản, đã đăng lại bài báo ấy *in extenso*<sup>1\*</sup> trong số 3, do đó chúng tỏ sự hoà hợp thành tâm nhất đang liên minh những hội viên siêu cách mạng của Đồng

1\* - Toàn văn.

minh với những phần tử Gam-bét-ta của Véc-xay. Để phổ biến rộng rãi trong của giai cấp tư sản cái tin tức khoan khoái về sự chia rẽ đang nảy sinh trong Quốc tế, bản thông cáo Xông-vi-li-ê được đem bán tại phiên chợ trên đường phố của một số thành thị nước Pháp, nhất là ở Mông-pen-li-ê. Như mọi người đều biết, ở nước Pháp, muốn bán ấn phẩm trên đường phố, phải được phép của sở cảnh sát<sup>1)</sup>.

Thông báo này được phân phát hàng chồng đi khắp mọi nơi nào mà Đồng minh mong chiếu mộ được bạn bè và những người bất bình với Tổng Hội đồng. Kết quả hầu như là con số không. Những thành viên của Đồng minh ở Tây Ban Nha phản đối việc triệu tập đại hội đại biểu mà thông cáo yêu cầu, và thậm chí dám chống đối cả vị giáo hoàng<sup>324</sup>. Ở I-ta-li-a chỉ có một mình Téc-xa-ghi ủng hộ ít lâu việc triệu tập đại hội đại biểu. Ở Bỉ không có những hội viên có tiếng tăm của Đồng minh, nhưng ở đó toàn bộ phong trào của Quốc tế bị rối tung trong những lời ba hoa của giai cấp tư sản về chủ trương không làm chính trị, về tự trị, về tự do, về liên bang, về chế độ tập trung, và bị sa lầy vào những lợi ích địa phương chật hẹp, - ở đó thông cáo thu được một vài thành công. Mặc dù Hội đồng Liên chi hội Bỉ không tán thành yêu cầu triệu tập đại hội đại biểu bất thường toàn Hội liên hiệp - nếu quả như thế thì vô lý, bởi vì Bỉ đã cử sáu đại biểu tham gia hội nghị đại biểu, - nhưng Hội đồng liên chi hội ấy đã thảo ra một dự thảo điều lệ chung, trong đó người ta đã xoá bỏ Tổng Hội đồng một cách rất đơn giản. Khi đề nghị ấy được thảo luận tại Đại hội đại biểu Bỉ, một vị đại biểu của Lốt-len-xa-rơ nói rằng tiêu chuẩn tốt nhất đối với công nhân là tâm trạng của những ông chủ của họ. Căn cứ theo cái niềm vui sướng mà tư tưởng xoá bỏ Tổng Hội đồng đã gây nên cho các ông chủ, thì cũng có thể khẳng định rằng không thể

1) Vụ án ở Tu-lu-dơ<sup>323</sup>; xem báo "Reforme" (ở Tu-lu-dơ) số ra ngày 18 tháng Ba 1873.

"phạm sai lầm nào lớn hơn so với việc ra lệnh xoá bỏ như thế".

Vì vậy, đề nghị đó đã bị bác bỏ. Ở Thụy Sĩ, Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh đã biểu thị sự phản kháng kiên quyết đối với bản thông cáo<sup>325</sup>, còn ở tất cả các nước khác, nó gặp phải một sự im lặng đầy khinh bỉ.

Tổng Hội đồng đã đáp lại bản thông tư Xông-vi-li-ê và những âm mưu bất tận của Đồng minh bằng bản thông tư nội bộ "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế" công bố ngày 5 tháng Ba 1872. Phần quan trọng của bản thông tư này đã được trình bày vắn tắt ở trên. Đại hội La Hay đã trừng phạt đích đáng những âm mưu ấy và những kẻ âm mưu ấy.

Cố nhiên, những con người ấy - bản thân họ càng nhỏ nhen thì sự la lối càng to - đã giành được thắng lợi không thể tranh cãi. Toàn bộ báo chí của phái tự do và của cảnh sát đã công khai đứng về phía họ; sự vu khống của họ đối với một số uỷ viên Tổng Hội đồng, những đòn dả kích không sắc bén gì của họ đối với Quốc tế cũng đã được sự ủng hộ của những nhà cải cách giả hiệu trong tất cả các nước. Ở Anh, những kẻ ủng hộ họ là những phần tử cộng hoà tư sản, mà âm mưu của chúng đã bị Tổng Hội đồng đánh bại. Ở I-ta-li-a những kẻ ủng hộ họ là những người giáo điều chủ nghĩa tự do tư tưởng, những người này đề nghị thành lập dưới lá cờ của Xtê-pha-nô-ni "một hiệp hội vận năng của những người duy lý" mà trụ sở nhất thiết phải đóng tại La Mã - đây là một tổ chức "cực quyền chủ nghĩa" và mang tính chất "tôn ti ngôi thứ", các tu viện dành cho các tu sĩ và nữ tu sĩ vô thần luận..., cái tổ chức mà theo điều lệ của nó, mỗi người tư sản nào đã hiến một vạn phrăng thì được dựng một tượng bán thân bằng đá hoa trong phòng họp. Cuối cùng ở Đức, họ được sự ủng hộ của những người xã hội chủ nghĩa kiểu Bít-xmác, những người này đang đóng vai trò của những đảng viên áo trắng<sup>326</sup> của đế quốc Đức-Phổ, đó là chưa kể đến tờ báo cảnh sát ""Newer social - Demokrat" mà bọn chúng đang xuất bản.



Vì tờ "Révolution Sociale" không còn tồn tại nữa, cho nên Đồng minh biến tờ "Bulletin jurassien" thành cơ quan chính thức của mình, tờ này viện cố bảo vệ các chi hội tự trị chống chủ nghĩa cực quyền của Tổng Hội đồng và những hành động tiếm quyền của Hội nghị đại biểu Luân Đôn, đã ra sức phá hoại Quốc tế. Trong số ra ngày 20 tháng Ba 1872, tờ "Bulletin" đã công khai thừa nhận rằng:

"Quốc tế mà nó hiểu, không phải là một tổ chức nào đó hiện đang bao trùm một bộ phận của giai cấp vô sản. Các tổ chức đều là việc thứ yếu và nhất thời... Quốc tế, với ý nghĩa chung hơn, là ý thức về tình đoàn kết của những người bị bóc lột đang ngự trị trong thế giới ngày nay".

Quốc tế mà bị quy tụ vào "tình đoàn kết" đơn giản, thì ắt hẳn còn mang tính chất hão huyền hơn là tình thương Cơ Đốc giáo. Để chứng minh "Bulletin" dùng những thủ đoạn thành thực như thế nào, chúng tôi dẫn chứng đoạn sau đây trích trong bức thư của Tô-ca-giê-vích, chủ bút tờ báo Ba Lan "Wolność" ở Xuy-rích:

"Trong số 13 "Bulletin jurassien" có đăng *cương lĩnh của hiệp hội xã hội chủ nghĩa Ba Lan ở Xuy-rích*, mấy hôm nữa hiệp hội sẽ bắt đầu xuất bản tờ "Wolność" của mình. Chúng tôi uỷ quyền cho Ngài, sau ba ngày nhận được bức thư này, tuyên bố với Tổng Hội đồng của Quốc tế rằng cương lĩnh này là *cương lĩnh giả*<sup>327</sup>.

Số "Bulletin" ra ngày 15 tháng Sáu đăng những bài trả lời của các thành viên Đồng minh (Ba-cu-nin, Ma-lông, Cla-ri-xơ, Ghi-ôm, v.v.) đối với thông báo nội bộ của Tổng Hội đồng. Những bài trả lời này không hề trả lời bất cứ một điều buộc tội nào mà Tổng Hội đồng đã nêu lên đối với Đồng minh và những người cầm đầu Đồng minh. Vị giáo hoàng, vì không có lý lẽ, đã quyết định kết thúc cuộc tranh cãi, sau khi chửi rửa bản thông báo là "cái thùng nước rác".

Ông ta tuyên bố: "Tuy vậy, tôi luôn luôn dành cho mình cái quyền tố cáo tất cả những kẻ vu khống trước toà án lương tâm, mà đại hội sắp tới, không còn nghi ngờ gì nữa, sẽ không cự tuyệt tội về việc thành lập toà án đó. *Chỉ cần toà án đó đem lại cho tôi tất cả những bảo đảm về một bản án không thiên vị và nghiêm túc,*

*thì tôi sẽ có thể trình bày với toà án ấy tất cả sự thực và mọi chi tiết cần thiết có tính chất chính trị cũng như có tính chất cá nhân, không sợ những sự khó chịu và nguy hiểm do nói công khai không vị nể*".

Cố nhiên, ông B., như thường lệ, không tiếc sinh mệnh của mình - ông ta chỉ đơn giản không đến La Hay.

Đại hội đại biểu gần đến rồi, Đồng minh biết rằng, trước khi bắt đầu đại hội, phải công bố báo cáo về vụ Ne-sa-ép mà hội nghị đại biểu đã giao cho ông U-tin khởi thảo bản báo cáo đó. Đối với Đồng minh, điều cực kỳ quan trọng là làm sao cho bản báo cáo đó không được công bố trước khi khai mạc đại hội đại biểu và các đại biểu không thể có được tài liệu đầy đủ về vụ đó. Ông U-tin đi Xuy-rích để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Ông ta vừa mới đặt chân tới đó, đã trở thành nạn nhân của một vụ mưu sát mà chúng ta, không chút do dự, có thể gán cho Đồng minh. Ở Xuy-rích, U-tin không có kẻ thù nào khác ngoài một số hội viên người Xla-vơ của Đồng minh bị Ba-cu-nin "nắm chặt". Thêm vào đó, tổ chức mai phục và ám sát là một trong những thủ đoạn đấu tranh được hội này thừa nhận và áp dụng; những ví dụ khác về thủ đoạn đó chúng ta có thể thấy ở Tây Ban Nha và ở Nga. Tám người nói một thứ tiếng Xla-vơ, đã rình U-tin ở một nơi hoang vắng bên con sông đào; khi U-tin đi đến gần bọn chúng, bọn chúng từ phía sau xông tới, dùng những hòn đá lớn đánh vào đầu, làm con mắt bị trọng thương, giá như lúc đó bốn sinh viên Đức không đến kịp thì sau khi đánh như tử chúng có thể giết chết và ném U-tin xuống sông. Khi nhìn thấy những sinh viên ấy, bọn hung thủ bỏ chạy tán loạn. Vụ mưu sát đó không ngăn cản được ông U-tin hoàn thành bài viết của mình và gửi lên đại hội.

## IV ĐỒNG MINH Ở TÂY BAN NHA

Sau đại hội đại biểu của *Đồng minh hoà bình* họp tháng Chín 1869 ở Béc-nơ, một trong những người sáng lập ra Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại biểu nghị viện I-ta-li-a là Pha-ne-li đã đến Ma-đrít. Ba-cu-nin trao cho ông ta những bức thư giới thiệu gửi cho Ga-ri-đô, nghị sĩ Quốc hội, ông đã làm cho ông ta quan hệ được với phái cộng hoà, cả tư sản lẫn công nhân. Chẳng bao lâu sau đó, vào tháng Mười một năm ấy, từ Giơ-ne-vơ những thẻ hội viên của Đồng minh được gửi cho Mô-ra-gô, Cô-rơ-đô-va-i Lô-pe-xơ (một phần tử cộng hoà mơ ước trở thành nghị sĩ và là chủ bút tờ báo tư sản "Combate"<sup>328</sup>), và gửi cho Ru-bay Đô-na-đay (một ứng cử viên người Bác-xê-lô-na bị thất bại, người sáng lập ra một đảng xã hội chủ nghĩa giả hiệu nào đó). Tín tức về việc gửi đi những thẻ hội viên ấy đã dẫn đến sự rối loạn trong chi hội Ma-đrít trẻ tuổi của Quốc tế; Han-vô, chủ tịch của chi hội ấy rút lui khỏi chi hội, không muốn gia nhập một hội liên hiệp dung nhận trong nội bộ mình một hội kín gồm những phần tử tư sản và phục tùng sự lãnh đạo của nó.

Ngay tại Đại hội Ba-lơ, các tổ chức của Quốc tế ở Tây Ban Nha đã có hai thành viên của Đồng minh đại diện: Phác-ga Pê-li-xéc và Xen-ti-nôn; trong đó Xen-ti-nôn có mặt trong danh sách đại biểu chính thức với tư cách là "đại biểu của Đồng minh". Sau đại hội đại biểu của các tổ chức của Quốc tế ở Tây Ban Nha họp ở Bác-xê-lô-na (tháng Bảy 1870), Đồng minh được thành lập ở

Pan-ma, Va-len-xi-a Ma-la-ha và Ca-đi-xơ. Năm 1871 các chi hội ở Xê-vi-li-a và Coóc-đô-va được thành lập. Đầu năm 1871, Mô-ra-gô và Vi-na-xơ, các đại biểu của Đồng minh đại diện cho Bác-xê-lô-na đã kiến nghị với các uỷ viên Hội đồng liên chi hội (Phran-xi-xcô Mô-ra, An-khen Mô-ra, An-xen-mô Lo-ren-xô, Bô-ren v.v.)... thành lập chi hội của Đồng minh ở Ma-đrít; nhưng những uỷ viên này đã phản đối việc đó, tuyên bố rằng Đồng minh, nếu nó tồn tại với tính cách là một hội kín, thì nguy hiểm còn nếu nó tồn tại một cách công khai thì vô ích. Và lần này, chỉ riêng việc nhắc đến cái tên gọi ấy cũng đủ để gieo mầm mống bất đồng trong nội bộ Hội đồng liên chi hội. Thậm chí Bô-ren còn nói những lời tiên tri.

"Từ nay trở đi mọi sự tín nhiệm giữa chúng ta đều biến mất".

Nhưng khi những cuộc truy nã của chính phủ khiến cho các uỷ viên Hội đồng liên chi hội phải lưu vong sang Bồ Đào Nha, Mô-ra-gô đã làm cho những uỷ viên ấy tin vào sự hữu ích của cái hội kín này, và theo sáng kiến của họ, một chi hội của Đồng minh đã được thành lập ở Ma-đrít. Ở Li-xbon, Mô-ra-gô đã lôi kéo một số người Bồ Đào Nha, hội viên Quốc tế, vào Đồng minh. Nhưng khi nhận thấy rằng những hội viên mới này không mang lại cho ông ta những đảm bảo đầy đủ, ông ta đã thành lập mà không để cho họ biết, một nhóm khác của Đồng minh, gồm những phần tử tư sản và công nhân tồi tệ nhất được tuyển mộ trong hàng ngũ hội viên Phrăng-ma-xông. Nhóm mới này có Bô-nan-xa, cựu cha xứ tham gia, mưu đồ tổ chức Quốc tế theo hình thức là các chi hội, cứ mười người một chi hội, những chi hội ấy dưới sự lãnh đạo của nhóm đó phải phục vụ cho những kế hoạch của bá tước Đơ Pê-ni-se và phần tử âm mưu chính trị đó cũng đã thành công trong việc lôi kéo những chi hội ấy vào một công việc mạo hiểm và mục đích duy nhất là đưa ông ta lên nắm quyền. Do những âm mưu của Đồng minh ở Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, cho nên các hội viên Quốc tế ở Bồ Đào Nha đã rút lui khỏi hội kín này và tại Đại hội

La Hay đã yêu cầu khai trừ hội kín ấy ra khỏi Quốc tế vì lợi ích của sự nghiệp chung.

Tại hội nghị đại biểu các chi hội Tây Ban Nha của Quốc tế ở Va-len-xi-a (tháng Chín 1871), các đại biểu của Đồng minh, cũng như mọi khi vẫn là đại biểu của Quốc tế, đã dứt khoát thành lập tổ chức hội kín của họ ở bán đảo I-bê-ri. Phần đông trong số họ cho rằng cương lĩnh của Đồng minh giống với cương lĩnh của Quốc tế, rằng tổ chức bí mật này tồn tại khắp nơi, rằng việc tham gia tổ chức này dường như là một nghĩa vụ và rằng Đồng minh ra sức làm cho Quốc tế phát triển hơn nữa, chứ không phải bắt Quốc tế phục tùng mình, nên quyết định tất cả mọi uỷ viên của Hội đồng liên chi hội đều phải hết lòng tham gia Đồng minh. Mô-ra-gô từ trước tới nay không dám trở về Tây Ban Nha, khi vừa mới biết được sự việc này, đã vội vàng đi đến Ma-đrít và chỉ trích Mô-ra "muốn bắt Đồng minh phục tùng Quốc tế", điều đó trái với mục đích của Đồng minh. Để làm cho ý kiến đó có trọng lượng, tháng Giêng năm sau ông đã cho Mê-xa đọc bức thư của Ba-cu-nin, trong đó Ba-cu-nin phát triển kế hoạch thống trị giai cấp công nhân theo kiểu Ma-ki-a-ve-li. Kế hoạch ấy như sau:

"nhìn bề ngoài thì Đồng minh phải tồn tại bên trong Quốc tế, trên thực tế thì phải hơi đứng sang một bên, cạnh nó, để theo dõi nó và lãnh đạo nó tốt hơn. Vì những lý do ấy, các hội viên nào của Đồng minh tham gia hội đồng và ban chấp hành của các chi hội Quốc tế, phải *luôn luôn là thiếu số trong các chi hội của Đồng minh*" (tuyên bố của Hô-xê Mê-xa ngày 1 tháng Chín 1872 trao cho Đại hội La Hay)<sup>329</sup>.

Trong một cuộc hội nghị của Đồng minh, Mô-ra-gô đã lên án Mê-xa phản bội đoàn thể của Ba-cu-nin, vì để cho tất cả các uỷ viên của Hội đồng liên chi hội tham gia đoàn thể đó, như thế là làm cho họ chiếm đa số trong các chi hội Đồng minh và trên thực tế đã thiết lập địa vị ưu thế của Quốc tế đối với Đồng minh. Chính để tránh cái ưu thế ấy, thông tri bí mật chỉ thị rằng chỉ một hoặc hai hội viên của Đồng minh lọt vào hội đồng hoặc ban chấp hành của Quốc tế và phải căn cứ theo chỉ thị của Đồng minh mà lãnh đạo các hội đồng và các ban chấp hành dưới sự ủng hộ của chi hội Đồng minh, nơi vạch ra trước

tất cả những quyết định mà Quốc tế phải tiếp thu. Kể từ đó, Mô-ra-gô tuyên chiến với Hội đồng liên chi hội và cũng như ở Bồ Đào Nha, đã thành lập một chi hội mới của Đồng minh; người nào mà ông cho là không thể tin cậy, thì không biết đến chi hội đó. Những hội viên thân tín của Đồng minh ở các nơi trong Tây Ban Nha đã ủng hộ ông ta và bắt đầu buộc tội Hội đồng liên chi hội coi thường trách nhiệm của mình đối với Đồng minh; bản thông tư của chi hội của Đồng minh ở Va-len-xi-a (ngày 30 tháng Giêng 1872) do Đa-môn - biệt danh của Môn-tô-rô trong Đồng minh - ký tên, đã chứng minh điều đó<sup>330</sup>.

Sau khi nhận được bản thông cáo Xông-vi-li-ê, Đồng minh Tây Ban Nha tuyệt nhiên không đứng về phía Giuy-ra. Ngay cả chi hội Bác-xê-lô-na - chi hội thuỷ tổ trong bức thư chính thức đề ngày 14 tháng Mười một 1871 đã bình phẩm một cách hết sức gay gắt và bằng giọng điệu hết sức dị giáo về giáo hoàng Mi-kha-in, người mà chi hội đó nghi là đang cạnh tranh cá nhân với Các Mác<sup>1)</sup>.

1) Những bản sao của bức thư này, bức thư mà A-le-ri-ni đã "nhân danh nhóm Bác-xê-lô-na" của Đồng minh gửi cho "Ba-xtê-li-ca yêu quý và những người bạn yêu quý của tôi", đã được gửi đi khắp tất cả các chi hội của Đồng minh ở Tây Ban Nha. Chúng tôi xin dẫn chứng một vài đoạn trích trong đó:

"Tổng Hội đồng khoá này chỉ tồn tại cho đến đại hội năm sau, và hoạt động rất nguy hại của nó cũng chỉ có thể là tạm thời... Ngược lại, sự cắt đứt công khai sẽ giáng vào sự nghiệp của chúng ta một đòn mà sự nghiệp của chúng ta nếu như nói chung có chịu đựng được thì cũng khó mà bình phục. Vì vậy, dù sao chúng tôi cũng không thể tán thành *những khuynh hướng phân lập chủ nghĩa* của các anh... Một số người trong chúng tôi tự hỏi: trong tất cả những sự việc đó hoặc là cùng với tất cả những sự việc đó, trừ những vấn đề nguyên tắc ra. Phải chăng cũng có *những vấn đề cá nhân, chẳng hạn vấn đề cạnh tranh giữa người bạn chúng tôi là Mi-kha-in và Các Mác, giữa các hội viên của Đồng minh kỳ cựu và Tổng Hội đồng*... Chúng tôi rất xót xa đọc thấy trong tờ "Révolution Sociale" những lời công kích đối với Tổng Hội đồng và đối với Các Mác... Khi chúng tôi biết được ý kiến của những bạn bè chúng tôi trên bán đảo *đang có ảnh hưởng đối với các hội đồng địa phương*, thì ý kiến ấy có thể làm thay đổi lập trường của chúng tôi thiên về phía quyết định chung mà chúng tôi sẽ hướng theo trên tất cả mọi mặt, v.v.; v.v.

Đồng minh kỳ cựu đó là Đồng minh công khai đã bị Tổng Hội đồng tiêu

Hội đồng liên chi hội đã đồng tình với bức thư này, điều đó chứng tỏ rằng ảnh hưởng của trung tâm Thụy Sĩ ở Tây Ban Nha lúc bấy giờ tỏ ra yếu ớt biết nhường nào. Nhưng chẳng bao lâu sau đó, có thể thấy rằng những tâm hồn ngang ngược cố chấp đã bùng tỉnh. Tại hội nghị Liên chi hội Ma-đrít của Quốc tế (ngày 7 tháng Giêng 1872) thảo luận bản thông cáo Xông-vi-li-ê, một nhóm mới do Mô-ra-gô lãnh đạo đã ngăn cản việc tuyên đọc bản thông cáo của Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh và cắt đứt cuộc thảo luận. Ngày 24 tháng Hai, Ra-pha-rơ (bí danh của Ra-pha-en Phác-ga trong Đồng minh) đã viết cho chi hội của Đồng minh.

"Cần phải xoá bỏ ảnh hưởng phản động và những khuynh hướng cực quyền chủ nghĩa của Tổng Hội đồng".

Lúc này chỉ ở Pan-ma, ở Mai-óc-cơ, Đồng minh đã làm cho các uỷ viên Quốc tế công khai tán thành bản thông cáo Giuy-ra. Vậy là kỷ luật giáo hội đã bắt đầu bẻ gãy những mưu toan cuối cùng chống lại việc thừa nhận giáo hoàng không bao giờ lầm lỗi.

Trước công việc bí mật ấy, Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha hiểu rằng cần phải thoát ra ngay khỏi Đồng minh. Nhưng cuộc truy tầm của chính phủ đã khiến cho Hội đồng ấy có lý do để làm việc đó. Hội đồng ấy đã đề nghị thành lập những tổ bí mật "những người bảo vệ Quốc tế" phòng khi Quốc tế bị giải tán, các chi hội Đồng minh phải hoà nhập, một cách kín đáo, vào trong những tổ đó. Sự tham gia của đông đảo hội viên Đồng minh nhất định không tránh khỏi làm thay đổi tính chất của những chi hội đó, và những chi hội ấy sẽ hoàn toàn biến mất cùng với những tổ ấy, một khi những cuộc truy nã được đình chỉ. Nhưng Đồng minh sau khi đoán biết mục đích kín đáo của kế hoạch ấy, đã làm thất bại kế hoạch đó, mặc dù không có tổ như vậy thì sự tồn tại của Quốc tế ở Tây Ban Nha sẽ bị đe dọa,

---

diệt trong trứng nước. Bức thư mà chúng tôi dẫn chứng đoạn trích này, do chính tay A-le-ri-ni viết.

như chính phủ đe dọa. Để đối chọi lại việc đó, Đồng minh đã đề nghị như sau:

"Sẽ là một điều thích hợp, nếu người ta đặt chúng ta ra ngoài vòng pháp luật, làm cho Quốc tế có một hình thức bề ngoài tuồng như có thể được chính phủ cho phép, các hội đồng địa phương phải trở thành những trung tâm bí mật, những trung tâm ấy dưới ảnh hưởng của Đồng minh sẽ đem lại cho các chi hội một phương hướng hoàn toàn cách mạng" (thông cáo của chi hội Xê-vi-li-a của Đồng minh, công bố ngày 25 tháng Mười 1871<sup>331</sup>).

Việc làm thì hèn nhát, lời nói thì dửng dăm - Đồng minh ở Tây Ban Nha cũng như ở khắp các nơi, là như thế đấy.

Nghị quyết của hội nghị đại biểu Luân Đôn, về đường lối chính trị của giai cấp công nhân đã khiến cho Đồng minh phải công khai chống lại Quốc tế, và nghị quyết ấy đã đem lại cho Hội đồng liên chi hội lý do xác nhận sự hoàn toàn nhất trí của nó với tuyệt đại đa số hội viên của Quốc tế. Ngoài ra, nghị quyết còn mang đến cho Hội đồng ấy tư tưởng thành lập ở Tây Ban Nha một chính đảng công nhân rộng rãi. Để đạt tới mục đích đó, trước tiên cần phải hoàn toàn tách giai cấp công nhân khỏi tất cả các đảng tư sản, đặc biệt là đảng cộng hoà, một đảng đã chiêu mộ đông đảo cử tri và người ủng hộ nó trong công nhân. Hội đồng liên chi hội đã đề nghị không nên tham gia tất cả các cuộc bầu cử nghị viện theo kiểu quân chủ, cũng như theo kiểu cộng hoà. Để xua tan những ảo tưởng nảy sinh trong nhân dân do những lời lẽ ba hoa xã hội chủ nghĩa giả hiệu của những đảng viên cộng hoà, các biên tập viên báo "Emancipacion", đồng thời cũng là các uỷ viên Hội đồng liên chi hội đã viết thư cho các đại biểu của đảng cộng hoà liên bang tại đại hội đại biểu ở Ma-đrít, trong đó yêu cầu họ phải có những biện pháp thực tế và đề nghị họ phát biểu ý kiến về cương lĩnh của Quốc tế<sup>332</sup>. Như thế có nghĩa là giáng một đòn đáng sợ vào đảng cộng hoà; Đồng minh đã tìm cách làm cho ngọn đòn ấy nhẹ đi, bởi vì nó, trái lại, gắn chặt với những đảng viên cộng hoà<sup>333</sup>. Ở Ma-đrít, nó thành lập tờ báo

"Condonado"<sup>334</sup>, tờ báo này trình bày ba đức tính chủ yếu của Đồng minh, coi đó là cương lĩnh: *Vô thần luận, Tình trạng vô chính phủ, Chủ nghĩa tập thể*; nhưng đồng thời lại khuyên công nhân không nên đòi giảm giờ làm. Ngoài "người anh em" Mô-ra-gô còn có E-xte-va-ne-xơ công tác với tờ báo này, ông ta là một trong ba uỷ viên uỷ ban lãnh đạo của đảng cộng hoà, và cách đó không lâu còn là tỉnh trưởng Ma-đrít và bộ trưởng chiến tranh. Ở Ma-la-ha có Pi-nô, uỷ viên của uỷ ban liên bang của Quốc tế giả, ở Ma-đrít có Phê-li-pơ Mác-tin, hiện là người chạy hàng của Đồng minh, đều phục vụ cho đảng cộng hoà với tư cách là những đại diện trong các cuộc vận động bầu cử. Và để trong Quốc hội Tây Ban Nha cũng có một Pha-ne-li của mình, Đồng minh đã dự định đưa Mô-ra-gô làm ứng cử viên.

Đồng minh không thể nào tha thứ cho Hội đồng liên chi hội về hai sự việc: 1) Hội đồng liên chi hội đã bỏ phiếu trắng về vấn đề Giuy-ra 2) Hội đồng liên chi hội đã toan phạm đến tính bất khả xâm phạm của nó. Sau khi hội đồng giữ một lập trường đối với đảng Cộng hoà là phá hoại toàn bộ kế hoạch của Đồng minh, thì Đồng minh đã quyết định trừng phạt nó. Thư gửi cho đại hội đảng cộng hoà được Đồng minh hiểu là một sự tuyên chiến. Cơ quan ngôn luận có ảnh hưởng nhất của đảng này, tờ "Igualdad"<sup>335</sup>, công kích một cách điên cuồng các biên tập viên báo "Emancipacion", lên án họ đã bán mình cho Xa-ga-xta. Tờ "Condonado" đã ủng hộ sự buộc tội đề tiện ấy bằng cách ngoan cố làm thính. Đồng minh thì còn làm một việc gì đó lớn hơn cho đảng Cộng hoà. Nhân bức thư này, Đồng minh đã tìm cách khai trừ các biên tập viên báo "Emancipacion" ra khỏi Liên chi hội Ma-đrít của Quốc tế mà Đồng minh có ảnh hưởng ưu thế trong đó.

Mặc dù có những sự hãm hại của Chính phủ, Hội đồng liên chi hội sau sáu tháng hoạt động kể từ khi họp hội nghị đại biểu ở Va-len-xi-a đã có số liên chi hội địa phương tăng từ 13 lên đến 70, trong 100 địa phương khác Hội đồng liên chi hội đã chuẩn bị thành lập những liên chi hội mới, đã tổ chức công nhân của tám

ngành nghề thành những hội đề kháng với quy mô toàn quốc. Ngoài ra, dưới sự ủng hộ của Hội đồng đã thành lập một liên minh lớn của công nhân công xưởng Ca-ta-lô-ni. Những công lao ấy đã tạo nên cho các uỷ viên của Hội đồng một ảnh hưởng tinh thần rất lớn khiến cho Ba-cu-nin cảm thấy cần đưa họ trở lại con đường chân lý, nên ngày 5 tháng Tư 1872 ông ta đã gửi một bức thư khuyên bảo dài dòng với giọng điệu làm cha cho tổng thư ký hội đồng Mô-ra (xem "văn kiện", số 3<sup>1\*</sup>). Tuy Đồng minh đã hết sức cố gắng, ít ra đã cử mười hai đại biểu tham gia Đại hội đại biểu ở Xa-ra-gốt (từ ngày 4 đến ngày 11 tháng Tư 1872), Đại hội này vẫn huỷ bỏ việc khai trừ và đưa hai người trong số các uỷ viên bị khai trừ vào Hội đồng liên chi hội mới, mặc dù họ đã mấy lần từ chối việc đề cử họ làm ứng cử viên.

Cùng một lúc với Đại hội đại biểu ở Xa-ra-gốt, cũng như mọi khi, những cuộc hội họp bí mật của Đồng minh được tiến hành. Các uỷ viên của Hội đồng liên chi hội đã đề nghị trong các cuộc họp đó nên giải tán Đồng minh. Đề không phải phủ quyết đề nghị này, họ đã lẩn tránh đề nghị ấy một cách khéo léo. Hai tháng sau, ngày 2 tháng Sáu, vẫn là những ngài với tư cách là những người lãnh đạo của Đồng minh ở Tây Ban Nha và thay mặt cho chi hội Ma-đrít của Đồng minh đã gửi cho tất cả các chi hội khác một bản thông cáo, trong đó họ nêu lại đề nghị của mình, luận chứng đề nghị đó như sau:

"Đồng minh đã xa rời con đường mà trong nước ta, theo ý kiến của chúng tôi, nó phải đi theo. Nó đã xuyên tạc tư tưởng đã sinh ra nó, và đáng lẽ phải là một bộ phận tổ thành của Hội liên hiệp vĩ đại của chúng ta, là một nhân tố tích cực thúc đẩy các tổ chức của Quốc tế tiến lên, giúp đỡ những tổ chức ấy và góp phần làm cho những tổ chức ấy phát triển, thì Đồng minh lại hoàn toàn tách rời với bộ phận còn lại của Hội liên hiệp và biến thành một tổ chức riêng biệt, tuồng như là tối cao, cố sức bắt tất cả phải phục tùng nó. Do vậy, nó đã đưa vào nội bộ chúng

1\* Xem tập này, tr.631 - 634.

ta sự không tín nhiệm, sự bất đồng và sự chia rẽ... Ở Xa-ra-gốt, lẽ ra phải nêu lên những đề nghị và giúp đỡ giải quyết vấn đề, thì ngược lại. Đồng minh chỉ gây trở ngại cho công tác quan trọng của Đại hội đại biểu".

Trong tất cả những chi hội Đồng minh ở Tây Ban Nha, chỉ có một chi hội ở Ca-di-xơ đã đáp lại thông cáo ấy, bằng việc báo tin nó đã giải tán. Ngay ngày hôm sau, Đồng minh lại một lần nữa tìm cách khai trừ những người đã ký tên vào bản thông cáo ngày 2 tháng Sáu ra khỏi Liên chi hội Ma-đrít của Quốc tế. Bài báo trong tờ "Emancipacion" ra ngày 1 tháng Sáu đã bị lợi dụng làm cái cớ để khai trừ, bài báo này yêu cầu tiến hành cuộc điều tra.

"Về những nguồn của cải của các vị bộ trưởng, của các tướng lĩnh, quan chức hành chính, những nhân vật có chức quyền, các thị trưởng v.v. và của tất cả chính trị các nhà hoạt động chính trị không giữ những chức vụ nhà nước, sống dưới sự che chở của các chính phủ, ủng hộ Chính phủ trong nghị viện và dùng mặt nạ phá vỡ đối lập giả hiệu để bao che những hành vi phi pháp của chính phủ ... Việc tịch thu tài sản của những người này phải là biện pháp đầu tiên được thực hiện ngày hôm sau sau cuộc cách mạng"<sup>336</sup>.

Đồng minh sau khi nhận thấy bài báo đó là một sự công kích trực tiếp nhằm vào bè bạn của mình trong đảng cộng hoà, nó đã buộc tội các biên tập viên báo "Emancipacion" phản bội sự nghiệp của giai cấp vô sản, với lý do là khi đòi phải tịch thu tài sản của những kẻ trộm cắp tài sản nhà nước, như vậy là họ thừa nhận chế độ tư hữu. Không thể có bằng chứng nào tốt hơn nói lên cái tính chất phản động được che đậy đằng sau trò bịp cách mạng của Đồng minh, vậy mà nó muốn tiêm nhiễm tinh thần phản động ấy cho giai cấp công nhân. Và cũng không thể có bằng cứ nào tốt hơn nói lên tính chất không thành thật của các phần tử thuộc Đồng minh, hơn là việc khai trừ chính những người bị coi là bảo vệ chế độ tư hữu mà các phần tử Đồng minh đã nguyên rủa vì những tư tưởng cộng sản chủ nghĩa của những người đó.

Việc khai trừ mới này là một sự vi phạm điều lệ hiện hành, quy định phải thành lập toà án lương tri mà bị cáo có thể đề cử vào thành phần toà án đó hai bồi thẩm viên trong số bảy bồi thẩm viên và bị cáo có thể khiếu nại quyết định của toà án trước đại hội toàn thể chi hội. Lẽ ra như thế, nhưng Đồng minh không muốn bị hạn chế trong sự tự trị của mình, đã ra lệnh khai trừ ngay tại hội nghị mà tại đó nó đã đưa việc tố cáo. Trong 130 thành viên của toàn chi hội, chỉ có 15 người ăn ý với nhau tham gia hội nghị. Những người bị khai trừ đã kêu lên Hội đồng liên chi hội.

Do những mảnh khoé của Đồng minh, Hội đồng này được di chuyển đến Va-len-xi-a. - Trong hai uỷ viên của Hội đồng liên chi hội cũ được bầu lại trong đại hội Xa-ra-gốt, Mô-ra đã không chấp nhận việc trúng cử, còn Lo-ren-xô hầu như đã xin từ chức ngay tức khắc. Kể từ đó, Hội đồng liên chi hội đã bán mình cho Đồng minh cả linh hồn lẫn thể xác. Vì vậy Hội đồng đã trả lời việc kêu kiện của những người bị khai trừ bằng cách tuyên bố Hội đồng không có thẩm quyền, mặc dù điều 7 trong điều lệ của Liên chi hội Tây Ban Nha quy định nó có trách nhiệm tạm thời khai trừ bất cứ liên chi hội địa phương nào vi phạm điều lệ, đồng thời vẫn dành cho liên chi hội địa phương quyền khiếu nại quyết định đó trong đại hội kỳ sau. Sau đó những người bị khai trừ đã thành lập "Liên chi hội mới" và yêu cầu hội đồng thừa nhận liên chi hội này, nhưng hội đồng đã căn cứ vào sự tự trị của các chi hội, kiên quyết bác bỏ yêu cầu đó của nó. Khi đó, Liên chi hội Ma-đrít mới đã kêu lên Tổng Hội đồng, và Tổng Hội đồng đã chấp nhận nó, căn cứ theo chương II, điều 7 và chương IV, điều 4 của Quy chế tổ chức<sup>337</sup>. Đại hội đại biểu toàn hội liên hiệp ở La Hay đã tán thành quyết định đó và *nhất trí* thừa nhận giấy chứng nhận tư cách đại biểu của đại biểu Liên chi hội Ma-đrít mới là có giá trị<sup>1\*</sup>.

1\* - P.La-phác-gơ.

Đồng minh đã hiểu rõ toàn bộ ý nghĩa của cuộc vận động chống đối lần đầu tiên này; nó hiểu rằng nếu như không bóp chết cuộc vận động đó trong trứng nước, thì Quốc tế ở Tây Ban Nha sẽ trượt ra khỏi tay nó, mà trước đó đã từng hết sức ngoan ngoãn vâng lời. Nó thi thố tất cả mọi thủ đoạn, cả thủ đoạn đúng đắn lẫn thủ đoạn không đúng đắn. Nó đã bắt đầu từ thủ đoạn vu khống. Tên của những người bị khai trừ (An-khen và Phran-xi-xcô Mô-ra, Hô-xê, Mê-xa, Vích-to, Pa-khe-xơ, I-gle-xi-a-xơ, Xa-en-xơ, Ca-le-kha, Pau-li và La-phác-gơ) bị dán cái nhãn hiệu những kẻ phản bội, được in đăng trên các báo và treo trong trụ sở của các chi hội. Mô-ra đã bỏ việc để làm nhiệm vụ tổng thư ký, và trong nhiều tháng liền đã được người anh em giúp đỡ, vì số tiền có thể cấp sinh hoạt phí cho Mô-ra thì không còn nữa, nhưng Mô-ra lại bị chỉ trích là tuồng như sống dựa vào Quốc tế. Về Mê-xa, là người đang biên tập một tạp chí thời trang và vừa mới dịch một bài cho một họa báo, thì đã bị họ bảo là đã bán mình cho giai cấp tư sản. La-phác-gơ thì bị lên án về tội trần tục, về việc La-phác-gơ đã lợi dụng một bữa ăn trưa mà chỉ có Gác-gan-tiu-a mới xứng đáng ăn, làm cho xác thịt mền yếu của hai uỷ viên Hội đồng liên chi hội mới của Đồng minh, Mác-ti-nê-xơ và Môn-tô-rô, bị thánh An-tô-ni cảm dỗ, tựa hồ lương tâm của họ nằm trong bụng. Ở đây chúng tôi chỉ nói đến sự vu khống công khai xuất hiện trên báo chí. Vì những biện pháp này không mang lại hiệu lực mong đợi, nên người ta chuyển sang đe dọa. Ở Va-len-xi-a, Mô-ra bị sa vào chỗ phục kích mà các uỷ viên của Hội đồng liên chi hội đã bố trí, họ cầm gậy trong tay đợi Mô-ra ở đấy. Các hội viên liên chi hội địa phương đã cứu giúp Mô-ra, những hội viên này biết rõ thủ đoạn của các ngài ấy và quả quyết rằng Loren-xô đã xin từ chức do ảnh hưởng cũng của những bằng chứng ghê sợ ấy. Chẳng bao lâu sau đó, một vụ mưu hại tương tự như vậy đã được tiến hành đối với i-ghe-xi-a ở Ma-đrít. Hội nghị giáo chủ của những phần tử thuộc Đồng minh liệt tờ báo "Emancipacion" vào danh mục những cuốn sách cấm, đã làm cho tờ báo ấy

phải chịu sự lên án của tất cả các giáo đồ chính thống. Ở Ca-di-xơ, để gây ra một nỗi sợ hãi ghê gớm trong lòng những kẻ tội lỗi, người ta đã tuyên bố rằng kẻ nào bán tờ báo "Emancipacion" sẽ bị đuổi ra khỏi Quốc tế như là một kẻ phản bội. Tình trạng vô chính phủ của những phần tử thuộc Đồng minh đã được thực hiện trong lối hành xử mang tính chất toà án tôn giáo.

Đồng minh, theo thông lệ của nó, bắt đầu tìm cách làm sao cho toàn thể đoàn đại biểu của các tổ chức Quốc tế ở Tây Ban Nha tại Đại hội La Hay bao gồm những thành viên của Đồng minh. Với mục đích đó, Hội đồng liên chi hội đã gửi cho các chi hội một thông báo nội bộ, mà nó đã giấu giếm hết sức cẩn thận không để cho Liên chi hội Ma-đrít mới biết. Bản thông báo đề nghị cử đến đại hội một đoàn đại biểu do tất cả hội viên Quốc tế bỏ phiếu bầu ra, và đề nghị quyên góp theo đầu người - cứ mỗi người đóng 25 xăng-tim - để thanh toán các khoản chi tiêu. Vì các liên chi hội địa phương không có thời gian trao đổi ý kiến với nhau về vấn đề ứng cử viên, cho nên rõ ràng là kẻ trúng cử sẽ là những ứng cử viên chính thức của Đồng minh được cử đi từ đại hội bằng tiền chi phí của Quốc tế, trên thực tế, tình hình đã diễn ra đúng như thế. Thông báo này vẫn bị rơi vào tay Liên chi hội Ma-đrít mới và được chuyển đến Tổng Hội đồng. Tổng Hội đồng biết rõ Hội đồng liên chi hội bị Đồng minh khống chế, nên quyết định rằng thời gian hành động đã đến và gửi cho Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha một bức thư, trong đó nói:

"Thưa các đồng chí! Chúng tôi có những bằng cứ chứng minh rằng trong nội bộ Quốc tế, đặc biệt là ở Tây Ban Nha, có một hội kín tự xưng là Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa. Hội này - trung ương của nó đặt tại Thụy Sĩ - cho rằng sứ mệnh đặc biệt của nó là hướng Hội liên hiệp vĩ đại của chúng ta thích ứng với những khuynh hướng riêng của nó và đưa Hội liên hiệp chúng ta tới những mục tiêu mà tuyệt đại đa số hội viên Quốc tế hoàn toàn

không biết. Ngoài ra, căn cứ theo tờ báo "Razon" ở Xê-vin, chúng tôi còn biết rằng hội đồng của các đồng chí ít ra cũng có đến ba uỷ viên là thành viên Đồng minh...

Nếu như tổ chức và tính chất của hội này, khi nó còn công khai, đã trái với tinh thần và lời văn của Điều lệ chúng ta, thì việc nó tồn tại một cách bí mật trong nội bộ Quốc tế, bất chấp sự cam kết đã đề ra, cũng bị xem là sự phản bội trực tiếp Hội chúng ta vậy. "Quốc tế chỉ biết có một loại hội viên mà quyền lợi và nghĩa vụ đều như nhau; Đồng minh thì lại chia hội viên thành hai loại, loại hội viên thân tín và loại hội viên không thân tín; loại hội viên không thân tín thì phải chịu số phận là bị loại hội viên thân tín lãnh đạo họ thông qua một tổ chức mà bản thân sự tồn tại của tổ chức ấy họ không hề biết. Quốc tế yêu cầu hội viên của mình phải thừa nhận *chân lý, chính nghĩa và đạo đức* là cơ sở của hành vi của mình. Đồng minh thì bắt những người ủng hộ mình phải giấu các hội viên không thân tín về sự tồn tại của tổ chức bí mật, cũng như động cơ và mục đích thật sự của những lời nói và hành động của mình"<sup>1\*</sup>.

Ngoài ra, Tổng Hội đồng còn yêu cầu họ cung cấp một số tài liệu để điều tra về Đồng minh, những tài liệu mà Tổng Hội đồng định trình lên Đại hội La Hay, và trình bày rõ về vấn đề tại làm sao họ lại coi sự có mặt ít ra là của ba uỷ viên mà ai cũng biết là thành viên của Đồng minh trong Hội đồng liên chi hội là phù hợp với các nghĩa vụ của họ đối với Quốc tế.

Hội đồng liên chi hội đã trả lời bằng một bức thư nói quanh co, nhưng trong đó đã thừa nhận sự tồn tại của Đồng minh.

Vì những mảnh khoé mà chúng ta đã nói đến đều không đủ để bảo đảm thắng lợi trong các cuộc bầu cử, cho nên Đồng minh đã tìm cách đưa ra trên các tờ báo của mình một danh sách ứng cử viên chính thức: Phác-ga, A-le-ri-ni, Xê-ri-a-nô, Mác-xê-lau, Men-

de-xơ, Mô-ra-gô. Cuộc bỏ phiếu đi đến kết quả: Mác-xê-lau được 3568 phiếu, Mô-ra-gô được 3442 phiếu, Men-de-xơ được 2850 phiếu, Xê-ri-a-nô được 2751 phiếu. Trong số những ứng cử viên khác, Lô-xtau được 2430 phiếu trong bốn thành phố vùng Ca-ta-lô-ni, những thành phố này rõ ràng là chưa có đầy đủ tính kỷ luật; Phu-xtéc được 1053 phiếu ở Xan-xơ, ở Ca-ta-lô-ni. Không một ứng cử viên nào trong số còn lại thu được hơn 250 phiếu. Để đảm bảo cho Phác-ga và A-le-ri-ni trúng cử, Hội đồng liên chi hội đã ban cho thành phố Bác-xê-nô-na, nơi mà Đồng minh chiếm ưu thế, hưởng đặc quyền trực tiếp bầu đại biểu của mình, đại biểu đó tất nhiên là A-le-ri-ni Phác-ga. Cũng chính bản thông báo ấy xác nhận rằng bốn thành phố vùng Ca-ta-lô-ni đề cử Lô-xtau và Phu-xtéc và, do đó, đã bác bỏ những ứng cử viên chính thức của Đồng minh, đã nộp 2654 rê-a-lơ (663 phrăng 50 xăng-tim) để trang trải những chi phí của đoàn đại biểu. Trong khi đó những thành phố khác của Tây Ban Nha, ở nơi nào Đồng minh có thể làm cho các ứng cử viên của mình được trúng cử, vì công nhân không quen tự mình điều hành những công việc của bản thân mình, chỉ nộp tất cả là 2799 rê-a-lơ (699 phrăng 75 xăng-tim). Liên chi hội Ma-đrít mới thì có đầy đủ căn cứ để khẳng định rằng các đại biểu của Đồng minh đã được cử đến La Hay bằng tiền của các hội viên Quốc tế. Ngoài tất cả những điều đó ra, Hội đồng liên chi hội của các phần tử thuộc Đồng minh đã không nộp đầy đủ những khoản hội phí cần phải nộp cho Tổng Hội đồng.

Tất cả những điều đó đối với Đồng minh vẫn còn ít. Đồng minh muốn các đại biểu của nó có giấy uỷ nhiệm hạn chế của Đồng minh; hãy xem nó đã kiếm được giấy uỷ nhiệm đó bằng cách nào. Trong thông báo ngày 7 tháng Bảy Hội đồng liên chi hội đã yêu cầu và đã được phép đem tất cả những giấy uỷ nhiệm hạn chế do các liên chi hội địa phương cấp, hợp lại thành một giấy uỷ nhiệm chung. Cái mẹo này còn tồi hơn là trò trưng cầu dân ý của Bô-na-pác-tơ<sup>338</sup> đã cho phép Đồng minh tạo cho đoàn đại biểu của mình một giấy uỷ nhiệm mà Đồng minh định áp đặt

1\* Xem tập này tr. 165 - 167.



cho đại hội, nếu cách bỏ phiếu mà Quy chế tổ chức của Quốc tế đã quy định cho Quốc tế, không được thay đổi ngay tức khắc, thì Đồng minh sẽ cấm đại biểu của mình tham gia bỏ phiếu. Đó chỉ là một trò bịp, bằng chứng về điều đó là tại đại hội đại biểu ở Xanh-I-mê, các đại biểu Tây Ban Nha, bất chấp giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu của mình, đã tham gia các cuộc bỏ phiếu được tiến hành theo *tuong hien cuu huy, va tu cuoc bo phieu duoc cu xac tac* tán dương hết mực và được Đồng minh hoà bình thực hành<sup>1)</sup>.

1) *Xen-ti-nôn* - một bác sĩ ở Bá-xê-lô-na, bạn riêng của Ba-cu-nin và là một trong những người sáng lập ra Đồng minh ở Tây Ban Nha, Rất lâu trước Đại hội La Hay ông ta đã khuyên các hội viên Quốc tế đừng nộp hội phí cho Tổng Hội đồng, vì Tổng Hội đồng dùng tiền này để mua vũ khí. Ông ta đã tìm cách cản trở Quốc tế ở Tây Ban Nha để bảo vệ sự nghiệp của Công xã đã đánh bại: sau khi bị bỏ tù vì vi phạm luật lệ báo chí, ông ta đã ra một bản tuyên ngôn, trong đó đoạn tuyệt một cách đùng cảm với Quốc tế đang bị hãm hại lúc bấy giờ. Do vậy mà toàn thể công nhân ở Bá-xê-lô-na đã quay lưng lại với ông ta, nhưng ông ta vẫn là một trong những lãnh tụ bí mật của Đồng minh; điều đó có thể thấy rõ căn cứ theo sự việc sau đây: ngày 14 tháng Tám 1871, ba tháng sau khi Công xã thất bại, thành viên của Đồng minh là Môn-tô-rô trong bức thư gửi cho một thành viên của Đồng minh có nói đến Xen-ti-nôn như là một người có thể giới thiệu ông này và xác nhận ông này là người của Đồng minh.

*Vi-na-xơ* - một sinh viên y khoa, người mà Xen-ti-nôn trong bức thư ngày 26 tháng Giêng 1872 đã giới thiệu cho Líp-nếch là "linh hồn của Quốc tế ở Bá-xê-lô-na"; anh sinh viên này đã ra khỏi Quốc tế trong thời kỳ Quốc tế bị truy nã, để không làm tổn hại danh dự gia đình mình, mặc dù sở cảnh sát cũng chẳng tốn công bỏ tù anh ta.

*Phác-ga Pê-li-xéc* cũng là một trong những người cầm đầu Đồng minh; trong bức thư nói trên của Xen-ti-nôn, ông ta bị chỉ trích về việc ông ta trong thời gian bị truy nã đã chạy trốn, để cho người khác phải chịu trách nhiệm trước toà án về những bài báo của ông ta. Lòng đùng cảm kiểu con thỏ của các phân tử Đồng minh bất cứ lúc nào và ở bất cứ chỗ nào cũng đều bảo vệ một cách anh dũng sự tự trị của mình chống cực quyền chủ nghĩa. Sự phản kháng của họ đối với quyền lực mang tính chất cực quyền chủ nghĩa của nhà nước tư sản được thể hiện ở chỗ họ quay đầu chạy trốn.

*Xê-ri-a-nô* - một nhân vật cầm đầu khác, một giáo sư...của khoa học bí mật... đã

## V ĐỒNG MINH Ở I-TA-LI-A

ra khỏi Quốc tế trong lúc có những sự truy nã kịch liệt nhất. Trong đại hội đại biểu ở Xa-ra-gốt, Xô-ri-a-nô có một đùng khí đáng buồn là chống lại việc công khai tiến hành hội nghị, như La-phác-gơ và những đại biểu khác yêu cầu, bởi vì Xô-ri-a-nô cho rằng gây nên sự phẫn nộ của chính quyền là không sáng suốt. Gần đây, dưới thời cầm quyền của A-ma-đây, Xô-ri-a-nô đã đảm nhiệm chức vụ trong chính phủ.

*Mô-ra-gô* - một chủ hiệu nhỏ và khách quen của các quán rượu nhỏ, Mô-ra-gô dựa vào lao động của vợ mình và của các thợ học nghề để duy trì sự tự trị của kẻ đánh bạc chuyên nghiệp. Khi Hội đồng liên chi hội đến lánh ở Li-xbon, Mô-ra-gô đã bỏ cương vị uỷ viên hội đồng và đề nghị rút công văn giấy tờ của Quốc tế xuống biển. Khi Xa-ga-xta tuyên bố đặt Quốc tế ra ngoài vòng pháp luật. Mô-ra-gô lại bỏ cương vị uỷ viên hội đồng địa phương Ma-đrít và núp mình trong cái bến tàu Đồng minh để tránh cơn giông bão. Không có chúa Giê-xu, nhưng Đồng minh có rất nhiều thánh Pi-e.

*Cle-men-tơ Bô-ve* - chủ tịch hội đồng liên hiệp công nhân công xưởng Ca-ta-lô-ni (las tres clases de vapor<sup>339</sup>) bị bãi chức và bị đuổi vì có hành vi tự trị quá đáng đối với quỹ tiền.

*Di-ô-ni-xi-ô Hác-xi-a Phrây-lơ*, người mà tờ báo của Đồng minh "Federacion", trong số ra ngày 28 tháng Bảy 1872, đã đăng một bức thư dài của ông ta đây rầy những lời công kích Liên chi hội Ma-đrít mới, tôn ông ta là "người đồng sự thân yêu của chúng ta", ông ta đã phục vụ trong sở cảnh sát ở Xanh-Xê-ba-xti-en và đã lấy cắp sạch quỹ của một chi hội Quốc tế.

Ở I-ta-li-a Đồng minh xuất hiện trước Quốc tế. Giáo hoàng Mi-kha-in đã sống tại đây và đã thiết lập rất nhiều mối quan

hệ trong đám thanh niên tư sản cấp tiến. Chi hội đầu tiên của Quốc tế ở I-ta-li-a - chi hội Na-plơ - ngay từ khi mới thành lập đã được đặt dưới sự lãnh đạo của những phần tử Đồng minh và tư sản ấy. Một trong những người sáng lập ra Đồng minh, luật sư Gam-bu-di<sup>1)</sup>, đã đưa "người công nhân mẫu mực" của mình là Ca-pô-ru-xô lên làm chủ tịch chi hội. Tại Đại hội Ba-lơ, Ba-cu-nin đồng tâm n

trong tư cách đại diện cho các hội viên Quốc tế ở Na-plơ, trong khi đó Pha-ne-li<sup>2)</sup>, một ông An-tô-ne-li của Đồng minh, đại biểu

---

1) "Một trong những người ủng hộ nhiệt tình nhất đối với Ca-pô-ru-xô là luật sư Các-lơ Gam-bu-di, luật sư này coi Ca-pô-ru-xô là một chủ tịch mẫu mực của chi hội Quốc tế. Ông ta đã cấp những món tiền cần thiết cho Ca-pô-ru-xô để đi họp Đại hội Ba-lơ. Khi đại hội của chi hội quyết định khai trừ Ca-pô-ru-xô, thì ông ta đã kiên quyết phản đối việc công bố sự kiện đó trong thông báo và còn thuyết phục bạn bè ông ta đừng cố đòi công bố một sự việc nhục nhã khác: chiếm đoạt 300 phrăng" (thư của Ca-phi-ê-rô, ngày 12 tháng Bảy 1871)<sup>340</sup>.

2) Pha-ne-li từ lâu đã là nghị sĩ của nghị viện I-ta-li-a. Có người hỏi về việc đó, Gam-bu-di tuyên bố rằng làm nghị sĩ là một việc hay lắm; việc đó khiến cho anh không bị cảnh sát xâm phạm đến và cho phép đi tất cả các tuyến xe lửa của nước I-ta-li-a không phải mất tiền. Đồng minh cấm công nhân tiến hành bất cứ hành động chính trị nào, bởi vì đòi hỏi bất cứ nhà

của các liên hiệp công nhân được tổ chức ngoài Quốc tế, đã bị mắc lại dọc đường vì bị đau ốm.

Sự gần gũi với đức cha hết sức thánh thiện đã làm mê mẩn đầu óc của Ca-pô-ru-xô can trường của chúng ta. Sau khi về đến Na-plơ, ông này tự cho mình cao hơn tất cả các phần tử Đồng minh khác; trong chi hội, ông ta cố tỏ ra là chủ nhân.

"Cuộc đi Ba-lơ đã làm cho Ca-pô-ru-xô hoàn toàn thay đổi... Từ đại hội trở về, ông ta đã mang theo những tư tưởng và ước vọng kỳ lạ, trái hẳn với những nguyên tắc của hội chúng ta. Thoạt đầu còn nhỏ nhỏ, sau thì oang lên, bằng một giọng hách dịch, ông ta nói về những thẩm quyền mà ông ta không có và không thể có; ông ta quả quyết rằng Tổng Hội đồng chỉ tín nhiệm một mình ông ta thôi và nếu như chi hội không nghe lời ông ta, ông ta có thẩm quyền giải tán chi hội và thành lập một chi hội mới" (báo cáo chính thức của chi hội Na-plơ gửi cho Tổng Hội đồng vào tháng Bảy 1871, do luật sư Các-mê-lô Pan-la-di-nô, thành viên của Đồng minh, thảo ra và ký tên.

Thẩm quyền của Ca-pô-ru-xô hiển nhiên là xuất phát từ uỷ ban trung ương Đồng minh, bởi vì Quốc tế chưa khi nào trao những thẩm quyền ấy cho ông ta. Ca-pô-ru-xô can trường

---

nước nào hạn chế thời gian lao động của phụ nữ và trẻ em đều có nghĩa là thừa nhận nhà nước và khuất phục trước nguồn gốc của tại hoạ; nhưng những người lãnh đạo tư sản của Đồng minh lại được sự khoan thứ của giáo hoàng cho phép họ ngồi trong nghị viện và hưởng những đặc quyền mà các nhà nước tư sản ban cho. Hoạt động vô thần và vô chính phủ của Pha-ne-li tại nghị viện I-ta-li-a cho đến nay chỉ đóng khung trong việc tán tụng khoa trương nhân vật cực quyền Mát-di-ni, phương châm của nhân vật này là "Dio e Popolo" ("thượng đế và nhân dân").

coi Quốc tế chỉ là nguồn kiếm lời cho cá nhân, cho nên đã bỏ nhiệm con rể của mình, nguyên là một tín đồ dòng Tên và là một linh mục,

"làm giáo sư của Quốc tế và bắt những công nhân bắt hạnh nghe những lời lẽ dài dòng của hắn nói về sự tôn trọng sở hữu và những điều nhảm nhí khác về kinh tế chính trị học tư sản" (thư của Ca-phi-ê-rô)<sup>1)</sup>.

Sau đó ông ta đã bán mình cho những nhà tư bản mà những thành công của Quốc tế ở Na-plơ đã làm cho họ lo lắng không yên. Theo lệnh của họ, ông ta đã lôi kéo những người thợ may các đồ bằng lông vào một cuộc đình công hoàn toàn vô vọng. Sau khi bị ngồi tù cùng với ba hội viên khác của chi hội, ông ta đã chiếm đoạt 300 phrăng do chi hội gửi đến cấp dưỡng cho bốn tù nhân. Những công trạng vinh quang ấy đã khiến cho ông ta bị khai trừ ra khỏi chi hội, một chi hội đã tồn tại cho đến khi bị giải tán bằng bạo lực (ngày 20 tháng Tám 1871). Nhưng Đồng minh sau khi tránh khỏi những cuộc truy nã của cảnh sát, đã lợi dụng tình hình đó để chiếm lấy vị trí của Quốc tế. Các-mê-lô Pa-la-di-nô đã gửi đi bản báo cáo chính thức mà chúng tôi đã trích dẫn ở trên - ngày 13 tháng Mười

1) Sau khi bị chống trả ở Na-plơ, Ca-pô-ru-xô hai năm sau đã không biết hổ thẹn cứ gán ép con người ấy cho Tổng Hội đồng, quảng cáo cho hắn như sau: "Thưa ông chủ tịch Quốc tế! Vấn đề to lớn của lao động và tư bản đã được thảo luận tại Đại hội đại biểu công nhân ở Ba-lơ và hiện giờ vẫn đang làm cho những nhà tư tưởng của tôi và các giải cấp của tôi, từ ngày này đến ngày kia quyết rồi. Con người đã hiến thân mình cho việc nghiên cứu một vấn đề phức tạp của vấn đề xã hội, đó là con rể của tôi, chồng của con gái tôi; sau khi nghiên cứu nghị quyết của đại hội nói trên và dựa vào sự giúp đỡ của khoa học, con người đó đã tìm thấy sợi chỉ của cái nút rối tung, đem lại khả năng xác lập một sự cân bằng hoàn toàn giữa gia đình công nhân và giai cấp tư sản phù hợp với quyền của mỗi bên" và v.v. (ký tên: Xtê-pha-nô Ca-pô-ru-xô)<sup>341</sup>.

một 1871, lại phản đối Hội nghị đại biểu Luân Đôn cũng bằng những lời lẽ và những luận cứ mà chúng ta thấy trong bản thông cáo Xông-vi-li-ê đề ngày tháng sớm hơn một hôm.

Vào tháng Mười một năm 1871, ở Mi-la-nô đã thành lập một chi hội gồm những phần tử thuộc rất nhiều màu sắc<sup>342</sup>. Ngoài công nhân ra - chủ yếu là những thợ máy do Cu-nô lôi kéo vào - trong chi hội đó còn có sinh viên, ký giả của những tờ báo nhỏ, công chức nhỏ hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Đồng minh. Cu-nô vì là gốc người Đức nên không được biết những bí mật của Đồng minh; song Cu-nô có thể biết chắc rằng sau cuộc hành hương đến Lô-các-nơ, cái thành La Mã ấy của những phần tử Đồng minh, bọn thanh niên tư sản ấy đã tổ chức thành một chi hội của hội kín. Chẳng bao lâu sau đó (tháng Hai năm 1872) Cu-nô bị bắt và bị cảnh sát I-ta-li-a trục xuất; nhờ sự giúp đỡ từ trên ấy, Đồng minh đã được tự do hành động và dần dần khống chế chi hội của Quốc tế ở Mi-la-nô.

Ngày 8 tháng Mười 1871, Hội liên hiệp công nhân<sup>343</sup> đã được thành lập ở Tu-rin; Hội liên hiệp này đã yêu cầu Tổng Hội đồng cho gia nhập Quốc tế. Thư ký hội, Các-lô Téc-xa-ghi, viết nguyên văn như sau: "Attendiamo i vostri ordini" - chúng tôi chờ *chỉ thị* của các đồng chí. Để chứng thực rằng Quốc tế ở I-ta-li-a ngay từ ban đầu đã phải đi qua các cấp quan liêu của Đồng minh, Téc-xa-ghi báo cáo rằng

"Tổng Hội đồng sẽ nhận được, thông qua Ba-cu-nin, bức thư của Hội liên hiệp công nhân Ra-ven-na tự tuyên bố là chi hội của Quốc tế".

Ngày 4 tháng Chạp, Các-lô Téc-xa-ghi báo cáo với Tổng Hội đồng rằng Hội liên hiệp công nhân bị chia rẽ, bởi vì phái đa số của Hội liên hiệp này là những phần tử Mát-di-ni, còn phái thiểu số thì đã thành lập một chi hội lấy tên là Hội giải phóng người vô sản. Téc-xa-ghi đã nhân cơ hội này xin Tổng Hội đồng cấp tiền cho tờ báo của mình "Proletario". Giúp tiền cho báo chí không phải là nhiệm vụ của Tổng

Hội đồng; nhưng ở Luân Đôn có một uỷ ban quyền góp tiền để giúp đỡ báo chí của Quốc tế. Uỷ ban đã định gửi một khoản tiền trợ cấp là 150 phrăng, thì khi đó tờ "Gazzettino Rosa" loan tin rằng chi hội Tu-rin đã công khai đứng về phía những người Giuy-ra và đã quyết định cử đại biểu đi dự đại hội đại biểu thế giới do Liên chi hội Giuy-ra triệu tập. Hai tháng sau, Téc-xa-ghi nói huênh hoang trước Rét-gi-xơ rằng sau khi tự mình nhận được tại Lô-các-nơ chỉ thị của Ba-cu-nin, thì ông ta mới thông qua quyết định ấy. Vì thái độ đối địch như vậy đối với Quốc tế, cho nên uỷ ban không gửi tiền cho.

Mặc dù Téc-xa-ghi cũng là cánh tay phải của Đồng minh ở Tu-rin, nhưng vị khâm sai thật sự của giáo hoàng ở đây là một người có tên là I-a-cô-bi tự xưng là bác sĩ Ba Lan. Để nói lên sự thù hằn của ông thầy thuốc này đối với cái gọi là chủ nghĩa toàn Đức của Tổng Hội đồng, ông thầy thuốc này của Đồng minh chỉ trích Tổng Hội đồng

"lơ là và không hoạt động gì cả trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ; Tổng Hội đồng có lỗi về sự diệt vong của Công xã, bởi vì Hội đồng không biết sử dụng lực lượng to lớn của mình để ủng hộ phong trào Pa-ri; những khuynh hướng thân Đức của Tổng Hội đồng là điều đang đập vào mắt, nếu như nhớ lại rằng dưới những bức thành Pa-ri lúc bấy giờ, trong đội quân Đức có 4 vạn hội viên Quốc tế" (!) "thế mà Tổng Hội đồng không thể hoặc là không muốn sử dụng ảnh hưởng của mình để ngăn chặn sự tiếp tục của chiến tranh" (!! - báo cáo của Rét-gi-xơ gửi Tổng Hội đồng ngày 1 tháng Ba 1872<sup>344</sup>).

Ông ta lẫn lộn Tổng Hội đồng với uỷ ban giúp đỡ báo chí, chỉ trích Tổng Hội đồng rằng từ chối gửi 150 phrăng cho Téc-xa-ghi, một hội viên của Đồng minh, như thế là Tổng Hội đồng "đi theo học thuyết của những chính phủ bị mua chuộc và đi mua chuộc". Để chứng minh việc khiêu tố ấy xuất phát từ đáy lòng của Đồng minh, Ghi-ôm cho rằng mình có nhiệm vụ nhắc lại việc khiêu tố ấy tại Đại hội La Hay.

Trong khi trên tờ báo của mình, Téc-xa-ghi công khai đánh

những tiếng trống của Đồng minh chống chủ nghĩa cực quyền, ông ta lại lén lút viết thư cho Tổng Hội đồng yêu cầu Tổng Hội đồng dùng quyền uy để từ chối nhận khoản hội phí của Hội liên hiệp Tu-rin và phải chiếu theo tất cả những quy tắc mà khai trừ nhà báo Bê-hen-li, một người thậm chí không phải là hội viên Quốc tế. Cũng chính Téc-xa-ghi, "bạn (amicone) của cảnh sát trưởng Tu-rin, người đã được cảnh sát trưởng thết đãi rượu Véc-mút trong các cuộc gặp gỡ" (báo cáo chính thức của Hội đồng liên chi hội Tu-rin ngày 5 tháng Tư 1872), đã tiết lộ tại hội nghị công khai về sự có mặt của Rét-gi-xơ, một người lưu vong, do Tổng Hội đồng phái đến Tu-rin. Sau khi nhận được sự chỉ điểm đó, cảnh sát lập tức bỏ đi theo dõi vết tích của Rét-gi-xơ; may nhờ có sự giúp đỡ của chi hội, Rét-gi-xơ mới vượt qua được biên giới.

Téc-xa-ghi đã hoàn thành được cái sứ mệnh Đồng minh của mình ở Tu-rin bằng cách như sau. Khi có những sự chỉ trích nặng nề đối với ông ta, "ông ta đã dọa đốt sổ sách của chi hội, nếu không bầu lại ông ta làm thư ký và nếu chi hội không phục tùng ông ta và thừa nhận quyền uy của ông ta hoặc khiển trách ông ta. Trong tất cả những trường hợp như vậy, ông ta đều dọa báo thù vì ông ta đã trở thành mật vụ của cảnh sát (questurino)" (báo cáo của Hội đồng liên chi hội ở Tu-rin, đã dẫn ở trên). Téc-xa-ghi có đủ mọi lý do để tìm cách làm cho chi hội sợ hãi. Với tư cách là thủ quỹ và thư ký, ông ta tiến hành những vụ tham ô tiền quỹ quá lớn theo kiểu Đồng minh. Mặc dù Tổng Hội đồng đã kiên quyết nghiêm cấm, ông ta vẫn tự quy định cho mình một khoản tiền lương 90 phrăng; ông ta ghi vào sổ sách kế hoạch những món tiền chưa chi nhưng không còn trong quỹ nữa, thành những món tiền đã chi. Bản cân đối thu chi do ông ta lập ra ghi rõ tiền mặt tồn quỹ còn 56 phrăng, nhưng trên thực tế chẳng thấy đâu cả, và ông ta cũng không chịu bồi thường số tiền đó, đồng thời ông ta cũng không chịu thanh toán số hội phí của hai trăm cuốn sổ hội phí mà Tổng Hội đồng đã giao cho. Hội nghị

toàn thể đã nhất trí đuổi (scaccio) ông ta ra (báo cáo đã dẫn ở trên). Đồng minh luôn luôn tôn trọng sự tự trị của các chi hội, đã phê chuẩn việc khai trừ đó, nhưng lại lập tức tìm cách bầu Téc-xa-ghi làm hội viên danh dự của chi hội Phlo-ren-ti, và sau đó ít lâu lại bầu làm đại biểu của chi hội này tại hội nghị đại biểu Ri-mi-ni.

Mấy hôm sau, trong thư đề ngày 10 tháng Ba Téc-xa-ghi đã giải thích như sau cho Tổng Hội đồng rõ về việc ông ta bị khai trừ: ông ta không muốn làm hội viên và thư ký của cái chi hội của những tên vô lại và mặt vụ ấy (canaglia et mardoheria), bởi vì chi hội đó "gồm những tên tay sai chính phủ và những phần tử Mát-di-ni", và bởi vì người ta tìm cách khiển trách ông ta - "các anh có biết vì sao không? - vì tôi tuyên truyền cuộc chiến tranh chống tư bản đầy mà!" (cái cuộc chiến tranh mà ông ta thực hiện trong quỹ tiền của chi hội). Bằng bức thư đó, ông ta muốn chứng minh rằng Tổng Hội đồng đã lầm lẫn một cách kỳ lạ trong việc đánh giá ông Téc-xa-ghi can trường, một kẻ không muốn gì khác hơn là trở thành người đầy tớ ngoan ngoãn của Tổng Hội đồng. Ông ta há "chẳng đã luôn luôn tuyên bố rằng muốn làm hội viên Quốc tế thì phải nạp hội phí cho Tổng Hội đồng", - bất chấp chỉ thị bí mật của Đồng minh, đó sao?

"Nếu chúng tôi ủng hộ đại hội đại biểu Giuy-ra, thì không phải là để tuyên chiến với các anh, thưa những người bạn thân thiết, chúng tôi chỉ theo dòng nước mà bơi đi đó thôi; chúng tôi cố sức đem lại sự hoà giải và giải quyết sự xung đột. Còn nói về việc thực hiện chế độ tập trung đối với các chi hội, nhưng không làm cho các chi hội đó mất đi một sự tự trị nào đó vốn có của các chi hội, thì tôi thấy chế độ tập trung đó hết sức có ích". - "Tôi hy vọng rằng Hội đồng tối cao sẽ bác bỏ việc chấp nhận Hội liên hiệp công nhân theo Mát-di-ni; các anh hãy tin rằng không một ai dám buộc tội các anh về chủ nghĩa cực quyền; tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về điều đó... Tôi muốn có, nếu có thể, một bản tiểu sử chính xác của Các Mác, ở I-ta-li-a chúng tôi không có bản tiểu sử đúng thật của Mác, và tôi muốn là người đầu tiên được hưởng vinh dự đó".

Vậy thì tất cả sự xu nịnh đó là để làm gì?

"Không phải vì tôi, mà là vì sự nghiệp, để không nhường chỗ cho vô số kẻ thù của tôi, để chứng minh cho họ biết rằng Quốc tế đoàn kết chặt chẽ, tôi khẩn khoản xin các anh, nếu chưa muộn, gửi cho tôi khoản trợ cấp 150 phrăng mà Hội đồng tối cao đã quyết định cấp cho tôi".

Tin chắc rằng mình không bị trừng phạt, Téc-xa-ghi hình như lại dùng những xảo kế mới tự đặt mình vào một tình cảnh không còn ai chịu nổi ở Phlo-ren-xi-a khiến cho ngay cả Fascio Operaio<sup>1\*</sup> cũng buộc phải đoạn tuyệt với ông ta. Chúng tôi hy vọng rằng uỷ ban Giuy-ra sẽ có thể đánh giá tốt hơn về những công lao của ông ta.

Nếu Đồng minh nhận thấy Téc-xa-ghi là người đại diện chân chính của mình, thì Đồng minh cũng coi xứ Rô-ma-nhơ là cái mảnh đất thích hợp nhất đối với nó. Đồng minh đã lập ra tại đấy một nhóm những chi hội của nó tự mạo nhận là những chi hội Quốc tế; quy tắc thứ nhất của những chi hội ấy là: không phục tùng Điều lệ chung, không báo cáo sự ra đời của chúng và không nộp hội phí cho Tổng Hội đồng. Đó là những chi hội tự trị thật sự. Chúng lấy tên là "Hội liên hiệp công nhân" và tạo thành những trung tâm tập hợp các đoàn thể công nhân. Đối với câu hỏi:

"Có nên vì lợi ích chung và để bảo đảm sự tự trị hoàn toàn của "Hội liên hiệp công nhân", đặt nó dưới sự phục tùng, sự lãnh đạo của Uỷ ban trung ương Luân Đôn hoặc uỷ ban Giuy-ra, hay là cần phải giữ vững tính độc lập hoàn toàn, đồng thời duy trì sự liên hệ với cả hai uỷ ban đó?"

- đối với câu hỏi đó, đại hội đại biểu lần thứ nhất của họ, họp tại Bô-lô-nhơ ngày 17 tháng Ba 1872, đã đáp lại bằng nghị quyết sau đây:

"Đại hội coi Tổng Hội đồng Luân Đôn và Uỷ ban Giuy-ra chỉ là những

1\* - Hội liên hiệp công nhân

cục thông tin và thống kê đơn thuần mà thôi. Đại hội uỷ nhiệm cho cơ quan đại diện địa phương của mình ở Bô-lô-nhơ liên hệ với cả hai cơ quan đó và báo cáo kết quả cho các chi hội biết".

"Hội liên hiệp công nhân" thật sự là sơ suất quá chừng, vì đã để lộ ra sự tôn tại kín đáo của trung tâm bí mật Đồng minh cho những hội viên không thân tín biết. Uỷ ban Giuy-ra buộc phải công khai phủ nhận hoạt động bí mật của mình. - Còn về Tổng Hội đồng, thì cơ quan đại diện Bô-lô-nhơ chưa hề bao giờ cho Hội đồng biết về mình.

Khi Đồng minh vừa biết được việc triệu tập Đại hội La Hay, thì nó đã đưa "Hội liên hiệp công nhân" của mình ra trước sân khấu; vì cái quyền uy tự trị hay là vì sự tự trị cực quyền chủ nghĩa của mình mà "Hội liên hiệp công nhân" này đã chiếm lấy danh hiệu Liên chi hội I-ta-li-a và triệu tập hội nghị đại biểu vào ngày 5 tháng Tám ở Ri-mi-ni. Trong số 21 chi hội có đại biểu ở Ri-mi-ni, chỉ có một chi hội Na-plơ lúc bấy giờ đã gia nhập Quốc tế, còn không có một chi hội nào trong số những chi hội thực sự tích cực của Quốc tế, ngay cả chi hội Mi-la-nô, lại có đại biểu ở đấy. Hội nghị đại biểu này đã để lộ kế hoạch của cuộc vận động do Đồng minh vạch ra, qua nghị quyết sau đây:

"Xét rằng: Hội nghị đại biểu Luân Đôn (tháng Chín 1871) thông qua nghị quyết IX của mình đã tìm cách áp đặt cho toàn thể Hội liên hiệp công nhân quốc tế học thuyết cực quyền chủ nghĩa, là học thuyết của *Đảng Cộng sản Đức*;

Tổng Hội đồng là người cố vũ và bảo vệ việc làm đó;

học thuyết của *những người cộng sản cực quyền chủ nghĩa* là sự phủ nhận tình cảm cách mạng của giai cấp vô sản I-ta-li-a.

Tổng Hội đồng đã dùng những thủ đoạn xấu xa nhất, như vu khống và lừa bịp, nhằm mục đích duy nhất là áp đặt cho toàn thể Hội liên hiệp quốc tế

cái học thuyết *cực quyền - cộng sản chủ nghĩa* riêng của mình;

Tổng Hội đồng đã đưa hành vi xấu xa của mình đến tột đỉnh khi đưa ra bản thông cáo nội bộ ngày 5 tháng Ba 1872 ở Luân Đôn, trong đó nó vẫn tiếp tục công việc vu khống và lừa bịp, đồng thời phơi bày tất cả lòng khao khát quyền lực của nó, đặc biệt là trong hai đoạn đáng chú ý sau đây:

*"Khi không có một quyền uy được thừa nhận một cách tự nguyện nào khác thì thật khó mà chấp hành nghị quyết nếu không có quyền uy về mặt "đạo đức" ("Thông cáo nội bộ", tr.27<sup>1</sup>);*

*"Tổng Hội đồng dự định yêu cầu đại hội kỳ sắp tới phải điều tra hoạt động của cái tổ chức bí ẩn này và những người cố vũ tổ chức đó trong một số nước ở Tây Ban Nha chẳng hạn"(tr.31<sup>2</sup>);*

rằng tinh thần phản động của Tổng Hội đồng đã gây nên sự phẫn nộ cách mạng của người Bỉ, người Pháp, người Tây Ban Nha, người Xla-vơ, người I-ta-li-a và một bộ phận người Thụy Sĩ và khiến cho người ta phải đề nghị bãi bỏ Tổng Hội đồng và xét lại Điều lệ chung;

Tổng Hội đồng không phải ngẫu nhiên mà triệu tập Đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp ở La Hay, một địa điểm xa xôi nhất đối với các nước cách mạng ấy.

*Căn cứ vào tất cả những điều đó*

hội nghị đại biểu long trọng tuyên bố trước công nhân toàn thế giới rằng kể từ lúc này Liên chi hội I-ta-li-a của Hội liên hiệp công nhân quốc tế đoạn tuyệt mọi sự đồng tình với Tổng Hội đồng Luân Đôn, đồng thời xác nhận sự đoàn kết về mặt kinh tế với toàn thể công nhân và đề nghị tất cả những chi hội nào không tán thành những nguyên tắc cực quyền chủ nghĩa của Tổng Hội đồng, vào ngày 2 tháng Chín 1872 hãy cử đại biểu của mình đến Nơ-sa-ten (Thụy Sĩ), chứ không phải đến La Hay, để mở đại hội đại biểu chung chống cực quyền chủ nghĩa vào ngày đó.

Ri-mi-ni, ngày 6 tháng Tám 1872. Thay mặt hội nghị đại biểu: chủ tịch - Các-lô-ca-phi-e-rô, thư ký - An-drê-a Cô-xta".

1\* Xem tập này, tr.53.

2\* Xem tập này, tr.60.

Mưu toan đưa "Hội liên hiệp công nhân" ra thay thế Tổng Hội đồng đã bị thất bại hoàn toàn. Thậm chí Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha, một bộ phận bình thường của Đồng minh, cũng không dám đem nghị quyết đã được thông qua ở Ri-mi-ni ra cho các hội viên Quốc tế ở Tây Ban Nha biểu quyết. Nên chăng, để sửa chữa sự thất cách của mình, Đồng minh cũng đều tham gia Đại hội La Hay, nhưng đồng thời vẫn không cự tuyệt việc triệu tập đại hội đại biểu chống chủ nghĩa cực quyền họp tại Xanh-I-mê.

I-ta-li-a trở thành miền đất hứa của Đồng minh chỉ là do ơn trời đặc biệt. Giáo hoàng Mi-kha-in để lộ bí mật ấy cho chúng ta trong bức thư của ngài gửi Mô-ra ("Văn kiện", số 3):

"Ở I-ta-li-a có cái mà các nước khác còn thiếu: lớp thanh niên sôi nổi, kiên quyết, *hoàn toàn thoát ra khỏi quỹ đạo thông thường, không có triển vọng bước lên con đường danh vọng, không nhìn thấy lối ra*, lớp thanh niên mà mặc dù xuất thân từ giai cấp tư sản, nhưng về mặt đạo đức và trí tuệ chưa mòn mỏi đến mức độ như là tầng lớp thanh niên tư sản của các nước khác. Hiện giờ, họ chẳng suy nghĩ gì cả, cứ lao mình vào chủ nghĩa xã hội cách mạng, tiếp thu *toàn bộ cương lĩnh chúng ta*, tức cương lĩnh của Đồng minh. Mát-di-ni, một đối thủ *Thiên tài* (sic) "và mạnh mẽ của chúng ta, đã chết rồi, đảng Mát-di-ni đã hoàn toàn tan rã, còn Ga-ri-ban-đi ngày càng chịu ảnh hưởng của cái lớp thanh niên mang tên ông ta, nhưng họ đang đi, hay nói đúng hơn, đang chạy xa hơn ông ta vô cùng"<sup>1)</sup>.

1) Về điều đó, chính bản thân Ga-ri-ban-đi nói như thế này: "Crê-si-ô thân thiết của tôi! Xin nhiệt liệt cảm ơn về tờ báo "Avvenire Sociale" mà Ngài đã gửi cho tôi và tôi sẽ đọc một cách thích thú. Ngài muốn tiến hành, trên tờ báo ấy, cuộc chiến tranh chống sự nói dối và vô địch; đó là một chương trình hay lắm. Nhưng tôi cho rằng đấu tranh chống nguyên tắc quyền uy là một trong những sai lầm của Quốc tế, nó ngăn cản thắng lợi của Quốc tế. Công xã Do-â-ni ở đây đã thất bại là vì ở Do-â-ni không có một chính quyền nào có quyền uy, mà chỉ có một tình trạng vô chính phủ mà thôi. Tây Ban Nha và Pháp đang đau khổ vì cái tai hoạ đó. Xin chúc tờ "Avvenire" thu được thắng lợi và tôi vẫn là G.Ga-ri-ban-đi của Ngài".

Đức thánh cha đã nói đúng. Ở I-ta-li-a Đồng minh không phải là "Hội liên hiệp công nhân", mà là một lũ những phần tử thoái hóa giai cấp. Tất cả những chi hội Quốc tế giả ấy ở I-ta-li-a được lãnh đạo bởi những luật sư không có khách hàng, những thầy thuốc không có con bệnh và không có tri thức, những sinh viên đánh bi-a, những kẻ đi chào hàng và những viên chức thương nghiệp khác, mà còn chủ yếu là bởi những nhà báo của những tờ báo nhỏ với tiếng tăm ít nhiều đáng ngờ. Nước I-ta-li-a là một nước duy nhất mà ở đấy báo chí của Quốc tế, hoặc là thứ báo chí tự xưng như vậy, mới có được cái tính chất vốn có của tờ báo "Figaro". Chỉ cần qua nét chữ của các vị thư ký của những chi hội giả này, cũng đủ thấy rõ những nét chữ ấy luôn luôn làm lộ ra người viên chức bàn giấy hoặc người viết lách chuyên nghiệp. Sau khi chiếm lấy mọi chức vụ chính thức trong các chi hội bằng cách như vậy rồi thì mỗi khi công nhân I-ta-li-a muốn đặt quan hệ với nhau hoặc với các hội đồng khác của Quốc tế, thì Đồng minh có thể buộc họ phải nhờ đến sự giúp đỡ của những hội viên thoái hoá giai cấp của Đồng minh, những kẻ coi Quốc tế là "con đường danh vọng" và "lối thoát".

## VI ĐỒNG MINH Ở PHÁP

Số hội viên của Đồng minh ở đây không nhiều lắm, song hết sức sốt sắng. Ở Ly-ông, những nhân vật lãnh đạo Đồng minh là An-béc Ri-sác và Ga-xpác Bläss; ở Mác-xây, người lãnh đạo Đồng minh là Ba-xtê-li-ca; cả ba người này đều là những cộng tác viên tích cực của những tờ báo do Ghi-ôm chủ biên. Chính là nhờ những người này mà vào tháng Chín năm 1870 Đồng minh đã phá hoại được phong trào Ly-ông; trong con mắt của họ, phong trào này chỉ có ý nghĩa là làm cho Ba-cu-nin có thể ban bố sắc lệnh đáng được ghi nhớ của ông ta về việc xoá bỏ nhà nước. - Hoạt động của Đồng minh, sau khi cuộc khởi nghĩa Ly-ông bị thất bại, đã được mô tả rất hay trong đoạn văn sau đây trích trong bức thư của Ba-xtê-li-ca (Mác-xây, ngày 13 tháng Chạp 1870):

"Sức mạnh thực tế của chúng ta trong công nhân to lớn lắm; song kể từ khi có những vụ truy nã gần đây, chi hội của chúng ta chưa được tổ chức lại. Chúng ta không dám làm việc đó vì sợ rằng *trong tình hình thiếu lãnh đạo, người ta có thể bị tan rã tinh thần*. Chúng ta hãy chờ đợi".

Ba-xtê-li-ca đã bị ghi tên vào trung đoàn hành quân và có thể bị điều đi khỏi Mác-xây bất cứ lúc nào, đó là lý do đầy đủ để ông ta không cho phép tổ chức lại chi hội của Quốc tế: ông ta cho rằng sự có mặt của những người lãnh đạo Đồng minh là điều hết sức cần thiết đối với sự tự trị của chi hội. - Kết quả rõ rệt nhất của hoạt động của Đồng minh là việc làm cho Quốc tế - mà bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu ông ta tuồng như cũng là

người đại diện - mất hết uy tín trong con mắt của công nhân Ly-ông và Mác-xây.

Kết cục của Ri-sác và Bläss thì ai cũng đều biết. Mùa thu năm 1870, họ xuất hiện ở Luân Đôn và mưu đồ chiêu tập trong đám kiều dân Pháp những tên tay chân giúp sức cho việc khôi phục Bô-na-pác-tơ. Vào tháng Giêng năm 1872, họ xuất bản một tập sách nhỏ: An-béc Ri-sác và Ga-xpác Bläss. "*Nền đế chế và nước Pháp mới. Nhân dân và thanh niên kêu gọi lương tâm của người Pháp*". Bruy-xen, 1872<sup>345</sup>.

Bằng một giọng khiêm tốn vốn có của những kẻ bịp bợm trong Đồng minh, họ tuyên bố:

"Chúng tôi, những người đã tổ chức đội quân vĩ đại của giai cấp vô sản Pháp..., chúng tôi, những lãnh tụ có uy tín của Quốc tế ở nước Pháp..., chúng tôi may mắn không bị bắn, và chúng tôi đang ở đây để, trước mắt họ (*những nghị sĩ hiệu danh, những người cộng hòa về no nê bụng phê, những người dân chủ giả hiệu đủ loại*) dựng lên ngọn cờ mà chúng ta đang chiến đấu dưới bóng của nó, và bất chấp vu khống, dọa dẫm và đủ loại luận điệu công kích đang chờ đợi chúng ta, để thét lên với châu Âu đầy kinh ngạc tiếng hô phát ra từ sâu thẳm của ý thức chúng ta, một tiếng hô sẽ được hưởng ứng rất nhanh chóng trong lòng tất cả những người Pháp: **Hoàng đế vạn tuế!**"

Chúng ta sẽ không xem xét vấn đề: hai hội viên ấy của Đồng minh do "sự phát triển tự nhiên của tư tưởng của mình" mà trở thành những người ủng hộ nền đế chế, trên thực tế có phải họ chỉ là "những thằng vô hại" thông thường mà thôi, như người bạn trước kia của họ đã gọi họ ở La-Hay, hay là họ được vị giáo hoàng của Đồng minh giao nhiệm vụ đặc biệt là gia nhập hàng ngũ bọn mật vụ Bô-na-pác-tơ. Những văn kiện của Đồng minh ở nước Nga đang phơi trần - phù hợp với điều lệ bí mật - bí mật của những bí mật của cái hội bí ẩn này; dưới đây chúng tôi sẽ trích dẫn một số đoạn trong những văn kiện đó, những văn kiện đó nói thẳng ra rằng những người anh em quốc tế phải thâm nhập vào khắp mọi nơi và thậm chí có thể được lệnh đi



phục vụ cho cảnh sát. Song, hai người anh em này tôn sùng vị hoàng đế nông dân của mình cũng chẳng bằng Ba-cu-nin tôn sùng ông hoàng đế nông dân của ông ta năm 1862.

Trong những thành phố nào của nước Pháp không có hội viên Đồng minh thâm nhập, thì Quốc tế phát triển rất nhanh kể từ khi Công xã thất bại. Tại Đại hội La Hay, thư ký về nước Pháp<sup>1\*</sup> đã có thể báo cáo rằng Quốc tế đã có tổ chức của mình tại hơn ba mươi tỉnh. Hai thông tin viên chủ yếu của Đồng minh chuyên trách về nước Pháp là Bê-nu-a Ma-lông và Giuy-lơ Ghết (người thứ hai đã ký tên vào bản thông báo Xông-vi-li-ê) biết rõ sự phát triển nhanh chóng ấy của Hội liên hiệp chúng ta, đã tìm cách phá Hội liên hiệp chúng ta để làm lợi cho Đồng minh. Khi thư của họ không mang lại hiệu quả mong đợi, họ đã cử những phái viên đi, trong đó có một người Nga nào đó tên là Mếch-ni-cốp; nhưng mưu đồ của họ chẳng đem lại kết quả gì cả. Cũng chính những người đã chỉ trích một cách xằng bậy Tổng Hội đồng rằng Hội đồng ngăn trở công nhân:

"tự tổ chức lại trong mỗi nước một cách tự do, một cách tự phát, phù hợp với đặc điểm, tinh thần và tập quán địa phương" (thư của Ghết ngày 22 tháng Chín 1872)<sup>346</sup>, -

chính những người đó đã nói với công nhân - khi công nhân vừa mới bắt đầu tổ chức lại một cách tự do, một cách tự phát v.v., nhưng hoàn toàn nhất trí với Tổng Hội đồng - rằng những người Đức đang ngồi trong Hội đồng đang áp bức họ, rằng ngoài cái giáo hội chống cực quyền chủ nghĩa chính thống của những người đó ra, không có phương cách gì cứu vãn được. Công nhân Pháp chỉ cảm thấy ách áp bức của những phần tử Véc-xay, cho nên đã chuyển bức thư đó cho Tổng Hội đồng, đồng thời hỏi Tổng Hội đồng xem tất cả điều đó là như thế nào.

Hoạt động ấy của Đồng minh tại Pháp là bằng cứ tốt nhất chứng tỏ rằng một khi Đồng minh mất hết hy vọng bắt Quốc

tế phục tùng mình, thì Đồng minh bắt đầu chống lại Quốc tế. Hễ chi hội nào không phục tùng sự lãnh đạo của nó, đều bị nó coi như kẻ thù, thậm chí là kẻ thù lớn hơn giai cấp tư sản. *Ai không đi cùng với chúng ta, kẻ đó chống lại chúng ta*, - đó là một nguyên tắc mà Đồng minh công khai tuyên bố trong những tuyên ngôn tiếng Nga của mình. Đối với nó những thành công của phong trào chung là một điều bất hạnh, nếu phong trào đó không ngoan ngoãn cúi đầu dưới ách áp bức bè phái chủ nghĩa của nó. Và chính vào lúc giai cấp công nhân Pháp trước hết cần đến một tổ chức dưới bất cứ hình thức nào, thì Đồng minh lại ra tay giúp Chi-e và nghị viện địa chủ, bằng cách tuyên chiến với Quốc tế.

Bây giờ chúng ta hãy xem ai là những tên tay sai của Đồng minh trong cái chiến dịch của Đồng minh ủng hộ những phần tử Véc-xay.

Ở Mông-pen-li-e, người đại diện của ông Ghết là Pôn Brau-xơ nào đó, một sinh viên y khoa, đã cố sức tiến hành công tác tuyên truyền của Đồng minh trong khắp tỉnh Ê-rô, nơi trước đây Ghết đã chủ biên tờ báo "Droits de l'Homme"<sup>347</sup>. Không lâu trước Đại hội La Hay, khi mà các hội viên của Quốc tế ở miền Nam nước Pháp bàn định góp tiền để cử một đại biểu chung đi dự đại hội, thì Brau-xơ đã mưu toan thuyết phục chi hội Mông-pen-li-ê không góp phần mình và không phát biểu ý kiến chừng nào đại hội chưa giải quyết những vấn đề đang tranh cãi. Ủy ban miền Nam nước Pháp - chi hội Mông-pen-li-ê quyết định yêu cầu đại hội khai trừ Brau-xơ ra khỏi Quốc tế vì Brau-xơ đã "hành động một cách không trung thực, gây chia rẽ trong chi hội". Trong bản tin gửi đi từ La Mã cho tờ báo "Liberté"<sup>348</sup> vào tháng Mười, bạn của Brau-xơ là Ghết đã buộc tội đó là một sự mưu hại có tính chất cực quyền chủ nghĩa chống lại Brau-xơ và, trong bản tin ấy, đã gọi thẳng Ca-la-xơ ở Mông-pen-li-ê là một tên xúi giục, trong khi đó chỉ viết tắt tên của Brau-xơ. Cảnh sát đã lợi dụng sự phát giác ấy, bèn bố trí theo dõi Ca-la-xơ và ngay sau đó đã chụp được tại sở

1\* - Ô.Xê-rai-ơ

bưu điện bức thư của Xê-rai-ơ gửi Ca-la-xơ, trong thư nói rất nhiều về Đen-tơ-rê-gơ ở Tu-lu-dơ. ngày 24 tháng Chạp Đen-tơ-rê-gơ bị bắt.

Những người giúp sức tích cực nhất cho Đồng minh ở Nác-bon-nơ là Gôn-dre-xơ - bị vạch mặt là mật vụ; Ba-ca-vơ đã đảm nhiệm chức trách mật vụ cảnh sát ở Nác-bon-nơ và Péc-pi-nhi-an; Đơ Xanh-Mác-tin - luật sư, thông tin viên của Ma-lông. Ông Đơ Xanh-Mác-tin vào năm 1866 đã chạy ngược chạy xuôi xin một chỗ làm trong Bộ hoàng cung và mỹ thuật. Năm 1869, khi ông ta bị xử phạt 800 phrăng vì vi phạm luật báo chí, những phần tử đảng cộng hòa đã góp tiền để nộp phạt cho ông ta; lẽ ra Đơ Xanh-Mác-tin dùng tiền ấy để nộp phạt, thì lại dùng tiền ấy đi chơi Pa-ri một chút bằng tiền của công nhân, những công nhân này vì muốn tránh chuyện âm ỉ, nên đã phải đóng góp thêm một lần nữa. Chẳng bao lâu sau sự kiện tháng Năm năm 1871, chính ông Xanh - Mác-tin này đã kiếm được chức vụ phó quận trưởng trong Chính phủ Véc-xay.

Đây còn một tên tay sai nữa của Đồng minh: tháng Mười một năm 1871 Ca-la-xơ đã viết cho Xê-rai-ơ.

"Ngài có thể tin vào lòng trung thành tuyệt đối của ông A-ben Bau-xơ đối với sự nghiệp xã hội, ông này... là chủ tịch của uỷ ban xã hội chủ nghĩa ở Bê-di-e".

Sau hai ngày, ngày 13 tháng Mười một, Xê-rai-ơ nhận được một bản tuyên bố như sau:

"Chúng ta đã thấy rõ... rằng người bạn chung của chúng ta, ông Ca-la-xơ, đã bị lầm khi tin vào ông Bau-xơ, chủ tịch uỷ ban bầu cử ở Bê-di-e, một người hoàn toàn không đáng tin cậy như vậy vì Bau-xơ là thư ký của cảnh sát trưởng ở Bê-di-e... sau khi thoả thuận với ông Ca-la-xơ là người đã thừa nhận sai lầm mà ông là nạn nhân, chúng tôi yêu cầu ông Xê-rai-ơ coi bức thư gần đây của ông Ca-la-xơ đã gửi cho ông cách đây không lâu là vô giá trị và ngoài ra còn yêu cầu ông ta nếu có thể thì tìm cách khai trừ ông Bau-xơ ra khỏi Quốc tế. Theo sự uỷ nhiệm của phái dân chủ xã hội chủ nghĩa Bê-di-e và Pê-dê-nác" (tiếp theo là các chữ ký).

Căn cứ theo bản tuyên bố đó, Xê-rai-ơ đã vạch trần, trên tờ báo Tu-lu-dơ "Emancipation" (ngày 19 tháng Chạp 1871), ông Bau-xơ này là mật vụ của cảnh sát. - Trong bức thư đề: "Nác-bon-nơ, ngày 29 tháng Bảy 1872", có chỉ rõ rằng ông Bau-xơ

"kiêm nhiệm chức đội trưởng cảnh sát và chức đại diện lưu động của các phần tử chia rẽ Giơ-ne-vơ".

Vì vậy, tờ "Bulletin jurassien" ngày 10 tháng Mười một 1872 đã bào chữa cho ông ta là điều hoàn toàn tự nhiên<sup>349</sup>.

## VII

## ĐỒNG MINH SAU ĐẠI HỘI LA HAY

Như mọi người đều biết, trong một phiên họp cuối cùng của Đại hội La Hay, mười bốn đại biểu thuộc phái thiểu số đã ra một bản tuyên bố phản đối những nghị quyết đã được thông qua. Phái thiểu số này gồm những đại biểu sau đây: bốn người Tây Ban Nha, năm người Bỉ, hai người Giuy-ra, hai người Hà Lan và một người Mỹ.

Sau khi đã thoả thuận lại Bruy-xen với người Bỉ về những nguyên tắc cơ bản của việc này là cùng nhau chống lại Tổng Hội đồng mới, những người Giuy-ra và những người Tây Ban Nha đã đến Xanh-I-mê, Thụy Sĩ, tham gia Đại hội chống chủ nghĩa cực quyền của Đồng minh triệu tập dựa vào bọn lâu la của nó tại Ri-mi-ni.

Đại hội đại biểu Liên chi hội Giuy-ra đã họp trước đại hội đó, đã bác bỏ những nghị quyết La Hay và đặc biệt là nghị quyết khai trừ Ba-cu-nin và Ghi-ôm. Do đó, Liên chi hội đã bị Tổng Hội đồng tạm thời khai trừ.

Tại Đại hội chống chủ nghĩa cực quyền, Đồng minh đến họp đầy đủ. Ngoài người Tây Ban Nha và người Giuy-ra ra, ở đây còn có sáu đại biểu đại diện cho nước I-ta-li-a, trong đó có Cô-xta, Ca-phi-ê-rô, Pha-ne-li và bản thân Ba-cu-nin. Hai đại biểu tự xưng là đại diện của "một số chi hội Pháp", một đại biểu tự xưng là đại diện của chi hội Mỹ. Tất cả là mười lăm thành viên của Đồng minh. Đại hội này rốt cuộc đã đem lại cho Ba-cu-nin "tất cả những bảo đảm đưa ra một bản án vô tư và nghiêm túc"; cố nhiên, một

không khí hoàn toàn nhất trí đã bao trùm lên hội nghị. Những người này, mà trong đó có cả một nửa không thuộc Quốc tế, đã chiếm lấy danh hiệu của toà án tối cao mang sứ mệnh ra một bản án chung thẩm đối với những hành động của đại hội đại biểu toàn hội liên hiệp chúng ta. Họ tuyên bố kiên quyết bác bỏ tất cả những nghị quyết của Đại hội La Hay và quyết không thừa nhận những thẩm quyền của Tổng Hội đồng mới, do Đại hội này cử ra. Cuối cùng, họ nhân danh những liên chi hội của mình ký kết - mặc dù họ chẳng có quyền hành gì làm việc đó - một liên minh tiến công và phòng ngự - "Điều ước hữu nghị, đoàn kết và bảo vệ lẫn nhau"<sup>350</sup> - chống lại Tổng Hội đồng và tất cả những ai thừa nhận nghị quyết La Hay. Trong nghị quyết sau đây, một bản nghị quyết trực tiếp lên án Công xã Pa-ri, họ đã đề ra một định nghĩa cho chủ nghĩa vô chính phủ không tham gia chính trị của mình:

"Đại hội tuyên bố: 1) nghĩa vụ hàng đầu của giai cấp vô sản là phá huỷ mọi chính quyền; 2) bất cứ tổ chức chính quyền nào, dù là chính quyền tưởng như thể là tạm thời và cách mạng có mục đích thực hiện sự phá huỷ đó, chẳng qua cũng chỉ là một sự lừa bịp mới, và cũng sẽ nguy hiểm cho giai cấp vô sản, như là tất cả các chính phủ hiện đang tồn tại".

Cuối cùng họ quyết định kêu gọi các liên chi hội tự trị khác nhau tham gia *điều ước* mới và triệu tập, sau nửa năm, một đại hội đại biểu thứ hai chống chủ nghĩa cực quyền.

Như vậy, sự chia rẽ trong Quốc tế đã được tuyên bố. Kể từ lúc đó, uỷ ban Giuy-ra đã công khai nắm lấy sự lãnh đạo công việc của các phần tử chia rẽ. Bộ phận Quốc tế đi theo nó cũng chỉ là Đồng minh công khai cũ đã được khôi phục lại và là bình phong và công cụ của Đồng minh bí mật.

Sau khi trở về Tây Ban Nha, bốn người con Ê-môn của Đồng minh Tây Ban Nha đã công bố một bản tuyên ngôn đầy rẫy sự vu khống đối với Đại hội La Hay và tán dương Đại hội Xanh-I-mê. Hội đồng liên chi hội đã ủng hộ bài phỉ báng ấy và theo lệnh

của trung tâm Thụy Sĩ đã triệu tập tại Coóc-dô-va ngày 5 tháng Chạp 1872, đại hội đại biểu Tây Ban Nha mà lẽ ra phải đến tháng Tư 1873 mới họp. Về phía mình, trung tâm Thụy Sĩ cũng vội vã tỏ rõ cho tất cả mọi người thấy địa vị phục tùng của hội đồng này đối với nó: Ủy ban Giuy-ra đã qua mặt Hội đồng Tây Ban Nha gửi cho tất cả các liên chi hội địa phương ở Tây Ban Nha những nghị quyết đã được thông qua tại Xanh-I-mê.

Tại Đại hội đại biểu ở Coóc-dô-va trong số 101 liên chi hội (con số chính thức do Hội đồng Liên chi hội đưa ra) chỉ có 36 liên chi hội cử đại biểu tham gia đại hội; bởi vậy, đại hội này là một đại hội hoàn toàn thật sự của phái thiểu số. Những liên chi hội mới thành lập cách đây không lâu đã cử đi rất nhiều đại biểu; Liên chi hội An-côi-e đã cử đi sáu đại biểu, tuy rằng liên chi hội này trước kia chưa bao giờ cử đại biểu tham gia Đại hội Tây Ban Nha; thậm chí trong thời gian Đại hội La Hay, nó vẫn chưa tồn tại, bởi vì nó chưa hề bỏ một lá phiếu nào bầu đoàn đại biểu Tây Ban Nha và cũng chưa hề nộp một xăng-tim nào cả. Những liên chi hội lớn và hoạt động tích cực như Gra-xi-a (500 hội viên), Ba-đa-lon (500 hội viên), Xa-ba-đen (125), Xan-xơ (1061), đã chơi trội bằng sự vắng mặt. Trong danh sách bốn mươi tám đại biểu, chúng tôi thấy họ tên của mười bốn hội viên rõ ràng là của Đồng minh; trong đó có mười người đại diện cho những liên chi hội mà họ không phải là thành viên và những liên chi hội đó có lẽ cũng chẳng biết họ là ai. Tin chắc vào cái đa số do mình tạo ra, Đồng minh đã tự do thao túng ở đây. Điều lệ của Liên chi hội Tây Ban Nha được thảo ra tại Va-len-xi-a và được phê chuẩn tại Xa-ra-gốt, đã bị bác bỏ; Liên chi hội Tây Ban Nha mất người cầm đầu, còn Hội đồng liên chi hội của nó thì bị thay thế bằng một ủy ban thông tin và thống kê giản đơn, ngay cả chức trách của nó trong việc giao nộp hội phí của các tổ chức Tây Ban Nha cho Tổng Hội đồng cũng chẳng còn nữa; cuối cùng, sau khi bác bỏ nghị quyết La Hay và gia nhập điều ước Xanh-I-mê, họ đã đoạn tuyệt với Quốc tế. Chủ nghĩa vô chính

phủ đã đi đến chỗ là họ đã bác bỏ từ trước đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp kỳ tới và thay thế đại hội do bằng một đại hội đại biểu mới chống *chủ nghĩa cực quyền*

"nếu như đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp kỳ tới sẽ không khôi phục phẩm giá và tính độc lập của Quốc tế bằng cách khước từ việc thừa nhận Đại hội La Hay.

Tại La Hay, Đồng minh muốn dựa vào giấy uỷ nhiệm hạn chế của Tây Ban Nha để áp đặt cho Đại hội một phương thức biểu quyết có lợi nhất cho nó lúc bấy giờ; còn ở Coóc-dô-va thì Đồng minh đã đưa ra chỉ thị trước chín tháng, yêu cầu Đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp kỳ tới sẽ phải thông qua những quyết nghị nào. Cần phải thừa nhận rằng về mặt tự trị của các chi hội và Liên chi hội, thì như vậy đã là tốt đỉnh rồi.

Sau khi đuổi Đồng minh và những người cầm đầu Đồng minh ra khỏi Quốc tế, Đại hội La Hay đã đem lại cho phong trào Đồng minh ở Tây Ban Nha những sức lực mới. Cuộc vận động do Liên chi hội Ma-đrít mới mở đầu, đã được sự ủng hộ của các Liên chi hội Xa-ra-gốt, Vích-to-ri-a, An-ca-la-đơ - Ê-na-rê-xơ Lê-ri-đa, Gra-xi-a, Đê-ni-a, Pông-đơ - Vi-lu-ma-rơ, Tô-lê-đô, Va-len-xi-a, và được sự ủng hộ cả Liên chi hội mới ở Ca-đi-xơ v.v.. Bản thông cáo của Hội đồng liên chi hội về việc triệu tập đại hội đại biểu ở Coóc-dô-va yêu cầu đại hội phải đảm nhận vai trò phán quyết đối với những nghị quyết của đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp ở La Hay. Đó chẳng những là một sự vi phạm công nhiên đối với Điều lệ chung, mà còn là sự vi phạm đối với điều lệ địa phương Tây Ban Nha, điều 13 của Điều lệ này viết:

"Hội đồng liên chi hội sẽ chấp hành và thúc đẩy những người khác chấp hành những nghị quyết của các đại hội đại biểu trong nước và của các đại hội đại biểu *Quốc tế*".

Liên chi hội Ma-đrít mới đã đáp lại bản thông cáo trên bằng một bản thông cáo gửi cho các liên chi hội địa phương khác, trong đó nó tuyên bố rằng Hội đồng liên chi hội, do hành động của

mình, đã tự đặt mình ra ngoài Quốc tế. Đồng thời nó yêu cầu các liên chi hội địa phương thành lập một hội đồng lâm thời mới thay cho hội đồng liên chi hội đó, giao cho hội đồng lâm thời này nhiệm vụ phải nghiêm chỉnh tuân theo điều lệ, chứ không phải cứ thụ động phục tùng mệnh lệnh của Đồng minh. Đề nghị đó đã được chấp thuận; một Hội đồng liên chi hội mới được cử ra, trụ sở đặt tại Va-len-xi-a. Trong thông cáo thứ nhất (ngày 2 tháng Hai 1873) Hội đồng liên chi hội mới này tự tuyên bố là "người bảo vệ trung thành Điều lệ của Quốc tế đã được thảo ra và được phê chuẩn trong các kỳ đại hội quốc tế và trong các kỳ đại hội trong nước", và kiên quyết phản đối những ai muốn gieo rắc "tình trạng vô chính phủ trong hàng ngũ Quốc tế, tình trạng vô chính phủ trước cách mạng, giải trừ quân bị trước khi thắng lợi! Đối với giai cấp tư sản còn gì vui sướng bằng!"<sup>351</sup>.

Cùng một lúc với người Tây Ban Nha, người Bỉ đã triệu tập Đại hội đại biểu của mình và cũng bác bỏ các nghị quyết La Hay. Tổng Hội đồng đã trả lời cho họ và cả cho những phân tử chia rẽ Tây Ban Nha bằng bản nghị quyết ra ngày 26 tháng Giêng 1873<sup>1\*</sup>, trong đó tuyên bố rằng "những đoàn thể và cá nhân nào không chịu thừa nhận nghị quyết của đại hội đại biểu hoặc cố ý trốn tránh chấp hành những nghĩa vụ mà Điều lệ chung và Quy chế đã quy định cho họ, thì như vậy là họ tự đặt mình ra ngoài hàng ngũ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và không còn là hội viên của Hội liên hiệp này nữa". Ngày 30 tháng Năm, Tổng Hội đồng đã bổ sung vào tuyên bố đó bằng nghị quyết sau đây<sup>2\*</sup>:

"Xét rằng đại hội đại biểu của Liên chi hội Bỉ, họp trong những ngày 25 và 26 tháng Chạp 1873 tại Bruy-xen, đã quyết định coi những nghị quyết của đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp lần thứ năm là vô hiệu;

1\* Xem tập này, tr. 905 - 906.

2\* Xem tập này, tr. 907.

đại hội đại biểu của một bộ phận Liên chi hội Tây Ban Nha họp tại Coóc-dô-va từ ngày 25 tháng Chạp 1872 đến ngày 2 tháng Giêng 1873, đã quyết định không thừa nhận những nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp lần thứ năm và lại tán thành những nghị quyết của hội nghị đối địch với Quốc tế;

hội nghị họp tại Luân Đôn ngày 26 tháng Giêng 1873 đã quyết định bác bỏ những nghị quyết của đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp lần thứ năm;

Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế căn cứ Điều lệ và Quy chế tổ chức và chiểu theo nghị quyết của mình ngày 26 tháng Giêng 1873, tuyên bố:

Tất cả những liên chi hội toàn quốc hoặc địa phương, những chi hội và cá nhân, đã tham gia các đại hội và hội nghị kể trên họp tại Bruy-xen, Coóc-dô-va và Luân Đôn hoặc đã thừa nhận nghị quyết của những đại hội và hội nghị đó, *đều đã tự đặt mình ra ngoài hàng ngũ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và không còn là hội viên của Hội liên hiệp này nữa*".

Đồng thời Tổng Hội đồng còn tuyên bố một lần nữa rằng không hề có một liên chi hội toàn I-ta-li-a của Quốc tế bởi vì không hề có một tổ chức nào, trong số những tổ chức chiếm lấy tên gọi ấy, đã từng chấp hành chấp hành bất cứ một điều kiện nào trong số những điều kiện gia nhập Quốc tế mà Điều lệ và Quy chế tổ chức đã quy định. Nhưng tại các vùng trong nước I-ta-li-a vẫn có những chi hội đang chấp hành nghĩa vụ của mình đối với Tổng Hội đồng và đang giữ vững mối liên hệ với Tổng Hội đồng<sup>1\*</sup>.

Về phía mình, những người Giuy-ra cũng triệu tập đại hội đại biểu mới ở Nơ-sa-ten vào ngày 27 - 28 tháng Tư. Tham dự đại hội này có mười chín đại biểu của mười chi hội Thụy Sĩ và của một chi hội giả ở An-da-xơ; hai chi hội Thụy Sĩ và một chi hội Pháp không cử đại biểu đến dự. Như vậy, ở Thụy Sĩ Liên chi hội Giuy-ra

1\* Xem tập này, tr. 909.

có tất cả là mười hai chi hội. Những đại biểu của chi hội Mu-chi-ê tuyên bố rằng, ông có mặt chỉ để bày tỏ chủ trương hoà giải với quốc tế và ông có một giấy uỷ nhiệm hạn chế quy định cho ông không được tham gia vào công việc của đại hội. Thực vậy, chi hội Mu-chi-ê đã tách ra khỏi Liên chi hội Giuy-ra ngay từ thời gian đại hội họp tại Xanh-I-mê. Chỉ còn lại *mười một* chi hội. Báo cáo của Uỷ ban hết sức tránh nói đến bất cứ tài liệu nào về tình hình nội bộ và số lượng hội viên của những chi hội ấy, điều đó cho phép ta nhận định rằng những chi hội ấy không có sức sống mạnh mẽ hơn so với thời kỳ trước đại hội Xông-vi-li-ê. Những báo cáo lại bố trí những lực lượng bên ngoài của người Giuy-ra - những kẻ đồng minh mà Đồng minh đã lôi kéo được sau Đại hội La Hay - thành đội hình chiến đấu. Theo lời lẽ của báo cáo thì đó hầu như là tất cả những liên chi hội Quốc tế.

"I-ta-li-a" - nhưng chúng ta đã thấy rằng không hề có một liên chi hội I-ta-li-a nào cả.

"Tây Ban Nha" - tuy số đông hội viên Tây Ban Nha của Quốc tế đã chuyển qua phe bọn chia rẽ, nhưng, như chúng ta đã thấy ở trên, Liên chi hội Tây Ban Nha vẫn tồn tại và đang giữ vững liên hệ đều đặn với Tổng Hội đồng.

"Pháp - ở đây có đoàn thể được tổ chức một cách nghiêm chỉnh" - tức là "chi hội Pháp", chi hội này đã xin lỗi Đại hội Nơ-sa-ten về việc nó không cử đại biểu đến họp. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý định để lộ cho những người Giuy-ra biết "cái đoàn thể được tổ chức một cách nghiêm chỉnh" vẫn được duy trì ở Pháp bất chấp những cuộc truy nã gần đây, những cuộc truy nã ấy đã chứng tỏ một cách khá rõ ràng cho thấy tổ chức nghiêm chỉnh đang đứng về phía ai, và cũng như mọi khi, những cuộc truy nã ấy đã bỏ qua một cách đầy quan tâm một số ít hội viên của Đồng minh hiện có ở Pháp.

"Toàn bộ nước Bỉ" - đã bị Đồng minh lừa bịp, nhưng những nguyên tắc của Đồng minh thì nó hoàn toàn chẳng tán thành.

"Hà Lan, trừ một chi hội", - thực ra, *cả hai* chi hội Hà Lan đều không đồng tình với điều ước Xanh-I-mê, và đồng tình với tuyên bố "chống chủ nghĩa phân lập" của phái thiểu số La Hay.

"Nước Anh, không kể một số phần tử chia rẽ!" - Những phần tử chia rẽ", tức là đại bộ phận những chi hội Quốc tế ở nước Anh, đã triệu tập vào ngày 1 và ngày 2 tháng Sáu đại hội đại biểu của mình tại Man-se-xtơ, tham dự đại hội này có 26 đại biểu đại diện cho 23 chi hội<sup>352</sup>; trong khi đó thì "nước Anh" của những người Giuy-ra không có chi hội, cũng không có hội đồng liên chi hội, và tất nhiên nó cũng không có đại hội đại biểu.

"Nước Mỹ, không kể một số phần tử chia rẽ!" - Liên chi hội Mỹ của Quốc tế đang tồn tại và hoạt động một cách bình thường trong sự nhất trí hoàn toàn với Tổng Hội đồng. Nó có Hội đồng liên chi hội của mình và những đại hội đại biểu của mình. "Nước Mỹ" của uỷ ban Giuy-ra - chính là những nhà tư sản đang đầu cơ tự do luyến ái, giấy bạc, đầu cơ những chức vị xã hội và những vụ mua chuộc, mà tại đại hội La Hay ông Oét-xtơ đã đại diện cho họ một cách hết sức tuyệt vời, đến nỗi ngay cả những vị đại biểu Giuy-ra cũng không dám phát biểu ý kiến tán thành ông ta và bỏ phiếu cho ông ta.

"Người Xla-vơ" - tức là "chi hội Xla-vơ tại Xuy-rích", chi hội này, cũng như mọi khi, đòi đại diện cho cả dân tộc. Những hội viên Quốc tế người Ba Lan, người Nga, người Xla-vơ hiện sống ở Áo và Hung-ga-ri - tất cả họ là những địch thủ công khai của những phần tử chia rẽ, họ hoàn toàn không được tính đến.

Đấy, những kẻ đồng minh của Đồng minh là như thế đó. Nếu mười một chi hội Giuy-ra tồn tại một cách hiện thực như là đại đa số những kẻ đồng minh ấy, thì uỷ ban của những chi hội ấy có đầy đủ lý do để làm thình không nói đến những chi hội ấy.

Trong đội ngũ chiến đấu ấy của Đồng minh, điều làm cho người ta chú ý là sự vắng mặt của Thụy Sĩ. Việc đó có những nguyên nhân quan trọng. Một tháng sau, tức ngày 1 - 2 tháng Sáu, ở Ô-li-ten

đại hội đại biểu công nhân toàn Thụy Sĩ họp để tổ chức sự phản kháng và các cuộc đình công<sup>353</sup>. Năm người Giuy-ra đã thuyết giáo tại đại hội đó kinh phúc âm về sự tự trị tuyệt đối của các chi hội; họ đã chiếm mất của đại hội quá nửa thời gian. Cuối cùng, vẫn phải đi đến biểu quyết; kết quả là trong số 80 đại biểu, thì 75 đại biểu bỏ phiếu phản đối năm người Giuy-ra, năm người này không còn cách nào khác là bỏ phòng họp.

Tuy nhiên, chính bản thân Đồng minh, trong những cuộc hội họp bí mật của mình, hình như cũng không tán thành những ảo tưởng mà nó muốn gieo rắc cho công chúng về những lực lượng thực tế của nó. Cũng trong đại hội này ở Nơ-sa-ten, Đồng minh đã cố thông qua được nghị quyết sau đây:

"Xét thấy rằng, căn cứ vào quyền hạn mà Điều lệ chung đã trao cho, mỗi năm đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp của Quốc tế họp một lần mà không cần có sự triệu tập riêng của Tổng Hội đồng, Liên chi hội Giuy-ra đề nghị tất cả các liên chi hội của Quốc tế họp đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp vào thứ hai, tức ngày 1 tháng Chín, tại một thành phố của Thụy Sĩ".

Để đại hội này không tái phạm "những sai lầm La Hay tai hại", các đại biểu của Đồng minh và những đồng minh của họ ngày 28 tháng Tám đã họp đại hội đại biểu chống chủ nghĩa cực quyền. Từ những cuộc tranh luận về đề nghị đó, người ta đi đến kết luận:

"Chúng ta sẽ coi đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp của Quốc tế chỉ có thể là đại hội do bản thân các liên chi hội trực tiếp triệu tập, chứ không phải là đại hội do cái gọi là Tổng Hội đồng Niu Oóc có thể sẽ triệu tập".

Như vậy, trước mặt chúng ta là một sự chia rẽ đến cùng, với tất cả những hậu quả nảy sinh từ đó. Hội viên Quốc tế sẽ họp đại hội đại biểu do Tổng Hội đồng triệu tập theo sự uỷ nhiệm của đại hội kỳ trước, tại một trong những thành phố của Thụy Sĩ do Tổng Hội đồng quyết định. Các phần tử thuộc Đồng minh và một lũ người bị họ lừa bịp sẽ họp đại hội đại biểu do tự họ triệu tập nhờ sự tự trị của họ. Xin cứ tự nhiên.

## VIII ĐỒNG MINH Ở NGA

### 1. VỤ ÁN NE-SA-ÉP

Về hoạt động của Đồng minh ở Nga, chúng ta đã biết được căn cứ theo vụ án chính trị mang tên là vụ án Ne-sa-ép, được xử trong tháng Bảy năm 1871 tại toà thượng thẩm Pê-téc-bua. Lần đầu tiên ở nước Nga một vụ án chính trị được xét xử công khai trước toà án bồi thẩm. Trừ một ít ngoại lệ, toàn thể số bị cáo hơn tám mươi nam nữ, đều thuộc đám thanh niên học sinh. Họ bị tạm giam tại nhà ngục của pháo đài Pê-tơ-rô-páp-lốp từ tháng Mười một 1869 đến tháng Bảy 1871, kết quả là hai người bị chết, một số khác thì bị mất trí. Họ ra khỏi nhà tù chỉ là để nghe bản án xử phạt họ phải lao động trong các vùng khai mỏ Xi-bia, chịu cảnh tù khổ sai và ngồi tù trong thời hạn mười lăm năm, mười hai năm, mười năm, bảy năm và hai năm. Còn kẻ nào được toà án công khai tuyên bố trắng án, thì sau đó cũng bị đưa đi đày "theo thủ tục hành chính".

Tội của họ là đã tham gia hội kín mạo xưng là Hội liên hiệp công nhân quốc tế và họ đã được lôi kéo vào hội đó bởi một phái viên của Uỷ ban cách mạng quốc tế có giấy uỷ nhiệm tuồng như là có đóng dấu của Quốc tế. Phái viên này bắt họ phải tiến hành nhiệm vụ lừa đảo và buộc một vài người trong số họ phải giúp đỡ phái viên này tiến hành việc ám sát; vụ ám sát đó đã khiến cho sở cảnh sát tìm ra tung tích của hội kín, nhưng theo thông lệ, bản thân phái viên đã trốn mất. Trong các cuộc truy tầm,

cảnh sát đã nắm được tình hình hết sức rõ ràng khiến cho người ta có thể phỏng đoán là có kẻ tổ giác tở mỷ. Trong toàn bộ vụ này vai trò của phái viên ấy thật là rất mập mờ. Phái viên ấy là Ne-sa-ép nắm trong tay giấy chứng nhận - uỷ nhiệm với nội dung như sau:

"Người mang giấy chứng nhận - uỷ nhiệm này là một trong những đại biểu được uỷ nhiệm của phân bộ Nga của Đồng minh cách mạng thế giới. - Số 2771".

Trên giấy uỷ nhiệm này có: 1) dấu triện bằng tiếng Pháp: "Liên minh cách mạng châu Âu, Uỷ ban trung ương"; 2) ngày tháng ghi: ngày 12 tháng Năm 1869; 3) ký tên: *Mi-kha-in Ba-cu-nin*<sup>1)</sup>.

Năm 1861, để trả lời những biện pháp thuế khoá nhằm mục đích không cho tầng lớp thanh niên nghèo khổ có được trình độ học vấn cao đẳng và những biện pháp kỷ luật hồng bắt họ phải phục tùng sự lộng hành của cảnh sát, sinh viên đã biểu thị một sự phản kháng kiên quyết và nhất trí, ban đầu thì hội họp phản kháng, sau thì đổ ra đường phản kháng và biến thành những cuộc tuần hành thị uy hùng mạnh. Trường đại học Xanh-Pê-téc-bua sau đó đã đóng cửa một thời gian, sinh viên thì bị bỏ tù hoặc phải đi đày. Cách xử sự như vậy của chính phủ đã đẩy thanh niên vào các hội bí mật, tình hình đó rốt cuộc đã làm cho số đông hội viên của các hội bí mật tất nhiên phải bị tù tội, bị trục xuất, bị đi đày ở Xi-bia. Những người khác, để bảo đảm cho những sinh viên nghèo có tiền tiếp tục học tập, đã lập ra quỹ tương tế. Những người nghiêm túc nhất trong số đó đã quyết định không để cho chính phủ có bất cứ một cơ nào có thể đóng cửa những quỹ đó, việc tổ chức những quỹ đó đã cho phép tiến hành những cuộc hội họp nhỏ để giải quyết những vấn đề có tính chất công việc. Những cuộc hội họp có tính chất công việc ấy luôn tiện

1) "Tin tức Xanh-Pê-téc-bua"<sup>354</sup>, các số 180, 181, 187 và các số tiếp theo, 1871.

đã tạo ra cơ hội thảo luận những vấn đề chính trị và xã hội. Thanh niên học sinh nước Nga, phần lớn là con cái của nông dân và của những người nghèo khổ khác, đã thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa đến mức mơ ước thực hiện ngay lập tức những tư tưởng đó. Phong trào này ngày càng phát triển lớn mạnh trong các trường học và đã đưa vào xã hội Nga rất nhiều thanh niên nghèo khổ xuất thân từ trong dân thường, có học thức và thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Người cổ vũ tư tưởng của phong trào này là Séc-nư-sép-xki, hiện nay đang ở tại Xi-bia<sup>355</sup>. Thế là Ne-sa-ép lợi dụng uy tín của quốc tế và nhiệt tình của đám thanh niên ấy, tìm cách làm cho sinh viên tin rằng bây giờ không còn là thời kỳ cứ tiếp tục làm những việc nhỏ mọn như vậy nữa, trong khi đã có một đoàn thể bí mật to lớn đã gia nhập Quốc tế, một đoàn thể đang nhen lên ngọn lửa cách mạng thế giới, và sẵn sàng bắt tay hành động ngay tức khắc ở nước Nga. Anh ta đã lừa bịp được một vài thanh niên và lôi kéo họ vào tội phạm hình sự, tạo cho cảnh sát cơ để đập tan toàn bộ phong trào học sinh ấy, một phong trào hết sức nguy hiểm đối với nước Nga quan phương.

Tháng Ba năm 1869, một thanh niên Nga đến Giơ-ne-vơ, đã tìm cách gây lòng tin của tất cả những người Nga lưu vong, tự xưng là đại diện của sinh viên Pê-téc-bua. Anh ta đã tự giới thiệu bằng những danh tính khác nhau. Một số người lưu vong đã biết đích xác là không có đại biểu nào từ Pê-téc-bua được phái đến, một số người khác sau khi nói chuyện với vị đại biểu giả mạo này đã coi anh ta là mật vụ. Cuối cùng anh ta đã nói ra tên thật của mình là Ne-sa-ép. Anh ta kể rằng anh ta đã chạy thoát khỏi pháo đài Xanh-Pê-téc-bua, nơi mà anh ta đã bị giam giữ như một trong những người chủ yếu khởi xướng vụ náo động đã nổ ra vào tháng Giêng năm 1869 trong các trường học ở thủ đô. Có một số người lưu vong đã từng ở tù dài hạn trong pháo đài đó, theo kinh nghiệm bản thân, biết rõ rằng không thể nào chạy thoát khỏi nơi đó, vì vậy họ hiểu rằng Ne-sa-ép đã nói dối về



vấn đề này; mặt khác, vì trong những báo chí và thư từ mà họ nhận được có đăng tên những sinh viên bị truy nã, chưa lần nào đề cập đến Ne-sa-ép, cho nên họ cho rằng những câu chuyện về cái gọi là hoạt động cách mạng của anh ta, là chuyện nói khoác. Nhưng Ba-cu-nin đã làm âm ĩ lên, đứng về phía anh ta. Đâu đâu Ba-cu-nin cũng tuyên bố rằng anh ta là "sứ giả đặc biệt của một tổ chức bí mật rất lớn đang tồn tại và hoạt động ở nga". Lúc đó, người ta mới khẩn khoản yêu cầu Ba-cu-nin đừng nói cho con người đó biết tên của những người quen biết của họ, mà con người đó có thể làm hại đến thanh danh. Ba-cu-nin đã hứa; những tài liệu của vụ án sẽ chứng tỏ ông ta đã giữ lời hứa của mình ra sao.

Ne-sa-ép đã có dịp được nói chuyện với một người lưu vong, trong khi nói chuyện, anh ta đã buộc phải thừa nhận rằng anh ta không đại diện cho một tổ chức bí mật nào cả, nhưng anh ta tuyên bố anh ta có những đồng chí và người quen mà anh ta dự định tổ chức họ lại, anh ta còn nói thêm rằng cần phải nắm lấy những người lưu vong già để lợi dụng uy tín của họ gây ảnh hưởng đối với thanh niên và sử dụng nhà in và tiền bạc của họ. Qua một thời gian xuất hiện ấn phẩm "Máy lờ" của Ne-sa-ép và Ba-cu-nin gửi cho sinh viên<sup>356</sup>. Trong đó, Ne-sa-ép nhắc lại câu chuyện hoang đường về vụ chạy trốn của anh ta và kêu gọi thanh niên hiến thân mình cho cuộc đấu tranh cách mạng. Ba-cu-nin đã phát hiện trong những cuộc sôi động của sinh viên, "tinh thần chống nhà nước có tính chất phá huỷ tất cả... bắt rễ trong cội rễ sâu xa nhất của đời sống nhân dân"<sup>1)</sup>; ông ta chúc mừng "những anh em trẻ tuổi của mình có chí hướng cách mạng... Như thế có nghĩa là cái đế quốc toàn Nga đề tiện ấy sắp hết thời rồi!". Chủ nghĩa vô chính phủ của ông ta trở thành cái cớ cho ông

1) Cần chỉ ra rằng, "Máy lờ" ấy được công bố đúng vào lúc có những vụ truy nã và những bản án, trong khi mà thanh niên cố hết sức giảm quy mô phong trào của mình nhỏ đi, vì thói phồng phồng trào đó lên thì rất có lợi cho cảnh sát.

ta đá hậu người Ba Lan bằng móng lừa, buộc tội người Ba Lan chỉ ra sức

"phục tùng cái nhà nước lịch sử của mình"! - "Bởi vậy, họ mơ ước một sự nô dịch mới cho nhân dân mình", và nếu họ đạt được điều đó, thì "họ vừa trở thành kẻ thù của chúng ta, vừa trở thành kẻ áp bức của nhân dân nước họ. Vì cách mạng xã hội và nền tự do của toàn dân, chúng ta sẽ khai chiến với họ".

Như vậy, Ba-cu-nin hoàn toàn nhất trí với Nga hoàng rằng dù sao cũng cần phải ngăn cản người Ba Lan thu xếp những công việc nội bộ của mình theo ý mình. Trong thời gian hể có những cuộc khởi nghĩa Ba Lan nổ ra, thì báo chí chính thức của nước Nga đều luôn luôn chỉ trích những người Ba Lan khởi nghĩa rằng họ là "những kẻ áp bức của nhân dân nước họ". Quả là một sự hoà hợp nhất trí thật là cảm động giữa các cơ quan của phòng ba<sup>1)</sup> và tên trùm vô chính phủ chủ nghĩa Lô-các-nơ!

Tình cảnh mà nhân dân Nga hiện đang ở trong đó, Ba-cu-nin nói tiếp, giống hệt như tình cảnh đã buộc nhân dân Nga phải vùng lên khởi nghĩa dưới thời Nga hoàng A-lếch-xây, cha của Pi-ốt Đại đế. Lúc đó người dẫn đầu nhân dân là một tên trùm ăn cướp, một người Ca-dắc tên là Xten-ca Ra-din, anh ta đã chỉ cho nhân dân "con đường" đi tới "tự do". Muốn vùng lên bây giờ, nhân dân chỉ đợi một Xten-ca Ra-din mới, nhưng lần này anh ta

"được thay thế bằng một đoàn quân thanh niên không đảng cấp, hiện đang sống cuộc sống của nhân dân... Xten-ca Ra-din lần này không phải là một vị anh hùng đơn thương độc mã mà là anh hùng tập thể" (!) "và do đó là một anh hùng bất khả chiến thắng, đứng sau họ. Vị anh hùng đó chính là tất cả tầng lớp thanh niên kỳ diệu ấy mà tinh thần của Ra-din đã thâm nhập vào người họ".

Để hoàn thành thắng lợi sứ mệnh của Xten-ca Ra-din tập thể ấy, thanh niên phải làm cho mình trở thành ngu si dốt nát:

1) Phòng ba của Văn phòng hoàng đế là Cục cảnh sát chính trị trung ương mật ở nước Nga.

"Vì vậy, các anh hãy mau chóng vứt bỏ cái thế giới nhất định phải diệt vong này. Hãy vứt bỏ những trường đại học, những học viện và nhà trường ấy đi... hãy đi vào nhân dân" để làm "bà đỡ của sự tự giải phóng của nhân dân, để làm người đoàn kết những lực lượng và những nỗ lực của nhân dân. Trong lúc này các anh đừng bận rộn về khoa học, người ta muốn lấy danh nghĩa của khoa học để trói buộc các anh và làm cho các anh mất hết sức lực... Niềm tin của những nhân vật ưu tú phương Tây là như thế đó... Thế giới công nhân ở châu Âu và ở châu Mỹ đang kêu gọi các anh lập thành liên minh anh em".

Trong điều lệ bí mật của mình, Đồng minh chỉ ra cho những hội viên hạng ba, rằng "những nguyên tắc của tổ chức này... sẽ được trình bày rõ ràng hơn nữa trong cương lĩnh của phái dân chủ xã hội chủ nghĩa nước Nga". Ở đây, trước mặt chúng ta là sự bắt đầu thực hiện lời hứa đó... Ngoài những lời lẽ vô chính phủ chủ nghĩa chung chung và lòng căm thù sô-vanh chủ nghĩa đối với người Ba Lan mà ông B. không khi nào che đậy, ở đây lần đầu tiên ông ta tán tụng tên cướp Nga như là một hình mẫu người cách mạng chân chính và tuyên truyền sự sùng bái tình trạng ngu dốt của thanh niên Nga, viện lẽ rằng khoa học hiện đại chẳng qua là một thứ khoa học quan phương (có thể nào hình dung được một bộ môn số học, vật lý học hoặc hoá học quan phương không?), rằng ý kiến của những nhân vật ưu tú phương Tây là như thế đấy. Trong đoạn cuối của truyền đơn, ông ta cho người ta hiểu rằng Quốc tế, thông qua ông ta, đề nghị đám thanh niên này liên hiệp lại, đám thanh niên mà ông ta cấm nghiên cứu ngay cả môn *khoa học* của những người anh em ngu vô học<sup>357</sup>.

Kinh phúc âm "Mấy lời" đó đã đóng một vai trò to lớn trong âm mưu của Ne-sa-ép. Trước khi mỗi tín đồ mới được làm lễ thánh hiến mình, họ đều được nghe đọc nó một cách thần bí.

Cùng một lúc với "Mấy lời" (1869) ấy, còn xuất bản một số ấn phẩm tiếng Nga vô danh: 1) "Cách đặt vấn đề cách mạng"; 2) "Những nguyên lý cách mạng"; 3) Các ấn phẩm của hội "Sự trừng phạt của nhân dân" (Narodnaia rasprava) số 1, mùa hè

năm 1869, Mát-xơ-va<sup>358</sup>. - Tất cả những trước tác ấy đều được in tại Giơ-ne-vơ; điều đó rất rõ, vì những trước tác ấy cũng như những ấn phẩm tiếng Nga khác ở Giơ-ne-vơ đều được in bằng một loại chữ in, - và lại, việc đó thì hết thảy những người Nga lưu vong đều biết rõ cả. Song, điều đó cũng chẳng trở ngại gì cho việc đóng lên trang đầu cái dấu: "In tại nước Nga - Gedruckt in Russland", dặng gọi lên cho sinh viên Nga ý nghĩ rằng hội kín đó đang có rất nhiều điều kiện thuận lợi hoạt động ngay tại đất Nga.

"Cách đặt vấn đề cách mạng" làm lộ tẩy ngay những tác giả của nó. Những câu nói, những từ ngữ cũng giống hết những câu nói và những từ ngữ mà Ba-cu-nin và Ne-sa-ép đã dùng trong "Mấy lời" của họ.

"Chẳng những cần phải thủ tiêu nhà nước, mà còn phải thủ tiêu cả những người cách mạng phòng giầy chủ trương duy trì nhà nước. Cố nhiên, chúng ta vì nhân dân".

Ông Ba-cu-nin, căn cứ theo quy luật đồng hoá vô chính phủ chủ nghĩa, đang đồng hoá mình với đám thanh niên học sinh.

"Chính phủ tự mình chỉ cho chúng ta con đường mà *chúng ta* phải đi để đạt tới mục đích *của mình*, tức của nhân dân. Chính phủ đuổi *chúng ta* ra khỏi trường đại học, ra khỏi học viện, ra khỏi trường học. Cảm ơn chính phủ đã đặt chúng ta lên miếng đất vinh quang và vững chắc như thế. Bây giờ chúng ta đã có miếng đất đứng chân, chúng ta có thể hành động. Chúng ta sẽ làm gì đây? Dạy bảo nhân dân chẳng? Như thế thì sẽ ngu xuẩn. Bản thân nhân dân hiểu rõ hơn chúng ta xem họ phải làm gì" (xin hãy đối chiếu với điều lệ bí mật, cái điều lệ đã gán cho quần chúng có "bản năng nhân dân", còn những người thân tín thì có "tư tưởng cách mạng"). "Chúng ta không được dạy bảo nhân dân, chúng ta phải cho nhân dân nổi loạn". Cho đến nay "việc nổi loạn của nhân dân vẫn không có kết quả, bởi vì họ nổi loạn một cách riêng rẽ... Chúng ta có thể đem lại cho họ một sự giúp đỡ hết sức quan trọng: chúng ta có thể đem lại cho họ cái mà đến nay họ vẫn còn thiếu và nguyên nhân chủ yếu của một sự thất bại của họ là vì thiếu cái đó - đó là sự thống nhất của phong trào khắp mọi nơi bằng cách đoàn kết những lực lượng của chính bản thân họ".

Như chúng ta đã thấy, học thuyết của Đồng minh - tình trạng vô chính phủ từ dưới lên và kỷ luật từ trên xuống - đang được trình bày nguyên hình ra ở đây. Thoạt đầu, bằng con đường bạo loạn "buông thả những gì hiện đang được gọi là những dục vọng xấu xa", nhưng cần phải có cơ quan thể hiện sự thống nhất của tư tưởng và hành động cách mạng trong tình trạng vô chính phủ nhân dân, tình trạng đó tạo thành bản thân cuộc sống và tất cả nghị lực của cách mạng". Cơ quan đó chính là chi hội Nga của Đồng minh thế giới - *Hội trường phật của nhân dân*.

Nhưng chỉ riêng một mình thanh niên mà thôi thì Ba-cu-nin cảm thấy chưa đủ. Ông ta còn kêu gọi tất cả những tên cướp đứng dưới ngọn cờ của chi hội Nga của Đồng minh của mình.

"Cướp là một trong những hình thức vinh quang nhất của đời sống nhân dân Nga. Kẻ cướp là người anh hùng, người bảo vệ, người báo thù của nhân dân, kẻ thù không điều hoà của nhà nước và của mọi chế độ xã hội và chế độ công dân được nhà nước thiết lập, người chiến sĩ sống chết chống lại toàn bộ nền văn minh quý tộc - quan lại và thầy tu - nhà nước... Kẻ nào không hiểu được cướp bóc, thì kẻ đó không nắm được cái gì cả trong lịch sử nhân dân Nga. Kẻ nào không đồng tình với cướp bóc, thì kẻ đó không thể thông cảm với đời sống nhân dân Nga, và trong lòng họ không có tình thương đối với những đau khổ đời đời kiếp kiếp không kể xiết của nhân dân. Kẻ đó ở về phe kẻ thù, ở về phe những người ủng hộ nhà nước... Chỉ có hoạt động kẻ cướp mới chứng minh được sức sống, lòng hăng say và sức mạnh của nhân dân... Kẻ cướp ở nước Nga là người cách mạng chân chính và duy nhất, người cách mạng không nói suông, không cần những lời lẽ văn hoá trên sách vở, người cách mạng không điều hoà, không mệt mỏi và không khuất phục trong hành động, người cách mạng xã hội - nhân dân, chứ không phải người cách mạng chính trị, không phải người cách mạng có tính chất đảng cấp... Những tên cướp trong rừng rậm, trong thành thị, trong nông thôn rải rác khắp cả nước Nga, và những tên cướp bị giam cầm trong vô số nhà lao của nền đế chế, đang tạo thành một thế giới không thể phân chia, gắn bó keo sơn - thế giới của cách mạng nước Nga... Trong thế giới đó, và chỉ trong thế giới đó, từ lâu đã có hoạt động bí mật cách mạng thực sự. Kẻ nào muốn hoạt động bí mật một cách hãn hoi ở nước Nga, kẻ nào muốn cách mạng nhân dân, kẻ đó phải

đi vào thế giới ấy... Đi theo con đường mà chính phủ chỉ ra cho chúng ta, cái chính phủ đang đuổi chúng ta ra khỏi trường đại học, ra khỏi học viện, ra khỏi nhà trường, anh em ơi, chúng ta hãy cùng nhau lao vào nhân dân, lao vào phong trào nhân dân, lao vào cuộc bạo động nông dân và cướp bóc, giữ vững tính hữu ái trung thực keo sơn giữa chúng ta, hãy liên kết tất cả những cuộc bùng nổ rải rác của những người mu-gích" (nông dân) "thành một khối thống nhất. Chúng ta hãy làm cho những cuộc bùng nổ ấy *biến thành* cuộc cách mạng nhân dân có lý tính, nhưng không thương sót"<sup>1)</sup>.

Trong tờ truyền đơn thứ hai, "Nguyên lý cách mạng", chúng ta thấy mệnh lệnh được phát ra trong quy chế bí mật đòi phải "phá huỷ sạch..." thì giờ đây được phát triển thêm. Cần phải phá huỷ tất cả để đạt tới "tình trạng vô định hình hoàn toàn", vì nếu còn duy trì dù chỉ "một hình thức cũ", thì hình thức đó cũng sẽ trở thành "mầm mống" mà từ đó có thể sống lại tất cả những hình thức xã hội cũ. Truyền đơn buộc tội cũng nhờ cách mạng chính trị không coi trọng sự vô định hình đó là lừa dối nhân dân. Truyền đơn buộc tội họ đã dựng lên.

"những giá treo cổ và những máy chém trên đó người ta đã xử tử những người anh em cách mạng còn sống sót... Như vậy, các dân tộc vẫn chưa có cách mạng thật sự... Muốn có cách mạng thật sự, thì điều cần thiết không phải là những nhân vật cầm đầu quần chúng và ra lệnh cho quần chúng, mà là những nhân vật ẩn mình không ai thấy trong quần chúng và kín đáo làm cầu nối liên đám quần chúng này với đám quần chúng khác, do đó, kín đáo đem lại cho phong trào một phương hướng thống

1) Để lừa bịp độc giả, Ba-cu-nin nhập cục làm một những lãnh tụ của các cuộc khởi nghĩa nhân dân thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII với những tên cướp hiện đại của nước Nga. Còn nói về những tên cướp này, thì nếu đọc cuốn sách "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Nga"<sup>359</sup> của Phlê-rốp-xki, những người có tâm hồn lãng mạn nhất cũng sẽ tiêu tan hết những ảo tưởng về những người khốn khổ này, những người mà Ba-cu-nin định lập thành một đạo quân thần thánh của cách mạng Nga. Hình thức cướp bóc duy nhất hiện còn được ứng dụng một cách đại quy mô ở nước Nga - tất nhiên, nếu không kể đến sự cướp bóc của các giới cầm quyền - đó là hành động trộm ngựa đã được các nhà tư bản thương mại hoá, còn "những nhà cách mạng không nói suông" chỉ là những công cụ và vật hy sinh trong tay họ mà thôi.

nhất, một tinh thần thống nhất và một tính chất thống nhất. Ý nghĩa của việc thiết lập tổ chức bí mật làm công tác chuẩn bị chỉ là như thế và tổ chức ấy là cần thiết cũng chỉ ở chừng mực ấy".

Như vậy, sự tồn tại của những người *anh em quốc tế*, một sự tồn tại được che giấu hết sức cẩn thận, ở phương Tây, đã bị lộ tẩy trước công chúng nước Nga và cảnh sát nước Nga. Tiếp theo, truyền đơn tuyên truyền các vụ ám sát có hệ thống và tuyên bố, đối với những người thực tế làm công việc cách mạng, thì mọi sự bàn luận về tương lai đều là

"có tội, vì những sự bàn luận ấy gây trở ngại cho việc *phá huỷ thuần túy*, làm chậm trễ tiến trình bắt đầu cách mạng. Chúng ta chỉ tin những ai chứng tỏ bằng lòng trung thành của mình đối với sự nghiệp cách mạng, không sợ tra tấn, tù đày, vì vậy chúng ta phủ nhận tất cả những lời nói mà việc làm không đi liền ngay sau những lời nói đó. Chúng ta không còn cần đến lối tuyên truyền không mục đích, không nói rõ thời gian và địa điểm để thực hiện những mục đích của cách mạng. Chẳng những thế, lối tuyên truyền đó còn gây trở ngại cho chúng ta, và chúng ta sẽ đem hết sức lực ra chống lại việc đó... Tất cả những kẻ lăm mồm không muốn hiểu điều đó, chúng ta sẽ dùng sức mạnh bắt họ phải câm miệng".

Những lời đe dọa ấy nhằm vào những người Nga lưu vong không chịu cúi đầu khuất phục trước giáo hoàng Ba-cu-nin, những người bị ông ta nhiếc mắng là bọn lý luận suông.

"Chúng ta cắt đứt quan hệ với tất cả những người lưu vong chính trị không muốn quay về Tổ quốc để đứng trong đội ngũ chúng ta; và chừng nào những đội ngũ này chưa rõ rệt, thì chúng ta cần phải cắt đứt quan hệ với tất cả những ai không thúc đẩy những đội ngũ ấy công khai bước lên vũ đài cuộc sống nước Nga. *Chúng ta coi là ngoại lệ những người lưu vong đã tuyên bố mình là những người làm công tác cách mạng châu Âu*. Chúng ta sẽ không nhắc lại những lời nói ấy nữa và cũng không kêu gọi nữa... Kẻ có tai có mắt sẽ thấy và nghe những người thực tế hành động và nếu không đi theo những người này, thì việc kẻ đó bị diệt vong không phải là lỗi chúng ta, cũng như chúng ta không có lỗi nếu tất cả những gì được che giấu đằng sau tấm màn sẽ bị tiêu diệt một cách lạnh lùng, một cách không thương sót cùng với tấm màn che đậy những cái đó".

Chân tướng Ba-cu-nin ở đây thấy rất là rõ. Trong khi ông ta ra lệnh - với sự đe dọa mạng sống của họ - cho những người lưu vong trở về nước Nga làm mật vụ của hội kín của ông ta, - việc này ông ta học theo cách làm của bọn mật thám Nga, bọn này đưa hộ chiếu và tiền bạc cho những người lưu vong để đi đến nước Nga với mục đích hoạt động âm mưu, - thì ông ta lại tự cấp cho mình cái giấy phép giáo hoàng cho phép ông ta bình yên ở lại Thụy Sĩ trong tư cách "người làm công tác cách mạng châu Âu" và tại đây vui đùa viết ra những tuyên ngôn làm hại thanh danh những sinh viên bất hạnh đang bị cảnh sát giam giữ trong nhà lao.

"Ngoài hành động huỷ diệt ra, chúng ta không thừa nhận bất cứ hoạt động nào khác, chúng ta đồng ý rằng những hình thức mà hoạt động ấy phải thể hiện có thể hết sức muôn màu muôn vẻ. Thuốc độc, dao, sợi dây thắt cổ v.v... Cách mạng coi những cái đó đều là thiêng liêng cả. Như vậy, trường hoạt động đã mở!... Hãy để những con người mạnh khoẻ, trẻ trung bắt tay ngay vào cái sự nghiệp thần thánh dùng lửa và gươm tiêu trừ tai hoạ, dọn sạch và khai sáng đất Nga, liên hiệp một cách thân thiết với những ai cũng sẽ làm việc đó ở khắp cả châu Âu".

Chúng tôi xin nói thêm rằng tên cướp tất yếu trong cái lời kêu gọi cao thượng ấy xuất hiện với bộ mặt của Các Mo-rơ dju dăng (một nhân vật trong tác phẩm "Kẻ cướp" của Si-lơ và số 2 tờ "Sự trừng phạt của nhân dân"<sup>360</sup> khi trích dẫn một đoạn trong lời kêu gọi này, đã gọi thẳng nó là "*lời kêu gọi của Ba-cu-nin*".

Số 1 "Ấn phẩm của hội "Sự trừng phạt của nhân dân"<sup>1)</sup>" mở đầu bằng lời tuyên bố rằng cuộc khởi nghĩa toàn dân của người Nga là không thể tránh khỏi và sắp đến rồi.

"Chúng ta, tức là một bộ phận thanh niên nhân dân đã được bồi dưỡng bằng cách này hay cách khác, phải dọn sạch con đường cho cuộc khởi nghĩa toàn dân, tức là

1) Ba-cu-nin và Ne-sa-ép luôn luôn dịch từ ngữ này là "justice populaire" ("sự phán xử nhân dân") nhưng tiếng Nga "*rasprava*" không có nghĩa là phán xử, mà là sự xử tội, hay thậm chí có nghĩa là: báo thù, tính sổ.

khắc phục mọi sự trở ngại đang ngăn cản nó tiến lên và chuẩn bị mọi điều kiện thuận lợi... Vì cuộc nổi loạn đó là không thể tránh khỏi và sắp đến rồi, chúng ta thấy cần phải liên hiệp mọi nỗ lực cách mạng phân tán ở nước Nga thành một khối không thể phân chia, do đó, đã quyết định *nhân danh trung tâm cách mạng* in ra những tờ truyền đơn, căn cứ vào đó mỗi đồng chí chúng ta rải rác khắp nơi trong nước Nga, mỗi nhân viên công tác của sự nghiệp Cách mạng thần thánh, dù là người mà chúng ta không biết, sẽ luôn luôn thấy được chúng ta muốn gì và chúng ta đang đi tới đâu".

Tiếp theo, truyền đơn tuyên bố:

Tư tưởng đối với chúng ta là quý giá, chỉ vì tư tưởng có thể phục vụ cho sự nghiệp vĩ đại là *phá huỷ tất cả một cách triệt để và khắp nơi*. Kể nào học tập sự nghiệp cách mạng theo sách vở, kể đó bao giờ cũng sẽ là con người cách mạng vô dụng... Chúng ta mất hết tin tưởng vào lời nói; lời nói đối với chúng ta chỉ có ý nghĩa khi hành động đi liền theo lời nói. Song, hoàn toàn không phải tất cả những gì hiện nay được gọi là hành động, đều là hành động cả đâu. Chẳng hạn việc tổ chức một cách dè dặt và quá ư thận trọng những hội kín mà không thấy có một biểu hiện thực tế bên ngoài nào cả, thì theo con mắt chúng ta, chẳng hơn gì một trò chơi trẻ con, vừa buồn cười vừa đáng ghét. Chỉ có một loại những hành động thật sự phá huỷ một cái gì đó: những con người, những vật, những quan hệ ngăn cản việc giải phóng nhân dân - thì chúng ta mới gọi đó là những biểu hiện thực tế... chúng ta không tiếc sinh mạng và bất chấp bất cứ sự đe dọa nào, sự khó khăn nào và sự nguy hiểm nào, v.v... Chúng ta phải dùng một loạt những cố gắng gan góc và thậm chí liều lĩnh lao vào cuộc sống nhân dân và sau khi thức tỉnh nhân dân tin vào chúng ta, và tin tưởng vào bản thân, tin tưởng vào sức mạnh của chính họ, thì phát động, đoàn kết và thúc đẩy họ tiến lên hoàn thành thắng lợi sự nghiệp của chính họ".

Nhưng những câu nói cách mạng của tạp chí "Sự trừng phạt" bỗng nhiên biến thành những lời công kích đối với "Sự nghiệp nhân dân", một tạp chí Nga xuất bản ở Giơ-ne-vơ và đã bảo vệ cương lĩnh và tổ chức của Quốc tế<sup>361</sup>. Đối với hoạt động tuyên truyền của Đồng minh của Ba-cu-nin ở Nga - được tiến hành bằng danh nghĩa của Quốc tế - thì điều quan trọng bật nhất rõ ràng là phải bắt cái tạp chí đã vạch trần sự lừa bịp của nó, phải im lặng.

"Nếu như tạp chí nói trên cứ đi theo con đường ấy, thì chúng ta nhất định sẽ phải bày tỏ và biểu lộ thái độ của mình đối với nó... Chúng ta tin chắc rằng những người hành động thật sự sẽ vứt bỏ ngay bây giờ mọi thứ lý luận, nhất là thứ lý luận suông. *Bằng mọi thủ đoạn thực tế hiện có trong tay, chúng ta có thể ngăn cản* việc phổ biến những tác phẩm, tuy là chân thật, nhưng trái ngược hẳn với ngọn cờ của chúng ta".

Sau mấy lời đe dọa ấy đối với đối thủ nguy hiểm của mình, "Sự trừng phạt của nhân dân" nói tiếp:

"Trong số những truyền đơn xuất bản trong thời gian gần đây ở nước ngoài, chúng tôi xin giới thiệu hầu như một cách tuyệt đối *lời kêu gọi của Ba-cu-nin gửi thanh niên học sinh không đảng cấp*... Ba-cu-nin khuyên các anh rời bỏ học viện, rời bỏ trường đại học, rời bỏ các trường học và đi vào nhân dân, thế là đúng".

Như ta thấy Ba-cu-nin không bao giờ bỏ lỡ cơ hội tự tâng bốc mình.

Bài thứ hai mang tiêu đề: "Quan niệm xưa và nay về sự nghiệp". Ở trên chúng ta thấy Ba-cu-nin và Ne-sa-ép đã dọa dẫm cơ quan ngôn luận Nga của Quốc tế xuất bản ở nước ngoài như thế nào rồi, trong bài này, chúng ta sẽ thấy họ công kích Sép-nư-sép-xki ra sao, một người đã làm nhiều nhất ở nước Nga để lôi cuốn phong trào xã hội chủ nghĩa tầng lớp thanh niên mà họ tự mạo nhận là đại diện của họ.

"Cố nhiên, những người nông dân không bao giờ nặn óc nghĩ ra những hình thức của chế độ xã hội tương lai, thế nhưng sau khi diệt trừ tất cả những gì cản trở họ (tức là sau khi tiến hành cuộc cách mạng phá huỷ tất cả, tức là việc đầu tiên, do đó đối với chúng ta cũng là việc chủ yếu nhất) họ có khả năng tự sắp đặt cuộc sống sáng suốt hơn nhiều, tốt đẹp hơn nhiều, so với một sự sắp đặt có thể rút ra dựa theo tất cả những lý luận và đề án được viết ra bởi những nhà xã hội chủ nghĩa - khổng luận tự xưng là ông thầy của nhân dân, mà chủ yếu là kẻ chỉ huy nhân dân. Đối với con mắt nhân dân không bị cặp kính văn minh làm cho hư hỏng, thì ý đồ của những ông thầy không được hoan nghênh ấy quá rõ ràng, cái ý đồ muốn dành cho mình và những người giống như mình *chỗ béo bở* dưới sự che đậy của khoa học và

nghệ thuật... Dù cho những ý đồ đó có chân thực, có ngây thơ như là một thuộc tính không thể tách rời của con người thối nát nên văn minh hiện đại, thì điều đó cũng chẳng làm cho nhân dân dễ dàng hơn đâu. Trong tổng Ca-dắc do Va-xi-li U-xơ lập ra ở A-xtơ-ra-kha sau khi Xten-ca Ra-din xuất hiện từ nơi đó, thì mục đích lý tưởng về bình đẳng xã hội đã đạt đến một mức độ hết sức lớn, nhiều hơn là trong những pha-lăng-tơ của Phu-ri-ê, trong những học viên của Ca-bê, của Lu-i Blăng và của những nhà xã hội chủ nghĩa bác học khác"; (!) hơn là trong những hội hiệp tác của Séc-nư-sép-xki".

Tiếp theo là cả hàng trang giấy chửi bới chĩa vào Séc-nư-sép-xki và các đồng chí của ông.

Cái *chỗ béo bở* mà Séc-nư-sép-xki đã chuẩn bị cho mình, - đó chính là cái chỗ mà Chính phủ Nga đã dành cho ông trong nhà tù Xi-bia, trong khi đó Ba-cu-nin làm một nhân viên công tác cách mạng châu Âu đã tránh được nguy hiểm đó, chỉ có những biểu hiện *từ nước ngoài*. Và chính vào lúc mà chính phủ nghiêm cấm ngay cả việc nhắc đến tên của Séc-nư-sép-xki trên báo chí, thì các ông Ba-cu-nin và Ne-sa-ép lại công kích ông Séc-nư-sép-xki.

Những nhà cách mạng "vô định hình" của chúng ta nói tiếp:

"Chúng ta nhận lấy trách nhiệm đập tan toà nhà xã hội mục nát... Chúng ta từ nhân dân mà ra, mình mấy bị cắn xé bởi chế độ hiện nay, lòng đầy căm thù đối với tất cả cái gì phi nhân dân, chúng ta không biết đến nghĩa vụ đạo đức và sự tôn trọng đối với cái thế giới mà chúng ta căm ghét và không mong nó đem lại cái gì cho chúng ta ngoài tai họa. Chúng ta chỉ có một kế hoạch phủ định bất biến - kế hoạch phá hủy không thương xót. Chúng ta cự tuyệt thẳng việc vạch ra những điều kiện sinh hoạt tương lai, coi đó là một việc không phù hợp với hoạt động của chúng ta; và vì vậy chúng ta coi mọi công tác lý luận đơn thuần của trí óc đều là vô ích... Chúng ta đảm nhận việc thuần túy phá hủy chế độ xã hội hiện hành".

Hai người thích những biểu hiện từ nước ngoài ấy nói ám chỉ rằng hành vi mưu sát Nga hoàng vào năm 1866 nằm trong "một loạt những hành động phá hủy tất cả" của hội bí mật của họ:

"Ngày 4 tháng Tư 1866, Ca-ra-cô-dốp đã mở đầu sự nghiệp thần thánh của chúng ta. Kể từ lúc đó, thanh niên bắt đầu có ý thức về lực lượng cách mạng của mình. Một tấm gương, đó là sự thật! với ý nghĩa ngày càng to lớn, không một sự tuyên truyền nào có thể sánh được với nó".

Sau đó, hai ông lập ra một bản danh sách dài "những tên chó chết" mà uỷ ban phải xử tử ngay. Nhiều người "sẽ bị cắt lưỡi"... nhưng mà,

*"chúng ta sẽ không động đến Nga hoàng...* Chúng ta sẽ để Nga hoàng sống cho đến ngày phán xử của nhân dân, của người nông dân; quyền này là của toàn thể nhân dân... Hãy để cho tên đao phủ của chúng ta sống đến giờ phút cơn bão tố nhân dân nổi lên"...

Không ai dám hoài nghi về điều sau đây: những bài văn đả kích bằng tiếng Nga ấy, những quy chế bí mật và tất cả những trước tác do Ba-cu-nin công bố bằng tiếng Pháp từ năm 1869, đều xuất xứ từ một nguồn. Ngược lại, cả ba loại trước tác ấy đều bổ sung cho nhau. Ba loại trước tác ấy, ở một mức nào đó, tương ứng với ba thứ hạng thân tín của cái tổ chức lừng tiếng phá hủy tất cả. Những tập sách nhỏ bằng tiếng Pháp của ông B. viết cho những hội viên thường của Đồng minh, có chú ý đến những định kiến của họ. Với họ người ta nói đến tình trạng vô chính phủ thuần túy, đến chủ nghĩa chống cực quyền, sự liên hợp tự do của những nhóm tự trị và những điều vô hại đại loại như thế: tất cả những cái đó chỉ là những chuyện lông bông. Những quy chế bí mật là dành cho những người anh em quốc tế phương Tây; ở đây tình trạng vô chính phủ biến thành "sự buông thả hoàn toàn của cuộc sống nhân dân... của những dục vọng xấu xa", nhưng bên trong tình trạng vô chính phủ ấy có một nhân tố chỉ đạo bí mật - chính là những người anh em đó; đối với họ, người ta chỉ nói một số điều ám chỉ rất mập mờ về đạo đức của Đồng minh vay mượn ở Lô-i-ô-la; về sự cần thiết phải phá hủy hết sạch thì chỉ nhắc sơ qua mà thôi, bởi vì đây

là những người Tây Âu được giáo dục theo những định kiến phi-li-xtanh và đòi hỏi một thái độ cẩn thận hơn đôi chút. Đối với họ, người ta chỉ nói rằng cái chân lý quá loá mắt đối với những ai chưa quen với tình trạng vô chính phủ chân chính, sẽ được trình bày hết sức đầy đủ trong cương lĩnh của chi hội nước Nga. Chỉ riêng với những người vô chính phủ chủ nghĩa bả sinh, với đám người được chọn lựa, với lớp thanh niên nước Nga thần thánh của mình thì nhà tiên tri mới dám nói toạc móng heo ra. Ở đây tình trạng vô chính phủ đã biến thành một sự phá huỷ tất cả có tính chất phổ biến; cách mạng biến thành một loạt những vụ ám sát, ban đầu thì ám sát cá nhân, về sau thì ám sát hàng loạt; quy tắc xử sự duy nhất là đạo đức kiểu dòng Tên được tán tụng hết lời; mẫu mực của người cách mạng là tên kẻ cướp. Ở đây tư tưởng và khoa học bị kiên quyết cấm đối với thanh niên, bị coi là những công việc trần tục có thể làm cho họ hoài nghi cái tư tưởng chính thống phá huỷ tất cả. Kẻ nào cứ kiên trì tà thuyết dị giáo hoặc cứ muốn phê phán một cách tầm thường những giáo lý về tính vô định hình phổ biến thì hãy coi chừng toà án tôn giáo thần thánh trước thanh niên Nga, về thực chất cũng như về hình thức, vì giáo hoàng này chẳng cần phải e dè là gì cả. Ông ta tự do muốn nói gì thì nói. Sự nghèo nàn hết sức về tư tưởng được thể hiện trong những lời nói bông lông văn hoa bóng bẩy đến nỗi không thể nào dịch ra tiếng Pháp mà lại không làm giảm tính chất khôi hài của nó. Tiếng nói của ông ta thậm chí không phải là tiếng Nga, mà là tiếng Tác-ta, như một người Nga đã nói. Những con người bé nhỏ không có đầu óc ấy nói những câu đáng sợ, làm ra vẻ ta đây để tỏ ra là những người khổng lồ cách mạng trong con mắt của chính bản thân họ. Đó là câu chuyện ngụ ngôn về con ếch và con bò.

Những người cách mạng đó mới đáng sợ làm sao! Họ muốn tiêu diệt tất cả, "hết tất cả", và biến tất cả thành những cái vô định hình; họ lập ra danh sách kẻ thù, dùng dao găm, thuốc độc,

dây thắt cổ và đạn súng ngắn để chống lại những nạn nhân của họ, thậm chí họ định "cất lưởi" một số người này, nhưng họ lại cúi mình trước uy nghiêm của Nga hoàng. Mà quả vậy, Nga hoàng, giới quan lại, quý tộc, giai cấp tư sản có thể ngủ yên giấc. Đồng minh tiến hành cuộc chiến tranh không phải với những nhà nước đang tồn tại, mà với những người cách mạng không muốn hạ mình đóng vai diễn viên phụ của vở bi hài kịch mà Đồng minh đang trình diễn. Hoà bình cho cung đình, tuyên chiến với túp lều! Họ nói xấu Sép-nư-sép-xki; họ cảnh cáo các biên tập viên báo "Sự nghiệp nhân dân" rằng họ sẽ dùng "những thủ đoạn thực tế có trong tay" để bắt những biên tập viên ấy phải im lặng; Đồng minh đưa cái chết ra dọa dẫm tất cả những người cách mạng không ăn cánh với họ. Đây là phần duy nhất, trong cái cương lĩnh phá huỷ tất cả, đã được họ bắt đầu thực hiện. Bấy giờ chúng tôi xin kể công trạng đầu tiên của họ về mặt này.

Từ tháng Tư năm 1869, Ba-cu-nin và Ne-sa-ép bắt tay chuẩn bị cơ sở cho cách mạng ở nước Nga. Họ đã gửi đi từ Giơ-ne-vơ những bức thư, lời kêu gọi, điện báo đến Xanh - Pe-téc-bua, Ki-ép và những thành phố khác. Thực ra thì hai người này biết rõ rằng không thể nào gửi thư từ, lời kêu gọi và nhất là điện báo về nước Nga mà lại không bị "Phòng III" (cảnh sát bí mật) tìm hiểu. Tất cả những điều đó chỉ nhằm một mục đích là hãm hại người ta. Những thủ đoạn đê tiện ấy của những người không gặp nguy hiểm gì cả tại mảnh đất Giơ-ne-vơ bình an vô sự của mình, đã dẫn đến nhiều vụ bắt bớ tại nước Nga. Mà chính đã có người báo trước cho họ biết, họ đang tạo ra nguy cơ gì. Chúng ta có bằng cứ chứng minh rằng đoạn văn sau đây trong một bức thư từ Nga gửi đi đã được báo cáo với Ba-cu-nin.

"Lạy Chúa, hãy chuyển lời cho Ba-cu-nin, nếu đối với ông ta có một chút gì đó thiêng liêng trong cách mạng, thì ông ta hãy thôi gửi đi những tờ truyền đơn kỳ quặc

của mình đang gây nên những vụ khám xét và bắt bớ trong nhiều thành phố và đang làm tê liệt mọi hoạt động nghiêm túc".

Ba-cu-nin đã trả lời rằng tất cả điều đó đều là bịa đặt và Ne-sa-ép đã đi Mỹ rồi. Nhưng như chúng ta sẽ thấy sau đây, bộ luật bí mật của Ba-cu-nin đã quy định phải "làm cho những người mưu cầu danh vọng và những người tự do chủ nghĩa đủ mọi màu sắc phải bị mất hết danh dự... Khiến cho họ không thể quay trở lại được và khi đó sẽ sử dụng họ" ("Vấn đáp về cách mạng" §19).

Dưới đây là một bằng chứng. Ngày 7 tháng Tư 1869, Ne-sa-ép viết thư cho bà Tô-mi-lô-va, vợ của một vị đại tá, vị đại tá về sau vì thương sót vợ bị bắt mà đã chết; trong thư nói rằng "công việc ở Giơ-ne-vơ nhiều quá" và thúc giục bà này cử một người tin cậy đến đây để bàn bạc với anh ta. "Công việc cần phải bàn, không phải chỉ liên quan đến việc buôn bán của chúng ta, mà còn liên quan đến việc buôn bán của toàn châu Âu. Công việc ở đây đang sôi sục lên. Hiện đang nấu một nồi cháo mà cả châu Âu húp không hết. Nhanh lên nhé". Sau đó đề địa chỉ Giơ-ne-vơ. Bức thư đã không đến tay người nhận; bức thư đã bị cảnh sát mật chop được tại bưu điện và dẫn đến hậu quả là bà Tô-mi-lô-va đã bị bắt, chỉ trong quá trình điều tra, bà ta mới biết bức thư này (báo cáo về vụ án Ne-sa-ép, "Tin tức Xanh-Pê-téc-bua" số 187, 1871<sup>1)</sup>).

Còn một sự việc nữa chứng minh Ba-cu-nin đã tỏ ra cẩn thận chu đáo như thế nào khi tổ chức âm mưu. Một sinh viên của học viên Ki-ép tên là Máp-ri-xki nhận được các truyền đơn từ Giơ-ne-vơ gửi tới cho anh. Anh liền giao những truyền đơn ấy cho cấp trên,

---

1) Tất cả những sự kiện mà chúng tôi dẫn chứng về âm mưu của Ne-sa-ép đều được rút ra trong các bài tường thuật về vụ án này đăng trên tờ "Tin tức Xanh Pê-téc-bua". Chúng tôi sẽ chỉ rõ những sự kiện ấy được rút ra trong các số nào của tờ báo này.

cấp trên vội vàng cử đến Giơ-ne-vơ một người được uỷ nhiệm, tức là một tên mật vụ. Ba-cu-nin và Ne-sa-ép đi lại thân mật với người đại diện này từ miền Nam nước Nga đến, cung cấp cho người đó những truyền đơn, những địa chỉ của những người mà Ne-sa-ép, theo lời ông ta, vốn quen biết ở Nga, và trao cho người đó một bức thư mà người ta chỉ có thể hiểu là thư uỷ nhiệm và giới thiệu ("Tin tức Xanh Pê-téc-bua" số 187).

Ngày 3 tháng Chín (tức ngày 15 tháng Chín theo lịch mới) năm 1869, Ne-sa-ép đến Mát-xcơ-va, với tư cách là phái viên của Uỷ ban cách mạng thế giới ở Giơ-ne-vơ, tới thăm U-xpen-xki, một thanh niên mà Ne-sa-ép đã quen biết trước khi ra nước ngoài, và đã xuất trình cho anh ta giấy uỷ nhiệm được nói ở trên. Ne-sa-ép đã báo cho anh ta biết rằng có những phái viên của Uỷ ban châu Âu này, được cấp những giấy uỷ nhiệm tương tự như thế, đến Mát-xcơ-va, còn về phần Ne-sa-ép thì bản thân anh ta được giao "tổ chức hội kín trong thanh niên học sinh... để phát động cuộc khởi nghĩa nhân dân ở nước Nga". Theo sự giới thiệu của U-xpen-xki, Ne-sa-ép trong khi tìm kiếm chỗ trú chân chắc chắn đã được đưa đến Học viện nông nghiệp ở cách thành phố khá xa, và tại đây đã liên hệ với I-va-nốp, một người trong số sinh viên nổi tiếng nhất về lòng trung thành đối với lợi ích của thanh niên và của nhân dân. Kể từ lúc đó, Học viện nông nghiệp trở thành trung tâm hoạt động của Ne-sa-ép. Ban đầu anh ta dùng họ tên giả và nói rằng anh đã đi rất nhiều nơi khắp nước Nga, rằng nhân dân khắp nơi đang chuẩn bị khởi nghĩa và nếu những người cách mạng không khuyến họ nên nhẫn nại khi chưa xây dựng xong một tổ chức rộng rãi và mạnh mẽ liên hiệp được tất cả những lực lượng cách mạng nước Nga thành một khối, thì họ đã vùng lên khởi nghĩa từ lâu rồi, Ne-sa-ép đã thúc giục I-va-nốp và những sinh viên khác gia nhập hội kín này do một Uỷ ban vận năng lãnh đạo, với danh nghĩa của uỷ ban này thì người ta đã làm mọi việc, những thành phần và trụ sở của Uỷ ban này thì hội viên của hội không được biết. Uỷ ban ấy và tổ chức ấy



là *phân bộ Nga của Hội liên hiệp thế giới, của Đông minh cách mạng, của Hội liên hiệp công nhân quốc tế*<sup>1)</sup>.

Ne-sa-ép trước tiên phân phát trong sinh viên những ấn phẩm "Mấy lời" nói ở trên, nhằm mục đích làm cho sinh viên biết rằng Ba-cu-nin, một nhà cách mạng nổi tiếng năm 1848, đã thoát khỏi Xi-bia, hiện đang đóng một vai trò to lớn tại châu Âu, rằng Ba-cu-nin, một tổng đại diện toàn quyền của công nhân, ông ta ký các giấy uỷ nhiệm của Uỷ ban trung ương Hội liên hiệp quốc tế và vị anh hùng này đang khuyên họ vứt bỏ việc học hành, v.v.. Để đem lại cho họ một tấm gương chói lọi về lòng trung thành" cho đến khi chết, Ne-sa-ép đã đọc thơ của Ô-ga-rép, một người bạn của Ba-cu-nin và cộng tác viên của báo "Cái chuông" của Ghéc-sen, bài thơ ấy đầu đề là "*Anh sinh viên*" và tặng cho "người bạn trẻ Ne-sa-ép"<sup>362</sup>. Ne-sa-ép được mô tả trong bài thơ ấy là một sinh viên lý tưởng, "một chiến sĩ không biết mệt mỏi từ những năm tuổi thơ". Trong những vần thơ của mình, Ô-ga-rép đã tán dương những nỗi khổ mà Ne-sa-ép đã từng chịu đựng từ thời niên thiếu vì công tác tích cực về khoa học; lòng trung thành của Ne-sa-ép đối với nhân dân được bồi dưỡng như thế nào; vì sự báo thù của Nga hoàng và sự sợ hãi của quý tộc mà Ne-sa-ép buộc phải ra đi, chuốc lấy cuộc đời phiêu bạt như thế nào (skitanie, lưu lạc tha hương); Ne-sa-ép đi chu du như thế nào để kêu gọi tất cả nông dân từ đông sang tây: hãy liên hiệp lại, hãy dũng cảm vùng lên v.v., và v.v., Ne-sa-ép đã kết thúc cuộc đời khổ sai

1) Cần nói rõ rằng những từ: association, union, alliance (obchtechestvo, soiouz, tovarichtchestvo) trong tiếng Nga ít nhiều đồng nghĩa với nhau và thường được dùng không có sự phân biệt. Từ "quốc tế" cũng như vậy, trong nhiều trường hợp được dịch thành từ "thế giới" ("vsemirnyi"). Vì vậy trong báo chí Nga, những từ "Hội liên hiệp quốc tế" thường được dịch thành những từ mà người ta có thể dịch ngược lại bằng tiếng Pháp thành "Đông minh thế giới". Lợi dụng sự rối rắm về thuật ngữ ấy, Ba-cu-nin và Ne-sa-ép đã lợi dụng được tên gọi của Hội liên hiệp chúng ta và làm hại khoảng chừng một trăm thanh niên.

ở vùng băng tuyết Xi-bia như thế nào; nhưng suốt đời Ne-sa-ép không giả dối, vẫn trung thành với cuộc đấu tranh, và trước khi trút hơi thở cuối cùng, Ne-sa-ép còn nhắc lại: hãy bảo vệ cho toàn thể nhân dân đất đai và tự do của họ! - Bài thơ mang tinh thần Đông minh ấy đã được in vào mùa xuân năm 1869, trong khi Ne-sa-ép đang chơi bời tiêu khiển ở Giơ-ne-vơ. Bài thơ đó được gói thành từng chồng cùng với những tờ hiệu triệu khác gửi đi Nga. Việc chép lại một cách đơn giản bài thơ đó rõ ràng là có tính chất gọi lên tinh thần tự hy sinh cho những tin đồn mới, bởi vì Ne-sa-ép, theo lệnh của uỷ ban, buộc mỗi hội viên mới gia nhập hội đều phải chép lại bài thơ đó và phổ biến nó (lời khai của một vài bị cáo).

Có lẽ chỉ riêng âm nhạc là có sứ mệnh thoát khỏi cái tính vô định hình mà sự phá huỷ tất cả khắp mọi nơi đã dành sẵn cho tất cả nghệ thuật và khoa học. Ne-sa-ép nhân danh uỷ ban đã chỉ thị dùng *âm nhạc cách mạng* giúp đỡ công tác tuyên truyền và đã tìm mọi cách đem phổ nhạc bài thơ tuyệt tác ấy cho thanh niên có thể hát vang ("*Tin tức Xanh - Pê-téc-bua*" số 190).

Truyền thuyết thần bí về cái chết của Ne-sa-ép không cản trở anh ta nói ám chỉ rằng Ne-sa-ép có thể còn sống, và thậm chí không cản trở anh ta tiết lộ bí mật cho biết rằng Ne-sa-ép hiện đang ở U-ran làm công nhân và tổ chức các đoàn thể công nhân ở đấy. ("*Tin tức X.Pê-téc-bua*" số 202). Anh ta đã để lộ điều bí mật ấy ra chủ yếu là cho những kẻ "không bao giờ làm được cái gì ra trò", tức là những kẻ mơ tưởng thành lập những hội liên hiệp công nhân; anh ta muốn làm cho họ cảm phục con người anh hùng thần thoại ấy. Khi những truyền thuyết về cái gọi là vụ chạy trốn khỏi pháo đài Pe-tơ-rô Páp-lốp của anh ta và về cái chết đầy thi vị của anh ta ở Xi-bia đã tẩy não người ta khá đủ rồi, và khi mà sách vấn đáp chính trị, theo sự tính toán của anh ta, đã in khá sâu vào đầu óc của những người thân tín thì cuối cùng anh ta đã thực hiện sự phục sinh của mình theo kiểu kinh phúc âm và tuyên bố Ne-sa-ép chính là đích thân "Anh ta"!

Nhưng bây giờ đây không còn Ne-sa-ép xưa kia, mà đã bị sinh viên Pê-téc-bua chế giễu và khinh bỉ rồi, theo lời của những người làm chứng và bị cáo. Bây giờ anh ta là đại diện toàn quyền của Ủy ban cách mạng thế giới. Ba-cu-nin đã thực hiện pháp mầu cải biến bộ mặt của anh ta. Ne-sa-ép đã đáp ứng tất cả những yêu cầu của quy chế của cái tổ chức mà bản thân anh ta tuyên truyền; anh ta "đã làm một số việc nổi bật được Ủy ban biết đến và đánh giá cao"; ở Bruy-xen anh ta đã tổ chức một cuộc bãi công lớn của các hội viên Quốc tế và lãnh đạo cuộc bãi công đó; uỷ ban Bỉ đã phái anh ta làm đại biểu đi gặp tổ chức của quốc tế ở Giơ-ne-vơ, ở đây anh ta gặp Ba-cu-nin, những vì, theo lời anh ta, anh ta "không ưa thoả mãn với những thành tích đã đạt được", nên đã trở về Nga để bắt tay "hoạt động cách mạng". Anh ta còn quả quyết rằng cùng đi với anh ta về nước Nga có cả một bộ tham mưu gồm mười sáu người Nga lưu vong<sup>1)</sup>.

U-xpen-xki, I-va-nốp và còn có bốn hoặc sáu thanh niên nữa có lẽ là những người duy nhất ở Mát-xcơ-va đã bị tất cả những trò bịp ấy làm cho lú lẫn. Trong số các hội viên thân tín đó, có bốn người được lệnh chiêu mộ những người ủng hộ mới và lập ra những nhóm hoặc những chi hội nhỏ. Trong hồ sơ vụ án có kế hoạch tổ chức đó; kế hoạch này hầu như phù hợp với kế hoạch của Đồng minh bí mật. "Nguyên tắc tổ chức chung" đã được truyền đọc ra trước phiên tòa, trong số những người thân tín chủ yếu, không một ai phủ nhận tính chất xác thực của những văn bản đó; thêm vào đó, số 2 của tạp chí "Sự trừng phạt của nhân dân", do Ba-cu-nin và Ne-sa-ép chủ biên, cũng thừa nhận tính chất xác thực của những điều sau đây:

"Tổ chức được xây dựng trên cơ sở *tín nhiệm* đối với cá nhân.- Không một thanh niên nào biết được mình thuộc vào thứ hạng nào, tức là không biết mình xa hay gần trung tâm đến mức nào. - *Phục tùng vô điều kiện những mệnh lệnh của ủy ban.* - Từ

1) Trong số người Nga lưu vong không có ai trở về Nga cả, mà khắp cả châu Âu cũng chẳng tìm đủ con số mười sáu người Nga lưu vong chính trị.

bỏ tài sản nó được giao cho uỷ ban quản lý. - Thành viên nào đã kiếm được một số lượng tín đồ mới nhất định của sự nghiệp đã chứng tỏ bằng hành động sức lực và tài năng của mình, thì đều có thể xem những chỉ thị đó và sau này ít nhiều cũng có thể xem cả điều lệ của hội. Sức lực và tài năng đến mức nào là do uỷ ban xác định".

Để lừa dối những thanh niên ở Mát-xcơ-va, Ne-sa-ép đã nói với họ rằng tại Xanh Pê-téc-bua đã có một tổ chức rộng lớn, thực ra thì ở đấy không có một tổ nào, một chi hội nào cả. Một lần, vì không giữ ý, Ne-sa-ép đã hét to trong khi một hội viên thân tín có mặt: "Ồ Pê-téc-bua, chúng đã phụ bạc tôi, như những người đàn bà, và phản bội tôi, như những tên nô lệ". Ở Pê-téc-bua, ngược lại, ông ta lại nói rằng tổ chức này đang phát triển nhanh chóng một cách kỳ lạ ở Mát-xcơ-va.

Vì ở thành phố Mát-xcơ-va này có người bày tỏ nguyện vọng muốn gặp một uỷ viên nào đó của Ủy ban, cho nên Ne-sa-ép đã mời một viên sĩ quan trẻ tuổi Pê-téc-bua có quan tâm đến phong trào sinh viên, cùng anh ta đi đến Mát-xcơ-va để thăm những tổ ấy. Người trẻ tuổi ấy đã đồng ý, và trên đường đi, Ne-sa-ép đã phong người đó cái chức "*đại diện toàn quyền đặc mệnh của uỷ ban Hội liên hiệp quốc tế ở Giơ-ne-vơ*".

"Nếu không phải là hội viên, - anh ta nói với người đó. - thì Ngài không thể tham dự các cuộc họp của chúng tôi, nhưng đây là giấy uỷ nhiệm cấp cho Nga, chứng thực Ngài là hội viên của Hội liên hiệp Quốc tế; với tư cách là hội viên như thế, người ta sẽ để Ngài tham dự".

Giấy uỷ nhiệm là giấy mẫu in sẵn bằng tiếng Pháp, viết: "Người xuất trình giấy này là người được uỷ nhiệm của Hội liên hiệp Quốc tế". Theo lời của một số bị cáo khác, thì Ne-sa-ép đã cam đoan với họ rằng người lạ mặt ấy "đúng là người được uỷ nhiệm của uỷ ban cách mạng ở Giơ-ne-vơ" ("Tin tức Xanh Pê-téc-bua" số 225 và số 226).

Đôn-hốp, bạn của I-va-nốp, khai rằng "khi nói đến hội kín, - một hội theo đuổi mục đích: nếu có sự phản kháng của nhân dân, thì phải ủng hộ nhân dân và lãnh đạo nhân dân giành được kết quả tốt đẹp, - Ne-sa-ép đã nhắc đến Hội liên hiệp quốc tế và nói rằng Ba-cu-nin đảm nhiệm việc liên hệ với Hội liên hiệp này" (số 198). - Ríp-man xác nhận rằng Ne-sa-ép "muốn làm cho anh từ bỏ tư tưởng về tổ hợp lao động, đã nói với anh rằng hiện có một Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở nước ngoài; để đạt tới mục đích mà Hội liên hiệp ấy đang theo đuổi, chỉ cần gia nhập hội đó là đủ, ở Mát-xcơ-va có một phân bộ của hội này" (số 198). Căn cứ theo những lời khai tiếp theo thì thấy rằng Ne-sa-ép đã mạo nhận Quốc tế là hội kín, và mạo nhận hội của bản thân mình là chi hội của Quốc tế. Chẳng hạn, anh ta đã bảo đảm với những người thân tín rằng chi hội Mát-xcơ-va của họ, cũng giống như Quốc tế, sẽ tiến tới những cuộc bãi công có quy mô to lớn và thành lập những hội liên hiệp. Khi bị cáo Ríp-man hỏi xin anh ta bản cương lĩnh của hội, Ne-sa-ép đã đọc cho Ríp-man nghe vài đoạn trong một tờ truyền đơn tiếng Pháp nói về mục đích của hội; bị cáo cho rằng tờ truyền đơn đó là cương lĩnh của Quốc tế; bị cáo còn nói thêm: "Bởi vì trên báo chí đã nói rất nhiều về hội này, cho nên tôi không thấy trong đề nghị của Ne-sa-ép có điều gì đặc biệt tội lỗi". Cu-dơ-nê-xốp, một trong những bị cáo chính, tuyên bố rằng Ne-sa-ép đã đọc cho anh ta nghe cương lĩnh của Hội liên hiệp Quốc tế (số 181); người anh em của Cu-dơ-nê-xốp khai rằng "anh đã thấy có người đã dịch từ tiếng Pháp tờ truyền đơn tại nhà người anh em của anh; anh cho rằng tờ truyền đơn ấy là cương lĩnh hoặc điều lệ của một hội nào đó" (số 202). - Bị cáo Cli-min khai rằng anh đã được nghe đọc bản "cương lĩnh của Hội liên hiệp quốc tế có phần ghi chú của Ba-cu-nin, bản cương lĩnh này, theo chỗ tôi nhớ, dùng những lời lẽ rất là chung chung, đến nỗi không nói đến những thủ đoạn đạt tới mục đích, mà lại nói đến sự bình đẳng chung" (số 199). Bị cáo Ga-vri-sép giải bày rằng "nội dung của tờ truyền đơn tiếng

Pháp, theo chỗ anh ta có thể hiểu là sự trình bày những ý kiến của các đại diện chủ nghĩa xã hội đã họp tại đại hội ở Giơ-ne-vơ". Cuối cùng, lời khai của bị cáo Xvi-át-xki đã cho chúng ta thấy hoàn toàn rõ ràng tờ truyền đơn tiếng Pháp bí mật ấy là cái gì: trong khi khám xét ở nhà bị cáo đó người ta tìm thấy một tờ truyền đơn viết bằng tiếng Pháp, đầu đề là: "Cương lĩnh của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế". Xvi-át-xki nói: "Trên các báo chí đã nói đến *Hội liên hiệp quốc tế*, tôi muốn biết cương lĩnh của nó chỉ là với mục đích lý luận mà thôi" ("*Tin tức Xanh-Pê-téc-bua*" số 230). Những lời khai ấy chứng minh rằng cương lĩnh bí mật của Đồng minh được chép tay để phân phát với tính cách là cương lĩnh của Quốc tế. Lời khai của bị cáo chủ yếu U-xpen-xki chứng tỏ rằng Ủy ban cách mạng thế giới mà Ne-sa-ép tự xưng là phái viên, và Trung ương của Đồng minh (ông B.) chỉ là một. U-xpen-xki khai rằng anh ta đã thu thập tất cả những biên bản các cuộc họp của tổ "để gửi báo cáo về những cuộc họp ấy cho Ba-cu-nin ở Giơ-ne-vơ". Prư-giốp, một trong những bị cáo chính, khai rằng Ne-sa-ép sai anh ta đến Giơ-ne-vơ và chuyển báo cáo cho Ba-cu-nin.

Vì khuôn khổ có hạn, ở đây chúng tôi không thể kể hết tất cả những vụ lừa bịp, những việc làm ngu xuẩn, những vụ lừa đảo và những hành vi bạo lực của tên tay sai của Ba-cu-nin đã bị vạch trần trong thời gian xét xử. Chúng tôi chỉ nêu lên mấy sự việc nổi bật nhất.

Trong tổ chức này, tất cả đều là bí mật. Đôn-hốp kể lại rằng "trước khi vào hội, anh muốn biết cơ cấu tổ chức và phương pháp hoạt động của hội ấy; Ne-sa-ép nói rằng đó là bí mật, nhưng sau này bí mật đó sẽ được tiết lộ với anh" ("*Tin tức Xanh-Pê-téc-bua*" số 198). - Khi hội viên của hội dám nêu lên những câu hỏi, thì Ne-sa-ép đã bịt miệng họ lại, nói rằng, theo điều lệ, bất cứ ai hễ chưa làm được một việc gì xuất sắc, thì không có quyền biết cái gì cả (số 199). - Một bị cáo nói: "Chẳng bao lâu sau khi chúng tôi đồng ý gia nhập hội, Ne-sa-ép bắt đầu lấy quyền lực và sức

manh của uỷ ban để dọa dẫm chúng tôi, theo lời của anh ta, uỷ ban đó đang tồn tại và lãnh đạo chúng tôi, anh ta nói rằng uỷ ban có đội cảnh sát của mình, nếu kẻ nào làm trái lời thề của mình và trái lệnh của những người *cấp trên* của nhóm chúng tôi, thì uỷ ban sẽ báo thù về việc đó". Một bị cáo thú nhận rằng "sau khi thấy rõ những trò bịp bợm của Ne-sa-ép, anh ta báo cáo với Ne-sa-ép biết ý định của anh muốn hoàn toàn không dính đến việc làm đó và đến Cáp-ca-dơ để tĩnh dưỡng sức khoẻ. Ne-sa-ép tuyên bố với anh ta rằng không thể như thế được và uỷ ban có thể xử tử anh ta nếu anh ta dám rút lui khỏi hội; đồng thời Ne-sa-ép ra lệnh cho anh ta đến tham dự một hội nghị, nói về hội bí mật ở đây để chiêu mộ những tín đồ mới, và đọc bài thơ về cái chết của Ne-sa-ép. Khi bị cáo này không chịu nghe lời, Ne-sa-ép liền đe dọa anh, hấn nói: tranh luận không phải là việc của anh - anh phải nghiêm chỉnh chấp hành lệnh của uỷ ban" (số 198). - Giá như đó chỉ là trường hợp cá biệt, thì còn có thể nghi ngờ về việc đó, song nhiều bị cáo đã không thể nào thông đồng với nhau, vậy mà lại cùng khai hoàn toàn giống nhau. Một bị cáo khác cũng nói rằng các hội viên trong tổ sau khi biết rằng mình bị lừa dối, muốn ra khỏi hội, nhưng không dám làm như thế, sợ uỷ ban báo thù (số 198).

Một người làm chứng, khi nói về một bị cáo là bạn của mình, đã nói: bị cáo Phlô-rin-xki không biết làm thế nào thoát khỏi Ne-sa-ép, kẻ đã không để cho anh ta làm việc; người làm chứng này đã khuyên anh ta đi khỏi Mát-xcơ-va và đến Pê-téc-bua, nhưng Phlô-rin-xki đã trả lời rằng Ne-sa-ép sẽ tìm ra anh ở Pê-téc-bua, cũng như đã tìm anh ở Mát-xcơ-va; Ne-sa-ép đã củng cố niềm tin của nhiều thanh niên, dọa dẫm họ, nên Phlô-rin-xki hiển nhiên đã sợ Ne-sa-ép tố giác. Li-khu-tin khai rằng: "Chính bản thân tôi đã nghe người ta nói rằng Ne-sa-ép đã từ nước ngoài gửi cho những người quen biết của mình những bức thư có nội dung gay gắt, muốn dùng cách đó để hãm hại những người ấy, làm cho họ bị bắt. Đó là một trong những nét đặc trưng của tính cách

anh ta" (số 186). Ê-ni-séc-lốp thậm chí còn nói rằng anh ta đã bắt đầu coi Ne-sa-ép như là một tên mặt vụ của chính phủ.

Trong cuộc họp của một tiểu tổ có một người lạ tham dự với tư cách là phái viên của uỷ ban, đã tỏ ra không hài lòng những việc làm của tiểu tổ, một thành viên trong tổ, Cli-min đã trả lời cho người ấy rằng "họ cũng không bằng lòng; ban đầu người ta nói với những người được chiêu mộ vào hội này rằng mỗi chi hội có thể hành động một cách độc lập ít nhiều, không bắt các hội viên phải phục tùng một cách thụ động; nhưng sau này thái độ của người ta lại tỏ ra khác hẳn, uỷ ban đã đặt họ vào địa vị của những người nô lệ" (199). - Ne-sa-ép ra chỉ thị bằng công văn có đóng dấu: "Phân bộ Nga của Đồng minh cách mạng thế giới. Giấy công vụ", và trình bày chỉ thị theo thể thức như sau: "Uỷ ban ra lệnh cho anh làm...", hoàn thành việc gì đó, đi đến đâu đó...

Vì tuyệt vọng, một sĩ quan trẻ quyết định rút ra khỏi hội. Ne-sa-ép ra vẻ đồng ý, nhưng đòi viên sĩ quan đó nộp tiền chuộc. Phải kiếm cho anh ta một kỳ phiếu 6 000 rúp (khoảng 20 ngàn phrăng) có chữ ký của Cô-la-sép-xki. Sau vụ mưu sát Ca-ra-cô-dốp năm 1866, Cô-la-sép-xki cùng với hai người chị em của mình đã phải ngồi tù dài hạn. Chính trong lúc xảy ra chuyện mà chúng ta hiện đang kể, thì một trong hai chị em đó bị ngồi tù lần thứ hai vì liên quan đến vụ án chính trị. Cả gia đình bị cảnh sát giám sát nghiêm ngặt, còn Cô-la-sép-xki thì có thể bị bắt bất cứ lúc nào. Ne-sa-ép đã lợi dụng cơ hội đó; theo lệnh của hấn, viên sĩ quan trẻ nói trên đã mời Cô-la-sép-xki đến nhà với một cái có bịa đặt, bắt đầu trao đổi câu chuyện với Cô-la-sép-xki và giao cho anh một số truyền đơn, vì tờ mờ anh đã nhận lấy những tờ truyền đơn đó. Cô-la-sép-xki chưa kịp ra tới đường phố, đã có một viên sĩ quan đi tới và ra lệnh cho anh đi theo, và nói rằng hấn ta là quan chức của Phòng III (cảnh sát mật) và hấn ta biết rõ Cô-la-sép-xki đang mang trong mình những tờ truyền

đơn làm loạn. Cần nói rõ rằng chỉ riêng một việc giữ những tờ truyền đơn đó cũng quá đủ để làm cho một người phải chịu giam cầm nhiều năm rồi, còn nếu người đó đã không may dính líu vào một vụ án chính trị nào đó thì ắt phải bị đi đày khổ sai. Tên giả mặt vụ Phòng III đưa Cô-la-sép-xki lên xe ngựa và lập tức đề nghị anh ta phải lót tiền, ký ngay một kỳ phiếu 6 000 rúp. Bị buộc phải lựa chọn: hoặc là chấp nhận đề nghị ấy hoặc là đi đến Xi-bia. Cô-la-sép-xki đã ký vào kỳ phiếu. Hôm sau, một thanh niên khác tên là Néc-rê-xcun biết được chuyện này, nghi ngờ Ne-sa-ép có tham dự vào sự việc, lập tức tới gặp tên giả mặt vụ Phòng III và yêu cầu tên này nói rõ về vụ lừa đảo. Tên này phủ nhận mọi việc; tờ kỳ phiếu bị giấu đi và sau này mới được phát hiện trong khi khám xét. Vì âm mưu bại lộ và Ne-sa-ép phải chạy trốn, nên hắn không lấy được tiền. Néc-rê-xcun biết rất rõ Ne-sa-ép đã từ lâu. Ở Giơ-ne-vơ, Néc-rê-xcun đã là một nạn nhân của một trong những thủ đoạn lừa đảo của hắn; sau này Ba-cu-nin đã có ý đồ chiêu mộ anh ta. Ít lâu sau, anh ta bị lừa mất 100 rúp (số 230). Rốt cuộc anh ta vẫn bị Ne-sa-ép làm hại, mặc dù anh ta không còn có thể chịu nổi hắn và nhận thấy hắn có thể làm bất cứ việc đê tiện nào. Anh đã bị bắt và chết trong tù.

Chúng ta đã thấy, I-va-nốp là một trong những người đầu tiên bị Ne-sa-ép chiêu mộ. Đó là một trong những sinh viên được yêu quý nhất và có ảnh hưởng nhất của Học viện nông nghiệp Mát-xcơ-va. Anh đã đem hết sức mình chăm lo cải tiến tình hình sinh hoạt của bạn bè mình và tổ chức quỹ tương trợ và nhà ăn, ở đấy những sinh viên túng thiếu có thể được ăn trưa không phải trả tiền và những nhà ăn đó là nơi thuận tiện cho các cuộc hội họp để thảo luận những vấn đề xã hội. Anh dành tất cả thời gian rảnh rỗi của mình để dạy dỗ con em nông dân ở quanh vùng Học viện. Các bạn học của anh đều xác nhận rằng anh say sưa trung thành với sự nghiệp của mình, cống hiến cả những đồng xu cuối cùng của mình và luôn luôn phải ăn thức ăn nguội.

I-va-nốp lấy làm ngạc nhiên về những tờ truyền đơn khủng bố chủ nghĩa hết sức lộ bịch của Ne-sa-ép và Ba-cu-nin. I-va-nốp không thể hiểu nổi, tại sao uỷ ban lại ra lệnh cho anh phân phát những ấn phẩm "Mấy lời", "Bài ca về cái chết" của Ô-ga-rép, "Sự trừng phạt của nhân dân", và, cuối cùng là tờ truyền đơn thuần tuý quý tộc "Lời kêu gọi quý tộc nước Nga"<sup>1)</sup> của Ba-cu-nin. Anh bắt đầu mất hết kiên nhẫn và đi tìm hiểu xem uỷ ban này ở đâu, làm gì, uỷ ban gì mà đồng ý với Ne-sa-ép về tất cả mọi việc, nhưng lại chỉ trích các thành viên khác. Anh tỏ ý muốn gặp mặt một uỷ viên nào đó của uỷ ban; anh có quyền như vậy, bởi vì chính bản thân Ne-sa-ép đã cất nhắc anh lên một cấp tương đương

1) Đây là đoạn trích trong tờ truyền đơn của Ba-cu-nin "Lời kêu gọi quý tộc nước Nga": "Trong suốt nửa thế kỷ XIX, chúng ta từng là cột trụ của cái ngai vàng đã bao lần lung lay đến tận gốc, năm 1848 trong thời kỳ phong ba bão táp của hành động điên cuồng của nhân dân ở châu Âu, bằng những chiến công anh dũng của mình, chúng ta đã cứu nước Nga khỏi dòng thác của những ảo tưởng xã hội, - để đền đáp lại những việc làm như thế, chúng ta đã có được những đặc quyền gì nào?... Chúng ta đã cứu nhà nước khỏi bị chia cắt và đã dập tắt ngọn lửa bùng cháy ở Ba Lan đe dọa trùm lên khắp cả nước Nga: chúng ta không tiếc sức mình, với một tinh thần quả cảm vô song, để cho đến nay vẫn cố sức tẩy trừ những phần tử cách mạng ở nước Nga, để đền đáp những việc làm như thế, chúng ta đã được khen thưởng gì nào? - Mi-kha-in Mu-ra-vi-ép anh dũng sáng ngời, người mà thậm chí bản thân A-lếch-xan-đơ II mặc dù bị si đần, cũng gọi là vị cứu tinh của tổ quốc, há chẳng phải xuất thân từ tầng lớp chúng ta đó sao? - Để đền đáp tất cả những việc làm đó, chúng ta đã được cái gì nào? Vì tất cả những công lao không thể nào đánh giá hết được ấy, chúng ta đã bị tước mất tất cả những gì mà chúng ta đã có trước kia... Lời kêu gọi công khai hiện giờ của chúng ta là lời tuyên bố của *tuyệt đại đa số quý tộc Nga chân chính, đã được chuẩn bị và tổ chức từ lâu...* Chúng ta cảm thấy sức mạnh chúng ta trong quyền lợi của chúng ta và cả gan thách thức tên bạo chúa, tên công tước Đức là A-lếch-xan-đơ II Can-tư-cốp Rô-ma-nốp, và thách hắn bước vào một cuộc chiến đấu hiệp sĩ cao thượng *sẽ nổ ra* vào năm 1870 giữa con cháu của Ri-u-riích và đảng quý tộc độc lập Nga".

"Mu-ra-vi-ép anh dũng sáng ngời" chẳng phải là ai khác, mà chính là tên đao phủ đối với Ba Lan.

với cấp ủy viên uỷ ban dân tộc của Đồng minh bí mật. Lúc bấy giờ, Ne-sa-ép bèn diễn vở hài kịch, đã được mô tả ở trên, về vị phái viên Quốc tế từ Giơ-ne-vơ đến, thì mới thoát ra khỏi tình trạng khó khăn.

Có một lần, Ne-sa-ép ra lệnh trao cho uỷ ban số tiền dành cho quỹ tương trợ sinh viên. I-va-nốp phản đối, do đó giữa hai người xảy ra tranh cãi. Một số đồng chí khác khuyên I-va-nốp phục tùng quyết định của uỷ ban, vì họ đều đã thừa nhận điều lệ, điều lệ buộc họ phải phục tùng. I-va-nốp đã nhượng bộ những lời khẩn khoản của họ và phục tùng một cách miễn cưỡng. Kể từ đó, Ne-sa-ép bắt đầu nghĩ cách đuổi con người ấy ra, có lẽ Ne-sa-ép coi người ấy là một người cách mạng lý luận suông đáng chết. Hắn bắt đầu đàm đạo về mặt lý luận với U-xpen-xki về vấn đề trừng phạt và tiêu diệt những thành viên không trung thành, vì sự không phục tùng của họ có thể làm tổn hại danh dự và huỷ diệt cả tổ chức bí mật rộng lớn.

Ne-sa-ép tiến hành công cuộc của hội kín của mình theo cung cách như thế, tất nhiên gây nên sự hoài nghi về tính chất nghiêm túc của toàn bộ tổ chức. Các chi hội phải hội họp thường kỳ để thẩm tra danh sách toàn thể học sinh trong học viện và nêu lên những người cần phải lôi cuốn, và cũng để tìm cách kiếm tiền. Một trong những cách kiếm tiền ấy là tổ chức quyền góp giúp "sinh viên bị nạn", tức là những sinh viên bị đuổi theo thủ tục hành chính; số tiền thu được bằng cách đó rơi thẳng vào túi của Uỷ ban, tức là Ne-sa-ép. Các chi hội còn bị đòi hỏi phải cung cấp các thứ áo quần, được cất giữ ở một nơi chắc chắn, dành cho Ne-sa-ép dùng để cải trang trong khi chạy trốn. Nhưng công việc chủ yếu là sao chép lại "Bài ca về cái chết" và những truyền đơn đã được dẫn chứng trên. Những người tham gia âm mưu phải ghi chép hết sức chính xác tất cả điều gì đã nói trong các cuộc họp của họ, và để họ không dám che dấu điều gì, Ne-sa-ép còn dọa dẫm họ rằng uỷ ban có mặt vụ khắp nơi. Mỗi người đều phải đưa cho tổ chức báo cáo viết về tất cả mọi việc mà người đó đã

làm trong khoảng thời gian giữa các cuộc họp. Từ những báo cáo ấy phải đúc ra bản báo cáo tổng kết để gửi cho Ba-cu-nin.

Tất cả những thủ đoạn ấu trĩ và theo kiểu toà án tôn giáo ấy đã khiến cho I-va-nốp nghi ngờ về chính sự tồn tại của uỷ ban, về uy lực được hết sức tán tụng của tổ chức này. Anh bắt đầu phỏng đoán rằng tất cả điều đó chung quy lại chỉ là một sự bóc lột phi lý đối với người ta và là một sự đại bịp. Anh đã thú thật với bạn bè thân thiết của anh rằng, nếu công việc không tiến triển được và mọi việc chỉ toàn là những chuyện lối bịch như thế, thì anh sẽ đoạn tuyệt với Ne-sa-ép và tự mình sẽ lập ra một tổ chức nghiêm túc.

Lúc bấy giờ Ne-sa-ép đã dùng đến những biện pháp quyết liệt. Hắn ra lệnh dán truyền đơn trong nhà ăn của sinh viên. I-va-nốp hiểu rằng dán truyền đơn như thế thì sẽ dẫn đến việc đóng cửa nhà ăn, cấm hội họp và đuổi học những sinh viên tốt. Vì vậy anh đã chống lại việc đó (thực tế đã xảy ra như thế: nhà ăn sinh viên bị đóng cửa, tất cả những đại diện quản lý nhà ăn bị đuổi). Do việc này nên đã xảy ra cãi cọ, nhưng Ne-sa-ép vẫn cứ lặp lại cái câu nói muôn thuở của hắn: "Đấy là mệnh lệnh của uỷ ban!"

I-va-nốp hoàn toàn tuyệt vọng. Ngày 20 tháng Mười một 1869, anh đến gặp một hội viên trong chi hội, anh Prư-giốp, và tuyên bố với Prư-giốp rằng mình muốn rút khỏi hội. Prư-giốp nói lại việc đó với U-xpen-xki, U-xpen-xki vội vàng báo cáo việc đó với Ne-sa-ép; và mấy giờ sau, cả ba người tụ họp lại ở chỗ Cu-dơ-nê-xốp, ở đây còn có cả Ni-cô-lai-ép. Tại đây, Ne-sa-ép tuyên bố cần phải trừng phạt I-va-nốp vì đã đứng lên chống lại mệnh lệnh của uỷ ban, cần phải thoát khỏi I-va-nốp để làm cho I-va-nốp không còn có thể làm hại được nữa. Có lẽ vì Cu-dơ-nê-xốp, bạn thân của I-va-nốp, không hiểu rõ ý đồ của Ne-sa-ép, cho nên Ne-sa-ép mới nói rõ ra rằng cần phải giết chết I-va-nốp. Prư-giốp quay về phía Cu-dơ-nê-xốp kêu lên: Ne-sa-ép điên mất rồi, anh ta muốn

giết I-va-nốp, phải ngăn chặn việc đó, Ne-sa-ép đã nói câu nói thông thường của mình để chấ dứt sự dao động của họ: "Các anh cũng muốn nổi lên chống lại mệnh lệnh của uỷ ban hay sao? Nếu không thể giết nó bằng cách nào khác, thì đêm nay tôi với Ni-cô-lai-ép đến phòng ở của nó và bóp chết nó tại đây". Sau đó, hắn đề nghị ban đêm rử I-va-nốp vào hang đá trong công viên Học viện, nói là để đào cái máy in đã chôn từ lâu trong đó, rồi giết chết anh.

Như vậy, ngay cả trong cái giờ phút quyết định ấy, Ne-sa-ép vẫn đánh giá thích đáng lòng trung thành của I-va-nốp. Ne-sa-ép tin rằng tuy I-va-nốp muốn ra khỏi hội, nhưng anh nhất định sẽ đến giúp đào máy in và anh không thể phản bội hắn, bởi vì nếu anh muốn làm như thế thì anh có thể làm trước khi rút ra khỏi hội hoặc ngay sau khi ra khỏi hội. Nếu I-va-nốp muốn nộp Ne-sa-ép cho sở cảnh sát, thì bây giờ là cơ hội của anh ta chộp lấy hắn tại hiện trường. Nhưng trái ngược hẳn lại: I-va-nốp rất sung sướng thấy rằng cuối cùng đã có được bằng chứng khẳng định về sự tồn tại của tổ chức này, dấu hiệu rõ ràng chứng tỏ tổ chức này có những phương tiện thực sự, dù chỉ là bộ chữ in. I-va-nốp quên hết những lời đe dọa của Ne-sa-ép đối với những người bỏ ngũ, anh đã vội vàng tạm biệt người bạn, người mà anh đang cùng uống trà và Ni-cô-lai-ép đã mang lệnh của Ne-sa-ép đến chỗ người ấy tìm anh, anh đã đi theo tiếng gọi của Ne-sa-ép.

Trong đêm tối mịt mù, I-va-nốp không hề nghi ngờ gì cả, tiến gần đến hang đá. Bỗng có tiếng kêu, kẻ nào đó từ phía sau xông vào anh. Một cuộc ẩu đả đáng sợ diễn ra, chỉ nghe thấy tiếng gầm của Ne-sa-ép và tiếng rên rỉ của nạn nhân mà hắn đang bóp cổ, sau đó một tiếng súng nổ và I-va-nốp chết. Viên đạn súng ngắn của Ne-sa-ép đã xuyên vào đầu anh. "Mang dây thừng, đá, mau lên", - Ne-sa-ép hét, đồng thời lục soát túi áo của tử thi để lấy giấy tờ và tiền bạc. Sau đó chúng ném anh xuống hồ.

Sau khi về đến nhà Cu-dơ-nê-xốp, các hung thủ đã thực hiện những biện pháp nhằm xoá bỏ dấu vết phạm tội. Chúng đốt cháy áo của Ne-sa-ép có dính máu. Bọn đồng phạm mặt mày ảm đạm, tinh thần chán nản. Bỗng phát súng thứ hai nổ vang, viên đạn bay ngang tai Prư-giốp. Ne-sa-ép xin lỗi, nói "hắn muốn giải thích cho Ni-cô-lai-ép rõ cơ cấu của súng ngắn". Những người làm chứng đã nhất trí tuyên bố rằng đó là một hành vi mưu sát mới. Ne-sa-ép muốn giết Prư-giốp vì ban sáng Prư-giốp dám phản đối việc giết I-va-nốp.

Liên ngay sau đó, Ne-sa-ép vội vã rời khỏi Mát-xcơ-va và cùng với Cu-dơ-nê-xốp đến Pê-téc-bua để cho U-xpen-xki hoạt động tại Mát-xcơ-va. Ở Pê-téc-bua hắn làm ra vẻ vẫn tiếp tục làm công tác của tổ chức mình. Nhưng Cu-dơ-nê-xốp rất đỗi ngạc nhiên, nhận xét rằng so với Mát-xcơ-va thì ở đây càng khó mà nói đến sự tồn tại của tổ chức. Khi đó, anh ta đánh bạo hỏi Ne-sa-ép: "Uỷ ban ở đâu nhỉ? Có phải anh là uỷ ban?" - Ne-sa-ép vẫn phủ nhận điều đó và cam đoan với Cu-dơ-nê-xốp rằng uỷ ban đang tồn tại. Ne-sa-ép trở về Mát-xcơ-va nói thật với Ni-cô-lai-ép rằng khi U-xpen-xki đã bị bắt rồi, thì tất cả những người còn lại cũng sẽ bị bắt, vì thế hắn "không biết nên làm như thế nào". Khi đó Ni-cô-lai-ép, tay chân trung thành nhất của hắn, hỏi thẳng hắn rằng cái uỷ ban thần kỳ ấy có thật sự đang tồn tại không, hay là chỉ gồm có một mình Ne-sa-ép. - "Hắn không trả lời một cách khẳng định câu hỏi của tôi, hắn nói với tôi rằng mọi thủ đoạn đều được phép áp dụng để lôi kéo người ta tham gia vào công việc này, ở nước ngoài cũng có quy tắc đó, *Ba-cu-nin* cũng như những người khác, đều làm theo quy tắc đó, và nếu những người như thế đều tuân *theo quy tắc đó*, thì hiển nhiên rằng hắn, Ne-sa-ép, cũng có thể hành động như vậy" (số 181). Sau đó, hắn ra lệnh cho Ni-cô-lai-ép đi cùng Prư-giốp đến Tu-la để lừa đánh xoáy hộ chiếu của một công nhân, bạn cũ của Ni-cô-lai-ép. Ít lâu sau, hắn tự mình đi đến Tu-la và ở đấy hắn đề nghị bà

A-lếch-xan-đrốp-xcai-a đi theo hấn đến Giơ-ne-vơ; đối với hấn, đó là một việc tuyệt đối cần thiết.

Trong thời kỳ sôi động của những năm 1861 - 1862, bà A-lếch-xan-đrốp-xcai-a bị mất tiếng tăm rất nhiều, bà ta thậm chí đã ngồi tù, trong nhà tù, hành vi của bà ta tỏ ra rất khiếm khuyết. Trong cơn bộn phát của lòng thành khẩn, bà ta đã viết bản tự thú gửi cho những quan toà xử án bà ta, bản tự thú đó cũng làm cho nhiều người bị liên lụy. Sau khi đã làm tất cả những việc ấy, bà bị chuyển đến ở một trong những thành phố tỉnh lẻ, và sống ở đây dưới sự giám sát của sở cảnh sát. Bởi vì bà ta sợ rằng người ta sẽ không cấp hộ chiếu cho bà ta, cho nên Ne-sa-ép đã làm cách nào đó để kiếm hộ chiếu cho bà ta. Thử hỏi, tại sao Ne-sa-ép cần có một bạn nữ đồng hành mà chỉ riêng sự có mặt của người đó cũng đủ làm cho Ne-sa-ép bị bắt ở biên giới? Thế nhưng, Ne-sa-ép với bà A-lếch-xan-đrốp-xcai-a cùng đi theo đã đến được Giơ-ne-vơ một cách yên ổn, và trong khi những người bất hạnh bị hấn lừa bịp phải vào tù, thì hấn cùng với Ba-cu-nin bắt tay vào việc biên soạn số thứ hai của tạp chí "Sự trừng phạt của nhân dân". Ba-cu-nin chắc chắn lấy làm tự hào về việc tờ "Journal de Genève"<sup>363</sup> viết về vụ âm mưu của Ne-sa-ép và quy cho ông ta đóng vai trò lãnh đạo trong đó, cho nên ông ta quên mất rằng tạp chí "Sự trừng phạt của nhân dân" của ông ta tưởng như được in tại Mát-xcơ-va, nhưng đã nhét vào trong tạp chí đó cả một trang viết bằng tiếng Pháp rút ra trong tờ "Journal de Genève". Tạp chí vừa mới in xong, thì bà A-lếch-xan-đrốp-xcai-a được trao nhiệm vụ mang tạp chí đó cùng với những truyền đơn khác về nước Nga. Tại biên giới, mật vụ Phòng III chờ sẵn bà A-lếch-xan-đrốp-xcai-a, đã tịch thu cái bọc của bà ta. Sau khi bị bắt, bà đã trao cho tên mật vụ ấy một bản danh sách những người chỉ có Ba-cu-nin mới biết được. Một trong số người bị cáo trong vụ án Ne-sa-ép cũng là một trong những người thân cận nhất của Ne-sa-ép, đã thú nhận tại phiên toà rằng "trước kia anh ta coi Ba-cu-nin là một người đứng đắn và không hiểu được tại

sao Ba-cu-nin cùng với những người khác lại có thể làm một việc đê tiện như vậy là làm cho một người đàn bà sa vào vòng nguy hiểm bị bắt".

Nếu như Ba-cu-nin đã thoát khỏi nhiệm vụ trở về nước Nga để đích thân lãnh đạo cuộc cách mạng vĩ đại mà ông ta dự đoán rằng tất nhiên sẽ nổ ra, thì ở châu Âu ông ta lại hoạt động ra trò, dường như trong người ông "có gan quỷ sứ". Tờ báo "Progrès" ở Lóc-lơ, cơ quan ngôn luận của Đồng minh ở Thụy Sĩ đã đăng những bài trích dài rút từ tạp chí "Sự trừng phạt của nhân dân". Ghi-ôm đã tán tụng trong tờ báo này những thành tích đáng kinh ngạc của những nhà xã hội chủ nghĩa vĩ đại Nga và nói rằng cương lĩnh theo thuyết không tham gia chính trị của ông ta giống hệt cương lĩnh của họ<sup>1)</sup>.

Tại đại hội Sô-đơ-Phôn, U-tin định vạch trần những thủ đoạn đê tiện của Ne-sa-ép, nhưng Ghi-ôm đã ngăn chặn U-tin, nói rằng bàn về những người ấy tức là làm mất vụ. Còn về phần Ba-cu-nin, thì trong tờ báo "Marseillaise", ông ta đã mô tả tình hình tưởng như là ông ta vừa mới trở về sau "một cuộc đi dài ngày đến những đất nước xa xôi mà báo chí tự do không đến được"<sup>365</sup>; bằng cách đó ông ta muốn tạo ra ấn tượng tưởng như tình hình ở Nga đang có một chuyển biến cách mạng khiến cho ông ta thấy mình cần có mặt tại đó.

Bây giờ chúng ta đi tới kết cục của vở bi hài kịch của Đồng minh ở nước Nga. Năm 1859 Ghéc-sen, theo di chúc của một thanh niên Nga, đã nhận được 25 000 phrăng để dùng vào việc tuyên truyền cách mạng ở Nga<sup>366</sup>. Ghéc-sen từng là người nhất mực

1) Năm 1868, chưa đầy hai năm trước đại hội Sô-đơ-Phôn, đại hội mà tại đó những phần tử thuộc Đồng minh đã làm cho người ta thừa nhận thuyết không tham gia chính trị của họ, Ba-cu-nin khi than khóc trên tờ báo "Démocratie"<sup>364</sup> của Sa-xen về việc công nhân Pháp không tham gia chính trị đã viết: "Không tham gia chính trị - là một sự ngu xuẩn do những kẻ lừa đảo nghĩ ra để lừa bịp những người ngu si".



không chịu đưa số tiền ấy cho bất cứ ai, nhưng lại mắc lừa Ba-cu-nin; ngoài nước đã làm cho Ghéc-sen tin rằng Ne-sa-ép là đại diện của một tổ chức bí mật to lớn và mạnh mẽ, nên đã lấy được món tiền ấy ở Ghéc-sen. Vì thế mà Ne-sa-ép tự cho mình có quyền đòi phần của mình. Và hai anh em quốc tế ấy, những kẻ đã không thể chia lìa nhau sau vụ giết I-va-nốp, lại đã vì đồng tiền mà sinh ra tranh chấp. Ba-cu-nin đã không chịu đưa tiền cho Ne-sa-ép. Ne-sa-ép đã rời bỏ Giơ-ne-vơ, và mùa xuân năm 1870 đã ra một tờ báo Nga "Commune" ("Obchtchina")<sup>367</sup> ở Luân Đôn, trong đó hấn công khai yêu cầu Ba-cu-nin giao lại cho hấn chỗ tiền còn lại nhận được từ tay Ghéc-sen quá cố. Đó là bằng chứng tỏ rõ những người anh em quốc tế" không bao giờ công kích lẫn nhau và không bao giờ công khai tính sổ với nhau".

Bài xã luận của tạp chí "Sự trừng phạt của nhân dân" số 2 còn bao hàm một ca khúc đăm ma viết bằng thơ văn xuôi truy điệu người anh hùng chết đi rồi sống lại - Ne-sa-ép. Lần này thì người anh hùng đã bị những cảnh sát áp giải đi Xi-bia bóp chết. Hấn ta cải trang thành công nhân, bị bắt tại Tam-bô, trong một quán rượu. Vụ bắt bớ này đã gây nên một sự xao xuyến lạ thường trong giới quan chức chính phủ. Người ta chỉ nghe toàn những lời sau đây: "Ne-sa-ép, cải trang... tố giác... các hội kín... bọn Ba-cu-nin... cách mạng". Khi xảy ra cái chết của Ne-sa-ép, viên tỉnh trưởng tỉnh Péc-mơ đã gửi đi Pê-téc-bua một bức điện; bức điện này được dẫn toàn văn. Một bức điện khác cũng được dẫn toàn văn, đã gửi cho Phòng III, và tạp chí: "Sự trừng phạt của nhân dân" biết rằng "nhận được bức điện như thế, viên trùm cảnh sát đã nhổm dậy khỏi ghế và tựa như đã cười thắm suốt cả buổi tối". Ne-sa-ép đã chết lần thứ hai như thế đó.

Trong bài xã luận người ta cũng thừa nhận vụ ám sát I-va-nốp. Vụ này được nhận định như là

"vụ một thành viên từ bỏ nhiệm vụ nên đã bị hội báo thù. Lô-gích khắc nghiệt của những người công tác chân chính phụng sự sự nghiệp không được dừng bước trước

bất cứ hành động nào dẫn đến thành công của sự nghiệp, nhất là trước những hành động có thể cứu vớt sự nghiệp và làm cho sự nghiệp khỏi bị diệt vong".

Việc tám mươi thanh niên bị bắt, đối với Ba-cu-nin, có nghĩa là "thành công của sự nghiệp".

Bài thứ hai lấy đầu đề là "Ai không tán thành chúng ta, kẻ đó chống lại chúng ta", bài này là một sự biện hộ cho hành động ám sát chính trị. Đối với tất cả những người cách mạng nào không theo Đồng minh, chúng sắp đặt sẵn cho họ số phận của I-va-nốp, nhưng không nêu thẳng tên anh ra:

"Giờ phút nóng bỏng đã đến rồi... hai phe đối địch đã bắt đầu những hành động chiến tranh... không thể nào cứ giữ thái độ trung lập mãi đâu: bây giờ không thể đứng trên lập trường trung dung vàng ngọc nữa: như thế tức là: "trong cuộc bắn nhau, lại đứng vào giữa hai lực lượng đối địch đang nổ súng vào nhau; như thế tức là: chết một cách vô ích, ngã xuống vì đạn của cả hai bên bắn vào mà không thể có cách gì chống lại; như thế tức là: tự mình chịu roi vọt và đòn tra tấn của Phòng III hoặc là bị đạn súng ngắn của chúng ta bắn vào".

Tiếp theo là sự bày tỏ, có lẽ là bày tỏ một cách mỉa mai, lòng biết ơn đối với Chính phủ Nga về "việc nó thúc đẩy sự nghiệp chúng ta phát triển và tiến lên nhanh chóng, sự nghiệp ấy đang nhanh chóng đi tới kết cục mong đợi". Chính trong giờ phút mà cả hai vị anh hùng ấy cảm tạ chính phủ về việc thúc đẩy nhanh chóng "kết cục mong đợi", thì tất cả những thành viên của cái gọi là tổ chức bí mật ấy đều đã bị bắt cả rồi. - Sau đó, bài báo ra lời kêu gọi mới. Họ "mở rộng cửa đón tất cả những lực lượng mới mẻ và chính trực", đồng thời cũng báo trước với những lực lượng ấy rằng một khi đã bước vào cửa ấy rồi, thì phải phục tùng tất cả những yêu cầu của hội. "Mọi hành vi từ bỏ hội, mọi hành vi phản nghịch có ý thức vì không tin vào chân lý và chính nghĩa của những nguyên tắc nổi tiếng, đều dẫn đến việc xoá tên trong danh sách những người sống". Thế rồi, cả hai vị anh hùng của chúng ta lại chế giễu những người bị bắt: đấy chẳng qua là những phần tử phải tự do tốt bụng; những thành viên chân chính

của tổ chức thì được hội bí mật bảo vệ, hội không để cho ai bắt họ.

Bài thứ ba lấy tên là "*Những cơ sở chủ yếu của chế độ xã hội tương lai*". Bài này chỉ ra rằng nếu những con người bất thường do phạm tội, do chỉ nghĩ đến tổ chức xã hội tương lai; mà bị trừng phạt, thì đó là vì những người cầm đầu đã sắp xếp tất cả từ trước rồi.

"Việc thoát ra khỏi chế độ xã hội hiện hành và việc đổi mới cuộc sống bằng những nguyên tắc mới chỉ có thể được thực hiện bằng cách tập trung tất cả những thủ đoạn dùng cho sự tồn tại xã hội trong tay của uỷ ban chúng ta và tuyên bố mọi người nhất thiết phải lao động chân tay.

Sau khi lật đổ những cơ sở hiện hành, uỷ ban lập tức tuyên bố tất cả đều là tài sản công cộng và đề nghị thành lập những hội công nhân" (artels) "và đồng thời xuất bản những báo cáo thống kê tổng hợp do những người am hiểu lập ra, chỉ rõ ở địa phương nào, ngành lao động nào là cần thiết và tình hình nào có thể gây trở ngại cho loại công việc nào đó.

Trong khoảng một số ngày nhất định được quy định cho sự biến đổi và thời kỳ lộn xộn tất nhiên tiếp theo sau đó, mỗi cá nhân đều phải gia nhập một tổ hợp lao động nào đó theo sự lựa chọn của mình... Tất cả những người còn lại riêng rẽ và không gia nhập các tổ lao động, nếu không có lý do chính đáng, thì không được quyền vào nhà ăn công cộng, vào nhà ngủ công cộng và bất cứ những toà nhà nào khác dùng để thoả mãn các nhu cầu của những người anh em lao động hoặc những nhà chứa các thành phẩm và vật tư, lương thực và công cụ dành cho tất cả những thành viên của hội công nhân đã được lập ra; tóm lại, ai không vào các tổ hợp mà không có lý do chính đáng, thì không có tư liệu sinh sống. Đối với họ, tất cả mọi con đường, tất cả mọi phương tiện giao thông đều bị đóng lại, chỉ còn một lối thoát: hoặc là lao động, hoặc là chết".

Mỗi tổ hợp lao động bầu ra một người đánh giá ("otzienchtchik"), người này điều hành tiến trình công việc, làm sổ sách ghi chép việc sản xuất và tiêu dùng và cả năng suất của mỗi công nhân và làm người trung gian với tổng văn phòng của địa phương đó.

Văn phòng gồm những thành viên được bầu ra của tất cả các tổ hợp của một địa phương, phụ trách việc trao đổi giữa các tổ hợp với nhau, quản lý tất cả những cơ sở công cộng (nhà ngủ, nhà ăn, trường học, bệnh viện) và lãnh đạo tất cả những công việc chung: "mọi công việc chung đều do văn phòng quản lý, còn tất cả những công việc cá nhân cần có nghệ thuật và kỹ xảo đặc biệt thì do các tổ hợp thực hiện riêng". Tiếp theo còn quy định chi tiết các vấn đề giáo dục, thời gian lao động, nuôi nấng trẻ em, miễn lao động cho những nhà phát minh, v.v..

"Khi mà mọi việc đều công khai hết cả, không có gì giấu giếm và mọi người đều tham gia hoạt động, thì mọi tính hách danh vọng, như người ta quan niệm hiện nay, và mọi thói nói dối đều biến mất, không còn tăm tích... lúc bấy giờ việc sản xuất cho xã hội càng nhiều càng tốt và tiêu dùng càng ít càng tốt sẽ trở thành ý nguyện của mỗi người: tất cả tính kiêu hãnh, tất cả tính hách danh vọng của những người hoạt động lúc bấy giờ sẽ được bao hàm trong ý thức ấy về việc mình phục vụ cho xã hội".

Thật là mẫu mực tuyệt vời về chủ nghĩa cộng sản theo kiểu trại lính! Ở đây có đầy đủ tất cả: nhà ăn công cộng và nhà ngủ công cộng, người đánh giá và văn phòng đặt ra quy tắc cho việc giáo dục, việc sản xuất, việc tiêu dùng, tóm lại, cho toàn bộ hoạt động công cộng; và đứng đầu tất cả, với tư cách là người lãnh đạo tối cao, - là cái "*uỷ ban của chúng ta*" vô danh, không ai biết cả. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là chủ nghĩa chống cực quyền chính thống.

Để làm cho cái kế hoạch tổ chức thực tế lộ bịch này có dáng vẻ là cơ sở lý luận, dưới đầu đề của bài này có kèm theo một chú thích nhỏ:

"Bản trình bày tỷ mỉ về mặt lý luận những nguyên lý cơ bản của chúng tôi, những ai muốn biết có thể xem trong tác phẩm mà chúng tôi đã công bố "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản".

Thực vậy, trong mỗi số báo "Cái chuông" năm 1870<sup>368</sup>, bên cạnh lời quảng cáo về bức thư kêu gọi của Ba-cu-nin "Gửi sĩ quan

quân đội nước Nga" và về hai số "Sự trừng phạt của nhân dân", người ta có thể đọc thấy lời quảng cáo về bản dịch ra tiếng Nga Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (tiếng Đức) năm 1874, giá 1 phrăng. Ba-cu-nin đã sử dụng Tuyên ngôn này để gây cho người ta niềm tin đối với những ảo tưởng kiểu Tác-ta của ông ta ở nước Nga, đồng thời thông qua miệng của Đồng minh ở các nước phương Tây tuyên bố Tuyên ngôn này là một tác phẩm mang tính chất hết sức tà thuyết, tuyên truyền học thuyết tai hại về chủ nghĩa cộng sản cực quyền chủ nghĩa của Đức (xem nghị quyết hội nghị đại biểu ở Ri-mi-ni, bài phát biểu của Ghi-ôm ở La Hay, "Bulletin jurassien" số 10 - 11, tờ "Federacion" ở Bác-xê-lô-na v.v.).

Bây giờ, khi mà đám dân đen đã biết rõ "Ủy ban của chúng ta" định đóng vai trò gì, thì rất dễ hiểu tại sao người cạnh tranh lại căm ghét nhà nước, căm ghét mọi sự tập trung lực lượng công nhân như vậy. Thật vậy, chừng nào giai cấp công nhân chưa có những cơ quan đại diện của mình, thì các ông Ba-cu-nin và Ne-sa-ép hoạt động dưới mặt nạ "ủy ban của chúng ta", không thể trở thành người chiếm hữu của cải công cộng và cũng không thể thu được những thành quả của cái ý nguyện hám danh cao cả mà họ khao khát gọi lên cho người khác đến như thế: làm việc nhiều, mà lại tiêu dùng ít!

## 2. VẤN ĐÁP CÁCH MẠNG

Ne-sa-ép giữ gìn rất cẩn thận tập sách nhỏ viết bằng mật mã mang tên là "Vấn đề cách mạng"<sup>369</sup>; hấn quả quyết rằng việc được sở hữu tập sách này là một đặc quyền riêng của mọi phái viên hoặc đại diện của Hội liên hiệp quốc tế. Tất cả những lời khai trước toà và những bằng chứng không thể tranh cãi do các luật sư đưa ra, đều nói lên rằng cuốn vấn đáp này do Ba-cu-nin viết, Ba-cu-nin cũng chưa hề bao giờ dám phủ nhận việc ông ta là tác giả cuốn sách đó. Hơn nữa, hình thức và nội dung của tác phẩm này, chứng tỏ một cách rõ ràng rằng tác phẩm ấy, cùng với quy chế bí mật, "Máy lời", những truyền đơn và tạp chí "Sự

trừng phạt của nhân dân" mà chúng ta đã nói tới, đều xuất phát từ một nguồn gốc. Tác phẩm đó chỉ là phần bổ sung cho những thứ đó mà thôi. Tất cả những phần tử vô chính phủ chủ nghĩa phá huỷ tất cả ấy đang muốn làm cho tất cả trở thành một tình trạng vô định hình để thiết lập một tình trạng vô chính phủ trong lĩnh vực đạo đức, và đang đưa tình trạng vô đạo đức của giai cấp tư sản lên đến tột đỉnh. Căn cứ vào một vài kiểu mẫu, độc giả đã có thể phán đoán về đạo đức của đồng minh, những giáo điều của đạo đức này bắt nguồn thuần túy từ đạo Cơ Đốc, đã được Dòng tu E-xcô-ba của thế kỷ XVII<sup>370</sup> soạn ra trước tiên một cách hết sức cặn kẽ. Đồng minh chỉ nhân lên gấp bội tính chất của đạo đức ấy đến mức lối bịch và đem "sự nghiệp cách mạng thần thánh" phá huỷ tất cả và siêu vô chính phủ chủ nghĩa của mình thay thế cho giáo hội La Mã Thiên chúa giáo, mang tính tông đồ, thần thánh của những tín đồ dòng Tên mà thôi. Vấn đáp cách mạng chính là bộ luật chính thức của đạo đức ấy, lần này được trình bày một cách có hệ thống và hoàn toàn công khai. Chúng tôi xin dẫn ra đây in extenso<sup>1\*</sup>, đúng y như nó đã được tuyên đọc tại phiên toà ngày 8 tháng Bảy 1871.

*"Thái độ của người cách mạng đối với bản thân mình*

§1. Người cách mạng là người phải cam chịu xả thân. Người cách mạng không có lợi ích của mình, không có công việc của mình, không có tình cảm của mình, không có sự ràng buộc, không có tài sản của mình, thậm chí không có cái tên của mình nữa. Tất cả trong con người cách mạng đều bị cuốn hút bởi lợi ích tuyệt đối duy nhất, bởi một tư tưởng duy nhất, bởi một sự say mê duy nhất - cách mạng.

§2. Người cách mạng từ trong đáy lòng mình, không phải chỉ trên lời nói, mà cả trong hành động, đều phải đoạn tuyệt mọi quan hệ với trật tự công dân và với toàn bộ thế giới văn minh, với tất cả mọi luật pháp, mọi lễ tiết, mọi thông lệ và đạo đức của thế giới này. Người cách mạng là kẻ thù không thương xót đối với thế giới đó, và nếu người cách mạng còn tiếp tục sống trong thế giới đó, thì cũng chỉ là để phá huỷ cái thế giới đó một cách chắc chắn hơn.

1\* - toàn văn

§3. Người cách mạng coi khinh mọi thứ lý luận suông và từ bỏ khoa học trần tục, để khoa học ấy cho các thế hệ tương lai. Người cách mạng chỉ biết một môn khoa học - khoa học phá huỷ. Người cách mạng nghiên cứu cơ học, vật lý học, hoá học, có lẽ cả y học nữa, cũng để làm việc đó và cũng chỉ để làm việc đó. Để làm việc đó, người cách mạng ngày đêm nghiên cứu một môn khoa học sống - nghiên cứu con người, tính chất, tình hình và tất cả những điều kiện của chế độ xã hội hiện tại trong tất cả các tầng lớp có thể có. Mục đích chỉ là một: phá huỷ một cách nhanh chóng nhất, một cách chắc chắn nhất cái chế độ bản thủ ("Poganyi") ấy.

§4. Người cách mạng coi khinh lý luận xã hội. Người cách mạng coi khinh và căm ghét tất cả mọi động cơ và biểu hiện của đạo đức xã hội ngày nay. Đối với người cách mạng, đạo đức là tất cả những gì thúc đẩy sự thắng lợi của cách mạng. Tất cả những gì trở ngại cho thắng lợi của cách mạng đều là vô đạo đức và tội lỗi.

§5. Người cách mạng là người phải xả thân, không thương xót Nhà nước và nói chung toàn bộ xã hội văn minh - có đảng cấp; người cách mạng không được trông chờ bất cứ một sự thương hại nào đối với mình. Giữa cách mạng và xã hội đang có một cuộc chiến tranh một mất một còn, bí mật hoặc công khai, nhưng không gián đoạn và không điều hoà. Người cách mạng phải luyện cho mình sức chịu đựng sự tra tấn.

§6. Người cách mạng nghiêm khắc đối với mình, nhưng cũng phải nghiêm khắc đối với kẻ khác. Tất cả những tình cảm dịu dàng ẻo lả, tình thân thuộc, tình bạn, tình yêu, lòng biết ơn, đều phải bị dè bẹp bởi một sự say sưa lạnh lùng duy nhất về sự nghiệp cách mạng trong con người cách mạng. Đối với người cách mạng, chỉ có một niềm dịu dàng, một sự an ủi, một sự khen thưởng và một sự thoả mãn, - đó là thành công của cách mạng. Ngày đêm, người cách mạng chỉ được có một tư tưởng, một mục đích, - đó là phá huỷ không thương xót. Người cách mạng cố sức vươn tới mục đích đó một cách trầm tĩnh và không mệt mỏi, phải sẵn sàng hy sinh mình và phải sẵn sàng tự tay mình tiêu diệt những gì cản trở đạt tới mục đích đó.

§7. Bản chất của người cách mạng chân chính gạt bỏ mọi chủ nghĩa lãng mạn, mọi tình cảm, mọi sự vui sướng và ham thích; thậm chí còn gạt bỏ cả sự thù hận cá nhân và sự báo thù cá nhân. Sự say sưa cách mạng khi đã trở thành một trạng thái thường tình, liên tiếp từng giờ từng phút, trong con người cách mạng, phải được

kết hợp với một sự suy tính lạnh lùng. Bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, người cách mạng cũng không được để cho những ham muốn cá nhân kích thích, mà phải để cho lợi ích chung của cách mạng thôi thúc mình.

*Thái độ của người cách mạng đối với các đồng chí cách mạng*

§8. Người bạn và người thân yêu đối với người cách mạng chỉ có thể là người chứng tỏ trên hành động qua việc cùng làm một sự nghiệp cách mạng như bản thân người cách mạng. Mức độ của tình bạn, của lòng trung thành và của những nghĩa vụ khác đối với đồng chí đó chỉ có thể được xác định bằng trình độ hữu dụng của đồng chí đó trong sự nghiệp cách mạng thực tế có tính chất phá huỷ tất cả ("vserasrouchitelnoi").

§9. Về sự đoàn kết của những người cách mạng thì chẳng có gì phải nói: toàn bộ sức mạnh của sự nghiệp cách mạng là ở chỗ đó. Các đồng chí cách mạng có một trình độ nhận thức cách mạng và say sưa cách mạng như nhau, thì phải cố hết sức cùng nhau thảo luận tất cả những công việc to lớn và nhất trí quyết định những công việc đó. Bởi vậy, trong khi thực hiện kế hoạch đã được quyết định, mỗi người đều phải cố hết sức dựa vào sức mình. Trong khi thực hiện một loạt những hành động phá huỷ, mỗi người đều phải tự mình làm lấy, và chỉ được xin ý kiến và yêu cầu sự giúp đỡ của các đồng chí, khi nào việc đó là cần thiết cho thắng lợi.

§10. Mỗi một đồng chí đều phải có trong tay mình một số người cách mạng hạng thứ hai và hạng thứ ba, tức là những người không hoàn toàn thân tín. Mỗi một đồng chí đó phải coi họ là một bộ phận của cái vốn cách mạng chung được giao cho đồng chí đó định đoạt. Đồng chí đó phải chi dùng một cách tiết kiệm phần vốn của mình, luôn luôn ra sức thu hút được lợi ích to lớn nhất từ cái vốn đó. Người cách mạng phải coi mình là cái vốn được hiến dâng cho việc chi dùng cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, phải coi mình chỉ là cái vốn mà bản thân một mình người đó không thể tự định đoạt, nếu không có sự đồng ý của toàn thể hội liên hiệp của những người hoàn toàn thân tín.

§11. Lúc có đồng chí gặp phải tai hoạ, thì người cách mạng khi giải quyết vấn đề có nên cứu giúp đồng chí đó hay không, không được suy nghĩ đến những tình cảm riêng tư nào đó, mà chỉ được suy nghĩ đến lợi ích của sự nghiệp cách mạng. Vì thế người cách mạng, một mặt, phải cân nhắc lợi ích mà đồng chí đó có thể mang lại,

mặt khác, phải cân nhắc sự mất mát của lực lượng cách mạng cần dùng cho việc cứu thoát ấy, cân nhắc xem mình nên nghiêng về phía nào, rồi hãy quyết định.

*Thái độ của người cách mạng đối với xã hội*

§12. Việc kết nạp một hội viên mới đã tỏ ra xứng đáng không phải trên lời nói mà trong hành động, vào hội liên hiệp nhất thiết phải được quyết định một cách nhất trí.

§13. Người cách mạng bước vào cái gọi là thế giới có học vấn, cái thế giới nhà nước, có đảng cấp và sống trong thế giới đó chỉ với niềm tin vào việc phá huỷ triệt để nhất và nhanh chóng nhất thế giới đó. Nếu người đó còn có thương tiếc gì thế giới đó, thì anh ta chẳng phải là người cách mạng. *Người đó không được do dự trước việc tiêu diệt địa vị, quan hệ hoặc bất cứ người nào thuộc thế giới đó.* Người đó phải căm ghét tất cả và tất cả như nhau. Nếu người đó còn có những quan hệ thân thuộc, quan hệ bạn bè và quan hệ yêu đương trong cái thế giới đó, thì lại càng tệ hại hơn cho người đó; *nếu những quan hệ ấy còn có thể ngăn cản bàn tay của người đó lại, thì người đó không phải là người cách mạng.*

§14. Với mục đích phá huỷ không thương xót, người cách mạng có thể và thậm chí luôn luôn phải sống trong xã hội, giả vờ làm người mà bản thân người cách mạng đó hoàn toàn không phải như vậy. Người cách mạng phải thâm nhập vào khắp nơi mọi chốn, vào những giai cấp thượng lưu và giai cấp trung lưu, vào tiệm buôn, vào giáo hội, vào nhà quý tộc, vào giới quan liêu, vào giới quân sĩ, vào văn học, vào "*Phòng III*" (cảnh sát mật) "và thậm chí vào cả hoàng cung".

§15. Tất cả xã hội xấu xa ấy phải chịu thành mấy loại: loại thứ nhất phải bị đem xử tử hình ngay tức khắc. Hội liên hiệp sẽ lập ra một bản danh sách những kẻ bị kết án như thế, chiếu theo mức độ tác hại đối với sự thành công của sự nghiệp cách mạng, cứ thứ tự trong danh sách mà cho đi đời kẻ trước rồi đến người sau.

§16. Khi lập những bản danh sách đó và muốn xác định thứ tự kể trên, thì tuyệt nhiên không được căn cứ vào hành vi tội ác cá nhân của một người, thậm chí không được căn cứ vào sự thù ghét mà người ấy đã gây ra trong Hội liên hiệp hoặc trong nhân dân. Hành vi tội ác ấy và sự thù ghét thậm chí có thể phần nào có ích, góp phần kích thích cuộc nổi loạn của nhân dân. Cần phải căn cứ vào mức độ có lợi mà việc giết

chết một người nào đó có thể đưa lại cho sự nghiệp cách mạng. Như vậy, trước hết phải thủ tiêu những người đặc biệt có hại cho tổ chức cách mạng, và cái chết đột nhiên và bởi bạo lực của những người đó có thể làm cho chính phủ hết sức khiếp sợ, và khi đã làm cho chính phủ mất đi những nhà hoạt động thông minh và đầy nghị lực, thì sức mạnh của chính phủ sẽ bị lung lay.

§17. Loại thứ hai gồm những người chỉ được "tạm thời" (!) "cho sống để họ đẩy nhân dân đến một cuộc nổi loạn không thể tránh khỏi, do một loạt những hành vi dã man của họ".

§18. Loại thứ ba gồm một đám rất đông những bọn súc sinh ăn trên ngồi trốc hoặc những kẻ đã không có trí tuệ đặc biệt gì, lại không có nghị lực, nhưng do địa vị mà có của cải, có nhiều quan hệ có ảnh hưởng, có thế lực. Phải bộc lộ họ bằng mọi cách có thể làm được; làm cho họ bị ràng buộc, làm cho họ bị rối mù và nếu có thể, *nắm cho được những bí mật dơ bẩn của họ để biến họ thành những tên nô lệ của chúng ta.* Do đó, quyền lực, ảnh hưởng, quan hệ của cải và thế lực của họ sẽ trở thành cái kho bảo vật vô tận và sự yểm trợ mạnh mẽ cho các loại hành động.

§19. Loại thứ tư gồm những kẻ mưu cầu danh vọng và những phần tử tự do chủ nghĩa đủ mọi màu sắc trong bộ máy nhà nước. Có thể hoạt động bí mật cùng với họ dựa theo cương lĩnh của họ, làm ra vẻ theo họ một cách mù quáng, thực ra thì nắm chặt lấy họ, *nắm lấy những bí mật của họ, làm cho họ mất hết uy tín,* khiến họ không thể quay trở lại được nữa, rồi dùng bàn tay của họ làm rối loạn nhà nước.

§20. Loại thứ năm là những bọn khổng luận, những bọn hoạt động bí mật, những bọn cách mạng chuyên tán róc trong các tiểu tổ và trên giấy. Cần phải không ngừng thúc đẩy họ và lôi kéo họ tiến lên, đi đến những hành động thực tế, khó khăn phức tạp, mà kết quả là số đông sẽ tiêu vong mất tâm mất tích, còn số ít sẽ được rèn luyện cách mạng thực sự.

§21. Loại thứ sáu cũng quan trọng gồm phụ nữ; phụ nữ phải được chia thành ba hạng chủ yếu: một số phụ nữ là những người trống rỗng, ngu dốt, không có tâm hồn; có thể sử dụng họ như loại đàn ông thứ ba, thứ tư; một số phụ nữ khác là những người nhiệt tình, trung thành, có năng lực, nhưng không phải là những người của chúng ta, bởi vì họ chưa được rèn luyện tới mức có một quan niệm cách mạng thực sự, thực tế không nói suông. Phải sử dụng họ như loại đàn ông thứ năm; cuối cùng, những

phụ nữ hoàn toàn của chúng ta, tức là những người hoàn toàn thân tín và tiếp thu toàn bộ cương lĩnh của chúng ta. Chúng ta cần phải coi họ là của quý vô giá của chúng ta, nếu không có sự giúp đỡ của họ, thì chúng ta không thể làm gì được.

*Thái độ của hội liên hiệp đối với nhân dân*

§22. Hội liên hiệp không có mục đích nào khác ngoài sự giải phóng triệt để và hạnh phúc của nhân dân, tức của tầng lớp nhân dân lam lũ (tchernorabotchii lioud). Nhưng hội liên hiệp tin tưởng chắc chắn rằng sự giải phóng ấy và việc đạt tới hạnh phúc ấy chỉ có thể thực hiện được bằng cuộc cách mạng nhân dân phá huỷ tất cả, cho nên hội liên hiệp sẽ *dùng tất cả mọi lực lượng và phương tiện để thúc đẩy sự phát triển và đẩy xa những điều tai họa và bất hạnh* mà rốt cuộc nhất định làm cho nhân dân không thể chịu đựng nổi và buộc nhân dân phải nhất loạt vùng lên khởi nghĩa.

§23. Cách mạng, theo quan niệm của hội liên hiệp, không phải là cuộc vận động được chế định theo mẫu mực cổ điển phương Tây - cuộc vận động đó luôn luôn dừng lại trước quyền sở hữu và trước những truyền thống trật tự xã hội của cái gọi là nền văn minh và đạo đức. Cuộc vận động đó cho đến ngày nay đâu đâu cũng chỉ giới hạn ở việc lật đổ một hình thức chính trị này để thay thế bằng một hình thức chính trị khác và cố sức lập nên cái gọi là nhà nước cách mạng. Cuộc cách mạng có thể cứu thoát nhân dân chỉ có thể là cuộc cách mạng tiêu diệt được tận gốc mọi nhà nước và xoá bỏ hết mọi truyền thống trật tự nhà nước và mọi giai cấp của nước Nga.

§24. Vì vậy, hội liên hiệp không có ý định áp đặt cho nhân dân bất cứ một tổ chức nào đội từ trên xuống. Tổ chức tương lai, không còn nghi ngờ gì nữa, sẽ nảy sinh ra từ phong trào nhân dân và từ cuộc sống. Nhưng đó là sự nghiệp của những thế hệ tương lai. Sự nghiệp của chúng ta là phá huỷ một cách kinh khủng, triệt để, khắp nơi và không thương xót.

§25. Do đó, trong khi đi sát nhân dân, trước hết chúng ta phải liên hiệp với những phần tử trong đời sống nhân dân mà kể từ khi thành lập Nhà nước Mát-xcơ-va đã không ngừng chống lại, không phải bằng lời nói mà bằng hành động, tất cả cái gì có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới nhà nước; chống lại quý tộc, chống lại quan chức, chống lại thầy tu, chống lại giới thương nhân<sup>1\*</sup> và tiểu thương, chống lại những

1\* Trong bản tiếng Nga của Ba-cu-nin: "đẳng cấp thương nhân"

kẻ bóc lột nhân dân<sup>1\*</sup>. Chúng ta liên hiệp với giới ăn cướp hiên ngang, người cách mạng chân chính và duy nhất ấy trong nước Nga.

§26. Đoàn kết thế giới thành một lực lượng vô địch, phá huỷ tất cả - đó là toàn bộ tổ chức, hoạt động bí mật, nhiệm vụ của chúng ta".

Phê bình các công trình kiệt tác đó sẽ có nghĩa là che lấp tính chất hài hước của nó. Làm như thế cũng có nghĩa là quá chú trọng đến kẻ phá huỷ tất cả và vô định hình ấy, kẻ đã khéo léo kết hợp Rô-đôn-phơ, Mông-tơ Cri-xtô, Các Mo-rơ và Rô-béc Ma-ke-rơ vào trong một người. Chúng tôi chỉ muốn dựa vào một vài đoạn đối chiếu để nêu rõ sự giống nhau giữa nội dung tinh thần và ngay cả lời văn của cuốn vấn đáp cách mạng, - nếu không kể những chỗ phóng đại khó hiểu, - với quy chế bí mật và những tác phẩm khác bằng tiếng Nga của Đồng minh.

Ba hạng thân tín trong quy chế bí mật của Đồng minh được sao lại trong §10 của cuốn vấn đáp cách mạng, trong đó nói đến "những người cách mạng hạng hai và hạng ba... những người không hoàn toàn thân tín". - Những nghĩa vụ của những người anh em quốc tế đã được quy định trong điều 6 của Điều lệ của họ, giống với những nghĩa vụ được trình bày trong §1 và §13 của vấn đáp cách mạng. - Những điều kiện, theo đó anh em có thể đảm nhiệm những chức vụ chính phủ, đã được ghi rõ trong điều 8 của điều lệ, lại "được trình bày càng thêm đầy đủ" trong §14 của cuốn vấn đáp cách mạng; §14 này cho họ hiểu rằng anh em có thể làm cảnh sát, nếu như có lệnh. - Lời khuyên nêu ra cho anh em (điều 9 trong điều lệ) là họ phải bàn bạc với nhau, cũng được nhắc lại trong §9 của cuốn vấn đáp cách mạng. - Trong các điều 2, 3, 6 của cương lĩnh của anh em quốc tế, tính chất của cách mạng được trình bày giống hệt như trong §22 và §23 của cuốn vấn đáp cách mạng. - Phái Gia-cô-banh được nói đến trong điều 4 của cương lĩnh, thì trong §20 của cuốn vấn đáp cách mạng đã

1\* Trong bản tiếng Nga: "phú nông - ác bá".

trở thành một dạng "những người loại thứ năm", cả hai văn kiện đều quy định phải xử tử họ. - Những tư tưởng được nêu lên trong điều 5 và điều 8 của cương lĩnh về bước đi của cuộc cách mạng thật sự vô chính phủ chủ nghĩa, cũng chính là những tư tưởng được nêu lên trong §24 của cuốn vấn đáp cách mạng.

Việc lên án khoa học trong §3 của cuốn vấn đáp cách mạng được nhắc lại trong tất cả những văn kiện tiếng Nga. Việc lý tưởng hoá tên cướp như là người cách mạng mẫu mực mới chỉ là một việc mới chớm nở trong "Mấy lời", nay được công khai thừa nhận và được tuyên truyền trong tất cả các tác phẩm khác. "Loại thứ năm" nói trong §20 của cuốn vấn đáp cách mạng, thì được gọi là "người cách mạng phòng giấy - người ủng hộ nhà nước" trong "Cách đặt vấn đề cách mạng". Ở đây cũng như trong §25 và §26 của cuốn vấn đáp cách mạng, đều khẳng định rằng nghĩa vụ hàng đầu của người cách mạng là làm kẻ cướp. Chỉ trong "Nguyên lý cách mạng" và trong "Sự trừng phạt của nhân dân" người ta mới bắt đầu tuyên truyền việc phá huỷ tất cả, cái việc điều 6, điều 8 và điều 26 của cuốn vấn đáp cách mạng đã quy định thành nghĩa vụ và chỉ trong hai xuất bản phẩm kể trên người ta mới bắt đầu tuyên truyền những vụ ám sát có hệ thống đã được nói đến trong điều 13, điều 15, 16 và điều 17 của cuốn vấn đáp cách mạng.

### 3. LỜI KÊU GỌI CỦA BA-CU-NIN GỬI CÁC SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NƯỚC NGA

Tuy nhiên, Ba-cu-nin vẫn thấy cần phải không để cho người ta nghi ngờ gì cả về việc ông ta cùng tham gia vào cái gọi là vụ âm mưu của Ne-sa-ép. Ông ta xuất bản lời kêu gọi "Gửi các sĩ quan quân đội nước Nga", ghi rõ: "Giơ-ne-vơ, tháng Giêng năm 1870" và ký tên: "Mi-kha-in Ba-cu-nin". Về lời kêu gọi "giá 1 phrăng" này, trong tất cả các số báo "Cái chuông" xuất bản năm 1870

đều có đăng quảng cáo, nói rõ đó là tác phẩm của Ba-cu-nin. Bây giờ chúng ta hãy trích trong lời kêu gọi đó một số đoạn:

Lời kêu gọi đó mở đầu bằng lời tuyên bố mà Ne-sa-ép cũng đã nói ở nước Nga, rằng

"Giờ phút của cuộc đấu tranh cuối cùng giữa vương triều Rô-ma-nốp - Hôn-stai-nơ - Gô-to-rơ-pơ với nhân dân Nga, giữa cái ách Đức - Tác-ta với nền tự do Xla-vơ rộng rãi, sắp đến rồi. Mùa xuân của chúng ta sắp tới rồi, cuộc chiến đấu sẽ bắt đầu trong mùa xuân sớm... lực lượng cách mạng đã sẵn sàng, và với một sự bất bình sâu sắc và khắp nơi của nhân dân đang tồn tại hiện nay trong khắp cả nước Nga, thì thắng lợi của nó là hiển nhiên".

Có một tổ chức lãnh đạo cuộc cách mạng không thể tránh khỏi ấy, bởi vì "tổ chức bí mật tựa như bộ tham mưu của đội quân cách mạng, còn đội quân cách mạng chính là toàn thể nhân dân".

"Trong lời kêu gọi "Gửi anh em thanh niên nước Nga", tôi đã từng nói rằng Xten-ca Ra-đin, người sẽ chỉ huy quân chúng nhân dân trong cuộc chiến đấu tương lai đang đến gần một cách rõ rệt như vậy để đập tan đế quốc toàn Nga, sẽ không phải là người dũng sĩ đơn thương độc mã, mà là một Xten-ca Ra-đin tập thể. Bất cứ ai không phải là kẻ ngu dốt, đều phải hiểu rõ rằng cái mà tôi muốn nói ở đây là một tổ chức bí mật, hiện giờ đã tồn tại và đang hoạt động, một tổ chức mạnh mẽ vì nó có kỷ luật, các thành viên của nó trung thành cuồng nhiệt và hy sinh quên mình, mọi người đều tuyệt đối phục tùng tất cả những mệnh lệnh và chỉ thị của một *ủy ban duy nhất* biết hết tất cả nhưng không ai biết cả.

Các thành viên của ủy ban này hoàn toàn quên mình; chính điều đó cho phép họ được quyền đòi hỏi tất cả các thành viên của tổ chức phải quên mình một cách vô điều kiện. Họ khước từ đến cùng tất cả cho bản thân mình, tất cả những gì đang tạo thành mục tiêu tìm kiếm chủ yếu của những kẻ hám danh, chuộng vọng và hám quyền; cho nên khi đã vĩnh viễn từ bỏ tài sản cá nhân, quyền lực quan phương hoặc quyền lực công cộng và thế lực, và nói chung khước từ bất cứ cái gì có ý nghĩa trong xã hội, thì họ tất nhiên tự đẩy mình vào tư thế vô danh vĩnh viễn, dành niềm vinh quang, vẻ hào nhoáng bên ngoài và sự ồn ào của sự nghiệp cho người khác, và chỉ để lại

cho mình cái thực chất của sự nghiệp, nhưng cũng không phải để lại cho cá nhân mình, mà để lại cho tập thể.

*Như những tín đồ dòng Tên*, mỗi một người trong số họ thậm chí từ bỏ cả tự do riêng của mình, nhưng không phải với mục đích nô dịch người ta, mà với mục đích giải phóng nhân dân. Trong uỷ ban cũng như trong toàn bộ tổ chức, nhân vật suy nghĩ, mong muốn hành động, lại không phải là cá nhân, mà chỉ là tập thể. Bỏ cả tính mệnh mình đi, bỏ cả tư tưởng riêng của mình đi và bỏ cả tự do riêng của mình đi như vậy, việc đó đối với nhiều người hình như không thể làm được và thậm chí làm cho người ta phẫn nộ. Việc đó thực là khó khăn, nhưng đồng thời cũng là cần thiết. Việc đó lại đặc biệt khó khăn đối với những người mới bắt đầu và vừa mới vào tổ chức, chưa bỏ được cái thói khoác lác trống rỗng hoa hòe; những người đang chơi trò danh dự phẩm cách cá nhân và quyền lực và nói chung tự an ủi bằng những ảo ảnh đáng thương về tình nhân đạo tưởng tượng mà, trong xã hội nước Nga chúng ta, đằng sau những ảo ảnh ấy lộ rõ ra cái cảnh tượng tất cả mọi người ai ai cũng đều hoàn toàn khuất phục trước những điều kiện của hiện thực xấu xa nhất và dè tiện nhất. Việc đó cũng khó cho những ai mà trong sự nghiệp muốn tìm sự thoả thuận cho lòng tự ái của mình, tìm cái cớ để tán hươu tán vượn, thích sự phản chiếu bộ mặt đóng kịch của bản thân mình trong sự nghiệp, chứ không yêu quý bản thân sự nghiệp".

"Mọi thành viên mới đều gia nhập tổ chức của chúng ta một cách tự do, họ hiểu rằng một khi đã gia nhập tổ chức đó, thì người đó thuộc về tổ chức đó, không phải thuộc về bản thân mình. *Gia nhập tổ chức thì tự do, nhưng không thể ra khỏi tổ chức*, bởi vì bất cứ thành viên nào ra khỏi tổ chức nhất định có thể làm cho bản thân sự tồn tại của tổ chức bị nguy hiểm, tổ chức này không được tuỳ thuộc vào tính nông nổi, tính tuỳ hứng hoặc vào mức độ nhiều hay ít của sự khiêm tốn, sự thành thực và sức mạnh của một người hay một số người... Vì thế, khi gia nhập tổ chức, mỗi người đều hiểu rằng mình hiến thân cho tổ chức với tất cả sức lực, của cải tài năng và cuộc đời mà mình có, *mà không có sự hoàn trả trở lại*... Điều đó đã được nói rất rõ ràng cụ thể trong cương lĩnh do tổ chức công bố, cương lĩnh mà các uỷ viên của uỷ ban phải tuân theo, cũng như tất cả các thành viên khác ở ngoài uỷ ban phải tuân theo như nhau... Nếu sự hăng say ấy" (hăng say cách mạng) "thực sự có trong người đó, thì tất cả điều gì mà tổ chức đòi hỏi ở người đó, đều dễ dàng đối với người đó.

Ai cũng biết rằng đối với sự hăng say thì chẳng có gì khó khăn cả, sự hăng say không thừa nhận điều không thể làm được, trở ngại càng khó khắc phục, thì ý chí, tài năng và sức lực của con người, được sự hăng say khích lệ, lại càng mạnh thêm. Kẻ nào có sự hăng say, thì ở người đó không thể có những ham thích cá nhân; người đó thậm chí không hy sinh những ham thích đó, bởi vì họ chẳng còn có những cái đó trong người họ. Thành viên nghiêm chỉnh của đoàn thể này giết chết mọi tính hiếu kỳ trong lòng mình và truy kích cái tính hiếu kỳ đó một cách không thương xót ở tất cả những người khác. Mặc dù thành viên đó cũng biết mình xứng đáng được mọi sự tín nhiệm, nhưng chính vì người đó xứng đáng được tín nhiệm, có nghĩa là vì người đó là người nghiêm chỉnh, cho nên người đó không tìm và không muốn biết cái gì khác ngoài điều mà người đó cần thiết để hoàn thành tốt hơn công việc mà người đó được giao phó. Về công việc, người đó chỉ căn cứ theo mệnh lệnh bảo nói ai thì nói với kẻ đó, bảo nói điều gì thì nói điều đó. Nhìn chung, người đó tuân theo một cách tuyệt đối và nghiêm khắc tất cả mọi mệnh lệnh và chỉ thị nhận được *từ trên*.. không hỏi và thậm chí cũng không cố sức tìm hiểu xem bản thân mình thuộc hạng nào trong tổ chức; chỉ mong muốn một cách tự nhiên là làm sao mình được giao phó càng nhiều công việc, nhưng đồng thời vẫn kiên nhẫn đợi chờ công việc đó.

Kỷ luật sắt và vô điều kiện ấy có thể làm cho người mới tham gia lấy làm ngạc nhiên và thậm chí cảm thấy sỉ nhục; nhưng kỷ luật đó không làm ngạc nhiên và không làm sỉ nhục, mà ngược lại, làm vui mừng, đồng thời làm yên tâm bất cứ thành viên nào nghiêm túc, bất cứ người nào thật sự thông minh và hùng mạnh, miễn là trong người họ có một niềm say mê bao trùm về thắng lợi của nhân dân mà tôi đã nói ở trên. Thành viên nghiêm chỉnh hiểu được rằng chính tổ chức ấy mới là bảo đảm cần thiết cho mỗi thành viên có được tính vô cá tính tương đối, là điều kiện, sine qua non<sup>1\*</sup> của thắng lợi chung, và chỉ riêng kỷ luật ấy mới có thể đoàn kết được tổ chức chân chính và xây dựng một lực lượng cách mạng tập thể. Lực lượng cách mạng này dựa vào sức mạnh tự phát của nhân dân sẽ có thể chiến thắng và phá huỷ sức mạnh to lớn của tổ chức nhà nước.

Sẽ có người hỏi: làm sao chúng ta lại có thể tin cậy sự lãnh đạo *độc tài* của một uỷ ban mà chúng ta không biết? Nhưng mà, uỷ ban thì các anh biết: thứ nhất, cần

1\* - điều kiện không thể thiếu được



cứ vào cương lĩnh của uỷ ban, một cương lĩnh rõ ràng và sáng sủa, đã được uỷ ban công bố và được đem giải thích còn tường tận hơn cho mỗi người mới gia nhập tổ chức. Thứ hai, uỷ ban đó đang tự giới thiệu cho các anh bằng một sự tín nhiệm tuyệt đối mà những người được các anh biết và được các anh kính trọng đang thể hiện đối với uỷ ban đó, một sự tín nhiệm khiến cho các anh phải gia nhập chính cái tổ chức đó, chứ không phải gia nhập tổ chức khác. Thông qua hoạt động không mệt mỏi, kiên quyết và thâm nhập khắp nơi, luôn luôn phù hợp với cương lĩnh và với mục đích của tổ chức, uỷ ban đó rất nhanh chóng được các thành viên chân chính của tổ chức biết rõ hơn. Ai ai cũng sẵn lòng phục tùng quyền uy của nó, một mặt, trong trực tiếp họ ngày càng tin chắc vào tài dự kiến chính xác lạ thường, tính cảnh giác, nghị lực có lý trí của uỷ ban và tính hợp lý của những mệnh lệnh của uỷ ban; mặt khác, ngày càng tin chắc vào khả năng cứu nguy và sự cần thiết của kỷ luật đó.

Có thể có người hỏi tôi: Nếu thành phần uỷ viên của uỷ ban, vẫn là điểm bí mật không thể hiểu thấu được đối với tất cả mọi người, vậy thì bằng cách nào anh có thể thu thập được tất cả những dữ kiện về uỷ ban ấy và tin chắc uỷ ban ấy là có thật? - Tôi sẽ trả lời thẳng câu hỏi đó. Tôi không biết một uỷ viên nào của uỷ ban, không biết số lượng uỷ viên của uỷ ban, và ngay cả trụ sở của uỷ ban tôi cũng không biết. Tôi chỉ biết rằng uỷ ban ấy không ở ngoài nước, mà ở trong nước Nga, đó là việc dĩ nhiên phải thế, bởi vì đối với nước Nga một uỷ ban cách mạng ở ngoài nước là một điều vô nghĩa, điều vô nghĩa ấy họa chăng chỉ có thể nảy sinh ra trong đầu óc của những kẻ lảm nhảm miệng, hám danh ngu dốt khoe khoang khoác lác trong đám lưu vong đang núp dưới cái tên rất kêu "Sự nghiệp nhân dân"<sup>1)</sup>, để che đậy tình trạng vô công rồi nghề hư danh và hoạt động âm mưu độc ác.

Sau âm mưu quý tộc của phái thán Chạp" (năm 1825) "I-su-tin và các đồng chí của ông đã mưu toan lần đầu tiên lập ra một tổ chức nghiêm chỉnh. Tổ chức này là tổ chức đã được thiết lập một cách triệt để đầu tiên của các lực lượng cách mạng cả nước Nga. Tổ chức này sử dụng tất cả những công tác chuẩn bị và những cuộc thử nghiệm. Không một thế lực phản động nào có thể buộc nó giải tán, nó sống lâu

1) Độc giả nhớ rằng cái tên gọi ấy là của một tờ báo tiếng Nga của Quốc tế do một số thanh niên Nga xuất bản ở Giơ-ne-vơ, những thanh niên này biết rõ chân giá trị của cái gọi là uỷ ban và tổ chức Ba-cu-nin.

hơn tất cả các chính phủ. Chừng nào mà toàn bộ cương lĩnh của nó chưa trở thành cuộc sống thường ngày của nước Nga, chưa trở thành cuộc sống toàn cầu, thì nó chưa thôi hoạt động.

Cách đây khoảng một năm, uỷ ban nhận thông báo cho tôi biết sự tồn tại của nó là có ích, nên đã gửi cho tôi bản cương lĩnh của nó và trình bày toàn bộ kế hoạch hành động cách mạng ở nước Nga. Tôi đồng ý với cương lĩnh và kế hoạch đó, và tin chắc rằng sự nghiệp cũng như những người làm sự nghiệp đó đều nghiêm chỉnh, nên tôi đã làm điều mà, theo niềm tin của tôi, bất cứ người lưu vong chính trực nào ở nước ngoài cũng đều phải làm: tuyệt đối phục tùng quyền lực của uỷ ban như là đại diện và người lãnh đạo duy nhất của sự nghiệp cách mạng ở nước Nga. Hiện giờ, khi đang nói với các anh, tôi cũng chỉ phục tùng yêu cầu của bản thân uỷ ban. Tôi không thể nói gì hơn với các anh. Tôi chỉ có thể nói thêm một điều về đề tài này. Tôi đã hiểu được đầy đủ kế hoạch của cả tổ chức này, cho nên tôi hoàn toàn tin chắc rằng không một lực lượng nào bây giờ có thể phá hoại được tổ chức đó. Ngay cả nếu trong cuộc đấu tranh sắp tới đây, đảng nhân dân gặp phải thất bại mới, - song chúng ta thì chẳng ai sợ sự thất bại đó, tất cả chúng ta đều tin tưởng vào thắng lợi sắp đến của sự nghiệp nhân dân, - nếu như thậm chí những niềm hy vọng của chúng ta không được thực hiện, thì khi đó ở giữa sự tan nát thảm hại nhất của cuộc khởi nghĩa nhân dân và ở giữa thế lực phản động dã man nhất, tổ chức vẫn cứ nguyên vẹn và vô sự...

Cơ sở của cương lĩnh này hết sức rộng rãi, hết sức nhân đạo: tự do đầy đủ nhất và bình đẳng triệt để nhất của tất cả mọi người, dựa trên tài sản công cộng và lao động chung, mà mọi người đều phải làm như nhau, cố nhiên là loại trừ những kẻ thù chết đói, chứ không chịu lao động.

Cương lĩnh của tầng lớp dân đen lam lũ ở tất cả các nước hiện nay là như thế, cương lĩnh ấy hoàn toàn phù hợp với yêu cầu và bản năng đòi đòi kiếp kiếp của nhân dân chúng ta... Khi đề nghị cương lĩnh này với những tầng lớp nhân dân bên dưới<sup>1)</sup>, các thành viên của tổ chức chúng ta lấy làm lạ vô cùng, khi thấy họ hiểu cương lĩnh thật là nhanh chóng, thật là rộng rãi và họ tiếp thu cương lĩnh thật là nhiệt tình. Như thế là cương lĩnh đã sẵn sàng rồi. Cương lĩnh không thể thay đổi được nữa. Ai tán thành cương lĩnh, người đó đi theo chúng ta. Kẻ nào phản đối chúng ta, kẻ đó là bạn

1\* Trong bản tiếng Nga lời kêu gọi của Ba-cu-nin viết: "tầng lớp dân đen lam lũ"

của tất cả kẻ thù của nhân dân, là tên hiến binh của Nga hoàng, là tên đao phủ của Nga hoàng - là kẻ thù của chúng ta...

Tôi đã nói với các anh rằng tổ chức của chúng ta được xây dựng rất là vững chắc, bây giờ tôi xin nói thêm một điều nữa, tổ chức đó đã cắm rễ rất sâu trong nhân dân, giá như bây giờ chúng ta có gặp thất bại đi nữa thì bọn phản động ở nước ta cũng không thể nào phá hoại được tổ chức đó...

Những tờ báo và tạp chí xu nịnh vâng lời chỉ bảo của Phòng III, đang ra sức làm cho công chúng tin rằng chính phủ đã nắm được âm mưu đến tận gốc rễ. Chính phủ chẳng bắt được gì cả, uỷ ban và tổ chức hiện nay và sau này vẫn toàn vẹn, bản thân chính phủ sẽ sớm thấy rõ điều đó, bởi vì cuộc bùng nổ của nhân dân sắp đến rồi. Cuộc bùng nổ đó đã gần đến, khiến cho mỗi một người giờ đây phải quyết định xem họ muốn làm bạn của chúng ta, bạn của nhân dân, hay là làm kẻ thù của chúng ta và kẻ thù của nhân dân. Đối với tất cả những người bạn, dù họ thuộc tầng lớp nào, dù địa vị của họ ra sao, đội ngũ của chúng ta đều tiếp đón. Các anh sẽ hỏi: Nhưng tìm các anh bằng cách nào? Tổ chức *bao quanh các anh ở khắp nơi* và đã có *rất nhiều* thành viên trong số các đồng chí của các anh, tự nó sẽ đi tìm kẻ đang tìm nó với nguyện vọng chân thành và ý chí kiên định phục vụ cho sự nghiệp nhân dân. Kẻ nào không tán thành chúng ta, kẻ đó chống lại chúng ta. Các anh hãy lựa chọn đi".

Ba-cu-nin, trong tập sách mà ông ta ký tên đó, giả vờ tưởng như không biết trụ sở và thành phần của uỷ ban mà ông ta đang nói với danh nghĩa của nó và Ne-sa-ép hoạt động ở nước Nga cùng với danh nghĩa của nó. Thế nhưng, cái văn kiện duy nhất đã cho phép Ne-sa-ép hoạt động với danh nghĩa của uỷ ban, là do Mi-kha-in Ba-cu-nin ký tên, và người duy nhất đã nhận những báo cáo về công tác của các chi hội, cũng lại là Mi-kha-in Ba-cu-nin. Bởi vậy khi Mi-kha-in Ba-cu-nin thề phục tùng tuyệt đối uỷ ban, thì chính là ông ta thề phục tùng bản thân Mi-kha-in Ba-cu-nin.

Chúng tôi nhận thấy không cần thiết dẫn chứng thêm những bằng chứng vạch rõ rằng, không chỉ phương hướng, mà cả lời lẽ của tác phẩm do Ba-cu-nin ký tên này, hoàn toàn giống với những văn kiện khác bằng tiếng Nga xuất bản vô danh. Chúng

tôi chỉ muốn nêu rõ ở đây rằng Ba-cu-nin đang vận dụng đạo đức của tập vấn đáp cách mạng như thế nào. Thoạt đầu ông ta tuyên truyền đạo đức ấy cho các sĩ quan Nga. Ông ta tuyên bố với họ rằng khi hoạt động với tư cách là những tín đồ dòng Tên của cách mạng, ông ta và những người thân tín khác đã chấp hành nghĩa vụ của mình và đồng thời cũng lấp đầy lỗ hổng đã có; ông ta nói rằng đối với uỷ ban những người này đã vứt bỏ tự do riêng của mình, rằng tự do riêng của những người này cũng chẳng hơn gì tự do riêng của cái "thây ma" nổi tiếng của hội dòng Tên. Để cho vụ án I-va-nốp không làm các sĩ quan khiếp sợ, ông ta tìm cách thuyết phục họ thấy rõ sự cần thiết phải giết bất cứ ai muốn ra khỏi hội kín. Sau đó ông ta ứng dụng ngay cái đạo đức đó đối với các độc giả của mình, lừa bịp họ một cách hết sức vô liêm sỉ. Ba-cu-nin biết rõ rằng chính phủ chẳng những bắt bớ tất cả những người thân tín ở Nga, mà còn bắt bớ số người bị Ne-sa-ép hãm hại, nhiều hơn mười lần, vì những người này thuộc vào cái gọi là "loại thứ năm" trứ danh trong tập vấn đáp cách mạng; rằng ở Nga ngay cả cái bóng của tổ chức ấy cũng không còn, ở đây chẳng có uỷ ban nào cả và cũng chưa hề bao giờ có, nếu không kể đến Ne-sa-ép lúc bấy giờ đang cùng với ông ta ở Giơ-ne-vơ; ngoài ra, ông ta biết rằng tập sách đó cũng chẳng kiếm được ở nước Nga một người nào ủng hộ, tập sách đó chỉ có thể trở thành cái cớ cho chính phủ tiến hành những cuộc truy nã mới. Nhưng ông ta vẫn cứ tuyên bố rằng chính phủ tuyệt nhiên không bắt được ai cả, rằng uỷ ban tiếp tục tồn tại ở nước Nga và tại đây đang triển khai một hoạt động không mệt mỏi, kiên quyết, thâm nhập khắp nơi, đang phát huy cái tài dự kiến thật là kỳ lạ, tính cảnh giác, nghị lực có lý trí và tính linh hoạt đáng cảm phục (bằng chứng là những lời khai trong vụ án), rằng tổ chức bí mật của ông ta, tổ chức nghiêm chỉnh duy nhất đã tồn tại tại nước Nga sau năm 1825, vẫn bình yên vô sự, rằng tổ chức đó đã cắm rễ sâu trong quần chúng nhân dân lớp dưới, họ nhiệt liệt tiếp thu cương lĩnh của tổ chức đó, rằng tổ chức

đó đang tồn tại khắp nơi chung quanh các sĩ quan, rằng cách mạng là không thể tránh được và qua mấy tháng nữa, vào mùa thu năm 1870, cách mạng sẽ bùng nổ. Mi-kha-in Ba-cu-nin tuyên bố ông ta "từ bỏ cuộc đời riêng của mình, tư tưởng riêng của mình và tự do riêng của mình", ông ta vượt lên trên "cái thói khoác lác trống rỗng đối trá loè loẹt của những người đang chơi trò danh dự, phẩm cách cá nhân và quyền lợi". Ông ta nói với người Nga những điều kiện bịa đặt như vậy, những điều khoác lác như vậy, - chỉ là để làm cho mình được khoái chí ngắm trong gương "cái bộ mặt đóng kịch của chính mình", trước những người anh em quốc tế giả hiệu của mình.

Chính con người đó, mà vào năm 1870 đã thuyết giáo người Nga hay phục tùng một cách mù quáng, một cách vô điều kiện những mệnh lệnh do một uỷ ban vô danh và không thể biết được, từ trên ban xuống. Chính con người đó tuyên bố rằng kỷ luật kiểu dòng Tên là điều kiện sine qua non của thắng lợi, chỉ có kỷ luật đó mới có thể chiến thắng chế độ tập trung quái đản- không phải của nhà nước Nga, mà của nhà nước nói chung. Chính con người đó tuyên bố một thứ chủ nghĩa cộng sản còn mang tính cực quyền chủ nghĩa hơn là chủ nghĩa cộng sản nguyên thủy nhất; - chính con người đó năm 1871, đã viện cố đấu tranh chống chủ nghĩa cực quyền và chống chế độ tập trung của những người cộng sản Đức, viện cố thành lập những chi hội tự trị và tự do liên hợp các tổ tự trị và biến Quốc tế thành cái mà nó tưởng như phải trở thành: trở thành hình mẫu của xã hội tương lai, viện cố như thế để mưu đồ gây nên trong nội bộ Quốc tế một cuộc vận động chia rẽ và phá hoại tổ chức. Nếu như xã hội tương lai sẽ được xây dựng theo kiểu mẫu của chi hội Đồng minh ở nước Nga, thì xã hội đó vượt xa Para-goay của những vị cha cố tôn kính của các tín đồ dòng Tên<sup>371</sup> được ông Ba-cu-nin yêu quý đến như thế.

## IX PHÂN KẾT LUẬN

Quốc tế đã để cho phong trào và ý nguyện của giai cấp công nhân trong các nước được hoàn toàn tự do, đồng thời lại đoàn kết được giai cấp công nhân thành một khối thống nhất và lần đầu tiên đã có thể làm cho các giai cấp cầm quyền và chính phủ của chúng cảm thấy sức mạnh quốc tế của giai cấp vô sản. Các giai cấp cầm quyền và chính phủ của chúng đã thừa nhận sự thực đó, nên đã tập trung mọi sự công kích của chúng chĩa vào cơ quan chấp hành của toàn bộ Hội liên hiệp chúng ta - Tổng Hội đồng. Từ khi Công xã bị thất bại, những cuộc công kích ấy càng ngày càng được đẩy mạnh. Các phần tử Đồng minh đã lựa chọn đúng vào lúc này để công khai tuyên chiến với Tổng Hội đồng! Họ quả quyết rằng uy tín của Tổng Hội đồng, cái vũ khí mạnh mẽ ấy trong tay Quốc tế, không phải cái gì khác mà chỉ là vũ khí chống lại bản thân Quốc tế. Họ bảo rằng uy tín ấy không phải đã giành được trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù của giai cấp vô sản, mà là đã giành được trong cuộc đấu tranh chống bản thân Quốc tế. Theo lời của họ, những khát vọng quyền lực của Tổng Hội đồng đã thắng sự tự trị của các chi hội của các liên chi hội các nước. Để cứu vãn sự tự trị, không còn cách nào khác là phải làm cho Quốc tế mất cái đầu.

Thực vậy, các nhà hoạt động của Đồng minh biết rõ rằng nếu họ không lợi dụng thời điểm có tính chất quyết định này, thì một trăm, anh em quốc tế của Ba-cu-nin phải vĩnh viễn từ bỏ ước mơ lãnh đạo bí mật phong trào vô sản. Những cuộc công

kích thô bạo của họ đã được sự hưởng ứng đồng tình trong báo chí cảnh sát của tất cả các nước.

Những lời lẽ đao to búa lớn về sự tự trị và sự tự do liên hợp, tóm lại, lời hiệu triệu tuyên chiến của họ đối với Tổng Hội đồng chẳng qua chỉ là mách khoé che đậy mục đích thực sự của họ: phá hoại Quốc tế và, do đó, làm cho Quốc tế phải phục tùng sự cai trị bí mật, có tính chất tôn ti và độc tài của Đồng minh.

Sự tự trị của các chi hội, sự tự do liên hợp của các tổ chức tự trị, chủ nghĩa chống cực quyền, tình trạng vô chính phủ - đó là những lời lẽ rất hợp với diện mạo của hội của "những kẻ thoái hoá giai cấp", "không có tiền đồ công danh, không nhìn thấy lối thoát" đang hoạt động bí mật trong nội bộ Quốc tế với mục đích làm cho Quốc tế phải phục tùng sự chuyên chính bí mật và áp đặt cho Quốc tế cương lĩnh của ông Ba-cu-nin!

Lột bỏ bộ trang phục rách rưới thảm hại của nó đi, cương lĩnh đó chung quy chỉ là như sau:

1. Tất cả những hành vi như nhuốc tất nhiên đi kèm theo cuộc đời của những kẻ thoái hoá giai cấp xuất thân từ những tầng lớp xã hội thượng lưu, được tuyên bố là những đức tính siêu cách mạng.

2. Đề lên thành nguyên tắc việc cần phải làm đối với một số rất ít công nhân đã được chọn lựa cẩn thận, môn trốn số công nhân này, tách rời họ với quần chúng bằng con đường biến họ thành thân tín một cách thần bí, buộc họ tham gia vào những vụ âm mưu và những thủ đoạn lừa đảo của một cơ quan lãnh đạo bí mật và thuyết phục họ rằng thả lỏng "những dục vọng xấu xa" của mình - như thế có nghĩa là làm lung lay xã hội cũ đến tận gốc.

3. Những phương pháp tuyên truyền chủ yếu là lôi kéo thanh niên bằng những luận điệu láo lếu hoang đường - bằng những lời bịa đặt về quy mô và sức mạnh của hội kín, bằng những lời tiên tri về tính chất không thể tránh khỏi của cuộc cách mạng

do hội kín ấy chuẩn bị v.v. - và làm hại, trước con mắt chính phủ các nước, những người tiến bộ nhất trong các giai cấp giàu có, để rồi sau đó bóc lột họ về mặt tiền bạc.

4. Cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị của công nhân để giải phóng mình bị thay thế bằng những hành vi *phá huỷ tất cả* của những anh hùng của thế giới tội phạm hình sự - là biểu hiện tột đỉnh của cách mạng. Tóm lại, họ đề nghị thả tên lưu manh đã bị bản thân công nhân loại trừ trong thời kỳ "những cuộc cách mạng theo mẫu mực cổ điển phương Tây", và do đó, giao cho những phần tử phản động sử dụng một cách không phải trả tiền cái lũ mặt vụ - khiêu khích đã được huấn luyện rất cừ.

Khó mà nói rằng trong trò xiếc leo dây lý luận và trong những mưu đồ thực tế của Đồng minh, cái gì nhiều hơn: chất hề hay là chất đều cáng. Tuy vậy Đồng minh vẫn khêu lên được một cuộc đấu tranh âm thầm trong nội bộ Quốc tế, cuộc đấu tranh đó trong suốt hai năm trời đã gây khó khăn cho hoạt động của Hội liên hiệp chúng ta và đã kết thúc bằng sự tách ra của một bộ phận những chi hội và liên chi hội nào đó. Vì vậy những nghị quyết do Đại hội La Hay thông qua chống Đồng minh, chỉ là việc thực hiện nghĩa vụ của nó mà thôi. Đại hội không thể để cho Quốc tế, một sáng tạo vĩ đại của giai cấp vô sản, sa vào lưới mà những bọn cặn bã của các giai cấp bóc lột đã giăng ra cho nó. Còn về những kẻ muốn tước mất của Tổng Hội đồng những chức năng mà nếu không có thì Quốc tế sẽ biến thành một khối không hình thù, tản mạn và, - theo lối nói của Đồng minh - "không định hình" thì đối với những kẻ đó chúng tôi không thể có cách nào khác là xem họ như là những tên phản bội hoặc những thằng ngu độn.

Luân Đôn, ngày 21 tháng Bảy 1873

Ủy ban:

***Ô. Đuy-pông, Ph.Ăng-ghen, Lê-ô Phran-ken,***

***A. Lơ Mút-xuy, Các Mác, Ô. Xê-rai-ơ***

## X PHẦN BỔ SUNG

### I. CUỘC CHẠY TRỐN CỦA BA-CU-NIN

Năm 1857, Ba-cu-nin bị áp giải đến Xi-bia, nhưng không phải đi làm khổ sai, như người ta đã tưởng như thế căn cứ theo lời kể của ông ta, mà chỉ là đi đày mà thôi. Tổng đốc Xi-bia lúc bấy giờ là bá tước Mu-ra-vi-ép - A-mua-xki, người thân thích của Mu-ra-vi-ép, tên đao phủ tàn sát Ba Lan và cũng là người thân thích của Ba-cu-nin. Nhờ có mối quan hệ thân thuộc đó và những công lao mà ông ta đã góp phần cho chính phủ, nên Ba-cu-nin đã được ở vào một địa vị đặc biệt và đã được hưởng những ân huệ đặc biệt tại đó.

Lúc bấy giờ, Pét-ra-sép-xki, người cầm đầu và tổ chức vụ âm mưu năm 1849<sup>372</sup>, cũng ở Xi-bia. Ba-cu-nin tỏ ra rõ ràng thù địch với ông này và đã tìm đủ mọi cách để làm hại ông này; với tư cách là người thân thích của quan tổng đốc, Ba-cu-nin làm việc đó cũng chẳng khó khăn gì. Bằng cách hãm hại như vậy đối với Pét-ra-sép-xki, Ba-cu-nin lại có thêm căn cứ để được lòng cấp trên. Một việc ám muội đã từng gây náo động một thời ở Xi-bia và ở nước Nga, đã kết thúc cuộc đấu tranh đó giữa hai kẻ bị đày. Việc phê phán hành vi của một viên quan chức cao cấp chơi trò chủ nghĩa tự do, đã gây nên một trận bão táp trong đám người xung quanh viên tổng đốc, trận bão táp đó đã kết thúc bằng một cuộc đấu súng dẫn đến cái chết. Toàn bộ sự việc đó có liên quan mật thiết đến những âm mưu cá nhân và những

mánh khoé lừa đảo khiến cho toàn thể nhân dân xôn xao, buộc tội các quan chức cao cấp rõ ràng đã sát hại nạn nhân của cuộc đấu súng - người bạn trẻ của Pét-ra-sép-xki. Sự kích động nhân tâm rất là lớn, đến nỗi chính phủ sợ nổ ra bạo động nhân dân. Ba-cu-nin đã kiên quyết đứng về phía các quan chức cao cấp, trong đó có cả Mu-ra-vi-ép. Ba-cu-nin đã dùng ảnh hưởng của mình để tìm cách làm cho Pét-ra-sép-xki bị đày đi một nơi xa xôi hơn nữa, và đã bào chữa cho những kẻ hãm hại Pét-ra-sép-xki, qua một bức thư dài mà ông ta đã viết với tư cách là người mục kích và đã gửi cho Ghéc-sen. Khi đăng bức thư đó trên tờ báo "Cái chuông", Ghéc-sen đã gạch bỏ tất cả những điều công kích Pét-ra-sép-xki trong bức thư, nhưng bản sao của bức thư đó, khi được chuyển đến Xanh Pê-téc-bua, đã làm cho công chúng sở tại biết rõ nguyên văn bức thư.

Những thương nhân ở Xi-bia nói chung có khuynh hướng tự do chủ nghĩa hơn là những bạn đồng nghiệp của họ ở nước Nga, họ muốn thành lập ở Xi-bia một trường đại học để khỏi phải gửi con cái của mình đi học ở những trường xa xôi của nước Nga và muốn xây dựng một trung tâm văn hoá nơi xứ sở của mình. Muốn thế phải được phép của hoàng đế. Mu-ra-vi-ép vì chịu ảnh hưởng và theo lời khuyên của Ba-cu-nin đã phản đối dự án ấy. Sự thù ghét của Ba-cu-nin đối với khoa học có một cội nguồn xa xưa. Sự việc đó được người ta biết rõ một cách rộng rãi ở Xi-bia. Ba-cu-nin, một kẻ được người Nga hỏi rất nhiều lần về việc này, cũng không thể phủ nhận sự thực đó và đã giải thích hành vi của mình bằng cách nói rằng trong lúc *đang chuẩn bị chạy trốn*, ông ta cố sức làm vừa lòng người thân thích của mình - quan tổng đốc.

Ba-cu-nin chẳng những bản thân đã hưởng thụ và lạm dụng những ân huệ của cấp trên, mà còn vì được một món hối lộ nhỏ, đã tranh thủ những ân huệ đó cho những nhà tư bản, những nhà bao thầu và những người thầu thuế. Những tờ truyền đơn của Ba-cu-nin bị chộp được ở những nạn nhân của Ne-sa-ép và

đã được chính phủ công bố trong những năm 1869 - 1870, có ghi danh sách những phần tử nguy hiểm cho quốc gia; trong số những người nằm trong danh sách đó có cả Cát-cốp lưng tiếng một thời, chủ biên tờ "Tin tức Mát-xcơ-va"<sup>373</sup>. Để trả thù, Cát-cốp đã đăng trên tờ báo của mình một điều vạch trần như sau: ông cho người ta hiểu rằng ông ta có những thư từ của Ba-cu-nin gửi cho từ Luân Đôn sau khi ở Xi-bia về đây, trong những thư từ đó, Ba-cu-nin yêu cầu Cát-cốp hãy lấy tình bạn cũ cho ông ta vay vài nghìn rúp, Ba-cu-nin thú nhận rằng trong thời gian ở tại Xi-bia, ông ta mỗi năm nhận được một số tiền nhất định của một người đại lý rượu, người này đưa tiền cho ông ta cốt để nhờ ông ta giúp đỡ bảo đảm cho người đó được vị tổng đốc chiếu cố. Món tiền thu nhập bất chính đó (sau khi chạy trốn ông ta không còn nhận món tiền ấy nữa) làm cho lương tâm ông ta bị dằn vặt, và ông ta muốn trả lại cho người đại lý ấy những món tiền mà ông ta đã nhận được của người đó, để thực hiện việc làm tốt đẹp ấy, ông ta đã yêu cầu người bạn của mình là Cát-cốp giúp cho ông ta một khoản trợ cấp. Cát-cốp đã từ chối.

Khi Ba-cu-nin đề ra yêu cầu như vậy với Cát-cốp, người bạn cũ của mình, thì Cát-cốp đã từ lâu oai nghiêm đường bệ trên cái chức vụ của Phòng III, dùng tờ báo của mình để tiến hành những việc tố giác những người cách mạng Nga, đặc biệt là tố giác Séc-nư-sép-xki và cả cách mạng Ba Lan nữa. Như thế là, năm 1862, Ba-cu-nin đã xin tiền một người mà ông ta biết rõ là kẻ tố giác và là tên văn sĩ kẻ cướp được chính phủ Nga nuôi dưỡng. Ba-cu-nin không lần nào dám bác bỏ sự buột tội nặng nề đó.

Có được tiền bằng những phương pháp nói trên và lại được sự che chở thần thế của quan tổng đốc, Ba-cu-nin rất dễ dàng chạy trốn. Ông ta chẳng những được cấp giấy thông hành mang tên mình để đi khắp Xi-bia, mà còn được sự uỷ nhiệm chính thức đi thanh tra khắp vùng cho đến tận biên giới miền Đông. Sau khi đến cảng Ni-cô-la-ép, ông ta vượt sang Nhật Bản không khó

khăn gì, từ đó ông ta có thể bình chân như vại ngồi trên tàu đi châu Mỹ, cuối năm 1861 thì đến Luân Đôn. Cuộc chạy trốn thần kỳ của ngài Mô-hô-mét mới ấy đã được thực hiện như thế đó.

## 2. TUYÊN NGÔN ĐẠI XLA-VÔ CHỦ NGHĨA CỦA BA-CU-NIN

Ngày 3 tháng Ba 1861, A-lếch-xan-đơ II tuyên bố bãi bỏ chế độ nông nô trong những trang võ tay rền vang của toàn thể phái tự do châu Âu. Những nỗ lực của Séc-nư-sép-xki và của phái cách mạng nhằm duy trì chế độ sở hữu ruộng đất công xã tuy có đạt được kết quả, nhưng người ta không lấy làm thoả mãn, cho nên ngay khi bản tuyên bố về việc bãi bỏ chế độ nông nô chưa được công bố, Séc-nư-sép-xki đã tự thú nhận một cách buồn rầu:

"Nếu tôi biết rằng, - ông nói, - vấn đề mà tôi nêu lên sẽ được giải quyết như vậy, thì tôi thà chịu thất bại còn hơn giành được một thắng lợi như thế. Tôi thà để họ cứ hành động như họ đã dự định, hoàn toàn không đếm xỉa đến những yêu cầu của chúng ta".

Thực vậy, cái pháp lệnh về việc bãi bỏ chế độ nông nô chẳng qua chỉ là một trò bịp. Phần lớn đất đai đã bị tước đoạt khỏi tay những người chủ đất thực sự, và người ta đã tuyên bố chế độ nông dân chuộc lại đất. Cái pháp lệnh bội tín ấy của Nga hoàng trở thành một luận cứ mới và không thể bác bỏ được để cho Séc-nư-sép-xki và phái của ông chống lại những cải cách của nhà vua. Còn phải tự do thì đã đứng dưới ngọn cờ của Ghéc-sen và hét thật lực: "Người đã chiến thắng rồi, hỏi con người Ga-li-lê!", Từ ngữ con người Ga-li-lê trong cửa miệng của họ chính là để chỉ A-lếch-xan-đơ II. - Kể từ khi đó, phái tự do - mà tờ "Cái chuông" của Ghéc-sen là cơ quan ngôn luận chủ yếu của họ - không ngớt tâng bốc Nga hoàng - người giải phóng, và để đánh lạc sự chú ý của xã hội đối với những sự than oán và phản kháng do cái pháp lệnh phản nhân dân ấy gây nên, họ đã kêu gọi Nga

hoàng tiếp tục sự nghiệp giải phóng của mình và bắt đầu một cuộc thập tự chinh để giải phóng các dân tộc Xla-vơ bị áp bức, để thực hiện tư tưởng của chủ nghĩa đại Xla-vơ.

Mùa hè năm 1861, Sép-nư-sép-xki đã vạch trần âm mưu của những người theo chủ nghĩa đại Xla-vơ trong tạp chí "Người đương thời" ("Sovremennik")<sup>374</sup> và kể rõ cho các dân tộc Xla-vơ biết sự thật về tình hình thực sự ở nước Nga và về chính sách ngu dân vụ lợi của những người theo chủ nghĩa đại Xla-vơ, những người bạn giả dối của họ. Chính khi đó, Ba-cu-nin từ Xi-bia trở về nhận thấy đã đến lúc phát biểu ý kiến. Ông ta viết xong phần đầu của một bản tuyên ngôn dài, được đăng dưới hình thức phụ lục của tờ "Cái chuông" số ra ngày 15 tháng Hai 1862, lấy đầu đề là "Gửi những người bạn Nga, Ba Lan và tất cả những người bạn Xla-vơ". Phần thứ hai của tuyên ngôn này đã mãi mãi không xuất hiện.

Bản tuyên ngôn bắt đầu bằng lời tuyên bố sau đây:

"Tôi vẫn giữ vững tinh thần quả cảm của tư tưởng bách chiến bách thắng, trái tim của tôi, ý chí của tôi và nhiệt tình của tôi vẫn trung thành với các bạn, vẫn trung thành với sự nghiệp chung vĩ đại và với bản thân mình... Giờ đây tôi đến với các bạn, những người bạn cũ đã trải qua thử thách và các anh, những người bạn trẻ cùng chung tư tưởng, cùng chung ý chí với chúng tôi, chúng tôi yêu cầu các bạn: hãy tiếp nhận tôi một lần nữa vào hàng ngũ của các bạn, và hãy cho phép tôi ở giữa các bạn và cùng với các bạn đem cả phần cuộc đời còn lại của tôi hiến dâng cho cuộc đấu tranh giành tự do cho nước Nga, giành tự do cho Ba Lan, giành tự do và độc lập cho tất cả những người Xla-vơ".

Sở dĩ Ba-cu-nin nêu lên với những người bạn cũ và những người bạn trẻ của mình lời yêu cầu nhún nhường như vậy, đó là vì

"làm một nhà hoạt động ở nơi đất khách quê người thật là khổ. Tôi đã thể nghiệm điều đó quá rõ trong những năm cách mạng: dù là ở Pháp hay là ở Đức, tôi cũng không sao cảm thấy được. Vì vậy, tôi vẫn giữ tất cả cảm tình nóng bỏng của những năm xưa đối với phong trào tiến bộ toàn thế giới, - để không phung phí phần còn

lại của cuộc đời tôi, bây giờ tôi phải giới hạn hoạt động trực tiếp của mình trong phạm vi nước Nga, nước Ba Lan và người Xla-vơ. Ba thế giới riêng biệt ấy là không thể tách rời trong tình yêu và niềm tin của tôi".

Năm 1862, tức là cách đây mười một năm, ở độ tuổi 51, nhà vô chính phủ chủ nghĩa vĩ đại Ba-cu-nin đã thuyết giáo sự sùng bái nhà nước và chủ nghĩa yêu nước đại Xla-vơ chủ nghĩa.

Dân tộc đại Nga cho đến nay, có thể nói, chỉ sống một đời sống nhà nước bề ngoài. Dù cho tình hình trong nước của họ có khó khăn đến mấy đi nữa, họ có bị đẩy đến tình trạng phá sản cùng cực và nô lệ, thì họ vẫn quý trọng sự thống nhất, sức mạnh và sự vĩ đại của nước Nga và họ sẵn sàng hy sinh tất cả vì những cái đó. Tư tưởng nhà nước và chủ nghĩa yêu nước đã được hình thành như vậy trong dân tộc đại Nga, không phải bằng lời nói mà bằng việc làm. Vì vậy, chỉ một mình dân tộc đó là còn nguyên vẹn trong các bộ tộc Xla-vơ, một mình dân tộc đó là vẫn đứng vững trong châu Âu và đã cho tất cả mọi người cảm thấy nó là một lực lượng... Chớ có lo sợ rằng dân tộc đó mất đi sức hấp dẫn hợp pháp của nó và mất đi sức mạnh chính trị đã được bồi đắp trong bản thân nó bằng công trạng ba thế kỷ nay của tinh thần hy sinh khổ ải vì sự toàn vẹn của nhà nước mình... Chúng ta sẽ đưa những người Tác-ta của nước ta về châu Á, những người Đức ở nước ta về nước Đức, chúng ta sẽ là dân tộc tự do, thuần túy Nga...".

Để làm cho những lời tuyên truyền đại Xla-vơ chủ nghĩa ấy tăng thêm uy lực, những lời tuyên truyền được kết thúc bằng yêu cầu mở cuộc thập tự chinh chống người Tác-ta và người Đức, Ba-cu-nin đưa độc giả đến hoàng đế Ni-cô-lai:

"Thậm chí người ta nói rằng chính bản thân hoàng đế Ni-cô-lai không lâu trước khi chết và trong khi chuẩn bị tuyên chiến với Áo đã muốn kêu gọi tất cả những người Xla-vơ ở Áo và ở Thổ Nhĩ Kỳ, người Ma-gi-a, người I-ta-li-a nổi lên tổng khởi nghĩa. Bản thân ông đã gây ra một trận bão táp phương Đông chống lại mình, và để tránh khỏi trận bão táp đó, ông đã muốn từ một hoàng đế chuyên chế biến thành một hoàng đế cách mạng. Nghe đâu những lời kêu gọi gửi người Xla-vơ đã được ông ký tên, và trong đó có lời kêu gọi gửi Ba Lan. Dù ông có thù ghét Ba Lan như thế nào đi nữa, ông vẫn hiểu rằng không có Ba Lan thì không thể làm được cuộc khởi nghĩa

của người Xla-vơ... ông đã chiến thắng được bản thân đến mức sẵn sàng thừa nhận sự tồn tại độc lập của Ba Lan, nhưng... chỉ đến bờ bên kia sông Vi-xla".

Chính con người đó, từ năm 1868 vẫn đóng vai một người theo chủ nghĩa quốc tế, thế nhưng trước đây, vào năm 1862, đã tuyên truyền chiến tranh chủng tộc vì lợi ích của Chính phủ Nga. Chủ nghĩa đại Xla-vơ là một phát minh của nội các Xanh-Pê-téc-bua và không nhằm mục đích nào khác hơn là mở rộng biên giới châu Âu của nước Nga về phía tây và phía nam. Nhưng bởi vì họ không dám tuyên bố toạc ra với những người Xla-vơ, ở Áo, ở Phổ và ở Thổ Nhĩ Kỳ rằng những người Xla-vơ này sẽ phải hoà vào đế quốc Nga, cho nên họ mới miêu tả cho người Xla-vơ thấy nước Nga là một cường quốc sẽ giải phóng người Xla-vơ khỏi ách áp bức của nước ngoài và sẽ liên hiệp người Xla-vơ lại thành một liên bang tự do vĩ đại. Như vậy chủ nghĩa đại Xla-vơ có thể mang nhiều mầu sắc khác nhau, từ chủ nghĩa đại Xla-vơ của Ni-cô-lai đến chủ nghĩa đại Xla-vơ của Ba-cu-nin; nhưng tất cả những chủ nghĩa đại Xla-vơ đó đều cùng theo đuổi một mục đích và về thực chất chúng vẫn hoà nhịp với nhau một cách tuyệt vời, như đoạn văn mà chúng tôi vừa mới trích dẫn ở trên chúng tỏ điều đó. Tuyên ngôn mà chúng tôi sắp nói đến bây giờ sẽ không để lại một chút nghi ngờ gì nữa về điều đó.

### 3. BA-CU-NIN VÀ NGA HOÀNG

Chúng ta đã thấy, do việc bãi bỏ chế độ nông nô mà cuộc đấu tranh giữa phái tự do và phái cách mạng đã trở nên kịch liệt. Cả một đội quân những nhà chính luận, một đoàn rất đông sĩ quan và thanh niên học sinh, đã đoàn kết chung quanh Séc-nư-sép-xki, lãnh tụ của phái cách mạng. Đại biểu của phái tự do thì gồm có Ghéc-sen, một vài người theo chủ nghĩa đại Xla-vơ và một số khá đông những phần tử cải cách hoà bình và những kẻ sùng bái A-lếch-xan-đơ II. Chính phủ đã ủng hộ phái tự do. Tháng Ba năm 1861, thanh niên sinh viên Nga đã biểu thị kiên quyết ủng hộ việc giải phóng Ba Lan; mùa thu năm

1861, họ mưu toan chống lại "cuộc chính biến" mà kết quả là người ta đã dùng những biện pháp kỷ luật và biện pháp tài chính khiến cho những sinh viên nghèo túng (chiếm trên hai phần ba tổng số) không thể theo học đại học. Chính phủ tuyên bố những vụ chống đối của họ là bạo động. Ở Pê-téc-bua, ở Mát-xcơ-va và Ca-dan hàng trăm thanh niên bị ném vào nhà tù, bị đuổi ra khỏi trường đại học hoặc bị khai trừ ra khỏi trường đại học sau ba tháng tù. Sợ rằng đám thanh niên ấy có thể làm tăng thêm sự bất bình của nông dân, Hội đồng quốc gia đã ra quyết định đặc biệt cấm chỉ những cựu sinh viên giữ bất cứ chức vụ xã hội nào ở nông thôn. Nhưng những cuộc truy nã không dừng lại ở đấy. Những giáo sư, chẳng hạn như Páp-lốp, bị đuổi ra khỏi trường; những lớp học công cộng do những sinh viên đã bị đuổi ra khỏi trường đại học tổ chức nên, bị đóng cửa; những vụ hãm hại mới lại được tiến hành với cái cố gắng có căn cứ gì cả; "quỹ tương trợ của thanh niên học sinh" vừa mới được phép mở, đột nhiên bị đóng cửa; các báo chí bị đình bản. Tất cả điều đó đã làm cho phái cấp tiến bị kích động và phần uất cực độ và buộc họ phải in báo bí mật. Lúc đó xuất hiện bản tuyên ngôn của phái này, lấy tên là "Nước Nga trẻ", kèm theo đề từ trích từ tác phẩm của Rô-bốt Ô-oen<sup>375</sup>. Tuyên ngôn này trình bày một cách rõ ràng rành mạch tình hình nội bộ đất nước, tình trạng của các đảng phái và điều kiện của việc xuất bản và, khi tuyên bố chủ nghĩa cộng sản, bản tuyên ngôn đã đề ra kết luận về sự tất yếu của cách mạng xã hội. Bản tuyên ngôn đã kêu gọi tất cả những người nghiêm chỉnh hãy đoàn kết lại chung quanh ngọn cờ cấp tiến.

Bản tuyên ngôn in bí mật này vừa mới xuất hiện, thì - như một sự trùng hợp tiền định (nếu như sở cảnh sát không thò bàn tay vào đó) - rất nhiều đám cháy xảy ra ở Pê-téc-bua. Chính phủ và báo chí phản động mừng rỡ lợi dụng cơ đó để buộc tội thanh niên và toàn bộ phái cấp tiến đã gây ra những vụ đốt nhà đó. Nhà tù lại chật ních, và trên những con đường dẫn tới nơi đày ải, lại xuất hiện những đoàn người bị đọa đày. Séc-nư-sép-xki đã



bị bắt và bị ném vào pháo đài Xanh-Pê-téc-bua, sau hai năm dày khổ ải dài dằng dặc ở đó, ông lại bị dày đi Xi-bia làm khổ sai.

Trước khi xảy ra tai họa đó, Ghéc-sen và Grô-mê-ca - Grô-mê-ca sau này làm tổng đốc một tỉnh của Ba Lan đã góp phần vào việc đàn áp Ba Lan, một người ở Luân Đôn, còn một người thì ở nước Nga, đã công kích một cách điên cuồng đảng cấp tiến và vu khống Séc-nư-sép-xki, nói rằng có lẽ ông sẽ kết thúc bằng việc nhận huân chương. Séc-nư-sép-xki, trong một bài báo với lời lẽ hết sức diêm dăm đã kêu gọi Ghéc-sen hãy nghĩ đến những hậu quả của vai trò mà tờ "Cái chuông" định đóng sau khi đứng trên lập trường công khai đối địch với phái cách mạng nước Nga<sup>376</sup>. Ghéc-sen đã trịnh trọng tuyên bố rằng ông sẵn sàng trịnh trọng nâng cốc chúc mừng sức khoẻ của Nga hoàng vĩ đại - người giải phóng, ngay trước mặt những người mà ông gọi là phái dân chủ quốc tế, tức là Mát-di-ni, Vích-to Huy-gô, Lơ-đruy-Rô-lanh, Lu-i-Blăng v.v; và ông còn nói thêm rằng dù những ông *Đa-ni-en* cách mạng Pê-téc-bua có nói gì, tôi vẫn biết rằng trái với ý muốn và những lời kêu gào của họ, lời chúc rượu đó sẽ được sự hưởng ứng tán thưởng trong Cung điện mùa đông (dinh thự của Nga hoàng). Séc-nư-sép-xki và những người bạn của ông chính là những *Đa-ni-en* cách mạng.

Ba-cu-nin đã vượt trội Ghéc-sen. Chính trong lúc phái cách mạng bị hoàn toàn đánh bại, trong lúc Séc-nư-sép-xki đã bị bỏ tù, thì Ba-cu-nin lúc đó tròn 51 tuổi, đã xuất bản tập sách nổi tiếng của mình gửi vị Nga hoàng nông dân; "Rô-ma-nốp, Pu-ga-sép hay là Pe-xten. sự nghiệp nhân dân". Tác phẩm của Mi-kha-in Ba-cu-nin, 1862.

"Nhiều người còn đang đoán xem cách mạng có nổ ra ở nước Nga hay là không Cách mạng đã bắt đầu một cách tuần tự, cách mạng đang bao trùm khắp cả mọi nơi, đang bao trùm tất cả mọi cái, đang bao trùm tất cả mọi khối óc. Cách mạng hành động bằng bàn tay của chính phủ, thậm chí còn hiệu quả hơn là bằng những cố gắng của những tín đồ của cách mạng. Cách mạng sẽ không yên lòng, sẽ không dừng lại,

chừng nào chưa tái sinh ra được thế giới Nga, chừng nào chưa dựng lên và chưa tạo ra được một thế giới xla-vơ mới.

Triều vua rõ ràng là đang tự huỷ diệt mình. Nó đi tìm con đường cứu nguy bằng cách chấm dứt cuộc sống nhân dân, chứ không phải bằng cách kích lệ cuộc sống nhân dân đã được thức tỉnh. Cuộc sống này, nếu như được hiểu thấu, thì có thể nâng cái triều vua Nga hoàng lên đến tầm cao xưa nay chưa từng thấy của sự hùng mạnh và quang vinh... Nhưng tiếc thay! Vai trò trang nghiêm như thế, tốt đẹp như thế, lại rơi vào triều vua Nga hoàng quá ít ỏi. A-lếch-xan-đơ II có thể rất dễ trở thành thần tượng của nhân dân trở thành vị Nga hoàng nông dân đầu tiên của nước Nga<sup>1)</sup>, một vị vua hùng mạnh không phải vì nhân dân trong nước sợ ông, mà vì nhân dân trong nước yêu mến ông, nhân dân trong nước được tự do được sống hạnh phúc. Dựa vào nhân dân ấy ông có thể trở thành vị cứu tinh và người đứng đầu của cả thế giới Xla-vơ...

Muốn thế, chỉ cần có một tấm lòng Nga rộng mở, đầy lòng từ bi và chân tình cứng rắn. Toàn bộ hoạt động đầy sinh lực của Nga, cũng như của các dân tộc Xla-vơ đều mong ông dang tay ra đón nhận, sẵn sàng làm cái bệ cho uy danh lịch sử của ông".

Sau đó, Ba-cu-nin yêu cầu thủ tiêu nhà nước của Pi-ốt Đại đế, nhà nước *Đức*, và xây dựng "nước Nga mới". Việc hoàn thành nhiệm vụ đó được giao phó cho A-lếch-xan-đơ II.

"Việc mở đầu của ông thật là tuyệt vời: ông đã tuyên bố tự do cho nhân dân, tự do và cuộc sống mới cho nhân dân sau ngàn năm nô lệ. Tưởng chừng như ông muốn xây dựng một nước Nga nông dân" (*Zemskoujou Rossiou*), "bởi vì trong nhà nước của Pi-ốt, nhân dân tự do là điều vô nghĩa. Ngày 19 tháng Hai 1861, mặc dù bản pháp lệnh về việc giải phóng nông dân chưa đựng tất cả những điều thất sách, những điều mâu thuẫn kỳ quặc, A-lếch-xan-đơ II vẫn là một vị vua vĩ đại nhất, đáng yêu nhất, hùng mạnh nhất đã từng trị vì nước Nga". - Nhưng "tự do là trái ngược với tất cả những bản năng của A-lếch-xan-đơ II", bởi vì ông là người Đức, mà "người Đức thì sẽ không bao giờ hiểu và thương yêu nước Nga nông dân... ông chỉ suy nghĩ

1) Cái danh hiệu Nga hoàng nông dân (*Zemsky Tzar*) được gán cho A-lếch-xan-đơ II là một phát minh của Ba-cu-nin và của tờ "Cái chuông".

làm sao củng cố được toà nhà của nhà nước Pi-ốt... khi nghĩ ra điều tai hại, điều không thể thực hiện được, thì ông đang tự huỷ diệt mình và cái triều vua của mình, và sẵn sàng đẩy nước Nga vào một cuộc cách mạng đẫm máu".

Tất cả những điều mâu thuẫn của "pháp lệnh về giải phóng", tất cả những vụ bắn giết nông dân, những vụ bạo loạn của sinh viên, tóm lại, tất cả hành động khủng bố, theo ý kiến của Ba-cu-nin

"đều hoàn toàn được cất nghĩa bởi việc nhà vua thiếu lý trí Nga và tâm hồn thương yêu nhân dân, điên rồ cố sức bám lấy nhà nước của Pi-ốt bằng bất kể giá nào... Song le, ông, mà cũng chỉ có một mình ông, mới có thể tiến hành ở Nga một cuộc cách mạng vĩ đại nhất, có ích nhất, không đổ một giọt máu. Ngay bây giờ, ông còn có thể làm như vậy; nếu chúng ta cảm thấy tuyệt vọng về kết cục hoà bình, thì có không phải là vì đã muộn rồi, mà vì chúng ta rớt cuộc đã tuyệt vọng không thấy A-lếch-xan-đơ II có khả năng hiểu được con đường duy nhất mà đi theo nó ông có thể cứu vãn bản thân mình và nước Nga. Không thể nào ngăn được phong trào của một dân tộc đã được thức tỉnh sau một giấc ngủ ngàn năm. Nhưng nếu Nga hoàng kiên quyết và can đảm dẫn đầu phong trào đó, thì uy lực đem lại hạnh phúc và vinh quang cho nước Nga ắt hẳn là vô tận".

Muốn vậy, ông chỉ cần đem lại cho nông dân ruộng đất, tự do là *self - government*<sup>1\*</sup>.

"Cũng chớ lo sợ rằng thông qua *self - government* khu vực, mối quan hệ giữa các tỉnh sẽ bị cắt đứt, sự thống nhất của đất nước Nga sẽ bị phá hoại; thực ra thì sự tự trị của các tỉnh sẽ chỉ là một sự tự trị về mặt hành chính, về mặt lập pháp nội bộ, về mặt pháp lý, chứ không phải là sự tự trị về mặt chính trị. Không một nước nào, có lẽ trừ nước Pháp ra, sự thống nhất của chế độ, sự toàn vẹn của nhà nước và sự vĩ đại của nhân dân lại có ý nghĩa trong nhân dân như ở nước Nga".

Lúc bấy giờ ở nước Nga có người yêu cầu triệu tập hội nghị quốc dân<sup>2\*</sup>. Một số người này yêu cầu triệu tập hội nghị này để

1\* - tự trị.

2\* Trong văn bản tiếng Nga, ở đây và từ đây về sau Ba-cu-nin dùng thuật ngữ: "hội nghị quốc dân của toàn dân".

giải quyết những khó khăn về tài chính, một số người khác thì yêu cầu triệu tập hội nghị này để thủ tiêu chế độ quân chủ, Ba-cu-nin thì lại muốn triệu tập hội nghị này để chứng tỏ sự thống nhất của nước Nga và để củng cố quyền lực và sự uy nghiêm của Nga hoàng.

"Sự thống nhất của nước Nga cho đến nay chỉ được thể hiện thông qua Nga hoàng, thì giờ đây lại đòi hỏi một cơ quan đại diện khác: "hội nghị quốc dân... Vấn đề không phải là ở chỗ cách mạng sẽ nổ ra hay không, mà là ở chỗ kết cục của cách mạng sẽ là hoà bình hay đổ máu? Kết cục của cách mạng sẽ là hoà bình và dễ chịu, nếu Nga hoàng đứng đầu phong trào của nhân dân, sẽ cùng hội nghị quốc dân bắt tay tiến hành cải tạo nước Nga một cách rộng rãi và kiên quyết theo tinh thần tự do. Còn nếu Nga hoàng cứ muốn đi ngược trở lại hoặc dừng lại ở những biện pháp nửa vời, thì cách mạng sẽ là khủng khiếp. Khi đó, do khởi nghĩa toàn dân nổ ra, cách mạng sẽ mang tính chất của một cuộc tàn sát không thương xót... A-lếch-xan-đơ II có thể cứu nước nga thoát khỏi sự phá sản cùng kiệt, thoát khỏi đổ máu".

Như vậy, năm 1862 đối với Ba-cu-nin cách mạng có nghĩa là một sự phá sản cùng kiệt của nước Nga, nên chỉ ông ta đã khẩn cầu Nga hoàng phòng ngừa cho đất nước khỏi nổ ra cách mạng. Đối với nhiều người cách mạng Nga, việc triệu tập hội nghị quốc dân có nghĩa là lật đổ triều đại Nga hoàng, nhưng Ba-cu-nin thì lại làm cho những niềm hy vọng của họ bị tiêu tan và tuyên bố với họ rằng

"hội nghị quốc dân sẽ chống lại họ và ủng hộ Nga hoàng. Nhưng nếu hội nghị quốc dân sẽ chống đối Nga hoàng thì sao? Liệu có thể như thế không? - Cần biết rằng nhân dân sẽ cử đại biểu của mình tham gia hội nghị đó, nhân dân đó cho đến nay vẫn một mực tin tưởng vô hạn vào Nga hoàng, mong đợi tất cả ở Nga hoàng. Vậy thì lấy đâu ra sự thù địch chứ?... Không còn nghi ngờ gì nữa, nếu Nga hoàng triệu tập bây giờ" (tháng Hai năm 1862) "hội nghị quốc dân, thì ông lần đầu tiên sẽ thấy chung quanh mình những người thực sự trung thành với mình. Nếu tình trạng vô chính phủ<sup>1\*</sup> còn tiếp tục vài năm nữa, thì tâm trạng của nhân dân có thể thay

1\* Ba-cu-nin viết: "tình trạng hỗn loạn".

đổi. Thời đại chúng ta thay đổi như chong chóng. Nhưng hiện giờ nhân dân ủng hộ Nga hoàng và chống quý tộc, chống quan liêu, và chống tất cả cái gì mang cái áo nước Đức" (tức châu Âu). "Đối với nhân dân, tất cả những người ở trong phe nước Nga quan phương ấy, đều là kẻ thù, *tất cả đều là kẻ thù, trừ Nga hoàng*. Vậy kẻ nào dám nói với nhân dân chống Nga hoàng? Giá như kẻ nào dám nói, thì lẽ nào nhân dân lại tin anh ta sao? *Há chẳng phải Nga hoàng đã giải phóng nông dân, bất chấp ý chí của quý tộc, bất chấp nguyện vọng chung của giới quan liêu, đó sao?*"

"Nhân dân Nga, thông qua người đại diện của mình, lần đầu tiên sẽ gặp mặt Nga hoàng của mình. Quả là giờ phút quyết định, giờ phút hết sức khẩn cấp! Họ sẽ làm vừa lòng nhau ra sao đây? Toàn bộ tương lai của Nga hoàng và của nước Nga sẽ tùy thuộc vào cuộc gặp mặt ấy. Niềm tin và lòng trung thành của những sứ giả nhân dân đối với Nga hoàng sẽ là vô hạn. Nếu Nga hoàng dựa vào họ, đốn họ với một lòng tin và tình thương như thế, thì chắc là có thể dựng ngai vàng của mình cao hơn và vững chắc hơn bất cứ lúc nào trước đây. Nhưng nếu người mà các sứ giả nhân dân sẽ gặp, lại không phải là Nga hoàng - vị cứu tinh. Nga hoàng của nhân dân<sup>1\*</sup> - mà là một vị hoàng đế Pê-téc-bua khoác áo choàng Phổ, một người Đức bụng dạ hẹp hòi, thì sao? Nếu Nga hoàng sẽ không đem lại cho nhân dân sự tự do mà họ đang mong đợi, sẽ không đem lại cho nhân dân một điều gì cả hay là hầu như không đem lại cho nhân dân cái gì cả, thế thì sao?... Nếu thế, chế độ Nga hoàng sẽ không tránh khỏi đại họa. Ít ra thì ngôi vua Pê-téc-bua, cái ngôi vua của người Đức, cái ngôi vua Hôn-stai-nơ. Gốt-toóc-pơ sẽ di dời nhà ma.

Nếu trong giờ phút quyết định ấy, khi mà đối với cả nước Nga sẽ được quyết định vấn đề sống và chết, hoà bình hay đổ máu, trước mặt hội nghị quốc dân xuất hiện vị Nga hoàng nhân dân, vị *Nga hoàng tốt lành, vị Nga hoàng chính trực*, yêu mến nước Nga, sẵn sàng sắp xếp cuộc sống của nhân dân theo ý chí của nhân dân, thì với một nhân dân như vậy, có việc gì mà Nga hoàng lại không thể làm được? Ai dám nổi lên chống lại Nga hoàng chứ? Cả hoà bình lẫn lòng tin đều được khôi phục như có phép lạ, và tiền bạc cũng sẽ kiếm được, mọi việc đều được sắp đặt một cách giản đơn, tự nhiên, không ai cảm thấy khó chịu, ai cũng thoải mái tự do. Hội nghị quốc dân được một vị *Nga hoàng như thế lãnh đạo* ắt sẽ xây dựng một nước Nga mới. Không

1\* Ba-cu-nin viết: "của quốc dân".

một mưu đồ ác độc nào và không một lực lượng đối địch nào đủ sức chống lại sức mạnh của Nga hoàng và của nhân dân đã được liên hiệp lại... Có hy vọng thực hiện được một sự liên minh như vậy không? Chúng tôi sẽ nói thẳng ra rằng không có".

Dù cho Ba-cu-nin có nói gì ở đấy, ông ta vẫn không bỏ niềm hy vọng lôi kéo vị Nga hoàng của mình và, để tác động đến Nga hoàng, ông ta lấy thanh niên cách mạng ra để dọa dẫm Nga hoàng; nếu Nga hoàng còn chân chừ, thì đám thanh niên cách mạng ấy sẽ hoàn thành sự nghiệp của mình và sẽ tự mở cho mình con đường đi tới nhân dân.

"Tại sao thanh niên không ủng hộ ngài, mà toàn thể thanh niên lại chống ngài? Chính đó là một điều bất hạnh rất lớn cho ngài... thanh niên trước hết cần tự do và chân lý. Nhưng vì sao thanh niên rời bỏ Nga hoàng, vì sao thanh niên tuyên bố chống lại người đã tuyên bố tự do cho nhân dân?... Phải chăng họ mê say *những lý tưởng cách mạng trùu tượng và những danh từ rất kêu "nước cộng hoà"*? Một phần có lẽ là như thế, song đây chỉ là một nguyên nhân rất bề ngoài, rất thứ yếu. Phần đông thanh niên tiên tiến của chúng ta hiểu rất rõ rằng *những khái niệm trùu tượng của phương Tây*, dù là khái niệm của phái bảo thủ, của phái tự do - tư sản hay thậm chí của phái dân chủ, *đều không thích hợp với sự vận động của nước Nga... Nhân dân nước Nga vận động không phải theo những nguyên tắc trùu tượng... nhân dân nước Nga rất xa lạ với những lý tưởng phương Tây và tất cả những mưu toan của chủ nghĩa khổng luận của phái bảo thủ, của phái tự do, thậm chí của phái cách mạng hòng buộc họ phải theo phương châm của mình đều là uổng công vô ích... họ có những lý tưởng của bản thân họ... họ đang đưa vào lịch sử những nguyên tắc mới và đang xây dựng một nền văn minh khác, và xây dựng lòng tin mới, quyền lợi mới, cuộc sống mới.*

Trước một nhân dân vĩ đại, nghiêm túc và thậm chí uy nghiêm như vậy, thì chớ có đùa giỡn. Thanh niên sẽ vứt bỏ vai trò buồn cười và đáng ghét ấy của những ông giáo tiểu học không mời mà đến... Chúng ta sẽ dạy cái gì? Quả thực là nếu chúng ta gác sang một bên những môn khoa học tự nhiên và toán học, thì thành tựu cao nhất của toàn bộ trí tuệ của chúng ta sẽ là sự phủ định cái gọi là những chân lý không thể bác bỏ của học thuyết phương Tây, sẽ là sự phủ định hoàn toàn phương Tây".

Sau đó Ba-cu-nin đả kích tác giả của tờ "Nước Nga trẻ", lên án họ sinh lý luận suông, muốn làm thầy nhân dân, bôi nhọ sự nghiệp; ông ta gọi họ là những thằng trẻ con chẳng hiểu gì cả và chỉ hấp thụ được những tư tưởng trong mấy cuốn sách phương Tây đã đọc được. - Chính phủ khi tống giam những thanh niên ấy, coi họ là những kẻ phạm tội đốt nhà, thì cũng nhiếc mắng họ những lời như thế. Để làm yên lòng vị Nga hoàng của mình, Ba-cu-nin tuyên bố:

"Nhân dân không ủng hộ phái cách mạng đó... tuyệt đại đa số thanh niên chúng ta thuộc về phái nhân dân, thuộc về phái đã lấy thắng lợi của sự nghiệp nhân dân làm mục đích duy nhất của mình; phái này không có thiên kiến, không ủng hộ Nga hoàng mà cũng không chống đối Nga hoàng, và nếu Nga hoàng tự mình đã bắt đầu sự nghiệp vĩ đại, về sau lại không phản bội nhân dân, thì phái đó không bao giờ bỏ rơi Nga hoàng; bây giờ vẫn còn chưa muộn, miễn là Nga hoàng tự mình dẫn đầu nhân dân, thì đám thanh niên đó sẽ vui vẻ đi theo Nga hoàng. *Bất cứ thiên kiến cách mạng phương Tây* nào cũng không sao ngăn nổi đám thanh niên đó. Còn người Đức thì nên về nước Đức đi. Nếu như Nga hoàng hiểu rằng từ nay ông không nên đứng đầu chế độ tập quyền bạo lực, mà nên đứng đầu *liên bang tự do của các dân tộc tự do*, thì dựa vào sức mạnh phục hưng vững chắc, liên minh với Ba Lan và U-cra-i-na, cắt đứt tất cả những liên minh đáng căm thù với người Đức, dững cảm giương cao ngọn cờ toàn Xla-vơ, ông sẽ trở thành *vi cứu tinh của thế giới Xla-vơ*."

Thực vậy, đánh người Đức là một việc làm rất hay, và chủ yếu là một việc làm rất cần thiết của người Xla-vơ, dù sao chẳng nữa điều đó cũng tốt hơn là bóp chết người Ba Lan để chiêu lòng người Đức. Việc lên giải phóng người Xla-vơ khỏi ách áp bức của người Thổ Nhĩ Kỳ và của người Đức là một việc cần thiết và một nghĩa vụ thiêng liêng của nhân dân Nga đã được giải phóng".

Cũng trong tập sách đó, ông ta kêu gọi phái cách mạng đoàn kết lại dưới ngọn cờ của sự nghiệp nhân dân theo kiểu Nga hoàng ấy.

"Điều 1. Chúng ta" (tức Ba-cu-nin và đồng bọn) "muốn *selj - government* của nhân dân - của công xã, của tỉnh<sup>1\*</sup>, của khu và cuối cùng của nhà nước, có Nga hoàng

1\* Ba-cu-nin viết: "của xã, của huyện".

hay không có Nga hoàng cũng thế thôi, và xem nhân dân muốn như thế nào, - Điều 2... Chúng ta sẵn sàng và phải giúp đỡ Ba Lan, Lít-va, U-cra-i-na chống lại mọi bạo lực, và chống lại tất cả những kẻ thù bên ngoài, đặc biệt là chống người Đức. - Điều 4. Cùng với Ba Lan, Lít-va, U-cra-i-na, chúng ta muốn giơ tay giúp đỡ những anh em Xla-vơ của chúng ta hiện đang bị khổ sở dưới ách áp bức của vương quốc Phổ, của đế quốc Áo và đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, và chừng nào còn một người Xla-vơ đang chịu sự nô dịch của người Đức, của người Thổ Nhĩ Kỳ hoặc bất cứ người nào khác, thì chúng ta vẫn không được tra gươm vào vỏ".

Điều 6 quy định phải liên minh với I-ta-li-a, với Hung-ga-ri, với Ru-ma-ni và với Hy Lạp; đó chính là những đồng minh mà Chính phủ Nga đã tìm kiếm lúc bấy giờ.

Điều 7. Chúng ta sẽ cùng với tất cả các bộ tộc Xla-vơ ra sức thực hiện điều mơ ước thiêng liêng của người Xla-vơ, xây dựng một liên bang toàn Xla-vơ vĩ đại và tự do... để có một lực lượng toàn Xta-vơ thống nhất, không thể phân chia.

Đó là cương lĩnh rộng lớn của sự nghiệp người Xla-vơ, đó là kết quả cuối cùng tất yếu của sự nghiệp nhân dân - Nga. Vì sự nghiệp đó, chúng ta hiến dâng trọn cuộc đời của mình.

Bây giờ chúng ta sẽ đi cùng ai, đi tới đâu, đi theo ai? Đi tới đâu? - Chúng ta đã nói rồi. Đi cùng ai? - Chúng ta cũng đã nói rồi: cố nhiên là không đi cùng với ai khác ngoài nhân dân. Nhưng đi theo ai? Đi theo Rô-ma-nốp, đi theo Pu-ga-sép hay là đi theo Pa-xten, nếu tìm thấy một Pa-xten mới?<sup>1)</sup>

Xin nói thật: *Chúng ta vui lòng hơn hết nếu đi theo Rô-ma-nốp*, nếu Rô-ma-nốp có thể và muốn từ một hoàng đế Pê-téc-bua biến thành một Nga hoàng nông dân. Chúng ta vui lòng đứng dưới ngọn cờ của ông, bởi vì nhân dân Nga còn thừa nhận ông, lực lượng của ông đã được xây dựng, sẵn sàng phục vụ cho sự nghiệp và có thể

1) Rô-ma-nốp là họ của Nga hoàng; Pu-ga-sép là lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa vĩ đại của người Cô-dắc dưới thời Ê-ca-tê-ri-na II; Pe-xten là người cầm đầu vụ âm mưu năm 1825 chống Ni-cô-lai I, đã bị treo cổ.

trở thành một lực lượng vô địch, chỉ cần ông làm lễ rửa tội trong tinh thần nhân dân cho nó. Chúng ta đi theo ông, còn bởi vì *ông đã một mình* tiến hành và hoàn thành cuộc cách mạng hoà bình vĩ đại, không làm đổ một giọt máu của người Nga hoặc của người Xla-vơ. Do sự ngu xuẩn của người ta mà những cuộc cách mạng đẫm máu có khi là cần thiết, song những cuộc cách mạng đó vẫn là tai họa, tai họa to lớn và điều bất hạnh lớn, chẳng những đối với những nạn nhân của cách mạng, mà còn đối với việc đạt tới một cách hoàn toàn và đầy đủ mục đích mà cách mạng đang theo đuổi. Chúng ta đã thấy được điều đó trong cách mạng Pháp.

Như vậy, thái độ của chúng ta đối với Rô-ma-nốp thật là rõ ràng. *Chúng ta không phải là kẻ thù của ông* nhưng cũng không phải là bạn. Chúng ta là bạn của sự nghiệp nhân dân - Nga, của sự nghiệp Xla-vơ. Nếu Nga hoàng dẫn đầu sự nghiệp đó, chúng ta ủng hộ ông. Nhưng một khi ông chống lại sự nghiệp đó, thì chúng ta sẽ là kẻ thù của ông. Vì vậy toàn bộ vấn đề là ở chỗ: ông có muốn làm Nga hoàng nước Nga, làm Nga hoàng nông dân, làm Rô-ma-nốp hay là làm hoàng đế ở Pê-téc-bua. Hôn-stai-nơ - Gốt-toóc-pơ? Ông có muốn phục vụ nước Nga, phục vụ người Xla-vơ hay là phục vụ người Đức? Vấn đề này sẽ được giải quyết rất nhanh chóng, khi đó chúng ta sẽ biết chúng ta nên làm gì".

Tiếc thay, Nga hoàng đã không nhận thấy cần thiết phải triệu tập hội nghị quốc dân mà Ba-cu-nin - như tập sách này cho thấy rõ - đã đề cử mình tham gia. Bản tuyên ngôn tranh cử của ông ta và thái độ cúi đầu khúm núm của ông ta trước Rô-ma-nốp đã tỏ ra uổng công vô ích. Tính cả tin ngây thơ của ông ta đã bị lừa bịp một cách đáng hổ thẹn, và ông ta không còn lối thoát nào khác hơn là cứ lao bừa vào tình trạng vô chính phủ phá huỷ tất cả.

Sau những lời bịa đặt nhàn rỗi ấy của ông thầy cúi đầu trước vị Nga hoàng nông dân của mình, các học trò và bè bạn của ông ta, An-béc Ri-sác và Ga-xpác Blăng, hoàn toàn có quyền hô to: Hoàng đế nông dân Na-pô-lê-ông III muôn năm!

## XI CÁC VĂN KIẾN

### I- QUY CHẾ BÍ MẬT CỦA ĐỒNG MINH

Một bản của Quy chế này, mà chúng tôi nắm được, thì một phần do chính tay Ba-cu-nin thảo ra. Ông ta đã phân phát các bản sao Quy chế không chỉ cho những người thân tín, mà còn phân phát cho cả nhiều người khác mà ông ta hy vọng dụ dỗ được bằng sự khải thị của cương lĩnh sáng ngời của mình. Tính hiếu danh muốn trở thành trước tác gia đã thắng tính thâm trầm ủ dột của kẻ làm các trò thần bí.

### TỔ CHỨC CỦA ĐỒNG MINH NHỮNG NGƯỜI ANH EM QUỐC TẾ Ba cấp:

*I. Những người anh em quốc tế*

*II. Những người anh em dân tộc.*

*III. Tổ chức nửa bí mật, nửa công khai của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế*

### I. ĐIỀU LỆ CỦA NHỮNG NGƯỜI ANH EM QUỐC TẾ

1. "Anh em quốc tế không có tổ quốc nào khác ngoài cách mạng thế giới, không có ngoại bang nào khác và không có kẻ thù nào khác ngoài thế lực phản động.

2. Anh em quốc tế bác bỏ mọi chính sách thoả hiệp và nhượng bộ, và cho rằng bất cứ cuộc vận động chính trị nào không lấy sự thắng lợi của nguyên tắc của anh em quốc tế làm mục đích trực tiếp của mình, đều là phản động.

3. Anh em quốc tế là những người anh em, không bao giờ công kích lẫn nhau, không bao giờ giải quyết những vụ tranh chấp của mình một cách công khai hay là trước toà án. Toà án trọng tài do hai bên cử ra trong số anh em, - đó là cơ quan xét xử duy nhất của họ.

4. Mỗi anh em phải là thiêng liêng đối với tất cả những anh em khác, thiêng liêng hơn cả anh em ruột. Mỗi anh em phải được tất cả những anh em khác giúp đỡ và bảo vệ trong phạm vi có thể làm được.

5. Anh em quốc tế chỉ có thể là những người nào thành thật tiếp thu toàn bộ cương lĩnh với tất cả những hệ quả lý luận và hệ quả thực tế bắt nguồn từ cương lĩnh: chỉ có thể là người mà trí tuệ, nghị lực, lòng thành thật và tính điềm tĩnh được kết hợp với *niệt tình cách mạng*: chỉ có thể là kẻ có gan quỷ sứ trong người. Chúng ta không buộc một ai phải gánh vác nghĩa vụ, phải chịu hy sinh cả. Nhưng người nào có nhiệt tình đó, ắt sẽ làm được rất nhiều việc, thậm chí không biết rằng mình đang có những hy sinh.

6. Đối với anh em, không được có sự nghiệp, lợi ích hay nghĩa vụ nào trọng đại hơn, thiêng liêng hơn là phục vụ cách mạng và phục vụ tổ chức bí mật của chúng ta, tổ chức có sứ mệnh phục vụ cách mạng.

7. Anh em bao giờ cũng có quyền khước từ việc chấp hành nhiệm vụ do uỷ ban trung ương hoặc do uỷ ban dân tộc của anh em đó giao phó cho, nhưng anh em đó, quá nhiều lần liên tiếp khước từ, sẽ tỏ ra là người tặc trách hoặc lười biếng, có thể bị uỷ ban dân tộc của mình tạm thời khai trừ, còn nếu có đề nghị của uỷ ban dân tộc, thì có thể bị uỷ ban trung ương xoá tên trong danh sách thành viên cho đến khi hội nghị lập hiến ra quyết định cuối cùng.

8. Không một anh em nào có thể đảm nhiệm chức vụ xã hội nếu không có sự đồng ý của uỷ ban mà anh em đó thuộc quyền. - Trong anh em không một ai có thể thực hiện những hành động công khai hoặc phát biểu những ý kiến công khai trái với hay thậm chí xa lạ với đường lối xử sự mà uỷ ban của anh em đó đã quy định, nếu không thỉnh thị uỷ ban này. Mỗi khi có hai hoặc nhiều hơn hai anh em cùng xuất hiện bên nhau, thì anh em phải bàn bạc với nhau về tất cả những công việc xã hội quan trọng.

9. Tất cả anh em quốc tế đều biết nhau. *Giữa anh em với nhau, không được có những bí mật chính trị*. Không một ai trong anh em có thể tham gia một đoàn thể bí mật nào đó nếu không được uỷ ban của mình đồng ý một cách rõ ràng, còn trong trường hợp cần thiết, khi uỷ ban này yêu cầu, thì phải được sự đồng ý của uỷ ban trung ương. - Và anh em đó cũng chỉ có thể tham gia vào một đoàn thể bí mật như vậy, với điều kiện là anh em đó sẽ bệ lộ trước những uỷ ban đó tất cả những bí mật có thể trực tiếp hoặc gián tiếp làm cho những uỷ ban đó quan tâm.

10. Tổ chức anh em quốc tế được phân chia như sau: A. *Tổng uỷ ban hay là Uỷ hội lập hiến*. B. *Uỷ ban trung ương* C. *Các Uỷ ban dân tộc*.

#### A. Tổng Uỷ ban

Đó là hội nghị của toàn thể anh em quốc tế hoặc ít nhất là hai phần ba anh em quốc tế được triệu tập thường kỳ theo thời hạn đã quy định hoặc là do đa số uỷ ban trung ương triệu tập họp hội nghị bất thường. Tổng Uỷ ban là cơ quan quyền lực lập hiến tối cao và chấp hành tối cao của toàn bộ tổ chức chúng ta và có thể sửa đổi cương lĩnh, điều lệ và quy chế tổ chức của tổ chức chúng ta.

#### B. Uỷ ban trung ương

gồm có a) *trung ương cục* và b) *uỷ ban giám sát trung ương*. Uỷ viên của uỷ ban giám sát trung ương là tất cả những anh em quốc tế tuy không phải là uỷ viên trung ương cục nhưng ở tương đối gần trung ương cục, trong vòng hai ngày có thể triệu tập được và cố nhiên là gồm cả những anh em nhân đi qua địa điểm đó mà có mặt tại đó. Còn về những mặt khác, thì những uỷ viên này trong tất cả những quan hệ lẫn nhau của họ đều tuân theo Điều lệ của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa (xem những điều 2 - 4).

#### C. Các Uỷ ban dân tộc

Mỗi uỷ ban dân tộc đều bao gồm tất cả những anh em quốc tế (không phân biệt dân tộc) hiện có mặt tại trung tâm tổ chức quốc gia hoặc ở gần bên cạnh trung tâm tổ chức quốc gia. Mỗi uỷ ban dân tộc cũng được phân thành: a) *Cục chấp hành dân tộc* và b) *Uỷ ban giám sát dân tộc*. Uỷ ban giám sát dân tộc phải bao gồm tất cả những anh em quốc tế hiện có mặt tại chỗ, nhưng không tham gia cục chấp hành.

Mối quan hệ lẫn nhau ở đây cũng giống như mối quan hệ lẫn nhau trong Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa.

11. Muốn kết nạp một anh em mới, cần phải có *quyết định nhất trí* của tất cả những uỷ viên có mặt (ít nhất là ba người) của uỷ ban dân tộc và cần phải được đa số hai phần ba *uỷ ban trung ương phê chuẩn*, *Uỷ ban trung ương* có thể tự mình kết nạp anh em mới bằng quyết định nhất trí của tất cả uỷ viên của mình.

12. Mỗi uỷ ban dân tộc mỗi tuần phải họp ít nhất một lần để kiểm tra và đẩy mạnh công tác tổ chức, tuyên truyền và hành chính của cục chấp hành thuộc uỷ ban này. - Uỷ ban dân tộc là thẩm phán đương nhiên xét xử hành vi của mỗi thành viên của mình về tất cả mọi vấn đề có liên quan đến phẩm chất cách mạng của thành viên đó hoặc liên quan đến quan hệ của thành viên đó với xã hội. Quyết định của uỷ ban dân tộc phải trình lên uỷ ban trung ương phê chuẩn. Uỷ ban dân tộc chỉ đạo hoạt động và những ý kiến phát biểu công khai của tất cả thành viên của mình. Thông qua cục chấp hành hoặc thông qua người anh em do mình cử ra, uỷ ban dân tộc phải duy trì mối liên lạc thư từ đều đặn với *trung ương cục*, ít nhất hai tuần một lần.

13. *Uỷ ban dân tộc* tổ chức *liên minh* bí mật của những anh em dân tộc nước mình.

## II- NHỮNG NGƯỜI ANH EM DÂN TỘC

14. Những người anh em dân tộc trong mỗi nước phải được tổ chức sao cho họ không bao giờ có thể tách rời khỏi sự lãnh đạo của tổ chức chung của anh em quốc tế, nhất là sự lãnh đạo của *tổng uỷ ban* và của *uỷ ban trung ương*. Cương lĩnh và điều lệ của họ chỉ sau khi được *uỷ ban trung ương* phê chuẩn, mới có thể hoàn toàn có hiệu lực.

15. Mỗi uỷ ban dân tộc đều có quyền, nếu thấy hợp lý, quy định hai loại anh em dân tộc: a) loại anh em dân tộc biết nhau trong toàn quốc, và b) loại anh em chỉ biết nhau trong phạm vi những tiểu tổ không lớn. - Anh em dân tộc trong bất cứ trường hợp nào cũng không được, thậm chí nghi ngờ về sự tồn tại của tổ chức quốc tế.

16. *Các trung tâm tỉnh* gồm toàn thể hoặc một phần những anh em quốc tế hoặc anh em dân tộc thuộc loại thứ nhất, sẽ được tổ chức ở khắp tất cả những địa điểm

quan trọng trong nước. Nhiệm vụ của trung tâm tỉnh là phát triển hết sức sâu rộng tổ chức bí mật và công tác tuyên truyền những nguyên tắc của tổ chức bí mật, - không hạn chế hoạt động trong thành phố, mà còn cố sức phổ biến những nguyên tắc ấy trong nông thôn và trong nông dân.

17. Các uỷ ban dân tộc phải tìm kiếm càng nhanh càng tốt những khoản kinh phí chẳng những cần cho hoạt động có hiệu quả của tổ chức mình, mà còn cần cho nhu cầu chung của toàn hiệp hội. Vì vậy các uỷ ban dân tộc sẽ nộp một phần kinh phí - một nửa? - lên trung ương cục.

18. Cục dân tộc phải hoạt động một cách rất tích cực, cần nhớ rằng nguyên tắc cương lĩnh và điều lệ chỉ có giá trị khi nào có gan con quỷ ở trong những con người phải thực hiện chúng.

## TỔ CHỨC BÍ MẬT CỦA ĐỒNG MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ

1. *Uỷ ban trung ương thường trực* của Đồng minh gồm tất cả những uỷ viên của *các uỷ ban dân tộc thường trực* và những thành viên của *chi hội trung ương ở Giơ-ne-vơ*.

Tất cả những thành viên ấy họp toàn thể tạo thành *hội nghị chung bí mật* của Đồng minh, hội nghị này là cơ quan quyền lực lập pháp và cơ quan quyền lực cao nhất của Đồng minh mỗi năm được triệu tập ít nhất một lần để tiến hành đại hội làm việc, những thành viên ấy tham gia đại hội này với tư cách là đại biểu của các nhóm thuộc Đồng minh trong các nước khác nhau; hội nghị chung cũng có thể được triệu tập bất cứ lúc nào bởi *trung ương cục* cũng như bởi *chi hội trung ương ở Giơ-ne-vơ*.

2. Chi hội trung ương ở Giơ-ne-vơ là đoàn đại biểu thường trực của uỷ ban trung ương thường trực. Chi hội này gồm tất cả những uỷ viên *trung ương cục* và tất cả những uỷ viên *uỷ ban giám sát*, các uỷ viên uỷ ban giám sát luôn luôn nhất thiết phải kiêm nhiệm uỷ viên của uỷ ban trung ương thường trực. - *Chi hội trung ương* là *hội đồng chấp hành tối cao* của Đồng minh trong khuôn khổ hiến pháp và đường lối xử sự, chỉ có *hội nghị chung* mới có thể đặt ra và sửa đổi hiến pháp và đường lối xử sự. Chi hội trung ương quyết định tất cả những vấn đề thực tế (nhưng không phải là những vấn đề hiến pháp và chính trị chung) bằng đa số phiếu thông thường; những nghị quyết ấy được thông qua như thế là có tính chất *bắt buộc* đối với *trung ương*

cục, miễn là đa số uỷ viên trung ương cục không muốn khiếu nại lên *hội nghị chung nếu có khiếu nại thì trong hạn ba tuần phải triệu tập hội nghị chung*. *Hội nghị chung* được triệu tập như vậy phải có mặt hai phần ba tổng số thành viên mới đủ thẩm quyền.

3. *Trung ương cục là cơ quan quyền lực chấp hành, có từ 3 đến 5 hoặc thậm chí 7 uỷ viên, những uỷ viên này nhất thiết phải đồng thời là những uỷ viên của Ủy ban trung ương thường trực*. Với tư cách là một trong hai bộ phận hợp thành *chi hội trung ương bí mật, trung ương cục* là một tổ chức bí mật. Là một tổ chức như thế, trung ương cục nhận chỉ thị của *chi hội trung ương* và gửi thông tri của mình - nếu không muốn nói là những mệnh lệnh mật - cho tất cả những *ủy ban dân tộc* và nhận báo cáo mật của các ủy ban dân tộc ít nhất mỗi tháng một lần. Với tư cách là *cơ quan quyền lực chấp hành* của Đồng minh công khai, trung ương cục là một tổ chức công khai. Là một tổ chức như thế, trung ương cục sẽ tuỳ theo đất nước và tình hình mà duy trì nhiều hay ít những mối liên hệ bí mật hay công khai với tất cả những *cục dân tộc* và hàng tháng cũng nhận báo cáo của các cục dân tộc. Đối với bên ngoài, cơ cấu quản lý của nó y hệt chế độ tổng thống trong nước cộng hoà liên bang. Trung ương cục, với tư cách là cơ quan quyền lực chấp hành vừa bí mật, vừa công khai của Đồng minh, đẩy mạnh công tác tuyên truyền bí mật và công khai của hội và thúc đẩy sự phát triển của hội trong tất cả các nước bằng tất cả những biện pháp có thể có. Trung ương cục quản lý một phần kinh phí, theo điều (b) của điều lệ công khai, do tất cả các nước gửi cho để chi dùng vào những nhu cầu chung. Trung ương cục xuất bản báo và những tập sách mỏng và phái những đại diện lưu động của mình đi để xây dựng các tổ chức của Đồng minh tại những nước chưa có tổ chức của Đồng minh. Trong tất cả những biện pháp mà trung ương cục phải tiến hành vì lợi ích của Đồng minh, trung ương cục phải phục tùng quyết định của đa số của *chi hội trung ương bí mật* mà toàn thể uỷ viên trung ương cục cũng đều nằm trong đó. Với tư cách là một tổ chức cùng một lúc vừa công khai, vừa bí mật và vì nó hoàn toàn chỉ gồm những uỷ viên của *ủy ban trung ương thường trực*, cho nên *trung ương cục* luôn luôn sẽ là cơ quan đại diện trực tiếp của *ủy ban ấy*. *Trung ương cục lâm thời* nay sẽ được trình cho *nhóm khởi xướng Giơ-ne-vơ* phê chuẩn, coi như được lâm thời cử ra bởi *toàn thể thành viên sáng lập Đồng minh*, phần đông những thành viên này trước đây là những người đã tham gia Đại học Béc-nơ, sau khi chuyển giao quyền lực của mình cho ông B<sup>1\*</sup> - đã đi về nước mình. - Trung ương cục lâm

thời sẽ thực hiện chức năng cho đến khi hội nghị chung công khai đầu tiên được triệu tập; hội nghị này, căn cứ theo điều 7 của điều lệ công khai; phải họp trong kỳ đại hội làm việc sắp tới với tư cách là một chi nhánh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Cố nhiên, các uỷ viên của *trung ương cục mới* sẽ do hội nghị này bổ nhiệm. Nhưng vì trung ương cục luôn luôn nhất thiết chỉ gồm những uỷ viên của *ủy ban trung ương thường trực*, cho nên uỷ ban trung ương thường trực phải thông qua các uỷ ban dân tộc của mình bảo đảm việc tổ chức và lãnh đạo đối với tất cả các tổ chức địa phương, sao cho các tổ chức địa phương sẽ chỉ cử những uỷ viên uỷ ban trung ương thường trực làm đại biểu tại hội nghị này, hoặc giả nếu không có uỷ viên của uỷ ban trung ương thường trực, thì cử những người tuyệt đối trung thành với sự lãnh đạo của uỷ ban dân tộc của mình, để uỷ ban trung ương thường trực luôn luôn nắm chặt toàn bộ tổ chức của Đồng minh.

4. *Ủy ban giám sát* tiến hành kiểm tra đối với toàn bộ hoạt động của trung ương cục. - Ủy ban giám sát gồm tất cả uỷ viên của uỷ ban trung ương thường trực đang ở tại địa phương mà *trung ương cục* đóng ở đấy, hoặc ở gần bên cạnh đó, và còn gồm tất cả những uỷ viên tạm thời hoặc nhân đi qua mà có mặt ở đấy hoặc ở gần bên cạnh đấy, trừ những uỷ viên hợp thành trung ương cục.

Theo yêu cầu của hai uỷ viên của uỷ ban giám sát, trong hạn ba ngày tất cả những uỷ viên của uỷ ban giám sát phải cùng với những uỷ viên của trung ương cục họp *hội nghị chi hội trung ương thuộc hội đồng chấp hành tối cao*, quyền hạn của hội nghị này đã được quy định trong điều 2.

5. *Các uỷ ban dân tộc* gồm tất cả những uỷ viên của uỷ ban trung ương thường trực thuộc cùng một dân tộc. Trong trường hợp có ba uỷ viên của uỷ ban trung ương thường trực thuộc cùng một dân tộc, thì trung ương cục hoặc, khi cần thiết, chi hội trung ương đề nghị họ thành lập uỷ ban dân tộc nước mình; Mỗi uỷ ban dân tộc có thể cử ra một uỷ viên mới của uỷ ban trung ương nước mình, nhưng nhất thiết phải căn cứ theo quyết định nhất trí của tất cả uỷ viên của uỷ ban. Khi cử uỷ viên mới, uỷ ban dân tộc phải báo cáo ngay việc đó cho trung ương cục, trung ương cục ghi danh sách uỷ viên mới này và do đó trao cho uỷ viên mới này toàn bộ quyền hạn của một uỷ viên uỷ ban trung ương thường trực. - *Chi hội trung ương* ở Giơ-ne-vơ cũng có quyền cử những uỷ viên mới căn cứ theo quyết định nhất trí của toàn thể thành viên của mình.

1\* - M. Ba-cu-nin.



Mỗi *ủy ban dân tộc* đều có nhiệm vụ riêng là thành lập và tổ chức dân tộc công khai, cũng như bí mật của Đồng minh trong nước mình. Ủy ban dân tộc là cơ quan lãnh đạo tối cao và đầu não của tổ chức đó thông qua *cục dân tộc* của mình, cục dân tộc phải do ủy ban dân tộc lập ra và chỉ gồm những ủy viên của ủy ban trung ương thường trực. Đối với các cục dân tộc tương ứng thì các *ủy ban dân tộc* cũng có những quan hệ, những quyền hạn và thẩm quyền y hệt như *chi hội trung ương* đối với trung ương cục. Các *ủy ban dân tộc*, được thành lập bằng cách liên hợp các *cục dân tộc* tương ứng và các *ủy ban giám sát*, không thừa nhận cơ quan lãnh đạo nào khác ngoài *trung ương cục*, và sẽ là những cơ quan trung gian duy nhất giữa *trung ương cục* và *tất cả những tổ chức địa phương* nước mình về mặt tuyên truyền và hành chính, cũng như về mặt thu và nộp hội phí. Các *ủy ban dân tộc*, thông qua các cục dân tộc tương ứng, phải bảo đảm việc tổ chức Đồng minh trong nước mình sao cho các ủy viên ủy ban trung ương thường trực luôn luôn giữ địa vị thống trị trong Đồng minh và đại diện Đồng minh trong các kỳ đại hội đại biểu.

Khi các cục dân tộc đã lập ra được những tổ chức địa phương nào, thì cục dân tộc phải trình điều lệ và cương lĩnh của những tổ chức địa phương đó cho trung ương cục phê chuẩn, nếu không làm như thế, tổ chức địa phương không thể tham gia Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế.

## CƯƠNG LĨNH CỦA ĐỒNG MINH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ

1. Đồng minh quốc tế được lập ra để phục vụ cho việc tổ chức và đẩy mạnh cách mạng thế giới trên cơ sở những nguyên tắc đã được công bố trong cương lĩnh của chúng ta.

2. Căn cứ theo những nguyên tắc ấy, mục đích của cách mạng chỉ có thể là: a) Phá huỷ mọi sự thống trị và mọi quyền lực - quyền lực tôn giáo, quyền lực nhà vua, quyền lực quý tộc và quyền lực của giai cấp tư sản - ở châu Âu. Vì vậy, cũng phá huỷ tất cả những nhà nước hiện hành với tất cả những thể chế chính trị, pháp luật, quan liêu và tài chính của nhà nước, b) Tái xây dựng xã hội mới trên một cơ sở duy nhất là lao động được liên hiệp lại tự do, lấy chế độ sở hữu tập thể, bình đẳng và chính nghĩa làm điểm xuất phát.

3. Cách mạng - như chúng ta quan niệm, hay nói đúng hơn, cách mạng trong trạng thái mà sức mạnh của sự vật hiện đang tạo ra một cách không thể tránh khỏi. - về thực chất mang tính quốc tế hoặc tính phổ biến. Trước một sự liên minh đang uy hiếp của tất cả những lợi ích đặc quyền và của tất cả những lực lượng phản động châu Âu có tất cả những thủ đoạn ghê sợ mà tổ chức tài tình tạo ra cho chúng, trước một sự chia rẽ sâu sắc đang ngự trị khắp nơi giữa giai cấp tư sản và công nhân - không một cuộc cách mạng dân tộc nào sẽ có thể giành được thắng lợi, nếu cuộc cách mạng đó không ngay tức khắc lan đến tất cả các dân tộc khác. Nhưng cách mạng không bao giờ có thể vượt ra khỏi biên giới của một nước và mang tính chất phổ biến nếu bản thân nó không bao hàm tất cả những yếu tố của tính phổ biến ấy, tức là nếu nó không phải là một cuộc cách mạng công nhiên xã hội chủ nghĩa, phá huỷ nhà nước và kiến lập tự do bằng sự bình đẳng và chính nghĩa; bởi vì từ nay không có gì có thể liên hiệp, phát động và cổ vũ lực lượng vĩ đại, chân chính duy nhất của thời đại, tức là công nhân, ngoài khẩu hiệu giải phóng hoàn toàn lao động trên đồng cỏ nát của tất cả những thiết chế đang đứng về phía chế độ chiếm hữu ruộng đất cha truyền con nối và tư bản.

4. Vì cuộc cách mạng sắp nổ ra chỉ có thể là cuộc cách mạng phổ biến, cho nên Đồng minh hay là - xin nói toạc ra - âm mưu có nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và thúc đẩy cuộc cách mạng đó, cũng phải như thế.

5. Đồng minh theo đuổi hai mục đích: a) Đồng minh ra sức truyền bá trong quần chúng nhân dân ở tất cả các nước những quan điểm đúng đắn về chính trị, về kinh tế xã hội và về tất cả những vấn đề triết học. Đồng minh sẽ tiến hành tuyên truyền tích cực bằng báo chí, sách mỏng và sách và bằng cách lập những đoàn thể công khai: b) Đồng minh sẽ cố gắng lôi kéo tất cả những người thông minh, đầy nghị lực, kiên định, có thiện chí, thành thật trung thành với tư tưởng chúng ta, để lập nên ở khắp châu Âu và tùy theo khả năng, cả ở châu Mỹ một mạng lưới vô hình những người cách mạng trung thành mà chính nhờ sự liên hiệp đó đã trở thành mạnh mẽ hơn.

## CƯƠNG LĨNH VÀ MỤC ĐÍCH CỦA TỔ CHỨC CÁCH MẠNG CỦA NHỮNG NGƯỜI ANH EM QUỐC TẾ

1. Các nguyên tắc của tổ chức này cũng giống như những nguyên tắc của cương lĩnh Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế. Những nguyên tắc ấy sẽ còn được

trình bày rõ ràng hơn trong phần nói về vấn đề phụ nữ, về gia đình theo quan điểm tôn giáo, pháp luật và nhà nước, trong cương lĩnh *phái Dân chủ xã hội chủ nghĩa Nga*.

Trung ương cục dành cho mình quyền, trong thời gian không lâu nữa, trình bày cặn kẽ hơn về mặt lý luận và về mặt thực tiễn những nguyên tắc đó.

2. Liên hiệp của anh em quốc tế nhằm tiến tới một cuộc cách mạng phổ biến, - đồng thời cùng một lúc tiến hành cách mạng xã hội, cách mạng triết học, cách mạng kinh tế và cách mạng chính trị, - để phá sạch trước tiên ở khắp cả châu Âu, sau đó ở các nơi khác trên thế giới, cái trật tự ngày nay được xây dựng trên sở hữu, trên sự bóc lột, trên sự phục tùng, trên nguyên tắc quyền uy - quyền uy tôn giáo, quyền uy siêu hình và quyền uy thuyết lý - tư sản hoặc thậm chí quyền uy cách mạng theo kiểu Gia-cô-banh; bằng những khẩu hiệu: hoà bình cho người lao động, tự do cho tất cả những người bị áp bức, tiêu diệt những kẻ đi áp bức, những kẻ bóc lột và những bọn bảo hộ đủ loại, chúng ta ra sức phá huỷ tất cả những nhà nước và tất cả những giáo hội với tất cả những thiết chế và các đạo luật của chúng, những thiết chế và đạo luật về tôn giáo, chính trị, pháp luật, tài chính, cảnh sát, đại học kinh tế và xã hội, để hàng triệu con người bất hạnh bị lừa bịp, bị nô dịch, bị hành hạ, bị bóc lột, cuối cùng sẽ được thả phào nhẹ nhõm sau khi được giải thoát khỏi tất cả những ông thầy và những kẻ ân nhân chính thức và bán chính thức, tập thể và cá thể của họ.

3. Chúng ta tin chắc rằng tai họa cá nhân và tai họa xã hội bất rỗi chủ yếu không phải trong những cá nhân riêng lẻ, mà chính trong tổ chức của sự vật và trong các tình cảnh xã hội. Cho nên dù là xuất phát từ tinh thần chính nghĩa hay là theo sự tính toán lợi hại, chúng ta đều là nhân đạo, chúng ta sẽ phá huỷ một cách không thương xót những tình cảnh ấy và bản thân sự vật ấy để có thể khoan thứ cho người ta mà không hề làm tổn hại gì cho cách mạng. Chúng ta phủ nhận việc dành cho xã hội có *tự do ý chí* và có quyền giả hiệu là được trừng phạt. Bản thân chính nghĩa theo một ý nghĩa hợp tính người nhất, rộng rãi nhất của từ đó, chỉ là tư tưởng, có thể nói, một tư tưởng có tính chất tiêu cực và quá độ; nó đề ra những vấn đề xã hội, nhưng không suy nghĩ những vấn đề đó, mà chỉ nêu lên con đường duy nhất có thể làm được để giải phóng con người, tức là: nhân đạo hoá xã hội bằng tự do và bình đẳng: chỉ trong một tổ chức xã hội ngày càng hợp lý hơn, thì mới có thể đem lại một giải pháp tích cực. Đó là giải pháp hết sức đáng mong muốn, là lý tưởng chung

của chúng ta...đó là tự do, đạo đức, lý tính và phúc lợi của mỗi người nhờ đoàn kết chung mà có - tinh thần bác ái của loài người.

Mỗi một cá nhân con người đều là sản phẩm tự nhiên của hoàn cảnh tự nhiên và hoàn cảnh xã hội mà trong đó cá nhân đó đã sinh ra, phát triển và tiếp tục chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh đó. Ba nguyên nhân quan trọng của toàn bộ tính vô đạo đức của con người chứa đựng trong sự bất bình đẳng về chính trị, cũng như về kinh tế và về xã hội: trong sự ngu dốt với tính cách là kết quả tự nhiên của sự bất bình đẳng và trong hậu quả tất yếu của cả hai cái đó - *sự nô dịch*.

Vì tổ chức xã hội bất cứ lúc nào và bất cứ chỗ nào cũng đều là nguyên nhân duy nhất của những hành vi phạm tội mà con người đã phạm phải, cho nên trừng phạt kẻ phạm tội là một sự giả nhân giả nghĩa, hoặc một sự phi lý rõ ràng về phía xã hội, bởi vì mọi hình phạt đều phải lấy tội lỗi làm tiền đề, mà kẻ phạm tội thì chẳng bao giờ là có tội. Lý luận về phạm tội và hình phạt là sản phẩm của thần học, tức là sản phẩm của sự kết hợp sự phi lý và sự giả nhân giả nghĩa tôn giáo.

Cái quyền duy nhất mà người ta có thể thừa nhận cho xã hội trong trạng thái quá độ ngày nay của xã hội, đó là quyền tự nhiên *giết chết* bản thân những kẻ phạm tội mà nó đã tạo ra, để tự bảo vệ, chứ không phải quyền xét xử và kết án những kẻ phạm tội ấy. Cái quyền đó thậm chí cũng không phải là quyền theo nghĩa chính xác của từ đó, nói cho đúng hơn thì đó là một sự thực tự nhiên, đáng đau buồn, nhưng không thể tránh khỏi, là dấu hiệu và kết quả của sự bất lực và ngu xuẩn của xã hội ngày nay; xã hội càng ít sử dụng đến quyền đó, thì xã hội càng đi gần tới sự giải phóng chân chính của bản thân mình. Tất cả những người cách mạng, tất cả những người bị áp bức, tất cả những người bị đau khổ, đều là nạn nhân của tổ chức xã hội ngày nay, trái tim của họ đương nhiên chứa chất căm hờn và sự trả thù, họ phải nhớ rằng những đế vương, những kẻ áp bức, những kẻ bóc lột đủ loại cũng đều có tội lỗi như những kẻ phạm tội, tức quân chúng nhân dân mà ra. Họ là những kẻ tàn ác, chứ không phải là những kẻ có tội, bởi vì họ cũng như những kẻ phạm tội thông thường, đều là sản phẩm tự nhiên của tổ chức xã hội ngày nay. Nếu như vào giờ phút ban đầu nhân dân khởi nghĩa có giết chết nhiều người trong số họ, thì điều đó chẳng gì là lạ: đó là một điều bất hạnh, có lẽ không thể tránh khỏi, nhưng chẳng có gì đáng kể, cũng như là những sự phá hoại do gió bão gây nên mà thôi.

Những hành động tự nhiên đó sẽ không hợp đạo đức, thậm chí cũng không bổ ích. Về mặt này, lịch sử đã đầy những thí dụ nêu gương: máy chém đáng sợ năm 1793, - không ai có thể chê được nó là không hoạt động gì cả hay là lễ mê chậm chạp - cũng chẳng tiêu diệt được giai cấp quý tộc ở Pháp. Quý tộc, nếu như không bị tiêu diệt hoàn toàn, thì dù sao nó cũng đã bị rung chuyển một cách sâu sắc, không phải bởi máy chém, mà là bởi hành động tịch thu và đem bán ruộng đất quý tộc. Và nhìn chung có thể nói rằng những vụ tàn sát chính trị chưa bao giờ giáng cho đảng phái ngọn đèn chí mạng; tàn sát chính trị tỏ ra hết sức bất lực, đối với những giai cấp đặc quyền, bởi vì sức mạnh không phải chủ yếu bắt rễ trong con người, mà chính là bắt rễ trong cái địa vị mà những kẻ có đặc quyền được đặt vào đó nhờ trật tự của sự vật, tức là nhờ *thiết chế nhà nước* và nhờ *chế độ tư hữu* là hậu quả tự nhiên và đồng thời là cơ sở của thiết chế nhà nước.

Vì vậy, muốn thực hiện cuộc cách mạng cấp tiến, thì cần phải đánh vào tình cảnh và sự vật, phá huỷ sở hữu và nhà nước; thế thì chẳng cần phải tiêu diệt con người và tự chuốc lấy một sự phản động chắc chắn và không thể tránh khỏi, một sự phản động trước kia và sau này bao giờ cũng chỉ dẫn tới việc tiêu diệt con người trong mỗi xã hội.

Muốn có quyền trở thành nhân đạo đối với con người mà không gây tổn hại cho cách mạng, thì cần phải không thương xót đối với tình cảnh và sự vật; cần phải phá huỷ tất cả, nhất là và trước hết là phá huỷ sở hữu và hậu quả không thể tránh khỏi của nó là *nhà nước*. Đây là toàn bộ bí quyết của cách mạng.

Không có gì phải ngạc nhiên khi thấy những phần tử Gia-cô-banh và những phần tử Blăng-ki trở thành những người xã hội chủ nghĩa là do sự tất yếu nhiều hơn là do niềm tin, đối với họ chủ nghĩa xã hội là phương tiện, chứ không phải là mục đích của cách mạng. Bởi vì họ muốn chuyên chính, tức là muốn chế độ tập trung của nhà nước, còn nhà nước thì do tính tất yếu không thể tránh khỏi và hợp lô-gích, sẽ dẫn họ tới sự khôi phục lại sở hữu, - cho nên, chúng tôi nói, điều hoàn toàn tự nhiên là họ không muốn thực hiện cuộc cách mạng cấp tiến chống lại sự vật, họ suy tính một cuộc cách mạng đẫm máu chống lại con người. Nhưng cuộc cách mạng đẫm máu đó dựa trên việc xây dựng một nhà nước cách mạng tập quyền mạnh mẽ, như chúng tôi sẽ chứng minh điều đó một cách tường tận hơn sau này, tất nhiên sẽ dẫn đến

sự xuất hiện nền chuyên chính quân sự, sẽ dẫn đến kẻ thống trị mới. Bởi vậy, thắng lợi của phái Gia-cô-banh hoặc phái Blăng-ki có nghĩa là sự diệt vong của cách mạng.

4. Chúng ta là kẻ thù tự nhiên của những người cách mạng nào - tức là những kẻ độc tài tương lai, những nhà lập pháp và những người bảo hộ tương lai của cách mạng - mà thậm chí trước khi nhà nước quân chủ, nhà nước quý tộc và tư sản hiện đại chưa bị phá huỷ, họ đã mơ tưởng xây dựng những nhà nước cách mạng mới cũng tập quyền như thế và còn độc tài chuyên chế hơn là những nhà nước hiện đang tồn tại. Họ đã rất quen với các trật tự được thiết lập từ trên xuống bởi một quyền uy nào đó và cũng rất sợ cái mà họ cảm thấy là vô trật tự, nhưng trên thực tế, chỉ là biểu hiện trực tiếp và tự nhiên của đời sống nhân dân, cho nên ngay cả trước khi cách mạng tạo ra một tình trạng vô trật tự vinh quang và có khả năng cứu vớt như thế, thì họ đã mơ tưởng kết thúc cuộc cách mạng đó và kiểm chế nó bằng hành động của quyền lực nào đó. Các quyền lực sẽ làm cho cách mạng chỉ còn là một tên gọi, nhưng quyền lực đó trên thực tế sẽ chỉ là một sự phản động mới, bởi vì nó lại làm cho quần chúng nhân dân, bị pháp lệnh điều khiển, phải rơi vào cảnh ngộ phục tùng, đình trệ, chết chóc, tức là cái cảnh ngộ bị bọn quý tộc mới, cách mạng giả hiệu nô dịch và bóc lột.

5. Chúng ta quan niệm cách mạng với ý nghĩa là buông thả cái mà hiện nay được gọi là những dục vọng xấu xa và phá huỷ cái mà, theo cùng một ngôn từ đó, được gọi là "trật tự xã hội".

Chúng ta không sợ tình trạng vô chính phủ, mà còn kêu gọi thiết lập tình trạng đó, chúng ta tin chắc rằng tự do, bình đẳng, chính nghĩa, trật tự mới và bản thân lực lượng cách mạng chống phản động, sẽ được sản sinh ra từ tình trạng vô chính phủ đó, tức là từ sự biểu hiện đầy đủ của cuộc sống nhân dân đã được giải phóng. Cuộc sống mới ấy - cách mạng nhân dân - cố nhiên sẽ được tổ chức không chậm trễ, nhưng nó sẽ tạo nên tổ chức cách mạng của mình từ dưới lên trên, từ ngoại vi vào trung tâm - căn cứ theo nguyên tắc tự do, chứ không phải từ trên xuống dưới, không phải từ trung tâm ra ngoại vi theo gương của bất cứ quyền uy nào, - bởi vì đối với chúng ta, quyền uy đó dù được gọi là giáo hội, là nước quân chủ, là nhà nước lập hiến, là nước cộng hoà tư sản hay thậm chí là chuyên chính cách mạng, đều không quan trọng. Chúng ta đều căm thù và bác bỏ tất cả những thứ đó, coi đó là nguồn gốc không tránh khỏi của bóc lột và của chế độ chuyên chế.

6. Cách mạng theo quan niệm của chúng ta, ngay ngày đầu tiên phải phá huỷ tận gốc và triệt để nhà nước và tất cả những thiết chế của nhà nước. Hậu quả tự nhiên và tất yếu của sự phá huỷ đó sẽ là: a) sự phá sản của nhà nước. b) đình chỉ sự can thiệp của nhà nước vào việc thu hồi các khoản nợ tư nhân bằng cách để cho mỗi người mắc nợ được quyền trả món nợ của mình, nếu họ muốn như thế; c) đình chỉ việc nộp mọi thứ thuế và việc thu mọi thứ đảm phụ, cả trực tiếp lẫn gián tiếp; d) giải tán quân đội, ngành tư pháp, quan lại, cảnh sát và thầy tu; e) bãi bỏ chế độ tư pháp nhà nước; xoá bỏ tất cả những gì mà về mặt pháp lý được gọi là quyền, và đình chỉ việc thực hiện những quyền ấy. Do đó, xoá bỏ và thiêu huỷ tất cả những văn khế quy định quyền sở hữu, quy định quyền thừa kế, văn khế mua và tặng, tất cả những án kiện, nói tóm lại, toàn bộ cái mớ giấy lộn về pháp lý và dân sự. Khắp tất cả mọi nơi và về tất cả mọi mặt đều lấy hành động cách mạng thay thế cho cái quyền do nhà nước tạo ra và bảo đảm: 1) tịch thu tất cả tư bản sản xuất và công cụ lao động giao cho các hội liên hiệp công nhân để họ có nhiệm vụ sử dụng một cách tập thể; g) tịch thu tất cả tài sản giáo hội và tài sản nhà nước và những kim loại quý của cá nhân để giao cho đồng minh có tính chất liên bang của tất cả các Hội liên hiệp công nhân, tức là đồng minh hợp thành công xã. Công xã sẽ cung cấp những thứ cần thiết nhất cho những người bị tước mất tài sản bằng cách như vậy để bù vào tài sản đã bị tịch thu, về sau họ có thể kiếm được nhiều hơn bằng lao động của bản thân mình nếu họ muốn và có khả năng. b) Để tổ chức công xã, thì phải liên hợp các ụ chiến đấu đang thường trực hoạt động và thành lập hội đồng công xã cách mạng bằng cách cứ mỗi ụ chiến đấu cử một hoặc hai đại biểu, cứ mỗi đường phố hoặc khu phố cử một đại biểu - những đại biểu này được cấp giấy uỷ nhiệm hạn chế, phải chịu trách nhiệm về tất cả mọi mặt và có thể bị thay thế bất cứ lúc nào. *Hội đồng công xã* được tổ chức bằng cách như vậy có thể cử ra trong hội đồng những *ủy ban chấp hành* riêng cho từng ngành quản lý cách mạng của công xã. i) Thủ đô khởi nghĩa đã lập thành công xã ra tuyên bố rằng sau khi thủ tiêu nhà nước cực quyền chủ nghĩa và mang tính chất bảo hộ - thủ đô có quyền làm việc đó, bởi vì thủ đô cũng bị nhà nước nô dịch giống như các địa phương khác - thì thủ đô từ bỏ quyền của mình, nói một cách chính xác hơn, từ bỏ mọi yêu sách quản lý và cưỡng bức các tỉnh. k) Kêu gọi tất cả các tỉnh, các công xã và các hiệp hội hãy vứt bỏ tất cả, noi gương thủ đô và trước tiên hãy *tự cải tổ* lại theo phương thức cách mạng, sau đó cử đại biểu của mình - tất cả những đại biểu này cũng đều được cấp những giấy uỷ nhiệm hạn chế,

chịu trách nhiệm và có thể bị thay thế - đến một địa điểm tập hợp đã quy định, để thành lập liên bang của những hội liên hiệp, của những công xã và của những tỉnh đã khởi nghĩa vì những nguyên tắc như nhau, và để tổ chức lực lượng cách mạng có khả năng chiến thắng phe phản động. Cử đi không phải những phái viên cách mạng chính thức đeo băng gì đó trên vai, mà là cử đi những tuyên truyền viên cách mạng đến tất cả các tỉnh và công xã, nhất là vào nông dân, những người mà không phải nguyên tắc, cũng không phải pháp lệnh của một nền chuyên chính nào đó có thể cách mạng hoá được họ, mà chỉ có hành động cách mạng trực tiếp mới có thể cách mạng hoá được họ, tức là những kết quả do sự chấm dứt hoàn toàn đời sống pháp lý chính thức của nhà nước gây nên một cách không tránh khỏi trong tất cả các công xã. Việc xoá bỏ nhà nước dân tộc còn có một ý nghĩa là bất cứ nước khác nào, tỉnh nào, công xã nào, hiệp hội nào hoặc thậm chí cá nhân nào đã vùng lên khởi nghĩa cũng vì những nguyên tắc như thế, đều sẽ được thu nhận vào liên bang cách mạng, bất kể những đường biên giới hiện có của các nước và bất kể thuộc hệ thống chính trị hoặc hệ thống dân tộc khác nhau, thế nhưng những tỉnh của nước mình, những công xã, những hiệp hội và cá nhân mà đứng về phía phản động, thì sẽ không được gia nhập liên bang. Bởi vậy, chính là nhờ việc phổ cập và tổ chức cách mạng để các nước khởi nghĩa có thể bảo vệ lẫn nhau, nên tính phổ biến của cách mạng dựa trên cơ sở xoá bỏ biên giới và phá huỷ nhà nước, sẽ giành được thắng lợi.

7. Cách mạng chính trị hay cách mạng dân tộc chiến thắng từ nay sẽ không thể thực hiện được, nếu cách mạng chính trị không biến thành cách mạng xã hội và nếu cách mạng dân tộc - chính vì tính chất xã hội chủ nghĩa cấp tiến của nó và việc phá huỷ nhà nước, - không biến thành cách mạng phổ biến.

8. Vì cách mạng đâu đâu cũng phải do nhân dân tiến hành, và sự lãnh đạo tối cao đối với cách mạng luôn luôn phải thuộc về nhân dân đã được tổ chức thành liên bang tự do của những hiệp hội nông nghiệp và công nghiệp, cho nên nhà nước mới và cách mạng sẽ tự đặt cho mình mục đích quản lý các cơ quan xã hội, chứ không phải quản lý các dân tộc, nhà nước ấy được tổ chức từ dưới lên trên thông qua những đoàn đại biểu cách mạng và bao quát tất cả các nước đã khởi nghĩa vì những nguyên tắc như nhau, không phân biệt biên giới cũ và sự khác nhau về dân tộc. Nhà nước ấy tạo nên một *tổ quốc mới*, đó là đồng minh cách mạng chung chống lại đồng minh của tất cả những lực lượng phản động.

9. Tổ chức này loại trừ mọi tư tưởng về chuyên chính và về quyền lực thống trị có tính chất bảo hộ. Nhưng để thành lập đồng minh cách mạng ấy và muốn cách mạng chiến thắng phản động, thì điều cần thiết là, trong cái tình trạng vô chính phủ nhân dân tạo thành bản thân đời sống và toàn bộ nghị lực của cách mạng, *sự thống nhất của tư tưởng và hành động cách mạng phải được thể hiện qua một cơ quan nào đó. Cơ quan đó phải là hội liên hiệp bí mật và toàn cầu của những người anh em quốc tế.*

10. Liên hiệp bắt nguồn từ một niềm tin rằng cách mạng không bao giờ có thể được thực hiện bởi những cá nhân hay bởi những hội kín. Cách mạng tựa hồ tự nó nổ ra bởi sức mạnh của sự vật, bởi tiến trình của sự biến và sự kiện. Cách mạng được chuẩn bị một thời gian dài trong bản năng ý thức sâu xa của quần chúng nhân dân, rồi sau đó mới nổ bùng ra, bề ngoài thường do những nguyên nhân không quan trọng gây ra. Tất cả những điều đó có thể được làm bởi một đoàn thể bí mật được tổ chức tốt thì trước hết là giúp cho cách mạng ra đời bằng cách truyền bá trong quần chúng những tư tưởng phù hợp với bản năng của quần chúng, và tổ chức - không phải tổ chức quân đội của cách mạng, quân đội của cách mạng bao giờ cũng phải là nhân dân - mà tổ chức một *bộ tổng tham mưu cách mạng* gồm những người trung thành, kiên cường, thông minh và chủ yếu là thành thực, - chứ không phải những người tham danh vọng, - những người bạn của nhân dân có năng lực làm môi giới giữa tư tưởng cách mạng và bản năng nhân dân.

11. Vì vậy, số người này không được quá nhiều. Đối với tổ chức quốc tế trong toàn bộ châu Âu, chỉ cần một trăm người cách mạng đoàn kết thực sự và chặt chẽ cũng đủ. Đối với tổ chức của một nước lớn nhất, vài ba trăm người cách mạng như thế cũng đủ rồi.

## 2. CƯƠNG LĨNH VÀ ĐIỀU LỆ CỦA ĐỒNG MINH CÔNG KHAI

*Phái thiểu số xã hội chủ nghĩa của Đồng minh hoà bình và tự do* đã tách ra khỏi Đồng minh này do kết quả của việc phái đa số ở Đại hội đại biểu Béc-nơ bỏ phiếu chính thức phản đối nguyên tắc cơ bản của tất cả các hiệp hội công nhân, tức phản đối *sự bình đẳng về mặt kinh tế và xã hội của các giai cấp và cá nhân*, do đó đã tán

thành những nguyên tắc được tuyên bố tại các *Đại hội đại biểu công nhân* họp tại Giơ-ne-vơ, Lô-dan và Bruy-xen. Một vài thành viên thuộc các dân tộc khác nhau trong phái thiểu số này đã đề nghị với chúng tôi tổ chức một *Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế* mới hoà vào *Hội liên hiệp công nhân quốc tế* vĩ đại, nhưng có *sứ mệnh đặc biệt* là nghiên cứu các vấn đề chính trị và triết học trên cơ sở nguyên tắc vĩ đại là sự bình đẳng phổ biến và chân chính của tất cả mọi người trên trái đất.

Về phần mình, chúng tôi cũng tin chắc rằng một sáng kiến như thế là *có ích*, sáng kiến ấy *sẽ đến lại* cho những người dân chủ xã hội chủ nghĩa chân thành của châu Âu và châu Mỹ một phương tiện để *hiểu biết lẫn nhau và khẳng định những tư tưởng của mình* thoát khỏi bất cứ áp lực nào của cái chủ nghĩa xã hội giả hiệu mà phái dân chủ tư sản hiện đang thấy cần phải quảng cáo, cho nên chúng tôi cho rằng nhiệm vụ của chúng tôi là phải cùng với những người bạn ấy, đề xướng việc thành lập tổ chức mới ấy.

Xuất phát từ đó, chúng tôi đã lập thành một chi hội trung ương của *Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế* và nay công bố *cương lĩnh và điều lệ* của chi hội trung ương.

## CƯƠNG LĨNH CỦA ĐỒNG MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ

1. *Đồng minh* tự tuyên bố là vô thần; Đồng minh sẽ ra sức xoá bỏ sùng bái tôn giáo, lấy khoa học thay cho tín ngưỡng và lấy chính nghĩa của con người thay cho chính nghĩa của thần linh.

2. Đồng minh trước tiên cố sức thực hiện *sự bình đẳng của các giai cấp* và của các cá nhân cả nam lẫn nữ, về các mặt *chính trị, kinh tế và xã hội*, bắt đầu từ việc *xoá bỏ quyền thừa kế*, để trong tương lai việc sử dụng phúc lợi sẽ tương xứng với lao động sản xuất của mỗi người, và để phù hợp theo nghị quyết đã được Đại hội đại biểu công nhân Bruy-xen gần đây thông qua, ruộng đất, công cụ lao động cũng như mọi tư bản nói chung khi đã trở thành sở hữu tập thể của toàn xã hội, thì chỉ những ai lao động mới được sử dụng, tức là những hiệp hội nông nghiệp và công nghiệp mới được sử dụng.

3. Đồng minh phấn đấu làm cho tất cả trẻ em cả trai lẫn gái, từ khi mới sinh ra, có được những điều kiện phát triển như nhau, tức là được nuôi dưỡng, giáo dục

và học tập ở tất cả mọi trình độ khoa học, sản xuất và nghệ thuật, vì tin chắc rằng sự bình đẳng đó ban đầu chỉ là bình đẳng về kinh tế và về xã hội, sau này ngày càng dẫn đến một sự bình đẳng tự nhiên vĩ đại phổ biến giữa những con người với nhau, và sẽ làm biến mất tất cả các loại bất bình đẳng nhân tạo - sản phẩm lịch sử của một tổ chức xã hội vừa giả dối, vừa phi chính nghĩa.

4. Đồng minh là kẻ thù của mọi chế độ chuyên chế, nó *không thừa nhận bất cứ chính thể nào khác ngoài chế độ cộng hoà*, và tuyệt đối bác bỏ mọi sự liên minh với phe phản động, nó còn bác bỏ mọi hành động chính trị không nhằm mục đích trực tiếp và gián tiếp là làm cho sự nghiệp công nhân chống tư bản giành được thắng lợi.

5. Đồng minh cho rằng, tất cả những nhà nước chính trị và cực quyền chủ nghĩa đang tồn tại ngày nay *ngày càng thu hẹp những chức năng của mình thành những chức năng hành chính đơn thuần* của những cơ quan phục vụ công cộng trong nước mình, sẽ phải tiêu vong trong liên minh chung của những hiệp hội nông nghiệp và công nghiệp tự do.

6. Vì vấn đề xã hội chỉ có thể được giải quyết một cách triệt để và thật sự trên cơ sở đoàn kết quốc tế hoặc đoàn kết chung của công nhân tất cả các nước, cho nên *Đồng minh* bác bỏ mọi chính sách lấy chủ nghĩa yêu nước giả hiệu và sự cạnh tranh dân tộc làm cơ sở.

7. Đồng minh ra sức thực hiện sự liên hiệp chung đối với tất cả những hiệp hội liên hiệp địa phương trên cơ sở tự do.

### ĐIỀU LỆ

1. *Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế* được thành lập với tư cách là một chi hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và hoàn toàn tiếp thu Điều lệ chung của Hội.

2. *Các hội viên sáng lập Đồng minh* tổ chức *trung ương cục* lâm thời tại Giơ-ne-vơ.

3. Các hội viên sáng lập thuộc một nước thì lập thành *cục dân tộc* nước mình.

4. Cục dân tộc có nhiệm vụ thành lập trong tất cả các địa phương *những tổ chức địa phương của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa*, những tổ chức địa phương này

sẽ thông qua cục dân tộc của mình mà đề nghị trung ương cục của *Đồng minh* kết nạp mình vào *Hội liên hiệp công nhân quốc tế*.

5. Tất cả các tổ chức địa phương căn cứ theo cách làm thực tế của các chi hội địa phương của *Hội liên hiệp công nhân quốc tế* mà thành lập uỷ ban thường trực của mình.

6. Toàn thể hội viên của Đồng minh đều có nhiệm vụ nộp hội phí hàng tháng *mười xăng-tim*, một nửa số đó do tổ chức dân tộc giữ lại để dùng cho những nhu cầu của mình, còn một nửa thì nộp cho quỹ của trung ương cục dùng vào những nhu cầu chung của trung ương cục.

Trong những nước mà số hội phí đó được coi là quá cao thì cục dân tộc, sau khi được trung ương cục đồng ý, có thể cắt giảm.

7. Trong thời gian đại hội đại biểu hàng năm của công nhân, đoàn đại biểu của *Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa* với tư cách là một phân bộ của *Hội liên hiệp công nhân quốc tế*, sẽ tiến hành những phiên họp công khai của mình tại hội trường riêng.

### 3. THƯ CỦA BA-CU-NIN GỬI PHRAN-XI-XCÔ MÔ-RA

#### Ở MA-ĐRÍT

(VIẾT BẰNG TIẾNG PHÁP)

Lô-các-nơ, ngày 5 tháng Tư 1872

*Hội viên* thân mến của *Đồng minh* và đồng chí thân mến - bè bạn của chúng tôi ở Bác-xê-lô-na đề nghị tôi viết thư cho đồng chí, và tôi lại càng hài lòng làm việc đó, vì theo chỗ tôi biết, chính bản thân tôi cũng như những bè bạn của tôi, *những đồng chí trong Đồng minh* là hội viên trong Liên chi hội Giuy-ra, đã trở thành đối tượng để Tổng Hội đồng Luân Đôn vu khống ở Tây Ban Nha, cũng như ở những nước khác. Thật là đau lòng, trong thời kỳ khủng hoảng đáng sợ này, khi mà số phận của giai cấp vô sản toàn châu Âu hàng mấy chục năm đang được quyết định và khi mà tất cả bầu bạn của giai cấp vô sản, của loài người và của chính nghĩa phải liên hiệp lại như anh em thành một mặt trận thống nhất chống kẻ thù chung, tức cái thế giới của

những kẻ đặc quyền được tổ chức thành nhà nước, thì những người trước đây đã giúp đỡ rất nhiều cho Quốc tế, nay bị những dục vọng xấu xa của chủ nghĩa cực quyền thúc đẩy, nên đã hạ thấp mình tới mức nói láo và gieo rắc chia rẽ, mà lẽ ra họ phải xây dựng khắp mọi nơi đồng minh tự do mà chỉ có nó mới tạo ra được sức mạnh, - tôi xin nói, đó thật là điều đau lòng.

Để cho đồng chí có một quan niệm chính xác về những ý muốn của chúng tôi, tôi chỉ cần nói với các đồng chí một điều. Cương lĩnh của chúng tôi là cương lĩnh của các đồng chí, chính cái cương lĩnh mà các đồng chí đã tuyên bố tại đại hội đại biểu năm qua của các đồng chí, và nếu đồng chí vẫn còn trung thành với cương lĩnh đó, thì điều đó có nghĩa là các đồng chí vẫn ở bên cạnh chúng tôi, với lý do rất giản đơn là chúng tôi vẫn bên cạnh các đồng chí. Chúng tôi căm ghét nguyên tắc của chuyên chính, của chủ nghĩa chấp chính và của chủ nghĩa cực quyền, cũng như các đồng chí căm ghét nguyên tắc đó; chúng tôi tin chắc rằng bất cứ chính quyền nào cũng là nguồn gốc không thể tránh khỏi của sự suy đồi thoái hoá đối với những người cai quản, và là nguyên nhân của sự nô dịch đối với những người bị cai quản. - Nhà nước có nghĩa là thống trị, mà bản chất con người là mọi sự thống trị đều được biểu hiện thành bóc lột. Là những người tuyệt đối chống nhà nước bất kỳ lúc nào và bất kỳ ở đâu, chống mọi biểu hiện của nhà nước, chúng tôi lại càng không muốn thoả hiệp với nhà nước trong nội bộ Quốc tế. Chúng tôi coi hội nghị đại biểu Luân Đôn và những nghị quyết do hội nghị đó thông qua là một âm mưu hám danh vọng và là một cuộc đảo chính, do đó chúng tôi đã chống lại và sẽ chống đến cùng. Tôi không đề cập đến những vấn đề riêng tư, ôi! chúng sẽ chiếm vị trí quá lớn trong đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp sắp tới đây, nếu đại hội này họp được, nhưng tôi hết sức hoài nghi về việc họp đại hội, bởi vì nếu tình hình sẽ phát triển như hiện nay, thì chẳng bao lâu nữa trên khắp lục địa châu Âu sẽ không còn lấy một chỗ cho các đại biểu của giai cấp vô sản có thể hội họp để thảo luận một cách tự do. Lúc này mọi cặp mắt đều hướng vào Tây Ban Nha, hướng vào kết cục của đại hội của các đồng chí. Kết quả của đại hội sẽ ra sao đây? Các đồng chí sẽ nhận được bức thư này, nếu nhận được thì cũng là sau đại hội. Bức thư này đến tay các đồng chí giữa lúc cao trào cách mạng sôi nổi nhất hay là trong khi làn sóng phản động đang ác liệt nhất? Tất cả bè bạn chúng ta ở I-ta-li-a, ở Pháp và ở Thụy Sĩ đang hết sức lo lắng đợi chờ tin tức từ đất nước các đồng chí.

Chắc chắn đồng chí biết rằng ở I-ta-li-a trong thời gian gần đây, Quốc tế và *Đồng minh thân yêu của chúng ta* đã phát triển rộng rãi. Nhân dân trong nông thôn cũng như trong thành thị đều ở trong một tình hình hoàn toàn cách mạng, tức là một tình cảnh tuyệt vọng về kinh tế, và quần chúng bắt đầu được tổ chức lại một cách nghiêm túc nhất, lợi ích của quần chúng bắt đầu biến thành tư tưởng. - Cho đến lúc này, cái còn thiếu ở I-ta-li-a không phải là bản năng, mà là tổ chức và tư tưởng. Hiện nay cả hai cái đó đang được hình thành, do đó, I-ta-li-a, sau Tây Ban Nha và cùng với Tây Ban Nha, có thể là một nước cách mạng nhất ngày nay. Ở I-ta-li-a có cái mà ở các nước khác thiếu: lớp thanh niên sôi nổi, đầy nghị lực, *hoàn toàn bị đẩy ra khỏi quỹ đạo, không có triển vọng bước lên con đường danh vọng; không nhìn thấy lối ra*, lớp thanh niên ấy, mặc dù xuất thân từ giai cấp tư sản, nhưng về mặt đạo đức và trí tuệ chưa bị mòn mỏi đến mức độ như là tầng lớp thanh niên tư sản của các nước khác. Hiện giờ họ chẳng suy nghĩ gì cả, cứ lao mình vào chủ nghĩa xã hội cách mạng, *tiếp thu toàn bộ cương lĩnh chúng ta, tức cương lĩnh của Đồng minh*. Mát-đi-ni, một đối thủ thiên tài và mạnh mẽ của chúng ta, đã chết rồi, đảng Mát-đi-ni đã hoàn toàn tan rã. còn Ga-ri-ban-đi ngày càng chịu ảnh hưởng của lớp thanh niên mang tên ông ta, nhưng họ đang đi. hay nói đúng hơn. đang chạy xa hơn ông ta vô cùng. Tôi đã gửi cho những người bạn Bác-xê-lô-na một địa chỉ ở I-ta-li-a, sắp tới tôi sẽ gửi cho họ những địa chỉ khác nữa. *Các hội viên của Đồng minh ở Tây Ban Nha* đặt quan hệ trực tiếp với các hội viên ở I-ta-li-a. như thế là tốt, đó là điều cần thiết. Các đồng chí có nhận được những tờ báo xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a không? Tôi đặc biệt giới thiệu với các đồng chí: tờ "Eguaglianza". Giéc-gien-ti, Xi-xi-li-a: tờ "Campana" ở Na-plơ; tờ "Fascio Operaio" ở Bô-lô-nhơ; tờ "Gazzettino Rosa" ở Mi-la-nô, và đặc biệt là tờ "Martello". Không may là tờ "Martello" đã bị cấm và tất cả biên tập viên tờ báo đó đã bị bỏ tù.

Ở Thụy Sĩ, tôi xin giới thiệu các đồng chí hai *hội viên của Đồng minh*: Giêm-xơ Ghi-ôm (Thụy Sĩ, Nơ-sa-ten, số 5, phố Pơ-ly-a-xơ đ' Ác-mơ) và A-đe-ma-rơ Svít-xguê-ben, thợ khắc (uỷ viên và thư ký thông tin viên của uỷ ban Liên chi hội Giuy-ra). Thụy Sĩ, Giuy-ra ở Béc-nơ, Xông-vi-li-ê, gửi ông A-đe-ma-rơ Svít-xguê-ben, thợ khắc. (Tiếp theo là địa chỉ của Ba-cu-nin).

Đồng minh và tình anh em

M.Ba-cu-nin

Nhờ đồng chí chuyển lời chào của tôi cho *người anh em* Mô-ra-gô và hãy đề nghị đồng chí đó gửi báo của đồng chí đó cho tôi.

Các đồng chí có nhận được bản tin của Liên chi hội Giuy-ra không?

Xem xong, đề nghị hãy đốt thư đi, vì trong thư có nói đến họ tên của một số người.

Đại hội La Hay đã khai trừ Ba-cu-nin ra khỏi Quốc tế, chẳng những vì hắn là kẻ sáng lập ra Đồng minh, mà còn vì tội của cá nhân hắn<sup>377</sup>. Tài liệu chính xác chứng thực tội lỗi đó hiện còn nằm trong tay chúng tôi, nhưng vì những lý do chính trị, nên chúng tôi chưa công bố.

*Hết*

## PH.ĂNG-GHEN TRONG QUỐC TẾ

Tờ báo "Volksstaat" đã từ lâu không hề đăng tin tức gì về tình hình trong Hội liên hiệp công nhân quốc tế, ngoài những thông báo chính thức của Tổng Hội đồng ở Niu Oóc. Về mặt này, tờ báo ấy đã hành động giống như tất cả các báo chí khác của Quốc tế và số đông hội viên Quốc tế. Trong khi những cơ quan ngôn luận của phái thiểu số ở La Hay dưới sự điều khiển của Đồng minh bí mật của Ba-cu-nin cố sức miêu tả mình là đại diện của phái đa số chân chính của Quốc tế, dùng mọi cách ra sức vu khống và nói xấu phái đa số của Đại hội, Tổng Hội đồng cũ và đặc biệt là Mác, và cố kết chung quanh mình những nhân vật thiên tài không được ai công nhận của tất cả các nước, - thì những người phải gánh chịu những sự công kích đó nhận thấy rằng chỉ cần xác minh một lần cho dứt điểm, toàn bộ sự thực có liên quan đến Đại hội La Hay là đủ, do đó chỉ đập lại những lời vu khống đáng phẫn nộ nhất và đề tiện nhất, mà cũng vẫn là lấy sự thật để đối chọi lại những điều vu khống đó. Nói chung, những người đó tin tưởng vào tư tưởng lãnh mạnh của công nhân và hành động của Tổng Hội đồng, cơ quan này đã tỏ ra hoàn toàn ngang tầm với nhiệm vụ của mình.

Những tài liệu được dẫn chứng dưới đây sẽ chứng tỏ rằng phương thức hành động như vậy, mà người ta đã tiến hành khắp các nơi theo sáng kiến của mình mà không có sự bàn bạc trước, đã mang lại những kết quả của nó.



Ở nước Anh, một vài uỷ viên Anh của Tổng Hội đồng cũ - tại La Hay, Mác căn cứ vào những bằng chứng xác thực và sự thú nhận của chính những người này, đã buộc tội họ đã bán mình<sup>1\*</sup>, và trước những lời buộc tội đó, họ chẳng dám cãi một lời - vào tháng Chạp năm ngoái đã gây chia rẽ trong Hội đồng Liên chi hội Anh<sup>2\*</sup>. Họ đã ra khỏi hội đồng này và đã triệu tập một đại hội đại biểu riêng rẽ, cả thấy có *mười một* người, về những người này thậm chí không ai dám nói họ có phải là đại biểu của các chi bộ hay không và là đại biểu của những chi hội nào. Mười một người này đã bực tức phản đối các nghị quyết La Hay và đã đứng dưới lá cờ của bọn chia rẽ; hai người nước ngoài cầm đầu họ là: *Éch-ca-ri-út* và *I-ung*. Kể từ đó, có hai hội đồng liên chi hội, nhưng có sự khác nhau là: một hội đồng thuộc về Quốc tế, được hầu hết các chi hội ủng hộ, còn hội đồng kia là hội đồng chia rẽ, chẳng đại diện cho ai cả ngoài những thành viên của mình. Hội đồng thứ hai đã đóng vở hài kịch đó trong suốt mấy tháng, nhưng cuối cùng đã yên giấc ngàn thu. Với công nhân Anh, những người đã trải qua sự rèn luyện của cuộc vận động năm mươi năm trời, thì không dễ gì chơi những trò cười như thế. Trong khi đó, ngày 1 và ngày 2 tháng Sáu ở Man-xe-xtơ đã họp đại hội đại biểu của tổ chức quốc tế của Anh, đại hội này chắc chắn sẽ mở ra một thời đại trong phong trào công nhân Anh. Tại đại hội đã có mặt 26 đại biểu đại diện cho những trung tâm công nghiệp chủ yếu của nước Anh cùng với một số thành phố không lớn. Báo cáo của Hội đồng liên chi hội khác với tất cả các loại văn kiện trước đây ở chỗ, báo cáo đó - trong nước có pháp chế truyền thống này - đã thừa nhận giai cấp công nhân có quyền bảo vệ những yêu sách của mình *bằng bạo lực*.

Đại hội đã tán thành báo cáo ấy và quyết định: cờ đỏ là cờ của tổ chức Quốc tế ở Anh, giai cấp công nhân đòi trả lại cho

1\* Xem tập này, tr. 891.

2\* Xem tập này, tr. 268 - 282.

nhân dân lao động không những toàn bộ sở hữu ruộng đất, mà cả toàn bộ tư liệu lao động nói chung; yêu sách về ngày làm tám giờ luật định đã được đề ra với tính cách là một biện pháp bước đầu; đại hội đã chào mừng công nhân Tây Ban Nha nhân việc thành lập nước Cộng hoà và nhân việc mười công nhân được bầu vào Quốc hội; yêu cầu Chính phủ Anh thả ngay tức khắc những hội viên Phê-ni-ăng Ai-rơ-len hiện đang bị cầm tù. - Bất cứ ai am hiểu lịch sử của phong trào công nhân Anh đều đồng ý rằng xưa nay chưa hề có một đại hội đại biểu công nhân nào của nước Anh đưa ra những yêu sách đi xa như vậy. Ấu cũng là do có đại hội này và do kết cục đáng buồn của Hội đồng liên chi hội mạo xưng của những phần tử chia rẽ mà trận địa của Quốc tế ở nước Anh đã được xác định.

Ở Thụy Sĩ tình hình của những phần tử chia rẽ cũng chẳng tốt hơn gì. Ai cũng biết rằng Liên chi hội Giuy-ra từ lâu đã là linh hồn của mọi hoạt động của bọn chia rẽ trong Quốc tế. Ngay tại Đại hội La Hay, các đại biểu của Liên chi hội này đã tuyên bố rằng họ đại diện cho đa số chân chính trong Quốc tế và trong kỳ đại hội sắp tới họ sẽ chứng minh điều đó. Nhưng thời gian đã đem lại bài học làm cho người ta khôn lên, điều đó cũng thích hợp với ngay cả những người thích khoác lác nhất. Ngày 27 và ngày 28 tháng Tư, Đại hội đại biểu Liên chi hội Giuy-ra họp tại Nơ-sa-ten. Căn cứ theo những cuộc tranh luận thì có thể thấy rằng Liên chi hội có *mười một* chi hội Thụy Sĩ, trong đó có *chín* chi hội cử đại biểu tham gia đại hội. Tình hình của mười một chi hội ra sao, số lượng các chi hội đó là bao nhiêu v.v., - về điểm đó, báo cáo không nói một chữ; nhưng báo cáo lại tuyên bố rằng quý vị thấy đấy, cả Quốc tế đều đi theo Liên chi hội phân lập của họ. Vậy thì, cái đa số to lớn ấy sẽ phát biểu ý kiến trong kỳ đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp sắp tới và sẽ bác bỏ những nghị quyết La Hay chứ gì? Không, không có chuyện đó. Ngược lại, chính uỷ ban ấy đưa ra một đề nghị sau đây mà

cố nhiên và được những đại biểu "tự trị" ấy thông qua ngay tức khắc, đề nghị ấy như sau: để đại hội mới không còn đi theo con đường có hại và sai lầm của Đại hội La Hay nữa, các liên chi hội của những phân tử chia rẽ phải triệu tập đại hội đại biểu riêng của mình tại một thành phố nào đó của Thụy Sĩ và không được thừa nhận đại hội đại biểu mà Tổng Hội đồng Niu Oóc có thể triệu tập.

Đại hội La Hay đã uỷ nhiệm một cách rõ ràng cho Tổng Hội đồng ấn định một thành phố Thụy Sĩ để đại hội kỳ sau sẽ họp<sup>1\*</sup>. Do vậy, Nghị quyết của Liên chi hội Giuy-ra chỉ có nghĩa là một bước thụt lùi mới được che đậy bằng những lời lẽ rất kêu.

Thực vậy, đã đến lúc các ông này phải nghĩ đến việc che chắn hậu phương của mình rồi. Ngày 1 và ngày 2 tháng Sáu - những ngày bất hạnh cho những phân tử chia rẽ - đại hội đại biểu công nhân Thụy Sĩ đã họp ở Ô-li-ten. Trong số tám mươi đại biểu có *cả thảy năm* người Giuy-ra. Có ý kiến đề nghị thành lập một Hiệp hội công nhân Thụy Sĩ theo chế độ tập trung.

Để chống lại đề nghị đó, năm người Giuy-ra đã đề nghị một chế độ liên bang bao bọc khéo léo bằng đủ mọi lời rào đón, một chế độ có thể làm cho toàn bộ tổ chức mất hết năng lực hoạt động. Bị ở trong tình thế thiếu số tuyệt vọng, họ bèn dờ dặt làm mất thời gian của người khác, như họ đã làm ở La Hay. Đại hội đã phải mất cả ngày chủ nhật để tranh luận về cái gọi là "vấn đề nguyên tắc" ấy. Cuối cùng, cũng y hệt như ở La Hay, phía đa số đã buộc phải bắt những kẻ nói đại không ai chịu nổi ấy phải cầm miệng để sau cùng có thể chuyển sang bàn công việc. Vào thứ hai người ta đã đơn giản ra quyết định thành lập hiệp hội theo chế độ tập trung; đáp lại việc đó năm nhà thuyết giáo, sau khi tuyên đọc một bản tuyên bố chẳng nói lên cái gì cả, đã bỏ phòng họp và trở về nhà. Những con người đó

1\* Xem tập này, tr. 266.

là những con số không hoàn toàn trong đất nước mình, bao nhiêu năm nay cứ thế thốt rằng họ có sứ mệnh cải tổ Quốc tế!

Song xưa nay họa vô đơn chí. Ở I-ta-li-a những phân tử vô chính phủ chủ nghĩa trong phe bọn chia rẽ bây giờ đang gào ầm lên rằng một người trong bọn họ, Crê-si-ô ở Pi-a-sen-xơ đã gửi tờ báo mới của mình "Avvenire Sociale" ("Tương lai của xã hội") cho Ga-ri-ban-đi, người mà các ông này luôn luôn muốn coi là một người trong bọn họ. Tờ báo đầy những lời gào thét tức giận chống cái mà họ gọi là "nguyên tắc cực quyền chủ nghĩa", theo quan điểm của họ, nguyên tắc ấy là nguồn gốc của mọi tai họa. Ga-ri-ban-đi đã trả lời lại:

*"Thưa ngài Crê-si-ô thân mến! Xin hết lòng cảm ơn ngài.. Ngài muốn tiến hành trong tờ báo của ngài cuộc đấu tranh chống thói nói dối và hành vi nô dịch, đó là một chương trình rất hay. Song tôi cho rằng đấu tranh chống nguyên tắc quyền uy là một trong những sai lầm của Quốc tế làm trở ngại cho những thắng lợi của Quốc tế. Công xã Pa-ri sở dĩ thất bại là vì ở Pa-ri không có một chính quyền mang tính chất quyền uy nào cả, mà chỉ có một tình trạng vô chính phủ mà thôi".*

Người chiến sĩ lão thành đấu tranh cho tự do chỉ riêng một năm 1860 đã làm được nhiều hơn là tất cả những người vô chính phủ chủ nghĩa cộng lại đang định làm suốt cả cuộc đời mình, ông hiểu rõ giá trị của kỷ luật, và lại, bản thân ông đã phải luôn luôn củng cố kỷ luật trong các lực lượng chiến đấu của mình, không phải bằng phương pháp huấn luyện máy móc, không phải bằng cách luôn luôn đe dọa bắn bỏ như bọn quân phiệt quan phương thường làm, mà phải lấy ngay kẻ thù trước mặt để giáo dục kỷ luật.

Đáng tiếc là chúng tôi vẫn chưa thể liệt kê hết những chuyện rủi ro mà những phân tử chia rẽ đã gặp phải. Trước đây chỉ có một điều họ còn thiếu, thì nay họ cũng đã gặp phải rồi. Tờ "Neuer Social - Demokrat", khừu giác cảnh sát của tờ báo này từ lâu đã đánh hơi được mùi vị quen thuộc ở những kẻ xưa nay phá hoại Quốc tế này, và bây giờ nó hoàn toàn đứng về phía họ.

Số 68 tờ báo này để lộ ra rằng bản dự thảo điều lệ do những người Bỉ thảo ra - trên thực tế những người này đã ra khỏi Quốc tế - hoàn toàn phù hợp với quan điểm của tờ báo ấy và hứa nhập bọn với những phần tử chia rẽ. Chúng tôi không thể mong muốn gì hơn. Khi nào Ha-xen-man và Ha-den-clê-véc xuất hiện tại đại hội đại biểu của những phần tử chia rẽ, thì lúc đó tổ chức của những phần tử chia rẽ sẽ có được tính chất thật sự của nó. Bên phải là Ba-cu-nin, bên trái là Ha-den-clê-véc, còn ở giữa là những người Bỉ xấu số bị người ta lừa bịp bằng chính những lời lẽ Pru-đông chủ nghĩa của họ!

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 19 - 20 tháng Sáu 1873*

*Đã đăng trên tờ "Der Volksstaat" số 53, ngày 2 tháng Bảy 1873*

*In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Đức*

**PH.ĂNG-GHEN**  
**PHÁI BA-CU-NIN TRONG HÀNH ĐỘNG**  
**BÚT KÝ VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA Ở TÂY BAN NHA**  
**MÙA HÈ NĂM 1873<sup>378</sup>**

**I**

Bản báo cáo vừa mới được công bố của Ủy ban La Hay về Đồng minh bí mật của Mi-kha-in Ba-cu-nin<sup>1)</sup> (xem bài "Ca-li-ô-xtơ-rô - Ba-cu-nin"<sup>1\*</sup> trong số 87 và các số tiếp theo của báo "Volksstaat"<sup>379</sup>) đã vạch ra trước lao động toàn thế giới những âm mưu bí mật, những hành vi lừa đảo và những lời lẽ ba hoa, mà người ta mưu

---

1) "L'Alliance de la Démocratie Socialiste" - London. 1873. Xuất bản bằng tiếng Đức dưới nhan đề "Một âm mưu chống Quốc tế". (Nhà xuất bản "Vorwärts"). (Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1894).

---

1\* Ca-li-ô-xtơ-rô - bá tước Giu-dép-pơ Ban-da-mô, một tên đại bịp bợm.

đồ dùng để bắt phong trào vô sản phục vụ cho tính háms danh quá đáng và cho những mục đích ích kỷ của một vài thiên tài không được thừa nhận. Đồng thời ở Tây Ban Nha, những kẻ khoe khoang kiêu kỳ ấy cũng có thể cho phép chúng ta biết được hoạt động cách mạng thực tiễn của họ. Chúng ta hãy xét xem họ thực hiện như thế nào những câu nói cách mạng cực đoan của họ về trạng thái vô chính phủ và quyền tự trị, về việc thủ tiêu mọi quyền uy, đặc biệt là quyền uy của nhà nước, về sự giải phóng ngay tức khắc và hoàn toàn giai cấp vô sản. Giờ đây, cuối cùng thì chúng ta có thể làm được điều đó, vì ngoài những tin tức đăng trên báo chí về những sự kiện ở Tây Ban Nha, chúng ta đã có được bản báo cáo của Liên chi hội Ma-đrít mới của Quốc tế trình lên Đại hội Giơ-ne-vơ.

Như mọi người đều biết, vào lúc Quốc tế bị phân liệt ở Tây Ban Nha thì những thành viên của Đồng minh bí mật chiếm ưu thế; đại đa số công nhân Tây Ban Nha đã đi theo họ. Và đây, khi chế độ cộng hoà được tuyên bố thành lập vào tháng Hai 1873 thì những phần tử Đồng minh Tây Ban Nha rơi vào một hoàn cảnh rất khó khăn. Tây Ban Nha là một nước lạc hậu về mặt công nghiệp đến mức là ở đây không thể nói đến việc giải phóng hoàn toàn *ngay lập tức* giai cấp công nhân. Trước khi đi đến chỗ đó, Tây Ban Nha còn cần phải trải qua những giai đoạn phát triển sơ bộ khác nhau và phải gạt bỏ cả một loạt trở ngại trên con đường đi của nó. Vượt qua những giai đoạn sơ bộ đó trong một khoảng thời gian ngắn nhất, nhanh chóng gạt bỏ những trở ngại ấy, - đó là những cơ hội mà chế độ cộng hoà đã mở ra. Nhưng chỉ có sự can thiệp tích cực về *chính trị* của giai cấp công nhân Tây Ban Nha thì mới có thể giúp lợi dụng được những cơ hội ấy. Quần chúng công nhân đã cảm thấy điều đó; đâu đâu họ cũng đều cố tham gia vào các sự biến nhằm lợi dụng cơ hội thuận lợi để hành động, chứ không phải để cung cấp một trường hoạt động tự do cho những hoạt động và âm mưu của các giai

cấp hữu sản, như tình hình đã diễn ra từ trước đến nay. Chính phủ ấn định những cuộc bầu cử vào Quốc hội lập hiến; vậy thì lập trường của Quốc tế phải như thế nào? Các thủ lĩnh của phái Ba-cu-nin hết sức hoang mang. Tình trạng tiếp tục nằm im trong hoạt động chính trị mỗi ngày một trở nên đáng buồn cười hơn và không thể như thế được nữa, công nhân muốn "thấy hành động". Mặt khác, phái Đồng minh, từ nhiều năm nay, đã tuyên truyền rằng không nên tham gia vào một cuộc cách mạng nào không nhằm mục đích giải phóng hoàn toàn ngay lập tức giai cấp công nhân, rằng tiến hành một hoạt động chính trị nào đó sẽ có nghĩa là thừa nhận nhà nước, cái nguồn sinh ra mọi tai họa, rằng chính vì vậy mà việc tham gia vào một cuộc tuyển cử nào đó cũng sẽ là một tội lỗi đáng kết án tử hình. Họ đã thoát khỏi tình trạng bế tắc đó như thế nào, bản báo cáo nói trên của Ma-đrít giải thích cho chúng ta rõ điều đó:

"Chính những con người đó, những người đã bác bỏ nghị quyết La Hay về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân và đã chà đạp lên Điều lệ của Quốc tế và vì thế mà đã gây ra sự phân liệt, cuộc đấu tranh nội bộ và sự vô tổ chức trong hàng ngũ của Quốc tế ở Tây Ban Nha. Chính những con người đó, những người mà trước mặt công nhân đã vô liêm sỉ mô tả chúng ta như là những kẻ mưu cầu danh lợi đầy tham vọng, cố nắm chính quyền vào trong tay mình lấy cớ là giành sự thống trị cho giai cấp công nhân; chính những con người đó, tự xưng là phái tự trị, vô chính phủ - cách mạng, v.v.. chính những con người đó lần này lại hăng hái lao đầu vào làm chính trị, nhưng lại là một thứ chính trị tội tệ nhất, tư sản nhất. Họ nỗ lực, không phải để đem lại chính quyền cho giai cấp công nhân, - ngược lại, họ căm ghét tư tưởng đó, - mà là để giúp cho một trong những phái của giai cấp tư sản, gồm những kẻ phiêu lưu, những kẻ đầy tham vọng, và những kẻ mưu cầu danh lợi, tự xưng là phái cộng hoà - in-tơ-răng-đi-giăng (không điều hoà), lên nắm chính quyền.

Ngay từ ngày hôm trước cuộc tổng tuyển cử vào Quốc hội lập hiến, công nhân Bác-xê-lô-na, An-côi-e và những địa phương khác đã đòi phải giải thích xem công nhân nên theo một đường lối chính trị như thế nào trong cuộc đấu tranh nghị trường, cũng như trong mọi cuộc đấu tranh khác. Nhằm mục đích đó, người ta đã tổ chức hai cuộc

họp lớn: một ở Bắc-xê-lô-na và một ở An-côi-e. Trong cả hai cuộc họp, phái Đồng minh đã hết sức chống lại việc quy định chính xác đường lối chính trị nhất định mà Quốc tế sẽ phải tuân theo") (nota bene<sup>1\*</sup>: Quốc tế của họ). "Như vậy, người ta đã quyết nghị rằng *Quốc tế, với tư cách là một tổ chức, thì hoàn toàn không nên hoạt động chính trị, nhưng những thành viên của Quốc tế, tự mình chịu trách nhiệm, có thể hoạt động theo sở thích của mình và tham gia vào bất kỳ một đảng nào mà họ thấy nên tham gia*, - vì quyền tự trị nổi tiếng của họ! Vậy thì việc áp dụng học thuyết phi lý đó đã đem lại kết quả như thế nào? Phần lớn các thành viên Quốc tế, kể cả phái vô chính phủ, đã tham gia bầu cử mà không có cương lĩnh, không có cờ, không có những ứng cử viên của họ, và bằng cách đó, kết quả là những người được bầu hầu như chỉ hoàn toàn là phái cộng hoà tư sản. Chỉ có hai hay ba công nhân là được bầu vào Quốc hội, nhưng họ là những người tuyệt đối không đại diện cho ai cả, họ không hề một lần nào cất tiếng bảo vệ lợi ích của giai cấp chúng ta và hết sức bình thản bỏ phiếu tán thành tất cả mọi đề nghị phản động mà phe đa số trong Quốc hội đưa ra".

Chủ trương "không tham gia hoạt động chính trị" của Ba-cu-nin đã dẫn tới tình hình như thế đấy. Trong những thời kỳ hoà bình, khi giai cấp vô sản biết trước rằng may lắm thì nó cũng chỉ đưa vào nghị viện một vài đại biểu; rằng đối với nó, khả năng đạt được một đa số trong Quốc hội là hoàn toàn bị loại trừ, - trong thời kỳ ấy, ở một nơi nào đó, người ta đã làm cho công nhân tin rằng họ đang làm một sự nghiệp cách mạng vĩ đại khi họ ngồi lì ở nhà trong thời gian bầu cử, và hoàn toàn không tấn công cái nhà nước trong đó họ đang sống và đang áp bức họ, mà tấn công nhà nước với tư cách là nhà nước, nhà nước nói chung, cái nhà nước hoàn toàn không tồn tại ở đâu hết và do đó cũng không thể tự bảo vệ được. Thực vậy đối với những kẻ nhát gan như thỏ thì đó quả thật là một thủ pháp tuyệt vời để tỏ ra mình là những người cách mạng; còn những thủ lĩnh của phái Đồng minh ở Tây Ban Nha là thuộc loại người như thế đến mức nào, tập sách mỏng nói trên về Đồng minh đã chứng minh một cách chi tiết.

Nhưng một khi bản thân các sự kiện đưa giai cấp vô sản lên hàng đầu thì sự không tham gia chính trị trở thành một hành vi phi lý rõ rệt, còn sự can thiệp tích cực của giai cấp công nhân vào chính trị lại trở thành một tất yếu không thể chối cãi được. Ở Tây Ban Nha, tình hình là như vậy. Việc A-ma-đây thoái vị đã gạt bỏ phái dân chủ cấp tiến<sup>380</sup> ra khỏi chính quyền và làm cho phái đó không còn có khả năng trở lại chính quyền trong thời gian sắp tới; phái An-phôn-xô<sup>381</sup> lúc đó lại càng không có khả năng ấy; còn phái Các-lốt<sup>382</sup>, hầu như bao giờ cũng vậy, thì muốn tiến hành nội chiến hơn là muốn đấu tranh tuyển cử. Tất cả những đảng đó, theo tập quán của Tây Ban Nha, đều không tham gia bầu cử. Tham gia bầu cử chỉ có phái cộng hoà liên bang đã phân liệt thành hai cánh, và quân chúng công nhân. Do lúc bấy giờ tên tuổi của Quốc tế vẫn còn có được trong công nhân Tây Ban Nha một sức hấp dẫn to lớn, do lúc bấy giờ vẫn còn tồn tại, ít ra cũng là trên thực tiễn, một tổ chức tuyệt vời của những chi hội của nó ở Tây Ban Nha, nên rõ ràng là trong các khu công xưởng ở Ca-ta-lô-ni, ở Va-len-xi-a, trong các thành phố ở An-đa-lu-di-a v.v., mọi ứng cử viên được Quốc tế đề cử và ủng hộ đều có thể được trúng cử một cách rục rịch, và trong quốc hội nhất định sẽ hình thành một thiểu số đủ mạnh để, trong mỗi một lần bỏ phiếu, có thể quyết định được kết quả của cuộc đấu tranh giữa hai cánh của phái cộng hoà. Công nhân đã cảm thấy điều đó; họ đã cảm thấy rằng giờ đây, đã đến lúc cần phải sử dụng tổ chức còn hùng mạnh của họ hồi bấy giờ. Nhưng các ngài lãnh tụ phái Ba-cu-nin đã tuyên truyền quá lâu cuốn Phúc âm của họ về sự tuyệt đối không tham gia, đến nỗi họ không thể thay đổi đường lối ngay lập tức; và họ đã nghĩ ra một lối thoát đáng thương là: Quốc tế, với tư cách là một tổ chức thì không tham gia, còn những thành viên của nó, từng người riêng rẽ, thì bỏ phiếu *tùy theo ý thích của mình*. Hậu quả của lời tuyên bố về sự phá sản chính trị đó là: công nhân, như thường thấy trong những trường hợp tương tự, đã bỏ phiếu cho những người

1\* - xin chú ý

tỏ ra là cấp tiến nhất, - tức là cho phái không điều hoà, - và vì thế, trên một mức độ nhiều hay ít, đã chịu một trách nhiệm nhất định về những bước sau này của những người họ đã chọn, và họ đã bị lôi cuốn vào hoạt động của những người đó.

## II

Phái Đồng minh đã không thể nào tỏ ra kiên trì trong hoàn cảnh nực cười mà họ đã tự đặt mình vào do chính sách bầu cử khôn khéo của họ, - nếu không thì sự thống trị trước đây của họ đối với Quốc tế ở Tây Ban Nha sẽ chấm dứt. Họ đã phải hành động, dù chỉ làm ra vẻ hành động mà thôi. *Tổng bãi công* phải là lối thoát của họ.

Trong cương lĩnh của Ba-cu-nin, tổng bãi công là chiếc đòn bẩy để tiến hành cuộc cách mạng xã hội. Một ngày nào đó, toàn thể công nhân của tất cả mọi ngành công nghiệp trong một nước nào đó, hay thậm chí trên toàn thế giới, sẽ ngừng làm việc, và bằng cách đó bắt các giai cấp hữu sản, nhiều lắm là sau một tháng, hoặc giả phải cúi đầu nhận tội, hoặc giả phải tấn công vào công nhân, và khi đó công nhân sẽ có được quyền tự bảo vệ và thừa cơ lật đổ toàn bộ xã hội cũ. Dự án đó hoàn toàn chẳng phải là mới mẻ; những người xã hội chủ nghĩa Pháp, và sau họ là những người xã hội chủ nghĩa Bỉ, ngay từ năm 1848, cũng đã cười đến chán chê con chiến mã ấy, nhưng xét theo nguồn gốc thì nó lại là giống ngựa Anh. Sau cuộc khủng hoảng năm 1837, khi phong trào Hiến chương phát triển một cách nhanh chóng và vũ bão thì trong công nhân Anh, ngay từ năm 1839, người ta đã tuyên truyền "tháng thiêng liêng", - tức là việc đình chỉ công việc trên quy mô cả nước (xem Ph.Ăng-ghen. "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh", tr. 279<sup>383</sup>), và điều đó đã được hưởng ứng đến mức là các công nhân công xưởng ở miền Bắc nước Anh đã định thực hiện điều đó trên thực tế vào tháng Bảy 1842. Người ta cũng coi tổng bãi công có một ý nghĩa lớn tại Đại hội Giơ-ne-vơ

của phái Đồng minh ngày 1 tháng Chín 1873<sup>384</sup>, nhưng ở đây tất cả mọi người đều thừa nhận rằng muốn thế cần phải có một tổ chức của toàn thể giai cấp công nhân và một quỹ đầy ắp. Nhưng tất cả khó khăn chính lại là ở chỗ đó! Một mặt, các chính phủ, đặc biệt là khi người ta khuyến khích họ bằng việc không tham gia hoạt động chính trị, không bao giờ để cho tổ chức và quỹ của công nhân đạt tới một mức như thế; mặt khác, những sự kiện chính trị và những sự áp bức của các giai cấp thống trị sẽ dẫn tới việc giải phóng công nhân sớm hơn rất nhiều trước khi giai cấp vô sản kịp tạo ra cái tổ chức lý tưởng ấy và cái quỹ dự trữ khổng lồ đó. Và nếu như giai cấp vô sản có được hai cái đó, thì để đạt tới mục đích, nó cũng chẳng cần đi con đường vòng của tổng bãi công làm gì.

Bất kỳ một người nào ít nhiều biết được những động cơ bí mật của Đồng minh, đều sẽ không nghi ngờ gì nữa rằng kiến nghị dùng đến thủ đoạn đã được thử thách đó là do trung tâm Thụy Sĩ đưa ra. Dầu sao thì những thủ lĩnh Tây Ban Nha cũng thấy đó là một lối thoát mở ra cho họ khả năng làm một cái gì đó mà không trực tiếp tham dự vào "chính trị", và họ đã vui mừng làm việc ấy. Khắp nơi, họ đều bắt đầu tuyên truyền công hiệu thần kỳ của tổng bãi công; họ bắt đầu chuẩn bị để khởi đầu tổng bãi công ở Bắc-xê-lô-na và An-côi-e.

Trong khi đó, tình hình chính trị ngày càng tiến gần đến cuộc khủng hoảng. Những kẻ ba hoa cũ trong phái cộng hoà liên bang - Ca-xte-lác và đồng bọn - đã sợ hãi cái phong trào đã đi xa hơn họ; họ buộc phải nhường chính quyền cho Pi-i-Mác-gan, là kẻ cố đạt tới một sự thoả hiệp với phái không điều hoà. Trong số những người cộng hoà quan phương, Pi là người xã hội chủ nghĩa duy nhất, một người duy nhất nhận thức được rằng chế độ cộng hoà cần phải dựa vào công nhân. Ông ta liền lập tức đưa ra một cương lĩnh gồm những biện pháp có tính chất xã hội có thể thực hiện được ngay, những biện pháp không những phải đem lại lợi

ích trực tiếp cho công nhân, mà hậu quả của chúng còn kích thích những bước tiếp theo và nhờ đó mà chí ít sẽ đem lại một sự thúc đẩy đầu tiên cho cuộc cách mạng xã hội. Nhưng phái Ba-cu-nin - các thành viên của Quốc tế - có trách nhiệm phải bác bỏ ngay cả những biện pháp cách mạng nhất nếu những biện pháp này bắt nguồn từ "nhà nước" - lại thích ủng hộ những kẻ bịp bợm điên cuồng nhất trong phái không điều hoà, miễn đó không phải là bộ trưởng. Những cuộc thương lượng giữa Pi và phái không điều hoà bị kéo dài; phái không điều hoà tỏ ra sốt ruột và những kẻ hăng hái nhất trong bọn họ đã tổ chức cuộc khởi nghĩa ở bang An-đa-lu-di-a. Lúc đó, cả những thủ lĩnh của Đồng minh cũng phải đứng lên hành động, nếu không muốn làm cái đuôi của phái tư sản không điều hoà. Vậy là người ta đã ra lệnh bắt đầu cuộc tổng bãi công.

Ở Bác-xê-lô-na, ngoài những cái khác ra, người ta đã dán một tờ truyền đơn như sau:

"Hỡi anh em công nhân! Chúng ta tổ chức một cuộc tổng bãi công để biểu thị nỗi căm giận sâu sắc của chúng ta khi thấy chính phủ sử dụng quân đội để đàn áp những *những người anh em lao động của chúng ta*, nhưng lại không dùng chiến tranh để chống lại phái Các-lốt". v.v..

Như vậy là người ta kêu gọi công nhân ở Bác-xê-lô-na - một thành phố công nghiệp hết sức lớn của Tây Ban Nha mà lịch sử của nó đã từng biết đến những trận chiến đấu ở chiến lũy nhiều hơn bất kỳ một thành phố nào khác trên thế giới, - đứng lên đấu tranh chống lại lực lượng vũ trang của chính phủ không phải với những vũ khí trong tay họ, mà... bằng cuộc tổng bãi công, nghĩa là bằng một biện pháp chỉ trực tiếp đụng chạm tới những nhà tư sản cá biệt chứ không phải đụng chạm tới kẻ đại biểu chung của chúng, tức là chính quyền nhà nước! Trong những thời kỳ hoà bình không hành động, công nhân Bác-xê-lô-na còn có thể nghe những câu kêu gọi dùng bạo lực của những người hiền lành như loại A-le-ri-ni, Phác-ga Pê-li-xéc và Vi-na-xơ; nhưng khi

đã đến lúc hành động, khi A-le-ri-ni, Phác-ga Pê-li-xéc và Vi-na-xơ thoát đầu công bố cái cương lĩnh tuyền cử nổi danh của họ, rồi sau đó tìm đủ mọi cách tuyền truyền việc giữ gìn sự yên tĩnh, và cuối cùng thì tuyền bố tổng bãi công chứ không kêu gọi đứng lên cầm vũ khí, thì lúc đó công nhân liền coi khinh họ một cách thẳng thừng. Một phần tử yếu ớt nhất của phái không điều hoà cũng còn tỏ ra có nhiều nghị lực hơn một phần tử hăng hái nhất của phái Đồng minh. Đồng minh và những chi hội của Quốc tế bị nó làm cho ngu độn đi, đã mất mọi ảnh hưởng, và khi các ngài đó tuyền bố tổng bãi công, nói rằng như thế là để làm tê liệt chính phủ, thì công nhân đã liền chế giễu họ. Nhưng hoạt động của cái Quốc tế giả đó vẫn dẫn tới chỗ là Bác-xê-lô-na đã không tham gia cuộc khởi nghĩa của bang; mà chỉ có thành phố Bác-xê-lô-na tham gia phong trào thì mới có thể đem lại một sự ủng hộ mạnh mẽ cho thành phần công nhân là thành phần đầu đầu cũng đóng một vai trò nổi bật trong phong trào đó, và do đó, cuối cùng, có thể đem lại cho họ hy vọng nắm được toàn bộ phong trào đó. Ngoài ra, với sự tham gia của Bác-xê-lô-na vào phong trào thì thắng lợi hầu như sẽ được đảm bảo. Nhưng Bác-xê-lô-na đã không nhúc nhích một chút nào cả; công nhân Bác-xê-lô-na, biết rõ bộ mặt của phái không điều hoà, bị phái Đồng minh đánh lừa, đã không hành động và do đó đã đảm bảo thắng lợi hoàn toàn cho Chính phủ Ma-drít. Tuy nhiên, tất cả những cái đó đã không cản trở những phần tử thuộc phái Đồng minh - A-le-ri-ni và Brau-xơ (những chi tiết về những phần tử này, trong bản báo cáo về Đồng minh<sup>1\*</sup>) - tuyền bố trên tờ báo "Solidarité révolutionnaire"<sup>385</sup> của họ rằng:

"Phong trào cách mạng đang lan tràn khắp bán đảo nhanh như chớp... Ở Bác-xê-lô-na còn chưa xảy ra điều gì, nhưng ở các quảng trường, ở những chỗ công cộng, thì cách mạng đang được tiến hành không ngừng!"

1\* Xem tập này, tr. 497 - 638.

Nhưng đó là cuộc cách mạng của phái Đồng minh, cách mạng ở chỗ không ngừng khai phá chiêng gõ mõ, và chính vì vậy mà "không ngừng" giẫm chân "tại chỗ".

Đồng thời, tổng bãi công đã được đặt thành vấn đề cấp thiết ở An-côi-e. An-côi-e là một thành phố công nghiệp trẻ, giờ đây có gần 30 000 dân, trong đó Quốc tế, dưới hình thức phái Ba-cu-nin, chỉ xuất hiện một năm trước đây và đã phát triển rất nhanh. Công nhân thành phố ấy, cho đến khi đó, hoàn toàn xa lạ với phong trào, nên sẵn sàng tiếp thu chủ nghĩa xã hội dưới bất cứ một hình thức nào, giống như điều đó đã được lặp lại khi thì ở chỗ này, khi thì ở chỗ khác trong những vùng lạc hậu của nước Đức, nơi mà Hội công nhân toàn Đức bỗng nhiên có được rất nhiều môn đồ mới. Chính vì vậy mà An-côi-e đã được chọn làm trụ sở của Ủy ban liên bang Tây Ban Nha của phái Ba-cu-nin. Trong bài này, chúng ta sẽ tìm hiểu hoạt động của chính ngay Ủy ban liên bang đó.

Ngày 7 tháng Bảy, hội nghị công nhân quyết nghị tuyên bố tổng bãi công và ngày hôm sau gửi một đoàn đại biểu đến viên an-cân-đơ (thị trưởng), yêu cầu phải triệu tập các chủ xưởng trong vòng 24 tiếng đồng hồ và trao cho họ những yêu sách của công nhân. Thị trưởng An-boóc-xơ, một phần tử cộng hòa tư sản, liền giữ công nhân lại, gọi quân đội từ A-li-can-tơ đến, kiến nghị các chủ xưởng không nên nhượng bộ, và kêu gọi họ đóng kỹ cửa không ra ngoài. Còn bản thân y thì y vẫn ở vị trí của mình. Sau khi họp với các chủ xưởng, - ở đây chúng tôi căn cứ vào bản báo cáo chính thức của Ủy ban liên bang phái Đồng minh, đề ngày 14 tháng Bảy 1873<sup>386</sup>, - thì lúc đầu, hấn hứa với công nhân sẽ giữ vai trò là người trung lập, sau đó ra một tuyên ngôn trong đó hấn ta "đứng về phía các chủ xưởng mà xúc phạm đến công nhân và vu khống họ, do đó thủ tiêu quyền lợi và tự do của những người bãi công, đẩy họ tiến hành đấu tranh". Làm thế nào mà những nguyện vọng thành kính của viên thị trưởng lại có thể thủ tiêu quyền lợi và tự do của những người bãi công, điều đó

dầu sao vẫn còn là điều chưa rõ. Nhưng dầu sao chẳng nữa, thông qua uỷ ban, những công nhân, do Đồng minh lãnh đạo, tuyên bố với hội đồng thành phố rằng nếu như hội đồng không có ý định giữ vai trò trung lập đối với cuộc bãi công như đã hứa thì tốt hơn cả là hãy từ chức để tránh xung đột. Người ta không tiếp đoàn đại biểu của uỷ ban, và khi nó rời khỏi toà thị chính thì cảnh sát bắn vào đám đông tay không đang đứng một cách hoà bình tại quảng trường. Theo bản báo cáo của phái Đồng minh, cuộc đấu tranh bắt đầu như vậy. Nhân dân vũ trang đứng lên, cuộc chiến đấu nổ ra, hình như đã kéo dài "hai mươi giờ". Một bên là công nhân - mà số lượng, theo tờ "Solidarité révolutionnaire", là 5 000 người, và bên kia là 32 hiến binh ở trong toà thị chính, cộng thêm vài nhân viên vũ trang trong 4 hay 5 ngôi nhà trong chợ; những ngôi nhà này - theo hình mẫu của Phổ - đã bị nhân dân đốt cháy. Cuối cùng, hiến binh hết đạn và buộc phải đầu hàng.

"Người ta lẽ ra không phải than khóc nhiều nạn nhân đến như thế", - bản báo cáo của Ủy ban phái Đồng minh kể lại, - "nếu như viên thị trưởng An-boóc-xơ không lừa dân chúng: hấn giả vờ đầu hàng, rồi sau đó lại hèn nhát ra lệnh giết những ai tin vào lời hấn mà bước vào toà thị chính; và bản thân hấn lẽ ra cũng không bị dân cư nổi giận một cách chính đáng giết chết, nếu như hấn không dùng súng lục bắn thẳng vào những người đến bắt hấn".

Vậy những nạn nhân của cuộc đấu tranh đó là bao nhiêu?

"Mặc dầu chúng ta không thể biết được một cách chính xác con số những người bị chết và bị thương" (về phía nhân dân), "nhưng chúng ta cũng có thể nói rằng con số đó *không dưới mười người*. Trong hàng ngũ những người tấn công, có ít nhất *mười lăm* người bị giết và bị thương.

Đó là trận chiến đấu đầu tiên trên đường phố mà Đồng minh đã trải qua. Trong suốt 20 giờ, 5000 người đã chiến đấu chống lại 32 hiến binh và một số phần tử tư sản vũ trang, và sau khi bọn này đã bắn hết đạn, họ đã thắng được chúng mà chỉ mất



có *mười người*. Rõ ràng là Đồng minh đã làm cho những người theo nó tin cái câu của Phôn-stáp nói rằng "sự thận trọng là sự thể hiện tốt nhất của lòng dũng cảm"<sup>1\*</sup>.

Lẽ dĩ nhiên, tất cả những tin tức của các báo tư sản về những hành vi khủng khiếp đủ mọi loại, về những công xưởng bị đốt một cách không có mục đích, về những vụ bắn chết hàng loạt hiến binh, về những người bị tẩm dầu và thiêu cháy, - tất cả những tin tức đó toàn là những điều bịa đặt. Những công nhân chiến thắng - ngay cả khi phái Đồng minh, mà châm ngôn là "Hãy đánh, hãy đập phá!", lãnh đạo họ, - bao giờ cũng đối xử thậm chí quá khoan hồng đối với kẻ thù đã bị bại trận của họ, và vì vậy mà kẻ địch đã gán cho họ tất cả những hành động nhục nhã mà *bản thân chúng* nhất định sẽ làm trong trường hợp chiến thắng.

Như vậy, thắng lợi đã đạt được.

"Ở An-côi-e", - tờ "Solidarité révolutionnaire" hân hoan viết, - "những người bạn của chúng ta, với số lượng 5000 người, đã làm chủ tình thế".

Vậy, những "người đã làm chủ" đó đã lợi dụng "tình thế" của họ như thế nào?

Về điểm này, bản báo cáo của Đồng minh cũng như tờ báo của phái Đồng minh đều không nói một lời nào cho chúng ta rõ cả; chúng ta buộc phải nhờ đến những tin tức thông thường của báo chí. Qua những tin tức đó, chúng ta biết rằng ở An-côi-e người ta thành lập ngay một "ủy ban phúc lợi", tức là chính phủ cách mạng. Cố nhiên, trong đại hội của họ ở Xanh-I-mê tại Thụy Sĩ ngày 15 tháng Chín 1872, phái Đồng minh đã quyết nghị rằng "mọi tổ chức chính quyền gọi là lâm thời hay cách mạng, cũng đều là một sự lừa bịp mới và cũng đều nguy hiểm đối với giai cấp vô sản, giống như tất cả mọi chính phủ đang tồn tại hiện

nay". Những thành viên của Ủy ban liên bang Tây Ban Nha họp ở An-côi-e cũng đã dùng mọi cố gắng để làm cho đại hội Quốc tế ở Tây Ban Nha tán thành nghị quyết ấy. Và mặc dầu thế chúng ta vẫn phát hiện ra rằng Xa-ve-ri-nô An-ba-ra-xin, thành viên của ủy ban ấy, và theo một số tin tức thì cả Phran-xi-cô Tô-mát, thư ký của ủy ban ấy - đều là ủy viên của cái chính phủ lâm thời và cách mạng ấy - tức là của Ủy ban phúc lợi An-côi-e.

Vậy Ủy ban phúc lợi ấy đã làm những gì? Ủy ban đó đã thông qua những biện pháp gì để thực hiện việc "giải phóng hoàn toàn ngay lập tức công nhân"? Ủy ban đã cấm tất cả đàn ông đi khỏi thành phố, còn đàn bà thì được phép, nếu như...họ có *giấy thông hành!* Những kẻ phản đối mọi loại chính quyền nay lại áp dụng trở lại giấy thông hành! Còn ngoài ra thì chỉ là sự bất lực tuyệt đối, sự hoang mang và tình trạng thiếu nghị lực.

Trong lúc đó, từ A-li-can-tơ, tướng Vê-lác-đơ cùng quân đội đã đến gần. Chính phủ có đủ nguyên nhân để mong muốn chấm dứt các cuộc khởi nghĩa địa phương ở các tỉnh mà không gây ồn ào. Còn những "người làm chủ tình thế" thì có đủ nguyên nhân để mong muốn thoát ra khỏi một tình thế trong đó họ không biết làm gì. Thành thử vai trò của đại biểu Xéc-ve-ra, người đứng ra làm trung gian, đã rất dễ dàng. Ủy ban phúc lợi đã từ bỏ thẩm quyền của mình; ngày 12 tháng Bảy quân đội tiến vào thành phố, không gặp một sự chống cự nào, và đáp lại, lời hứa duy nhất của người ta hứa với Ủy ban phúc lợi là... đại ân xá. Các "người làm chủ tình thế" thuộc phái Đồng minh một lần nữa đã thoát ra khỏi chỗ bế tắc một cách bình an vô sự. Và cuộc phiêu lưu ở An-côi-e đã chấm dứt như vậy đó.

Bản báo cáo của phái Đồng minh cho ta biết rằng, ở Xan-lu-các-đơ Bác-ra-mê-đa gần Ca-đi-xơ,

viên thị trưởng đóng cửa trụ sở của Quốc tế, và vì hấn đe dọa và thường xuyên xâm phạm tới quyền lợi cá nhân của công dân nên hấn đã gây nên sự phẫn nộ của công nhân. Ủy ban được cử ra đòi viên bộ trưởng phải tôn trọng pháp luật mà mở cửa

1\* Séc-h-xpia. "Vua Hen-ri IV", phần 1, hồi V, cảnh 4.

trụ sở đã bị đóng một cách tùy tiện. Ông Pi đồng ý về nguyên tắc... nhưng trên thực tế, lại từ chối thực hiện điều đó. Công nhân thấy rõ rằng chính phủ có ý định đặt một cách có hệ thống hội của họ ra ngoài vòng pháp luật, họ bãi chức tất cả các đại diện của nhà đương cục địa phương và chỉ định những người mới thay thế họ, những đại biểu mới này mở lại trụ sở của hội".

"Ồ Xan-lu-các... nhân dân là người làm chủ tình thế!" - tờ "Solidarité révolutionnaire" hân hoan viết như vậy. Phái Đồng minh cũng phải thành lập tại đây một chính phủ cách mạng, bắt chắp những nguyên tắc vô chính phủ của họ và mặc dù họ cũng chẳng biết họ sẽ làm gì với cái chính quyền của họ. Họ đã mất thì giờ vào những cuộc tranh cãi trống rỗng và vào những nghị quyết trên giấy; và khi tướng Pa-vi-a, sau khi chiếm Xê-vi-li-a và Ca-di-xơ thì ngày 5 tháng Tám, đưa vài đại đội thuộc lữ đoàn Xô-ri-a ở Xan-lu-ca, thì ông ta... đã không vấp phải một sự chống trả nào cả.

Đó là những chiến tích anh hùng do phái Đồng minh thực hiện ở những nơi mà họ không gặp một đối thủ nào và một sự đối kháng nào.

### III

Ngay sau cuộc đấu tranh trên đường phố An-côi-e, phái không điều hoà đã tiến hành khởi nghĩa ở An-đa-lu-di-a. Pi-i-Mác-gan II vẫn còn nắm chính quyền và không ngừng thương lượng với những lãnh tụ của phái đó, muốn thành lập một nội các gồm những người của phái đó; vậy thì phát động khởi nghĩa làm gì, khi mà cuộc thương lượng vẫn còn tiếp tục? Cho đến nay, nguyên nhân của sự vội vàng đó vẫn còn chưa hoàn toàn sáng tỏ; nhưng có một điều không còn nghi ngờ gì nữa là: các ngài của phái không điều hoà, trước hết, cố thực hiện càng nhanh càng tốt chế độ cộng hoà liên bang, để nắm lấy chính quyền và chiếm nhiều ghế trong chính phủ mà người ta phải thiết lập trở lại ở mỗi bang. Quốc hội ở

Ma-đrít đã kéo dài quá lâu tình trạng chia tách ở Tây Ban Nha; do đó, cần phải tự mình bắt tay vào việc và tuyên bố thành lập các bang có chủ quyền ở khắp mọi nơi. Những hành động trước kia của Quốc tế (thuộc phái Ba-cu-nin), - từ cuộc tuyển cử trở đi, đã dính dấp nhiều vào công việc của phái không điều hoà - khiến người ta tin rằng có thể đạt sự giúp đỡ của nó: phải chăng vừa mới đây Quốc tế ấy đã không dùng bạo lực chiếm An-côi-e, và do đó, đã không công khai đấu tranh chống lại chính phủ? Thêm vào đó, từ nhiều năm nay, phái Ba-cu-nin đã tuyên truyền rằng mọi hoạt động cách mạng mà tiến hành từ trên xuống thì đều có hại; tất cả đều phải được tổ chức và tiến hành từ dưới lên trên. Và giờ đây là cơ hội thực hiện cái nguyên lý tự trị nổi tiếng từ dưới lên, ít ra cũng đối với một số thành phố cá biệt! Và không thể khác được: những công nhân theo phái Ba-cu-nin đã bị cắn câu và bắt đầu còng lưng làm để cho phái không điều hoà hưởng, để rồi sau đó, như thường lệ, được đồng minh của họ thưởng cho những cú đá bằng giày và những viên đạn súng trường.

Trong toàn bộ phong trào ấy, lập trường của các thành viên thuộc "Quốc tế" của Ba-cu-nin là như thế nào? Họ đã góp phần đem lại cho phong trào đó tính chất phân tán của chủ nghĩa liên bang, họ đã thực hiện, trong giới hạn có thể, lý tưởng vô chính phủ của họ. Cũng chính những người thuộc phái Ba-cu-nin ấy, trong mấy tháng trước đó, đã tuyên bố ở Coóc-đô-va rằng thành lập các chính phủ cách mạng là phản bội và lừa bịp công nhân, thì hiện nay họ đang ngồi trong tất cả các chính phủ cách mạng của các thành phố ở An-đa-lu-di-a, nhưng đâu đâu họ cũng là thiểu số, thành thử phái không điều hoà có thể làm gì cũng được. Trong lúc phái không điều hoà nắm quyền lãnh đạo chính trị và lãnh đạo quân sự thì người ta cố thoát khỏi công nhân bằng những câu nói hoa mỹ và những dự án trên giấy về những cái gọi là cải cách xã hội thuộc loại phi lý nhất và vô nghĩa nhất. Còn khi những lãnh tụ phái Ba-cu-nin đòi những sự nhượng bộ

thực sự thì họ liền bị từ chối thẳng thừng. Và khi trả lời những câu hỏi của phóng viên các tờ báo Anh, những người thuộc phái không điều hoà đứng đầu phong trào trước hết đã tuyên bố rằng họ không có một điểm nào chung với những người gọi là "thành viên của Quốc tế" đó, rằng họ không chịu trách nhiệm gì về những người đó và đặt những lãnh tụ của những người đó, cũng như tất cả những người của Công xã Pa-ri di cư sang, dưới sự kiểm soát hết sức gắt gao của cảnh sát. Cuối cùng, như sau này chúng ta sẽ thấy, ở Xê-vi-li-a trong thời gian đánh nhau với quân đội chính phủ, phái không điều hoà cũng bắn vào những đồng minh của họ thuộc phái Ba-cu-nin<sup>1\*</sup>.

Kết quả là trong vài ngày, toàn bộ xứ An-đa-lu-di đã rơi vào tay những người vũ trang thuộc phái không điều hoà. Xê-vi-li-a, Ma-la-ha, Gra-na-đa Ca-di-xơ, v.v., đã lọt vào tay họ hầu như không có sự chống trả lại. Mỗi một thành phố đều tự tuyên bố là một ban có chủ quyền và thành lập uỷ ban chính phủ cách mạng (Hội đồng nhiếp chính). Sau các thành phố đó là Mu-rơ-xi-a, Céc-ta-hê-na, Va-len-xi-a cũng làm như vậy. Tại Xa-la-man-ca, người ta cũng thực hiện một cố gắng như thế, nhưng có tính chất hoà bình hơn. Như vậy, phần đông các thành phố lớn của Tây Ban Nha đã nằm trong tay những người khởi nghĩa, trừ thủ đô Ma-đrít - thành phố của sự sa hoa, hầu như chưa bao giờ đấu tranh một cách kiên quyết cả, - cũng như Bác-xê-lô-na. Nếu như Bác-xê-lô-na nổi dậy, thì thắng lợi cuối cùng hầu như sẽ được đảm bảo, và đồng thời một sự ủng hộ mạnh mẽ đối với những công nhân trong phong trào cũng sẽ được đảm bảo. Nhưng như chúng ta đã thấy, lực lượng của phái không điều hoà ở Bác-xê-lô-na là rất yếu, còn những thành viên của "quốc tế" Ba-cu-nin, hồi bấy giờ còn có

1\* Trong tờ "Volksstaat" (số 106 ra ngày 2 tháng Mười một 1873) ba đoạn tiếp theo đã bị xếp nhầm vào cuối chương thứ ba. Khi đăng lại bài báo này năm 1894 trong tập sách nhỏ "Internationales aus dem "Volksstaat" Ăng-ghen đã sắp xếp lại các đoạn này.

một ảnh hưởng rất lớn tại đó, thì lại lợi dụng cuộc tổng bãi công làm cái *cớ để thoái thác* khỏi nghĩa. Như vậy, lần này Bác-xê-lô-na đã không có mặt ở vị trí của mình.

Tuy cuộc khởi nghĩa được mở đầu một cách vô nghĩa, nhưng nó vẫn có những triển vọng thành công lớn nếu như nó được lãnh đạo một cách đôi chút hợp lý, giống như cách làm của những cuộc bạo động quân sự Tây Ban Nha. Trong những cuộc bạo động như vậy thì đội quân đồn trú của một thành phố nổi dậy, tiến vào thành phố lân cận, thu hút đội quân đồn trú đã được tuyên truyền trước của thành phố này đi theo họ, và bằng cách ấy, nghĩa quân - tăng lên về số lượng như một cơn lũ - sẽ tiến về thủ đô cho đến khi một trận chiến đấu may mắn, hay những đơn vị quân đội được phái đi chống lại họ chuyển sang phía họ, quyết định sự thắng lợi. Phương pháp ấy đặc biệt có thể áp dụng một cách thích hợp trong cuộc khởi nghĩa này. Những người nổi dậy đã sớm được tổ chức thành những tiểu đoàn tình nguyện; cố nhiên là kỷ luật trong những tiểu đoàn đó thật thảm hại, nhưng dù sao cũng không kém hơn những đám tàn quân của quân đội Tây Ban Nha cũ, phần lớn đã tan rã. Những đơn vị quân đội duy nhất đáng tin cậy của chính phủ là hiến binh (guardias civiles), nhưng chúng bị rải ra khắp nước. Nhiệm vụ trước hết là không cho những hiến binh đó tập trung lại, mà điều đó chỉ có thể thực hiện được bằng cách tiến công và bằng cách dùng cảm chiến đấu trên chiến trường trống. Phương thức hoạt động đó không phải là một sự nguy hiểm lớn, vì chống lại quân tình nguyện, chính phủ chỉ có thể đưa ra những đơn vị cũng không có kỷ luật như bản thân những quân tình nguyện đó mà thôi. Và kể nào muốn chiến thắng thì kẻ đó không có những con đường nào khác nữa để đi đến thắng lợi.

Nhưng sự thế lại không như thế. Chủ nghĩa liên bang của phái không điều hoà và của phái Ba-cu-nin theo đuổi chúng chính là ở chỗ mỗi thành phố đều tự mình hành động sau khi tuyên bố rằng các công việc quan trọng nhất không phải là hành động

chung cùng với những thành phố khác, mà là hành động biệt lập với những thành phố khác, và do đó gạt bỏ mọi khả năng của một cuộc tấn công chung. Những gì đã là tai họa không thể tránh được trong thời kỳ cuộc Chiến tranh nông dân ở Đức và trong thời gian các cuộc khởi nghĩa tháng Năm ở Đức năm 1849, cụ thể là sự phân tán và biệt lập của các lực lượng cách mạng, cho phép cùng một đội quân của chính phủ có thể lần lượt đàn áp hết cuộc khởi nghĩa này đến cuộc khởi nghĩa khác<sup>387</sup>, - thì cái đó ở đây đã được tuyên bố là nguyên tắc của sự thông thái cách mạng cao nhất. Ba-cu-nin có thể mãi mãi nguyện. Ngay từ tháng Chín 1870 ("Những bức thư gửi một người Pháp")<sup>388</sup>, ông ta đã tuyên bố rằng biện pháp duy nhất dùng cuộc chiến tranh cách mạng để đuổi quân Phổ ra khỏi nước Pháp là thủ tiêu mọi sự lãnh đạo tập trung, để cho mỗi thành phố, mỗi làng mạc, mỗi công xã tự mình tiến hành chiến tranh. Chỉ cần đem nhiệt tình cách mạng đã được giải phóng khỏi xiềng xích, đối chọi lại với quân Phổ được chỉ huy thống nhất, thế là thắng lợi được bảo đảm. Đứng trước trí tuệ tập thể của nhân dân Pháp - trí tuệ cuối cùng đã được người ta phó mặc cho bản thân nó - thì trí tuệ cá nhân của một mình Môn-tơ-kê tất sẽ phải bị lu mờ đi. Lúc bấy giờ, người Pháp đã không muốn hiểu điều đó; nhưng ở Tây Ban Nha, Ba-cu-nin đã đạt được thành tựu rực rỡ mà chúng ta đã thấy và sau đây sẽ còn thấy nữa.

Trong khi ấy, cuộc khởi nghĩa được phát động vội vã không có một lý do nào cả đã làm cho Pi-i-Mác-gan II không còn khả năng tiếp tục thương lượng với phái điều hoà được nữa. Ông ta buộc phải từ chức; thay ông ta lên nắm chính quyền là những phần tử cộng hoà thuần tuý thuộc loại Ca-xte-lác, là những phần tử tư sản không cần giấu mặt; mục đích đầu tiên của chúng ta thanh toán phong trào công nhân đã bị chúng lợi dụng trước đây, nhưng giờ đây lại chỉ là một trở ngại cho chúng. Chúng tổ chức hai sư đoàn, một sư đoàn dưới sự chỉ huy của tướng Pa-vi-a nhằm tấn công An-đa-lu-di-a, và một sư đoàn khác, dưới sự chỉ huy của Cam-pô-xô, để tấn công Va-len-xi-a và Các-ta-hê-na. Hạng nhân của

những sư đoàn đó là những hiến binh được tập hợp từ khắp các nơi trong cả nước Tây Ban Nha, gồm toán lính cũ vẫn còn giữ được kỷ luật. Cũng giống như trong những trận tấn công của quân đội Véc-xay vào Pa-ri, ở đây hiến binh cũng cần đem lại sự kiên định cho quân chủ lực đã mất tinh thần và đầu đầu chúng cũng đi đầu trong các đơn vị tấn công; về cả hai phương diện đó chúng đều đã hoàn thành nhiệm vụ theo khả năng sức mạnh của mình. Ngoài hiến binh ra, các sư đoàn ấy còn gồm một vài trung đoàn chủ lực chọn lọc, thành thử mỗi một sư đoàn có đến gần 3 000 người. Đó là tất cả binh lực mà chính phủ có thể đưa ra để chống lại những người khởi nghĩa.

Tướng Pa-vi-a bắt đầu cuộc tiến quân vào khoảng 20 tháng Bảy. Ngày 24, đơn vị hiến binh và quân chủ lực do Ri-pôn chỉ huy chiếm Coóc-dô-va. Ngày 29, Pa-vi-a tấn công thành phố Xê-vi-li-a được phòng ngự chặt chẽ, và thành phố này bị ông ta chiếm ngày 30 hay 31 tháng Bảy (theo các bức điện thì khó mà xác định đúng được). Để lại ở đây một đơn vị cơ động nhanh để bình định các vùng chung quanh, ông ta tiến quân hướng tới Ca-đi-xô mà những người phòng thủ nó chỉ phòng ngự những con đường đi vào thành phố, hơn nữa lại phòng ngự rất yếu; sau đó, ngày 4 tháng Tám, đã bị tước vũ khí mà không kháng cự lại một chút nào. Mấy ngày sau đó, Pa-vi-a đã tước vũ khí - cũng không gặp một sự chống cự nào - các thành phố Xan-lu-các-đơ - Bác-ra-mê-da, Xan-rô-cơ, Ta-ri-pha, An-khơ-xi-rát và rất nhiều những thành phố nhỏ khác trước kia tự tuyên bố là những bang có chủ quyền. Đồng thời, ông ta cũng đã phái những đơn vị đi tấn công Ma-la-ha và Gra-na-đa, những thành phố này đã đầu hàng mà không chống cự, thành phố thứ nhất vào ngày 3, còn thành phố thứ hai vào ngày 8 tháng Tám, thành thử đến ngày 10 tháng Tám, tức là chưa đầy hai tuần, toàn bộ vùng An-đa-lu-di-a hầu như đã bị chinh phục, mà không có chống cự.

Ngày 26 tháng Bảy, Mác-ti-nê-xô Cam-pô-xô mở đầu cuộc tấn công vào Va-len-xi-a. Ở đây, cuộc khởi nghĩa do công nhân phát động. Khi xảy ra cuộc phân liệt trong các tổ chức của Quốc tế

ở Tây Ban Nha thì ở Va-len-xi-a, các thành viên của Quốc tế chân chính đã chiếm ưu thế, và Hội đồng liên chi hội mới của Tây Ban Nha được chuyển về thành phố này. Chẳng bao lâu sau khi tuyên bố thành lập chế độ cộng hoà, khi những trận chiến đấu cách mạng sắp diễn ra, những công nhân thuộc phái Ba-cu-nin ở Va-len-xi-a không tin cậy vào những hành vi lẩn tránh đấu tranh được che đậy bằng những câu nói cách mạng cực đoan của các thủ lĩnh Bác-xê-lô-na, đã đề nghị với những thành viên Quốc tế chân chính cùng hành động chung trong tất cả các phong trào có tính chất địa phương. Khi phong trào ở bang nổ ra, công nhân và các hội viên Quốc tế đều lợi dụng phái không điều hoà, lập tức phát động khởi nghĩa và đánh đuổi quân đội của chính phủ. Thành phần của uỷ ban chính phủ cách mạng (Hội đồng nhiếp chính) ở Va-len-xi-a như thế nào, thì người ta vẫn không rõ; nhưng theo những tin tức của các phóng viên báo chí Anh, người ta thấy rằng trong uỷ ban đó, cũng như trong hàng ngũ quân tình nguyện Va-len-xi-a, công nhân chiếm ưu thế rõ ràng. Những phóng viên đó đã nói đến những người khởi nghĩa Va-len-xi-a với một sự kính trọng mà ta hoàn toàn không thấy khi họ nói đến những người khởi nghĩa, trong đó phái không điều hoà chiếm ưu thế; họ đã ca ngợi kỷ luật dững cảm của những người khởi nghĩa Va-len-xi-a, ca ngợi trật tự ở trong thành phố và đã dự đoán là sẽ có một sự chống cự lâu dài và một cuộc chiến đấu ngoan cường. Họ đã nói không sai. Va-len-xi-a, một thành phố bỏ ngõ, đã chịu đựng được cuộc tấn công của sư đoàn Cam-pô-xơ từ 26 tháng Bảy đến 8 tháng Tám, nghĩa là lâu hơn tất cả vùng An-đa-lu-di-a cộng lại.

Tại tỉnh Mu-rô-xi-a, thành phố chính cùng tên đã bị chiếm mà không chống cự; sau khi Va-len-xi-a thất thủ, Cam-pô-xơ đã tiến hướng đến Các-ta-hê-na, một trong những thành lũy mạnh nhất của Tây Ban Nha, được bảo vệ từ phía đất liền bởi một bức thành dày và bởi những pháo đài nhô lên phía trước trên các điểm cao khống chế thành phố. 3 000 quân của chính phủ,

không có một cỗ pháo công thành nào, chỉ có những đại bác dã chiến hạng nhẹ, nên dĩ nhiên là bất lực trước trọng pháo của các pháo đài và phải hạn chế trong việc bao vây thành phố từ đất liền; nhưng một cuộc bao vây như vậy không có ý nghĩa gì mấy, chừng nào những người Các-ta-hê-na còn khống chế mặt biển bằng quân hạm đã chiếm được ở hải cảng. Những người khởi nghĩa chỉ lo cho bản thân trong khi cuộc chiến đấu diễn ra ở Va-len-xi-a và An-đa-lu-di-a, họ chỉ bắt đầu nghĩ đến thế giới bên ngoài sau khi những cuộc khởi nghĩa ở các địa phương khác đã bị đè bẹp, khi tiền và lương thực của họ đã cạn. Chỉ khi đó, họ mới mưu toan tiến đánh Ma-đrít, cách xa không dưới 60 dặm Đức, nghĩa là xa hơn hai lần khoảng cách giữa Va-len-xi-a và Gra-na-đa chẳng hạn! Nhưng cuộc xuất quân đó đã phải chấm dứt một cách đáng buồn cách Các-ta-hê-na không xa. Cuộc bao vây đã khiến cho không còn khả năng tiến hành tiếp những cuộc xuất kích bằng đường bộ; vì vậy người ta đã lao vào những cuộc xuất kích bằng hạm đội. Nhưng đó là những cuộc xuất kích như thế nào! Lúc bấy giờ, không thể nói đến việc dùng những quân hạm của Các-ta-hê-na để lại phát động khởi nghĩa tại các thành phố ở vùng ven biển vừa mới bị chinh phục. Vì vậy hạm đội của bang có chủ quyền Các-ta-hê-na chỉ giới hạn trong việc dọa bắn phá những thành phố khác ở ven biển, - theo lý luận của Các-ta-hê-na thì đó cũng là những thành phố có chủ quyền, - từ Va-len-xi-a đến Ma-la-ha; và trên thực tế khi gặp dịp đã tiến hành bắn phá những thành phố đó khi những thành phố này không nộp đủ lên tàu những đòi hỏi về lương thực và chiến phí bằng tiền mặt. Trong khi những thành phố đó chiến đấu chống lại chính phủ với tư cách là những bang có chủ quyền, thì ở Các-ta-hê-na người ta làm theo nguyên tắc: "mỗi người vì mình". Còn khi bị thất bại thì người ta lại nêu nguyên tắc: "Tất cả vì Các-ta-hê-na!". Những phần tử không điều hoà ở Các-ta-hê-na và phái Ba-cu-nin đồng lõa với họ đã hiểu chế độ liên bang của các bang có chủ quyền như thế đó.

Để tăng cường hàng ngũ của những chiến sĩ đấu tranh cho

tự do, Chính phủ Các-ta-hê-na đã thả gần 1 800 tù nhân bị giam trong nhà tù khổ sai của thành phố, tức là những tên cướp của và giết người khét tiếng nhất của Tây Ban Nha. Biện pháp cách mạng ấy đã được phái Ba-cu-nin gợi ý cho chính phủ, - về điều đó người ta không còn nghi ngờ một chút gì nữa sau những lời tố giác dẫn ra trong bản báo cáo về Đồng minh. Bản báo cáo đó đã chỉ rõ rằng Ba-cu-nin mơ ước "việc thả lỏng tất cả những ham muốn xấu xa" và nêu tên ăn cướp ở nước Nga làm mẫu mực cho tất cả mọi người cách mạng chân chính. Những điều gì hay đối với người Nga thì lại rất tai hại đối với người Tây Ban Nha. Khi Chính phủ Các-ta-hê-na thả lỏng "những ham muốn xấu xa" của 1 800 tên cướp bị cầm tù, thì nó đã làm cho hàng ngũ quân đội của mình bại hoại đến cực độ, do đó nó đã hành động hoàn toàn theo tinh thần của Ba-cu-nin. Còn khi Chính phủ Tây Ban Nha không san bằng những đôn lữ của chính mình và đợi sự thất thủ của Các-ta-hê-na do sự tan rã trong nội bộ những người bảo vệ thành đó gây ra thì nó đã thực hành một chính sách hoàn toàn đứng đắn.

#### IV

Bây giờ, chúng ta hãy nghe bản báo cáo của Liên chi hội Ma-đrít mới nói những gì về toàn bộ phong trào đó.

"Trong ngày chủ nhật thứ hai của tháng Tám, ở Va-len-xi-a phải diễn ra cuộc đại hội; ngoài những vấn đề khác phải bàn thì đại hội này sẽ phải quy định lập trường của Liên chi hội Quốc tế ở Tây Ban Nha nhân những sự kiện chính trị quan trọng đã xảy ra ở Tây Ban Nha từ ngày 11 tháng Hai, khi chế độ cộng hoà được tuyên bố thành lập. Nhưng cuộc khởi nghĩa vô tích sự" (descabellada - nguyên văn: rệu rã)" của các bang, - cuộc khởi nghĩa đã bị thất bại hết sức thảm hại và trong đó những thành viên của Quốc tế ở hầu hết các tỉnh nổi dậy đã tham gia một cách hăng hái nhất, - không những làm tê liệt hoạt động của Hội đồng liên chi hội vì đã làm phân

tán đa số thành viên của nó, mà còn làm tan rã hầu như hoàn toàn những liên chi hội ở địa phương nữa, và điều tệ hại hơn hết là đổ lên đầu những thành viên của các tổ chức đó tất cả sự căm ghét và sự khủng bố - hậu quả thường thấy của mọi cuộc khởi nghĩa nhân dân nào mở đầu và thất bại một cách nhục nhã...

Khi cuộc khởi nghĩa của các bang nổ ra, khi các hội đồng chấp chính, tức là các chính phủ của các bang được thành lập thì những người đó" (tức là những phần tử theo Ba-cu-nin). "những người trước đây đã điên cuồng chống lại quyền lực chính trị và buộc tội chúng ta là thích quyền uy, đã vội vã tham gia chính phủ các bang. Trong những thành phố lớn nhất như Xê-vi-li-a, Ca-đi-xơ, Xan-lu-các-đơ - Bác-ra-mê-đa. Gra-na-đa và Va-len-xi-a, nhiều thành viên Quốc tế trước kia tự xưng là những phần tử bài quyền uy, đều tham gia vào các Hội đồng chấp chính bang mà không có một cương lĩnh nào khác ngoài quyền tự trị của các tỉnh hay bang. Điều đó đã được chính thức khẳng định bởi những bản tuyên bố hay những văn kiện khác do những Hội đồng chấp chính ấy công bố, trong đó có in tên của những thành viên nổi tiếng của "Quốc tế" ấy.

Mâu thuẫn nổi bật đó giữa lý luận và thực tiễn, giữa tuyên truyền và hành động, sẽ không có một ý nghĩa gì lớn, nếu quả là đem lại một lợi ích nào đó cho Hội liên hiệp chúng ta, dù chỉ là một bước tiến nào đó về phương diện tổ chức lực lượng của chúng ta, dù chỉ là nhích gần được một chút nào đó tới mục đích chủ yếu của chúng ta là giải phóng giai cấp công nhân. Nhưng kết quả lại ngược lại, mà không thể nào khác được. Thiếu một điều kiện chủ yếu: sự hợp tác hữu hiệu của giai cấp vô sản Tây Ban Nha, một sự hợp tác có thể đạt được một cách dễ dàng khi hoạt động nhân danh Quốc tế. Thiếu sự nhất trí trong các liên chi hội địa phương: phong trào bị để mặc cho cá nhân hoặc cho địa phương chi phối mà không có một sự lãnh đạo nào cả (chỉ trừ *sự lãnh đạo mà Đồng minh bí mật có thể áp đặt lên phong trào, mà Đồng minh này, đáng hổ thẹn thay cho chúng ta, vẫn còn thống trị tổ chức Quốc tế ở Tây Ban Nha*), không có một cương lĩnh nào cả, ngoài cương lĩnh của những kẻ thù tự nhiên của chúng ta, tức là của những phần tử cộng hoà tư sản. Và thế là cuộc khởi nghĩa của các bang tự trị đã bị dè bẹp một cách nhục nhã nhất, hầu như không có sự chống cự lại, nhưng khi chết thì nó lại kéo theo uy tín và tổ chức Quốc tế ở Tây Ban Nha. Dẫu cho sự hoành hành, tội lỗi, bạo lực có diễn ra như thế nào chăng nữa

thì những phần tử cộng hoà giờ đây đều đổ tội lên đầu những thành viên Quốc tế; thậm chí chúng tôi đang có những tin tức đáng tin cậy cho biết rằng ở Xê-vi-li-a, trong thời gian chiến đấu, những phần tử không điều hoà đã bán vào đồng minh của chúng, tức là vào những thành viên" (thuộc phái Ba-cu-nin) của "Quốc tế. Thế lực phản động, khéo lợi dụng sự ngu ngốc của chúng ta, đã đẩy phái cộng hoà bức hại chúng ta, và vu khống chúng ta trước quảng đại quần chúng đang có thái độ lãnh đạm; cái mà bọn phản động không làm được trong thời kỳ Xa-ga-xta, thì hiện nay hiển nhiên là chúng sẽ làm được: bởi họ tên tuổi của Quốc tế trong quảng đại quần chúng công nhân Tây Ban Nha.

Tại Bác-xê-lô-na, nhiều chi hội công nhân đã tách khỏi Quốc tế, kiên quyết phản đối các ngài trong tờ báo "Federacion" (cơ quan ngôn luận chủ yếu của phái Ba-cu-nin) "và thái độ không thể giải thích được của các ngài ấy. Tại Hê-rê-xơ, Pu-éc-tơ-đơ - Xan-ta - Ma-ri-a và tại các địa phương khác, các liên chi hội đã quyết định tự giải tán. Tại Lốc (tỉnh Gra-na-đa), dân chúng đã trục xuất một số thành viên Quốc tế sống tại đó. Tại Ma-đrít, nơi còn tự do nhất thì liên chi hội cũ" (thuộc phái Ba-cu-nin) "đã không có một dấu hiệu nào là còn sống, còn liên chi hội chúng ta thì buộc phải nằm im và lặng tiếng để không phải gánh tội lỗi của người khác. Trong các thành phố ở miền Bắc, chúng tôi mất mọi khả năng hoạt động vì có cuộc chiến tranh của phái Các-lốt, một cuộc chiến tranh ngày càng mang tính chất quyết liệt. Cuối cùng, tại Va-len-xi-a, nơi mà chính phủ vẫn là kẻ chiến thắng sau một cuộc chiến đấu 15 ngày thì những thành viên Quốc tế, không chạy kịp, đã buộc phải ẩn náu và Hội đồng liên chi hội đã hoàn toàn tan rã".

Đó là những điều mà bản báo cáo của Ma-đrít cho ta biết. Dễ nhận thấy rằng bản báo cáo đó không có gì khác với bản khái luận lịch sử trên đây.

Vậy kết quả của toàn bộ công trình nghiên cứu của chúng ta là như thế nào?

1. Một khi đứng trước một tình thế cách mạng nghiêm trọng, phái Ba-cu-nin đã buộc phải vứt bỏ toàn bộ cương lĩnh của họ trước đây. Trước hết, họ đã hy sinh thuyết của họ về việc nhất thiết không được tham gia hoạt động chính trị, và đặc biệt là không tham gia các cuộc tuyển cử. Sau đó, thuyết về tình trạng

vô chính phủ, về việc thủ tiêu nhà nước, cũng chịu một số phận như vậy; họ không thủ tiêu nhà nước mà ngược lại, họ đã cố gắng thành lập thêm rất nhiều nhà nước nhỏ. Sau đó, họ đã vứt bỏ nguyên tắc nói rằng công nhân không được tham gia bất kỳ một cuộc cách mạng nào nếu cuộc cách mạng ấy không nhằm mục đích giải phóng hoàn toàn ngay lập tức giai cấp vô sản, và chính họ lại tham gia một phong trào rõ ràng là thuần túy tư sản. Cuối cùng, họ đã chà đạp lên nguyên tắc mà bản thân họ vừa mới tuyên bố: tưởng như thành lập một chính phủ cách mạng chỉ là một sự lừa bịp mới và một sự phản bội mới đối với giai cấp công nhân, - họ đã chà đạp lên nguyên tắc ấy bằng cách hết sức bình thản vào ngời trong hội nghị của các uỷ ban chính quyền của các thành phố, đồng thời bất cứ ở đâu, họ cũng đều vào ngời với tư cách là một phái thiểu số bất lực, bị các ngài tư sản khống chế và lợi dụng về mặt chính trị.

2. Tuy nhiên, việc quay lưng lại với những nguyên lý đã được tuyên truyền từ trước đến nay lại được thể hiện dưới một hình thức hèn nhát nhất, đối trá nhất và dưới sức ép của một lương tâm bản thủ, thành thủ khi bước vào phong trào thì cả bản thân những phần tử theo Ba-cu-nin lẫn quần chúng do họ lãnh đạo đều không có một cương lĩnh nào, hay nói chung, đều không biết rõ là họ muốn gì. Vậy thì kết quả tự nhiên của tình hình đó là như thế nào? - Kết quả là phái Ba-cu-nin hoặc đã gây trở ngại cho mọi phong trào như ở Bác-xê-lô-na, hoặc bị lôi cuốn vào những cuộc khởi nghĩa riêng rẽ, không có kế hoạch, phi lý, như ở An-côi-e và Xan-lu-các-đơ - Bác-ra-mê-đa; hoặc quyền lãnh đạo khởi nghĩa bị rơi vào tay những phần tử tư sản thuộc phái không điều hoà, như đã xảy ra trong phần lớn các cuộc khởi nghĩa. Như vậy là trong hành động thực tế, những lời hô hào cách mạng cực đoan của phái Ba-cu-nin đều biến thành một sự lẩn tránh, hay thành những cuộc khởi nghĩa, hoặc biến thành việc cùng đi với đảng tư sản là đảng lợi dụng công nhân về mặt chính trị một cách vô liêm sỉ nhất mà còn thưởng cho họ những cú đá.

3. Kết quả duy nhất của những cái gọi là<sup>1\*</sup> những nguyên tắc về trạng thái vô chính phủ, về liên minh tự do của những nhóm độc lập, v.v., chỉ làm cho những lực lượng đấu tranh cách mạng bị phân tán vô cùng tận và vô nghĩa, khiến cho chính phủ có thể dùng một nhóm nhỏ binh lính để chinh phục hết thành phố này đến thành phố khác mà hầu như không gặp phải sự chống cự nào.

4. Tất cả những điều đó không những đã dẫn tới chỗ là những chi hội Quốc tế ở Tây Ban Nha, Quốc tế giả cũng như Quốc tế thật, - được tổ chức tốt và mạnh về số lượng, đã bị rơi xuống vực thẳm cùng với phái không điều hoà và hiện nay trên thực tế thì không tồn tại nữa; thêm nữa, còn dẫn tới chỗ những chi hội đó bị người ta gán cho vô số những hành động bạo ngược có tính chất bịa đặt, những hành động mà nếu thiếu chúng thì những kẻ phi-li-xtanh ở tất cả các nước thậm chí không thể hình dung nổi cuộc khởi nghĩa của công nhân. Vì thế, có thể là trong một loạt năm nữa, người ta sẽ không thể có được một tổ chức mới của Quốc tế trong giai cấp vô sản Tây Ban Nha.

5. Tóm lại, ở Tây Ban Nha phái Ba-cu-nin đã cung cấp cho ta một điển hình vô song về điều sau đây: làm cách mạng như thế nào thì *không* nên.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Chín - tháng Mười 1873*

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" các số 105, 106 và 107, ngày 31 tháng Mười, ngày 2 và 5 tháng Mười một 1873. Đã xuất bản thành sách riêng ở Lai-pxích năm 1874. Đã in thành sách F.Engels "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 - 1875)". Berlin, 1894*

*In theo bản in xuất bản năm 1894, có đối chiếu với bản*

*đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Đức*

1\* Trong báo "Volksstaat" thay cho những chữ "của những cái gọi là" là những chữ: "được quảng cáo rộng rãi".

## PH.ĂNG-GHEN BẦU CỬ Ở ANH

Luân Đôn, ngày 22 tháng Hai 1874

Cuộc bầu cử nghị viện Anh đã kết thúc. Ông Glát-xtôn tài ba lỗi lạc không còn có thể dựa vào cái đa số 66 phiếu để cai trị nữa, bỗng nhiên đã giải tán nghị viện, tiến hành cuộc bầu cử trong vòng 8 - 14 ngày, và kết quả là... đa số với hơn 50 phiếu đã *chống lại* ông ta. Nghị viện này là nghị viện thứ hai sau khi tiến hành cải cách bầu cử năm 1867, và là nghị viện đầu tiên được bầu bằng cách bỏ phiếu kín, đã đem lại một *đa số vững chắc cho phái bảo thủ*<sup>389</sup>. Hơn thế nữa, chính những thành phố công nghiệp và khu công nghiệp lớn, nơi mà công nhân tất nhiên chiếm đa số, đã cử những phân tử đảng bảo thủ vào nghị viện. Tình hình đó đã diễn ra như thế nào?

Trước hết, sở dĩ có kết quả như vậy là vì ông Glát-xtôn mưu toan dựa vào cuộc bầu cử để thực hành đảo chính. Cuộc bầu cử được tiến hành trong một thời gian rất ngắn sau khi giải tán nghị viện, cho nên về thời gian để suy nghĩ, một số thành phố nào đó chỉ được dành chừng dăm hôm, phần đông các thành phố không đến tám ngày, còn các khu bầu cử ở Ai-rơ-len, Xcốt-len và nông thôn được dành cho nhiều nhất là mười bốn ngày. Ông Glát-xtôn muốn bịp cử tri, nhưng các cuộc đảo chính ở nước Anh chẳng hiểu sao lại không thành công, còn cái mưu toan bịp người khác thì trở thành gậy ông đập lưng ông. Kết quả là toàn bộ



khối quân chúng đông đảo vốn bàng quan và ngả nghiêng cũng bỏ phiếu chống ông Glát-xtôn.

Ngoài ra, những phương pháp cai trị của ông Glát-xtôn vi phạm một cách thô bạo những tập quán lâu đời của Giôn Bu-lơ. Giôn Bu-lơ hết sức thiện cận, không coi chính phủ mình là người chủ và người thống trị, mà coi là người đầy tớ, và còn coi là người đầy tớ duy nhất mà ông Bu-lơ có thể đuổi đi bất cứ lúc nào không cần phải báo trước. Một đảng cầm quyền nào đó có khi cũng có thể vì những nguyên nhân hết sức thực tế mà cho phép nội các của mình biểu hiện một cách hữu hiệu thái độ ôn hoà bất ngờ trong lĩnh vực những biện pháp thuế khoá và những biện pháp tài chính khác, nhưng trong lĩnh vực những biện pháp lập pháp quan trọng, thì việc đảng đó cho phép và làm điều tương tự như vậy chỉ là ngoại lệ. Thế mà Glát-xtôn lại làm cho những thủ thuật lập pháp kiểu nhà hát ấy trở thành thông lệ. Phần lớn những biện pháp quan trọng của ông ta đều là đột ngột đối với đảng của ông ta, cũng như đối với kẻ thù của đảng ông ta; những biện pháp này được từ trên gán xuống cho đảng tự do một cách chính thức, bởi vì nếu những người đảng tự do không bỏ phiếu tán thành những biện pháp đó, thì họ có thể lập tức làm cho đảng kinh địch lên nắm chính quyền. Trong những biện pháp ấy có nhiều biện pháp, chẳng hạn như dự luật giáo hội Ai-rơ-len và dự luật ruộng đất Ai-rơ-len<sup>390</sup>, tuy nội dung hết sức nghèo nàn, nhưng vẫn làm cho nhiều đảng viên cũ của đảng Vích ôn hoà - bảo thủ hoảng sợ, còn phương pháp dùng để buộc đảng tự do phải chấp nhận những biện pháp đó, lại làm cho toàn đảng chán ghét. Nhưng ông Glát-xtôn không dừng lại ở chỗ đó. Ông còn bãi bỏ tục lệ mua quan bán tước trong quân đội, và để làm việc đó ông ta không cần đến nghị viện, mà lại đưa vào - điều này hoàn toàn không cần thiết - quyền lực nhà vua<sup>391</sup>, và như vậy là ông đã làm nhục đảng của chính mình. Hơn nữa, ông còn dính líu với nhiều kẻ tầm thường đáng chán, tài năng duy nhất của bọn này là biết làm cho người ta ghét mình một cách không

cần thiết. Đặc biệt trong đó có Bru-xơ, bộ trưởng nội vụ, và Ay-rơ-ton, người đứng đầu trực tiếp của đô phủ Luân Đôn. Người thứ nhất nổi bật nhờ tính thô bạo và thái độ ngạo mạn đối với các đại biểu công nhân; người thứ hai thì cai trị Luân Đôn hoàn toàn theo kiểu Phổ - chẳng hạn như mưu toan cấm nhân dân hội họp ở công viên, - nhưng vì ở đây làm những chuyện như vậy không được (thực ra thì người Ai-rơ-len bất chấp lệnh cấm, đã tổ chức ngay trước mắt ông Ay-rơ-ton một cuộc mít-tinh quần chúng rất lớn tại công viên Hây-đơ<sup>1\*</sup>) cho nên việc đó đã dẫn đến một loạt thất bại nhỏ của chính phủ và làm cho tiếng tăm của chính phủ ngày càng giảm đi.

Cuối cùng, việc bỏ phiếu kín đã khiến cho nhiều công nhân, trước hết là những công nhân không quan tâm gì đến chính trị, có thể bỏ phiếu một cách yên ổn chống những kẻ bóc lột mình và chống cái đảng mà họ thấy đúng là đảng của bọn trùm công nghiệp, tức là đảng tự do. Ngay cả những nơi mà phần đông bọn trùm công nghiệp kếch xù đã nhảy sang, theo thời thượng, phe của đảng bảo thủ, thì tình hình cũng y hệt như thế. Nếu đảng tự do không đại diện cho công nghiệp lớn để chọi lại giới đại sở hữu ruộng đất và giới tài chính lớp trên, thì ở nước Anh đảng đó không đại diện cho cái gì cả.

Nghị viện trước đây, xét về trình độ trí tuệ chung, ở dưới mức bình thường. Nghị viện này, một mặt, chủ yếu gồm những quý tộc tinh lẻ và con cái của những đại địa chủ, mặt khác, cũng gồm cả những chủ ngân hàng, những giám đốc công ty đường sắt, những chủ xưởng bia, những chủ xưởng và những kẻ khác mới phát lên; trong đó cũng có một số nhà hoạt động chính trị, luật gia, giáo sư. Phần lớn những "đại diện trí thức" ấy lần này đã không trúng cử, vì thế mà nghị viện khoá này ở một mức độ còn lớn hơn so với nghị viện khoá trước, chỉ tuyệt đối đại diện cho bọn đại sở hữu ruộng đất và cho túi tiền. Song, nghị

1\* Xem tập này, tr. 256 - 259.

viện này khác với nghị viện khoá trước ở hai yếu tố mới: trong nghị viện có hai công nhân<sup>1\*</sup> và khoảng năm mươi người thuộc phái tự trị địa phương Ai-rơ-len.

Còn về công nhân, thì trước tiên còn phải xác nhận rằng kể từ khi đảng của những người thuộc phái Hiến chương bị sụp đổ trong những năm năm mươi, ở nước Anh không còn có chính đảng công nhân riêng. Điều đó cũng dễ hiểu thôi, bởi vì ở nước Anh giai cấp công nhân, nhờ sự phát triển mạnh mẽ của đại công nghiệp, đã thu được phần lợi lộc của mình nhiều hơn so với bất cứ ở nơi nào, và với địa vị bá chủ của nước Anh trên thị trường thế giới thì cũng không thể nào khác được, hơn thế nữa, ở nước Anh mà các giai cấp thống trị, ngoài những nhượng bộ khác ra, còn đảm nhận nhiệm vụ hoàn thành hết điểm này sang điểm khác, tất cả những yêu sách của cương lĩnh phái Hiến chương, tức Hiến chương nhân dân. Trong sáu điểm của Hiến chương, có hai điểm đã thành luật: bỏ phiếu kín và xoá bỏ điều kiện tài sản của ứng cử viên; điểm thứ ba - quyền bầu cử phổ thông - ít ra cũng gần được thực hiện; ba điểm sau đây thì hoàn toàn không được thực hiện: bầu cử hàng năm, tiền thù lao cho nghị sĩ và điểm quan trọng nhất - chia khu vực bầu cử theo số dân ngang nhau.

Công nhân vì đã tham gia vào hoạt động chính trị chung thông qua tổ chức riêng của mình, cho nên trong thời gian gần đây hầu như chỉ hành động như là cánh cực tả của "đảng tự do vĩ đại", mà với vai trò như vậy của họ, - thì đảng tự do vĩ đại cứ lừa bịp họ trong mỗi kỳ bầu cử là lẽ đương nhiên. Nhưng dự luật cải cách bầu cử<sup>392</sup> đã được thông qua, và địa vị chính trị của công nhân được thay đổi ngay lập tức. Trong tất cả các thành phố lớn, hiện giờ công nhân là số đông của cử tri, mà ở nước Anh thì cả chính phủ lẫn ứng cử viên nghị viện đều có thói quen hay vượt ve cử tri. Từ đó các vị chủ tịch và thư ký của các công liên và các đoàn thể chính trị công nhân, cũng như những nhà

diễn thuyết công nhân nổi tiếng khác mà người ta coi là có ảnh hưởng trong giai cấp công nhân, lập tức trở thành những nhân vật quan trọng; bọn nghị sĩ, bọn quý tộc và bọn vô lại danh tiếng khác bắt đầu đến thăm hỏi họ, tỏ ra quan tâm một cách đột ngột đối với những nguyện vọng và nhu cầu của giai cấp công nhân thảo luận với "những lãnh tụ công nhân" ấy về những vấn đề mà trước kia bị chúng chế giễu một cách ngạo mạn và bản thân việc đặt những vấn đề ấy cũng bị coi là đáng quở trách rồi: những người này thậm chí còn đóng góp và tổ chức quyền tiền để cứu tế công nhân. Các "lãnh tụ công nhân" ấy bèn nảy ra ý nghĩ rằng bản thân họ phải vào nghị viện, đó là điều hoàn toàn tự nhiên; những bạn bè có danh tiếng của họ nói chung tỏ ra đồng tình với việc đó, nhưng cố nhiên chỉ là để trong từng trường hợp tìm mọi cách ngăn trở việc bầu công nhân. Mà như vậy, thì tình hình không tiến lên được nữa.

Đương nhiên, không ai trách cứ các vị "lãnh tụ công nhân" về việc họ có thể háo hức vào nghị viện. Con đường ngắn nhất để đạt tới điều đó là phải bắt tay ngay vào việc tổ chức một chính đảng công nhân mới và mạnh mẽ, có cương lĩnh rõ ràng. Đối với họ, Hiến chương nhân dân là cương lĩnh chính trị tốt nhất mà họ có thể mong muốn. Nhưng bản thân cái tên gọi "phái Hiến chương" - chính vì phái Hiến chương là chính đảng vô sản rõ rệt - đã làm cho giai cấp tư sản khó chịu lắm rồi, cho nên các vị "lãnh tụ công nhân" không đi theo truyền thống vinh quang của phái Hiến chương, mà lại lựa chọn việc tiến hành đàm phán với những người bạn quý tộc của mình và hành động "một cách đáng kính", mà ở nước Anh như thế có nghĩa là *theo lối tư sản*. Luật bầu cử cũ ở một mức độ nào đó đã bắt buộc công nhân phải theo đuôi giai cấp tư sản cấp tiến, nhưng sau khi luật về cải cách đã mở cửa nghị viện cho ít ra là sáu mươi ứng cử viên công nhân, mà lại còn bắt họ phải đóng vai trò ấy thì thật là không thể dung thứ được.

1\* - A. Mác-dô-nan và T.Béc-tơ

Đó là một điểm có tính chất bước ngoặt. Muốn vào nghị viện, các vị "lãnh tụ công nhân" trước hết phải nhờ cậy lá phiếu và tiền của giai cấp tư sản, rồi thứ đến mới nhờ cậy lá phiếu của bản thân công nhân. Song như thế thì họ không còn là ứng cử viên của công nhân nữa, mà đã biến thành ứng cử viên của của giai cấp tư sản rồi. Họ không dựa vào chính đảng công nhân cần được xây dựng lại, mà dựa vào "đảng tự do vĩ đại" của giai cấp tư sản. Họ lập thành một hội bảo hiểm lẫn nhau trong cuộc bầu cử, tức Liên đoàn đại diện công nhân<sup>393</sup>; nguồn tài chính hết sức ít ỏi mà Liên đoàn này kiếm được chủ yếu là do giai cấp tư sản cung cấp. Nhưng không phải chỉ có thế. Những phần tử tư sản cấp trên khá sáng ý, nên hiểu rằng việc công nhân được bầu vào nghị viện ngày càng trở thành điều không thể tránh khỏi; do đó, vì lợi ích của chúng, chúng nắm chặt những ứng cử viên công nhân có khả năng được đề cử và đặt họ dưới sự lãnh đạo của chúng và nhờ đó mà cố hết sức đẩy xa cái thời gian ứng cử viên công nhân thực sự trúng cử. Chúng đưa một ông triệu phú Luân Đôn, *Xa-mu-en Mo-rơ-li* ra làm việc đó, một người không tiếc bỏ ra mấy ngàn pao xtéc-ling để, một mặt, đóng vai tổng tư lệnh trong cái bộ tổng tham mưu công nhân giả hiệu đó; mặt khác, dựa vào việc đó để được tiếng, trong quần chúng, là bạn của công nhân, khiến cho người khác phải cảm ơn hẳn về việc hẳn lựa bịp những công nhân ấy. Cách đây khoảng một năm, khi việc giải tán nghị viện ngày càng trở thành một việc có thể xảy ra, Mo-rơ-li tập hợp những tên tay sai trung thành của mình lại trong một quán rượu ở Luân Đôn. Những tên tay sai của hẳn đều có đủ mặt: bọn Pô-te-rơ, bọn Hao-oen, bọn Ốt-giê-rơ, bọn Hây-dơ, bọn Mốt-tơ-xết, bọn Cri-mơ, bọn Ếch-ca-ri-út v.v., đấy là một lũ người mà trong cuộc bầu cử nghị viện kỳ trước, tên nào cũng được bổng lộc của giai cấp tư sản vì đã cố động cho "đảng tự do vĩ đại", hay ít ra cũng đã tỏ lòng muốn phục vụ việc đó. Dưới sự chủ trì của Mo-rơ-li, bọn này đã thảo ra "Cương lĩnh công nhân", một bản cương lĩnh mà bất cứ tên tư sản nào cũng có thể ký

tên vào đó, một bản cương lĩnh được coi là cơ sở của một cuộc vận động mạnh mẽ, có nhiệm vụ cột chặt hơn nữa công nhân vào chính sách của giai cấp tư sản và - điều mà các ngài này mơ ước - đưa "những vị sáng lập" vào nghị viện. Trong những mơ tưởng tham lam của "những vị sáng lập" này hiện lên nhiều giấy bạc năm đồng của Mo-rơ-li, những giấy bạc ấy nhất định sẽ rơi vào túi của những vị này trong quá trình cố động. Nhưng toàn bộ cuộc vận động đó chưa kịp bắt đầu một cách hẳn hoi, thì đã thất bại. Mo-rơ-li đã khoá chặt cái kết sắt của mình, và các vị sáng lập lại rút lui khỏi vũ đài.

Cách đây bốn tuần lễ, Glát-xtôn bỗng nhiên giải tán nghị viện. "Những lãnh tụ công nhân" thường trực đã tỏ phào một cách nhẹ nhõm: hoặc là họ sẽ trúng cử, hoặc là họ lại trở thành những cố động viên lưu động được trả công rất hậu của "đảng tự do vĩ đại". Nhưng không phải thế: thời hạn bầu cử đã quá gần đến nỗi họ bị mắc lằm về cả hai mặt. Tuy nhiên, một số người trong bọn họ đã hoạt động với tư cách là ứng cử viên; nhưng bởi vì ở Anh mỗi ứng cử viên muốn có quyền được ra ứng cử, phải nộp hai trăm pao xtéc-ling (1 240 ta-le) dùng làm chi phí bầu cử, hầu như không nơi nào công nhân được tổ chức lại để thực hiện mục đích đó, cho nên trong số họ chỉ những kẻ nào được giai cấp tư sản cấp cho món tiền đó, thì mới thật sự được ra làm ứng cử viên, và do vậy, những kẻ đó hành động theo *sự đồng ý của cấp trên tối cao, giai cấp tư sản*. Như thế là giai cấp tư sản đã làm hết trách nhiệm của mình, đem lại cho tất cả bọn họ một sự thất bại thảm hại trong cuộc bầu cử.

Chỉ có hai công nhân được bầu vào nghị viện, cả hai đều là thợ mỏ than. Ngành công nghiệp này được tổ chức rất tốt trong ba công liên, những công liên này có tiền khá nhiều, có thể hy vọng được đa số chắc chắn cử tri trong một số khu vực bầu cử và, kể từ khi cải cách bầu cử, đã đều đặn đưa được đại biểu trực tiếp vào nghị viện. Thư ký của ba công liên ấy đều được đề cử làm ứng cử viên; một người trong số đó là Han-li-đê, không giành

được thắng lợi nào cả ở Oen-xơ; hai người khác - *Mác-đô-nan* ở *Xtáp-phốt* và *Béc-tơ* ở *Moóc-pốt* - đều trúng cử. Béc-tơ ít có tiếng tăm ngoài khu vực bầu cử của mình, *Mác-đô-nan* vốn là đại biểu của công nhân mỏ than trong cuộc thảo luận luật khai khoáng gần đây<sup>394</sup>, đã phản bội những người uỷ nhiệm mình, tán thành một điều khoản bổ sung, điều khoản này rõ ràng là có lợi cho bọn tư bản, đến nỗi ngay cả chính phủ cũng không dám đưa điều khoản này vào dự luật của chính phủ.

Song dù sao chẳng nữa, tảng băng cũng đã bị đập tan và thậm chí trong cái câu lạc bộ cãi vã hợp nhất của châu Âu, hai công nhân đang ngồi chễm chệ giữa những người tự xưng là những quân tử bậc nhất của châu Âu.

Ngồi bên cạnh họ ít ra còn có năm mươi người phái tự trị địa phương Ai-rơ-len. Sau khi cuộc khởi nghĩa Phê-ni-ăng năm 1867 bị thất bại và những nhà lãnh đạo quân sự Phê-ni-ăng (phái cộng hoà Ai-rơ-len) lần lượt kẻ trước người sau hoặc là bị bỏ tù, hoặc là chạy trốn sang Mỹ, những người tham gia âm mưu của hội Phê-ni-ăng còn lại an toàn vô sự chẳng bao lâu cũng mất hết tác dụng. Khả năng của khởi nghĩa bạo lực đã bị loại trừ trong nhiều năm - ít ra thì cũng cho đến khi nước Anh có thể lại vấp phải một lần nữa những khó khăn nghiêm trọng về mặt đối ngoại. Do vậy, chỉ còn lại con đường của vận động hợp pháp, một cuộc vận động cũng đã được bắt đầu dưới ngọn cờ tự trị địa phương, tức "tự mình cai quản lấy nhà mình". Yêu cầu cơ bản lúc này là: nghị viện hoàng gia ở Luân Đôn phải trao quyền lập pháp về tất cả những vấn đề thuần tuý Ai-rơ-len cho nghị viện riêng Ai-rơ-len ở Đu-blin; còn những vấn đề thuần tuý Ai-rơ-len nên được hiểu như thế nào, thì người ta cứ lần lữa khéo léo làm thinh không nói đến. Cuộc vận động mà ban đầu bị các báo chí Anh chế giễu này đã có một lực lượng mạnh mẽ khiến cho các nghị sĩ Ai-rơ-len đủ mọi màu sắc đảng phái buộc phải tham gia vào đó: những người thuộc đảng báo chí và đảng tự do, những tin đồ Tin lành và Thiên chúa giáo - lãnh tụ của cuộc vận động, ông Bát, bản thân là một tín đồ Tin lành - và ngay cả một người Anh chính cống là đại biểu của Gôn-nây, cũng tham gia cuộc vận

động đó. Kể từ thời Ó Cô-nen, người đã tiến hành cuộc vận động đòi huỷ bỏ sự hợp nhất với nước Anh<sup>395</sup>, một cuộc vận động đã chấm dứt hầu như, đồng thời cùng một lúc với phong trào Hiến chương do những đòn giáng của thế lực phản động chung sau những sự kiện năm 1848 - bản thân Ó Cô-nen cũng đã chết vào năm 1847, - kể từ thời đó, lần đầu tiên một chính đảng Ai-rơ-len đoàn kết lại xuất hiện trong nghị viện, xuất hiện trong hoàn cảnh khiến cho đảng đó khó mà lập lại những hành động thoả hiệp không ngớt của Ó Cô-nen với đảng tự do, và khó mà lập lại cái tập tục đã trở thành thời thượng sau khi Ó Cô-nen đã chết là: một số thành viên cá biệt tự bán rẻ mình cho chính phủ của đảng tự do.

Vậy là hiện nay có hai lực lượng thúc đẩy sự phát triển chính trị của nước Anh đã tham gia nghị viện; một bên là công nhân, một bên nữa là người Ai-rơ-len dưới hình thức một chính đảng dân tộc đoàn kết. Mặc dù cả hai lực lượng đó chưa chắc đã có thể đóng được vai trò to lớn trong nghị viện đó - công nhân thì chắc chắn là không thể, nhưng cuộc bầu cử năm 1874, không nghi ngờ gì nữa, đã mở ra một giai đoạn mới trong sự phát triển chính trị của nước Anh.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 22 tháng Hai  
1874*

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" số 26,  
ngày 4 tháng Ba 1874*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Đức*

## PH.ĂNG-GHEN

### LUẬT QUÂN SỰ ĐẾ CHẾ<sup>396</sup>

#### I

Thật là thú vị khi thấy những phần tử thuộc đảng tự do - dân tộc và phái tiến bộ<sup>397</sup> tỏ thái độ như thế nào đối với SI luật quân sự, điều này quy định.

"Số lượng hạ sĩ quan và lính thường bộ binh tại ngũ trong thời bình *cho đến khi ban hành pháp lệnh khác* được quy định là 401 659 người".

Họ la ó lên rằng điều khoản này không thể chấp nhận được, vì nó thủ tiêu luật ngân sách của Quốc hội, nó biến việc phê chuẩn ngân sách quân sự thành một trò hề đơn thuần!

Hoàn toàn đúng, các ngài ạ! Chính vì như thế, chính vì điều khoản này không thể chấp nhận được, cho nên các ngài sẽ chấp nhận nó về cơ bản. Cần gì phải giữ ý đến thế, khi người ta yêu cầu các ngài quỳ gối, một việc mà các ngài đã thường làm rất là duyên dáng?

Nguồn gốc của mọi chuyện rủi ro là việc cải tổ quân đội Phổ. Việc cải tổ này đã gây nên một cuộc xung đột nổi tiếng<sup>398</sup>. Trong suốt cả quá trình xung đột, phái đối lập tự do chủ nghĩa đã thực hiện nguyên tắc của Man-toi-phen: "Kẻ mạnh lùi bước một cách dũng cảm"<sup>399</sup>. Sau cuộc chiến tranh Đan Mạch, tinh thần dũng cảm trong việc lùi bước lại càng mạnh mẽ. Vào năm 1866 Bít-xmác từ Xa-đô-va thắng lợi trở về và còn yêu cầu khen thưởng cho

những vụ chi tiền trái phép diễn ra trước đó, thì lúc đó sự lùi bước không còn có hạn độ nào nữa. Ngân sách quân sự lập tức được phê chuẩn, mà ở Phổ thì hễ cái gì đã một lần được phê chuẩn, thì được phê chuẩn mãi mãi, bởi vì theo hiện pháp Phổ "các thứ thuế" (đã một lần được phê chuẩn) "hiện hành thì từ nay về sau cứ thế mà thu!<sup>400</sup>.

Tiếp đó, Quốc hội Bắc Đức họp, thảo luận hiến pháp liên bang<sup>401</sup>, người ta bàn rất nhiều về luật ngân sách, tuyên bố bản dự án do chính phủ đệ trình là không thể chấp nhận được vì lý do thiếu kiểm tra tài chính, người ta trần trở mãi, cuối cùng đành nuốt viên thuốc đắng, tán thành đem tất cả những điều khoản quan trọng của hiến pháp Phổ về luật ngân sách áp dụng cho Liên bang Bắc Đức. Việc đó đã làm cho quân số có mặt trong thời bình tăng lên từ 200 000 đến 300 000 người.

Thế là cuộc chiến tranh vinh quang năm 1870 đã xảy đến và "Đế chế Đức", được dựng lên nhờ cuộc chiến tranh đó lại xuất hiện. Lại Quốc hội lập hiến (!) và hiến pháp của đế chế mới<sup>402</sup>. Lại những bài diễn văn khoa trương, vô số những ý kiến bảo lưu về luật ngân sách. Vậy các ngài ấy đã quyết định những gì?

Điều 60 hiến pháp đế chế quy định:

"Quân số có mặt của quân đội Đức thời bình cho đến ngày 31 tháng Chạp 1871 được ấn định là một phần trăm dân số năm 1867 và sẽ được phân bổ cho các bang của liên bang pro rata<sup>1\*</sup> dân số. *Sau này quân số có mặt của quân đội thời bình được ấn định theo luật pháp đế chế*".

Một phần trăm dân số của năm 1867 là 401 000 người. Quyết định đó về sau được Quốc hội ra nghị quyết kéo dài thời hạn thi hành cho đến ngày 31 tháng Chạp 1874.

Điều 62. "Để trang trải những khoản chi phí cho toàn quân đội Đức và những tổ chức thuộc quân đội, phải giao nộp cho hoàng đế trước ngày 31 tháng Chạp 1871.

1\* - theo tỷ lệ.

225 ta-le cho mỗi đầu người lính căn cứ theo quân số thời bình mà điều 60 đã quy định. Sau ngày 31 tháng Chạp năm 1871, các bang của liên bang phải nộp những khoản tiền đóng góp ấy vào quỹ của đế chế. Để tính những khoản tiền đóng góp ấy, quân số có mặt thời bình, mà điều 60 đã tạm thời quy định, vẫn có hiệu lực cho đến khi được sửa đổi bằng một đạo luật đặc biệt của đế chế".

Đó là lần quy gối thứ ba của các ngài thuộc đảng tự do - dân tộc trước sự bất khả xâm phạm của ngân sách quân sự. Và nếu bảy giờ Bít-xmác bước ra và yêu cầu biến điều quy định tạm thời rất tiện lợi thành một điều quy định cố định tiện lợi hơn nữa, thì các ngài ấy lên tiếng la ó về việc liên tiếp ba lần vi phạm cái luật ngân sách mà các ngài đã phải hy sinh.

Các ngài thuộc đảng tự do - dân tộc! Các ngài hãy thi hành "chính sách thực tế"! "Các ngài hãy tùy theo tình hình mà hành động"! Hãy vứt bỏ "những lý tưởng không thể thực hiện" và tiếp tục dũng cảm tiến hành công việc "trên cơ sở những sự thực hiện có". Các ngài chẳng những đã nói A, mà cũng đã nói B và C. Thế thì đừng có sợ nói D! Ở đây mà lông lộn lên, dậm chân dậm cẳng thì chẳng giúp ích gì, ở đây các ngài lại phải đi đến một "sự thỏa hiệp" lừng tiếng, trong đó chính phủ sẽ thực hiện được một cách đầy đủ điều mà nó muốn, còn các ngài có thể lấy làm vui mừng nếu công việc diễn ra mà không bị ăn đòn. Hãy trao cái luật ngân sách cho những người Anh đang chìm đắm trong chủ nghĩa duy vật, cho những người Pháp trụ lạc, cho những người Áo và người I-ta-li-a lạc hậu; chớ có nói theo "các khuôn mẫu của nước ngoài", hãy làm "sự nghiệp thực sự của nước Đức". Nếu các ngài nhất định muốn có luật ngân sách, thì chỉ có một cách: lần sau xin các ngài chỉ bầu những người của đảng xã hội - dân chủ!

## II

Những người thuộc đảng tự do - dân tộc thật là ngu xuẩn -

mặc dù cậu bé La-xke-rơ rất sáng ý - điều đó chúng tôi biết từ lâu, và bản thân họ cũng biết như thế. Song, chúng tôi cũng không nghĩ rằng họ ngu xuẩn đến mức như ông Môn-tơ-kê nhận định. Con người im lặng vĩ đại đã nói cả một giờ đồng hồ tại quốc hội, nhưng vẫn là một con người im lặng vĩ đại, chính vì ông ta đã giấu giếm đối với thính giả của mình hầu như hết thảy những điều mà bản thân ông ta suy nghĩ. Chỉ có về hai điểm ông ta đã phát biểu thẳng thắn ý kiến của mình: thứ nhất, §I bất hạnh là hoàn toàn cần thiết; thứ hai, với câu nói nổi tiếng sau đây:

"Cái mà chúng ta đã giành được bằng vũ khí sau nửa năm trời, thì chúng ta phải cầm vũ khí trong tay bảo vệ nó một nửa thế kỷ để người ta không thể cướp lại nó trong tay chúng ta. Từ khi chúng ta thực hiện những cuộc chiến tranh thắng lợi thì đầu đầu chúng ta cũng được kính trọng nhưng không nơi nào chúng ta được yêu mến"<sup>403</sup>.

Habenus confitentem reum<sup>1\*</sup>. Đấy, chúng ta đã làm cho kẻ phạm tội phải nhận tội. Khi mà Phổ sau trận Xê-đăng<sup>404</sup> đã đưa ra những yêu sách thôn tính thì có người nói: biên giới mới hoàn toàn được quyết định bởi tính tất yếu chiến lược; chúng ta chỉ chiếm lấy cái mà chúng ta tuyệt đối cần thiết để bảo vệ chúng ta; bên trong đường biên giới mới ấy và sau khi xây xong những công sự của chúng ta, chúng ta có thể chống trả bất cứ cuộc tiến công nào. Nếu nói về mặt thuần túy chiến lược của vấn đề, thì đúng là như vậy đó.

Tuyến đồn lũy sông Ranh với ba pháo đài chủ yếu cỡ lớn. Khuên, Cô-blen-tơ, Ma-in-xơ chỉ có hai khiếm khuyết: một là, có thể vòng qua Xtơ-ra-xbua để vu hồi tuyến ấy; hai là, tuyến này thiếu một tuyến nhô lên trước có những cứ điểm đồn lũy làm cho toàn bộ bàn đạp có chiều sâu. Việc thôn tính vùng An-da-xơ - Lo-ren-nơ

1\* - Trước mắt chúng ta là một kẻ phạm tội đã nhận tội (Xi-xê-rông. Diễn văn về Li-a-ri).

đã giúp khắc phục được hai khiếm khuyết ấy. Xơ-ra-xbua và Mét-xơ hiện giờ làm thành tuyến thứ nhất; Khuên, Cô-blen-tơ, Ma-in-xơ làm thành tuyến thứ hai. Tất cả đều là những pháo đài hạng nhất có những đồn nhô lên phía trước rất xa, có khả năng chống chọi với loại pháo hiện đại có nòng rãnh. Hơn thế nữa, những pháo đài này cách nhau một khoảng cách hết sức thuận lợi cho việc tự do di chuyển của những đội quân lớn hiện đại, và được bố trí ở địa hình rất tiện cho việc phòng thủ. Chừng nào nền trung lập của Bỉ chưa bị xâm phạm, thì sự tiến công của nước Pháp có thể bị chặn đứng một cách dễ dàng tại dải đất hẹp giữa Mét-xơ và dãy núi Vô-he-dơ; nếu muốn, thì có thể ngay từ đầu rút lui sang bên kia bờ sông Ranh và buộc những người Pháp tung quân tiến đánh Mét-xơ, Xơ-ra-xbua, Cô-blen-tơ và Ma-in-xơ, do đó khiến cho lực lượng của họ bị suy yếu trước khi mở trận chiến đấu lớn đầu tiên. Đó là một trận địa, xét về mặt sức mạnh không có một trận địa nào trên toàn châu Âu sánh được, khu pháo đài hình bốn góc<sup>405</sup> ở Vô-ni-dơ chỉ là đồ chơi trẻ con so với trận địa hầu như không thể nào công phá được ấy.

Và chính việc chiếm giữ trận địa hầu như không thể đánh phá được ấy, theo lời của Môn-tơ-kê, đã buộc nước Đức phải cầm vũ khí bảo vệ trong cả một nửa thế kỷ những gì đã chiếm được! Trận địa mạnh nhất tự nó không bảo vệ được nó, nó yêu cầu người ta bảo vệ nó. Muốn bảo vệ thì phải có binh lính: có nghĩa là, trận địa càng mạnh, yêu cầu binh lính càng nhiều, và cứ thế, thành một vòng luẩn quẩn không bao giờ dứt, Cũng cần nói thêm rằng "những đồng bào bị chia tách ở An-da-xơ - Lo-ren-nơ" mới trở về lòng Tổ quốc, xem ra chẳng hề muốn biết gì cả về mẫu quốc - nước Đức, còn người Pháp thì trong bất cứ tình hình nào chỉ cần gặp cơ hội tốt là sẽ tìm cách giải phóng người An-da-xơ và người Lo-ren-nơ ra khỏi vòng tay người Đức. Như vậy là, thế trận mạnh của nước Đức được cân bằng bởi việc nước Đức buộc nước Pháp phải đứng về phía kẻ nào muốn tấn công nước Đức. Nói một cách khác, thế trận mạnh *bao hàm trong bản thân nó*

*mầm mống của sự liên minh châu Âu chống đế quốc Đức*. Khi sự thế đã như vậy, thì dù cho vài ba hoàng đế có gặp gỡ nhau và những cuộc nâng cốc chúc mừng cũng tuyệt nhiên không thể thay đổi được tình hình, và không ai biết điều đó rõ hơn Môn-tơ-kê và Bít-xmác. Môn-tơ-kê thận trọng cho người ta thấy điều đó bằng câu nói đượm vẻ u buồn sau đây:

"Từ khi chúng ta thực hiện những cuộc chiến tranh thắng lợi thì đâu đâu chúng ta cũng được kính trọng, nhưng không nơi nào chúng ta được yêu mến!"

Đó là *sự thật* trong câu nói của Môn-tơ-kê. Bây giờ chúng ta lại bàn đến *điều bịa đặt*<sup>1\*</sup> của ông ta.

Chúng tôi không có ý định bàn đến những lời than thở uỷ mị mà nhà chiến lược vĩ đại nói để tỏ lộ nỗi buồn phiền của mình việc quân đội, rất tiếc, phải ngốn những món tiền lớn như thế vì lợi ích của nhân dân và trong những lời than thở đó, ông ta một phần nào tỏ ra vẻ là một Xin-xin-na-tút Phổ thiết tha mong muốn không gì hơn là một nguyên soái trở thành một người làm vườn. Chúng tôi lại càng không có ý định bàn đến một thứ lý luận chẳng phải mới mẻ gì nói rằng vì thầy giáo phổ thông dạy dỗ tôi đối với dân tộc, cho nên mỗi người Đức đều phải bị đưa đi học ba năm trong trường cao đẳng mà tại đó giáo sư là viên hạ sĩ quan. Ở đây chúng tôi không nói chuyện với những người của đảng tự do - dân tộc, như là Môn-tơ-kê đáng thương đã phải làm như thế. Chúng tôi nói ngay đến những chuyện nói láo quái gở trong lĩnh vực quân sự mà ông ta đã bịa ra cho những người nghe tỏ ra kinh ngạc của mình, những chuyện nói láo đó đã gây nên một sự sôi nổi trong khắp Bộ tổng tham mưu.

Bây giờ lại nói đến vấn đề biện hộ cho số lượng binh bị to lớn của nước Đức viện lý do là binh bị của người Pháp tuồng như còn lớn hơn. Và thế là Môn-tơ-kê báo cáo trước Quốc hội

1\* Trong nguyên bản: "Dichtung" có nghĩa là "thơ", "sự hư cấu": ở đây có ý ám chỉ tiêu đề của tác phẩm tự sự của Gơ-tơ "Từ trong cuộc đời của tôi. Thơ và sự thật".

rằng, Chính phủ Pháp hiện giờ đã có quyền gọi nhập ngũ 1 200 000 người vào bộ đội nông cốt, và trên 1 000 000 người vào bộ đội địa phương. Để có thể động viên một số lượng người như vậy, "dù là một phần", người Pháp tưởng như đã tăng thêm số lượng cán bộ quân đội của họ. Người Pháp hiện giờ tưởng như có 152 trung đoàn bộ binh (trước chiến tranh là 116 trung đoàn), 9 tiểu đoàn xạ thủ mới, 14 trung đoàn kỵ binh mới, 323 khẩu đội pháo (trước kia là 164 khẩu đội). Và "việc tăng cường như vậy vẫn chưa chấm dứt". Quân số tại ngũ trong thời bình được quy định là 471 170 người, so với năm 1871 thì đông hơn 48 000 người: Trong tương lai, nước Pháp sẽ tung ra không phải là tám quân đoàn mà người Pháp đã điều đi đánh chúng ta khi mới bắt đầu chiến tranh, mà là 18 quân đoàn và còn cả quân đoàn thứ mười chín dùng để đối phó với An-giê-ri. Quốc hội trực tiếp buộc chính phủ phải nhận tiền chi dùng cho quân bị, các toà thị chính cũng hiến những thao trường và những câu lạc bộ sĩ quan, bỏ tiền của mình ra xây dựng trại lính, thể hiện một tinh thần yêu nước hầu như không thể kiềm chế được mà ở nước Đức thì chỉ có thể mơ ước mà thôi, nói tóm lại - tất cả đang được tiến hành để chuẩn bị một cuộc chiến tranh phục thù rất lớn.

Nếu quả Chính phủ Pháp đã làm tất cả những điều mà ông Môn-tơ-kê cố gán ghép cho nó, thì nó cũng chỉ thực hiện nghĩa vụ của nó mà thôi. Sau những cuộc thất bại như năm 1870, chính phủ trước hết phải có trách nhiệm ra sức phát triển khả năng quốc phòng để loại trừ khả năng tái diễn những việc bất hạnh như thế. Năm 1806 tình hình của người Phổ cũng như thế: toàn bộ đội quân cũ kỹ của họ được miễn phí chuyển đến nước Pháp làm tù binh. Sau chiến tranh, Chính phủ Phổ đã cố gắng hết sức để võ trang toàn dân. Người ta chỉ được huấn luyện sáu tháng, và mặc dù Môn-tơ-kê rất ngán quân lan-ve, nhưng có Bluy-khơ làm chứng "những đội lan-ve" này - theo cách nói của ông sau khi đã trải qua mấy trận chiến đấu đầu tiên thì tỏ ra không thua kém gì những tiêu đoàn chính quy. Nếu Chính phủ Pháp cũng

làm như vậy, nếu Chính phủ Pháp cũng cố gắng trong vòng năm, sáu năm có thể võ trang được toàn dân, - thì nó cũng chỉ thực hiện nghĩa vụ của nó. Nhưng tình hình trái ngược lại. Trừ những tiểu đoàn, bộ binh, đại đội kỵ binh và các khẩu đội Pháp mới được thành lập mà hiện nay chỉ mới đạt tới trình độ của tổ chức *quân chính quy* nước Đức, - tất cả số còn lại *chỉ tồn tại trên giấy*, và nước Pháp hiện giờ về mặt quân sự yếu hơn bất cứ lúc nào.

"Ồ Pháp", - Môn-tơ-kê nói, - "người ta sao chép y hệt toàn bộ tổ chức quân sự của chúng ta... trước hết họ thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự toàn dân, đồng thời lại lấy thời hạn hai mươi năm nghĩa vụ quân sự làm cơ sở, trong khi đó ở nước chúng ta chỉ có mười hai năm".

Nếu quả thật tình hình như thế, thì 20 năm với 12 năm có khác nhau gì đâu? Đâu có một người Đức nào sau mười hai năm phục vụ trong đội quân lan-ve<sup>406</sup> lại thực sự được miễn nghĩa vụ quân sự? người ta há chẳng đang nói khắp nơi: chỉ khi nào chúng ta đầy đủ số người, thì mười hai năm nghĩa vụ mới có hiệu lực, còn hiện giờ các anh vẫn phải ở trong đội quân lan-ve mười bốn, mười lăm, mười sáu năm. Và chúng ta lại moi ra hệ thống Lan-đơ-stuốc-mơ<sup>407</sup> đã bị người ta quên mất rồi để làm gì, nếu không phải là để làm cho mỗi người Đức đã mặc áo lính đều phải phục vụ quân dịch cho đến chết mới thôi ư?

Song tình hình thực hiện nghĩa vụ quân sự toàn dân ở Pháp lại hết sức đặc biệt. Ở Pháp không có những tỉnh như những tỉnh miền Đông Phổ nửa phong kiến là nền tảng thật sự của nhà nước Phổ và của Đế chế Đức mới, cung cấp những tân binh có đặc điểm là phục tùng vô điều kiện và sau này trở thành quân lan-ve cũng chẳng thông minh hơn bao nhiêu. Việc áp dụng chế độ nghĩa vụ quân sự toàn dân ở các tỉnh miền Tây vào năm 1849 đã chứng tỏ rằng không phải mọi cái đều thích hợp như nhau đối với tất cả mọi người<sup>408</sup>. Việc áp dụng tiếp hiện nay chế độ nghĩa vụ quân sự toàn dân trên toàn nước Đức chậm nhất cũng



không quá thời hạn mười hai năm mà Môn-tơ-kê đã lựa chọn, - nếu cái tiệm này vẫn được duy trì lâu như thế, - sẽ sản sinh ra những con người biết sử dụng vũ khí, làm cho tất cả bọn Môn-tơ-kê và Bít-xmác không còn việc gì để làm.

Bởi vậy, ở nước Pháp không có ngay cả cái cơ sở mà dựa vào đó chế độ nghĩa vụ quân sự toàn dân có thể tạo nên những người lính ngoan ngoãn cho thế lực phản động. Ở Pháp, chế độ hạ sĩ quan Phổ đã là giai đoạn đã qua từ trước cuộc đại cách mạng. Bộ trưởng chiến tranh Xanh-Giéc-manh năm 1776 đã áp dụng chế độ đôn vọt của Phổ, những binh sĩ bị đánh đã dùng súng tự sát, cho nên ngay năm đó đã phải bãi bỏ đôn vọt. Nếu ở Pháp thật sự thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự toàn dân, nếu quần chúng nhân dân được huấn luyện sử dụng vũ khí, thì Chi-e và Mác-Ma-hông sẽ ra sao? Nhưng Chi-e và Mác-Ma-hông - tuy hoàn toàn không phải là những thiên tài - cũng không phải là những em học sinh như Môn-tơ-kê miêu tả. Thực ra, hai ông này đã khôi phục trên giấy chế độ nghĩa vụ quân sự toàn dân, nhưng trên thực tế hai ông lại hết sức kiên quyết duy trì thời hạn quân dịch *năm năm*<sup>409</sup>. Song, ai cũng biết rằng chế độ nghĩa vụ quân sự toàn dân hoàn toàn không hợp với ngay cả thời hạn quân dịch ba năm của Phổ: bởi vì như thế thì có thể hoặc là số lượng quân đội thời bình nước Đức sẽ đạt tới ít nhất là 600 000 người; hoặc là phải để cho người ta có khả năng được miễn quân dịch như tình hình hiện nay. Nếu như nước Pháp thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự toàn dân, thì thời hạn quân dịch năm năm sẽ đem lại một số lượng quân đội trong thời bình là bao nhiêu? Khoảng chừng một triệu; thế nhưng ngay cả bản thân Môn-tơ-kê cũng không thể nào gán ghép cho người Pháp dù chỉ là một nửa số lượng ấy.

Đúng vào ngày mà Môn-tơ-kê làm cho những người nghe của mình phải ngạc nhiên, thì tờ "Kolnische Zeitung"<sup>410</sup> đã đăng một "bản tin quân sự" về quân đội Pháp. Những tin tức quân sự ấy được gửi tới tờ "Kolnische Zeitung" từ một nguồn bán chính thức

rất đáng tin cậy, và chắc chắn rằng tên lính "giơ đầu chịu báng", tương ứng ấy sẽ bị trừng phạt đích đáng vì cái lỗi lầm đã phạm phải không đúng lúc. Vấn đề là ở chỗ con người ấy đúng là đã nói thật. Theo lời của ông ta, con số chính thức mới nhất của nước Pháp chứng tỏ

"rằng nước Pháp dù có cố gắng hết sức, cũng chưa chắc có thể hoàn thành được nhiệm vụ quân sự đã đề ra cho mình trong đạo luật mới về quân bị".

Ông ta nhận định rằng "quân số năm nay được ấn định là 442 014 người". Trong đó trước hết nên trừ đi số vệ binh hiến binh cộng hoà là 27 500 người; "căn cứ theo con số ngân sách dành cho các binh chủng, thì số quân có thực chỉ là 389 965 người". Trong đó phải trừ đi

"những đội quân được chiêu mộ (đội quân lê dương, những đội quân bản xứ của An-giê-ri), những đội quân văn thư, đội ngũ hạ sĩ quan và quân nhân táỉ đăng ký mà tổng số, theo tài liệu xác thực trước kia của nước Pháp, được ấn định là 120 000 người. Thậm chí nếu giả định rằng quân số thực tế có thật của đội ngũ này tất cả chỉ có 80 000 người, thì số quân thực tế có thật còn lại phải tuyển chỉ là 309 000 người, *bao gồm năm định số theo lứa tuổi quân dịch thuộc đợt một và một định số theo lứa tuổi quân dịch thuộc đợt hai (quân dự bị)*. Một định số theo lứa tuổi quân dịch thuộc đợt hai này là 30 000 người và căn cứ vào đó thì *một định số theo lứa tuổi phải nhập ngũ thuộc đợt một và số người phải tuyển hàng năm cho nó tính tất cả là 55 800 người*. Thêm vào đây 30 000 người thuộc đợt hai, như thế thì *số quân tối đa đã tuyển mộ hàng năm của quân đội Pháp tính tất cả cũng chỉ có 99 714 người*."

Vậy, người Pháp hàng năm gọi nhập ngũ khoảng 60 000 người, thời hạn phục vụ năm năm. Trong hai mươi năm vị chi là 1 200 000 người, nếu chúng ta tính số quân giảm bớt theo mức thực tế hiện thấy trong quân lan-ve của Phổ, thì nhiều nhất không quá 80 000 người. Sau nữa, 30 000 người được gọi nhập ngũ để phục vụ một năm - theo Môn-tơ-kê, đó là một thứ dân binh vô dụng - tổng cộng trong hai mươi năm sẽ là 6000 000 người, trừ đi số quân giảm bớt nhiều nhất không quá 400 000. Do đó, nếu người Pháp

sẽ thể hiện một cách không có gì trở ngại trong suốt 20 năm chủ nghĩa yêu nước mà Môn-tơ-kê đã tán tụng đến như thế, thì lúc đó người Pháp rút cuộc sẽ chống lại người Đức không phải với số quân 2 200 000 người mà Môn-tơ-kê đã nói, mà nhiều nhất cũng chỉ là 800 000 binh sĩ đã được huấn luyện và 400 000 dân binh, ấy thế mà hiện giờ Môn-tơ-kê đã có thể tự do động viên nửa triệu binh sĩ nước Đức đã được huấn luyện đầy đủ. Đó là lẽ tại sao bài diễn văn của Môn-tơ-kê làm cho quốc hội phải ngạc nhiên và nó đã gây nên một sự sôi nổi như vậy trong bộ Tổng tham mưu.

Cần phải đánh giá ông Môn-tơ-kê một cách đúng mức: khi ông ta còn phải đối phó với những địch thủ ngu ngốc đại loại như Bê-nê-đếch và Lu-i-Na-pô-lê-ông thì ông ta vẫn cố sức tiến hành cuộc chiến tranh một cách hoàn toàn *ngay thẳng*. Ông ta đã tuân thủ một cách chính xác, máy móc và trung thực những quy tắc chiến lược mà Na-pô-lê-ông I đã áp dụng. Không một đối thủ nào có thể chê trách ông ta về việc ông ta đã từng lợi dụng tập kích bất ngờ, phục kích hoặc mọi mưu mẹo quân sự tầm thường khác. Vì vậy, trước đây thì có thể nghi hoặc, không biết Môn-tơ-kê có thật là một thiên tài hay không. Nhưng từ khi ông Môn-tơ-kê buộc phải chọi nhau với những đối thủ ngang sức ngang tài - những bậc thiên tài trong quốc hội, thì mối nghi hoặc ấy biến mất. Trong quan hệ với họ, ông đã chứng tỏ rằng nếu cần ông cũng có thể khôn ranh hơn những đối thủ của mình. Chẳng còn phải hoài nghi gì nữa: Môn-tơ-kê đúng là một thiên tài!

Môn-tơ-kê thực sự có thể nghĩ gì về quân bị nước Pháp? Về điểm này, chúng tôi cũng có một số chỉ dẫn. - Cũng như những thắng lợi của năm 1866 đã không tranh khởi gọi lên trong giới quan phương nước Pháp lời kêu gọi phục thù cho Xê-đăng, thì những thắng lợi của năm 1870 cũng không tranh khởi sẽ kích động nước Nga quan phương thực hiện "phục thù cho Xê-đăng", điều đó chẳng phải bí mật gì đối với Môn-tơ-kê và Bít-xmác. Phổ cho đến nay vẫn là tên đầy tớ ngoan ngoãn của Nga, bỗng dưng

lại trở thành một cường quốc quân sự hàng đầu của châu Âu. Một sự chuyển biến hết sức mạnh mẽ và không có lợi cho nước Nga như thế trong cục diện châu Âu chẳng khác gì một sự thất bại của chính sách nước Nga. Lời kêu gọi phục thù vang lên ở nước Nga khá to. Ở Béc-lin, người ta thấy rằng trong tình hình như vậy, tốt hơn hết là phải giải quyết vấn đề càng sớm càng tốt, đừng để cho người Nga có thời gian chuẩn bị chiến tranh. Còn về vấn đề xét xem khi đó phía Phổ đã làm gì để chuẩn bị chiến tranh chống lại Nga, thì có lẽ để một dịp khác sẽ bàn. Chỉ cần nêu lên rằng mùa hè năm 1872, tất cả hầu như đã chuẩn bị xong xuôi, đặc biệt là kế hoạch tác chiến, kế hoạch tác chiến lần này không hề quy định một đòn nào "đánh vào tim" cả. Lúc bấy giờ, hoàng đế nước Nga A-lếch-xan-đơ tuy không được mời nhưng đã đến Béc-lin viếng thăm hoàng đế nước Đức và tại một "địa điểm có uy tín" đã đưa ra một số văn kiện nào đó làm cho cái kế hoạch dễ thương đó bị tiêu tan. Liên minh thần thánh lại được khôi phục, chia mũi nhọn trước hết vào Thổ Nhĩ Kỳ, tạm thời đẩy lùi cuộc chiến tranh với nước Nga mà rốt cuộc vẫn không thể tranh khởi.

Cái kế hoạch nhỏ ấy cố nhiên cũng dự kiến trường hợp Pháp liên minh với Nga chống Phổ. Trong trường hợp đó, người ta muốn đối phó với Pháp chỉ bằng cách phòng ngự. Vậy thì người ta thấy khi đó cần phải có bao nhiêu người mới đủ để đẩy lùi cuộc tiến công của nước Pháp?

Phải có một đạo quân 25 vạn người!

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Hai -  
đầu tháng Ba 1871  
Đã đăng làm xã luận trên tờ "Der  
Volksstaat" số 28 và 29, ngày 8 và ngày 11  
tháng Ba 1874*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Đức  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**PH.ĂNG-GHEN**  
**ÔNG MÔN-TƠ-KÊ, MỘT SĨ QUAN**  
**THAM MƯU HAY LA HÉT VÀ LẦM LÌ,**  
**VÀ THÔNG TÍN VIÊN GẮN ĐÂY CỦA**  
**ÔNG TA TẠI LAI-PXÍCH<sup>411</sup>**

Luân Đôn, ngày 13 tháng Ba

Rõ ràng là chủ nghĩa yêu nước cực đoan của một phần tử thị dân phi nộn nào đó ở Lai-pxích đã bị đụng chạm một cách khó chịu bởi sự thật là người Pháp, như họ khẳng định, trước khi pháo đài Mét-xơ đầu hàng<sup>412</sup> đã không bị tổn thất nào về pháo, còn người Đức, ngược lại, đã chịu những tổn thất như vậy. Bị cuốn hút vào cơn sốt pháo binh, anh chàng thị dân này yêu cầu ông Môn-tơ-kê nửa thần thánh và đầy danh tiếng phải có những sự giải thích, ông này, để đáp lại, đã cho đăng trên tờ "Leipziger Tageblatt"<sup>413</sup> một trong những bài văn dài tràng giang đại hải nực cười, nội dung của bài văn này nói rằng tuy một số viên tướng Pháp trong thời gian tiến hành vụ án Ba-den<sup>414</sup> đã đưa ra những số liệu không chính xác về số khẩu pháo mà bên này hay bên kia chiếm được, nhưng dù sao cũng phải thừa nhận rằng ngày 16 tháng Tám người Đức đã chiếm được của người Pháp chỉ có một khẩu pháo thì ngày 18 người Pháp lại chiếm được hai khẩu pháo của Đức. Những lời nói đó là đủ rồi. Nhưng ông Môn-tơ-kê lầm lì phải đọc bài giáo trình lên lớp, bởi vì tuyệt nhiên không thể không làm điều đó được. Vậy là ông ta kể cho những

kẻ ngốc nghếch đầy lòng sùng kính rằng căn cứ theo "chiến thuật hiện đại" thì pháo binh phải chiến đấu ở tuyến đầu; *chính vì vậy* mà người Đức đã mất hai khẩu pháo. Qua lời kể của ông ta thấy rằng nếu người Pháp đánh giá đúng mực cái "chiến thuật hiện đại" ấy của ông ta thì hoàn toàn chắc chắn là họ đã bị mất nhiều khẩu pháo hơn nhiều và như vậy họ sẽ được ông ta khen ngợi; đấy, theo lời ông ta, pháo binh của Áo luôn yểm hộ bộ binh ở tuyến đầu của trận đánh, nên người Áo đã mất đi "một cách vinh dự nhất" 160 khẩu pháo. Như chính ông ta thuyết giảng, sở dĩ pháo binh Áo cơ động theo cách đó là vì bộ binh Áo thua kém bộ binh Phổ về vũ khí. Cho nên, một khi những khẩu pháo kiểu sa-xpô của Pháp vượt trội hơn các khẩu pháo bắn bằng kim hoả của Phổ, thì đó là cơ sở để pháo binh Đức thấy cần phải biểu lộ sự tốt bụng giống như pháo binh Áo đã làm trong trận Khuê-ních-grét-xơ<sup>415</sup>. Nhưng pháo binh Pháp không thấy có nhu cầu cho phép pháo binh địch bắn vào họ *một cách không có mục đích*, pháo binh địch trội hơn pháo binh Pháp nhờ cấu trúc nòng có rãnh và tính cơ động cao hơn. Dĩ nhiên, đối với Môn-tơ-kê thì điều rất bất tiện là trong ba ngày 14, 16, và 18 tháng tám 1870 đã có 40 000 quân Đức bị giết và bị thương, mặc dù theo cách nhìn của ông thì phương pháp điều khiển pháo binh của Pháp hết sức bất hợp lý, đến nỗi đến nay ông ta vẫn còn tuyên bố:

"Trong những điều kiện như thế, việc không bị tổn thất hoặc chỉ bị tổn thất một khẩu pháo có phải là bằng chứng hay không để nói lên nghệ thuật của pháo binh Pháp hoặc tinh thần kiên cường của nó trong chiến đấu, - thì cũng có thể để ngỏ vấn đề đó".

Xin quý vị đừng nghĩ - mặc dù bức thư ít lời của ông Môn-tơ-kê có thể thúc giục quý vị nghĩ như vậy - rằng pháo binh Pháp trong những ngày đó đã hành động không hoàn toàn thích đáng, dù là so với pháo binh Đức. Đối với lời khẳng định táo bạo của ông Môn-tơ-kê cho rằng pháo binh Pháp "phần nhiều tỏ ra là một

địch thủ dễ bị loại bỏ", thì chúng tôi xin dùng cách nói hoa mỹ của chính ông Môn-tơ-kê để nói rằng lời khẳng định của ông "không hoàn toàn phù hợp với thực tế". Ai muốn biết chi tiết hơn về điều đó, xin hãy đọc cuốn sách của ông Hốp-bau-éc, đại úy chỉ huy một khẩu đội pháo thuộc trung đoàn pháo binh Đông Phổ số 1, đồng thời là giảng viên trường đào tạo hỗn hợp pháo binh và công binh, cuốn sách nhan đề là "Pháo binh Đức trong các trận đánh ở Mét-xơ", Béc-lin, 1872, Nhà xuất bản Mít-lơ và con trai<sup>416</sup>. Vậy, đây là một cuốn sách bán chính thức! Ông Môn-tơ-kê biết rõ rằng những kẻ đưa ra những câu hỏi ngớ ngẩn như thế, như anh chàng thị dân của chúng ta ở Lai-pxích, đều không đọc những cuốn sách ấy; ông Môn-tơ-kê hy vọng rằng những người đọc các cuốn sách như vậy sẽ thông cảm với thực chất vấn đề mà "đóng miệng lại".

Những lời ba hoa của Môn-tơ-kê về phương pháp "mới" trong việc sử dụng pháo binh thật chẳng đáng giá với số giấy mà trên đó đã viết những lời ba hoa ấy. Với cách sử dụng như vậy thì chẳng những sự tổn thất về pháo thủ và ngựa, mà cả số lượng đạn được bị tiêu hao nhiều đến mức chúng không thể được bù đắp trở lại trong một thời gian ngắn. Ngoài ra, do kết quả "chiến thuật mới" của Môn-tơ-kê mà pháo binh Đức - điều này làm sáng danh cho khoa học - đã rất thường hay bắn nhầm - nhiều hơn mức mong muốn - vào những đồng bào của mình. Điều đó đã xảy ra vào những ngày 14, 16 và 18 tháng Tám 1870. "Chiến thuật mới" đã dẫn đến lối khai hoả khoa học - rối rắm của pháo binh đến nỗi phải phát đi những phản mệnh lệnh và những lời yêu cầu chấm dứt hành động điên rồ phản bội - bắn nhầm vào quân Đức (xem trong cuốn sách của Hốp-bau-éc).

Nhìn chung, hành động của pháo binh Đức trong những ngày ấy, như lời phát biểu của chính viên đại úy Hốp-bau-éc, người được tặng thưởng huân chương chữ thập sắt hạng *nhất* và là người hiển nhiên tôn sùng cấp trên của mình, đã mang "tính chất ngẫu hứng". Ông Môn-tơ-kê lại vội vàng gọi đó là sự thực hiện "những

đòi hỏi của chiến thuật hiện đại, quy định pháo binh không được sợ" (đó là phong cách của ông Môn-tơ-kê), "lao vào tuyến đầu của các đơn vị đang tham chiến hoặc - trong trường hợp chống trả cuộc tiến công của địch - phải đứng vững đến giây phút cuối cùng và bảo vệ các loại trang bị khác". Nhưng từ lâu trước ông Môn-tơ-kê, những đòi hỏi ấy đã được đưa ra đối với pháo binh rồi. Người ta không thể xác định được chính xác điều gì về "chiến thuật hiện đại" của pháo binh. Trước năm 1815 về vấn đề này chưa có tác phẩm nào đáng chú ý, còn từ năm 1815 thì pháo binh Đức đã bắt đầu tan rã do tình trạng không hoạt động, các sĩ quan pháo binh thì chỉ làm có một việc là cắn xé lẫn nhau. Từ năm 1866, người Phổ *vẫn tin rằng* họ đã nắm được nghệ thuật pháo binh, bởi lẽ họ vô tình trở thành những người chủ của loại pháo tốt hơn so với một số nước láng giềng của họ. Trong thời kỳ chiến tranh với Pháp họ chỉ bắt đầu tìm tòi cho pháo binh của mình một chiến thuật mà sẽ phải thay đổi cùng với mỗi cải tiến quan trọng của các cỗ pháo, đó là điều đã rõ ràng đối với những người kém sáng suốt nhất.

Đơn giản lòng nhân đạo đã thúc đẩy chúng tôi phải làm cái việc chế giễu và phỉ báng những lý lẽ tràng giang đại hải mang tính chất kiểu ông cụ đầy tham vọng hơn là mang tính chất ngây thơ của ông Môn-tơ-kê và những tay chân của ông ta, những lý lẽ mà họ dám cả gan trình bày trong những cuốn sách, trên các tờ báo, trong những diễn văn và trong các bức thư.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 13 tháng  
Ba 1874*

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat"  
số 35, ngày 25 tháng Ba 1874*

*In theo bản đăng trên báo  
Nguyễn văn là tiếng Đức*

**PH.ĂNG-GHEN**  
**BỔ SUNG LỜI TỰA VIẾT NĂM 1870 CHO**  
**CUỐN "CHIẾN TRANH NÔNG DÂN Ở ĐỨC"<sup>417</sup>**

Những dòng trên đây được viết ra cách đây hơn bốn năm. Ngay cả hiện nay chúng vẫn còn giữ ý nghĩa của chúng. Cái gì đúng sau trận Xa-đô-va và sau khi phân chia nước Đức thì cũng được chứng thực sau trận Xê-đăng, sau việc thành lập Đế chế Đức thần thánh của dân tộc Phổ<sup>418</sup>. Những tấn tuồng "làm chần động thế giới" của cái gọi là đường lối chính trị lớn có thể gây ra những thay đổi ít như vậy đó trong phương hướng vận động của lịch sử.

Nhưng những tấn tuồng đó lại có thể đẩy nhanh tiến trình của sự vận động ấy. Về mặt này, những người đã gây ra các "sự kiện làm chần động thế giới" nói trên đã vô tình đạt được những thành tựu mà chắc chắn là hết sức không đáng mong muốn đối với họ, nhưng dù muốn hay không họ cũng vẫn bắt buộc phải đếm xỉa đến.

Ngay cuộc chiến tranh năm 1866 đã làm rung chuyển nước Phổ cũ đến tận nền tảng của nó. Sau năm 1848, đã phải mất không ít công sức mới có thể bắt các phần tử công nghiệp phiến loạn tư sản cũng như vô sản - ở các tỉnh miền Tây quay trở lại kỷ luật cũ; nhưng người ta cũng vẫn làm được điều đó, và một lần nữa bên cạnh lợi ích của quân đội, lợi ích của bọn địa chủ quý tộc ở các tỉnh miền Đông lại chiếm địa vị thống trị trong

nhà nước. Năm 1866, hầu như toàn bộ vùng Tây - Bắc nước Đức đều đã trở thành đất Phổ. Nếu không kể đến sự tổn thất về mặt đạo đức không thể nào cứu chữa được mà ngôi vua do trời ban của nước Phổ đã tự gây ra cho mình khi thôn tính ba ngôi vua do trời ban khác<sup>419</sup>, thì giờ đây trọng tâm của chế độ quân chủ đã chuyển rất xa về phía Tây. Năm triệu người ở tỉnh Ranh và Ve-xtơ-pha-li, lúc đầu đã được trực tiếp tăng cường thêm bằng 4 triệu người Đức, được hợp nhất bằng con đường thôn tính trực tiếp, rồi sau đó là 6 triệu, được hợp nhất bằng con đường thôn tính gián tiếp, thông qua khối Liên minh Bắc Đức<sup>420</sup>. Và đến năm 1870, lại còn thêm vào đó 8 triệu người Đức vùng Tây - Nam nữa<sup>421</sup>, thành ra trong "đế chế mới", đối lập với 14½ triệu người nước Phổ cũ (ở sáu tỉnh miền Đông sông En-bơ, trong đó có thêm 2 triệu người Ba Lan nữa), người ta đã thấy có gần 25 triệu người là những người từ lâu đã phát triển qua chế độ phong kiến quý tộc địa chủ theo kiểu Phổ cũ. Như vậy, chính những chiến thắng của quân đội Phổ đã gây nên sự biến chuyển có tính chất quyết định trong toàn bộ nền tảng của nhà nước Phổ; sự thống trị của bọn quý tộc địa chủ ngày càng trở nên không thể nào chịu được, ngay cả đối với chính phủ. Nhưng đồng thời, sự phát triển công nghiệp cực kỳ nhanh chóng đã đẩy cuộc đấu tranh giữa bọn địa chủ quý tộc và giai cấp tư sản xuống hàng thứ yếu, và đưa cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và công nhân lên hàng đầu, thành thử ở bên trong các cơ sở xã hội của nhà nước cũ đã diễn ra một sự đảo lộn hoàn toàn. Tiền đề chủ yếu của chế độ quân chủ, chế độ đã bị tan rã một cách chậm chạp từ năm 1840, là cuộc đấu tranh giữa bọn quý tộc và giai cấp tư sản, trong đó nền quân chủ đã giữ được thế cân bằng. Nhưng từ khi vấn đề không còn là bảo vệ bọn quý tộc chống lại áp lực của giai cấp tư sản nữa, mà là bảo vệ các giai cấp hữu sản chống lại áp lực của giai cấp công nhân, thì chế độ quân chủ chuyên chế cũ nhất định phải hoàn toàn chuyển sang hình thức nhà nước được đặc biệt tạo ra vì mục đích đó: *chế độ quân chủ kiểu Bô-na-pác-tơ*. Trong một

bài khác ("Về vấn đề nhà ở", tập 2, tr. 26 và những trang tiếp theo<sup>1\*</sup>) tôi đã xem xét bước chuyển biến đó của nước Phổ sang chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ. Nhưng trong tác phẩm đó tôi thấy không cần thiết phải nhấn mạnh một sự kiện có một ý nghĩa rất quan trọng ở đây, cụ thể là: bước chuyển ấy là một *bước tiến lớn lao nhất* mà nước Phổ đã thực hiện được sau năm 1848, bởi vì nước Phổ đã hết sức lạc hậu so với sự phát triển hiện đại. Phổ vẫn còn là một nhà nước nửa phong kiến, còn chế độ Bô-na-pác-tơ thì dù sao cũng đã là một hình thức nhà nước hiện đại quy định phải xoá bỏ chế độ phong kiến. Vì vậy, nước Phổ phải quyết tâm thủ tiêu vô số những tàn dư phong kiến của mình và hy sinh tầng lớp địa chủ quý tộc với tư cách là một tầng lớp. Dĩ nhiên là tất cả những cái đó đều được thực hiện dưới một hình thức nhẹ nhàng nhất và theo điệu hát mà họ rất ưa thích: "Bao giờ cũng tiến lên một cách chậm chạp". Ví dụ, điều đó đã diễn ra với quy chế nổi tiếng về các khu, chẳng hạn. Quy chế này xoá bỏ những đặc quyền phong kiến của từng tên địa chủ quý tộc trên phạm vi lãnh địa của hắn, nhưng chỉ là để phục hồi lại chúng dưới dạng những đặc quyền của toàn thể bọn địa chủ lớn trên cả khu. Thực chất của vấn đề vẫn như cũ, chỉ có điều là nó được chuyển từ ngôn ngữ phong kiến sang ngôn ngữ tư sản mà thôi. Người ta dùng bạo lực để biến tên địa chủ quý tộc của nước Phổ cũ thành cái gì tương tự như một điền chủ ở Anh; nhưng hẳn ta cũng chẳng cần phải đặc biệt chống lại điều đó để làm gì, bởi vì cả hai loại người ấy đều ngu xuẩn như nhau.

Như vậy, nước Phổ có một vận mệnh đặc thù là đến cuối thế kỷ này phải hoàn thành cuộc cách mạng tư sản của nó dưới cái hình thái dễ chịu là chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ, cuộc cách mạng này đã bắt đầu trong thời kỳ những năm 1808 - 1813 và đã tiến được một bước trong năm 1848. Và nếu như mọi việc đều trôi chảy, nếu như thế giới cứ bình thản chờ đợi và nếu như bản thân chúng

ta sống được khá lâu, thì đến năm 1900, có lẽ chúng ta sẽ thấy rằng Chính phủ Phổ sẽ thực sự xoá bỏ được tất cả các thiết chế phong kiến, và nước Phổ cuối cùng sẽ đạt tới tình hình mà nước Pháp đạt được năm 1792.

Nếu nói dưới hình thức khẳng định thì việc thủ tiêu chế độ phong kiến có nghĩa là thiết lập chế độ tư sản. Đặc quyền của bọn quý tộc càng bị xoá bỏ thì pháp chế cũng càng được tư sản hoá. Và ở đây, chúng ta tiến tới cái điểm chủ yếu trong mối quan hệ giữa giai cấp tư sản Đức và chính phủ. Chúng ta đã thấy rằng chính phủ *buộc phải* thực hiện những cải cách chậm chạp và nhỏ nhặt đó. Nhưng mỗi nhượng bộ còn con đó, chính phủ lại trình bày với của giai cấp tư sản như là một sự *hy sinh* cho họ, như là một ân huệ phải khó khăn lắm mới giành được từ trong tay nhà vua, và về phần mình, để đáp lại, bọn tư sản cũng phải nhượng bộ một cái gì đó cho chính phủ. Và mặc dù các nhà tư sản biết khá rõ chân tướng của những việc đó, nhưng họ vẫn cứ chấp nhận sự lừa gạt. Vì thế mới có sự thoả thuận ngầm làm cơ sở không công khai cho tất cả các cuộc thảo luận trong Quốc hội và tại Nghị viện Phổ họp ở Béc-lin: một mặt, chính phủ cải cách các đạo luật một cách chậm chạp như *rùa vì lợi ích* của giai cấp tư sản, gạt bỏ những chướng ngại phong kiến và những chướng ngại do tình trạng phân tán thành những nước nhỏ tạo ra cho sự phát triển công nghiệp; thiết lập chế độ tiền tệ, cân đo thống nhất, ban hành tự do nghề nghiệp, v.v., và xác lập sự tự do đi lại, để cho tư bản được tha hồ sử dụng sức lao động của nước Đức; bảo trợ thương nghiệp và hoạt động đầu cơ. Mặt khác, giai cấp tư sản nhường cho chính phủ hết mọi quyền lực chính trị thật sự, bỏ phiếu tán thành các thuế khoá, công trái và mộ binh, và giúp soạn thảo tất cả những đạo luật cải cách mới sao cho quyền lực cảnh sát cũ vẫn giữ được tất cả hiệu lực của nó đối với những người mà chính phủ không ưa thích. Giai cấp tư sản mua sự giải phóng xã hội dần dần của nó với cái giá là phải từ bỏ ngay lập tức quyền lực chính trị của bản thân nó. Dĩ nhiên, động cơ chủ yếu khiến cho một sự thoả thuận như thế có thể

1\* Xem tập này, tr. 352 - 356.

tiếp nhận được đối với giai cấp tư sản, không phải là sự sợ hãi chính phủ, mà chính là sự sợ hãi giai cấp vô sản.

Dù cho giai cấp tư sản nước ta có những biểu hiện thảm hại đến mức nào chẳng nữa trên lĩnh vực chính trị, nhưng không thể nào bác bỏ được rằng về mặt công nghiệp và thương nghiệp, cuối cùng nó cũng đã bắt đầu làm nghĩa vụ của nó. Sự phát triển công nghiệp và thương nghiệp mà tôi đã nói tới trong lời tựa viết cho lần xuất bản thứ hai<sup>422</sup> của cuốn sách này, từ đó đến nay vẫn tiếp diễn một cách mạnh mẽ hơn nhiều. Về mặt này, những gì đã diễn ra từ năm 1869 ở vùng công nghiệp Ranh - Ve-xtơ-pha-li quả thật là chưa từng có đối với nước Đức và làm cho người ta nhớ tới sự phát triển của các khu công xưởng ở Anh vào đầu thế kỷ này. Rồi đây tình hình cũng sẽ diễn ra như thế ở Dắc-den và ở vùng Thượng Xi-lê-di, ở Béc-lin, Han-nô-ơ và trong các thành phố vùng duyên hải. Cuối cùng, chúng ta đã có một nền thương mại thế giới, một nền đại công nghiệp thật sự, một giai cấp tư sản hiện đại thật sự; nhưng vì thế chúng ta cũng đã thấy một sự khủng hoảng thật sự, và chúng ta cũng đã thấy hình thành một giai cấp vô sản thật sự, hùng mạnh.

Đối với nhà sử học tương lai, trong lịch sử nước Đức từ năm 1869 đến năm 1874, tiếng gầm thét của súng đại bác ở Spi-khéc-nơ, Mác-xơ-la Tu-rơ và Xê-đăng<sup>423</sup> và tất cả những gì gắn với nó sẽ có một ý nghĩa kém hơn nhiều so với sự phát triển giản dị, lặng lẽ nhưng không ngừng tiến lên của giai cấp vô sản Đức. Ngay từ năm 1870, công nhân Đức cũng đã trải qua một sự thử thách gay go: cuộc khiêu khích gây chiến của Bô-na-pác-tơ, và hậu quả tự nhiên của nó là nhiệt tình dân tộc phổ biến ở Đức. Những người công nhân xã hội chủ nghĩa Đức không một giây phút nào để cho mình bị lầm lạc. Họ không hề bị làn sóng của chủ nghĩa dân tộc sô-vanh lôi cuốn. Giữa những lúc người ta say sưa điên cuồng nhất vì thắng lợi, họ vẫn giữ được bình tĩnh và đòi hỏi "một hoà ước công bằng với nước Cộng hoà Pháp và không thôn tính đất đai"; và ngay đến lệnh giới nghiêm cũng không thể bắt

họ im lặng được. Người ta không tìm thấy được ở họ một sự hưởng ứng nào đối với sự say mê niềm vinh quang quân sự, cũng như những lời nói ba hoa về sự "vĩ đại của đế chế Đức"; mục đích duy nhất của họ vẫn là giải phóng toàn thể giai cấp vô sản châu Âu. Người ta hoàn toàn có thể nói rằng: từ trước đến nay chưa hề có một nước nào mà công nhân đã chịu đựng được một cuộc thử thách khó khăn đến như thế với một sự thành công rực rỡ như thế.

Tiếp theo sau lệnh giới nghiêm trong thời chiến là những vụ án về tội phản quốc, về việc xúc phạm vua chúa và các nhà chức trách, rồi đến những sự hoạn nạn ngày càng tăng của bọn cảnh sát trong thời bình. Thường thường, tờ "Volksstaat" bao giờ cũng có từ ba đến bốn biên tập viên bị bỏ tù cùng một lúc; các báo khác cũng ở trong tình trạng giống như vậy. Bất cứ diễn giả nào có chút ít tiếng tăm của đảng cũng đều bị ra trước toà án ít nhất là mỗi năm một lần và gần như bao giờ cũng bị kết tội. Những vụ bắt đi dày, tịch thu, giải tán các cuộc hội họp xảy ra dồn dập. Nhưng tất cả đều vô hiệu. Một chiến sĩ bị bắt hoặc bị đi dày, thì liền có ngay một chiến sĩ khác thay thế; hễ một cuộc hội họp bị giải tán, thì người ta lại triệu tập hai cuộc hội họp khác; bằng sự kiên trì và việc tuân thủ luật pháp một cách chính xác, người ta đã làm cho các lực lượng độc đoán của cảnh sát mệt mỏi khi thì ở nơi này, khi thì ở nơi khác. Tất cả những cuộc truy nã đều đưa đến một kết quả ngược lại: hoàn toàn không bẻ gãy được Đảng công nhân hay dù chỉ là khuấy phục được đảng đó, những cuộc truy nã ấy chỉ luôn luôn bổ sung thêm cho đảng những lực lượng ủng hộ mới và củng cố tổ chức của đảng. Trong cuộc đấu tranh chống các nhà chức trách cũng như chống từng tên tư sản cá biệt, đâu đâu công nhân cũng tỏ ra hơn hẳn bọn chúng về mặt trí tuệ và đạo đức, và chúng tỏ nhất là trong các cuộc xung đột giữa họ với những người gọi là "những người cấp việc làm", rằng giờ đây chính họ, những người công nhân, mới là những người có học thức, còn các nhà tư bản là những kẻ

ngu dốt. Đồng thời, phần lớn họ tiến hành cuộc đấu tranh với một thái độ hài hước, đó là một bằng chứng tốt nhất nói lên rằng họ tin tưởng vững chắc biết bao vào sự nghiệp của họ và có ý thức rõ rệt biết bao về tính hơn hẳn của họ. Một cuộc đấu tranh tiến hành như thế, trên một miếng đất đã được lịch sử chuẩn bị, tất phải đem lại những kết quả lớn. Những thắng lợi thu được trong cuộc bầu cử tháng Giêng là một hiện tượng duy nhất trong lịch sử phong trào công nhân hiện đại<sup>424</sup>, và người ta hoàn toàn hiểu được sự kinh ngạc mà những thắng lợi ấy đã gây ra trong toàn thể châu Âu.

Công nhân Đức có hai ưu thế cơ bản so với công nhân các nước khác ở châu Âu. Một là, họ thuộc về một dân tộc có lý luận nhất ở châu Âu, và họ vẫn giữ được cho mình tư duy lý luận mà các giai cấp gọi là "có học thức" ở nước Đức hầu như đã mất hết. Nếu trước đó không có triết học Đức, đặc biệt là triết học Hê-ghen, thì sẽ không bao giờ có chủ nghĩa xã hội khoa học Đức, chủ nghĩa xã hội duy nhất khoa học tồn tại từ trước đến nay. Không có tư duy lý luận trong công nhân thì chủ nghĩa xã hội khoa học ấy sẽ không bao giờ thấm vào xương vào máu của họ đến mức như hiện nay chúng ta thấy. Và ưu thế đó lớn lao đến chừng nào, thì hai điều sau đây sẽ cho ta thấy: một mặt, là sự thờ ơ đối với mọi lý luận, một trong những nguyên nhân chủ yếu giải thích tại sao phong trào công nhân Anh tiến rất chậm, mặc dù có tổ chức tuyệt vời của một số công đoàn cá biệt, - và mặt khác, là những sự mơ hồ và ngả nghiêng mà chủ nghĩa Pru-đông đã gây ra, dưới hình thái ban đầu của nó ở người Pháp và người Bỉ, và ở người Tây Ban Nha và người I-ta-li-a dưới hình thái mà Ba-cu-nin đã đem lại.

Ưu thế thứ hai là người Đức tham gia phong trào công nhân gần như sau chót. Chủ nghĩa xã hội lý luận Đức sẽ không bao giờ quên rằng nó là sự tiếp nối Xanh-Xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen, ba nhà tư tưởng - mặc dầu tất cả tính chất ảo tưởng và không tưởng trong các học thuyết của họ - thuộc về những trí tuệ vĩ

đại nhất của tất cả mọi thời đại và đã tiên đoán được một cách thiên tài vô số những chân lý mà ngày nay chúng ta đang chứng minh sự đúng đắn của chúng một cách khoa học, - vậy thì phong trào công nhân thực tiễn Đức cũng không bao giờ được quên rằng nó đã phát triển trên cơ sở tiếp nối phong trào Anh và Pháp, rằng nó chỉ giản đơn lợi dụng được những kinh nghiệm mà các phong trào đó đã phải trả bằng một giá rất đắt, nên giờ đây đã có thể tránh được những sai lầm phần lớn không thể tránh được trước kia. Nếu không có hình mẫu của các hội công liên Anh và của cuộc đấu tranh chính trị của công nhân Pháp, nếu không có sự thúc đẩy lớn lao mà Công xã Pa-ri đã đặc biệt tạo ra thì thử hỏi giờ đây chúng ta còn ở tận đâu?

Phải đánh giá đúng mức công nhân Đức rằng họ đã biết lợi dụng, với một sự tài tình hiếm có, những thuận lợi trong hoàn cảnh của họ. Lần đầu tiên từ khi có phong trào công nhân, cuộc đấu tranh được tiến hành đều đặn trên cả ba hướng của nó - trên phương diện lý luận, chính trị và kinh tế thực tiễn (việc chống lại các nhà tư bản) - một cách có phối hợp và liên hệ chặt chẽ với nhau. Sức mạnh và sự vô địch của phong trào công nhân Đức chính là ở cuộc tấn công có thể nói là tập trung đó.

Một mặt, do hoàn cảnh có lợi của công nhân Đức, mặt khác, do những đặc điểm ở trên đảo của phong trào công nhân Anh và tình hình bị đàn áp bằng bạo lực của phong trào công nhân Pháp, nên công nhân Đức trong lúc này được đặt vào vị trí đi đầu trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản. Các sự kiện sẽ cho phép họ giữ cái vị trí vinh quang ấy trong bao lâu nữa, điều đó không thể nói trước được. Nhưng chừng nào họ còn giữ được vị trí vinh quang ấy thì họ sẽ cần phải hy vọng như thế - làm tròn những nghĩa vụ mà vị trí của họ đặt ra. Muốn thế thì họ phải cố gắng gấp bội trong tất cả mọi lĩnh vực đấu tranh và cố động. Đặc biệt, nghĩa vụ của các lãnh tụ là phải làm cho mình ngày càng sáng tỏ tất cả mọi vấn đề lý luận, ngày càng tự giải thoát khỏi ảnh hưởng của những câu nói truyền thống thuộc về



thế giới quan cũ và bao giờ cũng phải thấy rằng, chủ nghĩa xã hội, từ khi nó đã trở thành một khoa học, đòi hỏi người ta phải đối xử với nó như là một môn khoa học, nghĩa là phải nghiên cứu nó. Nhận thức ngày càng sáng tỏ, đã có được bằng cách đó, cần phải được phổ biến trong quần chúng công nhân với một nhiệt tâm ngày càng tăng, và tổ chức đảng và tổ chức của các công đoàn ngày càng phải được củng cố vững chắc hơn nữa. Mặc dầu những lá phiếu mà những người xã hội chủ nghĩa đã thu được trong tháng Giêng, là một đạo quân khá hùng mạnh rồi, nhưng những lá phiếu ấy vẫn còn xa mới hợp thành đa số trong giai cấp công nhân Đức; và mặc dù những thành tựu của công tác tuyên truyền trong dân cư nông thôn rất đáng phấn chấn, nhưng chính ở đây cũng vẫn còn phải làm nhiều vô kể. Vì vậy, không được mệt mỏi trong đấu tranh, mà phải giành lấy trong tay kẻ thù hết thành phố này đến thành phố khác, hết khu vực bầu cử này đến khu vực bầu cử khác; nhưng trước hết cần phải giữ vững tinh thần quốc tế chân chính, tinh thần đó sẽ loại trừ sự xuất hiện của mọi thứ chủ nghĩa yêu nước sô-vanh và sẽ vui sướng chào mừng mọi bước tiến mới của phong trào vô sản, không kể đó là của dân tộc nào. Nếu công nhân Đức sẽ tiến bước như vậy, thì họ sẽ không phải là đi đầu phong trào, - bởi vì lợi ích của phong trào hoàn toàn không phải là ở chỗ công nhân một nước nào đó đi đầu phong trào, - mà sẽ chiếm một vị trí vinh dự trong hàng ngũ chiến đấu; và họ sẽ được vũ trang đầy đủ khi những thử thách gay go hay những sự biến lớn bất ngờ đòi hỏi họ phải có một lòng dũng cảm lớn hơn, một sự quyết tâm và một nghị lực lớn hơn.

Luân Đôn, ngày 1 tháng Bảy 1874

### ***Phri-đrích Ăng-ghen***

*Đã in trong cuốn: Friedrich Engels. "Der Deutsche Bauernkrieg". Leipzig, 1875*

*In theo bản in trong cuốn sách Nguyên văn là tiếng Đức*

## **PHRI-ĐRÍCH ĂNG-GHEN**

### **SÁCH BÁO**

### **CỦA GIỚI LƯU VONG<sup>425</sup>**

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Năm 1874 - tháng Tư 1875*

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" các số 69, 73, 117 và 118; ngày 17 và 26 tháng Sáu, ngày 6 và 8 tháng Mười 1874; các số 36, 37, 43, 44 và 45; ngày 28 tháng Ba, ngày 2, 16, 18 và 21 tháng Tư 1875. Phần V được xuất bản thành sách lẻ: F.Engels. "Soziales aus Rußland". Leipzig. 1875. Các phần I, II và V được in trong sách: F.En- gels. "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871-1875)". Berlin, 1894  
Ký tên: Ph.Ăng-ghen*

*In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu (phần I, II và V) với bản in xuất bản năm 1894 Nguyên văn là tiếng Đức*

## I

TUYÊN NGÔN BA LAN<sup>426</sup>

Khi hoàng đế nước Nga đến Luân Đôn, toàn bộ cảnh sát ở đây đều đã ở trong tư thế sẵn sàng hành động. Người ta nói rằng người Ba Lan muốn bắn chết ông ta, đã tìm được một Bê-rê-dốp-xki mới, lần này được vũ trang tốt hơn ở Pa-ri. Nhà tù của những người Ba Lan có tiếng tăm đều bị cảnh sát mặc thường phục vây chặt và thậm chí người ta còn điều từ Pa-ri đến một viên thanh tra cảnh sát đã từng chuyên môn theo dõi người Ba Lan ở đây trong thời Đế chế. Trên con đường Nga hoàng đi từ chỗ ở của ông ta đến khu Xi-ti, những biện pháp canh phòng của cảnh sát được bố trí theo tất cả những quy tắc chiến lược, - song tất cả những nỗ lực ấy cũng đều vô ích! Chẳng thấy tên Bê-rê-dốp-xki nào cả, chẳng nghe thấy một tiếng súng ngắn nào cả, và Nga hoàng, cũng run sợ không kém đứa con gái của mình, chỉ bị một trận hú vía. Nhưng tất cả những nỗ lực ấy không phải là hoàn toàn vô ích, vì hoàng đế đã ra lệnh thưởng tiền trà nước cho những người có công phục vụ ngài, mỗi tên giám thị cảnh sát được năm pao xtéc-ling và mỗi viên thanh tra được hai pao xtéc-ling (bằng 100 và 40 mác).

Trong khi đó, người Ba Lan nghĩ đến những chuyện hoàn toàn khác, chứ không nghĩ đến chuyện giết ngài A-lếch-xan-đơ cao quý. Hội những người Ba Lan ra một bức "Thư kêu gọi của những người lưu vong Ba Lan gửi nhân dân Anh", mang chữ ký của: tướng V.Vru-bơ-lép-xki, chủ tịch hội; I.Grưn-xki, thư ký hội<sup>427</sup>. Bức thư kêu gọi này được lưu hành rộng rãi ở Luân Đôn trong thời gian Nga hoàng đến thăm. Trừ tờ "Reynolds's Newspaper"<sup>428</sup>, tất

cả báo chí ở Luân Đôn đều nhất trí từ chối đăng bức thư đó: như người ta nói, chớ nên xúc phạm đến "vị khách quý của nước Anh"!

Bức thư kêu gọi được mở đầu bằng việc chỉ ra cho người Anh biết rằng Nga hoàng không mang lại vinh dự cho họ, mà mang lại sỉ nhục cho họ, vì Nga hoàng đi thăm họ đúng vào lúc mà ở vùng trung Á, ông ta đang tiến hành mọi sự chuẩn bị để lật đổ sự thống trị của người Anh ở Ấn độ; nếu nước Anh không nghe những lời cảm dỗ của Nga hoàng, một kẻ mạo xưng là cha của các dân tộc bị ông ta áp bức, mà tỏ ra ít thờ ơ hơn đối với nguyện vọng giành độc lập của người Ba Lan thì nước Anh và phần còn lại của Tây Âu có thể yên tâm đình chỉ những hành động chuẩn bị chiến tranh đại quy mô của mình. Nói như vậy là hoàn toàn đúng. Đúng đằng sau toàn bộ chủ nghĩa quân phiệt châu Âu là chủ nghĩa quân phiệt Nga. Trong thời kỳ chiến tranh năm 1859, quân đội Nga là đội hậu bị cho nước Pháp, còn trong những năm 1866 và 1870 lại là đội hậu bị cho Phổ, mỗi lần như vậy quân đội Nga đều đã tạo điều kiện thuận lợi cho cường quốc quân sự mạnh hơn đập tan địch thủ đơn độc lẻ loi của mình. Nước Phổ, với tư cách là một cường quốc quân sự hàng đầu của châu Âu, là do bàn tay của Nga trực tiếp tạo thành, mặc dù về sau này, nó đã vượt lên trên kẻ bảo hộ của nó một cách chẳng thú vị gì.

Bức thư kêu gọi viết tiếp:

Do vị trí địa lý của mình và do thái độ của mình sẵn sàng bất cứ lúc nào cũng đứng lên bảo vệ lợi ích của loài người. Ba Lan trước kia và sau này luôn luôn sẽ là người đầu tiên bảo vệ luật pháp, nền văn minh và tiến bộ xã hội trong cả vùng đông bắc châu Âu, Ba Lan đã chứng minh một cách không thể bác bỏ được điều đó bằng sự phản kháng hàng thế kỷ nay của mình, một mặt, chống ách áp bức của những người dã man phương Đông, mặt khác, chống cái toà án tôn giáo hồi bấy giờ hầu như đã đè nén cả phương Tây.

Vậy thì nhờ cái gì mà các dân tộc Tây Âu, trong giai đoạn quyết định của thời đại mới, đã có thể phát triển thuận lợi những sức sống xã hội của mình? Chỉ nhờ ở những biên giới miền Đông châu Âu có người lính Ba Lan đứng gác, luôn luôn đề cao cảnh giác, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, không hề bao giờ do dự hy sinh sức khỏe, tài sản, tính mạng của mình. Sở dĩ cuộc sống của châu Âu được thức tỉnh một lần nữa trong thế kỷ XVI đã có thể phát triển về mặt nghệ thuật và khoa học, sở dĩ thương nghiệp, công nghiệp và của cải có thể đạt tới một đỉnh cao đáng kinh ngạc như hiện nay, đó là nhờ sự bảo vệ của vũ khí Ba Lan. Chẳng hạn, giá như Ba Lan không giúp đỡ Trung Âu chống người Thổ Nhĩ Kỳ, mặc dù bản thân mình đang bị bọn giặc Mông Cổ uy hiếp ở hậu phương, và không lấy thắng lợi huy hoàng dưới chân thành Viên đập nát thế lực hùng mạnh của người Ô-xman thì cái di sản của nền văn minh mà công sức hai trăm năm nay đã mang lại cho phương Tây sẽ ra sao?"

Sau đó, bức thư chỉ ra rằng hiện nay sự chống cự của Ba Lan đang là trở ngại chủ yếu ngăn cản Nga đưa lực lượng của mình ra chống phương Tây, chính nhờ sự chống cự đó mà những kẻ đồng minh nguy hiểm nhất của Nga, những tên tay sai theo chủ nghĩa đại Xla-vơ của Nga, mới bị tước vũ khí. Một sử gia nổi tiếng của Nga, Pô-gô-đin, trong một tác phẩm được xuất bản theo mệnh lệnh và bằng tiền của Chính phủ Nga, viết rằng Ba Lan xưa nay vốn là con sâu gặm nhấm Nga từ bên trong, bây giờ phải trở thành cánh tay phải của Nga, muốn thế cần phải khôi phục Ba Lan dưới hình thức một vương quốc nhỏ yếu do một công tước nào đó của Nga cai quản, - như vậy mới dễ dàng hơn trong việc lôi kéo người Xla-vơ đang sống ở Thổ Nhĩ Kỳ và Áo về phía mình.

"Chúng ta sẽ tuyên bố điều đó bằng một bản tuyên ngôn đặc biệt; nước Anh và nước Pháp sẽ phải ngậm miệng làm thính, còn đối với Áo thì đó là một đòn chí tử... Tất cả những người Ba Lan, ngay cả những người không điều hoà nhất, cũng sẽ lao vào lòng chúng ta; người Ba Lan ở Áo và Phổ sẽ liên kết với những người anh em của mình. Tất cả những bộ tộc Xla-vơ hiện đang bị nước Áo áp bức, người Séc, người Crô-a-xi, người Hung" (!) "cho đến người Xla-vơ ở Thổ Nhĩ Kỳ, đều sẽ tha thiết chờ mong cái giờ phút mà họ có thể thở một cách tự do, như là người Ba Lan đến lúc bấy giờ.

Chúng ta sẽ là một dân tộc đông hàng trăm triệu dưới một vương quyền thống nhất, và khi đó, hỏi các dân tộc châu Âu, các người hãy đến, hãy thử độ sức với chúng ta xem!"<sup>429</sup>.

Tiếc thay, trong cái kế hoạch tuyệt diệu đó, thiếu mất một điều chủ yếu: sự đồng ý của Ba Lan. Nhưng

"đối với tất cả những lời dụ dỗ đó, như cả thế giới đều biết, Ba Lan đã đáp lại: nếu như nói chúng tôi sẽ sống thì tôi muốn sống và phải sống với tư cách là một dân tộc tự do trong số các dân tộc tự do của châu Âu, chứ không phải là công cụ của những mưu đồ chinh phục thế giới của một hoàng đế nước ngoài".

Tiếp đó, lời kêu gọi đã trình bày rằng Ba Lan đã thực hiện trên thực tế cái quyết định không gì lay chuyển nổi ấy của mình như thế nào. Trong giờ phút nguy ngập tới sự sống còn của mình, chính vào lúc cách mạng Pháp bùng nổ, Ba Lan đã bị cuộc chia cắt đầu tiên làm cho tan tác và bị phân chia bởi bốn quốc gia. Tuy vậy, bằng bản hiến pháp ngày 3 tháng Năm 1791 nó vẫn đứng cảm giương lá cờ của cách mạng Pháp trên bờ sông Vi-xla - một hành vi đã làm cho bản thân nó cao hơn các nước láng giềng của nó rất nhiều. Trật tự cũ của Ba Lan vì thế mà đã bị xoá bỏ; trải qua mấy chục năm phát triển bình ổn, không bị bên ngoài phá hoại, Ba Lan sẽ trở thành một nước tiên tiến nhất và hùng mạnh nhất phía Đông sông Ranh. Nhưng những cường quốc đã tham gia vào việc phân chia Ba Lan không hài lòng về việc Ba Lan lại vươn lên một lần nữa, và càng không hài lòng về việc Ba Lan vươn lên do kết quả của việc cách mạng đã xâm nhập vào vùng đông bắc châu Âu. Số phận của Ba Lan đã được quyết định: người Nga đã giành được ở Ba Lan cái mà người Phổ, người Áo và quân đội đế chế đã phí công tìm kiếm ở Pháp.

"Cò-xki-u-xô đồng thời vừa đấu tranh cho nền độc lập của Ba Lan, vừa đấu tranh cho nguyên tắc bình đẳng. Ai cũng biết rằng kể từ khi mất nền độc lập dân tộc của mình và mặc dù bị mất mát như vậy, Ba Lan, nhờ có lòng yêu nước và có tinh thần đoàn kết với tất cả các dân tộc đấu tranh cho lợi ích của loài người, nên lúc nào

và ở đâu cũng vẫn là người chiến sĩ tiên phong đấu tranh bảo vệ luật pháp bị xâm phạm, tham gia vào tất cả mọi cuộc chiến đấu chống cường bạo. Ba Lan không nhụt chí trước những tai hoạ của chính bản thân mình, không dao động trước sự mù quáng và ác ý của các chính phủ châu Âu, Ba Lan không một giây phút nào vi phạm những nghĩa vụ mà chính bản thân nó, lịch sử và sự quan tâm đến tương lai, đã đặt lên vai nó".

Nhưng đồng thời, nó cũng vạch ra những nguyên tắc tổ chức mà tương lai ấy, tức nước Cộng hoà Ba Lan mới, sẽ phải tuân theo; những nguyên tắc đó đã được trình bày trong các tuyên ngôn năm 1836, năm 1845 và năm 1863<sup>430</sup>.

"Tuyên ngôn đầu tiên trong những tuyên ngôn ấy, ngoài việc tuyên bố quyền dân tộc không thể lay chuyển của Ba Lan, cũng có tuyên bố cả *Quyền bình đẳng của nông dân*. Bản tuyên ngôn năm 1845 được công bố trên lãnh thổ Ba Lan, tại thành phố Cra-cốp còn tự do hồi bấy giờ, và được những đại biểu của tất cả các vùng trên đất Ba Lan xác nhận, chẳng những tuyên bố quyền bình đẳng ấy, mà còn tuyên bố *nguyên tắc nông dân phải trở thành người sở hữu ruộng đất* mà họ cày cấy từ bao đời nay. - Trong phần đất Ba Lan bị người Nga xâm chiếm, địa chủ dựa vào những bản tuyên ngôn nói trên, coi đó là cơ sở của quyền dân tộc Ba Lan, đã quyết định, rất lâu trước khi hoàng đế công bố cái gọi là tuyên ngôn giải phóng, là sẽ tự nguyện và thoả thuận với nông dân để giải quyết thoả đáng vấn đề nội bộ ấy, một vấn đề đã đè nặng lên lương tâm của họ (1859-1863). Vấn đề ruộng đất Ba Lan, về nguyên tắc đã được hiến pháp ngày 3 tháng Năm 1791 giải quyết; nhưng nếu như nông dân Ba Lan vẫn còn bị áp bức thì đó chỉ là do lỗi của chế độ chuyên chế và của *chủ nghĩa Ma-ki-a-ve-li* của Nga hoàng, một kẻ đã xây dựng quyền thống trị của mình trên sự thù địch giữa địa chủ và nông dân. Vấn đề đó đã được giải quyết rất lâu trước khi công bố bản tuyên ngôn của Nga hoàng ngày 19 tháng Hai 1861, còn bản thân tuyên ngôn đó đã được cả châu Âu nhiệt liệt hoan nghênh, tựa hồ như một bản tuyên ngôn xác lập quyền bình đẳng của nông dân, thì chẳng qua chỉ là để che đậy một trong những mưu đồ không ngừng diễn đi diễn lại của Nga hoàng là muốn chiếm đoạt tài sản của người khác. Nông dân Ba Lan vẫn bị áp bức như cũ, nhưng... *Nga hoàng đã trở thành người sở hữu ruộng đất!* Để trừng phạt cuộc khởi nghĩa đẫm máu do Ba Lan tiến hành vào năm 1863 chống hành động dã man thâm hiểm của những kẻ áp

bức mình, thì Ba Lan phải chịu những vụ đàn áp tàn khốc mà ngay cả chế độ bạo chúa của những thế kỷ trước cũng phải rùng mình.

Những ách áp bức tàn bạo của Nga hoàng đã đè nặng lên Ba Lan cả một thế kỷ nay, cũng như thái độ thờ ơ của châu Âu đều không thể bóp chết Ba Lan. Chúng ta đã sống và chúng ta sẽ sống vì chúng ta dựa vào ý chí của bản thân chúng ta, vào sức mạnh của bản thân chúng ta và vào sự phát triển xã hội và chính trị của bản thân chúng ta, một sự phát triển đang làm cho chúng ta vượt lên trên những kẻ áp bức chúng ta, bởi vì sự tồn tại của những kẻ áp bức này, từ đầu đến cuối, đều dựa vào bạo lực, nhà tù và giá treo cổ, những đòn bẩy chủ yếu của chính sách đối ngoại của chúng - đó là những âm mưu bí mật, những cuộc tập kích phản trắc và cuối cùng là sự xâm lược bằng bạo lực".

Mấy đoạn trích dẫn ở trên cũng đủ để làm sáng tỏ bức thư kêu gọi đó, bây giờ chúng ta hãy tạm gác bức thư ấy lại để bổ sung vào đó một số ý kiến về tầm quan trọng của vấn đề Ba Lan đối với công nhân Đức.

Dù cho nước Nga, kể từ thời Pi-ốt Đại đế đến nay, đã phát triển như thế nào, dù thế lực của nó ở châu Âu đã tăng lên ra sao (vua Phổ, Phri-đrich II, đã góp phần không nhỏ vào sự kiện ấy, và cũng hiểu rất rõ rằng mình đang làm gì), nhưng trước khi chiếm Ba Lan thì nước Nga, về thực chất, cũng giống như Thổ Nhĩ Kỳ chẳng hạn, vẫn là một cường quốc ở ngoài châu Âu. Năm 1772, Ba Lan bị chia cắt lần đầu tiên; năm 1779, nước Nga đã yêu cầu và đã nhận được<sup>1\*</sup>, căn cứ theo hoà ước Tê-sen, quyền chính thức can thiệp vào công việc nước Đức<sup>431</sup>. Việc đó lẽ ra phải là một bài học cho các ông vua ở các bang nước Đức; nhưng tuy vậy, Phri-đrich Vin-hem II, Hô-hen-txô-léc duy nhất ấy, kẻ thật sự chống đối chính sách Nga, và Phran-xtơ II vẫn tán thành thủ tiêu hoàn toàn Ba Lan. Hơn thế nữa, sau những cuộc chiến tranh Na-pô-lê-ông, nước Nga đã chiếm phần lớn những tỉnh Ba

1\* Những từ "đã nhận được" là do Ăng-ghe-nhêm thêm vào trong lần xuất bản năm 1894.

Lan trước kia thuộc Phổ và Áo bây giờ lại công nhiên đứng ra làm trọng tài của châu Âu; nước Nga đã liên tục đóng vai trò ấy cho đến năm 1853. Phổ cảm thấy rất hãnh diện về sự quy lụy của mình trước nước Nga; Áo thì đi theo nước Nga một cách miễn cưỡng, nhưng trong giờ phút quyết định nó luôn luôn nhượng bộ vì sợ cách mạng, vì Nga hoàng trước sau vẫn là chỗ dựa cuối cùng chống lại cách mạng. Thế là nước Nga đã trở thành thành trì của thế lực phản động châu Âu, đồng thời cũng chẳng từ bỏ sở thích lợi dụng những vụ kích động của những phần tử Đại Xla-vơ để chuẩn bị xâm chiếm một bước nữa ở Áo và ở Thổ Nhĩ Kỳ. Trong những năm cách mạng, việc quân đội Nga đàn áp Hung-ga-ri là một sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với vùng Đông Âu và Trung Âu, cũng giống như trận chiến đấu tháng Sáu ở Pa-ri đã là một sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với Tây Âu; và sau đó khi ở Vác-sa-va, hoàng đế Ni-cô-lai đóng vai trò người trọng tài giữa quốc vương Phổ và hoàng đế Áo, thì ở châu Âu sự thống trị của thế lực phản động cũng được thiết lập cùng với sự thống trị của nước Nga. Cuộc chiến tranh Crưm đã làm cho Tây Âu và Áo không còn bị Nga hoàng khinh rẻ nữa; Phổ và các tiểu bang ở Đức lại càng sốt sắng quy lụy trước Nga hoàng; những năm 1859, Nga hoàng đã trừng phạt người Áo vì họ không nghe lời; tìm cách làm cho các chư hầu Đức của ông không bênh vực họ, và năm 1866 thì Phổ hoàn thành việc trừng phạt Áo. Ở trên, chúng ta đã thấy rằng quân đội Nga trở thành cái cốt lõi và đội hậu bị của toàn bộ chủ nghĩa quân phiệt Âu châu. Chỉ vì Ni-cô-lai, trông cậy vào hàng triệu quân lính của mình, - thực ra phần lớn chỉ là trên giấy, - năm 1853 đã thách thức phương Tây, cho nên Lu-i Na-pô-lê-ông mới có thể lợi dụng cuộc chiến tranh Crưm làm cái cớ để làm cho quân đội Pháp, lúc bấy giờ còn khá yếu, trở thành một đội quân mạnh nhất châu Âu. Chỉ vì năm 1870 quân đội Nga đã ngăn trở nước Áo đứng về phía nước Pháp, nên Phổ mới có thể chiến thắng được Pháp và hoàn thành việc thiết lập một nền quân chủ quân sự Đức - Phổ. Sau

hậu trường của tất cả những sự kiện nhà nước trọng đại ấy, chúng ta thấy quân đội Nga. Mặc dù không còn nghi ngờ gì cả - miễn là sự phát triển nội bộ của nước Nga không nhanh chóng bước vào quỹ đạo cách mạng, - thắng lợi của Đức đối với Pháp tất sẽ dẫn đến cuộc chiến tranh giữa Nga và Đức, cũng giống như thắng lợi của Phổ đối với Áo tại Xa-đô-va đã dẫn đến cuộc chiến tranh Đức - Pháp<sup>1\*</sup>, - nhưng quân đội Nga sẽ luôn luôn giúp Phổ chống mọi phong trào trong nước. Nước Nga quan phương cho đến nay vẫn là thành trì và vật che chở cho toàn bộ thế lực phản động châu Âu, quân đội Nga cũng vẫn là đội hậu bị của tất cả những đội quân còn lại đi đàn áp giai cấp công nhân ở châu Âu.

Mũi nhọn của đội quân hậu bị to lớn chuyên đi áp bức ấy trước hết chĩa vào công nhân Đức, trong đó bao gồm cả công nhân ở cái gọi là Đế chế Đức, lẫn công nhân ở Áo. Chừng nào nước Nga còn đứng về phía giai cấp tư sản và các Chính phủ Áo và Đức, thì chừng đó toàn bộ phong trào công nhân Đức vẫn còn bị bó tay. Vì vậy, chúng ta quan tâm hơn ai hết đến việc làm thế nào để thoát khỏi thế lực phản động Nga và quân đội Nga.

Về phương diện ấy, chúng ta chỉ có một bạn đồng minh đáng tin cậy, mà lại là đáng tin cậy trong mọi trường hợp: *nhân dân Ba Lan*.

Do toàn bộ sự phát triển lịch sử của mình và tình hình hiện nay của mình mà Ba Lan - ở một mức độ lớn hơn rất nhiều so với nước Pháp - phải đứng trước một sự lựa chọn: cách mạng hay là diệt vong. Bởi vậy, mọi câu chuyện nhằm nhĩ về tính chất chủ yếu quý tộc của phong trào Ba Lan đều tự nó mất hết ý nghĩa. Trong đám người lưu vong Ba Lan, người ta có thể thấy

1\* Điều này đã nói trong lời kêu gọi thứ hai của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ (công bố ngày 9 tháng Chín 1870)<sup>432</sup>.

không ít những kẻ có dáng dấp quý tộc; nhưng chỉ cần bản thân Ba Lan đi vào phong trào là nó trở thành cách mạng hoàn toàn, như chúng ta đã thấy trong những năm 1846 và 1863. Những phong trào này không phải chỉ là phong trào dân tộc, mà đồng thời còn trực tiếp nhằm giải phóng nông dân và đem lại quyền sở hữu ruộng đất cho nông dân. Năm 1871, đông đảo những người lưu vong Ba Lan ở Pháp đã hành động theo chỉ thị của Công xã; lẽ nào đó là hành vi quý tộc? Điều đó há chẳng chứng minh rằng những người Ba Lan ấy đã hoàn toàn đứng ngang tầm với phong trào hiện nay, đó sao? Kể từ khi Bít-xmác tiến hành cuộc đấu tranh văn hoá ở Pô-dơ-nan<sup>1\*</sup> và tuồng như làm như thế để gây khó chịu cho giáo hoàng, cấm chỉ các sách giáo khoa Ba Lan, gạt bỏ tiếng Ba Lan<sup>433</sup> và cố đem hết sức lực ra đẩy người Ba Lan vào lòng nước Nga, - điều gì đang xảy ra? Quý tộc Ba Lan ngày càng xích gần với nước Nga để thống nhất Ba Lan dù là dưới sự thống trị của nước Nga; quần chúng cách mạng đáp lại bằng đề nghị liên minh với đảng công nhân Đức và chiến đấu trong hàng ngũ của Quốc tế.

Không thể bóp chết Ba Lan được đâu, điều đó đã được nó chứng minh năm 1863 và hiện đang chứng minh hàng ngày. Quyền tồn tại độc lập của nó trong gia đình các dân tộc châu Âu là điều không thể bác bỏ. Việc khôi phục Ba Lan là điều cần thiết, đặc biệt là đối với hai dân tộc : đối với người Đức và đối với bản thân người Nga.

Một dân tộc đi áp bức dân tộc khác thì không thể có tự do. Lực lượng mà dân tộc đó dùng để áp bức dân tộc khác, cuối cùng bao giờ cũng quay lại chống bản thân dân tộc đó. Chừng nào người lính Nga còn xâm chiếm Ba Lan, thì nhân dân Nga chưa thể giành được sự giải phóng về chính trị, cũng như về xã hội. Nhưng với trình độ phát triển hiện nay của nước Nga, có một

1\* Trong lần xuất bản năm 1894 thay cho những chữ "ở Pô-dơ-nan là những chữ "ở Ba Lan".

điều không thể nghi ngờ là một khi nước Nga mất Ba Lan thì phong trào trong nước Nga sẽ vững mạnh đến mức có thể lật đổ được trật tự hiện hành. Nên độc lập của Ba Lan và cách mạng ở nước Nga là điều kiện quyết định lẫn cho nhau. Nhưng đối với công nhân Đức thì nên độc lập của Ba Lan và cách mạng ở nước Nga - trong tình trạng vô cùng suy sụp về mặt xã hội, chính trị và tài chính và trong tình trạng nạn mua chuộc, đút lót làm mục nát toàn bộ nước Nga quan phương, cuộc cách mạng đó lại càng đến gần hơn nhiều so với người ta tưởng lúc mới thoát nhìn - có nghĩa là giai cấp tư sản và Chính phủ Đức, nói tóm lại là thế lực phản động Đức, chỉ có thể dựa vào lực lượng của bản thân chúng mà thôi, và với thời gian, chúng ta sẽ có đủ sức để thắng được lực lượng này.

## II CƯƠNG LĨNH CỦA NHỮNG THÀNH VIÊN CÔNG XÃ LƯU VONG THUỘC PHÁI BLĂNG-KI<sup>434</sup>

Sau thất bại của mọi cuộc cách mạng hoặc phản cách mạng thì đám người lưu vong chạy ra nước ngoài thường hoạt động cuồng nhiệt. Các nhóm đảng phái đủ mọi màu sắc được thành lập, nhóm này chê trách những nhóm kia làm đổ vỡ công việc, lên án lẫn nhau là phản bội, là phạm mọi thứ tội lỗi đáng chết khác. Đồng thời, họ vẫn liên hệ chặt chẽ với tổ quốc, họ tổ chức và tiến hành hoạt động bí mật, in truyền đơn và báo chí, thể rằng sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ sự nghiệp sẽ "bắt đầu" trở lại, rằng thắng lợi đã được đảm bảo, cho nên để liệu trước tình hình đó, họ đã phân chia sẵn những chức vụ trong chính phủ sau này. Lẽ dĩ nhiên là họ đi từ thất vọng này đến thất vọng khác, và vì họ không gán điều đó với những điều kiện lịch sử tất yếu mà họ không muốn hiểu, cứ đổ tại sai lầm ngẫu nhiên của một số cá nhân riêng biệt, cho nên những lời kết tội lẫn nhau ngày càng chồng chất, rút cuộc đi đến một sự bất hoà chung. Đó là lịch sử của tất cả những đám người lưu vong, bắt đầu từ đám người bảo hoàng lưu vong năm 1792 cho đến ngày nay; trong số người lưu vong, những người còn biết suy nghĩ và biết lẽ phải, đều cố sức tránh xa những chuyện cãi vã vô ích mỗi khi có khả năng làm việc đó một cách tế nhị, và bắt tay vào làm một việc gì đó có ích hơn.

Đám người Pháp lưu vong sau khi Công xã thất bại cũng không thoát khỏi số phận tất nhiên ấy.

Do chiến dịch vu khống chĩa mũi nhọn vào tất cả những người lưu vong, tại khắp châu Âu, đặc biệt là tại Luân Đôn - vì ở Luân Đôn có Tổng Hội đồng Quốc tế mà toàn thể người Pháp lưu vong đều coi đó là trung tâm chung - cho nên có một thời gian nào đấy, họ đã buộc phải kiềm chế những chuyện cãi lộn nội bộ của mình ít ra là đối với thế giới bên ngoài, nhưng hai năm gần đây, họ không còn cách nào che giấu mãi quá trình phân hoá ngày càng nhanh trong nội bộ của mình. Đâu đâu cũng nổ ra sự đối địch công khai. Ở Thụy Sĩ, một bộ phận những người lưu vong - chủ yếu chịu ảnh hưởng của Ma-lông, một trong những người sáng lập ra Liên minh bí mật, - đã gia nhập phái Ba-cu-nin. Rồi tại Luân Đôn, cái gọi là những người theo phái Bălăng-ki cũng ra khỏi Quốc tế và lập thành một nhóm riêng lấy tên là "Công xã cách mạng". Sau đó còn xuất hiện nhiều nhóm khác, song những nhóm này đều ở vào tình trạng không ngừng thay đổi và cải tổ, và cũng chẳng đề ra được cái gì ra hồn cả ngay cả trong các tuyên ngôn; ấy thế mà những người theo phái Bălăng-ki lại vừa mới cho cả thế giới biết cương lĩnh của mình<sup>435</sup> trong một tuyên ngôn gửi "Communeux"<sup>1\*</sup>.

Họ được gọi là những người theo phái Bălăng-ki, điều đó tuyệt nhiên không phải là vì họ là một nhóm do chính bản thân Bălăng-ki lập ra - trong số ba mươi ba người ký tên vào cương lĩnh, có lẽ chỉ có vài ba người đã có dịp nói chuyện với Bălăng-ki thôi - mà vì họ muốn hành động theo tinh thần và theo truyền thống của Bălăng-ki. Bălăng-ki chủ yếu là một nhà cách mạng chính trị; ông chỉ là một người xã hội chủ nghĩa về mặt tình cảm, do thông cảm với những đau khổ của nhân dân, nhưng ông không có lý luận xã hội chủ nghĩa, cũng không có những kiến nghị thực tiễn rõ rệt nhằm cải tạo xã hội. Trong hoạt động chính trị của mình,

1\* - "Các chiến sĩ Công xã".

ông chủ yếu là một "con người hành động", tin tưởng rằng một số ít người, được tổ chức tốt, gặp thời cơ thích hợp nếu thử tiến hành một cuộc chính biến cách mạng, thì có thể dựa vào một số thắng lợi ban đầu, mà lôi cuốn quần chúng nhân dân theo mình và do đó thực hiện được một cuộc cách mạng thắng lợi. Dưới thời Lu-i-Phi-líp, dĩ nhiên là ông chỉ có thể tổ chức được hạt nhân đó dưới hình thức một hội kín, và tình hình đã diễn ra trong trường hợp này cũng là tình hình thường diễn ra trong phần lớn những vụ âm mưu: người ta cảm thấy chán ngán vì phải tự kìm mình mãi và vì những lời hứa suông và sắp khởi sự đến nơi rồi, cuối cùng không còn chịu đựng được nữa, người ta bắt đầu nổi dậy; khi đó buộc phải lựa chọn một trong hai cách: hoặc là để cho âm mưu tự tiêu tan, hoặc là bắt đầu khởi nghĩa mà không cần lý do bên ngoài nào cả. Cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ (ngày 12 tháng Năm 1839) và lập tức bị đàn áp. Tuy vậy, vụ âm mưu này của Bălăng-ki là một vụ âm mưu duy nhất mà cảnh sát không thể nào dò xét được; đối với cảnh sát đó là một đòn sét đánh giữa ban ngày. - Từ chỗ Bălăng-ki hình dung mọi cuộc cách mạng đều là một cuộc chính biến do một số ít nhà cách mạng tiến hành, nên dĩ nhiên là tất yếu phải thực hành chuyên chính sau khi khởi nghĩa thành công, rõ ràng đây không phải là chuyên chính của toàn bộ giai cấp cách mạng, của giai cấp vô sản, mà là chuyên chính của một số ít người đã tiến hành cuộc chính biến, và bản thân số người này, đến lượt mình, lại phải phục tùng ngay từ trước sự chuyên chính của một người hoặc của một số người.

Như vậy, Bălăng-ki là một nhà cách mạng của thế hệ trước.

Những quan niệm như vậy về tiến trình của những sự biến cách mạng, ít ra đối với đảng Công nhân Đức, cũng đã lỗi thời từ lâu rồi, vả lại, ở nước Pháp, những quan niệm ấy chỉ được sự ủng hộ của những công nhân kém già dặn hơn hoặc có đầu óc nóng vội hơn thôi. Chúng ta cũng sẽ thấy, ngay trong bản cương lĩnh nói trên, những quan niệm như vậy cũng đã có những hạn chế



nhất định. Tuy nhiên, nguyên tắc mà những phần tử Blăng-ki của chúng ta ở Luân Đôn dùng làm cơ sở vẫn là: cách mạng, nói chung, không phải tự nó nảy sinh ra, mà là do người ta làm ra; cách mạng là do một thiểu số tương đối ít người thực hiện căn cứ theo kế hoạch đã được vạch ra từ trước; và cuối cùng, trong bất cứ lúc nào cũng có thể "sắp bắt đầu đến nơi".

Những kẻ tuân theo những nguyên tắc như vậy thì tất nhiên phải trở thành nạn nhân vô vọng của mọi sự tự lừa dối trong cảnh lưu vong và sẽ mắc phải hết điều ngu xuẩn này đến điều ngu xuẩn khác. Họ hết sức mong muốn đóng vai Blăng-ki, đóng vai những "con người hành động". Nhưng ở đây, chỉ có ý muốn tốt lành không thôi thì không đủ; không phải bất cứ ai cũng có bản năng cách mạng của Blăng-ki, tính quyết đoán nhanh chóng của ông, và dù Hăm-lét cứ nói mãi đến nghị lực bao nhiêu lần đi nữa thì anh ta bao giờ cũng vẫn là Hăm-lét. Và khi mà ba mươi ba con người hành động của chúng ta không hề có gì để làm trong lĩnh vực mà họ gọi là hành động thì ba mươi ba anh chàng Bru-tút của chúng ta rơi vào một tình trạng tự mâu thuẫn với mình, một tình trạng mâu thuẫn có tính hài kịch hơn là bi kịch, một tình trạng mâu thuẫn hoàn toàn không phải có tính bi kịch nhiều hơn nhờ họ đi đi lại lại với vẻ mặt ảm đạm, giống như mỗi người trong bọn họ đều là "Mô-rô-xơ giấu trong người một con dao găm", điều mà thậm chí họ cũng chẳng nghĩ đến. Họ có thể làm cái gì? Họ đang chuẩn bị một vụ "bùng nổ" sắp tới, lập sẵn một cuốn sổ đen để làm trong sạch (épurer) hàng ngũ của những người đã tham gia Công xã: vì vậy, những người lưu vong khác gọi họ là *những người trong sạch* (les purs). Tôi chẳng biết bản thân họ có nhận danh hiệu ấy hay không, nhưng một số người trong bọn họ thì hẳn là rất không xứng đáng với danh hiệu đó. Hội nghị của họ họp kín, nghị quyết cũng phải được giữ bí mật, song không vì thế mà ngay sáng hôm sau, toàn bộ khu trú ngụ của người Pháp lại không bàn tán về những nghị

quyết ấy. Cũng giống như điều thường xảy ra với những con người hành động nghiêm chỉnh đó ở những nơi họ không có việc gì để làm, họ xông vào một cuộc luận chiến trước hết có tính chất cá nhân, sau đó có tính chất văn đàn, với một đối thủ xứng đáng, một trong những người đáng nghi nhất của một tờ báo nhỏ của Pa-ri, với một ông Véc-méc-sơ có tiếng tăm mà trong thời kỳ Công xã đã xuất bản tờ "Père Duchêne", một sự biếm họa đáng thương của tờ báo của Hê-be năm 1793<sup>436</sup>. Để đáp lại sự phẫn nộ có tính chất đạo đức của họ, con người cao quý này, trong một bài văn đả kích, đã gọi tất cả bọn họ là "những tên du đảng hoặc là đồng lõa của bọn du đảng", trút lên đầu họ hàng tràng những lời chửi rủa đê tiện hiểm cớ:

"Mỗi lời là một cái bô tiểu tiện ban đêm, mà lại không phải là cái bô trống rỗng"<sup>1\*</sup>.

Thế mà ba mươi ba anh chàng Bru-tút của chúng ta lại thấy là cần phải vật lộn với một đối thủ như vậy trước mắt công chúng!

Điều mà trên thực tế người ta không thể nào nghi ngờ, đó là sau cuộc chiến tranh kiệt quệ, sau nạn đói ở Pa-ri và đặc biệt là sau những ngày đẫm máu khủng khiếp trong tháng Năm 1871, giai cấp vô sản Pa-ri cần có một thời kỳ yên tĩnh lâu dài để lấy lại sức lực, và mọi mưu đồ khởi nghĩa quá sớm chỉ có thể dẫn đến một sự thất bại mới, có thể còn thảm hại hơn. Những phần tử Blăng-ki của chúng ta lại có ý kiến khác.

Theo quan điểm của họ thì sự tan rã của phái đa số quân chủ ở Véc-xây báo trước:

"sự sụp đổ của Véc-xây, sự phục thù cho Công xã. Bởi vì chúng ta đang đến gần một trong những giờ phút lịch sử vĩ đại, đến gần một trong những cuộc khủng hoảng vĩ đại, trong đó nhân dân, hình như đang bị diệt vong vì tình cảnh khốn cùng của mình và đang phải đi vào con đường chết, lại bắt đầu bước tiến cách mạng của mình với một sức mạnh mới".

1\* Hai-nơ. "Cuộc tranh luận".

Thế là lại khởi sự, và hơn nữa khởi sự ngay lập tức. Hy vọng về "sự phục thù cho Công xã" ngay tức khắc ấy không chỉ là ảo tưởng của những người lưu vong; đó là niềm tin cần thiết của những người vốn định ninh rằng họ phải là "những con người hành động" vào cái lúc mà họ hoàn toàn chẳng có gì để làm theo cách hiểu của họ, nghĩa là theo cách hiểu là làm khởi nghĩa cách mạng.

Bài ca cũ rích. Vì đã khởi sự rồi, nên họ cảm thấy rằng "đã đến lúc hết thấy những người lưu vong, hễ ai còn giữ được sức sống, đều phải xác định lập trường của mình".

Đồng thời, ba mươi ba người ấy tuyên bố với chúng ta rằng họ là 1) những người vô thần, 2) những người cộng sản, 3) những người cách mạng.

Những phần tử Blăng-khi của chúng ta có một điểm giống với những phần tử Ba-cu-nin là ở chỗ họ tự coi họ là những đại biểu của khuynh hướng cực đoan nhất, tiến xa nhất. Vì vậy, nhân tiện đây xin nói thêm, mặc dù mục đích của họ hoàn toàn trái ngược với phái Ba-cu-nin, nhưng những thủ đoạn của họ thường vẫn giống với những thủ đoạn của phái Ba-cu-nin. Vậy vấn đề là làm thế nào để tỏ ra rằng về mặt chủ nghĩa vô thần thì mình là cấp tiến hơn tất cả. Trong thời đại chúng ta, làm người vô thần, may thay, chẳng có gì là khó. Trong các đảng công nhân châu Âu, chủ nghĩa vô thần hầu như đã thành một cái gì hiển nhiên, mặc dù ở một số nước, chủ nghĩa này thường hay mang một tính chất giống như tính chất của chủ nghĩa vô thần của một phần tử thuộc phái Ba-cu-nin ở Tây Ban Nha, là kẻ đã tuyên bố: tin vào thần thánh là mâu thuẫn với mọi chủ nghĩa xã hội, nhưng tin vào đức bà Ma-ri-a thì đó hoàn toàn là một việc khác, mỗi người xã hội chủ nghĩa đứng đắn đều phải tin vào Đức bà. Còn đối với đại đa số<sup>1\*</sup> công nhân dân chủ - xã hội Đức thì thậm

<sup>1\*</sup> Những từ "đại đa số" là do Ăng-ghen bổ sung thêm trong lần xuất bản năm 1894.

chí có thể nói rằng chủ nghĩa vô thần là giai đoạn đã qua; cái tên gọi có tính chất phủ định thuần túy ấy không còn thích dụng với họ nữa, vì họ phản đối việc tin vào thần thánh không phải chỉ về mặt lý luận, mà cả về mặt thực tiễn; họ *đơn giản đã đoạn tuyệt với thần thánh*, họ sống và suy nghĩ trong thế giới hiện thực và do đó họ là người duy vật chủ nghĩa. Ở Pháp, tình hình đại để cũng như thế. Nếu chưa được như vậy, thì biện pháp giản đơn nhất là truyền bá trong công nhân những sách báo duy vật chủ nghĩa tuyệt vời của Pháp của thế kỷ trước, những sách báo mà cho đến nay, cả về hình thức lẫn nội dung, đều là thành tựu cao nhất của tinh thần Pháp, những sách báo ấy, nếu xét về trình độ khoa học lúc bấy giờ, thì hiện giờ vẫn còn có giá trị vô cùng cao về mặt nội dung, và vẫn là một mẫu mực chưa bao giờ có thể với tới được về mặt hình thức. Nhưng điều đó lại không hợp với khẩu vị của những phần tử Blăng-ki của chúng ta. Để chứng minh rằng họ cấp tiến hơn tất cả, thế là cũng như năm 1793, họ xoá bỏ thần thánh bằng sắc lệnh:

"Công xã hãy làm cho loài người vĩnh viễn thoát khỏi cái bóng ma của những tai họa đã qua ấy" (thoát khỏi thần thánh). "thoát khỏi cái nguyên nhân ấy của những tai họa hiện nay của loài người" (thần thánh không tồn tại mà lại là nguyên nhân!). "Trong Công xã không có chỗ đứng cho thầy tu: mọi sự tuyên truyền tôn giáo, mọi tổ chức tôn giáo đều phải bị cấm".

Và cái yêu cầu biến người ta thành những người vô thần par ordre du mufti<sup>1\*</sup> được hai vị uỷ viên của Công xã ký tên, các vị này chắc chắn sẽ có dịp hiểu rõ rằng, một là, trên giấy tờ có thể viết bao nhiêu sắc lệnh cũng được, nhưng như vậy tuyệt nhiên không bảo đảm việc thi hành những sắc lệnh ấy trên thực tế; hai là, bức hại là biện pháp tốt nhất để củng cố những tín điều không đáng mong muốn! Có một điều không nghi ngờ là: trong thời đại chúng ta, việc duy nhất mà còn có thể giúp cho thần thánh, đó là việc tuyên bố rằng chủ nghĩa vô thần là biểu

<sup>1\*</sup> - theo lệnh của đại giáo chủ, theo lệnh trên.

tượng cường chế của niềm tin và vượt hơn hẳn những đạo luật chống giáo hội của Bít-xmác về đấu tranh văn hoá - bằng cách cắm tôn giáo nói chung.

Điểm thứ hai của cương lĩnh là chủ nghĩa cộng sản.

Ở đây chúng ta đã đến một lĩnh vực quen thuộc hơn nhiều, vì con tàu mà người ta đang đi ở đây mang tên là "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", được công bố vào tháng Hai 1848. Ngay từ mùa thu năm 1872, năm phần tử thuộc phái Blăng-ki đã ra khỏi Quốc tế, tuyên bố mình là những người ủng hộ một cương lĩnh xã hội chủ nghĩa giống với cương lĩnh cộng sản chủ nghĩa Đức hiện nay trên tất cả những điểm cơ bản, và chỉ nói lý do việc họ rút ra khỏi Quốc tế là vì Quốc tế từ chối không chơi cái trò cách mạng của 5 vị ấy<sup>437</sup>. Hiện giờ cái hội đồng ba mươi ba người cũng tiếp thu cương lĩnh ấy với toàn bộ quan điểm duy vật về lịch sử của nó, tuy rằng bản dịch cương lĩnh này ra tiếng Pháp của phái Blăng-ki còn phải sửa lại cho tốt hơn ở những chỗ mà nguyên văn bản "Tuyên ngôn" hầu như chưa được diễn đạt thật chính xác, chẳng hạn ở đoạn sau đây:

"Giai cấp tư sản đã xé toang những tấm màn thần bí che đậy sự bóc lột lao động trước kia, sự bóc lột lao động này hiện nay là biểu hiện cuối cùng của mọi hình thức của chế độ nô lệ: chính phủ, tôn giáo, gia đình, luật pháp, những thiết chế của quá khứ cũng như hiện tại cuối cùng đã hiện ra - trong cái xã hội chung quy chỉ là sự đối lập giữa tư bản và công nhân làm thuê. - như là những công cụ áp bức, nhờ đó giai cấp tư sản duy trì nền thống trị của mình và đàn áp giai cấp vô sản".

Hãy so sánh đoạn văn đó với "Tuyên ngôn cộng sản", phần I:

"Tóm lại, giai cấp tư sản đã đem sự bóc lột công khai, vô sỉ, trực tiếp, tàn nhẫn thay cho sự bóc lột được che đậy bằng những ảo tưởng tôn giáo và chính trị. Giai cấp tư sản tước hết hào quang thần thánh của tất cả những loại hình hoạt động xưa nay vẫn được trọng vọng và tôn sùng. Bác sĩ, luật gia, tu sĩ, thi sĩ, bác học đều bị giai cấp tư sản biến thành những người làm thuê ăn

lương của nó. Giai cấp tư sản đã xé toang tấm màn tình cảm cảm động bao phủ những quan hệ gia đình và làm cho những quan hệ ấy chỉ còn là những quan hệ tiền nông đơn thuần" v.v.<sup>438</sup>.

Nhưng ngay khi chúng ta từ tầm cao của lý luận bước xuống lĩnh vực thực tiễn thì đặc điểm nổi bật của ba mươi ba người liên tục lộ ra:

"Chúng ta là những người cộng sản, vì chúng ta muốn đạt tới mục đích của mình, không dừng lại ở những trạm trung gian, không đi vào con đường thoả hiệp, là con đường chỉ làm chậm lại ngày thắng lợi và kéo dài thời kỳ nô lệ".

Những người cộng sản Đức sở dĩ là những người cộng sản, là vì thông qua tất cả những trạm trung gian và những sự thoả hiệp không phải do họ mà do quá trình phát triển lịch sử tạo ra, họ thấy rõ và không ngừng theo đuổi<sup>1\*</sup> mục tiêu cuối cùng: thủ tiêu các giai cấp và thiết lập một chế độ xã hội không còn chế độ tư hữu về ruộng đất và về tất cả các tư liệu sản xuất nữa. Ba mươi ba phần tử phái Blăng-ki sở dĩ là những người cộng sản, là vì họ tưởng rằng chỉ cần họ muốn nhảy qua tất cả những trạm trung gian và những sự thoả hiệp, thì mọi việc đều xong xuôi cả, rằng nếu - họ tin chắc vào điều đó - "khởi sự" vào những ngày ấy và nếu chính quyền rơi vào tay họ thì ngày hôm sau, "chủ nghĩa cộng sản sẽ được thực hiện". Vậy là nếu không làm được như thế ngay tức khắc thì họ không phải là người cộng sản.

Nếu lấy sự nóng vội của mình ra làm luận cứ lý luận thì thật là ngây ngô trẻ con!

Cuối cùng, ba mươi ba người của chúng ta là "những người cách mạng".

Còn về những lời lẽ khoa trương thì mọi người đều biết rằng về mặt này, những người thuộc phái Ba-cu-nin đã đạt tới cái giới

1\* Những từ "không ngừng theo đuổi" là do Ăng-ghe-nơ bổ sung trong lần xuất bản năm 1894.

hạn mà con người có thể đạt tới được; ấy thế mà những người theo phái Blăng-ki này lại cho rằng họ có nhiệm vụ phải trội hơn cả những người theo phái Ba-cu-nin. Nhưng làm cách nào? Ai cũng biết rằng toàn bộ giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa, từ Li-xbon và Niu Oóc đến Bu-đa-pét và Ben-grát, đã lập tức gánh lấy en bloc<sup>1\*</sup> trách nhiệm về những hành động của Công xã Pa-ri. Những phần tử phái Blăng-ki của chúng ta cho rằng như thế vẫn chưa đủ:

"Còn chúng ta, chúng ta đòi hỏi được chịu phần trách nhiệm của chúng ta về những án tử hình" (trong thời kỳ Công xã) "xử những kẻ thù của nhân dân" (nên tính số người bị bắn), "chúng ta đòi hỏi được chịu phần trách nhiệm của mình về những vụ phóng hoả nhằm phá huỷ công cụ áp bức của nền quân chủ hoặc của giai cấp tư sản hoặc nhằm bảo vệ những người đang chiến đấu".

Trong bất kỳ cuộc cách mạng nào, cũng như trong bất kỳ thời gian nào khác, người ta không tránh khỏi làm nhiều điều ngu ngốc; và cuối cùng khi mà người ta lấy lại được bình tĩnh để lại có khả năng phê phán, thì người ta nhất thiết phải đi đến kết luận như sau: ta đã làm nhiều việc mà đáng lẽ không nên làm thì tốt hơn, và ta đã không làm nhiều việc mà lẽ ra nên làm, vì thế công việc mới hỏng.

Song nếu để thần thánh hoá Công xã, mà tuyên bố rằng Công xã không thể có sai lầm, khẳng định rằng mỗi ngôi nhà bị đốt, mỗi con tin bị bắn đều là việc làm đúng đắn, không sai lấy một ly, thì thật là thiếu tinh thần phê phán biết chừng nào! Như vậy há chẳng phải là khẳng định rằng trong một tuần lễ của tháng Năm, nhân dân đã bắn vừa đủ số những người cần phải bắn, đã đốt vừa đủ con số những ngôi nhà cần phải đốt? Nói như vậy há chẳng giống như là nói rằng trong thời kỳ cuộc cách mạng Pháp đầu tiên, mỗi người bị chém đầu - lúc đầu, người bị chém đầu là do lệnh của Rô-be-xpi-e, sau đó chính Rô-be-xpi-e bị chém

1\* - toàn bộ, hoàn toàn

đầu - đều là đáng tội cả sao? Khi những con người vốn rất ôn hoà lại cứ muốn tỏ vẻ rất ghê gớm thì sự việc trở nên trở con biết nhường nào.

Thế là đủ rồi. Mặc dù tất cả những điều hồ đồ mà những người lưu vong đã làm và mặc dù tất cả những mưu toan thật là nực cười muốn gán cho thành bé Các (hoặc Ê-đu-a?)<sup>1\*</sup> cái vẻ ghê gớm, nhưng chúng ta không thể không thấy một bước tiến quan trọng trong cương lĩnh đó. Đó là bản tuyên ngôn đầu tiên, trong đó *công nhân Pháp tán thành chủ nghĩa cộng sản Đức hiện đại*. Và hơn nữa, họ là công nhân thuộc khuynh hướng coi người Pháp là nhân dân được cách mạng chọn lựa, coi Pa-ri là Giê-ru-xa-lem cách mạng. Sở dĩ họ đạt được như vậy, chính là nhờ công lao không thể chối cãi của Vai-ăng, một người đã cùng với những nhân vật khác ký tên vào bản tuyên ngôn và, như mọi người đều biết, là một người rất am hiểu tiếng Đức và các sách báo xã hội chủ nghĩa Đức. Công nhân xã hội chủ nghĩa Đức, năm 1870, đã chứng minh rằng họ hoàn toàn thoát khỏi mọi chủ nghĩa sô-vanh dân tộc, và bây giờ họ có thể coi việc công nhân Pháp tiếp thụ những nguyên lý lý luận đúng đắn, là một điềm tốt lành, mặc dù những nguyên lý ấy bắt nguồn từ nước Đức.

1\* Những từ "(hoặc Ê-đu-a?)" là ám chỉ Ê-đu-a Vai-ăng, đã được Ăng-ghen gạch bỏ trong lần xuất bản năm 1894.

### III

Ở Luân Đôn có một tờ tạp chí không định kỳ bằng tiếng Nga mang tên là "Tiến lên" ("Vpered")<sup>439</sup>. Chủ bút tạp chí này là một học giả Nga rất đáng kính; một nghi thức nghiêm ngặt đang thịnh hành trong các văn phẩm của người Nga lưu vong cấm chúng ta nói tên ông ta. Ngay cả những người Nga làm ra vẻ là những người cách mạng man rợ ăn thịt người thật sự và tuyên bố rằng một sự tôn kính đối với bất cứ cái gì cũng đều là hành vi phản bội cách mạng, - ngay cả họ trong khi luận chiến cũng kính cẩn giữ cái vẻ vô danh, hơn nữa với một tinh thần thận trọng từng ly từng tý mà người ta chỉ có thể thấy trong báo chí tư sản Anh; họ vẫn giữ cái vẻ bề ngoài đó ngay cả khi nó trở nên lộ bịch như trong trường hợp này, bởi vì toàn thể đám người Nga lưu vong cũng như Chính phủ Nga đều biết rất rõ tên của con người đó. Cố nhiên, chúng tôi cũng chẳng có ý nghĩ làm lộ một cách vô cơ cái bí mật đang được giữ một cách nghiêm ngặt như thế; nhưng vì mỗi đứa trẻ con cũng phải có cái tên gọi của nó, cho nên chúng tôi hy vọng ông chủ bút báo "Tiến lên" sẽ lượng thứ cho chúng tôi, nếu trong bài này chúng tôi gọi tên ông, để cho gọn, bằng cái tên *Pi-e* đáng yêu của người Nga.

Ông bạn *Pi-e*, xét về mặt triết học, là một người chiết trung chủ nghĩa, ông ta đang cố sức chọn lựa cái tốt nhất trong những hệ thống và những lý luận rất khác nhau: hãy thử tất cả đi, rồi giữ lại cái tốt nhất! Ông ta hiểu rằng mọi cái đều có mặt tốt và mặt xấu của nó, mặt tốt thì phải nắm lấy, còn mặt xấu thì vứt đi. Và cũng vì mỗi sự vật, mỗi cá nhân, mỗi lý luận đều

có hai mặt, mặt tốt và mặt xấu, như thế, cho nên mỗi sự vật, mỗi cá nhân, mỗi lý luận, xét theo ý nghĩa đó, đại để cũng vừa tốt và vừa xấu như là mọi cái khác; bởi vậy, xét trên góc độ đó, nếu nóng vội bảo vệ hoặc bác bỏ sự vật này hoặc sự vật kia thì thật là ngu ngốc. Theo quan điểm đó, tất cả cuộc đấu tranh và tranh cãi giữa những người cách mạng và những người xã hội chủ nghĩa đều phải bị xem là một việc thuần túy vô nghĩa, một việc chỉ có thể làm cho kẻ thù thích thú. Và cũng hoàn toàn dễ hiểu rằng con người giữ những quan điểm như vậy đang tìm cách hoà giải tất cả những người đang đấu tranh với nhau ấy và nghiêm chỉnh khuyên họ đừng làm cái trò như nước ấy nữa trước phái phản động, mà chỉ được công kích nhằm vào kẻ thù chung. Điều đó lại càng tự nhiên, nếu người đó vừa mới từ nước Nga đến, nơi mà phong trào công nhân, như mọi người đều biết, đã đạt tới một trình độ phát triển rất cao.

Vì vậy, tờ "Tiến lên" ra sức khuyên nhủ những người xã hội chủ nghĩa giữ gìn hoà thuận hoặc ít ra cũng tránh mọi sự xích mích *công khai*. Khi những mưu toan của phái Ba-cu-nin nhằm làm cho Quốc tế phải phục tùng sự thống trị của họ bằng những mảnh khoé giả dối, bằng sự lừa bịp và nói dối, đã gây nên sự chia rẽ xấu xa trong Hiệp hội này, thì tờ "Tiến lên" vẫn kêu gọi thống nhất. Sự thống nhất đó cố nhiên chỉ có thể đạt được bằng cách lập tức để cho phái Ba-cu-nin muốn làm gì thì làm và để phó mặc Quốc tế đã bị trói chân trói tay cho âm mưu bí mật của họ. Người ta đủ chính trực để không làm như vậy; sự thách thức đã được chấp nhận; Đại hội La Hay đã ra quyết định của mình, đuổi cổ bọn Ba-cu-nin đi và quyết định công bố những văn kiện chứng minh việc khai trừ đó là đúng.

Ban biên tập báo "Tiến lên" hết sức bức bối phàn nàn về việc người ta đã không đem toàn bộ phong trào công nhân hy sinh cho sự "thống nhất" yêu quý. Nhưng càng ghê sợ hơn nữa, khi mà những văn kiện làm cho phái Ba-cu-nin không còn mặt mũi nào nữa, thật sự xuất hiện trong báo cáo của uỷ ban (xem

"Âm mưu chống Quốc tế"<sup>1\*</sup>, bản tiếng Đức, Brao-svai-gơ, Brác-cơ). Chúng ta hãy nhường lời cho bản thân tờ "Tiến lên":

Ấn phẩm này... mang tính chất luận chiến hần học chống những nhân vật đang đứng ở hàng đầu của phái liên bang chủ nghĩa... Nội dung của nó đây rầy những việc riêng tư, những việc chỉ có thể thu thập được theo lời đồn đại, và do đó, tính chất xác thực của những việc riêng ấy không phải là không thể tranh cãi đối với những người khởi thảo.<sup>440</sup>

Và để chứng minh cho những người đã chấp hành quyết định của Đại hội La Hay, rằng họ đã phạm phải tội to lớn như thế nào, tờ "Tiến lên" nêu lên một tiểu phẩm của một người nào đó gọi là Các-lơ Ta-lơ đăng trên tờ "Neue Freie Presse"<sup>441</sup>, bài tiểu phẩm.

"do phe tư sản đưa ra và đáng được đặc biệt chú ý, bởi vì nó chỉ ra một cách rõ ràng nhất. những bài văn công kích chỉ trích lẫn nhau giữa những chiến sĩ đấu tranh giành quyền lực trong nội bộ công nhân có ý nghĩa gì đối với kẻ thù chung của tầng lớp công nhân, đối với giai cấp tư sản và đối với nhà nước".

Trước hết, chúng tôi xin chỉ ra rằng phái Ba-cu-nin ở đây được gọi một cách giản đơn là "*phái liên bang chủ nghĩa*", để đối lập với cái gọi là *phái tập trung chủ nghĩa*, tuồng như tác giả tin vào sự đối lập không tồn tại ấy do phái Ba-cu-nin sáng tác ra. Dưới đây sẽ chỉ rõ rằng trên thực tế không có điều đó. Thứ nữa, chúng tôi xin chỉ ra rằng căn cứ theo bài tiểu phẩm được viết ra theo đơn đặt hàng của một tờ báo tư sản đã bán rẻ linh hồn như tờ "Neue Freie Presse" ở Viên, tác giả rút ra kết luận rằng người cách mạng *thật sự* không nên vạch mặt người cách mạng *bề ngoài*, bởi vì những sự chỉ trích lẫn nhau ấy mang lại sự thích thú cho giai cấp tư sản và chính phủ các nước. Theo tôi thì tờ ""Neue Freie Presse" và cả lũ nhà báo ấy có thể viết hàng ngàn bài tiểu phẩm, nhưng điều đó không mấy may ảnh hưởng đến hành vi của đảng công nhân Đức. Bất kỳ cuộc đấu tranh nào

cũng đều có những lúc không thể không mang lại cho kẻ thù một sự thích thú nào đó, nếu không muốn gây thiệt hại thật sự cho bản thân mình bằng cách khác. May thay, chúng ta đã tiến lên rất xa rồi, cho nên chúng ta cũng có thể để cho kẻ thù thích thú đôi chút, nếu như bằng cái giá đó chúng ta có thể giành được những thắng lợi thật sự.

Song sự chỉ trích chủ yếu là ở chỗ, bản báo cáo đây rầy "những việc riêng tư mà tính xác thực của những việc ấy không phải là không thể tranh cãi đối với những người khởi thảo", bởi vì những sự việc ấy chỉ có thể thu thập được theo lời đồn đại. Nhưng do đâu mà ông bạn Pi-e biết được rằng một đoàn thể như Quốc tế có những cơ quan thường trực khắp cả thế giới vẫn minh lại chỉ có thể thu thập những sự việc như thế theo lời đồn đại, - điều đó ông bạn không nói rõ. Sự khẳng định của ông bạn ấy dù sao cũng là hết sức nông nổi. Những sự việc được đề cập đến đã được xác nhận bằng những văn kiện chân thực, ngay cả những nhân vật được nói đến cũng không dám bác bỏ những sự việc đó.

Nhưng ông bạn Pi-e kiên trì cái quan điểm cho rằng việc riêng cũng như thư riêng đều là thiêng liêng và không được đưa ra công khai trong những cuộc tranh luận chính trị. Nếu áp dụng quy tắc đó một cách tuyệt đối, thì nói chung phải cấm viết sử. Mỗi quan hệ của Lu-i XV với Duy-ba-ri hoặc với Pôm-pa-đua là việc riêng, nhưng nếu vứt bỏ việc riêng ấy đi, thì không thể hiểu nổi toàn bộ lịch sử trước cách mạng Pháp. Hoặc là, hãy đề cập gần hơn nữa tới thời đại ngày nay: nếu như một cô I-da-ben-la trong trắng nào đó được gả chồng cho một người mà, căn cứ theo những người am hiểu làm chứng (chẳng hạn, quan bồi thẩm Un-rích), thì người này không thích đàn bà và do đó chỉ độc mê đàn ông; nếu như nàng bị rẻ rúng mà gặp người đàn ông nào cũng quơ lấy, - thì tất cả điều đó hoàn toàn là việc riêng. Nhưng nếu nàng I-da-ben-la trong trắng nói trên là nữ hoàng Tây Ban Nha, và trong đám người trẻ tuổi bên cạnh nàng có một sĩ quan

1\* Xem tập này, tr. 447 - 486.

trẻ tên là Xéc-ran-nô; nếu anh Xéc-ran-nô này vì những công trạng chỉ được thực hiện với sự có mặt riêng của một người khác mà cùng một lúc được thăng thưởng lên làm nguyên soái và thủ tướng nội các, rồi sau này bị một sủng thần khác chèn ép và lật đổ, thế rồi nhờ sự giúp đỡ của những người bạn khác cùng cảnh ngộ, lại đuổi cổ người bạn gái không chung thủy của mình ra khỏi đất nước, và cuối cùng, sau bao nhiêu việc mạo hiểm, bản thân anh ta đã trở thành một nhà độc tài Tây Ban Nha và một nhân vật lớn đến nỗi Bít-xmác đã đem hết sức lực ra để làm cho các nước lớn phải thừa nhận, - thế thì trong trường hợp đó, chuyện riêng của I-da-ben-la và Xéc-ran-nô trở thành một chương của lịch sử Tây Ban Nha, và nếu như có kẻ nào đó muốn viết lịch sử Tây Ban Nha hiện đại, mà cố ý không nói đến tình tiết đó với độc giả của mình, thì kẻ đó hẳn là xuyên tạc lịch sử. Vậy khi viết lịch sử của cái băng tội phạm như Liên minh, trong ngoài những người bị lừa bịp ra, còn có rất nhiều những kẻ bịp bợm, những kẻ mạo hiểm, những gã lừa đảo, những tên mặt vụ cảnh sát, những bọn buôn gian bán lận và những người nhút nhát, thì có nên xuyên tạc lịch sử ấy bằng cách cố tình giấu giếm những việc làm đố kỵ của các ngài này - với tính cách là "những việc riêng" không? Ông bạn Pi-e có thể ghê sợ như thế nào cũng được, nhưng ông bạn có thể tin rằng chúng tôi hoàn toàn chưa thanh toán xong những "việc riêng" ấy đâu. Tài liệu ngày càng chất đống lên đấy.

Nếu tờ "Tiến lên" vẫn miêu tả bản báo cáo ấy là một món hủ lớn chủ yếu do những việc riêng tạo thành, thì nó giữ một lập trường khó đánh giá được. Người có thể viết ra một điều như thế, người đó hoặc là không hề đọc tập sách ấy, hoặc là hiểu biết quá ít hay thiên kiến quá nặng, nên không hiểu được nó, hoặc là người đó cố tình viết sai sự thật. Đọc "Âm mưu chống Quốc tế", người ta không thể không thấy rõ rằng những việc riêng nêu lên trong tập sách là điều không có gì quan trọng, - những minh họa để nhận xét tốt hơn những nhân vật được đề cập đến

trong đó - và tất cả những sự việc ấy có thể đem bỏ đi mà không gây hại gì cho mục đích chủ yếu của tập sách. Tổ chức hội kín nhằm một mục đích duy nhất là làm cho phong trào công nhân châu Âu phải phục tùng sự chuyên chính ngấm ngấm của một số người mạo hiểm, những hành vi đều giả được tiến hành vì mục đích đó, đặc biệt là những hành vi đều giả do Ne-sa-ép tiến hành ở Nga, - đó là vấn đề được đề cập trong tập sách này; và quả quyết rằng toàn bộ nội dung của tập sách đó toàn là việc riêng cá, - thì nếu nói nhẹ đi một chút, như thế là vô trách nhiệm.

Cố nhiên, một số người Nga có thể coi là điều hết sức bất hạnh, khi mà cái mặt nhơ nhuốc - không còn nghi ngờ gì nữa rất là nhơ nhuốc - của phong trào nước Nga bỗng nhiên bị lột trần không có tô vẽ thêm chút nào trước Tây Âu. Nhưng đó là lỗi của ai? Nếu không phải chính là những người Nga - đại diện cho bộ mặt nhơ nhuốc ấy, - họ đã lừa bịp đồng bào mình mà vẫn chưa vừa ý, lại còn cả gan mưu đồ bắt toàn bộ phong trào công nhân Âu châu phải phục tùng những mục đích riêng của mình, - thì còn là ai khác nữa? Nếu Ba-cu-nin và đồng bọn của ông ta giới hạn những chiến công của mình trong phạm vi nước Nga, thì chưa chắc ở Tây Âu có người nào thấy cần phải chuyên nhằm bắn vào họ. Bản thân người Nga hẳn là sẽ bận tâm đến việc đó. Nhưng một khi các ngài ấy, những kẻ chẳng biết chút gì cả về những điều kiện và quá trình phát triển của phong trào công nhân Tây Âu, muốn đóng vai trò kẻ độc tài của chúng ta, - thì đấy chẳng phải là chuyện chơi: phải cho họ biết tay ngay thôi.

Song, phong trào nước Nga có thể yên lặng chịu đựng sự vạch trần như thế. Một nước đã sản sinh ra hai tác gia cỡ Đô-brô-liu-bốp và Séc-nư-sép-xki, hai Lét-xinh xã hội chủ nghĩa, thì không thể diệt vong vì đã có lần sinh ra một tên bịp bợm như Ba-cu-nin và một số sinh viên non choẹt, thích khoác lác, phùng mang trợn mắt như những con ếch ương và rút cuộc nuôi chửng lẫn nhau. Thực ra thì trong thế hệ trẻ người Nga, chúng ta biết có những người có tài năng xuất sắc về mặt lý luận và thực tiễn và có

ngộ lực lớn, những người nhờ sự hiểu biết ngôn ngữ của mình mà hơn hẳn người Pháp và người Anh về mặt nắm sát phong trào các nước, và hơn hẳn người Đức về mặt xử sự linh hoạt trong xã hội. Những người Nga hiểu phong trào công nhân và bản thân tham gia phong trào công nhân, đều có thể nhận thấy rằng việc làm cho họ thoát khỏi trách nhiệm về những hành vi lừa đảo của bọn Ba-cu-nin, là một sự giúp đỡ cho họ mà thôi. Nhưng tất cả điều đó không ngăn trở tờ "Tiến lên" kết thúc bài bình luận của mình bằng những lời sau đây:

"Chúng ta không biết các tác giả của tập sách này nhìn nhận như thế nào về những kết quả đã thu được. Phần đông độc giả của chúng ta chắc chắn sẽ cùng cảm thấy trong lòng nặng nề như chúng ta khi đọc nó và với tâm trạng đó, để chấp hành nhiệm vụ của các nhà chép sử, chúng ta ghi những hiện tượng đáng buồn ấy lên những trang báo của chúng ta".

Phần đầu của câu chuyện của chúng ta đã kết thúc ở tâm trạng nặng nề ấy của ông bạn Pi-e. Phần thứ hai bắt đầu từ đoạn sau đây cũng trong cùng một số của tờ "Tiến lên":

"Chúng tôi xin đưa một tin khác cũng thuộc loại đó để cho độc giả vui mừng. Nhà trước tác nổi tiếng của chúng ta Pi-e Ni-ki-ti-chor Tca-trép cũng đang ở bên cạnh chúng ta, trong hàng ngũ chúng ta: sau bốn năm tù đầy, ông đã thoát khỏi nơi đây ải mà ông không làm được gì cả và sự có mặt của ông khiến cho hàng ngũ của chúng ta được tăng cường".

Nhà trước tác nổi tiếng Tca-trép là người như thế nào, điều đó chúng ta có thể biết được căn cứ theo cuốn sách mỏng tiếng Nga "Nhiệm vụ tuyên truyền cách mạng ở Nga"<sup>442</sup> mà bản thân ông ta đã xuất bản vào tháng Tư năm 1874, cuốn sách mỏng này miêu tả ông ta như là một học sinh trung học ấu trĩ, quá non nớt, giống như cậu chàng Các Mi-xnich của thanh niên cách mạng nước Nga. Ông ta kể cho chúng ta nghe, đầu đầu cũng yêu cầu ông ta tham gia tạp chí "Tiến lên"; ông ta biết rằng chủ bút là một tên phản động; nhưng ông ta nhận thấy mình có trách

nhiệm phải che chở cho tạp chí "Tiến lên", - nhân tiện xin nói - đây là một việc không ai yêu cầu ông ta cả. Sau khi đến, ông ta lấy làm kinh ngạc phát hiện ra rằng chủ bút, ông bạn Pi-ốt, nắm quyền quyết định cuối cùng việc chấp nhận hoặc loại bỏ các bài báo. Cách làm việc không dân chủ *như thế* cố nhiên làm cho ông ta tức giận; ông ta viết một bức thư nói cặn kẽ, trong đó "vì công bằng và vì những lý do thuần túy về mặt lý luận..." ông ta đòi hỏi cho mình và cho tất cả những cộng tác viên khác (nhân tiện xin nói, những cộng tác viên này hoàn toàn không đòi hỏi như thế) "đều có quyền và nghĩa vụ bình đẳng" (bình đẳng với chủ bút) "về tất cả những vấn đề có liên quan tới bài vở và tiền nong của tờ báo".

Ở đây bộc lộ ra ngay sự non nớt, tuy nhiên, sự non nớt đó chưa phải là chiếm số đông trong phong trào của người Nga lưu vong, nhưng ở đó người ta ít nhiều còn có thể dung thứ được. Một học giả nước Nga rất có tiếng tăm trong nước, lưu vong ra nước ngoài và kiếm tiền để sáng lập một tờ tạp chí chính trị ở nước ngoài. Ông vừa mới thành công được việc đó, thì có một anh chàng trẻ tuổi nào đó ít nhiều hăng máu đến gặp và xin cùng cộng tác mà chưa hề được mời, lại còn đưa ra khiếu kiện hết sức trẻ con, đòi được quyền có tiếng nói quyết định, như là người sáng lập tờ báo, trong tất cả mọi vấn đề về bài vở và tiền nong. Ở nước Đức thì người đó đơn giản bị người ta chế giễu. Nhưng người Nga thì không thô bạo như thế. Ông bạn Pi-e đem hết sức ra, cũng "vì công bằng và vì những lý do thuần túy về mặt lý luận", thuyết phục anh ta thấy rõ sai lầm của mình, - và tất nhiên phí công vô ích. Tca-trép nổi tự ái, tựa như chàng A-sin, lánh vào cái lều vải của mình và từ đó dùng tập sách nhỏ của mình và báng bổ ông bạn Pi-ốt, người mà Tca-trép gọi là "nhà triết học tầm thường".

Anh ta nêu lên đến phát ngáy hàng tràng những câu nói đã được nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần của phái Ba-cu-nin về thực chất của cách mạng chân chính để vạch mặt ông bạn



Pi-e về tội ông này muốn *chuẩn bị* nhân dân tiến hành cách mạng, muốn làm cho nhân dân "hiểu rõ và nhận thức được nhu cầu của mình". Nhưng kẻ nào muốn làm như thế, thì kẻ đó hoàn toàn không phải là người cách mạng, mà là người chủ trương tiến bộ hoà bình, tức là người phản động, người bạn của "những cuộc cách mạng không đổ máu hợp khẩu vị người Đức". Người cách mạng chân chính "thừa nhận nhân dân luôn luôn sẵn sàng tiến hành cách mạng"; kẻ nào không tin điều đó, thì kẻ ấy không tin nhân dân; lòng tin nhân dân "tạo thành sức mạnh của chúng ta". Đối với những ai không thấy rõ điều đó, tác giả viện dẫn câu châm ngôn của Ne-sa-ép, "một người tiêu biểu cho thanh niên thời đại ngày nay của chúng ta". Ông bạn Pi-e nói rằng chúng ta phải chờ đợi cho đến khi nhân dân sẵn sàng tiến hành cách mạng, - "nhưng chúng ta không thể và không muốn chờ đợi", người cách mạng chân chính khác với nhà triết học tầm thường ở chỗ người cách mạng chân chính "cho rằng mình có quyền bất cứ lúc nào kêu gọi nhân dân làm cách mạng" v.v..

Tại Tây Âu chúng ta, chỉ cần một câu trả lời giản đơn cũng có thể chấm dứt được tất cả những điều trẻ con ấy: nếu quả thật nhân dân của các anh luôn luôn sẵn sàng tiến hành cách mạng, nếu quả thật các anh cho rằng mình có quyền bất cứ lúc nào kêu gọi nhân dân tiến hành cách mạng và nếu quả thật các anh hoàn toàn không thể chờ đợi được nữa, thế thì các anh còn đưa những chuyện nhằm nhí ra quấy rầy chúng tôi để làm gì, và quấy tha ma bắt đi, tại sao các anh không bắt tay vào việc?

Song ở những người Nga của chúng ta, vấn đề không phải giản đơn như vậy. Ông bạn Pi-e thấy rằng những nghị luận trẻ con, khô khan, đầy mâu thuẫn, luẩn quẩn của ông Tca-trép có thể gây nên một sức hấp dẫn, như cái bộ phận quyến rũ trên thân thể phụ nữ đối với thanh niên Nga, cho nên ông bạn Pi-e với tư cách là nhân vật Éc-các trung thành của thanh niên Nga, bèn đưa ra một bức thư đầy những lời cảnh báo dài sáu mươi trang in dày đặc để bác bỏ những nghị luận đó<sup>443</sup>. Ông ta trình bày

trong đó những quan điểm của chính mình về thực chất của cách mạng, nghiên cứu một cách hết sức nghiêm chỉnh xem nhân dân có sẵn sàng tiến hành cách mạng hay không, người cách mạng có quyền, và trong điều kiện nào, hay không có quyền kêu gọi nhân dân làm cách mạng và những ý kiến thông thái khác đại loại như thế, những điều đó, xét về toàn bộ, có giá trị gần như những nghiên cứu của các nhà triết học kinh viện về Đức mẹ đồng trinh ma-ri-a. Trong đó, bản thân "cách mạng" trở thành một cái gì như là Đức mẹ đồng trinh Ma-ri-a, lý luận trở thành lòng tin, việc tham gia phong trào trở thành việc thờ phụng, và tất cả mọi hoạt động đều được triển khai không phải trên cõi trần đây tội lỗi của chúng ta, mà ở trên mấy tầng mây xanh của những câu nói chung chung.

Nhưng đồng thời ông bạn Pi-e lại sa vào một tình trạng tự mâu thuẫn với mình thật là bi đát. Ông ta là người tuyên truyền sự nhất trí, phản đối mọi sự tranh luận, mọi "bài công kích chỉ trích lẫn nhau" trong nội bộ đảng cách mạng; nhưng nếu ông ta không tham gia tranh luận như vậy thì tất nhiên không thể hoàn thành nhiệm vụ của mình trong vai trò Éc-các, nếu không vạch trần kẻ thù của mình như vậy, thì cũng không thể đáp lại sự vạch trần của kẻ thù. Cái "hiện tượng buồn rầu" ấy xảy ra với một tâm trạng nặng nề như thế nào, - ông bạn Pi-e sẽ nói với chúng ta. Cuốn sách mỏng của ông ta mở đầu như sau:

"Trong hai tai họa thì phải chọn lấy cái họa nhỏ hơn.

Tôi biết rất rõ rằng toàn bộ văn phẩm lưu vong ấy bao gồm những tập sách mỏng chỉ trích lẫn nhau, những bài luận chiến về vấn đề ai là người bạn chân chính của nhân dân và ai không phải là người bạn chân chính của nhân dân, ai là thành thật và ai là không thành thật, ai là người đại diện chân chính của thanh niên nước Nga, của đảng cách mạng thật sự, - toàn bộ văn phẩm tạp nham giữa cá nhân với nhau ấy của đám người Nga lưu vong vừa làm cho độc giả phát ngáy, vừa không có ý nghĩa gì cả trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng, và chỉ có thể làm cho kẻ thù của chúng ta quá hả hê mà thôi... Tôi biết điều đó, song tôi vẫn thấy rằng *cần phải* viết những

trang này, cần phải tự tay mình làm cho số lượng những văn phẩm đáng thương này rằng thêm một chút ít, làm cho độc giả buồn chán, làm cho kẻ thù thích thú... Sở dĩ cần phải làm như thế, là vì trong hai tai họa phải chọn lấy tai họa nhỏ hơn".

Tuyệt thật. Song le, ông bạn Pi-e cứ khuyếch trương trong tờ báo "Tiến lên" cái tinh thần khoan dung thực sự Cơ Đốc giáo và đòi hỏi chúng ta cũng phải khoan dung đối với những tên lừa đảo đã bị chúng ta vạch mặt, - như chúng ta sẽ thấy, ông bạn Pi-e biết những tên lừa đảo ấy cũng rõ như chúng ta, - thế mà ở ông ta không thấy có một chút khoan dung nào đối với những tác giả của bản báo cáo, để tự hỏi rằng phải chăng họ cũng cần... chọn lấy tai họa nhỏ hơn trong hai tai họa - sao lại như thế? Ông ta phải sút đầu mẻ trán rồi mới hiểu ra rằng, cần phải luận chiến gắt gao đôi chút với những người núp dưới hoạt động cách mạng giả hiệu ra sức làm cho toàn bộ phong trào công nhân châu Âu đi chệch đường và tiêu tan, nếu không làm như thế thì có thể xảy ra điều tai hại lớn hơn, - sao lại như thế?

Song, chúng ta hãy cứ độ lượng với ông bạn Pi-e, ông ta đã sa vào cảnh ngộ khá nghiệt ngã. Ông ta chưa làm được - nhưng nhận thức rất đầy đủ rằng mình có lỗi - cái điều mà ông ta hằng trách móc chúng ta, thì nữ thần Nê-mê-dít lại đưa ông ta đi xa hơn nữa và buộc ông ta cung cấp tài liệu mới cho ông Các-lơ Ta-lơ để viết một bài tiểu phẩm thường lệ trong số báo ""Neue Freie Presse" :

"Hoặc là, có lẽ", - ông ta hỏi Tca-trép, kẻ luôn luôn sẵn sàng khởi nghĩa, - "việc tuyên truyền cổ động của các anh đã hoàn thành rồi chứ? Có lẽ tổ chức của các anh đã sẵn sàng rồi chứ? Sẵn sàng rồi chứ? Đúng là đã sẵn sàng rồi chứ? Phải chăng đó là cái uỷ ban bí mật nổi tiếng cả những nhà cách mạng "diễn hình", cái uỷ ban gồm hai người ra lệnh này lệnh nọ? Thanh niên của chúng ta đã bị lừa dối bao nhiêu, đã bị phỉnh phờ bao nhiêu, đã bị lạm dụng lòng tin đến nỗi họ không dám tin ngay là tổ chức cách mạng đã sẵn sàng rồi".

Cố nhiên độc giả người Nga không cần ai giải thích rằng "hai người" đó là Ba-cu-nin và Ne-sa-ép. Tiếp theo bài báo viết:

"Nhưng có những người tuyên bố họ là bạn của nhân dân, là tín đồ của cách mạng xã hội, đồng thời lại đem vào hoạt động của mình tính chất giả dối và không thành thật mà ở trên tôi đã gọi là "du âm của xã hội cũ"... Những người này lợi dụng nỗi bức tức của những tín đồ của chế độ mới đối với sự bất công của chế độ cũ và đề ra một nguyên tắc: tất cả mọi thủ đoạn đều có thể dùng để đấu tranh. Họ coi việc lừa dối đồng chí, lừa dối nhân dân, đối tượng mà tuồng như họ phục vụ, đều là những thủ đoạn *có thể dùng được* ấy. Họ sẵn sàng lừa dối tất cả mọi người, miễn sao tổ chức được một đảng khá mạnh, tuồng như thể một đảng cách mạng - xã hội hùng mạnh có thể được lập nên mà không cần có sự đoàn kết chân thành của các đảng viên! Họ sẵn sàng kêu gọi lên trong nhân dân những dục vọng xưa kia của lòng tham lam và tính hưởng lạc không lao động... Họ sẵn sàng bóc lột bẽ bạn và đồng chí của mình, cốt để làm cho những người đó biến thành công cụ của những kế hoạch của họ: họ sẵn sàng bảo vệ trên lời nói sự độc lập và tự trị hoàn toàn nhất của các cá nhân và của các nhóm, nhưng đồng thời lại tổ chức một chế độ chuyên chính bí mật kiên quyết nhất, dạy cho tín đồ của họ quen phục tùng mù quáng và ngoan ngoãn nhất, tựa hồ như tiến hành được cách mạng xã hội bằng sự có thể liên hiệp của những người bóc lột và những người bị bóc lột, bởi một nhóm những người luôn luôn phủ nhận trên thực tế những điều mà họ tuyên truyền trên lời nói!"

Thật khó tin, nhưng lại là sự thật: những dòng chữ ấy, như hai giọt nước, giống hệt đoạn trích dẫn trong "Âm mưu chống Quốc tế"; người viết những dòng ấy chính là kẻ trước đây mấy tháng đã lên án tập sách ấy là hành vi phạm tội chống sự nghiệp chung bởi những lời công kích của nó, những lời công kích đó giống hệt với những dòng đã viện dẫn ở trên và nhằm vào cũng những con người ấy. Bây giờ chúng ta có thể thấy thoả mãn rồi.

Nếu bây giờ chúng ta trở lại bàn về ông Tca-trép, một kẻ có những tham vọng to lớn nhưng chẳng làm nên trò trống gì cả, và nhìn trở lại điều không may nhỏ mà ông bạn Pi-e của chúng ta đã gặp phải trong việc này, thì phải đến lượt chúng ta nói:

"Chúng tôi không biết các tác giả của tập sách này nhìn nhận như thế nào những kết quả đã thu được. Phần đông độc giả của

chúng ta chắc chắn sẽ cũng cảm thấy "vui vẻ" như chúng ta khi đọc nó và với niềm vui vẻ đó, để chấp hành nhiệm vụ của nhà viết sử, chúng ta ghi những hiện tượng "đặc thù" ấy lên những trang giấy của chúng ta".

Nhưng thôi, hãy gác lại những câu nói đùa. Nhiều hiện tượng kỳ lạ sở dĩ nảy sinh trong phong trào nước Nga, là vì một thời gian dài mọi tác phẩm Nga đều là điều xa lạ đối với phương Tây, vì vậy Ba-cu-nin và đồng bọn rất dễ giấu giếm phương Tây những trò bịp bợm của họ mà người Nga ai ai cũng đã biết từ lâu. Họ hăng hái truyền bá ý kiến cho rằng vì lợi ích của bản thân phong trào, ngay cả những mặt nhơ nhuốc của phong trào nước Nga cũng cần phải được giấu giếm đối với phương Tây; ai nói với châu Âu biết những sự việc của nước Nga - bởi vì những sự việc đó rất là chướng tai gai mắt - , thì kẻ đó là người phản bội. Bây giờ, tình hình đó đã chấm dứt rồi. Hiểu tiếng Nga hiện nay, ít ra cũng trong số những người thuộc đảng xã hội - dân chủ Đức, không còn là chuyện hiếm hoi như thế nữa: tiếng Nga là một trong những sinh ngữ mạnh mẽ nhất và phong phú nhất, một thứ tiếng mà tự bản thân nó, cũng như vì nền văn học mà nó đang mở ra, hết sức đáng học. Người Nga sẽ phải tuân theo vận mệnh quốc tế không thể tránh khỏi là từ nay phong trào của họ sẽ diễn ra trước mắt và dưới sự kiểm soát của các nước khác ở châu Âu. Không ai phải trả giá nặng nề cho tình trạng cách biệt trước kia với bên ngoài, như là bản thân người Nga. Nếu không cách biệt với bên ngoài như vậy, thì họ không thể bị lừa bịp một cách nhục nhã trong nhiều năm như đã bị Ba-cu-nin và đồng bọn lừa bịp. Chính bản thân người Nga là những người được lợi nhiều nhất nhờ sự phê phán của phương Tây, nhờ ảnh hưởng lẫn nhau trên trường quốc tế của các phong trào Tây -Âu đối với phong trào nước Nga và ngược lại, cuối cùng, nhờ sự hoà nhập đang được thực hiện của phong trào nước Nga với phong trào toàn châu Âu.

#### IV<sup>444</sup>

Độc giả của tờ "Volksstaat" không gặp may. Một vài người trong số họ ắt hẳn còn nhớ, trong bài báo gần đây nói về sách báo của giới lưu vong (số 117 và số 118) tôi đã phân tích một số đoạn trích trong tờ tạp chí Nga "Tiến lên", và cả một cuốn sách mỏng do chủ bút tạp chí đó viết. Đồng thời, tôi cũng có nhắc, hoàn toàn tiện thể, đến ông Pi-e Tca-trép nào đó, ông này đã xuất bản một cuốn sách mỏng để phản đối người chủ bút nói trên và tôi đã phải bận tâm về ông ta chỉ trong chừng mực cực chẳng đã. Căn cứ theo hình thức và nội dung của tác phẩm bất hủ của ông ta, tôi đã miêu tả tác giả là "một học sinh trung học ấu trĩ, quá non nớt, một cậu chàng Các Mi-xnich của thanh niên cách mạng nước Nga", và tôi cũng lấy làm tiếc cho người chủ bút báo "Tiến lên" vì ông này cho rằng cần phải bận tâm với một đối thủ như vậy. Nhưng chẳng bao lâu tôi cũng cảm thấy rằng cậu bé Các bắt đầu đe dọa cả tôi nữa, cậu bé ấy lôi kéo cả tôi vào cuộc luận chiến với cậu ta. Cậu ta công bố "*Bức thư ngỏ của Pi-e Tca-trép gửi ông Phri-đrich Ăng-ghen*". Xuy-rích, nhà in "Tagwacht", 1874<sup>445</sup>. Bức thư đó gán cho tôi đủ thứ chuyện mà tôi chưa hề bao giờ nói cả - ông Tca-trép ắt phải biết rõ điều ấy, - đối với việc đó, tôi cũng chẳng để ý đến; nhưng đằng này ông Tca-trép lại muốn làm cho công nhân Đức có một khái niệm hoàn toàn sai lệch về tình hình nước Nga, ngõ hầu bằng cách đó biện hộ cho hoạt động của Ba-cu-nin đối với nước Nga, - điều đó buộc tôi phải đưa ra những ý kiến phản bác.

Trong bức thư ngỏ của mình, ông Tca-trép luôn luôn tự xưng là đại diện của thanh niên cách mạng nước Nga. Ông ta quả quyết rằng tôi "đã khuyên... những nhà cách mạng Nga, thuyết phục họ liên minh với tôi" (!); đồng thời nói rằng tôi đã miêu tả "những đại diện của chính đảng cách mạng Nga ở nước ngoài", những ý hướng và văn phẩm của họ "ở một góc độ bất lợi nhất trước công nhân Đức". Ông ta nói: "Ngài đã bày tỏ với người Nga chúng tôi sự khinh bỉ sâu sắc nhất của ngài, bởi vì chúng tôi, theo ý ngài, là hết sức "ngu xuẩn" và "non nớt" v.v., là "những học sinh trung học ấu trĩ; ngài gọi chúng tôi là như thế đấy", - cuối cùng là câu nói chủ bài không thể tránh khỏi sau đây: "Ngài chế giễu chúng tôi, như thế nhà ngài đã phục vụ rất tốt cho kẻ thù chung của chúng ta, tức nhà nước Nga". Đối với ông ta, đối với bản thân ông Tca-trép, tuồng như tôi đã "công kích bằng tất cả những câu chữ rửa có thể có".

Pi-e Ni-ki-ti-chơ Tca-trép biết rõ hơn ai hết rằng trong tất cả những điều đó không có lấy một lời nói thật. Thứ nhất, trong bài nói trên tôi không quy trách nhiệm về những câu nói của ông Tca-trép cho ai cả, ngoài bản thân ông Tca-trép. Tôi chẳng bao giờ có ý nghĩ coi ông ta là đại diện của những người cách mạng Nga. Nếu ông ta tự tôn xưng mình như thế và đem trút từ bản thân mình sang cho họ những lời của tôi nói về những học sinh trung học ấu trĩ và trút những lời lịch sự khác, thì tôi phải kiên quyết phản đối việc đó. Trong tầng lớp thanh niên cách mạng nước Nga, cũng như ở khắp mọi nơi, cố nhiên cũng có những người mà trình độ đạo đức và trí tuệ hết sức khác nhau. Nhưng nhìn chung mà nói, - ngay cả nếu tính đến tất cả sự khác biệt giữa thời đại và sự khác nhau căn bản trong môi trường xung quanh, - thì thanh niên Nga hiện nay đương nhiên vẫn đứng ở một trình độ cao hơn rất nhiều so với thanh niên học sinh Đức chúng ta trong bất cứ thời gian nào trước đây, ngay cả trong thời đại đẹp đẽ nhất của họ, tức vào đầu những năm ba mươi. Ngoài bản thân Tca-trép ra, không ai cho phép ông Tca-trép

phát biểu nhân danh tất cả những người thanh niên ấy. Và mặc dù ông ta lần này cũng tỏ ra mình là một phần tử Ba-cu-nin thật sự, nhưng tôi vẫn còn hoài nghi: liệu ông ta có quyền phát biểu thậm chí với tư cách là đại diện của một vài phần tử Ba-cu-nin nước Nga hay không, những phần tử mà khi viết về họ, tôi đã gọi đó là "một số sinh viên non choẹt, thích ba hoa khoác lác, phùng mang trợn mắt như ếch ương và rút cuộc, ăn tươi nuốt sống lẫn nhau". Nhưng nếu quả thật ông ta đại diện cho họ, thì đó chẳng qua cũng chỉ là sự tái bản câu chuyện cũ về ba anh chàng thợ may ở phố Tu-li của Luân Đôn, ba anh chàng thợ may này đã ra một bản cáo thị: "Chúng tôi, nhân dân nước Anh, tuyên bố" v.v...<sup>1)</sup> Do vậy, trước tiên cần phải xác định rằng "những người cách mạng Nga", cũng như trước kia, không liên can gì ở đây cả, và ở bất cứ chỗ nào chúng ta cũng nên đọc chữ "chúng tôi" của Tca-trép thành "tôi".

Hoá ra tôi đã "khuyên" ông ta! Việc đó tôi không hề biết. Ông Pi-e Ni-ki-ti-chơ ạ, có thể tôi đã tiện thể thực hiện mấy cú đá, nhưng mà những lời *khuyên?*<sup>1\*</sup> Xin làm ơn đưa ra bằng chứng.

Hoá ra là, tôi đã thuyết phục ông ta hay những người tương tự như ông ta liên minh với tôi và điều đó đã được trình bày ở cuối bài báo gần đây của tôi. Nếu ông Tca-trép có thể chứng minh, tôi sẽ biếu ông mười mác bằng tiền đúc của thời đế chế Bít-xmác.

Hoá ra là, tôi quả quyết rằng ông ta "ngu xuẩn" - ông ta đặt từ này trong ngoặc kép. Tuy tôi không muốn phủ nhận rằng tài năng lỗi lạc của ông ta, - nếu như nói chung còn có thể nói đến tài năng của ông ta, - còn ẩn giấu trong hai tác phẩm đó, thì

---

1) Tôi dám đánh cuộc rằng ông Tca-trép sẽ nói rằng tôi đưa ra giai thoại ấy tức là phản bội giai cấp vô sản, vì đã "mô tả một cách giễu cợt" những người thợ may.

---

1\* Ở đây có sự chơi chữ: "Schlage" là "đòn đánh", "cú đá"; "Rathschlage" là "lời khuyên".

mỗi người vẫn có thể tin chắc rằng trong bài báo của tôi *chưa lần nào thấy* có những từ "ngu xuẩn". Song hễ chỗ nào không có lối thoát khác thì các ngài phái Ba-cu-nin lại dùng đến những đoạn trích dẫn giả tạo.

Sau nữa, hoá ra là, tôi đã "chế giễu" ông ta và miêu tả ông ta "một cách giễu cợt". Ông Tca-trép muốn buộc tội phải xem trọng cuốn sách mỏng của ông ta, điều đó tất nhiên là không bao giờ có thể được. Người Đức chúng tôi vốn có tiếng là những người khô khan tẻ nhạt và thường thường cũng hoàn toàn xứng đáng với tiếng tăm ấy. Nhưng không phải vì thế mà chúng tôi trong bất cứ trường hợp nào cũng phải tẻ nhạt và trịnh trọng như những phần tử Ba-cu-nin. Phong trào công nhân Đức do tiến hành chiến tranh du kích với cảnh sát, với cơ quan công tố và bọn coi ngục mà có được một tính chất hài hước riêng; có sao tôi lại phải thay đổi nó đi? Chẳng ai cấm ông Tca-trép đem hết sức ra chế giễu tôi và miêu tả tôi một cách giễu cợt, nhưng không được gán cho tôi những điều bịa đặt.

Sau đó tiếp đến một sự chỉ trích không gì sánh bằng: tôi đã giới thiệu ông Tca-trép theo một cách nhìn hoàn toàn xứng đáng với ông ta và tác phẩm của ông ta, do đó tôi đã "phục vụ rất tốt cho kẻ thù chung của chúng ta, tức nhà nước Nga". Ở một đoạn khác cũng nói theo tinh thần như thế, rằng miêu tả ông ta như tôi đã miêu tả, như thế là tôi vi phạm "những nguyên tắc cơ bản của cương lĩnh Hội liên hiệp công nhân quốc tế"! Ở đây trước mặt chúng ta là một phần tử Ba-cu-nin thật sự. Các ngài ấy, những nhà cách mạng chân chính này, tự cho phép mình muốn làm gì thì làm với chúng ta, nhất là khi họ có thể làm như thế một cách vụng trộm, thế nhưng, các anh hãy thử nói *về họ* mà không dùng những lời lẽ tôn kính nhất, các anh hãy thử vạch ra những trò bịp bợm của *họ*, thử phê phán *họ* và lời nói suông của họ, - thì các anh sẽ là kẻ phục vụ cho Nga hoàng, là kẻ vi phạm những nguyên tắc cơ bản của Quốc tế. Hoàn toàn ngược lại. Kẻ phục vụ cho Chính phủ Nga không phải là ai khác,

mà chính là bản thân ông Tca-trép. Giá mà sở cảnh sát Nga thông minh một chút, thì chắc hẳn nó sẽ phân phát rộng rãi những cuốn sách mỏng của ngài ấy ở nước Nga. Một mặt, chưa chắc sở cảnh sát Nga sẽ tìm được thủ đoạn nào tốt hơn thế để làm cho những người cách mạng Nga - mà tác giả tự coi mình là kẻ đại diện của họ - bị mất uy tín trước con mắt của tất cả những người biết lẽ phải. Mặt khác, luôn luôn có thể xảy ra trường hợp một số thanh niên rất tốt nhưng thiếu kinh nghiệm để cho ông Tca-trép dẫn họ vào con đường hành động hấp dẫn thiếu suy nghĩ và như vậy thì tự họ sẽ bị sa vào lưới.

Ông Tca-trép nói rằng tôi "đã công kích ông ta bằng tất cả những câu chửi rủa có thể có". Nhưng có một kiểu chửi, cái gọi là đả kích mãnh liệt, là một trong những phương pháp hùng biện giàu sức truyền cảm nhất mà tất cả những nhà diễn thuyết lớn có thể sử dụng khi cần thiết, và Uy-li-am Cốp-bét, một tác gia chính trị giỏi nhất nước Anh, đã sử dụng phương pháp đó một cách điêu luyện, cho đến nay vẫn khiến cho người ta thán phục và trở thành một mẫu mực không thể với tới. Trong cuốn sách mỏng của mình, ông Tca-trép cũng "chửi" ra trò. Vì vậy, *nếu như* tôi cũng chửi, thì việc đó tự nó tuyệt nhiên không thể đem quy tội cho tôi. Nhưng nếu tôi đã hoàn toàn không dùng đến phép hùng biện đối với ông Tca-trép, vì tôi không hề thật sự tính đến ông ta, thì tôi cũng tuyệt nhiên *không thể* chửi ông ta. Chúng ta hãy xét xem, tôi đã nói gì về ông ta.

Tôi gọi ông ta là "một học sinh trung học ấu trĩ, hết sức non nớt". Sự non nớt có thể thuộc về tính cách, về trí tuệ và về tri thức. Nói về sự non nớt của tính cách, tôi đã kể lại bằng cách sau đây câu chuyện của bản thân ông Tca-trép:

"Một học giả nước Nga tiếng tăm lừng lẫy trong nước, lưu vong ra nước ngoài và kiếm tiền để lập ra một tạp chí chính trị ở nước ngoài. Ông vừa mới thành công được việc đó, chưa hề mời ai cả, thì có một anh chàng trẻ tuổi nào đó ít nhiều hăng máu

đến gặp và xin cùng công tác, đề ra điều kiện hết sức trẻ con, đòi được quyền có tiếng nói quyết định, như là người sáng lập tạp chí, trong tất cả mọi vấn đề về bài vở và tiền nong. Ở nước Đức thì người đó đơn giản bị người ta chế giễu".

Sau đó, tôi chẳng cần phải dẫn chứng thêm những bằng chứng về sự non nớt của tính cách của ông ta. Sự non nớt của trí tuệ của ông ta sẽ được chứng minh một cách đầy đủ bằng những đoạn trích dẫn dưới đây trong cuốn sách mỏng của ông Tca-trép. Còn về trí thức, thì tranh luận giữa tạp chí "Tiến lên" và ông Tca-trép phần lớn xoay quanh vấn đề sau đây: người chủ bút của tạp chí "Tiến lên" yêu cầu thanh niên cách mạng nước Nga phải học cái gì đó, làm cho mình phong phú thêm bằng những hiểu biết nghiêm túc và cơ bản, rèn luyện năng lực suy nghĩ có phê phán bằng những phương pháp đúng đắn, khổ công nỗ lực tự nâng cao mình và tự bồi dưỡng mình. Ông Tca-trép bác bỏ một cách chán ghét những lời khuyên đó;

"Tôi không thể nén được mình để không biểu lộ nhiều lần sự phẫn nộ sâu sắc mà họ luôn luôn gây ra cho tôi... Hãy học tập đi! Trau dồi trí thức đi! Ôi, lạy Chúa, phải chăng đó là một người *có sức sống* đang nói với những con người *có sức sống*. Chờ đợi! Học tập, tự cải tạo! Có thật chúng ta có quyền chờ đợi không?" (ý muốn nói chờ đợi làm cách mạng). "Chúng ta có quyền bỏ phí thời gian vào việc bồi dưỡng học vấn không?" (tr.14). "Tri thức - đó là điều kiện cần thiết của sự tiến bộ hoà bình, nhưng tri thức hoàn toàn không cần thiết đối với cách mạng" (tr.17)<sup>446</sup>.

Nếu chỉ đơn giản kêu gọi học tập mà đã khiến cho ông Tca-trép tỏ ra phẫn nộ sâu sắc, nếu ông ta tuyên bố mọi tri thức đều không cần thiết đối với người cách mạng, hơn thế nữa, nếu trong toàn bộ tác phẩm của mình ông ta không cho thấy một chút dấu vết của bất cứ tri thức nào, thì như vậy là ông ta đã tự cung cấp cho mình bằng chứng về sự non nớt, còn tôi chẳng qua cũng chỉ xác nhận điều đó mà thôi. Nhưng, kẻ tự cung cấp cho mình bằng chứng như vậy, theo ý kiến chúng tôi, *nhieu lăm* cũng chỉ ở trình độ của một học sinh trung học. Khi vạch ra cho ông ta

thấy trình độ cao nhất ấy, thì tôi tuyệt nhiên không phải là chửi rủa ông ta, mà có thể là tôi thậm chí đã làm cho ông ta vinh dự quá nhiều.

Ngoài ra, tôi còn nói rằng những nghị luận của ông Tca-trép là ấu trĩ (bằng chứng là những đoạn trích dẫn trong bài này), là khố khan (điều này, chắc hẳn bản thân tác giả cũng không phủ nhận), là mâu thuẫn (như ông chủ bút của tạp chí "Tiến lên" đã chỉ cho ông ta thấy), là xoay trong vòng luẩn quẩn (điều này cũng đúng). Sau đó tôi nói đến những tham vọng lớn của ông ta (về điểm này tôi đã nói theo những lời của chính ông ta) và những thành tích hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì cả (như bài này đã chứng tỏ điều đó quá rõ). Vậy thì những lời chửi rủa ở đâu nào? Nếu tôi so sánh ông ta với cậu nhóc Các Mi-xnich, một học sinh trung học đáng yêu nhất của nước Đức và là một tác giả không ai không biết của nước Đức, thì việc đó tuyệt nhiên không phải là chửi rủa. Nhưng, hãy gượng! Phải chăng tôi đã nói nặng lời khi bảo rằng ông ta, tựa như A-sin, đã lách vào túp lều vải của mình và từ đó dùng cuốn sách mỏng của mình mà báng bổ tạp chí "Tiến lên"? Vấn đề hình như ở chỗ này đây. Con người mà mới chỉ hai tiếng "học tập" đã làm cho nổi khùng lên, con người đã có thể cả gan chọn hai câu thơ dưới đây của Hai-nơ làm châm ngôn của mình:

"Bản thân hán đã có được

Tất cả sự ngu dốt của mình"<sup>1\*</sup>

một con người như thế thì chắc chắn là mới nghe thấy lần đầu tiên ở đây cái tên A-sin. Bởi vì tôi có nhắc đến A-sin khi nói "lều vải" và "báng bổ", cho nên ông Tca-trép có thể nghĩ rằng A-sin này là một viên cai đội nước Nga hay là một tên lính dân vệ Thổ Nhĩ Kỳ và, do đó, tôi vi phạm phép lịch sự, vì mắng nhiếc ông ta là A-sin. Nhưng tôi có thể cam đoan với ông Tca-trép

1\* Hai-nơ. "Cô-be-xơ I".

rằng A-sin mà tôi nói đến, vốn là một anh hùng vĩ đại nhất trong những truyền thuyết Hy Lạp và việc nhân vật ấy lách vào lều vải của mình đã trở thành đề tài của tác phẩm I-li-át, thiên anh hùng ca hùng vĩ nhất của tất cả các thời đại; ngay cả ông Ba-cu-nin cũng có thể xác nhận điều đó với ông ta. Nếu lời giả định ấy của tôi là đúng, thì tất nhiên tôi sẽ phải tuyên bố rằng ông Tca-trép *chẳng phải là* một học sinh trung học.

Tiếp theo, ông Tca-trép nói:

"Mặc dù như thế đó, nhưng tôi vẫn tự cho phép sôi lên niềm tin rằng có thể gây nên cuộc cách mạng xã hội một cách dễ dàng... Nếu có thể gây nên cuộc cách mạng xã hội một cách dễ dàng như vậy - như các anh nhận xét, - thì tại sao các anh không làm việc đó, mà chỉ bàn tán dông dài về việc đó? - Các anh thấy đó là hành vi nực cười, trẻ con... Tôi và những người đồng chí với tôi đều tin chắc rằng việc thực hiện cách mạng xã hội ở nước Nga chẳng có khó khăn gì cả, bất cứ lúc nào cũng có thể phát động nhân dân Nga tiến hành cuộc tổng phản kháng bằng cách mạng" (!). "Thật vậy, niềm tin ấy đang đặt cho chúng ta trách nhiệm phải tiến hành hoạt động thực tiễn nhất định, nhưng nó không mâu thuẫn chút nào với ích lợi và sự cần thiết của việc tuyên truyền bằng sách báo. *Chúng ta* tin như thế cũng chưa đủ; chúng ta mong những người khác cũng chia sẻ với chúng ta niềm tin đó. Những người đồng chí của chúng ta càng nhiều bao nhiêu, chúng ta cảm thấy bản thân mình càng mạnh lên bấy nhiêu, chúng ta sẽ giải quyết trong thực tiễn nhiệm vụ ấy càng dễ dàng hơn bấy nhiêu"<sup>447</sup>.

Quả là những lời tuyệt diệu! Những lời lẽ ấy nghe ra thật là bùi tai, thật là hợp tình hợp lý, thật là đức độ, thật là có sức thuyết phục. Những lời lẽ ấy nghe ra hoàn toàn giống như là ông Tca-trép viết cuốn sách mỏng của mình chỉ để chứng minh ích lợi của việc tuyên truyền bằng sách báo, còn tôi, một thằng trẻ con non choẹt thiếu kiên nhẫn, đã trả lời ông ta: quý tha ma bắt cái công tác tuyên truyền bằng sách báo đi, đã đến lúc phát động khởi nghĩa rồi! - Vậy thì, trên thực tế tình hình như thế nào?

Ông Tca-trép mới mở đầu cuốn sách mỏng của mình liền bỏ phiếu không tín nhiệm đối với việc tuyên truyền bằng tạp chí

(chính đó lại là một hình thức tuyên truyền bằng sách báo có hiệu quả nhất), ông ta tuyên bố rằng không nên "bỏ phí quá nhiều sức lực cách mạng" vào việc đó, bởi vì "so với cái lợi mà việc đó có thể mang lại khi nó được vận dụng hợp lý, thì cái hại mà việc đó gây ra khi nó được vận dụng không hợp lý, sẽ lớn hơn vô vàn". Ông Tca-trép của chúng ta đánh giá việc tuyên truyền bằng sách báo cao như thế đấy. Nhưng, đặc biệt là khi anh muốn tiến hành việc tuyên truyền như thế, khi anh muốn chiêu mộ cho mình những người đồng chí, mà chỉ đưa ra những tuyên cáo thôi thì chưa đủ; phải tiến hành việc chứng giải và, do đó, phải xem xét vấn đề về mặt lý luận, tức là quy cho cùng phải nghiên cứu vấn đề một cách khoa học. Về điểm này, ông Tca-trép tuyên bố với ông chủ bút của tạp chí "Tiến lên":

"Cuộc chiến tranh triết học của ngài, việc tuyên truyền có tính chất lý luận thuần túy và khoa học thuần túy mà tạp chí của ngài đang tiến hành... xét về mặt lợi ích của chính đảng cách mạng, thì chẳng những không có lợi, mà thậm chí còn có hại"<sup>448</sup>.

Các anh thấy đấy, chúng ta càng đi sâu nghiên cứu những quan điểm của ông Tca-trép đối với việc tuyên truyền bằng sách báo, thì chúng ta càng đi vào chỗ bế tắc, càng ít biết được ông ta muốn gì. Thật vậy, ông ta muốn gì? Chúng ta hãy nghe tiếp.

"Chẳng lẽ các anh không hiểu rằng người cách mạng luôn luôn cho rằng và phải cho rằng mình có quyền kêu gọi nhân dân vùng lên khởi nghĩa; rằng người cách mạng khác với nhà triết học tầm thường ở chỗ người cách mạng không chờ đợi khi nào trào lưu của những sự kiện lịch sử sẽ chỉ rõ thời cơ, mà tự mình chọn lấy thời cơ; rằng người cách mạng thừa nhận nhân dân luôn luôn sẵn sàng làm cách mạng (tr.10)... Ai không tin vào khả năng của cách mạng hiện nay, kẻ đó không tin vào nhân dân, không tin nhân dân đang chuẩn bị làm cách mạng (tr.11)... Đó là lẽ tại sao chúng ta không thể chờ đợi, đó là lẽ tại sao chúng ta khẳng định rằng cách mạng ở nước Nga thật là cần thiết và cần thiết đúng *vào lúc này*: chúng ta không chấp nhận bất cứ sự trì hoãn nào, bất cứ sự chậm trễ nào. Bây giờ mà không làm, thì còn lâu nữa mới có thể làm và có thể là *chẳng bao giờ* làm được (tr.16)... Bất cứ dân tộc nào bị đè nén bởi sự chuyên quyền và bị hành hạ bởi bọn lóc lết... bất cứ dân tộc nào

như vậy (*tất cả mọi* dân tộc đều ở trong tình trạng như vậy) do bản thân những điều kiện của hoàn cảnh xã hội của mình - đều là người cách mạng; họ luôn luôn *có thể*, họ luôn luôn *muốn* làm cách mạng; họ luôn luôn sẵn sàng làm cách mạng (tr.17)... Song chúng ta không thể và không muốn chờ đợi (tr.34)... Bây giờ không *phải là lúc* tập hợp kéo dài nữa, không phải là lúc chuẩn bị mãi, - mỗi một người hãy nhanh chóng thu dọn hành trang của mình và mau mau lên đường. Làm gì? Vấn đề đó không làm bận tâm chúng ta nữa. Nó đã được giải quyết từ lâu rồi. Làm cách mạng. - Làm như thế nào? Ai có thể làm như thế nào thì làm như thế ấy, ai biết làm như thế nào thì làm như thế ấy (tr.39)".

Điều đó, theo tôi, hình như đã khá rõ. Vì vậy, tôi đề nghị với chàng nhóc Các Mi-xnich: nếu không thể làm khác được, nếu nhân dân sẵn sàng làm cách mạng và anh cũng sẵn sàng, nếu dù sao anh cũng không muốn và không thể chờ đợi thêm nữa, và cũng không có quyền chờ đợi, nếu anh được quyền chọn thời điểm khởi nghĩa, và cuối cùng, nếu vấn đề được đặt ra là: bây giờ mà không làm thì chẳng bao giờ làm được! - thế thì, cậu bé Các hết sức yêu quý ơi, cậu hãy làm điều mà cậu không thể khước từ, hãy làm cách mạng ngay bây giờ và hãy đập tan cái nhà nước Nga đi, bằng không, e rằng rút cuộc cậu sẽ gây nên tai họa lớn hơn cơ đấy!

Cậu Các Mi-xnich làm những gì nào? Cậu ta lao vào cuộc chiến đấu chẳng? Tiêu diệt nhà nước Nga chẳng? Giải phóng nhân dân Nga chẳng, - "nhân dân bất hạnh ấy đang đổ máu, đội vòng hoa gai, bị đóng đinh vào giá chữ thập của kẻ nô lệ", nhân dân mà nỗi đau khổ của họ không cho phép cậu ta chờ đợi nữa?

Cậu ta cũng chẳng nghĩ đến điều đó. Các Mi-xnich với bộ mặt đầy nước mắt vô tội bị sỉ nhục, quay về phía công nhân Đức lên tiếng: các người hãy xem, cái lão vô lại Ăng-ghen đang nói vu cho tôi đấy; hẳn viết rằng tôi nói phải khởi nghĩa ngay tức khắc; nhưng thực ra thì vấn đề hoàn toàn không phải như vậy, mà là tiến hành *tuyên truyền bằng sách báo*, cái lão Ăng-ghen ấy - việc mà bản thân hẳn làm cũng chỉ là tuyên truyền bằng

sách báo mà thôi, - đang vờ vĩnh một cách không biết hổ thẹn, như thể không hiểu "cái lợi của tuyên truyền bằng sách báo".

Chờ đợi! Tuyên truyền bằng sách báo! Có thật chúng ta có quyền chờ đợi không, có quyền bỏ phí thời gian vào việc tuyên truyền bằng sách báo không? Phải biết rằng mỗi giờ mỗi phút làm cho chúng ta xa cách mạng thì nhân dân phải trả giá hàng ngàn sinh mạng! (tr.14). Bây giờ không phải là lúc tuyên truyền bằng sách báo, bây giờ cần phải làm cách mạng - bây giờ mà không làm, thì có thể chẳng bao giờ làm được... chúng ta không chấp nhận bất cứ sự trì hoãn nào, bất cứ sự chậm trễ nào. Ấy thế mà chúng ta còn phải tiến hành tuyên truyền bằng sách báo đấy! Ôi, lạy Chúa, phải chẳng đó là một con người có sức sống đang nói với những người có sức sống, và con người đó gọi là Pi-e Tca-trép!

Tôi gọi những lời nói ba hoa về việc khởi nghĩa ngay tức khắc - mà bây giờ người ta đang chối một cách vô sỉ - là những lời nói "ấu trĩ", lẽ nào gọi như thế là sai? Những lời nói ba hoa ấy ấu trĩ đến mức mà về mặt này tác giả có lẽ đã đạt tới tột đỉnh ở đây rồi. Thế mà ông ta còn vượt trội cả bản thân mình nữa. Chủ bút của tạp chí "Tiến lên" có dẫn chứng một đoạn trong bản tuyên cáo do ông Tca-trép thảo ra gửi nông dân Nga. Trong tuyên cáo, ông Tca-trép miêu tả như sau về chế độ sau khi cách mạng xã hội hoàn thành:

"Bác nông phu cũng sẽ sống rất sung sướng, sẽ sống một cuộc đời vui vẻ... tiền đầy túi, không phải là tiền xu, mà là tiền vàng thật. Sức vật đủ mọi thứ và gà vịt đếm không xuể. Trên bàn ăn đủ các thứ thịt, cả bánh ngọt thật hảo hạng và rượu ngon, ăn cả ngày. Bác sẽ vừa ăn vừa uống - bụng có thể chứa được bao nhiêu thì chứa bấy nhiêu, còn làm bao nhiêu thì tùy ý. Và cũng chẳng ai dám ép buộc bác làm gì cả: muốn ăn thì ăn, muốn ngủ thì ngủ mình bên lò sưởi..."<sup>49</sup>

Một con người viết ra một bản tuyên cáo như vậy, lại tỏ ý oán trách ngay khi tôi mới chỉ gọi ông ta là một học sinh trung học ấu trĩ, hết sức non nớt!



Ông Tea-trép nói tiếp:

"Cố sao các anh lại chỉ trích hoạt động bí mật của chúng tôi? Nếu từ bỏ hoạt động bí mật, kín, bất hợp pháp, thì chúng tôi ắt phải từ bỏ mọi hoạt động cách mạng nói chung. Nhưng các anh cũng trừng phạt chúng tôi về tội chúng tôi ở đây, ở Tây Âu... cũng không muốn từ bỏ những thói quen hoạt động bí mật của chúng tôi, do đó mà làm trở ngại... cho phong trào công nhân quốc tế vĩ đại"<sup>150</sup>.

Thứ nhất, cho rằng những người cách mạng Nga không có thủ đoạn nào khác ngoài hoạt động âm mưu, nói như thế là không đúng. Chính bản thân ông Tea-trép vừa mới nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuyên truyền bằng sách báo từ phương Tây lan sang nước Nga kia mà! Và chẳng, ngay trong nước, đặc biệt là trong các thành phố, cũng không thể hoàn toàn cắt đứt con đường tiến hành tuyên truyền miệng trong nhân dân, cho dù ông Tea-trép vì lợi ích của mình, có nói những gì về vấn đề này đi nữa. Bằng chứng tốt nhất về điều đó là trong thời gian có những vụ bắt bớ hàng loạt gần đây ở nước Nga, phần đông những người bị bắt không phải là những người có học thức hoặc sinh viên, mà là công nhân.

Thứ hai, tôi sẽ bay lên cung trăng trước khi Tea-trép giải phóng nước Nga, chỉ cần ông ta chứng minh cho tôi rằng tôi đã khẳng định, ở nơi nào đó, vào một lúc nào đó trong hoạt động chính trị của tôi, rằng trong bất cứ điều kiện nào hoạt động âm mưu nói chung đều không thể chấp nhận được. Tôi sẽ từ cung trăng gửi xuống cho ông ta cái gì đó làm kỷ niệm, chỉ cần ông ta chứng minh cho tôi rằng trong bài báo của tôi, ngoài những âm mưu chống Quốc tế, tức ngoài việc nói về Đồng minh ra, tôi còn nói đến những âm mưu khác. Vâng, giá mà các ngài phái Ba-cu-nin nước Nga trên thực tế đã thực sự hoạt động bí mật chống Chính phủ Nga thì hay lắm! Giá như họ, những "nhà hoạt động" (dejateli) ấy, như họ tự xưng một cách hợp hĩnh, không tiến hành những âm mưu đáng thương dựa trên sự dối trá và lừa bịp các đồng chí của mình, ví như vụ âm mưu của Ne-sa-ép, một người mà

Tea-trép coi là "tiêu biểu cho thanh niên thời đại ngày nay của chúng ta", giá như họ không tiến hành âm mưu chống phong trào công nhân châu Âu, ví như âm mưu của Đồng minh đã bị vạch trần một cách dễ dàng và do đó đã bị tiêu diệt, mà cuối cùng đã có thể làm được một sự nghiệp chân chính nào đó khả dĩ chứng minh rằng họ thật sự có tổ chức, rằng họ còn làm việc khác nữa, ngoài ý đồ thành lập một nhóm mười người; giá mà được như vậy thì hay quá! Nhưng họ không làm như thế, mà chỉ hét oang lên khắp cả thế giới: chúng tôi đang hoạt động bí mật, chúng tôi đang hoạt động bí mật đây! - y hệt như những nhà hoạt động âm mưu trong ca kịch gào lên bài hợp xướng đủ các thứ giọng: khê chú! chó âm lên! Và tất cả những lời lẽ lừa bịp về những âm mưu đang được thực hiện rộng rãi khắp nơi, chỉ là một bức màn che đậy, đằng sau đó không ẩn giấu cái gì khác ngoài sự không hành động cách mạng chống lại chính phủ các nước và những mưu mô chạy theo hư danh trong đảng cách mạng.

Sở dĩ các ngài ấy nổi khùng lên như vậy là vì trong "Âm mưu chống Quốc tế", chúng tôi đã thẳng tay vạch trần tất cả những sự bịp bợm ấy<sup>1\*</sup>. Họ bảo, như thế là "bất nhã". Họ bảo rằng, khi chúng tôi vạch mặt ông Ba-cu-nin thì chúng tôi tìm cách "bôi nhọ một trong những đại diện vĩ đại nhất, đầy tinh thần hy sinh quên mình nhất của thời đại cách mạng mà chúng ta đang sống", hơn thế nữa, bôi nhọ... bằng "sự bản thủ". Song, cái bản thủ sờ sờ ra đó lại hoàn toàn là chế phẩm của bản thân ông Ba-cu-nin, và cũng chưa phải là cái chế phẩm tồi nhất đâu. Trong tác phẩm nói trên, ông Ba-cu-nin được mô tả còn quá ư sạch sẽ. Chúng tôi chỉ mới trích dẫn §18 của Vấn đáp cách mạng, điều khoản này quy định phải xử sự như thế nào đối với giới quý tộc và giai cấp tư sản Nga, phải "nắm những bí mật bản thủ của họ và bằng cách đó biến họ thành những nô lệ của chúng ta, sao cho tài sản của họ v.v. sẽ trở thành kho tàng vô tận và chỗ dựa

1\* Xem tập này, tr. 497 - 634.

quý giá trong tất cả mọi sự khởi xướng". Cho đến nay chúng tôi vẫn chưa kể xem điều này đã được thực hiện trong thực tiễn ra sao. Về vấn đề này có nhiều điều có thể nói; vào lúc thích hợp chúng tôi sẽ trình bày.

Như thế thì rõ ràng là tất cả những lời lẽ mà ông Tca-trép, với bộ mặt đức độ của kẻ vô tội bị sỉ nhục - cái bộ mặt đó rất thích hợp với tất cả những phần tử thuộc phái Ba-cu-nin, - đã đưa ra để trách mắng tôi, đều dựa trên những luận đoán mà chẳng những ông ta biết rõ là giả dối, mà còn là điều bịa đặt đê tiện và đểu cáng của chính bản thân ông ta. Đến đây chúng tôi xin chấm dứt phần riêng tư của "bức thư ngỏ" của ông ta.

## V VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở NGA<sup>451</sup>

Ông Tca-trép tiện thể thông báo với công nhân Đức rằng tôi chẳng "hiểu biết một chút gì" về nước Nga, rằng trái lại, tôi chỉ tỏ ra là "ngu si dốt nát"; vì thế, ông ta cảm thấy cần phải giải thích cho họ rõ tình hình đúng với sự thật, đặc biệt là những nguyên nhân khiến cho cách mạng xã hội có thể thực hiện được vào lúc này ở Nga một cách rất dễ dàng, dễ dàng hơn rất nhiều so với ở Tây Âu.

"Ở nước chúng tôi, không có giai cấp vô sản thành thị, đó là sự thật: song ở nước chúng tôi, cũng lại không có giai cấp tư sản... Công nhân chúng tôi chỉ phải đấu tranh với *quyền lực chính trị* thôi: *quyền lực của tư bản* ở nước chúng tôi còn mới phôi thai. Còn ngài, thưa ngài, hẳn là đã biết rằng đấu tranh với quyền lực chính trị thì dễ dàng hơn rất nhiều so với đấu tranh với quyền lực của tư bản"<sup>452</sup>.

Sự chuyển biến mà chủ nghĩa xã hội hiện đại đang cố gắng đạt tới, nói vắn tắt, chính là thắng lợi của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản và xây dựng một tổ chức xã hội mới bằng con đường thủ tiêu mọi sự khác biệt về giai cấp. Muốn vậy, chẳng những phải có một giai cấp vô sản thực hiện sự chuyển biến đó, mà cũng còn phải có một giai cấp tư sản mà trong tay nó lực lượng sản xuất xã hội phát triển đến mức có thể thủ tiêu triệt để những sự khác biệt về giai cấp. Người nông muội và người nửa nông muội thường thường không có sự khác biệt về giai cấp nào cả và mỗi dân tộc đều đã trải qua tình trạng đó. Chúng tôi

cũng không thể nghĩ rằng cần phải khôi phục lại tình trạng ấy, chỉ vì một lẽ là với sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội thì từ tình trạng đó, tất phải nảy sinh ra những sự khác biệt về giai cấp. Chỉ đến một giai đoạn phát triển nhất định của lực lượng sản xuất xã hội, - một giai đoạn phát triển rất cao ngay cả trong những điều kiện ngày nay của chúng ta, - mới có khả năng nâng cao sản xuất đến một trình độ khiến cho việc xoá bỏ những sự khác biệt về giai cấp trở thành một bước tiến bộ thật sự, khiến cho sự xoá bỏ đó được vững chắc và không dẫn đến tình trạng đình trệ, hoặc thậm chí đến tình trạng suy sụp trong phương thức sản xuất xã hội. Nhưng chỉ trong tay giai cấp tư sản thì lực lượng sản xuất mới đạt tới giai đoạn phát triển đó. Bởi vậy, giai cấp tư sản, về mặt này, cũng là một điều kiện có trước, cần thiết của cách mạng xã hội chủ nghĩa như bản thân giai cấp vô sản. Vì thế, kẻ nào có thể khẳng định rằng ở một nước *tuy* không có giai cấp vô sản, nhưng, *trái lại*, cũng không có giai cấp tư sản, thì càng dễ tiến hành cuộc cách mạng ấy, - kẻ đó chỉ chứng tỏ rằng còn phải học sách vở lòng về chủ nghĩa xã hội.

Như vậy là công nhân Nga - những công nhân này, như bản thân ông Tca-trép nói, vẫn là "những người làm ruộng và đã là như thế thì không phải là người vô sản mà là *người tư hữu*" - làm cách mạng dễ dàng hơn, vì họ chỉ cần phải tiến hành đấu tranh không phải với quyền lực của tư bản, mà "với quyền lực chính trị", với nhà nước Nga. Và nhà nước này

"chỉ khi nhìn từ xa, mới tưởng là một lực lượng... Nó không có gốc rễ trong đời sống kinh tế của nhân dân, nó không thể hiện lợi ích của một tầng lớp nào cả... Ở nước các anh, nhà nước hoàn toàn không phải là lực lượng tưởng tượng. Nó đứng hai chân trên tư bản; nó thể hiện" (!) "những lợi ích kinh tế nhất định... ở nước chúng tôi, tình hình trái ngược hẳn; hình thái xã hội của chúng tôi sở dĩ tồn tại được là nhờ có một nhà nước có thể nói là đang treo lơ lửng trên không trung, một nhà nước không hề có một cái gì chung với chế độ xã hội hiện tồn, một nhà nước có gốc rễ nằm trong quá khứ, chứ không phải trong hiện tại".

Chúng tôi sẽ không bàn đến quan điểm lẫn lộn cho rằng lợi ích kinh tế cần phải tồn tại để *thể hiện* bản thân nó trong cái nhà nước do bản thân nó tạo ra, hoặc cũng không bàn đến sự khẳng định táo bạo cho rằng "hình thái xã hội" Nga (chế độ sở hữu công xã của nông dân cũng thuộc hình thái đó) "sở dĩ tồn tại được là nhờ có nhà nước"; mà cũng không bàn đến luận điểm mâu thuẫn cho rằng nhà nước ấy "không hề có một cái gì chung" với chế độ xã hội hiện tồn, có thể nói là do nó tạo ra. Tốt nhất là cứ nhìn ngay vào cái "nhà nước đang treo lơ lửng trên không trung" ấy, cái nhà nước không đại diện cho lợi ích của một tầng lớp nào cả.

Ở phần nước Nga thuộc châu Âu, nông dân chiếm hữu 105 triệu dê-xi-a-tin ruộng đất, quý tộc (ở đây tôi gọi đại diện địa chủ là quý tộc cho gọn) chiếm hữu 100 triệu dê-xi-a-tin, trong đó gần một nửa thuộc 15 000 nhà quý tộc, như vậy trung bình mỗi người chiếm hữu 3 300 dê-xi-a-tin. Vậy thì ruộng đất của nông dân so với ruộng đất của quý tộc chỉ nhiều hơn chút ít. Như quý vị thấy đấy, quý tộc chẳng hề quan tâm gì đến sự tồn tại của nhà nước Nga, cái nhà nước bảo đảm cho họ chiếm hữu một nửa ruộng đất của cả nước! Không phải chỉ có thế. Với diện tích một nửa của mình, nông dân mỗi năm phải nộp 195 triệu rúp thuế đất, còn quý tộc chỉ nộp có 13 triệu! Ruộng đất của quý tộc nói chung thì nhiều gấp đôi ruộng đất của nông dân vì trong việc chia đất khi diễn ra chế độ chuộc lại lao dịch, nhà nước đã tước của nông dân để giao cho quý tộc một số ruộng đất chẳng những nhiều hơn mà còn tốt nhất, hơn nữa, nông dân còn buộc phải trả giá về số ruộng đất xấu hơn của mình cho quý tộc theo giá ruộng đất tốt nhất<sup>1)</sup>. Vậy mà giới quý tộc chẳng hề quan tâm gì đến sự tồn tại của nhà nước Nga!

1) Chỉ có Ba Lan là ngoại lệ, ở đó chính phủ có ý định làm phá sản giới quý tộc thù địch với chính phủ và lôi kéo nông dân về phía mình. (*Chú thích này là ở trong bản đăng trên báo "Volksstaat"; trong các lần xuất bản năm 1875 và 1894 không có chú thích này.*)

Nông dân , - số đông nông dân, - do hậu quả của việc chuộc lại, đã lâm vào tình cảnh khốn cùng, hoàn toàn không thể chịu đựng được. Nông dân không những bị tước mất phần ruộng đất lớn nhất và tốt nhất của họ, thành thử ngay cả trong những vùng phì nhiêu nhất của đế chế này, những phần đất của nông dân - căn cứ theo điều kiện canh tác của nước Nga - cũng trở nên quá nhỏ, khó mà nuôi sống họ. Nông dân không những phải trả cho mảnh đất đó một giá hết sức cao, số tiền phải trả là do nhà nước ứng trước cho họ và giờ đây họ phải trả dần cho nhà nước cả gốc lẫn lãi. Nông dân không những phải gánh lấy hầu như toàn bộ gánh nặng thuế ruộng đất, trong khi đó thì quý tộc hầu như hoàn toàn được miễn thuế; chỉ riêng một khoản thuế ruộng đất này cũng đã nhiều bằng và thậm chí còn vượt quá toàn bộ giá trị địa tô thu được trên ruộng đất của nông dân, cho nên tất cả những khoản tiền khác mà nông dân phải nộp - về những khoản này, chúng tôi sẽ nói sau - đều là những khoản khấu trừ trực tiếp vào thu nhập của họ, tức là vào tiền công của họ. Không phải chỉ có thế. Ngoài thuế ruộng đất, ngoài tiền chuộc và lợi tức của khoản tiền được nhà nước ứng trước, thì sau khi thiết lập bộ máy quản lý địa phương, còn có thêm những khoản thu của tỉnh và huyện nữa. Hậu quả lớn nhất của cuộc "cải cách" này là làm tăng thêm những gánh nặng thuế má mới đối với nông dân. Nhà nước vẫn giữ nguyên toàn bộ những thu nhập của mình, nhưng một phần chi phí khá lớn thì lại dồn xuống cho tỉnh và huyện, tỉnh và huyện lại thu những khoản thuế mới để bù cho những chi phí ấy, và ở nước Nga, có cái lệ là các tầng lớp trên hầu như không phải nộp thuế, còn nông dân thì hầu như phải nộp tất cả các thứ thuế.

Tình hình đó dường như được cố ý tạo ra để phục vụ bọn cho vay nặng lãi, và ở nước Nga thì không thiếu bọn cho vay nặng lãi, vì người Nga có cái tài hầu như vô song là khéo buôn bán dưới những hình thức hạ đẳng, khéo lợi dụng thời cơ và giở những màn khoé lừa bịp gắn chặt với những hình thức buôn

bán ấy: không phải vô cớ mà ngay Pi-ốt I nói rằng một người Nga ăn đứt ba người Do Thái. Khi sắp đến hạn nộp thuế, kẻ cho vay nặng lãi, phú nông - thường là nông dân giàu của cùng một công xã - xuất hiện và đưa tiền mặt của mình ra. Nông dân cần phải có bằng được tiền mặt và buộc lòng phải chấp nhận những điều kiện của kẻ cho vay nặng lãi, không dám hé răng nói nửa lời. Như vậy nông dân lại càng bị chìm sâu vào gọng kìm, càng cần có thêm tiền mặt. Tới vụ thu hoạch, bọn con buôn lúa mì xuất hiện; vì cần có tiền nên người nông dân buộc phải bán đi một phần lúa mì cần để nuôi sống gia đình mình. Bọn con buôn lúa mì phao tin đồn nhảm để dìm giá, chỉ mua với giá hạ, và thường trả một phần bằng đủ mọi thứ hàng hoá tính giá rất cao, vì chế độ trả tiền bằng hàng hoá ở nước Nga rất là phát triển. Bởi vậy, việc xuất khẩu rất nhiều lúa mì ở Nga là trực tiếp dựa trên sự đói khổ của nông dân, - Một phương pháp khác để bóc lột nông dân là như sau: bọn đầu cơ thuê dài hạn một khu đất công của chính phủ, tự mình cày cấy khi đất còn mang lại mùa màng tốt không cần phân bón; rồi sau đó chúng chia khu đất thành nhiều mảnh nhỏ và đem số ruộng đất đã bạc màu ấy cho nông dân *láng giềng* có ít *ruộng* thuê với giá cao. Nếu trên kia, chúng ta đã thấy chế độ trả tiền bằng hàng hoá ở nước middlemen<sup>1\*</sup> của Ai-rơ-len. Tóm lại, không có nước nào khác mà ở đấy, mặc dù tình trạng mông muội nguyên thủy của xã hội tư sản, tính ăn bám tư bản chủ nghĩa lại phát triển như là ở nước Nga, đến nỗi khắp cả nước, tất cả quần chúng nhân dân đều bị cái lưới của tệ ăn bám ấy đè nén và trói buộc. Thế mà tất cả những con quỷ hút máu nông dân như vậy lại chẳng hề quan tâm đến sự tồn tại của cái nhà nước Nga đang dùng pháp luật và toà án để bảo vệ những thủ đoạn khéo léo kiếm lời của chúng đấy!

1\* - những kẻ môi giới

Giai cấp đại tư sản Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Ô-đét-xa, trong mười năm gần đây, đã phát triển nhanh chóng chưa từng thấy, đặc biệt là nhờ công cuộc xây dựng đường sắt, và đã bị cuộc khủng hoảng gần đây quật cho đau điếng; tất cả những nhà xuất khẩu lúa mì, gai dầu, gai lanh, dầu mỡ mà toàn bộ công việc buôn bán của họ là hoàn toàn dựa trên sự bần cùng của nông dân; toàn bộ nền đại công nghiệp Nga tồn tại được chỉ dựa vào chế độ thuế quan bảo hộ mà nhà nước đã ban cho nó, - lẽ nào tất cả những phần tử có ảnh hưởng và đang lớn lên nhanh chóng đó trong dân cư lại không quan tâm đến sự tồn tại của nhà nước Nga sao? Đây là chưa nói đến một đội quân quan lại đông vô kể đang tràn ngập nước Nga và cướp bóc nước Nga và đang hình thành nên ở đấy một tầng lớp thật sự. Và nếu bất chấp điều đó ông Tca-trép làm cho chúng ta tin rằng nhà nước Nga "không có gốc rễ trong đời sống kinh tế của nhân dân, nó không thể hiện lợi ích của một tầng lớp nào cả", rằng nhà nước ấy "đang treo lơ lửng trên không trung" thì chúng ta bắt đầu cảm thấy rằng không phải nhà nước Nga, mà nói cho đúng hơn, chính ông Tca-trép đang treo lơ lửng trên không trung.

Điều rõ ràng là tình cảnh của nông dân Nga, từ khi thoát khỏi cái địa vị bị lệ thuộc của nông nô, đã trở nên không thể chịu đựng nổi, là tình hình đó không thể kéo dài mãi được, và chính vì thế mà một cuộc cách mạng ở Nga đang đến gần. Vấn đề chỉ còn là ở chỗ xét xem kết quả của cuộc cách mạng ấy có thể là như thế nào và sẽ như thế nào? Ông Tca-trép nói rằng cuộc cách mạng ấy sẽ là một cuộc cách mạng xã hội. Đó chỉ thuần túy là một lối nói trùng lặp. Mọi cuộc cách mạng chân chính đều là cách mạng xã hội, vì nó đưa một giai cấp mới lên nắm quyền thống trị và đem lại cho giai cấp đó khả năng cải tạo xã hội theo hình mẫu của mình. Nhưng ông Tca-trép muốn nói rằng cách mạng đó sẽ là cách mạng xã hội chủ nghĩa, nó sẽ thực hiện ở nước Nga - trước khi chúng ta thực hiện được điều này ở phương Tây, - một hình thái xã hội mà chủ nghĩa xã hội Tây Âu đang

cố gắng đạt tới, - mà lại thực hiện như vậy trong một xã hội ở đó cả giai cấp vô sản lẫn giai cấp tư sản vẫn chưa tồn tại rộng khắp và còn đang ở trong một giai đoạn phát triển thấp! Thế mà đó là điều có thể thực hiện được, vì như ông ta nói, người Nga do có ác-ten và có chế độ sở hữu công xã về ruộng đất, nên là một dân tộc được lựa chọn để thực hiện chủ nghĩa xã hội!

Ông Tca-trép cũng chỉ nói lướt qua đến ác-ten thôi, nhưng ở đây, chúng ta phải bàn tới nó, vì ngay từ thời Ghéc-sen, nhiều người Nga đã gán cho nó một vai trò thần bí. Ác-ten là một hình thức hiệp hội rất phổ biến ở nước Nga, là một hình thức giản đơn nhất của sự hợp tác tự do như thường thấy trong những cuộc săn bắn của những bộ lạc săn bắn. Căn cứ theo tên gọi hay là căn cứ theo thực chất thì hình thức hợp tác này đều không phải bắt nguồn ở tộc Xla-vơ mà bắt nguồn từ tộc Ta-ta-rơ. Một mặt, cả tên gọi lẫn thực chất đều tồn tại ở những người Kiéc-ghi-dơ, người I-a-cút, v.v., và mặt khác, cũng tồn tại ở những người Xa-am, người Nhen-txơ ở những dân tộc Phần Lan khác<sup>1)</sup>. Bởi vậy, thoạt tiên, ác-ten ở nước Nga phát triển không phải ở miền Tây Nam, mà ở miền Bắc và miền Đông, tức ở những vùng tiếp giáp với người Phần Lan và người Ta-ta-rơ. Khí hậu khắc nghiệt đòi hỏi những hoạt động công nghiệp khác nhau, và tình trạng chưa phát triển đầy đủ của thành thị cùng tình trạng thiếu tư bản được bù lại bằng hình thức hợp tác đó trong chừng mực có thể được. - Một trong những đặc trưng quan trọng nhất của ác-ten, tức là việc các thành viên trong ác-ten phải bảo đảm cho nhau trước người thứ ba, ban đầu là dựa trên cơ sở những quan hệ dòng họ, giống như sự bảo đảm lẫn nhau ở những người Đức thời cổ, hình thức trả nợ máu, v.v.. - Và lại ở nước Nga, từ ác-ten

1) Về ác-ten, có thể tham khảo thêm "Sbornik materialow ob Arteljach v Rossiji" ("Tập tài liệu về ác-ten ở nước Nga"), tập I, Xanh-Pê-téc-bua. 1873).

không chỉ được dùng để chỉ mọi loại hoạt động chung, mà còn dùng để chỉ các tổ chức chung<sup>1\*</sup>.

Trong các ác-ten công nhân, bao giờ người ta cũng bầu ra một người trưởng (starosta) làm nhiệm vụ thủ quỹ, kế toán, v.v., khi cần còn làm nhiệm vụ quản lý và được lĩnh một khoản lương đặc biệt. Loại ác-ten này được lập ra:

1) cho các công cuộc kinh doanh nhất thời, sau khi kết thúc kinh doanh thì các ác-ten cũng giải tán;

2) trong số những người cùng làm một nghề nào đó, chẳng hạn trong số những phu bốc vác, v.v.;

3) cho các công cuộc kinh doanh thường xuyên, những xí nghiệp công nghiệp theo đúng nghĩa của từ đó.

Những ác-ten này được lập ra trên cơ sở một hợp đồng do toàn thể thành viên ký kết. Nếu những thành viên này không thể tự mình góp đủ số vốn cần thiết, như thường hay xảy ra chẳng hạn trong ngành làm pho-mát và ngành đánh cá (để mua lưới, tàu thuyền, v.v.) thì ác-ten sẽ sa vào nanh vuốt của bọn cho vay nặng lãi, chúng sẽ cho vay khoản tiền còn thiếu với lãi suất rất cao và từ lúc đó chúng sẽ bỏ túi phần lớn số thu nhập của lao động trong những ác-ten ấy. Nhưng những ác-ten hoàn toàn được chủ xí nghiệp thuê mượn như các công nhân làm thuê thì lại càng bị bóc lột một cách đê tiện hơn. Bản thân những ác-ten ấy tự mình quản lý lấy hoạt động công nghiệp của mình, thành thủ tiết kiệm chi phí về giám sát cho nhà tư bản. Nhà tư bản cho họ thuê những túp lều để ở và cho họ vay tiền ăn, và do đó, lại phát triển một cách đê tiện nhất chế độ trả tiền bằng hàng hoá. Trong số công nhân đốn gỗ và công nhân nấu nhựa ở tỉnh Ác-khan-ghen-xơ, trong rất nhiều ngành nghề ở Xi-bia

<sup>1\*</sup> Tiếp đó là câu: "Số giao dịch cũng là một loại ác-ten", câu này bị Ăng-ghen gạch bỏ trong lần xuất bản năm 1894.

và ở những nơi khác, tình hình đều như thế cả (xem: Phlê-rốp-xki. "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Nga". Xanh-Pê-téc-bua, 1869)<sup>453</sup>. Như vậy, ác-ten ở đây là cái công cụ làm cho nhà tư bản rất *dễ bề* bóc lột công nhân làm thuê. Nhưng mặt khác, cũng có những ác-ten tự mình sử dụng những công nhân làm thuê *không phải* là thành viên của mình.

Như vậy, ác-ten là một hội hợp tác nảy sinh ra một cách tự phát và vì thế còn rất kém phát triển, và bản thân hội này cũng không phải là một cái gì riêng của Nga hoặc thậm chí riêng của Xla-vơ. Những hội hợp tác như vậy đều được lập ra ở bất cứ chỗ nào cần có chúng: trong ngành sữa ở Thụy Sĩ; trong ngành đánh cá ở Anh, nơi mà các hội hợp tác thậm chí rất đa dạng. Công nhân đào đất Xi-lê-di (họ là người Đức chứ hoàn toàn không phải là người Ba Lan), trong những năm 40 đã xây dựng biết bao nhiêu đường sắt của nước Đức, đều tập hợp nhau lại trong những ác-ten thật sự. Cố nhiên là ưu thế của hình thức này ở nước Nga chứng minh rằng nhân dân Nga đang có một xu hướng liên hiệp rất mãnh liệt, nhưng nó vẫn hoàn toàn chưa chứng minh rằng xu hướng đó cho phép nhân dân Nga có thể nhảy thẳng từ ác-ten sang chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Muốn thực hiện bước chuyển đó, trước hết cần phải làm sao cho bản thân ác-ten có thể phát triển, vứt bỏ cái hình thức tự phát khiến cho ác-ten, như chúng ta đã thấy, phục vụ cho nhà tư bản nhiều hơn là phục vụ công nhân, và *ít ra* nó cũng phải được nâng lên đến trình độ của những hội hợp tác Tây Âu. Nhưng, nếu như lần này mà tin theo lời ông Tca-trép (như vậy quả là quá ư mạo hiểm, sau khi đã trình bày tất cả những điều nói trên), thì cũng còn rất lâu mới đạt được như vậy. Ngược lại, với một thái độ ngạo mạn rất điển hình của quan điểm của ông ta, ông ta quả quyết nói với chúng ta rằng:

"Còn về những hội hợp tác và hội tín dụng theo kiểu Đức" (!) "được du nhập một cách giả tạo cách đây không lâu vào nước Nga thì những hội đó được đa số

công nhân chúng ta tiếp nhận một cách hoàn toàn lãnh đạm và hầu như đầu đầu cũng đều bị thất bại hoàn toàn".

Ít ra thì hội hợp tác hiện đại cũng đã chứng minh rằng nó có khả năng độc lập kinh doanh một cách có lợi những hoạt động công nghiệp lớn (các xí nghiệp sợi và dệt ở Lan-kê-si-a). Còn ác-ten thì cho đến nay, chẳng những không có khả năng đó, mà còn không tránh khỏi bị diệt vong khi đụng độ với nền đại công nghiệp, nếu nó không tiếp tục phát triển.

Chế độ sở hữu công xã của nông dân Nga do cố vấn của Chính phủ Phổ là Hắc-xơ-hau-den phát hiện vào năm 1845, và ông ta đã tuyên truyền rùm beng cho chế độ sở hữu ấy trên khắp thế giới coi như một cái gì hoàn toàn kỳ diệu, mặc dù tại quê hương Ve-xơ-pha-li của mình, Hắc-xơ-hau-den vẫn còn có thể tìm thấy không ít những tàn dư của chế độ sở hữu công xã mà với tư cách là một quan chức chính phủ ông ta ắt phải biết rất chính xác<sup>454</sup>. Ghéc-sen, bản thân là một địa chủ Nga, đã nhờ Hắc-xơ-hau-den mà lần đầu tiên biết được rằng nông dân của ông ta đã chiếm hữu chung ruộng đất, nên ông ta đã lợi dụng điều đó để miêu tả nông dân Nga là những người đại diện chân chính của chủ nghĩa xã hội, là những người cộng sản bẩm sinh, trái ngược với công nhân Tây Âu già cỗi, mục nát, đang phải nặn óc nghĩ ra chủ nghĩa xã hội. Những hiểu biết đó từ Ghéc-sen truyền sang Ba-cu-nin, rồi từ Ba-cu-nin truyền sang ông Tca-trép. Chúng ta hãy lắng nghe ông Tca-trép nói:

"Nhân dân ta... tuyệt đại bộ phận... đều thấm nhuần những nguyên tắc của chế độ chiếm hữu công xã: họ - nếu có thể nói như thế này - là những người cộng sản theo bản năng, theo truyền thống. Tư tưởng về chế độ sở hữu tập thể đã gắn liền với toàn bộ thế giới quan của nhân dân Nga" (sau đây chúng ta sẽ thấy, thế giới của nông dân Nga là rộng lớn tới chừng nào) "một cách chặt chẽ đến nỗi hiện giờ, khi chính phủ bắt đầu hiểu rằng tư tưởng này không hợp với những nguyên tắc của xã hội "hoàn thiện" và vì những nguyên tắc này, mà nó muốn làm cho tư tưởng tư hữu thâm nhập vào ý thức nhân dân và đời sống nhân dân, thì chính phủ chỉ có thể thực

hiện được điều đó bằng cách dùng lưới lê và roi vọt. Từ đó thấy rõ rằng nhân dân ta mặc dù ngu si dốt nát nhưng vẫn gần chủ nghĩa xã hội hơn các dân tộc Tây Âu, mặc dù các dân tộc Tây Âu có học thức hơn nhân dân ta".

Thực ra, chế độ sở hữu công xã về ruộng đất là một thiết chế mà chúng ta có thể thấy ở giai đoạn phát triển thấp trong tất cả các dân tộc Ấn - Âu, từ Ấn Độ đến Ai-rơ-len và thậm chí trong những người Ma-lai-xi-a chịu ảnh hưởng của Ấn Độ, chẳng hạn như ở Gia-va. Năm 1608, sự tồn tại của chế độ sở hữu công xã về ruộng đất đã được công nhận trên miền Bắc Ai-rơ-len vừa mới bị chinh phục, đã trở thành cái cớ cho người Anh tuyên bố rằng ruộng đất là vô chủ và tịch thu ruộng đất ấy cho nhà vua. Ở Ấn Độ, đến ngày nay, vẫn còn có rất nhiều hình thức của chế độ sở hữu công xã. Ở nước Đức, chế độ sở hữu đó là hiện tượng phổ biến; những ruộng đất công hiện vẫn còn tồn tại ở một số địa phương, là những tàn dư của chế độ sở hữu công xã; người ta vẫn thường thấy, đặc biệt là ở miền núi, những vết tích rõ rệt của chế độ sở hữu ấy: việc định kỳ chia lại đất công, v.v.. Có thể tìm thấy những điều chỉ dẫn và những chi tiết rõ ràng hơn về chế độ chiếm hữu công xã về ruộng đất ở nước Đức thời cổ trong nhiều tác phẩm của Mau-rơ, là những tác phẩm kinh điển về vấn đề đó<sup>455</sup>. Ở Tây Âu, bao gồm cả Ba Lan và Tiểu Nga, chế độ sở hữu công xã này, trên một giai đoạn nhất định của sự phát triển xã hội, đã trở thành xiềng xích, cản trở nền sản xuất nông nghiệp và dần dần bị xoá bỏ. Ngược lại, ở Đại Nga (tức là nước Nga chính cống), chế độ sở hữu này còn được duy trì cho đến ngày nay, như vậy chúng ta thấy rằng ở đây nền sản xuất nông nghiệp và những quan hệ xã hội nông thôn tương ứng với nền sản xuất đó còn đang nằm trong tình trạng rất kém phát triển, mà trên thực tế thì đúng như thế. Nông dân Nga sống và hoạt động chỉ trong công xã của mình; phần thế giới còn lại chỉ tồn tại đối với người nông dân Nga trong chừng mực thế giới đó tham dự vào công việc công xã của họ. Điều đó đúng đến mức là trong tiếng Nga, chữ "mir" vừa có nghĩa là "thế giới",

lại vừa có nghĩa là "công xã nông dân" - "Ves' mir", tức "toàn thể giới", theo ngôn ngữ của người nông dân, có nghĩa là đại hội xã viên công xã. Bởi vậy, nếu như ông Tca-trép nói đến "*thế giới quan*" của nông dân Nga thì rõ ràng là ông ta đã dịch sai từ "mir" của tiếng Nga. Tình trạng hoàn toàn biệt lập đó giữa từng công xã với nhau, - tình trạng quả là đã tạo nên trên cả nước những lợi ích giống nhau, nhưng tuyệt nhiên không phải là những lợi ích chung, - là cơ sở tự nhiên của *chế độ chuyên chế phương Đông*; từ Ấn Độ đến nước Nga, bất cứ ở chỗ nào mà hình thái xã hội ấy chiếm ưu thế thì nó đều sản sinh ra chế độ chuyên chế ấy, đều coi chế độ chuyên chế đó là cái bổ sung cho bản thân nó. Không phải chỉ nhà nước Nga nói chung, mà ngay cả hình thức đặc thù của nhà nước đó, tức chế độ chuyên chế Nga hoàng, đều hoàn toàn không bị treo lơ lửng trên không trung, mà là sản phẩm tất yếu và hợp lô-gích của những điều kiện xã hội Nga, và theo lời của ông Tca-trép, chế độ chuyên chế ấy "không có một cái gì chung" với những điều kiện này cả! Sự phát triển tiếp tục của nước Nga theo hướng *tư sản* sẽ dần dần tiêu diệt chế độ sở hữu công xã ở đây, mà không có bất cứ sự can thiệp nào của "lưỡi lê và roi vọt" của Chính phủ Nga. Điều đó lại càng như thế bởi vì nông dân ở Nga không cày cấy chung ruộng đất công xã để chỉ chia sản phẩm thôi như trong một số vùng của Ấn Độ hiện nay. Ngược lại, ở Nga, ruộng đất được phân chia lại theo định kỳ giữa những người chủ gia đình, và mỗi người sẽ cày cấy mảnh đất của mình cho bản thân mình. Tình hình đó có thể gây nên một sự bất bình đẳng rất lớn về của cải giữa các thành viên của công xã, và trên thực tế tình trạng bất bình đẳng này đang tồn tại. Hầu như khắp mọi nơi, trong các thành viên công xã, vẫn có một số nông dân giàu có, đôi khi là những nhà triệu phú, chuyên nghề cho vay nặng lãi và rút hết xương tuỷ của quần chúng nông dân. Điều đó, không ai biết rõ hơn ông Tca-trép. Ông ta làm cho công nhân Đức phải tin rằng chỉ có roi vọt và lưỡi lê mới có thể buộc nông dân Nga, những người

cộng sản theo bản năng, theo truyền thống ấy, phải từ bỏ "tư tưởng sở hữu tập thể", đồng thời ông ta lại kể lể trong tập sách mỏng tiếng Nga của mình, ở trang 15:

"Trong nông dân, đang hình thành một tầng lớp những kẻ cho vay nặng lãi (cu-lắc), những kẻ đi mua và những kẻ đi thuê ruộng đất của nông dân và của địa chủ, tức là một tầng lớp quý tộc nông dân".

Đó chính là một loại quỷ hút máu mà chúng tôi đã nói ở trên.

Cái đòn mạnh nhất giáng vào chế độ sở hữu công xã vẫn là việc chuộc lại lao dịch. Địa chủ nhận được phần ruộng đất lớn nhất và tốt nhất; phần còn lại dành cho nông dân thì khó mà đủ để duy trì cuộc sống của họ, mà thường là hoàn toàn không đủ để duy trì cuộc sống của họ. Đồng thời, rừng cũng rơi vào tay bọn địa chủ; củi đốt, gỗ đóng đồ và làm nhà mà trước kia nông dân có thể lấy không thì nay phải mua. Vì vậy, hiện giờ nông dân không có gì cả ngoài túp lều và mảnh đất trợ trợ, không có tư liệu để cày cấy; ruộng đất thường cũng không đủ để cho một gia đình có thể sống từ vụ mùa này đến vụ mùa sau. Trong điều kiện như vậy và dưới ách của thuế má và của bọn cho vay nặng lãi, chế độ sở hữu công xã về ruộng đất không còn là một ân huệ, mà trở thành xiềng xích. Nông dân thường cùng với gia đình hoặc một mình trốn khỏi công xã, bỏ ruộng đất của mình và đi làm nghề linh tính để kiếm ăn<sup>1)</sup>.

Do đó, ta thấy rõ ràng chế độ sở hữu công xã ở nước Nga từ lâu đã qua thời kỳ phồn vinh của nó rồi và hoàn toàn rõ ràng là nó đang có chiều tan rã. Song cũng chắc chắn là có thể chuyển hình thái xã hội này thành một hình thái cao hơn, miễn là hình thái đó tồn tại được cho đến khi những điều kiện thực hiện việc

1) Về tình cảnh của người nông dân, có thể tham khảo thêm báo cáo chính thức của Ủy ban nông nghiệp của chính phủ (năm 1873) và tác phẩm của Xcan-đin. "WZacholusti i w Stolice" ("Ở chốn hẻo lánh và ở thủ đô"). Xanh-Pê-téc-bua, 1870. Tác phẩm nói sau là do một phần tử bảo thủ ôn hoà viết.



chuyển như vậy đã chín muồi, và miễn là hình thái đó tỏ ra có khả năng phát triển theo chiều hướng là nông dân không canh tác riêng lẻ mà canh tác tập thể<sup>1)</sup>, đồng thời bước chuyển như vậy lên một hình thái cao hơn sẽ phải được thực hiện sao cho nông dân Nga không phải trải qua giai đoạn trung gian là chế độ sở hữu manh mún tư sản về ruộng đất. Nhưng điều đó chỉ có thể xảy ra, nếu ở Tây Âu một cuộc cách mạng vô sản thắng lợi được thực hiện trước khi có sự tan rã hoàn toàn của chế độ sở hữu công xã ấy, nó sẽ đem lại cho nông dân Nga những điều kiện cần thiết để thực hiện bước chuyển ấy, đặc biệt là mang lại những phương tiện vật chất mà nông dân cần có để tạo nên một sự chuyển biến gắn liền tất yếu với bước chuyển ấy trong toàn bộ chế độ canh tác của họ. Vì vậy, ông Tca-trép nói ra điều nhằm nhí hoàn toàn khi khẳng định rằng nông dân Nga, tuy là "người tư hữu", nhưng vẫn "gần chủ nghĩa xã hội hơn" so với công nhân Tây Âu không có tài sản. Trái hẳn lại. Nếu như có cái gì có thể cứu vãn được chế độ sở hữu công xã Nga và làm cho chế độ sở hữu đó có thể biến thành một hình thức mới, thực sự đẩy sức sống thì đó chính là cách mạng vô sản ở Tây Âu.

Ông Tca-trép giải quyết cách mạng chính trị cũng dễ dàng như ông ta giải quyết cách mạng kinh tế. Ông ta nói, nhân dân Nga "không ngừng chống lại" chế độ nô lệ bằng hình thức "lập ra các giáo phái... chống thuế... bọn ăn cướp (công nhân Đức có thể mừng cho mình vì Han-xơ-hung đồ trở thành cha của đảng Dân chủ - xã hội Đức) đốt nhà... bạo động.. và vì vậy có thể gọi nhân dân Nga là người cách mạng theo bản năng". Tất cả điều đó làm cho ông Tca-trép tin rằng "chỉ cần khơi dậy cùng

1) Ở Ba Lan, đặc biệt là ở tỉnh Grót-nô, là nơi do cuộc bạo động năm 1863 mà phần lớn địa chủ bị phá sản, thì hiện nay nông dân thường mua hoặc thuê những trang trại của địa chủ để cày cấy chung, vì lợi ích chung. Đã mấy thế kỷ nay những nông dân này không còn có chế độ sở hữu công xã nữa; hơn nữa, đây không phải là người Đại Nga, mà là người Ba Lan, người Lít-va và người Bê-lô-ru-xi-a.

một lực lượng trong nhiều địa phương nổi bất bình và giận dữ đã tích tụ lại... và luôn luôn sục sôi trong lòng nhân dân ta". Thế là "sự đoàn kết của các lực lượng cách mạng tự nó sẽ nảy sinh và cuộc đấu tranh... nhất định sẽ kết thúc một cách thuận lợi cho sự nghiệp của nhân dân. Sự cần thiết thực tế, bản năng tự vệ" cũng sẽ tự nó tạo ra "mối liên hệ vững chắc và không gì phá vỡ nổi giữa các công xã đang phản kháng".

Không thể hình dung được một cuộc cách mạng nào dễ dàng hơn và dễ chịu hơn. Chỉ cần phát động khởi nghĩa cùng một lúc ở ba bốn địa phương là ở đấy, "người cách mạng theo bản năng", "sự cần thiết thực tế", "bản năng tự vệ" "tự nó" sẽ làm được tất cả mọi việc khác. Đơn giản không thể hiểu nổi là nếu quá ư dễ dàng như vậy thì tại sao đã lâu rồi mà cách mạng chưa được tiến hành, nhân dân chưa được giải phóng và nước Nga chưa biến thành một nước xã hội chủ nghĩa kiểu mẫu.

Thực ra, tình hình hoàn toàn không phải như vậy. Nhân dân Nga, "người cách mạng theo bản năng" ấy, tuy quả thật đã tiến hành vô số cuộc khởi nghĩa nông dân riêng lẻ chống *quý tộc* và chống một số quan lại nào đó, nhưng *chưa hề bao giờ chống Nga hoàng*, trừ trường hợp có *kẻ mạo danh* Nga hoàng đứng ra cầm đầu nhân dân để đòi chiếm ngai vàng. Dưới thời E-ca-tê-ri-a II, số dĩ cuộc khởi nghĩa nông dân khổng lồ gần đây có thể nổ ra, chỉ vì Ê-me-li-an Pu-ga-sép mạo xưng là Pi-ốt III, chồng của bà ta, làm như là Pi-ốt III chưa bị vợ giết chết mà chỉ bị cướp ngôi và bị bỏ tù, nhưng đã trốn thoát được. Ngược lại, Nga hoàng được nông dân coi như một thượng đế sống dưới trần gian: Bog vysok, car daljok, tức là thượng đế thì cao thẳm, Nga hoàng thì xa vời, họ thốt lên như thế trong cơn tuyệt vọng. Chắc chắn rằng quần chúng nông dân, đặc biệt là từ khi chuộc lại lao dịch, bị đặt vào một tình thế ngày càng buộc họ phải đấu tranh với chính phủ và Nga hoàng, song những chuyện hoang đường về "người cách mạng theo bản năng" thì xin ông Tca-trép kể cho người khác nghe.

Ngoài điều đó ra, *giả thử* quần chúng nông dân Nga là những người cách mạng theo bản năng không ai bằng; *giả thử* chúng ta hình dung rằng có thể làm cách mạng theo đơn đặt hàng, như đặt làm một miếng vải in hoa hay làm một chiếc áo xa-mô-va - thì thử hỏi: một người đã hơn mười hai tuổi đầu rồi có nên quan niệm quá ư trẻ con về tiến trình cách mạng như chúng ta thấy ở đây không? Thật kỳ lạ là điều đó lại được viết ra ngay sau sự thất bại thảm hại của cuộc cách mạng đầu tiên được chế tạo theo kiểu Ba-cu-nin này: cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha năm 1873. Ở đây khởi nghĩa cũng bắt đầu cùng một lúc ở một số địa phương. Ở đây, người ta cũng trông đợi rằng sự cần thiết thực tế, bản năng tự vệ sẽ tự nó thiết lập mối liên hệ vững chắc và không gì phá vỡ nổi giữa các công xã đang phản kháng. Nhưng rút cuộc ra sao? Mỗi công xã, mỗi thành phố chỉ bảo vệ bản thân mình, còn việc giúp đỡ lẫn nhau thì không được nói đến, vì thế mà Pa-vi-a, trong tay chỉ có 3 000 lính, trong hai tuần lễ đã chinh phục được hết thành phố này đến thành phố khác và đã kết liễu toàn bộ cái công trình huy hoàng vô chính phủ chủ nghĩa ấy (xem bài của tôi "Phái Ba-cu-nin trong hành động"<sup>1\*</sup>, trong đó có viết tở mĩ về điều này).

Nước Nga, không còn nghi ngờ gì nữa, đang ở vào đêm trước của cuộc cách mạng. Nền tài chính của nó đã rối loạn đến cực độ. Sức ép của thuế má không nên trò trống gì nữa, lợi tức của quốc trái cũ được trả bằng công trái mới, mỗi đợt công trái mới đều gặp phải khó khăn ngày càng lớn; chỉ có lấy có làm đường sắt thì còn có thể thu được tiền! Bộ máy hành chính đã thối rữa từ lâu đến tận xương tuỷ; quan lại sống bằng tham ô, hối lộ và cưỡng đoạt nhiều hơn là bằng tiền lương. Toàn bộ nền sản xuất nông nghiệp - ngành sản xuất quan trọng nhất ở nước Nga - do biện pháp chuộc lại năm 1861, đã sa vào tình trạng hoàn toàn hỗn độn; diện tích lớn không đủ nhân lực, nông dân thiếu ruộng,

họ bị thuế má đè nặng, bị bọn cho vay nặng lãi bóc lột sạch; sản lượng nông nghiệp mỗi năm một giảm. Tất cả tình hình đó được đối phó một cách khó khăn và cũng chỉ bề ngoài bằng cái chế độ chuyên chế châu Á mà tính chất bạo ngược của nó, thì chúng ta ở phương Tây thậm chí không thể nào tưởng tượng nổi, một chế độ chuyên chế chẳng những ngày càng mâu thuẫn kịch liệt hơn với quan điểm của các giai cấp có học, đặc biệt là với quan điểm của các giai cấp tư sản thủ đô đang phát triển một cách nhanh chóng, mà còn lâm vào một tình trạng hết sức lúng túng, điều mà kẻ đại diện hiện nay của nó đang bộc lộ ra ở chỗ hôm nay thì nhượng bộ phái tự do, ngày mai thì hoảng sợ thu hồi sự nhượng bộ ấy lại, do đó tự nó ngày càng làm cho nó mất hết mọi tín nhiệm. Một số tầng lớp dân chúng có học thức hơn tập trung ở thủ đô ngày càng thấy rõ rằng tình hình đó là không thể chịu đựng được nữa, một cuộc đột biến đã đến gần rồi, nhưng đồng thời cũng có ảo tưởng cho rằng có thể hướng sự đột biến đó vào một quỹ đạo hợp hiến yên ổn. Ở đây, mọi điều kiện của cách mạng đều được kết hợp lại; cuộc cách mạng ấy sẽ do những giai cấp trên ở thủ đô, thậm chí có thể do bản thân chính phủ, bắt đầu tiến hành, nhưng nông dân sẽ triển khai cuộc cách mạng ấy xa hơn, sẽ đưa nó mau chóng vượt ra khỏi phạm vi của giai đoạn hợp hiến ban đầu. Cuộc cách mạng đó sẽ có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với toàn bộ châu Âu, chỉ ít cũng vì nó đánh gọn một đòn để tiêu diệt lực lượng dự trữ cuối cùng, chưa bị động đến, của toàn bộ thế lực phản động châu Âu. Cuộc cách mạng ấy, không còn nghi ngờ gì nữa, đang đến gần. Chỉ có hai sự biến mới có thể trì hoãn được nó lâu dài: một cuộc chiến tranh thắng lợi chống Thổ Nhĩ Kỳ hoặc Áo, muốn vậy cần phải có tiền và có những đồng minh đáng tin cậy, hoặc là... mưu toan khởi nghĩa quá sớm làm cho các giai cấp hữu sản lại một lần nữa chạy vào tay chính phủ.

1\* Xem tập này, tr.641-666.

**C.MÁC**  
**LỜI BẠT VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN**  
**THỨ HAI TÁC PHẨM "VẠCH TRẦN VỤ ÁN**  
**NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN Ở KHUÊN"<sup>456</sup>**

Cuốn sách mỏng "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" mà tờ "Volksstaat" nhận thấy bây giờ đem tái bản là hợp thời, đầu tiên đã được xuất bản tại Bô-xtôn Ma-xa-tru-xét và tại Ba-lơ. Phần lớn bản in gần đây đã bị tịch thu ở biên giới nước Đức. Sau khi kết thúc vụ án được mấy tuần, thì cuốn sách mỏng xuất hiện. Điều quan trọng nhất lúc đó là không thể mất thời gian, vì vậy việc có một vài sai lầm trong một số chi tiết cá biệt là điều không thể

tránh khỏi. Chẳng hạn, có những điểm không chính xác trong tên gọi của các bồi thẩm ở Khuên. Thí dụ, xem ra, tác giả của cuốn vấn đáp mâu đở không phải là M.Hét-xơ, mà là một nhân vật tên là Lê-vi<sup>457</sup>. Chẳng hạn, V.Hiéc-sơ khẳng định trong "Sách biện hộ"<sup>458</sup> của mình rằng Séc-van trốn khỏi nhà tù Pa-ri là kết quả của sự thoả thuận ngầm giữa Grây-phơ, cảnh sát Pháp, và bản thân Séc-van để sử dụng Séc-van, trong thời gian tiến hành xét xử, như là một tên gián điệp ở Luân Đôn. Đó là điều hoàn toàn có thể có, bởi vì vụ làm giả ngân phiếu ở Phổ và nguy cơ do việc đó mà có thể bị dẫn độ và bị giao nộp cho nhà đương cục Phổ nhất định làm cho ông Crê-me<sup>1\*</sup> (đó là tên thật của Séc-van) này phải chịu nghe theo. Tôi trình bày sự việc là căn cứ theo "lời thú nhận" của bản thân Séc-van nói với một trong số những người bạn của tôi. Lời khai của Hiéc-sơ càng làm rõ việc làm chứng gian dối của Sti-bơ, những âm mưu bí mật của toà đại sứ Phổ ở Luân Đôn và ở Pa-ri, những hành vi hãm hại vô liêm sỉ của Hin-ken-đây.

Khi tờ "Volksstaat" bắt đầu đăng lại trên những cột báo của mình bài tiểu luận công kích này, tôi đã ngập ngừng trong giây lát: bỏ chương VI (phái Vi-lích Sáp-pơ) đi có tốt hơn không. Nhưng khi suy xét kỹ hơn, tôi thấy mọi sự thêm bớt đối với văn bản đều là xuyên tạc văn kiện lịch sử.

Sự trấn áp cách mạng bằng bạo lực đang để lại trong trí óc những người tham gia cách mạng, nhất là những người phải rời bỏ quê hương lưu vong ra nước ngoài, một sự chấn động khiến cho ngay cả những người kiên cường, có thể nói, cũng mất hết sự minh mẫn trong một thời gian tương đối dài. Họ không thể hiểu nổi tiến trình lịch sử, họ không muốn hiểu rằng hình thức của phong trào đã thay đổi. Do đó mới nảy ra trò chơi âm mưu bí mật và trò chơi cách mạng, làm cho thanh danh bản thân họ và cả sự

1\* Ở đây có sự chơi chữ: "Kramer" cũng có nghĩa là "con buôn".

nghiệp mà họ đang phục vụ đều bị tổn thương như nhau; cũng do đó mà có những tính toán sai lầm của Sáp-ơ và Vi-lích. Vi-lích đã chứng minh trong cuộc nội chiến Bắc Mỹ, rằng ông ta ắt phải là một nhân vật lớn hơn là một kẻ ảo tưởng đơn thuần, còn Sáp-ơ suốt đời là một chiến sĩ tiên phong của phong trào công nhân, chẳng bao lâu sau khi kết thúc vụ án ở Khuên đã hiểu và thừa nhận sự lầm lẫn nhất thời của mình. Nhiều năm sau, nằm trên giường bệnh trong tình trạng hấp hối, vào hôm trước khi qua đời, ông ta nói với tôi bằng một giọng mỉa mai chua chát về thời kỳ "hành động ngông cuồng của kẻ lưu vong" ấy. - Mặt khác, hoàn cảnh mà tác phẩm "Vạch trần" được viết ra lúc bấy giờ, cũng nói lên lý do tại sao phải công kích kịch liệt những kẻ giúp sức một cách không cố ý cho kẻ thù chung. Trong gòì phút nguy cấp, hành động hấp

tấp thiếu thận trọng sẽ trở thành một tội phạm chống đảng, khiến phải đòi công khai chuộc tội.

"*Toàn bộ số phận của cảnh sát chính trị sẽ tùy thuộc vào kết cục của vụ án này!*" Câu nói đó của ông Hin-ken-đây viết cho toà đại sứ ở Luân Đôn trong thời gian tiến hành vụ án ở Khuên (xem cuốn sách của tôi "Ngài Phô-gtơ", tr. 27<sup>459</sup>) đã lột trần bí mật của vụ án xử những người cộng sản. "Toàn bộ số phận của cảnh sát chính trị" - điều đó chẳng những có nghĩa là có một người được trực tiếp giao phó công việc đó, đang sống và đang hoạt động. Điều đó còn có nghĩa là tất cả bộ máy chính phủ, bao gồm toà án (xem đạo luật về kỷ luật Phổ đối với các quan chức tư pháp, ban hành ngày 7 tháng Năm 1851) và báo chí (xem quỹ báo chí bồi bút) đều phải phục tùng cơ quan ấy, cũng tựa như ngày xưa ở Vơ-ni-dơ toàn bộ tổ chức nhà nước đều phải phục tùng toà án tôn giáo nhà nước. Cảnh sát chính trị đã bị tê liệt trong thời kỳ bão táp cách mạng ở Phổ, cần phải được cải tạo, kiểu mẫu của sự cải tạo đó trước kia và hiện nay vẫn là nền Đế chế thứ hai ở Pháp.

Sau khi cuộc cách mạng 1848 thất bại, phong trào công nhân Đức chỉ tiếp tục tồn tại dưới hình thức tuyên truyền lý luận, hơn nữa việc tuyên truyền đó cũng chỉ đóng khung trong một phạm vi rất nhỏ, còn về tính chất vô hại của việc tuyên truyền đó trong thực tiễn, thì Chính phủ Phổ không làm một chút nào. Tâm nã những người cộng sản, đối với Chính phủ Phổ, chẳng qua chỉ là cái màn giáo đầu của cuộc chinh phạt thập tự phản động chống giai cấp tư sản tự do, còn giai cấp tư sản thì lại lên án đại diện của công nhân và biện bạch cho Hin-ken-đây-Sti-bơ, như vậy tự nó đã mài sắc vũ khí chủ yếu, tức cảnh sát chính trị, cho thế lực phản động ấy. Thế là Sti-bơ đã xứng đáng với cái danh tiếng hiệp sĩ của mình trước toà án bồi thẩm Khuên. Hồi đó, Sti-bơ là cái tên của một quan chức cảnh sát nhỏ, điên cuồng theo đuổi lương cao chức trọng; bây giờ thì Sti-bơ có nghĩa là sự thống trị vô hạn của cảnh sát chính trị trong nền đế chế

Đức - Phổ thần thánh mới. Ông ta, trên một chùng mực nào đó, đã biến thành một nhân vật đạo đức - pháp lý, đạo đức - pháp lý theo nghĩa bóng như là, chẳng hạn, quốc hội đế chế là một phạm trù đạo đức - pháp lý vậy. Lần này, cảnh sát chính trị đánh công nhân không phải là để trúng vào giai cấp tư sản. Ngược lại, chính là nhà độc tài của giai cấp tư sản tự do Đức Bít-xmác tự coi mình là rất mạnh đủ để xoá số<sup>1\*</sup> chính đảng công nhân. Vì vậy, tầm uy nghiêm tăng lên của Sti-bơ đối với giai cấp vô sản Đức, là cái thước đo những thắng lợi mà họ đã đạt được trong phong trào công nhân kể từ khi có vụ án xử những người cộng sản ở Khuên đến nay.

Giáo hoàng không thể có lầm lỗi, điều đó chỉ là trò trẻ con so với tính chất không lầm lỗi của cảnh sát chính trị. Sau khi ở Phổ trong suốt hàng chục năm, cảnh sát chính trị đã bỏ vào ngục tối những mái đầu trẻ đầy nhiệt tình vì mơ ước về sự thống nhất nước Đức, về nhà nước Đức, về đế chế Đức, - bây giờ nó lại bỏ tù ngay cả những mái đầu hói già nua không chịu mơ ước về những món quà trời ban ấy. Bây giờ nó đang uống công ra sức diệt trừ *kẻ thù của đế chế*, cũng như hồi đó nó đã uống công ra sức tiêu diệt bạn bè của *đế chế*. Quả là một điều chứng minh có sức thuyết phục, rằng nó chưa gánh lấy sứ mệnh làm ra lịch sử, dù cho đó chỉ là lịch sử tranh cãi về cái chòm râu của hoàng đế!

Vụ án xử những người cộng sản ở Khuên tự nó bóc trần sự bất lực của quyền lực nhà nước trong việc nó đấu tranh chống lại sự phát triển xã hội. Viện công tố Vương quốc Phổ luận tội các bị cáo chung quy lại là họ đã bí mật truyền bá những nguyên tắc của "*Tuyên ngôn cộng sản*" rất nguy hại cho nhà nước. Mặc dù vậy, há chẳng phải những nguyên tắc ấy, sau hai mươi năm rồi, lại được tuyên bố công khai trên đường phố nước Đức hay

1\* Ở đây có sự chơi chữ: Stieber là họ, stiebern có nghĩa là tìm ra tung tích, giải tán, đuổi ra, xoá sổ.

sao? Há chẳng phải những nguyên tắc ấy thậm chí được vang lên từ diễn đàn của quốc hội đế chế? Há chẳng phải những nguyên tắc ấy, bất chấp mọi sự cấm đoán của chính phủ, đã truyền lan khắp cả thế giới dưới hình thức *cương lĩnh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế*? Xã hội quyết không thể đi đến cân bằng, chừng nào nó chưa quay xung quanh cái mặt trời lao động.

Trong cuốn "Vạch trần", cuối cùng có nói: "I-ê-na... đó là lời cuối cùng đối với một chính phủ đang cần có những thủ đoạn như vậy để tồn tại và cũng như đối với một xã hội đang cần có chính phủ như vậy để bảo vệ. Đó chính là lời cuối cùng của vụ án xử những người cộng sản - *I-ê-na!*"<sup>460</sup>.

Lời tiên đoán linh nghiệm như thế đấy - một anh chàng Tơ-rai-skê nào đó cười thâm kiêu hãnh chỉ vào những thắng lợi cách đây không lâu của vũ khí Phổ và chỉ vào khẩu súng kiểu Mô-dơ. Song chỉ cần nhắc lại rằng không phải chỉ có *Đuy-pen nội địa*<sup>461</sup>, mà còn có cả *I-ê-na nội địa*.

Luân Đôn, ngày 8 tháng Giêng 1875

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" số 10, ngày 27 tháng Giêng 1875, và in trong cuốn: Karl Marx. "Enthüllungen über den Kommunistenprozess zu Köln". Leipzig, 1875*

### **Các Mác**

*In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với lần xuất bản thứ hai của cuốn sách Nguyên văn là tiếng Đức*

## **PH.ĂNG-GHEN ỦNG HỘ BA LAN<sup>462</sup>**

Năm nay tại Luân Đôn cũng long trọng kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Ba Lan ngày 22 tháng Giêng 1863. Nhiều đồng chí đảng Đức chúng ta đã tham gia cuộc họp; trong đó một số đã phát biểu ý kiến, có cả Mác và Ăng-ghe-nh.

Ăng-ghe-nh nói: "Ở đây nhiều người đã nói đến những nguyên nhân thúc đẩy những người cách mạng của tất cả các nước đồng tình và bảo vệ sự nghiệp của Ba Lan. Chỉ có một điểm bị người ta quên chưa nhắc đến, đó là: tình hình chính trị của Ba Lan đã cách mạng hoá đến cực độ, khiến cho Ba Lan không còn có con đường lựa chọn nào khác ngoài cách mạng hay là chết. Điều đó đã bộc lộ rõ sau cuộc chia cắt lần thứ nhất, diễn ra do bọn quý tộc Ba Lan muốn cố duy trì hiến pháp và những đặc quyền đã mất quyền tồn tại và làm hại cho đất nước, vì đã không giữ gìn an ninh và không bảo đảm sự phát triển tiến bộ, mà lại phá hoại trật tự chung. Sau cuộc chia cắt lần thứ nhất, một bộ phận quý tộc đã thừa nhận sai lầm ấy và nhận thức rõ rằng Ba Lan chỉ có thể được khôi phục bằng con đường cách mạng; và mười năm sau chúng ta có thể nhìn thấy người Ba Lan đã đấu tranh như thế nào cho tự do ở nước Mỹ - Cách mạng Pháp năm 1789 đã lập tức gây được sự hưởng ứng ở Ba Lan. Hiến pháp năm 1791 tuyên bố nhân quyền và dân quyền, trở thành ngọn cờ của cách mạng hai bên bờ sông Vi-xla, biến Ba Lan thành đội tiên vệ của nước Pháp cách mạng, và điều đó đã diễn ra đúng vào lúc ba cường quốc đã một đạo cướp bóc Ba Lan, lúc này liên hiệp lại để tiến đánh Pa-ri

và bóp chết cách mạng. Chẳng lẽ ba cường quốc lại có thể để cho cách mạng gây dựng sào huyệt của mình trong trung tâm của đồng minh này hay sao? - không đời nào. Chúng lại xông vào Ba Lan một lần nữa, lần này với ý định triệt diệt dân tộc Ba Lan. Việc Ba Lan giương cao ngọn cờ cách mạng, đó là một trong những nguyên nhân chính của sự nô dịch Ba Lan. Một nước bị bằm vằm ra từng mảnh và bị xoá tên trong danh sách các dân tộc chỉ vì nó là nước cách mạng thì không thể tìm thấy con đường cứu nguy nào khác ngoài con đường cách mạng. Cũng vì vậy mà trong tất cả các cuộc chiến đấu cách mạng, chúng ta đều thấy có người Ba Lan. Ba Lan đã hiểu rõ điều đó năm 1863 và đã tuyên bố, trong cuộc khởi nghĩa mà chúng ta đang kỷ niệm ngày hôm nay, một cương lĩnh cách mạng được đề ra ở vùng Đông Âu. Sẽ là nực cười, nếu căn cứ vào sự tồn tại của một đảng quý tộc Ba Lan, để coi người cách mạng Ba Lan là những bọn quý tộc muốn khôi phục nước Ba Lan quý tộc của năm 1772. Nước Ba Lan của năm 1772 đã vĩnh viễn diệt vong. Không một sức mạnh nào có thể lôi nó dậy từ trong quan tài. Nước Ba Lan mới mà cách mạng sẽ dựng lên, về mặt xã hội và chính trị, sẽ khác về căn bản với nước Ba Lan năm 1772, cũng như xã hội mới, mà chúng ta đang vươn tới, khác về căn bản với xã hội hiện nay.

Xin nói thêm mấy lời. Không ai có thể nô dịch một dân tộc nào đó mà không bị trừng phạt. Ba cường quốc đã từng tiêu diệt Ba Lan phải chịu trừng phạt nặng nề. Hãy nhìn tổ quốc của bản thân tôi, nước Đức - Phổ. Dưới chiêu bài thống nhất dân tộc, chúng tôi đã sáp nhập người Ba Lan, người Đan Mạch và người Pháp vào nước mình, - và bây giờ thì chúng tôi có ba Vợ-ni-dơ<sup>463</sup>; đầu đầu chúng tôi cũng đều có kẻ thù, chúng tôi mang gánh nặng nợ nần và thuế má để nuôi vô số binh lính, những binh lính này đồng thời cũng được dùng để đàn áp công nhân Đức. Nước Áo, ngay cả nước Áo quan phương, cũng biết rất rõ nó phải trả giá bao nhiêu cho mảnh đất nhỏ Ba Lan của nó. Trong thời kỳ chiến tranh Crim, Áo đã từng sẵn sàng chống lại nước Nga với điều

kiện chiếm được và giải phóng được Ba Lan thuộc Nga. Nhưng việc đó không nằm trong kế hoạch của Lu-i Bô-na-pác-tơ, lại càng không nằm trong kế hoạch của Pan-móc-xơn. Còn về nước Nga, thì chúng ta thấy: năm 1861 ở đây đã nổ ra một phong trào rất lớn lần đầu tiên trong sinh viên, phong trào này lại càng nguy hiểm vì nhân dân khắp nơi đều ở trong tình trạng kích động mạnh mẽ do việc giải phóng nông nô. Chính phủ Nga nhìn thấy rất rõ tính chất nguy hiểm ấy, đã hành động như thế nào? - *Nó đã gây ra ở Ba Lan cuộc khởi nghĩa năm 1863*; bởi vì người ta đã chứng minh rằng cuộc khởi nghĩa đó do bàn tay chính phủ đó gây nên. Phong trào trong sinh viên, sự kích động sâu sắc trong nhân dân lập tức biến mất và nhường chỗ cho chủ nghĩa sô-vanh Nga đã quất mạnh vào Ba Lan, khi vấn đề duy trì sự thống trị của nước Nga tại Ba Lan được đặt ra. Do cuộc đấu tranh rất tai hại chống Ba Lan mà phong trào rất lớn lần đầu tiên ở nước Nga đã bị tiêu vong như thế đấy. Việc khôi phục Ba Lan đúng là vì lợi ích của nước Nga cách mạng, và tôi hết sức vui mừng nghe được chiều nay rằng ý kiến đó phù hợp với quan điểm của những người cách mạng Nga" (họ đã phát biểu theo tinh thần đó tại cuộc họp<sup>464</sup>).

Mác đã nói đại để như sau. Chính đảng công nhân châu Âu hết sức quan tâm đến công cuộc giải phóng Ba Lan, và cương lĩnh đầu tiên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế có nói đến việc khôi phục Ba Lan là một trong những mục đích của chính sách công nhân<sup>465</sup>. Chính đảng công nhân có sự thông cảm đặc biệt như vậy đối với Ba Lan là do những nguyên nhân gì?

Trước hết, cố nhiên là do sự đồng tình đối với một dân tộc bị nô dịch; bằng cuộc đấu tranh anh dũng liên tục chống những kẻ nô dịch mình, dân tộc đó đã chứng minh cái quyền lịch sử của mình được hưởng độc lập dân tộc và tự quyết dân tộc của mình. Một chính đảng công nhân *quốc tế* ra sức thực hiện việc khôi phục dân tộc Ba Lan, điều đó tuyệt nhiên không có gì mâu

thuần cả. Trái lại: chỉ sau khi Ba Lan giành lại được nền độc lập của mình, chỉ sau khi Ba Lan lại được định đoạt số phận của mình với tư cách là một dân tộc độc lập - chỉ khi đó, quá trình phát triển bên trong của nó mới sẽ lại bắt đầu và nó mới có thể góp phần cải tạo xã hội châu Âu với tư cách là một lực lượng độc lập. Khi một dân tộc có sức sống còn bị kẻ xâm lược nước ngoài đè nén, thì họ cần phải đem toàn bộ lực lượng của mình, toàn bộ chí hướng của mình, toàn bộ nghị lực của mình chống kẻ thù bên ngoài; và khi cuộc sống bên trong của dân tộc đó vì thế mà bị tê liệt đi, thì dân tộc đó không thể đấu tranh để giải phóng xã hội. Ai-rơ-len, Nga dưới ách áp bức của người Mông Cổ v.v. đã chứng minh rất rõ luận điểm đó.

Một nguyên nhân khác của sự đồng tình của chính đảng công nhân đối với việc khôi phục Ba Lan là đặc điểm của vị trí địa lý, của vị trí chiến lược - quân sự và lịch sử. Chia cắt Ba Lan - đó là dây xích cột chặt ba nước chuyên chế quân sự lớn với nhau: Nga, Phổ và Áo. Chỉ có khôi phục Ba Lan mới có thể phá tung mối liên hệ đó và qua đó quét sạch trở ngại lớn nhất trên con đường giải phóng xã hội các dân tộc châu Âu.

Nhưng nguyên nhân chủ yếu của sự đồng tình của chính đảng công nhân đối với Ba Lan là như sau: Ba Lan là dân tộc duy nhất chẳng những trong hàng ngũ các dân tộc Xla-vơ, mà cả trong số các dân tộc châu Âu đã và đang chiến đấu với tư cách là người chiến sĩ cách mạng toàn thế giới. Ba Lan đã đổ máu của mình trong cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ; những binh đoàn của nó đã chiến đấu dưới ngọn cờ của nền cộng hoà thứ nhất của nước Pháp; năm 1830, bằng cuộc cách mạng của mình, nó đã ngăn chặn cuộc xâm lăng nước Pháp mà những nước tham gia chia cắt Ba Lan hồi đó đã quyết định tiến hành; năm 1846, tại Cra-cốp, Ba Lan là nước đầu tiên ở châu Âu đã giương ngọn cờ cách mạng xã hội; năm 1848, những người con của Ba Lan đã tham gia xuất sắc vào những cuộc chiến đấu cách mạng ở

Hung-ga-ri, ở Đức và ở I-ta-li-a; cuối cùng, năm 1871, Ba Lan đã cung cấp cho Công xã Pa-ri những tướng lĩnh ưu tú và những binh sĩ anh dũng nhất.

Trong những giây phút ngắn ngủi mà quần chúng nhân dân châu Âu có thể hít thở không khí tự do, họ vẫn nhớ rằng họ phải chịu ơn Ba Lan như thế nào. Sau cuộc cách mạng tháng Ba thắng lợi ở Béc-lin vào năm 1848, hành động đầu tiên của nhân dân là giải phóng những người tù Ba Lan - Mi-e-rốt-xláp-ski và những người bạn cùng hoạn nạn của ông - và tuyên bố khôi phục Ba Lan; tại Pa-ri, tháng Năm 1848, Blăng-ki đã dẫn đầu công nhân phản đối Hội nghị quốc dân phản động, buộc nó phải can thiệp vũ trang để bảo vệ Ba Lan; cuối cùng, năm 1871, khi công nhân Pa-ri lập thành chính phủ, họ đã tỏ lòng kính trọng Ba Lan bằng cách giao phó cho những người con của Ba Lan đảm nhiệm việc chỉ huy quân sự đối với các lực lượng vũ trang của họ.

Và hiện nay, chính đảng công nhân Đức tuyệt nhiên không để cho mình bị lầm lạc vì những bài diễn văn phản động của các nghị sĩ Ba Lan đọc tại Quốc hội Đức; đảng đó biết rằng các ngài này hành động không phải vì lợi ích của Ba Lan mà vì lợi ích riêng tư của họ; đảng đó biết rằng nông dân, công nhân Ba Lan, tóm lại, mỗi một người Ba Lan không bị lợi ích đảng cấp làm cho loá mắt, đều phải hiểu: *Ba Lan chỉ có và chỉ có thể có ở châu Âu một đồng minh - chính đảng công nhân*<sup>466</sup>. - *Ba Lan muôn năm.*

*Do Ph.Ăng-ghen viết*

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" số 34,  
ngày 24 tháng Ba 1875*

*In theo bản đăng trên báo*

*Nguyên văn là tiếng Đức*



## PH.ĂNG-GHEN

### NHỮNG LỜI LA Ó BÁN CHÍNH THỨC VỀ CHIẾN TRANH<sup>467</sup>

Báo chí bồi bút của đế chế Đức lại được lệnh loa loa về chiến tranh. Nước Pháp võ đạo và đôi bại nhất quyết không muốn để yên nước Đức kính chúa và hết sức thịnh vượng nhờ hoạt động đầu cơ ở sở giao dịch, nhờ sự ra đời ô ạt các doanh nghiệp có tính chất đầu cơ và sự phá sản. Nước Pháp đang vũ trang trên quy mô hết sức lớn và chính tốc độ vội vã của những hoạt động vũ trang ấy là bằng chứng hùng hồn nhất chứng minh rằng nước Pháp đang có ý định, tùy theo khả năng, ngay trong năm tới sẽ mở cuộc tấn công vào đế chế vô tội và yêu chuộng hoà bình Bít-xmác mà, như mọi người đều biết, đế chế này chưa hề bao giờ làm cái việc khuấy đục nước, nó không ngừng thực hiện giải trừ quân bị, và chỉ có báo chí thù địch với đế chế mới vu khống nó là vừa mới đây đã dùng đạo luật về quân trừ bị để biến hai triệu tiểu thị dân thành những binh sĩ dự bị<sup>468</sup>.

Báo chí bồi bút bị kẹt trong một tình thế gay go. Trong khi nó phải tuân theo chỉ thị của Bộ ngoại giao mô tả chế độ như là con cừ non vô cùng nhút nhát, thì Bộ chiến tranh - vì lợi ích của mình - lại thấy cần phải làm cho những tên tư sản Đức hiểu rằng những khoản thuế khoá nặng nề mà các nhà tư sản nộp không phải là vô ích, rằng trên thực tế đang thực hiện quá trình vũ trang như đã trừ định, rằng những cứ điểm quân sự đang được xây dựng, đang chuẩn bị lực lượng cán bộ chỉ huy và đang

vạch ra những kế hoạch động viên hàng loạt "cán bộ mới ra trường" và khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội đang ngày càng được tăng cường. Vì những tin tức ấy đúng sự thật và chúng được phát ra từ cửa miệng những nhân vật có uy tín, cho nên chúng ta hoàn toàn có thể nghĩ đến sự la lối hiệu chiến của những con ếch bồi bút.

Cái cơ để mở đầu tất cả những sự âm ỉ này là đạo luật mới của Pháp về cán bộ khung<sup>469</sup>. Chúng ta hãy so sánh cái tổ chức này, tạm thời mới được đạo luật này ở Pháp dựng lên trên giấy, với cái tổ chức đang thực sự tồn tại ở Đức, hơn nữa, để giản tiện, chúng tôi chỉ giới hạn chủ yếu ở binh chủng có tính chất quyết định - bộ binh.

Nhìn chung, điều đập vào mắt người ta là đạo luật mới của Pháp chỉ là một ấn bản kém hơn nhiều so với đạo luật của Phổ.

Bộ binh chủ lực của Pháp phải gồm 144 trung đoàn chủ lực, 4 trung đoàn lính Du-a-vơ và 3 trung đoàn Tuyéc-ki với biên chế mỗi trung đoàn có 4 tiểu đoàn, 30 tiểu đoàn khinh binh, 4 tiểu đoàn nước ngoài và 5 tiểu đoàn phạm binh, tổng cộng có 643 tiểu đoàn, trong khi đó quân chủ lực của Đức chỉ gồm có 468 tiểu đoàn. Nhưng ưu thế đó của quân chủ lực Pháp chỉ là cái vẻ bề ngoài mà thôi.

Thứ nhất, mặc dù tiểu đoàn của Pháp, cũng giống như tiểu đoàn của Phổ, gồm có 4 đại đội, nhưng trong mỗi đại đội Pháp chỉ có 4 sĩ quan chứ không phải 5 sĩ quan, mà trong số 4 sĩ quan ấy thì một là sĩ quan dự bị, loại sĩ quan này ở Pháp cho đến lúc này *nói chung vẫn chưa có*. Cho đến nay, ở Pháp, cứ 35 - 40 binh sĩ thì có 1 sĩ quan, và điều đó quả thật là cần thiết trong điều kiện điều lệ đội hình lỗi thời và công kênh của Pháp; trong khi đó ở Phổ hoàn toàn chỉ cần 1 sĩ quan là đủ để chỉ huy 50 binh sĩ. Nhưng tỷ lệ ấy là tối đa, cho nên khi thảo luận đạo luật này, uỷ ban của Quốc hội đã nhất trí đi đến kết luận là số quân của một đại đội có thể ấn định *tối đa* là 200 người. Như vậy,

số quân của đại đội Pháp ít hơn 25% so với số quân trong đại đội Phổ, và trên thực tế trong đại đội Pháp không có sĩ quan dự bị và nói chung trong nhiều năm nữa sẽ không có, cho nên về mặt tổ chức, đại đội của Pháp thua xa đại đội của Phổ. Nhưng vì giờ đây nhờ có loại súng nạp đạn bằng bộ phận cơ bả, còn đại đội thì biến thành đơn vị chiến thuật trong chiến đấu, mà đội hình chiến đấu đại đội và hình thức chiến đấu xạ kích - trong đó đơn vị điểm tựa là đại đội - lại đòi hỏi phải có *những đại đội mạnh về số quân*, cho nên Quốc hội Pháp, về mặt này, đã gây một tổn thất lớn nhất mà nó có thể gây ra cho quân đội Pháp.

Như thế, trong đội hình sẵn sàng chiến đấu của Pháp có:

606 tiểu đoàn chủ lực với số quân trong mỗi tiểu đoàn là 800 người .....	484 800 người
Số quân trong các đơn vị Du-a-vơ, Tuyéc-ki, các đơn vị người nước ngoài và các đơn vị phạm binh.....	46 000 người
<hr/>	
Tổng cộng.....	530 800 người

Nhưng trong tổng số quân đó cần trừ đi ít nhất 40 000 lính cho An-giê-ri, số quân này chỉ có thể được đem sử dụng sau khi thành lập xong những đơn vị mới để thay thế chúng. Như vậy, chỉ còn 490 800 bộ binh để mở đầu các hoạt động quân sự. 468 tiểu đoàn bộ binh Đức có 1 050 người trong biên chế mỗi tiểu đoàn vào thời chiến, như vậy tổng cộng sẽ là 490 480 người, căn cứ theo các số liệu chính thức, đó là con số gần bằng con số trong đội hình của Pháp.

Vậy là, tạm thời chúng ta thấy có sự đồng đều về số quân, nhưng phía Đức có tổ chức tốt hơn và mạnh hơn. Bây giờ chúng ta bàn về sự khác nhau.

Về phía Pháp, con số 643 tiểu đoàn yếu kém kể trên tạo thành toàn bộ khối bộ binh có thể sử dụng được trong thời chiến. Dĩ nhiên, 318 đại đội dự bị chủ lực và khinh binh nói chung tạo thêm được 249 480 binh sĩ dự bị (cộng thêm vào đây 50 hoặc 40 sĩ quan và hạ sĩ quan cho mỗi đại đội), nhưng ở đây cho đến nay chỉ có lính thôi, và lại phần lớn họ hoàn toàn chưa được huấn luyện, còn trong số binh lính đã được huấn luyện thì đa số họ chỉ mới phục vụ có 6 tháng thôi. Trong số sĩ quan và hạ sĩ quan thì nhiều nhất chỉ hiện diện có *một phân tư* số đó thôi. Cho đến khi 318 đại đội dự bị ấy biến thành 318 tiểu đoàn có thể tác chiến được thì toàn bộ tiến trình của cuộc chiến có thể được quyết định rồi, và những đại đội nào sẽ tham gia chiến đấu sẽ không có ưu thế về chất lượng so với quân cận vệ cơ động của năm 1870. Còn quân địa phương bao gồm những công dân thuộc lứa tuổi từ 30 đến 40 và sẽ phải biên chế họ thành 144 trung đoàn, mỗi trung đoàn có 3 tiểu đoàn, nghĩa là thành 432 tiểu đoàn. Tất cả những điều đó vẫn chỉ tồn tại trên giấy. Muốn thật sự tạo được một tổ chức như thế, cần phải có 10 000 sĩ quan và 20 000 hạ sĩ quan mà tạm thời thì hầu như chưa hề có lấy một sĩ quan nào trong số đó cả. Và lấy đâu ra những sĩ quan ấy? Ở Phổ phải cần đến gần hai thế hệ để đào tạo những công dân tình nguyện đăng ký nghĩa vụ quân sự thời hạn 1 năm thành những sĩ quan dự bị và những sĩ quan lan-ve hữu dụng; trong những năm 40 hầu như trong tất cả các trung đoàn họ bị coi là tai ương và bị đối xử một cách thích ứng. Ở Pháp, nơi mà thiết chế ấy đi ngược lại tất cả mọi truyền thống bình đẳng cách mạng, nơi mà các sĩ quan khinh rẻ những người làm nghĩa vụ 1 năm, còn binh lính thì căm ghét họ, - ở đó họ thật sự ít tỏ ra hữu dụng. Nhưng không còn nguồn nào khác để đào tạo sĩ quan dự bị.

Còn về hạ sĩ quan và lính thường thì, như mọi người đã biết, những kẻ thắng trận ở Xa-đô-va năm 1866 đã khoe khoang rằng hệ thống quân lan-ve tồn tại từ lâu ở Phổ đã tạo cho họ ưu

thế trong 20 năm so với mọi quốc gia nào khác sẽ cũng áp dụng hệ thống ấy; nó chỉ có thể sánh được với nước Phổ khi nào những lứa tuổi nghĩa vụ già nhất bao gồm những người đã từng cầm súng. Rõ ràng là giờ đây người ta đã quên mất điều đó, cũng như quên rằng ở Pháp số người làm nghĩa vụ quân sự thật sự chỉ gồm một nửa số quân hàng năm, còn một nửa kia thì được giải ngũ sau sáu tháng phục vụ (với điều lệ hiện nay có tính chất câu nệ máy móc thì thời hạn này hoàn toàn chưa đủ), do vậy, khác với nước Phổ, ở Pháp quân dự bị và dân quân chủ yếu lại gồm tân binh. Và sau những điều kể trên người ta vẫn làm ra vẻ lo sợ trước đội quân địa phương hiện nay của Pháp, mà thật ra nó chỉ là một thứ bia thịt không được huấn luyện, cũng giống như đội quân mà vào những năm 1870 và 1871 trong trận Loa-rơ và trận Lơ Man đã không đứng vững nổi trước các đơn vị Đức có kỷ luật nhưng có số quân ít hơn họ hai lần!<sup>470</sup>

Nhưng không phải chỉ có thế. Ở Phổ, sau kinh nghiệm cay đắng, người ta cuối cùng đã học được cách tiến hành động viên. Chỉ sau mười một ngày toàn quân đội đã sẵn sàng chiến đấu, còn lục quân thì sẵn sàng sớm hơn. Nhưng muốn vậy thì cần làm cho tất cả đều được tổ chức một cách đơn giản nhất, và, nói riêng, sao cho mỗi sĩ quan tốt nghiệp khoá học phải được biên chế từ trước vào đơn vị mà sau này anh ta sẽ phục vụ. Cơ sở của hệ thống này là mỗi trung đoàn đều có một khu vực tuyển quân cố định làm địa bàn bổ sung quân số trước hết cho trung đoàn quân lan-ve tương ứng. Ngược lại, đạo luật mới của Pháp lại quy định biên chế tân binh và quân dự bị vào trung đoàn sẽ có mặt trong một khu vực nhất định tại thời điểm tiến hành động viên. Đây là tàn dư của một truyền thống đã ăn sâu từ thời Na-pô-lê-ông, theo đó các trung đoàn thay thế nhau sẽ làm nhiệm vụ quân đồn trú trên tất cả các vùng nước Pháp và phải cố gắng bổ sung quân số cho mình ở tất cả các miền nước Pháp. Nếu người ta đã phải từ bỏ yếu tố thứ hai thì người ta lại càng kiên quyết thực hiện yếu tố thứ nhất, do đó người ta không thể

thiết lập được mối liên hệ hữu cơ thường trực giữa bộ chỉ huy các trung đoàn với bộ chỉ huy địa phương của quân lan-ve, mà mối liên hệ này đã từng bảo đảm cho nước Phổ tiến hành động viên được nhanh chóng. Nếu sự thay đổi vô nghĩa ấy tạo ra cho những binh chủng đặc biệt những khó khăn lớn hơn là những khó khăn mà nó tạo ra cho bộ binh và kéo dài cuộc động viên bộ binh *dù chỉ* thêm ba ngày nữa, thì đứng trước một kẻ địch, hành động tích cực khoảng thời gian ba ngày ấy sẽ trở thành những ngày quan trọng nhất đối với toàn bộ cuộc chiến.

Vậy, những chuẩn bị vũ trang đồ sộ ấy của nước Pháp là gì? Là đội bộ binh chủ lực có số quân bằng bộ binh của Đức nhưng được tổ chức tồi hơn; khối bộ binh ấy, ngoài ra, sẽ còn phải thu hút một khối lượng nhất định những lính thường chỉ mới trải qua thời hạn phục vụ có sáu tháng, thì nó mới chuyển được sang tư thế sẵn sàng chiến đấu; đội dự bị đợt một, mà chủ yếu gồm những binh lính chỉ mới trải qua thời hạn phục vụ có sáu tháng, thì may lắm cũng chỉ có 1/4 số sĩ quan và hạ sĩ quan cần thiết; đội dự bị đợt hai thì gồm những lính phần nhiều hoàn toàn chưa phục vụ trong quân ngũ và cũng không có những sĩ quan nào kèm theo; và lẽ dĩ nhiên, cả hai loại quân dự bị ấy đều hoàn toàn không có những cán bộ vững vàng để chỉ huy. Ngoài ra, có triển vọng rõ ràng là với hệ thống tổ chức hiện hành thì số sĩ quan thiếu hụt ấy sẽ *không bao giờ* được bổ sung, do vậy, cả hai loại quân dự bị này, trong trường hợp nổ ra chiến tranh, sẽ có khả năng chiến đấu không hơn gì những tiểu đoàn được vội vã thành lập vào mùa thu và mùa đông năm 1870.

Còn bây giờ chúng ta hãy xét đến đế chế Đức nhút nhát như con cừu non, mà tựa hồ hoàn toàn không có răng và dù thế nào cũng không nhe nanh. Chúng tôi đã chỉ rõ là nó có 468 tiểu đoàn bộ binh chủ lực, với quân số thời chiến lên đến 490 480 người. Nhưng còn phải cộng thêm vào đó những đơn vị mới dưới đây.

Từ đầu năm 1872 người ta quy định bổ sung thêm 36 tân binh cho mỗi tiểu đoàn, kết quả sẽ là con số tròn 17 000 người thêm mỗi năm. Tiếp nữa, sau hai năm phục vụ, người ta cho giải ngũ một phần tư tổng quân số, nhưng bù vào đó người ta quy định tuyển số tân binh tương ứng, kết quả sẽ là con số tròn 28 000 người. Như vậy, hàng năm số tân binh được tuyển mộ và được huấn luyện sẽ nhiều hơn 45 000 người so với trước; như vậy tính đến cuối năm 1875, tức là trong ba năm, sẽ có 135 000 người, cộng thêm vào đó 12 000 người tình nguyện đăng ký làm nghĩa vụ một năm (mỗi năm có 4 000 người); tổng cộng sẽ là 147 000 người, nghĩa là đủ để lập tiểu đoàn thứ tư trong mỗi trung đoàn của con số 148 trung đoàn. Nhằm mục đích ấy, kể từ thời kỳ đó trong tất cả các trung đoàn chủ lực đã "chuẩn bị sẵn về mặt tổ chức" những đại đội dự bị ngoài phiên chế, nghĩa là đã quy định số sĩ quan và hạ sĩ quan tại ngũ và dự bị sẽ phải phục vụ trong những tiểu đoàn ấy. Như vậy, những tiểu đoàn thứ tư ấy có thể hành quân được chậm nhất là sau 2 - 3 ngày tiếp theo sau ba tiểu đoàn đầu, tăng cường cho quân đội thêm 148 tiểu đoàn với quân số 1050 người trong mỗi tiểu đoàn = 155 400 người. Nhưng những con số ấy còn xa mới thể hiện được mức độ gia tăng về sức mạnh mà quân thường trực nhờ đó mà có được. Vào năm 1866 ai đã thấy những tiểu đoàn thứ tư của Phổ, người đó sẽ hiểu rằng những tiểu đoàn ấy chủ yếu gồm những binh sĩ khỏe, có thân hình cân đối ở lứa tuổi 24 - 27, và những tiểu đoàn ấy là hạt nhân của quân đội.

Song song với việc thành lập những tiểu đoàn thứ tư, chưa kể đến các đại đội khinh binh dự bị, người ta vẫn tổ chức đều đặn những tiểu đoàn dự bị mà số lượng chúng lên đến 148 tiểu đoàn. Những đơn vị này được hình thành từ những lính dự bị được giải ngũ thuộc diện ngoài phiên chế và từ những binh lính của đội hậu bị thay thế<sup>471</sup> chưa kinh qua phục vụ. Theo các số liệu chính thức thì quân số các đơn vị này là 188 690 người vào năm 1871. Song, phải hiểu điều đó theo tinh thần là số sĩ quan và

hạ sĩ quan quy định trong thời bình có đủ sức huấn luyện số lượng binh sĩ ấy, bởi vì chỉ riêng đội hậu bị thay thế, mà giờ đây hàng năm đợt đầu của nó đã tuyển mộ được gần 45 000 người, đã cung cấp cho bảy lứa tuổi thuộc diện nhập ngũ một khối lượng binh lính nhiều hơn nhiều so với con số kể trên. Các tiểu đoàn dự bị chính là cái nguồn mà từ đó các tiểu đoàn tham chiến và bị suy yếu qua các trận đánh, và nhất là do những nỗ lực khổ của chiến tranh, sẽ nhận được số lượng binh lính bổ sung cần thiết đã ít nhiều kinh qua huấn luyện, số lính bổ sung này, đến lượt nó, lại được tuyển mộ từ đội hậu bị thay thế.

Đồng thời với các đơn vị tại ngũ và dự bị, người ta còn tiến hành động viên đội lan-ve. Số cán bộ của dân quân, cũng được quy định trong thời bình, bao trùm 287 tiểu đoàn (số lượng tiểu đoàn này phải lên đến 301). Trong cả hai loại quân nói sau cùng ấy, số quân trong các tiểu đoàn lan-ve chỉ lên đến 800 người; nếu chúng ta thậm chí lấy con số chung thấp ấy làm cơ sở, thì trong trường hợp này đế quốc Đức cũng đưa vào chiến đấu đội bộ binh lan-ve gồm 229 600 lính được tổ chức hãn hoi, hơn nữa, vẫn còn một số lượng quân ngoài phiên chế, hàng năm vẫn tăng lên, để sử dụng tiếp nữa.

Nhưng đó chưa phải đã hết; người ta lại còn lập ra đội xung kích dự bị. Theo các số liệu chính thức, đến cuối năm 1874 sức mạnh quân sự của bộ binh Đức đã tăng thêm 234 tiểu đoàn quân xung kích dự bị (mỗi tiểu đoàn có 800 người = 187 200 người), chưa kể số đại đội khinh binh; mà điều đó chỉ có thể có nghĩa là người ta đã ấn định số cán bộ chỉ huy cho những tiểu đoàn ấy rồi, chỉ ít cũng là con số tối thiểu cần thiết. Nhưng quân số của đội xung kích dự bị hoàn toàn không giới hạn ở đó, bởi vì theo lời tuyên bố trịnh trọng của ông Phoi-gtơ-Rét-xơ tại quốc hội, đội dự bị ấy bao gồm "năm phần trăm dân số, tức là 2 triệu người"<sup>472</sup>.

Tình hình so sánh lực lượng ra sao?

Nước Pháp có khối bộ binh chủ lực, gồm cả số quân phục vụ tại An-giê-ri, đông 530 800 người, và đó là toàn bộ số bộ binh có tổ chức của nó. Nếu chúng ta cộng vào đây toàn bộ số quân dự bị thuộc đợt 1, trong chừng mực đội dự bị này có đôi chút *nào đó cái vẻ tổ chức* - 254 600 người (288 đại đội dự bị với số quân 800 người trong mỗi đại đội, 30 đại đội khinh binh dự bị với số quân 540 người trong mỗi đại đội, và 8 000 lính ngoài biên chế thuộc các đơn vị phạm binh) - thì tổng số sẽ có 785 400 người tại ngũ.

11 ngày sau khi có lệnh động viên bộ binh chủ lực, để chế Đức sẽ đưa vào chiến đấu .....	490 480 người
Sau đó 2-3 ngày sẽ đưa tiếp vào chiến đấu 148 tiểu đoàn.....	155 400 người
Sau đó 14 ngày sẽ đưa tiếp vào chiến đấu 287 tiểu đoàn lan-ve, mỗi tiểu đoàn 800 người .....	229 600 người
Sau 14 ngày nữa sẽ đưa tiếp vào chiến đấu 234 tiểu đoàn xung kích dự bị, mỗi tiểu đoàn 800 người.....	187 200 người
<hr/>	
Tổng cộng, chỉ riêng bộ binh...	1 062 680 người

số quân này ngay trong thời bình đã có một tổ chức hoàn toàn hoàn chỉnh và được bảo đảm từ trước về mọi thứ cần thiết và còn có ở hậu phương 148 tiểu đoàn dự bị với quân số (xem ở phần trên) 188 690 người để bổ sung số thiệt hại trong chiến đấu. Tổng cộng lại có một khối bộ binh được tổ chức đông đến 1 251 370 người.

Người ta có thể nghĩ rằng chúng tôi thổi phồng. Tuyệt nhiên không phải như vậy. Chúng tôi vẫn chưa vẽ lên được một bức tranh chân thật do còn bỏ qua những nhân tố nhỏ nhặt, song,

tính gộp lại thì những nhân tố ấy đem lại một con số rất lớn. Bằng chứng thật hiển nhiên.

Tờ "Kölnische Zeitung" số ra ngày 27 tháng Chạp 1874 có đăng "Bản tin quân sự" do Bộ chiến tranh cung cấp, qua đó chúng ta được biết như sau. Cuối năm 1873 quân đội Đức, bộ phận thời chiến, có quân số 1 361 400 người, trong đó

bộ binh gồm.....	994 900 người
Năm 1874 cộng thêm vào đó còn có những tiểu đoàn thứ tư.....	155 400 người
và 234 tiểu đoàn xung kích dự bị.....	187 200 người

Toàn thể bộ binh.....	1 337 500 người
-----------------------	-----------------

nghĩa là, nhiều hơn gần 100 000 người so với sự tính toán của chúng tôi. Cũng bài báo ấy xác định tổng quân số tất cả các binh chủng là 1 723 148 người, trong đó có 39 948 sĩ quan; trái lại, người Pháp may mắn cũng chỉ có 950 000 quân lính được tổ chức sẵn từ trước, trong đó có 785 000 bộ binh!

Về chất lượng của số quân lính này thì - cứ giả định rằng tính trung bình quân đội của hai nước đều có những khả năng chiến đấu giống nhau - chắc chắn rằng chất lượng của quân đội Pháp đã không tăng lên kể từ sau cuộc chiến tranh gần đây nhất. Chính phủ nước này đã làm tất cả để khiến cho quân đội mất nhuệ khí, đặc biệt bằng cách bố trí quân đội trong các doanh trại tồi tàn, tại đó người lính, vào mùa đông, không thể tập tành được, cũng như không thể làm việc gì khác, và có thể nói là binh lính được hoàn toàn thoả sức vắng mặt. Thiếu đội ngũ hạ sĩ quan, số lượng đại đội thì không đủ, các trung đoàn kỵ binh thì từ lâu đã không có đủ ngựa. Ngày 14 tháng Giêng, tờ "Norddeutsche Allgemeine Zeitung" đã nhấn mạnh tình trạng đó; hồi ấy nó vẫn còn tuyên truyền hoà bình!

Nhưng đạo luật quân sự mới cung cấp cho ông bộ trưởng Bộ chiến tranh Pháp: 704 714 lính tại ngũ, 510 294 lính dự bị; 582 523 binh lính thuộc quân địa phương và 625 633 lính dự bị của địa phương quân, tổng cộng là 2 423 164 người mà trong trường hợp cần thiết thì con số này có thể được nâng lên thành 2 600 000 người! Tuy nhiên, tướng Lê-van sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng những văn kiện liên quan đến vấn đề này, đã tuyên bố rằng ông ta phải hạ thấp con số đó xuống còn 2 377 000 người. Nhưng ngay cả số lượng đó cũng hoàn toàn đủ để làm mất trí ngay cả một vị bộ trưởng chiến tranh ưu tú nhất. Xin quý vị hãy cho biết, ông ta làm gì được với cái khối người ấy, - cái khối người mà hầu như hai phần ba trong số họ lại toàn là những binh sĩ chưa được huấn luyện? Lấy đâu ra số sĩ quan và hạ sĩ quan mà không có họ thì ông ta không thể huấn luyện những binh sĩ ấy được, ấy là chưa nói đến việc tổ chức họ lại?

Ở Đức tình hình lại hoàn toàn khác. Ngay trong các luận chứng của đạo luật quân sự đế chế đã quy định quân số thời chiến là 1 500 000 người. Song, do hệ quả của chính đạo luật ấy, phải cộng thêm vào đó 5 lứa tuổi nhập ngũ của đội hậu bị thay thế mà thời hạn nghĩa vụ quân sự của loại này được kéo dài từ 27 năm đến hết 31 năm, - hàng năm có 45 000 người - như thế, tổng cộng sẽ là khoảng 200 000 người. Ít nhất cũng đã có 200 000 binh sĩ ngoài phiên chế được ghi tên vào danh sách từ trước, chưa kể số người nằm trong danh sách số quân thời chiến. Lại còn cộng thêm vào đây số quân xung kích dự bị với số quân tròn hai triệu người, như vậy vị bộ trưởng chiến tranh Đức có trong tay 3 900 000 người, nếu không phải là 4 triệu người, hơn nữa, như tờ báo bán chính thức kể trên đã khẳng định quân đội Đức,

"ngay cả trong trường hợp gọi nhập ngũ 1 800 000 người, thì ngoài điều đó ra nó sẽ bao gồm - không kể số tân binh được ghi vào danh sách quân dự bị - toàn những binh lính đã phục vụ và đã hoàn toàn được chuẩn bị về phương diện quân sự, điều

này ở nước Pháp - kể cả số quân dự bị thuộc địa phương quân - chỉ có thể đạt được sau 20 năm".

Chúng ta thấy rằng quốc gia thật sự đại diện cho chủ nghĩa quân phiệt không phải là nước Pháp, mà là đế chế Đức của dân tộc Phổ. Bốn triệu binh lính, mười phần trăm dân số! Chỉ xin nêu một nhận xét: chúng ta có thể được lợi, nếu hệ thống này sẽ được phát triển đến cực độ. Và cái hệ thống ấy có thể bị sụp đổ hoàn toàn, không phải do từ bên ngoài, không phải bởi một cường quốc quân sự nào khác, mà chỉ do từ bên trong, do những hậu quả không tránh khỏi của bản thân mình. Và người ta càng bành trướng hệ thống ấy quá mức bao nhiêu thì hệ thống ấy sẽ tất phải càng nhanh chóng sụp đổ. Bốn triệu binh lính! Đảng xã hội - dân chủ cũng sẽ cảm ơn Bít-xmác, nếu ông ta đưa con số này lên đến 5 hoặc 6 triệu, rồi sau đó hễ có khả năng thì ông ta sẽ gọi nhập ngũ cả các cô gái.

*Do Ăng-ghen viết vào tháng Tư 1875*

*Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" số 46,*

*ngày 23 tháng Tư 1875*

*Ký tên: Ph. Ă.*

*In theo bản đăng trên báo*

*Nguyên văn là tiếng Đức*

**PH.ĂNG-GHEN**  
**LỜI NÓI ĐẦU**  
**VIẾT CHO CUỐN SÁCH NHỎ**  
**"VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở NGA"<sup>1\*</sup>**

Những dòng dưới đây được viết ra trong dịp tôi buộc phải luận chiến với một ông Pi-e Ni-ki-tít-chor Tca-trép nào đó. Trong một bài báo bàn về tờ tạp chí Nga "Tiến lên" ("Volksstaat", số 117 và số 118, năm 1874) xuất bản ở Luân Đôn, tôi đã có dịp nhắc qua tên ông này, song việc nhắc đó lại gây nên sự phẫn nộ đáng kính của ông ta đối với tôi. Ông Tca-trép lập tức công bố "Bức thư ngỏ gửi ông Phri-đrich Ăng-ghen", Xuy-rích, năm 1874, trong đó ông ta nói bừa đủ mọi thứ chuyện kỳ quái về tôi, thế rồi, để đối chọi lại sự ngu dốt quá chừng của tôi, ông ta đã nêu lên những ý kiến của bản thân về tình hình thực tế và triển vọng của cách mạng xã hội ở nước Nga. Tác phẩm bìa bác này, cả về hình thức lẫn nội dung, đều mang dấu ấn thông thường của chủ nghĩa Ba-cu-nin. Vì bức thư được công bố bằng tiếng Đức, cho nên tôi thấy cần phải đáp lại bức thư đó trên tờ "Volksstaat" (xem "Sách báo của giới lưu vong", chương IV và V, "Volksstaat", số 36 và những số tiếp theo, năm 1875). Phần thứ nhất của bức thư trả lời của tôi chủ yếu là sự phân tích phương pháp đấu tranh

<sup>1\*</sup> Xem tập này, tr.751-767.

của phái Ba-cu-nin trên văn đàn, phương pháp này chỉ hồ đồ gán cho đối phương đủ thứ chuyện xằng bậy. Trong bài báo đăng trên tờ "Volksstaat", tôi đã nói khá đầy đủ phần chủ yếu mang tính chất cá nhân này. Vì vậy, ở đây tôi bỏ qua phần ấy và chỉ để lại phần hai cho bản in riêng xuất bản theo ý muốn của nhà xuất bản, phần này chủ yếu bàn về điều kiện xã hội của nước Nga kể từ năm 1861, tức là từ khi có cái gọi là giải phóng nông dân.

Sự phát triển của những biến cố ở nước Nga có ý nghĩa hết sức lớn đối với giai cấp công nhân Đức. Đế chế Nga đang tồn tại hiện nay là chỗ dựa vững mạnh cuối cùng của toàn bộ thế lực phản động Tây Âu. Điều đó đã biểu lộ hoàn toàn rõ trong những năm 1848 và 1849. Cũng vì nước Đức không chịu ủng hộ cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan và không tiến đánh Nga hoàng (như tờ "Neue Rheinische Zeitung" ngay từ đầu đã yêu cầu như vậy), cho nên vị Nga hoàng ấy, năm 1849, mới có thể trấn áp được cuộc cách mạng Hung-ga-ri đã lan đến sát tận cổng thành Viên, và năm 1850 tại Vác-sa-va mới có thể xét xử được nước Áo, Phổ và các tiểu bang Đức và khôi phục Quốc hội liên bang cũ. Và mới cách đây không lâu, vào đầu tháng Năm 1875, cũng giống như hai mươi nhăm năm trước đây, Nga hoàng đã nhận lời thể trung thành của các chư hầu của mình tại Béc-lin và đã chứng minh rằng hôm nay ông ta cũng vẫn còn là trọng tài của châu Âu. Bất cứ cuộc cách mạng nào ở Tây Âu cũng không thể giành được thắng lợi hoàn toàn, chừng nào ở bên cạnh nó còn tồn tại nước Nga hiện nay. Mà nước Đức thì lại là nước láng giềng gần nhất của nước Nga, cho nên đòn tiến công đầu tiên của quân đội của thế lực phản động Nga sẽ giáng vào nước Đức. Bởi vậy, sự sụp đổ của chế độ Nga hoàng, sự diệt vong của Đế chế Nga là một trong những điều kiện đầu tiên của thắng lợi cuối cùng của giai cấp vô sản Đức.

Song, sự sụp đổ đó tuy nhiên không thể do từ bên ngoài tạo nên, tuy cuộc chiến tranh bên ngoài có thể thúc đẩy rất nhanh sự sụp đổ đó. Ngay bên trong bản thân Đế chế Nga, cũng có những nhân tố đang tác động mạnh mẽ tới sự sụp đổ của nó.

Nhân tố thứ nhất - đó là *người Ba Lan*. Sau hàng trăm năm bị áp bức, họ sa vào một tình thế: hoặc là làm cách mạng, ủng hộ mọi cuộc khởi nghĩa thực sự cách mạng của phương Tây, coi đó là bước đầu tiến tới giải phóng Ba Lan; hoặc là phải diệt vong. Và chính lúc này, họ đang ở trong hoàn cảnh chỉ có thể tìm những bạn đồng minh Tây Âu cho mình ở phe giai cấp vô sản mà thôi. Đã hơn một trăm năm nay, tất cả các đảng tư sản phương Tây luôn luôn phản bội họ. Ở Đức, chỉ từ năm 1848, giai cấp tư sản nói chung mới được tính đến, mà từ đó đến nay thì nó luôn luôn đối địch với người Ba Lan. Ở Pháp, Na-pô-lê-ông đã phản bội người Ba Lan năm 1812 và do sự phản bội đó, cuộc chiến tranh của ông ta đã bị thất bại, ngai vàng và đế chế đều mất sạch; vương quốc tư sản trong những năm 1830 và 1846, nước cộng hoà tư sản trong năm 1848. Đế chế II trong cuộc chiến tranh Crưm và trong năm 1863, đều theo gương ông ta cả. Chúng đều phản bội người Ba Lan một cách đều giả như nhau cả. Và ngay bây giờ, phái cấp tiến tư sản, phái cộng hoà của Pháp vẫn còn quy lụy trước Nga hoàng hòng có được một liên minh phục thù chống Phổ làm phần thưởng cho một sự phản bội mới đối với lợi ích của Ba Lan, giống như bọn tư sản Đế chế Đức sùng bái cũng vị Nga hoàng đó, coi ông ta là người bảo hộ hoà bình châu Âu, tức là người bảo hộ cho những sự thôn tính của Đức - Phổ được bền vững. Ngoài những công nhân cách mạng ra, người Ba Lan không tìm thấy ở bất cứ đâu một sự ủng hộ công khai và chân thành nào, vì cả người Ba Lan lẫn công nhân cách mạng đều quan tâm như nhau đến sự sụp đổ của

kẻ thù chung, và vì việc giải phóng Ba Lan cũng có nghĩa là sự sụp đổ ấy.

Song hoạt động của người Ba Lan bị hạn chế về mặt lãnh thổ. Hoạt động đó chỉ đóng khung ở Ba Lan, Lit-va và U-crai-na. Hạng nhân thật sự của Đế chế Nga - Đại Nga - hầu như còn hoàn toàn nằm ngoài phạm vi hoạt động đó. Bốn mươi triệu người Đại Nga là một dân tộc quá lớn và họ lại trải qua một sự phát triển quá đặc thù cho nên khó mà có thể gán cho họ một phong trào nào đó từ bên ngoài. Mà cũng hoàn toàn chẳng cần thiết phải làm như thế. Thực vậy, đông đảo nhân dân Nga, nông dân, hàng thế kỷ nay, từ đời này qua đời khác, đã kéo lê thê cuộc sống đần độn trong cái vũng bùn sống vất vưởng ngoài lịch sử, và sự đổi thay duy nhất làm đứt quãng cái tình trạng đơn điệu buồn tẻ ấy là những cuộc khởi nghĩa riêng lẻ chẳng có kết quả gì và cái ách áp bức mới của tầng lớp quý tộc và của chính phủ. Sự tồn tại ngoài lịch sử ấy được bản thân Chính phủ Nga kết thúc (năm 1861) bằng cách xoá bỏ chế độ nông nô không còn có thể kéo dài thêm nữa và bằng cách thực hành việc chuộc lại lao dịch - một biện pháp đã được thực hiện hết sức xảo quyệt khiến cho đa số nông dân lẫn quý tộc đều đi đến một sự phá sản không thể tránh khỏi. Do đó, những điều kiện trong đó người nông dân Nga đang sống, đang thúc đẩy họ tham gia phong trào, một phong trào tuy là hiện còn mới nảy nở, nhưng do tình cảnh mỗi ngày một xấu đi của quần chúng nông dân, sẽ ngày càng tiến triển không gì ngăn cản nổi. Nỗi bất bình ghê gớm của nông dân hiện giờ đã là một sự thực mà chính phủ cũng như tất cả các đảng bất mãn và đối lập đều phải tính đến.

Vì thế cho nên sau này, khi nói đến nước Nga thì cần hiểu rằng đó không phải là nói toàn bộ Đế chế Nga, mà chỉ là Đại



Nga, tức là cái vùng đất mà các tỉnh ở cực tây là Pơ-xcốp-xơ và X-mô-len-xơ, và các tỉnh cực nam là Cuốc-xơ và Vô-rô-ne-giơ.

*Do Ăng-ghen viết vào tháng Năm 1875  
Đã in trong cuốn: F.Engels. "Soziales aus  
Rußland", Leipzig, 1875 và trong cuốn:  
F. Engels. "Internationales aus dem  
"Volksstaat" (1871 - 1875)". Berlin, 1894*

*In theo bản in trong cuốn sách,  
có đối chiếu với lần xuất bản  
năm 1894  
Nguyên văn là tiếng Đức*

**PHẦN DI CẢO CỦA  
C.MÁC  
VÀ  
PH.ĂNG-GHEN**

---

## PH.ĂNG-GHEN BÚT KÝ VỀ NƯỚC ĐỨC<sup>473</sup>

### I. LỜI MỞ ĐẦU. 1500 - 1789

1. Đến cuối thế kỷ XV, nước Đức ngày càng bị phân chia, vùng trung tâm của nó ngày càng suy yếu, trong khi đó, nước Pháp và nước Anh đã ít nhiều được tập trung và dân tộc đang được hình thành. Ở nước Đức thì không thể như thế, bởi vì: 1) chế độ phong kiến ở đây phát triển chậm hơn so với các nước đã trải qua thời kỳ chinh phục; 2) nước Đức bao gồm một số vùng của người Pháp và người Xla-vơ và coi nước I-ta-li-a là của cải của mình, coi La Mã là trung tâm của mình, - vì vậy, nó không phải là một tổng thể *dân tộc*; 3) bởi vì, - đây là điều chủ yếu, - các tỉnh và các nhóm tỉnh còn hoàn toàn biệt lập với nhau: giữa chúng không có liên hệ gì cả v.v. (Xem: Chiến tranh nông dân). Han-da, liên minh thành thị vùng Ranh và liên minh thành thị Sva-bơ chính là đại diện của những tập đoàn đã được hình thành một cách tự nhiên, nhưng ngăn cách với nhau.

*Về điểm 1.* Tây Ban Nha, Pháp, Anh vào cuối thế kỷ XV liên kết thành những nước đã định hình về mặt dân tộc. Sự cố kết này đối với thế kỷ XV có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới. (Tây Ban Nha - khối thống nhất của tộc Ca-ta-lô-ni và tộc Ca-xti-li-a, Bồ Đào Nha - Hà Lan I-bê-ri - đã giành được quyền tồn tại độc lập nhờ có ngành hàng hải, Pháp - nhờ quyền lực vương triều của nhà vua, dần dần đưa dân tộc vào quỹ đạo của mình. Nước Anh thống nhất được là do kết quả của cuộc chiến tranh Hoa hồng

đã tiêu diệt bọn quý tộc lớp trên; nước Anh đạt được điều đó chỉ sau khi bị buộc phải từ bỏ những kế hoạch xâm lược kiểu Đông Ki-sốt đối với nước Pháp tựa như người Đức đi đánh La Mã, những kế hoạch đó có thể làm cho nước Anh hoàn toàn kiệt quệ, như là cuộc viễn chinh La Mã đã làm cho nước Đức kiệt quệ). Nước Đức mặc dù thiếu những mối liên hệ kinh tế bên trong, nhưng vẫn có thể là một quốc gia tập quyền, và thậm chí còn có thể trở nên tập quyền sớm hơn (chẳng hạn, dưới triều vua Ôt-tôn), thứ nhất, nếu như không có cái tước hiệu hoàng đế La Mã và những tham vọng bá chủ thế giới gắn liền với tước hiệu ấy làm cho nhà nước dân tộc không thể hình thành và làm cho lực lượng bị hao phí trong những cuộc xâm lược I-ta-li-a (hậu quả ở Áo còn ảnh hưởng cho đến năm 1866!), - đồng thời, lợi ích của nước Đức luôn luôn bị xâm phạm một cách phản bội; thứ hai, nếu như không có cái chế độ bầu hoàng đế, bởi vì chế độ bầu hoàng đế tuyệt nhiên không cho phép quyền lực hoàng đế của triều đại trở thành hiện thân của dân tộc và, ngược lại, chỉ cần các công tước bắt đầu cảm thấy quyền lực nhà vua quá to lớn, thì cái chế độ bầu hoàng đế đó sẽ thường xuyên dẫn tới sự thay thế triều vua, nhất là trong thế kỷ XV có ý nghĩa quyết định này. - Ở Pháp và ở Tây Ban Nha cũng đã từng có tình trạng phân tán về mặt kinh tế, nhưng ở đây tình trạng phân tán đó đã được khắc phục bằng bạo lực.

Cuộc "Đấu tranh văn hoá" của hoàng đế chống giáo hoàng trong thời trung đại đã làm cho cả nước Đức lẫn nước I-ta-li-a đều bị chia cắt (ở đây, quyền lực giáo hoàng là trở ngại cho sự thống nhất dân tộc, nhưng đồng thời nó lại tựa hồ như đóng vai đại diện của sự thống nhất dân tộc; nhưng tuy vậy, Đan-tơ, chẳng hạn, vẫn coi người cứu tinh của I-ta-li-a là một hoàng đế nước ngoài); kể từ năm 1500, giáo hoàng với tư cách là một công tước hạng vừa đã chia cắt nước I-ta-li-a thành những lãnh địa của mình và làm cho việc thống nhất I-ta-li-a trên thực tế không thể thực hiện được.

2. Nhưng dẫu sao - do sự phát triển tự nhiên của thương mại thế giới, do sự giéc-manh hoá người Xla-vơ, và cũng do sự mất đi những khu vực Pháp ở nước I-ta-li-a - nước Đức vẫn có thể hợp thành một khối vì những con đường thương mại thế giới đều đi qua nước Đức, nếu như đến thời điểm đó không xảy ra hai sự kiện có tính chất quyết định:

1) Tầng lớp thị dân nước Đức đã thực hiện cuộc cách mạng của mình, cuộc cách mạng ấy, hoà theo tinh thần của thời đại, đã được biểu hiện ra dưới hình thức tôn giáo, tức là dưới hình thức cuộc cải cách tôn giáo. Nhưng thật là tội tệ! Nếu không có đẳng cấp hiệp sĩ đế chế và nông dân, thì không thể nào thực hiện được cuộc cách mạng ấy. Song lợi ích mâu thuẫn nhau của tất cả ba đẳng cấp đã gây trở ngại: hiệp sĩ thường là những kẻ cướp bóc thành thị (xem tác phẩm của Man-gôn-đơ Phôn Ê-bơ-stai-nơ) và là những kẻ áp bức nông dân; thành thị cũng bóc lột nông dân một cách tàn tệ (Hội đồng thành phố Un-mơ và nông dân!). Những người nổi dậy khởi nghĩa đầu tiên là những hiệp sĩ đế chế, nhưng bị những thị dân bỏ rơi, cho nên bị thất bại hoàn toàn. Kế tiếp họ, nông dân cũng nổi lên, nhưng *thị dân lại trực tiếp chống nông dân*. Trong khi đó, cách mạng tôn giáo của thị dân đã bị cắt xén đến mức nó phải làm cho vừa khẩu vị của các *công tước*, và vai trò lãnh đạo cũng chuyển qua tay họ. - Tính chất lý luận - thần học đặc thù của cách mạng nước Đức thế kỷ XVI. Chủ yếu là quan tâm đến những vấn đề không phải từ thế giới này. Thoát khỏi hiện thực quá nghèo nàn - đó là cơ sở của cái ưu thế về mặt lý luận sau này của người Đức, từ Líp-nếch đến Hê-ghen.

2) Con đường thương mại thế giới được chuyển khỏi nước Đức, vì thế mà nước Đức hình như bị xô đẩy vào nơi hang cùng ngõ hẻm; do đó sức mạnh của thị dân, dito<sup>1\*</sup> cuộc cải cách tôn giáo, bị huỷ hoại.

1\* - cũng như

3) Kết quả là *cuius regio, eius religio*<sup>1\*</sup> và sự phân liệt thực tế của nước Đức, chủ yếu là phân ra miền Bắc theo đạo Tin lành, miền Tây - Nam Thiên chúa giáo là chính, nhưng có đủ thứ tín ngưỡng, và miền Đông - Nam Thiên chúa giáo hoàn toàn. Đây chính là nguồn gốc của sự phát triển tai hại của những năm 1740 - 1870 (Phổ, phân chia giữa miền Bắc và miền Nam, cuối cùng tiểu Đức và Áo). Quá trình ngược lại ở nước Pháp. Đàn áp tín đồ huy-gơ-nô (xem "Bút ký", tr.2)<sup>2\*</sup>.

3. Nước Đức, một khi đã bị sa vào tình trạng thụ động và thoái bộ, thì về mặt công nghiệp không tránh khỏi phải chịu ảnh hưởng của cục diện chính trị đang thay đổi trên một mức độ lớn hơn rất nhiều so với các nước hoạt động tích cực và tiên tiến về mặt công nghiệp. (Điểm này nên phát triển dưới hình thức chung.) Sự phân chia thành hai phe đã làm cho nội chiến trở thành một việc trước mắt. Sự liệt kê những cuộc chiến tranh trước năm 1648 - toàn là nội chiến. Người Pháp lợi dụng tình thế, lôi kéo *các công tước theo đạo tin lành* và các đội quân đánh thuê Đức gia nhập đồng minh và *trả công cho họ*. Điểm cao nhất là cuộc chiến tranh ba mươi năm. Trong thời kỳ Chiến tranh ba mươi năm, người Ai-rơ-len ở Đức, người Đức ở Ai-rơ-len - trong năm 1693 và năm 1806. Nhận xét về sự tàn phá. Kết quả kinh tế, xã hội, chính trị: nhượng bộ nước Pháp; Thụy Điển và Đan Mạch xâm nhập vào nước Đức; quyền can thiệp của các cường quốc - người bảo đảm; sự suy sụp hoàn toàn của quyền lực trung ương; quyền do *châu Âu bảo đảm* cho các quận vương Đức được nổi dậy chống hoàng đế, được tiến hành nội chiến và phản bội Tổ quốc.

#### 4. Những năm 1648 - 1789

a. Tình hình chính trị của nước Đức. Các quận vương Đức

1\* - đất nước của ai thì tôn giáo của kẻ đó

2\* Xem tập này, tr. 805 - 806.

dựa vào hoà ước Ve-xơ-pha-li để trục lợi, tranh nhau bán mình cho nước ngoài. Nước ngoài - nước Pháp và cả những quận vương - thì lợi dụng sự suy yếu của nước Đức, từng bước thu tóm tất cả những lãnh địa Pháp thuộc Đức và làm cho tròn trĩnh đường biên giới An-da-xơ. Quyền lịch sử của nước Pháp và tiếng la hét của người Tơ-tông về sự "cướp bóc". Biên giới ngôn ngữ vẫn chưa thay đổi, khoảng chừng từ năm 1000, trừ những vùng ở phía sườn trái dãy núi Vô-dơ (Xem Men-cơ). Đó là tình hình chung. Đặc biệt là ở miền Bắc: sự vươn lên của một nước cạnh tranh với Áo và đế chế - đó là nước Phổ. Sự phân chia thành Bắc và Nam bắt đầu gây tác động. Phê phán lịch sử Phổ. Phri-đrich II. - Sự hưng thịnh của nước Nga và sự lệ thuộc của Phri-đrich II đối với chính sách của Nga. Các cuộc nội chiến - hiện giờ đó là các cuộc chiến tranh giữa hai đối thủ: Áo và Phổ.

b. *Tình hình kinh tế*. Thêm vào đó - *sự chậm chạp thoát ra khỏi những hậu quả của cuộc Chiến tranh ba mươi năm* và những mưu toan của tầng lớp thị dân lại ngoi lên một lần nữa. Trong điều kiện đó, chỉ có dựa vào những đức tính *vô liêm sỉ* thì mới có thể vươn lên lại. Hiện giờ chỉ có dựa vào sự can thiệp chính trị, dựa vào hành vi nhục nhã của các quận vương và những món tiền thưởng do nước ngoài ban cho chúng, thì mới có thể thực hiện được sự tiến bộ kinh tế. Tất cả điều đó chứng minh rằng về mặt kinh tế nước Đức đã trải qua một sự suy sụp sâu sắc biết chừng nào. Thời kỳ đó - khởi nguyên của chế độ gia trưởng. Sau năm 1648, nhà nước đã thật sự gánh lấy sứ mệnh chấp hành những chức năng xã hội và cũng vì những khó khăn về tài chính mà buộc phải làm việc đó. Hễ nơi nào không làm như thế thì nơi đó có tình trạng đình trệ (các khu giáo chủ Ve-xơ-pha-li). Nhục nhã biết nhường nào! Và sự giúp đỡ của nhà nước ấy ít ỏi biết bao nhiêu! Mối quan hệ với thị trường thế giới thuần tuý mang tính chất thụ động. Chỉ với tư cách là *một bên trung lập*, thì mới có thể kiếm chác được cái gì đó trong những cuộc chiến tranh thế giới lớn (cuộc chiến tranh của nước Mỹ và

các cuộc chiến tranh cách mạng trước năm 1801) - nhưng lại hoàn toàn bất lực trước những nước ăn cướp (nhờ cách mạng Pháp mà cái địa vị sỉ nhục ấy của nước Đức ở châu Âu mới chấm dứt).

c. Văn học và ngôn ngữ hoàn toàn suy sụp; giáo lý thần học chết cứng; trong các lĩnh vực khoa học khác, nước Đức cũng hết sức suy thoái, nhưng cũng có một vài tia sáng; Gia cấp Buê-mơ (người tiên khu mới của các nhà triết học tương lai), Kê-plơ, Lai-bơ-nít-xơ. Lại trừu tượng hoá cái đang tồn tại, cái hiện thực. *Bắc*.

d. Tình hình nước Đức năm 1789. a) Nông nghiệp - tình hình nông dân. Tình trạng lệ thuộc của nông nô, nhục hình, chế độ tô lao dịch. b) Công nghiệp - thực sự nằm trong tình trạng nghèo nàn, lao động thủ công chiếm địa vị ưu thế, còn ở nước Anh - đã bắt đầu thời kỳ đại công nghiệp, công nghiệp nước Đức thì chưa kịp phát triển đến nơi đến chốn, đã bị rơi vào sự diệt vong. c) Về mậu dịch - nhập siêu. d) Địa vị xã hội của thị dân trong quan hệ đối với quý tộc và chính phủ. e) Những trở ngại về mặt chính trị đối với sự phát triển - tình trạng chia cắt; miêu tả theo Men-cơ. Thuế quan, những trở ngại cho ngành vận tải đường sông. Free trade<sup>1\*</sup> do tình trạng chia cắt mà bị hạn chế trong phạm vi biên giới nội địa. Thuế quan - đây chủ yếu là thuế thành thị đánh vào hàng tiêu dùng.

Các quận vương nước Đức, dù cho đầu óc họ được mở mang như những người che chở cho Su-bác-tơ và Các-lơ Au-gu-xơ, cũng không thể làm nên việc gì tốt đẹp cả, bọn họ thà là hết sức sẵn sàng tham gia liên minh vùng Ranh, chứ không dám tiến hành chiến tranh. Bằng chứng là vụ xâm nhập năm 1806, lúc đó dao đã kề cổ họ. Và lại, trong số 1000 quận vương ấy, mỗi người là một ông hoàng chuyên chế; đó là những tên vô lại

1\* mậu dịch tự do

thô bạo, dốt nát, ở họ không thể mong đợi gì những hành động chung, nhưng những điều quái gở thì bao nhiêu cũng được (Xlô-xe-rơ). Buôn bán tân binh trong thời kỳ chiến tranh ở Mỹ. - Song, tội ác đáng sỉ nhục nhất của họ là *bản thân sự tồn tại của họ*. Mà bên cạnh họ thì tại biên giới miền Đông, Phổ ở phía bắc, Áo ở phía nam đều đang tham lam vươn tay tới những lãnh thổ mới. Đó là những nước duy nhất còn có thể cứu vãn tình thế, nếu trong hai nước đó chỉ có một nước tồn tại. Song sự cạnh tranh không thể tránh khỏi giữa những nước ấy đã gạt bỏ mọi lối thoát. Cái ngõ cụt thật sự: sự giúp đỡ chỉ có thể từ bên ngoài đưa đến - cách mạng Pháp đã đưa đến sự giúp đỡ. Những dấu hiệu của sự sống chỉ nằm trong hai lĩnh vực: trong nghệ thuật quân sự và, mặt khác, trong văn học, triết học, trong nghiên cứu khoa học khách quan, chân thành. Trong khi ở nước Pháp vào thế kỷ XVIII, các tác gia chính trị và hơn nữa các tác gia chính trị hạng nhất đã chiếm đa số, - thì ở nước Đức lại cứ một mực trốn khỏi hiện thực để ẩn vào những lĩnh vực lý tưởng. Ý niệm "*Con người*" và sự phát triển của ngôn ngữ; trong năm 1700 - còn là trạng thái dã man, năm 1750 - Lét-xinh và Can-tơ, chẳng bao lâu sau đó - Gơ-tơ, Si-lơ, Vi-lăng, Héc-đơ; Gluych, Hen-đen, Mô-da.

### 1789 - 1815

1. Những enclaves<sup>1\*</sup> của nước Đức trên địa hạt An-da-xơ - Loren v.v. đã có một nửa bị đặt dưới sự thống trị của Pháp, đang hoà theo cách mạng Pháp - do đó nảy ra cái cơ gây chiến tranh. Phổ và Áo *bỗng nhiên trở thành nhất trí*. Van-mi. Chiến thuật tuyến bị phá sản là do việc sử dụng pháo binh hàng loạt. Phơ-lơ-ruýt và Giê-máp. Chiến thuật tuyến biên cảnh của Áo phá sản? Xâm chiếm miền tả ngạn sông Ranh. Sự vui mừng của nông dân và

1\* - đất nằm xen vào lãnh thổ nước khác

các thành thị yêu chuộng tự do; thậm chí một số vụ cưỡng đoạt nào đó và thuế máu của Na-pô-lê-ông cũng không thể làm tiêu tan nỗi vui mừng đó. - Hoà ước A-mi-en và đoàn đại biểu đế chế. Kết quả chủ yếu: xoá bỏ đế chế Đức; Liên minh vùng Ranh. Na-pô-lê-ông quét đi nhiều tiểu bang Đức, nhưng việc quét sạch đó tiếc rằng còn rất chưa đủ. Ông ta luôn luôn đóng vai trò cách mạng đối với các quận vương và nếu như các quận vương nhỏ không quy lụy hết mức đối với ông ta, thì ông ta còn đi xa hơn nữa. Năm 1806 - sai lầm của Na-pô-lê-ông là ở chỗ ông ta không tiêu diệt Phổ đến cùng. Tình hình kinh tế của nước Đức trong thời kỳ bao vây của lục địa. - Thời kỳ lệ thuộc nước ngoài nhục nhã nhất ấy cũng đồng thời là thời kỳ chói lọi huy hoàng trong lĩnh vực văn học và triết học và cũng đồng thời là thời kỳ hưng thịnh nhất của âm nhạc mà Bét-thô-ven là đại biểu.

## TRÍCH BẢN THẢO THỨ HAI "BÚT KÝ VỀ NƯỚC ĐỨC"

Trong thời kỳ *chiến tranh của tín đồ huy-gơ-nô*, sự tôn trọng đối với vương quyền với tư cách là đại diện dân tộc đã lớn đến mức *chỉ* những liên minh với nước ngoài và những hiệp ước về viện trợ quân sự được nhà vua ký kết mới được coi là hợp pháp và mới được dư luận xã hội thừa nhận. Tất cả những người khác, dưới con mắt của dư luận xã hội đều luôn luôn là những kẻ phản loạn và những kẻ phản bội. Điều đó được thể hiện rõ nhất sau khi Hăng-ri III chết, lúc này Hăng-ri IV giành được thắng lợi cuối cùng cũng chỉ là nhờ ảnh hưởng của tước hiệu quốc vương.

Việc đàn áp triệt để đạo Tin lành ở nước Pháp đối với nó không phải là tai họa - teste<sup>1\*</sup> là Bay-lơ, Vôn-te và Di-đơ-rô. Thế nhưng ở nước Đức mà đàn áp đạo Tin lành thì sẽ là điều bất hạnh chẳng những đối với người Đức, mà *cả đối với toàn thế giới*. Vậy thì nước Đức ắt hẳn buộc phải nhận lấy *cái hình thức* phát triển thiên chúa giáo của những nước thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh; nếu như hình thức phát triển của nước Anh cũng mang tính chất thời trung đại và nửa Thiên chúa giáo (các trường đại học và những học viện đại loại như thế, các trường trung học - tất cả những cái ấy về thực chất là những tu viện đạo Tin lành), thì mọi hình thức giáo dục có tính chất đạo Tin lành của nước Đức (giáo dục gia đình, trường kỹ túc tư nhân, sinh viên ngoại trú tự chọn khoá học) cũng có thể bị bãi bỏ, và sự phát triển tinh thần của

1\* - người làm chứng cho điều đó

châu Âu có thể trở thành đơn điệu vô cùng: nước Pháp và nước Anh về thực chất đã phá bỏ các định kiến, nước Đức đã thoát khỏi hình thức của những định kiến đó, đã thoát khỏi *khôn sáo cũ*, và tình hình đó là một phần nguyên nhân của tình trạng không định hình của tất cả mọi cái của nước Đức cho đến ngày nay vẫn còn mang theo những nhược điểm lớn, đại để như việc phân chia thành nhiều tiểu bang, nhưng đối với khả năng phát triển của dân tộc thì tình hình đó lại là một lợi thế rất to lớn; chỉ trong tương lai, nó mới đem lại những quả chín, khi mà giai đoạn này, vốn là phiến diện, được khắc phục.

Hơn thế nữa, *đạo Tin lành của nước Đức - là một hình thức hiện đại duy nhất của Cơ Đốc giáo đang được phê phán*. Thiên chúa giáo trong thế kỷ XVIII đã là ở dưới tâm của mọi sự phê phán và chỉ là cái đối tượng của *luận chiến* (mấy ông tín đồ già Thiên chúa giáo vẫn còn ngu ngốc làm sao!); đạo Tin lành ở nước Anh phân liệt thành vô số giáo phái, không thể nào có được sự phát triển của thần học, có chăng thì cũng chỉ là một sự phát triển mà mỗi giai đoạn đều được ghi nhận dưới hình thức thành lập một giáo phái mới. Chỉ người Đức nắm được thần học và cũng vì thế mà người Đức có đối tượng để phê phán - phê phán về mặt sử học, ngữ văn học và triết học. *Sự phê phán đó là sản phẩm của nước Đức*, nếu không có đạo Tin lành Đức, thì sự phê phán đó không thể có được, tuy nhiên, sự phê phán đó là tuyệt đối cần thiết. Không thể nào thủ tiêu được một tôn giáo như Thiên chúa giáo chỉ bằng cách chế giễu và sỉ vả. Nó cũng phải được *đánh bại về mặt khoa học*, tức là *được làm rõ về mặt lịch sử*, nhiệm vụ đó thì ngay cả khoa học tự nhiên cũng không thể đảm đương nổi.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối năm 1873 - đầu năm 1874*

*Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong "Văn khố của Mác và Ăng-ghen", t.X, 1948*

*In theo bản thảo*

*Nguyên văn là tiếng Đức*

## C.MÁC

### TÓM LƯỢC CUỐN SÁCH CỦA BA-CU-NIN "THỂ CHẾ NHÀ NƯỚC VÀ TÌNH TRẠNG VÔ CHÍNH PHỦ"<sup>1474</sup>

*Do C.Mác viết năm 1874 - đầu năm 1875*

*Công bố lần đầu tiên trong tạp chí "Niên giám chủ nghĩa Mác" số 11, 1926*

*In theo bản thảo*

*Nguyên văn là tiếng Đức*

## BA-CU-NIN. "THỂ CHẾ NHÀ NƯỚC VÀ TÌNH TRẠNG VÔ CHÍNH PHỦ"

### "MỞ ĐẦU. PHẦN I. 1873"<sup>1\*</sup>

(Tiếp theo sau đó trên trang 1 có ghi "*Đấu tranh*" (Streit) trong Hội liên hiệp công nhân Quốc tế).

#### "Lời nói đầu"

"Ở I-ta-li-a cũng như ở Nga, số lượng những người trẻ tuổi như vậy nhiều lắm, không một nước nào khác có thể sánh được" (tr.7).

"Đúng thế, không nơi nào cách mạng xã hội có thể đến gần như ở nước I-ta-li-a (tr.8).

"Ở I-ta-li-a, giai cấp vô sản bản cùng chiếm ưu thế: đối với giai cấp vô sản ấy, các ông Mác và Ăng-ghe-n, và theo sau các ông là cả trường phái những người dân chủ xã hội của nước Đức, đều khước từ họ và tỏ ra hết sức khinh bỉ họ, nhưng điều đó là hoàn toàn vô lý, bởi vì, trong giai cấp đó, và *chỉ trong giai cấp đó*, chứ tuyệt nhiên không phải trong tầng lớp tư sản nói trên của quần chúng công nhân, *mới chứa chất toàn bộ trí tuệ và toàn bộ sức mạnh của cách mạng xã hội tương lai*" (tr.8).

Ấy thế mà ở người Đức thì ngược lại,

---

<sup>1\*</sup> Trong tác phẩm này, tất cả những đoạn văn do Mác trích dẫn bằng tiếng Nga trong cuốn sách của Ba-cu-nin đều đóng ngoặc kép thường (" "): còn đoạn nào mà Mác dịch ra tiếng Đức khi trích dẫn Ba-cu-nin thì đóng một loại ngoặc kép khác (" ").



ở đó, chính phủ, một mặt, dựa vào đội quân tốt v.v.. mặt khác, dựa vào "chủ nghĩa yêu nước trung quân, lòng hám danh vô hạn của dân tộc và tính ngoan ngoãn vâng lời và lòng kính ngưỡng cũng vô hạn như thế và có tính chất lịch sử cổ xưa đối với chính quyền, những cái đó là đặc điểm hiện nay của quý tộc Đức, của tiểu thị dân Đức (bourgeoisie), "của giới quan liêu Đức, của giáo hội Đức, của cả phường học giả nước Đức và dưới ảnh hưởng chung của họ, than ôi! thường thường cũng là đặc điểm của bản thân nhân dân Đức nữa"(tr.11).

"Hoá ra Phổ đã nuốt mất nước Đức. Như thế có nghĩa là chừng nào nước Đức vẫn còn là một nhà nước", dù mang hình thức gì, hình thức tự do chủ nghĩa giả hiệu, lập hiến, dân chủ "và thậm chí cả hình thức xã hội - dân chủ chẳng nữa, thì nước Đức tất nhiên sẽ là đại diện hàng đầu và chủ yếu, và là nguồn gốc thường xuyên của mọi chế độ chuyên chế có thể có ở châu Âu" (tr.11).

Từ giữa thế kỷ XVI đến năm 1815, nguồn gốc chủ yếu của tất cả những cuộc vận động phản động là Áo (id est<sup>1\*</sup> đại diện của nước Đức): từ năm 1815 đến 1848, Áo và Phổ tách rời nhau, trong đó Áo (Mét-téc-ních) chiếm ưu thế (tr.12); "từ năm 1815, cái roi ta-ta-rơ Đức của hoàng đế - toàn Nga của chúng ta đã tham gia Liên minh thần thánh ấy của phái phản động thuần túy Đức" (tr.13).

Để trút bỏ trách nhiệm, người Đức cố sức làm cho bản thân mình và những người khác tin rằng kẻ chủ mưu thiết lập Liên minh thần thánh là nước Nga. "Trái với những người dân chủ xã hội Đức mà mục đích trước tiên của cương lĩnh của họ là thành lập một nhà nước liên Đức, những người cách mạng xã hội Nga trước hết ra sức phá huỷ hoàn toàn "nhà nước" (Nga) của chúng ta" v.v. (tr.13).

Vì chân lý, "không phải vì muốn bào chữa cho chính sách của nội các Pê-téc-bua" (tr.13), Ba-cu-nin trả lời cho người Đức như sau. Con người vĩ đại đó thậm chí không nhắc đến việc liên minh dưới thời Ê-ca-tê-ri-na và ảnh hưởng của nước Nga đối với nước Pháp từ thời kỳ cách mạng liên tục cho đến thời kỳ Lu-i-Phi-líp, ấy là chưa kể đến việc xây dựng Phổ với sự giúp đỡ của người Nga từ thời Pi-ốt I. Ông ta cũng chẳng nhắc đến những âm mưu

chung của nước Nga và nước Anh từ đầu thế kỷ XVIII nhằm nô dịch châu Âu. Ông ta bắt đầu từ A-lếch-xan-đơ I và Ni-cô-lai và miêu tả hoạt động của họ như sau:

"A-lếch-xan-đơ chạy ngược chạy xuôi, bận rộn rất nhiều và làm âm ỉ lên: Ni-cô-lai thì cau có và hăm dọa. Song tất cả cũng chỉ đến thế mà thôi. Các ông chẳng làm được cái gì cả... bởi vì các ông không thể, vì rằng bạn bè của các ông những người Đức ở Áo và ở Phổ không cho phép các ông; các ông chỉ đóng vai trò vinh quang của những con ngoáo ộp bằng rơm (bange machen). "thực sự hành động chỉ có Áo, Phổ và" cuối cùng - dưới sự lãnh đạo và sự cho phép của Áo và Phổ - có triều đại Buốc-bông Pháp chống Tây Ban Nha" (tr.13. 14).

Nước Nga chỉ mới một lần vượt ra khỏi biên giới của mình - vào năm 1849, để cứu nước Áo thoát khỏi cuộc cách mạng Hung-ga-ri. Ngoài ra, trong thế kỷ này nước Nga đã hai lần, dựa vào Phổ, bóp chết cách mạng Ba Lan, vì Phổ cũng như bản thân nước Nga đều quan tâm đến việc đó. Cố nhiên, "nước Nga nhân dân không thể có được, nếu không có nền độc lập và tự do của Ba Lan"(tr.14).

Nước Nga, xét về mặt trí lực cũng như về mặt thực lực hay là của cải, đều không chiếm được địa vị ưu thế ở châu Âu khiến cho tiếng nói của nước Nga đủ sức "giải quyết các vấn đề" (tr.14).

Nước Nga có thể làm được việc gì đó chỉ khi nào được một nước phương Tây nào đó yêu cầu làm việc đó. (Chẳng hạn, Phri-đrich II yêu cầu Ê-ca-tê-ri-na phân chia Ba Lan và suýt nữa phân chia cả Thụy Sĩ.)

Đối với phong trào cách mạng ở châu Âu, nước Nga trong tay những chính khách Phổ đã đóng vai trò con ngoáo ộp, thường khi còn đóng vai trò bình phong cho họ che đậy một cách khéo léo những hành động xâm lược và phản động của họ. Sau những thắng lợi cách đây không lâu, họ chẳng cần đến việc đó nữa và cũng chẳng làm như thế nữa (tr.16).

Béc-lin với Bít-xmác hiện giờ là đầu não rõ rệt và là thủ đô của phái phản động ở châu Âu (tr.16). Phái phản động (phái phản động Thiên chúa giáo - La Mã) có ở La Mã, ở Véc-xây, phần nào ở Viên và Bruy-xen; phái phản động - roi vọt ở nước Nga: nhưng phái phản động đầy sinh khí, "thông minh", thật sự "mạnh mẽ" thì lại tập

1\* - tức là

trung ở Béc-lin và từ đế quốc Đức mới đã lan tràn khắp tất cả các nước châu Âu, v.v. (tr.16).

"*Tổ chức liên hợp từ dưới lên trên của các hiệp hội công nhân, của các tổ, của các công xã, của các làng và, cuối cùng của các khu và các dân tộc, điều kiện duy nhất ấy của nền tự do thực sự, chứ không phải giả dối, - tổ chức ấy rất trái ngược với bản chất của chúng<sup>1\*</sup>, cũng như là không một nền tự trị kinh tế nào có thể được dung hợp với chúng*" (tr. 17).

Thế nhưng, *chế độ dân chủ đại nghị (die Repräsentativ Demokratie)* kết hợp hai điều kiện thành công của chúng: "sự tập quyền nhà nước và sự phục tùng thật sự của nhân dân, người chủ đất nước, đối với một thiểu số người trí thức cai trị họ, tuồng như thể đại diện cho họ và nhất định bóc lột họ" (tr.17).

"Thực chất của nền đế chế Đức - *Ta-ta-rơ của chúng ta*"(tr.14).

Đế chế Đức mới rất là hiếu chiến: nó nhất định phải đi chinh phục hoặc bị chinh phục (tr.17-18):

nó "mang trong mình một ý đồ không thể cưỡng được là trở thành quốc gia toàn thế giới" (tr.18). Bá quyền lãnh đạo chỉ là biểu hiện khiêm tốn của ý đồ đó: điều kiện của ý đồ đó là chỉ ít tất cả các nước chung quanh đều yếu đuối bất lực và chịu phục tùng. Đóng vai trò ấy trước đây là đế chế Pháp, ngày nay là đế chế Đức, và "*nhà nước Đức, theo sự vững tin của chúng tôi, là nhà nước thật sự duy nhất ở châu Âu*" (tr.19).

Nhà nước (Empire, Royaume<sup>2\*</sup>); người thống trị (souverain, monarque, empereur, roi<sup>3\*</sup>); thống trị (régner, dominer<sup>4\*</sup>); người thống trị (souverain, empereur, monarque, roi). (Ngược lại, theo tiếng Đức, *Reich* ban đầu chỉ là một khu đất (lớn hoặc nhỏ) nằm

1\* - của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại và hoạt động đầu cơ của ngân hàng

2\* - đế chế, vương quốc

3\* - nguyên thủ, quân chủ, hoàng đế, quốc vương

4\* - trị vì, thống trị

trong những giới hạn nhất định, được đặt tên theo dân tộc, dân cư ở trong khu đất đó. Chẳng hạn, khu vực từ sông Rê-ghe-n vùng Thượng Pphan-xơ đến Phích-tắc là *Phích-tơ-rai-khơ*; A-khơ-ne-rai-khơ; Phran-crích (ở Hà Lan); Rai-khơ-Phôn Nim-vê-ghe-n; Rai-khơ-Phôn-Nê-ghe-n; khu Tơ-ra-rơ-búc trên sông Mô-den cho đến nay vẫn gọi là Grô-ve-rai-khơ, một khu vực khác trên sông Mô-den gọi là Ve-xtơ-rích.)

*Vận phúc nước nhà*" của Pháp đã hết rồi; ai biết được ít nhiều tính cách của người Pháp, đều hiểu rõ như chúng tôi (Ba-cu-nin), rằng nếu nước Pháp trong một thời gian dài trước đây đã có thể là "*cường quốc bậc nhất*", thì bây giờ nó không thể nào chịu đứng vào địa vị thứ yếu, ngay cả khi địa vị ấy ngang hàng với nước khác. Nước Pháp sẽ chuẩn bị cuộc chiến tranh mới, báo thù, khôi phục "địa vị hàng đầu (ersten Rangs) đã bị mất (tr.19). Nhưng liệu có thể đạt được điều đó không? Quyết không thể. Những sự kiện gần đây chứng minh rằng *chủ nghĩa yêu nước, cái "đức hạnh nhà nước cao cả nhất"* (diese höchste Reichstugend) không còn tồn tại nữa ở Pháp (tr.19). Chủ nghĩa yêu nước của các giai cấp lớp trên<sup>1\*</sup> chẳng qua chỉ là một sự hiếu danh, tuy nhiên, như cuộc chiến tranh gần đây đã chứng tỏ, các giai cấp đó có thể hy sinh sự hiếu danh của mình vì những lợi ích thực tế của mình. Dân cư nông thôn nước Pháp thể hiện chủ nghĩa yêu nước cũng ít như thế. Nông dân một khi đã trở thành người tư hữu, thì không còn là người yêu nước nữa. Chỉ ở An-da-xơ và Lo-ren chủ nghĩa yêu nước Pháp xuất hiện, dường như để làm trò cười cho người Đức. Chủ nghĩa yêu nước chỉ được bảo tồn trong giai cấp vô sản thành thị. Chính vì thế mà sự căm ghét của các giai cấp hữu sản mới trút vào nó. Nhưng đó không phải là những người yêu nước theo đúng nghĩa của từ này, bởi vì họ thể hiện một thái độ xã hội chủ nghĩa (thái độ thân ái anh em đối với công nhân của tất cả những nước khác) và đã bắt đầu tự võ trang, nhưng không phải chống nhân dân Đức, mà chống chế độ chuyên chế quân phiệt Đức (tr. 20 - 22). Sau Đại hội Giơ-ne-vơ lần đầu tiên chỉ mới bốn năm, chiến tranh đã bắt đầu, và sự tuyên truyền của quốc tế đã "*đặc biệt*" gọi nên, trong công nhân thuộc "bộ tộc la-tinh", một thế giới quan mới chống chủ nghĩa yêu nước (tr.22). Thế giới quan mới ấy cũng được biểu hiện trong cuộc mít-tinh tại Viên năm 1868 để đáp lại một loạt những "đề nghị" chính trị và yêu nước do "phái dân chủ

1\* Nguyên văn của Ba-cu-nin là: "các đảng cấp thượng lưu".

tư sản miền Nam nước Đức đưa ra. Công nhân đã trả lời phái dân chủ tư sản này rằng phái dân chủ tư sản này bóc lột họ, luôn luôn lừa bịp và áp bức họ, rằng công nhân tất cả các nước đều là anh em của họ. Phe công nhân quốc tế là tổ quốc duy nhất của họ; thế giới những kẻ bóc lột quốc tế là kẻ thù duy nhất của họ" (tr.22. 23). Để chứng minh điều đó, họ đã đánh một bức điện cho những người anh em Pa-ri là những người tiên phong "giải phóng công nhân toàn thế giới" (tr.23). Việc trả lời đó đã gây nên nhiều sự ồn ào ở nước Đức; làm cho tất cả bọn dân chủ - thị dân hoảng sợ, kể cả Gia-cô-bi I-ô-han, và đã "lãng nhục không chỉ tình cảm yêu nước của họ, mà cả "niềm tin nhà nước" (den staatsreichlichen Glauben) của trường phái Lát-xan và Mác. Chắc chắn là theo lời khuyên của Mác mà ông Líp-nếch - hiện giờ là một trong những người đứng đầu phái dân chủ - xã hội ở Đức, nhưng lúc đó còn là đảng viên đảng dân chủ - thị dân (đảng nhân dân đã quá cố) - đã lập tức từ Lai-pxích đến Viên để "thương lượng" (zur Verhandlung) với công nhân Viên về *hành vi vụng về về chính trị* đã tạo nên cái cớ cho vụ âm ỉ ấy. Cũng cần nói cho công bằng đối với ông ta, ông ta hành động một cách có kết quả, nên mấy tháng sau, tức vào tháng Tám 1868, tại đại hội đại biểu công nhân Đức ở Nu-ren-be, tất cả các đại diện của giai cấp vô sản Áo, không hề có ý kiến phản đối, đều đã ký tên vào bản cương lĩnh yêu nước hẹp hòi của đảng xã hội - dân chủ" (tr. 23. 24). Điều đó thể hiện "sự khác nhau sâu sắc tồn tại giữa phương hướng chính trị của những người lãnh đạo ít nhiều có học vấn và có tính chất tư sản của đảng đó, với bản năng cách mạng của *bản thân giai cấp vô sản Đức hoặc ít ra là của giai cấp vô sản Áo*". Tuy nhiên, ở Đức và ở Áo từ năm 1868 bản năng này rất ít phát triển; nhưng ở Bỉ, ở I-ta-li-a, Tây Ban Nha và đặc biệt ở Pháp thì bản năng ấy lại phát triển tuyệt đẹp (tr.24). Công nhân Pháp ý thức được rằng là những người xã hội chủ nghĩa và những người cách mạng, họ làm việc cho cả thế giới (tr.25). "và cho thế giới nhiều hơn là cho bản thân mình" (tr.25). "Mơ ước đó" (dieser Traum) "đã trở thành bản tính của giai cấp vô sản Pháp và tẩy rửa những tàn dư cuối cùng của chủ nghĩa yêu nước quốc gia ra khỏi tâm trí và tâm hồn của họ" (tr.26). Giai cấp vô sản Pháp khi kêu gọi cầm vũ khí, tin tưởng chắc chắn rằng nó đấu tranh vì tự do và quyền lợi của giai cấp vô sản Đức đồng thời cũng vì tự do và quyền lợi của bản thân mình (tr.26). "Họ đấu tranh không phải vì sự cao cả và vinh dự, mà là vì thắng lợi đối với "sức mạnh quân sự" đáng căm ghét nằm trong tay giai cấp tư sản, được dùng làm công cụ nô dịch họ. Họ căm ghét quân đội Đức, không phải vì quân đội đó là quân đội nước Đức, mà là vì quân đội đó là quân

đội" (tr.26). Cuộc khởi nghĩa Công xã Pa-ri chống Quốc hội Véc-xây và *chống vị cứu tinh của tổ quốc - Chi-ê...* thể hiện đầy đủ nhiệt tình duy nhất hiện đang thúc đẩy giai cấp vô sản tiến lên; giai cấp vô sản Pháp v.v.. mà đối với nó, chỉ chiến tranh cách mạng - xã hội là còn tồn tại (tr.27). Được nhiệt tình cách mạng - xã hội khích động, "*họ tuyên bố phá huỷ triệt để nhà nước Pháp, xoá bỏ sự thống nhất nhà nước của nước Pháp, một sự thống nhất không thể dung nạp với sự tự trị của các công xã Pháp*. Người Đức chỉ thu hẹp biên giới và "sức mạnh" (die Macht) của tổ quốc chính trị của họ, còn họ thì lại muốn hoàn toàn "tiêu huỷ" (umbringen, ersch agen) tổ quốc ấy và dường như là để tỏ rõ cái mục đích phản nghịch ấy, họ đã phá đổ tan tành cái cột Văng-dôm. cái bia kỷ niệm hùng vĩ ấy của niềm vinh quang nước Pháp" (tr.27).

"Như vậy, một bên là nhà nước, một bên là cách mạng xã hội" (tr.29). Cuộc đấu tranh này là kiên quyết nhất ở nước Pháp: ngay trong nông dân, ít ra là ở miền Nam nước Pháp, cũng đã như thế rồi (tr.30). "Chính sự đối lập thù địch ấy của hai thế giới không thể điều hoà hiện nay là nguyên nhân *thứ hai* khiến cho nước Pháp không thể lại trở thành "nhà nước" hàng đầu, chiếm địa vị ưu thế" (tr.30). Sở giao dịch Véc-xây, giai cấp tư sản v.v.. đều hoang mang khi Chi-e tuyên bố việc triệt thoái quân đội Phổ (tr.31). "Như thế là, cái chủ nghĩa yêu nước kỳ quái của giai cấp tư sản Pháp đi tìm con đường tự cứu mình trong sự khuất phục nhục nhã của Tổ quốc" (tr.31).

"Cảm tình mà công nhân Pháp hiện đang bộc lộ một cách rõ rệt với cách mạng Tây Ban Nha, *đặc biệt là ở miền Nam nước Pháp*, nơi biểu hiện ý đồ rõ rệt của giai cấp vô sản muốn liên hiệp như anh em với giai cấp vô sản Tây Ban Nha và *thậm chí muốn tạo thành một liên bang "nhân dân" với họ*, một liên bang dựa trên cơ sở lao động đã được giải phóng và chế độ sở hữu tập thể".

*Nhân dân - Volk Nation, (Natio, nasci<sup>1\*</sup>)* một cái gì bẩm sinh, sinh đẻ.

- "bất chấp tất cả những sự khác biệt về dân tộc và biên giới quốc gia, tôi nói, những cảm tình và ý muốn đó chứng minh rằng đối với bản thân giai cấp vô sản Pháp, cũng như đối với các giai cấp có đặc quyền, thời đại của chủ nghĩa yêu nước quốc gia đã qua rồi" (tr.32).

1\* - sinh đẻ, sinh ra

"Một nhà nước già cỗi, bệnh hoạn không sao chữa được như thế (như nước Pháp) làm sao có thể chống chọi với nhà nước Đức trẻ trung và đến nay vẫn còn khoẻ mạnh" (tr. 33). Bất cứ hình thức nhà nước nào, dù là nước cộng hoà xã hội - dân chủ, cũng không thể mang lại cho nhân dân cái mà nhân dân đang cần, "tức là một tổ chức tự do ("tự chủ" - frei<sup>1\*</sup>, mà cũng không phải là không chế ngự được) phù hợp lợi ích của mình "từ dưới lên trên" (von unten nach oben), không hề có sự can thiệp, sự giám hộ, bạo lực từ trên xuống, bởi vì bất cứ "nhà nước" (Reichsherrschaft<sup>2\*</sup>) nào như thế, dù là thể chế nhà nước cộng hoà nhất và dân chủ nhất, ngay cả nhà nước nhân dân giả hiệu (der sogenannte Volksstaat), "do ông Mác nghĩ ra, về thực chất" cũng chỉ là việc quản lý quần chúng từ trên xuống; thông qua một thiểu số trí thức và chính vì thế mà có đặc quyền, tuồng như là hiểu thấu lợi ích thật sự của nhân dân hơn cả nhân dân" (tr. 34. 35).

Do vậy, khi các giai cấp hữu sản không thể nào làm thoả mãn nhiệt tình của nhân dân và yêu sách của nhân dân, thì họ chỉ còn một phương tiện là "bạo lực nhà nước" (Reichs - Gewalttätigkeit), nói tóm lại "*nhà nước*", bởi vì "*nhà nước*" cũng chính là "*bạo lực*" (violence, véhémence, force<sup>3\*</sup>), là "sự thống trị bằng bạo lực, nếu có thể thì được ngụy trang, trong trường hợp bất đắc dĩ thì trắng trợn" v.v.(tr.35).

Ở đây Gam-bét-ta cũng chẳng giúp gì được: cuộc đấu tranh sống mái giữa của giai cấp tư sản và giai cấp vô sản (ở Pháp) "đòi hỏi sử dụng tất cả những thủ đoạn và lực lượng nhà nước (chính phủ), thế mà nhà nước Pháp không còn thủ đoạn và lực lượng nào để giữ vững ưu thế bề ngoài của nó giữa các nhà nước châu Âu". "Vậy nó làm sao có thể độ sức được với nền đế chế của Bít-xmác!" (tr.37). Nước Pháp sẽ phải phục tùng sự lãnh đạo tối cao, sẽ phải chịu ảnh hưởng bảo hộ - hữu nghị của đế chế Đức, y hệt như là nhà nước I-ta-li-a phục tùng chính sách của nhà nước Pháp vậy (tr. 37, 38).

**Nước Anh:** Ảnh hưởng bị thu hẹp rất nhiều. Điển hình là lời nói sau đây:

1\* - tự do

2\* - thể chế nhà nước

3\* - bạo lực, hành vi cuồng bạo, sức mạnh

"Cách đây ba mươi năm, nó không thể chịu đựng một cách yên ổn như thế việc người Đức xâm chiếm các tỉnh vùng sông Ranh, việc khôi phục địa vị ưu thế của nước Nga trên Hắc Hải, việc người Nga tiến đánh Khi-va" (tr.39). Nguyên nhân của sự nhượng bộ ấy v.v. là cuộc đấu tranh của thế giới công nhân chống thế giới giai cấp tư sản bóc lột, thống trị về chính trị (tr.39). Ở đây cách mạng xã hội đang đến gần v.v. (như trên).

Tây Ban Nha và I-ta-li-a, chẳng có gì đáng nói, những nước này không bao giờ trở thành những nước hùng mạnh và có tính chất đe dọa - không phải vì những nước đó không có phương tiện vật chất, mà là vì "tinh thần nhân dân" đưa họ tới những mục đích hoàn toàn khác (tr.39).

Nhân tiện xin nói: Tây Ban Nha lại được thức tỉnh trong thời kỳ chiến tranh nhân dân chống Na-pô-lê-ông, bản thân cuộc chiến tranh đó vốn là sự nghiệp của đám quần chúng ngu dốt. Ở nước Đức trong những năm 1812 và 1813 không hề có tình hình như thế: chỉ sau khi Na-pô-lê-ông thất bại ở Nga thì người ta mới vùng lên khởi nghĩa. Chỉ riêng Ti-rôn là ngoại lệ (tr.40. 41).

#### Đồng thời:

"Chúng ta thấy rằng có sở hữu là đã đủ để làm cho nông dân Pháp suy đồi và dập tắt trong lòng họ đốm lửa cuối cùng của chủ nghĩa yêu nước" (tr. 42). Ở nước Đức (1812 -1813) những công dân trẻ, hay nói cho đúng hơn, những "thần dân" (treuuntertan) được các nhà triết học và các thi sĩ khích lệ, đã tự võ trang để bảo vệ và phục hưng nhà nước Đức, bởi vì chính lúc này tư tưởng về nhà nước liên Đức cũng đã xuất hiện ở nước Đức. Ấy thế mà nhân dân Tây Ban Nha thì lại đứng lên "đồng loạt" (individuell) để "bảo vệ" (verteidigen) một lần nữa tự do của "tổ quốc" và độc lập của "đời sống nhân dân" chống kẻ nô dịch tàn bạo và hung mạnh (tr.43). Từ đó về sau Tây Ban Nha đã thử đi thử lại nhiều lần một cách uống công vô ích tất cả những hình thức chính phủ - chuyên chế, lập hiến, bảo thủ - cộng hoà v.v; thậm chí cả hình thức nước cộng hoà liên bang tiểu tư sản như là Thụy Sĩ (tr.43).

"Con quỷ chủ nghĩa xã hội cách mạng đã chế ngự Tây Ban Nha. Nông dân vùng An-đa-lu-di-a và Ê-xtơ-rê-ma-đu-ra không hỏi ai cả và cũng không đợi chỉ thị của ai cả, đã chiếm lấy đất đai của những địa chủ trước đây. Ca-ta-lô-ni và đặc biệt là Béc-xê-lô-na lớn tiếng tuyên bố nền độc lập của mình, nền tự trị của mình. Nhân dân

Ma-drít tuyên bố thành lập nước cộng hoà liên bang và không tán thành việc bắt cách mạng phục tùng những pháp lệnh tương lai của hội nghị lập hiến. Ngay cả miền Bắc nằm trong tay phái Các-lôt, cách mạng xã hội cũng được tiến hành một cách hiển nhiên: người ta tuyên bố "đặc quyền tự trị" (fueros), tuyên bố các tỉnh và các công xã độc lập, thiêu huỷ tất cả những giấy tờ của toà án và khế ước dân sự; quân đội ở khắp cả Tây Ban Nha đều tay bắt mặt mừng với nhân dân và đuổi cổ bọn sĩ quan đi. Sự phá sản phổ biến, công cộng và tư nhân, đã bắt đầu - đó là điều kiện đầu tiên của cách mạng kinh tế - xã hội" (tr.44). "Không còn có tài chính, quân đội, toà án và cảnh sát nữa; không còn thế lực nhà nước, không còn "nhà nước", chỉ còn lại nhân dân hùng mạnh, "đầy sinh khí" (frische) hiện giờ trong lòng chỉ dạt dào nhiệt tình cách mạng xã hội. Dưới sự lãnh đạo tập thể của Quốc tế và của Đồng minh những người cách mạng xã hội, nhân dân đoàn kết và tổ chức lực lượng của mình v.v." (tr.44).

Trong nhân dân I-ta-li-a chỉ giữ lại một truyền thống tự trị tuyệt đối đầy sức sống không chỉ của các "tỉnh, khu, quận" (Provinz, Kreis, District) - mà cả của các "công xã" (der Gemeinden). Bên cạnh cái "khái niệm chính trị duy nhất" ấy vốn tồn tại trong "nhân dân", còn có "sự không đồng nhất của các tỉnh" về mặt lịch sử - nhân chủng, các tỉnh nói những thổ ngữ rất khác nhau, đến nỗi người của một "tỉnh" (en passant<sup>1\*</sup>, cũng có nghĩa là quyền lực, sức mạnh) rất khó hiểu tiếng nhau, có khi hoàn toàn không hiểu tiếng nói của người các "tỉnh" khác; tuy nhiên, I-ta-li-a không bị chia năm xẻ bảy "về mặt xã hội". Ngược lại, có một "tính cách và điển hình I-ta-li-a chung", căn cứ vào tính cách và điển hình ấy người ta có thể phân biệt người I-ta-li-a với người của bất cứ bộ tộc nào khác, ngay cả người của bộ tộc miền Nam (tr. 45). Phá huỷ "nhà nước" I-ta-li-a mới nhất đi, thì kết quả tất nhiên sẽ là "sự liên hợp tự do - xã hội" (tr.46). Tất cả điều đó chỉ liên quan đến "quần chúng nhân dân".

Ngược lại,

trong "các tầng lớp trên" của giai cấp tư sản I-ta-li-a, cũng giống như ở những nước khác, "sự thống nhất xã hội của giai cấp" những người có đặc quyền đặc lợi bóc lột lao động nhân dân đã được hình thành cùng với sự thống nhất nhà nước và hiện nay ngày càng được phát triển. Giai cấp này hiện giờ ở I-ta-li-a được gọi chung là những tập đoàn... - toàn thể" thế giới quan phương, tức là thế giới quan trường và

1\* - nhân tiện xin nói

quân phiệt, cảnh sát và toà án; những địa chủ lớn, những nhà công nghiệp, những nhà buôn và chủ ngân hàng; toàn thể giới luật sư và giới văn đàn chính thức và bán chính thức, toàn thể nghị viện (tr.46).

Nhưng ngay cả sự *khốn cùng* (sự túng thiếu) đáng ghê sợ nhất, ngay cả khi sự khốn cùng đó giáng đòn vào giai cấp vô sản "đông hàng triệu", cũng chưa phải là một "sự bảo đảm" (Pfand) đầy đủ cho cách mạng... Khi con người (một đám người) bị đẩy vào *tuyệt vọng*, thì họ rất có thể căm phẫn... Trong cơn *tuyệt vọng*, ngay cả người Đức cũng sẽ không còn là kẻ thuyết giáo thao thao bất tuyệt nữa; nhưng muốn đẩy người Đức vào cảnh *tuyệt vọng*, thì đòi hỏi phải có rất nhiều... Cả "sự khốn cùng" lẫn "sự tuyệt vọng" đều chỉ có thể làm nảy sinh ra "*những cuộc bạo động*" có tính chất cá nhân, nhiều lắm là "những cuộc bạo động" có tính chất địa phương, nhưng không đủ để bao trùm "cả lớp lớp quần chúng nhân dân". Muốn thế, cần phải có "*lý tưởng toàn dân*" "luôn luôn" được sản sinh ra trong lịch sử từ "cõi sâu xa của bản năng nhân dân". Và cả "lòng tin" (Glauben) vào quyền của mình nữa, "có thể nói, niềm tin sùng tín vào quyền đó".

Điều sau cùng đó, cùng với sự khốn cùng và sự tuyệt vọng, tạo thành một phương thuốc đặc hiệu của cách mạng xã hội (tr. 47, 48).

"Nhân dân I-ta-li-a chính đang ở trong hoàn cảnh đó" (tr.48).

Chính Quốc tế (tức đồng minh!), đặc biệt trong vòng hai năm gần đây (1872 và 1873), đã hoạt động một cách rất có hiệu quả ở I-ta-li-a với tư cách là bà đỡ của lý tưởng đó.

"Nó<sup>1\*</sup> đã chỉ cho nhân dân I-ta-li-a cái mục đích mà họ phải thực hiện và đồng thời đã vạch ra cho họ con đường và phương tiện để tổ chức lực lượng nhân dân" (tr.48).

"Điều rất hay là ở I-ta-li-a cũng như ở Tây Ban Nha, "cương lĩnh cộng sản - nhà nước của Mác" không gặp may mắn (bị bắt lợi) chút nào, ngược lại, ở đây người ta tiếp thu một cách rộng rãi và nhiệt tình *cương lĩnh* của Đồng minh "nổi tiếng"

1\* - Sự tuyên truyền của Quốc tế

(Weltberühmten) hoặc của "*Liên minh những người cách mạng xã hội*", cương lĩnh này tuyên chiến một cách thẳng tay với mọi "sự thống trị, sự bảo hộ của nhà nước, cấp trên và quyền uy" (tr.49).

"Trong điều kiện đó, nhân dân có thể được giải phóng, xây dựng cuộc sống của chính mình trên cơ sở "ý chí rộng rãi nhất" của tất cả mọi người và của mỗi người, nhưng tuyệt nhiên không đe dọa tự do của các dân tộc khác" (tr.49).

Do đó, I-ta-li-a và Tây Ban Nha đã thừa nhận cương lĩnh của Đồng minh, thì I-ta-li-a và Tây Ban Nha, theo ý ông ta, tiến đến gần cách mạng xã hội và chẳng cần phải lo *sợ chính sách xâm lược* từ phía họ (tr.49).

"*Các nước nhỏ - Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan, Đan Mạch, Thụy Điển*", "*chính cũng vì những nguyên nhân như thế*" (thế thì, chính cũng vì họ tiếp thu cương lĩnh của Đồng minh!),

"nhưng chủ yếu", họ không đe dọa ai do họ "chẳng có gì đáng kể về mặt chính trị" (tr.49), mà ngược lại, có rất nhiều lý do để "lo sợ đế chế Đức mới tiến hành những sự chinh phục" (tr.50).

Áo là một con bệnh không phương cứu chữa. Áo chia thành hai quốc gia: quốc gia *Ma-gi-a - Xla-vơ* và quốc gia *Giéc-mạnh - Xla-vơ* (tr.50). Người Đức muốn cai trị trong quốc gia Giéc-mạnh - Xla-vơ.

"Người Đức, có thể nói, là "những người nhà nước chủ nghĩa" và những quan liêu chủ nghĩa bẩm sinh, một mặt, họ dựa trên quyền lịch sử của mình, tức là quyền xâm lược và "cổ xưa", mặt khác, dựa trên cái gọi là ưu thế văn hoá của mình, để có những tham vọng" (tr.52). Trong những năm gần đây, người Đức buộc phải thừa nhận quyền "tồn tại" độc lập của người Ma-gi-a. "Trong tất cả những bộ tộc" cư trú tại đế quốc Áo, sau người Đức, thì người Ma-gi-a là "dân tộc có ý thức nhà nước sâu sắc nhất" (tr.52); họ tuyên bố quyền lịch sử của họ được thống trị tất cả những bộ tộc khác cùng họ cư trú trong vương quốc Hung-ga-ri, mặc dù bản thân họ chỉ chiếm giữ một phần ba dân số (cụ thể là 5 500 000 người Ma-gi-a, 5 000 000 người Xla-vơ, 2 700 000 người Ru-ma-ni, 1 800 000 người Do Thái và Người Đức, khoảng

500 000 người của các "bộ tộc" khác, tổng cộng là 15 500 000 người) (như trên). Như vậy, đế quốc Áo - Hung chia thành hai miền: Txi-xlây-tan có người Xla-vơ và người Đức với số dân 20 500 000 người (7 200 000 người Đức và người Do Thái, 11 500 000 người Xla-vơ, khoảng 1 800 000 người I-ta-li-a và người của các "bộ tộc" khác) và miền có người Ma-gi-a, người Xla-vơ, người Ru-ma-ni, người Đức (tr. 53).

### Ở Hung-ga-ri

"đa số dân cư bị người Ma-gi-a khuất phục, không ưa thích người Ma-gi-a, chịu đựng ách áp bức của người Ma-gi-a trái với ý muốn của mình, do đó không ngót đấu tranh" (tr.53). Người Ma-gi-a sợ người Ru-ma-ni và người Xla-vơ nổi lên khởi nghĩa. Vì thế mà có liên minh bí mật với *Bít-xmác*, Bít-xmác "thấy trước một cuộc chiến tranh không thể tránh khỏi chống đế quốc Áo, một đế quốc nhất định phải bị diệt vong, cho nên "ve vãn" người Ma-gi-a (tr.54).

Tại đế quốc *Txi-xlây-tan*, tình hình cũng chẳng tốt hơn.

Ở đây, người Đức muốn cai quản người Xla-vơ chiếm số đông. "Người Đức căm ghét người Xla-vơ như là ông chủ thường thường ghét người nô lệ của mình" (tr.54), sợ họ được giải phóng v.v.. "Cũng như những kẻ xâm lược đất đai nước khác và những kẻ bảo hộ nhân dân nước khác, người Đức cùng một lúc tỏ ra hoàn toàn "bất công" khi họ vừa căm ghét, vừa khinh bỉ người Xla-vơ" (như trên). Người Đức ở Phổ trách cứ Chính phủ Áo chủ yếu ở chỗ chính phủ đó không thể Đức hoá người Xla-vơ.

"Việc đó, theo niềm tin của họ, và trên thực tế là như vậy, là tội tày trời chống lại lợi ích yêu nước chủ nghĩa toàn Đức, chống lại *chủ nghĩa liên Đức*" (tr.55) (chữ viết ngả trong nguyên bản là của Ba-cu-nin). Để đối chọi lại cái chủ nghĩa liên Đức ấy, người Xla-vơ ở Áo, trừ người Ba Lan ra, đã đề ra *chủ nghĩa đại Xla-vơ*, "một điều nhằm nhí đáng chán ghét nhất" như thế, "cái lý tưởng phản tự do và hãm hại nhân dân" (tr.55).

Đoạn này còn được chú thích thêm, trong chú thích ông Ba-cu-nin dọa sẽ nghiên cứu kỹ hơn nữa vấn đề này; ở đây ông ta chỉ kêu gọi đám thanh niên cách mạng nước Nga phản đối điều này: ông ta thừa nhận có những đặc vụ nước Nga đang hoạt động theo hướng đó trong những người Xla-vơ ở Áo, làm cho những người

Xla-vơ này tin rằng Nga hoàng có ý định giải phóng đất nước họ khỏi ách áp bức của người Đức, và "việc đó diễn ra đúng vào lúc nội các Pê-téc-bua "công nhiên" bán rẻ một cách bội phản toàn bộ vùng Bô-hêm cùng với Mô-ra-vi cho Bít-xmác để đền đáp sự giúp đỡ đã hứa hẹn tại phương Đông".

Tại vùng đất Xla-vơ - Áo, cả một giai cấp những người có học thức v.v. đang chờ đợi người Nga giải phóng mình, hoặc là thậm chí *"dựng lên một vương quốc Xla-vơ vĩ đại ở bên dưới cường quốc Nga hoàng, tại sao lại như thế?"* (tr.57).

Điều đó chỉ chứng tỏ. "nên văn minh Đức đáng nguyên rủa ấy, một nền văn minh "Về thực chất là văn minh "tư sản" và do đó mang tính chất "nhà nước", đã thâm nhập vào tâm hồn của ngay cả những người Xla-vơ yêu nước đến mức nào rồi... họ vẫn hoàn toàn là người Đức, mặc dù mục đích mà họ đang theo đuổi là chống người Đức; họ mong muốn, họ có ý nghĩ giải phóng người Xla-vơ khỏi ách áp bức của Đức bằng con đường và thủ đoạn của người Đức. Vì họ được tiếp thu sự giáo dục của Đức, cho nên họ không biết phương pháp nào khác, mà chỉ biết thông qua việc thành lập những nhà nước Xla-vơ hoặc là một nhà nước Xla-vơ hùng mạnh thống nhất, để giải phóng. Do vậy, mục đích mà họ đề ra cho mình cũng hoàn toàn theo kiểu Đức, bởi vì "nhà nước kiểu mới nhất" mang tính chất tập quyền, quan liêu, cảnh sát - thô lỗ, đại loại như nền đế chế Đức mới hoặc nền đế chế "toàn Nga", là một "sản vật" thuần túy của Đức; ở Nga nhà nước đó trước kia có pha trộn yếu tố ta-ta-rơ, "nhưng, tuy vậy ở nước Đức hiện nay cũng không phải khó xuất hiện sự nhả nhận kiểu ta-ta-rơ" (tr.57).

"Xét theo toàn bộ bản tính, xét theo toàn bộ thực chất, người Xla-vơ quyết không phải là một bộ tộc chính trị, tức không phải là một bộ tộc mang tính chất "nhà nước". Người Séc "nhắc đến" (erwähnen) vương quốc Mô-ra-vi vĩ đại của mình, người Xéc-bi thì nhắc đến vương quốc Đu-san, điều đó thật vô ích thôi. Tất cả những cái đó đều là những hiện tượng thoáng qua hoặc là những chuyện thần thoại cổ đại. Điều chắc chắn là không một bộ tộc Xla-vơ nào tự nó đã dựng lên "nhà nước" (tr.57).

#### *Nước cộng hoà - quân chủ Ba Lan:*

được lập nên dưới ảnh hưởng song trùng của chủ nghĩa Giéc-manh và chủ nghĩa

1\* - nông nô, đầy tớ

La-tinh, sau khi nhân dân Xla-vơ ("*nông nô*" - Leibeigener, Knecht<sup>1\*</sup>) hoàn toàn bị quý tộc Ba Lan nô dịch; theo ý kiến của nhiều sử gia Ba Lan, chẳng hạn như "*Mit-ské-vích*" thì quý tộc Ba Lan không thuộc nòi giống Xla-vơ (tr.58).

#### *Nhà nước Bô-hêm (Séc):*

được nhào nặn ra theo kiểu mẫu của Đức dưới ảnh hưởng công khai của người Đức, và cũng vì thế mà nhà nước đó rất sớm trở thành một bộ phận hữu cơ của đế quốc Đức.

#### *Đế quốc Nga:*

chiếc roi kiểu ta-ta-rơ "sự chúc phúc" (Segen) kiểu bi-dăng-xơ và sự khai sáng kiểu quan liêu - quân phiệt và cảnh sát kiểu Đức (tr.58).

"Vậy thì, không còn nghi ngờ gì nữa, người Xla-vơ chưa hề bao giờ tự mình chủ động lập nên "nhà nước"... bởi vì họ xưa nay không phải là bộ tộc đi xâm lược. Chỉ những dân tộc xâm lược mới lập nên "nhà nước", và lập nên nhà nước tất nhiên là để có lợi cho mình, làm hại những dân tộc bị chinh phục". Người Xla-vơ là những bộ tộc nông nghiệp, hoàn toàn hoà bình, sống một cách riêng biệt và độc lập trong những công xã của mình, những công xã này được cai quản ("cai quản" cũng có nghĩa là regieren<sup>2\*</sup>) theo tập quán chế độ gia trưởng, bởi "các bô lão" căn cứ theo "nguyên tắc bầu cử" và chế độ sở hữu ruộng đất kiểu công xã, không có quý tộc, không có đẳng cấp đặc biệt các nhà tư tế, ai ai cũng đều bình đẳng như nhau. "Thực hiện tư tưởng bác ái của loài người dưới hình thức chế độ gia trưởng và, do đó, không hoàn thiện". Giữa các công xã không có mối liên hệ chính trị nào cả, chỉ có mối liên hệ để phòng sự xâm lăng của ngoại bang; không có "nhà nước" Xla-vơ nào cả, nhưng lại có mối liên hệ xã hội, trên tình anh em, giữa tất cả các bộ tộc Xla-vơ hết sức mến khách (tr.59, 59). "Với tổ chức như vậy thì họ không đủ sức tự vệ đối với những cuộc tiến công và xâm lược của các bộ tộc hiếu chiến, đặc biệt là của người Giéc-manh cố sức mở rộng sự thống trị của mình khắp mọi nơi" (tr.59). "Người Xla-vơ một phần bị tiêu diệt, còn phần lớn thì bị người Thổ Nhĩ Kỳ, người Ta-ta-rơ, người Ma-gi-a, và chủ yếu là người Đức chinh phục" (tr.59). "Từ nửa cuối thế kỷ X bắt đầu thời kỳ lịch sử nô lệ của họ, tuy đau khổ nhưng cũng anh hùng" (tr.59).

1\* - nông nô, đầy tớ

2\* - cai trị

"*Thật là bất hạnh cho Ba Lan, các "chính đảng lãnh đạo*(seine leitenden Parteien) của Ba Lan, cho đến nay chủ yếu vẫn là những chính đảng của bọn quý tộc, chưa từ bỏ cương lĩnh "nhà nước" của mình, những chính đảng đó, không tìm con đường giải phóng và "đổi mới" "tổ quốc" của mình trong cách mạng xã hội, mà lại cứ bám lấy những thành kiến cổ xưa, khi thì muốn dựa vào sự che chở của một vị Na-pô-lê-ông nào đó, khi thì muốn liên minh với những tín đồ dòng Tên và những chúa phong kiến Áo để mưu cầu sự giải phóng và đổi mới ấy" (tr.61).

Trong thế kỷ chúng ta, cả người Xla-vơ phương Tây lẫn người Xla-vơ phương Nam cũng đã thức tỉnh: điểm tập trung của người Xla-vơ phương Tây là Bô-hêm, điểm tập trung của người Xla-vơ phương Nam là Xéc-bi (tr. 61, 62).

Biểu hiện mới nhất của "nhà nước" là *đế quốc liên Đức*: "ngày tận số của nó sắp đến rồi, tất cả các dân tộc đều mong đợi nó tiêu ma đi để mình được giải thoát hoàn toàn... Người Đức đã xứng đáng gánh chịu sự căm ghét của các dân tộc khác ở châu Âu, lẽ nào người Xla-vơ lại ghen tị với điều đó!" (tr.63).

*Nước Anh* đối với con người ấy, vị chính khách phòng trà ấy, là không tồn tại, - nước Anh, đó là đỉnh cao thật sự của xã hội tư sản châu Âu.

Hoặc là không cần "nhà nước" Xla-vơ nào cả, hoặc cần một nhà nước to lớn, cái nhà nước đại Xla-vơ chủ nghĩa nuốt hết tất cả, cái nhà nước "roi vọt của Xanh-Pê-téc-bua" (tr.64. 65).

Cũng không thể lấy cái *liên bang đại Xla-vơ* đại loại như Hợp chúng quốc để đối chọi với chế độ tập quyền liên Đức (tr.66). Liên bang ở Bắc Mỹ có thể tồn tại được, chỉ là vì trên lục địa châu Mỹ, không có một "nhà nước" hùng mạnh nào đại loại như Nga. Đức hoặc Pháp, ở sát bên cạnh nước cộng hoà to lớn đó. Vì vậy, muốn đối chọi với chủ nghĩa liên Đức đang chiến thắng, trong lĩnh vực "nhà nước" *hoặc* chính trị, thì chỉ còn một biện pháp - đó là thành lập "*nhà nước*" *đại Xla-vơ*.

Tình trạng nô lệ chung của người Xla-vơ dưới "chiếc roi toàn Nga" (tr.67). Nhưng như thế cũng không thể được. Ở châu Âu, số lượng của người Xla-vơ so với người Đức, nhiều hơn gần như một phần ba. Tuy vậy, nhà nước đại Xla-vơ chưa bao giờ sánh được với đế quốc liên Đức về mặt thực lực và sức mạnh "quân sự - nhà nước"

thật sự. Vì sao? "Vì rằng trong máu người Đức, trong bản năng người Đức và trong truyền thống người Đức, có nhiệt tình trật tự "nhà nước" và kỷ luật "nhà nước". Còn ở người Xla-vơ thì ngược lại: "vì vậy, muốn làm cho họ có kỷ cương phép tắc, phải dùng gậy để quản chặt họ, còn người Đức thì ai nấy đều tự nguyện chịu đựng cái gậy với "niềm tin phục" (auf Überredung). Tự do của người Đức chính là ở chỗ người Đức "được dạy bảo nghiêm khắc" và "sẵn sàng cúi lạy" trước bất cứ cấp trên nào. Và lại, người Đức là một dân tộc nghiêm túc và cần cù; họ thông thái, tiết kiệm, "thanh nhả, phân minh và biết tính toán", nhưng điều đó không ngăn trở họ, khi cần, tức là khi cấp trên muốn, có thể chiến đấu rất xuất sắc. Họ đã chứng minh điều đó trong những cuộc chiến tranh gần đây. Thêm vào đó, tổ chức quân sự và hành chính của họ đã đạt tới một trình độ hoàn thiện tột đỉnh, một trình độ hoàn thiện mà chưa từng có một dân tộc nào khác có thể đạt đến. Như vậy, liệu có thể tưởng tượng được việc đo sức với họ trong lĩnh vực "chế độ nhà nước" không?" (tr. 68, 69).

"Người Đức tìm kiếm sự sống và tự do của mình trong "nhà nước"; còn đối với người Xla-vơ thì "nhà nước" là cái quan tài. Họ tìm con đường giải phóng mình ở bên ngoài "nhà nước", tức là không chỉ bằng cách đấu tranh chống "nhà nước" Đức, mà còn bằng cách "bạo động toàn dân" chống mọi "nhà nước", bằng cách xã hội" (tr.69). Song, "nhà nước" tự nó không sụp đổ; chỉ có cuộc cách mạng xã hội quốc tế toàn dân và toàn bộ tộc mới có thể đánh đổ nhà nước" (tr.69).

Bản chất chống nhà nước đến nay vẫn là nhược điểm của họ<sup>1\*</sup>, bây giờ thì ngược lại, đối với phong trào nhân dân hiện nay, bản chất ấy lại là sức mạnh của họ (tr. 69).

Sắp đến lúc giải phóng hoàn toàn "những quần chúng lam lũ" và thiết lập "tổ chức xã hội tự do của họ "từ dưới lên trên" không hề có sự can thiệp của "Chính phủ" (dirigierende, regierungsmässige) dựa vào những "liên minh" (Verbindung, Allianz, Koalition, Bündnis) Kinh tế tự do, mang tính chất "nhân dân" (dem Volk gehörig, öffentlich) "bất chấp" tất cả những biên giới quốc gia xưa kia và tất cả những khác biệt dân tộc, trên một cơ sở là lao động sản xuất toàn nhân loại và hoàn toàn đoàn kết nhất trí mặc dù hết sức muôn màu muôn vẻ" (tr.70).

1\* - của người Xla-vơ



"Tính dân tộc không phải là nguyên tắc toàn nhân loại, mà là một sự thực lịch sử, có tính chất địa phương, cũng như tất cả những sự thực "có thật" và vô hại, có quyền hiển nhiên được mọi người "thừa nhận". Bất cứ dân tộc nào hay thậm chí "dân tộc nhỏ" đều có tính cách riêng của mình, phong cách của mình; tính cách và phong cách ấy "chính" (grade) là tính dân tộc, là kết quả của toàn bộ đời sống lịch sử và của toàn bộ điều kiện sinh hoạt dân tộc. Mỗi một dân tộc, cũng y như mỗi một cá nhân, đều "buộc lòng phải" là cái mà nó là như thế, và có quyền hiển nhiên là bản thân nó". Do đó nảy sinh ra toàn bộ cái gọi là "quyền dân tộc" (tr.70).

Song từ đó không nên nói rằng dân tộc này phải đề ra tính dân tộc của mình, dân tộc kia phải đề ra cá tính của mình, với tính cách là những nguyên tắc "riêng". "Họ càng ít suy nghĩ về mình và càng "thảm nhuần" "nội dung" toàn nhân loại, thì tính dân tộc của dân tộc này và cá tính của dân tộc kia càng dồi dào sinh khí và càng có ý nghĩa" (tr.71). Người Xla-vơ cũng vậy, chỉ khi nào cùng với các dân tộc khác họ quán triệt được những lợi ích thế giới, thì mới giành được "địa vị hợp pháp của mình" trong lịch sử và trong tình đoàn kết anh em tự do của các dân tộc (tr.71).

"Ở nước Đức, cải cách tôn giáo rất sớm mất đi tính chất "bạo động" không hợp với khí chất Đức, và đã tiếp thu hình thức cải cách "hoà bình nhà nước", sự cải cách này đã lập tức được dùng làm cơ sở cho một nền chuyên chế nhà nước "đúng đắn" nhất", có hệ thống, có học thức. Ở nước Pháp sau cuộc đấu tranh lâu dài và đẫm máu đã có tác dụng không nhỏ làm phát triển tư tưởng tự do trong đất nước này, chúng (những nguyện vọng tiến hành cải cách) đã bị đạo Thiên chúa chiến thắng đàn áp. Ở Hà Lan, ở Anh, và sau này ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ, chúng đã sáng tạo ra một nền văn minh mới, về thực chất là "chống nhà nước", nhưng có tính chất "kinh tế - tư sản" và tự do chủ nghĩa" (tr.72).

Đoạn này nói lên rất rõ đặc điểm của Ba-cu-nin; nhà nước thực sự tư bản chủ nghĩa, theo ông ta, là chống chính phủ; hai là, ông cho rằng sự khác biệt trong sự phát triển của một bên là nước Đức với một bên là Hà Lan và nước Anh không phải là do những điều kiện mậu dịch thế giới đã thay đổi, mà là v.v..

Cải cách tôn giáo là sản sinh ra, trong loài người văn minh, hai phương hướng chủ yếu:

- ông ta nghiên cứu thời kỳ Phục hưng chỉ sub specie<sup>1\*</sup> tôn giáo, thì cũng còn tạm được

Phương hướng *kinh tế* và "*tư sản*" - *tự do* - đặc biệt là nước Anh, rồi đến nước Mỹ, - "và phương hướng "*nhà nước*" - chuyên chế, về thực chất cũng là phương hướng "tư sản".

- từ *bürgerlich* này, đối với ông ta, vừa chỉ chủ nghĩa tư bản, vừa chỉ tiểu thị dân thời trung đại ở nước Đức

và *Tin lành*, tuy phương hướng này có pha trộn với yếu tố quý tộc Thiên chúa giáo, nhưng yếu tố này hoàn toàn phục tùng "nhà nước". Những đại diện chủ yếu của phương hướng này là Pháp và Đức - ban đầu là nước Đức của Áo, sau này là nước Đức của Phổ (tr.73). Cách mạng Pháp đã đặt cơ sở cho lợi ích mới toàn nhân loại, cho lý tưởng của tự do loài người đầy đủ nhất, nhưng *chỉ riêng về mặt chính trị*; mâu thuẫn, tính không thể thực hiện của tự do chính trị; tự do trong "nhà nước" - là đối trá. Đã nảy sinh ra hai phương hướng chủ yếu. Giai cấp vô sản thường xuyên bị bóc lột và một thiểu số người làm giàu. Trên cơ sở bóc lột nhân dân như vậy, một chính đảng thì muốn lập nên nước cộng hoà dân chủ, một chính đảng khác triệt để hơn, thì muốn lập nên một nền chuyên chế quân chủ, tức là một nền chuyên chế "nhà nước" công nhiên (tr.73).

Chống lại tất cả những ý đồ đó là một phương hướng mới "trực tiếp dẫn"... đến Ba-cu-nin (tr.74).

Do vậy, giai cấp vô sản Xla-vơ phải gia nhập hàng loạt vào Hội liên hiệp công nhân quốc tế (tr.75). "Chúng tôi đã có dịp nhắc đến việc tuyên bố trình trọng của công nhân Viên vào năm 1868 về tình anh em quốc tế" (tr. 75) phản đối cương lĩnh liên Đức. Nhưng công nhân Áo đã không có những biện pháp cần thiết tiếp tục, "bởi vì trong bước đầu đã bị chặn lại (ngăn cản) bởi sự tuyên truyền yêu nước chủ nghĩa - Đức của ông Líp-nếch, và những phân tử xã hội dân chủ đã đi cùng với ông

1\* - dưới góc độ

đến Viên hình như vào tháng Bảy 1868, chính là nhằm mục đích lôi kéo (quyến rũ) cái bản năng xã hội đúng đắn của công nhân Áo lia bỏ con đường cách mạng quốc tế và hướng bản năng ấy vào việc tuyên truyền chính trị có lợi cho sự thành lập cái "nhà nước" mà họ gọi là "*nhà nước nhân dân*" (Volksstaat) cố nhiên là nhà nước liên Đức, - nói tóm lại, để thực hiện lý tưởng yêu nước chủ nghĩa của công tước Bít-xmác, nhưng chỉ thực hiện trên cơ sở xã hội - dân chủ và thông qua cái gọi là "tuyên truyền nhân dân" có tính chất hợp pháp mà thôi". (tr.76).

"Đối với người Xla-vơ, điều đó có ý nghĩa là tự nguyện cam chịu ách áp bức của Đức, mà như vậy thì "trái với" mọi tấm lòng của người Xla-vơ (tr.77). Vì thế, chúng ta chẳng những sẽ không khuyên nhủ những người anh em Xla-vơ tham gia hàng ngũ đảng xã hội - dân chủ của công nhân Đức đang bị lãnh đạo bởi quyền độc tài của các ông Mác và Ăng-ghe-nen và, theo sau hai ông này, các ông Bê-ben, Líp-nếch và một vài người Do Thái sinh văn chương: ngược lại, chúng ta phải dốc hết sức lực để ngăn chặn giai cấp vô sản Xla-vơ "tham gia" một cách tự sát vào "liên minh" với đảng này, một đảng tuyệt nhiên không phải là chính đảng "nhân dân", mà xét theo phương hướng, mục đích và thủ đoạn của nó, là một chính đảng thuần túy "*tư sản*", hơn thế nữa, một chính đảng hoàn toàn Đức, tức là một chính đảng "tàn sát người Xla-vơ" (tr.77).

Giai cấp vô sản Xla-vơ chẳng những không được liên minh với đảng này, mà còn phải tránh xa nó, nhưng lại càng gắn chặt với Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Tuyệt đối không được lẫn lộn đảng xã hội - dân chủ Đức với Quốc tế (tr.77). Cương lĩnh chính trị - yêu nước chủ nghĩa của đảng xã hội - dân chủ Đức hầu như không có điều gì giống với cương lĩnh của Quốc tế, trái lại, hoàn toàn đối lập với cương lĩnh của Quốc tế. Tại Đại hội La Hay, những người mác-xít đã toan áp đặt cương lĩnh của đảng xã hội - dân chủ Đức cho toàn bộ Quốc tế. Nhưng mưu toan đó đã gây nên một sự phản kháng kịch liệt khắp nơi ở I-ta-li-a., ở Tây Ban Nha, ở một phần Thụy Sĩ, ở Pháp, ở Bỉ, ở Hà Lan, ở Anh, thậm chí ở một bộ phận Hợp chúng quốc Bắc Mỹ; vì thế mà toàn thế giới đều biết rất rõ rằng ngoài người Đức ra, không ai muốn có cương lĩnh Đức (tr. 78).

Giai cấp vô sản Xla-vơ phải gia nhập hàng loạt vào Quốc tế, phải thành lập các chi hội, nếu cần thì cũng có thể thành lập "liên chi hội toàn Xla-vơ" (tr.78).

*Xéc-bi, "Công quốc Xéc-bi"*: Sau khi thoát khỏi ách thống trị của người Thổ Nhĩ

Kỳ, người Xéc-bi đã thành lập "nhà nước", sự áp bức của nhà nước này còn nặng nề hơn sự áp bức của Thổ Nhĩ Kỳ (tr.79). Nó trở thành vật hy sinh của "sự cướp đoạt" quan liêu và của chế độ chuyên chế (như trên). Trong Xéc-bi thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, không có quý tộc, không có những địa chủ lớn, không có những nhà công nghiệp, không có những nhà buôn giàu sụ; một tầng lớp quý tộc quan liêu mới được hình thành, phần đông trong số này được đào tạo bằng công quỹ ở Ô-đét-xa, ở Mát-xcơ-va, ở Pê-téc-bua, Viên, Đức, Thụy Sĩ và Pa-ri (tr.79).

Cũng y như "người Crô-a-xi", người "Tréc-nô-gô-ri" và người Xéc-bi Bô-xni-a, người Bun-ga-ri không muốn biết điều gì cả về "vương quốc Đu-san". Đối với tất cả những nước này chỉ có một con đường cứu nguy và liên hiệp - đó là cách mạng xã hội, nhưng "tuyệt nhiên không phải là chiến tranh *nhà nước*"; một cuộc chiến tranh chỉ có thể làm cho những nước đó bị nước Nga hoặc nước Áo, hoặc cả hai nước, cùng chinh phục (tr.86).

Ở Bô-hêm thuộc Séc, may thay, vương quốc và ngai vàng Ven-xê-la-vơ chưa được khôi phục; các vị cấp trên ở Viên đối xử với nó như là một tỉnh thông thường không được hưởng ngay cả những đặc quyền của xứ Ga-li-xi nào đó, ấy thế mà ở cái "nhà nước" Xla-vơ đáng yêu<sup>1\*</sup> có bao nhiêu chính đảng thì ở Bô-hêm cũng có bấy nhiêu chính đảng. "Quả vậy, tinh thần hoạt đầu chính trị và "thể chế nhà nước" Đức đáng nguyên rủa ấy đã thâm nhập vào nền học vấn của thanh niên Séc đến mức khiến cho họ lâm vào nguy cơ nghiêm trọng là rốt cuộc "mất hết" khả năng "hiểu nhân dân mình" (tr.86). "Trong tất cả những thành phố Áo có dân Xla-vơ ở lẫn với dân Đức, công nhân Xla-vơ đều tham gia một cách hết sức kiên quyết vào tất cả những tuyên bố chung của giai cấp vô sản. Nhưng trong những thành phố này hầu như không có những đoàn thể công nhân khác, ngoài những đoàn thể công nhân đã thừa nhận cương lĩnh của đảng xã hội - dân chủ Đức, vì thế cho nên trên thực tế những công nhân Xla-vơ mê say bản năng cách mạng - xã hội của mình, đều bị lôi kéo vào cái chính đảng mà mục đích trực tiếp và được thừa nhận một cách âm ỉ của nó là thành lập một "nhà nước" liên Đức, tức là "nhà tù" Đức khổng lồ" (tr.88).

Họ phải thừa nhận cương lĩnh của Quốc tế do Ba-cu-nin lãnh

1\* - nguyên văn của Ba-cu-nin là: "bất kỳ".

đạo (tr.89) (*chi hội Xla-vơ ở Xuy-rích thuộc Liên chi hội Giuy-ra được giới thiệu làm cục tuyển mộ đặc biệt (tr.89, chú thích).*

**Áo (kết luận).**

Đế quốc này vẫn tồn tại chỉ vì Phổ và Nga còn rất kiên nhẫn chờ đợi một cách có tính toán, tạm thời chưa muốn chia xẻ đế quốc Áo, bởi vì cả hai nước, nước nào cũng hy vọng chiếm được phần lớn hơn khi có cơ hội thuận lợi.

**Nga:**

"Đối với nhân dân, hiến pháp hữu dụng chỉ có thể có một, đó là phá huỷ đế quốc (Nga)" (tr.96).

Đế quốc Nga có lực lượng quân sự để đọ sức với đế quốc Đức mới không? Vấn đề chính trị nước Nga hiện giờ chỉ là ở chỗ đó (như trên). "Vấn đề này... được đặt ra một cách tất nhiên không thể tránh khỏi bởi tình hình mới của nước Đức, một nước "trong một đêm (über Nacht) đã trở thành một nhà nước to lớn và hùng mạnh vô cùng". Song, toàn bộ lịch sử chứng minh, và lô-gích lý tính cũng xác nhận, rằng hai nhà nước ngang sức nhau không thể đồng thời cùng tồn tại bên nhau. Trong hai nước đó, nước nọ phải chinh phục nước kia" (tr.97). Đối với nước Đức, điều đó là tất nhiên. "Sau một thời kỳ bị khuất phục rất lâu dài về chính trị, nước Đức bỗng nhiên trở thành một cường quốc hùng mạnh nhất trên lục địa châu Âu. Liệu nó có thể chịu đựng để cho một cường quốc hoàn toàn độc lập với nó, chưa bị nó đánh bại và đả đọ sức với nó, đứng bên cạnh đó, có thể nói, ở ngay trước mũi của nó hay không; hướng hồ cường quốc đó lại là cường quốc Nga "đáng ghét nhất!" (tr.97).

"Chúng tôi nghĩ rằng chỉ có rất ít người Nga không biết điều sau đây: người Đức, tất cả người Đức, chủ yếu là những người tư sản Đức, và dưới ảnh hưởng của họ, than ôi! ngay cả bản thân nhân dân Đức nữa, đều căm ghét nước Nga biết nhường nào" (tr.97). Sự căm thù đó là một trong những tình cảm cuồng nhiệt mạnh mẽ nhất của dân tộc Đức (tr.98).

Thoạt đầu là sự căm thù đáng kính của nền văn minh Đức đối với tình trạng dã man kiểu ta-ta-rơ (tr.98). Trong những năm hai mươi có sự phản kháng của chủ nghĩa tự do chính trị chống lại chế độ chuyên chế chính trị (như trên). Họ quy cho nước

Nga toàn bộ trách nhiệm đối với Liên minh thần thánh (như trên). Vào đầu những năm ba mươi có sự đồng tình đối với người Ba Lan, sự căm thù đối với người Nga, những người đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Lan (như trên). Họ lại quên mất rằng Phổ đã giúp sức trong việc đàn áp Ba Lan; Phổ đã giúp bởi vì nếu người Ba Lan thắng lợi, thì toàn bộ miền Ba Lan thuộc Phổ sẽ nổi dậy khởi nghĩa, tình hình đó "có thể làm tiêu tan về căn bản cái "uy lực đã nảy sinh" của nước quân chủ Phổ" (như trên).

Vào nửa cuối của những năm ba mươi - lại xuất hiện một nguyên nhân mới gây sự căm thù đối với nước Nga, làm cho mối căm thù đó mang tính chất chính trị - dân tộc, - vấn đề Xla-vơ được nêu ra: đã thành lập ở Áo và Thổ Nhĩ Kỳ một chính đảng Xla-vơ hy vọng và mong đợi sự giúp đỡ từ nước Nga. Liên bang cộng hoà đại Xla-vơ - những phần tử phái thẳng Chạp (Pe-xten, Mu-ra-vi-ép-A-pô-xtôn, v.v.) ra sức thực hiện một liên bang như vậy, Ni-cô-lai học theo tư tưởng đó, nhưng dưới hình thức một "nhà nước" đại Xla-vơ, thống nhất và độc tài dưới sự thống trị của cây gậy sắt của ông ta. Vào đầu những năm ba mươi và những năm bốn mươi, những phái viên của nước Nga từ Pê-téc-bua và Mát-xcơ-va được cử đến những xứ Xla-vơ, một số được cử đến một cách chính thức, một số đi phục vụ tự nguyện và không ăn lương; loại phái viên thứ hai thuộc hội những người thân Xla-vơ ở Mát-xcơ-va. Công tác tuyên truyền tư tưởng đại Xla-vơ được triển khai trong số những người Xla-vơ phía nam và những người Xla-vơ phía tây. Nhiều tập sách mỏng được tung ra, phần thì viết bằng tiếng Đức, phần thì dịch ra. Đám quần chúng mang tư tưởng đại Đức chủ nghĩa tỏ ra sợ hãi. *Bô-hêm là của nước Nga!* Điều đó làm cho họ ăn không ngon, ngủ không yên (tr.99). Kể từ đó là lòng căm thù cực độ đối với nước Nga; về phía mình, người Nga cũng chẳng ưa thích người Đức. Trong điều kiện đó, liệu cả hai nước, đế quốc "toàn Nga" và đế quốc liên Đức, có thể nào ăn ở láng giềng với nhau không? (tr.100). Tuy nhiên, những lý do để gìn giữ hoà bình, đối với cả hai bên, trước kia đã có, mà bây giờ cũng vẫn còn tồn tại. *Thứ nhất: Ba Lan*, (như trên). Áo không tán thành chia cắt v.v.. Đối với Áo, Ba Lan là sự che chở chống lại Nga và Phổ. *Thứ hai: Áo*, nước mà Nga và Phổ muốn phân chia. Phân chia Áo sẽ làm cho hai nước đó chia cách, nhưng trước khi phân chia chẳng có gì xảy ra (tr.100 -102). *Thứ ba: đế quốc Đức mới*, bị tất cả thù ghét, ngoài nước Nga ra, nó chẳng có đồng minh nào cả, họa chẳng còn có *Hợp chúng quốc*. Còn phải làm rất nhiều việc để thực hiện tư tưởng nhà nước liên Đức: đoạt lấy ở người Pháp toàn bộ vùng Lo-ren, nuốt chửng nước Bỉ, Hà Lan, Thụy Sĩ, Đan Mạch, bán đảo Xcăng-di-na-vơ, các tỉnh nước Nga ven biển Ban-tích, đặng

bá quyền khống chế vùng biển Ban-tích. Đế quốc Đức mới này để Hung-ga-ri lại cho người Ma-gi-a, để Ga-li-xi với miền Bu-cô-vin thuộc Áo lại cho người Nga, bản thân mình thì chiếm lấy toàn bộ Áo cho đến Tô-ri-e-xtô (liền một dải) và Bô-hêm, vùng mà nội các Nga cũng chẳng nghĩ đến chuyện tranh chấp nữa... "*Chúng tôi*" (Ba-cu-nin) "*biết một cách khẳng định rằng về việc phân chia đế quốc Áo sớm hơn một chút hay là muộn hơn một chút, thì từ lâu đã có những cuộc thương lượng bí mật đang được tiến hành giữa triều đình Pê-téc-bua và triều đình Đức*", trong đó, cố nhiên là họ ra sức lừa bịp lẫn nhau. Đế quốc Đức - Phổ một mình không thể thực hiện những kế hoạch rộng lớn ấy: "*Vì vậy việc liên minh với nước Nga hiện nay và rất lâu nữa vẫn còn là một "sự tất yếu bức thiết"*. Đối với nước Nga thì cũng thế. "*Dù sao chăng nữa cũng phải xâm lược khắp nơi mọi phía - đó là điều kiện bình thường của đời sống đế quốc Nga*". Nhưng hướng về phía nào chứ? Phía tây hay là phía đông? Con đường phía tây là *con đường đại Xla-vơ chủ nghĩa và liên minh với Pháp chống lực lượng võ trang liên hợp của Áo và Phổ*, trong tình hình nước Anh và Hợp chúng quốc có thể đứng trung lập. Một con đường khác (phía đông) tiến đánh *Ấn Độ, Ba Tư, Công-xtăng-ti-nô-plơ*. Trên con đường này, thì kẻ thù sẽ là Áo, Anh, có lẽ Pháp cũng cùng một duộc với Áo và Anh; đồng minh sẽ là *Đức và Hợp chúng quốc* (tr.102 - 104).

*Con đường thứ nhất (con đường đại Xla-vơ chủ nghĩa, chống đế quốc Đức)*. Sự giúp đỡ của Pháp chẳng đáng gì cả; sự thống nhất của Pháp đã vĩnh viễn bị phá huỷ v.v..; con đường cách mạng này sẽ dẫn đến sự phẫn nộ của các dân tộc, đặc biệt là dân tộc Xla-vơ, chống "những quốc vương" hợp pháp của họ, quốc vương Áo và Đức - Phổ, Ni-cô-lai đã vứt bỏ con đường đó theo bản năng, theo nguyên tắc, v.v.(!).

Hơn thế nữa "không thể không thừa nhận rằng đối với nhà nước toàn Nga, giải phóng Ba Lan là việc tuyệt đối không thể được". Cuộc đấu tranh giữa hai hình thức "nhà nước" đã kéo dài hàng thế kỷ: "Ý chí của quý tộc Ba Lan" hay là "chiếc roi của Nga Hoàng". Người Ba Lan nhiều lúc tưởng chừng như gần đến thắng lợi. Nhưng nhân dân vừa mới nổi dậy ở Mát-xcơ-va năm 1612 và tiếp đến là cuộc khởi nghĩa của "nông nô" tiểu Nga và Lít-va, dưới sự lãnh đạo của Bô-gđan "Khmen-nhít-xki" thì mọi sự tiêu tan "Chiếc roi Nga nhờ có nhân dân mà đã giành được thắng lợi".

Lời thú nhận đó viết ở trang 110.

Trên những đổ nát của "nhà nước" Ba Lan - quý tộc, đã dựng lên cái đế quốc "toàn Nga", của roi vọt. "*Hãy làm cho nó mất cơ sở ấy đi*, hãy lấy đi những tỉnh mà trước năm 1772 đã *thuộc* "nhà nước" Ba Lan, thì đế quốc toàn Nga sẽ biến mất" (tr.110). Đó là những tỉnh giàu có nhất, màu mỡ nhất và dân cư đông đúc nhất; nếu những tỉnh này mà tách ra, thì sự giàu có và hùng mạnh của đế quốc Nga sẽ giảm đi một nửa. Mất đi những tỉnh ấy, thì cũng sẽ mất theo "vùng ven bờ biển Ban-tích", và nếu nhà nước Ba Lan thực sự được phục hưng để có cuộc đổi mới, thì nó sẽ đoạt lấy của nước Nga toàn bộ vùng Tiểu Nga, lập thành một tỉnh của Ba Lan hoặc lập thành một "nhà nước" độc lập. Như vậy biên giới Hắc Hải cũng sẽ mất đi, khiến cho nước Nga sẽ bị cắt đứt từ mọi phía với châu Âu và bị dồn vào châu Á.

Có người cho rằng đế quốc Nga ít ra cũng có thể nhường Lít-va cho Ba Lan. "Không". "Mát-xcơ-va" và Ba Lan là láng giềng với nhau tất nhiên sẽ thúc đẩy chủ nghĩa ái quốc Ba Lan chiếm đoạt các tỉnh ven biển Ban-tích và U-cra-i-na. Chỉ cần giải phóng vương quốc Ba Lan hiện nay, Vác-xô-vi lập tức sẽ liên hợp với Vin-nô. Grốt-nô. "Min-xcơ", Ki-ép chưa kể đến, Pô-đô-li và Bô-lư-nhi. Người Ba Lan là một dân tộc không ngồi yên, không thể nào để cho họ có được một mảnh đất nhỏ nào tự do: nó sẽ lập tức trở thành trung tâm hoạt động âm mưu thường xuyên. Năm 1841, còn lại một thành phố tự do Cra-cốp, Cra-cốp đã trở thành trung tâm phản kháng chung của cách mạng. Đế quốc Nga chỉ có thể tiếp tục tồn tại *với điều kiện là "bóp chết" Ba Lan theo phương thức Mu-ra-vi-ép...* Nhân dân Nga không có gì chung với đế quốc Nga cả, lợi ích của họ đối lập nhau.

Về vấn đề này, Ba-cu-nin đưa ra một luận điểm sau đây, xét theo hệ thống của bản thân ông ta, cũng là vô nghĩa: "Chỉ cần đế quốc Nga sụp đổ, thì nhân dân Đại Nga, Tiểu Nga, Bạch Nga v.v. sẽ khôi phục tự do của mình, đối với họ những mưu đồ hám danh của những người yêu nước Ba Lan "có tư tưởng nhà nước" đều "không đáng sợ"" (comment donc!<sup>1\*</sup>); "những mưu đồ ấy chỉ có thể tai hại đối với đế quốc" (tr.111). Vì vậy Nga hoàng không bao giờ tự nguyện đồng ý để cho một miếng đất nhỏ của Ba Lan được tự do. "Và nếu không giải phóng người Ba Lan, thì Nga

1\* - đương nhiên rồi!

hoàng có thể kêu gọi người Xla-vơ nổi lên bạo động được không?" (tr. 104 - 111).

Và trong thời đại Ni-cô-lai, con đường của chủ nghĩa đại Xla-vơ còn hứa hẹn nhiều lợi lộc hơn so với ngày nay. Lúc bấy giờ còn có thể trông mong vào cuộc khởi nghĩa của người Ma-gi-a và người I-ta-li-a chống Áo. Hiện nay, I-ta-li-a chắc có lẽ vẫn giữ trung lập, bởi vì Áo hiện giờ (trong trường hợp này) có thể tự nguyện trao lại cho I-ta-li-a một số ít đất đai của I-ta-li-a mà Áo còn chiếm giữ. Người Ma-gi-a, nếu xét đến những quan hệ "nhà nước"<sup>1\*</sup> của bản thân họ, thì với tất cả nhiệt tình họ sẽ đứng về phía người Đức chống nước Nga, Nga hoàng chỉ có thể trông đợi sự giúp sức ít nhiều tích cực của những người Xla-vơ Áo; nếu Nga hoàng muốn những người Xla-vơ *Thổ* cũng nổi dậy, thì còn thêm một kẻ thù nữa là *nước Anh*. Nhưng ở đế quốc Áo chỉ có mười bảy triệu người Xla-vơ: không kể 5 triệu ở Ga-li-xi, nơi mà người Ba Lan có thể làm tê liệt người Ru-xin, còn lại 12 triệu, trong đó còn phải trừ đi những người đã bị tuyển mộ vào quân đội Áo và, theo tục lệ của bất kỳ quân đội nào, có thể đi đánh nhau với kẻ địch mà cấp trên ra lệnh.

Mười hai triệu này, *theo Ba-cu-nin, tất cả toàn là đàn ông và hơn nữa lại là người lớn*.

Họ không tập trung ở một hay vài địa phương, mà ở rải rác khắp cả đế quốc Áo, *nói thô ngữ<sup>2\*</sup> rất khác nhau*, ở lẫn lộn với người Đức, người Ma-gi-a, người I-ta-li-a, người Ru-ma-ni. "Để làm cho Chính phủ Áo và người Đức nói chung luôn luôn ở trong tình trạng lo âu, thì như vậy đã là nhiều, nhưng để làm cho quân đội Nga có một chỗ dựa vững chắc chống những lực lượng liên hợp của nước Đức - Phổ và Áo, thì như vậy là quá ít". Chính phủ Nga hiểu rõ điều đó, và cũng không muốn tiến hành cuộc chiến tranh đại Xla-vơ chủ nghĩa chống Áo, một cuộc chiến tranh như vậy tất nhiên có thể biến thành cuộc chiến tranh chống cả nước Đức. Song, thông qua những phái viên của mình, Chính phủ Nga đang tiến hành việc tuyên truyền đại Xla-vơ chủ nghĩa thật sự trong các lãnh địa của Áo. Trong tất cả các lãnh địa nước Áo mà có những tín đồ mù quáng... như vậy là điều rất có lợi cho nó. "Điều đó *làm tê liệt, bó buộc, quấy rầy Chính phủ Áo và làm tăng thêm ảnh hưởng của nước Nga không*

1\* Nguyên văn của Ba-cu-nin là "thống trị".

2\* Nguyên văn của Ba-cu-nin là "naresiac" - tiếng địa phương.

*những đối với Áo, mà còn đối với cả nước Đức*. Nước Nga để chế kích động người Xla-vơ Áo chống người Ma-gi-a và người Đức, đồng thời hiểu rất rõ rằng rốt cuộc cũng sẽ bán rẻ họ vào tay người Đức và người Ma-gi-a" (tr. 112-113).

Theo con đường đại Xla-vơ chủ nghĩa phía tây, nước Nga phải giao chiến với tất cả người Đức, người Đức Phổ và người Đức Áo, với người Ma-gi-a và người Ba Lan. Nước Nga *trong cuộc chiến tranh tiến công* mà nó có thể phải tiến hành vì cái gọi là giải phóng người Xla-vơ, liệu có khả năng chiến thắng dù chỉ riêng một mình nước *Đức của Phổ* không? Nhân dân Nga không hề quan tâm đến chiến tranh, cũng như nhân dân các nước nói chung không thích những cuộc chiến tranh có tính chất thuần túy chính trị của các chính phủ; trong lịch sử hiện đại chỉ có Na-pô-lê-ông đệ nhất là một ngoại lệ, song ông ta được coi là người kẻ tặc của cách mạng; về thực chất thì *cuộc chiến tranh Phổ gần đây chống Đế chế thứ hai* là ngoại lệ duy nhất. Lúc đó, lợi ích liên Đức đã át hẳn mọi lợi ích khác trong khối óc và trái tim của tất cả người Đức, và điều đó ngày nay đang tạo nên sức mạnh đặc thù của nước Đức...

Người Nga không thấy thích thú chính phủ nước mình ngay cả *trong thời kỳ có cuộc chiến tranh Crim*, là cuộc chiến tranh I "*không mang tính chất xâm lược, mà mang tính chất phòng ngự*".

Điều này viết ở trang 117; còn trái lại, cuộc chiến tranh chống lại Na-pô-lê-ông III thì rõ ràng mang tính chất thuần túy *tiến công* sao?

Nông dân Nga thậm chí không biết họ là người Xla-vơ... đối với các dân tộc Xla-vơ, cuộc chiến tranh chống tất cả các "nhà nước", ban đầu liên minh với các dân tộc la-tinh, - các dân tộc này, cũng như các dân tộc Xla-vơ, đều bị chính sách xâm lược của người Đức đe dọa... Chỉ khi nào người Đức cũng trở thành người chống "nhà nước", thì mới liên minh với người Đức... Nhưng cho đến khi đó, việc người Xla-vơ liên minh với các dân tộc la-tinh chống chính sách xâm lược Đức vẫn là một sự cần thiết..."Sứ mệnh của bộ tộc Đức thật là kỳ lạ! Bằng cách kích động (thôi thúc) mọi người sợ hãi mình và mọi người căm thù mình; họ liên hợp với các dân tộc"... "Với ý nghĩa đó, nhân dân Nga cũng là một dân tộc Xla-vơ chính cống". Nhưng sự thù địch đó chưa mở rộng ra xa tới mức nhân dân Nga bắt đầu khởi xướng cuộc chiến đấu chống người Đức; sự thù địch đó chỉ biểu lộ khi mà người Đức tự mình đến nước Nga và

muốn làm mưa làm gió ở đây - nhưng quyết không tham gia cuộc chiến tranh tiến công chống người Đức... Song, liệu những kinh phí chính phủ, phương tiện tài chính và kinh phí quân sự chống nước Đức có đủ không? ... Trong trường hợp này (cuộc tiến công của người Nga), người Đức sẽ phải chiến đấu trên đất nước nhà, và "lần này" sẽ diễn ra một cuộc khởi nghĩa thực sự "toàn dân" của tất cả mọi giai cấp và toàn thể nhân dân Đức (tr.114 - 120).

Sĩ quan Nga là con người tốt hơn so với... con dã thú văn minh Đức ... Người Đức, đặc biệt là sĩ quan và quan chức, vừa có học thức lại kèm theo tính dã man, vừa có phong cách học giả lại kèm theo tác phong tối tồ... Nhưng đối với *quân đội chính quy*, không gì hoàn thiện hơn sĩ quan Đức; toàn bộ cuộc đời của anh ta là: phục tùng và chỉ huy... Người lính Đức, xét về mặt bản tính cũng như về mặt huấn luyện theo lối máy móc, ditto<sup>1\*</sup> người lính kiểu mẫu của quân đội chính quy... Trước tiên người ta thuần hoá thể xác người lính, do đó cũng thuần hoá cả tinh thần người lính... Kỷ luật v.v.. Sĩ quan Đức hơn hẳn sĩ quan của các nước khác về sự hiểu biết, về sự tinh thông lý luận và thực tiễn quân sự, về lòng tận tụy nồng nàn và hoàn toàn có tính chất sách vở giáo điều đối với nghề nghiệp nhà binh, về tính chính xác, về tính cẩn thận, về "sự kiên định", về "sự nhẫn nại" (hartnackige Ausdauer) và hơn thế nữa, về tính "trung thực" tương đối (Ehrenhaftigkeit). Tổ chức và trang bị của quân đội Đức tồn tại thực tế chứ không phải chỉ trên giấy như ở Na-pô-lê-ông III, như ở chúng ta trong tương lai. Ngoài ra còn có sự kiểm tra hành chính, dân chính và đặc biệt là kiểm tra quân sự, do đó mà sự lừa dối kéo dài không thể có được.

"Ngược lại, ở chúng ta từ dưới lên trên và từ trên xuống dưới đều cấu kết với nhau, do đó việc tìm hiểu sự thật hầu như không thể làm được" (tr. 121-128).

Câu cuối cùng ở trang 128.

Nếu nước Nga có thể đem xuất trận một triệu lính chẳng nữa, thì cũng phải để lại một nửa để trông coi nhân dân yêu quý. Chỉ riêng U-crai-i-na, Lit-va, Ba Lan đã cần có bao nhiêu lính rồi! (tr.128).

Nước Đức sẽ có một đội quân "hàng triệu" thật sự, đứng hàng đầu thế giới về các mặt tổ chức, "huấn luyện", sĩ khí, khoa học, trang bị. Đằng sau đội quân ấy là

toàn thể nhân dân được võ trang, "nhân dân Đức có lẽ không đứng lên chống người Pháp nếu như kẻ chiến thắng trong cuộc chiến tranh gần đây không phải là Phrít-tơ Phổ, mà là Na-pô-lê-ông III, nhưng họ sẽ nhất tề chống lại sự "xâm nhập" của nước Nga"... Lấy đâu ra cả triệu quân Nga? Ở trên giấy... Sĩ quan và trang bị ở đâu?... Không có tiền... Trong năm tỷ mà người Đức thu được ở người Pháp, ít ra hai tỷ được dùng vào trang bị. "Thật vậy, cả nước Đức hiện giờ đã biến thành một kho vũ khí đáng sợ, uy hiếp khắp bốn bề". Chỉ cần các anh tiến một bước vào nước Đức, các anh sẽ bị đánh vỡ đầu, và cuộc chiến tranh tiến công của các anh lập tức sẽ trở thành cuộc chiến tranh phòng ngự: quân đội Đức sẽ tiến vào biên giới đế quốc toàn Nga. Lúc đó, cuộc tổng khởi nghĩa của nhân dân Nga sẽ nổ ra phải không? "*Phải, nếu người Đức bước vào "địa hạt" nước Nga, chẳng hạn, tiến thẳng vào Mát-xcơ-va*; nhưng nếu người Đức không làm điều ngu xuẩn ấy, mà theo hướng bắc tiến lên Pê-téc-bua, đi qua các tỉnh ven bờ biển Ban-tích; tại các tỉnh đó, họ sẽ tìm thấy rất nhiều người bạn không chỉ trong đám tiểu thị dân, trong đám mục sư Tin lành và người Do Thái, trong đám quý tộc bất mãn và con cái chúng, trong đám sinh viên, mà còn cả trong vô số tướng lĩnh, sĩ quan, quan chức cao cấp và hạ cấp, xuất thân từ vùng ven bờ biển Ban-tích, của chúng ta, đang tràn ngập Pê-téc-bua và rải rác khắp cả nước Nga, - chẳng những thế, họ còn kích động Ba Lan và Tiểu Nga vùng lên chống đế quốc Nga" (tr. 128-131).

Người Ba Lan không có kẻ thù nào nguy hiểm và hung ác hơn là Bít-xmác "Hình như ông ta coi nhiệm vụ suốt đời mình là "quét sạch" (abzuwischen) người Ba Lan khỏi mặt đất. Nhưng tất cả điều đó không ngăn trở ông ta kêu gọi người Ba Lan nổi dậy chống nước Nga, khi lợi ích của nước Đức đòi hỏi phải làm như vậy. Và mặc dù người Ba Lan căm thù ông ta và căm thù Phổ, nếu không muốn nói là cả nước Đức, - *điều đó thì người Ba Lan "không muốn thừa nhận, tuy trong đáy lòng họ cũng đang ôm ấp cùng một mối thù lịch sử đối với người Đức, không kém gì tất cả các dân tộc Xla-ơ khác"*... - mặc dù như vậy, người Ba Lan chắc chắn sẽ đứng lên hưởng ứng lời kêu gọi của Bít-xmác" (tr.133).

"Ở nước Đức và ngay trên đất Phổ từ lâu đã tồn tại một chính đảng rất đông đảng viên và nghiêm túc, thậm chí có ba đảng: đảng tự do - tiến bộ, đảng dân

1\* - cũng là

chủ thuần túy và đảng xã hội - dân chủ, ba đảng này hợp lại tạo thành một đa số hiển nhiên trong nghị viện Đức và nghị viện Phổ, và trong xã hội lại càng có ý nghĩa quyết định hơn; những đảng này thấy trước, có phần nào cũng mong muốn và hình như đang kêu gọi, cuộc chiến tranh của nước Đức chống nước Nga, đồng thời hiểu rằng cuộc khởi nghĩa và công cuộc khôi phục của Ba Lan *"trong phạm vi nhất định"*<sup>1\*</sup> sẽ là điều kiện cần thiết của cuộc chiến tranh này" (tr.133). Bít-xmác hay là bất cứ đảng nào trong số những đảng ấy đều không có ý định trả lại cho Ba Lan tất cả những vùng mà Phổ đã chiếm đoạt của Ba Lan: dù là vùng Khuê-ních-xbéc hay là vùng Đan-txích, hay là thậm chí một mảnh đất nhỏ của Tây Phổ; trả về cho Ba Lan rất ít đất trong công quốc Pô-dơ-nan. Nhưng họ sẽ trao cho người Ba Lan toàn bộ miền Ga-li-xi với "Li-vô-vi" và Cra-cốp, bởi vì tất cả những vùng này hiện nay đều *thuộc về Áo*, và trao cho người Ba Lan tất cả những vùng nào trong phần đất nước Nga mà bản thân người Ba Lan có khả năng chiếm được. Ngoài ra, còn tiền bạc, vũ khí và viện trợ quân sự, cố nhiên là dưới hình thức Ba Lan vay có nước Đức bảo đảm. Người Ba Lan sẽ mừng rỡ vớ lấy những thứ đó...Trừ một số rất ít trường hợp ngoại lệ, người Ba Lan không hề quan tâm đến vấn đề *Xla-vơ*; đối với họ "người Ma-gi-a dễ hiểu hơn nhiều và gần gũi hơn nhiều"... Người Ba Lan có rất nhiều đảng, nhưng các đảng này luôn luôn coi việc khôi phục biên giới "nhà nước" Ba Lan năm 1772 là một nguyên tắc cơ bản. Giữa các đảng chỉ có khác nhau ở chỗ một số đảng này thì coi con đường này là con đường duy nhất đúng đắn để đi tới mục đích đó, một số đảng khác thì coi con đường khác là con đường duy nhất đúng đắn để đi tới mục đích đó... Bít-xmác yêu cầu họ chính thức từ bỏ phần lớn những đất đai cũ của Ba Lan mà hiện giờ đã thành đất Phổ... Tuy nhiên, *étrange Pologne*<sup>2\*</sup> được khôi phục dưới sự bảo hộ của bá tước Bít-xmác. Nhưng có một Ba Lan "kỳ lạ" còn tốt hơn là không có; ngoài ra, người Ba Lan còn nghĩ rằng sau này cũng có thể giải thoát khỏi sự bảo hộ của Bít-xmác... Ba Lan sẽ đứng lên, Lít-va ditto, tiếp đó là một trận bão táp không lớn, và Tiểu Nga cũng sẽ đứng lên... Những người yêu nước Ba Lan đều là những người xã hội chủ nghĩa đáng thương, ngay trên đất nước nhà họ sẽ không tiến hành việc tuyên truyền cách mạng - xã hội; nếu họ có muốn tuyên truyền, thì Bít-xmác cũng chẳng cho phép đâu - "gần nước Đức quá"; thế nhưng ngay tại nước Nga mà chống nước Nga, thì việc đó lại có thể. "Bạo động" nông dân ở Nga là có lợi cho người Đức và người Ba Lan, đối với

1\* Trong nguyên văn của Ba-cu-nin cũng viết ngả.

2\* - một nước Ba Lan kỳ lạ

họ việc đó không khó khăn; bao nhiêu là người Ba Lan và người Đức ở rải rác khắp nước Nga, tất cả họ đều là bạn đồng minh của Bít-xmác và Ba Lan: "hãy tưởng tượng tình cảnh của chúng ta: quân đội chúng ta bị đánh tan tấu, bỏ chạy; người Đức bám theo sau đang tiến về Pê-téc-bua, ở hướng nam và hướng tây, người Ba Lan đang tiến quân tới "Xmô-len-xcơ" và Tiểu Nga, - đồng thời, do bị hoạt động tuyên truyền ở ngoài nước và trong nước kích động, một cuộc tổng bạo động nông dân thắng lợi nổ ra trên đất Nga và Tiểu Nga" (*câu này ở trang 138*)... Bằng cách đó, "nhà nước" Đức có thể cắt đứt hoàn toàn nhà nước Nga với châu Âu.

"Tất nhiên, điều mà chúng ta nói đến để chế" (Nga), "chứ *không phải nhân dân Nga*, khi *cần thiết*, nhân dân Nga "đâu đâu" (überall, allenthalben) cũng sẽ tìm ra hoặc *"tự mở cho mình"* (sich brechen, durchschlagen, percer, se faire jour) "con đường đi" (einen Weg) (đoạn này ở trang 138 - 139).

Vậy là trong khi nhân dân Nga đang *hành động với tinh cách là một chính thể* và *tự mở cho mình* con đường đi để khỏi bị cắt đứt với châu Âu, thì những người vô chính phủ chủ nghĩa ấy lại tiến hành *cuộc chiến tranh chính trị*. Ba-cu-nin muốn gì? Người Đức và người Ba Lan đang phá huỷ *đế quốc Nga*, nhưng đồng thời cũng gây nên *cuộc tổng khởi nghĩa thắng lợi của nông dân ở nước Nga*. Bít-xmác và người Ba Lan sẽ không sao ngăn cản nổi những người nông dân ấy tự biểu hiện "một cách vô chính phủ". Ngược lại: họ đang tiến hành trong nông dân ấy công tác tuyên truyền có hiệu quả hơn so với cái Đồng minh "nổi tiếng toàn cầu"; và chỉ sau khi tình trạng vô chính phủ ấy mở rộng đến phạm vi khá rộng, - thì ngọn lửa mới lan sang những người anh em tộc la-tinh và tộc Xla-vơ. Dù việc đó là kết quả của chiến tranh của nước Nga chống nước Đức hay là vice versa<sup>1\*</sup>, thì về thực chất không hề thay đổi gì cả. Nhân thể nói thêm, theo Ba-cu-nin, ở *Xéc-bi* ngoài nhân dân ra chỉ có "*giai cấp quan chức*", thế thì cách mạng xã hội Xéc-bi là ở chỗ nào, nếu không phải là ở chỗ xoá bỏ giai cấp quan chức mà một mình nó cấu thành "nhà nước" ở đấy? (tr.138-139).

1\* - ngược lại

Vậy là, đối với đế quốc toàn Nga, con đường đi đến châu Âu hiện nay đã đóng chặt; bá tước Bít-xmác giữ chìa khoá của cái cổng châu Âu, ông ta không đời nào giao chìa khoá ấy cho công tước Goóc-tra-cốp. Nhưng nếu con đường phía tây - bắc bị nghẽn, thì còn có con đường phía nam và con đường phía đông - nam, tức *Bu-kha-ra, Ba Tư, Á-p-ga-ni-xtan, Đông Ấn*, cuối cùng là *Công-xtăng-ti-nô-plơ*. Các nhà chính trị nước Nga đã thảo luận từ lâu vấn đề có nên di chuyển thủ đô và trung tâm của đế quốc từ Pê-téc-bua đến Công-xtăng-ti-nô-plơ hay không. Tuy vậy, những người yêu nước lòng tham vô đáy ấu muốn cả hai điều, cả biển Ban-tích lẫn Công-xtăng-ti-nô-plơ. Nhưng họ bắt đầu từ bỏ: một số sự kiện của những năm gần đây đã đặc biệt làm cho họ mở mắt ra, cụ thể là "việc sáp nhập *Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ và Ha-nô-vơ vào vương quốc Phổ, thông qua việc đó, vương quốc Phổ trực tiếp biến thành một cường quốc biển ở miền Bắc*" (tr.139).

"Cái định lý mà ai ai cũng biết là không một "nước" nào có thể đứng trong hàng ngũ những cường quốc hàng đầu, nếu nó không có bờ biển dài bảo đảm cho nó có thể liên hệ trực tiếp với toàn thế giới và cho phép nó trực tiếp tham gia sự vận động trên thế giới về mặt vật chất, cũng như về mặt xã hội, về mặt "chính trị - đạo đức (politisch - sittlichen)... thiếu điều đó thì chẳng mấy chốc sẽ sinh ra đình trệ... Trung Quốc...*Có nhiều điều kiện khác nhau khiến cho nhân dân - bị "đóng kín" (konsolidiert) trong "nhà nước" - có thể tham gia sự vận động thế giới; "thuộc vào" (gehört) những điều kiện ấy là "trí tuệ bẩm sinh và nghị lực trời phú cho", trình độ học vấn, năng lực lao động sản xuất "và tự do bên trong rộng rãi nhất, mà quân chúng trong nhà nước không thể nào có được". "Nhưng hàng hải, hải thương cũng nhất thiết thuộc vào những điều kiện ấy, bởi vì, giao thông đường biển, xét về mặt giá tương đối rẻ, tốc độ tương đối nhanh và tương đối tự do với ý nghĩa là biển không bị ai chiếm hữu cả, thì hơn hẳn mọi hình thức giao thông khác... kể cả đường sắt. Có thể, hàng không sẽ còn tiện lợi hơn về tất cả các mặt và sẽ là đặc biệt quan trọng, bởi vì nó làm cho điều kiện phát triển và điều kiện sinh hoạt của tất cả các nước triệt để "ngang bằng nhau" (nivelli ert)".*

Đối với Ba-cu-nin, điều chủ yếu là "làm cho ngang bằng nhau", chẳng hạn làm cho toàn bộ châu Âu ngang tới mức người Xlô-va-ki làm nghề bán bẫy chuột... "Nhưng hiện thời hàng hải vẫn còn là phương tiện chủ yếu" đem lại "sự phồn vinh cho các dân tộc"

(Wohlfart, grosse Fortschritt der Völker). Đây là một đoạn duy nhất mà ông Ba-cu-nin nói về những điều kiện *kinh tế* và nhận định rằng những điều kiện đó tạo những điều kiện và những sự khác nhau không bị phụ thuộc vào "nhà nước" giữa nhân dân các nước.

Khi nào không còn "nhà nước" (Staaten) nữa và trên những đổ nát của tất cả các nhà nước, sẽ lập nên "một cách hoàn toàn tự do và bằng cách tổ chức từ dưới lên trên, một liên minh anh em tự do của những hiệp hội sản xuất tự do, những công xã và hội liên hợp "khu vực" bao gồm một cách không phân biệt - vì là tự do - những con người nói mọi thứ tiếng và thuộc mọi dân tộc, thì khi đó con đường đi biển sẽ mở ra một cách như nhau cho tất cả mọi người: người miền duyên hải thì đi thẳng ra biển, còn người ở cách xa biển thì có thể tới biển bằng đường sắt đã hoàn toàn thoát khỏi mọi "sự bảo hộ của nhà nước" (Sorge, Fùsorge, lege), khỏi "các khoản lệ phí" (l'action de prendre). thuế má, hạn chế, bắt bẻ, cấm đoán, cho phép và can thiệp của "nhà nước". Nhưng ngay cả khi đó, dân cư miền duyên hải cũng sẽ có nhiều điểm ưu việt tự nhiên, không chỉ về mặt vật chất, mà cả về mặt trí lực và tinh thần. Sự tiếp xúc trực tiếp với thị trường thế giới và với sự vận động đời sống thế giới làm cho những quan hệ vốn không ngang bằng phát triển đến cùng cực; tuy nhiên, dân cư ở trong đất liền không có những điểm ưu việt đó, sẽ sống và phát triển một cách trì trệ và chậm chạp hơn so với dân cư miền duyên hải. Đó là lẽ tại sao ngành hàng không sẽ quan trọng đến thế... Nhưng cho đến lúc đó... dân cư miền duyên hải vẫn sẽ còn tiên tiến về tất cả mọi mặt và sẽ là nòi quý tộc trong loài người".

Ví dụ, nước Anh!

Còn sự khác biệt giữa đồng bằng và miền núi, lưu vực các con sông, khí hậu, thổ nhưỡng, than, sắt, *lực lượng sản xuất đã có được về mặt vật chất và tinh thần, ngôn ngữ, văn học, năng lực kỹ thuật v.v. và v.v.*, thì sao? Ở đây Phu-ri-ê khắc phục được, một cách anh dũng hơn, sự bình quân hoá (tr. 139 - 142).

Ba-cu-nin luôn tiện nêu ra một phát hiện là nước Đức (với tính cách là một nước không gần biển) về mặt thương nghiệp không bằng Hà Lan, còn về mặt công nghiệp thì không bằng Bỉ (tr.143).



Phổ là hiện thân, là cái đầu và đôi tay của nước Đức ngày này, đã đứng vững trên *biển Ban-tích và Bắc Hải* (tr.145). Hăm-buốc, Brê-men, Li-u-béc, Mếch-clen-bua, Ôn-đen-buốc, Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ - toàn nước Phổ dùng tiền của nước Pháp xây dựng hai hạm đội lớn: một hạm đội trên biển Ban-tích, một hạm đội trên Bắc Hải, nhờ con sông đào tàu bè có thể đi lại mà hiện nay người ta đang đào để nối liền hai biển, hai hạm đội ấy sẽ sớm hợp thành một. Hạm đội đó sẽ nhanh chóng mạnh hơn hạm đội Ban-tích của nước Nga nhiều lắm. Lúc đó, Ri-ga, Rê-vê-li, Phần Lan, Pê-téc-bua, Crôn-stát đều sẽ bị quăng cho quỷ! Mọi ý nghĩa của Pê-téc-bua đều tiêu ma hết.

*Goóc-sa-cốp* ắt phải nói với mình điều đó vào cái ngày mà nước Phổ liên minh cướp đoạt được Đan Mạch, bạn đồng minh của chúng ta, một cách trâng tráo và tuồng như là có sự đồng ý của chúng ta.

Khởi nghĩa Ba Lan, "ngài" Ba-cu-nin!

"Ông ta phải hiểu rằng kể từ ngày mà Phổ, một nước hiện nay đang dựa vào toàn bộ nước Đức và nhờ sự thống nhất không thể tách rời với nước Đức mà trở thành một nước hết sức hùng mạnh trên lục địa; nói vắn tắt, kể từ khi đế quốc Đức mới dưới quyền thống trị của Phổ đã chiếm được cái địa vị của nó hiện nay trên biển Ban-tích, cái địa vị uy hiếp ghê gớm đối với tất cả các nước khác ven bờ biển Ban-tích, - thì ưu thế của nước Nga *Pê-téc-bua* trên biển này đã chấm dứt, sản vật chính trị vĩ đại của Pi-ốt cũng tiêu tan, và sự hùng mạnh của "nhà nước toàn Nga" cũng tiêu mà theo, nếu"

*"không mở ra được con đường biển mới ở phía nam để bù lại con đường biển tự do bị mất đi ở phía bắc"* (nhưng tự do đến mức nào, s'il vous plait<sup>1\*</sup>? Đối với người Anh, con đường đó "tự do" đến tận bức thành Crôn-stát) (tr.145 - 147).

Đường đi đến đó còn nằm trong tay Đan Mạch, nhưng ban đầu Đan Mạch sẽ tự nguyện liên bang hoá, sau đó sẽ hoàn toàn bị đế quốc liên Đức nuốt mất. Như vậy, biển Ban-tích sẽ nhanh chóng hoàn toàn trở thành vùng biển nước Đức, do đó Pê-téc-bua mất hết ý nghĩa chính trị, *Goóc-sa-cốp* phải biết được điều đó khi ông ta đồng ý chia cắt Đan Mạch và để Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ nhập vào Phổ. Ông ta hoặc

là đã phản bội nước Nga, hoặc là đã được Bít-xmác chính thức cam kết giúp nước Nga giành lấy sự hùng mạnh mới ở phía đông - nam.

Đối với Ba-cu-nin, không còn nghi ngờ gì nữa, *giữa Phổ và Nga đã ký kết một liên minh tiến công và phòng thủ sau hoà ước Pa-ri, hay ít ra cũng trong thời kỳ xảy ra cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863.*

Do đó, Bít-xmác chẳng lo nghĩ gì cả, đã phát động cuộc chiến tranh chống Áo và chống đại bộ phận nước Đức dám bất chấp cái nguy cơ nước Pháp can thiệp, và còn phát động cuộc chiến tranh kiên quyết hơn chống nước Pháp. Một cuộc thị uy nhỏ nhất của nước Nga tại biên giới trong lúc đó, và đặc biệt là trong thời kỳ chiến tranh gần đây, cũng có thể chặn đứng cuộc tiến quân tiếp tục chiến thắng của quân đội Phổ. Cả nước Đức, đặc biệt là miền Bắc nước Đức, trong thời gian cuộc chiến tranh gần đây, hoàn toàn sạch bóng quân đội; chỉ vì nước Nga uy hiếp mà Áo đã án binh bất động; I-ta-li-a và Anh không can thiệp cũng chỉ vì nước Nga không muốn như thế. Nước Nga mà không tỏ rõ mình là bạn đồng minh kiên quyết như vậy của Phổ, thì chắc người Đức sẽ không bao giờ chiếm lấy Pa-ri. Nhưng hình như Bít-xmác tin chắc rằng nước Nga sẽ không phản bội ông ta. Niềm tin ấy dựa trên cơ sở nào? Bít-xmác biết rằng lợi ích nước Nga và lợi ích nước Phổ hoàn toàn trái ngược nhau, trừ vấn đề Ba Lan. Chiến tranh giữa hai nước là không thể tránh khỏi. Nhưng có thể có những lý do để trì hoãn lại, hơn nữa hai bên đều hy vọng lợi dụng hết mức sự liên minh bất đắc dĩ trước khi xảy ra khủng hoảng. Đế quốc Đức hoàn toàn còn chưa được củng cố cả về bên trong lẫn bên ngoài. Trong nước còn có rất nhiều công quốc nhỏ, ngoài nước thì có Áo và Pháp. Bị thúc đẩy bởi nhu cầu trong nước, đế quốc Đức đang suy tính những hành động mới, những cuộc chiến tranh mới. Khôi phục nền đế chế thời trung đại theo biên giới ban đầu bằng cách dựa vào chủ nghĩa yêu nước liên Đức đã từng chi phối toàn bộ xã hội Đức; thống nhất toàn bộ Áo không có Hung-ga-ri, nhưng có To-ri-e-xtơ và Bô-hêm, toàn bộ vùng Thụy Sĩ nói tiếng Đức, một bộ phận Bỉ, toàn bộ Hà Lan và Đan Mạch, là những nước cần thiết để xây dựng sự hùng mạnh tiêu biểu của đế quốc này, - đó là những kế hoạch kích động một bộ phận rất lớn của Tây Âu và Nam Âu chống lại nước Đức, vì thế mà nếu không được sự đồng ý của nước Nga, thì những kế hoạch ấy không thể nào thực hiện được. Vậy thì, đối với đế quốc Đức mới, việc liên minh với nước Nga vẫn còn là điều cần thiết (tr.148-151).

1\* - xin ông nói cho biết.

Đế quốc toàn Nga, về phía mình, nếu không liên minh với Đức - Phổ, thì cũng không được. Nó phải đi về hướng đông - nam, lấy Hắc Hải thay cho biển Ban-tích; bằng không, nó sẽ bị cắt đứt với châu Âu, muốn vậy cần phải có *Công-xtăng-ti-nô-plơ*, bằng không, nó luôn luôn có thể bị cắt mất lối thông ra Địa Trung Hải, như đã từng xảy ra trong thời kỳ chiến tranh Crum. Do vậy, mục đích cuối cùng là Công-xtăng-ti-nô-plơ. Như thế là trái với lợi ích của toàn bộ Nam Âu, kể cả nước Pháp, trái với lợi ích của nước Anh và ngay cả nước Đức, bởi vì địa vị bá quyền của nước Nga trên Hắc Hải sẽ đặt toàn bộ "vùng ven" sông Đa-nuýp vào tình trạng trực tiếp lệ thuộc vào nước Nga. Song Phổ phải chính thức cam kết giúp Nga trong chính sách đông - nam của Nga; có một điều cũng chắc chắn như vậy là, hễ nắm được cơ hội thì Phổ phản bội lời hứa của mình ngay. Nhưng bây giờ, khi mới bắt đầu thi hành điều ước, thì chưa thể trông đợi sẽ có sự vi phạm điều ước đâu. Phổ đã từng giúp Nga thủ tiêu những điều kiện của Hoà ước Pa-ri; như vậy Phổ cũng sẽ ủng hộ Nga cả về thái độ đối với Khi-va, Hơn thế nữa, nước Nga càng tách xa về phía đông, thì đối với người Đức điều đó là có lợi. Nước Nga đánh Khi-va nhằm mục đích gì?... Ấn Độ? Người ta không nghĩ như thế, nếu là *Trung Quốc* thì chắc là dễ dàng hơn nhiều; Chính phủ Nga cũng đang suy tính như vậy. "Rõ ràng nó có sức làm cho Mông Cổ và Mãn Châu tách ra khỏi Trung Quốc". "Vào một hôm nào đó, chúng ta sẽ nghe tin quân đội Nga đã xâm nhập *biên giới phía Tây (!)* Trung Quốc... Người Trung Quốc sống chen chúc trong đất nước nhân khẩu thừa của mình; cho nên có thể di dân sang Ô-xtơ-rây-li-a, sang Ca-li-phoóc-ni-a, còn những lớp người khác thì có thể di chuyển về phía bắc và tây - bắc. Và lúc đó, trong nháy mắt, Xi-bia, cả miền biên khu kéo dài từ eo biển Ta-ta-rơ đến dãy núi U-ran và biển Ca-xpiên, sẽ không còn là đất của nước Nga nữa. Trên dải đất mênh mông rộng 12 200 000km<sup>2</sup> ấy, gấp hai mươi lần diện tích nước Pháp (528 600 km<sup>2</sup>), hiện nay chỉ có 6 000 000 cư dân, trong đó chỉ có khoảng 2 600 000 người Nga, còn lại toàn là người địa phương có nguồn gốc Ta-ta-rơ hoặc Phần Lan, số lượng quân đội không đáng kể... Người Trung Quốc còn có thể vượt qua U-ran, tiến đến tận sông Vôn-ga; sự sinh sôi nảy nở dân số khiến cho người Trung Quốc hầu như không thể tiếp tục sống trong biên giới Trung Quốc. Bên trong Trung Quốc có những người kiên quyết, hiếu chiến, lớn lên trong hoàn cảnh nội chiến liên miên, mỗi lần như vậy có thể chết hàng chục ngàn, hàng chục vạn người... Trong thời gian gần đây, họ đã làm quen với vũ khí châu Âu và kỷ luật châu Âu, nói tóm lại, họ đã làm quen với nền văn minh "nhà nước" của châu Âu. Đồng thời cũng còn

tình trạng hết sức dã man; tuyệt nhiên không có bản năng yêu tự do và nhân đạo. Dưới ảnh hưởng của nhiều nhà phiêu lưu quân sự châu Mỹ và Âu châu, những kẻ đó tìm thấy con đường đi vào Trung Quốc sau cuộc tiến công của liên quân Anh - Pháp gần đây (năm 1860), người Trung Quốc bây giờ đã kết thành những bọn phỉ; đó là nguy cơ lớn từ phía đông... Chính phủ Nga của chúng ta ngây ngơ như đứa trẻ con lại đang đùa giỡn với mối nguy hiểm ấy... Muốn mở rộng biên giới, nhưng nước Nga cho đến nay vẫn chưa thể - và cũng không bao giờ có thể - làm cho miền biên khu A-mua mới giành được trở thành đông dân cư; tại đây, trên dải đất rộng 2 100 000 km<sup>2</sup> - hầu như gấp bốn lần nước Pháp - này, cùng với hải quân và lục quân cộng tất cả chỉ có 65 000 cư dân, hơn nữa, tình cảnh bản cùng của nhân dân Nga thúc đẩy họ nổi lên "bạo động" khắp nơi... Chính phủ Nga hy vọng xác lập uy thế của mình khắp cả miền Đông Á. Chính phủ Nga chắc là phải dứt khoát từ bỏ châu Âu, - điều mà Bít-xmác cũng mong muốn, - điều động toàn bộ quân đội đến Xi-bia và Trung Á, và chinh phục phương Đông giống như Ta-méc-lan; nhưng Ta-méc-lan có nhân dân nước ông theo sau, còn Chính phủ Nga thì không có"... Còn về Ấn Độ, thì người Nga không thể chiếm được vì người Anh chống lại... "Nhưng nếu chúng ta không thể chinh phục Ấn Độ, thì chúng ta có thể tàn phá nó hoặc ít ra cũng có thể lay chuyển mạnh mẽ sự thống trị của người Anh ở đây, bằng cách kích động những cuộc "bạo động" của dân bản xứ chống lại nước Anh, giúp đỡ họ, ủng hộ họ, ngay cả bằng can thiệp quân sự nếu thấy cần". "Việc đó sẽ làm hao phí nhiều tiền và nhiều người của chúng ta... Để làm gì?... Để quấy rầy người Anh một cách chẳng ích lợi gì cả phải không? "Không", bởi vì người Anh gây trở ngại cho chúng ta. Vậy họ gây trở ngại cho chúng ta ở đâu? Ở *Công-xtăng-ti-nô-plơ*<sup>1\*</sup>; chừng nào người Anh còn giữ được sức mạnh của mình, thì không đời nào họ đồng ý để Công-xtăng-ti-nô-plơ trong tay chúng ta lại một lần nữa trở thành thủ đô không chỉ của đế quốc toàn Nga, mà còn của đế quốc Xla-vơ và của đế quốc phương Đông". Đó là lẽ tại sao Chính phủ Nga vẫn tiến hành chiến tranh tại Khi-va, để rồi sau này - theo nguyện vọng đã từ lâu của nó - tiến gần đến Ấn Độ. "Chính phủ Nga đang tìm một nơi nào có thể làm hại nước Anh, nếu không tìm thấy nơi nào khác, thì sẽ đe dọa nước Anh tại Ấn Độ. Bằng cách đó, Chính phủ Nga hy vọng làm cho nước Anh phải chấp nhận tư tưởng: Công-xtăng-ti-nô-plơ phải trở thành một thành phố của nước

1\* Ba-cu-nin cũng viết ngả.

Nga"... Ưu thế trên vùng biển Ban-tích đã mất đi vĩnh viễn. Đế quốc Nga dựa trên lưỡi lê và roi vọt, bị tất cả quần chúng nhân dân, bao gồm cả quần chúng nhân dân các dân tộc Xla-vơ, từ nhân dân Đại Nga, đều căm ghét; một đế quốc đã rệu rã về tinh thần, rối loạn về tổ chức, v.v., không thể nào chọi nổi đế quốc Đức mới ra đời. Vậy thì, "phải từ bỏ biển Ban-tích và ngồi chờ giờ phút mà toàn bộ "khu vực" ven biển Ban-tích trở thành một tỉnh nước Đức. *Chỉ có "cách mạng nhân dân" mới có thể ngăn chặn được tình hình đó.* Nhưng một cuộc cách mạng như thế đối với "nhà nước" là cái chết, và chính phủ chúng ta sẽ không tìm trong đó con đường cứu nguy cho mình".

*Câu nói cuối cùng ở trang 160.*

Đối với nó, không còn con đường cứu nguy nào khác, ngoài việc liên minh với nước Đức. Bị buộc phải từ bỏ biển Ban-tích, nó phải đi tìm sự bù đắp ở Hắc Hải, ít ra cũng vì sinh mệnh chính trị của nó, và cũng chỉ có dựa vào sự giúp đỡ của người Đức, thì mới có thể làm được điều đó. "Người Đức đã hứa hẹn sự giúp đỡ đó. Chúng ta tin chắc, - giữa Bít-xmác và Goóc-sa-cốp đã ký kết một hiệp ước chính thức".Cố nhiên, người Đức chẳng nghĩ đến việc thi hành hiệp ước đó. Họ không muốn giao cửa sông Đa-nuýp và việc buôn bán trên sông Đa-nuýp cho nước Nga muốn làm gì thì làm; dựng lên một đế quốc đại Xla-vơ lớn ở miền Nam châu Âu sẽ là một sự tự sát của đế quốc liên Đức. Nhưng "hướng và thúc đẩy quân đội Nga tiến vào Trung Á, vào Khi-va, lấy cố rằng đó là con đường tắt đến Công-xtăng-ti-nô-plơ - đó lại là chuyện khác". Bít-xmác đã lừa dối Goóc-sa-cốp và A-lếch-xan-đơ II, cũng như trước kia đã lừa dối Na-pô-lê-ông III. Nhưng việc đã rồi, không sao thay đổi được.Và không phải "những lực lượng hèn yếu" (schwachen Kräften) của nước Nga có thể lật đổ được đế quốc Đức mới; chỉ có cách mạng mới có thể làm được việc đó, còn trước khi cách mạng thắng lợi ở Nga hoặc ở châu Âu, thì "nhà nước" Đức sẽ thắng và ra lệnh cho tất cả, và Chính phủ Nga, cũng như tất cả các chính phủ lục địa châu Âu, từ nay chỉ có thể tồn tại nếu được nó cho phép và "ban ơn"... "Người Đức, hơn bao giờ hết, đã trở thành những ông chủ của chúng ta, và không phải vô cố mà tất cả người Đức ở nước Nga đã chúc mừng nhiệt liệt và rộn ràng như thế những thắng lợi của quân đội Đức ở nước Pháp; không phải vô cố mà tất cả người Đức ở Pê-téc-bua đã tiếp đón long trọng như thế vị hoàng đế đại Đức mới". "Hiện nay trên cả lục địa châu Âu chỉ còn một "nhà nước" độc lập thực sự - đó là nước Đức... *Nguyên nhân chủ yếu*

là "bản năng xã hội", đó là đặc trưng của nhân dân Đức. Bản năng, một mặt, của ý thức phục tùng mù quáng kẻ mạnh, của sự áp bức tàn nhẫn kẻ yếu" (tr. 151-163).

Tiếp theo là điểm lịch sử nước Đức trong thời hiện đại (đặc biệt là từ năm 1815 trở đi) để chứng minh *ý thức nô lệ của nó và ý đồ áp bức của nó...*

Ý đồ áp bức đó làm cho người Xla-vơ phải chịu đau khổ đặc biệt, bởi vì "sứ mệnh lịch sử" (của người Đức), ít ra ở phương bắc và phương đông, theo quan niệm của chính bản thân họ, là tàn sát, nô dịch và "Đức hoá cưỡng bức" các bộ tộc Xla-vơ. "Cái lịch sử dài lê thê và "buồn thảm" ấy đang in sâu trong lòng tất cả những người Xla-vơ, không nghi ngờ gì nữa, sẽ dội lại trong cuộc đấu tranh cuối cùng không thể tránh khỏi của người Xla-vơ chống người Đức, nếu cách mạng xã hội không giải hoà họ trước" (tr.164).

Tiếp đó nói đến lịch sử chủ nghĩa yêu nước của người Đức, kể từ năm 1815. (*Tài liệu lấy trong sách của giáo sư Mui-lơ viết về lịch sử từ năm 1816 đến năm 1865.*)

"Sự tồn tại chính trị của vương quốc Phổ (1807) được dung tha chỉ là nhờ yêu cầu của A-lếch-xan-đơ 1" (tr.168, 169).

*Lời phát biểu của Phi-stơ đối với dân tộc Đức.* "Nhưng người Đức hiện đại, trong khi vẫn giữ lại toàn bộ những cao vọng mệnh mông của nhà triết học yêu nước của mình, đã khước từ tinh thần nhân đạo của ông... Đối với họ, chủ nghĩa yêu nước của công tước Bít-xmác hoặc của ông Mác dễ tiếp thu hơn" (tr.171).

Sau khi Na-pô-lê-ông chạy trốn khỏi nước Nga, theo lời Ba-cu-nin, "Phri-đrich-Vin-hem III tuân những dòng lệ "xúc động và biết ơn", đã ôm choàng lấy người cứu tinh của mình, vị hoàng đế toàn Nga" (như trên).

"Do vậy Áo chỉ còn một việc là: không bóp chết nước Đức", như ban đầu đã dự định, bằng cách đem toàn bộ lãnh địa của mình gia nhập Liên bang Đức, "nhưng đồng thời cũng không để cho Phổ đứng đầu Liên bang Đức. Làm theo chính sách đó, nó có thể trông mong vào sự giúp đỡ tích cực của Pháp và Nga. *Chính sách của nước*

*Nga cho đến thời kỳ gần đây nhất*, tức là cho đến trước cuộc chiến tranh Crum, chính là luôn luôn duy trì sự cạnh tranh lẫn nhau giữa Áo và Phổ, không để cho bên nào áp đảo được bên nào, đồng thời gây nên thái độ thiếu tin cậy và sợ hãi trong các công quốc nhỏ và vừa của nước Đức và che chở cho họ chống Áo và Phổ" (tr.183). Ảnh hưởng của Phổ chủ yếu là về tinh thần, người ta trông mong ở nó rất nhiều (sau năm 1815). Vì vậy đối với Mét-téc-ních điều quan trọng là Phổ không ban bố hiến pháp nào cả (đã hứa hẹn), và cùng với Áo đứng đầu phe phản động. "Trong những ý đồ đó, ông ta đã nhận được "sự ủng hộ" nhiệt liệt nhất của nước Pháp, do triều vua Buốc-bông thống trị, và của hoàng đế A-lếch-xan-đơr, do "A-ra-ksê-ép" điều khiển" (tr.184).

"Người Đức không cần tự do. Cuộc sống đối với họ thật là vô nghĩa, nếu không có chính phủ, tức là nếu không có ý chí tối cao, không có tư tưởng tối cao và bàn tay sắt "hành hạ họ". Bàn tay ấy càng mạnh bao nhiêu, họ càng tự hào bấy nhiêu và bản thân cuộc sống càng vui vẻ bấy nhiêu đối với họ" (tr.192).

Năm 1830 - 1840. Mù quáng bắt chước theo người Pháp. "Người Đức không còn ăn nghiêng người Ga-lơ nữa, nhưng lại hướng toàn bộ lòng căm thù của mình quay vào nước Nga" (tr.196). "Tất thấy đều tùy thuộc vào kết cục của cách mạng Ba Lan. Nếu cách mạng Ba Lan thắng lợi, thì nước quân chủ Phổ tách rời khỏi chỗ dựa miền Đông - Bắc của mình và buộc phải" từ bỏ, nếu không phải tất cả, thì cũng một phần rất lớn những lãnh địa Ba Lan của mình, "buộc phải tìm kiếm một điểm tựa mới trong bản thân nước Đức, và vì rằng lúc bấy giờ nó chưa thể... bằng con đường chinh phục... cho nên - bằng con đường những cải cách tự do chủ nghĩa" (tr.199). Sau khi người Ba Lan bị thất bại, Phri-đrich - Vin-hem III hết lòng giúp đỡ hoàng đế Ni-cô-lai, người con rể của mình, "đã vứt bỏ mặt nạ và đàn áp mạnh hơn trước đối với những người yêu nước liên Đức chủ nghĩa" (tr.200).

"Vì tin chắc rằng quần chúng nhân dân - *trong những bản năng* đã được lịch sử phát triển ít nhiều của mình, trong những nhu cầu bức thiết của mình và trong những ý nguyện tự giác và không tự giác của mình - mang tất cả những yếu tố của tổ chức tương lai bình thường của mình, cho nên chúng ta đi tìm lý tưởng đó" (tổ chức xã hội) ngay trong nhân dân; và cũng vì mọi quyền lực "nhà nước", mọi chính phủ xét về thực chất và về địa vị của nó, đều được đặt ngoài nhân dân, trên nhân dân, do

đó nhất định phải ra sức bắt nhân dân phục tùng những trật tự và mục đích xa lạ với nhân dân, cho nên chúng ta tuyên bố bản thân mình là kẻ thù của mọi quyền lực chính phủ, của mọi quyền lực "nhà nước", là kẻ thù của kết cấu "nhà nước" nói chung, và chúng ta nghĩ rằng nhân dân có thể hạnh phúc và tự do chỉ khi nào nhân dân tự mình tạo ra cuộc sống của mình bằng cách tự tổ chức "từ dưới lên trên" thông qua những liên hợp (Vereinigungen) độc lập và hoàn toàn tự do, và "không có" bất cứ sự giám hộ chính thức nào, "nhưng không phải không có những ảnh hưởng khác nhau và tự do như nhau của những cá nhân và những chính đảng" (tr.213). Đó là "niềm tin của những người cách mạng xã hội, và chính vì thế mà người ta gọi chúng ta là những người vô chính phủ chủ nghĩa" (tr.213). "Các nhà duy tâm đủ loại, các nhà siêu hình học, các nhà thực chứng luận, những người bảo vệ quan điểm khoa học chi phối cuộc sống, những người cách mạng khống luận, tất cả bọn họ tuy lập luận khác nhau, nhưng đều "bảo vệ" (schützen) với "nhiệt tình" (Eifer) như nhau tư tưởng "nhà nước" và quyền lực "nhà nước", coi "nhà nước" và quyền lực "nhà nước" là con đường duy nhất cứu vớt xã hội, và điều đó, theo họ là *hoàn toàn hợp lô-gích*<sup>1\*</sup>. *Hoàn toàn hợp lô-gích*<sup>1\*</sup>, bởi vì một khi họ đã lấy "nguyên lý", sau đây làm cơ sở, cái nguyên lý nói rằng *tư tưởng đi trước cuộc sống lý luận tr�u tượng đi trước thực tiễn xã hội* và do đó *khoa học xã hội phải là điểm xuất phát của những biến đổi và cải tạo xã hội*, thì tất nhiên họ phải đi tới kết luận rằng vì tư tưởng, lý luận, khoa học - ít ra là hiện nay - chỉ là tài sản của một số rất ít người, cho nên một số rất ít người này phải là người lãnh đạo đời sống xã hội; họ chẳng những là người khởi động, mà còn là người chỉ huy của tất cả các phong trào nhân dân, và sang ngày hôm sau của cách mạng, tổ chức xã hội mới phải được xây dựng, nhưng không phải bằng con đường liên hợp tự do các tổ chức nhân dân, các công xã, "các làng, các tỉnh từ dưới lên trên" theo nhu cầu và bản năng của nhân dân, mà bằng con đường duy nhất là quyền lực chuyên chính của một thiểu số người có học vấn ấy, tuy họ cũng được bầu ra bởi "ý chí toàn dân" (tr.214).

Vì vậy "những nhà cách mạng khống luận" không bao giờ là kẻ thù của "nhà nước", mà chỉ là kẻ thù của các chính phủ hiện hành mà họ muốn chiếm địa vị của các chính phủ ấy với tư cách là các nhà độc tài (tr.215).

1\* Ba-cu-nin cũng viết ngả.

Điều đó thật là đúng, hiện giờ khi mà phe phản động đang vênh vang ở khắp cả châu Âu, khi mà tất cả các chính phủ v.v., dưới sự cầm đầu của công tước Bít-xmác, đang chuẩn bị đấu tranh tuyệt vọng chống cách mạng xã hội; bây giờ, khi mà tưởng chừng như tất cả những người cách mạng chân thành phải liên hợp lại để giáng trả cuộc tiến công điên cuồng của phe phản động quốc tế, - thì ngược lại, chúng ta thấy, những người cách mạng không luận, dưới sự chỉ huy của ông *Mác*, đầu đầu cũng đứng về phía "nhà nước" và "những người nhà nước" để chống lại "*cách mạng nhân dân*" (tr.216). Ở Pháp, họ đứng về phía Gam-bét-ta, phần tử phản động phái cộng hoà "theo chủ nghĩa nhà nước", chống lại Ligue du Midi<sup>1\*</sup> cách mạng, song chỉ riêng Ligue Midi này mới có thể cứu nước Pháp chẳng những thoát khỏi sự nô dịch của nước Đức, mà còn thoát khỏi một liên minh còn nguy hiểm hơn và hiện đang thắng thế, liên minh của giới tăng lữ, của phái chính thống, của phái Bô-na-pác-tơ, phái Oóc-lê-ăng; ở *Tây Ban Nha họ công khai đứng về phía Caxte-lác, Pi-i - Mác-gan và hội nghị lập hiến Ma-đrít*; cuối cùng, ở Đức và chung quanh nước Đức ở Áo, ở Thụy Sĩ, ở Hà Lan, ở Đan Mạch, họ đều phục vụ cho công tước Bít-xmác, người mà, theo sự thừa nhận của bản thân họ, họ coi là "nhà hoạt động" cách mạng rất có ích, và họ giúp hấn trong sự nghiệp liên Đức hoá tất cả những nước ấy" (tr.216, 217).

(Phoi-ơ-bác hãy còn là một nhà siêu hình học: "cần phải nhường chỗ cho những người kế thừa "hợp pháp" của mình, những đại diện của trường phái những người theo chủ nghĩa duy vật hoặc những người theo chủ nghĩa hiện thực, tuy nhiên, phần lớn những người này, chẳng hạn như ông *Buy-sơ*, ông *Mác* v.v.", vẫn chưa thoát khỏi "sự chi phối của tư tưởng trừu tượng siêu hình" (tr.207).

Những nhân vật chính tuyên truyền chủ nghĩa xã hội ở nước Đức, ban đầu còn bí mật, nhưng chẳng bao lâu sau thì công khai, là *Các Mác*. Ông Mác đã và đang đóng vai trò hết sức quan trọng trong phong trào xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản Đức đến nỗi không thể bỏ qua con người tuyệt vời này, không thể không cố gắng trình bày một vài đặc điểm chính xác của ông ta. Xét về gốc gác, ông Mác là người Do Thái. Có thể nói, trong con người ông bao hàm tất cả những phẩm chất và tất cả những nhược điểm của cái giống người tài ba ấy. Ông ta, như có người nói, "bị căng thẳng thần kinh" (Nervos), đến mức nhứt nhát, ông ta rất là tham danh chuộng vọng,

thích cãi vã, thiếu kiên nhẫn và tuyệt đối như I-ê-hô-va, vị thượng đế của tổ tiên ông, và cũng như vị thượng đế đó, thích báo thù đến mức điên rồ. Hễ ai không may mà kích động lòng ghen tức hay là - điều này cũng như thế - lòng căm thù của ông ta, thì không có lời nói dối nào, lời vu khống nào mà ông ta không thể bịa ra để đối phó lại. Và ông ta cũng không dừng lại trước âm mưu "đê tiên" nhất, chỉ cần, theo nhận định của ông ta, - nhưng phần lớn nhận định này lại sai, - âm mưu đó có thể làm tăng thêm địa vị của ông ta, ảnh hưởng của ông ta hoặc mở rộng thế lực của ông ta. Về mặt này, ông ta là một "nhân vật" chính trị hoàn toàn. Đó là những phẩm chất không tốt của ông ta. Song, những phẩm chất tốt trong con người ông ta cũng rất nhiều. Ông ta rất "thông minh" và cực kỳ "thông thái" nhiều mặt. Tiến sĩ triết học khoảng năm 1840 khi còn ở Khuê-n, có thể nói ông ta là linh hồn và trung tâm của một nhóm những phần tử Hê-ghe-n tiên tiến rất đáng kể, ông ta đã cùng những phần tử Hê-ghe-n tiên tiến này bắt đầu xuất bản một tạp chí đối lập với chính phủ, mà chẳng bao lâu bị đóng cửa theo lệnh của nội các. Tham gia nhóm này có anh em Bru-nô Bao-ơ và Ét-ga Bao-ơ. Mác, Stiéc-nơ và sau này là nhóm những phần tử hư vô chủ nghĩa đầu tiên ở Béc-lin; những phần tử hư vô chủ nghĩa này, xét về tính triệt để trắng tráo của họ, thì vượt xa những phần tử hư vô chủ nghĩa cuồng nhiệt nhất của nước Nga. Năm 1843 hay là năm 1844, ông Mác dời đến Pa-ri. Ở đây ông ta lần đầu tiên tiếp xúc với đoàn thể của những người cộng sản Pháp và Đức và với ông Mô-ri-xơ Hét-xơ, người Do Thái ở Đức, đồng bào của ông ta; Hét-xơ trước Mác đã là một nhà kinh tế học uyên bác và là một người xã hội chủ nghĩa và lúc bấy giờ đã có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển khoa học của ông Mác, ít thấy có người nào "hiểu" rộng và đọc nhiều, đọc "*một cách hết sức thông minh*" như ông Mác. Đối tượng nghiên cứu đặc biệt của ông ta lúc bấy giờ đã là khoa học kinh tế. Ông ta nghiên cứu một cách đặc biệt kỹ lưỡng các nhà kinh tế học Anh, những nhà kinh tế học này nổi hơn các nhà kinh tế học khác ở tính chất hữu ích của "nhận thức" và tính chất thực tế của trí tuệ được bồi dưỡng trên cơ sở những sự kiện kinh tế của nước Anh, ở sự phê phán nghiêm khắc và ở tính dũng cảm trung thực của các kết luận. Nhưng ngoài tất cả những cái đó ra, ông Mác còn thêm hai yếu tố mới; phép biện chứng trừu tượng nhất, "tinh vi kỳ lạ nhất" mà ông ta đã thu hoạch được ở trường phái Hê-ghe-n và thường thường bị ông ta "đưa đến chỗ lối bịch, tồi tệ", và quan điểm theo xu hướng cộng sản chủ nghĩa. Cố nhiên, ông Mác đã đọc tất cả những tác phẩm của những người xã hội chủ nghĩa Pháp bao gồm từ Xanh-Xi-mông đến Pru-đông, và như mọi

1\* - Liên minh miền Nam

người đều biết, ông ta căm ghét Pru-đông và trong việc ông ta thẳng tay phê phán Pru-đông hiển nhiên có nhiều cái đúng: Pru-đông, mặc dù hết sức cố gắng đứng trên cơ sở hiện thực, nhưng vẫn là một người duy tâm và một người siêu hình. Điểm xuất phát của ông là ý niệm trừu tượng về pháp quyền; ông đi từ pháp quyền đến sự kiện kinh tế; còn ông Mác thì trái lại với ông, đã phát biểu và chứng minh chân lý hiển nhiên đã được toàn bộ lịch sử quá khứ và hiện tại của xã hội loài người, của các dân tộc và các nhà nước xác nhận là sự kiện kinh tế, bất cứ chỗ nào, cũng đều đã và đang đi trước quyền tư pháp và quyền chính trị. Một trong những công lao khoa học chủ yếu của ông Mác chính là "sự trình bày" và chứng minh chân lý đó. Nhưng điều tuyệt diệu nhất và điều mà ông Mác không bao giờ muốn thừa nhận - đó là: về mặt chính trị, ông Mác là học trò trực tiếp của ông Lui Blăng. Ông Mác "thông minh" hơn nhiều và uyên bác hơn nhiều so với nhà cách mạng và nhân vật nhà nước "nhỏ bé và không thành công" ấy; nhưng, vì là một người Đức, nên mặc dù có "tâm vóc đáng kính của mình", ông ta vẫn học hỏi người Pháp bé nhỏ ấy. Tuy nhiên, lý do của điều kỳ lạ ấy rất là giản đơn: hai ông, một ông là người Pháp ăn nói hùng biện, một nhà chính trị tư sản và là một người sùng bái quá mức ông Rô-be-xpi-e, và một ông là người Đức thông thái với ba tư cách - vừa là phần tử Hê-ghen, vừa là người Do Thái và vừa là người Đức, - cả hai ông đều là "những phần tử nhà nước, chủ nghĩa" điên cuồng và đều tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản "nhà nước", chỉ có sự khác nhau là: một ông thì không đưa ra luận cứ mà chỉ thỏa mãn với việc khoa trương hùng biện, còn một ông thì với phông cách của một người Đức có học thức và có trọng lượng, dùng tất cả những mảnh lời của phép biện chứng Hê-ghen và tất cả tri thức phong phú nhiều mặt của mình để trình bày cái nguyên lý ấy mà ông cũng ưa thích.

Khoảng năm 1845 ông Mác bắt đầu đứng đầu những người cộng sản Đức, và tiếp đó, cùng với ông *Ăng-ghen*, người bạn thủy chung (unverandlicher) của mình, cũng "thông minh" như thế, tuy học thức kém hơn, nhưng có thực tế nhiều hơn và không kém tài ba về mặt vu khống chính trị, nói láo và hoạt động âm mưu, đã thành lập một đoàn thể bí mật của những người cộng sản Đức hay là những người xã hội chủ nghĩa "nhà nước". Sau khi hai người bị trục xuất khỏi Pa-ri năm 1846, uỷ ban trung ương của họ - mà Mác, cùng với *Ăng-ghen*, đương nhiên là người đứng đầu - đã dời sang Bruy-xen, tại đây nó đã được duy trì cho đến năm 1848. Tuy vậy, ngay trước năm đó, công việc tuyên truyền của họ, tuy được tiến hành không ít ở khắp nước Đức, nhưng vẫn là bí mật và "do đó mà không bộc lộ ra" (tr.221 - 225).

Vào lúc này (thời kỳ cách mạng năm 1848), giai cấp vô sản thành thị nước Đức, ít ra cũng đại bộ phận trong đó, vẫn còn nằm ngoài ảnh hưởng tuyên truyền của Mác và còn đứng ngoài tổ chức đảng cộng sản của Mác. Tổ chức đó chủ yếu được triển khai trong các thành phố công nghiệp của vùng Ranh thuộc Phổ, đặc biệt là ở Khuên; các chi nhánh của nó có ở Béc-lin, ở Brê-xláp và "cuối cùng" ở Viên nữa, nhưng rất yếu. Đương nhiên, giai cấp vô sản Đức có những ý hướng xã hội chủ nghĩa mang tính chất bản năng, nhưng tuyệt nhiên không phải là những đòi hỏi tự giác về sự biến đổi xã hội trong những năm 1848 - 1849, mặc dù Tuyên ngôn cộng sản đã ra đời vào tháng Ba năm 1848. Tuyên ngôn cộng sản thoáng vụt qua nhân dân Đức, hầu như không để lại dấu tích nào cả. Giai cấp vô sản cách mạng thành thị còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của chính đảng của những phần tử cấp tiến chính trị, hay ít ra cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp của phái dân chủ (tr.230). Lúc đó ở Đức còn có một nhân tố mà hiện nay đã không còn, đó là nông dân cách mạng, hay ít ra cũng là nông dân có khả năng trở thành nông dân cách mạng... Lúc bấy giờ nông dân đã sẵn sàng thực hiện mọi hoạt động, thậm chí sẵn sàng "nhất loạt bạo động". Năm 1848 cũng như năm 1830, phái tự do và phái cấp tiến Đức không sợ gì bằng sợ một cuộc "bạo động" như vậy; những người xã hội chủ nghĩa thuộc trường phái Mác cũng chẳng thích "bạo động" như vậy. Mọi người đều biết rằng Phéc-đi-năng Lát-xan tự nhận là học trò trực tiếp của vị thủ lĩnh tối cao ấy của Đảng Cộng sản ở Đức, - song, điều đó không ngăn trở ông thầy, sau khi Lát-xan chết, biểu lộ một sự bất bình đầy ghen tức và "ganh tị" (neidische, missginstige) đối với người học trò xuất sắc đã vượt qua rất xa ông thầy về mặt thực tế, - mọi người đều biết... rằng Lát-xan đã mấy lần phát biểu tư tưởng cho rằng sự thất bại của cuộc khởi nghĩa nông dân ở thế kỷ XVI, và tiếp theo đó là sự tăng cường và sự hưng thịnh của "nhà nước" quan liêu ở Đức, là thắng lợi chân chính của cách mạng. Đối với những người cộng sản hoặc những người dân chủ xã hội nước Đức, thì nông dân, mọi nông dân, đều là phản động, còn "nhà nước", mọi "nhà nước", ngay cả "nhà nước" của Bít-xmác, đều là cách mạng. Chớ có nghĩ rằng chúng tôi vu khống họ. Để chứng minh rằng họ thật sự đang nghĩ như thế, chúng tôi có thể chỉ ra những bài diễn thuyết, những tập sách mỏng, những bài báo trên tạp chí và, *cuối cùng, những thư từ của họ* - tất cả những thứ đó, đến lúc nào đó, sẽ được "giới thiệu" (zugestellt) với công chúng nước Nga. Song, những người mác-xít cũng không thể nào nghĩ khác được; là "những phần tử nhà nước chủ nghĩa" đến cùng, họ

phải nguyên rửa mọi cuộc cách mạng nhân dân, đặc biệt là cách mạng nông dân, cuộc cách mạng mà về bản chất là nông dân<sup>1\*</sup> và đi ngay vào việc thủ tiêu "nhà nước". Là những người theo chủ nghĩa liên Đức muốn nuốt hết tất cả, họ phải bác bỏ cách mạng nông dân chỉ vì một lý do là cuộc cách mạng ấy là cuộc cách mạng riêng của tộc Xla-vơ" (tr.230 - 232).

"Không chỉ năm 1848, mà cả hiện nay, công nhân Đức vẫn mù quáng phục tùng những lãnh tụ của mình, thế nhưng những thủ lĩnh, những người tổ chức của đảng xã hội - dân chủ<sup>2</sup> Đức không dẫn dắt họ tới tự do và tình hữu ái quốc tế, mà trực tiếp đưa họ vào cái ách áp bức của "nhà nước" liên Đức" (tr.254).

Ba-cu-nin kể, *Phri-đrich-Vin-hem IV* sợ hãi Ni-cô-lai như thế nào (trả lời đoàn đại biểu Ba Lan tháng Ba năm 1848 và Ôn-muýt-xơ tháng Mười một năm 1850) (tr.254-257).

Trong những năm 1849 - 1858, Liên bang Đức thậm chí không được các cường quốc khác để ý tới! "Phổ hơn bao giờ hết đã trở thành nô lệ của nước Nga... Sự trung thành với lợi ích của triều đình Pê-téc-bua đã đến mức độ là vị bộ trưởng chiến tranh Phổ và công sứ Phổ bên cạnh triều Anh, bạn của nhà vua, cả hai đều bị thay thế vì đã tỏ ra có cảm tình với các cường quốc phương Tây". Ni-cô-lai dùng dùng nổi giận vì Svác-txen-béc-gơ và Áo vong ơn bội nghĩa. "Áo, do lợi ích của nó ở phương Đông, là kẻ thù tự nhiên của nước Nga, đã công khai đứng về phía Anh và Pháp chống nước Nga. Điều khiển cho cả nước Đức hết sức công phẫn là Phổ vẫn "trung thành đến cùng"" (tr.259), "Man-toi-phen đã nhận chức thủ tướng vào tháng Mười một năm 1850 để ký kết tất cả những điều ước của Hội nghị Ôn-muýt-xơ hết sức nhục nhã cho Phổ, và bắt Phổ và toàn nước Đức phải hoàn toàn phục tùng bá quyền của Áo. Đó là ý muốn của Ni-cô-lai... Đó cũng là nguyện vọng của đại bộ phận đại địa chủ hoặc quý tộc Phổ; họ cũng chẳng buồn nghe việc hợp nhất Phổ với nước Đức và họ trung thành với hoàng đế Áo" (!), "và với hoàng đế toàn Nga thậm chí còn hơn cả trung thành với quốc vương nước mình" (tr.261).

1\* Nguyên văn của Ba-cu-nin là: "vô chính phủ chủ nghĩa".

2\* Ba-cu-nin cũng viết ngả.

"Trong lúc này (khoảng năm 1866, cái gọi là Đảng nhân dân được thành lập, Trung tâm ở Stút-gát. Cái nhóm muốn liên minh với Thụy Sĩ thuộc chính thể cộng hoà là người sáng lập chủ yếu của *Ligue de la Paix et de la Liberté*" (tr.271).

Lát-xan chủ yếu đã thành lập chính đảng của công nhân Đức, đã tổ chức đảng ấy theo kiểu tôn ti ngôi thứ, bất phục tùng kỷ luật nghiêm ngặt và quyền chuyên chính của mình, tóm lại - đã thực hiện điều mà ông Mác muốn làm trong Quốc tế trong ba năm sau này. Mưu đồ của Mác đã bị thất bại, còn mưu đồ của Lát-xan thì lại hoàn toàn thành công" (tr.275).

"Công việc đầu tiên của "nhà nước" nhân dân sẽ là" (theo Lát-xan) "cấp tín dụng một cách không giới hạn đối với những hiệp hội sản xuất và tiêu thụ của công nhân, chỉ có như vậy thì những hiệp hội đó mới có thể đấu tranh với tư bản của giai cấp tư sản và trong một thời gian không lâu sẽ chiến thắng nó và nuốt được nó. Khi quá trình nuốt nó diễn ra, thì thời kỳ cải tạo triệt để xã hội sẽ đến. Đó là cương lĩnh của Lát-xan, đó cũng là cương lĩnh của đảng Xã hội - dân chủ. Thực ra, cương lĩnh đó không phải của Lát-xan, mà là của Mác, Mác đã "trình bày" đầy đủ cương lĩnh đó trong "*Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*" nổi tiếng mà ông và Ăng-ghe-n đã công bố trong năm 1848. Trong tuyên ngôn đầu tiên của *Hội liên hiệp công nhân quốc tế* do Mác viết vào năm 1864, cũng đã ám chỉ rõ rệt cương lĩnh đó trong những lời lẽ như sau: nghĩa vụ hàng đầu của giai cấp công nhân v.v., hay là như *Tuyên ngôn cộng sản* nói: bước thứ nhất của cách mạng v.v., và cuối cùng là tập trung toàn bộ tư liệu sản xuất trong tay "nhà nước", tức là trong tay giai cấp vô sản "đã được đề lên thành *tầng lớp thống trị*" (275 - 276). Nhưng, cương lĩnh của Lát-xan không khác gì cả với cương lĩnh của Mác, người mà Lát-xan đã thừa nhận là ông thầy của mình, điều đó chẳng "rõ ràng" ư? Trong tập sách mỏng chống Sun-txơ Đê-lít-sơ, Lát-xan... sau khi trình bày những khái niệm cơ bản của mình về sự phát triển xã hội - chính trị của xã hội hiện đại, đã nói tuột ra rằng những tư tưởng ấy và ngay cả thuật ngữ cũng không phải của ông, mà là của ông Mác... Do vậy lời phản đối của ông Mác đã được in ra sau khi Lát-xan chết<sup>2\*</sup> trong lời nói đầu của tác phẩm nói về tư bản, lại càng "kỳ lạ hơn". Mác than phiền một cách chua chát rằng Lát-xan ăn cắp trước tác của

1\* - Đồng minh hoà bình và tự do.

2\* Ba-cu-nin cũng viết ngả

ông, chiếm đoạt tư tưởng của ông. Một người cộng sản mà phản đối như vậy, thì hết sức "kỳ lạ", người cộng sản đó tuyên truyền chế độ sở hữu tập thể mà không hiểu rằng tư tưởng, một khi đã được phát biểu ra, thì không còn là sở hữu của cá nhân nữa. Nếu như Lát-xan chép lại "một vài trang..." (tr.276), thì đó lại là chuyên khác. Trái với Mác, ông thầy của mình, - một hoặc vài người giỏi về lý luận, về hoạt động âm mưu hậu trường hoặc ngấm ngầm, và, ngược lại, trong lĩnh vực hoạt động công khai thì lại mất hết tác dụng và hiệu lực, - Lát-xan sinh ra vốn là để đấu tranh công khai trên trường thực tế" (tr.277), "Tất cả giai cấp tư sản tự do và giai cấp tư sản dân chủ đều ghét cay ghét đắng Lát-xan; "những người đồng chí - đồng đạo", những người xã hội chủ nghĩa, những người mác-xít và bản thân Mác đều tập trung tất cả sức mạnh của "tính ghen tị" (Neids) thiếu thiện ý chống lại ông. Quả vậy, họ căm ghét ông một cách sâu sắc như của giai cấp tư sản căm ghét ông; khi ông còn sống, họ không dám biểu lộ sự căm ghét đó, bởi vì ông quá mạnh đối với họ" (tr.277-278).

"Chúng tôi đã nói lên sự chán ghét sâu sắc của chúng tôi đối với lý luận của Lát-xan và của Mác, lý luận ấy khuyên công nhân *thành lập một nhà nước nhân dân*; nếu đó không phải là lý tưởng cuối cùng, thì ít ra cũng là mục đích chủ yếu trước mắt; nhà nước ấy, theo họ giải thích, chẳng phải là cái gì khác mà là giai cấp vô sản "*được đề lên thành tầng lớp thống trị*". Thủ hỏi, nếu giai cấp vô sản sẽ là giai cấp thống trị, thế thì giai cấp đó sẽ thống trị ai? "có nghĩa là" (das bedeutet, das meint), sẽ còn lại một giai cấp vô sản khác phải phục tùng sự thống trị mới, "nhà nước" (staat) mới ấy".

Như thế có nghĩa là chừng nào những giai cấp khác, đặc biệt là giai cấp các nhà tư bản, còn tồn tại, chừng nào giai cấp vô sản còn đấu tranh với giai cấp đó (bởi vì khi giai cấp vô sản lên nắm chính quyền, kẻ thù của giai cấp vô sản vẫn chưa mất đi, tổ chức xã hội cũ vẫn chưa mất đi), thì giai cấp vô sản vẫn phải áp dụng những biện pháp *bạo lực*, do đó, cũng là những biện pháp của chính phủ; nếu như bản thân giai cấp vô sản vẫn còn là giai cấp và những điều kiện kinh tế làm cơ sở cho đấu tranh giai cấp và sự tồn tại của các giai cấp chưa mất đi, thì những điều kiện kinh tế ấy phải được thủ tiêu hoặc cải tạo bằng bạo lực, và quá trình cải tạo những điều kiện kinh tế ấy phải được thúc đẩy nhanh chóng bằng bạo lực.

"Chẳng hạn,"đám dân đen nông dân" (das gemeine Bauernvolk, der Bauernpobel), như mọi người đều biết, không được những người mác-xít cảm tình và ở trình độ văn hoá thấp nhất, chắc chắn họ sẽ bị giai cấp vô sản thành thị và công xưởng cai quản".

Như thế có nghĩa là, hễ nơi nào nông dân tồn tại đông đảo với tư cách là người tư hữu ruộng đất, hễ nơi nào người nông dân thậm chí còn chiếm một đa số tương đối lớn, như ở tất cả các nước trên lục địa Tây Âu, hễ ở nơi nào người nông dân chưa biến mất và chưa được thay thế bằng những cố nông, như ở nước Anh, - thì ở đó sẽ diễn ra tình hình như sau; hoặc là người nông dân sẽ gây trở ngại và làm cho mọi cuộc cách mạng của công nhân bị thất bại, như họ đã làm như vậy cho đến nay ở Pháp, hoặc là giai cấp vô sản (bởi vì người nông dân tư hữu không thuộc vào giai cấp vô sản; ngay cả khi mà xét theo địa vị của mình, họ thuộc giai cấp vô sản, thì họ vẫn nghĩ rằng họ không thuộc giai cấp vô sản) phải lấy tư cách chính phủ để áp dụng những biện pháp mà kết quả là tình cảnh người nông dân được trực tiếp cải thiện và , do đó, lôi kéo người nông dân về phía cách mạng; những biện pháp ấy ngay trong mầm mống đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự quá độ từ chế độ tư hữu về ruộng đất sang chế độ sở hữu tập thể, để người nông dân tự mình đạt tới mục đích đó bằng con đường kinh tế; nhưng không nên làm cho người nông dân hoảng hốt, chẳng hạn bằng cách tuyên bố xoá bỏ quyền thừa kế hoặc xoá bỏ quyền sở hữu của nông dân; việc xoá bỏ đó chỉ có thể xảy ra ở nơi nào nhà tư bản thuê ruộng chèn lấn người nông dân, còn người nông dân thực thụ thì đã trở thành người vô sản, người công nhân làm thuê, như là công nhân thành thị và, do đó, cũng có - *một cách trực tiếp*, chứ không phải gián tiếp, - những lợi ích như nhau với công nhân thành thị; hơn thế nữa, không nên củng cố chế độ sở hữu mảnh đất nhỏ, bằng cách tăng thêm những mảnh đất nhỏ thông qua việc giao lại một cách giản đơn những trang trại lớn cho nông dân, như trong cuộc tiến quân cách mạng của Ba-cu-nin.

"Hoặc là, nếu nhìn vấn đề này trên góc độ dân tộc, thì, giả dụ, đối với người Đức, Đức Xla-vơ cũng sẽ vì nguyên nhân như thế mà ở vào cái địa vị phục tùng tôi



tổ đối với giai cấp vô sản Đức chiến thắng, giống như là giai cấp vô sản Đức hiện nay đang ở vào địa vị phục tùng tôi tớ đối với giai cấp tư sản của mình" (tr.278).

Thật là một điều nhảm nhí kiểu học trò! Cách mạng xã hội triệt để gắn liền với những điều kiện lịch sử nhất định của sự phát triển kinh tế; những điều kiện ấy là tiền đề của cách mạng ấy. Bởi vậy, cách mạng xã hội chỉ có thể xảy ra ở chỗ nào mà giai cấp vô sản công nghiệp, cùng với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, ít ra, cũng chiếm được một địa vị đáng kể trong quần chúng nhân dân. Và giai cấp vô sản muốn có cơ hội nào đó giành thắng lợi, thì nó phải có khả năng *mutandis*<sup>1\*</sup> đem lại trực tiếp cho nông dân ít ra cũng phải bằng mức độ như giai cấp tư sản Pháp đã đem lại, trong thời kỳ cách mạng của mình, cho nông dân Pháp lúc bấy giờ. Một ý nghĩ hay cho rằng sự thống trị của công nhân lại bao hàm cả sự nô dịch đối với lao động nông nghiệp! Nhưng chính ở đây cũng bộc lộ cái tư tưởng kín đáo của ông Ba-cu-nin. Ông ta tuyệt nhiên không hiểu gì về cách mạng xã hội, chỉ biết những câu nói chính trị về cách mạng xã hội. Đối với ông ta, những điều kiện kinh tế của cách mạng ấy là không tồn tại. Vì rằng tất cả những hình thức kinh tế, phát triển hoặc chưa phát triển, đã tồn tại cho đến nay, đều bao hàm sự nô dịch đối với người lao động (bất kể là công nhân làm thuê, nông dân v.v.), cho nên ông ta cho rằng với tất cả những hình thức đó, *cách mạng triệt để* đều có thể thực hiện được như nhau. Không phải chỉ có thế! Ông ta muốn cách mạng xã hội châu Âu, được kiến lập trên cơ sở kinh tế là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, phải tiến hành theo trình độ của các dân tộc Nga hoặc Xla-vơ làm nghề nông và du mục và không được vượt quá trình độ đó; mặc dầu ông ta cũng thấy rằng *hàng hải* đang tạo nên sự khác biệt giữa những người anh em; nhưng cũng chỉ là *hàng hải* mà thôi, bởi vì đó là sự khác biệt mà tất cả các nhà chính trị đều biết! Cơ sở của cách mạng xã hội của ông ta là *ý chí*, chứ không phải là những điều kiện kinh tế.

1\*- tùy có ứng biến.

"Nếu có "nhà nước" (staat), thì nhất định phải có "sự thống trị" (Herrschaft), do đó, có cả "sự nô dịch"; thống trị mà không có nô dịch, công khai hay che đậy, thì vô nghĩa, đó là lẽ tại sao chúng ta là kẻ thù "nhà nước" (tr.278).

"Giai cấp vô sản "được đề lên thành tầng lớp thống trị" là nghĩa thế nào?"

Điều đó có nghĩa là giai cấp vô sản không còn đấu tranh, trong mỗi trường hợp riêng biệt, chống những giai cấp có đặc quyền về kinh tế; nó đã có được sức mạnh và tính tổ chức đầy đủ để áp dụng những biện pháp cưỡng chế chung trong cuộc đấu tranh chống những giai cấp ấy; nhưng nó chỉ có thể áp dụng những biện pháp kinh tế có thể xoá bỏ đặc tính của nó với tính cách là một giai cấp; vì vậy, khi nó giành được thắng lợi hoàn toàn thì sự thống trị của nó cũng chấm dứt, bởi vì tính chất giai cấp của nó không còn nữa.

"Chẳng lẽ toàn bộ giai cấp vô sản đều sẽ là người đứng đầu sự quản lý hay sao?"

Chẳng lẽ, nói giả dụ, trong công hội thì toàn thể công hội đều tạo thành ban chấp hành của mình sao? Chẳng lẽ mọi sự phân công lao động và những chức năng khác nhau xuất phát từ sự phân công đó trong nhà máy, đều sẽ biến mất sao? Chẳng lẽ trong cái kết cấu "từ dưới lên trên" của Ba-cu-nin, tất cả đều sẽ ở "bên trên" cả sao? Nếu thế thì chẳng có gì "bên dưới" nữa. Chẳng lẽ tất cả thành viên của công xã sẽ quản lý như nhau những lợi ích chung của một "khu vực" sao? Thế thì giữa công xã và "khu vực" không còn có sự khác nhau nào cả.

Người ta tính toán rằng „Người Đức có khoảng bốn mươi triệu. Chẳng lẽ tất cả bốn mươi triệu người đều sẽ là thành viên của chính phủ cả sao?"

Certainly<sup>1\*</sup>, bởi vì sự việc phải bắt đầu từ sự tự quản công xã.

1\* - Tất nhiên.

"Toàn dân sẽ là người quản lý, còn người bị quản lý thì sẽ không có".

Khi một người tự quản lý mình, thì - theo nguyên tắc đó - người ấy không quản lý mình; bởi vì người ấy chỉ là bản thân người ấy, chứ không phải là người nào khác.

"Vậy thì sẽ không có chính phủ, không có nhà nước, mà nếu có nhà nước, thì sẽ có người bị quản lý và nô lệ" (tr.279).

Điều đó chỉ có nghĩa là: khi sự thống trị giai cấp không còn nữa, thì nhà nước, theo ý nghĩa chính trị hiện nay của từ đó, cũng sẽ không còn.

"Cái song đề ấy trong lý luận của những người mác-xít được giải quyết một cách rất giản đơn. Sự quản lý của nhân dân, theo họ" (tức là Ba-cu-nin), được hiểu là nhân dân quản lý thông qua một số ít những người đại diện do nhân dân bầu ra".

Asine<sup>1\*</sup>! Đó là điều nhằm nhí về dân chủ, là nói suông chính trị! Bầu cử là một hình thức chính trị, ngay cả trong công xã nhỏ nhất và trong ác-ten của nước Nga cũng vậy thôi. Tính chất của bầu cử không lệ thuộc vào những tên gọi ấy, mà phụ thuộc vào cơ sở kinh tế, vào mối quan hệ giữa cử tri với nhau, và khi nào những chức năng ấy không còn là chức năng chính trị nữa, thì 1) chức năng chính phủ cũng không còn nữa; 2) việc phân phối những chức năng chung lại mang tính chất công việc và không dẫn đến bất cứ sự thống trị nào; 3) bầu cử sẽ hoàn toàn mất hết tính chất chính trị hiện nay của nó.

"Quyền phổ thông bầu cử của toàn dân để bầu ra người đại diện nhân dân và "người cai trị nhà nước".

cũng như toàn dân theo ý nghĩa hiện nay của từ - điều đó đều là ảo tưởng.

- đây là thành tựu mới nhất của những người mác-xít, cũng như của trường phái

1\* - Đồ con lừa!

dân chủ, - đó là một sự nói dối, nó che đậy sự chuyên chế của *một thiểu số người quản lý*, và còn nguy hiểm hơn nữa vì nó là biểu hiện của cái gọi là ý chí nhân dân".

Trong chế độ sở hữu tập thể, cái gọi là ý chí nhân dân biến mất đi để nhường chỗ cho ý chí chân chính của hợp tác xã.

Do vậy, kết quả là: "một số ít người có đặc quyền quản lý đại đa số quần chúng nhân dân. Nhưng theo những người mác-xít nói, thiểu số đó sẽ gồm những người công".

Họ nói ở đâu chứ?

"Thật vậy, có lẽ là gồm những người công nhân trước kia, nhưng một khi những người công nhân đó trở thành người đại diện hoặc người quản lý nhân dân, thì họ sẽ không còn là người công nhân nữa".

Thì cũng y như người chủ xưởng hiện nay, không phải vì đã trở thành uỷ viên của hội đồng thị chính mà chủ xưởng không còn là nhà tư bản nữa.

"và họ sẽ từ trên tầm cao "nhà nước" nhìn xuống tất cả công nhân bình thường họ sẽ đại diện không phải cho nhân dân nữa, mà cho bản thân họ và cho cái "tham vọng" của họ muốn quản lý nhân dân. Kẽ nào nghi ngờ điều đó, kẻ đó hoàn toàn không hiểu gì bản chất của con người" (tr.279).

Nếu như ông Ba-cu-nin hiểu được dù chỉ là cái địa vị của người quản lý công xưởng hợp tác công nhân, thì tất cả những ý nghĩ điên rồ của ông ta về sự thống trị sẽ tiêu ma hết. Ông ta ắt phải tự hỏi: trên cơ sở một nhà nước công nhân như vậy - nếu ông ta muốn gọi nó như thế, - những chức năng quản lý có thể mang hình thức gì.

(tr.279). "Nhưng những người được bầu ra sẽ là những người có niềm tin nông nản và, hơn nữa, còn là những người xã hội chủ nghĩa thông thái".

"Những từ được sử dụng luôn luôn trong những tác phẩm và bài nói của những phần tử phái Lát-xan và của những phần tử mác-xít".

từ "*chủ nghĩa xã hội thông thái*", những từ này chưa hề được dùng bao giờ, và từ "*chủ nghĩa xã hội khoa học*" cũng chỉ được dùng khi đối chọi với chủ nghĩa xã hội không tưởng, một thứ chủ nghĩa xã hội mà lẽ ra cần giới hạn lĩnh vực nhận thức của mình trong việc nghiên cứu sự vận động xã hội của bản thân nhân dân, thì nó lại ra sức áp đặt cho nhân dân những điều mê sảng và ảo tưởng; xin xem cuốn sách của tôi chống Pru-đông.

"tự bản thân chúng chứng minh" rằng cái gì gọi là nhà nước nhân dân chẳng qua chỉ là một phái quý tộc mới và rất ít người, gồm những học giả thứ thiệt hoặc dỏm, quản lý quần chúng nhân dân một cách chuyên chế. Nhân dân không có học thức như thế có nghĩa là nhân dân hoàn toàn được giải phóng khỏi những lo toan của việc quản lý, hoàn toàn bị biến thành một bầy đàn bị quản lý. Thật là một sự giải phóng tốt đẹp! (tr.279-280).

"Những người mác-xít cảm thấy điều mâu thuẫn đó" (!) "và vì nhận thấy rằng sự quản lý của các học giả" (quelle rêverie<sup>1\*</sup>), "một sự quản lý nặng nề nhất, khó chịu nhất và đáng sỉ nhục nhất trên thế giới, mặc dù có tất cả những hình thức dân chủ, nhưng sẽ là một sự chuyên chính thật sự, cho nên họ tự an ủi bằng ý nghĩ cho rằng sự chuyên chính ấy sẽ là tạm thời và ngắn ngủi".

Non, mon cher!<sup>2\*</sup> *Sự thống trị giai cấp* của công nhân đối với các tầng lớp của thế giới cũ, đang chống lại nó, phải kéo dài cho đến khi những cơ sở kinh tế của sự tồn tại giai cấp được xoá bỏ.

"Họ nói rằng mối quan tâm và mục đích duy nhất của họ là giáo dục nhân dân và nâng cao nhân dân" (đúng là chính khách trong tiệm cà phê) "về mặt kinh tế, cũng như về mặt chính trị, đến trình độ mà mọi sự quản lý sẽ nhanh chóng trở thành không cần thiết và nhà nước sau khi mất hết tính chất chính trị, tức là tính chất "thống trị" tự nó cũng sẽ biến thành tổ chức tự do của những lợi ích kinh tế và của các công xã. Đây là một mâu thuẫn rõ rệt. Nếu nhà nước của họ thật sự là nhà nước nhân

1\* - quả là mê sảng!

2\* - Không, ông bạn yêu quý của tôi ơi!

dân, thì tại sao phải xoá bỏ nó; nếu như cần phải xoá bỏ nó để giải phóng thật sự nhân dân, thì tại sao họ lại dám gọi nó là nhà nước nhân dân?" (tr.280).

Gác lại một bên cái ý đồ muốn cưỡi trên cái *nhà nước nhân dân* của Líp-nếch - đó hoàn toàn là một điều nói bậy nhằm chống Tuyên ngôn cộng sản v.v., - ý muốn nói ở đây chỉ là: vì trong thời kỳ đấu tranh để phá huỷ xã hội cũ, giai cấp vô sản vẫn còn hoạt động trên cơ sở của xã hội cũ và do đó còn đem lại cho phong trào của mình, nhưng hình thức chính trị ít nhiều thích ứng với nó trong thời kỳ đấu tranh đó, giai cấp vô sản chưa đạt tới tổ chức cuối cùng của mình và, để giải phóng mình, nó còn phải áp dụng những thủ đoạn mà sau khi nó được giải phóng thì sẽ không còn được áp dụng nữa; từ đó ông Ba-cu-nin kết luận rằng giai cấp vô sản không bắt tay làm gì cả là tốt hơn hết, mà chỉ chờ đợi... *cái ngày tổng thủ tiêu* - ngày phán xử cuối cùng. "*Bằng cuộc luận chiến của mình với họ*" (cuộc luận chiến ấy hiển nhiên là đã được tiến hành trước khi xuất bản cuốn sách của tôi chống Pru-đông và trước khi công bố Tuyên ngôn cộng sản, thậm chí trước cả Xanh-Xi-mông: một kiểu *νότερον πρότερον* rất hay!<sup>1\*</sup> "*Chúng ta* đã làm cho họ *nhận thức được* rằng tự do, hay là vô chính phủ" (ông Ba-cu-nin chỉ đọc phiên dịch tình trạng vô chính phủ của Pru-đông và của Stiéc-nơ thành thổ ngữ dã man kiểu Ta-ta-rơ), tức là "tổ chức tự do của quần chúng công nhân từ dưới lên trên" (thật là nhằm nhí!).

• Là mục đích cuối cùng của sự phát triển xã hội, thì bất cứ "nhà nước" nào, không loại trừ nhà nước nhân dân của họ, đều là cái ách, một mặt, sản sinh ra sự chuyên chế, mặt khác, sản sinh ra sự nô dịch" (tr.280).

• Họ nói rằng, cái ách nhà nước ấy, sự chuyên chính, là biện pháp quá độ cần thiết để đạt tới sự giải phóng hoàn toàn cho nhân dân; tình trạng vô chính phủ hay tự do là mục đích, nhà nước hay chuyên chính là biện pháp. Vậy thì, muốn giải phóng

1\* một sai lầm đưa cái tiếp theo sau, cái muộn hơn (hysteron) lên thành cái ban đầu, cái có trước (proteron); làm đảo lộn trình tự thực tế.

quần chúng nhân dân, trước tiên cần phải nô dịch họ. Cuộc luận chiến của chúng ta cũng lấy mâu thuẫn ấy làm cơ sở. Họ quả quyết rằng chỉ có chuyên chính, cố nhiên là nền chuyên chính của bản thân họ, mới có thể sáng tạo ra tự do của nhân dân; chúng ta trả lời: bất kỳ nền chuyên chính nào cũng không thể có mục đích nào khác ngoài việc "làm cho mình tồn tại vĩnh viễn", cái mà chuyên chính "có thể sản sinh ra và nuôi dưỡng trong nhân dân đang chịu đựng nền chuyên chính ấy, chỉ là sự nô dịch. Tự do chỉ có thể được sáng tạo ra bởi tự do" (của citoyen<sup>1\*</sup> thường trực Ba-cu-nin), tức là bởi "cuộc bạo động của toàn dân" và bởi tổ chức tự do của quần chúng từ dưới lên trên" (tr.281).

"Trong khi lý luận xã hội - chính trị của những người xã hội chủ nghĩa chống nhà nước hay những người vô chính phủ chủ nghĩa, "nhất quyết" và trực tiếp đưa họ tới sự cắt đứt hoàn toàn với tất cả các chính phủ, với tất cả các hình thức chính trị tư sản, không dành lối thoát nào khác ngoài cách mạng xã hội".

và không để lại cái gì của cách mạng xã hội cả, ngoài lời nói suông,

"thì lý luận đối lập, lý luận của những người cộng sản nhà nước chủ nghĩa và của quyền uy khoa học, mượn cơ sách lược chính trị, cũng "nhất quyết" lôi kéo và xô đẩy những tín đồ của mình vào những "vụ cấu kết" liên tiếp với các chính phủ và các chính đảng tư sản, tức là trực tiếp đẩy họ về phía phản động" (tr.281). "*Lát-xan* là một bằng chứng tốt nhất. Ai mà lại không biết ông ta liên hệ và thương lượng với Bít-xmác? Phái tự do và phái dân chủ... đã lợi dụng điều đó để buộc tội ông ta đã bán mình. Các tín đồ đủ loại<sup>2\*</sup> của ông Mác ở nước Đức cũng "thì thầm" với nhau điều đó, tuy không rõ ràng như thế" (tr.282).

Thái độ của *Lát-xan* đối với quần chúng công nhân bình thường giống thái độ của thầy thuốc đối với người bệnh hơn là thái độ của những người anh em. "Ông không đời nào phản bội sự nghiệp của nhân dân" (như trên). *Lát-xan* công khai tuyên chiến với phái tự do, phái dân chủ, ông căm ghét họ, khinh bỉ họ. Đối với họ, Bít-xmác cũng giữ lập trường như thế. "Đó chính là cái cơ đầu tiên để cả hai bên xích lại gần

1\* - công dân

2\* Nguyên văn của Ba-cu-nin là; "cá nhân".

nhau". "Cơ sở chủ yếu của "sự xích gần" ấy là cương lĩnh chính trị - xã hội của *Lát-xan*, là lý luận cộng sản chủ nghĩa do ông Mác xây dựng" (tr.283).

"Điều cơ bản của cương lĩnh ấy; dựa vào "chỉ riêng nhà nước" để giải phóng (một cách tưởng tượng) giai cấp vô sản... Hai phương pháp ... giai cấp vô sản phải tiến hành cách mạng để nắm lấy nhà nước - biện pháp anh dũng... theo lý luận của ông Mác"... nhân dân phải giao toàn bộ chính quyền cho ông ta và cho bè bạn của ông ta... "Họ sẽ thành lập một ngân hàng nhà nước thống nhất tập trung trong tay họ toàn bộ nền sản xuất công - thương nghiệp, nông nghiệp và thậm chí cả khoa học nữa, còn quần chúng nhân dân thì được chia thành hai đội quân công nghiệp và đội quân nông nghiệp dưới sự chỉ huy trực tiếp của những kỹ sư nhà nước, những kỹ sư này sẽ tạo thành một tầng lớp chính trị - khoa học mới có đặc quyền" (tr.283 - 284).

Nhưng làm cách mạng - bản thân người Đức không tin điều đó: "Cần phải có nhân dân nước khác bắt đầu cuộc cách mạng, hoặc là "lực lượng" bên ngoài nào đó lôi kéo họ hoặc "thúc đẩy" họ". Bởi vậy, cần phải tìm một phương pháp khác để nắm nhà nước. Cần phải chiếm được sự đồng tình của những người đang lãnh đạo nhà nước hoặc có khả năng lãnh đạo nhà nước. Trong thời *Lát-xan*, cũng y hệt như ngày nay, Bít-xmác là người lãnh đạo nhà nước... Điều mà *Lát-xan* được trời phú cho chủ yếu là bản năng thực tế và "lý tính", những cái mà ông Mác và môn đồ của ông ta đều không có. Cũng như tất cả các nhà lý luận. Mác trong thực tiễn là một người mơ mộng không thay đổi được và "không sửa chữa được". Ông ta đã chứng minh điều đó bằng cuộc vận động bất hạnh của mình trong Hội liên hiệp công nhân quốc tế theo đuổi mục đích thiết lập sự chuyên chính của ông ta trong Quốc tế và thông qua Quốc tế thiết lập sự chuyên chính đối với toàn bộ phong trào cách mạng của giai cấp vô sản châu Âu và châu Mỹ. Phải là một thằng điên hay là một học giả hoàn toàn thoát ly thực tế mới tự đặt ra cho mình mục đích như vậy. Năm nay, Mác gặp phải thất bại hoàn toàn và đích đáng, nhưng chưa chắc thất bại đó có thể làm cho ông ta "thoát khỏi" (befreit) tính mơ mộng hám danh của ông ta" (tr.284-285). "Vì tính mơ mộng đó và cũng vì muốn kiếm được những kẻ tôn sùng và những tín đồ trong giai cấp tư sản, Mác đã và đang luôn luôn thúc đẩy giai cấp vô sản cấu kết với những phần tử cấp tiến của của giai cấp tư sản. Gam-bét-ta và Ca-ste-la-rơ - đó là những lý tưởng "thật sự" của ông ta" (tr.284, 285). Cái ý đồ muốn "câu kết" (Mogeleien) với giai cấp tư sản cấp tiến mà trong những năm gần đây được bộc lộ rõ hơn ở Mác,

bao hàm hai điều mơ tưởng: một là, giai cấp tư sản cấp tiến, nếu nắm được chính quyền, thì nó có thể "muốn" sử dụng chính quyền đó làm lợi cho giai cấp vô sản, hai là, giai cấp tư sản cấp tiến sẽ đủ sức đứng vững chọi lại thế lực phản động mà gốc rễ tiềm ẩn ngay trong bản thân nó" (tr.285).

„Là một người thực tế, Lát-xan hiểu rõ điều đó" (tức hiểu rõ rằng giai cấp tư sản cấp tiến không muốn và cũng không thể giải phóng nhân dân, rằng giai cấp tư sản cấp tiến chỉ muốn bóc lột nhân dân); hơn nữa, ông còn thù ghét giai cấp tư sản Đức; "Lát-xan hiểu rất rõ đồng bào của mình, cho nên chẳng trông mong vào tinh thần chủ động cách mạng của họ". Đối với ông ta, chỉ còn lại Bít-xmác mà thôi. „Điểm liên hợp mà bản thân lý luận của Mác đã đem lại cho ông ta là: nhà nước tập quyền - bạo lực thống nhất. Lát-xan mong muốn nhà nước ấy, còn Bít-xmác thì đã làm.Sao họ không liên hợp lại chứ?", „Bít-xmác là kẻ thù" (!) "của giai cấp tư sản. Hoạt động hiện nay của ông ta chứng tỏ, ông ta không phải là một người cuồng tín và cũng không phải là nô lệ của chính đảng phong kiến - quý tộc"... "Mục đích chủ yếu của ông ta cũng như của Lát-xan và của Mác là nhà nước. Và vì vậy Lát-xan tỏ ra hợp lô-gích hơn nhiều và thực tế hơn nhiều so với Mác; Mác thừa nhận Bít-xmác là người cách mạng, "có nhiên là theo cách của ông ta", đồng thời lại mơ tưởng lật đổ Bít-xmác, chắc chắn vì Bít-xmác chiếm địa vị hàng đầu trong nhà nước mà theo Mác thì "địa vị ấy phải thuộc về Mác". "Lát-xan không có lòng tự tôn cao như thế, do đó mà không ghê tởm việc liên minh với Bít-xmác". „Lát-xan hoàn toàn theo đúng cương lĩnh chính trị mà Mác và Ăng-ghen đã trình bày trong Tuyên ngôn cộng sản, ông chỉ yêu cầu Bít-xmác một điều: nhà nước cấp tín dụng cho các hội hiệp tác sản xuất công nhân. Nhưng đồng thời... theo cương lĩnh, ông đã phát động tuyên truyền cổ động có tính chất hoà bình - hợp pháp trong công nhân để ủng hộ việc thi hành quyền bầu cử" (tr.288 - 289).

Sau khi Lát-xan chết, song song với *những hội giáo dục công nhân và Hội liên hiệp công nhân toàn Đức* của Lát-xan, "đảng thứ ba - đảng Xã hội - dân chủ công nhân Đức đã được thành lập dưới ảnh hưởng của bạn bè và môn đồ của ông Mác. Đứng đầu đảng này là Bê-ben, một người nửa công nhân (halber Arbeiter), và Líp-nếch, một học giả<sup>1\*</sup> và là đại diện của ông Mác" (tr.289).

1\* Nguyên văn của Ba-cu-nin là: "học trò thực thụ".

Chúng tôi đã nói về hoạt động của Líp-nếch ở Viên năm 1868. Kết quả của hoạt động này là *Đại hội Nu-ren-be*<sup>1\*</sup> (tháng Tám năm 1868), tại đại hội này đảng Xã hội - dân chủ đã được tổ chức một cách dứt điểm. „Theo quyết định (ý đồ) của những người sáng lập, *đã hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Mác*, đảng này phải trở thành một chi nhánh liên Đức của Hội liên hiệp công nhân quốc tế". Nhưng sự liên hợp đó trái với luật pháp Đức và đặc biệt là luật pháp Phổ. Vì vậy, vấn đề chỉ được đề cập một cách gián tiếp: „Đảng Xã hội - dân chủ công nhân Đức chỉ được liên hệ với Hội liên hiệp công nhân quốc tế chiếu theo khuôn khổ cho phép của luật pháp nước Đức". *Không nghi ngờ gì nữa, đảng mới này được thành lập ở nước Đức với một niên hy vọng kín đáo và một ý nghĩ thâm kín* là thông qua đảng đó đưa vào Quốc tế toàn bộ cương lĩnh của Mác đã bị Đại hội Giơ-ne-vơ đầu tiên (năm 1866) bác bỏ", "Cương lĩnh của Mác được biến thành cương lĩnh của đảng xã hội - dân chủ". "Giành lấy" "chính quyền" "là mục đích gần nhất và trực tiếp", kèm thêm một câu rất đáng chú ý như sau: "giành lấy chính quyền"<sup>2\*</sup>(quyền phổ thông đầu phiếu, tự do xuất bản, tự do lập hội và tự do hội họp v.v.) là điều kiện "tiên quyết" (Vorbereitnde) của việc giải phóng công nhân về mặt kinh tế". "Câu đó mang một ý nghĩa như thế này; trước khi bắt tay vào cách mạng xã hội, công nhân phải thực hiện cách mạng chính trị, hoặc nói cho hợp với bản tính người Đức hơn, giành lấy, hoặc nói một cách đơn giản hơn nữa, nắm được chính trị bằng cách tuyên truyền cổ động hoà bình. Vì *bất cứ* phong trào chính trị nào có trước hoặc - cũng *hoàn toàn* giống nhau - *nằm ngoài*<sup>3\*</sup> *phong trào xã hội* đều chỉ có thể là phong trào tư sản mà thôi, cho nên cương lĩnh đó khuyên công nhân Đức *trước hết quán triệt lợi ích và mục đích của giai cấp tư sản và thực hiện phong trào chính trị có lợi cho giai cấp tư sản cấp tiến*, nhưng rồi sau này, để tỏ lòng biết ơn, giai cấp tư sản cấp tiến sẽ không giải phóng nhân dân, mà sẽ bắt nhân dân phải phục tùng quyền lực mới, phải chịu sự bóc lột mới" (tr.289 - 291).

„Trên cơ sở cương lĩnh đó, công nhân Đức và Áo đã thực hiện một sự hoà giải cảm động với phái cấp tiến tư sản của đảng Nhân dân". Trên cơ sở - "Đại hội Nu-rem-be,

1\* Ba-cu-nin cũng viết ngả.

2\* Nguyên văn của Ba-cu-nin là: "quyền chính trị".

3\* Ba-cu-nin cũng viết ngả

những đại biểu do đại hội cử ra vì mục đích đó đã đến *Stüt-gát*, tại đây các đại diện của công nhân bị lừa bịp và những ông trùm đảng tư sản - cấp tiến đã ký kết một liên minh tiến công và phòng thủ chính thức. Do sự liên minh đó, cả hai bên đã *cùng nhau* tham dự đại hội đại biểu *Đồng minh hoà bình và tự do, khai mạc trong tháng Chín tại Béc-nơ*. Nhưng có một sự việc rất quan trọng. Ở đây đã xảy ra sự chia rẽ giữa những người xã hội chủ nghĩa tư sản và những phần tử phái cấp tiến với những người cách mạng xã hội thuộc đảng *Đồng minh*" (tr.291, 292). Về mặt này (tức là về mặt tự xưng là người xã hội chủ nghĩa và là bạn của nhân dân, nhưng lại là người chống chủ nghĩa xã hội nhân dân), trường phái Mác đã đem lại cho chúng ta nhiều thí dụ, và nhà độc tài Đức, với điều kiện là nhất thiết phải kính trọng ông ta, thì ông ta hết sức ân cần miễn khách đến mức mà hiện nay ông ta lấy lá cờ của mình che đậy cho một số rất đông những phần tử xã hội chủ nghĩa và những phần tử dân chủ chủ nghĩa mang tính chất tư sản từ đầu đến chân, và Đồng minh hoà bình và tự do cũng có thể ẩn mình dưới lá cờ đó, chỉ cần nó đồng ý thừa nhận ông ta là "nhân vật" (Mann) số một. Nếu đại hội đại biểu tư sản xử sự như vậy, thì tình hình của những phần tử Đồng minh sẽ khó khăn hơn; giữa Đồng minh hoà bình và tự do với họ có thể diễn ra một cuộc đấu tranh giống như cuộc đấu tranh đang được tiến hành hiện nay giữa họ với Mác. Song Đồng minh hoà bình và tự do tỏ ra dần dộn hơn và đồng thời thực thà hơn những người mác-xít; nó bác bỏ sự bình đẳng" (nói bậy!) "Về mặt kinh tế. Nó đã xa rời giai cấp vô sản; đã tiêu ma rồi; chỉ để lại hai cái bóng ma lớn vồn và than oán xót xa: A-man-đơ Guéc-gơ và Lơ-mô-ni-ê, nhà triệu phú theo chủ nghĩa Xanh-Xi-mông... Một sự việc khác của đại hội này: *các đại biểu từ Nu-ren-be và Stüt-gát tới, tức là những công nhân do Đại hội Nu-ren-be của đảng xã hội dân chủ công nhân Đức mới và của đảng Nhân dân Sve-bơ - tư sản, phái đến cùng với đa số trong Đồng minh hoà bình và tự do đã nhất trí bỏ phiếu chống bình đẳng...* còn một sự việc nữa cũng đáng chú ý. *Đại hội đại biểu của Quốc tế ở Bruy-xen* bế mạc trước Đại hội Béc-nơ mấy ngày, đã bác bỏ mọi sự đoàn kết với Đại hội Béc-nơ, và tất cả những người mác-xít tham gia Đại hội Bruy-xen đã nói và đã bỏ phiếu theo ý đồ. *Có một số người mác-xít khác*, cũng như những người mác-xít trên đây, đã hoạt động dưới ảnh hưởng trực tiếp của Mác, làm sao lại có thể đạt đến một sự nhất trí cảm động như thế với đa số của Đại hội Béc-nơ? Tất cả điều đó vẫn là một câu đố đến nay chưa giải được. Trong suốt cả năm 1868 và thậm chí cả năm 1869, trên tờ báo "Volksstaat" cũng đã xuất hiện mâu thuẫn như vậy... Đôi khi trên báo này cũng đăng

những bài khá mạnh phản đối Đồng minh hoà bình và tự do của của giai cấp tư sản; nhưng tiếp theo đó là những "tuyên bố" hiển nhiên là nhẹ nhàng dễ chịu, có khi là những lời trách cứ thân ái. Tờ báo này dường như khấn nài Đồng minh hoà bình và tự do hãy "ghìm lại" những tuyên bố quá sặc mùi bản năng tư sản của mình làm cho người bảo vệ Đồng minh bị mất mặt trước công nhân. Tình trạng chao đảo như vậy trong đảng của ông Mác đã tiếp diễn cho đến tháng Chín năm 1869, tức là cho đến Đại hội Ba-lơ. Đại hội này đã mở ra một thời đại trong sự phát triển của Quốc tế" (tr.293-296).

Người Đức lần đầu tiên mới có mặt trong đại hội quốc tế, mà lại có mặt dưới hình thức một đảng được tổ chức theo cương lĩnh chính trị - tư sản hơn là theo cương lĩnh dân tộc nhân dân<sup>1\*</sup>. Họ bỏ phiếu tất cả muôn người như một, dưới sự giám sát của Líp-nếch. Xuất phát từ cương lĩnh của ông ta, việc đầu tiên của ông ta tất nhiên là đặt vấn đề chính trị lên trên tất cả những vấn đề khác. Người Đức đã gặp phải thất bại có tính chất quyết định. Đại hội Ba-lơ đã bảo vệ sự thuần khiết của cương lĩnh Quốc tế, không để cho người Đức xuyên tạc cương lĩnh đó bằng cách đưa chính sách tư sản của họ vào: do vậy trong Quốc tế bắt đầu xảy ra sự chia rẽ, nguyên nhân chia rẽ là do người Đức gây ra. Họ muốn dùng cưỡng bức áp đặt cương lĩnh tư sản hẹp hòi và mang tính chất chính trị - dân tộc, một cương lĩnh thuần túy Đức, liên Đức chủ nghĩa, cho một đoàn thể chủ yếu mang tính chất quốc tế. "Họ đã bị đánh cho tan tác, và Liên minh của những người cách mạng xã hội, tức những hội viên của Đồng minh, đã góp phần không nhỏ đưa đến sự thất bại đó. Do đó mà người Đức đã ghét cay ghét đắng Đồng minh. Cuối năm 1869 và nửa đầu năm 1870, những người mác-xít đã có nhiều lời chửi rủa độc ác và thực hiện những âm mưu còn độc ác hơn và thường thường là đê tiện đối với những người của Đồng minh" (tr.296).

Thắng lợi của Na-pô-lê-ông III hẳn là không đem lại những hậu quả có hại lâu dài như là thắng lợi của người Đức (tr.297).

Tất cả người Đức, *không trừ ai*, đều hân hoan mừng thắng lợi, mặc dù họ biết rằng thắng lợi đó đánh dấu sự chế ngự của nhân tố quân phiệt: "không một người Đức nào, hay là hầu như không một người Đức nào sợ hãi, tất cả mọi người đều thống nhất trong một niềm vui sướng chung". Say mê của họ là thống trị và nô dịch

1\* Nguyên văn của Ba-cu-nin là: cương lĩnh "xã hội - nhân dân".

tr.298), *„Còn công nhân Đức thì sao? Công nhân Đức chẳng làm gì cả, chẳng có lấy một lời tuyên bố mạnh mẽ bày tỏ mối thiện cảm, đồng tình với công nhân Pháp. Chỉ có vài cuộc mít-tinh, phát biểu mấy câu, trong mấy câu nói đó lòng tự hào dân tộc chiến thắng dường như câm lặng trước lời tuyên bố đoàn kết quốc tế. Nhưng ngoài những lời nói suông ra, không một ai làm gì hơn, còn ở nước Đức, khi đã hoàn toàn sạch bóng quân đội, thì lúc đó xem chừng có thể bắt đầu và làm một việc gì đó. Tuy nhiên, đa số công nhân đều bị chiêu mộ vào quân đội, ở đây họ đã chấp hành một cách xuất sắc nghĩa vụ của người lính, theo lệnh cấp trên, họ đã tàn sát tất cả v.v.. và thậm chí còn cướp bóc nữa. Một số người trong đám họ trong khi chấp hành nhiệm vụ quân sự của mình như thế, còn viết những bức thư đầy thương xót trên báo "Volksstaat" và miêu tả một cách sinh động những hành vi tội ác dã man của quân đội nước Đức tại nước Pháp" (tr.298, 299). Tuy nhiên, cũng có một vài tấm gương về sự phản đối dũng cảm hơn: sự phản kháng của Gia-cô-banh, của Líp-nếch và của Bê-ben; nhưng đó là những tấm gương cá biệt, hơn nữa hết sức hiếm hoi.*

*„Chúng ta không thể quên được bài báo đã đăng trên tờ "Volksstaat" vào tháng Chín năm 1870, trong đó thể hiện rất rõ cái niềm vui thắng lợi liên Đức chủ nghĩa. Bài báo đó bắt đầu bằng những lời như sau: "Nhờ thắng lợi mà quân Đức đã giành được, tính chủ động lịch sử đã chuyển hẳn từ nước Pháp sang nước Đức; chúng ta, những người Đức, v.v."" (tr.299).*

*„Tóm lại, có thể nói một cách không có ngoại lệ nào cả, rằng người Đức trước kia và hiện nay trong lòng luôn luôn tràn ngập niềm hân hoan vui mừng đối với thắng lợi dân tộc về mặt quân sự và chính trị. Uy lực của đế quốc liên Đức và của vị quốc trưởng của nó, công tước Bít-xmác, chủ yếu dựa vào chỗ đó" (tr.299).*

*„Và các anh có biết không, ý đồ nào hiện nay đang chi phối ý thức hay là bản năng của mỗi người Đức? Đó là ý đồ "mở mang" (verbreiten) "một cách rộng rãi" và "thật xa" đế quốc Đức" (tr.303). Sự say mê đó hiện nay cũng đang chi phối tất cả những hành động của đảng Xã hội - dân chủ. Các anh chớ nghĩ rằng Bít-xmác là kẻ thù hung ác của đảng này như ông ta đang "giả dờ" (vertsell) như vậy. Ông ta rất là "thông minh", nên không thể không thấy rằng đảng này đang phục vụ ông ta, là người đi trước trong việc truyền bá tư tưởng nhà nước của Đức ở Áo, Thụy Điển, Đan Mạch, Bỉ, Hà Lan và Thụy Sĩ. Ý đồ chủ yếu của ông Mác hiện nay là truyền*

bá tư tưởng ấy của nước Đức; Ông Mác, như chúng tôi đã vạch ra, mưu toan "khôi phục" (erneuern) những công trạng và thắng lợi của công tước Bít-xmác để làm lợi cho mình trong Quốc tế. Bít-xmác nắm chặt tất cả các đảng phái, chắc gì đã nhả ra cho ông Mác" (tr.304).

*„Đế quốc này" (liên Đức) "thông qua lời nói của vị quốc trưởng của mình đã tuyên chiến sống mái với cách mạng xã hội. Công tước Bít-xmác đã nhân danh bốn mươi triệu người Đức ủng hộ ông ta và làm chỗ dựa cho ông ta, để tuyên bố bản án tử hình ấy. Mác, người cạnh tranh và ghen tị với ông ta, và sau Mác là tất cả những ông trùm của đảng Xã hội - dân chủ Đức, cũng tuyên chiến điên cuồng như thế với cách mạng xã hội. Tất cả điều đó chúng tôi sẽ trình bày tỷ mỉ trong phần sau đây", (tr.307, 308). „Tạm thời, nó" (cách mạng xã hội) "chỉ tập trung sức lực của mình ở miền Nam châu Âu: ở I-ta-li-a, Tây Ban Nha, Pháp; nhưng chúng ta hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa, nhân dân các nước Tây - Bắc như là: Bỉ, Hà Lan và chủ yếu là Anh, và cuối cùng là tất cả các bộ tộc Xla-vơ, cũng sẽ đứng dưới ngọn cờ của cách mạng xã hội" (tr.308).*

## BỔ SUNG

*„Những đặc điểm chính của lý tưởng" của nhân dân Nga là: 1) toàn dân tin chắc rằng ruộng đất, toàn bộ ruộng đất, thuộc về nhân dân, bằng bàn tay lao động và mồ hôi của mình, nhân dân tưới nước cho nó, làm cho nó trở thành phì nhiêu; 2) rằng quyền sử dụng ruộng đất không phải thuộc về một cá nhân, mà thuộc về toàn bộ "công xã", "xã thôn"; xã thôn "theo từng thời gian" chia ruộng đất cho các cá nhân; 3) tự trị tuyệt đối giả hiệu, tự quản công xã và, do đó, thái độ của "công xã" là kiên quyết đối địch với nhà nước" (tr.10).*

*„Ba mặt tối là: 1) chế độ gia trưởng; 2) cá nhân bị "thôn xã" nuốt mất; 3) niềm tin vào Nga hoàng. Có thể thêm vào đó 4) niềm tin Cơ Đốc giáo, bao gồm niềm tin chính giáo - chính thức và cả niềm tin giáo phái khác (10), song điều đó ở nước Nga không quan trọng như ở Tây Âu" (như trên).*

*Điểm 2 và 3 là "kết quả tự nhiên" của điểm 1) "chế độ gia trưởng" - người cha, "thôn xã". Nga hoàng (tr.15). "Thế giới của ông là "công xã". Công xã chẳng qua là*



sự mở rộng tự nhiên của gia đình ông, của dòng họ ông. Vì vậy, cái chiếm ưu thế trong công xã cũng là nguyên tắc gia trưởng, cũng là sự chuyên chế xấu xa và cũng là sự phục tùng ngoan ngoãn chung, do đó cũng là sự bất công "căn bản" (ursprunglich, zur Wurzel gehorige) và cũng là sự phủ định triệt để mọi quyền của cá nhân, như trong gia đình. Quyết định của "thôn xã" là luật pháp, dù quyết định đó là như thế nào, "Ai dám chống lại thôn xã?" - Bác nông dân Nga thốt lên "một cách kinh ngạc"... Trong "thôn xã", chỉ "những bậc bô lão", những người trưởng gia đình mới có quyền ăn nói... Nhưng ở bên trên "công xã", ở bên trên tất cả công xã là Nga hoàng, vị "tổng" tộc trưởng và người dòng họ, người cha của cả nước Nga. Vì vậy quyền lực của ông ta là vô hạn" (tr.15). " Mỗi một công xã là một " chính thể biệt lập", do đó không một công xã nào có mối liên hệ độc lập hữu cơ, và không cảm thấy cần có mối liên hệ như thế với những công xã khác. Các công xã liên kết với nhau chỉ thông qua "đức cha - Nga hoàng", chỉ trong quyền lực người cha, tối thượng của ông ta" (tr.15-16).

---

---

## PHỤ LỤC

## KHỦNG BỐ CỦA CẢNH SÁT Ở AI-RƠ-LEN TUYÊN BỐ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ<sup>475</sup>

Sự đối kháng dân tộc giữa công nhân Anh và công nhân Ai-rơ-len ở nước Anh đến nay vẫn là một trong những trở ngại chủ yếu trên con đường của bất cứ phong trào nào cố gắng giải phóng giai cấp công nhân, do đó cũng là một trong những chỗ dựa chủ yếu của sự thống trị giai cấp ở Anh cũng như ở Ai-rơ-len. Sự phát triển của Quốc tế ở Ai-rơ-len và sự thành lập các chi hội Ai-rơ-len ngay tại nước Anh đang đe dọa chấm dứt tình hình đó. Vì vậy, điều hoàn toàn tự nhiên là Chính phủ Anh đang mưu toan bóp chết Quốc tế ở Ai-rơ-len ngay trong trứng nước, bằng cách sử dụng tất cả mọi biện pháp truy nã của cảnh sát mà chính phủ có trong tay nhờ những đạo luật đặc biệt đem lại và nhờ trên thực tế không ngừng áp dụng tình hình giới nghiêm trong nước. Núp bóng cái gọi là hiến pháp Anh tự do, Ai-rơ-len đang được cai trị theo kiểu thuần túy Phổ; có thể thấy rõ điều đó căn cứ theo những sự việc sau đây:

Ở Đu-blin có một viên đội và một nhân viên cảnh sát ăn mặc chỉnh tề đứng tại lối vào căn phòng mà chi hội Quốc tế họp hội nghị. Người chủ nhà hỏi họ có phải đúng là do nhà đương cục phái đến không, thì viên đội trả lời là đúng thế, đồng thời giải thích, sợ dĩ làm như vậy là vì cái tên Quốc tế đang gây nên sự hoảng sợ.

Ở Coóc-cơ người ta cũng đang làm cái trò như thế. Trước cửa nhà của thư ký chi hội địa phương, ban ngày có hai cảnh sát của "sở cảnh sát vương quốc Ai-rơ-len", tối đến thì có bốn cảnh sát, chúng ghi tên từng người vào nhà người thư ký này. Mới đây, viên trợ lý quan thanh tra đến nhà một số người có những hội viên chi hội Coóc-cơ làm việc ở đây và yêu cầu cho biết địa chỉ của những hội viên này. Nhiều người đã bị cảnh sát cảnh cáo: nếu phát hiện được những người đó chuyện trò bàn bạc với người thư ký nọ, thì tên của họ sẽ được thông báo đến "Pháo đài" - nơi gọi lên cho giai cấp công nhân Ai-rơ-len sự khùng khiếp<sup>476</sup>. Như bức thư nhận được cho biết, trong thành phố này

"Chính quyền địa phương đã tổ chức mấy cuộc họp đặc biệt, điều đến một số đội cảnh sát được tăng cường; trong ngày đầu của lễ Phục sinh, tất cả cảnh sát đều đã sẵn sàng và được trang bị đạn, mỗi người mang mười viên đạn. Họ dự đoán chúng tôi sẽ tổ chức mít-tinh tại công viên; chính quyền địa phương tìm mọi cách có thể làm được để khiêu khích tạo ra một vụ gây rối trật tự".

Nếu Chính phủ Anh từ nay trở đi còn hành động theo tinh thần đó, thì nó có thể tin chắc rằng cái mặt nạ tự do chủ nghĩa của nó sẽ hoàn toàn bị lột bỏ. Các báo chí của Quốc tế trên khắp thế giới ngày ngày sẽ xếp tên của ông Glát-xtôn vào cùng một duộc với những tên của Xa-ga-xta, Lan-da, Bít-xmác và Chi e.

Theo sự uỷ nhiệm của Tổng Hội đồng:

*R.A-plơ-gác, M.Ba-ri, M.T. Bun, Ph. Brát-ni-cơ, G.H.Bát-te-ri, E.Đơ-la-hay, E.Đuy-pông, U-Hây-dơ, G.Ha-rít, Hua-li-man, G.Giô-an-na-rơ, S.Kin, Hác-ri-ét Lô, Ph. Le-xnơ, Lóc-nơ, S.Lông-ghê, C.Mác-tanh, De-vi Mô-ri-xơ, H.Mây-ô, G.Min-nơ, S.Ma-ri, Pơ-phen-đơ, G.Rốt-chơ, Ruy-lơ, Xát-lơ, Cau-en Xtép-ni, A.Tay-lo, U.Tao-xen-đơ, E.Vai-ăng, G.Oét-xtôn, Gia-rau.*

Các bí thư - thông tấn:

<i>Lê-ô Phran-ken</i>	- liên lạc với Áo và Hung;
<i>A. Héc-man</i>	- liên lạc với Bỉ;
<i>T. Mốt-tơ-xhết</i>	- liên lạc với Đan Mạch;
<i>O.Xê-rai-ơ</i>	- liên lạc với Pháp;
<i>Các Mác</i>	- liên lạc với Đức và Nga;
<i>S.Rô-sa</i>	- liên lạc với Hà Lan;
<i>G.P. Mác-Đô-nen</i>	- liên lạc với Ai-rơ-len;
<i>Ph. Ăng-ghen</i>	- liên lạc với I-ta-li-a và Tây Ban Nha;
<i>Va-lê-ri Vru-bơ-lép-xki</i>	- liên lạc với Ba Lan;
<i>Héc-man I-ung</i>	- liên lạc với Thụy Sĩ;
<i>I.G.Ếch-ca-ri-út</i>	- liên lạc với Hợp chúng quốc;
<i>Lơ Mút-xuy</i>	- liên lạc với các chi hội người Pháp ở Mỹ;
<i>G.Hây-đơ</i>	- tổng thư ký.

*Khởi thảo đầu tháng Tư 1872*

*In thành truyền đơn tại Luân Đôn vào tháng Tư 1872 và đăng trên báo "La Emancipacion" số 40, ngày 18 tháng Năm 1872*

*In theo bản in trong truyền đơn*

*Nguyên văn là tiếng Anh*

**BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA  
PH.ĂNG-GHEN VỀ TÌNH HÌNH CỦA  
QUỐC TẾ Ở I-TA-LI-A VÀ Ở TÂY BAN NHA  
TRÍCH BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG  
NGÀY 12 THÁNG BA 1872**

Ông Ăng-ghen tuyên bố rằng bản báo cáo đã được công bố về cuộc hội nghị trong tuần lễ trước, truyền đạt hoàn toàn không đúng điều mà ông đã phát biểu về I-ta-li-a<sup>477</sup>. Trong khi cải chính lại bản báo cáo đó, nhân tiện, Ăng-ghen đồng thời còn bổ sung thêm vào những điều mà ông đã phát biểu về tình hình của Quốc tế ở I-ta-li-a. Cho đến nay, tất cả những tin tức nhận được từ nước này, trong những thư từ gửi cho Tổng Hội đồng cũng như trong những tờ báo của các chi hội Quốc tế của I-ta-li-a, đều trình bày tình hình như thể những chi hội này đều nhất trí theo thuyết hoàn toàn không tham gia hoạt động chính trị và bác bỏ nghị quyết của hội nghị đại biểu về vấn đề này. Nhưng không nên quên rằng việc giao dịch thư từ với Tổng Hội đồng và các báo chí cho đến nay không phải là đã nằm trong tay công nhân, mà nằm trong tay những người xuất thân trong giai cấp tư sản: các luật sư, bác sĩ, nhà báo v.v.. Thực vậy, khó khăn chủ yếu đối với Tổng Hội đồng là làm sao thiết lập được mối liên hệ trực tiếp với bản thân công nhân I-ta-li-a. Việc này đã được thực hiện ở vài ba nơi, và bây giờ thì người ta thấy rõ là những công nhân ấy hoàn toàn

không phải là những kẻ ủng hộ nhiệt liệt cái thuyết không tham gia chính trị, mà trái lại, họ hết sức vui mừng biết được rằng Tổng Hội đồng đang lãnh đạo đại bộ phận các hội viên của Quốc tế, hoàn toàn không theo thuyết đó. Vì vậy, có thể tin tưởng rằng về vấn đề này công nhân I-ta-li-a cũng sẽ nhất trí với công nhân của các nước khác ở châu Âu và với công nhân Hợp chúng quốc Mỹ. Ở Tây Ban Nha, Quốc tế vẫn ở trong tình hình như thế. Chính phủ không để cho hội viên Quốc tế có quyền triệu tập hội nghị công khai, nhưng về các mặt khác thì lại không can thiệp vào hoạt động của họ. Mặt khác, những phần tử cộng hoà tư sản cứ khẩn khoản yêu cầu họ tham gia cuộc khởi nghĩa chống chính phủ và triều vua mới; nhưng hội viên Quốc tế quyết tâm đấu tranh cho cương lĩnh của bản thân họ, nếu nói chung họ phải làm việc đó.

*Đã đăng trên báo "The Eastern Post" số 181, ngày 17 tháng Ba 1872*

*In theo bản ghi trong số biên bản của Tổng Hội đồng, có đôi chiếu với bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh In bản tiếng Nga lần đầu*

**BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU  
CỦA PH.ĂNG-GHEN VỀ TÌNH HÌNH  
CỦA QUỐC TẾ Ở TÂY BAN NHA<sup>478</sup>  
TRÍCH BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG  
NGÀY 26 THÁNG BA 1872**

Ông Ăng-ghen thông báo rằng Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha ngay trước khi mãn hạn nhiệm kỳ của mình đã gửi cho Tổng Hội đồng một bản báo cáo đầy đủ về sự phát triển và hiện tình của Quốc tế ở Tây Ban Nha. Hội liên hiệp đã được gây dựng cơ sở ở Tây Ban Nha vào năm 1869, và được lập thành tổ chức vào tháng Bảy năm 1870 tại Đại hội Bác-xê-lô-na. Lúc bấy giờ, Hội liên hiệp còn rất yếu ớt, nhưng cuộc cách mạng Công xã Pa-ri và sự khởi đầu những vụ truy nã của chính phủ đã làm cho lực lượng của nó tăng lên một cách nhanh chóng; tại hội nghị đại biểu Va-len-xi-a vào tháng Chín năm 1871 đã có đại biểu của mười ba liên chi hội địa phương tham gia, và bây giờ ngay trước khi Đại hội đại biểu Quốc tế Tây Ban Nha sẽ khai mạc vào ngày 7 tháng Tư tại Xa-ra-gốt, Hội liên hiệp có cả thảy trên bảy mươi liên chi hội địa phương đã được tổ chức; đồng thời tại trên một trăm địa điểm, chỗ nào cũng có một hoặc vài chi hội địa phương hiện đang hoàn thành tiến trình tổ chức của mình. Trong tám ngành công nghiệp đều có những tổ chức công hội rải khắp cả Tây Ban Nha và gia nhập Quốc tế. Hiện giờ đang

có những cuộc bàn bạc về việc kết nạp vào Hội liên hiệp chúng ta một liên đoàn công nhân công xưởng rất lớn gồm có từ 4 vạn đến 5 vạn hội viên. Công tác tuyên truyền được tiến hành rất sôi nổi và những lời kêu gọi của Hội đồng liên chi hội thì cả nước đều có thể đọc. Từ khi diễn ra những cuộc tranh cãi trong nghị viện Tây Ban Nha về vấn đề Quốc tế, báo chí tư sản đăng lại từng văn kiện mà Hội liên hiệp đã in ra và việc đó đã giúp sức rất lớn cho bảy hoặc tám tờ báo Tây Ban Nha thuộc Quốc tế là những tờ báo bảo vệ những nguyên tắc của Quốc tế. Đó là kết quả mà những hành vi truy nã của Chính phủ Tây Ban Nha đối với hội viên của Hội liên hiệp chúng ta, đã mang lại cho chính phủ đó. Hiện giờ, khi mà những hành vi truy nã và mọi sự hạn chế đã trở thành thông lệ, những hội viên của Quốc tế ở Tây Ban Nha vẫn bất chấp chính phủ, dự định tổ chức đại hội đại biểu công khai lần thứ hai của mình tại Xa-ra-gốt.

Bản thân họ không biết cần có bao nhiêu số hội phí, bởi vì hội phí thì nộp hàng tháng. Họ ngại rằng sẽ khó sử dụng số hội phí; đối với họ, nếu phát số hội phí hàng tháng, chắc là thuận tiện hơn.

Hội đồng liên chi hội còn gửi kèm theo một lời kêu gọi cho các hội đồng liên chi hội khác và tỏ ý mong mỗi những hội đồng liên chi hội ấy cũng như Tổng Hội đồng sẽ gửi điện chúc mừng trong dịp đại hội khai mạc để biểu thị tinh thần đoàn kết nhất trí mà Hội liên hiệp đã đề xướng.

*Đã đăng trên báo "The Eastern Post"  
số 183, ngày 31 tháng Ba 1872*

*In theo bản ghi trong số biên  
bản của Tổng Hội đồng, có đối  
chiếu với bản đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Anh  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU  
CỦA PH.ĂNG-GHEN VỀ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU  
XA-RA-GỐT<sup>479</sup>  
TRÍCH BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG  
NGÀY 7 THÁNG NĂM 1872**

Đại hội đại biểu của tổ chức Quốc tế ở Tây Ban Nha họp tại Xa-ra-gốt vào đầu tháng Tư, nhưng biên bản của đại hội này bây giờ mới được công bố; đại hội đã kết thúc bằng sự thất bại hoàn toàn của một nhóm không đông, nhưng rất tích cực, nhóm này dưới sự lãnh đạo của Ba-cu-nin trong bốn năm gần đây không không ngớt mưu toan gây bất hoà trong hàng ngũ của Hội liên hiệp chúng ta. Nhóm này được tổ chức thành một hội quốc tế tự xưng là Đồng minh dân chủ - xã hội, khi được phép gia nhập Hội liên hiệp công nhân quốc tế, nó đã trình trọng cam kết sẽ giải tán tổ chức riêng của mình và hoàn toàn hoà nhập vào Quốc tế. Nhưng, tuy đã trình trọng cam kết như thế, Đồng minh vẫn tiếp tục tồn tại bên trong Quốc tế với tính cách là một hội *kín* - đó là thí dụ đầu tiên về một hội kín không nhằm chống các giai cấp cầm quyền và các chính phủ của chúng, mà nhằm chống bản thân tổ chức vô sản mà nó đã hứa hoà nhập vào trong đó. Ở Tây Ban Nha, hội kín này một thời đã điều khiển được Quốc tế, nhưng không lâu trước Hội nghị đại biểu Va-len-xi-a (tháng Chín 1871) trong hàng ngũ của nó đã nảy sinh những sự bất đồng. Những hội viên nào trong hội kín này thực sự quý trọng lợi ích

của Quốc tế hơn lợi ích của một nhóm nhỏ bè phái này, đều bị bọn cuồng tín và bọn âm mưu trong bè phái này công kích, và cuối cùng, Đại hội đại biểu Xa-ra-gốt cũng phải giải quyết cuộc xung đột đó. Ở đây những người trung thành ủng hộ Đồng minh đã đưa ra một dự án sửa đổi điều lệ, trong đó điều mà họ đề nghị đối với Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha cũng chính là điều mà bè bạn của họ, những phần tử bè phái vùng Giuy-ra Thụy Sĩ, đề nghị đối với Tổng Hội đồng trong bản thông báo của họ. Cả hai hội đồng, cũng như tất cả các hội đồng nói chung, đều phải bị tước đi mọi quyền lực và bị hạ xuống địa vị là những cục thống kê và thông tin thông thường; các chi hội và liên chi hội địa phương phải được quyền thông qua bất cứ điều lệ nào của địa phương mà không cần có bất cứ sự kiểm tra nào của Hội đồng Liên chi hội; họ chỉ phải trình những điều lệ ấy cho đại hội kỳ tới phê chuẩn. Cần phải để cho tất cả các chi hội được hoàn toàn tự trị, có quyền làm tất cả mọi việc mà họ thấy cần, không phải tính đến bất cứ điều lệ nào cả; thực tế là toàn bộ Hội liên hiệp phải giải tán, tổ chức của nó, với tư cách là một chính đảng, phải hoàn toàn bị thủ tiêu, hoạt động của nó phải bị tê liệt; và điều đó lại diễn ra chính vào lúc mà chính phủ đang ra sức bóp chết Quốc tế ở Tây Ban Nha, những cuộc hội họp của Quốc tế ở đó bị cấm đoán, những cuộc họp công khai của kỳ đại hội này bị giải tán bằng vũ lực, còn những kẻ tuyên truyền cổ động của phái Các-lốt thì vũ khí cầm tay, chỉ chờ có cơ để lợi dụng Quốc tế, dấy lên ở Xa-ra-gốt một cuộc khởi nghĩa chung quy phải phục vụ cho những mục đích của họ! Hơn thế nữa, những đề nghị đó được đưa ra vào lúc mà những biện pháp tổ chức thật sự tốt đẹp mà Hội nghị đại biểu Va-len-xi-a thực hiện, đã mang lại những kết quả hoàn toàn bất ngờ; số liên chi hội địa phương được chính đốn về mặt tổ chức đã từ mười lăm đơn vị tăng lên năm mươi năm đơn vị, không kể mười chín liên chi hội đang chính đốn tổ chức và chín mươi tư địa phương tuy có những chi hội, nhưng chưa có những liên chi hội địa phương

được tổ chức một cách hoàn toàn. Trong khi đã đạt được những kết quả như vậy, - những kết quả này chứng tỏ tình hình có lợi cho điều lệ đã được thông qua tại Va-len-xi-a và có lợi cho hội đồng liên chi hội đang thực hiện điều lệ đó, - thì lại có những người chủ trương thi hành một biện pháp để khôi phục tình trạng hoàn toàn hỗn loạn, và nhờ đó huỷ diệt hết thảy những gì đã làm được và mở cửa Hội liên hiệp cho bất cứ tên mật vụ nào của chính phủ hoặc của cảnh sát và cho bất kể bao nhiêu tên phản bội tư sản, vậy thì cơ hội thành công của những người đó là như thế nào? Đại hội - chỉ có vài ba người không biểu quyết, - đã nhất trí tuyên bố rằng điều lệ đã được thông qua tại Va-len-xi-a vẫn phải được giữ nguyên hiệu lực và, do đó, mưu toan mượn cố xây dựng tổ chức của Quốc tế hoàn hảo hơn để tiêu diệt Quốc tế ở Tây Ban Nha, đã bị phá sản rõ rệt. Kết quả này có ý nghĩa to lớn đối với toàn bộ Hội liên hiệp của chúng ta. Nó chứng minh một lần nữa rằng ở Tây Ban Nha, cũng như ở bất cứ nước nào khác, chỉ cần kêu gọi lý trí lành mạnh trước sau như một của giai cấp công nhân thì có thể đập tan những sự lừa bịp và những mảnh khoé bè phái của những kẻ cải tổ giả hiệu và những nhà tiên tri giả hiệu. Ba-cu-nin và những môn đồ của ông ta đều xem Tây Ban Nha như là thành trì của mình, bởi vì trong vòng mấy năm họ nắm trong tay mình toàn bộ công tác tuyên truyền trong nước này. Nhưng một khi phong trào của giai cấp vô sản tràn ngập khắp cả Tây Ban Nha, thì công nhân Tây Ban Nha không còn để cho những giáo điều bè phái chủ nghĩa hẹp hòi trói buộc bản thân mình nữa; họ cự tuyệt việc hy sinh tổ chức do chính bản thân họ lập nên và hoàn thiện cho những mục đích cá nhân của một nhóm nhỏ những kẻ âm mưu, những kẻ đã nhiều lần thất bại trong mưu đồ biến Quốc tế thành công cụ của mình, nay đang tìm đủ mọi cách làm cho Quốc tế trên thực tế bị tan vỡ. Mọi người đều biết rõ rằng Liên chi hội vùng Giuy-ra Thụy Sĩ, mà cả thảy chỉ có chín chi hội phần lớn đã bị tan vỡ hoàn toàn, vào tháng Chạp năm ngoái đã đề nghị triệu tập ngay lập

tức đại hội đại biểu bất thường toàn Hội liên hiệp nhằm mục đích cải tổ hoàn toàn Quốc tế theo những nguyên tắc hiện đang được đề ra trước Đại hội Xa-ga-gốt với kết quả rục rờ như thế. Trong tất cả các liên chi hội địa phương Tây Ban Nha, chỉ có một liên chi hội, tức liên chi hội thành phố Pan-ma trên đảo Mai-oóc-cơ tỏ ra tán thành việc triệu tập đại hội đại biểu bất thường này. Ấy thế mà hiện giờ, ở Xa-ra-gốt, một đại biểu của chính bản thân liên chi hội địa phương Pan-ma này cũng tuyên bố rằng những người bầu ra ông ta đã chính thức chỉ thị cho ông ta phải bỏ phiếu phản đối toàn bộ cái gọi là cuộc cải tổ này và tán thành việc đơn giản giữ lại điều lệ hiện có! Bởi vậy, việc biểu quyết của Đại hội Xa-ra-gốt xác nhận những quyền lực đã trao cho Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha, thì đồng thời cũng gián tiếp xác nhận những quyền lực mà Đại hội Ba-lơ đã trao cho Tổng Hội đồng của Hội liên hiệp, những quyền lực mà mới đây bản thông báo Giuy-ra đã công kích coi là những quyền lực chuyên chế và độc tài.

Ở I-ta-li-a, bọn quý tộc và giai cấp tư sản vẫn tiếp tục một cách trơ trẽn cái mưu đồ tự xưng là đại diện chân chính của giai cấp công nhân. Trong những ngày cuối tháng Tư ở La Mã, tại một nhà hát tốt nhất của thành phố, đã họp cái gọi là đại hội đại biểu công nhân<sup>480</sup>. Người chủ tọa là công tước Tê-a-nô. Đại biểu là những công tước, quận công, hầu tước, bá tước và những nhân vật "hết sức cao quý" như thế, những chủ nhà băng, chủ công xưởng, nghị viên và một số chủ hiệu nhỏ. Công nhân thật sự chỉ có tám người. Điều đó không ngăn trở cái "đại hội đại biểu" được đặt dưới sự lãnh đạo và sự che chở đặc biệt của chính phủ, nhân danh công nhân I-ta-li-a bàn hươu tán vượn và thông qua một mớ nghị quyết tuyên bố rằng công nhân hết sức hài lòng và cảm tạ những gì mà "các ngài cao quý" đã rủ lòng từ bi làm cho họ; chỉ cần họ nhận được những khoản tiền vay nhiều hơn và lập được những hội hiệp tác nhiều hơn, thì những nguyện vọng thầm kín của họ sẽ được thoả mãn vô chừng. Điều

làm cho họ thất vọng là những công nhân chân chính La Mã tự mình đã quyết định họp nhau lại và thảo luận vấn đề xem đại hội đó có quyền đại diện cho giai cấp công nhân I-ta-li-a hay không. Mặc dù chính phủ không cho phép dán lên tường những tờ thông cáo về việc triệu tập cuộc họp đó, nhưng rất đông công nhân đã đến họp, họ phản đối những nghị quyết của đại hội bịp bợm đó và tuyên bố rằng chỉ có bản thân công nhân I-ta-li-a, liên minh với công nhân toàn thế giới, mới có thể giải quyết tất cả những vấn đề xã hội có liên quan đến họ.

Ăng-ghe-n còn báo tin rằng ông vừa mới nhận được một bức thư từ Mi-la-nô gửi tới, trong đó sự kiện đã được thông báo trong tuần lễ trước được trình bày đầy đủ hơn; bức thư nói rằng chi hội đã buộc phải đình chỉ xuất bản tờ báo của mình, vì một số hội viên của chi hội đã bị bắt. Sau khi nghiên cứu bản điều lệ của hội Phe-ra và xem xét đơn của hội đó gửi kèm theo điều lệ xin gia nhập Quốc tế một cách vô điều kiện, Ăng-ghe-n đã đề nghị phê chuẩn điều lệ đó, vì đó là một bản điều lệ rõ ràng và có thể thực hiện được trên thực tế.

*Đã đăng trên báo "The Eastern Past"  
số 189, ngày 12 tháng Năm 1872*

*In theo bản ghi trong sổ biên bản  
của Tổng Hội đồng và theo bản  
đăng trên báo  
Nguyên văn là tiếng Anh*

**BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA C.MÁC  
VỀ VIỆC TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU VÀ  
VỀ THẨM QUYỀN CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG  
TRÍCH BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG  
NGÀY 11 THÁNG SÁU 1872**

Ông Mác nói, vấn đề tổ chức chắc chắn sẽ là chủ đề chính của cuộc thảo luận tại đại hội đại biểu. Cuộc đấu tranh đã được triển khai chứng minh khá rõ ràng điều đó. Nên tách riêng vấn đề Tổng Hội đồng với vấn đề các hội đồng liên chi hội ra mà bàn. Đề nghị của Ba-cu-nin chẳng qua là muốn biến Tổng Hội đồng thành một cục thống kê, vì thế chẳng cần phải có Tổng Hội đồng. Các báo có thể đăng tất cả mọi tin tức sẽ thu thập được, nhưng nên nhớ rằng cho đến nay vẫn chưa thu thập được tài liệu thống kê nào cả, mặc dù Tổng Hội đồng đã nhiều lần nhắc nhở các chi hội cần phải làm một số việc nào đó về mặt này.

Đề nghị của Hội đồng liên chi hội Bỉ là hợp lô-gích, bởi vì hội đồng này tán thành việc bãi bỏ Tổng Hội đồng, vì là không cần thiết nữa, nó cho rằng hội đồng liên chi hội có thể làm tất cả mọi việc cần thiết, rằng giá mà các hội đồng liên chi hội đã được thành lập hoặc hiện giờ đang được thành lập trong tất cả các nước, thì chắc là chúng có thể nắm được quyền lãnh đạo trong tay mình. Tờ báo Tây Ban Nha "Emancipacion" khi phê phán đề nghị này, đã tuyên bố rằng đề nghị này có nghĩa là sự diệt vong



của Hội liên hiệp và đề nghị đó cũng thiếu cả tính triệt để, bởi vì nếu suy luật một cách lô-gích, thì cũng cần phải đồng thời bãi bỏ cả những hội đồng liên chi hội. Song le, diễn giả sẽ không phản đối một đề nghị như vậy, coi đó là một ý kiến nào đó được đưa ra để lựa chọn, là một điều thử nghiệm; mặc dù diễn giả tin chắc rằng điều đó chỉ chứng minh việc khôi phục Tổng Hội đồng là tuyệt đối cần thiết. Diễn giả sẵn sàng tán thành đề nghị đó, nếu chính sách tăng cường thẩm quyền của Tổng Hội đồng sẽ bị bác bỏ, nhưng trong bất cứ tình hình nào diễn giả cũng đều không tán thành đề nghị của Ba-cu-nin là duy trì Tổng Hội đồng nhưng đồng thời lại làm cho nó mất hết ý nghĩa.

*Công bố lần đầu tiên*

*In theo bản ghi trong sổ biên bản  
của Tổng Hội đồng  
Nguyên văn là tiếng Anh*

**BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA C.MÁC  
VỀ GIẤY ỦY NHIỆM TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU  
CỦA BA-RI<sup>481</sup>  
TRÍCH BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CỦA ĐẠI HỘI  
LA HAY CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN  
QUỐC TẾ NGÀY 3 THÁNG CHÍN 1872**

Mác nói, chi hội này hay chi hội kia bầu người nào, điều đó chẳng liên can đến ai. Song, nếu Ba-ri không nằm trong số những người gọi là lãnh tụ công nhân Anh, thì việc đó chỉ mang lại vinh dự cho Ba-ri mà thôi: vì những con người ấy ít nhiều đều bị giai cấp tư sản và chính phủ mua chuộc. Ba-ri bị công kích cũng chỉ vì không muốn làm công cụ của Hây-dơ.

*Công bố lần đầu tiên trong cuốn "Minutes  
of the Hague Congress of 1872", Madison,  
1958*

*In theo bản sao biên bản do  
Cu-nô-viết  
Nguyên văn là tiếng Đức  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA C.MÁC  
VỀ GIẤY ỦY NHIỆM TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU  
CỦA GIU-CỐP-XKI<sup>482</sup>  
TRÍCH BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CỦA ĐẠI HỘI  
LA HAY CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN  
QUỐC TẾ NGÀY 3 THÁNG CHÍN 1872**

*Mác* nói, sở dĩ Đồng minh được chấp nhận là vì ban đầu người ta không biết tính chất bí mật của nó. Tổng Hội đồng biết rất rõ rằng Đồng minh vẫn tiếp tục tồn tại trái với lời tuyên bố chính thức của mình ngày 6 tháng Tám 1871 về việc giải tán; thế nhưng hội nghị đại biểu Luân Đôn không thể làm gì khác ngoài việc thông qua những nghị quyết mà ai cũng biết. Tổng Hội đồng không phản đối bản thân những đoàn thể bí mật, - thực ra thì bản thân nó cũng là một đoàn thể như vậy, - mà phản đối những đoàn thể bí mật đối địch với Hội liên hiệp công nhân quốc tế và gây hại cho nó. Hội đồng liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh kịch liệt phản đối việc kết nạp cái chi hội đang được đề cập đến ở đây, do đó Tổng Hội đồng, chiếu theo điều lệ, đã bác bỏ việc kết nạp chi hội đó. Ở Bruy-xen thì tình hình lại khác. Chi hội người Pháp tại đây đã viết thư cho Tổng Hội đồng nói rằng, theo ý kiến của Hội đồng liên chi hội Bỉ, chi hội người Pháp mà gia nhập tổ chức Bỉ thì sẽ làm lộ tổ chức Bỉ cho sở cảnh sát. Vì vậy Tổng Hội đồng không thể không thừa nhận chi hội này là một chi hội độc lập, và cũng đã xử sự một cách

nhu vậy đối với chi hội thứ hai của người Pháp cũng tồn tại ở Bruy-xen.

*Công bố lần đầu tiên trong cuốn "Minutes of the Hague Congress of 1872", Madison, 1958*

*In theo bản sao biên bản, do Cu-nô viết  
Nguyên văn là tiếng Đức  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA C.MÁC  
VỀ GIẤY ỦY NHIỆM TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU  
CỦA OÉT-XTƠ<sup>483</sup>  
TRÍCH BIÊN BẢN PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI LA HAY  
CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ  
NGÀY 4 THÁNG CHÍN 1872**

*Mác*, thay mặt uỷ ban, đề nghị huỷ bỏ giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu của Oét-xtơ, bởi vì Oét-xtơ: 1) là thành viên của chi hội số 12 bị khai trừ tạm thời; 2) là người đã tham gia Đại hội đại biểu Phi-la-đen-phi-a và 3) là thành viên của hội đồng tại phố Hoàng thân. Ngoài ra, giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu của Oét-xtơ mang chữ ký của Vích-tô-ri-a Vút-han, bà này đã nhiều năm nay vẫn tiến hành hoạt động âm mưu để trở thành tổng thống của Hợp chúng quốc, bà ta là chủ tịch của phái thông linh, tuyên truyền tự do luyến ái, có một xí nghiệp ngân hàng v.v.. Chi hội số 12, do V.Vút-han lập ra ban đầu hầu như gồm toàn những tên tư sản, tiến hành tuyên truyền cổ động chủ yếu nhằm giành quyền bầu cử cho phụ nữ; chi hội này đã phát đi một thư kêu gọi lừng tiếng gửi cho những công nhân Hợp chúng quốc nói tiếng Anh, trong bức thư đó, mọi điều xằng bậy đều được đem gán cho Hội liên hiệp công nhân quốc tế, và trên cơ sở bức thư đó, nhiều chi hội tương tự chi hội đó đã được thành lập trong nước Mỹ. Ngoài ra, trong bức thư kêu gọi đó còn nói về tự do cá nhân, tự do xã hội (tự do luyến ái), cách thức ăn mặc, quyền bầu cử của phụ nữ, ngôn ngữ vạm vỡ v.v.. Ngày 28 tháng Mười, họ tuyên bố rằng "việc bản thân giai cấp công nhân giải phóng giai

cấp công nhân" chỉ có nghĩa là việc giải phóng giai cấp công nhân không được diễn ra trái với ý chí của bản thân công nhân. Họ đưa vấn đề phụ nữ lên trước vấn đề công nhân và không muốn thừa nhận Hội liên hiệp công nhân quốc tế là một tổ chức công nhân. Chi hội số 1 đã phản đối hành vi đó của chi hội số 12 và yêu cầu mỗi chi hội ít ra cũng phải gồm 2/3 công nhân làm thuê, bởi vì ở Mỹ cho đến nay mọi phong trào công nhân đều bị giai cấp tư sản lợi dụng. Chi hội số 12 đã bác bỏ yêu cầu phải có 2/3 công nhân làm thuê và hỏi một cách chế giễu: phải chăng không làm tên nô lệ làm thuê mà làm con người tự do lại là có tội? Lúc bấy giờ cả hai bên đều kiện lên Tổng Hội đồng, ngày 5 và ngày 12 tháng Ba Tổng Hội đồng đã quyết định tạm thời khai trừ chi hội số 12.

Vì tất cả những lẽ đó, Oét-xtơ không thể được tham gia đại hội. Nhưng chi hội số 12 đã không thừa nhận quyết định của Tổng Hội đồng<sup>1\*</sup>. Oét-xtơ cũng đã tham gia Đại hội đại biểu Phi-la-đen-phi-a và hội đồng ở phố Hoàng thân, cả hai đều không chịu thừa nhận Tổng Hội đồng mà lại duy trì quan hệ với Liên chi hội Giuy-ra, còn Liên chi hội Giuy-ra thì, theo tin tức của báo chí, đã kêu gọi đại hội và hội đồng đó dừng đóng hội phí cho Tổng Hội đồng và bằng cách đó làm cho Tổng Hội đồng bị sa lầy.

*Công bố lần đầu tiên trong cuốn "Minutes of the Hagues Congress of 1872", Madison, 1958*

*In theo bản sao biên bản do Cu-nô viết  
Nguyên văn là tiếng Đức  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1\* Trong bản sao biên bản còn được cất giữ tại thư viện Vi-xcôn-xin (nước Mỹ) và được công bố trong cuốn sách: "Minutes of the Hague Congress of 1872 With related documents", câu này được viết như sau: "Mặc dù bản thân họ đã yêu cầu Tổng Hội đồng ra quyết định, nhưng chi hội số 12 và những người ủng hộ nó đã không thừa nhận quyết định đó".

**BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA C.MÁC  
VỀ THẨM QUYỀN CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG  
TRÍCH BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CỦA ĐẠI HỘI  
LA HAY CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN  
QUỐC TẾ NGÀY 6 THÁNG CHÍN 1872**

Chúng tôi đòi những thẩm quyền đó không phải cho mình, mà cho Tổng Hội đồng tương lai. Chúng tôi thà đồng ý bãi bỏ Tổng Hội đồng, chứ không muốn biến nó thành một cái hòm thư nào đó, như Bri-xme đề nghị. Trong trường hợp như vậy, sự lãnh đạo Hội liên hiệp e sẽ rơi vào tay các nhà báo, tức là không phải rơi vào tay *công nhân*.

Người phát biểu thắc mắc, tại sao Liên chi hội Giuy-ra và những người khác theo thuyết không tham gia chính trị lại có thể ủng hộ chi hội số 12, thì ra chính chi hội này muốn lợi dụng Hội liên hiệp công nhân quốc tế làm công cụ để thực hiện chính sách của giai cấp tư sản.

Xin những kẻ đã cười khẩy tỏ vẻ hoài nghi khi người ta nhắc đến những chi hội do sở cảnh sát lập ra, hãy biết rằng những chi hội như thế đã được thành lập ở Pháp, ở Áo và ở những nước khác. Tổng Hội đồng đã nhận được thư từ nước Áo gửi đến yêu cầu đừng thừa nhận những chi hội không phải do các đại biểu của Tổng Hội đồng hoặc các tổ chức địa phương lập ra.

Vê-di-nơ và đồng bọn, mới đây bị những người Pháp lưu vong đuổi ra khỏi hàng ngũ họ, dĩ nhiên là đứng về phía Liên chi hội

Giuy-ra. Tổng Hội đồng đã nhận được những bức thư trực tiếp tố cáo những hành vi lộng quyền, lạm quyền, tư vị v.v. của Hội đồng liên chi hội Bỉ, - chưa hề có một hội đồng liên chi hội nào bị tố cáo như vậy, - hơn nữa, những việc tố cáo lại do công nhân Bỉ đưa ra, những bức thư là bằng chứng về điều đó. Những loại người như Vê-di-nơ, Lan-đe-xơ v.v., theo sự quan sát của chúng tôi, trước tiên tổ chức hội đồng liên chi hội rồi sau đó mới tổ chức liên chi hội và các chi hội; những tên tay sai của Bít-xmác cũng có thể làm được việc đó. Đó là lẽ tại sao Tổng Hội đồng phải có quyền giải tán và tạm thời khai trừ hội đồng liên chi hội hoặc liên chi hội, sau đó phải có lời kêu gọi gửi các chi hội; lời kêu gọi đôi khi có thể rất là thích hợp để dựa theo ý kiến nhân dân mà quyết định xem một hội đồng liên chi hội nào đó có còn là người thể hiện ý chí nhân dân nữa hay không. Ở Áo, những kẻ ba hoa khoác lác, những người theo thuyết quyền lực giáo hoàng vô hạn, phái cấp tiến và những bọn khiêu khích đang thành lập những chi hội để bôi nhọ danh dự của Hội liên hiệp công nhân quốc tế; ở Pháp có một chi hội do thanh tra cảnh sát lập ra; mặc dù như thế, nơi nào mà Quốc tế bị cấm thì nơi đó tổ chức lại là tốt nhất, bởi vì những sự truy nã bao giờ cũng dẫn đến kết quả như vậy.

Tổng Hội đồng hiện giờ cũng có thể tạm thời khai trừ cả một liên chi hội bằng cách tạm thời khai trừ chi hội này rồi đến chi hội khác. Trong khi tạm thời khai trừ hội đồng liên chi hội hoặc liên chi hội, Tổng Hội đồng không chừng có thể lập tức bị khiển trách hặc chỉ trích, vì thế mà chỉ trong trường hợp đặc biệt mới sử dụng quyền tạm thời khai trừ ấy. Nhưng một khi Tổng Hội đồng không còn là người đại diện của đa số trong Hội liên hiệp công nhân quốc tế, thì dù cho chúng ta thừa nhận Tổng Hội đồng có quyền lực của vị lãnh chúa da đen hoặc quyền lực của Nga hoàng nước Nga chẳng nữa, quyền lực đó cũng vẫn là hư ảo; Tổng Hội đồng không có quân đội, không có ngân sách,

nó chỉ là một lực lượng tinh thần, nếu không có sự đồng tình của toàn Hội liên hiệp thì sẽ mãi mãi là bất lực.

*Công bố lần đầu tiên trong cuốn "Minutes of the Hague Congress of 1872", Madison, 1958*

*In theo bản sao biên bản do Cu-nô-viết  
Nguyên văn là tiếng Đức  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU  
CỦA PH.ĂNG-GHEN VỀ TRỤ SỞ  
CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG  
TRÍCH BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CỦA ĐẠI HỘI  
LA HAY CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN  
QUỐC TẾ NGÀY 6 THÁNG CHÍN 1872**

Ăng-ghen phát biểu để luận chứng cho đề nghị của mình về việc rời trụ sở của Tổng Hội đồng đến Niu Oóc. Tổng Hội đồng cho đến nay vẫn đóng trụ sở tại Luân Đôn, bởi vì chỉ có ở đây Tổng Hội đồng mới có tính quốc tế, và hồ sơ tài liệu của Tổng Hội đồng, cũng như các uỷ viên của Tổng Hội đồng, mới được bảo đảm an toàn. Hồ sơ tài liệu của chúng ta ở Niu Oóc cũng sẽ được bảo đảm an toàn như ở Luân Đôn, còn như trên lục địa thì không nơi nào an toàn cả - ngay cả ở Bruy-xen và ở Giơ-ne-vơ cũng thế, căn cứ theo một số sự việc của cảnh sát đã xảy ra ở đây thì có thể thấy rõ điều đó. Tuy nhiên, những bất đồng trong đảng ở Luân Đôn đã hết sức gay gắt, cho nên *cần phải* thay đổi trụ sở của Tổng Hội đồng.

Ngoài ra, những sự chỉ trích đối với Tổng Hội đồng đã trở nên gay gắt và liên tục đến nỗi khiến cho phần đông các uỷ viên cũ của Hội đồng đều cảm thấy chán ngán, và họ quyết định không tham gia Tổng Hội đồng nữa. Ăng-ghen có thể nhân danh Mác và bản thân mình tuyên bố điều đó một cách hoàn toàn dứt khoát rõ ràng. Hơn thế nữa, trong Tổng Hội đồng cũ hoàn toàn không phải luôn luôn đoàn kết nhất trí, toàn thể uỷ viên của Tổng Hội

đồng có thể chứng thực điều đó. Tổng Hội đồng tám năm này vẫn ở tại một nơi, cuối cùng cũng cần phải đổi chỗ để tránh khỏi tình trạng chai cứng không ai muốn. Chính vì lẽ đó mà Mác ngay từ năm 1870 đã đề nghị rời Tổng Hội đồng đến Bruy-xen, nhưng lúc bấy giờ tất cả các liên chi hội đều có ý kiến để Tổng Hội đồng ở lại Luân Đôn. Bây giờ thì nên rời Tổng Hội đồng tới chỗ nào? Tới Bruy-xen chẳng? Chính bản thân người Bỉ cũng tuyên bố rằng như thế không được, vì không có gì bảo đảm an toàn cho con người và hồ sơ tài liệu. Tới Giơ-ne-vơ chẳng? Người Giơ-ne-vơ kiên quyết phản đối, với những lý do phần nào giống như lý do của người Bỉ, và còn dẫn chứng vụ tịch thu hồ sơ tài liệu của U-tin.

Vì vậy, không còn chỗ nào khác ngoài Niu Oóc. Ở đây hồ sơ tài liệu của chúng ta sẽ được an toàn, ở đây, chúng ta có một tổ chức mới, mạnh mẽ, ở đây, đảng của chúng ta mang tính chất thật sự quốc tế hơn bất cứ nơi nào. Chỉ cần nhìn vào Hội đồng Liên chi hội Niu Oóc cũng đủ thấy, nó gồm người Ai-rơ-len, người Pháp, người I-ta-li-a, người Thụy Điển, người Đức và không bao lâu nữa còn có cả người Mỹ. Ý kiến phản đối nói rằng Niu Oóc ở quá xa, ý kiến đó không đứng vững trước sự phê phán, bởi vì như thế sẽ là một ưu thế nhất định cho những liên chi hội ở châu Âu đang cố sức bảo vệ công việc nội bộ của mình khỏi bị Tổng Hội đồng can thiệp vào; chính ra thì khoảng cách xa mới làm cho Tổng Hội đồng khó can thiệp và mới cản trở không để một số liên chi hội riêng lẻ muốn giành lấy ảnh hưởng quá lớn trong Tổng Hội đồng. Song, Tổng Hội đồng đã có quyền và thậm chí có nghĩa vụ trong trường hợp nhất định cử những đại diện toàn quyền tại châu Âu cho những nước nhất định, như lâu nay Tổng Hội đồng thường đã làm như vậy.

*Công bố lần đầu tiên trong cuốn "Minutes of the Hague Congress of 1872", Madison, 1958*

*In theo bản sao biên bản do Cu-nô viết  
Nguyên văn là tiếng Đức  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

## GIẤY ỦY NHIỆM DO TỔNG HỘI ĐỒNG TẠI NIU OÓC CẤP CHO C.MÁC

### TỔNG HỘI ĐỒNG HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

Nay uỷ quyền cho Các Mác hiện ở tại nhà số 1 đường công viên Mây-tơ-len, Luân Đôn, nước Anh, đảm nhiệm việc thu thập và bảo quản *tất cả các loại tài sản của* Tổng Hội đồng cũ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế cho đến khi có chỉ thị của Tổng Hội đồng.

Yêu cầu và đề nghị tất cả các uỷ viên cũ và những người có chức trách trước đây của Tổng Hội đồng cũ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Luân Đôn và ở bất cứ nơi nào khác hãy chú ý chỉ thị này và chuyển giao cho Các Mác tất cả sổ sách, tài liệu, v.v., tóm lại - toàn bộ tài sản hiện nay và trước kia thuộc Tổng Hội đồng trong thời gian đóng trụ sở tại Luân Đôn.

Theo chỉ thị của Tổng Hội đồng và thay mặt Tổng Hội đồng

Tổng thư ký  
**Ph.A.Doóc-gơ**

Niu Oóc, ngày 30 tháng Chạp 1872

*Công bố lần đầu tiên*

*In theo bản thảo  
Nguyên văn là tiếng Anh*

**GIẤY ỦY NHIỆM DO TỔNG HỘI ĐỒNG  
TẠI NIU OÓC CẤP CHO PH.ĂNG-GHEN**

*TỔNG HỘI ĐỒNG HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ*

**GIẤY ỦY NHIỆM**

Nay cử *Phri-đrich Ăng-ghen*, hiện ở tại nhà số 122 đường công viên Rít-gien-xơ, Luân Đôn, làm đại diện lâm thời của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế phụ trách các vấn đề nước I-ta-li-a. Ủy quyền và ủy nhiệm cho Ăng-ghen thay mặt Tổng Hội đồng hành động - căn cứ theo những chỉ thị sẽ nhận được từng thời gian.

Theo chỉ thị của Tổng Hội đồng và thay mặt Tổng Hội đồng

Tổng thư ký  
***Ph.A. Doóc-gơ***

Niu Oóc, ngày 5 tháng Giêng 1873

*Công bố lần đầu tiên*

*In theo bản thảo  
Nguyên văn là tiếng Anh*

**CHỈ THỊ GỬI PHRI-ĐRÍCH ĂNG-GHEN,  
ĐẠI DIỆN CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG  
PHỤ TRÁCH CÁC VẤN ĐỀ NƯỚC I-TA-LI-A  
Ở LUÂN ĐÔN**

1. Đại diện của Tổng Hội đồng phụ trách các vấn đề nước I-ta-li-a sẽ đem toàn lực xúc tiến công tác tổ chức Quốc tế ở I-ta-li-a căn cứ theo Điều lệ chung, Quy chế và những chỉ thị của Tổng Hội đồng.

2. Đại diện phải theo dõi tính chất công nhân của phong trào ở I-ta-li-a.

3. Trong trường hợp khẩn cấp, đại diện sẽ ra quyết định tạm thời về những vấn đề đang tranh chấp có liên quan đến việc tổ chức và lãnh đạo Hội liên hiệp của chúng ta ở I-ta-li-a, còn các bên hữu quan vẫn có quyền khiếu nại lên Tổng Hội đồng, đồng thời vị đại diện phải lập tức báo cáo một cách thích đáng cho Tổng Hội đồng biết.

4. Đại diện cũng có quyền tạm thời khai trừ từng hội viên riêng biệt hoặc cả một tổ chức ở I-ta-li-a cho tới khi có quyết định của Tổng Hội đồng, đồng thời phải lập tức báo cáo cho Tổng Hội đồng biết những biện pháp đã được thực hiện, trình bày những tài liệu chứng minh; nhưng đại diện *không* có quyền khai trừ bất kỳ một đại diện nào do Tổng Hội đồng trực tiếp cử ra, nếu chưa thỉnh thị và chưa được chỉ thị riêng của Tổng Hội đồng về vấn đề đó.

5. Đại diện có quyền cấp những giấy uỷ nhiệm tạm thời có thời hạn nhất định cho các cá nhân ở I-ta-li-a, nhưng thẩm quyền của những người này dù bất cứ trường hợp nào cũng không được vượt quá thẩm quyền của những đại diện cho Tổng Hội đồng trực tiếp cử ra; đương nhiên, tất cả những giấy uỷ nhiệm và thẩm quyền phải được Tổng Hội đồng ra quyết định phê chuẩn và có thể bị huỷ bỏ và bãi bỏ bất cứ lúc nào.

6. Đại diện phải theo dõi việc thu hội phí định kỳ và nộp lên Tổng Hội đồng.

7. Đại diện phải giúp cho Tổng Hội đồng luôn luôn nắm chắc được những việc xảy ra bằng cách thông báo đều đặn và hàng tháng gửi báo cáo tường tận cho Tổng Hội đồng.

Theo chỉ thị của Tổng Hội đồng và thay mặt Tổng Hội đồng

Tổng thư ký  
**Ph.A.Doóc-gơ**

Niu Oóc, ngày 5 tháng Giêng 1873

*Công bố lần đầu tiên*

*In theo bản thảo  
Nguyên văn là tiếng Pháp*

**GỬI TOÀN THỂ HỘI VIÊN HỘI LIÊN HIỆP  
CÔNG NHÂN QUỐC TẾ  
NGHỊ QUYẾT CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG  
NGÀY 26 THÁNG GIÊNG 1873<sup>484</sup>**

Xét rằng, căn cứ theo điều 3 của Điều lệ:

"Đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp có nhiệm vụ tuyên bố những nguyện vọng chung của giai cấp công nhân, đề ra những biện pháp cần thiết để Hội liên hiệp công nhân quốc tế hoạt động có kết quả, và cử ra Tổng Hội đồng của Hội liên hiệp";

căn cứ theo điều 2, phần II của Quy chế tổ chức: "Tổng Hội đồng phải thực hiện các nghị quyết của các kỳ đại hội và theo dõi trong mỗi nước việc tuân thủ nghiêm chỉnh những nguyên tắc của Điều lệ chung và Quy chế của Quốc tế"<sup>1\*</sup>;

xét rằng, căn cứ theo điều 1, phần V của Quy chế tổ chức, thì các điều lệ địa phương của các đoàn thể thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế "không được chứa đựng điều gì mâu thuẫn với Điều lệ chung và Quy chế;

xét rằng, mọi đoàn thể hoặc cá nhân đều không thể tham gia vào tổ chức mà họ phủ nhận các luật lệ của tổ chức đó, tức là không thể đồng thời vừa ở trong tổ chức, vừa ở ngoài tổ chức;

bất cứ đoàn thể hoặc cá nhân nào thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế, trong trường hợp chịu sự bất công hoặc có thể

1\* Xem tập này, tr.162.



phải chịu sự thiệt hại, thì có quyền kháng nghị trong đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp kỳ tới;

hơn nữa, xét rằng, căn cứ theo Điều lệ chung của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, "được hưởng quyền thì phải có nghĩa vụ, gánh nghĩa vụ thì phải có quyền", mỗi đoàn thể hoặc cá nhân có quyền thông qua nghị quyết, đồng thời cũng có nghĩa vụ chấp hành nghị quyết đã được thông qua.

căn cứ vào đó, Tổng Hội đồng tuyên bố:

Những đoàn thể và cá nhân nào không chịu thừa nhận nghị quyết của đại hội đại biểu hoặc cố ý trốn tránh chấp hành những nghĩa vụ mà Điều lệ và Quy chế tổ chức đã quy định cho họ, *thì như vậy là họ tự đặt mình ra ngoài hàng ngũ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và không còn là hội viên của Hội liên hiệp này nữa.*

Tổng Hội đồng:

***Ph.I.Béc-to-ran, Phr.Bôn-tê, C.Các,  
X.Đê-rô-rơ, Phoóc-na-se-ri, S.Ca-va-nác,  
X.Ph. Lo-ren, E.Lê-vi-en, Ph.A. Doóc-gơ,  
C.Spây-éc, Ê.P. Xanh-Cle-rơ***

Tổng thư ký

***Ph.A.Doóc-gơ***

Niu Oóc, ngày 26 tháng Giêng 1873

*Đã đăng trên báo "Arbeiter - Zeitung" số 6, ngày 15 tháng Ba, 1873; báo "La Emancipation" số 90, ngày 22 tháng Ba 1873; báo "Der Volksstaat" số 26, ngày 29 tháng Ba 1873; báo "The International Herald" số 52, ngày 29 tháng Ba 1873*

*In theo bản đăng trên báo  
"Arbeiter - Zeitung"  
Nguyên văn là tiếng Đức  
In bằng tiếng Nga lần đầu*

## GỬI TOÀN THỂ HỘI VIÊN HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ NGHỊ QUYẾT CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 30 THÁNG NĂM 1873

Xét rằng đại hội đại biểu của Liên chi hội Bỉ họp trong những ngày 25 và 26 tháng Chạp 1872 tại Bruy-xen đã quyết định coi những nghị quyết của đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp lần thứ năm là vô hiệu<sup>1\*</sup>;

đại hội đại biểu của một bộ phận Liên chi hội Tây Ban Nha, họp tại Coóc-đô-va từ ngày 25 tháng Chạp 1872 đến ngày 2 tháng Giêng 1873, đã quyết định không thừa nhận những nghị quyết của đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp lần thứ năm tại La Hay và tán thành những nghị quyết của hội nghị đối địch với Quốc tế<sup>2\*</sup>;

hội nghị họp tại Luân Đôn ngày 26 tháng Giêng 1873 đã quyết định bác bỏ những nghị quyết của đại hội đại biểu toàn Hội liên hiệp lần thứ năm tại La Hay -

Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế, căn cứ Điều lệ và Quy chế tổ chức và chiếu theo nghị quyết của mình ngày 26 tháng Giêng 1873, tuyên bố:

1\* Trong báo "Volksstaat" thay cho những chữ "coi là không có hiệu lực", là những chữ "bác bỏ".

2\* Ở đây muốn nói đến những nghị quyết của đại hội của những phần tử vô chính phủ chủ nghĩa tại Xanh-I-mê.

Tất cả những liên chi hội toàn quốc hoặc địa phương, những chi hội và cá nhân đã tham gia các đại hội và hội nghị kể trên họp tại Bruy-xen, Coóc-dô-va và Luân Đôn hoặc đã thừa nhận nghị quyết của những đại hội và hội nghị đó, *đều đã tự đặt mình ra ngoài hàng ngũ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và không còn là hội viên của Hội liên hiệp này nữa.*

Tổng Hội đồng:

**Ph. J.Béc-tơ-ran, Ph. Bôn-tê, C.Các,  
S.Ca-va-nác, X.Đê-rô-rơ, S.Ph. Lo-ren,  
Ph.A. Doóc-gơ; C.Spây-éc**

Tổng thư ký

**Ph.A.Doóc-gơ**

Niu Oóc, ngày 30 tháng Năm 1873

*Đã đăng trên báo "Arbeiter - Zeitung" số 18, ngày 7 tháng Sáu 1873 và trên báo "Der Volksstaat" số 51, ngày 25 tháng Sáu 1873*

*In theo bản đăng trên báo "Arbeiter - Zeitung" Nguyên văn là tiếng Đức In bằng tiếng Nga lần đầu*

## TUYÊN BỐ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ VỀ CÁC CHI HỘI CỦA QUỐC TẾ Ở I-TA-LI-A

Tổng Hội đồng của Hội liên hiệp công nhân quốc tế tuyên bố rằng hoàn toàn *không có* liên chi hội toàn quốc nào của Quốc tế ở I-ta-li-a cả, vì trong số những tổ chức muốn mang tên gọi đó, chưa hề có tổ chức nào chấp hành bất cứ một điều kiện nào trong số những điều kiện mà Điều lệ và Quy chế quy định phải được chấp hành trước khi các chi hội được kết nạp và được thừa nhận.

Song, trong các miền của nước I-ta-li-a vẫn có những chi hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế được thành lập đúng thủ tục và có liên hệ với Tổng Hội đồng.

Thay mặt Tổng Hội đồng và theo sự uỷ nhiệm của Tổng Hội đồng

Tổng thư ký

**Ph.A.Doóc-gơ**

Niu Oóc, ngày 30 tháng Năm 1873

*Đã đăng trên báo "Arbeiter - Zeitung" số 18, ngày 7 tháng Sáu 1873 và trên báo "Der Volksstaat" số 51, ngày 25 tháng Sáu 1873*

*In theo bản đăng trên báo "Arbeiter - Zeitung" Nguyên văn là tiếng Đức In bằng tiếng Nga lần đầu*

## GỬI CÁC VỊ ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ VI CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ<sup>485</sup>

Luân Đôn, ngày 3 tháng Chín 1873

Thưa các vị,

Để cố gắng bảo đảm cho đại hội được hoàn toàn tự do trong khi thảo luận hoạt động của Tổng Hội đồng trong thời gian những năm 1872 - 1873, Tổng Hội đồng tại Niu Oóc trước đây đã ra quyết định không cử những uỷ viên của Hội đồng làm đại biểu, mà chọn một vị đại diện toàn quyền tại châu Âu và uỷ nhiệm cho vị đại diện này trình bản báo cáo chính thức và bản báo cáo nội bộ, như Điều lệ đã quy định, trước đại hội đại biểu và đưa ra những dự thảo nghị quyết về những vấn đề ghi trong chương trình nghị sự. Sau khi xem xong những văn kiện mà Tổng Hội đồng đã gửi cho tôi, tôi càng vui lòng đồng ý nhận giấy uỷ nhiệm của Tổng Hội đồng, vì tôi hoàn toàn tán thành hoạt động tổ chức và những quyết định chính thức của Tổng Hội đồng. Tuy nhiên, do những tin tức đã nhận được gần đây từ các nước, tôi thấy có trách nhiệm từ chối tham gia công tác của đại hội. Tình hình khó khăn của hội viên chúng ta trong những nước này khiến cho tôi không thể phát biểu ý kiến chi tiết hơn về vấn đề này. Chỉ cần nói một số điểm sau đây cũng có thể thấy rõ: ở Pháp - ở nước này người ta đã gửi cho tôi những giấy uỷ nhiệm - tình hình không cho phép có thể trực tiếp cử đại biểu; trong lúc đất

nước Tây Ban Nha đang trải qua một cuộc khủng hoảng, nếu các hội viên Tây Ban Nha của chúng ta rời khỏi nước mình lúc này thì quần chúng lao động sẽ coi đó là một sự hèn nhát; do kết quả của những sự kiện Tây Ban Nha, nghĩa vụ mà bạn bè của chúng ta ở Bồ Đào Nha phải gánh vác về mặt tài chính hết sức nặng nề, đến nỗi họ không còn cách lựa chọn nào khác ngoài việc cử đại biểu gián tiếp; cuối cùng, những hành động của cảnh sát truy nã hội viên Quốc tế ở I-ta-li-a, những vụ bắt bớ liên tiếp ở Đức, việc cưỡng bức giải tán chi hội trung ương ở Cô-pen-ha-ghen và những cuộc trấn áp ngày càng tăng đang giáng xuống mọi phong trào công nhân ở Áo -Hung-ga-ri, - tất cả tình hình đó khiến cho việc của đại diện quốc tế chân chính của công nhân không thể thực hiện được. Đại hội được triệu tập trong điều kiện như vậy - trong điều kiện hết sức khó khăn cho Quốc tế, thậm chí khó khăn hơn cả những điều kiện đã hình thành ngay sau khi Công xã Pa-ri thất bại - do cơ cấu thành phần đại biểu của nó, ít nhiều sẽ mang tính chất cục bộ.

Mặt khác, Hội đồng Liên chi hội Anh, về mặt chính trị, lại có những điều kiện thuận lợi hơn nhiều trong việc cử đại biểu tham gia Đại hội Giơ-ne-vơ, nên đã cử được những đại biểu của mình: An-phơ-rết Đây-xơ, Ph. Le-xơ, Ô.Xê-rai-ơ; nhưng sau khi xem những văn kiện mà Hội đồng Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh của Thụy Sĩ gửi cho thư ký hội đồng liên chi hội này, Hội đồng đã huỷ bỏ nghị quyết của mình và quyết định từ chối tham gia đại hội và trình bày một cách công khai những lý do của mình.

Cho dù những lý do chung đã trình bày ở trên không buộc tôi phải từ bỏ việc tham gia công tác Đại hội Giơ-ne-vơ đi nữa, thì những sự kiện đã khiến cho Hội đồng Liên chi hội Anh phải ra quyết định, cũng đủ để ngăn trở tôi tham gia đại hội, mặc dù tôi đã nhận được những giấy uỷ nhiệm từ Pháp, Mỹ, Bồ Đào Nha v.v. gửi đến.

Nhân thể xin gửi đến các vị những văn kiện mà Tổng Hội đồng đã gửi cho tôi<sup>486</sup>.

Xin gửi lời chào anh em

***Ô.Xê-rai-ơ***

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 3 tháng  
Chín 1873  
Công bố lần đầu tiên*

*In theo bản thảo của Ăng-ghen  
Nguyên văn là tiếng Pháp*

**CHÚ THÍCH  
THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP  
CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN  
CÁC BẢN CHỈ DẪN**

## CHÚ THÍCH

1 "*Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế*" - thông tư mật của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết trong thời gian từ giữa tháng Giêng đến đầu tháng Ba năm 1872. Ngày 5 tháng Ba, Mác đã trình bày những luận điểm cơ bản của bức thông tư tại phiên họp của Tổng Hội đồng, chỉ rõ ý nghĩa của văn kiện này là tạo ra "bức tranh về sự phát triển lịch sử của những nguyên tắc và chính sách của Hội liên hiệp hiện đang được thể hiện hết sức rõ ràng". Với việc vạch trần công khai hoạt động phá hoại trong nội bộ Quốc tế, do Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Ba-cu-nin tiến hành, bản thông tư "*Cái gọi là những sự phân liệt trong quốc tế*" đã kết thúc một giai đoạn nhất định của cuộc đấu tranh của Mác và Ăng-ghen chống chủ nghĩa vô chính phủ. Hoạt động thù địch của những người theo phái Ba-cu-nin được đặc biệt tăng cường sau Hội nghị đại biểu Luân Đôn (tháng Chín 1871). Bằng những nghị quyết về sự cần thiết phải thành lập một chính đảng độc lập của giai cấp vô sản và đấu tranh chống chủ nghĩa bè phái. Hội nghị đại biểu này đã giáng một đòn nặng nề vào chủ nghĩa vô chính phủ. Những người theo chủ nghĩa vô chính phủ triển khai một chiến dịch điên cuồng chống lại Quốc tế. trước hết chống lại Tổng Hội đồng và Mác. Đại hội của những người theo chủ nghĩa vô chính phủ ở Xông-vi-li-ê tháng Mười một năm 1871 đã thông qua bản thông tri (xem bài báo "*Đại hội Xông-vi-li-ê và Quốc tế*", xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.630 - 637) được coi là tín hiệu cho cuộc tấn công của các phần tử thù địch với chủ nghĩa Mác ở trong và ngoài Quốc tế chống lại Tổng Hội đồng. Hoạt động công khai và đặc biệt là hoạt động bí mật của những người theo chủ nghĩa vô chính phủ đã đe dọa thành quả vĩ đại nhất của giai cấp vô sản quốc tế - của Quốc tế. Trong "*Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế*", Mác và Ăng-ghen đã bóc trần trước giai cấp vô sản của các nước những mục đích thật sự của những

người theo chủ nghĩa vô chính phủ, mối quan hệ của họ với những phần tử xa lạ với giai cấp công nhân và hoạt động của Đồng minh do Ba-cu-nin lãnh đạo với tính cách là phải thù địch với phong trào công nhân.

Bản thông tư "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế" lần đầu tiên được in thành sách riêng bằng tiếng Pháp vào cuối tháng Năm 1872, có chữ ký của tất cả các uỷ viên Tổng Hội đồng và được gửi đi cho tất cả các liên chi hội của Hội liên hiệp. Lần đầu tiên bản thông tư "Cái gọi là những sự phân liệt" được công bố bằng tiếng Nga năm 1928 trong cuốn "Tư liệu về tiểu sử M.Ba-cu-nin" của V.Pô-lôn-xki, t.3, tr.466-490, nhưng có nhiều đoạn bị bỏ sót. Bản dịch đầy đủ đầu tiên ra tiếng Nga được Viện Mác - Lê-nin trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô công bố năm 1938 trên tạp chí "Cách mạng vô sản", số 9. - 9.

- 2 C.Mác. "Nội chiến ở Pháp" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.321-487). — 13.
- 3 Để bác bỏ sự vu cáo mà báo chí tư sản nhằm vào Quốc tế nhân sự xuất hiện lời hiệu triệu "Nội chiến ở Pháp". Mác và Ăng-ghe-n thay mặt Tổng Hội đồng đã gửi thư đến nhiều tờ báo của Anh: "The times" ("Thời báo"). "The standard" ("Ngọn cờ"). "The Daily News" ("Tin hàng ngày") v.v.; trong những bức thư ấy. Mác và Ăng-ghe-n đã bảo vệ Công xã Pa-ri và giải thích lập trường của Quốc tế (Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.493-503, 516). — 14.
- 4 Từ tháng Sáu năm 1871, nhân việc một số chiến sĩ Công xã Pa-ri rời Luân Đôn để tránh sự truy nã của chính phủ Véc-xây. Tổng Hội đồng đã quyên góp và phân phối giúp đỡ vật chất cho họ, đồng thời sắp xếp công ăn việc làm cho những chiến sĩ Công xã lưu vong này. Mác là người tổ chức mọi hoạt động trên của Tổng Hội đồng. Tháng Bảy, Tổng Hội đồng đã lập ra một Uỷ ban đặc biệt giúp đỡ các chiến sĩ Công xã lưu vong, thành phần bao gồm Mác. Ăng-ghe-n, I-ung và các uỷ viên khác của Hội đồng: Ngày 5 tháng Chín 1871, do hoạt động khẩn trương để chuẩn bị Hội nghị đại biểu Luân Đôn năm 1871, Mác và Ăng-ghe-n đã rút ra khỏi Uỷ ban này và thay vào đó là các uỷ viên khác của Tổng Hội đồng. Mặc dù đã có Uỷ ban đặc biệt. Tổng Hội đồng trong hai năm 1871 - 1872 vẫn chú ý rất nhiều đến việc tổ chức giúp đỡ các chiến sĩ Công xã lưu vong. — 14.

- 5 Từ cuối những năm 50, một trong những yêu sách cơ bản của công nhân Anh là đòi thực hiện chế độ ngày làm việc 9 giờ. Tháng Năm 1871 đã nổ ra cuộc bãi công lớn của công nhân xây dựng và công nhân ngành chế tạo máy ở Niu-cát-xon, dưới sự lãnh đạo của Liên minh đấu tranh đòi thực hiện chế độ ngày làm việc 9 giờ. Cuộc đấu tranh ở Niu-cát-xon đã mang tính chất đặc biệt gay gắt, vì lần đầu tiên Liên minh đã thu hút cả những công nhân không phải là thành viên của *các công liên*. Chủ tịch Liên minh là Bác-nét đã đề nghị Tổng Hội đồng của Quốc tế ngăn chặn việc người ta bắt đầu đưa vào Anh những kẻ phá hoại bãi công. Nhân việc này, Tổng Hội đồng đã cử đến lục địa hai uỷ viên Hội đồng là Êch-ca-ri-út và Côn đê giải thích cho công nhân hiểu ý nghĩa cuộc đấu tranh đang diễn ra ở Niu-cát-xon. Nhờ sự ủng hộ tích cực của Tổng Hội đồng của Quốc tế, việc đưa vào Anh bọn phá hoại bãi công đã bị ngăn chặn. Tháng Mười 1871 cuộc bãi công ở Niu-cát-xon đã kết thúc bằng thắng lợi của công nhân; chế độ làm việc 54 giờ trong tuần cho công nhân đã được thiết lập. — 14.
- 6 Ngày 25 tháng Bảy 1871 Tổng Hội đồng đã thông qua đề nghị của Ăng-ghe-n về việc triệu tập ở Luân Đôn, vào tháng Chín 1871, một hội nghị bí mật của Quốc tế. Từ thời gian đó. Mác và Ăng-ghe-n tích cực tiến hành công việc chuẩn bị về mặt tổ chức và lý luận cho hội nghị: hai ông đã soạn thảo chương trình nghị sự và các dự thảo nghị quyết đã được thảo luận tại các phiên họp của Tổng Hội đồng và sau đó được đưa ra tại Hội nghị Luân Đôn. Hội nghị đại biểu của Quốc tế, họp tại Luân Đôn từ ngày 17 đến ngày 23 tháng Chín 1871, đã đánh dấu một thời kỳ quan trọng trong cuộc đấu tranh của Mác và Ăng-ghe-n nhằm thành lập một đảng vô sản. (Xem C.Mác và Ph. ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17). — 15.
- 7 Nghị quyết của Tổng Hội đồng của Quốc tế về việc triệu tập đại hội ở Ma-in-xơ, thay vì ở Pa-ri, được thông qua ngày 17 tháng Năm 1870. Ngày 12 tháng Bảy 1870, theo đề nghị của Mác, một dự thảo chương trình nghị sự của Đại hội Ma-in-xơ đã được thông qua (xem C.Mác và Ph. ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.591). — 14.
- 8 Tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 28 tháng Sáu 1870, Mác đã đưa ra đề nghị thảo luận ở các chi hội vấn đề thay đổi trụ sở của Tổng Hội đồng, lập luận

rằng sở dĩ như vậy là vì không được tạo những điều kiện ưu tiên cho công nhân nước này hay nước kia, sau khi thảo luận tại nhiều phiên họp của Tổng Hội đồng, đề nghị đó đã được chấp nhận, và ngày 14 tháng Bảy 1870 Mác đã viết bản "Thông báo mật gửi tất cả các chi bộ" (xem C.Mác và Ph. ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.590). Các chi bộ đã phản đối việc thay đổi trụ sở Tổng Hội đồng, cho rằng Luân Đôn là nơi thích hợp nhất đối với hoạt động của cơ quan đầu não của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. — 15.

9 Từ ngày 25 đến 29 tháng Chín 1865, thay vì Đại hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế trừ định họp ở Bruy-xen, một hội nghị đại biểu sơ bộ đã diễn ra ở Luân Đôn. Quyết định về việc trì hoãn Đại hội và triệu tập hội nghị đại biểu đã được Tổng Hội đồng thông qua theo yêu cầu của Mác; ông cho rằng, các tổ chức địa phương của Quốc tế vẫn chưa được củng cố đủ vững chắc về tư tưởng và tổ chức. — 15.

10 Trong bản chỉ thị hoá tốc ngày 26 tháng Năm 1871, bộ trưởng ngoại giao Pháp là Gi.Pha-vơ yêu cầu các đại diện ngoại giao Pháp ở nước ngoài phải tìm cách đòi các chính phủ châu Âu bắt giữ và giao nộp những chiến sĩ Công xã Pa-ri lưu vong với tư cách là những tội phạm hình sự thông thường.

Duy-phô-rơ đã đề ra một dự luật được uỷ ban đặc biệt của Quốc hội Pháp soạn thảo. Theo dự luật này, những ai thuộc tổ chức Quốc tế đều bị bỏ tù. Dự luật này được thông qua ngày 14 tháng Ba 1872. — 16.

11 Mùa hè năm 1871, Bít-xmác và thủ tướng Áo - Hung là Bôi-xtơ đã tiến hành những bước nhằm phối hợp đấu tranh chống lại phong trào công nhân. Ngày 7 tháng Sáu 1871. Bít-xmác gửi cho đại sứ Đức ở Viên là Svai-ni-xơ một công văn hoá tốc, yêu cầu ông ta thoả thuận với Chính phủ Áo về việc phối hợp hoạt động chống lại các tổ chức công nhân; ngày 17 tháng Sáu 1871, Bít-xmác gửi cho Bôi-xtơ bản ghi nhớ thông báo về các biện pháp được tiến hành ở Đức và Pháp chống lại hoạt động của Quốc tế. Tại cuộc gặp gỡ giữa hai hoàng đế Đức và Áo tháng Tám 1871 tại Ga-stên và tháng Chín 1871 tại Dan-xbuc đã nêu lên để thảo luận riêng vấn đề các biện pháp phối hợp đấu tranh chống lại Quốc tế.

Chính phủ I-ta-li-a cùng tham gia vào chiến dịch chung chống lại quốc tế. Điều đó thể hiện trong việc triệt phá chi hội Na-plơ của Quốc tế tháng Tám năm 1871 và trong việc truy nã các uỷ viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế, trong đó có T.Cu-nô (xem tập này, tr.104-105).

Mùa xuân và mùa hè năm 1871. Chính phủ Tây Ban Nha áp dụng những biện pháp đàn áp chống lại các tổ chức công nhân và các chi hội của Quốc tế; vì lẽ đó, các thành viên thuộc Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha là Mô-ra. Mô-ra-gô và Lo-ren-xô buộc phải sang sống lưu vong ở Li-xbon. — 16.

12 Tháng Bảy 1870, tại Áo - Hung, toà án đã bắt giữ và xét xử các nhà hoạt động xã hội - dân chủ Áo Ô-béc-vin-đéc. A.Sây, Mô-xtơ và Páp-xtơ: họ bị buộc tội phản bội tổ quốc: một số hiệp hội của công nhân cũng bị truy nã.

Do việc cho ra lời kêu gọi ngày 5 tháng Chín 1870 gửi toàn thể công nhân Đức phản đối những kế hoạch quân phiệt của Chính phủ Phổ, ở Đức ngày 9 tháng Chín 1870, các thành viên Uỷ ban Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức; Brắc-cơ, Bo-ơ-khô-xtơ, Spi-ơ và những người khác đã bị bắt và bị truy tố trước toà án. Ngày 17 tháng Chạp 1870, do hành động chống lại cuộc chiến tranh xâm lược, Líp-nếch và Bê-ben đã bị bắt và bị khép vào tội "hoạt động chuẩn bị phản bội tổ quốc; tháng Ba 1872 hai ông đã bị kết án hai năm tù giam tại pháo đài. - 16.

13 Ngày 12 tháng Tám 1871. Ban chấp hành trung ương liên chi hội Bắc Mỹ thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế đã quyết định không cử các đại biểu đến Hội nghị đại biểu Luân Đôn, và sẽ gửi số tiền hiện có sang giúp các chiến sĩ Công xã sống lưu vong. Một uỷ ban đặc biệt được phân công soạn thảo báo cáo trình Hội nghị đại biểu Luân Đôn: ngày 20 tháng Tám, bị vong lực của Ban Chấp hành Trung ương đã được các uỷ viên nhất trí tán thành và sau đó được gửi đến Tổng Hội đồng. Trong bị vong lực có phân tích tình hình kinh tế và chính trị của giai cấp công nhân Mỹ và những khó khăn mà Ban Chấp hành Trung ương vấp phải trong công tác của mình. Văn kiện này được Mác trình bày tóm tắt tại một phiên họp của Hội nghị này vào ngày 22 tháng Chín 1871 — 16

14 Theo đề nghị của Mác, Hội nghị đại biểu Luân Đôn đã uỷ nhiệm cho Tổng hội đồng thành lập Hội đồng Liên chi hội của Anh. Thực hiện chức năng của hội

đồng này từ khi thành lập Quốc tế cho đến mùa thu năm 1871 là chính Tổng Hội đồng. Tháng Mười 1871, các đại diện của các chi hội Anh và những thành viên của các công liên đi theo Quốc tế đã thành lập Hội đồng liên chi hội Anh. Ngay từ đầu, trong ban lãnh đạo hội đồng này đã có một nhóm những người theo chủ nghĩa cải lương, đứng đầu là thư ký Tổng Hội đồng Hây-đơ; nhóm này đấu tranh chống lại Tổng Hội đồng, mưu toan đổi lập Hội đồng Anh với Tổng hội đồng, đồng thời chống đối chính sách chủ nghĩa quốc tế vô sản do Hội đồng thực hiện trong vấn đề Ai-rơ-len (xem chú thích 93). Trong cuộc đấu tranh này, Hây-đơ và đồng bọn đã cấu kết với bọn vô chính phủ ở Thụy Sĩ, với các phần tử cải lương tư sản ở Mỹ v.v.. Sau Đại hội La Hay, bộ phận cải lương trong Hội đồng Liên chi hội Anh đã không thừa nhận nghị quyết của Đại hội, cùng với những người theo phái Ba-cu-nin mở một chiến dịch vu khống chống lại Tổng Hội đồng và Mác. Chống lại nhóm này là một bộ phận khác của Hội đồng Anh (bao gồm Vích-ke-ri. Rai-li, Mìn-ne-rơ, Le-xne v.v.), những người này ủng hộ tích cực Mác và Ăng-ghe-nen. Vào đầu tháng Chạp 1872 trong Hội đồng Liên chi hội Anh có sự phân liệt: một bộ phận trung thành với nghị quyết của Đại hội La Hay, đã cấu thành Hội đồng Liên chi hội Anh và liên hệ trực tiếp với Tổng Hội đồng mà trụ sở đã chuyển đến Niu Ốc. Mác và Ăng-ghe-nen tích cực giúp đỡ Hội đồng Anh trong việc tổ chức công việc. Âm mưu của bọn cải lương hòng lôi kéo về phía mình Liên chi hội Anh của Quốc tế đã bị phá sản.

Hội đồng Liên chi hội Anh thực tế tồn tại cho đến cuối năm 1874. Việc chấm dứt hoạt động của họ, tổng này gắn liền với việc chấm dứt hoạt động của toàn thể Quốc tế và cũng gắn liền với thắng lợi tạm thời của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Anh. — 17.

15 Đây muốn nói đến nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn IX năm 1871 "Về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân", trong đó trình bày luận điểm về sự cần thiết phải tổ chức một chính đảng của giai cấp công nhân, coi đó là điều kiện tất yếu đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa và để đạt mục tiêu cuối cùng của nó là xây dựng một xã hội không có giai cấp (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.557-559), - 17.

16 Đây muốn nói đến nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn II năm 1871 "Về tên gọi

các hội đồng quốc gia v.v."; nghị quyết này ngăn không cho các nhóm bè phái thâm nhập vào Quốc tế (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.553-555). — 17.

17 Đây muốn nói đến lời kêu gọi của Ba-cu-nin "Gửi những người bạn Nga. Ba Lan, và toàn thể những người Xla-vơ" đăng trong phụ trương của báo "Cái chuông", số 122-123, tháng Hai 1862.

"*Cái chuông*" - tờ báo dân chủ cách mạng Nga do A.I. Ghéc-xen và N.P. O-ga-rép xuất bản bằng tiếng Nga vào những năm 1857-1867 và bằng tiếng Pháp có phụ lục tiếng Nga vào các năm 1868-1869; được in ở Luân Đôn cho đến năm 1865, sau đó ở Giơ-ne-vơ. — 18.

18 *Đồng minh hoà bình và tự do* - một tổ chức tư sản theo chủ nghĩa hoà bình, thành lập năm 1867 ở Thụy Sĩ bởi những người theo phái tự do và phái cộng hoà tư sản và tiểu tư sản. — 18.

19 Đây muốn nói đến nghị quyết do M.Ba-cu-nin đưa ra ngày 23 tháng Chín 1868 tại đại hội của Đồng minh hoà bình và tự do họp ở Béc-no nhân dịp thảo luận dự thảo cương lĩnh của Đồng minh. Để bảo vệ đề nghị của mình, Ba-cu-nin đã đọc hai bài diễn văn, đăng trên báo "Cái chuông" số 14-15, ngày 1 tháng Chạp 1868. — 18.

20 Bản thông tri dẫn ra dưới đây của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế gửi Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa do Mác viết ngày 22 tháng Chạp 1868 nhân việc thảo luận tại phiên họp của Tổng Hội đồng vấn đề có kết nạp Đồng minh vào Quốc tế hay không.

Ngày 29 tháng Mười một 1868. I.Ph.Béch-cơ, thành viên uỷ ban lâm thời của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, đã gửi cho Tổng Hội đồng văn bản cương lĩnh và điều lệ của tổ chức này. Những văn kiện trên đã được tuyên đọc tại cuộc họp của Hội đồng ngày 15 tháng Chạp 1868. Cùng ngày, Mác đã gửi những văn kiện đó cho Ăng-ghe-nen, đề nghị ông cho ý kiến nhận xét của mình. Ăng-ghe-nen đã thực hiện lời yêu cầu đó ngày 18 tháng Chạp. Ngày 22 tháng Chạp, bản dự thảo trả lời Đồng minh - dưới dạng thư thông tri do Mác soạn có lưu ý đến những nhận xét của Ăng-ghe-nen - đã được G.I-ung đọc tại phiên họp của Tổng Hội đồng và được thông qua với sự thay đổi đôi chút. Bản thông tri - được gửi đi dưới



dạng thông báo mật (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1994, t.16, tr.460-462), lần đầu tiên được Mác và Ăng-ghe-n công bố trong ấn phẩm "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế". — 19.

21 Bản thông tri được dẫn dưới đây của Tổng Hội đồng do Mác viết để trả lời bức thư thứ hai của ban thường vụ trung ương của Đồng minh đề ngày 17 tháng Hai 1869 gửi Tổng Hội đồng, trong đó tuyên bố sẵn sàng giải tán Đồng minh quốc tế, nếu Tổng Hội đồng tán thành cương lĩnh của Đồng minh và thu nhận vào Quốc tế các chi hội địa phương của Đồng minh. Mác đã bàn bạc thống nhất nội dung bức thư với Ăng-ghe-n: bức thư đã được nhất trí thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 9 tháng Ba 1869 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.472-474). Lần đầu tiên, văn kiện này được Mác và Ăng-ghe-n công bố trong tác phẩm "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế". — 21.

22 *Vụ án Ne-sa-ép* - là vụ án xử những thanh niên học sinh bị kết tội hoạt động cách mạng bí mật, bị đưa ra xét xử ở Pê-téc-bua tháng Bảy - tháng Tám 1871 (chi tiết về vụ này, xin xem trong tập này, tr.537-576). Tài liệu về vụ án được đăng trên báo "Tin tức Xanh Pê-téc-bua".

Hội nghị Luân Đôn đã uỷ nhiệm cho U-tin viết bản báo cáo vắn tắt về vụ án Ne-sa-ép để trình lên Tổng Hội đồng trước khi công bố. Thay cho bản tường trình cuối tháng Tám năm 1872. U-tin đã gửi cho Mác và Đại hội La Hay của Quốc tế một bản báo cáo mật trình bày tường tận về hoạt động thù địch của Ba-cu-nin và Ne-sa-ép đối với Hội liên hiệp. — 24.

23 "*Le Progrès*" ("Tiến bộ") - tờ báo của Ba-cu-nin, công khai chống lại Tổng Hội đồng, xuất bản bằng tiếng Pháp tại Lốc-lơ dưới sự chủ biên của Ghi-ôm từ tháng Chạp 1868 đến tháng Tư 1870. — 24.

24 "*L'Égalité*" ("Bình đẳng") - tờ tuần báo Thụy Sĩ, cơ quan ngôn luận của Liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man của Quốc tế, xuất bản ở Giơ-ne-vơ bằng tiếng Pháp từ tháng Chạp 1868 đến tháng Chạp 1872. Từ tháng Mười một 1869 đến tháng Giêng 1870 những người trong ban biên tập của tờ báo này như Ba-cu-nin, Pe-rôn, Rô-bóc v.v. mưu toan dùng tờ báo này để công kích Tổng Hội đồng của Quốc

tế. Tuy nhiên, tháng Giêng 1870, hiện đại hóa Liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man đã thay đổi được thành phần ban biên tập và đưa ra khỏi ban biên tập những kẻ theo Ba-cu-nin. Sau đó, tờ báo bắt đầu ủng hộ đường lối của Tổng Hội đồng. — 24.

25 Đây muốn nói đến bức thư thông tri Mác viết nhan đề "Tổng Hội đồng gửi Hội đồng Liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man của Thụy Sĩ" đã được phê chuẩn tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 1 tháng Giêng 1870 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.521-531). — 25.

26 "*L'Étavail*" ("Lao động") - tờ tuần báo Pháp, cơ quan ngôn luận của các chi hội Pa-ri của Quốc tế, xuất bản từ ngày 3 tháng Mười đến 12 tháng Chạp 1869 tại Pa-ri. Một trong những cộng tác viên chính của báo là nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Pháp, thợ đóng sách Va-rơ-lin. — 26.

27 *Liên minh phúc lợi xã hội* - liên minh của giới quý tộc phong kiến, xuất hiện vào cuối năm 1464 ở Pháp, chủ trương chống lại chính sách của vua Lui XI là hợp nhất nước Pháp thành một nhà nước tập quyền thống nhất, các thành viên của Liên minh đấu tranh dưới ngọn cờ của những chiến sĩ đấu tranh "vì phúc lợi chung" của nước Pháp. — 27

28 "*La Solidarité*" ("Đoàn kết") - tờ tuần báo của phái Ba-cu-nin, xuất bản bằng tiếng Pháp từ tháng Tư đến tháng Chín 1870 ở Nơ-sa-ten và từ tháng Ba đến tháng Năm 1871 ở Giơ-ne-vơ. — 27.

29 "*Công xưởng*" ("*La Fabrique*") - là tên gọi vào thời kỳ đó của cơ sở sản xuất đồng hồ và các đồ mỹ nghệ ở Giơ-ne-vơ và các vùng ngoại vi. Việc sản xuất này được tiến hành trong các xưởng lớn và nhỏ thuộc kiểu công trường thủ công hoặc do các công nhân sản xuất tại nhà. — 27.

30 Về nghị quyết về Ban chấp hành Liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man của Thụy Sĩ được Tổng Hội đồng thông qua theo đề nghị của Mác (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1994, t.16, tr.585). — 28.

31 Đây muốn nói đến lời kêu gọi thứ hai của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công

- nhân quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ, do Mác thảo ra và được Tổng Hội đồng của Quốc tế thông qua ngày 9 tháng Chín 1870 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.362 - 374). — 28.
- 32 Đây muốn nói đến lời kêu gọi "Gửi các chi hội của Quốc tế", đề ngày 5 tháng Chín 1870, do những người thuộc phái Ba-cu-nin là Gi.Ghi-ôm và G.Blăng thảo ra và được công bố ở Nơ-sa-ten dưới hình thức phụ trương của báo "Solidarite", số 22. — 29.
- 33 *Cuộc khởi nghĩa Li-ông* bắt đầu ngày 4 tháng Chín 1870 nhân được tin về thất bại ở Xê-dăng. Ngày 15 tháng Chín. Ba-cu-nin đến Li-ông và âm mưu giành quyền lãnh đạo phong trào và thực hiện cương lĩnh vô chính phủ của mình. Ngày 28 tháng Chín, bọn vô chính phủ thực hiện âm mưu đảo chính. Cuộc đảo chính này đã bị thất bại do thiếu sự liên hệ giữa Ba-cu-nin và bọn vô chính phủ với công nhân, thiếu một kế hoạch hành động rõ ràng, cụ thể. — 29.
- 34 Trong bức thư đề ngày 10 tháng Tám 1871 gửi cho I-ung, thư ký của thông tấn về khu vực Thụy Sĩ, thì Giu-cốp-xki, thư ký chi hội theo Ba-cu-nin mang tên "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chi hội trung tâm", đã gửi kèm theo nghị quyết về việc tự giải tán của chi hội đã được thông qua ngày 6 tháng Tám 1871. — 29.
- 35 Xem "Compte rendu du IV<sup>e</sup> Congrès International, tenu à Bâle, en septembre 1869". Bruxelles, 1869, p.172. Bản dịch nghị quyết này ra tiếng Nga, xin xem Đại hội Ba-lơ của Quốc tế I, 6-11 tháng Chín 1869, M. 1934, tr.87. — 29.
- 36 Tháng Tư 1870 Rô-bóc - một người theo phái Ba-cu-nin - đã đề nghị Hội đồng Liên chi hội Pa-ri công nhận Ban chấp hành liên chi, do những người theo chủ nghĩa vô chính phủ lập ra tại đại hội ở Sô-dơ-Phôn, với tư cách là Ban chấp hành Liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man, đồng thời tuyên bố trên báo "La Marseillaise" ("La Mác-xây-e"), rằng chỉ có những người ủng hộ uỷ ban này mới là thành viên thực sự của Quốc tế. Sau khi nghe Tổng Hội đồng giải thích cho các uỷ viên ý nghĩa của sự chia rẽ đang xảy ra ở Thụy Sĩ, Hội đồng liên chi hội Pa-ri cho rằng mình không có quyền can thiệp vào vấn đề này, - là vấn đề cần phải được xem xét trong Tổng Hội đồng. — 30.

- 37 Đây muốn nói đến nghị quyết XVII của Hội nghị Luân Đôn họp năm 1871 "Về sự chia rẽ trong khu vực ngôn ngữ Rô-man của Thụy Sĩ".
- Trong cuốn sách in riêng các nghị quyết của Hội nghị có đăng văn bản tóm tắt nghị quyết này. Toàn văn nghị quyết được đăng trên báo "Egalité" số 20, ngày 21 tháng Mười 1871 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.566-569). — 30.
- 38 B.Malon "La troisième défaite du prolétariat français" Neuchâtel, 1871, (B.Ma-lông. "Thất bại lần thứ ba của giai cấp vô sản Pháp", Nơ-sa-ten. 1871). — 31.
- 39 *Chi hội tuyên truyền và hành động cách mạng xã hội chủ nghĩa* ra đời ngày 6 tháng Chín 1871 thay cho chi hội Giơ-ne-vơ đã bị giải thể tháng Tám là chi hội "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa". Trong tổ chức này, ngoài những thành viên cũ của chi hội như Giu-cốp-xki, Pe-rôn v.v. còn có một số người lưu vong Pháp như Gi.Ghết và Ma-lông. — 31.
- 40 "*La Révolution Sociale*" ("Cách mạng xã hội") - tờ tuần báo, xuất bản bằng tiếng Pháp ở Giơ-ne-vơ từ tháng Mười 1871 đến tháng Giêng 1872, từ tháng Mười một 1871 là cơ quan ngôn luận chính thức của Liên chi hội Giuy-ra vô chính phủ. — 32.
- 41 A.Leo. "La guerre sociale. Discours prononcé au Congrès de la paix à Lausanne 1871". Neuchâtel 1871, p. 7 (A.Lê-ô. "Chiến tranh xã hội. Diễn văn đọc tại Đại hội Lô-dan, 1871". Nơ-sa-ten. 1871, tr.7). — 32.
- 42 "*Le Figaro*" ("Phi-ga-rô")- tờ báo Pháp phản động, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1826; có liên hệ với chính phủ của Đế chế II.
- "*Le Gaulois*" ("Người Gô-loa") - tờ nhật báo của phái quân chủ bảo thủ, cơ quan ngôn luận của giai cấp đại tư sản và quý tộc, xuất bản tại Pa-ri từ năm 1867 đến năm 1929.
- "*Paris - Journal*" ("Báo Pa-ri") - tờ nhật báo phản động có liên hệ với cảnh sát, do Hăng-ri Đờ Pen xuất bản tại Pa-ri từ năm 1868 đến 1874. Tờ báo này chủ trương ủng hộ chính sách của Đế chế II và sau khi Đế chế II tan rã thì quay sang ủng hộ chính phủ phòng thủ dân tộc và chính phủ của Chi-e: tiến hành vụ khủng bố thủ đối với Quốc tế và Công xã Pa-ri. — 32.
- 43 Đây là nói về bản nghị quyết được Tổng Hội đồng thông qua theo đề nghị của

Mác ngày 7 tháng Bảy 1868 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.425). Sở dĩ cần phải ra nghị quyết này là vì có bài diễn văn do Ph.Pi-a đọc tại cuộc mít-tinh ngày 29 tháng Sáu 1868 nhân dịp kỷ niệm cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của giai cấp vô sản Pa-ri năm 1848. Trong bài diễn văn này, Pi-a công khai kêu gọi tiến hành những hành động khủng bố chống lại Na-pô-lê-ông III. Trên tờ báo Bruy-xen "La Cigale" ("Con đé mèn"), trong bài tường thuật về cuộc họp, Ph. Pi-a được giới thiệu như một trong số những nhà lãnh đạo của Quốc tế. Điều khẳng định này được nhiều báo khác lặp lại.

Sau khi bản nghị quyết xuất hiện trên báo chí, trong nội bộ chi hội Pháp ở Luân Đôn, trong đó Ph. Pi-a là thành viên, đã diễn ra sự phân liệt. Các đại diện vô sản (như Ô.Đuy-pông, G.I-ung, P.La-phác-gơ v.v.) đã rời bỏ hàng ngũ chi hội này, biểu lộ sự bất bình trước sách lược phiêu lưu và khiêu khích của Pi-a. Nhóm Pi-a, sau khi đã cắt đứt liên hệ với Quốc tế, vẫn tiếp tục tự xưng là "Chi hội Pháp ở Luân Đôn" và in các tài liệu nhân danh Hội liên hiệp công nhân quốc tế, đồng thời nó đã nhiều lần ủng hộ các nhóm phi vô sản đang đấu tranh chống đường lối của Mác trong Tổng Hội đồng. — 34.

- 44 Suốt năm 1869, trong Tổng Hội đồng đã nhiều lần nêu ra vấn đề chính thức đoạn tuyệt với nhóm những người Pháp tiểu tư sản sống lưu vong ở Luân Đôn tán thành Ph. Pi-a \*xen chú thích trên). Đến mùa xuân 1870, sự phân định ranh giới này trở nên đặc biệt cần thiết, bởi vì vào lúc này, ở Pháp đang xúc tiến vụ án thứ ba chống lại các thành viên Quốc tế, những người bị khép tội lập mưu ám sát Na-pô-lê-ông III; các tài liệu buộc tội được nhắc đến là các văn kiện của cái gọi là chi hội Pháp ở Luân Đôn, trong đó có lời kêu gọi được thông qua tại cuộc họp ngày 20 tháng Mười 1869, trong đó Quốc tế được đồng nhất với tổ chức bí mật của những người cộng hoà có tên gọi là Công xã cách mạng, do Ph. Pi-a cầm đầu. Nhân việc này, Mác đã viết một dự thảo nghị quyết được Tổng Hội đồng thông qua ngày 10 tháng Năm 1870, trong đó chỉ rõ rằng Quốc tế không có điểm gì chung với nhóm này (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.586). Thực chất lý do của việc bắt bớ các thành viên Quốc tế ở Pháp là việc Hội đồng Liên chi hội Pa-ri công bố bản tuyên ngôn ngày 24 tháng Tư 1870, trong đó vạch trần ý nghĩa

của cuộc trưng cầu dân ý đã được chuẩn bị (xem chú thích 159 và 160).

"*La Marseillais*" ("Mác-xây-e") - tờ nhật báo Pháp, cơ quan của những người cộng hoà phái tả xuất bản ở Pa-ri từ tháng Chạp 1869 đến tháng Chín 1870. Trên báo có đăng các tài liệu về hoạt động của Quốc tế và các tài liệu về phong trào công nhân.

"*Le Réveil*" ("Thức tỉnh") - tờ tuần báo Pháp, từ tháng Năm 1869 là báo hàng ngày, cơ quan của phái cộng hoà cánh tả, xuất bản dưới sự chủ biên của S. Đê-lê-cluy-dơ ở Pa-ri từ tháng Bảy 1868 đến tháng Giêng 1871. Báo này đã đăng các văn kiện của Quốc tế và các tài liệu về phong trào công nhân. — 35.

- 45 Vấn đề hoạt động gián điệp của Duy-răng, nhân viên của sở cảnh sát Pháp đã lọt vào Quốc tế dưới danh nghĩa là một trong số những người lãnh đạo chi hội Pháp năm 1871, đã được đưa ra xem xét ngày 7 tháng Mười 1871 tại phiên họp đặc biệt của Tổng Hội đồng, trong đó đã dẫn ra việc trao đổi thư từ giữa Duy-răng và các quan chức cảnh sát. Theo chỉ thị của cảnh sát, Duy-răng phải lọt vào Hội nghị Luân Đôn với mục tiêu do thám, đồng thời tham gia trong thành phần của Tổng Hội đồng. Nghị quyết về việc khai trừ Duy-răng đã được Ăng-ghe-n thảo ra và được nêu ra tại phiên họp của Tổng Hội đồng (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.575). — 35.
- 46 Nghị quyết ngày 17 tháng Mười 1871 về điều lệ của chi hội Pháp năm 1871 do Mác thảo ra và được Tổng Hội đồng nhất trí thông qua. Hội đồng chỉ ra rằng, mâu thuẫn giữa điều lệ của chi hội này với Điều lệ chung đã cản trở việc chấp nhận chi hội này vào Quốc tế. Văn bản nghị quyết được lưu giữ dưới hình thức bản viết tay của thư ký - thông tin viên về khu vực Pháp là Ô-Xê-rai-ơ (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr. 578-582). — 36.
- 47 Ngày 7 tháng Mười một 1871, Tổng Hội đồng đã thảo luận thư trả lời của chi hội Pháp năm 1871. Trong thư đề ngày 31 tháng Mười, chi hội này tuyên bố không tán thành nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 17 tháng Mười 1871 (xem chú thích 46) và tiến hành công kích Tổng Hội đồng. Về vấn đề này, Ô.Xê-rai-ơ đã làm một bản thông báo, đưa vào đó bản nghị quyết do Mác thảo ra và được

- Tổng Hội đồng nhất trí tán thành (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.610-616). Nghị quyết này lần đầu tiên được công bố (không đầy đủ) trong tác phẩm "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế". — 36.
- 48 "Déclaration de la Section française fédéraliste de 1871, siégeant à Londres". Londres. 1871 ("Tuyên bố của chi hội liên bang Pháp năm 1871 tại Luân Đôn". Luân Đôn, 1871). Phía trên đầu đề cuốn sách, chi hội này đề những từ sau đây; "Hội liên hiệp công nhân quốc tế" - mặc dù Tổng Hội đồng đã từ chối không chấp nhận chi hội này. — 39.
- 49 Đây muốn nói đến bản nghị quyết gồm 2 phần, nhan đề: "Những nghị quyết đặc biệt của hội nghị", trong đó nhấn mạnh rằng, công nhân Đức đã thực hiện được nghĩa vụ quốc tế của mình; cơ sở của bản nghị quyết này là những kết luận nằm trong bài phát biểu của Mác về tình hình quốc tế ở Đức và ở Anh (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1994, t.17, tr.560). — 39.
- 50 Đây muốn nói đến bức thư ngày 11 tháng Mười một 1871 của thư ký thông tin viên về khu vực Pháp là Ô.Xê-rai-ơ gửi tổng biên tập báo "Qui vive!" Véc-mec-sơ. Bức thư này được đăng trên báo "Qui vive!" ngày 16 tháng Mười một 1871 và trên một loạt báo khác.
- "*Qui vive!*" ("Ai Đó!") là tờ nhật báo, xuất bản bằng tiếng Pháp năm 1871 ở Luân Đôn, cơ quan ngôn luận của chi hội Pháp năm 1871. — 29.
- 51 Đây muốn nói đến việc công bố chính thức Điều lệ chung và Quy chế tổ chức Quốc tế do Tổng Hội đồng - được sự uỷ nhiệm của Hội nghị Luân Đôn năm 1871 - chuẩn bị các bản tiếng Anh và tiếng Pháp được xuất bản ở Luân Đôn, trong đó bản tiếng Anh được xuất bản vào nửa đầu tháng Mười một, còn bản tiếng Pháp thì được xuất bản vào tháng Chạp 1871: "General Rule and Administrative Regulations of the International Working Men's Association. Official edition revised by the General Council" và "Statuts Généraux et Règlements Administratifs de l'Association Internationale des Travailleurs. Edition officielle, revue par le Conseil Général". Văn bản chính thức bằng tiếng Đức được in trên báo "Volksstaat" số 12, ngày 10 tháng Hai 1872 và đồng thời được

- in thành cuốn sách riêng dưới nhan đề: "Allgemeine Statuten und Verwaltungs - Verordnung der Internationalen Arbeiter - Association. Amtliche deutsche Ausgabe, revidiert durch den Generalrath". Leipzig, Verlag der Expedition des "Volksstaat", 1872.
- Bản dịch tiếng Nga của Điều lệ chung và Quy chế tổ chức, xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.583-603. — 40.
- 52 "Congrès ouvrier de l'Association Internationale des Travailleurs tenu à Genève du 3 au 8 Septembre 1866", Genève, 1866, p.27. note. — 40.
- 53 "Troisième procès de l'Association Internationale des Travailleurs à Paris", Paris, 1870, p.4. — 41.
- 54 Đây muốn nói đến bản nghị quyết XVII của Hội nghị Luân Đôn "Về sự phân liệt trong vùng nói tiếng Rô-man Thụy Sĩ", trong đó đề nghị các chi hội vô chính phủ đã từ bỏ Liên chi hội Rô-man hãy lấy tên gọi là "Liên chi hội Giuy-ra" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.563). — 42.
- 55 Đây muốn nói đến bản nghị quyết do Ma-lông. Le-phơ-ran-xơ và Ô-xtin đưa ra tại cuộc họp các chi hội Giơ-ne-vơ ngày 2 tháng Chạp 1871, nhằm chống lại Tổng Hội đồng của Quốc tế và chống các nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn và dựa trên sự xuyên tạc các văn kiện của Quốc tế. Cuộc họp của liên chi hội đã bác bỏ dự thảo mang tính chất vô chính phủ và đã thông qua nghị quyết ủng hộ các nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn và tỏ sự đồng tình hoàn toàn với hoạt động của Tổng Hội đồng. Dự thảo nghị quyết có tính chất vô chính phủ của Ma-lông được đăng trên báo "Révolution Sociale" số 7, ngày 7 tháng Chạp 1871. — 43.
- 56 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.563. — 44.
- 57 Đây muốn nói đến bản thông tri ngày 6 tháng Sáu 1871 của bộ trưởng ngoại giao gửi các đại diện ngoại giao của Pháp, trong đó Giuy-lơ Pha-vơ, kêu gọi tất cả các chính phủ tập hợp lại trong cuộc đấu tranh chung chống lại Quốc tế. Về bản tuyên bố của Tổng Hội đồng do Mác và Ăng-ghe-n viết nhân việc Gi.Pha-vơ

ra thông tri nói trên, xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.491-492. Đồng thời cũng có ý nói đến bản báo cáo do Xa-ca-dơ viết ngày 5 tháng Hai 1872 thay mặt uỷ ban xem xét dự luật của Đuy-phô-rơ (xem chú thích 10). — 49.

58 Ở đây và ở đoạn tiếp theo, Mác trích dẫn Điều lệ của Quốc tế được Đại hội Giơ-ne-vơ thông qua và xuất bản ở Luân Đôn bằng tiếng Anh ("Rules of the International Working Men's Association" 1867). — 52.

59 Ở đây viết lầm. Điều 6 của Điều lệ chung được thông qua tại đại hội của Quốc tế họp tại Giơ-ne-vơ năm 1866. Xem "Congrès ouvrier de l'Association Internationale des Travailleurs à Genève du 3 au 8 septembre 1866", Genève. 1866. p. 13-14 ("Đại hội công nhân của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, họp ở Giơ-ne-vơ từ ngày 3 đến ngày 8 tháng Chín 1866". Giơ-ne-vơ, 1866, tr.13-14). — 54.

60 *Liên đoàn lao động* được thành lập ở Tu-rin mùa thu năm 1871 và chịu ảnh hưởng của phái Mát-di-ni. Tháng Giêng 1872 một số phần tử vô sản tách ra khỏi liên đoàn và thành lập hội *Giải phóng người vô sản*, về sau được chấp nhận là chi hội của Quốc tế. Đứng đầu tổ chức này cho đến tháng Hai 1872 là tên mặt vụ cảnh sát Téc-xa-ghi.

"*II Proletario*" ("Người vô sản") - tờ báo I-ta-li-a xuất bản ở Tu-rin từ năm 1872 đến 1874, lên tiếng bảo vệ phái Ba-cu-nin chống lại Tổng Hội đồng và các nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn. - 55.

61 "Troisième Congrès de l'Association Internationale des Travailleurs. Compte rendu officiel". Bruxelles, septembre 1868. Supplément au journal "Le Peuple Belge". p.50 ("Đại hội lần thứ ba của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Báo cáo chính thức". Bruy-xen, tháng Chín 1868. Phụ trương báo "Dân tộc Bỉ", tr.50). -56.

62 Đây muốn nói đến cương lĩnh của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế do Ba-cu-nin soạn thảo và được in riêng thành truyền đơn bằng tiếng Pháp và tiếng Đức tại Giơ-ne-vơ năm 1868. Toàn văn cương lĩnh này được Mác và Ăng-ghe-n dẫn ra trong tác phẩm: "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế" — 59.

63 Đây muốn nói đến bài báo của M.Ba-cu-nin "Tổ chức Quốc tế" đăng trên niên giám của phái vô chính phủ. "Almanach du Peuple pour 1872" ("Sách lịch nhân dân năm 1872"). — 61.

64 Tháng Mười một 1871, nhà dân chủ tư sản Xtê-pha-nô-ni đưa ra dự án thành lập "Tông hội những người duy lý chủ nghĩa" mà cương lĩnh của nó là sự hỗn tạp giữa các quan điểm dân chủ tư sản với những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng tiểu tư sản (tổ chức các trại canh tác tập trung nhằm giải quyết vấn đề xã hội v.v.). Mục đích của hội này, theo lời thú nhận của chính Xtê-pha-nô-ni, là đánh lạc hướng sự chú ý của công nhân khỏi Quốc tế và cản trở ảnh hưởng đang lan rộng của Quốc tế ở I-ta-li-a, đồng thời Xtê-pha-nô-ni tuyên bố đoàn kết với Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc bút chiến mở đầu sau khi công bố dự thảo cương lĩnh của hội. Xtê-pha-nô-ni đưa ra những bài báo vu khống chống lại Tổng Hội đồng, chống lại Mác và Ăng-ghe-n. Tư liệu để viết các bài ấy Xtê-pha-nô-ni lấy từ các báo của Lát-xan, từ Phô-gơ. Sự vạch trần của Mác và Ăng-ghe-n về mục tiêu thực sự của Xtê-pha-nô-ni và mối quan hệ trực tiếp của phái vô chính phủ với phái dân chủ tư sản (về thư của Ăng-ghe-n gửi ban biên tập tờ "Gazzettino Rosa" xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.641-643; về bài báo của Mác "Lại nói về ngài Xtê-pha-nô-ni và Quốc tế" xem tập này, tr.114-118), cũng như những sự phản đối của nhiều nhà hoạt động trong phong trào công nhân I-ta-li-a đối với bản dự thảo của Xtê-pha-nô-ni đã làm thất bại âm mưu của ông ta hòng đặt phong trào công nhân I-ta-li-a dưới ảnh hưởng của giai cấp tư sản.

"*Gazzettino Rosa*" - tờ nhật báo I-ta-li-a, xuất bản ở Mi-la-nô từ năm 1867 đến năm 1873; trong những năm 1871 - 1872 tờ báo này đã đấu tranh bảo vệ Công xã Pa-ri, công bố các văn bản của Hội liên hiệp công nhân quốc tế; từ năm 1872 báo này chịu ảnh hưởng của phái Ba-cu-nin. - 65.

65 "*Bọn áo trắng*", hay là phái "*áo choàng trắng*" là tên gọi của những băng đảng do cơ quan cảnh sát của Đế chế II tổ chức ra. Bọn này là những phần tử thoái hoá giai cấp, tự xưng là công nhân, chúng tổ chức các cuộc biểu tình và hoạt động khiêu khích, để tạo ra cái cớ cho nhà cầm quyền truy nã các tổ chức công nhân thật sự. — 65.

- 66 "*Neuer Social - Demokrat*" ("Người dân chủ xã hội mới") - tờ báo Đức, xuất bản ở Béc-lin, 3 lần trong một tuần lễ từ năm 1871 đến năm 1876; là cơ quan của Liên đoàn công nhân toàn Đức do Lát-xan sáng lập; xu hướng của tờ báo này phản ánh hoàn toàn chính sách của phái Lát-xan là thích nghi với chế độ Bít-xmác và ve vãn các giai cấp thống trị ở Đức, đồng thời biểu hiện chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa dân tộc của các thủ lĩnh phái Lát-xan. Đứng trên lập trường bè phái, tờ báo liên tục đấu tranh chống lại ban lãnh đạo mác-xít của Quốc tế và chống lại Đảng công nhân dân chủ xã hội Đức; nó ủng hộ hoạt động của phái Ba-cu-nin và của những đại diện các khuynh hướng phi vô sản khác thù địch với Tổng Hội đồng. — 65.
- 67 Đại hội của Liên chi hội Bỉ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp trong hai ngày 24 và 25 tháng Chạp 1871, khi thảo luận bản thông tư Xông-vi-li-ê, đã không ủng hộ yêu sách của bọn vô chính phủ Thụy Sĩ đòi phải triệu tập ngay đại hội toàn thể Quốc tế. Bên cạnh đó, đại hội này thông qua nghị quyết uỷ nhiệm cho Hội đồng liên chi hội Bỉ soạn thảo điều lệ mới của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Trong bản dự thảo điều lệ này, được xây dựng trên lập trường vô chính phủ và đã được thảo luận tại đại hội của Liên chi hội Bỉ tháng Bảy 1872. Tổng Hội đồng đã bị bãi bỏ. — 66.
- 68 A.Richard et G.Blanc: "*L'Empire et la France nouvelle, Appel du Peuple et de la Jeunesse à la conscience française*". Bruxelles. 1872. — 66.
- 69 Những nghị quyết này về tình trạng chia rẽ trong liên chi hội của Quốc tế ở Mỹ do Mác viết và được thông qua theo đề nghị của Mác tại các phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 5 và 12 tháng Ba 1872.

Tháng Chạp 1870, ở Niu Oóc, một Ủy ban trung ương đã được thành lập với tư cách là cơ quan lãnh đạo Quốc tế ở Mỹ với sự tham gia của các đại diện một số chi hội. Hai chi hội số 9 và số 12 sáp nhập với các chi hội trên vào tháng Bảy 1871 - đứng đầu là Ut-han và Cla-phơ-lin, những người phụ nữ chủ trương nan nữ bình đẳng theo kiểu tư sản - đã thay mặt Quốc tế mở cuộc tuyên truyền cho những cải cách tư sản. Đối lập mình với "các chi hội nước ngoài" (như các chi hội Đức, Pháp, Ai-rơ-len), đặc biệt là với chi hội Đức số 1 ở Niu Oóc do Ph.A.Doóc-gơ lãnh đạo, những người ủng hộ Ut-han và Cla-phơ-lin đã mưu toan sử dụng các tổ chức của Quốc tế vào những mục đích của mình. Ngày 27

tháng Chín 1871, chi hội số 12 đã bí mật, không cho Ban Chấp hành trung ương Niu Oóc biết, đã yêu cầu Tổng Hội đồng công nhận mình là chi hội lãnh đạo của Quốc tế ở Mỹ; đồng thời chi hội này còn tiến hành trên báo chí một chiến dịch chống những chi hội - thuộc Hội liên hiệp - bảo vệ tính chất vô sản của tổ chức này. Với bản nghị quyết ngày 5 tháng Mười một 1871 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr. 874). Tổng Hội đồng đã bác bỏ yêu sách của chi hội số 12 và xác nhận quyền hạn của Ban Chấp hành trung ương Niu Oóc. Thế nhưng sau sự kiện này, chi hội 12 vẫn tiếp tục hoạt động của mình, làm tăng thêm các phần tử tiểu tư sản trong một số tổ chức của Quốc tế ở Mỹ và gây nên sự chia rẽ giữa các chi hội vô sản và tiểu tư sản vào tháng Chạp 1871. ở Niu Oóc đã thành lập Hội đồng liên chi hội lâm thời bao gồm Doóc-gơ. Bôn-tê v.v.. và một uỷ ban thứ hai đứng đầu là Ut-han và những nhà cải cách tư sản khác thuộc chi hội số 12. Tổng Hội đồng kiên quyết ủng hộ phái vô sản trong Liên chi hội Bắc Mỹ; chi hội số 12 bị khai trừ khỏi Quốc tế từ trước đại hội thường kỳ. Ngày 28 tháng Năm 1872, Tổng Hội đồng công nhân Hội đồng liên chi hội lâm thời là cơ quan lãnh đạo duy nhất của Quốc tế ở Mỹ. Đại hội Liên chi hội Bắc Mỹ họp tháng Bảy 1872 đã bầu ra Hội đồng liên chi hội thường trực với thành phần gồm hầu hết là các uỷ viên của hội đồng lâm thời. Nguyên nhân cụ thể của sự chia rẽ trong Liên chi hội Mỹ được trình bày trong bài báo của Ăng-ghe-n "*Quốc tế ở Mỹ*" (xem tập này, tr. 130 - 139).

Các nghị quyết của Tổng Hội đồng được công bố trên các cơ quan ngôn luận của Quốc tế tại các nước, trong đó có báo "*Volksstaat*".

"*Der"Volksstaat*" ("Nhà nước nhân dân") là cơ quan trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức, xuất bản tại Lai-pxích từ ngày 2 tháng Mười 1869 đến ngày 29 tháng Chín 1876 (xuất bản hai lần trong tuần, và từ tháng Bảy 1873 - ba lần trong tuần). Tờ báo thể hiện quan điểm của khuynh hướng cách mạng trong phong trào công nhân Đức. Do thái độ dững dẫm cách mạng của mình, tờ báo luôn luôn bị Chính phủ và cảnh sát săn đuổi. Thành phần ban biên tập thay đổi luôn vì nhiều biên tập viên bị bắt, nhưng quyền lãnh đạo chung đối với tờ báo vẫn nằm trong tay líp-nếch. Giữ vai trò đáng kể trong tờ báo là Bê-ben, người quản lý nhà xuất bản "*Volksstaat*".

Mác và Ăng-ghen giữ mối quan hệ chặt chẽ với ban biên tập báo; trên các trang báo đăng đều đặn các bài báo của hai ông. Đánh giá cao hoạt động của báo "Volksstaat", Mác và Ăng-ghen chăm chú theo dõi công việc của báo, phê phán từng thiếu sót, sai lầm, uốn nắn lại đường lối của báo mà nhờ đó, nó đã trở thành một trong những tờ báo tiên tiến nhất của công nhân những năm 70 của thế kỷ XIX. — 72.

- 70 Đây muốn nói đến nghị quyết của Đại hội Ba-ler lần thứ sáu về các vấn đề tổ chức; nghị quyết này có tên là "Về thể thức khai trừ các chi hội ra khỏi Hội liên hiệp", nghị quyết này trao cho Tổng Hội đồng quyền khai trừ tạm thời đến đại hội thường kỳ, sau một số chi hội ra khỏi Quốc tế. — 74.
- 71 Có lẽ ở đây muốn nói đến một nhóm nhỏ các sinh viên người Xéc-bi và người B unga-ri ở Xuy-rích được tổ chức lại, dưới ảnh hưởng trực tiếp của những người theo phái vô chính phủ, thành một nhóm thuộc Đồng minh, với tên gọi Tám màn Xla-vơ. Sau những cố gắng đầu tiên tự tổ chức thành một chi hội của Quốc tế vào mùa xuân 1872 và bị Tổng Hội đồng khước từ không chấp nhận, tháng Sáu, tháng Bảy 1872, nhóm này gia nhập Liên chi hội Giuy-ra (cương lĩnh của nó do Ba-cu-nin viết); mùa hè năm 1873 nhóm này tán rã. — 74.
- 72 "*La Liberté*" ("Tự do") - tờ báo dân chủ Bỉ, xuất bản ở Bruy-xen từ năm 1865 đến năm 1873; trong những năm 1872 -1873 đã xuất bản hàng tuần; từ năm 1867 là một trong những cơ quan ngôn luận của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Bỉ. — 76.
- 73 G.Lefrancais. "étude sur le mouvement communiste à Paris, en 1871". Neuchâtel, 1871, p.92. — 76.
- 74 Lời phát biểu của Mác vạch trần báo "Paris - Journal" đã đăng bức thư giả mạo, xem C. Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.395, 389-401.

Theo đề nghị của Mác, thư ký - thông tin viên về khu vực nước Pháp của Tổng Hội đồng Ô.Xê-rai-ơ đã gửi bức thư ngày 16 tháng Ba 1871 đến một loạt báo, trong đó vạch trần báo "Paris - Journal".

"*Le Courrier de l'Europe*" ("Người đưa tin châu Âu") - tờ báo theo xu hướng

Oóc-lê-ăng, xuất bản ở Luân Đôn bằng tiếng Pháp trong những năm 1840 – 1889.

"*Die Zukunft*" ("Tương lai") - tờ báo dân chủ tư sản Đức, cơ quan ngôn luận của Đảng nhân dân, xuất bản năm 1867 ở Khuê-ních-xbéc, và từ năm 1868 ở Béc-lin. Bức thư của Mác - vạch trần bức thư giả mạo của tờ "Paris-Journal" được đăng trong số 73, ra ngày 26 tháng Ba 1871. — 76.

- 75 Tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 20 tháng Hai 1872 đã thông qua đề nghị của I-ung tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ nhất Công xã Pa-ri bằng một cuộc mít-tinh quần chúng tại Luân Đôn vào ngày 18 tháng Ba. Để chuẩn bị cho kỷ niệm một uỷ ban đặc biệt được bầu ra, trong đó có I-ung, Mác Đơ-nen, Min-nơ v.v.. Mác được phiên họp của Hội đồng ngày 12 tháng Ba phê duyệt làm một trong những diễn giả. Tiếp sau đó, I-ung đã yêu cầu Ăng-ghen chuẩn bị dự thảo các nghị quyết. Nhưng cuộc mít-tinh quần chúng đã không thành vì chủ nhân của nơi họp mít-tinh cuối cùng đã từ chối không cho mượn phòng. Tuy vậy, các thành viên Quốc tế và các cựu chiến sĩ Công xã Pa-ri cũng đã tập họp trong gian phòng chật hẹp của hội các chiến sĩ Công xã Pa-ri vào ngày 18 tháng Ba để làm lễ kỷ niệm cuộc cách mạng vô sản đầu tiên bằng một cuộc họp trọng thể. Tại cuộc họp này, theo đề nghị của các nhà hoạt động Công xã là Tây-xơ và Ca-me-li-na và Uỷ viên Tổng Hội đồng Min-nơ, người ta đã thông qua bản nghị quyết ngắn, mà văn bản hoàn toàn khớp với bản viết tay được lưu trữ bằng tiếng Pháp do Gi-en-ny, con gái Mác, viết lại có sự sửa chữa của Các Mác. Văn bản nghị quyết, không có tên tác giả, được đăng trong bài tường thuật về cuộc mít-tinh trên các báo "Eastern Post" ngày 23 tháng Ba. ""International Herald" ngày 30 tháng Ba và "Liberté" ngày 24 tháng Ba 1872.

"*The International Herald*" ("Người truyền tin quốc tế") - tờ tuần báo Anh xuất bản ở Luân Đôn từ tháng Ba 1872 đến tháng Mười 1873, từ tháng Năm 1872 đến tháng Năm 1873 thực tế là cơ quan ngôn luận chính thức của Hội đồng liên chi hội Anh thuộc Quốc tế; tờ báo đăng các bài tường thuật về các phiên họp của Tổng Hội đồng và Hội đồng Anh, các văn kiện của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, các bài báo của Mác và Ăng-ghen. Vào cuối năm 1872 đầu năm 1873, tờ báo đóng vai trò lớn trong cuộc đấu tranh chống những người theo chủ nghĩa cải lương, là những người đã tách ra khỏi Hội đồng Liên chi hội Anh. Từ tháng Sáu 1873, do sự xa rời phong trào công nhân của người xuất bản đồng

thời là tổng biên tập U.Rai-li nên Mác và Ăng-ghe-n đã ngừng cộng tác và thôi đăng trên báo các nghị quyết của liên chi hội Anh của Quốc tế. – 78.

76 *Chi hội Phe-re* (là tên gọi tưởng nhớ nhà hoạt động nổi tiếng của Công xã Pa-ri Tê-ô-phin Phe-re) - một trong những chi hội Pháp của Quốc tế được thành lập ở Pa-ri sau thất bại của Công xã. Chi hội này được hình thành đầy đủ vào tháng Tư 1872; đây là chỗ dựa cho mối liên hệ của Tổng Hội đồng với các tổ chức công nhân đang được khôi phục ở Pháp. Theo đề nghị của Mác, chi hội này đã được chấp nhận vào Quốc tế hồi tháng Bảy 1872, sau khi điều lệ của chi hội này đã được một uỷ ban đặc biệt về các điều lệ của Tổng Hội đồng xem xét. – 80.

77 Bản thảo "*Quốc hữu hoá ruộng đất*" do Mác viết vào tháng Ba - tháng Tư 1872 nhân cuộc thảo luận vấn đề quốc hữu hoá ruộng đất diễn ra trong chi hội Man-se-xơ của Quốc tế. Trong thư gửi Ăng-ghe-n ngày 3 tháng Ba, Đuy-pông đã thông báo về sự phức tạp trong quan điểm của các thành viên chi hội về vấn đề ruộng đất, và sau khi trình bày 5 điểm trong bài phát biểu sắp tới của mình. Đuy-pông đã đề nghị Mác và Ăng-ghe-n cho nhận xét để ông có thể xem xét lại trước khi họp chi hội. Mác đưa ra luận chứng tỷ mỉ những quan điểm của mình về vấn đề quốc hữu hoá ruộng đất. Ngày 8 tháng Năm 1872, Đuy-pông đã đọc báo cáo tại phiên họp của chi hội (bản báo cáo hoàn toàn trùng hợp với bản thảo được lưu giữ của Mác); bản báo cáo này được công bố ngày 15 tháng Sáu 1872 trên báo "International Herald" dưới nhan đề: "Quốc hữu hoá ruộng đất. Báo cáo đọc tại chi hội Man-se-xơ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế"; không có tên tác giả, cũng như tên người đọc báo cáo. – 82.

78 Trích dẫn báo cáo của Xê-da Đơ Pa-pa về quyền sở hữu ruộng đất tại phiên họp của Đại hội Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp tại Bruy-xen ngày 11 tháng Chín 1868. – 85.

79 Bức thư này do Ăng-ghe-n viết theo sự uỷ nhiệm của Tổng Hội đồng nhân việc Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha đề nghị gửi lời chào mừng tới đại hội thường kỳ của Liên chi hội Tây Ban Nha. Bức thư đã được đọc tại đại hội ngày 7 tháng Tư 1872 và đăng trên báo "Emancipacion".

Đại hội của Liên chi hội Tây Ban Nha của Quốc tế diễn ra tại Xa-ra-gốt từ ngày 4 đến ngày 11 tháng Tư 1872; tham gia đại hội có 45 đại biểu, đại diện

cho 31 chi hội địa phương. Theo chỉ thị của chính phủ, cảnh sát đã phá các phiên họp công khai của đại hội.

"*La Emancipacion*" ("Giải phóng") - tờ tuần báo, cơ quan ngôn luận của các chi hội Ma-đrít của Quốc tế, xuất bản tại Ma-đrít từ năm 1871 đến năm 1873. Từ tháng Chín 1861 đến tháng Tư 1872 là cơ quan của Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha; tiến hành đấu tranh chống ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ ở Tây Ban Nha. Trong các năm 1872 - 1873 trên báo này đăng "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", một số phần trong "Sự khốn cùng của triết học" và tập 1 bộ "Tur bản", một loạt các bài báo của Ăng-ghe-n mà một phần trong số đó được viết riêng cho báo này, – 87.

80 Thông cáo này do Mác viết nhân bài phát biểu vu khống của nghị sĩ A.B. Cò-cren tại hạ nghị viện, Bản thông cáo được Mác đọc ngày 16 tháng Tư tại phiên họp của Tổng Hội đồng. Theo quyết định của Hội đồng, thông cáo được in thành truyền đơn và đồng thời được đăng trên báo "Eastern Post". – 91.

81 Ở đây Mác muốn nói đến phân mở đầu cho "Điều lệ tạm thời của Hội liên hiệp công nhân quốc tế", trong đó Mác đã trình bày vào năm 1864, khi thành lập Quốc tế, những luận điểm có tính cương lĩnh của tổ chức quần chúng quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản. Phân mở đầu này được đưa vào Điều lệ chung mà không có sửa đổi gì và được *Đại hội Giơ-ne-vơ chuẩn y năm 1866*. Những nhiệm vụ đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản được trình bày trong đoạn thứ ba của văn kiện này, trong đó có nêu: "Do đó, sự giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế là mục tiêu vĩ đại mà bất kỳ phong trào chính trị nào cũng đều phải phục tùng với tư cách là một thủ đoạn:" (xem Mác và Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.24). Trong bản "Tuyên ngôn thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế" được soạn thảo đồng thời với "Điều lệ tạm thời". Mác nêu ra luận điểm cho rằng, "việc giành chính quyền như vậy đã trở thành nghĩa vụ vĩ đại của giai cấp công nhân", và ông kêu gọi giai cấp vô sản "nắm vững những bí mật của nền chính trị quốc tế, theo dõi hoạt động ngoại giao của chính phủ ở nước mình và khi cần thiết thì ngăn cản hoạt động đó bằng mọi phương tiện sẵn có trong tay mình" (xem C.Mác và Ph. Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.21, 22). – 92.



- 82 Đây muốn nói đến cuốn sách mỏng của Ba-cu-nin "Risposta d'un Internazionale a Giuseppe Mazzini". Milano, 1871 ("Trả lời của uỷ viên quốc tế gửi Giu-dép Mát-di-ni". Mi-la-nô. 1871); cuốn sách được ấn hành dưới hình thức phụ trương cho số 227, ngày 16 tháng Tám 1871, của báo "Gazzettino Rosa". – 92.
- 83 "*Die Volksstimme*" ("Tiếng nói nhân dân") - tờ báo công nhân Áo, cơ quan của phái dân chủ - xã hội, ủng hộ Tổng Hội đồng của Quốc tế; xuất bản tại Viên hai lần trong tháng, từ tháng Tư đến tháng Chạp 1869. – 93.
- 84 "*Le Père Duchêne*" ("Cha Duy-sen") - tờ nhật báo Pháp do Véc-méc-sơ xuất bản tại Pa-ri từ ngày 6 tháng Ba đến ngày 21 tháng Năm 1871; có xu hướng gần với báo chí của Blăng-ki. – 95.
- 85 Ở đây và ở những chỗ dưới đây, Mác trịnh dẫn lời phát biểu của Phô-xét tại hạ nghị viện ngày 12 tháng Tư 1872, được đăng trên báo "Times" ngày 13 tháng Tư 1872. – 96.
- 86 Bản dự luật về việc thành lập Cục thống kê lao động liên bang được hạ nghị viện quốc hội Mỹ thông qua, nhưng sau bị thượng nghị viện bác bỏ. – 97.
- 87 Bức thư gửi Hiệp hội công nhân Phê-ra-ra do Ăng-ghen viết để trả lời thông báo về việc thành lập hội và dự định của hội trở thành một chi hội của Quốc tế. Bức thư của Ăng-ghen cùng với những văn kiện có tính chất cương lĩnh của Hội liên hiệp mà ông gửi đến đã giúp cho các thành viên của hội khắc phục ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ. Ngày 7 tháng Năm. Tổng Hội đồng, theo đề nghị của Ăng-ghen, đã công nhận hội Phê-ra-ra là một chi hội của Quốc tế. – 99
- 88 Bài báo này mở đầu sự cộng tác thường xuyên của Ăng-ghen với báo I-ta-li-a "Plebe" kéo dài đến cuối năm 1872. Trước đó, năm 1871, báo vẫn đăng những đoạn trích dẫn các bức thư của Ăng-ghen và một số văn kiện của Tổng Hội đồng mà Ăng-ghen gửi tới I-ta-li-a. Theo yêu cầu của tổng biên tập báo E. Bi-na-mi, Ăng-ghen đã viết cho tờ báo này một loạt bài báo thường được đăng dưới nhan đề: "Những bức thư từ Luân Đôn"; kèm theo bài báo thứ nhất có chú thích như sau: "Với đầu đề này từ nay chúng tôi sẽ đăng những bức thư mà một công dân đáng kính đảm nhận viết cho chúng tôi từ Luân Đôn". Sự cộng tác của Ăng-ghen với báo "Plebe" bị gián đoạn từ đầu năm 1873 do sự truy nã của chính phủ, khiến cho việc xuất bản tờ báo một cách đều đặn không thể thực hiện được, đồng thời

do sự suy thoái chung của phong trào công nhân: và sự cộng tác ấy được nối lại vào năm 1877. Những bài báo của Ăng-ghen đăng trên tờ "Plebe" được Gi. Bô-di-ô đăng lại trong tuyển tập: "Karl Marx, Friedrich Engels. Scritti italiani". Milano - Roma. 1955 ("Các Mác. Phê-trích Ăng-ghen. Những tác phẩm cho I-ta-li-a", Mi-la-nô - Rô-ma. 1955). Đề mục của bài báo này. Cũng như của đa số những bài báo của Ăng-ghen trên tờ "Plebe" có in trong tập này, đều khớp với đầu đề trong tuyển tập của Bô-di-ô đã nói ở trên.

"*La Plebe*" ("Nhân dân") - tờ báo I-ta-li-a xuất bản dưới sự chủ biên của E. Bi-na-mi ở Lô-đi từ năm 1868 đến năm 1875 và ở Mi-la-nô từ năm 1875 đến năm 1883; cho đến đầu những năm 70 báo này theo khuynh hướng dân chủ - tư sản, sau đó trở thành tờ báo xã hội chủ nghĩa, trong hai năm 1872 - 1873 là cơ quan ngôn luận của các chi hội của Quốc tế ủng hộ Tổng Hội đồng trong cuộc đấu tranh chống phái vô chính phủ, đăng các văn kiện của Quốc tế và các bài báo của Ăng-ghen. – 101.

- 89 Năm 1830 - 1831 tại miền Đông và Nam nước Anh đã diễn ra các cuộc khởi nghĩa tự phát của công nhân nông nghiệp do tình cảnh vô cùng khốn khó của tầng lớp nhân dân này. Việc sử dụng máy nông nghiệp đã dẫn đến tình trạng thất nghiệp hàng loạt của các công nhân nông nghiệp. Để phản đối, họ đã đốt những đồng cỏ khô và phá hỏng máy. Quân đội được phái đến những vùng xảy ra khởi nghĩa, đã đàn áp dã man những người khởi nghĩa. – 102.
- 90 Cuối tháng Ba 1872 tại tỉnh U-ô-rích-sia đã thành lập Liên minh công nhân nông nghiệp lãnh đạo cuộc bãi công mà chẳng bao lâu đã lan rộng ra các tỉnh lân cận thuộc miền Đông và miền Trung nước Anh. Các Công liên của công nhân thành thị ủng hộ cuộc bãi công. Sự chi viện về tiền bạc và nhu cầu ngày càng tăng về nhân công tại các thành phố - do sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp - đã tạo điều kiện cho thành công của cuộc đấu tranh của công nhân nông nghiệp. Tháng Năm 1872, dưới sự chủ tọa của công nhân Giô-dép Ác-sơ đã thành lập Hội liên hiệp công nhân nông nghiệp toàn quốc, tập hợp gần 10 vạn người tính đến cuối năm 1873. Cuộc đấu tranh đòi rút ngắn ngày lao động và tăng lương tiếp tục cho đến năm 1874 và kết thúc bằng thắng lợi của những người bãi công tại hàng loạt tỉnh. – 102.
- 91 Ăng-ghen muốn nói đến lời đáp của bộ trưởng nội vụ Bru-xơ tại phiên họp của

viện nguyên lão ngày 12 tháng Tư 1872 nhân lời phát biểu của A.B.Cò-cren chống lại Hội liên hiệp công nhân quốc tế. – 103

- 92 Thông báo về việc cảnh sát truy nã nhà xã hội chủ nghĩa Đức T.Cu-nô, một trong những nhà lãnh đạo chi hội Mi-la-nô của Quốc tế, do Ăng-ghe-nê đọc tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 23 tháng Tư 1872. Tin tức về vụ truy nã này, Ăng-ghe-nê thu thập từ các báo I-ta-li-a, cũng như từ bức thư của Cu-nô gửi cho ông ngày 22 tháng Tư. Nhận định việc truy nã Cu-nô là biểu hiện cụ thể của sự câu kết giữa các chính phủ châu Âu phản động nhằm chống lại Quốc tế, Ăng-ghe-nê đã nhấn mạnh ý nghĩa của việc vạch trần sự việc này. Bản thông cáo của Ăng-ghe-nê được công bố trong bài tường thuật về phiên họp của Tổng Hội đồng trên báo "Eastern Post" ngày 27 tháng Tư 1872 và báo "Gazzettino Rosa" ngày 7 tháng Năm 1872. – 104.
- 93 Ngày 14 tháng Năm, tại phiên họp của Tổng Hội đồng đã thảo luận vấn đề mối quan hệ qua lại giữa các chi hội Ai-rơ-len ở Anh và ở Ai-rơ-len với Hội đồng liên chi hội Anh (xem chú thích 14). Trong bài diễn văn của mình, Ăng-ghe-nê đã bác trần quan điểm sô-vanh của Hây-dơ và một số uỷ viên người Anh của Tổng Hội đồng và trong Hội đồng Anh chủ trương chống lại việc thành lập trong Quốc tế một tổ chức độc lập của Ai-rơ-len và chống lại cuộc đấu tranh của tổ chức này cho nền độc lập của Ai-rơ-len. Trong cuộc thảo luận diễn ra tại phiên họp, đa số các uỷ viên Hội đồng đứng về phía Ăng-ghe-nê.

Toàn văn bài phát biểu của Ăng-ghe-nê được lưu giữ dưới hình thức bản viết tay do chính Ăng-ghe-nê viết để đăng trên báo, và còn được lưu giữ (không đầy đủ) trong cuốn sổ biên bản của Tổng Hội đồng. Bài diễn văn này không được công bố, bởi lẽ tại phiên họp tiếp theo của Tổng Hội đồng đã quyết định việc thảo luận vấn đề Ai-rơ-len sẽ không được đưa vào bản tường trình đăng trên báo. Lý do là việc công bố một số bài phát biểu, trong đó có bài phát biểu của Hây-dơ, có thể gây tác hại cho Quốc tế. – 106.

- 94 Đây muốn nói đến cuộc đụng độ giữa những người theo phái Hiến chương và những người Ai-rơ-len ở Man-se-xtơ ngày 8 tháng Ba 1842 do sự khiêu khích của bọn theo chủ nghĩa dân tộc tư sản, những kẻ lãnh đạo Hội Ri-pi-lơ quốc gia Ai-rơ-len (hội của những người đòi huỷ bỏ việc hợp nhất năm 1801) có thái độ thù địch với phong trào công nhân ở Anh nói chung và phong trào Hiến chương

nói riêng. Ô'Cò-no và nhóm theo phái Hiến chương đã bị hội Ri-pi-lơ đuổi ra khỏi Hônô-phơ Xai-en-xơ (phòng khoa học), là nơi mà Ô'Cò-no sẽ phải giảng bài. – 108.

- 95 Bản thông cáo này do Mác viết đã được ông đọc tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 21 tháng Năm 1872 nhân sự xuất hiện vào tháng Tư 1872 cuốn sách: "Conseil fédéraliste universel de l'Association Internationale des Travailleurs et des sociétés républicaines socialistes adhérentes". London, 1872 (cuốn sách này xuất bản bằng các thứ tiếng Pháp, Anh và Đức), Hội đồng liên bang chủ nghĩa toàn thế giới được thành lập vào đầu năm 1872 từ phần còn lại của chi hội Pháp năm 1871 (xem tập này, tr.41), từ những tổ chức tư sản và tiểu tư sản khác nhau, một số người thuộc phái Lát-xan đã bị khai trừ khỏi hội khai sáng công sản chủ nghĩa ở Luân Đôn của công nhân Đức và những phần tử khác có tham vọng lọt vào ban lãnh đạo Quốc tế. Đối tượng công kích chính của chúng là các bản nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân và về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa bè phái. Quyết định của Đại hội La Hay về việc đưa vào Điều lệ chung bản nghị quyết về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân, và về việc khai trừ Ba-cu-nin đã giáng một đòn mạnh mẽ vào tất cả các phần tử thù địch này. Cuối tháng Chín 1872. Hội đồng liên bang toàn thế giới đã triệu tập đại hội ở Luân Đôn mà hội đồng mưu toan gọi là đại hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Hoạt động tiếp theo của hội đồng này biến thành cuộc đấu tranh của những bọn có tham vọng lãnh đạo "phong trào".

Bản thông cáo của Tổng Hội đồng được công bố trong hầu hết các báo chí của Quốc tế. Trên báo "Emancipacion" ban biên tập đã viết vào đó đoạn kết sau đây: "Văn kiện quan trọng này bác trần cho chúng ta thấy mưu đồ của các đảng tư sản, phát hiện ra âm mưu của chúng hòng gây chia rẽ trong nội bộ Hội liên hiệp và làm tê liệt hoạt động của Hội. Ở tất cả các nước, như Anh và Đức, Bỉ và Thụy Sĩ, Mỹ và I-ta-li-a, giai cấp tư sản tìm mọi cách xuyên tạc nguyên tắc đoàn kết của công nhân, nhằm phá hoại, gây rối loạn tổ chức Hội liên hiệp của chúng ta. Hãy để cho điều đó trở thành bài học cho chúng ta". – 110.

- 96 *Đại liên minh cộng hoà* - một tổ chức tiểu tư sản thành lập năm 1871, những kẻ len lỏi vào ban lãnh đạo gồm có Ôt-gie-ơ. Brét-lâu, Nê-di-nơ, Lơ Luy-bơ v.v.. Liên đoàn tuyên bố mục tiêu của mình là đưa loài người đạt tới sự thịnh vượng

về trí tuệ, đạo đức và vật chất bằng còn đường liên kết những người cộng hoà của tất cả các nước, và bằng việc họ phổ biến những cuốn sách, hay bằng những thông tin về mọi mặt thông qua những bài diễn thuyết hay phát biểu tại các cuộc mít-tinh. Bên cạnh đòi hỏi quốc hữu hoá ruộng đất và quyền bầu cử phổ thông, cương lĩnh của Liên đoàn còn bao gồm những yêu sách đòi bãi bỏ chức tước, huỷ bỏ những đặc quyền về tinh thần của giai cấp quý tộc và thực hiện nguyên tắc liên bang ở nước cộng hoà toàn thế giới trong tương lai. Được đẩy mạnh ở Anh dưới ảnh hưởng của việc tuyên bố thiết lập nền cộng hoà ở Pháp vào ngày 4 tháng Chín 1870, phong trào cộng hoà là cơ sở để thành lập Liên đoàn; gia nhập liên đoàn này có hàng loạt hội những người theo phái cộng hoà được lập ra tại các thành phố khác nhau của nước Anh và tập hợp những phần tử tiểu tư sản và cả một số ít những người vô sản. – 110.

97 *Liên minh ruộng đất và lao động* được thành lập ở Luân Đôn có sự tham gia của Tổng Hội đồng vào tháng Mười 1869. Trong cương lĩnh của liên minh, bên cạnh một số đòi hỏi triệt để tư sản còn bao gồm đòi hỏi quốc hữu hoá ruộng đất, giảm giờ làm và những đòi hỏi của phái Hiến chương về quyền bầu cử phổ thông và tổ chức các nông trại (chi tiết, xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.775 - 782). Tuy nhiên, đến mùa thu 1870, trong Liên minh, ảnh hưởng tư sản tăng lên mạnh mẽ, và đến năm 1872 Liên minh này không còn một chút liên hệ nào với Quốc tế. – 110.

98 Đây muốn nói đến nhóm những người theo phái Lát-xan đã bị khai trừ vào cuối năm 1871 khỏi Hội khai sáng cộng sản chủ nghĩa của công nhân Đức ở Luân Đôn (Hội này là một chi hội của Quốc tế). Nhóm này đã vu khống Tổng Hội đồng.

*Hội khai sáng cộng sản chủ nghĩa của công nhân Đức ở Luân Đôn* do C.Sáp-ơ, Mô-lơ và những nhà hoạt động khác của Đồng minh những người chính nghĩa thành lập vào tháng Hai 1810. Mác và Ăng-ghe-n tham gia tích cực vào hoạt động của Hội trong những năm 1847 và 1849 - 1850. Ngày 17 tháng Chín 1850, Mác, Ăng-ghe-n và những người ủng hộ hai ông đã rút khỏi Hội do phần đông Hội này đã ngã về phía nhóm theo chủ nghĩa bè phái phiêu lưu Vi-lích - Sáp-ơ. Từ cuối những năm 50, Mác và Ăng-ghe-n lại tham gia vào hoạt động của Hội. Cùng với việc thành lập Quốc tế. Hội đã trở thành chi hội người Đức của Hội liên

hiệp công nhân quốc tế ở Luân Đôn, từ cuối năm 1871 Hội trở thành một chi hội thuộc Liên chi hội Anh. Hội khai sáng Luân Đôn còn tồn tại cho đến năm 1918, sau đó bị Chính phủ Anh đóng cửa. – 111.

99 Nhân dịp nhận được các bản thông cáo về sự vu khống của Vê-di-nơ đối với các uỷ viên người Pháp của Quốc tế, đại hội Bruy-xen năm 1868 đã uỷ nhiệm cho chi hội Bruy-xen đòi Vê-di-nơ phải đưa ra chứng cứ cho những lời buộc tội mà ông ta đưa ra, và nếu những chứng cứ ấy không đầy đủ, thì sẽ khai trừ Vê-di-nơ ra khỏi Quốc tế.

Ngày 26 tháng Mười 1868, chi hội Bruy-xen đã thông qua quyết định khai trừ Vê-di-nơ khỏi Quốc tế. – 111.

100 Xem chú thích 53. – 111.

101 Bài báo "Lại nói về ngài Xtê-pha-nô-ni và Quốc tế" được Mác viết nhân việc xuất bản trên tờ "Libero Pensiero" ngày 18 tháng Tư 1872 bài báo vu khống của Xtê-pha-nô-ni "Mác - Phô-gơ - Ghéc-sen" có mục đích chống lại Quốc tế và cá nhân Mác. Trước đó, Ăng-ghe-n đã phát biểu vạch trần Xtê-pha-nô-ni (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr. 635 - 638). Những sự công kích tiếp theo của Xtê-pha-nô-ni và mối liên hệ trực tiếp của ông ta với Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và với phái Lát-xan đã buộc Mác phải lên tiếng. Sự vạch trần của Mác, Ăng-ghe-n và các thành viên I-ta-li-a của Quốc tế đã làm phá sản âm mưu của Xtê-pha-nô-ni hòng đặt phong trào công nhân I-ta-li-a vào phạm vi ảnh hưởng của giai cấp tư sản.

"*Il Libero Pensiero*" ("Tư tưởng tự do") - tạp chí I-ta-li-a, cơ quan của những người cộng hoà tư sản theo chủ nghĩa duy lý, xuất bản ở Phlo-ren-xi-a năm 1866 - 1876. – 114.

102 Với dự án thành lập "Tổng hội những người duy lý" (xem chú thích 64), Xtê-pha-nô-ni tìm cách giành lấy những sự ủng hộ của nhiều nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào cộng hoà và phong trào công nhân. Với mục đích đó, ông ta đã gửi thư cho V.Líp-nếch; ngày 18 tháng Chạp 1871, Líp-nếch, vì chưa hiểu thấu đáo đề nghị của Xtê-pha-nô-ni và không biết về mối quan hệ của ông ta với Đồng minh và phái Lát-xan, đã gửi cho ông ta một bức thư chúc mừng. Bức

- thư được công bố ngày 18 tháng Giêng 1872, Líp-nếch đã thông báo việc này cho Ăng-ghen. Trong thư trả lời ngày 15 tháng Hai 1872, Ăng-ghen đã cho ông thấy thực chất vấn đề. Tiếp đó, ngày 29 tháng Hai 1872, Líp-nếch đã gửi cho Xtê-pha-nô-ni một bức thư gay gắt bằng tiếng Đức, trong đó ông khước từ mọi sự cộng tác với Xtê-pha-nô-ni và nhân danh phái dân chủ - xã hội Đức nói rõ sự đồng tình hoàn toàn với Tổng Hội đồng và Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Bức thư đã được Ăng-ghen dịch ra tiếng I-ta-li-a, và nhờ sự trung gian của Ca-phi-ê-rô, đã được đăng trên báo "Gazzettino Rosa" ngày 20 tháng Tư 1872. – 114.
- 103 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.14, tr.531 - 539. – 114.
- 104 "*National Zeitung*" ("Báo dân tộc") - tờ nhật báo tư sản Đức, xuất bản dưới tên gọi như trên ở Béc-lin trong những năm 1848 - 1915. – 115.
- 105 Đây muốn nói đến cuốn sách của C.Phô-gtơ, "Studien zur gegenwärtigen Lage Europas". Genf und Bern, 1859 ("Nghiên cứu tình hình châu Âu đương đại". Giơ-ne-vơ và Béc-nơ, 1859). – 115.
- 106 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.8, tr.543 - 625. – 115.
- 107 Trong tuyển tập chính thức xuất bản sau khi Đế chế thứ II sụp đổ "Papiers et correspondance de la Famille impériale". T.II, Paris, 1871, p.161 ("Văn kiện và thư tín của Hoàng tộc". T.II. Pa-ri, 1871, tr.161), có bản ghi chép về việc cấp cho Phô-gtơ 40 000 phrăng năm 1859. – 116.
- 108 Về những bài báo của Mác và Ăng-ghen trên tờ "Neue Rheinische Zeitung", xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.5 và t.6. – 116.
- 109 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.9, tr.669-671, t.12, tr.521-527 và các trang tiếp theo. – 116.
- 110 Về những bài báo của Mác và Ăng-ghen về cuộc chiến tranh của Pháp và Pi-ê-mông chống lại Áo, xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 13. – 116.

- 111 "*Pensiero ed Azione*" (" Tư tưởng và hành động") - cơ quan ngôn luận của các nhà dân chủ tư sản I-ta-li-a, xuất bản dưới sự chủ biên của Mát-di-ni; báo ra hai lần trong tháng trong những năm 1858 - 1859 ở Luân Đôn và năm 1860 ở Lu-ga-nô và Giê-nơ. Tuyên ngôn "chiến tranh" của Mát-di-ni đăng trên số 17 của tờ "Pensiero ed Azione" tháng Năm 1859, được Mác dịch và công bố trên tờ "New - York Daily Tribune" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.594-601). – 116.
- 112 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.14, tr.879-881. – 117.
- 113 Đây muốn nói đến "Tuyển tập những bài viết của A-lếch-xan-đrơ, I-va-nô-vích Ghéc-sen xuất bản sau khi ông qua đời". Giơ-ne-vơ, 1870. Trong tuyển tập này lần đầu tiên in một số đoạn trích trong bài "Dĩ vãng và những suy tư", trong đó có phần: "Những người Đức lưu vong". – 117.
- 114 A. Xéc-nô - Xô-lô-vê-vích. "Việc trong nhà của chúng tôi. Trả lời bài báo "Trật tự đang chiến thắng" của ngài Ghéc-sen (III. Cái chuông số 233)". Vevey, 1867. – 118.
- 115 Thư của Mác gửi ban biên tập báo "Volksstaat" nhân xuất hiện trên tạp chí "Concordia" số 10, ngày 7 tháng Ba 1872 một bài báo vu khống của nhà kinh tế học tư sản Đức L. Bren-ta-nô. Bren-ta-nô đã phát biểu nặc danh, tìm cách làm mất uy tín của Mác với tư cách là một nhà khoa học, tố cáo ông không có lương tâm khoa học, xuyên tạc những tài liệu được sử dụng. Sau khi xuất hiện bài báo trả lời của Mác trên tờ "Volksstaat" ngày 1 tháng Sáu 1872, trên tạp chí "Concordia" lại đăng bài báo nặc danh thứ hai của Bren-ta-nô, tiếp đó là bài báo trả lời của Mác đăng trên tờ "Volksstaat" số 63, ngày 7 tháng Tám 1872 (xem tập này tr.145-155). Sau khi Mác qua đời, chiến dịch vu khống do Bren-ta-nô phát động lại được nhà kinh tế học tư sản Anh Tay-lo tiếp tục. Ăng-ghen đã vạch mặt tên này một cách đầy đủ vào tháng Sáu 1890 trong lời tựa cho lần xuất bản thứ 4 bằng tiếng Đức của bộ "Tư bản" và vào năm 1891 trong cuốn sách mỏng "Bren-ta-nô contra Mác" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị, Mát-xcơ-va, 1961, t.22). Ở cuốn này, trong phần "văn kiện". Ăng-ghen đã trình bày lại cả hai bức thư của Mác gửi ban biên tập báo "Volksstaat". Những bức thư trên dịch ra tiếng Nga lần đầu tiên được in trong

thanh phần một cuốn sách mỏng của Ăng-ghe-nhằm trong "Tài liệu lưu trữ về Mác và Ăng-ghe-nhằm", tập II (VII).

"*Concordia Zeitschrift für die Arbeiterfrage*" ("Hoà hợp, Tạp chí về vấn đề công nhân") - cơ quan ngôn luận của các nhà đại công nghiệp Đức và những người theo chủ nghĩa xã hội giảng đần, ra đời năm 1871, xuất bản ở Béc-lin cho đến năm 1876. – 119.

116 Về bản Tuyên ngôn Thành lập của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nhằm, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr. 11-13.

Câu nói của Glát-xtôn, mà Mác trích dẫn được in ngày 17 tháng Tư 1863 trong hầu hết các bản trường trình của các báo Luân Đôn về phiên họp trên của nghị viện ("Times", "Morning Star", "Daily Telegraph" v.v.); trong ấn phẩm do Han-xác-đơ xuất bản bán chính thức nói về những cuộc tranh luận ở nghị viện thì văn bản đã được các diễn giả sửa lại, câu nói trên bị loại bỏ. – 119.

117 Đây muốn nói đến bài báo của E. Bi-đơ-li "Hội liên hiệp công nhân quốc tế" đăng trên tờ "Fortnightly Review" số 47, ngày 1 tháng Mười một 1870.

"*The Fortnightly Review*" ("Tạp chí bán nguyệt") - tạp chí Anh về các vấn đề lịch sử, triết học, văn học, do nhóm những người cấp tiến tư sản sáng lập năm 1865, sau này mang khuynh hướng tư sản - tự do; xuất bản ở Luân Đôn dưới tên gọi trên cho đến năm 1934. – 120.

118 "The Theory of the Exchanges. The Bank Charter Act of 1844" London, 1864, T.Cautley, Newby, 30, Welbeck street, cuốn sách xuất bản không ghi tên tác giả, còn tác giả của nó là Hen-ri Roi. – 120.

119 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nhằm, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.917-919. – 121.

120 "England and America. A Comparison of the social and political State of both Nations". Vol. I-II London, 1833 ("Anh và Mỹ. So sánh tình hình chính trị xã hội của hai dân tộc", Tập I-II, Luân Đôn, 1833). Cuốn sách của Uây-cơ-phin xuất bản không chỉ rõ tên tác giả. – 122.

121 Khi nói về "phát minh của cậu bé La-xke-rơ", Mác ám chỉ một chuyện xảy ra

tại phiên họp của quốc hội ngày 8 tháng Mười một 1871. Trong cuộc tranh luận chống Bê-ben, La-xke-rơ, đại biểu tư sản, người theo phái tự do - dân tộc, đã tuyên bố rằng, nếu những công nhân dân chủ - xã hội Đức bằng nãy ra ý định theo gương các chiến sĩ Công xã Pa-ri, thì "những công dân lương thiện và có của sẽ kết liễu họ bằng dùi cui". Tuy nhiên, diễn giả không dám công bố điều này với lối diễn đạt trên, nên trong biên bản tốc ký thay cho đoạn "kết liễu họ bằng dùi cui" là đoạn "bắt họ phải phục tùng". Bê-ben đã bóc trần sự giả dối đó. La-xke-rơ trở thành đối tượng của những lời nhạo báng trong các nhóm công nhân. Do tâm vóc bé nhỏ. La-xke-rơ bị đặt cho cái biệt danh mỉa mai "cậu bé La-xke-rơ". – 123.

122 Ngày 11 tháng Sáu 1872, theo đề nghị của Mác, Tổng Hội đồng đã thông qua nghị quyết triệu tập đại hội thường kỳ ở La Hay vào ngày 2 tháng Chín 1872; vấn đề cơ bản của chương trình nghị sự cũng được xác định. Tại phiên họp tiếp theo của Tổng Hội đồng vào ngày 18 tháng Sáu, một uỷ ban đặc biệt (gồm có Ăng-ghe-nhằm, Vai-ăng, Mác-Đô-nen) đã được bầu ra để chuẩn bị một thông báo chính thức về đại hội sắp tới. Văn bản của thông báo này, do Ăng-ghe-nhằm viết, đã được gửi đến tờ "International Herald" và được đăng ngày 29 tháng Sáu 1872.

Bản nháp viết tay của Ăng-ghe-nhằm viết bằng tiếng Anh và tiếng Pháp vẫn được lưu giữ. – 125.

123 "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" do C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nhằm viết với tính cách là cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nhằm, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr.563-613), lần đầu tiên được in thành sách riêng vào tháng Hai 1848 tại Luân Đôn. Trong tháng Ba - tháng Bảy 1848 "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" được đăng trên báo "Deutsche Londoner Zeitung" ("Báo Đức ở Luân Đôn"), cơ quan ngôn luận dân chủ của những người Đức lưu vong. Cũng trong năm 1848, văn bản tiếng Đức được in lại ở Luân Đôn thành cuốn sách riêng, trong đó có sửa lại một số lỗi in sai của lần xuất bản thứ nhất. Về sau, văn bản trên được Mác và Ăng-ghe-nhằm đặt làm cơ sở cho những ấn phẩm tiếp theo có ghi tên tác giả. Đồng thời trong năm 1848 cũng hoàn thành các bản dịch "Tuyên ngôn" ra nhiều thứ tiếng châu Âu.

Bản in "Tuyên ngôn", xuất bản bằng tiếng Đức năm 1872 với lời tựa của Mác

và Ăng-ghen và có sửa đổi đôi chút trong văn bản, đã được hoàn thành theo sáng kiến của ban biên tập báo "Volksstaat". Bản in năm 1872, cũng như các bản in sau đó bằng tiếng Đức vào năm 1883 và 1890 đều được xuất bản dưới tiêu đề "Tuyên ngôn cộng sản". – 127.

124 *The Red Republican* ("Chiến sĩ cộng hoà đỏ") - tờ tuần san của phái Hiến chương do Đ.Gác-ni xuất bản từ tháng Sáu đến tháng Mười một 1850. Trong tháng Mười một 1850 (từ số 21 đến số 24) trên tuần san đăng bản dịch tiếng Anh đầu tiên của "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", dưới nhan đề "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đức". – 127.

125 *"Le Socialiste"* ("Người xã hội chủ nghĩa) – tờ tuần báo, xuất bản bằng tiếng Pháp từ tháng Mười 1871 đến tháng Năm 1873 ở Niu Oóc, là cơ quan của các chi hội Pháp của Quốc tế, ủng hộ những phân tử tư sản và tiểu tư sản trong liên chi hội Bắc Mỹ của Quốc tế, sau Đại hội La Hay, tờ báo cắt đứt quan hệ với Quốc tế.

Tháng Giêng - tháng Hai 1872 trên báo này đăng "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản". – 127.

126 Đây muốn nói đến lần xuất bản đầu tiên "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" bằng tiếng Nga vào năm 1869 ở Giơ-ne-vơ theo bản dịch của Ba-cu-nin, trong đó nhiều chỗ Ba-cu-nin đã xuyên tạc nội dung của "Tuyên Ngôn". Những thiếu sót của lần xuất bản thứ nhất đã được khắc phục trong lần xuất bản theo bản dịch của Plê-khà-nốp ở Giơ-ne-vơ năm 1882. – 127.

127. Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr. 445.-118

128 Bài báo *"Quốc tế ở Mỹ"* được Ăng-ghen viết cho tờ "Volksstaat". Ăng-ghen sử dụng nhiều đoạn trích dẫn mà Mác - trong khoảng từ tháng Hai - tháng Năm 1872 - đã lấy từ các báo và các bức thư của các thành viên Quốc tế có liên quan đến sự chia rẽ trong liên chi hội Bắc Mỹ; tài liệu này đã nói lên tính chất cuộc đấu tranh trong nội bộ các chi hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế tại Mỹ trong thời kỳ từ tháng Mười 1871 đến tháng Năm 1872. Ngoài ra, Ăng-ghen còn sử dụng bài viết trên báo Ma-đrít "Emancipacion" số 54, ngày 22 tháng Sáu 1872 nhan đề: "Giai cấp tư sản và Quốc tế ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ". – 130.

129 *"Woodhull and Claflin's Weekly"* ("Tuần báo Vút-han và Cla-phơ-lin") - tờ báo Mỹ, do những người chủ trương nam nữ bình đẳng tư sản là V.Vút-han và T.Cla-phơ-lin xuất bản ở Niu Oóc trong những năm 1870 - 1876. – 131.

130 Tuyên ngôn của chi hội số 12 công bố ngày 30 tháng Tám 1871 được đăng trên tờ "Woodhull and Claflin's Weekly" số 71, ngày 23 tháng Chín 1871. – 131.

131 *Sê-cơ* (Những người lác lư) - tên gọi một giáo phái ở Mỹ. – 133.

132 Bản thông tri của Hội đồng liên chi hội lâm thời công bố ngày 4 tháng Chạp 1871 được đăng trên báo "New - Yorker Demokrat" ("Người dân chủ Niu Oóc") ngày 9 tháng Chạp 1871. Trong các tài liệu Mác chuẩn bị cho bản báo cáo tại Tổng Hội đồng về sự chia rẽ của Liên chi hội Bắc Mỹ có đoạn trích từ thông tri đăng trên báo này. – 134.

133 Về nghị quyết XVII của Hội nghị đại biểu Luân Đôn năm 1871 "Về sự phân biệt trong vùng nói tiếng Rô-man Thụy Sĩ", xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr. 562. – 135.

134 *"The New - York Herald"* ("Người truyền tin Niu Oóc") - tờ nhật báo Mỹ, cơ quan ngôn luận của đảng cộng hoà: xuất bản ở Niu Oóc từ năm 1835 đến năm 1924. – 136.

135 Đây muốn nói đến bản nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 28 tháng Năm 1872. Văn bản nghị quyết này nằm trong các đoạn ghi chép của Mác về vấn đề chia rẽ trong Liên chi hội Bắc Mỹ. – 138.

136 Bức thư của Ăng-ghen được lưu giữ dưới hình thức bản nháp viết bên lề bức thư của Ủy ban Pác-mơ vì sự nghiệp giải phóng các giai cấp lao động; trong tài liệu này còn thấy lời ghi chú của Ăng-ghen: "Nhận được ngày 16 tháng Bảy, trả lời ngày 18 tháng Bảy". – 140.

137 *"The Daily News"* ("Tin tức hàng ngày") - tờ báo của phái tự do ở Anh, cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản công nghiệp; xuất bản dưới tên gọi trên ở Luân Đôn từ năm 1846 đến năm 1930 – 142.

138 *"The Economist"* ("Nhà kinh tế học") - tuần san của Anh về những vấn đề kinh tế và chính trị; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1843; là cơ quan ngôn luận của giai cấp đại tư sản công nghiệp. – 143.

- 139 *"The Spectator"* ("Khán giả") - tờ tuần san theo khuynh hướng tự do, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1828. - 144.
- 140 Bức thư này Mác viết ngày 28 tháng Bảy 1872 nhân xuất hiện trên tạp chí "Concordia" số 27, ngày 4 tháng Bảy, bài báo nặc danh thứ hai của Bren-ta-nô. Héc-nét đã gửi qua Ăng-ghen cho Mác bài báo này, đề nghị ông trả lời càng sớm càng tốt sau khi nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc đấu tranh với bọn theo chủ nghĩa xã hội giằng dãn vào thời điểm này. - 145.
- 141 A.Smit. "An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations". T. III, Dublin 1776, p.136. (A.Xmit. Nghiên cứu bản chất và nguyên nhân sự giàu có của các dân tộc", T.III, Đu-blin. 1776, tr.136). - 146.
- 142 Đoạn này và ở những đoạn tiếp theo Mác trích dẫn tập I bộ "Tư bản" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 23, tr.563). - 147.
- 143 "Fortnightly Review" số 47, ngày 1 tháng Mười một 1870, tr.529-530. - 148.
- 144 Đây muốn nói đến bài báo "Ngài Bi-xli và Hội liên hiệp quốc tế" đăng không ký tên tác giả trên tờ "Saturday Review" số 785, ngày 12 tháng Mười một 1870.  
"Saturday Review" - tên gọi tắt của tờ tuần san Anh theo phái bảo thủ. "The Saturday Review of Politics, Literature, Science, and Art" ("Tạp chí thứ bảy về chính trị, văn học, khoa học và nghệ thuật"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1855 đến 1938. - 148.
- 145 "England and America". London, 1833, v.I. p. 185. - 150.
- 146 *"The Morning Star"* ("Ngôi sao buổi sáng") - tờ nhật báo Anh, cơ quan ngôn luận của phái mậu dịch tự do, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1856 đến năm 1869. - 155.
- 147 *"The Morning Advertiser"* ("Người thông tin buổi sáng") - tờ nhật báo Anh, thành lập ở Luân Đôn năm 1794, trong những năm 60 của thế kỷ XIX là cơ quan của đảng tư sản cấp tiến. - 155.
- 148 Trong bối cảnh chuẩn bị cho Đại hội La Hay, việc tố cáo hoạt động phá hoại của tổ chức bí mật Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quyết định. Mùa hè năm 1872, trong tay Mác và Ăng-ghen đã có một loạt tài liệu do La-phác-gơ, Mê-xa, U-tin v.v. gửi đến sau khi đã công bố tác phẩm "Cái gọi là

những sự phân liệt trong Quốc tế". Những tài liệu này đã chứng minh sự tồn tại trong nội bộ Quốc tế, trước hết là ở Tây Ban Nha, hội kín của phái Ba-cu-nin.

Phiên họp của Ban chấp hành (xem chú thích 152) ngày 5 tháng Bảy 1872 đã đưa ra xem xét những tài liệu về hoạt động bí mật của Đồng minh nhận được từ Tây Ban Nha, và quyết định yêu cầu Tổng Hội đồng đề nghị đại hội thường kỳ đuổi Ba-cu-nin và các hội viên Đồng minh ra khỏi Quốc tế. Mác và Ăng-ghen được giao trách nhiệm hiệu đính những ý kiến phát biểu tại phiên họp của Ban chấp hành này và trình lên Tổng Hội đồng. "Tối mai, - Ăng-ghen viết cho I.Ph.Béch-cơ ngày 5 tháng Tám 1872 - chúng tôi sẽ thả một quả bom gây không ít kinh hoàng trong hàng ngũ bọn Ba-cu-nin... Rốt cuộc, chúng tôi đã nhận được từ Tây Ban Nha tài liệu cần thiết và những chứng từ tố cáo". Ngày 6 tháng Tám, tại phiên họp của Tổng Hội đồng. Ăng-ghen đã giới thiệu bản dự thảo lời kêu gọi các thành viên của Hội liên hiệp, do ông viết với tư cách đại diện Ban chấp hành. Bản dự thảo đã gây ra một cuộc tranh luận sôi nổi, trong đó nhiều uỷ viên Tổng Hội đồng phản đối việc công bố lời kêu gọi trước khi điều tra xong hồ sơ về Đồng minh. Bản dự thảo của Ăng-ghen đã được đa số những người dự cuộc thảo luận lưu tâm tới.

Văn kiện này được lưu giữ dưới hình thức bản viết tay của Ăng-ghen bằng tiếng Pháp và tiếng Anh. - 157.

149 Đây là nói về bức thư thông tri của Tổng Hội đồng nhan đề "Hội liên hiệp công nhân quốc tế và Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa". Ở phần dưới. Ăng-ghen đưa ra bức thư "Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế gửi ban thường vụ trung ương Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa" do C.Mác viết ngày 9 tháng Ba 1869. (Xem tập này, tr.18-21 và 22-23). - 158.

150 *Liên chi hội Ma-đrít mới* được thành lập ngày 8 tháng Bảy 1872 từ các thành viên của ban biên tập báo "Emancipacion", những người đã bị số đông theo chủ nghĩa vô chính phủ trong Liên chi hội Ma-đrít khai trừ do việc tờ báo đó tố cáo hoạt động của Đồng minh bí mật ở Tây Ban Nha. P.La-phác-gơ tham gia tích cực vào việc tổ chức và hoạt động của Liên chi hội Ma-đrít mới. Sau khi bị Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha từ chối tiếp nhận. Liên chi hội Ma-đrít mới đã gửi thư cho Tổng Hội đồng. Ngày 15 tháng Tám 1872, Tổng Hội đồng

đã công nhận liên chi hội này là một Liên chi hội của Quốc tế ) xem tập này, tr.169). Liên chi hội Ma-đrít mới đã kiên quyết đấu tranh chống lại ảnh hưởng đang lan rộng của chủ nghĩa vô chính phủ ở Tây Ban Nha, tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, đấu tranh nhằm thành lập một đảng vô sản độc lập ở Tây Ban Nha. – 161.

151 Văn kiện này được thông qua tại phiên họp của Ban chấp hành (xem chú thích tiếp theo) ngày 8 tháng Tám 1872. Qua bản thảo được lưu giữ thấy rằng đoạn đầu do Mác viết. – 165.

152 *Ban chấp hành* là tên gọi của Ủy ban thường vụ (hay Tiểu ban) Tổng Hội đồng kể từ tháng Bảy 1872. Ban chấp hành này có nguồn gốc từ một ủy ban được thành lập từ thời kỳ hoạt động đầu tiên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế năm 1864 có nhiệm vụ soạn thảo cương lĩnh và điều lệ; tham gia ban chấp hành này có các thư ký - thông tin viên phụ trách nhiều nước, tổng thư ký của Tổng Hội đồng và thủ quỹ. Đây là ủy ban không được quy định trong điều lệ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, nó giữ vai trò của cơ quan chấp hành công nhân. Ủy ban này thực hiện - dưới sự chỉ đạo của Mác - một loạt chức trách trong công tác lãnh đạo thường xuyên hoạt động của Quốc tế, trong việc chuẩn bị các văn kiện mà sau đó được đưa ra cho Tổng Hội đồng xem xét. Ngày 18 tháng Sáu 1872, nhân dấy mạnh công tác chuẩn bị cho đại hội thường kỳ. Tổng Hội đồng đã thông qua quyết định chuyển toàn bộ công tác tổ chức cho Ban chấp hành này. Mùa hè năm 1872, ban này đóng vai trò quan trọng trong việc vạch trần âm mưu của bọn Ba-cu-nin và tất cả những phần tử thù địch với chủ nghĩa Mác, trong việc đoàn kết các lực lượng vô sản chân chính xung quanh Mác và Ăng-ghe-nen trước khi họp Đại hội La Hay. – 165.

153 "*La Razon*" ("Lý trí") - tờ tuần báo của phái vô chính phủ, xuất bản ở Xê-vi-li-ê trong hai năm 1871 - 1872. – 165.

154 Liên chi hội Ma-đrít mới đã công bố trên báo "*Emancipacion*" số 63, ngày 24 tháng Tám 1872, bức thư này - do Ăng-ghe-nen viết thay mặt Tổng Hội đồng - trong phần thông cáo nói về việc Tổng Hội đồng công nhận Liên chi hội Ma-đrít mới. – 165.

155 Lời kêu gọi này được Ăng-ghe-nen gửi tới các chi hội I-ta-li-a ở Mi-la-nô. Tu-rin,

Phê-ra-ra và Rô-ma, những chi hội đã được Tổng Hội đồng chính thức công nhận và có liên hệ thường xuyên với Tổng Hội đồng.

Ban biên tập tờ tuần báo "*Il Po olino*" ("Thứ dân"), cơ quan chính thức của chi hội Tu-rin của Quốc tế xuất bản từ tháng Tư đến tháng Mười 1872, khi đang lời kêu gọi này, đã viết vào đó lời mở đầu sau đây: "Khi đang bức thư sau, chúng tôi xin thông báo rằng chúng tôi không thể làm việc này sớm hơn, vì các thành viên ban lãnh đạo báo "*Emancipazione del proletario*", nơi bức thư được gửi đến, đã bị bỏ tù vì cuộc bãi công: chỉ mới gần đây, mối liên hệ bị gián đoạn của chúng tôi với họ mới được khôi phục".

Trong bản nháp lời kêu gọi do Ăng-ghe-nen viết bằng tiếng I-ta-li-a và còn giữ lại được, có dòng chữ đề: "Rô-ma, Phê-ra-ra. Mi-la-nô, Tu-rin". – 171.

156 Hội nghị đại biểu của các nhóm vô chính phủ I-ta-li-a diễn ra tại Ri-mi-ni từ ngày 4 đến ngày 6 tháng Tám 1872. Hội nghị do Ba-cu-nin trực tiếp tham gia chuẩn bị đã thông qua quyết định về việc thành lập tổ chức vô chính phủ toàn I-ta-li-a, ngang nhiên lấy tên Liên chi hội I-ta-li-a của Quốc tế để đặt cho mình, đồng thời hội nghị này quyết định cắt đứt mọi quan hệ với Tổng Hội đồng. – 171.

157 Đại hội La Hay diễn ra từ ngày 2 đến ngày 7 tháng Chín 1872. Đại hội đứng trước một nhiệm vụ cấp bách là bằng nghị quyết của mình củng cố các nghị quyết đã được thông qua tại Hội nghị Luân Đôn năm 1871 về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân và các nghị quyết chống lại các chi hội theo chủ nghĩa bè phái. Việc thông qua các nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn đánh dấu một thắng lợi vô cùng quan trọng của chủ nghĩa Mác trong cuộc đấu tranh nhằm thành lập một đảng vô sản và giáng một đòn chí mạng vào những phần tử thù địch với giai cấp công nhân, trước hết là bọn Ba-cu-nin. Do vậy, ngay từ mùa thu năm 1871 và đặc biệt là mùa hè năm 1872, ngay trước đại hội, bọn Ba-cu-nin và các phần tử tiểu tư sản cấu kết với chúng đã tổ hành động chống lại những nghị quyết trên và chống lại Tổng Hội đồng đang cố gắng thực hiện những nghị quyết ấy.

Mác và Ăng-ghe-nen trong khi chuẩn bị Đại hội La Hay đã hoàn thành một công việc lớn lao nhằm đoàn kết các lực lượng vô sản cách mạng. Tại các phiên họp của Tổng Hội đồng có sự tham gia tích cực của Mác và Ăng-ghe-nen đã thảo luận



và thông qua những đề nghị trình lên đại hội về việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế của Quốc tế, trước hết là đề nghị đưa vào Điều lệ bản nghị quyết về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân và mở rộng quyền hạn của Tổng Hội đồng.

Đại hội La Hay là đại hội có tính chất đại diện nhất về thành phần so với các đại hội trước đó. Tham gia đại hội có 65 đại biểu của 15 tổ chức dân tộc. Đại hội đã góp phần hoàn thành cuộc đấu tranh lâu dài của Mác. Ăng-ghe-nen và những bạn chiến đấu của hai ông chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa bè phái tiểu tư sản trong phong trào công nhân. Những tên cầm đầu phái vô chính phủ đã bị khai trừ khỏi Quốc tế. Nghị quyết của Đại hội La Hay đã đặt nền móng cho việc thành lập trong tương lai các đảng chính trị độc lập của giai cấp công nhân ở từng nước. – 173.

158 Tại phiên họp của Ban chấp hành ngày 19 tháng Bảy 1872, Mác được uỷ nhiệm viết báo cáo của Tổng Hội đồng trình đại hội lần thứ 5 Hội liên hiệp công nhân quốc tế và đọc báo cáo tại Đại hội La Hay. Văn bản báo cáo do Mác trình bày đã được thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng vào cuối tháng Tám 1872. Tại phiên họp công khai của Đại hội La Hay ngày 5 tháng Chín, Mác đã đọc bản báo cáo bằng tiếng Đức; trước khi đọc, Mác báo trước cho những người dự họp biết rằng ông buộc phải đề cập đến công việc của Quốc tế trên những nét chung nhất, vì bản báo cáo này dùng để công bố trên báo chí. Sau đó, bản báo cáo của Tổng Hội đồng được các thư ký đại hội đọc bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Hà Lan và được tất cả các đại biểu thông qua, trừ các đại biểu Tây Ban Nha là thành viên của Đồng minh không tham gia biểu quyết. Văn bản báo cáo được công bố trên báo chí của Quốc tế ở Anh, Đức, Bỉ, Tây Ban Nha và Thụy Sĩ, và được công bố dưới hình thức truyền đơn bằng tiếng Đức. Báo cáo của Tổng Hội đồng lần đầu tiên được đăng bằng tiếng Nga vào năm 1933 trên tạp chí "Quốc tế cộng sản". các số 7 - 8. – 175.

159 "Manifeste antiplé biscitaire des sections parisiennes fédérées de l'Internationale et de la chambre fédérale des sociétés ouvrières" Paris. 1870 (Tuyên ngôn của liên hiệp các chi hội Pa-ri của Quốc tế và văn phòng liên bang các hội công nhân phản đối cuộc trưng cầu ý dân", Pa-ri, 1870). – 176.

160 Ngày 23 tháng Tư 1870, Chính phủ Pháp ra sắc lệnh về việc tiến hành cuộc

trưng cầu ý dân nhằm củng cố vị trí đã bị lung lay của Chính phủ Na-pô-lê-ông III. Các câu hỏi được trình bày dưới hình thức khiến người ta không thể biểu lộ sự bất đồng đối với chính sách của Đế chế II, nếu không muốn qua đó chống lại bất cứ cuộc cải cách dân chủ nào.

Cuộc trưng cầu ý dân diễn ra ngày 8 tháng Năm 1870. – 176.

161 Đây là nói về bản thông cáo của Tổng Hội đồng do Mác viết ngày 3 tháng Năm 1870 nhan đề "Về việc truy nã các thành viên các chi hội Pháp" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.577-578). – 176.

162 Mác muốn nói đến bộ "Papiers et correspondance de la Famille impériale" (Văn kiện và thư tín của Hoàng tộc") gồm hai tập đã được công bố ở Pa-ri vào cuối năm 1870 - 1871, ở tập I có đăng các công văn hoả tốc của bộ trưởng Ô-li-vi-ê ra lệnh bắt các thành viên Quốc tế. – 176.

163 Đây muốn nói tới vụ án thứ ba kết tội các thành viên của tổ chức Quốc tế ở Pa-ri, diễn ra từ ngày 22 tháng Sáu đến ngày 8 tháng Bảy 1870. Có 38 người bị đưa ra toà, trong đó có Va-rơ-lin (ông đã kịp lẩn trốn). Phran-ken, Giô-an-na-rơ. Áp-ri-an.Sa-len và các nhà hoạt động nổi tiếng khác của phong trào công nhân. Các bị cáo bị kết án tù giam từ một năm đến hai tháng và bị phạt tiền. – 176.

164 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, T.17, tr. 10. – 177.

165 Lời kêu gọi được đăng trên tờ báo Pháp "Réveil" số 409, ngày 12 tháng Bảy 1870 và được 150 thành viên Quốc tế ký tên phía dưới. Ngoài ra, lời kêu gọi còn được nhiều tờ báo của Quốc tế đăng lại. – 177.

166 Ban chấp hành Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức - trụ sở đóng ở Brao-svai-gơ - đã ra bản tuyên bố ngày 5 tháng Chín 1870 nhan đề "Gửi toàn thể công nhân Đức". Tuyên bố được đăng trên tờ "Volksstaat" số 73, ngày 11 tháng Chín 1870. Nhưng ngay từ trước khi đăng tuyên bố, ngày 9 tháng Chín, toàn bộ thành phần của ban chấp hành Brao-svai-gơ đã bị bắt. – 179.

162 *Vin-hem-huê-ơ* (gân Cát-xen) là lâu đài của các vua Phổ. Nơi đây, cựu hoàng

đế Na-pô-lê-ông III bị người Phổ bắt làm tù binh, đã sống trong thời gian từ ngày 5 tháng Chín 1870 đến ngày 19 tháng Ba 1871. – 179.

168 Ngày 26 tháng Mười một 1870 khi thảo luận trong Quốc hội Đức về vấn đề các khoản tín dụng mới bằng tiền để tiến hành chiến tranh với Pháp. Bê-ben và Líp-nếch đã đòi khước từ các khoản tín dụng dành cho việc tiến hành chiến tranh và mau chóng ký kết hoà ước không có thôn tính với nước cộng hoà Pháp. Ngày 17 tháng Chạp 1870. Bê-ben, và sau đó ít lâu là Líp-nếch, đã bị bắt.

Mặc dù vậy, trong cuộc tổng tuyển cử tháng Ba năm 1871, Bê-ben một lần nữa được bầu làm đại biểu Quốc hội. – 180.

169 Ngày 6 tháng Sáu 1871, Giuy-lơ Pha-vơ đã gửi một bản thông tri kêu gọi tất cả các chính phủ cùng nhau đấu tranh chống lại Quốc tế. Bức thông tư hoá tốc ghi ngày 26 tháng Năm 1871 gửi các đại diện ngoại giao của Pháp ở nước ngoài yêu cầu dẫn độ các thành viên Công xã Pa-ri lưu vong như những tội phạm hình sự. – 181.

170 *Tổng liên đoàn công nhân* - tổ chức xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Hung-ga-ri: hoạt động của Liên đoàn đã lan đến thủ đô Pét của Hung-ga-ri và các thành phố công nghiệp lớn nhất Hung-ga-ri. Liên đoàn tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội, chỉ đạo các cuộc bãi công của công nhân. Những người lãnh đạo của Liên đoàn (Ca-rôn Phác-ca-sơ. An-tan léc-lin-gơ. Vích-to Quyn) đều có chân trong chi hội Hung-ga-ri thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế, có liên hệ với các nhà dân chủ - xã hội Áo. Đức và liên hệ trực tiếp với Mác. Ngày 11 tháng Sáu 1871, Liên đoàn tổ chức một cuộc biểu tình đoàn kết với Công xã Pa-ri. Do việc làm đó, chính phủ đã giải tán Liên đoàn, còn những người lãnh đạo Liên đoàn cùng với những người đại diện phong trào công nhân Áo từ Viên tới đã bị bắt vì bị khép tội phản bội tổ quốc. Tuy nhiên, do không có một chứng cứ buộc tội và do sức ép của dư luận xã hội, các bị can đã được tha. – 181.

171 *Hội Phê-ni-ăng* - các thành viên một tổ chức bí mật, hội cách mạng Ai-rơ-len, xuất hiện vào cuối những năm 50 trong số những người Ai-rơ-len lưu vong ở Mỹ, sau đó xuất hiện ngay tại Ai-rơ-len. Hội Phê-ni-ăng đấu tranh vì nền độc lập của Ai-rơ-len và nhằm thành lập nước cộng hoà Ai-rơ-len. Phản ánh một cách khách quan quyền lợi của nông dân Ai-rơ-len, về thành phần xã hội, phần lớn những

hội viên Phê-ni-ăng đều thuộc tầng lớp tiểu tư sản thành thị và trí thức bình dân. Sau khi mưu đồ nổi dậy khởi nghĩa năm 1867 của hội Phê-ni-ăng không thành. Chính phủ Anh bỏ tù hàng trăm người Ai-rơ-len và đối xử hết sức tàn nhẫn với những người bị bắt, tra tấn họ và bắt họ nhịn đói cho đến chết, Mác và Ăng-ghe-n đã nhiều lần chỉ rõ những mặt yếu của phong trào Phê-ni-ăng, phê phán sách lược âm mưu và những sai lầm có tính chất bè phái và dân tộc chủ nghĩa - tư sản của hội Phê-ni-ăng, tuy vậy, hai ông cũng đánh giá cao tính chất cách mạng của phong trào trên và tìm cách hướng phong trào theo con đường đấu tranh của quần chúng và hành động phối hợp với phong trào công nhân Anh. Tổng Hội đồng đã lên tiếng bảo vệ những người bị bắt, công khai chống lại hành vi dã thú đối với những con người ấy. Trong các bài báo và bài phát biểu. Mác và Ăng-ghe-n liên tiếp vạch trần chính sách thực dân của Chính phủ Anh (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.297-298, 783-788). – 182.

172 "*Norddeutsche Allgemeine Zeitung*" ("Báo Phổ thông Bắc Đức") - tờ nhật báo của phái bảo thủ, trong những năm 60 - 80 là cơ quan ngôn luận bán chính thức của Chính phủ Bít-xmác, xuất bản ở Béc-lin từ năm 1861 đến năm 1918. – 184.

173 Đây muốn nói đến bản thông tri ngày 14 tháng Tám 1871 của bộ trưởng nội vụ I-ta-li-a Lan-da ra *lệnh giải tán các chi hội của Quốc tế*. Trên cơ sở bản thông tri này, ngày 20 tháng Tám, chi hội lớn duy nhất của Quốc tế ở I-ta-li-a - Na-plơ - đã bị triệt phá.

Tháng Giêng 1872, bộ trưởng nội vụ Tây Ban Nha Xa-ga-xta cũng ra một bản thông tri ra lệnh giải tán các tổ chức của Quốc tế. Những bản thông tri trên của Lan-đa và Xa-ga-xta tựa hồ như là câu trả lời của các Chính phủ I-ta-li-a và Tây Ban Nha đối với lời kêu gọi của Gi.Pha-vơ về việc phối hợp đấu tranh chống lại Quốc tế. – 184.

174 Việc khám xét nhà U-tin, việc kiểm tra các giấy tờ cá nhân của ông và các công văn của Quốc tế diễn ra ngày 26-28 tháng Giêng 1872. Hội đồng bang của các chi hội Giơ-ne-vơ đã cực lực phản đối hành động câu kết này của tất cả các chính phủ châu Âu chống lại Quốc tế và nhân việc này đã thông qua nghị quyết đặc biệt tại phiên họp ngày 6 tháng Hai. Về phần mình, Tổng Hội đồng của Quốc

- tế đã thông qua ngày 20 tháng Hai "Thông cáo của Tổng Hội đồng về hành động lộng hành của cảnh sát chính quyền Thụy Sĩ" do Mác và Ăng-ghe-nhê thảo ra (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nhê. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.644-645). Bản thông cáo đã được công bố trên báo chí của Quốc tế. – 185.
- 175 Đây muốn nói đến cuộc gặp gỡ giữa các hoàng đế Đức, Áo - Hung và Nga ở Béc-lin tháng Chín 1872 với âm mưu khôi phục lại liên minh phản động giữa các quốc gia này, trong số những vấn đề được thảo luận có cả vấn đề phối hợp đấu tranh chống phong trào cách mạng. - 186.
- 176 Ngày 5 tháng Chín 1872, bản báo cáo của Ăng-ghe-nhê về đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được ông trình lên uỷ ban đặc biệt của Đại hội La Hay điều tra hoạt động bí mật của Đồng minh. Những tài liệu được nhắc tới trong bản báo cáo cũng đã được Ăng-ghe-nhê giới thiệu với uỷ ban. Vẫn còn giữ được bản thảo báo cáo và bản kê những tài liệu kèm theo, số thứ tự các tài liệu trong bản kê của Ăng-ghe-nhê trùng với số thứ tự các tài liệu trong bản báo cáo. – 188.
- 177 Đây muốn nói đến bản thông tư gửi hội viên các liên chi hội Quốc tế ở Tây Ban Nha, do V.Pa-ghê-xơ thay mặt Liên chi hội Ma-đrít mới thảo ra. Thông tư được đăng trên báo "Emancipacion" số 61, ngày 10 tháng Tám 1872. – 190.
- 178 Bản thông tri ngày 2 tháng Sáu 1872 do các uỷ viên ban biên tập báo "Emancipacion", đồng thời cũng là thành viên của Đồng minh, thảo ra: Mê-xa, Pa-ghê-xơ, Ph.Mô-ra, I-glê-xi-át và những người khác. Bản thông tri này gửi toàn thể các thành viên của Đồng minh ở Tây Ban Nha, tuyên bố về việc giải thể nhóm Đồng minh ở Ma-đrít về đề nghị tất cả các nhóm của Đồng minh ở Tây Ban Nha hãy theo gương họ. Bản thông tư được công bố trên báo "Emancipacion" số 59, ngày 27 tháng Bảy 1872. – 190.
- 179 Hội nghị đại biểu của Liên chi hội Tây Ban Nha ở Va-len-xi-a diễn ra bí mật từ ngày 9 đến ngày 17 tháng Chín 1871. Hội nghị hợp thức hoá hoàn toàn và thông qua điều lệ của Liên chi hội Tây Ban Nha và điều lệ mẫu của các liên chi hội địa phương và các chi hội riêng lẻ chủ yếu được soạn thảo tại đại hội Bác-xê-lô-na (1870). Qua đó, hội nghị định ra cơ cấu tổ chức của Quốc tế ở Tây Ban Nha.

- Theo bản điều lệ đã thông qua tại hội nghị, những công nhân cùng nghề ở địa phương này được tập hợp vào một chi hội; các chi hội thành lập liên chi hội địa phương, đại hội của nó sẽ bầu ra một hội đồng liên chi hội địa phương. Tất cả các liên chi hội địa phương hợp thành liên chi hội quốc gia, và một hội đồng liên chi hội quốc gia được đại hội liên chi bầu ra. Hội nghị Va-len-xi-a đã mở rộng thành phần của Hội đồng Liên chi, lập ra chức thư ký - thông tin viên cho 5 khu vực, thông qua quyết định cho phép các cá nhân có thể trực tiếp gia nhập liên chi hội. – 198.
- 180 Đây muốn nói đến việc các uỷ viên ban biên tập báo "Emancipacion" đồng thời là thành viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha do Hội nghị Va-len-xi-a bầu ra là Ph. Mô-ra, Mê-xa, I-glê-xi-át, Pao-li bị nhóm đa số vô chính phủ trong liên chi hội cơ sở Ma-đrít khai trừ và tháng Ba 1872. Lý do của việc khai trừ này là bức thư ngỏ của hội đồng biên tập tờ báo này ngày 25 tháng Hai 1872 "Gửi các đại diện Đảng Cộng sản liên bang ở Ma-đrít". – 198.
- 181 Về Đại hội Xa-ra-gốt, xem chú thích 79. – 198.
- 182 Đại hội Bác-xê-lô-na - đại hội toàn quốc đầu tiên các chi hội của Quốc tế ở Tây Ban Nha, diễn ra tháng Sáu 1870: tham dự đại hội có 90 đại biểu đại diện cho 150 hội công nhân. Đại hội hợp thức hoá Liên chi hội Tây Ban Nha của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và bầu ra Hội đồng liên chi hội. Đại hội thông qua thư gửi Tổng Hội đồng, nói rõ việc liên chi hội này công nhận Điều lệ chung của Quốc tế; trên những nét cơ bản đã thảo xong điều lệ của Liên chi hội Tây Ban Nha, của các liên chi hội và các chi hội địa phương (điều lệ được soạn thảo hoàn chỉnh tại Hội nghị Va-len-xi-a năm 1871). Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của phái vô chính phủ, của các thành viên tổ chức Đồng minh bí mật Tây Ban Nha, đại hội đã thông qua nghị quyết phản đối việc tham gia vào cuộc đấu tranh chính trị. – 198.
- 183 "Extracto de las actas del segundo congreso obrero de la Federacion regional Espanola, celebrado en Zaragoza en los dias 4 al 11 de Abril de 1872, segun las actas y las notes tomadas por la comision nombrada al efecto en el mismo". p.109-110 ("Các đoạn trích dẫn các văn kiện đại hội lần thứ hai của Liên chi hội Tây Ban Nha diễn ra ở Xa-ga-gốt từ ngày 4 đến ngày 11 tháng Tư 1872, được soạn thảo hợp với các văn kiện và ý kiến nhận xét mà một uỷ ban do đại hội này bầu ra đã nhận được" tr.109-110).

- Hiện còn lưu giữ được một bản của cuốn sách mỏng mà Ăng-ghen đệ trình lên một uỷ ban của Đại hội La Hay, trong đó có các ghi chú của ông. – 199.
- 184 Nói về âm mưu của bọn vô chính phủ cử các đại biểu từ các chi hội nhỏ, thường là không còn tồn tại nữa, nhằm tạo ra một số đông tưởng tượng và giành quyền lãnh đạo Quốc tế (tại Đại hội Ba-lơ 1869) và lãnh đạo Liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man (tại đại hội của liên chi hội ở Sô-đơ-Phôn vào những ngày 4-6 tháng Tư 1870) (xem tập này, tr.23, 27). – 201.
- 185 Văn bản chính thức các nghị quyết đã thông qua tại Đại hội La Hay do Mác và Ăng-ghen soạn thảo và hiệu đính: hai ông là thành viên của uỷ ban chuẩn bị các nghị quyết. Cơ sở của phần lớn các bản nghị quyết này là những kiến nghị của Mác và Ăng-ghen đã được Tổng Hội đồng thông qua khi thảo luận sơ bộ chương trình nghị sự của đại hội vào mùa hè năm 1872, trong số đó có điều khoản 7A, nghị quyết về Điều lệ, nghị quyết về Quy chế, nghị quyết về việc khai trừ chi hội Mỹ số 12 v.v.. Nghị quyết về trụ sở của Tổng Hội đồng được Mác và Ăng-ghen trình lên đại hội và được trình bày trong diễn văn của Ăng-ghen (xem tập này, tr.899-900). Nghị quyết về quan hệ quốc tế giữa các hội kháng cự được thông qua theo đề nghị của La-phác-gơ. Hiện còn giữ được bản thảo của Ăng-ghen viết bằng tiếng Pháp gồm toàn văn các nghị quyết được chuẩn bị để đưa in. – 203.
- 186 Nhận lời mời của hội đồng liên hiệp Hà Lan, sau khi Đại hội La Hay kết thúc, đa số các đại biểu đã lên đường đến Am-xtéc-đam gặp gỡ chi hội Am-xtéc-đam của Quốc tế. Ngày 8 tháng Chín, trong cuộc mít tinh ở Am-xtéc-đam, Mác, Doóc-gơ, La-phác-gơ và một số đại biểu khác đã phát biểu, Mác đọc diễn văn bằng tiếng Đức và tiếng Pháp. Bài diễn văn được đăng trên báo chí của Hà Lan, Bỉ, Pháp và Đức. Bài diễn văn này được đăng đầy đủ nhất trên báo Bỉ và Pháp, trong đó, văn bản hoàn toàn khớp với bài diễn văn. Báo "Volksstaat" đăng bài diễn văn này của Mác dựa theo báo "Liberté", nhưng có sửa đổi đôi chút. Ngày 26 tháng Chín 1872. Héc-nét viết cho Mác rằng họ không thể đăng nguyên văn bài diễn văn của ông, vì trong điều kiện của nước Đức, nhắc tới sự cấp thiết của cuộc cách mạng bạo lực lập tức sẽ tạo ra cái cớ có cho chiến dịch chống lại báo này. Tờ "Algemeen Handelsblad" ("Báo thương mại phổ thông") của Hà Lan chỉ đăng bài diễn văn hết sức vắn tắt. Phóng viên viết: "Công dân Mác chuyển

- sang việc xem xét kết quả của đại hội vừa kết thúc công việc của mình. Ông coi những kết quả ấy là quan trọng. Việc tập trung mạnh mẽ quyền lực vào tay Tổng Hội đồng là sự cần thiết cấp bách để đối phó với Hội nghị Béc-lin, một hội nghị mà theo ý kiến của diễn giả, báo trước một cuộc tổng tiến công vào giai cấp vô sản, những cuộc truy lùng và đàn áp công nhân. Chừng nào Quốc tế chưa hoạt động như một tổ chức thống nhất vững mạnh, chừng ấy Quốc tế sẽ chưa đủ khả năng biến phong trào thành phong trào chung, khiến phong trào ấy đồng thời xuất hiện ở khắp mọi nơi, và những nỗ lực của nó sẽ không đem lại kết quả đáng kể. Diễn giả đưa Công xã Pa-ri ra làm ví dụ. Vì sao Công xã bị thất bại? Vì nó đã bị cô lập. Nếu như cùng một lúc với cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri mà bùng nổ cách mạng ở Béc-lin, ở Viên và những thủ đô khác, thì triển vọng thành công đã có thể lớn hơn". – 217.
- 187 "*Le Corsaire*" ("Tên cướp biển") - tờ nhật báo cộng hoà - tư sản Pháp, xuất bản từ năm 1871 tại Pa-ri. – 221.
- 188 "*Le Soir*" ("Buổi chiều") - tờ nhật báo tư sản Pháp theo khuynh hướng cộng hoà, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1867. – 221.
- 189 Sau Đại hội La Hay, Mác và Ăng-ghen, bấy giờ là thành viên ban hiệu chỉnh lại các biên bản và nghị quyết của đại hội, đã tiến hành công việc chuẩn bị các văn kiện này để công bố. Cuối tháng Mười 1872 đã xuất bản chính thức các nghị quyết của đại hội dưới hình thức sách lẻ bằng tiếng Pháp, ngày 14 tháng Chạp đã công bố chính thức bằng tiếng Anh trên báo "International Herald". Việc chuẩn bị cho đăng các biên bản của đại hội bị dở dang. – 223.
- 190 Những số liệu về thành phần của đại hội này hơi khác so với số liệu mà Doóc-gơ ghi trong biên bản. Ông đưa ra những con số sau: tham dự Đại hội La Hay có 65 đại biểu, trong số đó có 15 đại biểu Pháp, 15 đại biểu Đức, 7 đại biểu Bỉ, 5 đại biểu Anh, 5 đại biểu Tây Ban Nha, 4 đại biểu Hà Lan, 4 đại biểu Thụy Sĩ, 2 đại biểu Áo, 1 đại biểu Đan Mạch, 1 đại biểu Hung-ga-ri, 1 đại biểu Ô-xơ-rây-li-a, 1 đại biểu Ai-ơ-len và 1 đại biểu Ba Lan. – 224.
- 191 "*La Favilla*" ("Tia lửa") - tờ báo I-ta-li-a, xuất bản ở Măng-tu những năm 1866 - 1894; những năm 1871 - 1872 báo ra hàng ngày; ban đầu theo khuynh hướng dân chủ - tư sản, vào nửa đầu những năm 70 chịu ảnh hưởng của phái vô chính phủ.

- Ăng-ghen trích bài báo "Tin tức từ Tu-rin" xuất hiện trên báo này, số 184, ngày 3 tháng Chín 1872. – 230.
- 192 Khi đăng bài báo "Giấy uỷ nhiệm bắt buộc" của Ăng-ghen, ban biên tập báo "Emancipacion" cố gắng làm cho nó có hình thức một bài báo được viết ở Tây Ban Nha: do đó bài báo đăng không ký tên tác giả. – 232.
- 193 "*Bulletin de la Fédération jurassienne de l'Association Internationale des Travailleurs*" ("Bản tin của Liên chi hội Giuy-ra của Hội liên hiệp công nhân quốc tế") - cơ quan ngôn luận của phái vô chính phủ ở Thụy Sĩ, xuất bản bằng tiếng Pháp dưới sự chủ biên của Gi. Ghi-ôm trong những năm 1872-1878, mới đầu ra hai lần trong tháng, và từ tháng Bảy 1873 ra hàng tuần.
- Ăng-ghen trích "*Bulletin de la Fédération jurassienne*" số 17-18, ngày 15 tháng Tám - ngày 1 tháng Mười 1872. – 233.
- 194 Giấy uỷ nhiệm của các đại biểu của Liên chi hội Giuy-ra đi dự Đại hội La Hay được đăng trên "*Bulletin de la Fédération Jurassienne*" số 15-16, ra ngày 15 tháng Tám - 1 tháng Chín 1872. – 235.
- 195 "*La Federacion*" ("Liên minh") - tờ tuần báo công nhân Tây Ban Nha, cơ quan của Liên chi hội Bác-xê-lô-na của Quốc tế, xuất bản ở Bác-xê-lô-na từ năm 1869 đến năm 1873, chịu ảnh hưởng của phái Ba-cu-nin. – 237.
- 196 "Liste nominale des délégués composant le 5-me Congrès universel, tenu à la Haye (Hollande), du 2 au 7 Septembre 1872" Amsterdam, 1872 ("Danh sách đại biểu đại hội toàn thể lần thứ năm họp ở La Hay (Hà Lan) từ ngày 2 đến ngày 7 tháng Chín 1872". Am-xtéc-đam 1872). – 241.
- 197 Hội đồng Liên chi hội Li-xbon đã gửi, thông qua Ăng-ghen, tới Hội đồng Liên chi hội Anh bức thư yêu cầu thi hành những biện pháp khẩn cấp nhằm ngăn chặn việc du nhập vào Bồ Đào Nha những kẻ phá hoại bãi công từ Anh tới. Mối nguy hiểm này xuất hiện từ khi có cuộc bãi công của thợ đúc mở đầu ngày 19 tháng Chín 1872 tại tất cả các xí nghiệp đúc ở Li-xbon. Những người bãi công, trong đó có cả công nhân các ngành khác, đòi rút ngắn ngày lao động. Cuộc bãi công của thợ đúc Li-xbon được Liên chi hội Bồ Đào Nha của Quốc tế ủng hộ. Bức thư đã được trình bày tại phiên họp của Hội đồng Liên chi hội Anh

- ngày 26 tháng Chín và được công bố trên tờ "International Herald" số 27, ngày 5 tháng Mười 1872. – 243.
- 198 Khi đăng bức thư của Mác, ban biên tập báo "Volksstaat" đã ghi dưới đoạn này lời chú thích sau: "Đáng tiếc là ở đây, do sai sót, đã bỏ qua từ "Đồng minh". Do lỗi in sai này, quả thật có thể nghĩ rằng, Mác đưa ra đề nghị khai trừ Svít-xguê-ben, mà trên thực tế đề nghị ấy chưa có". – 245.
- 199 Qua bức thư ngày 5 tháng Mười 1872 của Ăng-ghen gửi Doóc-gơ, thư ký của Tổng Hội đồng ở Niu Oóc, có thể thấy rằng, lúc đầu Ăng-ghen định gửi báo cáo về tình hình của Quốc tế ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và I-ta-li-a. Nhưng ngay từ ngày 2 tháng Mười một 1872, ông viết rằng ông mới chỉ gửi báo cáo về Tây Ban Nha, và định gửi các báo cáo về I-ta-li-a và Bồ Đào Nha muộn hơn. Hiện chưa có tài liệu xác nhận những báo cáo ấy đã được gửi đi. – 248.
- 200 Về bản thông tri ngày 2 tháng Sáu 1872 xem chú thích 178. – 252.
- 201 "*Hội công nhân và nhân dân Hạ Lô-m-bác-di*" (một chi hội của Quốc tế ở Lô-di) thành lập tháng Mười 1872 dưới tác động trực tiếp của Bi-na-mi, người đã thông báo việc này cho Ăng-ghen ngày 28 tháng Mười 1872. Trong bức thư ngày 25 tháng Mười một 1872, Ăng-ghen đã thông báo cho thư ký Tổng Hội đồng Doóc-gơ về việc thành lập chi hội ở Lô-di, việc chi hội này đã thông qua điều lệ phù hợp với bản Điều lệ của Quốc tế. Những cuộc truy nã của cảnh sát đã chấm dứt hoạt động của chi hội này vào đầu năm 1873. – 255.
- 202 Đây muốn nói đến cuốn sách mỏng của Glát-xtôn "Two Letters to the Earl of Aberdeen on the State Persecutions of the Napolitan Government", London, 1851 ("Hai bức thư gửi bá tước A-bớc-din nhân việc Chính phủ Na-plo truy nã những tội phạm quốc gia". Luân Đôn, 1851). – 256.
- 203 Đây muốn nói đến quy tắc hành xử trong các công viên Luân Đôn, được thi hành từ ngày 27 tháng Sáu 1872 thông qua sắc lệnh của nhà vua. – 257.
- 204 Ở đây Ăng-ghen muốn nói đến đại hội đại biểu các chi hội của Quốc tế ở Hà Lan, họp ngày 24 tháng Mười một 1872 tại Am-xtéc-đam, do Hội đồng Liên chi hội Hà Lan triệu tập nhân việc phái vô chính phủ tỏ thái độ chống đối các nghị quyết của Đại hội La Hay. Đại hội đã thông qua nghị quyết ủng hộ Tổng Hội đồng. – 261.

- 205 *Đại hội ở Coóc-đô-va* diễn ra vào các ngày 25-30 tháng Chạp 1872, trong đó đại diện chỉ toàn những người theo phái vô chính phủ. Đại hội tuyên bố cắt đứt hoàn toàn quan hệ với Tổng Hội đồng và Hội liên hiệp công nhân quốc tế nói chung. – 261.
- 206 Ngày 15-16 tháng Chín 1872 tại Xanh-I-mê đã diễn ra đại hội đại diện các tổ chức bí mật của Đông minh ở các nước. Các nghị quyết thông qua tại đại hội - không công nhận các nghị quyết của Đại hội La Hay và đoạn tuyệt với Tổng Hội đồng - nói lên sự phân liệt thực sự trong Quốc tế (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. "Đông minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế", xem tập này, tr.528-529). – 262.
- 207 Bức thư "Liên chi hội Ma-đrít mới gửi toàn thể các liên chi hội, các chi hội và các uỷ viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế" công bố ngày 1 tháng Mười một 1872 có chữ ký của V.Pa-ghê-xơ, đã được đăng trên tờ "Emancipacion" số 73, ngày 9 tháng Mười một 1872. Bức thư đã tố cáo những hoạt động của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha gây rối loạn tổ chức và chia rẽ Quốc tế. Do việc Hội đồng liên chi hội, bất chấp điều lệ của liên chi hội Tây Ban Nha và nghị quyết đại hội Xa-ra-gốt, đã tuyên bố triệu tập đại hội ở Coóc-đô-va sớm hơn thời gian quy định, đồng thời tự ý thay đổi chương trình nghị sự, đưa ra vấn đề lựa chọn giữa các nghị quyết của Đại hội La Hay và đại hội của phái vô chính phủ ở Xanh-I-mê, nên Liên chi hội Ma-đrít mới đề nghị bầu ra hội đồng liên chi hội mới hoạt động phù hợp với Điều lệ và nghị quyết của các đại hội toàn thể của Quốc tế. – 262.
- 208 Cuộc họp của Liên chi hội Gra-xi-a kéo dài từ ngày 4 đến ngày 6 tháng Mười một 1872, sau khi nghe báo cáo về chuyến đi dự Đại hội La Hay của A-lê-ri-ni, một trong những người lãnh đạo Đông minh, cuộc họp đã lên án thái độ xử sự của các đại biểu Tây Ban Nha tại Đại hội La Hay, bác bỏ đề nghị của phái vô chính phủ đòi ủng hộ nghị quyết của đại hội Xanh-i-mê; bằng đa số phiếu, hội nghị đã tán thành nghị quyết Đại hội La Hay.
- Cuộc họp của Liên chi hội Va-len-xi-a diễn ra ngày 9 tháng Mười một 1872. Cuộc họp đã bác bỏ đề nghị của nhóm thành viên Đông minh đòi đưa vào uỷ nhiệm thư hạn chế của đại biểu đại hội Coóc-đô-va lời yêu cầu tán thành nghị quyết đại hội ở Xanh-I-mê. – 262.

- 209 Trong "Bulletin de la Fédération jurassienne" số 20-21, ngày 10 tháng Mười một 1872 có đăng bức thư của Giuy-lơ Mông-ten phản đối việc khai trừ Bu-xkê ra khỏi Quốc tế. – 263.
- 210 Phe cải lương trong Hội đồng liên chi hội Anh (xem chú thích 14) đã cấu kết với các phần tử phản mác-xít thuộc nhiều tổ chức khác nhau, trong đó có các hội viên của Đông minh ở Thụy Sĩ. Bọn theo chủ nghĩa cải lương ở Anh và bọn vô chính phủ Thụy Sĩ kịch liệt công kích toàn bộ những nghị quyết của Đại hội La Hay, trong đó có các quyết nghị về hành động chính trị của giai cấp công nhân và việc mở rộng quyền hạn của Tổng Hội đồng. Sau khi xuất hiện trên "Bulletin de la Fédération jurassienne" số 23, ngày 1 tháng Chạp, bức thư của Gi.Hây-đơ viết ngày 6 tháng Mười một và thư trả lời, ký tên Svit-xguê-ben, thành viên của Đông minh, thì Mác và Ăng-ghen quyết định công khai đập lại Hây-đơ. Mác viết cho Doóc-gơ ngày 21 tháng Chạp 1872: "Hôm nay tôi gửi một số báo, trong đó Ăng-ghen và tôi bắt đầu cuộc bút chiến với Hây-đơ và đồng bọn". Bức thư của Mác và Ăng-ghen được đăng trên tờ "International Herald" số 38, ngày 21 tháng Chạp và trên tờ báo "Emancipacion" của Tây Ban Nha số 80, ngày 28 tháng Chạp 1872. Ban biên tập báo "Emancipacion" đã đưa ra lời mở đầu sau đây: "Dưới đây chúng tôi xin đăng bức thư mà hai người đồng chí, người bạn của chúng tôi là Mác và Ăng-ghen đã gửi đến tờ "International Herald" xuất bản ở Luân Đôn để phản đối những lời khẳng định gian dối của ngài Giôn Hây-đơ; những lời lẽ này được báo chí của Đông minh trên đất nước ta hoạ lại một cách vô cùng thích thú bởi vì họ luôn sẵn sàng ủng hộ những lời dối trá". – 264.
- 211 Vấn đề Hây-đơ, với tư cách là thư ký Tổng Hội đồng, đã đi qua quyền hạn của mình, đã nhiều lần được đưa ra các phiên họp của Tổng Hội đồng. Ngay từ mùa xuân năm 1872, Hây-đơ đã đối lập mình với đa số uỷ viên Tổng Hội đồng ủng hộ Mác. Tại đại hội của liên chi hội Anh thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp tại Nốt-tinh-hêm ngày 21-22 tháng Bảy 1872, Hây-đơ tìm cách thông qua nghị quyết về "quyền tự trị" của Hội đồng liên chi hội Anh. Do việc làm trên, cộng với việc Hây-đơ ủng hộ các phần tử cải lương đã bị khai trừ khỏi Quốc tế ở Mỹ, nên ngày 23 tháng Bảy 1872, Tổng Hội đồng đã nhất trí thông qua đề nghị tạm thời cách chức Hây-đơ cho đến khi thẩm tra xong. Tạm thời, chức trách thư ký được giao cho Gi.Min-nơ. – 266.

- 212 *Chi hội người nước ngoài ở Man-se-xtơ* thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế thành lập vào tháng Tám 1872, phần lớn gồm các công nhân sống lưu vong ở Man-se-xtơ và thường đã là thành viên của Quốc tế. Chi hội người nước ngoài ở Man-se-xtơ đã tích cực đấu tranh chống bộ phận cải lương trong Hội đồng liên chi hội Anh không công nhận nghị quyết của Đại hội La Hay. Chi hội này ủng hộ cuộc đấu tranh của Mác và Ăng-ghe-nhằm củng cố chi hội Anh và thanh trừng các phần tử phá hoại tổ chức ra khỏi tổ chức. Bức thư này do Ăng-ghe-nh viết theo yêu cầu của chi hội Man-se-xtơ và sau khi được chi hội thông qua, bức thư đã được in thành truyền đơn gửi cho tất cả các thành viên Quốc tế ở Anh. - 268.
- 213 Đây muốn nói tới bản thông tư của nhóm ly khai trong Hội đồng liên chi hội Anh "Gửi các chi hội Anh thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế" ngày 10 tháng Chạp 1872, trong đó những kẻ ly khai kêu gọi không công nhận nghị quyết của Đại hội La Hay và triệu tập đại hội bất thường của Liên chi hội vào tháng Giêng 1873 ở Luân Đôn. - 268.
- 214 Đây là nói về phiên họp của Hội đồng liên chi hội Anh ngày 5 tháng Chạp 1872. Phiên họp này phải giải quyết vấn đề bãi bỏ chức Tổng thư ký hội đồng mà Hây-dơ đang nắm giữ, đồng thời bổ nhiệm thư ký - thông tin viên, thư ký chịu trách nhiệm về biên bản, thủ quỹ và các chức trách chính thức khác trong hội đồng. Ý định của bộ phận nòng cốt mác-xít trong hội đồng muốn gạt ra khỏi ban lãnh đạo Hội đồng liên chi hội Anh những người lãnh đạo theo chủ nghĩa cải lương, cũng chính là nguyên nhân trực tiếp của sự phân liệt diễn ra tiếp theo đó trong nội bộ hội đồng. - 269.
- 215 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nh. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.584. - 269.
- 216 Về quyết nghị IX của Hội nghị Luân Đôn năm 1871, xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nh, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1994, t.17, tr. 557-559. - 270.
- 217 Về đại hội của Liên chi hội Hà Lan, xem chú thích 204. - 273.
- 218 Bức thư này của Hội đồng Liên chi hội Anh do Mác thảo cùng với bức thư của chi hội người nước ngoài ở Man-se-xtơ do Ăng-ghe-nh thảo, là câu trả lời cho

- những hành động gây chia rẽ của nhóm cải lương trong Liên chi hội Anh. Bức thư đã được uỷ viên hội đồng Mít-sen đọc tại phiên họp của Hội đồng liên chi hội Anh ngày 23 tháng Chạp, được hội đồng nhất trí thông qua và được gửi cho các chi hội. - 275.
- 219 Để chuẩn bị cho Đại hội La Hay, Tổng Hội đồng đã thông qua nghị quyết thảo luận sơ bộ những điều khoản trong Điều lệ chung và Quy chế về tổ chức. Trong khi thảo luận, ngày 23 tháng Bảy 1872, Vai-ăng đã nêu ra đề nghị đưa vào Điều lệ nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn năm 1871 về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân. Đề nghị này được Mác và Ăng-ghe-nh ủng hộ và được nhất trí thông qua. - 278.
- 220 Đây là nói tới nghị quyết "Về hoạt động chính trị" đã được nhất trí thông qua tại đại hội lần thứ nhất các chi hội Anh thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp ngày 21-22 tháng Bảy 1872 ở Nốt-tinh-hêm. Nghị quyết thừa nhận việc giai cấp công nhân cần phải tiến hành đấu tranh chính trị nhằm giải phóng họ về mặt xã hội và do đó cần phải thành lập một đảng công nhân độc lập. - 278.
- 221 Văn bản nghị quyết này được Ăng-ghe-nh đưa ra và thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 25 tháng Sáu 1872. - 279.
- 222 Đây muốn nói đến các điều khoản 6 và 7 phần II ("Tổng Hội đồng") của bản Quy chế về tổ chức (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nh. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.589-591): các điều khoản này được hình thành trên cơ sở các nghị quyết của Đại hội Ba-lơ năm 1869: "Về thể thức khai trừ các chi hội ra khỏi Hội liên hiệp" và "Về quy tắc giải quyết những xung đột giữa các chi hội của Hội liên hiệp". - 279.
- 223 Tác phẩm "Về vấn đề nhà ở" của Ph.Ăng-ghe-nh gồm ba phần, mỗi phần ra đời trong quá trình Ăng-ghe-nh luận chiến gay gắt chống lại các đề án tư sản và tiểu tư sản về việc giải quyết vấn đề nhà ở.
- Phần thứ nhất trực tiếp trả lời cho những bài báo nặc danh dưới nhan đề "Vấn đề nhà ở" đăng trên tờ "Volksstaat" (các số 10, 11, 12, 13, 15 và 19 ra ngày 3, 7, 10, 14, 21 tháng Hai và 6 tháng Ba 1872); các bài này được in lại từ tờ báo công nhân Áo "Volkswilte" ("Ý dân"). Về sau mới rõ tác giả của những bài báo trên là tiến sĩ y học A.Muyn-béc-gơ, môn đồ của Pru-đông. Ngày 7 tháng

Năm 1872 Ăng-ghen viết cho Líp-nếch:

"Ngay khi có thời gian, tôi sẽ viết cho anh một bài báo về nạn khan hiếm nhà ở để đập lại những lời bịa đặt phi lý của phái Pru-đông về vấn đề này trong một loạt bài báo trên tờ "Volksstaat". Đến ngày 22 tháng Năm 1872, phần thứ nhất của tác phẩm dưới nhan đề "Pru-đông giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào?" đã được hoàn thành và đăng trên tờ "Volksstaat" các số 51, 52 và 53 ra ngày 26, 29 tháng Sáu và 3 tháng Bảy 1872.

Trong suốt tháng Mười 1872, Ăng-ghen viết phần thứ hai của tác phẩm với nhan đề "Giai cấp tư sản giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào", trong đó ông phê phán những biện pháp bác ái tư sản nhằm giải quyết vấn đề nhà ở được trình bày hết sức đầy đủ trong cuốn sách của E.Đắc-xơ "Những điều kiện cư trú của các giai cấp lao động và việc cải cách những điều kiện đó". Phần này đăng trên tờ "Volksstaat" số 103 và 104 ra ngày 25 và 28 tháng Chạp 1872 và số 2-3 ra ngày 4 và 8 tháng Giêng 1873.

Phần thứ ba tác phẩm của Ăng-ghen ra đời với tính cách là câu trả lời mới đối với Muyn-béc-gơ, người được ban biên tập tờ "Volksstaat" tạo điều kiện bác lại Ăng-ghen trên các trang báo. Ăng-ghen đã viết phần này vào tháng Giêng 1873 và nó được đăng trên tờ "Volksstaat" các số 12, 13, 15 và 16 ra ngày 8, 12, 19 và 22 tháng Hai 1873 dưới nhan đề "Bàn thêm về Pru-đông và vấn đề nhà ở".

Ngay sau khi được đăng trên tờ "Volksstaat", cả ba phần tác phẩm của Ăng-ghen được nhà xuất bản "Volksstaat" ở Lai-pxích xuất bản thành tập riêng; hai phần trong số đó - ("Về vấn đề nhà ở") và: "Zur wohnungsfrage. Zweites Heft: Wie die Bourgeoisie die Wohnungsfrage löst" ("Về vấn đề nhà ở. Tập hai: Giai cấp tư sản giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào") - xuất bản năm 1872 và phần cuối cùng - ""Zur Wohnungsfrage" Drittes Heft: Nachtrag über Proudhon und die Wohnungsfrage" ("Về vấn đề nhà ở. Tập ba: Bàn thêm về Pru-đông và vấn đề nhà ở")- xuất bản năm 1873. Phần thứ hai của tác phẩm của Ăng-ghen cũng được đăng trên tờ "Volkswille" các số tháng Giêng (số 3-9) năm 1873;

Năm 1887, tác phẩm của Ăng-ghen được tái bản dưới nhan đề "Zur Wohnungsfrage". Zweite, durchgesehene Auflage. Hottingen - Zürich, 1887 ("Về

vấn đề nhà ở", xuất bản lần thứ hai có duyệt lại, Hốt-tinh-hen - Xuy-rích 1887). Khi tái bản tác phẩm này, Ăng-ghen có sửa đổi và bổ sung một số chỗ, đồng thời viết lời tựa cho tác phẩm.

Bản dịch đầy đủ tác phẩm "Về vấn đề nhà ở" của Ăng-ghen được in bằng tiếng Nga năm 1907 tại Nhà xuất bản "Tri thức". - 283.

224. Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr.107 - 256. - 287.

225 C.Mác, "Tư bản", t.1 (C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23). - 288.

226 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.132 - 134. - 295.

227 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.317-698, - 297.

228 Ở đây Ăng-ghen dẫn ra một cách mỉa mai đoạn trong Kinh thánh nói về "những nỗi thịnh của người Ai Cập". Theo truyền thuyết Kinh thánh, trong cuộc chạy trốn của những người Do Thái khỏi vòng tù hãm của người Ai Cập, những kẻ bạc nhược trong số họ, do tác động của những khó khăn trên đường đi và của cái đói, đâm ra nuối tiếc những ngày sống trong cảnh tù hãm, nơi ít ra họ cũng được ăn no. - 297.

229 *Labour Exchange Bazaar hay Equitable Labour Exchange Bazaars or Offices* (Chợ trao đổi công bằng các sản phẩm lao động) do các hội hợp tác xã của công nhân thành lập ở nhiều thành phố nước Anh; chợ đầu tiên theo kiểu trên do Rô-bốt Ô-oen lập ra ở Luân Đôn vào tháng Chín 1832 và tồn tại cho đến giữa năm 1834. Ở những chợ này, sản phẩm lao động được trao đổi thông qua những tờ giấy bạc do lao động quy định, mỗi đơn vị trị giá 1 giờ lao động. Những việc làm này thể hiện một ý đồ không tưởng muốn thiết lập một sự trao đổi không thông qua tiền tệ trong điều kiện nền kinh tế hàng hoá - tư bản chủ nghĩa, nên đã nhanh chóng bị phá sản. - 304.

230 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.248-292. - 311.



231 Trên tờ "Volksstaat" số 53, ngày 3 tháng Bảy 1872 hai đoạn sau cùng được trình bày như sau:

"Trên đây chúng ta đã thấy rằng giá tiền thuê nhà, gọi vulgo là tiền thuê nhà, bao gồm nhiều phần khác nhau:

1) địa tô; 2) lợi nhuận của tư bản bỏ vào việc xây dựng, chứ hoàn toàn không phải là tiền lãi; 3) số tiền dùng để trả những chi phí về sửa chữa, bảo dưỡng và bảo hiểm. Phần tiền lãi của tư bản chỉ nằm trong tiền thuê nhà, khi ngôi nhà bị món nợ cầm cố đè nặng.

Và bây giờ hẳn là phải rõ ràng, ngay cả đối với người mù loà, rằng, "chính người sở hữu nhà ở sẽ là người đầu tiên đưa tay ra thoả thuận bán, vì nếu không thì nhà của anh ta sẽ không được sử dụng và tư bản bỏ vào đó sẽ không sinh lợi gì cả". Đương nhiên là như vậy. Nếu người ta xoá bỏ tiền lãi của mọi tư bản ứng trước, thì lúc đó, sẽ không có một người sở hữu nhà ở nào có thể nhận được một xu tiền cho thuê nhà của mình, vì cái lý do rất đơn giản là thay vì nói tiền thuê nhà, người ta cũng có thể nói tiền lãi cho thuê nhà. Một bác sĩ vẫn là một bác sĩ"...

Trong cuốn sách lẻ in phần thứ nhất tác phẩm của Ăng-ghe-n "Về vấn đề nhà ở" do nhà xuất bản "Volksstaat" xuất bản năm 1872, câu: "phần tiền lãi của tư bản chỉ nằm trong tiền thuê nhà, khi nào ngôi nhà bị món nợ cầm cố đè nặng" được chú thích như sau:

"Đối với nhà tư bản mua nhà có sẵn, phần giá tiền thuê nhà không bao gồm địa tô và những khoản chi phí có thể biểu hiện dưới dạng tiền lãi của tư bản. Song điều đó không hề làm cho bản thân tình hình sự việc thay đổi chút nào, cũng như bản thân người sở hữu ngôi nhà cho thuê ngôi nhà của mình, hay anh ta bán nó cho nhà tư bản khác dùng vào mục đích ấy, điều đó hoàn toàn không quan trọng.

Năm 1887, khi chuẩn bị cho lần xuất bản thứ hai tác phẩm của mình, Ăng-ghe-n hiệu đính lại một lần nữa cả hai đoạn trên và làm rõ thêm một số chỗ trong đó (xem Ph.Ăng-ghe-n. Lời tựa cho tác phẩm "Về vấn đề nhà ở", xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị, Mát-xcơ-va, 1961, t.21).

Trong tập này, hai đoạn nói trên được đăng theo lần xuất bản năm 1887. – 312.

232 Có ý nói tới cuốn sách của Pru-đông "Système de contradictions économiques, ou Philosophie de la misère", T.I-II, Paris, 1846 ("Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế hay là Triết học về sự khốn cùng". T.I-II, Pa-ri, 1846). – 315.

233 E.Sax. "Die Wohnungszustände der arbeitenden Klassen und ihre Reform". Wien, 1869. – 317.

234 "Illustrated London News" ("Tin họa báo Luân Đôn") - tờ họa báo Anh ra hàng tuần xuất bản từ năm 1842.

"Ueber Land und Meer" ("Qua đất liền và biển cả") - họa báo Đức ra hàng tuần, xuất bản ở Stút-gát từ năm 1858 đến năm 1923.

"Gartenlaube" - tên gọi tắt tờ tạp chí văn học Đức ra hàng ngày theo khuynh hướng tiểu tư sản "Die Gartenlaube, Illustriertes Familienblatt" ("Nhà nghỉ mát. Họa báo gia đình"), xuất bản ở Lai-pxích những năm 1853 - 1903 và ở Béc-lin những năm 1903 - 1943.

"Kladderadatsch" ("Clát-đê-ra-đát") - tạp chí tranh biếm họa ra hàng tuần ở Béc-lin từ năm 1848.

Xạ thủ Ô-guyt-xơ Cút-sơ - bút danh của nhà thơ Đức Gốt-ghen-phơ Hốp-man, tác giả khúc quân ca mang tư tưởng dân tộc chủ nghĩa trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ 1870 - 1871. – 318.

235 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr.606-607. – 319.

236 Trích diễn văn của Han-dơ-man tại phiên họp của Nghị viện bang liên hợp khoá 1 ngày 8 tháng Sáu 1847. "Prefens Erster Reichstag". Th.I, Berlin, 1847, S.55 ("Quốc hội Phổ khoá I". Phần 7, Béc-lin, 1847, tr.55). – 322.

237 "Le Socialiste" ("Người xã hội chủ nghĩa") - tờ báo Pháp ra hàng tuần do Gi.Ghết thành lập ở Pa-ri năm 1885; cho đến năm 1902 là cơ quan ngôn luận của Đảng công nhân, từ năm 1902 đến năm 1905 là cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp; từ năm 1905 là cơ quan của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp; trong những năm 80 -90 Ph.Ăng-ghe-n, P.La-phác-gơ và G.V. Plê-kha-nốp đã cộng tác với tờ báo.

- Những bài báo về khu dân cư ở Ghi-dơ đăng trên tờ "Le Socialiste" các số 45 và 48, ngày 3 và 24 tháng Bảy 1886. – 332.
- 238 "Harmony Hall" ("Hác-mô-ni-hôn") - tên một khu dân cư cộng sản chủ nghĩa do các nhà xã hội - không tưởng Anh, đứng đầu là Rô-bớt Ô-oen, lập ra cuối năm 1839 ở tỉnh Hem-psi-a (Anh). Khu dân cư này tồn tại được đến năm 1845. – 332.
- 239 Xem V.A. Huber. "Sociale Fragen. IV. Die Latente Association". Nordhausen 1866 (V.A. Hu-bơ. "Những vấn đề xã hội. IV. Liên hợp vô hình". Noóc-hau-den, 1866). – 333.
- 240 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.555-557 và 561. – 333.
- 241 C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2. tr.561. – 333.
- 242 Đây là nói về việc Pháp trả cho Đức 5 tỷ phrăng tiền bồi thường chiến tranh theo điều 7 bản Hoà ước Phran-phuốc ký ngày 10 tháng Năm 1871. – 356.
- 243 Ăng-ghen ám chỉ những lời tuyên bố của nhà kinh tế tư sản Đức A-đôn-phơ Vắc-ne-rơ trong một loạt cuốn sách và bài phát biểu của ông ta nói rằng sự hồi phục tình hình nước Đức sau cuộc chiến tranh Pháp - Phổ và nhất là do được 5 tỷ phrăng tiền bồi thường chiến tranh sẽ làm cho tình cảnh của quần chúng lao động được cải thiện đáng kể. – 356.
- 244 Đây muốn nói tới cuộc hội đàm giữa các hoàng đế Đức. Áo và thủ tướng của hai bên vào tháng Tám 1871 ở Ga-stanh và tháng Chín 1871 ở Dan-xbuốc. Trong quá trình hội đàm cũng đã thảo luận những vấn đề đấu tranh chống lại Quốc tế. Ăng-ghen gọi đây là những hội nghị Sti-bơ theo tên của người đứng đầu sở cảnh sát chính trị Phổ là Sti-bơ, qua đó nhấn mạnh tính chất phản động theo kiểu cảnh sát của những hội nghị này. – 356.
- 245 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.401-403 và những trang tiếp theo. – 358.
- 246 "Internationale et révolution A.propos du congrès de la Haye par des réfugiés de la Commune, ex - membres du Conseil Général de l'Internationale". Londres, 1872 ("Quốc tế và cách mạng. Do các chiến sĩ Công xã sống lưu vong, nguyên

- là thành viên của Tổng Hội đồng Quốc tế viết nhân dịp Đại hội La Hay". Luân Đôn, 1872). – 364.
- 247 Xem G.W. F.Hegel. "Wissenschaft der Logik". Th. I. Abt.2; Werke, Bd.IV, Berlin, 1834, S.15, 75, 145 (G.V.Ph. Hê-ghen. "Khoa học lô-gích", Phần I, chương 2; Toàn tập, t.IV, Béc-lin, 1834, tr.15, 75, 145). – 364.
- 248 Những bài báo của Muyn-béc-gơ, đăng tháng Hai và đầu tháng Ba 1872 trên tờ "Volksstaat", sau này đã được in thành sách riêng A.Mülberger. "Die Wohnungsfrage. Eine sociale Skizze". Separat - Abdruck aus dem "Volksstaat". Leipzig. 1872, S.25 (A.Muyn-béc-gơ. "Vấn đề nhà ở. Tuỳ bút xã hội". Tập bài báo rút từ tờ "Volksstaat". Lai-pxích, 1872, tr.25). – 367.
- 249 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr.580-581 và 601-602. – 368.
- 250 P.J. Proudhon, "Idée générale de la Révolution au XIX siècle". Paris, 1868. – 374.
- 251 Xem chú thích 232. – 374.
- 252 P.-J. Proudhon. "De la justice dans la révolution et dans l'église". T.1-3, Paris, 1858.– 375.
- 253 P.-J. Proudhon. "La guerre et la paix". T.1-2. Paris, 1869.– 376.
- 254 F. Lassalle. "Das System der erworbenen Rechte. Eine Versöhnung des positiven Rechts und der Rechtsphilosophie". Th. I, Leipzig, 1861 (Ph.Lát-xan. "Hệ thống những quyền đã đạt được. Sự điều hoà giữa pháp quyền nhân định với triết học pháp quyền". Phần 1, Lai-pxích, 1861).– 377.
- 255 Ở đây Ăng-ghen nói phỏng theo lời của Mê-phi-xtô-phê-le-xơ trong vở bi kịch "Phau-xtơ" của Gơ-tơ, phần 1, cảnh 6 ("Món ăn của mụ phù thủy").– 385.
- 256 Qua việc trao đổi thư từ với nhà xã hội chủ nghĩa Đan Mạch Lu-i Pi-ô, Ăng-ghen, lúc bấy giờ thực hiện chức trách thư ký thông tấn phụ trách về Đan Mạch, được biết về những thành công to lớn của các nhà xã hội chủ nghĩa Đan Mạch trong việc tuyên truyền các nghị quyết của Quốc tế về vấn đề nông nghiệp. Trong thư gửi Lu-i Pi-ô cuối tháng Tư 1872, Ăng-ghen đánh giá cao bài báo nói về phương thức cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp thông qua hợp tác hoá, bài báo xuất hiện trên tờ "Socialisten" ở Cô-pen-ha-ghen và trên hầu khắp các

báo chí của Quốc tế. Ăng-ghen nhấn mạnh rằng "trong vấn đề cực kỳ hệ trọng là lời kêu gọi tầng lớp tiểu nông và những người nông dân không có ruộng đất vào phong trào vô sản thì người Đan Mạch hiện đang đi trước mọi dân tộc nhờ có những điều kiện của địa phương mình và năng lực to lớn về chính trị".- 390.

257 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.325-328.- 390.

258 Đây muốn nói tới "Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế gửi các liên chi hội, các chi hội, các uỷ ban và các thành viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Đức" công bố ngày 1 tháng Chạp 1872 và được đăng trên tờ "Volksstaat" số 103, ngày 25 tháng Chạp 1872.- 395.

259 Ở đây nói về cuộc cải cách hành chính diễn ra ở Phổ phù hợp với "Điều khoản về các khu vực thuộc các tỉnh Phổ, Bran-den-buốc, Pô-mê-ra-ni, Pô-dơ-nan, Xi-lê-di và Dắc-den" được Chính phủ Phổ thông qua ngày 13 tháng Chạp 1872.- 397.

260 Ở đây Ăng-ghen có ý nói tới sắc lệnh của vua Phổ ban hành ngày 24 tháng Mười 1808 về việc xóa bỏ chế độ hạn chế phường hội và thủ tiêu các tổ chức độc quyền và bản chỉ thị ban hành ngày 26 tháng Chạp 1808 - dưới hình thức tuyên ngôn - nêu rõ quyền tự do trong công nghiệp và buôn bán.

Ngày 9 tháng Hai 1849, Chính phủ Phổ đã ban hành hai sắc lệnh về những thay đổi trong điều lệ cũ của ngành kinh doanh - đưa vào điều lệ hệ thống các hội đồng kinh doanh (Gewerberäte) và các toà án ngành kinh doanh (Gewerbegerichte). Những sắc lệnh này đã khôi phục lại bộ luật về các nghề kinh doanh thời kỳ bán Trung cổ.- 398.

261 Ở đây nói về giám đốc nha cảnh sát Phổ Hin-ken-đây, người đã bị nam tước Rô-khơ-vư, một trong những đại diện có tiếng tăm của đảng Stan - Ghéc-la-khơ phản động (xem chú thích 268), giết chết năm 1856 trong cuộc đấu súng tay đôi nhân việc cảnh sát đóng cửa sòng bạc, mà bè lũ trong đảng Stan - Ghéc-la-khơ quan tâm đến công việc của sòng bạc này.- 399.

262 Đây muốn nói đến đường lối "tự do" mà hoàng tử Phổ Vin-hem (từ năm 1861 là vua Phổ) đã tuyên bố khi ông ta lên nắm quyền nhiếp chính vào tháng Mười 1858. Năm 1858 hoàng tử nhiếp chính này đã cách chức nội các Man-toi-phen

và lôi kéo vào chính quyền những người theo phái tự do ôn hoà, trong đó có đại diện của tầng lớp quý tộc tự do thân tư sản, các nhà hoạt động quốc gia thời kỳ cách mạng 1848-1849 - Au-ơ-xvan-đơ, Pa-tốp, Svê-rin. Trên báo chí tư sản, đường lối này được mang một cái tên rất kêu là "kỷ nguyên mới". Trên thực tế, chính sách của Vin-hem chỉ là nhằm củng cố những vị trí của chế độ quân chủ và địa chủ; những người tư sản bị thất vọng đã cự tuyệt không thông qua dự thảo cải cách quân sự mà chính phủ đưa ra. Cuộc xung đột về hiến pháp xảy ra năm 1862 nhân sự kiện này và việc Bít-xmác lên nắm quyền vào tháng Chín 1862 đã chấm dứt "kỷ nguyên mới".- 399.

263 Có ý nói tới cuộc chiến tranh giữa một bên là Pháp và vương quốc Xác-đin (Pi-ê-mông) với một bên là Áo, kéo dài từ ngày 29 tháng Tư đến ngày 8 tháng Bảy 1859.- 399.

263 Có ý nói tới cuộc chiến tranh giữa một bên là Pháp và vương quốc Xác-đin (Pi-ê-mông) với một bên là Áo, kéo dài từ ngày 29 tháng Tư đến ngày 8 tháng Bảy 1859. - 399.

264 *Chiến tranh Đan Mạch* - cuộc chiến tranh của Phổ và Áo chống lại Đan Mạch vào năm 1864, là một giai đoạn quan trọng trong quá trình thống nhất nước Đức dưới quyền bá chủ của Phổ. Chính quyền gioong-ke của Bít-xmác có tham vọng sáp nhập vào Phổ các công quốc Stê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ vốn thuộc Na-uy, nhưng dân cư chủ yếu là người Đức, đồng thời nâng cao ảnh hưởng của Phổ ở Đức và dập tắt sự chống đối của phái tư sản tự do. Tham gia chiến tranh có Áo là nước, cũng giống như Phổ, có tham vọng thôn tóm Stê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ. Cuộc chiến tranh kết thúc với sự thất bại của Đan Mạch. Stê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ được tuyên bố là sở hữu chung của Áo và Phổ, và sau chiến tranh Áo - Phổ năm 1866 đã sáp nhập vào nước Phổ. - 400.

265 *Trận đánh gần Xa-dô-va* diễn ra ngày 3 tháng Bảy 1866 ở Séc, giữa một bên là người Áo và người Dắc-den, với một bên là quân đội Phổ, là trận đánh quyết định trong cuộc chiến tranh Áo - Phổ năm 1866. Cuộc chiến tranh kết thúc. Phổ thắng Áo. Trong lịch sử, trận đánh này cũng nổi tiếng như trận đánh gần Khuê-ních-gre-xơ (Gra-đe-xơ Cra-lốp). - 400.

266 Đây muốn nói tới cuộc chiến tranh Pháp - Phổ 1870 - 1871, là giai đoạn hoàn thành việc thống nhất nước Đức "từ trên" thông qua các cuộc chiến tranh vương triều và chính sách "sắt và máu". - 400.

267 Nhờ thắng lợi trong cuộc chiến tranh Áo - Phổ năm 1866, nước Phổ đã thôn tính vương quốc Ha-nô-vơ, hầu quốc Hét-xen Cát-xen, đại công quốc Na-xau,

thành phố Phran-phuốc tự trị, các công quốc Hôn-stai-nơ và Stê-dơ-vích, ngoài ra còn một phần lãnh thổ Ba-va-ri-a và Hét-xen Đác-mơ-stát.

Song song với việc thôn tính trực tiếp các lãnh thổ, sau khi buộc Áo chấp nhận việc xoá bỏ liên bang Đức và thành lập một liên bang mới các quốc gia Đức nằm về phía bắc sông Mai-nơ và không có sự tham gia của Áo, nước Phổ đã ký kết được các hiệp định liên kết với 17 quốc gia nhỏ ở Bắc Đức. Những quốc gia này đã cùng với Phổ tiến hành chiến tranh, và ít lâu sau, Đắc-den và một số quốc gia Đức khác cũng sáp nhập vào đó. Hình thức thống nhất này chuẩn bị cho sự thành lập Liên bang Bắc Đức. – 401.

268 *Đảng Stan - Ghéc-la-khơ*, hay là đảng "Báo chữ thập" - như tờ "Neue Preupische Zeitung" ("Báo nước Phổ mới") tự xưng danh, - được thành lập trong thời kỳ cách mạng 1848 - 1849, là một nhóm bè phái phản cách mạng trong cung đình và của bọn địa chủ phong kiến; nó bảo vệ tính bất di bất dịch của những đặc quyền của tầng lớp quý tộc và ủng hộ việc khôi phục lại chế độ chuyên chế đẳng cấp ở Phổ. Là một đảng cực hữu của địa chủ, nó chống lại chính sách mà Bít-xmác tiến hành từ năm 1866, coi chính sách đó là mối hiểm hoạ đối với những đặc quyền phong kiến của mình. – 401.

269 *Liên bang Bắc Đức* - nhà nước liên bang Đức, thành lập năm 1867 thay cho Liên bang Đức bị suy tàn, đứng đầu liên bang là nước Phổ sau khi Phổ chiến thắng trong cuộc chiến tranh Áo - Phổ. Liên bang Bắc Đức bao gồm 19 quốc gia thuộc Đức và 3 thành phố tự do đã được chính thức công nhận là những thành phố tự trị. Hiến pháp của Liên bang Bắc Đức đảm bảo địa vị thống trị của Phổ trong liên bang - vua Phổ được coi là tổng thống Liên bang và tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang toàn Liên bang, đồng thời ông ta cũng là người nắm quyền chỉ đạo chính sách đối ngoại. Năm 1870 những quốc gia đứng ngoài liên bang như Ba-va-ri-a, Ba-đen, Vuyéc-tem-béc và Hét-xen Đác-mơ-stát cũng sáp nhập nốt vào Liên bang. Việc thành lập liên bang Bắc Đức là một bước tiến trên con đường thống nhất dân tộc của Đức; tháng Giêng 1871, Liên bang chấm dứt sự tồn tại của mình do việc thành lập Đế chế Đức. – 401.

270 Vào những năm 1845 - 1846 những yêu sách chính trị của giai cấp tư sản Phổ ngày càng tăng do những hy vọng của họ vào thời đại cải cách tự do đã bị sụp đổ từ sau khi Phri-đrich-Vin-hem IV lên ngôi năm 1840. Năm 1845, tất cả các

quốc hội, trừ hai quốc hội, đòi phải thi hành hiến pháp, Han-dơ-man, đại diện cho giai cấp tư sản tỉnh Ranh đã phản ánh đầy đủ hơn cả những yêu sách của giai cấp tư sản Phổ trong bản điều trần năm 1846 yêu cầu thành lập một cơ quan đại diện đẳng cấp, củng cố và mở rộng Liên bang thuế quan, thủ tiêu chế độ tư pháp kiểu chúa đất của các địa chủ và hàng loạt những đặc quyền khác của tầng lớp quý tộc, đòi tự do báo chí, tố tụng công khai, chế độ bất bãi miễn của các quan toà, của toà án bồi thẩm v.v.. – 401.

271 Bức thư Mác viết để trả lời bản thông tri thứ hai của phái đa số giả trong Hội đồng Liên chi hội Anh công bố vào đầu tháng Giêng 1873, đã được công bố cùng với thông cáo chính thức của Hội đồng Anh trên báo "International Herald" số 43, ngày 25 tháng Giêng 1873. Bản thông cáo của Hội đồng Anh nêu rõ: "Bản thông tri với chữ ký của nguyên thư ký - thông tin viên Hội đồng liên chi hội Anh và một số người khác, đã thông báo về việc triệu tập vào ngày 26 tháng này một đại hội tự phong; chúng tôi xin tuyên bố rằng, cả thời gian lẫn mục tiêu của đại hội dự định tiến hành nói trên là bất hợp pháp, vì vậy những hội viên nào của Hội liên hiệp định tham gia đại hội này, cũng như các chi hội nào đã uỷ nhiệm cho hội viên của mình tham gia đại hội đó, sẽ tự đặt mình vào tình trạng đứng ngoài đội ngũ Hội liên hiệp của chúng ta". – 405.

272 Đây muốn nói đến việc công bố các nghị quyết của Đại hội La Hay trên tờ "International Herald" số 37, ngày 14 tháng Chạp 1872. – 406

273 "*Volkswille*" ("Ý chí nhân dân") - tờ báo công nhân Áo, xuất bản ở Viên từ tháng Giêng 1870 đến tháng Sáu 1874. – 407.

274 "*O Pensamento Social*" ("Tư tưởng xã hội") - tờ tuần báo xã hội chủ nghĩa Bồ Đào Nha xuất bản tại Li-xbon từ tháng Hai 1872 đến tháng Tư 1873, cơ quan ngôn luận của các chi hội của Quốc tế. Báo đã công bố các văn kiện của Quốc tế và đăng một số bài viết của Mác và Ăng-ghen, trong số đó có một phần "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", đăng vào tháng Hai, tháng Tư 1873.

"*Socialisten*" ("Người xã hội chủ nghĩa") - tờ báo công nhân Đan Mạch, xuất bản ở Cô-pen-ha-ghen từ tháng Bảy 1871 đến tháng Năm 1874, từ tháng Tư 1872 báo ra hàng ngày.

"*De Werkman*" ("Công nhân") - báo công nhân Hà Lan ra hàng tuần tại

Am-xtéc-đam trong những năm 1868 - 1874; từ năm 1869 là cơ quan ngôn luận của chi hội Am-xtéc-đam của Quốc tế.

"*Die Tagwacht*" ("Người lính gác") - báo dân chủ - xã hội Thụy Sĩ, xuất bản ở Xuy-rích bằng tiếng Đức từ năm 1869 đến năm 1880, trong những năm 1869 - 1873 là cơ quan ngôn luận của các chi hội Đức của Quốc tế ở Thụy Sĩ, sau đó là cơ quan ngôn luận của Hội liên hiệp công nhân Thụy Sĩ và Đảng dân chủ - xã hội Thụy Sĩ - 407.

275 Tác phẩm này Mác viết cho cuốn tuyển tập "Almanacco Repubblicano" vào cuối tháng Chạp 1872 - đầu tháng Giêng 1873 theo yêu cầu của chủ bút tờ "Plebe" E.Bi-na-mi.

Mác, và đặc biệt là Ăng-ghe-nen trong suốt năm 1872, đã tiến hành đấu tranh chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ đối với giai cấp công nhân ở I-ta-li-a; trong hàng loạt bài viết cho tờ "Plebe". Ăng-ghe-nen đã phê phán chủ nghĩa vô chính phủ. Bài báo của Mác, cũng như bài "Bàn về quyền uy" của Ăng-ghe-nen viết cho tuyển tập trên là cơ sở lý luận cho cuộc đấu tranh của nhóm đảng viên xã hội chủ nghĩa tập hợp xung quanh tờ "Plebe" chống lại chủ nghĩa vô chính phủ. Tác phẩm của Mác được đăng vào tháng Chạp 1873. - 409.

276 J.F.Bray."Labour's Wrongs and Labour's Remedy. Leeds, 1839. - 412

277 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr.241-252. - 413.

278 P.J. Proudhon. "De la capacité politique des classes ouvrières", Paris, 1868. - 414.

279 D. Ricardo "On the Principles of Political Economy, and Taxation". London, 1817 Đ.Ri-các-đô. "Những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị và đánh thuế". Luân Đôn. 1817). - 415.

280 Bài này Ăng-ghe-nen viết do việc Ê.Bi-na-mi đã nhiều lần yêu cầu Ăng-ghe-nen gửi cho ông một bài báo dành cho tuyển tập "Almanacco Repubblicano". Bi-na-mi đã yêu cầu Ăng-ghe-nen lần đầu tiên vào tháng Bảy 1872: ngày 3 tháng Mười một 1872, Bi-na-mi thông báo rằng ông đã nhận được bài của Ăng-ghe-nen, song vì Bi-na-mi bị bắt nên bài báo đã bị thất lạc. Tháng ba 1873, Ăng-ghe-nen đã gửi cho Bi-na-mi bài "Bàn về quyền uy", đã được Bi-na-mi cho công bố vào tháng Chạp 1873. - 418.

281 Ăng-ghe-nen nói phỏng theo dòng chữ đề trên cổng địa ngục trong bản trường thi của Đan-tơ "Thần Khúc", bài ca thứ III, khúc 3. - 420.

282 Những thông báo về hoạt động của Quốc tế trên lục địa đã được đăng trên tờ "International Herald" cùng với những bản tường trình về các phiên họp của Hội đồng liên chi hội Anh. - 423.

283 Đây muốn nói tới lời kêu gọi Tổng Hội đồng của Quốc tế gửi toàn thể các liên chi hội, các hiệp hội đã gia nhập các chi hội và các hội viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế, công bố ngày 20 tháng Mười 1872 và được đăng trên tờ "International Herald" số 34, ngày 23 tháng Mười một 1872. Lời kêu gọi nói tới sự cần thiết phải thống nhất hành động của công nhân trong cuộc đấu tranh chống chế độ tư sản và đề ra nhiệm vụ củng cố về tổ chức Hội liên hiệp công nhân quốc tế phù hợp với nghị quyết Đại hội La Hay. - 423.

284 Xem chú thích 205. - 424.

285 Đây muốn nói đến lời kêu gọi của Liên chi hội Ma-đrít mới gửi các liên chi hội và các thành viên của Quốc tế ở Tây Ban Nha, công bố ngày 1 tháng Mười một 1872 và được công bố trên tờ "Emancipacion" số 73, ngày 9 tháng Mười một 1872. Những số tiếp theo của báo này thông báo các tuyên bố ủng hộ lời kêu gọi trên do các liên chi hội và các chi hội địa phương gửi tới. - 424.

286 Về cuộc họp của liên chi hội cơ sở Cra-xi-a, xin xem chú thích 208. Đại biểu liên chi hội cơ sở Gra-na-đa tại Đại hội Coóc-đơ-va Ma-ri-a-nô Rô-đri-ghết có mang theo giấy uỷ nhiệm hạn chế yêu cầu, tán thành hoàn toàn các nghị quyết Đại hội La Hay. Tin tức về vấn đề này Ăng-ghe-nen nhận được qua thư của H.Mê-xa viết ngày 29 tháng Chạp 1872. - 424.

287 Đây muốn nói đến bài xã luận "Đại hội La Hay của Quốc tế" đăng trên tờ "Pensamento Social" số 25, ngày 6 tháng Mười 1872. - 425.

288 Chắc là ở đây Ăng-ghe-nen ám chỉ việc thành viên các chi hội Gra-xi-a và Ca-di-xơ tham gia vào hoạt động vũ trang của những người theo phái cộng hoà liên bang ở An-đà-lu-đi-a tháng Mười một 1872 và việc các thành viên Liên chi hội Ma-đrít mới tham gia vào hoạt động vũ trang ở Ma-đrít cuối tháng Mười một - đầu tháng Chạp 1872. - 425.

- 289 Có ý nói tới bức thư của H.Mê-xa gửi Ăng-ghe-nen ngày 18 tháng Giêng 1873, trong đó Mê-xa đề nghị Ăng-ghe-nen thông báo, qua các cơ quan của Quốc tế, cho công nhân Anh và Bỉ biết về cuộc bãi công ở Tây Ban Nha nhằm ngăn không cho đưa vào Tây Ban Nha những kẻ phá hoại bãi công. – 425.
- 290 "*Các bài báo ngắn gửi Tổng Hội đồng ở Niu Ốc*" được lưu giữ dưới dạng bản viết tay của Ăng-ghe-nen viết bằng tiếng Đức, đề ngày 8 tháng Hai 1873. Bản thảo này không hoàn toàn trùng với bản "*Các bài báo ngắn*" in trong cuốn: "*Briefe und Auszüge aus Briefen von Joh. Phil.Becker, Jos. Dietzgen, Friedrich Engels, Karl Marx u. A. an F. A. Sorge und Andere*", Stuttgart, 1906. – 429.
- 291 Trong các ngày 15-17 tháng Ba 1873 tại Bô-lô-nhơ đã diễn ra đại hội lần thứ hai những người theo phái vô chính phủ I-ta-li-a. Họ đã tổ chức ra hội liên hiệp của mình tại hội nghị họp ở Ri-mi-ni (xem chú thích 156). – 430.
- 292 Có ý nói tới quyết định của Tổng Hội đồng của Quốc tế ngày 5 tháng Giêng 1873 về việc tạm thời khai trừ, chờ đến đại hội thường kỳ, Liên chi hội Giuy-ra ra khỏi hàng ngũ của Hội liên hiệp. – 430.
- 293 Sau Đại hội La Hay, Cu-nô sang sống lưu vong ở Mỹ; nhằm tham gia đấu tranh chống chủ nghĩa vô chính phủ, ông đã ký dưới cái tên giả Ca-pê-xơ-rô vào lời kêu gọi của chi hội số 29 của Hội liên hiệp công nhân quốc tế gửi Liên chi hội Ma-đrít mới ngày 10 tháng Giêng 1873. Tờ báo Bruy-xen "*Internationale*" số 212, ngày 2 tháng Hai 1873 đã thông báo sự kiện này và chỉ rõ rằng Ca-pê-xơ-rô và Cu-nô chỉ là một người mà thôi.
- "L'internationale"* ("Quốc tế"), là tờ tuần báo ở Bỉ, cơ quan ngôn luận của các chi hội Bỉ thuộc Quốc tế; xuất bản ở Bruy-xen với sự tham gia trực tiếp của Đơ Pa-pa từ năm 1869 đến năm 1873. Năm 1873, tờ báo này đứng trên lập trường của chủ nghĩa vô chính phủ. – 431.
- 294 Đây muốn nói đến các phiếu hội phí được in theo quyết định của Hội nghị Luân Đôn năm 1871 và dán vào thẻ hội viên để ghi hội phí hàng năm đã nộp. 431 - 432.
- 295 "*Arbeiter - Zeitung* (Báo công nhân)" - tờ tuần báo công nhân, cơ quan ngôn luận của chi hội Mỹ số 1 thuộc Quốc tế, xuất bản bằng tiếng Đức ở Niu Ốc từ tháng Hai 1873 đến tháng Ba 1875. Báo đã đăng những bài tường thuật các phiên họp của Tổng Hội đồng và các văn kiện của Quốc tế và cả một số tác

- phẩm quan trọng nhất của Mác và Ăng-ghe-nen thời kỳ này. Đến mùa thu 1874, Ph.A.Doóc-gơ đã có ảnh hưởng nào đó đến khuynh hướng của tờ báo này. - 433.
- 296 Xem chú thích 51. – 434.
- 297 Đây muốn nói đến bài xã luận đăng trên tờ "*Pensamento Social*" số 54, ngày 5 tháng Tư 1873 để trả lời bức thư của Ủy ban Liên chi hội Tây Ban Nha - lúc bấy giờ cầm đầu các nhóm vô chính phủ ở Tây Ban Nha - gửi ban biên tập. – 434.
- 298 Đây muốn nói đến đại hội lần thứ hai Liên chi hội Anh của Quốc tế ấn định vào ngày 1 và 2 tháng Sáu 1873 (xem chú thích 352). 434.
- 299 Tiểu luận này là một phần bức thư của Ăng-ghe-nen gửi chủ bút tờ "*Volksstaat*" Héc-nét cuối tháng Tư 1873 nhân việc xuất hiện trên tờ "*Neuer social - Demokrat*" số 49, ngày 27 tháng Tư 1873 bài báo vu khống Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Bức thư không viết với mục đích đăng trên báo, nhưng ban biên tập báo đã công bố một đoạn bức thư, không nêu tên tác giả, trên tờ "*Volksstaat*" số 37, ngày 7 tháng Năm 1873. Ngày 2 tháng Năm, Ăng-ghe-nen đã viết một bài báo dành riêng cho tờ "*Volksstaat*" nhan đề "*Quốc tế và Neuer*" được ông bố trên báo này, số 38, ngày 10 tháng Năm 1873 (xem tập này, tr. 440-444). – 436.
- 300 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.8, tr. 543-625. – 437.
- 301 Đây muốn nói đến bài tiểu luận đăng trên tờ "*Neuer Social - Demokrat*" số 45, ngày 18 tháng Tư 1873 trong tiểu mục "*Hội liên hiệp công nhân quốc tế*". – 438.
- 302 *Quỹ báo chí bồi bút* là tên gọi của những khoản tiền đặc biệt, nằm dưới quyền sử dụng của Bít-xmác nhằm mua chuộc báo chí. Tên gọi này xuất hiện sau khi Bít-xmác phát biểu tại nghị viện Phổ tháng Giêng 1869, trong đó Bít-xmác dùng từ "*giới bồi bút*" để chỉ những nhà báo bị mua chuộc. Sau sự kiện này, báo chí phải đã gọi giới báo chí bán chính thức, bị chính phủ mua chuộc, là báo chí bồi bút. – 440.
- 303 Đây muốn nói đến các bài viết về vụ án Tu-lu-do xử các thành viên người Pháp của Quốc tế, được đăng vào tháng Ba 1873 trên các báo ở Bruy-xen: "*Internationale*" số 223, ngày 21 tháng Tư 1873 và "*Liberté*" số 15, ngày 13 tháng

- Tư 1873. Tiếp đó đã nhắc đến bài của Ghét đăng trên tờ "Liberté" số 42, ngày 20 tháng Mười 1872. – 440.
- 304 Đây muốn nói đến vụ án xử thành viên các chi hội Pháp của Quốc tế diễn ra tại Pa-ri tháng Ba 1873. – 443.
- 305 Những bức thư mà Ăng-ghe-nh nhắc tới là những thư Doóc-gơ đã gửi cho ông. – 445.
- 306 Đây muốn nói đến quyết định của Tổng Hội đồng ngày 26 tháng Giêng 1873 (xem tập này, tr.905). Quyết định này đã được công bố trên tờ "Plebe" số 14, ngày 1 tháng Sáu 1873.
- Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế gửi công nhân Tây Ban Nha được công bố trên tờ "Plebe" số 13, ngày 26 tháng Năm 1873. – 445.
- 307 Tác phẩm "*Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế*" được C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nh viết vào tháng Tư - tháng Bảy 1873 có sự tham gia của P. La-phác-gơ.
- Tác phẩm "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa" đã đánh một đòn quyết định vào tất cả những tham vọng của phái Ba-cu-nin muốn giành quyền lãnh đạo phong trào công nhân châu Âu. Bằng nhiều tư liệu có cơ sở thực tế (số tư liệu này không có điều kiện xem xét toàn bộ tại Đại hội La Hay), các tác giả đã vạch trần những âm mưu ngấm ngấm và các kiểu thủ đoạn xảo trá mà bọn Ba-cu-nin đã sử dụng hòng đặt toàn bộ Quốc tế dưới quyền điều khiển của mình, dùng ảnh hưởng và tổ chức của Quốc tế để thực hiện những mục đích của mình. Tác phẩm này đã tổng kết cuộc đấu tranh về lý luận và tổ chức chống phái Ba-cu-nin trong Quốc tế.
- Tác phẩm này được viết dựa trên nhiều tài liệu đã trình lên uỷ ban điều tra hoạt động của Đồng minh bí mật, do Đại hội La Hay bầu ra. Trong số đó có những tài liệu do La-phác-gơ, Mê-xa và một số người khác ở Tây Ban Nha. I.Ph.Béch-cơ ở Thụy Sĩ, Đa-ni-en-xon và Liu-ba-vin ở Nga gửi tới, ngoài ra còn bản báo cáo chi tiết mà Hội nghị Luân Đôn 1871 đã uỷ nhiệm cho U-tin viết (xem chú thích 22) đã được Mác và Ăng-ghe-nh sử dụng cho chương VIII tác phẩm

- "Đồng minh ở Nga". Một phần số tài liệu được giao cho Mác và Ăng-ghe-nh ngay sau Đại hội La Hay. Một số văn bản tài liệu của Đồng minh thể hiện mục đích và nhiệm vụ của tổ chức này đã được Mác và Ăng-ghe-nh đưa vào chương XI.
- Vẫn còn giữ được danh mục các tài liệu mà Mác và Ăng-ghe-nh đã liệt kê và được hai ông sử dụng trong tác phẩm. Qua danh mục này có thể thấy Mác và Ăng-ghe-nh có trong tay những bản dịch ra tiếng Pháp một loạt tài liệu in bằng tiếng Nga do U-tin gửi tới, do đó nhiều đoạn trích dẫn từ tài liệu của Ba-cu-nin đã căn cứ vào bản dịch tiếng Pháp.
- "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế" đã được in thành sách mỏng bằng tiếng Pháp vào tháng Tám 1873; năm 1874 tác phẩm này được xuất bản ở Brao-nơ-svai-gơ bằng tiếng Đức dưới nhan đề "Ein Complot gegen die Internationale Arbeiter - Association" ("Âm mưu chống Hội liên hiệp công nhân quốc tế"). Ăng-ghe-nh đã trực tiếp tham gia hiệu đính bản dịch tiếng Đức. "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng được đăng trên tờ báo Niu Oóc "Arbeiter - Zeitung". Lần đầu tiên tác phẩm này được in bằng tiếng Nga năm 1928 dưới hình thức rút gọn trong cuốn "Tư liệu về tiểu sử của M.Ba-cu-nin". t.3, của V.Pô-lon-xki. – 447.
- 308 Đây muốn nói đến uỷ ban chuẩn bị in các biên bản và nghị quyết của Đại hội La Hay, do phiên họp ngày 7 tháng Chín 1872 của Đại hội bầu ra với thành phần gồm C.Mác, Ph.Ăng-ghe-nh, Ô.Đuy-pông, L.Phran-ken và Ô.Xéc-rai-ơ. Về sau có thêm Lơ Mút-xuy, thư ký tiếng Pháp tại Đại hội La Hay. Trên thực tế, toàn bộ việc chuẩn bị xuất bản các văn kiện của Đại hội La Hay là do Mác và Ăng-ghe-nh thực hiện. – 452.
- 309 Ở đây trích dẫn bài báo nặc danh "Lại nói đôi điều về Ba-cu-nin" đăng trên tờ "Tagwacht" số 40, ngày 5 tháng Mười 1872. Phần tiếp theo được đăng ở các số 41, 42 và 43, ngày 12, 19 và 26 tháng Mười. – 455.
- 310 M.Bacounine, "Fédéralisme, Socialisme et Antithéologisme. Proposition motivée au comité Central de la Ligue de la Paix et de la Liberté" (M.Ba-cu-nin. "Chủ nghĩa liên bang, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa vô thần học. Kiến nghị có lập luận gửi Uỷ ban trung ương Đồng minh hoà bình và tự do"), tác phẩm chưa hoàn thành của Ba-cu-nin in thành những bài riêng vào những năm 1867 - 1868 ở Béc-nơ. – 456.

- 311 Đây muốn nói tới bức thư mật của thường vụ Ủy ban trung ương Đồng minh hoà bình và tự do đề ngày 22 tháng Chín 1868 có ký tên chủ tịch thường vụ là G.Phô-gơ. Mác và Ăng-ghen có trong tay một bản gửi cho En-pi-din. – 457.
- 312 Tại Đại hội Ba-lơ, khi bàn về việc bãi bỏ quyền thừa kế, đã nổ ra cuộc đụng độ công khai đầu tiên giữa những người tán thành chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác với các môn đồ của chủ nghĩa vô chính phủ Ba-cu-nin. Vấn đề này đã được đưa vào chương trình nghị sự của đại hội theo yêu cầu của chi hội do M.Ba-cu-nin thành lập ở Giơ-ne-vơ tháng Sáu 1869 mang tên "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chi hội trung ương", thực tế đây là cơ quan lãnh đạo của Đồng minh bí mật. Một mặt, ép Đại hội của Quốc tế thảo luận quyền thừa kế, mặt khác, Ba-cu-nin - bằng cách gây rối tổ chức - làm cho Đại hội sao lãng việc giải quyết những vấn đề cấp thiết trong cương lĩnh và sách lược đang đặt ra trước phong trào công nhân châu Âu. Mác đã soạn thảo một bản báo cáo trình bày quan điểm của Tổng Hội đồng về quyền thừa kế (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, t.16, tr.497-499). Trong việc thảo luận vấn đề này, Đại hội không thông qua một nghị quyết nào cả, vì không một kiến nghị nào có được đa số tuyệt đối cần phải có về số phiếu. Nhưng âm mưu đã chuẩn bị từ trước của Ba-cu-nin hùng áp đặt những tư tưởng của mình cho Quốc tế, đã bị thất bại. – 476.
- 313 Đây muốn nói tới bản thông tri gửi Hội đồng Liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man của Thụy Sĩ do C.Mác viết và được thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 1 tháng Giêng 1870 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr. 521-523). – 476.
- 314 "*Social - Demokrat*" ("Nhà dân chủ - xã hội") - cơ quan ngôn luận của Hội liên hiệp công nhân toàn Đức, do Lát-xan tổ chức. Tờ báo xuất bản ở Béc-lin dưới cái tên này từ 15 tháng Chạp 1864 đến năm 1871. Từ năm 1871 đến năm 1876 báo xuất bản dưới tên gọi "*Neuer social - Demokrat*" (xem chú thích 65). – 477.
- 315 Xem chú thích 29. – 479.
- 316 "Statuts pour la Fédération des sections romandes adoptés par le congrès Romand, tenu a Genève au Cercle international des Quatre - Saisons, les 2, 3 et 4 janvier 1869". p. 15-16 ("Điều lệ của Liên chi hội các chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man đã

thông qua tại Đại hội Rô-man họp ở Giơ-ne-vơ trong trụ sở của nhóm Quốc tế Bốn mùa vào các ngày 2, 3 và 4 tháng Giêng 1869", tr.15-16).

Bản dự thảo điều lệ được soạn thảo với sự tham gia của Ba-cu-nin. – 479.

- 317 Đây muốn nói tới bản nghị quyết của Tổng Hội đồng về Ban chấp hành liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man của Thụy Sĩ do Mác thảo ngày 29 tháng Sáu 1870 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.585). – 480.
- 318 Đây muốn nói tới nghị quyết của Đại hội Ba-lơ năm 1869 "Về thể thức kết nạp các chi hội mới vào Hội liên hiệp công nhân quốc tế"; bản nghị quyết trao cho cho Tổng Hội đồng quyền chấp nhận hay không chấp nhận các chi hội mới. Ở những nơi có hội đồng liên chi hội thì vấn đề chấp nhận hay không chấp nhận phải được giải quyết với sự tham khảo ý kiến của hội đồng liên chi hội. – 482.
- 319 Đây muốn nói đến các nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn "Về sự chia rẽ trong khu vực ngôn ngữ Rô-man của Thụy Sĩ và "Về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân", ngoài ra còn có nghị quyết về việc Ne-sa-ép lạm dụng tên của Quốc tế (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.557-559, 563,576). – 483.
- 320 Trích dẫn "Tuyên bố của Tổng Hội đồng gửi ban biên tập các báo I-ta-li-a nhân những bài báo của Mát-di-ni viết về Quốc tế" do Ăng-ghen thảo ngày 6 tháng Chạp 1871 và được đăng trên hàng loạt báo (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr. 625-627). – 486.
- 321 Về thông tư của Gi.Pha-vơ và báo cáo của Xa-ca-dơ, xem chú thích 57.

Tháng Mười 1871 tại viện dân biểu thuộc nghị viện Tây Ban Nha đã diễn ra cuộc tranh luận nảy sinh do ý định của chính phủ tư sản bảo thủ đòi ra đạo luật giải tán các tổ chức của Quốc tế ở Tây Ban Nha. Trong cuộc thảo luận, những kẻ đại diện phe phản động đã sử dụng những tài liệu của Đồng minh và các giấy tờ giả mạo của cảnh sát để phát biểu vu khống Quốc tế. Bất chấp sự phản đối của những người cộng hoà phái tả Ca-xte-lác, Ga-ri-đô, Xô-ri-li-a v.v. đã vạch trần sự vu khống đối với Quốc tế và chỉ ra mâu thuẫn trong những biện pháp mà hiến pháp đưa ra, chính phủ vẫn được ủng hộ. Tháng Giêng 1872, bộ



- trưởng nội vụ Xa-ga-xta đã cho công bố thông tư ra lệnh giải tán Quốc tế ở Tây Ban Nha. – 486.
- 322 "*La République française*" ("Nước cộng hoà Pháp") - tờ báo tư sản cấp tiến Pháp ra hàng ngày, do L.Gam-bét-ta sáng lập, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1871.  
Ngày 11 tháng Ba, báo này đăng một bài báo nặc danh về Quốc tế, sau đó bài báo được đăng lại trên tờ "*Bulletin de la Fédération jurassienne*" số 3, ngày 15 tháng Ba 1872. – 489.
- 323 Vụ án *Tu-lu-dơ* xử các thành viên chi hội Quốc tế ở miền Nam nước Pháp diễn ra từ ngày 10 đến ngày 26 tháng Ba 1873. Những người bị bắt theo đạo luật Duy-phô (xem chú thích 10) đã bị kết án tù giam theo những thời hạn khác nhau và bị phạt tiền. Về những vụ bắt bớ xảy ra trước vụ án *Tu-lu-dơ* xem bài "Quốc tế và "Neuer" của Ăng-ghen (xem tập này, tr. 440 - 444). – 490.
- 324 Đây muốn nói tới bức thư của A-le-ri-ni. thành viên Đồng minh, gửi Ba-xtê-li-ca, ngày 14 tháng Mười một 1871, được chi hội Bác-xê-lô-na gửi cho tất cả các chi hội Quốc tế ở Tây Ban Nha nhằm mục đích tìm hiểu. Bản sao bức thư đã được Ăng-ghen trình lên Đại hội La Hay trong số các tài liệu về vụ Đồng minh. – 490.
- 325 Ngày 2 tháng Chạp 1871 tại Giơ-ne-vơ đã diễn ra cuộc họp của các chi hội Quốc tế. Cuộc họp đã thông qua các nghị quyết phản đối những nghị quyết của đại hội phái vô chính phủ họp ở Xông-vi-li-ê. Ngày 20 tháng Chạp 1871. Ban chấp hành Liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man của Thụy Sĩ nhân dịp này đã thông qua bức thư đặc biệt "Trả lời của Hội đồng liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man đối với bản thông tư của 16 đại biểu của đại hội họp ở Xông-vi-li-ê". Thư này đã được công bố trên tờ "Égalité" số 24, ngày 24 tháng Chạp 1871; ngoài ra, chính báo "Égalité" cũng lên tiếng phản đối. – 491.
- 326 Xem chú thích 65 và 66. – 491.
- 327 Trích thư của Tô-ca-giê-vích gửi Vru-blốp-xki ngày 2 tháng Tám 1872. Vru-blốp-xki đã trao lá thư này cho Ăng-ghen sử dụng. "Cương lĩnh của Hiệp hội cách mạng - xã hội chủ nghĩa Ba Lan ở Xuy-rích" mà ở đây được nói đến là do Ba-cu-nin soạn thảo và đăng ngày 27 tháng Bảy 1872 trong phụ san của "*Bulletin de la Fédération jurassienne*" số 13, Hội liên hiệp dân chủ - xã hội Ba

- Lan được thành lập dưới ảnh hưởng của phái vô chính phủ, lúc đầu công nhận cương lĩnh trên của Ba-cu-nin, chẳng bao lâu sau, do tác động của nhà xã hội Ba Lan Tô-ca-giê-vích, đã bác bỏ bản cương lĩnh này.  
Việc xuất bản tờ báo "Wolnos'c" ("Tự do") đã không được thực hiện. – 492.
- 328 "*EICombate*" ("Đấu tranh") - tờ báo của phái cộng hoà - tư sản Tây Ban Nha ra hàng ngày, cơ quan ngôn luận của những người theo chủ nghĩa liên bang, xuất bản tại Ma-đrít. – 494.
- 329 Bản tuyên bố này của Mê-xa gửi các đại biểu tham dự Đại hội Quốc tế ở La Hay, trong đó có những bằng chứng vạch trần sự tồn tại của tổ chức Đồng minh bí mật ở Tây Ban Nha, đã được Mê-xa gửi tới Ăng-ghen, Ăng-ghen đã chuyển bản tuyên bố này cho Ủy ban điều tra hoạt động của Đồng minh. – 496.
- 330 Đây muốn nói đến bản thông tư mật viết tay của chi hội Va-len-xi-a của Quốc tế gửi các chi hội Quốc tế ở Tây Ban Nha; bản thông tư đề nghị trong trường hợp cách mạng bùng nổ, sẽ tiến hành đấu tranh cho chế độ phân quyền tuyệt đối và cho sự thành lập "công xã vô chính phủ". – 497.
- 331 Bản thông tư của chi hội Xê-vi-li-a thuộc Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, do Mác-xen-lau thảo, đã được gửi đến chi hội Quốc tế ở Ma-đrít ngày 25 tháng Mười 1871; trong thông tư có trình bày các quyết định do chi hội đã thông qua nhân các vụ đàn áp của chính phủ. – 499.
- 332 Đây muốn nói tới bức thư ngỏ của hội đồng biên tập báo "*Emancipacion*" đề ngày 25 tháng Hai 1872 "Gửi các đại diện đảng cộng hoà - liên bang đang nhóm họp ở Ma-đrít". Bức thư đã được đăng trên tờ "*Emancipacion*" số 38, ngày 3 tháng Ba 1872. Các thành viên vô chính phủ trong Hội đồng Ma-đrít của Quốc tế đã đòi ban biên tập phải rút bức thư đó lại. Những Mê-xa, bấy giờ là chủ bút tờ "*Emancipacion*", đồng thời giữ trọng trách thư ký Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha, đã cương quyết từ chối không thực hiện đòi hỏi này. Ngày 9 tháng Ba 1872, phối hợp cùng với các uỷ viên khác trong hội đồng, ông đã gửi một bức thư tương tự, nhưng lần này thay mặt Hội đồng Liên chi hội. – 499.
- 333 Ngày 7 tháng Ba 1872. Hội đồng vô chính phủ Ma-đrít đã gửi đến cuộc họp của các đại diện đảng cộng hoà - liên bang một bức thư, trong đó họ thể hiện

- sự bất đồng hoàn toàn với bức thư của ban biên tập báo "Emancipacion" (xem chú thích trên), và tuyên bố rằng, bức thư đó "mâu thuẫn" với những nguyên tắc của Quốc tế". – 499.
- 334 "*El Condenado*" ("Người cùng khổ") - tuần báo của phái vô chính phủ Tây Ban Nha, do T.Mô-ra-gô xuất bản ở Ma-đrít trong những năm 1872-1874. – 499.
- 335 "*La Igualdad*" ("Bình đẳng") - tờ báo dân chủ tư sản Tây Ban Nha ra hàng ngày ở Ma-đrít trong những năm 1868 - 1870; là một trong những tờ báo tư sản cấp tiến nhất, có nhiều nhà xã hội không tưởng và đảng viên cộng hoà cộng tác. Một bộ phận công nhân Ma-đrít đã tập hợp xung quanh báo những năm 1868 - 1869. – 500.
- 336 Mác và Ăng-ghe-nen trích dẫn bài xã luận "Thông tin cách mạng" đăng trên tờ "Emancipacion" số 51 ngày 1 tháng Sáu 1872. – 502.
- 337 Đây muốn nói tới điều 7 phần II của bản Quy chế tổ chức, căn cứ vào đó Tổng Hội đồng có quyền giải quyết những bất đồng có thể nảy sinh giữa các hiệp hội hay các chi hội cùng nằm trong một tổ chức toàn quốc, hay giữa các tổ chức quốc gia khác nhau; ngoài ra ở đây còn nói tới điều 4, phần IV, căn cứ vào điều này mỗi liên chi hội có quyền từ chối không nhận hoặc khai trừ ra khỏi tổ chức những hiệp hội hay chi hội riêng rẽ, nhưng mặt khác lại không tước quyền làm họ mất đi danh hiệu là các tổ chức của Quốc tế (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr. 589-591, 592). – 503.
- 338 Đây muốn nói tới cuộc trưng cầu ý dân ở Pháp ngày 8 tháng Năm 1870. – 507.
- 339 "*Union de las tres clases de vapor*" (Liên minh ba loại công nhân công xưởng) - một trong những công hội đầu tiên ở Ca-ta-lô-ni-a, liên kết những người thợ dệt, thợ kéo sợi và thợ công nhật ở các xưởng dệt. Liên minh là một thành viên tập thể của Quốc tế. – 509.
- 340 Trích thư của Ca-phi-ê-rô gửi Ăng-ghe-nen viết từ 12-16 tháng Bảy 1871, trong đó nói về tình hình của chi hội Na-plơ của Quốc tế. – 510.
- 341 Trích thư của Ca-pô-ru-xô gửi Ôt-gie-rơ ngày 21 tháng Giêng 1872. – 512.

- 342 Chi hội Quốc tế ở Mi-la-nô do T.Cu-nô thành lập dưới ảnh hưởng trực tiếp của Ăng-ghe-nen. Tháng Chạp 1872, dưới tác động của Cu-nô, từ Hội công nhân tương trợ về tinh thần và khai trí do Mát-di-ni sáng lập, một bộ phận đã tách ra và thành lập Nhóm công nhân giải phóng người vô sản và ngày 7 tháng Giêng 1872 tự nhận mình là một chi hội của Quốc tế. Hội đã thông qua điều lệ phù hợp với bản Điều lệ chung của Quốc tế. Ngày 30 tháng Giêng 1872, Ăng-ghe-nen đã báo cáo với Tổng Hội đồng về việc thành lập chi hội và nói rõ rằng điều lệ của chi hội này phù hợp với những nguyên tắc của Quốc tế. Chi hội đã được gia nhập Hội liên hiệp. Dưới sự chỉ đạo của Ăng-ghe-nen, Cu-nô đã tiến hành trong chi hội một cuộc đấu tranh chống bọn vô chính phủ lọt vào chi hội và đã làm cho chi hội không đứng về phía bọn vô chính phủ trong cuộc đấu tranh của chúng chống lại Tổng Hội đồng. – 512
- 343 Xem chú thích 60. – 513.
- 344 Báo cáo của Rét-gi-xơ về chuyến đi I-ta-li-a theo sự uỷ nhiệm của Tổng Hội đồng được viết dưới hình thức một bức thư gửi Ăng-ghe-nen. Vào nửa cuối tháng Hai 1872, Rét-gi-xơ đã có mặt ở Mi-la-nô và Tu-rin 10 ngày, tại đó ông tìm hiểu tình hình các chi hội và tuyên truyền các nghị quyết của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Căn cứ vào những chỉ thị của Ăng-ghe-nen, Rét-gi-xơ đã phân tích cho các thành viên chi hội thấy sự đối lập căn bản giữa những quan điểm vô chính phủ với những nguyên tắc và nhiệm vụ của Quốc tế. – 514.
- 345 A. Richard et G.Blanc. "L'Empire et la France nouvelle. Appel du peuple et de la jeunesse à la conscience française. Bruxelles. 1872. – 523.
- 346 Trích thư của Gi.Ghết gửi thành viên các chi hội Quốc tế ở Mông-pe-li viết ngày 22 tháng Chín 1872 và gửi trực tiếp đến Giê-rô-ni, một trong số những người lãnh đạo chi hội. Ngày 20 tháng Mười một 1872, Giê-rô-ni đã chuyển bức thư trên của Ghết cho Tổng Hội đồng. – 524
- 347 "*Les Droits de l'Homme*" ("Quyền con người") - báo Pháp ra hàng ngày, theo phái cộng hoà tả khuynh, do Gi.Ghết xuất bản vào những năm 1870-1871 ở Mông-pe-li. – 525.
- 348 Bản tin này đã đăng trên báo "Liberté" số 42, ngày 20 tháng Mười 1872. - 525.

- 349 Xem chú thích 209. – 527.
- 350 "Pacte d'amitié de solidarité et de défense mutuelle" đã được thông qua tại đại hội của phái vô chính phủ ở Xanh-I-mê ngày 15 tháng Chín 1872. – 529.
- 351 Bản thông tư của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha công bố ngày 2 tháng Hai 1873 đã được công bố trên tờ "Emancipacion" số 85, ngày 8 tháng Hai 1873. – 532.
- 352 Trong hai ngày 1 và 2 tháng Sáu 1873, tại Man-se-xtơ đã diễn ra đại hội lần thứ hai của Liên chi hội Anh của Quốc tế. Đại hội đã nghe báo cáo của Hội đồng liên chi hội Anh và thông qua các nghị quyết về quy chế của Liên chi hội Anh, về công tác tuyên truyền, về sự cần thiết phải thành lập một tổ chức công hội quốc tế và nghị quyết về việc lấy cờ đỏ làm cờ của Liên chi hội Anh.v.v.. Đặc biệt có ý nghĩa là nghị quyết "Về hoạt động chính trị", trong đó đại hội kêu gọi các thành viên Anh của Quốc tế xúc tiến thành lập ở Anh một chính đảng độc lập của công nhân, đối lập với tất cả các đảng hiện đang tồn tại. – 535.
- 353 Đại hội của các tổ chức công nhân, nghiệp đoàn, hợp tác xã v.v. được triệu tập ở Ônten từ ngày 1 đến ngày 3 tháng Sáu 1873 theo sáng kiến của các chi hội của Quốc tế. Đại hội đã thành lập hội Liên hiệp công nhân Thụy Sĩ. Tổ chức này tồn tại cho đến năm 1880 và tập hợp các tổ chức công nhân khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc của Quốc tế. Đại hội chuẩn bị nền tảng cho việc thành lập Đảng dân chủ - xã hội Thụy Sĩ. – 536.
- 354 *Tin tức Xanh - Pê-téc-bua* - tờ báo Nga ra hàng ngày, cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ, xuất bản từ năm 1728 đến năm 1914 dưới tên gọi trên; từ 1914 đến 1917 báo xuất bản dưới tên gọi "Tin tức Pê-tơ-rô-grát". – 538.
- 355 Séc-nur-sép-xki bị bắt vào tháng Bảy 1862. Cho đến năm 1864 ông bị giam tại pháo đài Pê-tơ-rô-páp-lốp, sau đó bị kết án 7 năm lao động khổ sai ở Xi-bia và bị lưu đày vĩnh viễn ở đó. – 539.
- 356 Đây muốn nói tới những tờ truyền đơn của Ba-cu-nin "Mấy lời nhắn gửi những người anh em trẻ tuổi ở Nga". Giơ-ne-vơ, tháng Năm 1869 và của Ne-sa-ép "Gửi các sinh viên trường Đại học tổng hợp, Viện hàn lâm và Trường đại học công nghệ ở Pê-téc-bua", Giơ-ne-vơ. 1869. – 540.

- 357 "*Những người anh em vô học*" biệt danh một dòng tu, ra đời ở Rêm-xơ năm 1680; các tín đồ của dòng tu này phải cam kết hiến mình cho sự nghiệp dạy dỗ trẻ nghèo, trong các trường này học sinh được giáo dục chủ yếu về tôn giáo và chỉ được tiếp thu một số vô cùng ít ỏi những tri thức về các lĩnh vực khác. – 542.
- 358 Các truyền đơn: "Cách đặt vấn đề cách mạng", tháng Năm 1869, và "Những nguyên lý cách mạng", mùa hè 1869, do Ba-cu-nin viết. – 543.
- 359 Phlê-rốp-xki "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Nga. Những quan sát và nghiên cứu". X.Pê-téc-bua, 1869. – 545.
- 360 "Những ấn phẩm của hội "Sự trừng phạt của nhân dân"". số 2., X.Pê-téc-bua, mùa đông 1870, tr.9. Ấn phẩm số 2 cũng như số 1 đều được in ở Giơ-ne-vơ. – 547.
- 361 "*Sự nghiệp nhân dân*" - tạp chí (từ tháng Tư 1870 là báo) xuất bản trong những năm 1868 - 1870 ở Giơ-ne-vơ, do một nhóm các nhà cách mạng lưu vong Nga thực hiện; số đầu tiên do Ba-cu-nin soạn thảo, sau đó từ tháng Mười 1868 ban biên tập, trong đó có U-tin và một số người khác, đã cắt đứt quan hệ với Ba-cu-nin và lên tiếng chống lại những quan điểm của ông ta: từ tháng Tư 1870 là cơ quan ngôn luận của chi hội Nga thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế, theo đường lối của Mác và Tổng Hội đồng; đã đăng những văn kiện của Quốc tế. – 548.
- 362 Thoạt tiên, bài thơ "Anh sinh viên" N.Ô-ga-rép đề tặng X.I.A-xtơ-ra-cốp, bạn của Ô-ga-rép, của Ghéc-sen, ông này đã mất năm 1866. Khi nhận bảo thảo của Ô-ga-rép gửi. Ba-cu-nin đã viết cho ông rằng, sẽ "có lợi hơn cho sự nghiệp", nếu như bài thơ đề tặng cho Ne-sa-ép. Với lời đề tặng ấy, bài thơ đã được in thành bản riêng năm 1869 tại Giơ-ne-vơ và được Ne-sa-ép sử dụng như sự uỷ quyền từ tay Ô-ga-rép. – 556.
- 363 "*Journal de Genève national, politique et littéraire*" ("Báo dân tộc, chính trị và văn học Giơ-ne-vơ") - tờ báo của phái bảo thủ, xuất bản từ năm 1826. – 570.
- 364 "La Démocratie" ("Dân chủ") - tờ tuần báo dân chủ - tư sản Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ tháng Mười một 1868 đến năm 1870.

Bức thư Ba-cu-nin gửi chủ bút tờ báo Sác-xanh được viết vào tháng Tư 1868 nhân dịp ông này cho xuất bản, từ tháng Ba 1868, tập báo in riêng trình bày

- những quan điểm của các cộng tác viên dự kiến của tờ báo. Bức thư của Ba-cu-nin được đăng cuối tháng Tư 1868 trong tập thứ sáu. – 571
- 365 Trích bài "Ghéc-sen" của Ba-cu-nin đăng trên tờ "Masseillaise" số 72, ngày 2 tháng Ba 1870. – 571.
- 366 Đây muốn nói tới khoản tiền mà P.A. Ba-khơ-mê-ti-ép, một địa chủ người Nga, đã giao cho Ghéc-sen nhằm phục vụ việc tuyên truyền (cái gọi là quỹ Ba-khơ-mê-ti-ép). Năm 1869, dưới sức ép của Ba-cu-nin và Ô-ga-rép, Ghéc-sen đồng ý chia quỹ đó ra làm hai phần, một phần được Ô-ga-rép chuyển cho Ne-sa-ép. Năm 1870, sau khi Ghéc-sen mất, Ne-sa-ép lại nhận nửa số quỹ còn lại từ tay Ô-ga-rép. – 571.
- 367 "*Công xã*" - tờ báo có tên gọi này đã ra số đầu tiên tại Luân Đôn vào tháng Chín 1870 với các biên tập viên là X.Ne-sa-ép và V.Xê-rê-bren-ni-cốp; số thứ hai, ra năm 1871, đã bị chính những người xuất bản huỷ bỏ. - 572.
- 368 "*Cái chuông cơ quan ngôn luận của tổ chức giải phóng nước Nga, do A.I. Ghéc-sen sáng lập*" - tờ báo có tên gọi trên đã được Ne-sa-ép và Xê-rê-bren-ni-cốp cho xuất bản vài số ở Giơ-ne-vơ vào mùa xuân năm 1870. – 575.
- 369 Đây muốn nói tới "*Vấn đáp cách mạng*" do Ba-cu-nin viết mùa hè năm 1869, được mã hóa và in thành một số bản. Khi lục soát nhà P.G.U-xpen-xki năm 1869, người ta đã tìm thấy một cuốn, nội dung của nó được trình bày trong các bản tường trình về vụ án Ne-sa-ép trên tờ "Người truyền tin chính phủ" số 162 năm 1871; văn bản này cũng đã được Mác và Ăng-ghen sử dụng. – 576.
- 370 *Đông tu Ê-xcô-ba* - các môn đồ của tu sĩ dòng Tên người Tây Ban Nha Ê-xcô-ba-i - Men-đô-xơ (1589 - 1669), người đã công khai truyền bá rằng những ý đồ tốt sẽ biện hộ cho những hành động bị đạo lý và pháp luật lên án (mục đích biện hộ cho thủ đoạn). – 577.
- 371 Đây muốn nói tới nhà nước thần quyền của các tu sĩ dòng Tên tồn tại từ đầu thế kỷ 16 đến giữa thế kỷ 17 ở khu vực Nam Mỹ, chủ yếu trên lãnh thổ Pa-ra-goay ngày nay. – 592.
- 372 Đây muốn nói tới nhóm thanh niên tập hợp xung quanh M.V. Pét-ra-sép-xki năm 1845 bao gồm những quý tộc nhỏ và cả trí thức bình dân; các hội viên chia sẻ

- những quan điểm dân chủ - tư sản; nhiều người trong số đó truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng. Tại các buổi họp, nhóm đưa ra thảo luận những vấn đề chính trị và xã hội, đồng thời thảo luận các kế hoạch thành lập một tổ chức cách mạng năng động. Tuy nhiên, các hội viên nhóm Pét-ra-sép-xki đã không kịp thông qua những kế hoạch đó và không kịp thành lập một tổ chức cách mạng thực sự rộng khắp; tháng Tư 1849, họ đã bị bắt và bị đưa đi đày. – 596.
- 373 "*Tin tức Mát-xcơ-va*" - tờ báo Nga cổ xưa nhất, xuất bản từ năm 1756 đến năm 1917, từ năm 1859 báo ra hàng ngày, kể từ những năm 50 của thế kỷ XIX báo mang tính chất phản động. – 598.
- 374 "*Người cùng thời*" - tạp chí Nga về văn học và chính trị - xã hội, xuất bản tại Pét-téc-bua trong những năm 1836 - 1866 (từ năm 1843 ra mỗi tháng một kỳ); tạp chí do A.X. Pu-skin thành lập, từ năm 1847 Ne-cra-xốp và Pa-na-ép trở thành biên tập viên tạp chí, cộng tác với tạp chí có Bê-lin-xki. Đô-brô-liu-bốp, Séc-nư-sép-xki; trong những năm 60 tạp chí thực sự là cơ quan ngôn luận của giới dân chủ cách mạng Nga. – 600.
- 375 Truyền đơn cách mạng "Nước Nga trẻ" do nhà cách mạng Nga P.G. Dai-snép-xki viết và được in vào giữa tháng Năm 1862; truyền đơn phản ánh những quan điểm cách mạng cực tả của các nhà dân chủ cách mạng Nga. Lời đề từ cho truyền đơn trích từ bài báo. "Rô-bốt Ô-oen" của Ghéc-sen. – 603
- 376 Đây là nói về sự xung đột nảy sinh giữa một bên là Ghéc-sen và một bên là Séc-nư-sép-xki và Đô-brô-liu-bốp do thái độ nghiêng ngả của Ghéc-sen về phía chủ nghĩa tự do khi đánh giá việc thủ tiêu chế độ nông nô mà chính phủ Nga hoàng chuẩn bị thi hành. Trên các trang của tạp chí "Người cùng thời", cũng như trong các bài viết trên báo "Cái chuông", những người đại diện phái cách mạng dân chủ đã phê phán gay gắt thái độ dao động này của Ghéc-sen. Vào những năm 60. Ghéc-sen, sau khi đã đoạn tuyệt với chủ nghĩa tự do, lại triệt để đứng về phía phái dân chủ cách mạng. – 604.
- 377 Trong số những tài liệu Mác và Ăng-ghen chuyển cho uỷ ban điều tra hoạt động của Đồng minh bí mật do Đại hội La Hay bầu ra, có một bức thư do Ne-sa-ép viết vào tháng Hai 1870 theo sự uỷ nhiệm của Ba-cu-nin nhân danh một tổ chức cách mạng Nga không hề tồn tại, gửi cho Liu-ba-vin, bấy giờ đang chuẩn bị cho

xuất bản ở Nga tập I bộ "Tur bản". Bức thư dọa sẽ trừng trị Liu-ba-vin, nếu như ông này không giải thoát cho Ba-cu-nin khỏi trách nhiệm dịch ra tiếng Nga tập I bộ "Tur bản". Tháng Tám 1872, Liu-ba-vin đã gửi thư này đến Mác thông qua Đa-ni-en-xon. – 634.

378 Bài báo "Phái Ba-cu-nin trong hành động" đăng trên tờ "Volksstaat" các số 105, 106 và 107, ngày 31 tháng Mười, ngày 2 và 5 tháng Mười một 1873 được Ăng-ghe-n viết theo dấu vết các sự kiện nóng hổi diễn ra ở Tây Ban Nha mùa hè 1873 và là điểm nút của cuộc cách mạng tư sản Tây Ban Nha 1868 - 1874. Những số liệu cụ thể được Ăng-ghe-n lấy từ báo chí đương thời và từ nhiều tài liệu của các chi hội Tây Ban Nha của Quốc tế, trước hết phải kể đến bản báo cáo mà Liên chi hội Ma-đrít mới trình lên đại hội thường kỳ Quốc tế họp ở Giơ-ne-vơ từ ngày 8 đến 13 tháng Chín 1873.

Sau khi đăng báo, tác phẩm của Ăng-ghe-n đã được xuất bản thành sách riêng: "Die Bakunisten an der Arbeit Denkschrift über den letzten Aufstand in Spanien" Leipzig. Năm 1894, bài báo "phái Ba-cu-nin trong hành động" được vào tuyển tập những bài báo của Ăng-ghe-n "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871-75)" do nhà xuất bản "Vorwärts" ấn hành ở Béc-lin. Đồng thời Ăng-ghe-n lại đưa thêm vào bài báo một ít "Nhận xét sơ bộ" và hiệu đính một vài chỗ trong văn bản.

Bài báo "Phái Ba-cu-nin trong hành động" lần đầu tiên được dịch ra tiếng Nga dưới sự biên tập của V.I. Lê-nin và xuất bản thành sách riêng của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Giơ-ne-vơ năm 1905 và ở Pê-téc-bua năm 1906. – 641.

379 Dưới đầu đề "Ca-li-ô-xơ-rô Ba-cu-nin", trên báo "Volksstaat" các số 87, 88, 89 và 90, ngày 19, 21, 24 và 26 tháng Chín 1873 đã đăng một loạt bài của Ăng-ghe-n tóm tắt bằng tiếng Đức tác phẩm: "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế". Trong lần xuất bản năm 1894, Ăng-ghe-n thay đoạn viện dẫn này bằng đoạn viện dẫn bản dịch toàn bộ tác phẩm này ra tiếng Đức xuất bản năm 1874. – 641.

380 Đây muốn nói tới những người theo chủ nghĩa quân chủ lập hiến là những người đã hậu thuẫn cho vua A-ma-đây, tay sai của các quốc gia châu Âu, lên ngôi báu Tây Ban Nha. – 645.

381 *Tập đoàn An-phôn-xơ* - là tập đoàn có quan hệ với các nhóm phản động của tầng lớp đại điền chủ, giới tăng lữ và bọn chóp bu tư sản đã hậu thuẫn cho một người thuộc triều đại Bốc-bông có tham vọng giành ngôi hoàng đế Tây Ban Nha. Năm 1874 người này đã xưng vương lấy hiệu An-phôn-xơ XII. – 645.

382 *Phái Các-lốt* - là tập đoàn tăng lữ chuyên chế phản động, trong nửa đầu thế kỷ XIX đứng về phía Đôn Các-lốt, em trai vua Phéc-đi-năng VII, và là người có tham vọng chiếm ngôi báu Tây Ban Nha. Dựa vào giới quân phiệt và giới tăng lữ Thiên chúa giáo, đồng thời lợi dụng sự ủng hộ của tầng lớp nông dân lạc hậu ở một số vùng thuộc Tây Ban Nha, tập đoàn Các-lốt đã gây ra cuộc nội chiến 1833 - 1840 mà thực tế đã biến thành cuộc đấu tranh giữa các phân tử Thiên chúa giáo phong kiến và các phân tử tư sản tự do. Sau cái chết của Đôn Các-lốt năm 1855, phái Các-lốt quay ra ủng hộ việc đưa Đôn Các-lốt bé, cháu của vua Đôn Các-lốt, lên ngôi. Năm 1872, trong bối cảnh của sự khủng hoảng chính trị và của cuộc đấu tranh giai cấp ngày càng gay gắt, hoạt động của phái Các-lốt trở nên ráo riết và đưa đến một cuộc nội chiến mới đến tận năm 1876 mới kết thúc. – 645.

383 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.616.

Khi chuẩn bị cho in tác phẩm này năm 1894, ở chỗ đó Ăng-ghe-n đã thay lời viện dẫn lần xuất bản thứ nhất cuốn sách "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh" của mình bằng lời viện dẫn lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Đức năm 1892. – 646.

384 Đây muốn nói tới Đại hội của phái vô chính phủ diễn ra ở Giơ-ne-vơ ngày 1 đến ngày 6 tháng Chín 1873. – 647.

385 "*Solidarité révolutionnaire*" ("Đoàn kết cách mạng") - tuần báo của nhóm vô chính phủ, xuất bản bằng tiếng Pháp ở Bác-xê-lô-na tháng Sáu - tháng Chín 1873; báo là cơ quan ngôn luận của Ủy ban tuyên truyền cách mạng xã hội chủ nghĩa cho miền Nam nước Pháp, do A-lê-ri-ni và Brút-xơ thành lập nhằm truyền bá những tư tưởng vô chính phủ ở Pháp và trong hàng ngũ các chiến sĩ lưu vong của Công xã Pa-ri. – 649.

386 Báo cáo của ủy ban liên hiệp cầm đầu các tổ chức vô chính phủ ở Tây Ban

- Nha từ sau Đại hội Coóc-đô-va, đã được đăng trên tờ "International", ngày 24 tháng Tám 1873. – 650.
- 387 Xem các tác phẩm của Ăng-ghe-nh "Chiến tranh nông dân ở Đức" và "Cuộc vận động ủng hộ hiến pháp đế chế ở Đức" (C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nh, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t7, tr.457-575 và 153-276). – 658.
- 388 Ăng-ghe-nh muốn nói tới cuốn sách của Ba-cu-nin xuất bản ở Nơ-sa-ten năm 1870, không ghi tên tác giả, dưới nhan đề "Lettres à un francais sur la crise actuelle". – 658.
- 389 Glát-xtôn, với dự định thành lập trong hạ nghị viện một đa số vững chắc những người theo phái tự do, ngày 17 tháng Hai 1874 đã tuyên bố nội các của ông từ chức và đồng thời giải tán nghị viện. Do kết quả của cuộc bầu cử mới, trong hạ nghị viện có 350 người thuộc phái bảo thủ, 244 người thuộc phái tự do và 58 đại biểu người Ai-rơ-len. Ngày 21 tháng Hai chính phủ bảo thủ được thành lập, đứng đầu là Đì-xra-c-li.
- Luật thi hành chế độ bỏ phiếu kín (Ballot Act) đã được quốc hội thông qua ngày 18 tháng Bảy 1872. – 667.
- 390 *Dự luật ruộng đất Ai-rơ-len* (Land Bill) do Glát-xtôn thay mặt Chính phủ Anh đưa ra dưới chiêu bài giúp đỡ những tá điền Ai-rơ-len đã được thông qua tháng Tám 1870. Với đủ mọi điều kiện và hạn chế, đạo luật ruộng đất này về thực chất vẫn coi nền tảng của chế độ chiếm hữu ruộng đất của tầng lớp đại điền chủ quý tộc Anh ở Ai-rơ-len là bất di bất dịch, nó vẫn đảm bảo cho họ khả năng nâng cao số lợi tức và đuổi người tá điền khỏi ruộng đất với điều kiện trả một khoản bồi thường nhất định cho những người tá điền về công cải tạo đất; đồng thời, đạo luật quy định thủ tục tư pháp nào đó cho công việc này. Các đại điền chủ tìm mọi cách ngấm ngấm phá hoại việc thi hành đạo luật và kiếm mọi cớ để vi phạm đạo luật. Đạo luật này tạo điều kiện đáng kể cho việc phát triển chế độ phéc-mi-ê ở Ai-rơ-len và làm phá sản các tá điền nhỏ.
- Dự luật giáo hội Ai-rơ-len* (Irish Church Bill) cũng do Glát-xtôn đưa ra và được thông qua tháng Bảy 1869. Theo đạo luật này, nhà thờ Anh quốc giáo ở Ai-rơ-len tách biệt với nhà nước và về quyền hạn thì ngang tầm với nhà thờ Thiên

- chúa giáo và giáo phái trường lão; tuy nhiên, nhà thờ Anh quốc giáo vẫn là chúa đất lớn nhất bóc lột người nông dân Ai-rơ-len. – 668.
- 391 Đây muốn nói tới pháp lệnh về việc chấn chỉnh lại quân đội được thông qua năm 1871, trong đó có một điều khoản ngăn cấm việc mua bán tước hàm sĩ quan. Điều này đã gây sự phẫn nộ trong nghị trường, sau đó, Glát-xtôn thông qua chiếu chỉ của nhà vua cũng huỷ bỏ được chế độ mua bán tước hàm sĩ quan. – 668.
- 392 Đây muốn nói đến cuộc cải cách bầu cử lần thứ hai tiến hành ở Anh năm 1867, cho phép một bộ phận nhỏ trong giai cấp công nhân được quyền bầu cử. – 670.
- 393 *Liên đoàn đại diện công nhân* (Labour Representation League) thành lập năm 1869. Tham gia Liên đoàn có các thủ lĩnh công liên là những người cố gắng đảm bảo việc đề cử "công nhân" vào hạ nghị viện mà vẫn không ngần ngại câu kết với đảng tự do. Hoạt động của Liên đoàn đã chấm dứt từ sau năm 1880. – 672.
- 394 Đây muốn nói đến "The Mines Regulation Act" năm 1872. – 674.
- 395 Từ những năm 20 của thế kỷ XIX, ở Ai-rơ-len đã phát triển rộng khắp phong trào Ri-pi-lơ đấu tranh dưới khẩu hiệu đòi huỷ bỏ chế độ hợp nhất Anh - Ai-rơ-len. Chế độ hợp nhất thủ tiêu những dấu vết cuối cùng của nền tự trị Ai-rơ-len, góp phần củng cố nền thống trị thuộc địa của Anh là chế độ mà Chính phủ Anh đã áp đặt cho Ai-rơ-len, sau khi cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ai-rơ-len năm 1798 bị dập tắt. Vào đầu thập kỷ 40, Hội Ri-pi-lơ được thành lập. Những người theo chủ nghĩa tự do tư sản cầm đầu hội (như Ô'Cô-nen và những người khác) lại coi việc vận động huỷ bỏ chế độ hợp nhất như một phương tiện nhằm mục đích đòi Chính phủ Anh phải nhượng bộ giai cấp tư sản Ai-rơ-len. Đến cuối thập kỷ 40, do cuộc nổi dậy cách mạng ở Ai-rơ-len năm 1848 bị thất bại và do các thế lực phản động mở cuộc tấn công ở Anh và Ai-rơ-len, nên Hội Ri-pi-lơ tan rã. – 675.
- 396 Bài "*Luật quân sự đế chế*" được Ăng-ghe-nh viết riêng cho tờ "Volksstaat" nhân cuộc thảo luận trong quốc hội đạo luật tăng quân số của quân đội trong thời bình. Sau khi chuẩn y, đạo luật này mang tên Đạo luật về chế độ xếp-ten-nát, nó áp dụng trên toàn nước Đức hệ thống quân sự của Phổ, phản ánh sự phát triển của chủ nghĩa quân phiệt ở Đức và tư tưởng hiếu chiến của giới cầm quyền Đức.

Bài báo được đăng trên tờ "Volksstaat" số 28 và 29, ngày 8 và 11 tháng Ba 1874; đây là lần đầu tiên bài báo được công bố bằng tiếng Nga. – 676.

397 *Đảng tự do - dân tộc* - là đảng của giai cấp tư sản Đức, trước hết là giai cấp tư sản Phổ, được thành lập mùa thu năm 1866 do kết quả của sự phân rã trong đảng tư sản của những người cấp tiến. Những đảng viên đảng tự do - dân tộc từ bỏ những tham vọng của giai cấp tư sản đòi nắm địa vị thống trị về chính trị để thoả mãn những quyền lợi vật chất của giai cấp này và đặt ra mục tiêu cơ bản cho mình là hợp nhất các quốc gia ở Đức dưới quyền lãnh đạo của Phổ; chính sách của họ chứng tỏ sự đầu hàng của giai cấp tư sản tự do Đức trước Bít-xmác. Sau khi hợp nhất nước Đức, đảng tự do - dân tộc hoàn toàn biến thành đảng của giai cấp đại tư sản và của bọn trùm tư bản công nghiệp. Chính sách đối nội của đảng tự do - dân tộc ngày càng mang tính chất trung quân, và vì thế các đảng viên đã từ bỏ trên thực tế những đòi hỏi tự do mà họ đã đề ra trước đây, trong đó có đòi hỏi trong cương lĩnh năm 1866 về sự cần thiết phải "bảo vệ trước tiên quyền ngân sách".

*Phái tiến bộ* - đại biểu cho đảng cấp tiến của giai cấp tư sản Phổ, ra đời tháng Sáu 1861. Đảng cấp tiến đòi hợp nhất nhà nước Đức dưới quyền lãnh đạo của Phổ, triệu tập nghị viện toàn Đức, thành lập một chính phủ tự do mạnh chịu *trách nhiệm trước viện dân biểu*. Khác với đảng tự do - dân tộc, sau khi hợp nhất nước Đức năm 1871, đảng cấp tiến xưng danh là đảng đối lập, tuy tính chất đối lập chỉ mang ý nghĩa hình thức thuần tuý mà thôi. Do nỗi khiếp sợ trước giai cấp công nhân và lòng căm thù đối với phong trào xã hội chủ nghĩa, đảng cấp tiến đã cam chịu sự thống trị của bọn joong-ke Phổ trong hoàn cảnh nước Đức nửa chuyên chế. Sự dao động ngả nghiêng trong chính sách của đảng cấp tiến thể hiện thái độ thiếu kiên định của giai cấp tư sản thương mại, các nhà công nghiệp nhỏ, của một bộ phận thợ thủ công là tầng lớp mà đảng này lấy làm chỗ dựa. – 676.

398 Đây muốn nói đến cuộc xung đột lập hiến ở Phổ những năm 1862 - 1866, nảy sinh do việc phá vỡ đa số tự do chủ nghĩa trong nghị viện Phổ khước từ không thông qua việc cấp kinh phí cho công cuộc cải tổ quân đội và vũ trang thêm cho quân đội. Bất chấp sự khước từ này, chính phủ Bít-xmác trong suốt mấy năm đã thực hiện những khoản chi phí quân sự bất cần sự chuẩn y của nghị viện.

Cuộc xung đột hiến pháp, một trong những biểu hiện của tình thế cách mạng ở Đức vào thập kỷ 60, đã kết thúc vào năm 1866 sau khi Phổ thắng Áo trong trận Xa-đô-va, cũng là lúc giai cấp tư sản tự do Đức đầu hàng Bít-xmác. – 676.

399 Trích bài phát biểu của Man-toi-phen tại đệ nhị viện của Quốc hội Phổ ngày 3 tháng Chạp 1850 nhân sự kiện ký kết với Áo Hiệp ước Ôn-muýt-xơ, theo đó Phổ phải tạm thời từ bỏ tham vọng giành địa vị bá chủ ở Đức. – 676.

400 Ăng-ghen trích dẫn điều 109 của hiến pháp Phổ năm 1850. – 677.

401 Quốc hội Bắc Đức họp từ ngày 24 tháng Hai đến ngày 17 tháng Tư 1867, đã tán thành việc thành lập Liên bang Bắc Đức và thông qua hiến pháp của Liên bang này. – 677.

402 Đây muốn nói tới quốc hội để chế khai mạc ngày 21 tháng Ba 1871 và thông qua ngày 16 tháng Tư 1871 bản hiến pháp của Đế chế Đức. – 677.

403 Đoạn này và một số đoạn dưới được trích trong diễn văn của Môn-tơ-ke tại quốc hội ngày 16 tháng Hai 1874. – 679.

404 Trong trận đánh ở Xê-đăng ngày 2 tháng Chín 1870, một trong những trận quyết định của cuộc chiến tranh Pháp - Phổ 1870 - 1871, quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của Mác - Ma-hông đã bị quân Phổ đánh bại và Na-pô-lê-ông III bị bắt làm tù binh. Thảm kịch *Xê-đăng* đã đẩy mạnh sự sụp đổ của Đế chế II và *dẫn tới sự* tuyên bố thành lập nền cộng hoà ở Pháp. Từ thời điểm đó, cuộc chiến tranh mà trước đó mang tính chất phòng thủ của nước Đức đã hoàn toàn mất đi tính chất này, và người ta thấy thể hiện một cách rõ nét nhất xu thế xâm lược của giới quân phiệt, bọn joong-ke và giai cấp tư sản Phổ. – 679.

405 Cụm tứ giác pháo đài Vơ-ni-dơ hay I-ta-li-a là trận địa phòng thủ vô cùng kiên cố, được tạo nên bởi 4 pháo đài nằm về phía bắc I-ta-li-a: Vê-rô-na, Lên-nhi-a-gô, Man-tu-ây và Pe-xke-ra. Cụm tứ giác pháo đài đóng vai trò to lớn trong các cuộc chiến tranh ở thế kỷ 19, là căn cứ địa cho hoạt động tác chiến của quân đội. - 680.

406 *Lan-ve* - là bộ phận cấu thành lực lượng lục quân Phổ. Lực lượng lục quân Phổ thành lập trên cơ sở luật năm 1814 - 1815, bao gồm quân chính quy (các trung đoàn chủ lực), quân hậu bị để bổ sung vào quân ngũ khi có lệnh động viên trong

thời kỳ chiến tranh, và sau cùng là lan-ve nhóm nhập ngũ I và nhóm nhập ngũ II. Lan-ve xuất hiện ở Phổ năm 1873 với tư cách là lực lượng dân binh trong cuộc đấu tranh chống đội quân của Na-pô-lê-ông, tập hợp lính quân dịch có độ tuổi cao đã mãn hạn phục vụ trong đội quân chính quy và quân hậu bị. Vào thời bình, người ta chỉ tiến hành những đợt tập huấn riêng lẻ các đơn vị lan-ve. Khi có chiến tranh thì lan-ve thuộc nhóm nhập ngũ I (những binh lính trong độ tuổi từ 26 đến 32) được dùng để bổ sung vào đội quân tác chiến; lan-ve thuộc nhóm nhập ngũ II (binh lính ở độ tuổi từ 32 đến 39) thực hiện các công việc đồn trú. Theo luật nghĩa vụ quân sự toàn dân của Liên bang Bắc Đức, ban hành ngày 9 tháng Chín 1867, lan-ve nhóm nhập ngũ II bị bãi bỏ và thành phần lan-ve nói chung chỉ giới hạn ở số binh lính ở độ tuổi từ 27 đến 32. – 683.

407 *Lan-dơ-stuốc-mơ* là đội dân quân, xuất hiện ở Phổ những năm 1813 - 1814. Theo đạo luật năm 1867, lan-dơ-stuốc-mơ phải được cấu thành từ các đối tượng làm nghĩa vụ quân sự có độ tuổi từ 17 đến 42, không có trong quân đội, hải quân, và chỉ được động viên khi có nguy cơ kẻ thù xâm lược. – 683.

408 Đây muốn nói tới sự thất bại trong mưu toan của Chính phủ Phổ huy động quân dự bị của lan-ve ở các tỉnh miền Tây Phổ đi đàn áp cuộc khởi nghĩa nổ ra ở miền Tây và Nam nước Đức tháng Năm 1849 dưới khẩu hiệu bảo vệ hiến pháp của Đế chế. Lấy cớ là theo đạo luật ban hành ngày 3 tháng Chín 1814 và ngày 21 tháng Mười một 1815, chỉ khi nào có sự tấn công từ bên ngoài, lan-ve mới bị động viên, quân dự bị lan-ve ở vùng Ranh thuộc Phổ và Ve-xơ-pha-li không những không phục tùng mệnh lệnh, mà nhiều khi còn gia nhập hàng ngũ những người khởi nghĩa một cách có tổ chức và vũ trang. – 683.

409 Đây muốn nói tới luật bổ sung quân số, ban hành ngày 27 tháng Bảy 1872, tuyên bố áp dụng ở Pháp nghĩa vụ quân sự cho toàn dân với thời hạn 5 năm phục vụ trong quân đội; tuy nhiên, việc thi hành luật này cũng cho phép nhiều trường hợp ngoại lệ đối với nhiều người thuộc diện được gọi nhập ngũ. – 684.

410 "Kölnische Zeitung" ("Báo Khuên") - báo Đức ra hàng ngày, xuất bản ở Khuên từ năm 1802 dưới nhan đề trên; là cơ quan ngôn luận của giai cấp đại tư sản tỉnh Ranh và của đảng tự do - dân tộc chủ nghĩa, vào những năm 70 báo được coi là người phát ngôn của Bít-xmác. – 684.

411. Bài báo này đang không ghi tên tác giả trên tờ "Volksstaat" số 35, ngày 25 tháng Ba 1874 trong mục "Bình luận chính trị" – 688.

412 Ngay từ đầu cuộc chiến tranh Pháp - Phổ 1870 - 1871, đội quân của thống chế Baden tại pháo đài Mét-xơ thuộc Pháp đã bị bao vây; ngày 27 tháng Mười 1870 pháo đài đã đầu hàng. – 688.

413 "*Leipziger Tageblatt*" - tên gọi rút ngắn của tờ báo Đức ra hàng ngày "*Leipziger Tageblatt und Anzeiger*" ("Trang tin hàng ngày Lai-pxích"), xuất bản từ năm 1807; vào thập kỷ 70-80 của thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của giai cấp đại tư sản. - 688.

414 Thống chế Pháp Ba-den, người đã nộp pháo đài Mét-xơ vào tay kẻ thù, đã bị truy tố trước toà án vì tội phản bội tổ quốc. Vụ án xét xử diễn ra ở Pa-ri từ ngày 6 tháng Mười đến ngày 10 tháng Chạp 1873. – 688.

415 Đây muốn nói tới trận đánh ở Xa-đô-va. Xem chú thích 265. – 689.

416 Hoffbauer. "Die deutsche Artillerie in den Schlachten bei Metz". Berlin. 1872. – 690.

417 Trong khi chuẩn bị in lần thứ ba tác phẩm "Chiến tranh nông dân ở Đức" của mình viết năm 1850. Ăng-ghen đã bổ sung thêm vào lời tựa cho lần xuất bản thứ hai, do ông soạn tháng Hai 1870. Lời tựa có bổ sung được in trong lần xuất bản thứ ba của cuốn "Chiến tranh nông dân ở Đức", xuất bản ở Lai-pxích năm 1875. (F.Engels. "Der deutsche Bauernkrieg". Leipzig, 1875). Trong tập này có in phần thứ hai của lời tựa mà Ăng-ghen đề ngày 1 tháng Bảy 1874. Phần thứ nhất của lời tựa, xét theo ngày viết, nằm trong: C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.531-545. – 692.

418 Khi nói về Đế chế Đức thần thánh của dân tộc Phổ, Ăng-ghen phỏng theo tên gọi Đế chế La Mã thần thánh thời trung cổ của dân tộc Đức để nhấn mạnh rằng, việc thống nhất nước Đức diễn ra dưới sự chi phối của Phổ thì đồng thời cũng diễn ra với sự thấm tóat đất đai của Đức vào tay Phổ. – 692.

419 Đây muốn nói tới vương quốc Ha-nô-vơ, hầu quốc Hét-xen - Cát-xen và đại công quốc Na-sau đã bị Phổ sáp nhập vào lãnh thổ của mình nhờ kết quả của cuộc chiến tranh Áo - Phổ năm 1866. – 693.



- 420 Xem các chú thích 267 và 269. – 693.
- 421 Do những thắng lợi của Phổ trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ mà bốn quốc gia miền Tây Nam Đức (Ba-đen, Hét-xen, Ba-vi-e và Vuyéc-tem-béc) đã sáp nhập vào Liên bang Bắc Đức, việc này đã được các công ước chính thức hợp thức hoá vào tháng Mười một 1870. Kể từ ngày 15 tháng Mười một 1870, trong khuôn khổ hợp thức hoá bằng các công ước việc sáp nhập vào quốc gia miền Tây Nam Đức vào Liên bang Bắc Đức, liên bang các quốc gia Đức bắt đầu được ghi trong các văn kiện chính thức dưới tên gọi Liên bang Đức (Deutsches Bund). Ngày 9 tháng Chạp 1870, theo quyết định của quốc hội, tên gọi này được đổi thành Đế chế Đức (Deutsches Reich). Đế chế Đức được tuyên bố chính thức sau đó ít lâu, ngày 18 tháng Giêng 1871. – 693.
- 422 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.538-540. – 696.
- 423 Trong trận giao chiến ở *Spi-khéc-nơ* (Lo-ren-nơ), một trong những trận đánh lớn đầu tiên trong cuộc chiến tranh Pháp Phổ 1870-1871, ngày 6 tháng Tám 1870, quân đội Phổ đã đánh bại các đơn vị quân Pháp. Theo sử sách thì trận Spi-khéc-nơ còn gọi là trận Phoóc-ba-khơ.
- Trận đánh ở *Mác-xơ-la - Tu-rơ* (còn gọi là trận Vi-ô-vi-lơ) diễn ra ngày 16 tháng Tám 1870. Nhờ trận này mà quân Đức đã chặn đứng được việc rút lui mới bắt đầu của đội quân Pháp vùng sông Ranh rút khỏi Mét-xơ và tiếp đó cắt đứt hết đường rút lui của đội quân này.
- Về *Xê-dăng*, xem chú thích 404. – 696.
- 424 Trong cuộc bầu cử vào quốc hội ngày 10 tháng Giêng 1874, phái dân chủ - xã hội Đức đã giành được 9 ghế với số phiếu tán thành là 350000, tức 6% tổng số phiếu. Trong số những người trúng cử có Bê-ben và Líp-nếch lúc này đang bị cầm tù. – 698.
- 425 Trong hai năm 1874 - 1875 Ăng-ghe-n đã viết - không liên tục - loạt bài báo nhân đề "Sách báo của giới lưu vong" nhằm phân tích những khuynh hướng mới trong phong trào công nhân và dân chủ châu Âu. Các bài này được đăng dần dần trên tờ báo của các nhà dân chủ - xã hội Đức, tờ ""Volksstaat" là tờ báo mà các bài này được viết để đăng trên đó. Năm 1894, bài thứ nhất, thứ hai và thứ năm trong

- loạt bài "Sách của giới lưu vong" đã được Ăng-ghe-n đưa vào tuyển tập các tác phẩm của ông "Internationales" aus dem "Volksstaat" (1871 - 75) (Những bài báo về chủ đề quốc tế đăng trên tờ "Volksstaat" (1871-75)).
- Loạt bài "Sách báo của giới lưu vong" được in trọn vẹn bằng tiếng Nga trong lần xuất bản thứ nhất Toàn tập của C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, t.XV. 1933. – 701.
- 426 Bài đầu tiên của loạt bài "Sách báo của giới lưu vong" được Ăng-ghe-n viết vào tháng Năm - đầu tháng Sáu 1874 và đăng trên tờ "Volksstaat" số 69 ngày 17 tháng Sáu 1874. Ăng-ghe-n đã đặt tiêu đề phụ cho bài báo này trong lần tái bản năm 1894 trong cuốn sách mỏng: F.Engels "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871-75)". Bài báo này được công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong ấn phẩm "Tri thức": Ph.Ăng-ghe-n. "Những bài báo viết trong những năm 1871 - 75". Xanh-Pê-téc-bua, 1906, tr. 34-41. - 703.
- 427 "Address of the Polish Refugees to the English People". London. May 3, 1874. Ở dưới đó trích đăng từ trang 2 đến trang 5 văn kiện này. – 703.
- 428 "*Reynolds's Weekly Newspaper*" ("Tuần báo Rây-nôn-xơ") - tờ tuần báo công nhân Anh, do nhà dân chủ tiểu tư sản thân phái Hiến chương Rây-nôn-xơ sáng lập, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1850; hiện nay là cơ quan ngôn luận của phong trào hợp tác hoá. - 703.
- 429 M.P.Pô-gô-đin "Vấn đề Ba Lan. Tuyển tập những ý kiến, ghi chép và nhận xét. 1831-1867". Mát-xcơ-va, 1867, tr.54-55. – 706.
- 430 Bản tuyên ngôn do Hội dân chủ Ba Lan công bố ngày 4 tháng Chạp 1836, kêu gọi tiến hành "Cách mạng nhân dân", đấu tranh xoá bỏ những nghĩa vụ phong kiến và sự bất bình đẳng giữa các tầng lớp, và chuyển các suất ruộng được chia thành tài sản của người nông dân.
- Bản tuyên ngôn do chính phủ cách mạng ở Cra-cốp soạn thảo cuối năm 1845 và công bố ngày 22 tháng Hai 1846 đã đưa ra yêu sách đòi thủ tiêu chế độ nông nô và trao ruộng đất cho nông dân.
- Bản tuyên ngôn do Uỷ ban dân tộc trung ương công bố ngày 22 tháng Giêng 1863 đã kêu gọi nhân dân Ba Lan đứng lên cầm vũ khí và là cương lĩnh của cuộc khởi nghĩa Ba Lan những năm 1863 - 1864. – 707.

- 431 *Hoà ước Tê-sen*, ký năm 1779 sau khi kết thúc cuộc chiến tranh giữa Phổ và áo giành quyền thừa kế Ba-vi-e. Nước Nga, nước đề xướng ra hiệp ước này, lúc đầu tham gia với tư cách nước trung gian giữa các bên tham chiến, nhưng sau khi hiệp ước được ký kết, nước Nga cùng với Pháp được coi là quốc gia bảo đảm trật tự được thiết lập bằng bản hiệp ước này, như vậy, trên thực tế họ có quyền can thiệp vào công việc của các quốc gia Đức. – 708.
- 432 "Lời kêu gọi thứ hai của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ", xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.361-374. – 710.
- 433 Cuộc đấu tranh văn hoá ở Pô-dơ-nan là tên gọi mỉa mai mà Ăng-ghe-n đặt cho chính sách Phổ hoá nhân dân Ba Lan.  
Cuộc đấu tranh văn hoá là tên gọi mà phái tự do tư sản đặt cho hệ thống những chính sách của chính phủ Bít-xmác trong những năm 70 của thế kỷ XIX. Những phương sách này được thi hành dưới chiêu bài đấu tranh vì một nền văn hoá phi tôn giáo, chống lại nhà thờ Thiên chúa giáo và đảng trung tâm là những phần tử ủng hộ khuynh hướng phân lập của tầng lớp địa chủ và tư sản ở các quốc gia nhỏ và vừa thuộc miền Tây Nam Đức. Đồng thời chính sách này còn nhằm làm cho một bộ phận công nhân xa rời đấu tranh giai cấp bằng cách nhen lên ngọn lửa cuồng tín tôn giáo. – 711.
- 434 Bài thứ hai trong loạt bài "Sách báo của giới lưu vong" của Ăng-ghe-n đăng trên tờ "Volksstaat" số 73, ngày 26 tháng Sáu 1874. Ăng-ghe-n đã đặt tiêu đề phụ trong lần tái bản năm 1894 bài báo này trong tuyển tập "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 - 75)". Bài báo được in lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong ấn phẩm "Tri thức": Ph.Ăng-ghe-n. "Những bài báo viết trong những năm 1871-75". Xanh-Pê-téc-bua, 1906, tr.41-48. – 713.
- 435 Đây muốn nói tới cuốn sách mỏng do nhóm những người lưu vong Pháp theo phái Błang-ki xuất bản ở Luân Đôn tháng Sáu 1874 dưới nhan đề: "Auxcommuneux" ("Gửi các chiến sĩ Công xã"). – 714.
- 436 "*Le Père Duchesne*" ("Cha Đuy-sen") - tờ báo Pháp do Gi.Hê-be xuất bản ở Pa-ri những năm 1890-1894: báo này phản ánh tâm trạng của các tầng lớp nửa vô sản thành thị trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp.

- Về tờ báo của Véc-méc-sơ, xem chú thích 84. – 717.
- 437 Đây là nói về nhóm những người theo phái Błang-ki (Ác-nu. Vai-ăng. Cuộc-nô v.v.) đã rút lui khỏi Quốc tế từ sau Đại hội La Hay 1872 và cho công bố cuốn sách mỏng "Quốc tế và cách mạng" (xem chú thích 246). – 720.
- 438 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr.570- 573, – 721.
- 439 Bài báo thứ ba trong loạt bài "Sách báo của giới lưu vong" này Ăng-ghe-n viết từ cuối tháng Bảy đến tháng Chín 1874 nhân bài báo viết về Quốc tế của P.La-vrốp trên tạp chí "Tiến lên" và đã được đăng trên tờ "Volksstaat" số 117 và 118, ngày 6 và 8 tháng Mười 1874.  
"Tiến lên! Tạp chí không định kỳ" - tạp chí Nga do P.La-vrốp xuất bản ở Xuy-rích và Luân Đôn trong những năm 1873 - 1877 (toàn bộ gồm 5 tập), phản ánh các quan điểm của phái hữu trong phong trào dân tuý cách mạng. Tạp chí quan tâm nhiều đến phong trào công nhân ở Tây Âu và hoạt động của Quốc tế. Cũng với nhan đề này ("Tiến lên"), ở Luân Đôn những năm 1875 - 1876 đã xuất bản tờ báo cũng có khuynh hướng trên. – 724.
- 440 Ở đây dẫn ra bài báo của La-vrốp trên tạp chí "Tiến lên!". Xuy-rích, 1874, tập 2, năm xuất bản thứ hai, chương 2, phần II, tr.26. – 726.
- 441 "*Neue Freie Presse*" ("Báo chí tự do mới") - báo của phái tự do Áo, xuất bản ở Viên những năm 1864 - 1939. Bài tiểu luận của C.Ta-le mà Ăng-ghe-n nhắc đến đã được đăng trên tờ "Neue Freie Presse" các số 3284 và 3285, ra ngày 14 và 15 tháng Mười 1873. – 726.
- 442 Cuốn sách mỏng của Tca-trép "Những nhiệm vụ tuyên truyền cách mạng ở Nga. Thư gửi tổng biên tập tạp chí "Tiến lên!" đã được xuất bản bằng tiếng Nga ở Luân Đôn tháng Tư 1874, – 730.
- 443 Đây muốn nói đến tác phẩm luận chiến của V.L.La-vrốp xuất bản không ghi tên tác giả dưới nhan đề "Gửi thanh niên cách mạng - xã hội Nga. Nhân đọc cuốn sách: Những nhiệm vụ tuyên truyền cách mạng ở Nga". Luân Đôn, 1874. Tiếp đó, Ăng-ghe-n trích dẫn các trang 3,17 và 44-45 của tác phẩm này. – 732.
- 444 Bài báo thứ tư của Ăng-ghe-n trong loạt bài "Sách báo của giới lưu vong" đã

- được đăng trên tờ "Volksstaat" các số 36 và 37, ra ngày 28 tháng Ba và ngày 2 tháng Tư 1875. Bài báo này được viết theo lời khuyên của Mác. Sau khi đã nghiên cứu cuốn sách của Tca-trép (xem chú thích tiếp theo), Mác đã chuyển cho Ăng-ghen và đề ngoài bìa đoạn sau đây: "Anh hãy ra tay đi, mà phải với giọng giễu cợt. Thật là ngu xuẩn, đến mức cả Ba-cu-nin cũng có thể đưa tay vào. Pi-ốt Tca-trép trước hết muốn cho độc giả thấy rằng anh đối xử với ông ta như với một địch thủ, vì thế nên ông ta mới bịạ đặt ra đủ mọi điều vô thực để tranh cãi". – 737.
- 445 P.Tkatschhoff. "Offener Brief an Herrn Friedrich Engels Verfasser der Artikel "Flüchtlings - Literatur" in Nr. 117 und 118 des "Volksstaat"". Jahrgang 1874. Zürich. Typographie der Tagwachit. 1874. Bản dịch tiếng Nga bức thư này in trong cuốn: P.Tca-trép. "Tuyển tập những bài viết về chủ đề kinh tế - xã hội", tập III, 1933, tr.88-98. – 737.
- 446 Ở đây Ăng-ghen trích dẫn trong cuốn "Những nhiệm vụ tuyên truyền cách mạng ở Nga" của Tca-trép. – 742.
- 447 P.Tkatschhoff. "Offener Brief an Herrn Friedrich Engels". S.9-10. – 744.
- 448 Ở đây và ở phần sau. Ăng-ghen trích trong cuốn sách của Tca-trép. "Những nhiệm vụ tuyên truyền cách mạng ở Nga". – 745.
- 449 Đây là trích từ cuốn: P.L.La-vrốp. "Gửi thanh niên cách mạng - xã hội Nga". Luân Đôn, 1874, tr.47. – 747.
- 450 P.Tkatschhoff. "Offener Brief an Herrn Friedrich Engels". S.7. – 748.
- 451 Bài báo thứ năm trong loạt bài "Sách báo của giới lưu vong" của Ăng-ghen đăng trên tờ "Volksstaat" các số 43, 44 và 45, ra ngày 16, 18 và 21 tháng Tư 1875, đã được xuất bản thành sách riêng ở Lai-pxích năm 1875 dưới nhan đề "Soziales aus Ru ßland" ("Về vấn đề xã hội ở Nga). Tháng Năm 1875 Ăng-ghen đã viết xong phần mở đầu ngắn gọn cho cuốn sách này (xem tập này, tr.790-794).
- Bản dịch đầu tiên cuốn sách "Soziales aus Ru ßland" của Ăng-ghen là do Da-xu-lích thực hiện: "Phri-drích Ăng-ghen nói về nước Nga". Giơ-ne-vơ, 1894; sau đó, tác phẩm này được tái bản nhiều lần ở Nga dưới những tên gọi khác nhau. – 751.

- 452 Ở đây và những đoạn trích tiếp theo, Ăng-ghen dẫn ra từ cuốn sách của Tca-trép "Offener Brief an Herrn Friedrich Engels". – 751.
- 453 Cuốn sách của Phlê-rốp-xki đã được Mác đọc sau khi phát hành ít lâu vào năm 1869. Trong thư gửi các uỷ viên Ban chấp hành chi hội Nga của Quốc tế, đề ngày 24 tháng Ba 1870. Mác đánh giá cao cuốn sách (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.554-555), ít lâu sau, Ăng-ghen cũng đọc cuốn sách này. – 751.
- 454 Ăng-ghen có ý nói tới cuốn sách của Hắc-xơ-hau-den "Studien über die innern Zustände, das Volksleben und insbesondere die ländlichen Einrichtungen Ru ßland" ("Nghiên cứu những mối quan hệ bên trong của đời sống nhân dân và đặc biệt của các thiết chế nông thôn Nga"), xuất bản thành 3 phần vào những năm 1847-1852 ở Han-nô-vơ và Béc-lin. – 760.
- 455 Đây muốn nói tới các tác phẩm sau đây của Mau-rơ: "Geschichte der Markenverfassung in Deutschland". Erlangen. 1856 ("Lịch sử chế độ công xã Mác-cơ ở Đức". Ec-lan-nghen. 1856). "Geschichte der Fronhöfe, der Bauerhöfe und der Hofverfassung in Deutschland". Bd, t.4, Erlanghen, 1862-1863 ("Lịch sử các hộ địa chủ, hộ nông dân và chế độ nông hộ ở Đức". Tập 1-4 Éc-lan-nghen, 1862-1863). "Geschichte der Dorfverfassung in Deutschland". Bd I - II. Erlangen. 1865-1866 ("Lịch sử chế độ nông thôn ở Đức". Tập I-II, Éc-lan-nghen, 1865-1866). – 761.
- 456 "*Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuê-n*" - tác phẩm công kích mang tính chiến đấu do Mác viết vào cuối tháng Mười, đầu tháng Mười một 1852, trong đó ông nghiêm khắc lên án những biện pháp đê hèn mà nhà nước Phổ theo chế độ cảnh sát đã áp dụng để chống lại phong trào cộng sản và công nhân (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t8, tr.539-625). Lần xuất bản thứ nhất ra đời tháng Giêng 1853 ở Ba-lơ (Thụy Sĩ), nhưng hầu như toàn bộ số lượng ấn hành (gồm 2000 bản) đã bị cảnh sát tịch thu khi người ta đang tìm cách chuyển chúng sang Đức. Ở Mỹ ban đầu tác phẩm được đăng từng phần trên tờ báo dân chủ ở Bô-xtơn "Neue - England Zeitung" ("Báo nước Anh mới"), đến cuối tháng Tư 1853 Nhà xuất bản của báo này đã in thành sách riêng. Sách xuất bản lần này ở Mỹ cũng không thể đem lưu hành rộng rãi ở Đức. Năm 1874, tác phẩm "*Vạch trần vụ án những*

người cộng sản ở Khuên" đã được in lại đầy đủ trên 30 số của tờ "Volksstaat" từ ngày 28 tháng Mười đến ngày 18 tháng Chạp. Khác với sách xuất bản năm 1853 không đề tên tác giả, lần này đã chỉ rõ Mác là tác giả. Cùng lúc đó, để chuẩn bị xuất bản sách riêng, ngày 29 tháng Mười 1874, Líp-nếch đã đề nghị Mác viết lời tựa cho cuốn sách. Ngày 8 tháng Giêng 1875, Mác đã viết "Lời bạt" này; mới đầu nó được công bố trên tờ "Volksstaat" số 10, ra ngày 7 tháng Giêng 1875, về sau lời bạt này được đưa vào lần xuất bản thứ hai tác phẩm: K.Marx, "Enthüllungen Über den Kommunisten - Prozess zu Köln". Leipzig, 1875. – 768.

457 Như sau này đã sáng tỏ, trong trường hợp này Mác đã có sự nhầm lẫn. Những tài liệu mà lúc bấy giờ Mác chưa được biết đến, trong đó có thư của chính Hét-xơ gửi I.Vây-đơ-may-ơ ngày 21 tháng Bảy 1850, đã chứng minh tác giả cuốn "Cẩm nang đỏ" là M.Hét-xơ. - 768.

458 Về bài báo của Hiéc-sơ, xem trong các tác phẩm của Mác "Lời tựa thứ của Hiéc-sơ" và "Ngài Phô-gơ" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội. 1993, t.9, tr.57-61, và t.14, tr.859 và các trang khác). – 768.

459 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.14, tr.541. – 770.

460 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.8, tr. 624-625. – 772.

461 *Duy-pen* (tên Đan Mạch là Đuy-p-bôn) - thành lũy của Đan Mạch ở Slê-dơ-vích bị quân đội Phổ tấn công đánh chiếm ngày 18 tháng Tư 1864 trong thời kỳ chiến tranh của Phổ và Áo chống Đan Mạch.

Thành ngữ "Duy-pen nội địa" ("Düppel im Innern") dùng để biểu đạt ý nghĩa "kẻ thù bên trong" trong bài điểm tình hình chính trị trên tờ "Norddeutsche Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông Bắc Đức") số ra ngày 30 tháng Chín 1864, cơ quan ngôn luận của Bít-xmác, và sau đó thành ngữ này được sử dụng rộng rãi. – 772.

462 Bài báo này ghi lại lời phát biểu của Mác và Ăng-ghe-nen tại phiên họp trọng thể ngày 23 tháng Giêng 1875 ở Luân Đôn nhân dịp kỷ niệm lần thứ 12 cuộc khởi nghĩa Ba Lan trong những năm 1863-1864; Ăng-ghe-nen đã viết bài báo này cho tờ

"Volksstaat". Cuộc họp diễn ra dưới sự chủ tọa của V.Vru-blop-xki, tham gia và phát biểu tại cuộc họp có các đại diện của bộ phận tiên tiến nhất trong số những người dân chủ - cách mạng lưu vong Ba Lan, Nga, Đức, Pháp, và những nước khác. Trong số họ có những người đã tham gia Công xã Pa-ri như L.Phran-ken, Lít-xa-ga-rê v.v.. Bản tường trình phiên họp đăng ngày 30 tháng Giêng 1875 trên các trang của tờ tạp chí Ba Lan "Wici" ("Triệu tập dân quân") xuất bản ở Xuy-rích, sau đó lại được đăng trên tờ báo tự do Ba Lan "Dziennik Polski" ("Báo Ba Lan") xuất bản ở Lơ-vốp. Ngày 15 tháng Hai, bản tường trình này được đăng trên tờ báo Nga "Tiến lên!", trong đó nêu rõ rằng diễn văn của Ăng-ghe-nen, tiếp sau Mác, được trình bày bằng tiếng Anh. – 773.

463 Tỉnh Vơ-ni-dơ của I-ta-li-a, trong những năm 1799-1805 và từ năm 1814 đến năm 1866 nằm trong Đế chế Áo, liên tục là lò lửa của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a chống lại ách thống trị của Áo. – 774.

464 Như đã rõ qua bản tường trình trên tờ "Tiến lên!", tại cuộc họp ngày 23 tháng Giêng, thư ký ban biên tập tờ "Tiến lên!" V.Xmiéc-nốp đã phát biểu, nêu bật sự giống nhau về lợi ích của giai cấp công nhân Nga và Ba Lan và nhân danh những nhà cách mạng Nga tuyên bố rằng mỗi người cách mạng Nga đều sẵn sàng "đúng vào hàng ngũ những người Ba Lan giành lấy tự do xã hội cho nhân dân Ba Lan, một khi giờ phút cách mạng sẽ điểm". Ngoài ra còn có Xô-lô-vi-ốp, một người lưu vong Nga, phát biểu, báo trước việc câu kết có thể có giữa đảng địa chủ tự do và Chính phủ Nga hoàng. – 775.

465 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16. tr.22. – 775.

466 Hiện còn giữ được bức thư của V.Xmiéc-nốp gửi cho Mác vào tháng Hai 1875 thông báo rằng ông đang chuẩn bị cho tờ "Tiến lên!" bản tường trình về cuộc họp ở Ba Lan. Là một trong số những người có mặt tại cuộc họp, Xmiéc-nốp đã nghe thấy Mác nói những lời sau đây: "Vì vậy, cần phải tuyên truyền trong nhân dân Ba Lan những nguyên tắc của Hội liên hiệp công nhân quốc tế". Vì trong các bản tường trình trên báo chí Ba Lan không có những lời này, nên Xmiéc-nốp đề nghị Mác xác nhận xem có đúng là ông đã nói những lời này hay không. Câu trả lời của Mác không được lưu giữ tới ngày nay, nhưng trong bản tường trình của tờ "Tiến lên!" có ghi lại những lời này. – 777.

467 Bài báo này Ăng-ghe-nen viết trong lúc mối nguy của cuộc chiến tranh 1875 lên đến cực điểm, trong đó nước Đức của Bít-xmác là kẻ gây ra mối nguy đó khi chuẩn bị một cuộc đại phá mới vào nước Pháp. Như đã rõ, sự can thiệp quyết liệt của giới ngoại giao Nga đã ngăn chặn được vào thời điểm đó sự gây chiến ở châu Âu. Coi trọng ý nghĩa to lớn của bài báo của Ăng-ghe-nen, trong đó phê phán chủ nghĩa quân phiệt Đức, xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa quốc tế vô sản, ban biên tập báo "Volksstaat" dự định xuất bản bài này thành sách riêng, song ý định đó không thực hiện được.

Bài báo được đăng trên tờ "Volksstaat" số 46, ra ngày 23 tháng Tư 1875. – 778.

468 Ở đây Ăng-ghe-nen nêu rõ thực chất của luật lan-đơ-stuốc ban hành ngày 12 tháng Hai 1875 là sự phát triển tiếp theo các điều khoản của luật ban hành ngày 9 tháng Mười một 1867 (xem chú thích 407) và quy định trong trường hợp cần thiết sẽ bổ sung vào lan-ve lực lượng dự bị nằm trong số những người gia nhập lan-đơ-stuốc. – 778.

469 Ngày 12 tháng Hai 1875, Quốc hội Pháp đã tán thành bản dự thảo luật về tổ chức cán bộ và quân số của quân đội thường trực và bộ đội địa phương. Theo luật này, quân số của trung đoàn tăng lên từ 3 đến 4 tiểu đoàn, còn quân số trong toàn quân đội tăng tương ứng 144 nghìn người. – 779.

470 Đây là nói về đội quân Lu-a-xa do Chính phủ Pháp thành lập mùa thu 1870, bao gồm chủ yếu là tân binh. – 782.

471 *Đội hậu bị thay thế* trong quân đội Phổ, căn cứ vào bộ luật ban hành ngày 2 tháng Năm 1874, là tên gọi bộ phận quân dự bị bao gồm những người ở tuổi nhập ngũ mà trong thời bình do một nguyên nhân nào đó được hoãn việc phục vụ trong quân ngũ; đội hậu bị thay thế với thời hạn phục vụ trong đó là 12 năm được sử dụng để bổ sung quân số cho quân đội trong thời kỳ động binh. – 784.

472 Lời tuyên bố này do thiếu tướng Phoi-ơ Rét-sơ đưa ra trong diễn văn đọc tại quốc hội ngày 11 tháng Giêng 1875. – 785

473 Bản thảo "Bút ký về nước Đức" ("Varia Über Deutschland") thể hiện sự nghiên cứu sâu sắc của Ăng-ghe-nen về quá khứ lịch sử của dân tộc Đức nhân việc ông định viết một tác phẩm về lịch sử nước Đức. Nhiều lần trở về với những vấn

đề lịch sử Đức, trong hai năm 1873-1874, Ăng-ghe-nen đã miệt mài nghiên cứu những vấn đề ấy. Ông đã viết cho V.Líp-nếch về công việc đó của mình ngày 27 tháng Giêng 1874: "Tôi muốn viết cho tờ "Volksstaat" đôi điều về nước Đức, thế nhưng do việc ấy mà tôi đã phải vùi đầu vào những khảo cứu kinh tế và thống kê đến mức có lẽ sẽ viết thành một cuốn sách nhỏ nếu không phải là một quyển sách hoàn chỉnh". Ý định này đã không thực hiện được đến cùng; xét theo những tài liệu sơ bộ. Ăng-ghe-nen định trình bày tiến trình lịch sử Đức cho đến những sự kiện xảy ra trong thời của ông, đến năm 1873, trong đó dừng lại một cách chi tiết hơn ở lịch sử nước Đức từ thời kỳ cách mạng Pháp. Giai đoạn từ cuối thời kỳ Trung cổ đến năm 1789 dự định trình bày trong phần dẫn luận chi tiết. Bản thảo của Ăng-ghe-nen in trong tập này là dàn bài của phần dẫn luận đó và là lược thảo tóm tắt phần thứ nhất, xuyên suốt thời kỳ từ năm 1789 đến năm 1815.

Ngoài ra, trong tập này còn in một đoạn rút từ bản thảo thứ hai "Bút ký về nước Đức" có nội dung gần với dàn bài của phần dẫn luận. Bản thảo thứ hai này bao gồm những đoạn tách biệt.

"Bút ký về nước Đức" được in đầy đủ hơn cùng với những bản thảo khác của Ăng-ghe-nen về lịch sử nước Đức trong "Tài liệu lưu trữ của Mác và Ăng-ghe-nen", t. X, 1948. – 797.

474 Việc Mác tiến hành tóm tắt nội dung cuốn sách của Ba-cu-nin "Thế chế nhà nước và tình trạng vô chính phủ" gắn liền với cuộc đấu tranh chính trị - tư tưởng của những người theo Mác và Ăng-ghe-nen chống lại chủ nghĩa vô chính phủ; cuộc đấu tranh này còn tiếp tục cả khi bè lũ Ba-cu-nin bị đánh bại về mặt tư tưởng và tổ chức tại Đại hội La Hay.

Bản tóm tắt của Mác là một tác phẩm luận chiến và phê phán đặc thù, trong đó việc phơi bày quan điểm của Ba-cu-nin, nhà tư tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ, kẻ thù chủ yếu lúc bấy giờ của chủ nghĩa Mác, được kết hợp với sự phê phán sâu sắc học thuyết vô chính phủ và với sự phát triển - theo hướng đối lập với học thuyết này - những luận điểm vô cùng quan trọng của chủ nghĩa cộng sản khoa học: về nhà nước, về chuyên chính vô sản và liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân; những luận điểm này được Mác trình bày trong hàng loạt đoạn bổ sung của ông vào bản thảo tóm tắt. Mác đã tiến hành tóm tắt ngay sau khi phát hành cuốn sách của Ba-cu-nin, được xuất bản ở Gio-ne-ơ năm 1873

và được các nhóm theo Ba-cu-nin tiếp nhận như một tác phẩm mang tính chất cương lĩnh.

Bản tóm tắt cuốn sách của Ba-cu-nin nằm trong tập bản thảo dày của Mác có nhan đề là "Russica II. 1875", bao gồm những bản tóm tắt một loạt tác phẩm của các tác giả Nga. Bản thảo "Tóm tắt" gồm 24 trang khổ lớn. Nội dung cuốn sách của Ba-cu-nin được Mác đưa ra một phần dưới dạng trích dẫn bằng tiếng Nga. một phần dưới hình thức trình bày rất cô đọng bằng tiếng Đức. Việc trình bày nội dung cuốn sách của Ba-cu-nin và trích dẫn một số đoạn được thực hiện xen kẽ với những nhận xét ngắn gọn của Mác và những đoạn bổ sung chi tiết hơn của tác giả.

Trong tập này, tất cả những chỗ ghi lại nguyên văn hay gần đúng văn bản cuốn sách của Ba-cu-nin đều được in bằng cỡ chữ nhỏ. Những nhận xét của bản thân Mác được in theo cỡ chữ trung bình. Trong khi dịch ngược trở lại sang tiếng Nga các đoạn trích dẫn, thì văn bản được dẫn theo cuốn sách của Ba-cu-nin và vẫn giữ nguyên những sửa đổi mà Mác đưa vào khi dịch ra tiếng Đức. Những đoạn Mác trích bằng tiếng Nga được đặt trong dấu ngoặc kép thường: ". ". Những đoạn Mác trích trong bản dịch tiếng Đức thì đặt trong dấu ngoặc kép đặt chéo. – 807.

475 Tại phiên họp của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế ngày 2 tháng Tư 1872, thư ký thông tin viên phụ trách khu vực Ai-rơ-len Mác-Đôn-nen đã thông báo về việc cảnh sát truy nã các chi hội Ai-rơ-len. Theo đề nghị của Mác, một uỷ ban bao gồm Mác, Mác-Đô-nen và Min-nơ đã được bầu ra và được giao nhiệm vụ soạn thảo một bức thư đặc biệt nhân việc này. Ngày 9 tháng Tư, Mác-Đôn-nen thay mặt uỷ ban trình lên Tổng Hội đồng bản tuyên bố về hành động khủng bố của cảnh sát ở Ai-rơ-len. Sau khi thảo luận về ích lợi của việc công bố bản tuyên bố này, mọi người đã tán thành toàn văn bản tuyên bố và theo đề nghị của Ăng-ghen đã quyết định in dưới dạng truyền đơn thành 1 000 bản để lưu hành ở Ai-rơ-len.

Toàn văn bản tuyên bố còn được đăng trên tờ báo Tây Ban Nha "Emancipacion" cùng với bài xã luận mở đầu, trong đó có dẫn ra thông báo của Mác-Đô-nen ngày 2 tháng Tư 1872. – 877.

476 Đây muốn nói tới lâu đài Đu-blin do những kẻ đi chinh phục người Anh dựng

lên vào thế kỷ XIII như một cứ điểm của cuộc chiến đấu với nhân dân Ai-rơ-len. Lâu đài này, dinh thự của bọn cầm quyền Anh ở Ai-rơ-len là hiện thân của ách thống trị và bạo lực của thực dân Anh đối với nhân dân Ai-rơ-len. – 878.

477 Tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 12 tháng Ba 1872. Ăng-ghen tuyên bố phản đối việc Hây-dơ, khi đăng trên tờ "Eastern Post" các bài tường trình về những phiên họp của Hội đồng có kèm theo chữ ký của mình với tư cách là thư ký, đã sửa lại những bài phát biểu của các uỷ viên Hội đồng "theo phong cách của mình". Đặc biệt ở đây là nói về bài phát biểu của Ăng-ghen ngày 5 tháng Ba đã đăng trên tờ "Eastern Post" ngày 9 tháng Ba 1872.

Thông báo của Ăng-ghen về tình hình các chi hội Quốc tế ở I-ta-li-a là dựa trên những sự kiện mà V.Rét-gi-xơ đã trình bày trong thư gửi Ăng-ghen ngày 1 tháng Ba 1872. – 880.

478 Trong thông báo gửi Tổng Hội đồng này, Ăng-ghen cho Hội đồng biết bức thư của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha viết ngày 15 tháng Ba nhân dịp chuẩn bị đại hội thường kỳ của liên chi hội. Bản thảo thư trả lời của Ăng-ghen được in trong tập này, tr.80-81. Do trong thư có bày tỏ đề nghị gửi đến đại hội lời chào mừng. Ăng-ghen đã thay mặt Tổng Hội đồng và Hội đồng liên chi hội Anh viết lời chào mừng (xem tập này, tr.87-89) và tổ chức cho chi hội mang tên Phe-re thay mặt toàn thể các chi hội Pháp gửi thư chào mừng đại hội. – 882.

479 Bản thông báo này của Ăng-ghen về tình hình các chi hội của Quốc tế ở Tây Ban Nha cho đến thời điểm triệu tập Đại hội Xa-ra-gốt (từ ngày 4 đến ngày 11 tháng Tư 1872) là dựa trên những tư liệu mà La-phác-gơ gửi đến cho ông. Thời gian này La-phác-gơ phải đấu tranh căng thẳng với ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ trong Liên chi hội Tây Ban Nha. Tuy nhiên, trong thư gửi Líp-nếch ngày 22 tháng Năm 1872 Ăng-ghen chỉ ra rằng thông báo mà ông nhận được của La-phác-gơ về thắng lợi đối với Đồng minh trong Liên chi hội Tây Ban Nha "dù sao cũng hơi phóng đại", vì thế ông đề nghị không công bố thông báo này. – 884.

480 Đại hội của các hội công nhân, chủ yếu là các hội tương trợ, chịu ảnh hưởng của các nhóm tư sản tự do (cái gọi là "những người ôn hoà") được triệu tập ở Rô-ma ngày 17 tháng Tư 1872. Những người tổ chức đại hội - các quan chức chính phủ và các nhà hoạt động chính trị tự do - mưu toan sử dụng đại hội để củng cố ảnh hưởng của mình và cản trở việc truyền bá trong công nhân những

tư tưởng của Quốc tế. Tham vọng của những người tham gia đại hội muốn đại diện cho công nhân toàn I-ta-li-a đã gây ra sự chống đối kịch liệt từ phía các tổ chức công nhân ở Rô-ma đang tìm mọi cách triệu tập một đại hội công nhân thực sự của mình. Nhưng do sự truy nã của cảnh sát, họ chỉ tổ chức được một cuộc mít-tinh phản đối ngày 21 tháng Tư 1872; tại cuộc mít-tinh, theo đề nghị của uỷ viên Quốc tế Lu-tri-a-ni, đã thông qua nghị quyết kiên quyết phản đối âm mưu của giai cấp tư sản mưu toan lên tiếng nhân danh giai cấp công nhân. – 887.

481 Lý do phát biểu của Mác tại phiên họp của Đại hội La Hay nhằm bảo vệ giấy uỷ nhiệm của thành viên Liên chi hội Anh Man-tơ-man Ba-ri, là do việc một số đại biểu Anh đại diện cho bộ phận cải lương trong Hội đồng liên chi hội Anh đã bác bỏ tính hợp pháp của giấy uỷ nhiệm chính đáng này lấy cớ là Ba-ri "không phải là người lãnh đạo được công nhận của công nhân". Cuộc đấu tranh xung quanh giấy uỷ nhiệm của Ba-ri đã phản ánh một cách khách quan cuộc đấu tranh đang diễn ra trong phong trào công nhân Anh nói chung giữa các đại diện của phái công liên tự do và những người đại diện cho phong trào công nhân đang cố giành lấy sự độc lập của phong trào đối với ảnh hưởng của giai cấp tư sản. Bài phát biểu được nhiều người biết đến của Mác đã gây ra sự công kích điên cuồng của những phần tử cải lương chủ nghĩa và các thủ lĩnh phái công liên.

Các bài diễn văn của Mác và Ăng-ghe-n tại Đại hội La Hay của Quốc tế năm 1872 được ghi lại trong các biên bản của Đại hội, do Ph. A. Doóc-gơ, một trong những thư ký của đại hội ghi bằng tiếng Đức. Khi trở về Niu Ốc sau đại hội, Doóc-gơ mang theo những biên bản gốc; đầu tháng Mười 1872, ông gửi cho Mác và Ăng-ghe-n theo đề nghị của hai ông - bản sao toàn văn những biên bản này, do T.Cu-nô chép lại và được Cu-nô và Doóc-gơ chứng nhận. Ảnh chụp bản sao này trước đây nằm trong kho lưu trữ của Đảng xã hội - dân chủ Đức, hiện giờ nằm dưới quyền sử dụng của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (trước đây). Năm 1958, trong sách xuất bản của trường Đại học tổng hợp Vi-xcôn-xin (thành phố Ma-đi-xơn, Mỹ) có in bản féc-xi-mi-lê và bản dịch ra tiếng Anh một bản sao khác cùng những biên bản nói trên, do một người nào đó thực hiện và chưa được chứng thực; bản sao thứ hai này, được tìm thấy trong số giấy tờ của nhà dân chủ - xã hội

Đức sống lưu vong ở Mỹ là Héc-man Sliu-tơ. Hiện còn chưa rõ nơi lưu giữ những biên bản gốc ở đâu.

Diễn văn của Mác và Ăng-ghe-n tại Đại hội La Hay in trong tập này, được in lại theo bản sao các biên bản đã được chứng thực và đáng tin cậy hơn cả. – 891.

482 Bài phát biểu này của Mác liên quan đến việc thảo luận tính hợp pháp của giấy uỷ nhiệm của N. Giu-cốp-xki, người được chi hội tuyên truyền và hành động cách mạng xã hội chủ nghĩa - chi hội này không được Tổng Hội đồng chấp thuận cho gia nhập Quốc tế - cử làm đại biểu đại hội (xem tập này, tr.208-211).

Phần kết thúc bài phát biểu của Mác là câu trả lời đối với đại biểu của Bỉ là Bri-xme, người đã phản đối việc những người lưu vong Pháp thành lập các chi hội độc lập, đặc biệt ở Bruy-xen, là những chi hội không nằm trong các chi hội địa phương. – 892.

483 Trong bài phát biểu của mình về tính hợp pháp của giấy uỷ nhiệm của Oét-xtơ thuộc chi hội số 12, Mác đã vạch trần đến cùng âm mưu của những phần tử cải lương tư sản và tiểu tư sản ở Mỹ định lợi dụng tên tuổi và tổ chức của Quốc tế vào mục đích của mình và giáng lấy quyền lãnh đạo phong trào công nhân (xem tập này, tr. 207-209). – 894.

484 Nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 26 tháng Giêng 1873, cũng như hai nghị quyết công bố ở bên dưới - thông qua ngày 30 tháng Năm 1873 - đều căn cứ vào những đề nghị được nêu trong các bức thư của Mác và Ăng-ghe-n gửi các uỷ viên Hội đồng và trong bức thư chính thức của Ăng-ghe-n gửi Tổng Hội đồng (xem tập này, tr.429-432).

Những luận điểm quan trọng nhất trong các nghị quyết ấy hoàn toàn phù hợp với những đề nghị mà Mác và Ăng-ghe-n đưa ra. - 905.

485 Bức thư gửi các vị đại biểu Đại hội Gio-ne-vơ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế là do Ăng-ghe-n viết ngày 3 tháng Chín 1873 sau khi đã bàn bạc nhất trí với Mác và Xê-rai-ơ.

Ngay từ cuối tháng Tám, trên cơ sở những thông báo của các liên chi hội và các chi hội cơ sở thuộc Quốc tế, Mác và Ăng-ghe-n đã biết rằng đại hội thường kỳ của Quốc tế, theo quyết định của Đại hội La Hay năm 1872 phải diễn ra ở

Thụy Sĩ, sẽ không mang tính quốc tế nữa. Do tình hình trên, Mác và Ăng-ghen đã đi đến thống nhất ý kiến rằng sự có mặt của đại diện Tổng Hội đồng tại đại hội sắp tới là không có lợi và hai ông đã thuyết phục được Héc-nét và Xê-rai-ơ từ chối không đi Giơ-ne-vơ.

Thư này được lưu giữ dưới dạng bản viết tay do chính Ăng-ghen viết. – 910.

486 Đây muốn nói tới bản báo cáo của Tổng Hội đồng và những văn kiện khác dành cho đại hội. Trong chương trình nghị sự của đại hội bao gồm những vấn đề xem xét lại bản Điều lệ; về hiệp hội quốc tế của các công hội; về cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân; về việc tổng thống kê công nhân. Đại hội khai mạc tại Giơ-ne-vơ ngày 8 tháng Chín 1873. Gần hai phần ba số đại biểu là đại diện cho các chi hội Thụy Sĩ, chủ yếu là các chi hội Giơ-ne-vơ. Đại hội diễn ra dưới sự điều khiển của I.Ph.Béch-cơ và đã nghe báo cáo của Tổng Hội đồng và của các cơ sở, Đại hội Giơ-ne-vơ năm 1873 là đại hội cuối cùng của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. – 912.

## THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN (Tháng Ba 1872 - tháng Ba 1875)

**1872**

*Tháng Ba - tháng Tám*

Mác và Ăng-ghen bảo vệ những nguyên tắc tính chất cương lĩnh và tổ chức của Quốc tế trong cuộc đấu tranh chống phái vô chính phủ và những phân tử tiểu tư sản khác, khi hai ông tiến hành chuẩn bị đại hội thường kỳ của Quốc tế: hai ông liên lạc bằng thư với các chi hội của Quốc tế và một số nhà hoạt động của phong trào công nhân. Ăng-ghen quan tâm đặc biệt đến Tây Ban Nha, căn cứ điểm chủ yếu của cuộc đấu tranh chống lại tổ chức bí mật của bè lũ Ba-cu-nin- Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa: ông trao đổi thư từ đều đặn với nhà xã hội chủ nghĩa Pháp P.La-phác-gơ ở Ma-đrít, nhận từ La-phác-gơ những thông tin chi tiết về hoạt động của các chi hội Tây Ban Nha, đồng thời thông qua ông mà Ăng-ghen chỉ đạo cuộc đấu tranh chống bọn Ba-cu-nin: Ăng-ghen thường xuyên thông báo cho Tổng Hội đồng về tình hình của Quốc tế ở Tây Ban Nha.

Mác tập trung căng thẳng vào việc sửa bản in tập I bộ "Tư bản" xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức; đồng thời ông làm nhiều việc để chuẩn bị xuất bản bằng tiếng Pháp tập I bộ "Tư bản". Trong lần xuất bản thứ hai bằng tiếng



Đức. Mác thay đổi về căn bản kết cấu của tập này so với

lần xuất bản thứ nhất, làm rõ thêm tên gọi các phần riêng biệt trong cuốn sách, phân tích một cách chi tiết hơn và có tính khoa học chặt chẽ về giá trị và về những hình thái của giá trị, làm sáng tỏ và phát triển một loạt luận điểm trong những chương khác

*Đầu tháng Ba*  
*- đầu tháng Năm*

Để trả lời yêu cầu của O.Đuy-pông, người lãnh đạo chi hội Quốc tế ở Man-se-xtơ, xin Mác cho biết ý kiến nhân cuộc thảo luận về việc quốc hữu hoá ruộng đất tiến hành trong chi hội, Mác đã cho những nhận xét tỉ mỉ về vấn đề này. Bản viết tay do Mác gửi đến đã được Duy-pông đọc tại phiên họp của chi hội này ngày 8 tháng Năm và được đăng không ghi tên tác giả, trên tờ "The International Herald" ("Người đưa tin quốc tế") - cơ quan ngôn luận của Liên chi hội Anh của Quốc tế - ngày 15 tháng Sáu.

*5 tháng Ba*

Mác trình lên Tổng Hội đồng bản thông tri ông viết cùng với Ăng-ghen nhan đề "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế" - trong đó vạch trần thực chất của chủ nghĩa Ba-cu-nin là chủ nghĩa bè phái tiểu tư sản, không dung nạp với phong trào công nhân: Hội đồng đã nhất trí thông qua nghị quyết công bố bản thông tri, Mác báo cáo về sự chia rẽ trong chi hội Bắc Mỹ bắt nguồn từ âm mưu của các phần tử tư sản mưu toan giành lấy quyền lãnh đạo Quốc tế ở Mỹ vào tay mình; cũng tại phiên họp này đã thông qua một phần các nghị quyết mà Mác viết về vấn đề này.

*7 tháng Ba*

Trong bức thư gửi uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Đan Mạch L.Pi-ô. Ăng-ghen đã giải thích ý nghĩa của cuộc đấu tranh chống lại bè lũ Ba-cu-nin đang diễn ra trong Quốc tế; ông yêu cầu đưa ra thông qua tại Hội đồng Liên chi hội các nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn năm 1871.

*10-19 tháng*  
*Ba*

Ăng-ghen, với tư cách là thư ký - thông tin viên của Tổng Hội đồng, đã đặt quan hệ với Liên chi hội Bồ Đào Nha của Quốc tế; sau đó ông nhận được những thông báo tỉ mỉ về hoạt động của các chi hội ở Bồ Đào Nha.

*12 tháng Ba*

Nhân việc G.Lơ-phơ-răng-xe, cựu chiến sĩ Công xã Pa-ri, nhắc đến trong cuốn sách của mình "Kỷ sự về phong trào Công xã ở Pa-ri năm 1871", một tài liệu giả của cảnh sát có nội dung chống lại Mác và Tổng Hội đồng. Mác đã viết một thư ngỏ gửi báo "La Liberté" ("Tự do"), cơ quan ngôn luận của chi hội Bỉ. Bức thư được công bố ngày 17 tháng Ba.

Theo đề nghị của Mác, tại phiên họp của Tổng Hội đồng đã thông qua phần thứ hai các nghị quyết về sự chia rẽ trong Liên chi hội Bắc Mỹ. Mác đã gửi đến Niu Oóc cho chủ tịch Hội đồng Liên chi hội lâm thời Ph. A.Doóc-gơ những bản nghị quyết chỉ ra sự cần thiết phải loại trừ những phần tử cải lương tư sản ra khỏi Quốc tế và nhân dịp này khai trừ chi hội số 12 ở Niu Oóc; các nghị quyết được đăng trên tờ "La Emancipacion" ("Giải phóng"), cơ quan ngôn luận của Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha của Quốc tế, ngày

6 tháng Tư và trên tờ "Der Volksstaat" ("Nhà nước nhân dân"), cơ quan ngôn luận của Đảng công nhân xã hội dân chủ Đức, ngày 8 tháng Năm. Tại phiên họp này Mác đã đọc bức thư gửi từ Niu Di-lơn trả lời bức thư của ông trong đó thông báo về việc thành lập chi hội ở Ken-tơ-be-ri. Mác được ghi tên vào sổ các diễn giả sẽ phát biểu tại cuộc mít-tinh tổ chức vào ngày 18 tháng Ba ở Luân Đôn nhân kỷ niệm lần thứ nhất Công xã Pa-ri. Ăng-ghen thông báo về tình hình của Quốc tế ở Tây Ban Nha và I-ta-li-a. Thông báo này đã được công bố trong bản tường trình về phiên họp của Hội đồng trên tờ báo công nhân "The Eastern Post" ("Bưu điện I-xtơ - Ên-đơ") ngày 17 tháng Ba.

*Giữa 13 và 18  
tháng ba*

Mác viết dự thảo nghị quyết của cuộc mít-tinh kỷ niệm lần thứ nhất Công xã Pa-ri, trong đó ông nhận định Công xã là "bình minh của cuộc cách mạng xã hội vĩ đại". Các nghị quyết được nhất trí thông qua ngày 18 tháng Ba tại cuộc mít-tinh của các uỷ viên Quốc tế ở Luân Đôn và các chiến sĩ Công xã lưu vong đã được công bố, không ghi tên tác giả, trong bài tường thuật về cuộc mít-tinh trên tờ "Eastern Post" ngày 23 tháng Ba và tờ "International Herald" ngày 30 tháng Ba.

*Nửa cuối  
tháng Ba -  
đầu tháng  
Năm*

Ăng-ghen nhận được thông báo của thư ký - thông tin viên về khu vực Ai-rơ-len Đ.P. Mác-Đô-nen về việc thành lập các chi hội Ai-rơ-len ở Đu-blin, Coóc-cơ, Brết-phoóc-dơ và ở những thành phố khác và về phong trào

bãi công ở Coóc-cơ, ông thường gặp gỡ Mác-Đô-nen, thảo luận với ông này những vấn đề về hoạt động của các chi hội Ai-rơ-len.

Mác từ chối đề nghị dai dẳng của ông chủ bút tờ tạp chí tư sản Đức "Die Gegenwart" ("Thời nay") P.Lin-day về việc công tác với tạp chí.

*17 tháng Ba*

Trong thư gửi Doóc-gơ. Ăng-ghen đề nghị gửi cho ông các số báo "Woodhull and Claftin's Weekly" ("Tuần báo Vút-han và Cla-phlin") và "Le Socialiste" ("Người xã hội chủ nghĩa"), trong đó có đăng bản dịch tiếng Anh và tiếng Pháp "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"; mặc dù nhấn mạnh chất lượng chưa cao của các bản dịch, ông nêu rõ rằng dù sao cũng phải sử dụng chúng để đấu tranh chống lại sự tuyên truyền của Ba-cu-nin và Pru-đông.

*18 tháng Ba*

Mác viết cho M.La-sa-tơ-rơ, người đứng ra xuất bản bản dịch tiếng Pháp tập I bộ "Tư bản", một bức thư, trong đó ông tỏ ý tán thành sáng kiến cho in bộ "Tư bản" dịch ra tiếng Pháp thành từng tập định kỳ, vì dưới hình thức này bộ "Tư bản" sẽ dễ dàng đến với người công nhân hơn.

*19 tháng Ba*

Tại phiên họp của Tổng Hội đồng. Mác thông báo về việc cảnh sát truy nã các thành viên của Quốc tế ở Brê-xláp

(Vrốt-xlap). Ăng-ghen trình bày nội dung bức thư của chi hội Li-xbon thông báo những thành tích của chi hội và về việc xuất bản ở Li-xbon tờ "Et Pensamento

Social" ("Tư tưởng xã hội chủ nghĩa") nhằm truyền bá những nguyên tắc của Quốc tế.

*26 tháng Ba*

Ăng-ghen chủ tọa phiên họp của Tổng Hội đồng; ông thông báo nội dung báo cáo của Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha gửi Tổng Hội đồng cho biết hoạt động của Quốc tế ở Tây Ban Nha từ năm 1870. Nhân dịp đại hội thường kỳ của Liên chi hội Tây Ban Nha sắp khai mạc vào tháng Tư. Ăng-ghen được uỷ nhiệm thảo điện chào mừng. Bức điện đã được đăng trên tờ "Emancipacion" ngày 13 tháng Tư.

*27 tháng Ba*

Ở Nga phát hành tập I bộ "Tư bản", xuất bản lần thứ nhất bằng tiếng Nga. Đây là bản dịch đầu tiên của tác phẩm này ra tiếng nước ngoài; trong vòng 1 tháng rưỡi, đến ngày 15 tháng Năm, đã bán được 900 trong tổng số 3 000 cuốn.

Ăng-ghen viết thư cho Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha thông báo rằng Tổng Hội đồng, Hội đồng Liên chi hội Anh và chi hội Pháp mang tên Phe-re - một chiến sĩ Công xã đã hy sinh - sẽ gửi lời chào mừng đến đại hội sắp tới của Liên chi hội Tây Ban Nha họp ở Xa-ra-gốt, Ăng-ghen đề nghị đưa ra thông qua tại đại hội các nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn năm 1871.

*Tháng Tư -  
tháng Năm*

Trước tình hình cuộc đấu tranh trong liên chi hội Bắc Mỹ ngày càng gay gắt và trước nguy cơ các phần tử tư sản chiếm đoạt địa vị lãnh đạo liên chi hội, Mác đã chăm chú theo dõi tình hình của chi hội Quốc tế ở Mỹ, chỉ đạo cuộc đấu tranh của bộ phận vô sản chống lại những

phần tử cải lương tư sản và tiểu tư sản, đồng thời ông liên lạc bằng thư từ với Doóc-gơ, nhận từ nơi ông những thông báo chi tiết. Mác phát biểu tại các phiên họp của Tổng Hội đồng, làm sáng tỏ thực chất cuộc đấu tranh đang diễn ra trong liên chi hội, vạch trần lập trường lá mặt lá trái của G.Ếch-ca-ri-u-xơ, thư ký thông tin viên về các chi hội ở Mỹ, là kẻ trên thực tế đứng về phía chi hội Niu Ốc số 12 đã bị Tổng Hội đồng khai trừ ra khỏi Quốc tế.

*Đầu tháng Tư*

Mác nhận được của N.Ph.Da-ni-en-xơn, người dịch tập I bộ "Tư bản" ra tiếng Nga, một cuốn bằng tiếng Nga và một bức thư thông báo tin tức về N.G. Tréc-nư-sép-xki và về cựu uỷ viên Tổng Hội đồng G.A.Lô-pa-tin. Mác rất quan tâm đến số phận những người này.

Mác gửi cho O.Mây-xơ, nhà xuất bản người Đức, 42 tờ của bản thảo tập I bộ "Tư bản" đang chuẩn bị để xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức.

Mác chỉ thị cho S.Rô-sa, một thành viên Quốc tế bấy giờ đã chuyển sang cư trú ở Bỉ, về việc tổ chức hoạt động trong các chi hội Bỉ; về sau, ông thường xuyên trao đổi thư từ với Rô-sa, nhận ở nơi ông những thông tin chi tiết về hoạt động của Quốc tế ở Bỉ.

Ăng-ghen dịch ra tiếng I-ta-li-a bức thư V.Líp-nếch viết theo chỉ thị của ông để phản đối L.Xtê-pha-nô-ni, chủ bút tạp chí I-ta-li-a "II Libero Pensiero" ("Tư tưởng tự do"), một phần tử dân chủ tư sản, kẻ đã phát biểu vu khống Tổng Hội đồng; bức thư được gửi cho nhà hoạt động của phong trào công nhân I-ta-li-a C.Ca-phi-ê-rô và được công bố trên tờ báo dân chủ "Gazzettino Rosa" ngày 20 tháng Tư.

*2 tháng Tư*

Căn cứ vào những bức thư Líp-nếch gửi ngày 19, 28

và 30 tháng Ba. Mác thông báo cho Tổng Hội đồng về kết quả của vụ án ở Lai-pxích xứ V.Líp-nếch. A.Bê-ben và A.Héc-nét bị kết tội phản bội Tổ quốc; ông tham gia thảo luận bản thông báo của Mác-Đô nen về việc truy nã các chi hội của Quốc tế ở Ai-rơ-len. Tổng Hội đồng đã bầu Mác vào uỷ ban soạn thảo tuyên bố về việc này.

3 tháng Tư

Được sự uỷ nhiệm của Tổng Hội đồng, Ăng-ghen viết thư chào mừng gửi đại biểu đại hội Xa-ra-gốt ở Tây Ban Nha. Bức thư được đăng trên tờ "Emancipacion" ngày 13 tháng Tư và tờ "Volksstaat" ngày 4 tháng Năm.

9 tháng Tư

Do lâm bệnh, Mác không thể tham dự phiên họp của Tổng Hội đồng, Mác-Đô nen đọc bản tuyên bố "Hành động khủng bố của cảnh sát ở Ai-rơ-len" được viết với sự tham gia của Mác. Bản tuyên bố đã được Hội đồng thông qua và được in dưới dạng truyền đơn. Tổng Hội đồng cũng nhất trí thông qua quyết định xuất bản tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" theo bản dịch tiếng Pháp.

Theo đề nghị của Ăng-ghen, nhà cách mạng Ba Lan I-u Rô-dơ-va-đốp-xki được công nhận là uỷ viên Tổng Hội đồng đại diện cho chi hội Ba Lan ở Luân Đôn.

13 tháng Tư

Phần trích trong tác phẩm của Mác "Sự khôn cùng của triết học", có nhan đề "Lý luận đấu tranh giai cấp", được đăng trên tờ báo Tây Ban Nha "Emancipacion".

13-16 tháng Tư

Mác thay mặt Tổng Hội đồng viết bản tuyên bố nhân những lời phát biểu vu khống đối với Quốc tế của các nghị sĩ B.Cô-cren và G.Phô-xét. Bản tuyên bố đã được nhất trí thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 16 tháng Tư và được in thành truyền đơn và trên các cơ quan ngôn luận của Quốc tế ở Anh, Tây Ban

Nha và Bồ Đào Nha.

Giữa tháng Tư

Mác nhận được tin báo rằng ở Pháp và Anh, những thư từ của ông bị kiểm duyệt.

Nửa cuối tháng Tư - tháng Năm

Mác xem xét và chỉnh lý bản dịch tiếng Pháp tác phẩm của ông "Nội chiến ở Pháp" và trao đổi qua thư từ với thành viên của Quốc tế người Bỉ Ô.GLa-de Dơ Vin-brô-rơ về việc tổ chức trong quá trình xuất bản tác phẩm này ở Bỉ. "Nội chiến ở Pháp" phát hành ở Bruy-xen vào tháng Sáu với số lượng 2 000 bản

Nửa cuối tháng Tư - tháng Tám

Ăng-ghen nghiên cứu những tài liệu về hoạt động của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa bí mật ở Tây Ban Nha. Tài liệu này do La-phác-gơ và H. Mê-xa, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha, gửi đến cho ông.

16 tháng Tư

Trong thư gửi Hội công nhân Phe-ra-rơ, một tổ chức đã gia nhập Quốc tế. Ăng-ghen đã giải thích những nguyên tắc về tổ chức của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

20 tháng Tư

Ăng-ghen viết cho tờ báo xã hội chủ nghĩa ở I-ta-li-a "La "Plebe" ("Nhân dân") một bài về cuộc bãi công của công nhân nông nghiệp Anh. Bài báo mở đầu cho sự cộng tác thường xuyên của Ăng-ghen với tờ báo này. Bài báo đăng ngày 24 tháng Tư dưới tiêu đề "Thư từ Luân Đôn".

23 tháng Tư

Ăng-ghen chúc mừng Líp-nếch và Bê-ben về lời phát biểu kiên cường của hai ông trước toà án.

Ăng-ghen thông báo cho Tổng Hội đồng về việc nhà

cầm quyền  
I-ta-li-a ở Mi-ta-nô bắt giữ trái phép nhà xã hội chủ nghĩa T.Cu-nô và trục xuất ông đến Ba-vi-e: Ăng-ghen coi sự kiện này là hành động cấu kết giữa các chính phủ phản động chống lại Quốc tế.

*Cuối tháng Tư* Trong thư gửi Pi-ô, Ăng-ghen nhấn mạnh ý nghĩa to lớn của vấn đề thu hút tầng lớp tiểu nông và những người nông dân không có ruộng đất vào phong trào công nhân.

*Cuối tháng Tư - tháng Năm* Mác dành nhiều thời gian vào việc chỉnh lý bản dịch tiếng Pháp tập I bộ "Tư bản", đồng thời sửa lại bản in tiếng Đức xuất bản lần thứ hai.

*Nửa đầu tháng Năm* Nhân định viết một tác phẩm chống lại âm mưu truyền bá những tư tưởng của Pru-đông trong phong trào công nhân Đức, Ăng-ghen đã đọc lại cuốn sách của Pru-đông "Tư tưởng chung của cách mạng thế kỷ XIX".

*7 tháng Năm* Do bị ốm, Mác đã vắng mặt tại phiên họp của Tổng Hội đồng, Ăng-ghen thông báo kết quả đại hội Xa-ra-gốt của Liên chi hội Tây Ban Nha, bản thông báo này đã được đăng trên tờ "Eastern Post" ra ngày 12 tháng Năm; đồng thời ông thông báo về việc hội Phéc-ra-ro ở I-ta-li-a công nhận bản Điều lệ của Quốc tế; theo đề nghị của Ăng-ghen, hội này được công nhận là một chi hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Ăng-ghen gửi bài báo của La-phác-gơ viết về mưu kế ngấm ngầm của bọn Ba-cu-nin ở Tây Ban Nha - đã đăng trên tờ "Emancipacion" - cho Líp-nếch nhằm công bố bài này trên tờ "Volksstaat". Ông cũng khuyên

nên công bố các bản tin của La-phác-gơ về đại hội Xa-ra-gốt của Liên chi hội Tây Ban Nha đã được in trên tờ "Liberté".

*7-8 tháng Năm* Trong thư gửi Cu-nô ở Xê-ren (Bỉ), Ăng-ghen thông báo về những âm mưu của bọn Ba-cu-nin ở Tây Ban Nha và I-ta-li-a và khuyên ông nên tích cực tuyên truyền chống chủ nghĩa Ba-cu-nin; Ăng-ghen còn gửi cho Cu-nô địa chỉ liên lạc với các thành viên của Quốc tế và viện trợ tài chính cho ông.

*14 tháng Năm* Tại phiên họp của Tổng Hội đồng, Ăng-ghen đã tham gia thảo luận vấn đề về mối quan hệ qua lại giữa các chi hội Ai-rơ-len ở Anh và Hội đồng Liên chi hội Anh; ông đọc bài diễn văn bảo vệ những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản và vạch trần những quan điểm sô-vanh của một số uỷ viên người Anh trong Hội đồng.

*Giữa tháng Năm* Nhân việc xuất hiện trên tờ "Concordia" ("Hoà hiệp"), cơ quan ngôn luận của các nhà đại công nghiệp Đức, bài báo nặc danh của nhà kinh tế tư sản L.Bren-ta-nô, kể đã kết tội Mác cố tình xuyên tạc tài liệu mà ông trích dẫn, nên Mác đã viết một bức thư gửi ban biên tập tờ "Volksstaat" bác bỏ lời vu khống đối với ông. Bức thư được đăng trên báo ngày 1 tháng Sáu.

*Nửa cuối tháng Năm 1872 - tháng Giêng 1873* Ăng-ghen viết loạt bài "Về vấn đề nhà ở", được đăng trên tờ "Volksstaat" từ tháng Sáu 1872 đến tháng Hai 1873. Trong những bài báo này, một mặt Ăng-ghen chống lại phong trào cải cách tư sản và tiểu tư sản, mặt khác ông phê phán kịch liệt hệ thống tư bản chủ nghĩa

nói chung và chỉ ra quy luật có tính lịch sử của chuyên chính vô sản, chỉ trong điều kiện của chuyên chính vô sản mới có khả năng thoả mãn mọi đòi hỏi về kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân.

*17, 20 tháng  
Năm*

Mác nhận được lời mời tham dự phiên họp của Nhóm nghiên cứu khoa học xã hội mà ông là một thành viên của nhóm. Nhóm này gồm có các chiến sĩ Công xã sống lưu vong.

*21 tháng  
Năm*

Tại phiên họp của Tổng Hội đồng Mac đọc bản tuyên bố do ông viết, lên án âm mưu tiếm đoạt danh tiếng của Tổng Hội đồng của một số phần tử tiểu tư sản Anh và lưu vong ở Luân Đôn, trong đó có những kẻ đã bị đuổi ra khỏi Quốc tế, chúng hợp nhau lại thành cái gọi là Hội đồng Liên bang toàn thế giới. Bản tuyên bố đã được nhất trí thông qua và nhân danh Tổng Hội đồng đã được công bố trên các cơ quan ngôn luận của Quốc tế ở Anh, Đức, Bỉ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Thụy Sĩ.

*Giữa 22  
tháng Năm và 5  
tháng Sáu*

Để chuẩn bị cho đại hội thường kỳ của Quốc tế, Ăng-ghe-nen, trong các bức thư gửi Líp-nếch, đã đề nghị ông làm sáng tỏ mối quan hệ về tổ chức giữa Đảng dân chủ - xã hội Đức và Tổng Hội đồng và đảm bảo cho Đảng này có đại diện tại đại hội.

*23 tháng  
Năm*

Mác viết cho ban biên tập tờ "Gazzettino Rosa" bức thư "Lại bàn về Xtê-pha-nô-ni và Quốc tế" bác bỏ lời vu

khống

của Xtê-pha-nô-ni đối với Tổng Hội đồng và các nhà lãnh đạo Hội đồng mà Xtê-pha-nô-ni đã rêu rao trên tạp chí "Libero Pensiero". Bức thư được đăng trên báo ngày 28 tháng Năm.

*28 tháng  
Năm*

Mác cảm ơn Đa-ni-en-xơn đã gửi đến cho ông một bản tập I bộ "Tư bản" dịch ra tiếng Nga; ông yêu cầu thông báo tin tức về mối liên hệ của M.A. Ba-cu-nin với X.G.Ne-sa-ép, kẻ theo chủ nghĩa vô chính phủ; ông viết về ý định của mình từ chối không ứng cử vào thành phần mới của Tổng Hội đồng vì phải hoàn thành nốt những tập tiếp theo của bộ "Tư bản"

Tại phiên họp của Tổng Hội đồng, Mac đề nghị dành phiên họp sau để bàn chỉ một vấn đề là việc triệu tập đại hội thường kỳ tới. Theo đề nghị của Mac, được Ăng-ghe-nen ủng hộ. Tổng Hội đồng đã thông qua quyết định công nhận Hội đồng Liên chi hội lâm thời ở Mỹ là cơ quan lãnh đạo duy nhất của liên chi hội Quốc tế ở Bắc Mỹ.

*Cuối tháng  
Năm*

Ở Giơ-ne-vơ phát hành thông tư mật của Tổng Hội đồng, do Mac và Ăng-ghe-nen viết nhan đề "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế". Thông tư này được gửi cho các chi hội và các liên chi hội của Hội liên hiệp.

*Tháng Sáu-  
tháng Tám*

Cùng với việc tập trung chuẩn bị cho Đại hội La Hay, Mac tiếp tục làm việc căng thẳng để hoàn thành tập I bộ "Tư bản" xuất bản bằng tiếng Pháp.

*4 tháng Sáu*

Tại phiên họp của Tổng Hội đồng, Mac đã phê phán

quyết định của Hội đồng Liên chi hội Bỉ bác bỏ nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn về hành động chính trị của giai cấp công nhân.

*11 tháng Sáu* Theo đề nghị của Mác, Tổng Hội đồng đã thông qua quyết định triệu tập đại hội thường kỳ ở Hà Lan. Tại phiên họp của Hội đồng Mác đã phát biểu, nhấn mạnh một trong những vấn đề chính của đại hội lần này là vấn đề tổ chức, trong đó có vấn đề về quyền hạn của Tổng Hội đồng.

*18 tháng Sáu* Do Mác và Ăng-ghen đề nghị Tổng Hội đồng tập trung chú ý đặc biệt vào những vấn đề chung của việc chuẩn bị đại hội, Hội đồng đã nhất trí thông qua quyết định giao cho Ủy ban thường trực, từ nay mang tên Ủy ban chấp hành của Tổng Hội đồng, toàn bộ công việc thường ngày và việc chuẩn bị về tổ chức cho đại hội. Ăng-ghen được bầu vào ủy ban soạn thảo nghị quyết về địa điểm triệu tập và chương trình nghị sự của đại hội sắp tới. Nghị quyết do Ăng-ghen thảo được đăng trên tờ "International Herald" ra ngày 29 tháng Sáu và trên nhiều tờ báo khác của Quốc tế.

*18 tháng Sáu - 1 tháng Chín* Mác và Ăng-ghen chỉ đạo công tác của Ủy ban chấp hành về chuẩn bị đại hội thường kỳ; hai ông đặc biệt chú ý đến việc tố cáo hoạt động của tổ chức bí mật của bọn Ba-cu-nin ở Tây Ban Nha, đấu tranh nhằm tập hợp xung quanh Ủy ban mọi lực lượng cách mạng chân chính.

*21 tháng Sáu* Trong thư gửi Doóc-gơ, Mác thông báo về việc triệu tập đại hội thường kỳ ngày 2 tháng Chín, nhấn mạnh ý nghĩa quyết định của đại hội đối với số phận mai sau của Quốc tế và yêu cầu ông đảm bảo sự đại diện của Liên chi hội Bắc Mỹ.

*24 tháng Sáu* Mác và Ăng-ghen viết lời tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Đức "tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" sẽ phát hành vào tháng Bảy ở Lai-pxích. Trong lời tựa, Mác và Ăng-ghen nhấn mạnh ý nghĩa kinh nghiệm của Công xã Pa-ri, nó chứng minh sự cần thiết phải đập tan bộ máy nhà nước cũ bởi giai cấp công nhân.

*25 tháng Sáu* Theo đề nghị của Ăng-ghen, để chuẩn bị cho đại hội, Tổng Hội đồng bắt tay vào thảo luận những sửa đổi được đề xuất đối với bản Điều lệ chung và Quy chế, Mác, với nguyện

vọng đảm bảo sự trong sạch trong đội ngũ của tổ chức vô sản, đã chủ trương dành cho Tổng Hội đồng quyền khai trừ tạm thời - cho đến đại hội thường kỳ - các chi hội khỏi Quốc tế.

*Tháng Bảy - tháng Tám* Mác tiến hành hội đàm với Phran-xơ, thư ký Hội đồng liên chi hội Bồ Đào Nha về việc xuất bản tập I bộ "Tư bản" bằng tiếng Bồ Đào Nha, Mác gửi cho Phran-xơ tập I bộ "Tư bản" thông qua Ăng-ghen và yêu cầu ông thu thập tài liệu về quyền sở hữu ruộng đất ở Bồ Đào Nha.

*2,9 và 16 tháng Bảy* Mác và Ăng-ghen tham gia thảo luận cùng với Tổng Hội đồng các điều khoản của Điều lệ và Quy chế, Hội đồng đã thông qua điều khoản trong Quy chế, do Ăng-ghen đề xuất, về việc mở rộng quyền hạn của Tổng Hội đồng.

*3 tháng Bảy* Trên tờ "Volksstaat" có đăng nghị quyết của Tổng Hội đồng về việc triệu tập đại hội thường kỳ ở Hà Lan và chương trình nghị sự của đại hội, có chữ ký của Mác với tư cách là thư ký - thông tin viên về nước Đức.

*5 tháng Bảy* Tại phiên họp của Ủy ban chấp hành, Ăng-ghen đã truyền đạt thư của Hội đồng Liên chi hội Bồ Đào Nha biểu lộ sự đồng tình hoàn toàn với Tổng Hội đồng. Nhân có những tài liệu mới tìm thấy vạch trần hoạt động bí mật của Đồng minh ở Tây Ban Nha, Ủy ban chấp hành đã uỷ nhiệm cho Ăng-ghen chất vấn Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha về quan hệ của nó với Đồng minh, Mác và Ăng-ghen được giao soạn thảo và đưa ra Tổng Hội đồng kiến nghị của Ủy ban chấp hành đề nghị đại hội thường kỳ khai trừ Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Ăng-ghen nhận được thư của chi hội Tu-rin, trong đó các thành viên chi hội tỏ ý hoàn toàn đồng tình với Tổng Hội đồng.

*Khoảng 9 tháng Bảy* Ăng-ghen viết cho tờ "Volksstaat" bài "Quốc tế ở Mỹ", trong đó ông sử dụng nhiều đoạn trích dẫn mà Mác lấy từ các báo Mỹ và thư từ của các thành viên Liên chi hội Bắc Mỹ thuộc Quốc tế, Bài báo được đăng

ngày 17 tháng Bảy.

*Khoảng từ 9 đến 15 tháng Bảy* Mác và Ăng-ghen nghỉ tại Ram-xgây-tơ.

*10 tháng Bảy* Ăng-ghen được bầu làm đại biểu Hội khai sáng cộng sản chủ nghĩa của công nhân Đức dự đại hội của Liên chi hội Anh ở Nốt-tinh-hêm.

*Giữa tháng Bảy* Ra mắt bản in đầu tiên (gồm 5 tờ in) tập I bộ "Tư bản", xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức.

*18 tháng Bảy* Ăng-ghen với tư cách là thư ký - thông tin viên về I-ta-li-a đã gửi, thông qua ông chủ bút tờ "Plebe" Ó.Bi-nha-mi, giấy chứng nhận kết nạp vào Quốc tế cho 4 người tham gia phong trào công nhân ở thành phố I-môn; ông thông báo cho hội "Ủy ban giải phóng các giai cấp lao động" ở Pác-mơ và chi hội ở Phlo-ren-xi-a những điều kiện tiếp nhận vào Quốc tế.

*19 tháng Bảy* Ủy ban chấp hành giao cho Mác chuẩn bị bản báo cáo của Tổng Hội đồng tại Đại hội La Hay, Ăng-ghen được giao lập bản báo cáo tài chính.

*21 tháng Bảy* Mác viết thư "Gửi những người thợ mỏ Rua đang bãi công", thông báo cho công nhân biết về sự vô căn cứ trong lời đe dọa của các nhà công nghiệp khai mỏ Đức rằng sẽ nhập than từ Anh do tình hình khó khăn của nền công nghiệp khai thác than ở Anh, Bức thư được đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 27 tháng Bảy.

*21-22 tháng Bảy* Ăng-ghen nhận được của Đuy-pông - theo đề nghị của Ăng-ghen, Đuy-pông được cử làm đại diện của Tổng Hội đồng tại đại hội của Liên chi hội Anh ở Nốt-tinh-hêm -



những thông báo chi tiết về tiến trình đại hội. Đại hội đứng về phía Tổng Hội đồng trong cuộc đấu tranh chống những người theo chủ nghĩa cải lương.

*23 tháng Bảy* Tại phiên họp của Tổng Hội đồng, Mác và Ăng-ghen ủng hộ đề nghị của Vai-ăng về việc đưa vào Điều lệ chung nghị quyết của hội nghị Luân Đôn về hành động chính trị của giai cấp công nhân. Nhằm đấu tranh chống lại sự xâm nhập của các phần tử tư sản vào Quốc tế, Mác đề nghị bổ sung thêm vào điều khoản 9 Điều lệ một điểm nêu rõ trong thành phần của mỗi chi hội được công nhận phải có từ 2/3 số công nhân làm thuê trở lên; đề nghị đã được chấp nhận.

*24 tháng Bảy* Ủy ban chấp hành thông qua thư Ăng-ghen viết gửi Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha ở Va-len-xi-a yêu cầu thông báo tin tức về hoạt động của Đồng minh bí mật của Ba-cu-nin ở Tây Ban Nha.

*27 tháng Bảy* Tại phiên họp của Ủy ban chấp hành, Mác và Ăng-ghen tham gia thảo luận các vấn đề liên quan đến việc triệu tập đại hội thường kỳ. Mác thay mặt Ủy ban về vấn đề điều lệ báo cáo về các bản điều lệ của chi hội Pháp mang tên Phe-re và chi hội Đức ở Thụy Sĩ.

*28 tháng Bảy* Nhân xuất hiện trên tạp chí "Concordia" bài báo nặc danh mới của Bre-ta-nô. Mác viết bức thư thứ hai gửi tờ "Volksstaat", thư này được đăng trên báo ra ngày 7 tháng Tám.

*29 tháng Bảy* Trong thư gửi bạn mình là nhà xã hội chủ nghĩa Đức L.Cu-ghen-man, Mác viết về ý nghĩa đặc biệt của Đại hội La Hay sắp tới đối với vận mệnh của Quốc tế và

tâm quan trọng - do tình hình đó - của việc đoàn đại biểu Đảng công nhân xã hội - dân chủ Đức tham gia đại hội này.

*Cuối tháng Bảy - nửa đầu tháng Tám* Mác và Ăng-ghen, để ủng hộ sáng kiến của Duy-pông, đã giúp ông tổ chức Man-se-xtơ chi hội người nước ngoài của Quốc tế, tập hợp những công nhân sống lưu vong.

*4 tháng Tám* Tại phiên họp của Ủy ban chấp hành, Mác thông báo tình hình của Quốc tế ở Hà Lan, I-ta-li-a, Mỹ, Ăng-ghen đọc thư của Cu-nô, Mê-xa, I.Ph.Béch-cơ và của Hội đồng Liên chi hội Bồ Đào Nha nói về cuộc đấu tranh chống bọn Ba-cu-nin ở Bỉ, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Bồ Đào Nha. Ủy ban đã giao cho Ăng-ghen dịch thư của chi hội Ma-đrít mới, đề ngày 22 tháng Bảy, ra tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Anh.

*4-6 tháng Tám* Được sự uỷ nhiệm của Ủy ban chấp hành, Ăng-ghen viết lời kêu gọi gửi toàn thể thành viên Quốc tế, tố cáo hoạt động của tổ chức bí mật Ba-cu-nin. Sau cuộc thảo luận sôi nổi lời kêu gọi đã được thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 6 tháng Tám với đa số phiếu (4 phiếu).

*8 tháng Tám* Tại phiên họp của Ủy ban chấp hành đã thông qua thư do Mác và Ăng-ghen viết gửi các chi hội của Quốc tế ở Tây Ban Nha về hoạt động phá hoại của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa bí mật ở Tây Ban Nha. Bức thư đã đăng trên tờ "Emancipacion" ngày 17 tháng Tám.

*Khoảng 15* Mác nhận được của Da-ni-en-xơn bản thảo "Những

- tháng Tám* bức thư không có địa chỉ" của Séc-nư-sép-xki và những nhận xét về tập I bộ "Tư bản" đăng trên báo chí Nga; Ông gửi cho Da-ni-en-xơn một phần của tập I bộ "Tư bản", xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức.
- 15 tháng Tám* Thay mặt Ủy ban chấp hành, Ăng-ghen thông báo cho Liên chi hội Ma-đrít mới về việc liên chi hội đã được công nhận là một liên chi hội của Quốc tế. Bản thông báo đăng trên tờ "Emancipacion" ngày 24 tháng Tám.
- Giữa 15 tháng Tám và 12 tháng Chạp* Mác đọc bản thảo "Những bức thư không có địa chỉ" của "Séc-nư-sép-xki; ông dịch toàn bộ bức thư thứ nhất ra tiếng Đức, tóm tắt cẩn thận những thư còn lại, trích ra từ đó những đoạn dài; tiến hành những bước nhằm xuất bản bản thảo này.
- Nửa cuối tháng Tám* Mác và Ăng-ghen được bầu làm đại biểu Đại hội La Hay; Mác đại biểu cho chi hội Lai-pxich, Ăng-ghen đại biểu cho chi hội Brê-xláp.
- 20 tháng Tám* Mác, Ăng-ghen và các uỷ viên của Tổng Hội đồng gặp mặt Doóc-gơ, đến dự đại hội, thông báo cho ông về tình hình trong Tổng Hội đồng và ở các tổ chức của Quốc tế tại một số nước.
- Khoảng 22 tháng Tám* Ăng-ghen nhận được của bí thư chi hội Rô-ma O.Nốc-ky Vi-a-ni thông tin về tình hình phong trào công nhân ở Rô-ma và thông báo các địa chỉ liên lạc với chi hội.
- 23 Tháng Tám* Ăng-ghen viết thư thông tri gửi các chi hội I-ta-li-a lên án âm mưu của bọn vô chính phủ I-ta-li-a định chiếm đoạt tên của Quốc tế tại hội nghị của chúng tại

- Rô-ma (từ ngày 4 đến ngày 6 tháng Tám); bức thư thông tri này đã được gửi cho các chi hội ở Tu-rin, Mi-la-nô, Rô-ma và Phe-ra-rô.
- 24 tháng Tám* Ăng-ghen khước từ đề nghị của Líp-nếch giới thiệu ông ra ứng cử Quốc hội; ông thông báo cho Líp-nếch về công việc chuẩn bị của bọn Ba-cu-nin cho Đại hội La Hay.
- 27 tháng Tám* Tại phiên họp của Tổng Hội đồng, Mác tham gia thảo luận về mức đóng hội phí; khi phê phán hoạt động của những người theo chủ nghĩa công liên Anh, Mác cho rằng, nhiệm vụ của các công hội phải làm trung tâm tổ chức trong cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động.
- 28 tháng Tám* Mác làm chủ tọa phiên họp của Ủy ban chấp hành.
- Cuối tháng Tám* Mác được bầu làm đại biểu thay mặt Tổng Hội đồng tại Đại hội La Hay.
- Mác viết bản báo cáo của Tổng Hội đồng trình lên đại hội thường kỳ của Quốc tế. Báo cáo đã được nhất trí thông qua tại phiên họp vừa qua của Tổng Hội đồng. Được sự uỷ nhiệm của Ủy ban chấp hành, Ăng-ghen viết báo cáo để trình lên đại hội về Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa; đồng thời ông chuẩn bị bản báo cáo tài chính của Tổng Hội đồng.
- Cuối tháng Tám - đầu tháng Chín* Mác nhận được của hội viên chi hội Nga thuộc Quốc tế N.U-tin bản báo cáo viết gửi đại hội về cái gọi là vụ án Ne-sa-ép và hoạt động của Ne-sa-ép ở Nga: Mác đã chuyển những tài liệu này cho Ủy ban điều tra hoạt động của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, do Đại

hội La Hay bầu ra.

*Cuối tháng Tám - đầu tháng Mười* Mác viết thư trao đổi với nhà xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a La Xê-xi-li-a nhân việc ông La Xê-xi-li-a định dịch tập I bộ "Tư bản" ra tiếng I-ta-li-a. Bản dịch không được hoàn thành vì nhà xuất bản từ chối không ký hợp đồng.

*1 tháng Chín* Mác và Ăng-ghe-nh (cùng với vợ Mác và con gái ông là Ê-lê-ô-nô-ra) đến La Hay để dự đại hội lần thứ năm tổ chức hàng năm của Quốc tế, Mác và Ăng-ghe-nh tham gia cuộc thảo luận sơ bộ của các đại biểu đại hội, tại đó đã thông qua đề nghị của Mác dành phiên họp kín đầu tiên của đại hội để bầu ra uỷ ban kiểm tra tư cách đại biểu.

*2-7 tháng Chín* Mác và Ăng-ghe-nh điều khiển công việc của Đại hội La Hay. Tại đại hội, cùng với việc bảo vệ nguyên tắc tính đảng vô sản đối lập lại với chủ nghĩa bè phái tiểu tư sản, hai ông tìm cách đưa được vào Điều lệ của Quốc tế nghị quyết vô cùng quan trọng của Hội nghị Luân Đôn năm 1871 về sự cần thiết phải thành lập các chính đảng độc lập của giai cấp công nhân nhằm giành chuyên chính vô sản, đồng thời hai ông cũng đấu tranh đòi mở rộng quyền hạn của Tổng Hội đồng.

*2 tháng Chín* Tại phiên họp buổi trưa của Đại hội La Hay, Mác được bầu làm uỷ viên uỷ ban kiểm tra tư cách đại biểu và ông đã tham gia vào công việc của uỷ ban. Tại phiên họp buổi chiều Mác đọc lời phát biểu về nhiệm vụ của uỷ ban.

*3 tháng Chín* Tại phiên họp buổi trưa của đại hội, Mác tham gia

thảo luận về quyền hạn của các đại biểu Mỹ. Mác đưa ra kiến nghị khai trừ Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa ra khỏi Quốc tế và yêu cầu trao cho uỷ ban nhiệm vụ tìm hiểu các tài liệu có liên quan. Ăng-ghe-nh tham gia thảo luận về trình tự tiến hành đại hội.

Nhân bàn đến các giấy uỷ nhiệm của các đại biểu Anh, khi phát biểu tại phiên họp buổi chiều nhằm bảo vệ quyền đại diện của uỷ viên Tổng Hội đồng M.Bác-ri, Mác công khai lên án những người cầm đầu phái công liên đã bị giai cấp tư sản mua chuộc. Khi bàn đến quyền đại diện của các đại biểu Tây Ban Nha, thành viên của Đồng minh, Mác và Ăng-ghe-nh đã tố cáo hoạt động thù địch với Quốc tế của phái Ba-cu-nin, Mác thông báo cho đại hội về thư chào mừng của chi hội Poóc-tô - May-ri-xi-ô (Li-gu-ri-a), chi hội đã bầu Mác làm đại biểu tại đại hội.

*4 tháng Chín* Tại phiên họp buổi sáng của đại hội, Mác thay mặt uỷ ban đề nghị huỷ giấy uỷ nhiệm của Oét-tơ do chi hội Niu Oóc số 12 cấp, và vạch trần tính chất cải lương tư sản của chi hội này. Tại phiên họp buổi chiều, khi thảo luận kiến nghị của các đại biểu thuộc tổ chức Đồng minh về việc thay đổi nguyên tắc bỏ phiếu, Mác và Ăng-ghe-nh kiên quyết phản đối việc tính đến - trong khi bỏ phiếu - số lượng thành viên của các tổ chức đã cử đại biểu tới dự.

*5 tháng Chín* Tại phiên họp buổi sáng của đại hội, Mác tham gia thảo luận vấn đề thành lập uỷ ban điều tra hoạt động của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa bí mật.

Mác đọc bằng tiếng Đức báo cáo của Tổng Hội đồng,

bản báo cáo được nhất trí thông qua và đăng trong tháng chín - tháng Mười trên các báo của Quốc tế ở nhiều nước.

*6 tháng Chín*

Tại phiên họp buổi trưa, Mác và Ăng-ghe-nen tham gia thảo luận bản Điều lệ chung. Mác phát biểu về sự cần thiết phải mở rộng quyền hạn của Tổng Hội đồng. Mác và Ăng-ghe-nen tán thành đề nghị đưa vào Điều lệ nghị quyết của hội nghị Luân Đôn về hành động chính trị của giai cấp công nhân. Ăng-ghe-nen đọc bài phát biểu lập luận cho đề nghị của ông và của Mác về việc chuyển trụ sở của Tổng Hội đồng đến Niu-oóc, đề nghị này đã được đại hội thông qua. Trong các bài phát biểu của mình tại phiên họp của uỷ ban điều tra hoạt động của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, Mác và Ăng-ghe-nen vạch trần âm mưu của bọn Ba-cu-nin ở Tây Ban Nha và các nước khác.

*7 tháng Chín*

Ăng-ghe-nen báo cáo tại phiên họp buổi chiều của đại hội về tình hình tài chính của Tổng Hội đồng; bản báo cáo được nhất trí thông qua, Mác và Ăng-ghe-nen được bầu vào uỷ ban sửa đổi và công bố các biên bản của đại hội. Tại phiên họp kín của đại hội, Mác và Ăng-ghe-nen tham gia thảo luận báo cáo của uỷ ban điều tra hoạt động của Đồng minh và tán thành khai trừ các thủ lĩnh của phái vô chính phủ là Ba-cu-nin và Gi.Ghi-ôm.

*8 tháng Chín*

Mác và Ăng-ghe-nen cùng với đa số các đại biểu Đại hội La Hay tham gia cuộc mít-tinh do chi hội sở tại của Quốc tế tổ chức ở Am-xtéc-đam, Mác đọc diễn văn về

kết quả của Đại hội La Hay, trong đó ông nêu bật ý nghĩa của bản nghị quyết về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân đối với phong trào công nhân. Nghị quyết này đã được đại hội dựa vào Điều lệ chung của Quốc tế. Bài diễn văn đăng trên tờ "Liberté" ra ngày 15 tháng Chín và tờ "Volksstaat" ra ngày 2 tháng Mười.

*Khoảng 10  
tháng Chín*

Mác gặp Cu-nô, lúc đó đang chuẩn bị đi Mỹ, nói chuyện với ông về việc tổ chức các chi hội của Quốc tế ở Hợp chúng quốc.

*Khoảng 12  
tháng Chín*

Ăng-ghe-nen từ Hà Lan trở về Luân Đôn, ông gặp Doóc-gơ trước khi Doóc-gơ đi Mỹ.

*12 tháng  
Chín*

Mác viết thư ngỏ cho ông chủ bút tờ "Le Corsaire" ("Tên cướp biển"), bác bỏ những lời vu khống bịa đặt của báo chí phản động về Quốc tế. Bức thư đăng trên tờ "Corsaire" ra ngày 15 tháng Chín và tờ "Emancipation" ra ngày 21 tháng Chín.

*Khoảng 17  
tháng Chín*

Mác từ Hà Lan trở về Luân Đôn.

*17 tháng  
Chín*

Ấn hành đợt đầu tiên (5 quyển) của tập I bộ "Tư bản" xuất bản bằng tiếng Pháp. Ngay trong ngày đầu đã bán được 234 cuốn.

*Nửa cuối tháng  
Chín - tháng Mười*

Trong những bức thư gửi các thành viên Quốc tế ở các nước, Mác và Ăng-ghe-nen giải thích ý nghĩa các nghị quyết của Đại hội La Hay có nội dung kêu gọi giai cấp công nhân thành lập các chính đảng độc lập.

*21 tháng Chín* Ăng-ghen gửi cho Doóc-gơ văn bản nghị quyết Đại hội La Hay và những địa chỉ để trao đổi thư từ với các tổ chức của Quốc tế.

*Cuối tháng Chín - giữa tháng Mười* Mác gửi cho các thành viên Quốc tế và các thông tin viên của mình các quyền của tập I bộ "Tư bản" mới xuất bản bằng tiếng Pháp.

Mác và Ăng-ghen sửa đổi và chuẩn bị cho in các nghị quyết của Đại hội La Hay; nghị quyết được in thành sách riêng cuối tháng Mười và trên tờ "International Herald" ra ngày 14 tháng Chạp.

Sau khi nhận được thông báo của Hội đồng Liên chi hội Bồ Đào Nha về các cuộc bãi công ở Li-xbon, Ăng-ghen đã đề nghị Hội đồng Liên chi hội Anh và các công liên Anh phản đối kịp thời việc đưa bọn phá hoại bãi công từ Anh vào Li-xbon.

*Tháng Mười* Ăng-ghen viết bài "Bàn về quyền uy" và gửi cho Bi-na-mi.

*Tháng Mười - tháng Mười một* Ăng-ghen lãnh đạo cuộc đấu tranh của các uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh và thành viên các chi hội Man-se-xtơ chống lại ban lãnh đạo có xu hướng cải lương trong Hội đồng Anh đã tỏ thái độ phản đối các nghị quyết của Đại hội La Hay.

*Tháng Mười 1872 - tháng Tám 1873* Mác và Ăng-ghen thường xuyên trao đổi thư từ với thư ký Tổng Hội đồng ở Niu Oóc là Doóc-gơ; thông báo cho ông về hoạt động của các liên chi hội và chi hội Quốc tế ở các nước châu Âu, giúp ông giải quyết những

vấn đề quan trọng nhất; hai ông tiếp tục liên lạc thư từ với các nhà hoạt động của Quốc tế ở Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Đức và những nước khác, giải thích các nghị quyết của Tổng Hội đồng và Đại hội La Hay.

*1 và 5 tháng Mười* Ăng-ghen gửi cho Bi-na-mi các bài báo viết về kết quả của Đại hội La Hay. Các bài báo dưới nhan đề "Đại hội ở La Hay" và "Bàn thêm về Đại hội La Hay" đã đăng trên tờ "Plebe" ngày 5 và 8 tháng Mười.

*Đầu tháng Mười* Ăng-ghen viết cho tờ "Emancipacion" bài "Giấy uỷ nhiệm có tính chất mệnh lệnh của Đại hội La Hay" vạch trần hành động gây rối của các thành viên Đồng minh tại đại hội. Bài báo đăng ngày 13 tháng Mười.

*5 tháng Mười* Mác gặp gỡ các nhà hoạt động Ai-rơ-len của Quốc tế Mác-Đô-nen và Đơ Moóc-gan, nói chuyện với các ông về các vấn đề liên quan tới tình hình các chi hội Ai-rơ-len; ông gửi báo cáo về Đại hội La Hay cho chi hội Niu Oóc số 6, nơi đã cử ông làm đại biểu.

*Nửa cuối tháng Mười* Ăng-ghen nhận được thư của Cu-nô và bản sao biên bản các phiên họp tại Đại hội La Hay.

*26 tháng Mười* Trên tờ báo Tây Ban Nha "Emancipacion" dưới nhan đề chung ""Tư bản" của Mác", có đăng lời tựa của Mác viết cho lần xuất bản thứ nhất bằng tiếng Đức tập I bộ "Tư bản" và thư của ông gửi La-sa-tơ-rơ ngày 18 tháng Ba. Số báo này cũng thông báo về việc đã có bán các quyền nằm trong tập I bộ "Tư bản" xuất bản bằng tiếng Pháp.

*31 tháng* Ăng-ghen viết báo cáo gửi Tổng Hội đồng Hội liên

*Mười* hiệp công nhân quốc tế về tình hình của Quốc tế ở Tây Ban Nha, và gửi báo cáo này được Doóc-gơ ngày 2 tháng Mười một.

*Tháng Mười một tháng Chạp* Mác tiến hành sửa bản in tập I bộ "Tư bản" dịch ra tiếng Pháp.

Theo yêu cầu của Bi-na-mi Mác viết bài "chủ nghĩa thò ơ chính trị", trong đó, một mặt ông vạch trần trước công nhân I-ta-li-a ý nghĩa của học thuyết đứng ngoài lề cuộc đấu tranh chính trị của phái vô chính phủ, một mặt ông chứng minh quy luật có tính lịch sử của việc thiết lập chuyên chính vô sản. Bài báo đăng trên tạp chí xã hội chủ nghĩa "Almanacco Repubblicano per l'anno 1874" ("Sách lịch cộng hoà năm 1874") ra tháng Chạp 1873.

*2 tháng Mười một* Ăng-ghen thông báo cho Doóc-gơ về việc thành lập các chi hội I-ta-li-a mới thuộc Quốc tế ở Lô-đi và Ác-vin và gửi cho ông địa chỉ liên lạc với Tây Ban Nha, I-ta-li-a và Bồ Đào Nha.

*3 và 17 tháng Mười một* Ăng-ghen nhận được của chi hội người nước ngoài ở Man-se-xtơ lời đề nghị ông làm đại diện cho chi hội trong Hội đồng Liên chi hội Anh.

*7-13 tháng Mười một* Ăng-ghen viết thư cho các chi hội của Quốc tế ở Ác-vin và Lô-đi. Thư gửi chi hội Lô-đi đã đăng trên tờ "Plebe" ngày 17 tháng Mười một.

*14 tháng Mười một* Ăng-ghen viết cho tờ "Plebe" bài báo về cuộc mít-tinh của

các thành viên Quốc tế ở Ai-rơ-len- tổ chức tại công viên Hai-đơ - đòi thả những hội viên phê-ni-ăng bị giam cầm; Ăng-ghen ghi nhận sự tham gia của các công nhân Anh vào cuộc mít-tinh và đánh giá cao sự tham gia này, coi đó là kết quả của cuộc đấu tranh của Tổng Hội đồng nhằm khẳng định những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Bài báo được đăng ngày 17 tháng Mười một.

*Khoảng 15 tháng Mười một* Ăng-ghen nhận được thông báo của Bi-na-mi nói rằng ông được đưa vào danh sách các tác giả của cuốn "Tủ sách xã hội chủ nghĩa" dự định xuất bản. Ý định này đã không thực hiện được.

*Giữa 15 và 18 tháng Mười một* Mác đến thăm tại nhà Gien-ny và Sác-lơ Lông-ghê ở Ốc-xphoóc, nơi đây ông tiến hành sửa bản in thử bản dịch tiếng Pháp tập I bộ "Tư bản".

*Khoảng 16 tháng Mười một* Ăng-ghen gửi cho một loạt Hội đồng Liên chi hội và các chi hội bản thông tri của Tổng Hội đồng về việc Tổng Hội đồng tại Niu Oóc đã bắt đầu thực hiện chức trách của mình; ông hiệu đính bản thông tri bằng tiếng Anh và gửi đăng trên tờ "International Herald".

*16 tháng Mười một* Trong thư gửi Doóc-gơ, Ăng-ghen khuyến nghị Tổng Hội đồng thông qua nghị quyết về việc chi hội Giuy-ra đã tự mình tách ra khỏi Quốc tế sau khi từ chối không công nhận các nghị quyết của Đại hội La Hay, bản Điều lệ và Quy chế của Quốc tế. Đề nghị này của Ăng-ghen được Tổng Hội đồng xét đến trong nghị quyết ngày 26 tháng Giêng 1873 và được công bố trên báo chí của Quốc tế.

- 25 tháng Mười một* Tháng Chạp Mác yêu cầu Đa-ni-en-xơn gửi cho ông địa chỉ đăng tin cây để tiếp tục trao đổi thư từ với ông.
- Tháng Chạp* Mác và Ăng-ghen nhận được của các uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh thông báo chi tiết về tình hình chia rẽ trong Hội đồng Liên chi hội Anh do những người theo chủ nghĩa cải lương từ chối công nhận nghị quyết của Đại hội La Hay gây ra.
- Khoảng 5 tháng Chạp* Mác nhận được của nhà xã hội chủ nghĩa Hà Lan Bru-nô Li-béc-xơ thông báo chi tiết về đại hội của liên chi hội Quốc tế ở Hà Lan. Đại hội này đã khước từ việc ủng hộ bọn vô chính phủ.
- 7 tháng Chạp* Ăng-ghen thông báo chi tiết cho Doóc-gơ về tình hình của Quốc tế ở Hà Lan, Tây Ban Nha, Pháp và Anh.
- 11 tháng Chạp* Ăng-ghen viết cho tờ "Plebe" bài báo về tình hình của một số liên chi hội Quốc tế. Bài này có tiêu đề "Thư từ Luân Đôn", đã được đăng trên báo ngày 14 tháng Chạp.
- 12 tháng Chạp* Sau khi nhận được tin tức của Đa-ni-en-xơn về cuộc vượt ngục không thành công của Lô-pa-tin. Mác đã thông báo dự định của mình hỗ trợ việc giải thoát cho Lô-pa-tin: ông yêu cầu Đa-ni-en-xơn gửi lời nhận xét bản tiếng Nga tập I bộ "Tư bản", và cả những tài liệu về thân thể và sự nghiệp của Sép-nư-sép-xki nhân dịp Mác định viết về ông trên báo chí. Cũng trong thư này Mác bày tỏ ý định của mình là tập trung nghiên cứu các tài liệu của Nga về các quan hệ ruộng đất ở nước Nga

- 14 tháng Chạp* nhằm nghiên cứu một cách đầy đủ hơn lý luận về địa tô. Ăng-ghen gửi cho Doóc-gơ số báo "International Herald" ra ngày 14 tháng Chạp có đăng các nghị quyết của đại hội La Hay, đồng thời ông cho biết việc Bi-na-mi bị bắt và cảnh sát đã tịch thu số báo "Plebe" có đăng các tài liệu của Tổng Hội đồng.
- 20 tháng Chạp* Mác gặp gỡ các uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh và theo yêu cầu của họ ông thảo một bức thư gửi các chi hội, các phân hội, các hiệp hội đã liên kết và các thành viên Liên chi hội Anh, trong đó vạch trần sự câu kết thực tế giữa những người theo chủ nghĩa cải lương đã rút lui khỏi Hội đồng Anh và các thành viên Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bức thư được công bố dưới dạng truyền đơn ngày 31 tháng Chạp.
- Theo yêu cầu của các thành viên chi hội người nước ngoài ở Man-se-xơ, Ăng-ghen thảo lời đáp của chi hội đối với bản thông tri của nhóm ly khai theo chủ nghĩa cải lương; lời đáp nhấn mạnh rằng, với hành động khước từ việc tuân thủ nghị quyết Đại hội La Hay, những kẻ ly khai đã tự đặt mình ra ngoài đội ngũ của Quốc tế. Lời đáp được công bố dưới hình thức tờ truyền đơn ngày 23 tháng Chạp.
- 21 tháng Chạp* Trên tờ "International Herald" có đăng thư của Mác và Ăng-ghen vạch trần sự vu khống của Hây-dơ đối với Tổng Hội đồng cũ và những người lãnh đạo Tổng Hội đồng.
- 30 tháng Chạp* Tổng Hội đồng chỉ định Mác làm người bảo quản hồ sơ lưu trữ của Tổng Hội đồng cũ, trong đó có các biên

bản.

### 1873

*Tháng Giêng -  
giữa tháng Hai*

Ăng-ghen viết thông báo về hoạt động của Quốc tế trên lục địa. Những thông tin này nằm trong các bài tường thuật về các phiên họp của Hội đồng Liên chi hội Anh đăng trên tờ "International Herald" số ra ngày 11 tháng Giêng, các ngày 1, 8 và 15 tháng Hai; ông chỉ đạo việc quyên góp tiền giúp đỡ gia đình các uỷ viên ban biên tập báo "Plebe" bị bắt ở Lô-di, viết thư trao đổi về việc này với các tổ chức của Quốc tế ở Tây Ban Nha và Áo, với Ban chấp hành Đảng công nhân xã hội dân chủ Đức và Tổng Hội đồng, tổ chức việc chuyển tiền từ Anh sang.

*Tháng Giêng -  
tháng Năm*

Ăng-ghen lãnh đạo hoạt động của các thành viên Hội đồng Liên chi hội Anh, nhận từ đó những thông tin về tình hình ở các chi hội Anh, giúp họ soạn thảo các văn kiện và các thông tin đăng báo, cho họ biết tình hình Quốc tế ở một số nước. Ăng-ghen tiếp tục trao đổi thư từ với Mê-xa, gửi cho ông các văn kiện của Tổng Hội đồng, giúp đỡ về tài chính cho tờ "Emancipacion".

*Đầu tháng  
Giêng*

Nhân dịp thông qua luật cải cách hành chính mới ở Phổ Ăng-ghen viết một bài phân tích tình hình phân bố lực lượng giai cấp ở Đức. Bài báo với nhan đề ""khủng hoảng" ở Phổ" được đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 15 tháng Giêng.

*2 tháng Giêng*

Nhân dịp xuất hiện trên tờ "Times" bài báo ngắn có nội dung vu khống, Mác đã viết cho ông chủ bút tờ báo một bức thư ngỏ được đăng ngày 3 tháng Giêng.

*4 tháng Giêng*

Trong thư gửi Doóc-gơ, Ăng-ghen thông báo cụ thể về tình trạng chia rẽ trong Hội đồng Liên chi hội Anh, gửi cho ông thư của Hội đồng gửi toàn thể thành viên Liên chi hội Anh, đồng thời thông báo về tình hình của Quốc tế ở Bỉ, Bồ Đào Nha, Đan Mạch, Pháp và I-ta-li-a.

*5 tháng Giêng*

Tổng Hội đồng chuẩn y việc Ăng-ghen la người được Hội đồng uỷ quyền ở I-ta-li-a, trao cho ông quyền giải quyết những vấn đề tranh chấp và quyền được khai trừ tạm thời một số cá nhân và chi hội ra khỏi Quốc tế cho đến khi Hội đồng xem xét. Giấy uỷ nhiệm, cùng chỉ thị mà Ăng-ghen nhận được, đăng trên tờ "Plebe" ngày 10 tháng Năm.

*Khoảng 22  
tháng Giêng*

Ăng-ghen nhận được từ Đức thông báo về thắng lợi của Bê-ben trong cuộc bầu cử bổ sung vào Quốc hội - Bê-ben lúc đó đang ở trong tù - và việc số người đặt mua báo "Volksstaat" đã tăng lên.

*Khoảng 23  
tháng Giêng*

Ăng-ghen viết cho Hội đồng Liên chi hội Anh một bức thư yêu cầu tổ chức giúp đỡ những người thợ đồng hồ đang bãi công ở Giơ-ne-vơ; bức thư được đọc tại phiên họp của Hội đồng ngày 23 tháng Giêng.

*24 tháng  
Giêng*

Mác viết lời bạt cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Đức tập I bộ "Tư bản".

*Khoảng 25  
tháng Giêng*

Mác viết bài trả lời bản thông tri mới của những người theo chủ nghĩa cải lương đã từ bỏ Hội đồng Liên chi hội Anh, trong đó ông vạch trần âm mưu của chúng hòng xuyên

tạc nghị quyết Đại hội La Hay. Bài này đăng trên tờ



"International Herald" ra ngày 25 tháng Giêng trong phân thông cáo chính thức của Hội đồng Anh.

*Tháng Hai* Mác đọc hai tác phẩm trào phúng của Xan-tư-cốp Xê-đrin do Đa-ni-en-xơn gửi đến: "Nhật ký của anh nhà quê ở Pê-téc-bua và "Các ông chủ Ta-sken".

*Khoảng tháng Hai tháng Ba* Mác đọc cuốn "Mười năm cải cách, 1861 - 1871" của A.A. Gô-lô-va-sép và bắt tay vào nghiên cứu tác phẩm gồm 5 tập của A.Xcơ-rê-bít-xki "Sự nghiệp của nông dân trong triều đại của hoàng đế A-lếch-xan-đơ II".

*Tháng Hai - tháng Sáu* Do sự đẩy mạnh hoạt động của các phần tử theo Lát-xan trong ban lãnh đạo Đảng công nhân xã hội dân chủ Đức và ban biên tập báo "Volksstaat", trong thư gửi Líp-nếch và Héc-nét, Ăng-ghen kịch liệt phê phán lập trường thoả hiệp của một số uỷ viên ban biên tập và của bản thân Líp-nếch đối với bọn Lát-xan và cả với bọn Ba-cu-nin; ông báo trước rằng nếu tiếp tục chính sách này thì ông và Mác sẽ đoạn tuyệt với tờ báo.

*Nửa đầu tháng Hai* Theo yêu cầu của Đờ Moóc-gan, Ăng-ghen dịch ra tiếng Anh bức thư của Gi.Ga-ri-ban-đi gửi Moóc-gan nói về cuộc đấu tranh của những người cộng hoà chống chủ nghĩa giáo quyền và chế độ quân chủ. Bức thư đăng trên tờ "International Herald" ngày 15 tháng Hai.

*12 tháng Hai* Trong thư gửi uỷ viên Tổng Hội đồng Ph.Bôn-tê, Mác nhấn mạnh rằng thắng lợi vĩ đại của Đại hội La Hay là việc quét sạch khỏi Quốc tế "những phần tử thối nát"; trong thư Mác cũng luận chứng về sự cần thiết phải thông qua một nghị quyết xác nhận các chi hội nào không công nhận nghị quyết Đại hội La Hay là vi phạm

Điều lệ của Quốc tế và tự tách mình ra khỏi đội ngũ Quốc tế.

*23-25 tháng Hai* Trong thư gửi Mê-xa, Ăng-ghen trình bày quan điểm của mình về tính chất của cuộc cách mạng đang diễn ra ở Tây Ban Nha, xác định sách lược và những đòi hỏi cụ thể của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng ấy; ông chỉ rõ việc thành lập một chính đảng độc lập là nhiệm vụ quan trọng nhất của giai cấp công nhân Tây Ban Nha.

*Tháng Ba* Ăng-ghen lại gửi bài báo "Bàn về quyền uy" cho Bi-na-mi, bài trước đã bị mất trong thời gian Bi-na-mi bị bắt. Bài báo này đăng trên tờ "Almanacco Republicano per l'anno 1874" tháng Chạp 1873.

*Tháng Ba - tháng Tư* Mác tiến hành thương lượng qua thư với Bi-na-mi về việc dịch sang tiếng I-ta-li-a và xuất bản ở I-ta-li-a tập 1 bộ "Tư bản"; do sự truy bức của chính phủ mà dự định này không thực hiện được.

*1 và 22 tháng Ba, 12 tháng Tư* Trên tờ "Emancipacion" của Tây Ban Nha có đăng phần trích trong tập 1 bộ "Tư bản" nói về quá trình biến tiền thành tư bản.

*11 tháng Ba* Trong thư gửi vợ Líp-nếch, Ăng-ghen hỏi thăm về hoàn cảnh Líp-nếch và Bê-ben bị bắt giam và khả năng cải thiện tình hình của hai ông.

*Khoảng 20 tháng Ba* Mác cùng con gái là Ê-lê-ô-nô-ra nghỉ ít ngày tại Brai-tơn.

*20 tháng Ba* Trong thư gửi Doóc-gơ, Mác đề nghị áp dụng đối với các chi hội hữu quan ở Tây Ban Nha, Bỉ, Anh và chi hội

Giuy-ra bản nghị quyết của Tổng Hội đồng ra ngày 26 tháng Giêng xác nhận sự từ bỏ Quốc tế của những liên chi hội không công nhận các nghị quyết Đại hội La Hay. Quyết định này được Tổng Hội đồng thông qua ngày 30 tháng Năm và được công bố trên các cơ quan ngôn luận của Quốc tế.

*22 tháng Ba*

Trong thư gửi Đa-ni-en-xơn, Mác yêu cầu thông báo cho ông về quan điểm của nhà sử học nghiên cứu pháp quyền

Nga B.N.Tri-trê-rin đối với sự phát triển lịch sử của chế độ chiếm hữu ruộng đất công xã, đồng thời giúp ông hiểu rõ được thực chất cuộc luận chiến về vấn đề này giữa Tri-trê-rin và nhà sử học theo chủ nghĩa Xla-vơ I.Đ.Bê-li-a-ép.

*24 tháng Ba*

Nhận lời mời của Hội đồng Liên chi hội Anh, Mác và Ăng-ghen tham dự cuộc họp của các thành viên Quốc tế ở Luân Đôn và các chiến sĩ Công xã lưu vong nhân kỷ niệm lần thứ hai Công xã Pa-ri; cuộc họp đã thông qua bản tuyên ngôn được soạn thảo dựa trên một số phần trong tác phẩm của Mác "Nội chiến ở Pháp".

*Cuối tháng Ba*

Mác tiếp tục hiệu đính bản dịch tiếng Pháp tập I bộ "Tư bản", hỏi ý kiến La-phác-gơ về một số vấn đề trong dịch thuật.

*Tháng Tư*

Trong khi tìm hiểu quan hệ ruộng đất ở Nga, Mác

đọc những bài báo nói về vấn đề này trên tạp chí "Người cùng thời", trong đó có bài báo của Séc-nư-sép-xki "Chuộc lại đất có khó hay không?" và nhận xét của A.Xê-véc-txép đối với tác phẩm "Công xã nông thôn ở Nga".

*Tháng Tư -  
tháng Bảy*

Được sự uỷ nhiệm của Đại hội La Hay, Mác và Ăng-ghen viết một cuốn sách mỏng về hoạt động bí mật của Ba-cu-nin trong nội bộ Quốc tế, trong đó tổng kết cuộc đấu tranh kéo dài 5 năm của Tổng Hội đồng chống lại tổ chức của Ba-cu-nin - Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa. Cuốn sách với nhan đề "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế" xuất bản bằng tiếng Pháp vào cuối tháng và được gửi cho tất cả các tổ chức và các thành viên Quốc tế.

*Đầu tháng Tư*

Đáp lại lời yêu cầu của mình, Mác nhận được của Đa-ni-en-xơn những tư liệu vấn tắt về tiểu sử của Séc-nư-sép-xki.

*5 tháng Tư*

Mác gửi cho Mây-xơ những tờ cuối cùng đã sửa của bản in thử tập I bộ "Tư bản", xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức.

*Khoảng 12  
tháng Tư - 24  
tháng Năm*

Theo yêu cầu của ban biên tập báo "International Herald". Ăng-ghen gửi những ghi chép về phong trào công nhân ở các nước khác nhau. Tài liệu này được công bố trên báo, trong phần "Tin tức về phong trào công đoàn", ra ngày 12 và 26 tháng Tư, ngày 3 và 24 tháng

	Năm.
<i>Nửa cuối tháng Tư - tháng Năm</i>	Ăng-ghen thường xuyên giúp đỡ thư ký Hội đồng Liên chi hội Anh X.Vích-ke-ri và những uỷ viên khác trong Hội đồng nhân dịp chuẩn bị đại hội lần thứ hai Liên chi hội Anh họp ở Man-se-xtơ; ông xem xét các dự thảo nghị quyết, danh sách các chi hội cử đại biểu đi dự và những văn kiện khác.  Ăng-ghen còn chuẩn bị cho công bố bằng tiếng Pháp các biên bản của Đại hội La Hay. Việc này không được thực hiện.
<i>15 tháng Tư</i>	Ăng-ghen thông báo cho Tổng Hội đồng về tình hình báo chí của Quốc tế ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Anh.
<i>Cuối tháng Tư</i>	Ăng-ghen viết thư cho Héc-nét vạch trần tính chất vu khống của những bài báo viết về Quốc tế đăng trên tờ báo của Lát-xan, "Neuer Social - Demokrat" ("Người dân chủ - xã hội mới"). Phần chính bức thư đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 7 tháng Năm.
<i>Tháng Năm - tháng Sáu</i>	Mặc cho sức khoẻ giảm sút đi trông thấy, Mác vẫn tiếp tục chuẩn bị cho xuất bản bằng tiếng Pháp tập I bộ "Tư bản", thực tế là làm lại từ đầu một phần của bản dịch.
<i>Đầu tháng Năm</i>	Mác thảo luận với các uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh Duy-pông và Xê-rai-ơ về chương trình nghị sự của đại hội lần thứ hai Liên chi hội Anh.

<i>2 tháng Năm</i>	Ăng-ghen viết cho tờ "Volksstaat" bài "Quốc tế và tờ "Neuer", trong đó bác bỏ lời buộc tội vu khống mà tờ "Neuer social - Demokrat" đưa ra nhằm chống lại Tổng Hội đồng. Bài báo này đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 10 tháng Năm.
<i>22 tháng Năm - khoảng 3 tháng Sáu</i>	Mác ở Man-se-xtơ để hỏi ý kiến bác sĩ Hun-péc-tơ; ông gặp gỡ những người bạn của mình là X.Mu-rơ và C.Soóc-lem-mơ, đến thăm thành viên cũ của Đồng minh những người cộng sản là E.Đrôn-ke, ở Xao-tơ-póc-tơ.
<i>Cuối tháng Năm</i>	Mác và Ăng-ghen thảo luận qua thư từ về việc tăng cường của thế lực phản động ở Pháp và việc đẩy mạnh hoạt động của các phân tử theo phái Bô-na-pác-tơ.  Đáp lại lời yêu cầu của mình, Mác nhận được của Da-ni-en-xơn một bản tổng hợp chi tiết các tư liệu về vấn đề phát triển của chế độ chiếm hữu ruộng đất công xã ở Nga và các thông báo về thư mục.
<i>30 tháng Năm</i>	Trong thư gửi Mác, Ăng-ghen trình bày ý đồ tác phẩm của mình, "Biện chứng của tự nhiên", trong tác phẩm này ông dự định tổng kết trên quan điểm duy vật biện chứng những thành tựu của tự nhiên học lý thuyết và phê phán những quan điểm duy tâm và siêu hình trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, Ăng-ghen bắt tay vào thu thập tài liệu và trong vòng một năm Mác đã viết được nhiều đoạn cho tác phẩm tương lai.
<i>Đầu tháng Sáu</i>	Ở Hăm-buốc đã ấn hành tập I bộ "Tư bản", xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức.
<i>Giữa 10 và 14 tháng Sáu</i>	Được sự uỷ nhiệm của Tổng Hội đồng, Ăng-ghen dịch ra tiếng Anh và tiếng Pháp và gửi đi các hội đồng

liên chi hội Anh. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và tờ "Plebe" ở I-ta-li-a bản tuyên bố của Hội đồng ngày 23 tháng Năm, vạch trần sự vu khống của phái vô chính phủ đối với Quốc tế.

*19 - 20 tháng Sáu* Ăng-ghen viết cho tờ "Volksstaat" bài "Trong Quốc tế" nhận định tình hình trong các chi hội Quốc tế ở các nước, bài báo được đăng ngày 2 tháng Bảy.

*20 tháng Sáu* Trong thư gửi Bê-bep. Ăng-ghen vạch ra những phương hướng cơ bản trong sách lược của Đảng công nhân xã hội dân chủ Đức trong cuộc đấu tranh nhằm lôi kéo về phía mình đông đảo quần chúng lao động, đồng thời phê phán quan điểm thoả hiệp của một số người lãnh đạo đảng đối với phái Lát-xan và ngăn ngừa tư tưởng chạy theo kết quả tức thời trong vấn đề hợp nhất với Hội liên hiệp công nhân toàn Đức; ông cũng chỉ ra ý nghĩa của Đại hội La Hay đã quét sạch bọn bè phái vô chính phủ khỏi Quốc tế.

*Tháng Bảy* Bất chấp sự cấm đoán của các bác sĩ. Mác vẫn tiếp tục làm việc tại phòng đọc của Viện bảo tàng Anh.

Ăng-ghen giúp thành viên người Pháp của Quốc tế là La-rốc, chạy sang Tây Ban Nha để tránh sự truy nã ở Pháp, để ông này liên lạc với các thành viên Quốc tế người Tây Ban Nha; ông nhận từ La-rốc những thông tin về tình hình ở Tây Ban Nha và về phong trào công nhân ở Boóc-đô.

*Tháng Bảy - tháng Mười* Mác nghiên cứu lịch sử chế độ chiếm hữu ruộng đất công xã ở Nga, đọc các cuốn "Hội nghị công xã và quận

ương" của V.I. Xéc-gây-ê-vích. "Nơi thâm sơn cùng cốc và chốn kinh kỳ" của Ph. Xcan-đin. "Lịch sử các bộ luật dân sự Nga" của C.A. Ne-vô-lin. "Những ác-ten của nước Nga xưa và nay" của N.Ca-la-trép v.v..

*25 - 26 tháng Bảy* Trong bức điện và thư gửi Doóc-gơ. Ăng-ghen tỏ ý đồng tình với việc đề cử Xê-rai-ơ làm đại diện của Tổng Hội đồng tại đại hội thường kỳ của Quốc tế ở Giơ-ne-vơ và yêu cầu gửi cho ông các bản chỉ thị và tài liệu để tìm hiểu trước.

*Đầu tháng Tám - đầu tháng Chín* Ăng-ghen chữa bệnh tại Ram-xgây-tơ, ông dành 1 ngày đến Luân Đôn để tổ chức việc gửi đi các nơi tác phẩm mới xuất bản "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế".

*12 tháng Tám* Mác gửi cho Đa-ni-en-xơn quyển cuối của tập I bộ "Tư bản", xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức.

*Cuối tháng Tám* Mác nhận được thư của Đa-ni-en-xơn tỏ ý tiếc rằng ông không thể gửi đến cho Mác tư liệu đầy đủ và tiểu sử của Séc-nư-sép-xki; ông cũng thông báo ý kiến của bạn bè Séc-nư-sép-xki cho rằng việc Mác viết về Séc-nư-sép-xki trên báo là không đúng lúc.

*Cuối tháng Tám - đầu tháng Chín* Mác và Ăng-ghen thảo luận qua thư từ về lợi ích của việc tham gia Đại hội Giơ-ne-vơ; cho rằng việc tiến hành trong những điều kiện như vậy một đại hội với đầy đủ quyền hạn của Quốc tế là không thể được, hai ông thuyết phục Xê-rai-ơ và Héc-nét từ chối chuyển đi Giơ-ne-vơ, Ăng-ghen thảo một bức thư cho Xê-rai-ơ nhan đề "Gửi các vị đại biểu đại hội lần thứ VI Hội liên hiệp công nhân quốc tế" trong đó giải thích tại sao ông từ chối tham gia đại hội.

*Tháng Chín - tháng Mười* Ăng-ghen viết bài "Bè lư Ba-cu-nin trong hành động". Trong bài viết này, bằng việc dẫn chứng về hoạt động của bọn Ba-cu-nin trong thời gian số ra cuộc khởi nghĩa ở Tây Ban Nha mùa hè năm 1873, Ăng-ghen vạch rõ tính chất thiếu cơ sở trong những nguyên tắc và sách lược của phái vô chính phủ. Bài báo đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 31 tháng Mười, ngày 2 và 5 tháng Mười một và đến cuối tháng Chạp 1873 được xuất bản thành sách riêng.

*Nửa đầu tháng Chín* Ăng-ghen viết cho tờ "Volksstaat" bản tóm tắt bằng tiếng Đức, tác phẩm "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân Quốc tế". Bản tóm tắt này đăng trên báo dưới nhan đề "Ca-li-ô-xtơ-rơ Ba-cu-nin" các số ra ngày 19, 21, 24 và 26 tháng Chín.

*Giữa 25 và 30 tháng Chín* Mác gửi cho S.Đác-uy-n và H.Xpen-xe-rơ tập I bộ "Tư bản" xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức.

*27 tháng Chín* Trong thư gửi Doóc-gơ, Mác phân tích hiện trạng của Quốc tế và cho rằng Quốc tế, với tư cách là hình thức tổ chức của phong trào công nhân, đã trở nên lỗi thời về mặt lịch sử; Mác yêu cầu gửi cho ông những đoạn báo cắt từ các báo Mỹ nói về khủng hoảng kinh tế ở Mỹ.

*Khoảng tháng Mười 1873 - tháng Hai 1874* Nhân dự định viết một tác phẩm về lịch sử nước Đức, Ăng-ghen dành nhiều thời gian vào việc nghiên cứu các tài liệu về kinh tế và thống kê, đọc các sách về thống kê nông nghiệp, thương nghiệp và cơ cấu hành chính của nước Phổ và Đức. Bên cạnh đó, Ăng-ghen ghi tóm tắt tỉ mỉ các cuốn "Mô tả về phương diện lịch sử

thương nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp" của G.Guy-lích và "Lịch sử nền nông nghiệp Đức" của Kh.Lan-ghe-tan.

Cùng thời gian này Ăng-ghen viết phác thảo tác phẩm tương lai của mình, được biết đến dưới nhan đề "Ghi chép về nước Đức"; trong những chép này Ăng-ghen chỉ ra nguyên nhân của tình trạng lạc hậu ở Đức và đánh giá rõ nét thế lực phản động, chủ nghĩa sô-vanh và chính sách Phổ hoá đang thống trị trong nước.

*1 tháng Mười* Mác nhận được thư của Đác-uy-n ngỏ lời cảm ơn về việc Mác gửi đến cho ông tập I bộ "Tư bản".

*Khoảng 28 tháng Mười 20* Ăng-ghen về Ăng-ghen-khiếc-khen (Đức) chịu tang mẹ.

*tháng Mười một* Mác và Ăng-ghen - sau khi ông từ Đức trở lại - gặp gỡ U-tin bấy giờ đang ở Luân Đôn, U-tin thông báo cho hai ông những bằng chứng mới về hoạt động của Ba-cu-nin.

*Khoảng 15 tháng Mười một* Mác đem tặng thư viện của Viện bảo tàng Anh một số quyển của tập I bộ "Tư bản" xuất bản bằng tiếng Pháp

*24 tháng Mười một - 15 tháng Chạp* Mác cùng con gái Ê-lê-ô-nô-ra dưỡng bệnh tại Kha-rô-gây-tơ; ông dành một ngày đi Man-se-xtơ để tham khảo ý kiến bác sĩ Hum-péc-tơ. Bác sĩ cấm ông tạm thời không được làm bất cứ việc gì.

*Giữa 25 và 28 tháng Mười một* Ăng-ghen gặp Lô-pa-tin từ Pa-ri đến Luân Đôn ít ngày để gặp gỡ Mác.

*Cuối tháng Mười một* Ăng-ghen tiến hành chỉnh lý bản dịch tiếng Đức tác phẩm "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế" do nhà xuất bản "Volksstaat" gửi đến cho ông: cuốn sách này được xuất bản bằng tiếng Đức dưới nhan đề "Âm mưu chống lại Quốc tế" ra mắt ở Brao-svai-gơ năm 1874.

*Cuối tháng Mười một đầu tháng Chạp* Ăng-ghen đọc bản thảo dịch ra tiếng Đức tập I bộ "Tư bản" của Mác

*Đầu tháng Chạp* Mác đọc tác phẩm "Những suy nghĩ và điều tra về tình hình xã hội thế kỷ 19" của nhà xã hội chủ nghĩa Bỉ X.Đơ Pa-pa và trong thư gửi Ăng-ghen, Mác nêu ý kiến bình phẩm về tác phẩm này.

Qua thư từ, Mác và Ăng-ghen trao đổi ý kiến về cuốn sách của R.Bê-nê-đích-xơ viết về Séc-xpia.

*Khoảng 24 tháng Chạp* Mác thông báo cho La-sa-tơ-rơ dự định của mình nhanh chóng dịch xong tập I bộ "Tư bản" ra tiếng Pháp.

*Khoảng 28 tháng Chạp* Đáp lại lời đề nghị của mình, Mác nhận được - qua Cu-ghen-man - một thông báo nói rằng ông chỉ có thể trở về Đức với điều kiện ông phải từ bỏ hoạt động cách mạng.

### 1874

*1874 - đầu năm 1875* Ăng-ghen tiếp tục viết tác phẩm "Biện chứng của tự nhiên". Trong thời gian này ông đã viết hơn 50 phân đoạn và ghi chú.

Mác đọc và tóm tắt cuốn sách "Nhà nước và tình trạng vô chính phủ" của Ba-cu-nin, nêu ra những nhận xét cá nhân, trong đó ông lý giải luận điểm về tính tất yếu lịch sử của chuyên chính vô sản và liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân là điều kiện cần thiết cho thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

*Tháng Giêng - tháng Tư* Mác lựa chọn và nghiên cứu tài liệu để hoàn thành các tập tiếp theo của bộ "Tư bản"; ông nghiên cứu những vấn đề về quyền sở hữu ruộng đất, so sánh tài liệu của các tác giả cổ đại với những công trình nghiên cứu mới nhất về vấn đề này.

*27 tháng Giêng* Trong thư gửi Líp-nếch. Ăng-ghen đánh giá kết quả của cuộc bầu cử vào nghị viện ở Đức ngày 10 tháng Giêng 1874, coi đó là một thắng lợi lớn của công nhân Đức đã tham gia trong cuộc bầu cử với tư cách một đảng độc lập; ông thông báo cho Líp-nếch ý định viết một cuốn sách về lịch sử nước Đức. Dự định này đã không thực hiện được.

*Cuối tháng Giêng* Ăng-ghen góp tiền vào quỹ bầu cử của Đảng công nhân xã hội - dân chủ Đức, Quỹ này do Hội khai sáng cộng sản chủ nghĩa của công nhân Đức ở Luân Đôn lập ra.

*Tháng Hai - đầu tháng Ba* Nhân nghiên cứu vấn đề ruộng đất để viết tiếp các tập trong bộ "Tư bản", Mác đi vào tìm hiểu sinh lý thực vật và lý thuyết bón phân nhân tạo cho đất, đồng thời ông đọc các cuốn sách của I.Au nhan đề "Học thuyết của Li-bích về hiện tượng đất bị bạc màu và những học thuyết kinh tế về dân số" và những công trình nghiên

cứu khác về hoá nông.

*Tháng Hai - giữa tháng Tư* Sức khoẻ của Mác lại giảm sút.

*21-22 tháng Hai* Ăng-ghen viết bài "Bầu cử ở Anh", nhận định mối tương quan giữa các lực lượng chính trị ở Anh và chỉ ra nguồn gốc xã hội của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Anh. Bài này được đăng với tư cách là bài xã luận trên tờ "Volksstaat" ngày 4 tháng Ba.

*Cuối tháng Hai - đầu tháng Ba* Ăng-ghen viết bài "Đạo luật quân sự của Đế chế", vạch trần chủ nghĩa quân phiệt của chính phủ Bít-xmác đang chuẩn bị chiến tranh phòng ngừa chống lại Pháp. Bài báo gồm hai phần đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 8 và 11 tháng Ba.

*Tháng Ba* Nhà dân tuý Nga P.L. La-vrốp, chủ bút tạp chí "Tiến lên!" đến thăm Mác. Trước đó ít lâu La-vrốp chuyển từ Xuy-rích đến Luân Đôn để tiếp tục xuất bản tạp chí.

*Tháng Ba - tháng Tư* Mác và Ăng-ghen thường xuyên gặp Lô-pa-tin: Mác chuyển những bức thư Đa-ni-en-xơn gửi Lô-pa-tin và nhận từ Lô-pa-tin bài báo "Học thuyết kinh tế của Mác" của Ni.Di-be-rơ đã đăng trên tạp chí "Trí thức" số 1 năm 1874.

*13 tháng Ba* Ăng-ghen viết bài "Môn-tơ-kê, một sĩ quan tham mưu hay la hét và lảm lì, thông tin viên gần đây của ông ta ở Lai-pxich". Trong bài này ông tiếp tục phê phán chủ nghĩa quân phiệt Đức và những kẻ đại diện cho nó; bài báo được đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 25

tháng Ba.

*Giữa tháng Tư - 5 tháng Năm* Mác chữa bệnh ở Ram-xgây-tơ.

*4-5 tháng Năm* Theo yêu cầu của V.Vru-blép-xki, Ăng-ghen đọc "Lời kêu gọi của những người lưu vong Ba Lan gửi nhân dân Anh", do ông và nhà cách mạng Ba Lan I-a. Crưn-xki viết.

*Giữa 5 và 12 tháng Năm* Sau một thời gian nghỉ do bị bệnh, Mác tiếp tục dịch ra tiếng Pháp tập I bộ "Tư bản" và ngày 12 tháng Năm ông gửi đến Pa-ri phần đã dịch xong của tác phẩm.

*Khoảng giữa tháng Năm 1874 - giữa tháng Tư 1875* Ăng-ghen viết một loạt 5 bài báo dưới nhan đề "Sách báo của giới lưu vong", trong đó phân tích những khuynh hướng mới trong sự phát triển của phong trào dân chủ và vô sản ở châu Âu.

Trong bài báo thứ nhất "Tuyên ngôn Ba Lan", Ăng-ghen chỉ ra rằng vấn đề xã hội và dân tộc ở Ba Lan chỉ có thể giải quyết được bằng con đường cách mạng và một lần nữa ông nhấn mạnh ý nghĩa những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Bài báo này đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 17 tháng Sáu 1874.

*Nửa cuối tháng Năm giữa tháng Bảy* Mác làm việc với ba quyển cuối cùng của tập I bộ "Tư bản" xuất bản bằng tiếng Pháp.

*Tháng Sáu* Ăng-ghen viết bài thứ hai trong tập "Sách báo của giới lưu vong". "Cương lĩnh của những thành viên Công xã lưu vong thuộc phái Blăng-ki". Bài này đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 26 tháng Sáu.

Trong thư gửi Brắc-cơ, Ăng-ghen nêu một loạt nhận xét về cương lĩnh của Đảng công nhân xã hội - dân chủ Đức nhân có hoạt động của uỷ ban được đại hội năm 1873 bầu ra để xem xét lại cương lĩnh.

*Tháng Sáu -  
tháng Bảy*

Trong thư gửi Líp-nếch, Blô-xơ và Héc-nét, Mác và Ăng-ghen đã báo trước để các ông đối phó với nguy cơ ảnh hưởng của nhà chính luận tiểu tư sản O.Đuy-rinh đối với phái dân chủ - xã hội Đức, hai ông cũng cực lực phản đối cuốn sách của ông ta "Lịch sử có tính phê phán của khoa kinh tế chính trị và của chủ nghĩa xã hội".

*Khoảng 15  
tháng Sáu*

Ăng-ghen nhận được thông báo của Líp-nếch về việc chính phủ Đức truy nã các biên tập viên tờ "Volksstaat".

*24 tháng Sáu*

Để trả lời bức thư của thành viên người Đức của Quốc tế A.Véc-man sống lưu vong ở Ri-ô-đơ Gia-nê-rô, Ăng-ghen thông báo cho ông về tình hình trong Hội liên hiệp.

*1 tháng Bảy*

Để chuẩn bị cho lần xuất bản thứ ba cuốn "Chiến tranh nông dân ở Đức". Ăng-ghen bổ sung thêm vào lời tựa mà ông đã viết cho lần xuất bản thứ hai tác phẩm này vào năm 1870, trong lời bổ sung này, một mặt Ăng-ghen phân tích vai trò tiên phong của giai cấp công nhân Đức trong phong trào công nhân quốc tế, một mặt ông chỉ ra sự cần thiết phải kết hợp ba hình thức đấu tranh giai cấp

của giai cấp vô sản là đấu tranh lý luận, đấu tranh chính trị và đấu tranh kinh tế và nhấn mạnh việc nắm vững lý luận cách mạng và phổ biến nó trong quần chúng là nhiệm vụ cấp bách của ban lãnh đạo Đảng công nhân xã hội - dân chủ Đức.

*Nửa cuối  
tháng Bảy*

Mác nghỉ ở Rai-đơ. Qua thư từ Mác và Ăng-ghen thảo luận những vấn đề về tình hình quốc tế và tình hình nội bộ ở Đức, Anh, Pháp và I-ta-li-a.

*Khoảng cuối  
tháng Bảy - tháng  
Chín*

Ăng-ghen viết bài báo thứ ba trong tập "Sách báo của giới lưu vong", phê phán quan điểm thoả hiệp của chủ bút tờ "Tiến lên!", La-vrốp đối với bọn Ba-cu-nin. Bài này đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 6 và 8 tháng Mười.

*Khoảng 28  
tháng Bảy*

Ăng-ghen nhận được thông báo của Líp-nếch về thành công của đại hội Đảng công nhân xã hội - dân chủ Đức diễn ra trong các ngày 18 - 21 tháng Bảy 1874 ở Cô-buốc.

*Đầu tháng  
Tám*

Mác tìm cách nhập quốc tịch Anh và đệ đơn lên Bộ nội vụ; lá đơn bị cự tuyệt với lý do Mác có thái độ chống đối vua Phổ.

*4 tháng Tám*

Trong thư gửi Doóc-gơ, Mác nêu đặc điểm bối cảnh phát triển của phong trào công nhân các nước châu Âu.

*6-7 tháng*

Mác trong khi đưa con gái mình là Gien-ny đi, đã ghé thăm Ăng-ghen ở I-xtơ-boóc-nơ.

*Tám*

*Giữa tháng*

Ăng-ghen nhận được thư của Doóc-gơ thông báo ông rút khỏi thành phần Tổng Hội đồng.

*Tám*

*13 tháng Tám*

Theo lời căn dặn của các bác sĩ, Mác cùng với con gái ông là Ê-lê-ô-nô-ra rời Luân Đôn đến Các-lơ-xbát.



*Khoảng 15-20 tháng Tám* Ăng-ghen tán thành đề nghị của Blô-xơ nói về lợi ích của việc xuất bản ở Khuên tờ nhật báo công nhân mang tên

""Neue Rheinische Zeitung": ý định của Blô-xơ cuối cùng không thực hiện được.

*19 tháng Tám - 21 tháng Chín* Mác chữa bệnh ở Các-lơ-xbát, ông thường gặp mặt gia đình Cu-ghen-man.

*5 tháng Chín* Ăng-ghen trở về Luân Đôn sau khi nghỉ tại đảo Giéc-xi.

*12-17 tháng Chín* Trong thư gửi Doóc-gơ Ăng-ghen chỉ rõ ý nghĩa lịch sử của Quốc tế và tỏ ý tin tưởng rằng trong tương lai nhất định sẽ xuất hiện một tổ chức quốc tế cộng sản của giai cấp vô sản dựa trên những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác.

*Giữa 22 tháng Chín đầu tháng Mười* Trên đường từ Các-lơ-xbát trở về, Mác dừng chân ở Drét-xden, Lai-pxích, Béc-lin và Hăm-buốc, ở Lai pxích, Mác gặp Líp-nếch và Blô-xơ vừa mới ở tù ra. Ngoài ra, ông còn gặp gỡ các đại diện của tổ chức Đảng ở Lai-pxích và nói chuyện với họ về tình hình trong đảng và sự cần thiết phải đấu tranh chống phái Lát-xan.

*Khoảng 3 tháng Mười* Mác trở lại Luân Đôn.

*Khoảng 20 tháng Mười* Đáp ứng yêu cầu của Lô-pa-tin bấy giờ đang ở Pa-ri, Ăng-ghen gửi cho ông bài báo thứ ba trong tập "Sách báo của giới lưu vong". Lô-pala-tin lập tức chuyển bài báo này cho các đồng chí hoạt động cách mạng ở Pê-téc-

bua.

*Giữa 20 và 30 tháng Mười* Mác nhận được của Líp-nếch và G.Ram-mơ, một trong những người lãnh đạo ban biên tập tờ "Volksstaat", thông báo về đề nghị của Hội liên hiệp công nhân toàn Đức xin hợp nhất với Đảng công nhân xã hội - dân chủ: trong thư gửi Mác, Líp-nếch nhấn mạnh rằng đề nghị này được đón nhận với sự cảnh giác cao độ.

*28 tháng Mười - 18 tháng Chạp* Tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" của Mác lần đầu tiên được công bố ở Đức có ghi tên tác giả trên tờ "Volksstaat".

*Cuối năm 1874* Mác đọc tác phẩm "Ca-ve-nhắc" của Séc-nư-sép-xki và nghiên cứu lại một cách kỹ lưỡng "Những bức thư không địa chỉ" xuất bản ở Xuy-rích năm 1874.

### 1875

*8 tháng Giêng* Mác viết lời bạt cho lần xuất bản thứ hai cuốn "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên". Lời bạt này đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 27 tháng Giêng; cuốn sách được xuất bản năm 1875.

*25 tháng Giêng* Mác và Ăng-ghen phát biểu tại cuộc họp kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863 - 1864; diễn văn của hai ông được Ăng-ghen ghi lại và đăng dưới hình thức một bài viết dưới nhan đề "Ủng hộ Ba Lan" trên tờ "Volksstaat" ngày 24 tháng Ba.

*Cuối tháng Giêng* Mác hoàn thành ba quyển cuối cùng của tập I bộ "Tư bản" dịch ra tiếng Pháp và gửi đến Pa-ri những quyển đó.

*Đầu tháng Hai* Mác đọc các sách báo của giới lưu vong Nga do La-vrốp gửi đến, và trong thư gửi la-vrốp, ông đặc biệt

nhấn mạnh rằng tài liệu hay nhất trong đó là mục "Những gì đang diễn ra ở Tổ quốc" đăng trong tạp chí "Tiến lên!", trong đó có ghi chép của Lô-pa-tin "Từ Léc-cút" nói về các giáo phái ở Nga như một trong những hình thức phản đối của quần chúng nhân dân đối với chế độ chuyên chế của Nga hoàng.

*Tháng Hai -  
đầu tháng Ba*

Mác đọc cuốn sách của nhà dân tuý Nga P.Tca-trép "Thư ngỏ gửi ông Ph.Ăng-ghen" và gửi cuốn sách đó cho Ăng-ghen kèm theo nhận xét của mình cùng với đề nghị Ăng-ghen trả lời. Thay cho trả lời, Ăng-ghen viết bài báo thứ tư và thứ năm trong tập "Sách báo của giới lưu vong", trong đó ông phân tích những mối quan hệ xã hội ở Nga và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thời kỳ sau cải cách và phê phán gay gắt quan điểm của các nhà dân tuý về những vấn đề này. Hai bài báo được đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 28 tháng Ba, ngày 2, 16, 18 và 21 tháng Tư. Bài thứ năm, với lời mở đầu Ăng-ghen viết riêng cho nó, được xuất bản thành sách riêng dưới nhan đề "Về vấn đề xã hội ở Nga", xuất bản tại Lai-pxích năm 1875.

*Tháng Hai -  
tháng Tư*

Ăng-ghen chăm chú theo dõi sự căng thẳng ngày càng tăng trong quan hệ Pháp - Đức và viết bài "Những lời la ó bán chính thức về chiến tranh", trong đó, ông

vạch trần đường lối hiếu chiến của chính phủ Bít-xmác vào năm 1875, khi chiến tranh có nguy cơ bùng nổ; bài báo đăng trên tờ "Volksstaat" ngày 23 tháng Tư.

## BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

### A

*A-be-lơ* (Abeele). Hăng-ri Van-den - người Bỉ, theo chủ nghĩa vô chính phủ, thương gia, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872), bị đui khỏi quốc tế do quyết định của Tổng Hội đồng ra ngày 30 tháng Năm 1873. – 204, 206, 209, 213, 214.

*A-crôi-đơ* (Akroyd). Ê-đu-a - người Anh, chủ nhà máy, theo phái tự do, nghị sĩ. – 337.

*A-le-ri-ni* (Alerini). Sác-lơ (sinh năm 1842) - người theo chủ nghĩa vô chính phủ ở Pháp, người gốc Coóc-xơ, uỷ viên chi hội Quốc tế ở Mác-xây, một trong những người tổ chức Công xã ở Mác-xây (tháng Tư 1871). Sau khi Công xã bị đàn áp, ông sang cư trú ở I-ta-li-a, sau đó ở Tây Ban Nha, tại đó tiến hành tuyên truyền chủ nghĩa vô chính phủ, là chủ bút tờ "Solidarité révolutionnaire" (ở Bắc-xê-lô-na); đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872), bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ra ngày 30 tháng Năm 1873. – 206, 208-216, 497, 506, 648, 649.

*A-len* (Allen). Gioóc-giơ R. - đảng viên đảng cấp tiến tư sản ở Mỹ, – 137.

*A-léch-xan-đrốp-xcai-a*. Váp-va-ra Vla-di-mi-rốp-na (sinh vào khoảng năm 1833) - tham gia tổ chức của Ne-sa-ép, năm 1871 bị đày đi Xi-bia. – 570,

571.

*A-léch-xan-đơ I* (1777-1825) - hoàng đế Nga (1801-1825). – 811.

*A-léch-xan-đơ II* (1818-1881) - hoàng đế Nga (1855 - 1881). – 550, 599, 602, 604, 612., 687, 703, 791.

*A-léch-xây Mi-khai-lô-vích* (1629-1676) - Nga hoàng (1645-1676). – 541.

*A-ma-đây* (1845-1890) - con trai của Vích-to Ê-ma-nu-en II, vua Tây Ban Nha (1870-1873). – 466, 509, 645.

*A-plơ-gác* (Applegarth). Rô-bóc (1833-1925) - một trong những thủ lĩnh theo chủ nghĩa cải lương của phong trào công liên Anh, là thợ mộc gỗ hồng sắc, tổng thư ký Hiệp hội những người thợ mộc (1862-1871), uỷ viên Hội đồng Công liên Luân Đôn; uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1865, 1868-1872), đại biểu Đại hội Ba-lơ của Quốc tế (1869), một trong những người lãnh đạo Đồng minh cải cách: năm 1871 từ chối ký vào lời hiệu triệu của Tổng Hội đồng "Nội chiến ở Pháp", sau đó rời bỏ phong trào công nhân. 70– 98, 112, 878.

*A-stơn* (Ashton), Tô-mát - chủ nhà máy ở Anh, đảng viên đảng tự do. – 336, 340.

*A-su-ước-tơ* (Ashwort), Êt-mun-đơ - chủ nhà máy ở Anh, đảng viên đảng tự do. – 336, 340.

*Ác-nô* (Arnaud) Ăng-toan (1831-1885) - nhà cách mạng Pháp theo phái Blăng-ki, uỷ viên Ban chấp hành trung ương đội vệ binh quốc gia và Công xã Pa-ri; sau khi Công xã Pa-ri bị đàn áp, ông sang cư trú ở Anh, là uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872), đại biểu Đại hội La Hay (1872), rút lui khỏi Quốc tế nhân có quyết định của đại hội về việc chuyển Tổng Hội đồng đến Niu Oóc. – 70, 98, 112, 204, 205, 209, 214.

*A-ba-ra-xin* (Atbarracin). Xa-ve-ri-nô A-ma-đây - thành viên tổ chức vô chính

phủ ở Tây Ban Nha, nhà giáo, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha (1872-1873), một trong số những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, ở An-côi-e năm 1873, sau khi cách mạng thất bại sống lưu vong ở Thụy Sĩ. – 161, 653.

*An-tô-ne-li* (Antonelli), Gia-cô-me (1806-1876) - hồng y giáo chủ ở I-ta-li-a, cố vấn thân cận nhất của giáo hoàng Pi IX, trong những năm 1850-1870 thực tế đã cai quản địa hạt của giáo hoàng. – 511.

*áp-ri-an* (Avrial). Ô-guy-xten (1840-1904) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, thợ cơ khí, môn đồ tả khuynh của Pru-đông; nhà sáng lập công hội của những người thợ cơ khí, uỷ viên Hội đồng Liên chi các chi hội Quốc tế ở Pa-ri, thành viên Công xã Pa-ri, uỷ viên Ban lao động và trao đổi. Ban hành động và quân sự của Công xã; sau khi Công xã bị đàn áp, sống lưu vong ở Anh, tại đó ông gia nhập chi bộ Pháp năm 1871 trong một thời gian, chi bộ này chủ trương chống lại Tổng Hội đồng. – 41.

*Ay-rơ-tơn* (Ayrton), Êc-tơn Xmi (1816-1886) - nhà hoạt động chính trị người Anh

người theo phái tự do, nghị sĩ (1857-1874), trong những năm 1869-1873 lãnh đạo cơ quan phụ trách các công việc xã hội. – 669.

*Ăng-ghen* (Angels), Phri-đrich (1820-1895) (những tài liệu có tính chất tiểu sử). -71, 80, 81, 87-89, 98-100, 106, 107, 113, 127, 128, 140, 165, 167-173, 203-207, 209-216, 227, 231, 240-244, 253-255, 259, 269, 290,292, 299, 300, 306, 325, 332, 347, 351, 355, 357, 361, 368, 387, 432-435, 446, 451, 646, 656, 700, 708, 718, 721, 723, 737,741, 747, 773, 775, 879, 880, 882, 884, 888, 899, 902-904.

## B

*Ba-ca-vơ* (Bacave) - mật thám của cảnh sát Pháp lọt vào chi bộ Quốc tế ở Nác-bon-nơ, người ủng hộ phái vô chính phủ, bị vạch trần năm 1873. – 526.

*Ba-cu-nin*, Mi-kha-in A-lếch-xan-đơ-vích (1814-1876) - nhà cách mạng và chính luận Nga, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849 ở Đức, một trong những nhà tư tưởng của phong trào dân túy và chủ nghĩa vô chính phủ; trong Quốc tế, y hành động như một kẻ thù điên cuồng của chủ nghĩa Mác. Tại Đại hội La Hay năm 1872 bị đuổi ra khỏi Quốc tế vì hoạt động chia rẽ, – 18, 23-29, 34, 46, 49, 56, 60, 69, 92, 93, 157-161, 163, 188, 190-194, 202, 212, 221, 228, 229, 240, 248, 251, 362, 427, 436, 437, 440, 443, 444, 451, 455-459, 462-472, 475, 478-483, 485, 488-497, 501, 508, 510, 514, 519-524, 528, 538-561, 563-567, 569-572, 575, 576, 584, 590-595, 596-603, 604-614, 631-635, 640,641, 658, 659, 662, 698, 729,730, 734, 736, 744, 749, 760, 809, 810, 821, 826, 829, 833, 834, 839-842, 847, 854, 857, 858-867, 884, 886, 889, 890.

*Ba-den* (Bazaine), Phrăng-xoa A-sin (1811-1888) - thống chế Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ, trong những năm 1863 - 1867 cầm đầu cuộc can thiệp vũ trang của Pháp vào Mê-hi-cô; trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ chỉ huy

quân đoàn 3, tiếp đó là đơn vị vùng Ranh, đến tháng Mười 1870 đầu hàng tại Mét-xơ. – 688.

*Ba-i-a* (bayard), Pi-e (khoảng năm 1475-1524) - hiệp sĩ Pháp, được những người cùng thời biết tiếng như một mẫu mực của lòng dũng cảm, cao thượng, như "một hiệp sĩ không biết sợ và quả trách ai". – 465.

*Ba-ri* (Barry). Man-tơ-man (1842-1909) - nhà báo Anh, nhà xã hội chủ nghĩa, uỷ viên Quốc tế, đại biểu Đại hội La Hay (1872), uỷ viên Tổng Hội đồng (1872) và Hội đồng Liên chi bộ Anh (1872-1873), ủng hộ Mác và Ăng-ghen trong cuộc đấu tranh chống phái Ba-cu-nin và các thủ lĩnh công liên Anh theo chủ nghĩa cải lương; sau khi hoạt động của Quốc tế chấm dứt, ông tiếp tục tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa ở Anh, đồng thời cộng tác với tờ báo của phái bảo thủ "Standard", trong những năm 90 đứng về phía cái gọi là "phe xã hội chủ nghĩa" trong phái bảo thủ, – 102, 112, 205, 209, 214, 878, 891.

*Ba-xtê-li-ca* (Bastelica), Ăng-đrê (1845 - 1884) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp và Tây Ban Nha, là thợ in, thành viên của Quốc tế, theo phái Ba-cu-nin, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871), đại biểu Hội nghị Luân Đôn năm 1871. - 27, 29, 35, 42, 479, 481, 497, 522.

*Bác-ni* (Barni), Giuy-ơ (1818-1878), nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà triết học duy tâm, một trong những người tổ chức ra Đồng minh hoà bình và tự do, từ năm 1872 là đại biểu quốc hội. – 456.

*Ban-cơ-xơ* (Banks), Tê-ô-đo - uỷ viên Ban chấp hành trung ương các chi hội Quốc tế ở Bắc Mỹ (1871), là thợ kẻ biển, theo quan điểm của phái cấp tiến tư sản. – 137.

*Bát* (Butt). I-xắc (1813-1879) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, đảng viên đảng tự do, nghị sĩ; vào những năm 70 là một trong những người tổ chức phong trào tự quản ở Ai-rơ-len. – 674.

*Bát-te-ri* (Buttery G.H.) - uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872). – 70, 98,

112, 878.

*Bau-xơ* (Bousquet), A-ben - người theo chủ nghĩa vô chính phủ Pháp, bị khai trừ khỏi chi hội quốc tế như một tên tay sai của cảnh sát. – 212, 262, 427, 526.

*Bay-lơ* (Bayle), Pi-e (1647-1706) - nhà triết học Pháp, theo chủ nghĩa hoài nghi, nhà phê bình của chủ nghĩa giáo điều tôn giáo. – 805.

*Bắc* (Bach), Giô-han Xê-ba-xti-an (1685 - 1750) - nhạc sĩ Đức vĩ đại. – 802.

*Béc-tơ* (Burt), Tô-mát (1837-1922) - người theo chủ nghĩa công liên Anh, thợ mỏ, thư ký Hội liên hiệp những người thợ mỏ Noóc-tôm-bóc-len, nghị sĩ (1874-1918), thi hành chính sách của đảng tự do. – 670, 674.

*Béc-tơ-ran* (Bertrand, F.) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Mỹ, công nhân sản xuất thuốc là người gốc Đức, thư ký thông tin viên của chi hội số 6 của Quốc tế ở Niu Oóc, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Bắc Mỹ của Quốc tế (1872) và biên tập viên báo "Arbeiter - Zeitung", uỷ viên Tổng Hội đồng do Đại hội La Hay (1872) bầu. – 215, 906, 908.

*Béc-vi*, Va-xi-li Va-xi-lê-vích (biệt danh *N.Phlê-rốp-xki*) (1829-1918) - nhà kinh tế và xã hội học Nga, nhà khai sáng - dân chủ, đại diện cho chủ nghĩa xã hội không tưởng dân tụy, tác giả cuốn sách "Tình cảnh giai cấp lao động ở Nga". – 545, 759.

*Ben-nét* (Bennett), Gioóc-giơ - uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh (1872-1873) do chi hội Ha-li-phác đưa lên. - 429.

*Bét-thô-ven* (Beethoven). Lút-vích-van (1770 - 1827) - nhà soạn nhạc vĩ đại người Đức. – 804.

*Bê-ben* (Bebel), Au-gu-xơ (1840-1913) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức và quốc tế, thợ tiện, từ năm 1867 lãnh đạo Liên hiệp các hội công nhân Đức, thành viên Quốc tế, từ năm 1867 là đại biểu Quốc hội,

là một trong những nhà sáng lập và lãnh đạo chế độ dân chủ - xã hội Đức, đấu tranh chống phái Lát-xan, đứng trên quan điểm lập trường của chủ nghĩa quốc tế vô sản trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ, đứng về phía Công xã Pa-ri, bạn chiến đấu thân thiết của Mác và Ăng-ghe-nen, nhà hoạt động của Quốc tế thứ hai, những năm 90 và đầu thế kỷ XX đấu tranh chống lại chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cơ hội, tuy nhiên ông cũng mắc phải một loạt sai lầm có tính chất trung phải chủ nghĩa, nhất là vào thời kỳ hoạt động cuối cùng của ông. – 80, 123, 180, 183, 426.

*Bê-hen-li* (Bêghetli), Giu-đép (1847-1877) - nhà báo I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, tham gia cuộc hành quân của Ga-ri-ban-đi, biên tập cho một loạt báo của phái cộng hoà. – 514.

*Bê-rê-đốp-xki* (Berezowski), An-tô-ni (1847- khoảng 1916) - nhà cách mạng Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa 1863-1864, sau khi cuộc khởi nghĩa bị dập tắt, sống lưu vong ở nước ngoài. Tháng Sáu 1867 ám sát Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ II, bị toà án hội thẩm Pháp kết án 20 năm lao động khổ sai. – 703.

*Bê-nê-đếch* (Bencdek), Lút-vích (1804-1881) - tướng Áo, trong chiến tranh Pháp - Phổ năm 1866 là tổng tư lệnh quân đội Áo. – 686.

*Bêch-cơ* (Becker), Béc-nơ-hác (1826-1882) - nhà chính luận Đức, người theo phái Lát-xan, chủ tịch Liên đoàn công nhân toàn Đức (1864-1865), năm 1872 là đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế, – 204, 206, 215.

*Bêch-cơ* (Becker), I-ô-han Phi-líp (1809-1886) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, là công nhân sản xuất bàn chải, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849 là người tổ chức các chi hội quốc tế ở Thụy Sĩ và Đức, đại biểu Hội nghị Luân Đôn (1865) và tất cả các đại hội của Quốc tế, chủ bút tạp chí "Vorbote" (1866-1871); là bạn chiến đấu thân thiết của Mác và Ăng-ghe-nen. – 114, 204, 206, 208-215.

*Bi-dơ-li* (Beesly), "Ét-uốc Xpen-cơ (1831-1915) nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Anh, đảng viên đảng cấp tiến tư sản, người theo chủ nghĩa thực chứng, giáo sư trường Đại học tổng hợp Luân Đôn; trong những năm 1870-1871 ông đã phát biểu trên báo chí Anh bảo vệ Quốc tế và Công xã Pa-ri. – 120, 148, 149.

*Bi-déc-man* (Biedermann). Các (1812-1901) - nhà sử học và nhà chính luận tư sản Đức, lúc đầu theo phái tự do ôn hoà, từ những năm 60 theo phái tự do dân tộc chủ nghĩa, chủ bút tờ "Deutsche Allgemeine Zeitung" (1863-1879). – 246.

*Bi-na-mi* (Bignami), En-ri-cô (1846-1921) - nhà hoạt động của phong trào công nhân và dân chủ I-ta-li-a, nhà báo, chiến sĩ đấu tranh cho nền cộng hoà, người tham gia cuộc hành quân Ga-ri-ban-đi; người tổ chức ra chi bộ Quốc tế ở Lô-di, chủ bút tờ "Plebe" (1868-1882), từ năm 1871 thường xuyên trao đổi thư từ với Ăng-ghe-n, đấu tranh cho việc thành lập một đảng công nhân độc lập ở I-ta-li-a, chống lại chủ nghĩa vô chính phủ. – 224, 423, 431, 433, 445.

*Bít-xmác* (Bismarck), Ót-tô, công tước (1815-1898) - nhà hoạt động quốc gia, nhà ngoại giao Phổ và Đức, đại diện cho giới địa chủ quý tộc ở Phổ, đại sứ ở Pê-téc-bua (1859-1862) và ở Pa-ri (1862); thủ tướng Phổ (1862-1871), thủ tướng đế chế Đức (1871-1890); Bít-xmác thực hiện thống nhất nước Đức bằng con đường phản cách mạng, là kẻ thù điên cuồng của phong trào công nhân, tác giả đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa (1878). 16 – 32, 61, 65, 115, 180, 184, 336, 350, 355, 399-404, 426, 482, 491, 676, 678, 681, 683, 686, 711, 720, 728, 771, 778, 789, 839, 878, 897.

*Blăng* (Blane), Ga-xpác - người Pháp theo phái Ba-cu-nin, đội trưởng bảo dưỡng đường, tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1870 ở Ly-ông. Sau khi Công xã pri thất bại, theo phái Bô-na-pác-tơ. – 27, 29, 33, 66-69, 263, 479, 481, 522,

612.

*Blăng* (Blanc), Lu-i (1811-1882) - nhà xã hội chủ nghĩa và nhà sử học tiểu tư sản Pháp; năm 1848 là thành viên của chính phủ lâm thời và chủ tịch Ủy ban Lúc-xăm-buốc; đứng trên quan điểm thoả hiệp với giai cấp tư sản; tháng Tám 1848 sống lưu vong ở Anh, là một trong những người đứng đầu giới lưu vong tiểu tư sản ở Luân Đôn; là đại biểu Quốc hội năm 1871, chủ trương chống lại Công xã Pa-ri. – 604.

*Blăng-ki* (Blaqui), Ô-guy-xtơ (Lu-i Ô-guy-xtơ) (1805-1881) - nhà cách mạng Pháp, người theo chủ nghĩa cộng sản không tưởng, người tổ chức ra nhiều hội kín và các vụ thông mưu, người tham gia tích cực các cuộc cách mạng năm 1830 và năm 1848; nhà lãnh đạo xuất sắc của phong trào vô sản ở Pháp. – 714, 715, 777.

*Blin-đơ* Blind). Các-lơ (1826-1907) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-den năm 1848-1849, là một trong những người cầm đầu giới lưu vong tiểu tư sản Đức ở Luân Đôn trong những năm 50, từ những năm 60 theo chủ nghĩa tự do dân tộc, trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ và sau này trở thành kẻ sô-vanh cuồng nhiệt. – 117.

*Bluy-khơ* (Blucher), Ghép-bác Lê-bê-rếch (1742-1819) - thống chế Phổ, người tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp của Na-pô-lê-ông. – 682.

*Boi-xtơ* (Beust), Phri-đrich, bá tước (1809-1886) - nhà hoạt động quốc gia phản động của Đắc-den và Áo, kẻ chống lại sự thống nhất nước Đức dưới quyền bá chủ của Phổ, người ủng hộ nền độc lập của các quốc gia nhỏ ở Đức, trong những năm 1849-1866 giữ một loạt các chức vụ bộ trưởng trong chính phủ Đắc-den, bộ trưởng ngoại giao (1866-1871), thủ tướng Áo - Hung-ga-ri (1867-1871), đại sứ ở Luân Đôn (1871-1878) và ở Pa-ri (1878-1882). – 16, 181, 184.

*Bô-nan-xa* (Bonanca) - người theo chủ nghĩa vô chính phủ Bồ Đào Nha, là

linh mục hoàn tục. – 495.

*Bô-ren* (Borrel), En-ri-cô - người theo chủ nghĩa vô chính phủ Tây Ban Nha, thợ may, là một trong những người sáng lập các chi hội đầu tiên của Quốc tế ở Tây Ban Nha; uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha (1870 - 1871). – 495.

*Bô-vê* (Bové), Clê-men-tơ - người theo chủ nghĩa vô chính phủ Tây Ban Nha, là thợ dệt, chủ tịch Hiệp hội công nhân các nhà máy ở Ca-ta-lô-ni. – 509.

*Bôn-tê* (Bolte), Phrri-đrich- nhà hoạt động của phong trào công nhân Mỹ, công nhân sản xuất thuốc lá, người gốc Đức, thư ký Hội đồng Liên chi của tiểu ban Bắc Mỹ thuộc Quốc tế (1872), thành viên của ban biên tập báo "Arbeiter - Zeitung", uỷ viên Tổng Hội đồng (1872-1874) do Đại hội La Hay bầu ra, năm 1874 bị khai trừ khỏi Quốc tế. – 215, 906, 908.

*Brai-tơ* (Bright), Giôn (1811-1889) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, là một trong những người đứng đầu phái mật dịch tự do và là một trong những người sáng lập ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, từ đầu những năm 60 là thủ lĩnh phái tả của đảng tự do, giữ nhiều chức vụ bộ trưởng trong nội các của đảng tự do. – 96.

*Brát-ni-cơ* (Bradnick), Phrê-đê-rích - uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1870-1872), đại biểu Hội nghị Luân Đôn (1871), từ sau Đại hội La Hay (1872) ngả sang phe cải lương trong Hội đồng Liên chi hội Anh, bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873. – 70, 98, 112, 270, 278, 279, 878.

*Brau-xơ* (Brouse), Pôn (1854-1912) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, thầy thuốc, tham gia Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp sống lưu vong, theo phái vô chính phủ, năm 1879 gia nhập Đảng công nhân Pháp, là một trong những người cầm đầu và một trong những nhà tư tưởng của khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp

thuộc phái khả năng. – 442, 525, 649.

*Brây* (Bray). Giôn Phren-xít (1809 - 1895) - nhà kinh tế học Anh, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, môn đồ của R.Ô-oen; là người phát triển học thuyết về "tiền công lao động". – 412.

*Brắc-cơ* (Bracke), Vin-hem (1842-1880) - nhà dân chủ xã hội Đức, người xuất bản sách báo xã hội chủ nghĩa ở Brao-nơ-svai-gơ, từ năm 1869 là một trong những người sáng lập và lãnh đạo Đảng công dân chủ xã hội, thành viên nhóm dân chủ - xã hội trong Quốc hội (1877-1879). – 726.

*Bren-ta-nô* (Brentano), Luy-ô (1844-1931) - nhà kinh tế học tư sản tầm thường Đức, một trong những đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa xã hội giảng đàn, – 119, 145.

*Bri-xme* (Brismée). Đê-di-rơ (1823-1888) - Nhà hoạt động của phong trào công nhân và dân chủ ở Bỉ, công nhân nhà máy in, môn đồ của Pru-đông, một trong những người sáng lập chi hội Quốc tế ở Bỉ (1865), uỷ viên (tổng) Hội đồng Liên chi hội Bỉ từ năm 1869, đại biểu Đại hội Bruy-xen (1868), phó chủ tịch Đại hội Ba-lơ (1869), đại biểu Đại hội La Hay (1872) của Quốc tế, ngả sang phái Ba-cu-nin, sau này từ bỏ chủ nghĩa vô chính phủ, là uỷ viên Ban chấp hành Đảng công nhân Bỉ. - 204, 206, 209, 211, 213, 215.

*Brích-xơ* (Brix), Ha-rôn-đơ (1841-1881) - nhà hoạt động của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa ở Đan Mạch, nhà báo, một trong những người sáng lập chi hội Quốc tế ở Cô-pen-ha-ghen, chủ bút báo "Socialisten", một trong những người tổ chức và lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Đan Mạch (1876). – 183.

*Bru-tút* (Lu-xi Giu-ni-út Bru-tút (mất khoảng 509 trước C.N.) - tương truyền là người lập ra Cộng hoà La Mã, là người đã ra lệnh tử hình các con trai của mình vì tội tham gia vào âm mưu chống nước cộng hoà. – 414.

*Bru-tút* (Mác-cút Giu-ni-út Bru-tút (khoảng 85-42 trước C.N.) - nhà hoạt



động chính trị La Mã, một trong những người chủ xướng âm mưu thành lập nước cộng hoà quý tộc chống lại Giuy-li-út Xê-da. – 716,717.

*Bru-vơ* (bruce), Hen-ri Ô-x-tin (1815-1895) - nhà hoạt động quốc gia Anh, đảng viên đảng tự do, bộ trưởng nội vụ (1868 - 1873). – 669.

*Buê-mơ* (Böhme). I.a-cốp (1575-1624) - thợ thủ công Đức, nhà triết học thần bí, đã trình bày một loạt tư tưởng về sự phát triển biện chứng của thế giới. – 802.

*Bun* (Boon). Mác-tin Giêm-xơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, là thợ cơ khí, người kế tục các quan điểm cải cách xã hội của Brôn-te-rơ Ô Brai-en, người thuộc phái Hiến chương, là uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1869-1872), thư ký Liên minh ruộng đất và lao động, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh (1872). – 70, 98, 112, 878.

*Bút-nơ* (Buttner), Huy-gô - thợ thiếc, người Thụy Sĩ, tham gia Đồng minh hoà bình và tự do, thành viên của Đồng minh. – 458.

*Buyéc-léc* (Buckler), Giô-han (1777-1803) - tên cướp người Đức, biệt danh là Han-xơ-hung đồ – 764.

## C

*Ca-la-vơ* (Callas) - thợ bọc mặt đồ gỗ người Pháp, bí thư chi hội ở Mông-pen-li-e, đi theo đường lối của Tổng Hội đồng, năm 1873 bị bắt và bị kết án 1 năm tù giam. – 442, 526.

*Ca-le-kha* (Calleja). I-nô-xen-tơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Tây Ban Nha, là thợ kim hoàn, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha của Quốc tế (1871-1872), uỷ viên ban biên tập báo "Emancipacion" (1871-1873) và của Liên chi hội Ma-đrít mới (1872-1873), đã đấu tranh chống ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ ở Tây Ban Nha. – 504.

*Ca-li-ô-xtơ-rô* (Cagliostro), A-lếch-xan-đrô (tên thật là Giu-dép-pơ Ban-đa-mô\_ (1743-1795) - kẻ phiêu lưu I-ta-li-a. – 24, 641.

*Ca-me-li-na* (Camelin at De-phi-ren (1840 - 1932) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Pháp, là thợ làm đồ đồng, một trong những người lãnh đạo các chi hội Quốc tế ở Pa-ri, đã tham gia Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Anh: là người tham gia tích cực phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp, từ năm 1920 là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. – 41.

*Ca-phi-ê-rô* (Cafiero). Các-lô (1846-1892) - người tham gia phong trào công nhân I-ta-li-a, uỷ viên Quốc tế, năm 1871 nhờ việc trao đổi thư từ với Ăng-ghen, ông đã thực hiện đường lối của Tổng Hội đồng ở I-ta-li-a năm 1872 là một trong những người cầm đầu các tổ chức vô chính phủ ở I-ta-li-a, cuối những năm 70 từ bỏ chủ nghĩa vô chính phủ, năm 1879 cho xuất bản tập I bộ "Tư bản" của Mác bằng tiếng I-ta-li-a, – 230, 236, 240, 510, 512, 528.

*Ca-pô-ru-xô* (Caporusso). Xtê-pha-nô - người theo chủ nghĩa vô chính phủ I-ta-li-a, làm nghề thợ may, một trong những người sáng lập chi hội Quốc tế ở Na-plơ và là chủ tịch chi hội, đại biểu Đại hội Ba-lơ (1869); năm 1870 bị khai trừ khỏi chi hội vì biến thủ tiên. – 510, 511.

*Ca-ra-cô-dốp*, Đmi-tơ-ri Vla-đi-mi-rô-vích (1840-1866) - nhà cách mạng dân tuý Nga, thành viên hội cách mạng bí mật "Tổ chức", tháng Tư 1866 ám sát Nga hoàng A-lếch-xan-đrô II, bị treo cổ. – 563.

*Ca-va-nác* (Kavanagh) - người tham gia phong trào công nhân Mỹ, người gốc Ai-rơ-len; uỷ viên Tổng Hội đồng được bầu tại Đại hội La Hay (1872). – 215, 906, 908.

*Ca-xte-lác-i - Ri-pôn* (Castelar y Ripoll), Ê-mi-lê-ô (1832 - 1899) - nhà hoạt động chính trị, nhà sử học và nhà văn Tây Ban Nha, thủ lĩnh nhóm cộng hoà phái hữu, tháng Chín 1873 - tháng Giêng 1874 đứng đầu chính phủ dọn đường cho sự khôi phục chế độ quân chủ ở Tây Ban Nha. - 508, 647.

*Các* (Kart), Côn-rát (chết năm 1890) - thợ may người Đức, đầu những năm 50

sang cư trú ở Mỹ, đã tham gia phong trào công nhân Mỹ, uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Liên chi hội Bắc Mỹ của Quốc tế, tham gia ban biên tập báo "Arbeiter - Zeitung", uỷ viên Tổng Hội đồng được bầu tại Đại hội La Hay (1872); năm 1874 bị khai trừ khỏi Tổng Hội đồng do hoạt động chia rẽ. - 215, 906, 908.

*Các-lơ Au-gu-xtơ* (1757 - 1828), - đại công tước vùng Dắc-den - Vây-ma. - 802.

*Cam-pô-xơ* - xem *Mác-ti-ne-xơ-dơ Cam-pô-xơ*, Ác-xê-ni-ô.

*Can-tơ* (Cant), I-ma-nu-en (1724-1804) - người sáng lập ra nền triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm, nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Đức. - 803.

*Cát-cốp*, Mi-kha-in Ni-ki-phô-rô-vích (1818-1887)- nhà chính luận phản động Nga, tổng biên tập báo "Tin tức Mát-xcơ-va" (1850-1855. 1863-1887). - 598.

*Chi-e* (Thiers). A-đôn-phơ (1797-1877) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt động nhà nước Pháp theo phái Óc-lê-ăng, bộ trưởng nội vụ (1832, 1834) thủ tướng (1836, 1840), tổng thống nước cộng hoà (1871-1873), tên đao phủ của Công xã Pa-ri. - 36, 66, 70, 79, 182, 185, 263, 427, 525, 684, 878.

*Cla-phơ-lin* (Claflin), Ten-ne-xi (1845-1923) - nhà tư sản Mỹ, người chủ trương nam nữ bình đẳng, đã âm mưu sử dụng tổ chức của Quốc tế ở Mỹ vào lợi ích của mình, cùng với chị là V.Vút-han cho xuất bản tờ "Woodhull and Claflin's Weekly". - 131.

*Cla-ri-xơ* (Clariss, A.) - nhà chính luận Pháp, theo chủ nghĩa vô chính phủ, tham gia Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Thụy Sĩ, tại đó gia nhập vào tiểu ban tuyên truyền và hoạt động cách mạng xã hội chủ nghĩa của phái vô chính phủ, tổng biên tập báo *Révolution Sociale* (1871-1872). -

492.

*Cli-min*, In-nô-ken-ti Phê-đô-rô-vích (sinh năm 1847) - học viên học viện nông nghiệp pê-tơ-rốp - Ra-du-mốp, thành viên tổ chức của Ne-sa-ép, năm 1871 bị kết án một năm tù. - 560, 563.

*Cô-cren - Bây-li* (Cochrane - Baittie), A-lếch-xan-đơ Đôn-đát Rốt Uýt-hác (1816 - 1890) - nhà hoạt động chính trị và nhà nghiên cứu văn học người Anh, đảng viên đảng bảo thủ, nghị sĩ. - 91-96, 97, 103.

*Cô-la-sép-xki*, An-đrây Ni-cô-lai-ê-vích (1848-1888) - quý tộc Nga, từ năm 1866 nằm dưới sự giám sát bí mật của cảnh sát, bị đưa ra toà vì vụ Ne-sa-ép và được toà xử trắng án. - 563.

*Cô-nen* (Coenen). Phi-líp - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Bỉ, là thợ đóng giấy, thư ký ban biên tập báo "Werker" ở Ăng-ve, Đại biểu Đại hội Bruy-xen (1868). Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872) của Quốc tế, thuộc về thiểu số vô chính phủ trong đại hội này; về sau là một trong những người tổ chức Đảng xã hội chủ nghĩa Bỉ. - 204, 206, 209, 213, 215.

*Cô-nôn* (cognon), Ê-min - người theo chủ nghĩa vô chính phủ Pháp, là thợ chạm khắc, sống ở Thụy Sĩ, là uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Rô-man, năm 1870 bị khai trừ khỏi Quốc tế. - 478.

*Cô-rơ-đô-va-i - Lô-pe-xơ* (Cordova y Lopez), Phran-xi-xcô- nhà báo Tây Ban Nha, theo phái cộng hoà tư sản, từ năm 1868 là thành viên của Đồng minh ở Ma-đrít. - 494.

*Cô-xta* (Costa), An-đrê-a (1851-1910) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a; những năm 70 là một trong những người cầm đầu các tổ chức vô chính phủ ở I-ta-li-a; năm 1879 lên tiếng phê phán chủ nghĩa vô chính phủ, tiếp đó đấu tranh cho việc thành lập một chính đảng độc lập của công nhân, từ năm 1892 là đảng viên Đảng xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a, thuộc nhóm cải lương trong đảng; từ năm

1882 là đại biểu Quốc hội. – 528.

*Cốp-bét* (Cobbett), Uy-li-am (1762-1835) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa cấp tiến tiểu tư sản, đã đấu tranh cho việc dân chủ hoá chế độ chính trị ở Anh; từ năm 1802 là người xuất bản tờ "Cobbett's Weekly Political Register". – 741.

*Crê-si-ô* (Crescio) - nhà báo I-ta-li-a - tổng biên tập báo "Avvenire Sociale" ở Pi-a-sen-xô. – 639.

*Cri-mơ* (Crêmr), Uy-li-am Rau-đơn (1838-1908) - nhà hoạt động của phong trào công liên và hoà bình tư sản Anh, theo chủ nghĩa cải lương, là một trong những người sáng lập và lãnh đạo Hội liên kết những người thợ mộc, uỷ viên Hội đồng công liên Luân Đôn, Đồng minh độc lập quốc gia Ba Lan. Liên minh ruộng đất và lao động; uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế kiêm tổng thư ký (1864-1866), tham gia Hội nghị Luân Đôn (1865) và Đại hội Giơ-ne-vơ (1866) của Quốc tế, có chân trong Uỷ ban chấp hành Đồng minh cải cách; là kẻ thù của sách lược cách mạng; trong thời kỳ đấu tranh cho sự nghiệp cải cách đã câu kết với giai cấp tư sản; sau này là đảng viên đảng tự do, nghị sĩ (1885-1895 và 1900-1908). – 672.

*Crúp-pơ* (Krupp), An-phrết (1812-1887) - nhà đại công nghiệp Đức, ông chủ của các nhà máy luyện kim cung cấp vũ khí cho phần lớn các quốc gia châu Âu. – 144, 338.

*Crưn-xki* (Krynski), I-an (1811-1890) - nhà cách mạng Ba Lan, sống lưu vong ở Luân Đôn, uỷ viên Tổng Hội đồng (1865-1867), thư ký Hội những người Ba Lan, là một trong những biên tập viên của tạp chí Ba Lan xã hội chủ nghĩa "Wiei" (1875). – 703.

*Cu-dơ-nê-xốp*, A-lếch-xây Ki-ri-lô-vích (1845-1928) - nhà cách mạng dân tuý Nga, thành viên của tổ chức Ne-sa-ép, năm 1871 bị kết án 10 năm lao

động khổ sai; sau này ngã về phái xã hội - cách mạng, tham gia cuộc cách mạng năm 1905 ở Si-ta. – 560, 567, 569.

*Cu-ghen-man* (Kugelmann). Lút-vích (1830-1902) - thầy thuốc Đức, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849, uỷ viên Quốc tế, đại biểu các đại hội của Quốc tế ở Lô-dan (1867) và La Hay (1872), là bạn của gia đình Mác. – 204, 205, 209, 213, 214.

*Cu-nô* (Cuno), Phri-đrich Tê-ô-đo (1846-1934) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Đức và quốc tế, nhà xã hội chủ nghĩa, năm 1871-1872 trao đổi thư từ đều đặn với Ăng-ghen, tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa vô chính phủ ở I-ta-li-a,

là người tổ chức chi hội Quốc tế ở Mi-la-nô, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) sau đó sang Mỹ cư trú, tại đó tham gia hoạt động của Quốc tế; sau này là một trong những người lãnh đạo một tổ chức của công nhân Mỹ - Hội hiệp sĩ lao động, công tác với báo chí xã hội chủ nghĩa. – 104, 105, 204, 205, 208-214, 431, 451, 513.

*Cu-rơ-nơ* (Cournet), Phrê-đê-rích Ê-chiên (1839-1885) - nhà cách mạng Pháp theo phái Blăng-ki, thành viên Công xã Pa-ri, sau khi Công xã thất bại sang cư trú ở Anh, là uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872), đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872), ra khỏi Quốc tế sau khi có quyết định của đại hội về việc chuyển Tổng Hội đồng đến Niu Oóc, những năm 80 là một trong những người lãnh đạo các tổ chức Blăng-ki ở Pháp. – 70, 98, 113, 203, 205, 209, 215.

*Cúp-pơ-rơ* (Kupper; P.) - người Đức, bí thư chi hội người nước ngoài ở Man-se-xơ thuộc Quốc tế (1872), ủng hộ Mác và Ăng-ghen trong cuộc đấu tranh chống những phần tử cải lương ở Anh. – 274.

## D

*Dắc-xơ* (Xax), Ê-min (1845-1927) - nhà kinh tế học tư sản Áo. – 317-342, 347-352.

*Den-khốp* (Selehov) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, bộ trưởng nông nghiệp (tháng Chạp 1862 - tháng Giêng 1873). – 403.

*Đoóc-gơ* (Sorge), Phri-đrich A-đôn-phơ (1828-1906) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Mỹ, đã tham gia cuộc cách mạng năm 1848, là một trong những thành viên tích cực của Quốc tế, người tổ chức các chi hội ở Mỹ, đại biểu Đại hội La Hay (1872) uỷ viên Tổng Hội đồng ở Niu Oóc và là tổng thư ký của Tổng Hội đồng (1872-1874), là người tuyên truyền tích cực cho chủ nghĩa Mác, bạn chiến đấu thân thiết của Mác và Ăng-ghen. – 204, 206, 209, 213, 214, 253, 901, 902, 904, 906, 906-908.

*Đa-vít* (David), Ê-đua - nhà hoạt động của phong trào công nhân Mỹ, người gốc Pháp, tại Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) được bầu vào Tổng Hội đồng nhưng ông đã từ chối. – 215.

*Đa-vơ* (Dave). Vích-to (1845-1922) - người theo chủ nghĩa vô chính phủ Hà Lan, nhà báo, là một trong những người lãnh đạo Đồng minh bí mật, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Bỉ của Quốc tế, đại biểu Đại hội La Hay (1872), thuộc thiểu số theo chủ nghĩa vô chính phủ ở Đại hội, là người tham gia các sự kiện cách mạng ở Tây Ban Nha năm 1873; trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất là người theo chủ nghĩa hoà bình. – 204, 206, 209, 211, 213, 214.

*Đan-rơ A-li-ghi-e-ri* (Dante Alighieri) (1265-1321) - nhà thơ I-ta-li-a vĩ đại. – 95, 798.

*Đây-xơ* (Days), An-phơ-rết - uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh (1873), đã tham gia Đại hội Liên chi Anh ở Man-se-xơ. – 911.

*Den-tơ-rê-gơ* (Dentraygues), Ê-min (biệt danh Xvác-mơ) (sinh khoảng 1837)

- nhân viên đường sắt Pháp, uỷ viên chi hội Quốc tế ở Tu-lu-dơ, đại biểu Đại hội La Hay (1872), trong vụ án xét xử các uỷ viên Quốc tế ở Tu-lu-dơ (1873) đã khai báo những đồng chí của mình. – 204, 206, 209, 213, 214, 434-438, 440-443, 526.

*Đê-rô-rơ* (Dereure), Xi-môn (1838-1900) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp văn quốc tế, là thợ đóng giày, theo phái Błăng-ki, uỷ viên chi bộ Pa-ri thuộc Quốc tế, tham gia ban biên tập báo "Marseillaise"; là uỷ viên Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Mỹ, đại biểu các đại hội Quốc tế ở Ba-lơ (1869) và La Hay (1872), uỷ viên Tổng Hội đồng do Đại hội La Hay bầu ra (1872); từ năm 1882 là đảng viên Đảng công nhân Pháp. – 204, 205-215, 906, 908.

*Đi-đô-rô* (Dideroi), Đe-ni (1713-1784) - nhà triết học Pháp nổi tiếng, đại biểu cho chủ nghĩa duy vật máy móc, người theo chủ nghĩa vô thần, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp, nhà khai sáng, là người đứng đầu phái bách khoa toàn thư. – 805.

*Đi-xơ-ghen* (Dietzgen), Giô-đép (1828-1888) - nhà dân chủ - xã hội Đức, triết gia tự học, người tự tìm đến với những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng; là công nhân thuộc da, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872). – 209.

*Đích-ken-xơ* (Dickens), Sác-lơ (1812-1870) - nhà văn hiện thực vĩ đại người Anh. – 154.

*Đô-brô-liu-bốp*, Ni-cô-lai A-lếch-xan-đrô-vích (1836-1861) - nhà dân chủ cách mạng Nga vĩ đại, nhà phê bình văn học và nhà triết học duy vật; một trong những nhà tiên bố xuất sắc của nền dân chủ - xã hội Nga. - 729.

*Đôn-hốp*, Ni-cô-lai Xtê-pa-nô-vích (sinh năm 1844) - nhà cách mạng dân tụy Nga, đã tham gia phong trào phản kháng của sinh viên năm 1869, tham gia tổ chức của Ne-sa-ép, những năm 70 có liên hệ với tổ chức "Trái đất và tự do". – 560, 561.

*Đôn-phu-xơ* (Dollfus), Giăng (1800 - 1887) - chủ xưởng lớn ở An-đa-xơ, nhà bác ái tư sản, thị trưởng thành phố Muyn-lu-dơ. – 382.

*Đơ Vôn-phéc-xơ* (De Wolfers) - uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872). – 98, 113.

*Đơ-la-hay* (Delahaye), Pi-e Lu-i (sinh năm 1820) - thợ cơ khí Pháp, từ năm 1864 là uỷ viên Quốc tế, tham gia Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Anh; uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872), đại biểu Hội nghị Luân Đôn năm 1871. – 70, 98, 112, 878.

*Đuy-ba-ri* (Du Barry), Ma-ri Gian-na, bá tước phu nhân (1743-1793), người được vua Pháp Lu-i XV sủng ái. – 727.

*Đuy-mông* - Xem *Phây-e*, Ó-gien Lu-i.

*Đuy-pen-xi-ô* (Ducpétiaux), Ê-đu-ác (1804-1868) - nhà chính luận và thống kê Bỉ, nhà bác ái tư sản, là thanh tra các nhà tù và các hội từ thiện. – 318.

*Đuy-phô-rơ* (Dufaure), Giuy-lơ Ác-măng Xta-ni-xia, (1798-1881) - luật sư và nhà hoạt động nhà nước Pháp, những năm 40 giữ nhiều chức vụ bộ trưởng; là một trong những tên đao phủ của Công xã Pa-ri; bộ trưởng tư pháp (1871-1873, 1875-1876 và 1877-1879), chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1876, 1877-1879). – 16, 49, 70, 80, 180-184.

*Đuy-pông* (Dupont), An-tim Gian Mác-xi-an (sinh năm 1842) - nhà cách mạng Pháp, ngả theo phái Ba-cu-nin, nhân viên nhà băng, thành viên Công xã Pa-ri, tham gia Uỷ ban an ninh xã hội của Công xã. – 93.

*Đuy-pông* (Dupont). Ó-gien (khoảng 1831-1881) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân quốc tế, là công nhân Pháp, nghệ nhân làm đàn, tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri; từ năm 1862 sống ở Luân Đôn, uỷ viên

Tổng

Hội đồng Quốc tế (tháng Mười một 1864-1872), thư ký thông tin viên cho Pháp (1865-1871), đã tham gia Hội nghị Luân Đôn (1865), Đại hội Giơ-ne-vơ (1866), chủ tịch Đại hội Lô-dan (1867), đại biểu Đại hội Bruy-xen (1868), Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872); năm 1870 ông chuyển đến Man-se-xơ, tại đó tổ chức ra chi hội Quốc tế, uỷ viên Tổng Hội đồng Liên chi Anh thuộc Quốc tế (1872-1873), năm 1874 chuyển sang Mỹ, là bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-n. – 70, 84, 93, 98, 113, 204, 205, 209, 212-216, 227, 241, 243, 282, 595, 878.

*Đuy-răng* (Durand), Guy-xta-vơ (sinh năm 1835) - thợ kim hoàn người Pháp, mật vụ của cảnh sát, sau khi Công xã Pa-ri bị đàn áp tự xưng là kiều dân sống ở Luân Đôn, là bí thư chi hội Pháp năm 1871, tháng Mười 1871 bị vạch mặt và khai trừ khỏi Quốc tế. – 35, 43.

*Đuy-va-lơ* (Duval), Tê-ô-đo - nhà hoạt động của phong trào công nhân Thụy Sĩ, làm nghề thợ mộc, là một trong những thành viên sáng lập Đồng minh công khai dân chủ xã hội chủ nghĩa, đầu năm 1870 đã từ bỏ phái Ba-cu-nin; là uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Rô-man thuộc Quốc tế, đã đấu tranh chống ảnh hưởng của phái Ba-cu-nin, đại biểu Đại hội La Hay (1872. – 204, 206, 209 215.

## E

*E-xte-va-ne-xơ-i Mua-phi* (Estesvanez y Murphy), Ni-cô-la-xơ (1838-1914) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Tây Ban Nha, theo phái cộng hoà, tham gia tích cực cuộc cách mạng năm 1868-1874, tỉnh trưởng Ma-đrít (1873), sau khi cách mạng thất bại sang cư trú ở Bồ Đào Nha, sau đó ở Pháp. – 500.

*En-Pi-din*, Mi-kha-in Côn-xtan-ti-nô-vích (1835-1908) - tham gia phong trào cách mạng đầu những năm 60 ở Nga, sau đó sống lưu vong ở Thụy Sĩ; về sau là tay sai của sở mật thám Nga hoàng. – 457.

*Ê-béc-hác* (Eberhard) - thợ may người Bỉ, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872), thuộc thiểu số theo phái vô chính phủ ở Đại hội, bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ra ngày 30 tháng Năm 1873. – 204, 206.

*Ê-ca-lê-ri-na II* (1729-1796) - nữ hoàng Nga (1762-1796). – 611, 765, 811.

*Ê-lê-nép*. Phê-đo-rơ Páp-lô-vích (biệt danh *Xcan-đin*) (1828-1902) - nhà văn, nhà chính luật Nga, đại biểu cho chủ nghĩa tự do tư sản trong những năm 60, đã cộng tác với tạp chí "Ký sự nước nhà", là tác giả cuốn sách nổi tiếng "Nơi sơn thâm cùng cốc và chốn kinh kỳ", về sau là kẻ phản động. – 763.

*Ê-ni-séc-lốp*, Ghê-oóc-ghi Pê-tơ-rô-vích (sinh khoảng năm 1849) - sinh viên trường kỹ thuật công nghệ Pê-téc-bua; là người tham gia phong trào phản kháng của sinh viên trong những năm 1868 - 1869, bị đưa ra tòa về vụ Ne-sa-ép, sau được thả do không đủ chứng cứ. – 563.

*Ếch-ca-ri-út* (Eccarius), I-ô-han Ghê-oóc (1818-1889) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, nhà chính luận công nhân, làm nghề thợ may, sống lưu vong ở Luân Đôn, thành viên Liên đoàn những người chính nghĩa, sau đó là Liên đoàn những người cộng sản, một trong những người lãnh đạo Hội khai sáng cộng sản chủ nghĩa của công nhân Đức ở Luân Đôn, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1864-1872), tổng thư ký Hội đồng (1867 - 16 tháng Năm 1871), thư ký thông tin viên cho Mỹ (1870-1872), đại biểu của tất cả các đại hội và hội nghị của Quốc tế; trước năm 1872 đứng về phía Mác, đến mùa xuân năm 1872 ngả về phía các thủ lĩnh theo chủ nghĩa cải lương của phái công liên Anh. – 70, 98, 112, 204, 206, 209, 636, 672, 879.

## G

*Ga-ri-ban-đi* (Garibaldi), Giu-dép-pơ (1807-1882) - nhà cách mạng và dân chủ I-ta-li-a, lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; tham gia cuộc cách mạng 1848-1849 ở I-ta-li-a, trong những năm 50-60 lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân I-ta-li-a vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, trong những năm 70 là người bảo vệ Công xã Pa-ri, tán thành việc thành lập chi hội Quốc tế ở I-ta-li-a. – 520, 639.

*Ga-ri-dô-i - Tóp-tô-xa* (Garrido y Tortosa), Phéc-nan-đô (1821-1883(- đảng viên đảng cộng hoà liên bang tư sản Tây Ban Nha, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, đại biểu quốc hội (1869-1873). – 494.

*Ga-vri-sép*, Ghê-oóc-ghi I-a-cốp-lê-vích (sinh khoảng năm 1846) - học viên học viện nông nghiệp Pê-tơ-rốp - Ra-du-mốp, tham gia tổ chức của Ne-sa-ép, năm 1871 bị kết án 4 tháng tù. – 560.

*Gam-bét-ta* (Gambetta), Lê-ôn (1838-1882) - nhà hoạt động quốc gia Pháp, theo phái cộng hoà tư sản, thành viên của chính phủ phòng vệ quốc gia (1870 - 1871), năm 1871 thành lập báo "République Francaise, là chủ tịch hội đồng bộ trưởng và bộ trưởng ngoại giao (1881-1882). – 489.

*Gam-bu-di* (Gambuzzi). Các-lơ (1837-1902) - luật sư, nhà Cách mạng I-ta-li-a vào đầu những năm 60 ủng hộ Mát-di-ni, sau đó theo chủ nghĩa vô chính phủ, là một trong những người lãnh đạo Đồng minh bí mật và các tổ chức vô chính phủ ở I-ta-li-a. – 458, 510.

*Ghéc-hác* (Gerhardt), Hen-đrích (khoảng 1829-1886) - người tham gia phong trào công nhân Ba Lan, là thợ may, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Hà Lan, đại biểu Đại hội La Hay (1872), ngả về phái Ba-cu-nin. – 204, 205-209, 215.

*Ghéc-la-khơ* (Gerlach), Éc-xtơ Lút-vích (1795-1877) - nhà hoạt động chính trị Phổ theo khuynh hướng cực kỳ phản động, là một trong những người sáng lập đảng bảo thủ và cơ quan ngôn luận của nó "Neue Preußische Zeitung" (1848). – 401.

*Ghéc-sen*, A-lếch-xan-đơ A-lếch-xan-đrô-vích (1839-1906) - nhà sinh lý học

Nga, con trai của A.I. Ghéc-sen. – 117.

*Ghéc-sen.* A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích (1812-1870) - nhà dân chủ cách mạng Nga vĩ đại, nhà triết học duy vật, nhà chính luận và nhà văn, – 18, 117, 556, 571, 572, 597, 599, 602 -605, 757, 760.

*Ghê-lép* (Geleff), Pau-lơ I-ô-han-xen (1842-1921) - nhà hoạt động của phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa Đan Mạch, là một trong những người tổ chức các chi hội Quốc tế ở Đan Mạch (1871), một trong những nhà sáng lập và lãnh đạo đảng dân chủ - xã hội Đan Mạch (1876), năm 1877 sang cư trú ở Mỹ, sau này đã thoát ly phong trào công nhân. – 183.

*Ghét* (Guesde). Giuy-lơ (*Ba-din*, Ma-ti-ô) (1845-1922) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Pháp, lúc đầu là người theo phái cộng hoà tư sản, đến nửa đầu những năm 70 ngả về phe vô chính phủ; tiếp đó là một trong những người sáng lập Đảng công nhân Pháp (1879) và người tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa Mác ở Pháp; trong nhiều năm là người lãnh đạo phái cách mạng trong phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất là người theo chủ nghĩa sô-vanh - xã hội. – 440-443, 524, 525.

*Ghi-ôm* (Guillaume). Giêm-xơ (1844-1916) - nhà giáo, người Thụy Sĩ, theo chủ nghĩa vô chính phủ, là người ủng hộ Ba-cu-nin, uỷ viên Quốc tế, đã tham dự các đại hội Quốc tế ở Giơ-ne-vơ (1866), Lô-dan (1867), Ba-lơ (1869) và La Hay (1872), là một trong những người tổ chức Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, tổng biên tập báo "Progrès", "Solialisté" và "Bulletin de la Fédération jurassienne"; tại Đại hội La Hay đã bị khai trừ khỏi Quốc tế vì hoạt động chia rẽ; trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất là người theo chủ nghĩa sô-vanh xã hội. – 27, 28, 41, 56, 204, 206, 209, 212-216, 221, 229, 236, 240, 246, 452, 476-482, 484, 492, 514, 521, 522, 528, 571, 576.

*Gia-rau* (Jarrow) - nhà hoạt động của phong trào công liên Anh, là thợ làm đồ gỗ quý, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1866-1868 và 1872), – 70, 98, 113, 878.

*Giô-an-na-rơ* (Johannard). Giuy-lơ (1843-1888) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, là công nhân in li-tô, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1868-1869, 1871-1872) và thư ký thông tin viên cho I-ta-li-a (1868-1869), năm 1870 sáng lập chi hội Quốc tế ở Xanh -Đờ-ni, là thành viên Công xã Pa-ri, ngả theo phái Ba-cu-nin, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Luân Đôn, là đại biểu Đại hội La Hay (1872). – 70, 98, 113, 204, 205, 209, 212-214, 878.

*Giu-cốp-xki*, Ni-cô-lai I-va-nô-vích (1833-1895) - người Nga theo chủ nghĩa vô chính phủ, từ năm 1862 sống lưu vong ở Thụy Sĩ, là một trong những người cầm đầu Đồng minh bí mật. – 32, 212, 458, 892.

*Glát-xtôn* (Gladstone), Rô-bóc (1811-1872) - thương gia Anh, nhà bác ái tư sản, em họ của Uy-li-am Glát-xtôn. – 97.

*Glát-xtôn* (Gladstone), Uy-li-am I-u-át (1809-1898) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, sau theo phái Pin, vào nửa cuối thế kỷ XIX là một trong những thủ lĩnh của đảng tự do, trùm ngân khố quốc gia (bộ trưởng tài chính) (1852-1855 và 1859-1866) và thủ tướng (1868-1874, 1880-1885, 1886, 1892-1894). – 119-123, 145-156, 185, 241, 256, 258, 667, 668, 673, 878.

*Gluych* (GtÛck), Cri-xtốp Vi-li-ban-đơ (1714-1787) - nhà soạn nhạc Đức vĩ đại. – 803.

*Gôn-đre-xơ* (Gondrès), Ô-gien - mật thám của cảnh sát Pháp lọt vào chi hội Quốc tế ở Nác-bon-nơ, bị vạch mặt năm 1873. – 526.

*Gơ-tơ* (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749-1832) - nhà văn và nhà tư tưởng Đức vĩ đại. – 385, 681, 803.

*Grây-phơ* (Greif) - sĩ quan cảnh sát Phổ, đầu những năm 50 của thế kỷ XIX

là một trong những người chỉ huy cơ quan tình báo Phổ ở Luân Đôn. – 768.

*Grégh* (Greg). Rô-bốt Hai-đơ (1795-1875) - chủ xưởng lớn ở Anh, đảng viên đảng tự do. – 336, 340.

*Grô-mê-ca*, Xtê-pan Xtê-pa-nô-vích (1823-1877) - nhà chính luận Nga theo khuynh hướng tự do ôn hoà, trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa giải phóng Ba Lan 1863-1864 là chủ tịch Ủy ban những vấn đề của nông dân ở Ba Lan, sau đó là tỉnh trưởng tỉnh Xết-lê-xi. – 604.

*Grô-xơ* (Grosse), É-t-uốt - người Đức, sống lưu vong ở Mỹ, là người ủng hộ Lát-xan, uỷ viên Quốc tế, – 137.

## H

*Ha-den-clê-véc* (Hasenclever), Vin-hem (1837-1889) - nhà dân chủ - xã hội Đức - theo phái Lát-xan, trong những năm 1871-1875 là chủ tịch Liên đoàn công nhân toàn Đức. – 640.

*Ha-ri* (Hurry), uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh thuộc Quốc tế (1872-1873), đấu tranh chống phe cải lương trong Hội đồng. – 281.

*Ha-rít* (Harris), Gioóc-giơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh - người kế tục những quan điểm cải cách xã hội của nhà Hiến chương Brôn-te-rơ Ô-Brai-en, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1869-1872, thư ký tài chính của Hội đồng (1870-1871). – 878.

*Ha-xen-man* (Hasselmann). Vin-hem (sinh năm 1844) - một trong những người lãnh đạo Liên đoàn công nhân Đức của Lát-xan, những năm 1871-1875 là tổng biên tập báo "Neuer Social - Demokrat"; từ năm 1875 là đảng viên đảng xã hội - dân chủ Đức, năm 1878 là một trong số những người lãnh đạo nhóm vô

chính phủ, năm 1880 bị khai trừ khỏi đảng. – 640.

*Hác-cốt* (Harcourt), Ê-đu-en - thợ mỏ, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) đại diện cho Ô-xtơ-rây-li-a. – 209, 214.

*Hác-đen-béc-gơ*, Các Au-gu-xtơ, bá tước (1750, 1822) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Phổ, bộ trưởng ngoại giao (1804-1806 và 1807); với mục đích củng cố nhà nước Phổ đã tiến hành một loạt những cải cách tư sản nửa vời (1810-1813); sau Đại hội Viên là kẻ ủng hộ chính sách phản động của Liên minh thần thánh. – 399.

*Hai-nơ* (Heine), Hen-rích (1797-1856) - nhà thơ cách mạng Đức vĩ đại. – 717, 743.

*Ha-dơ-man* (Hanseman), Đa-vít (1790-1864)- nhà tư bản Đức, một trong những thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do vùng Ranh; tháng Ba - tháng Chín 1848 là bộ trưởng tài chính Phổ, đã thực hiện chính sách phản bội bắt tay với thế lực phản động. – 322.

*Han-li-đê* (Halliday), Tô-mát (sinh năm 1835) - một trong những thủ lĩnh của phái công liên Anh, thư ký Hiệp hội những người thợ mỏ. – 673.

*Han-vô* (Jalvo), Hoan - người Tây Ban Nha theo chủ nghĩa vô chính phủ, một trong những người thành lập nhóm Đồng minh ở Tây Ban Nha, chủ tịch chi hội Ma-đrít của Quốc tế. – 494.

*Han-xác-dơ* (Hansard), Tô-mát Kéc-dôn(1776-1833) - chủ nhà xuất bản người Anh, đã cho đăng các bài tường thuật về các phiên họp của nghị viện; sau khi ông chết các ấn phẩm tiếp tục được ra dưới tên của ông. – 119-124, 152-156.

*Han-xơ-khơ-xi-vô-đéc* - xem *Buyéc-béc*, Giô-han.

*Hao-oen* (Howell), Gioóc-giơ (1833-1910) - một trong những thủ lĩnh theo chủ nghĩa cải lương của phái công liên Anh, làm nghề thợ xây, đã từng theo



phái Hiến chương, thư ký Hội đồng công liên Luân Đôn (1861-1862), tham gia Đại hội thành lập Quốc tế ngày 28 tháng Chín 1864, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (tháng Mười 1864-1869), tham gia Hội nghị Luân Đôn của Quốc tế (1865), thư ký Đồng minh cải cách và uỷ ban nghị trường của Hội nghị Anh của phái công liên (1871-1875). – 672.

*Hây-dơ* (Hales), Giôn (sinh năm 1839) - nhà hoạt động của phong trào công liên Anh, là thợ dệt, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1866-1872) kiêm thư ký (tháng Năm 1871 - tháng Bảy 1872), gia nhập Đồng minh cải cách, Liên minh ruộng đất và lao động, đại biểu Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872) của Quốc tế; từ đầu năm 1872 đấu tranh chống Mác với tham vọng nắm quyền lãnh đạo Quốc tế ở Anh, cầm đầu phe cải lương trong Hội đồng Liên chi hội Anh, bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873. – 70, 98, 106, 264-267, 270, 275, 278, 279, 407, 429, 430, 672, 878, 891.

*Hây-dơ* (Hales), Uy-li-am - uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1869-1872). – 70, 98, 113, 879.

*Hây-mơ* (Heim) - đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt cho các chi hội Áo. - 204, 206, 209, 212-215.

*Hắc-xtơ-hau-den* (Haxthausen), Au-gu-xtơ (1792-1866) - quan chức và nhà văn Phổ, tác giả của tác phẩm miêu tả những tàn dư của chế độ công xã trong quan hệ ruộng đất ở Nga, về quan điểm chính trị là kẻ phản động, ủng hộ chế độ nông nô. - 760.

*Hăng-ri III* (1551-1589) - hoàng đế Pháp (1574-1589). – 805.

*Hăng-ri IV* (1553-1610) - hoàng đế Pháp (1589-1610). – 805.

*Héc-dơ* (Herder), Giô-han Gốt-phrít (1744-1803) - nhà triết học, nhà văn và nhà lý luận văn học Đức, đại biểu cho phái khai sáng tư sản thế kỷ XVIII,

là một trong những người đặt nền móng cho trào lưu văn học tiến bộ "Bảo tổ và tấn công". – 803.

*Héc-man* (Hermann), An-phrết - nhà hoạt động của phong trào công nhân Bỉ, nhà điêu khắc, một trong những người sáng lập các chi hội quốc tế ở Bỉ, uỷ viên Tổng Hội đồng kiêm thư ký thông tin viên cho Bỉ (1871-1872), đại biểu Đại hội Bruy-xen (1868), Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872) của Quốc tế, tại Đại hội La Hay đứng về phía thiểu số chủ nghĩa vô chính phủ. – 71, 98, 113, 204, 206, 209, 213, 214, 879.

*Héc-nét* (Hepner), A-dôn-phơ (1846-1923) - nhà dân chủ - xã hội Đức, là một trong những biên tập viên của tờ "Volksstaat", đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872); sau này sang cư trú ở Mỹ; trong chiến tranh thế giới thứ nhất đứng trên quan điểm của chủ nghĩa sô-vanh - xã hội. – 204, 206, 209, 212-215, 436.

*Hen-den* (Handel), Ghê-oóc Phri-đrích (1685-1759) - nhà soạn nhạc Đức vĩ đại. – 803.

*Hét-xơ* (Heß), Mô-dét (1812-1875) - nhà chính luận tiểu tư sản Đức, giữa những năm 40 là một trong những đại biểu chính của "chủ nghĩa xã hội chân chính"; những năm 60 là người ủng hộ Lát-xan, tham gia các Đại hội Bruy-xen (1868) và Đại hội Ba-lơ (1869) của Quốc tế. – 768.

*Hê-be* (Hébert), Giắc Rơ-nê (1757-1794) - nhà hoạt động của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ cánh tả của phái Gia-cô-banh. – 717.

*Hê-đê-hem* - xem *Van - Hê-đê-hem*.

*Hê-ghen* (Hegel), Ghê-oóc Vin-hem Phri-đrích (1770 - 1831) - đại diện lớn nhất của nền triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm khách quan, người

ngiên cứu một cách toàn diện hơn cả phép biện chứng duy tâm, nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Đức. - 364, 400, 698, 799.

*Hi-um* (Hume) Rô-bốt Uy-li-am - đảng viên cấp tiến tư sản Mỹ, - 137.

*Hiếc-sơ* (Hirsch). Vin-hem - nhân viên thương mại ở Hăm-buốc, đầu những năm 50 của thế kỷ XIX là mật vụ của cảnh sát Phổ ở Luân Đôn. - 768.

*Hin-dơ* (Hills), Êt-mun-dơ - thư ký Hội đồng Liên chi hội Anh của Quốc tế (1872), đấu tranh chống phe cải lương trong Hội đồng. - 281.

*Hin-ken-đây*. Các-lơ Lút-vích Phri-đrich (1805-1856) - quan lại Phổ, từ năm 1848 là trùm cảnh sát ở Béc-lin, từ năm 1853 phụ trách cục cảnh sát thuộc bộ nội vụ. - 399, 769-771.

*Hô-lơ* (Hole), Giêm-xơ. - nhà chính luận tư sản Anh, tác giả cuốn sách về điều kiện nhà ở của giai cấp công nhân. - 318.

*Hô-út* (Hout), Van-đéc - đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt cho các chi hội ở Am-xtéc-đam. - 204, 206, 209, 214.

*Hốp-bau-éc* (Hoffbauer), Êc-nơ-xtơ (1836-1905) - sĩ quan pháo binh Phổ, tác giả của một loạt tác phẩm về pháo binh. - 690.

*Hốp-man* (Hoffmann), Gốt-ghen-phơ (bút danh "Xạ thủ Ô-guyt-xtơ Cút-sơ" (1844-1924), - nhà thơ Đức. - 318.

*Hu-bơ* (Huber), Vích-to (1800 - 1869) - nhà chính luận và nhà nghiên cứu lịch sử văn học Đức, đảng viên đảng bảo thủ. - 318, 331, 333.

*Hua-li-man* (Hurliman) - uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872) do Hội Thụy Sĩ

Ở Luân Đôn đưa lên. - 70, 98, 113, 878.

*Huy-gô* (Hugo), Vích-to (1802-1885) - nhà văn Pháp vĩ đại. - 604.

## I

I-a-cô-bi. Pa-ven I-va-nô-vích - nhà cách mạng Nga, chính khách lưu vong,

làm nghề thầy thuốc, bạn thân của Ba-cu-nin, đầu những năm 70 tuyên truyền những quan điểm của chủ nghĩa vô chính phủ ở I-ta-li-a. - 144.

*I-da-be-la II* (1830-1904) - nữ hoàng Tây Ban Nha (1833-1868). - 727, 728.

*I-gle-xi-a-xơ* (Iglesias), Páp-lô (1850-1925) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, là thợ in, nhà chính luận vô sản, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha thuộc Quốc tế (1871-1872), uỷ viên ban biên tập báo "Emancipacion" (1871-1873), đã đấu tranh chống ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ, là một trong những người sáng lập Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha (1879), về sau là một trong những người cầm đầu phái cải lương trong đảng. - 504.

*I-txen-plít-xơ* (Itzen plitz), Hen-rích Phri-đrich Au-gu-xtơ, bá tước (1799-1883) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, bộ trưởng thương mại (tháng Chạp 1562 - tháng Năm 1873). - 403.

*I-va-nốp*, I-va-n I-va-nô-vích (chết năm 1869) - học viên học viện nông nghiệp Pê-tơ-rốp - Ra-du-mốp, đã tham gia phong trào sinh viên những năm 60 và tổ chức của Ne-sa-ép, bị Ne-sa-ép giết chết. - 555, 558, 560, 563-570, 572, 590.

*I-xtơ-uych* (Eastwick), Ê-đu-ác Bác-hu-đơ (1814-1883) - nhà ngoại giao Anh và nhà phương Đông học, đảng viên đảng bảo thủ, nghị sĩ (1868-1874). - 95.

*I-ung* (*Jung*), Héc-man (1830-1901) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Thụy Sĩ và quốc tế, là thợ chữa đồng hồ, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849 ở Đức, sống lưu vong ở Luân Đôn uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế kiêm thư ký thông tin viên cho Thụy Sĩ (tháng Mười một 1864-1872); thủ quỹ của Tổng Hội đồng (1871-1872): phó chủ tịch Hội nghị Luân Đôn (1868), chủ tịch các đại hội Giơ-ne-vơ 1866), Bruy-xen (1868).

Ba-lơ (1869) và Hội nghị Luân Đôn (1871) của Quốc tế, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh (1872), trước Đại hội La Hay năm 1872 thực hiện đường lối của Mác trong Quốc tế, mùa thu năm 1872 ngã theo phái cải lương trong Hội đồng Liên chi hội Anh, sau năm 1877 rời bỏ phong trào công nhân. – 71, 81, 98, 112, 113, 168, 265, 266, 270, 278, 279, 405, 636, 879.

### K

*Kê-plơ* (Kepler), I-ô-han (1571-1630) - nhà thiên văn Đức nổi tiếng, người đã phát minh ra quy luật vận động của các hành tinh trên cơ sở học thuyết Cô-péc-ních. – 802.

*Kin* (Keen). Sác-lơ - người tham gia phong trào công nhân Anh, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế. – 98, 113, 878.

### L

*La-phác-gơ* (Lafargue), Pôn (1842-1911) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Pháp và quốc tế, nhà tuyên truyền xuất sắc chủ nghĩa Mác, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế, thư ký thông tin viên cho Tây Ban Nha (1866-1869), tham gia thành lập các chi hội Quốc tế ở Pháp (1869-1870), ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha (1871-1872), đại biểu Đại hội La Hay (1872), một trong những người sáng lập Đảng công nhân Pháp; là học trò và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-nh. – 199, 204, 206, 209, 214, 224, 246, 251, 434, 504, 508.

*La-rốc* (Larocque). Giăng (biệt danh *Lát-rắc*) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, thành viên Công xã Pa-ri, uỷ viên Ban chấp hành trung ương đội vệ binh quốc gia; một trong những người lãnh đạo chi hội Quốc tế ở Boóc-đô, năm 1873 bị đưa ra toà, đã chạy trốn sang Tây Ban Nha, tại đây tiếp tục chỉ đạo hoạt động của các chi hội Quốc tế ở Boóc-đô với tư cách là người được Tổng

Hội đồng uỷ quyền. – 431.

*La-vrốp*, Pi-e Láp-rô-vích (1823-1900) - nhà xã hội học và nhà chính luận Nga, một trong những nhà tư tưởng của phong trào dân tuý, trong triết học là người theo chủ nghĩa chiết trung; uỷ viên Quốc tế, thành viên Công xã Pa-ri, tổng biên tập tạp chí "Tiến lên!" (1873-1876) và báo "Tiến lên!" (1875-1876). – 724-737, 741-745, 747.

*La-xke-rơ* (Lasker), Ê-du-ác (1829-1884) - nhà hoạt động chính trị Đức, một trong những người sáng lập và lãnh đạo đảng tự do dân tộc, ủng hộ chính sách của Bít-xmác; từ năm 1867 là đại biểu Quốc hội. – 124, 679.

*Lai-bơ-nít-xơ* (Leibniz), Gốt-phrít Vin-hem (1646-1716) - nhà toán học Đức vĩ đại; nhà triết học duy tâm. – 800, 802.

*Lan-da* (Lanza), Giô-va-ni (1815-1882) - nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, đảng viên đảng tự do tư sản, bộ trưởng tài chính (1858-1859), bộ trưởng nội vụ (1864-1865), những năm 1869-1873 là thủ tướng và bộ trưởng nội vụ. – 183, 878.

*Lan-đê-xơ* (Landeck), Béc-nác (sinh năm 1832) - thợ kim hoàn Pháp, uỷ viên Quốc tế và uỷ viên chi hội Pháp năm 1871, có thái độ chống đối Tổng Hội đồng Quốc tế. – 41, 111, 897.

*Lát-xan* (Lassalle), Phéc-đi-năng (1825-1864) - nhà chính luận tiểu tư sản, luật sư Đức, năm 1848-1849 tham gia phong trào dân chủ tỉnh Ranh; đầu những năm 60 ngã theo phong trào công nhân, là một trong những người sáng lập Liên đoàn công nhân toàn Đức (1863); ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ bên trên" dưới quyền bá chủ của Phổ, là người mở đầu cho khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân ở Đức. – 96, 378.

*Le-xnơ* (Lessner), Phri-đrich (1825-1910) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, làm nghề thợ may, là thành viên Liên đoàn những người cộng sản, đã tham gia cuộc cách mạng 1848-1849, trong vụ án những người cộng sản ở Khuên bị kết án 3 năm tù

giam trong pháo đài, từ năm 1856 sống lưu vong ở Luân Đôn, là thành viên Hội khai sáng cộng sản chủ nghĩa của công nhân Đức ở Luân Đôn, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (tháng Mười một 1864-1872), tham gia Hội nghị Luân Đôn (1865), các đại hội của Quốc tế ở Lô-dan (1867), Bruy-xen (1868), Ba-lơ (1869) và La Hay (1872), uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh, tích cực đấu tranh cho đường lối của Mác trong Quốc tế; sau này là một trong những người sáng lập Đảng công nhân độc lập ở Anh; là bạn chiến đấu thân thiết của Mác và Ăng-ghe-n. – 70, 98, 113, 205, 209, 214, 257, 281, 878, 911.

*Lét-xinh* (Lessing). Gôt-hôn Ê-phrai-mơ (1729-1781) - nhà văn, nhà phê bình và nhà triết học Đức vĩ đại, một trong những nhà khai sáng xuất sắc của thế kỷ XVIII. – 729, 803.

*Lê-cráp-tơ* (Lucraft), Ben-gia-min (1809-1897) - một trong những thủ lĩnh theo chủ nghĩa cải lương của phái công liên Anh, là công nhân sản xuất đồ gỗ, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1864-1871), đại biểu các đại hội của Quốc tế ở Bruy-xen (1868) và Ba-lơ (1869); uỷ viên ban chấp hành Đồng minh cải cách; năm 1871 phản đối Công xã Pa-ri và lời hiệu triệu của Tổng Hội đồng "Nội chiến ở Pháp", đã ra khỏi Tổng Hội đồng, nơi mọi người đã lên án tội phản bội của ông ta. – 14.

*Lê-ô* (Leo), Ăng-đrê (tên thật là Lê-ô-ni Sam-pơ-xơ) (1829-1900) - nữ văn sĩ và nhà chính luận Pháp, thành viên Công xã Pa-ri, sau khi Công xã thất bại sang cư trú ở Thụy Sĩ, ủng hộ phái Ba-cu-nin. – 32, 33, 482.

*Lê-van* (Lewal), Giuy-lơ Lu-i (1823-1908) - tướng Pháp và nhà lý luận quân sự. – 788.

*Lê-vi-en* (Levielle) - tham gia phong trào công nhân Mỹ, người gốc Pháp, tại Đại hội La Hay (1872) được bầu làm uỷ viên Tổng Hội đồng. – 215, 906.

*Lê-bích* (Liebig), I-u-xtút (1803-1873) - nhà bác học Đức vĩ đại, một trong những người sáng lập ra ngành nông hoá học. – 383.

*Li-khu-tin*, I-van Ni-ki-ti-chơ (sinh khoảng năm 1848) - tham gia phong trào phản kháng của sinh viên năm 1869, đã thành lập một nhóm liên kết với Ne-sa-ép ở Pê-téc-bua, năm 1871 bị kết án một năm 4 tháng tù giam. – 562.

*Líp-nếch* (Liebknecht), Vin-hem (1826-1900) - nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Đức và quốc tế, đã tham gia cuộc cách mạng 1848-1849, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, uỷ viên Quốc tế, chiến sĩ tích cực đấu tranh chống phái Lát-xan để bảo vệ những nguyên tắc của Quốc tế trong phong trào công nhân Đức; đại biểu Đại hội Ba-lơ của Quốc tế (1869); từ năm 1867 là đại biểu Quốc hội, một trong những nhà sáng lập và lãnh tụ của nền dân chủ - xã hội Đức, tổng biên tập báo "Volksstaat" (1869-1876); trong một số vấn đề giữ lập trường thoả hiệp; trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ và Công xã Pa-ri đấu tranh phản đối những kế hoạch xâm lược của giới quý tộc địa chủ và tư sản Phổ; là bạn chiến đấu thân thiết, của Mác và Ăng-ghe-n. - 80, 114, 180, 182, 508, 865.

*Lơ-ren* (Lauret) - tham gia phong trào công nhân Mỹ, người gốc Thụy Điển; tại Đại hội La Hay của Quốc tế được bầu làm uỷ viên Tổng Hội đồng. - 215, 906, 908.

*Lơ-ren-xô* (Lorenzo), An-xen-mô (1841-1915) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Tây Ban Nha, là công nhân in; một trong những người tổ chức các chi hội Quốc tế ở Tây Ban Nha, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha (1870 - 1872), đại biểu Hội nghị Luân Đôn của Quốc tế (1871). – 160, 198, 199, 250, 251, 266, 495, 503, 504.

*Lô* (Law), Hác-ri-ét (1832-1897) - nữ hoạt động nổi tiếng của phong trào vô thần ở Anh, uỷ viên Tổng Hội đồng (1867-1872) và chi hội Quốc tế ở Man-

se-xtơ (1872). – 70, 98, 113, 878.

*Lô-xtau* (Lostau), Ban-đô-me-rơ (sinh khoảng năm 1845) - công nhân cơ khí người Tây Ban Nha, theo phái cộng hoà liên bang, tham gia cuộc cách mạng 1868-1874, uỷ viên Quốc tế, năm 1871 được bầu vào nghị viện. – 507.

*Lốc-nơ* (Lochner), Ghê-ôóc (sinh khoảng năm 1824) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Đức, làm nghề thợ mộc, thành viên Liên đoàn những người công sản và Hội khai sáng công sản chủ nghĩa của công nhân Đức ở Luân Đôn, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (tháng Mười một 1864-1872), đại biểu các hội nghị của Quốc tế năm 1865 và 1871 ở Luân Đôn, bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-n. – 70, 98, 113, 878.

*Lôi-ô-la* (Loyola), I-gna-ti (1491-1556) - quý tộc Tây Ban Nha, người lập ra tổ chức phản động nhất của giáo hội Thiên chúa là dòng Tên. – 471, 551.

*Lông-ghe* (Longuet), Sác-lơ (1839-1903) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, nhà báo theo phái Pru-đông, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1866-1867, 1871-1872): thư ký thông tin viên cho Bỉ (1866), đại biểu Đại hội  
 hội  
 Lô-dan (1867),  
 Đại hội Bruy-xen (1868), Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872) của Quốc tế; thành viên Công xã Pa-ri, sau khi Công xã thất bại sang cư trú ở Anh; sau này ngả theo khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong Đảng công nhân Pháp thuộc phái khả năng. - 71, 98, 113, 204, 205, 214, 878.

*Lơ-đruy - Rô-lanh* (Ledru - Rollin), A-lếch-xăng-đrơ Ô-guy-xtơ (1807-1874) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của phái dân chủ tư sản, tổng biên tập báo "Réforme", năm 1848 là thành viên của chính phủ lâm thời, đại biểu Quốc hội lập hiến và lập pháp, tại đó đứng đầu phái Núi; sau cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu 1849 sang cư

trú ở Anh. – 604.

*Lơ Mút-xuy* (Le Moussu. A.) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, làm nghề chạm, tham gia Công xã Pa-ri, sau khi Công xã thất bại sang cư trú ở Luân Đôn, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế và thư ký thông tin viên cho các chi hội Pháp ở Mỹ (1871-1872), đại biểu Đại hội La Hay (1872), ủng hộ cuộc đấu tranh của Mác và Ăng-ghe-n chống phái Ba-cu-nin. – 71, 98, 113, 168, 204, 205, 209, 213-216, 431, 433, 446, 595, 879.

*Lơ-phơ-răng-xe* (Lerancais), Gu-xtáp (1826-1901) - nhà cách mạng Pháp, môn đồ của Pru-đông hữu khuynh, nhà giáo, tham gia cuộc cách mạng năm 1848, từ cuối những năm 60 là uỷ viên Quốc tế, thành viên Công xã Pa-ri, sau khi Công xã thất bại sang cư trú ở Thụy Sĩ, tại đây gia nhập nhóm vô chính phủ. - 44, 45, 65, 76.

*Lu-ken* (Lucaïn) - bí danh (họ thật chưa rõ) của một trong những đại biểu Pháp tại Đại hội La Hay (1872), tham gia vào uỷ ban điều tra hoạt động của Đồng minh, – 204, 205, 209, 212-215, 434, 451.

*Lu-i XIV* (1638-1715) - vua Pháp (1643-1715). – 31.

*Lu-i XV* (1710-1774) - vua Pháp (1715-1774). – 727.

*Lu-i Bô-na-pác-tơ* - xem *Na-pô-lê-ông III*.

*Lu-i Phi-líp* (1773-1850) - công tước Óc-lê-ăng, hoàng đế Pháp (1830-1848). – 715, 810.

*Lút-vích* (Ludwig) - nhà dân chủ xã hội Đức, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt cho chi bộ ở Ma-in-xơ. – 206, 214.

## M

*Ma-đô-xơ* (Maddose. G.W.) - đảng viên đảng cấp tiến tư sản Mỹ. - 137.

*Ma-ki-a-ve-li* (Machiavelli), Ni-cô-lô (1469-1527) - nhà tư tưởng chính trị, nhà sử học và nhà văn I-ta-li-a, một trong những tư tưởng gia của giai cấp tư sản I-ta-li-a trong thời kỳ phát sinh các quan hệ tư bản chủ nghĩa, – 496.

*Ma-lông* (Malon). Bê-nu-a (1841-1893) - nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, uỷ viên

Quốc tế, đại biểu Đại hội Giơ-ne-vơ năm 1866, đại biểu Quốc hội năm 1871, đã khước từ quyền hạn của mình, uỷ viên Ban chấp hành trung ương đội vệ binh quốc gia và Công xã Pa-ri, sau khi Công xã thất bại sang cư trú ở I-ta-li-a, sau đó ở Thụy Sĩ, ở đây gia nhập nhóm vô chính phủ; về sau là một trong những người cầm đầu và nhà tư tưởng của khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp. – 31, 40, 43, 44, 62, 65, 212, 492, 524, 526, 714.

*Ma-lu* (Malou), Giuy-lơ (1810 - 1886) - nhà hoạt động nhà nước Bỉ, thuộc đảng Thiên chúa giáo, bộ trưởng tài chính (1844-1847, 1870-1878), chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1871-1878). – 16, 183.

*Ma-ri* hoặc *Mô-rây* (Murray), Sác-lơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, làm nghề thợ giấy, tham gia phong trào Hiến chương, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1870-1872) và Hội đồng Liên chi hội Anh (1872-1873), người ủng hộ Mác và Ăng-ghe-n, trong những năm 80 là thành viên của Liên đoàn dân chủ - xã hội. – 70, 98, 113, 257, 281, 878.

*Mác* (Marx), Các (1818-1883) (những tài liệu có tính chất tiểu sử). – 42, 70, 76, 98, 113, 114-124, 127, 128, 143-156, 168, 204-209, 213-216, 219-223, 227, 241, 245, 246, 267, 287, 288, 295, 296, 311, 315, 364, 392, 395, 396, 413, 437, 440, 444, 595, 636, 644, 772, 773, 809, 889-895, 896, 899, 901.

*Mác-đô-nan* (Macdonald), A-lếch-xan-đơ (1821-1881) - một trong những thủ lĩnh cải lương của phái Công liên Anh, thư ký Liên minh thợ mỏ quốc gia, từ năm 1874 là nghị sĩ, thực hiện chính sách của đảng tự do - 670, 674.

*Mác-Đô-nen* (mac Donnel), Gi. Pa-tơ-rích (sinh khoảng năm 1845) - nhà hoạt động

của phong trào công nhân Ai-rơ-len, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế kiêm thư

ký thông tin viên cho Ai-rơ-len (1871-1872), đại biểu Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872) của Quốc tế; uỷ viên Hội đồng Liên chi

hội Anh (1872), tháng Chạp 1872 sang Mỹ cư trú, tham gia tích cực phong trào công nhân Mỹ. – 71, 98, 113, 168, 204, 205-209, 214, 241, 257, 432, 879.

*Mác - Ê-vơ-linh* (Marx - Aveling). Ê-lê-ô-no-ra (1855-1898) - nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Anh và quốc tế trong những năm 80-90, con gái út của C.Mác, vợ của Ê.Ê-vơ-linh. – 306.

*Mác-gơ-rít* (Margueritte) - nhà cách mạng Pháp, theo phái Blăng-ki, tham gia Công xã Pa-ri, sau khi Công xã thất bại sang cư trú ở Luân Đôn, là uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872). – 70, 98, 113.

*Mác - Ma-hông* (Mác - Mahon), Ma-ri Êt-mơ Pát-ri-xơ Mô-rít (1808-1893) - nhà hoạt động chính trị và quân sự phản động Pháp, thống chế, theo phái Bô-na-pác-tơ, trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ chỉ huy quân đoàn 1, sau đó chỉ huy đơn vị ở Sa-lôn, bị bắt làm tù binh ở Xê-đăng; là một trong những tên đao phủ của Công xã Pa-ri, tổng tư lệnh đơn vị quân Véc-xay, chủ tịch nước Cộng hoà đệ tam (1873-1879). – 684.

*Mác-pha-rơ-lin* (Macfarlane). Ê-ten - cộng tác viên đặc lực của các báo "Democratic Review" (1849-1850) và "Red Republican" (1850) do Gi.Hác-ni, thủ lĩnh của phái Hiến chương cách mạng xuất bản, là người dịch "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ra tiếng Anh. – 127.

*Mác-san* (Marchand), Lu-i - người Pháp, theo phái Ba-cu-nin, được Công xã Pa-ri phái đi công tác ở Boóc-đô, sau khi Công xã đàn áp sang cư trú ở Thụy Sĩ, là thư ký Hội những người lưu vong và công tác với báo "Révolution Sociale", bị khai trừ khỏi Quốc tế theo yêu cầu của chi hội Boóc-đô. – 212.

*Mác-tanh* (Martin), Cô-xtan - nhà cách mạng Pháp, theo phái Blăng-ki, tham gia Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Luân Đôn, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872), đại biểu Hội nghị Luân Đôn

(1871). – 70, 98, 113, 878.

*Mác-ti-nê-xơ* (Martinez), Phran-cô - người Tây Ban Nha, theo chủ nghĩa vô chính phủ, làm nghề thợ nhuộm, uỷ viên Hội đồng Liên chi Tây Ban Nha thuộc Quốc tế. – 161, 504.

*Mác-ti-nê-xơ-Đơ Cam-pô-xơ* (Martinezde Campos), Ác-xê-ni-ô (1831-1900) - tướng Tây Ban Nha và nhà hoạt động chính trị phản động, năm 1873 đã đàn áp cuộc khởi nghĩa hàng tống ở Ca-ta-lô-ni và Va-len-xi-a, đại tướng Tân Ca-xti-li-a (1874), cầm đầu cuộc đảo chính quân chủ dẫn đến chính thể của An-phôn-xơ XII (24 tháng Chạp 1874), bộ trưởng chiến tranh (1881-1883). – 659, 660.

*Mác-tin* (Martin), Phê-li-pơ - người Tây Ban Nha, theo chủ nghĩa vô chính phủ. – 500.

*Mác-xê-lau* (Marcelau), Ni-cô-lô A-lôn-xơ - người theo chủ nghĩa vô chính phủ ở Tây Ban Nha. một trong những người lãnh đạo tổ chức của Đồng minh ở Tây Ban Nha, tổng biên tập báo "Razon" ở Xê-vi-li-a (1871-1872), đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872), bị khai trừ khỏi Quốc tế theo quyết nghị của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873. – 204, 206, 209, 212-214, 507.

*Man-toi-phen* (Manteuffel). Ót-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805-1882) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu cho giới quan liêu quý tộc, bộ trưởng nội vụ (1848-1850), thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao (1850-1858). – 399, 400, 676.

*Máp-ri-xki*. Va-xi-li Áp-ra-mô-vích (khoảng 1850-1910) -sinh viên chủng viện Ki-ép, bị đưa ra toà về vụ Ne-sa-ép, do không đủ chứng cứ nên việc thẩm xét trước toà phải ngừng lại, sau này là linh mục và nhà văn tôn giáo. – 554.

*Mát-đi-ni* (Mazzini), Giu-dép (1805-1872) - nhà cách mạng, nhà dân chủ tư sản I-ta-li-a, một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, nhà hoạt động nổi tiếng của cuộc cách mạng 1848-1849 ở I-ta-li-

a, khi Quốc tế được thành lập năm 1864 đã tìm cách đặt Quốc tế dưới ảnh hưởng của mình, năm 1871 tỏ thái độ chống lại Công xã Pa-ri và Quốc tế, cản trở sự phát triển của phong trào công nhân độc lập ở I-ta-li-a. – 92, 116, 486, 510, 604.

*Mau-rơ* (Maurer), Ghê-ôóc Lút-vích (1790-1872) - nhà sử học tư sản xuất sắc người Đức, người nghiên cứu chế độ xã hội của nước Đức cổ đại và trung cổ. – 761.

*Mây-ô* (Mayo), Hen-ri - tham gia phong trào công nhân Anh, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872) và Hội đồng Liên chi hội Anh (1872), đứng về phe cải lương trong Hội đồng, tỏ thái độ chống lại các nghị quyết của Đại hội La Hay của Quốc tế; bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873. – 70, 98, 113, 270, 278, 279, 878.

*Men-đê-xơ* (Mendez), Hoan - công nhân nông nghiệp Tây Ban Nha, theo chủ nghĩa vô chính phủ. – 506

*Men-cơ* (Menke), Hen-rích Tê-ô-đo (1819-1892) - nhà địa lý Đức, người đã soạn lại cuốn "Át-lát giáo khoa về lịch sử trung đại và cận đại" của Sơ-pru-néc. – 801, 802.

*Mê-xa-i - Lê-ôm-pác-tơ* (Mesa y Leompart). Hô-xê (1840-1904) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, là công nhân ấn loát, một trong những người tổ chức các chi hội Quốc tế ở Tây Ban Nha, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha (1871-1872), uỷ viên ban biên tập báo "Emancipacion" (1871-1873), uỷ viên Liên chi hội Ma-đrít mới (1872-1873), tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa vô chính phủ, một trong những người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác vào Tây Ban Nha, một trong những nhà sáng lập Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha (1879); là người dịch một loạt các tác phẩm của Mác và Ăng-ghen ra tiếng Tây Ban Nha. – 252, 254, 434, 496, 497, 504.

*Méch-ni-cốp*. Lép I-lích (1838-1888) - nhà địa lý, nhà xã hội học và chính luận Nga; người tham gia cuộc hành quân của Ga-ri-ban-đi năm 1860, cộng tác viên của báo "Cái chuông", "Người cùng thời", nửa cuối những năm 60 trở thành phần tử thân Ba-cu-nin. – 524.

*Mi-e-rốt-xláp-xki* (Mieroslawski), Lút-vích (1814-1878) - nhà hoạt động chính trị và quân sự Ba Lan, đã tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan năm 1830-1831; tham gia chuẩn bị khởi nghĩa ở Pô-dơ-nan năm 1846; được cuộc cách mạng tháng Ba 1848 giải phóng khỏi nhà tù; cầm đầu cuộc khởi nghĩa ở Pô-dơ-nan năm 1848, tiếp đó lãnh đạo cuộc chiến đấu của nghĩa quân ở Xi-xin, trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ chỉ huy đội quân cách mạng; những năm 50 có liên hệ với các nhóm Bô-na-pác-tơ; trong cuộc khởi nghĩa Ba Lan những năm 1863-1864 được cử làm người đứng đầu chính phủ quốc gia Ba Lan, sau khi khởi nghĩa thất bại sang cư trú ở Pháp. – 777.

*Mi-lốt* hay *Mi-lô* (Millot. T.) - người Pháp lưu vong, là thợ đóng sách, uỷ viên Ban chấp hành trung ương các chi hội Quốc tế ở Bắc Mỹ, đứng trên lập trường của chủ nghĩa cấp tiến tư sản. – 137.

*Min* (Mill), Giôn Xtiu-ác (1806-1873) - nhà kinh tế học tư sản, nhà triết học theo chủ nghĩa thực chứng Anh, hậu bối của trường phái kinh tế chính trị học cổ điển. – 94-97.

*Min-cơ* (Milke) - nhà dân chủ - xã hội Đức, công nhân ấn loát, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt cho chi hội ở Béc-lin. – 206, 209, 215.

*Min-nơ* (Milner), Gioóc-giơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, người gốc Ai-rơ-len, người kế tục những quan điểm cải cách xã hội của người theo phái Hiến chương - Brôn-te-rơ Ô'Brai-en; là thành viên của Đồng minh cải cách quốc gia và Liên minh ruộng đất và lao động, uỷ viên

Tổng Hội đồng Quốc tế (1868-1872), đại biểu Hội nghị Luân Đôn 1871, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh (1872-1873), đấu tranh chống phá cải lương trong Hội đồng. – 70, 98, 113, 266, 281, 878.

*Mit-sen* (Mitchell) - uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh (1872-1873), đấu tranh chống phá cải lương trong Hội đồng. – 281.

*Mô-da* (Mozart). Vôn-phơ A-ma-đô-xơ (1756-1791) - nhà soạn nhạc Áo vĩ đại. – 803.

*Mô-li-e-rơ* (Molière), Giảng Báp-ti-xơ (họ thật là Pô-clanh) (1622-1673) - nhà soạn kịch Pháp vĩ đại. – 147.

*Mô-ra* (Moree), *An-khen* - nhà hoạt động của phong trào công nhân Tây Ban Nha, làm nghề thợ mộc, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha (1870 - 1872), uỷ viên ban biên tập báo "Emancipacion" (1871-1873) và Liên chi hội Ma-đrít mới, tích cực đấu tranh chống ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ; từ năm 1879 là đảng viên đảng công nhân - xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha. – 495, 504.

*Mô-ra* (Mora), Phran-xi-xcô (1842-1924) - nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, là thợ đóng giấy, một trong những người tổ chức các chi hội Quốc tế ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha; uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha thuộc Quốc tế (1870-1872), uỷ viên ban biên tập báo "Emancipacion" (1871-1872), uỷ viên Liên chi hội Ma-đrít mới (1872-1873), tích cực đấu tranh chống ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ, duy trì việc trao đổi thư từ với Mác và Ăng-ghe-n, là một trong những người tổ chức đảng công nhân - xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha (1879). – 198, 199, 251, 252, 495, 496, 500-505, 520, 631.

*Mô-ra-gô* - *Gôn-xa-le-xơ* (Morago Conzales), Tô-mát - người Tây Ban Nha, theo chủ nghĩa vô chính phủ, làm nghề thợ chạm, là một trong những người thành lập và cầm đầu Đồng minh ở Tây Ban Nha, là thành viên ban lãnh đạo Đồng minh bí mật uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban



Nha thuộc Quốc tế (1870 - 1871), đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872): bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873. – 199, 206, 209, 212, 215, 245, 249, 251, 494-500, 507, 509.

*Mô-rơ-li* (Morley), Xa-mu-en (1809-1886) - nhà công nghiệp và nhà hoạt động chính trị Anh, đảng viên Đảng tự do, nghị sĩ (1865, 1868-1885). – 426, 672.

*Mô-ri-xơ* (Maurice), De-vi - uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1866-1872), thư ký thông tin viên cho Hung-ga-ri 1870-1871). – 71, 98, 113, 878.

*Môn-tô-rô* (Mantoro), Pê-réc-rin (bí danh *Đa-môn*) - người Tây Ban Nha theo chủ nghĩa vô chính phủ, là thợ dệt, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha thuộc Quốc tế (1872-1873). – 161, 497, 504, 508.

*Môn-tơ-kê* (Moltke), Hen-mút Các-lơ Béc-nơ-hác (1800-1891) - đại thống chế Phổ, nhà hoạt động quân sự và nhà văn phản động, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa quân phiệt và sô-vanh Phổ, tổng tham mưu trưởng của Phổ 1857-1871) và của Đế chế (1871-1888), trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ thực tế là tổng tư lệnh. – 179, 658, 679-686, 688-691.

*Môt-tơ-xhết* (Mottershead), Tô-mát Gi. - thợ dệt người Anh, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1869-1872), thư ký thông tin viên cho Đan Mạch (1871-1872), đại biểu Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872), sau Đại hội La Hay cầm đầu phe cải lương trong Hội đồng Liên chi hội Anh, bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ra ngày 30 tháng Năm 1873. – 70, 98, 113, 204, 206, 209, 270, 275, 278, 279, 672, 879.

*Mu-ra-vi-ép*, Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích, bá tước (1796-1866) - nhà hoạt động nhà nước Nga, kẻ bảo vệ cuồng nhiệt lợi ích của bọn địa chủ - chủ nô; năm 1863, trong thời kỳ của cuộc khởi nghĩa Ba Lan được bổ nhiệm làm đặc mệnh toàn quyền ở Ba Lan; do hành động đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa, y bị đặt cho cái tên "kẻ chuyên đi treo cổ". – 565, 596.

*Mu-ra-vi-ép - vùng A-mua*, Ni-cô-lai Ni-cô-lai-ê-vích, bá tước (1809-1881) - nhà hoạt động nhà nước Nga, thống đốc miền Đông Xi-bia (1847-1861). – 596, 597.

*Mun-đen-la* (Mundella), An-tô-ni Giôn (1825-1897) - chủ xưởng và nhà hoạt động nhà nước Anh, từ năm 1868 là nghị sĩ, đã giữ nhiều chức vụ bộ trưởng. – 123.

*Muyn-béc-gơ* (Mulberger), Ác-tua (1847-1907) - nhà chính luận tiểu tư sản Đức, môn đồ của Pru-đông, là bác sĩ. – 297, 299-304, 307, 310-315, 361-377, 378-382, 384-393.

## N

*Na-pô-lê-ông I* Bô-na-pác-tơ (1769-1821) - hoàng đế Pháp (1804-1814 và 1815). – 319, 686, 792, 804, 847.

*Na-pô-lê-ông III* (Lu-i-Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ) (1808-1873) - cháu của Na-pô-lê-ông I, chủ tịch nước Cộng hoà đệ nhị (1848-1851), hoàng đế Pháp (1852-1870). – 28, 34, 49, 67, 111, 116, 176, 177, 179, 263, 335, 340, 351, 356, 399, 435, 437, 458, 465, 466, 507, 612, 686, 709, 775, 835.

*Néc-rê-xem*, Mi-kha-in Phê-đô-rô-vích (khoảng 1843-1871) - người tham gia tích cực phong trào sinh viên những năm 60; năm 1869 bị bắt vì vụ Ne-sa-ép, năm 1870 được thả do bị bệnh. – 564.

*Ne-sa-ép*, Xéc-gây Gen-na-di-ê-vích (1847-1882) - nhà cách mạng nổi loạn Nga, tham gia phong trào sinh viên ở Pê-téc-bua những năm 1868-1869, thời gian từ 1869-1871 liên hệ mật thiết với Ba-cu-nin, lập ra tổ chức bí mật "Nhân dân trừng phạt" (1869), năm 1872 bị nhà cầm quyền Thụy Sĩ nộp cho Chính phủ Nga, chết tại pháo đài Pê-tơ-rô-pác-lốp. – 24, 455, 460, 483, 493, 537-539, 543, 547-551, 553-573, 576, 584, 590, 591, 597, 729, 732, 734, 748.

*Ni-cô-lai I* (1796-1855) - hoàng đế Nga (1825-1855). – 601, 602, 611, 709, 792, 811, 854.

*Ni-cô-lai-ép*, Ni-cô-lai Ni-cô-lai-ê-vích (sinh khoảng năm 1850) - thành viên tổ chức của Ne-sa-ép, tham gia vụ giết I-va-nốp, năm 1871 bị kết án 7 năm 4 tháng tù và đày đi Xi-bia. – 568, 569.

*Nốp-rơ Phran-xơ* (Norbe - Franca), Hô-xê - người tham gia phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa Bồ Đào Nha, một trong những người tổ chức các chi hội Quốc tế đầu tiên ở Li-xbon, năm 1872-1873 duy trì việc trao đổi thư từ với Mác và Ăng-ghe-n. – 427.

### O

*Oét-xơ* (West), Uy-li-am - đảng viên đảng cấp tiến tư sản Mỹ, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên chi hội Bắc Mỹ thuộc Quốc tế, bí thư chi hội số 12 (Niu Oóc), bị khai trừ khỏi Quốc tế tại Đại hội La Hay (1872). – 131, 132, 137, 535, 894, 895.

*Oét-xơ-n* (Weston), Giôn - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, làm nghề thợ mộc, sau đó làm nhà kinh doanh, ủng hộ Ô-oen, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1864-1872), đại biểu Hội nghị Luân Đôn năm 1865, là thành viên uỷ ban chấp hành Đồng minh cải cách, một trong những nhà lãnh đạo của Liên minh ruộng đất và lao động, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh (1872). – 70, 98, 110, 113, 878.

*Ô-béc-vin-đéc* (Oberwinder), Hen-rích (1846-1914) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Áo, nhà báo, đầu những năm 60 theo phái Lát-xan, sau đó ngả sang phái Ai-dơ-nác, đại biểu Đại hội Ba-ơ của Quốc tế (1869), tổng biên tập các báo công nhân "Volksstimme" và "Volkswilte", cuối những năm 70 rời bỏ phong trào công nhân. – 431.

*Ô-ga-rép*, Ni-cô-lai Pla-tô-nô-vích (1813-1877) - nhà dân chủ cách mạng Nga

xuất chúng, nhà thơ và nhà chính luận, bạn chiến đấu thân thiết của A.I. Ghéc-sen. – 556, 565.

*Ô-oen* (Owen), Rô-bóc (1771-1858) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại người Anh. – 330, 332, 412, 603, 698.

*Ô-li-vi-ê* (Ollivier), Ê-min (1825-1913) - nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái cộng hoà tư sản ôn hoà, từ cuối những năm 60 theo phái Bô-na-pác-tơ, đứng đầu chính phủ (tháng Giêng - tháng Tám 1870). – 176, 413.

*Ô-xman* (Hausmann), Gioóc-giơ Ô-gien (1809-1891) - nhà hoạt động chính trị Pháp theo phái Bô-na-pác-tơ, tham gia cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, quận trưởng quận Xen (1853-1870), là người chỉ đạo việc cải tạo Pa-ri. – 290, 356.

*Ô-Cô-nen* (Ó Connell). Đa-ni-en (1775-1847) - luật sư Ai-rơ-len và nhà hoạt động chính trị tư sản, thủ lĩnh của cánh hữu tự do chủ nghĩa trong phong trào giải phóng dân tộc. – 675.

*Ô-Con-nơ-rơ* (Ó Connor), Phéc-guy-xơ (1794-1855) - một trong những thủ lĩnh của phong trào hiến chương, người sáng lập và tổng biên tập báo "Northern Stat"; sau năm 1848 là người theo chủ nghĩa cải lương. – 108.

*Ốt-giơ-rơ* (Odger), Gioóc-giơ (1820-1877) - một trong những thủ lĩnh của phái công liên Anh chủ nghĩa cải lương, làm nghề thợ giấy, tham gia thành lập Hội đồng công liên Luân Đôn và là thư ký Hội đồng những năm 1862-1872, thành viên của Đồng minh độc lập quốc gia Ba Lan, của Liên minh ruộng đất và lao động, của Liên minh quyền đại diện của công nhân, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1864-1871), chủ tịch Tổng Hội đồng (1864-1867), tham gia Hội nghị Luân Đôn (1865) và Đại hội Giơ-ne-vơ, là thành viên uỷ ban chấp hành Đồng minh cải cách, trong thời kỳ đấu tranh nhằm cải cách chế độ bầu cử ở Anh đã câu kết với giai cấp tư sản, năm 1871 tỏ thái độ chống đối Công xã Pa-ri và lời hiệu triệu của Tổng Hội đồng "Nội chiến ở Pháp", bị Tổng Hội đồng kết tội phản bội và khai trừ ra khỏi Tổng Hội đồng, về sau

vẫn tiếp tục chiến dịch vu khống chống ban lãnh đạo Quốc tế và các thành viên Công xã. – 14, 21, 672.

*Ốt-tôn* - những hoàng đế đầu tiên của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (962-1002, 1209-1218). – 798.

## P

*Pa-khe-xơ* (Pagés), Vích-to (sinh khoảng năm 1850) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Tây Ban Nha, là thợ giấy, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha (1871-1872), uỷ viên ban biên tập báo "Emancipacion" (1871-1873) và uỷ viên Liên chi hội Ma-đrít mới (1872-1873), đấu tranh chống ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ ở Tây Ban Nha. - 252, 504.

*Pa-la-di-nô* (Palladino), Các-mê-lô 1842-1896) - người I-ta-li-a, theo chủ nghĩa  
vô chính phủ, là luật sư, một trong những người cầm đầu Đồng minh bí mật, một trong những người thành lập các tổ chức vô chính phủ ở I-ta-li-a, uỷ viên chi hội Quốc tế ở Na-plơ. – 511.

*Pa-vi-a-i-Rốt-ri-ghéc* (Pavia Y Rodriguez), Ma-nu-en (1827-1895) - tướng Tây Ban Nha và nhà hoạt động chính trị, năm 1873, chỉ huy các đơn vị quân của nước Cộng hoà chống lại bè đảng Các-lốt, đàn áp cuộc khởi nghĩa của những người dân hàng tổng ở An-đa-lu-di-a, đại tướng Tân Ca-xti-li-a (1873-1874), thực hiện cuộc đảo chính quốc gia quân chủ (ngày 2-3 tháng Giêng 1874), dẫn đến việc Xéc-ra-nô lên nắm quyền, từ năm 1880 là thượng nghị sĩ. – 654, 659, 766.

*Pan-mớc-xtơn* (Palmerston), Hen-ri Giôn *Tem-pon*, tử tước (1784-1865) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thời kỳ đầu hoạt động là đảng viên đảng To-ri,

từ năm 1830 là một trong những thủ lĩnh đảng Vích dựa vào những phần tử cánh hữu của đảng này; bộ trưởng ngoại giao (1830-1834, 1835-1841 và 1846-1851), bộ trưởng nội vụ (1852-1855) và thủ tướng (1855-1858, 1859-1865). – 775.

*Páp-lốp*, Pla-tôn Va-xi-lê-vích (1823-1895) - nhà sử học Nga, người tổ chức các trường học chủ nhật đầu tiên ở Ki-ép và Pê-téc-bua; năm 1862, theo nguyên tắc hành chính, ông bị trục xuất khỏi Pê-téc-bua vì có liên hệ với các tổ chức cách mạng. – 603.

*PLau-li* (Pauly), I-pô-li-tơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Tây Ban Nha, là công nhân ấn loát, uỷ viên hội đồng Tây Ban Nha thuộc Quốc tế (1871-1872), uỷ viên ban biên tập báo "Emancipacion" (1871-1873), uỷ viên liên chi hội Ma-đrít mới (1872-1873), đấu tranh chống ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ ở Tây Ban Nha – 252, 504.

*Pây-pơ* (Pape), Phlét-trê-rơ - uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh thuộc Quốc tế (1872), ngã theo phái cải lương, bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873. – 405.

*Pe-nơ* (Pène), Hăng-ri Đơ (1830 - 1888) - nhà báo Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ, người sáng lập ra tổng biên tập báo "Paris - Journal" (1868-1888). – 76.

*Pe-rôn* (Perron), Sác-lơ Ô-gien 1837-1919) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Thụy Sĩ, họa sĩ về đồ tráng men, sau đó là họa sĩ họa đồ, môn đồ  
của  
Ba-cu-nin, đại biểu các Đại hội Quốc tế ở Lô-dan (1867) và Bruy-xen (1868), uỷ viên Ban thường vụ trung ương Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, tổng biên tập báo "Égalité" (1869), một trong những biên tập viên báo "Solidarité" và lãnh đạo Liên chi hội Giuy-ra; sau này đã rời bỏ phong trào công nhân. – 189.

*Pe-xten*, Pa-ven I-va-nô-vích (1793-1826) - một trong những nhà hoạt động xuất sắc của phong trào tháng Chạp, là nhà sáng lập và lãnh đạo Hội phương Nam. – 611.

*Pét-ra-sép-xki* (*Bu-ta-sê-vích* - *Pét-ra-sép-xki*), Mi-kha-in Va-xi-lê-vích 1821-1866) - nhà cách mạng, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Nga, người tổ chức ra nhóm tri thức bình dân tiên phong Nga ở Pê-téc-bua (1845), năm 1849 bị bắt và kết án khổ sai chung thân. – 596, 597.

*Pê-rây-rơ* hay *Pê-rây-ra* (Péreire), I-xắc (1806-1880) - chủ nhà băng Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, đại biểu Đoàn lập pháp, năm 1852 cùng với em trai là Ê-min Pê-rây-rơ thành lập nhà băng cổ phần Crédit Mobilier. - 354.

*Pha-ne-li* (Fanelli), Giu-dép-pơ (1826-1877) - nhà hoạt động của phong trào dân chủ tư sản I-ta-li-a, đã tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849 ở I-ta-li-a và cuộc hành quân của Ga-ri-ban-di năm 1860; theo phái Mát-di-ni, từ giữa những năm 60 là bạn thân của Ba-cu-nin, thành viên ban lãnh đạo Đồng minh bí mật, là người tổ chức các chi hội Quốc tế đầu tiên và các nhóm của Đồng minh ở Tây Ban Nha (1868), đại biểu Đại hội Ba-lơ của Quốc tế (1869), đại biểu Quốc hội I-ta-li-a từ năm 1865. – 249, 466, 494, 500, 511, 528.

*Pha-vơ* (Favre). Giuy-lơ (1809-1880) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, từ cuối những năm 50 là một trong những thủ lĩnh của phái tư sản cộng hoà đối lập; năm 1870-1871 là bộ trưởng ngoại giao, là tên đao phủ của Công xã Pa-ri và là một trong những kẻ cổ vũ cuộc đấu tranh chống lại Quốc tế. - 15, 49, 116, 181, 183, 486.

*Phác-ca-sơ* (Farkas), Ca-rôn (1843-1907) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri, nhà truyền bá chủ nghĩa Mác, là công nhân luyện kim; một trong những người tổ chức và lãnh đạo chi hội Quốc tế ở Hung-ga-ri, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872); một trong những người tổ chức Đảng công nhân toàn

Hung-ga-ri (1880) và Đảng dân chủ - xã hội Hung-ga-ri (1890). – 204, 205, 209-216.

*Phác-ga Pê-li-xéc* (Farga Pellicer) - Ra-pha-en (1840-1890) - người Tây Ban Nha theo chủ nghĩa vô chính phủ, làm thợ in và nhà báo; một trong những người tổ chức ra Đồng minh và các chi hội Quốc tế đầu tiên ở Tây Ban Nha, thành viên ban lãnh đạo Đồng minh bí mật, tổng biên tập báo "Federacion" (1869-1873), đại biểu các đại hội Quốc tế ở Ba-lơ (1869) và La Hay (1872); một trong những người lãnh đạo tổ chức vô chính phủ ở Tây Ban Nha, bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ra ngày 30 tháng Năm 1873. – 206, 209, 212-215, 494, 498, 506, 508, 648.

*Phai-e* (Faillet). Ô-gien Lu-i (sinh năm 1840) biệt danh *Đuy-mông* - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, thành viên Công xã Pa-ri, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt cho chi hội ở Pa-ri và Ru-ăng; sau này là đảng viên Đảng công nhân Pháp. – 204, 205, 209-215.

*Phau-sơ* (Faucher), Giuy-lơ (I-u-li-út) (1820-1878) - nhà chính luận Đức theo phái Hê-ghen trẻ, là người ủng hộ phái mật dịch tự do, năm 1850-1861 sống lưu vong ở Anh, tác giả của những tác phẩm về vấn đề nhà ở, là người theo phái tiến bộ. – 318.

*Phéc-đi-năng II* (1810-1859) - vua xứ Na-plơ (1830-1859), được mệnh danh là "Vua trái phá" do trận ném bom Mét-xi-na năm 1848. – 256.

*Phê-re* (Ferre), Tê-ô-phin Sác-lơ (1845-1871) - nhà cách mạng Pháp theo phái Blăng-ki, tham gia tích cực phong trào cộng hoà ở Pháp những năm 60; thành viên Công xã Pa-ri, uỷ viên, sau đó là trưởng Ban an ninh xã hội và phó chủ trương lý của Công xã, bị phái Véc-xay xử bắn. – 80, 482.

*Phlê-cốp-xki*. N. - xem *Béc-vi*, Va-xi-li Va-xi-lê-vích.

*Phlơ-rin-xki*, I-van I-va-nô-vích (sinh khoảng năm 1845) - học viên học viện nông nghiệp Pê-tơ-rốp - Ra-du-mốp, tham gia tổ chức Ne-sa-ép, năm 1871

bị kết án 6 tháng tù. – 562.

*Phlu-dơ* (Fluse), Pi-e - người Bỉ, theo phái Pru-đông, là thợ dệt, uỷ viên Quốc tế, đại biểu Đại hội Bruy-xen (1868), Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872) của quốc tế, ủng hộ phái Ba-cu-nin. - 204, 206, 209, 214, 215.

*Phoi-giơ - Rết-sơ* (Voigts - Rhetz), I-u-li-út (1823-1904) - tướng Phổ, tham gia cuộc chiến tranh Pháp - Phổ, từ năm 1873 là giám đốc tổng cục quân sự, sau đó là thanh tra trường pháo binh. – 785.

*Phoóc-na-se-ri* (Fornaccieri) - tham gia phong trào công nhân Mỹ, người gốc I-ta-li-a, uỷ viên Tổng Hội đồng được bầu tại Đại hội La Hay của Quốc tế (1872). – 216, 906.

*Phô-ghen Phôn Phan-ken-stai-nơ* (Vogel von Falckenstein), É-t-út (1797-1885) - tướng Đức, trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ là thống đốc miền duyên hải Đức. – 178, 179.

*Phô-gơ* (Vogt), Các-lơ (1817-1895) - nhà vật lý học Đức, nhà duy vật tầm thường, nhà dân chủ tiểu tư sản; năm 1848-1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phước, thuộc cánh tả; tháng Sáu 1849 là một trong năm quan nhiếp chính của hoàng đế; năm 1849 rời Đức sống lưu vong; những năm 50,60 là mật vụ ăn lương của Lu-i Bô-na-pác-tơ, một trong những kẻ tham gia tích cực việc hãm hại bằng cách vu khống những nhà cách mạng vô sản. - 114-117, 437.

*Phô-gơ* (Vogt), Gu-táp (1829-1901)- nhà kinh tế học Thụy Sĩ, người gốc Đức, theo chủ nghĩa hoà bình tư sản, một trong những người tổ chức Đồng minh hoà bình và tự do, em trai C.Phô-gơ. – 18, 458.

*Phô-xét* (Fawcett), Hen-ri (1833-1884) - nhà kinh tế học tư sản tầm thường người Anh, người kế tục Giôn Xtui-ác Min, là nghị sĩ từ năm 1865, đảng viên đảng tự do. – 95-98.

*Phran-ken* (Franket), Lê-ô (1844-1896) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Hung-ga-ri và quốc tế, là thợ kim hoàn; thành viên Công xã Pa-ri và uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872). Đại biểu Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872) của Quốc tế; một trong những người sáng lập Đảng công nhân toàn Hung-ga-ri, bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-n. – 70, 98, 113, 168, 204, 206-209, 212-216, 241, 595, 879.

*Phran-tơ II* (1768-1835 - hoàng đế của cái gọi là đế chế La Mã thần thánh (1792-1806); dưới niên hiệu Phran-tơ I là hoàng đế Áo (1804-1835). – 708.

*Phran-xa* - xem *Nóp-rơ - Phran-xa*, Hô-xe.

*Phrây-lơ* (Fraile). Đê-ô-ni-xi-ô Hác-xi-a - người Tây Ban Nha theo chủ nghĩa vô chính phủ. – 509.

*Phri-đrích II* (1712-1786) - vua Phổ (1740-1786). – 398, 708, 801.

*Phri-đích - Vin-hem II* (1744-1797) - vua Phổ (1786-1797), – 708.

*Phri-đích - Vin-hem III* (1770-1840) - vua Phổ (1797-1840). – 847.

*Phri-đích - Vin-hem IV* (1795-1861) - vua Phổ (1840-1861). - 398, 854.

*Phrit-len-đơ* (Freiddlender), Gu-gô - nhà dân chủ xã hội Đức, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt cho chi hội ở Xuy-rích. – 204, 205, 209, 213, 215.

*Phu-ri-ê* (Fourier), Sác-lơ (1772-1837) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại, người Pháp. – 330, 332, 412, 698, 841.

*Phu-xtéc* (Fuster), Lu-ít - thợ đóng thùng người Tây Ban Nha, uỷ viên chi hội Quốc tế ở Xăng-xơ. – 507.

*Pi-IX* (1792-1878) - giáo hoàng La Mã (1846-1878). - 183.

*Pi-a* (*Pyat*), *Phê-lích-xơ* (1810-1889) - nhà chính luận, nhà soạn kịch và nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản đã tham gia cuộc cách

mạng năm 1848, từ năm 1849 sống lưu vong ở Thụy Sĩ, Bỉ và Anh, đối địch với phong trào công nhân độc lập; trong nhiều năm đã tiến hành chiến dịch vu khống chống lại Mác và Quốc tế, lợi dụng chi hội Pháp ở Luân Đôn để làm việc này, là đại biểu Quốc hội năm 1871, thành viên Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Anh. – 35.

*Pi-ê-tơ-ri* (Pietri), Giô-dép Ma-ri (1820-1902) - nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, quận trưởng cảnh sát Pa-ri (1866-1870). – 41, 461.

*Pi-nô* (Pino), Mi-ghen - người Tây Ban Nha theo chủ nghĩa vô chính phủ, là thợ cơ khí, người thành lập nhóm Đồng minh ở Ma-la-ha. – 500.

*Pi-ô* (Pio), Lu-i (1841-1894) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa Đan Mạch, nhà truyền bá chủ nghĩa Mác, một trong những người sáng lập các chi hội quốc tế ở Đan Mạch (1871), tổng biên tập báo "Socialisten"; một trong những người sáng lập Đảng dân chủ - xã hội Đan Mạch (1876); năm 1877 sang cư trú ở Mỹ. – 183.

*Pi-ôt I* (1672-1725) - Nga hoàng từ năm 1682, hoàng đế toàn Nga từ năm 1721. – 541, 606, 708, 755, 810.

*Pi-ôt III* (1728-1762) - hoàng đế nước Nga (1761-1762). – 765.

*Pi-i - Mác-gan* (Pi y Margall), Phran-xi-xcô (1824-1901) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thủ lĩnh của những người cộng hoà liên bang phái tả, chịu ảnh hưởng của những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng; là luật sư và văn sĩ; đã tham gia các cuộc cách mạng tư sản (1854-1856 và 1868-1874), bộ trưởng nội vụ (13 tháng Hai 11 tháng Sáu 1873), chủ tịch lâm thời chính phủ Cộng hoà (11 tháng Sáu - 18 tháng Bảy 1873). – 647, 654, 658.

*Pin* (Pihl, S.F.) - đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt cho một chi hội ở Cô-pen-ha-ghen. – 204, 205, 209, 211, 213, 215.

*Pô-gô-đin*, Mi-kha-in Pê-tơ-rô-vích (1800-1875) – nhà sử học, nhà văn và nhà chính luận Nga. – 705.

*Pô-te-rơ* (Potter), Giôóc-giơ (1832-1893) - một trong những thủ lĩnh theo chủ nghĩa cải lương của phái công liên Anh, làm nghề thợ mộc, uỷ viên Hội đồng Công liên Luân Đôn, là một trong những người lãnh đạo Hiệp hội các công nhân xây dựng, người sáng lập và xuất bản báo "Bec-Hive", trong đó thể hiện một cách có hệ thống chính sách thoả hiệp và bắt tay với giai cấp tư sản tự do. – 672.

*Pôm-pa-đu-a* (Pompadour), Gian-na An-tua-nét-ta *Pua-xôn*, hầu tước phu nhân *đờ* (1721-1764) - người được vua Pháp Lu-i XV sủng ái. – 727.

*Pơ-phen-dơ* (Pfander), Các-lơ (1818-1876) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Đức và quốc tế, họa sĩ, từ năm 1845 sống lưu vong ở Luân Đôn, là thành viên Hội khai sáng cộng sản chủ nghĩa của công nhân Đức ở Luân Đôn, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1864-1867), 1870-1872), bạn chiến đấu thân thiết của Mác và Ăng-ghen. – 70, 98, 113, 878.

*Pru-đông* (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809-1865) - nhà chính luận, nhà kinh tế học

và xã hội học Pháp, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những ông

tổ của chủ nghĩa vô chính phủ. – 287, 290, 293, 294, 298, 299, 302-305, 308, 309, 312, 315, 321, 324, 361-365, 367, 368, 372-378, 380, 383, 384, 387-391, 393, 411-417, 864, 865.

*Pư-giốp*, I-van Gáp-ri-lô-vích (1829-1885) - nhà chính luận Nga, người tham gia tích cực các nhóm của Ne-sa-ép, năm 1871 bị toà án xử 12 năm lao động khổ sai và lưu đầy chung thân ở Xi-bia. – 561, 566-570.

*Pu-ga-sép*, Ê-me-li-an I-va-nô-vích (khoảng 1742-1775) - lãnh tụ của cuộc

khởi nghĩa lớn nhất chống chế độ nông nô của những người nông dân và những người Cô-dắc ở nước Nga thế kỷ XVIII. - 611, 765.

## R

*Ra-din*, Xtê-pan Ti-mô-phê-vích (chết năm 1671) - lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa lớn nhất chống chế độ nông nô của những người nông dân và những người Cô-dắc ở Nga thế kỷ XVII. - 541.

*Rai-li* (Riley), Uy-li-am Ha-ri-xơn (sinh năm 1835) - nhà báo Anh, đảng viên đảng cộng hoà, nhà xã hội chủ nghĩa, tổng biên tập và người xuất bản tờ ""International Herald", uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh thuộc Quốc tế (1872-1873), đấu tranh chống phái cải lương trong Hội đồng. - 281, 282.

*Ran-vi-e* (Ranvier), Ga-bri-en (1828-1879), nhà cách mạng Pháp theo phái Blăng-ki, thành viên Công xã Pa-ri, thành viên Uỷ ban quân sự và Uỷ ban cứu tế xã hội, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Anh, là uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872), đại biểu Đại hội La Hay (1872), đã rút khỏi Quốc tế sau quyết định của đại hội về việc chuyển Tổng Hội đồng đến Niu Oóc. - 70, 98, 113, 204, 205-209, 215, 436, 443.

*Rét-gi-xơ* (Regis), Vi-ta-pơ (biệt danh Ê-chiên *Pê-sa-rơ*) - nhà cách mạng I-ta-li-a, uỷ viên chi hội I-ta-li-a thuộc Quốc tế ở Luân Đôn, tham gia Công xã Pa-ri, uỷ viên Tổng Hội đồng (1871-1872), tham gia các sự kiện cách mạng ở Tây Ban Nha năm 1873. - 70, 98, 113, 514, 515.

*Rê-sau-rơ* (Reschauer), Hen-rích (sinh năm 1838) - nhà văn và nhà báo tư sản Áo, đảng viên đảng tự do. - 382.

*Ri-các-đô* (Ricardo), Đa-vít (1772-1823) - nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển. - 414.

*Ri-sác* (Richard), An-béc (1846-1925) - nhà báo Pháp, một trong những người lãnh đạo chi hội Quốc tế ở Ly-ông, thành viên của Đồng minh bí mật, tham gia cuộc nổi dậy ở Ly-ông năm 1870, sau khi Công xã Pa-ri bị đàn

áp đi theo phái Bô-na-pác-tơ; những năm 80 ngả theo khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp. - 27, 28, 33, 66-69, 263, 438, 443, 458, 466, 475, 479, 480, 522, 612.

*Ríp-man*, Phê-đo Phê-đo-rô-vích (sinh khoảng năm 1842), học viên học viện nông nghiệp Pê-tơ-rốp - Ra-du-mốp, tham gia tổ chức của Ne-sa-ép, năm 1871 bị kết án 1 năm tù. - 560.

*Rô-be-xpi-e* (Robespierre), Mác-xi-mi-liêng (1758-1794) - nhà hoạt động xuất sắc của cuộc Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ phái Gia-cô-banh, đứng đầu chính phủ cách mạng (1793-1794). - 722.

*Rô-bin* (Robin), Pôn (sinh năm 1837) - nhà giáo Pháp, theo phái Ba-cu-nin, một trong những người cầm đầu Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, uỷ viên Tổng Hội đồng (1870-1871), đại biểu Đại hội Ba-lơ (1869), và Hội nghị Luân Đôn (1871) của Quốc tế. - 29, 41, 42, 481.

*Rô-bóc* (Roberis) - Hen-ri (chết năm 1876) - kiến trúc sư người Anh, nhà bác ái tư sản, người nghiên cứu điều kiện nhà ở của các nước khác nhau. - 318.

*Rô-bóc* (Robert), Phơ-ri-xơ - nhà giáo Thụy Sĩ, theo phái Ba-cu-nin, đại biểu các đại hội của Quốc tế ở Bruy-xen (1868) và Ba-lơ (1869), là thành viên ban biên tập báo "Solidarité". - 28, 56, 480.

*Rô-dơ-va-đốp-xki* (Rozwadowski), I-u-dép (sinh năm 1846) - nhà cách mạng Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa giải phóng ở Ba Lan năm 1863-1864, thành viên tích cực của Công xã Pa-ri, tổng tham mưu trưởng Công xã Vơ-ru-blép-xki, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Anh, là uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1872). - 70, 98, 113.

*Rô-ma-nốp* (dòng họ) - triều đại của các hoàng đế ở Nga (1613-1917). - 611.

*Rô-sa* (Rochat), Sác-lơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Pa-ri thuộc Quốc tế, tham gia Công xã Pa-ri uỷ

viên Tổng Hội đồng Quốc tế kiêm thư ký thông tin viên cho Hà Lan (1871-1872), đại biểu Hội nghị Luân Đôn 1871. – 71, 98, 113, 879.

*Rô-xen* (Rossell) Vi-xen-tơ - người Tây Ban Nha, theo chủ nghĩa vô chính phủ, là thợ dệt, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha (1872-1873), bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ban hành ngày 30 tháng Năm 1873. - 161.

*Rôn* (Roon), An-brếch (1803-1879) - nhà hoạt động quân sự và nhà nước Đức, từ năm 1873 là đại thống chế, một trong những đại diện của khối quân sự Phổ, Bộ trưởng chiến tranh (1859-1873) và bộ trưởng hàng hải (1861-1871), đã tiến hành chấn chỉnh lại quân đội Phổ, thủ tướng Phổ (tháng Giêng - tháng Mười một 1873). – 403.

*Rốt-chơ* (Roach), Giôn - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872), đại biểu Đại hội La Hay (1872), thư ký thông tin viên của Hội đồng Liên chi hội Anh (1872), cầm đầu cánh cải lương trong Hội đồng, bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 3 tháng Năm 1873. – 71, 98, 113, 205-209, 214, 270, 276-279, 878.

*Ru-bay Đô-na-day* (Rubau Donadeu), Hô-xê - người Tây Ban Nha theo chủ nghĩa vô chính phủ, là thợ in li-tô, một trong những người thành lập Đồng minh ở Tây Ban Nha, thành viên ban lãnh đạo Đồng minh bí mật. – 494.

*Ruy-lơ* (Ruht, J.) - công nhân người Đức, thành viên Hội khai sáng công sản chủ nghĩa của công nhân Đức ở Luân Đôn, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1870-1872) 71. – 98, 113, 878.

## S

*Sa-len* (Chalain). Lu-i Đê-ni (sinh năm 1845) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, làm nghề thợ tiện kim loại, thành viên Công xã

Pa-ri, thành viên Ủy ban an ninh xã hội và Ủy ban lao động và trao đổi của Công xã; sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Anh, tại đó tham gia vào chi hội Pháp năm 1871 trong một thời gian ngắn, tỏ thái độ chống đối Tổng Hội đồng, sau đó ngã theo phái vô chính phủ. – 40.

*Sa-xen* (Chassin), Sác-lơ Lu-i (1831-1901) - nhà chính luận và nhà sử học Pháp, đảng viên đảng cộng hoà tư sản, tham gia Đồng minh hoà bình và tự do, người sáng lập và tổng biên tập báo "Démocratie" (1868-1870). – 571.

*Sáp-pơ* (Schapper), Các (1812-1870) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, một trong những nhà lãnh đạo Liên đoàn những người chính nghĩa, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người công sản, tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849; năm 1850 là một trong những người cầm đầu nhóm bè phái phiêu lưu trong thời kỳ Liên đoàn những người công sản đang chia rẽ, từ năm 1856 gắn bó trở lại với Mác, là uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1865), đã tham gia Hội nghị Luân Đôn năm 1865. – 769.

*Sây* (Scheu), Hen-rích (1845-1926) - nhà dân chủ - xã hội Áo, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872), năm 1875 sang cư trú ở Anh. – 206, 209.

*Séc-nư-sép-xki*, Ni-cô-lai Gáp-ri-tô-vích (1828-1889) - nhà dân chủ cách mạng Nga vĩ đại, nhà triết học duy vật, nhà văn và nhà phê bình văn học, một trong những bậc tiền bối xuất sắc của nền dân chủ - xã hội Nga. – 539, 548, 552, 598, 599, 602, 606, 729..

*Séc-van* (Cherva), Giu-lien (tên thật là Giô-dép *Crê-ma*) - mật vụ Phổ lọt vào hàng ngũ của Liên đoàn những người công sản, sau khi Liên đoàn bị phân rã đã đứng đầu một trong số những công xã ở Pa-ri, thuộc nhóm bè phái



phiêu lưu của Vi-lích - Sáp-pơ; là một trong những người bị kết tội dính líu đến vụ về cái gọi là thông mưu Đức - Pháp ở Pa-ri tháng Hai 1852, được sự giúp đỡ của cảnh sát đã trốn khỏi nhà tù. – 114, 768.

*Sếch-xpia* (Shakespeare), U-li-am (1564-1616) - nhà văn vĩ đại người Anh. – 473, 652.

*Si-lơ* (Schiller), Phri-đrich (1759-1805) - nhà văn Đức vĩ đại. – 123, 547, 803.

*Slô-xe-rơ* (Schiozer), Au-gu-xtơ Lút-vích (1735-1809) - nhà sử học và nhà thống kê Đức. – 803.

*Sô* (Shaw). Rô-bốt (chết năm 1869) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, làm nghề thợ sơn, tham dự Cuộc họp thành lập Quốc tế ngày 28 tháng Chín 1864, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1864-1869), tích cực tham gia công việc của Tổng Hội đồng, tuyên truyền tư tưởng của Quốc tế trong các tổ chức công liên ở cơ sở; là thủ quỹ của Hội đồng (1867-1868), thư ký thông tin viên cho Mỹ (1867-1869), tham dự Hội nghị Luân Đôn (1865) và Đại hội Bruy-xen (1868) của Quốc tế. – 21.

*Sô-ta-rơ* (Chautard) - mật vụ Pháp lọt vào các tổ chức công nhân, uỷ viên chi hội Pháp ở Luân Đôn năm 1871, đã bị vạch mặt và đuổi khỏi chi hội. – 35.

*Su-va-li-ê* (Chevalley), Hăng-ri - người Thụy Sĩ theo chủ nghĩa vô chính phủ, làm nghề thợ may. – 28, 478, 480.

*Snai-dơ* (Schneider). Ô-gien (1805-1875) - nhà đại công nghiệp Pháp, chủ các nhà máy luyện kim ở Crơ-đô. – 338.

*Spây-éc* (Speyer), Các (sinh năm 1845) - thợ mộc người Đức, nhưng năm 60 là thư ký Hội khai sáng cộng sản chủ nghĩa của công nhân Đức ở Luân Đôn, từ năm 1870 là uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế ở Luân Đôn, sau đó ở Mỹ, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872). – 216, 906, 908.

*Stan* (Stahl), Phri-đrich I-u-li-út (1802-1861) - luật sư và nhà hoạt động

chính trị cực kỳ phản động Đức, một trong những người sáng lập đảng bảo thủ Phổ. – 401.

*Stanh* (Stein), Các, nam tước (1757-1831) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, năm 1804-1808 giữ nhiều chức vụ cao, tham gia cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đức thống ách thống trị của Na-pô-lê-ông, một trong những người đề xướng việc tiến hành các cuộc cải cách tư sản nửa vời ở Phổ. – 399.

*Sti-bơ* (Stieber), Vin-hem (1818-1882) - quan chức cảnh sát Phổ, phụ trách sở cảnh sát chính trị Phổ (1850-1860), một trong những kẻ tổ chức xét xử vụ án ở Khuên chống lại các thành viên Liên đoàn những người cộng sản và là nhân chứng chính trong vụ án này (1852); trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ phụ trách sở hiến binh và chỉ đạo hoạt động mật vụ của Đức và cơ quan phản gián trên lãnh thổ Pháp. – 116, 184, 356, 461, 769, 770.

*Stiéc-nơ* (Stirner), Ma-khơ (bút danh của Ca-xpa Smít) (1806-1856) - nhà triết học Đức theo phái Hê-ghen trẻ, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa cá nhân tư sản và chủ nghĩa vô chính phủ. – 865.

*Stơ-ru-xơ-béc* (Stroußberg), Be-ten Hen-ri (1823-1884) - chủ thầu đường sắt lớn người Đức; năm 1873 bị phá sản. – 354.

*Su-bác-tơ* (Schubart). Giô-han Cri-xti-an (1734-1787) - nhà bác học về nông học người Đức. – 802.

*Su-mác-sơ* (Schumacher), Ghê-oóc (sinh năm 1844) - nhà dân chủ xã hội Đức, là thợ thuộc da, sau này là nhà kinh doanh, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt cho chi hội ở Dô-lin-ghen, đại biểu Quốc hội (1884-1898), thuộc phái cơ hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội. – 206, 209, 215.

*Sun-tơ - Đê-lít-xơ* (Schulze - Delitzsch), Héc-man (1808-1883) - nhà hoạt động chính trị và nhà kinh tế học tư sản tầm thường Đức; ủng hộ việc thống nhất Đức dưới quyền lãnh đạo của Phổ, một trong những người

sáng lập đảng Liên minh dân tộc, trong những năm 60 là một trong những thủ lĩnh của phái tiến bộ, âm mưu làm cho công nhân xa rời đấu tranh cách mạng bằng cách tổ chức các hội hợp tác hoá. – 343, 383.

*Svai-xơ* (Sehweizer), Giô-han Báp-ti-xơ (1833-1875) - một trong những đại biểu có tiếng của phái Lát-xan ở Đức, năm 1864-1867 là tổng biên tập báo "Social - Demokrat"; chủ tịch Hội liên hiệp công nhân toàn Đức (1867-1871), ủng hộ đường lối của Bít-xmác là thống nhất nước Đức "từ bên trên" dưới quyền bá chủ của Phổ, cản trở việc công nhân Đức gia nhập Quốc tế, đấu tranh chống Đảng công nhân xã hội - dân chủ; năm 1872 bị khai trừ khỏi Hội liên hiệp do việc ông ta bị tố cáo là có quan hệ với nhà cầm quyền Phổ. – 134, 138, 444.

*Svit-xguê-ben* (Schwitzguebel). A-đe-ma-rô (1844-1895) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Thụy Sĩ, là thợ chạm khắc, uỷ viên Quốc tế theo chủ nghĩa vô chính phủ, một trong những người lãnh đạo Đồng minh bí mật và Liên chi hội Giuy-ra, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872); bị khai trừ khỏi Quốc tế với tư cách là uỷ viên Liên chi hội Giuy-ra căn cứ vào nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 5 tháng Giêng 1873. – 56, 204, 206, 209-215, 229, 237, 245, 246, 478.

## T

*Tao-xen-đơ* (Townshend), Uy-li-am - công nhân người Anh, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1869-1872), tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa trong những năm 80. – 70, 98, 113, 878.

*Tay-lo* (Taylor), An-phrết - công nhân người Anh, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872) và Hội đồng Liên chi hội Anh (1872). – 70, 98, 113, 878.

*Tây-xơ* (Theisz), An-béc (1839-1880) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, làm nghề thợ chạm kim loại, theo phái Pru-đông, thành viên

Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Anh, là uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1872) kiêm thủ quỹ, – 35, 41.

*Tca-trép*, Pi-e Ni-ki-ti-chơ (1844-1885) - nhà cách mạng, nhà chính luận Nga, một trong những nhà tư tưởng của phái dân tụy. – 729-745, 747-753, 755, 756, 759, 766, 790.

*Téc-xa-ghi* (Terzaghi), Các-lô (sinh khoảng năm 1845) - luật sư I-ta-li-a, thư ký Hội công nhân giải phóng giai cấp vô sản ở Tu-rin, năm 1872 trở thành mật vụ của cảnh sát. – 55, 56, 230, 490, 513-517.

*Tô-ca-giê-vích* (Tokarzewicz), I-u-đép (1841-1910) - nhà cách mạng, nhà báo và nhà văn Ba Lan, từ năm 1863 sống lưu vong ở Pháp và Thụy Sĩ, uỷ viên chi hội Quốc tế và Ba Lan ở Xuy-rích, đấu tranh chống âm mưu của Ba-cu-nin hòng gây ảnh hưởng của mình đối với giới lưu vong Ba Lan. – 492.

*Tô-lanh* (Tolain), Hăng-ri Lu-i (1828-1897) - thợ chạm khắc người Pháp, theo phái Pru-đông cánh hữu, một trong những người lãnh đạo chi hội Quốc tế ở Pa-ri, đại biểu Hội nghị Luân Đôn (1865), các đại hội Quốc tế ở Giơ-ne-vơ (1866), Lô-dan (1867), Bruy-xen (1868) và Ba-lơ (1869), là đại biểu Quốc hội năm 1871, thời kỳ Công xã Pa-ri ngã theo phái Véc-xay và bị khai trừ khỏi Quốc tế. – 94.

*Tô-mật* (Tomas), Phran-xi-xcô (khoảng 1850-1903) - người Tây Ban Nha theo chủ nghĩa vô chính phủ, làm nghề thợ xây, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha thuộc Quốc tế (1872-1873), một trong những người cầm đầu tổ chức vô chính phủ ở Tây Ban Nha, bị khai trừ khỏi Quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ra ngày 30 tháng Năm 1873. – 211, 653.

*Tô-mi-lô-va*. E-li-da-vê-ta Cri-xti-a-nốp-na (sinh khoảng năm 1839) - bị kết án về vụ Ne-sa-ép, năm 1871 được toà xử trắng án; trong những năm 80 tham gia

nhóm "Ý dân" ở Xa-ra-tốp. – 554.

*Tơ-rai-skê* (Treitschke), Hen-rích Phôn (1834-1896) - nhà sử học và nhà chính luận phản động Đức, từ năm 1886 được mang danh nhà sử liệu học của nhà nước Phổ. - 772.

## U

*U-tin*. Ni-cô-lai I-xa-cô-vích (1845-1883) - nhà cách mạng Nga, tham gia phong trào sinh viên, thành viên hội "Trái đất và tự do", từ năm 1863 sống lưu vong ở Anh, sau đó ở Thụy Sĩ, là một trong những người tổ chức chi hội Nga thuộc Quốc tế, uỷ viên ban biên tập báo "Sự nghiệp nhân dân" (1868-1870) và một trong những biên tập viên báo "Égalité" (1870-1871), đấu tranh chống Ba-cu-nin và những người ủng hộ ông ta, đại biểu Hội nghị Luân Đôn của Quốc tế năm 1871, vào giữa những năm 70 đã rời bỏ phong trào cách mạng. - 39, 184, 493, 571, 900.

*U-xpen-xki*, Pi-e Gáp-ri-lô-vích (khoảng 1847-1881) - một trong những thành viên tích cực của tổ chức Ne-sa-ép, tham gia vụ giết I-va-nốp, năm 1871 bị toà kết án 15 năm lao động khổ sai và bị đày đi Xi-bia. – 555, 558, 561, 566-570.

*Uây-cơ-phin* (Wakefield), "Ét-uốt Ghi-bon (1796-1852) - nhà hoạt động nhà nước, nhà kinh tế học Anh, người đề xướng học thuyết tư sản về chiếm thuộc địa. – 122, 150.

*Uốc-dơ* (Ward), Oóc-boóc-nơ - tham gia phong trào công nhân Mỹ, uỷ viên chi hội Quốc tế ở Bru-clin, chịu ảnh hưởng của các nhà cải cách tư sản, tại Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) được bầu làm uỷ viên Tổng Hội đồng nhưng đã khước từ. – 216.

## V

*Vai-rơ-lin* (Varlin). Ô-gien (1839-1871) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Pháp, là thợ đóng sách, môn đồ của Pru-đông phái tả, một trong những người lãnh đạo các chi hội Quốc tế ở Pháp, đại biểu Hội nghị Luân Đôn (1865), Đại hội Giơ-ne-vơ (1866) và Đại hội Ba-lơ (1869) của Quốc tế, uỷ viên Ban chấp hành trung ương đội vệ binh quốc gia và Công xã Pa-ri, bị những người Véc-xay xử bắn ngày 28 tháng Năm 1871. – 41.

*Vác-ne-rơ* (Wagner), A-đôn-phơ (1835-1917) - nhà kinh tế học tư sản tầm thường người Đức, đại biểu của cái gọi là trường phái pháp quyền xã hội trong kinh tế chính trị học và là nhà xã hội chủ nghĩa giảng đàn. – 356.

*Vai-ăng* (Vaillant), Ê-đu-a (1840-1915) - nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, theo phái Blăng-ki, thành viên Công xã Pa-ri, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872), đại biểu Đại hội Lô-dan (1867), Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872), ra khỏi Quốc tế sau quyết định của Đại hội La Hay về việc chuyển Tổng Hội đồng đến Niu Oóc, tham gia tích cực phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp, một trong những người sáng lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp (1901), trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất đứng trên quan điểm của chủ nghĩa sô-vanh - xã hội. – 70, 113, 204, 206, 215, 723, 878.

*Van - Hê-đê-hem* (Van - Heddeghem) (biệt danh *Van-téc*) (sinh khoảng năm 1847) - mật thám của cảnh sát lọt vào các chi hội Quốc tế ở Pa-ri, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872); bị vạch mặt năm 1873. – 204, 206, 209, 212-215, 435-438, 443, 451.

*Van-téc* - xem. *Van - Hê-đê-hem*.

*Vây-lơ-rơ* (Weiler). A-đam - người Đức lưu vong, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh của Quốc tế (1872-1873), ủng hộ Mác và Ăng-ghen trong cuộc đấu tranh

chống những người theo chủ nghĩa cải lương Anh; về sau là uỷ viên Liên đoàn dân chủ - xã hội. – 282.

*Véc-méc-sơ* (Vermerch), Ô-gien (1845-1878) - nhà báo tiểu tư sản Pháp, tham gia phong trào cộng hoà, trong thời kỳ Công xã Pa-ri đã xuất bản báo "Père Duchêne", sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Anh, tại đó xuất bản báo "Qui Vive!", phát biểu trên báo này những điều vu khống Quốc tế và Tổng Hội đồng. – 95, 717.

*Vê-đi-nơ* (Vésinier), Pi-e (1826-1902) - nhà chính luận tiểu tư sản Pháp, năm 1866 do phát biểu vu khống chống lại Tổng Hội đồng nên bị khai trừ khỏi thành phần của Hội đồng và đến năm 1868 bị khai trừ khỏi Quốc tế; là thành viên Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp, sống lưu vong ở Anh, là thư ký chi hội Pháp năm 1871 và uỷ viên Uỷ ban liên hiệp toàn thế giới. Hai tổ chức này chủ trương chống Mác và Tổng Hội đồng Quốc tế. – 41, 111, 896.

*Vê-lác-dơ* (Velarde), Hô-xê Ma-ri-a - tướng Tây Ban Nha, từ tháng Tư đến tháng Chín 1873 là đại tướng ở Ca-ta-tô-ni. – 653.

*Vi-lăng* (Wieland), Cri-xtốp Mác-tin (1733-1813) - nhà văn Đức thời kỳ khai sáng tư sản thế kỷ XVIII. – 803.

*Vi-lích* (Wittich), Au-gu-xtơ (1810-1878) - sĩ quan Phổ, đã từ chức do quan điểm chính trị, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den - Pphan-xơ năm 1849; là một trong những thủ lĩnh bè phái phiêu lưu phân lập đã ly khai Liên đoàn những người cộng sản năm 1850; năm 1853 sang cư trú ở Mỹ, đứng về phía dân Bắc Mỹ khi tham gia Nội chiến. – 769.

*Vi-na-xơ* (Vinas), Hác-xi-a Hô-xê - sinh viên y khoa, người Tây Ban Nha, theo chủ nghĩa vô chính phủ, một trong những người tổ chức ra Đồng minh ở Tây Ban Nha (1868), tham gia các sự kiện cách mạng năm 1873. – 495, 508, 648.

*Vi-sác*, Pôn - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, tham gia Công xã Pa-ri, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt cho chi hội Pháp ở Luân Đôn. – 204, 206, 209, 212-215, 451.

*Vích-ke-ri* (Vickeri), Xa-may-en, thư ký Hội đồng Liên chi hội Anh (1872-1873), tích cực đấu tranh chống phe cải lương trong Hội đồng, là chủ tịch Đại hội liên chi hội Anh, ở Man-se-xtơ (1873). – 268, 276, 282.

*Vích-to*, Ê-ma-nu-en II (1820-1878) - vua xứ Xác-đi-ni (1849-1861), hoàng đế I-ta-li-a (1861-1878). – 16.

*Viéc-gi-lơ* (Pu-bli-út Viéc-gi-li-út Ma-rô) (70-19 trước công nguyên) - nhà thơ La Mã lỗi lạc. – 122.

*Vin-hem I* (1797-1888) - vua Phổ (1861-1888), hoàng đế Đức (1871-1888). – 79, 179.

*Vin-mác* (Wilmart), Rây-môn (biệt danh *Vin-mô*) - nhà cách mạng Pháp, tham gia Công xã Pa-ri, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt cho các chi hội ở Boóc-đô; năm 1873 sang cư trú ở Bu-ê-nốt Ai-rét, tại đó đã tuyên truyền những nguyên tắc của Quốc tế. – 204, 206, 209, 213, 214.

*Vin-mô* - xem *Vin-mác* Rây-môn.

*Vít-xơ* (Wyss.O.) - người Pháp, thư ký chi hội người nước ngoài thuộc Quốc tế ở Man-se-xtơ, đứng về phía Mác và Ăng-ghen trong cuộc đấu tranh chống những người theo chủ nghĩa cải lương Anh; về sau sang cư trú tại Mỹ. – 274.

*Vôn-te* (Voltaire). Phrăng-xoa Ma-ri (họ thật là *A-ru-ê*) (1694-1778) - nhà triết học tự nhiên thần luận, nhà văn trào phúng, nhà sử học Pháp, đại biểu sản xuất của trào lưu Khai sáng tư sản Pháp thế kỷ XVIII, đã đấu tranh chống chế độ chuyên chế và đạo Thiên chúa. – 404, 805.

*Vru-bơ-lép-xki* (Wroblewski), Va-lê-ri (1836-1908) - nhà dân chủ cách mạng Ba Lan, là một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giải phóng Ba

Lan năm 1863-1864, là tướng chỉ huy Công xã Pa-ri, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế và thư ký thông tin viên cho Ba Lan (1871-1872), đại biểu Đại hội La Hay (1872), là người tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống bọn Ba-cu-nin. – 71, 98, 113, 168, 204, 206, 209, 213, 215, 227, 241, 703, 879.

*Vua trái phá* - xem *Phéc-đi-năng II*.

*Vút-hem* (Woodhull), Vích-to-ri-a (1838-1927) - người chủ trương nam nữ bình đẳng tư sản ở Mỹ, những năm 1871-1872 mưu toan nắm quyền lãnh đạo Liên chi hội Bắc Mỹ và đã tổ chức những chi hội bao gồm những phần tử tư sản và tiểu tư sản; đứng đầu chi hội số 12, đã bị Tổng Hội đồng và Đại hội La Hay (1872) khai trừ khỏi Quốc tế. – 131, 134, 137, 138, 894.

## X

*Xa-ca-dơ* (Sacase), Phrăng-xoa (1808-1884) - quan chức toá an Pháp, ủng hộ chế độ quân chủ, từ năm 1871 là đại biểu Quốc hội. – 41, 70, 95, 486.

*Xa-ga-xta* (Sagasta), Prắc-xê-đéc Ma-tê-ô (1825-1903) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, thủ lĩnh đảng tự do, bộ trưởng nội vụ (1871-1872), bộ trưởng ngoại giao (1874), thủ tướng (1881-1883, 1885-1890, 1892-1895, 1897-1899, 1901-1902). – 184, 250, 500, 509, 878.

*Xa-en-xơ* (Saenz), Va-len-tin - nhà hoạt động của phong trào công nhân Tây Ban Nha  
là nhân viên thương mại, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha thuộc Quốc tế (1871-1872), uỷ viên ban biên tập báo "Emancipacion" (1871-1873), uỷ viên Liên chi hội Ma-đrít mới (1872-1873); đấu tranh chống ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ ở Tây Ban Nha. – 504.

*Xanh - Cle-rơ* (Saint - Clair) - tham gia phong trào công nhân Mỹ, người gốc Ai-rơ-len, uỷ viên Tổng Hội đồng được bầu tại Đại hội La Hay của Quốc tế

(1872). – 215, 906.

*Xanh - Giéc-manh* (Saint - Germam), Clốt Lu-i, bá tước (1707-1778) - tướng Pháp, bộ trưởng quốc phòng (1775-1777). – 684.

*Xanh - Mác-tin* (Saint - Matin), Dơ - luật sư Pháp, theo phái Ba-cu-nin. – 526, 527.

*Xát-lơ* (Sadler) - tham gia phong trào công nhân Anh, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872). – 70, 98, 113, 878.

*Xcan-din* - xem *Ê-lê-nép*, Phê-đo Páp-lô-vích.

*Xéc-nô* - *Xô-lô-vê-vích*, A-lếch-xan-đơ A-lếch-xan-đơ-vích (1838-1869) - nhà cách mạng dân chủ Nga, người kế tục của Séc-nư-sép-xki, tham gia phong trào cách mạng ở Nga vào đầu những năm 60, sau đó sang cư trú ở Giơ-ne-vơ, uỷ viên Quốc tế, tham gia phong trào công nhân Thụy Sĩ. – 118.

*Xéc-ran-nô-i* - *Đô-min-ghe-xơ* (Serano Y Dominguez)0, Phran-xi-xcô (1810-1885) - tướng Tây Ban Nha và nhà hoạt động nhà nước, theo chủ nghĩa quân chủ, bộ trưởng quốc phòng (1843), tham gia cuộc đảo chính năm 1856, đứng đầu chính phủ lâm thời (1868-1869), quan nhiếp chính của Vương quốc (1869-1871), thủ tướng (1871, 1874), – 728.

*Xéc-ve-ra* (Cervera), Ra-pha-en (1828-1909) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, đảng viên đảng cộng hoà liên bang, đại biểu Quốc tế lập hiến (1873). – 653.

*Xéc-xtôn* (Sexton), Gióc-giơ - nhà xã hội chủ nghĩa Anh, làm nghề thầy thuốc, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (tháng Năm - tháng Tám 1872), đại biểu Đại hội La Hay (1872); đấu tranh chống những phần tử cải lương trong Hội đồng Liên chi hội Anh (1872-1873). – 113, 206, 209, 215.

*Xen-ti-nôn* (Sentinon), Ga-xpác (chết năm 1903) - người Tây Ban Nha theo chủ nghĩa vô chính phủ, là bác sĩ, một trong những người thành lập Đồng minh ở Tây Ban Nha, thành viên ban lãnh đạo Đồng minh bí mật, đại biểu Đại hội Ba-lơ

của Quốc tế (1869), bị khai trừ khỏi quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873. – 494, 508.

*Xê-rai-ơ* (Serrailleur), Ô-guy-xtơ (sinh năm 1840) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp và Quốc tế, là công nhân gia công khuôn giấy, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1869-1872), thư ký thông tin viên cho Bỉ (1870) và Pháp (1871-1872); tháng Chín 1870 sau khi Đế chế thứ hai tan rã, ông đến Pa-ri với tư cách là người được Tổng Hội đồng uỷ quyền, là thành viên Công xã Pa-ri; là đại biểu Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872) của Quốc tế, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh (1873), bạn chiến đấu của Mác. - 39, 70, 76, 98, 113, 168, 204, 206, 209, 213-216, 227, 241, 431, 437, 524-527, 595, 879, 912.

*Xi-rin* (Cyrille), Vích-to - người Pháp theo chủ nghĩa vô chính phủ, là nhân viên thương mại, tham gia Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp sống lưu vong ở I-ta-li-a, Thụy Sĩ và Bỉ, đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872); về sau trở thành mật vụ của cảnh sát. – 206, 213, 214.

*Xi-xê-rông* (Mác-cút Tu-li-út Xi-cê-rông) (106-43 trước công nguyên) - nhà hùng biện xuất chúng và nhà hoạt động nhà nước La Mã, nhà triết học theo chủ nghĩa chiết trung. - 679.

*Xin-xin-na-tút* (Li-xi-út Canh-tút Xin-xin-na-tút) (thế kỷ V trước công nguyên) - nhà quý tộc La Mã, quan chấp chính (460 trước công nguyên), kẻ độc tài (458 và 439 trước công nguyên), theo truyền thuyết, ông có lối sống giản dị và tự tay cày cấy đất trồng trọt. – 681.

*Xmít* (Smith), A-đam (1723-1790) - nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển. – 146.

*Xô-ri-a Xan-ta - Cru-xơ* (Saria Santa Cruz). Phrê-đê-ri-cô (1815-1891) - tướng Tây Ban Nha, năm 1872 tham gia cuộc chiến tranh chống phái Các-lốt, năm 1873 đàn áp cuộc khởi nghĩa hàng tổng ở An-đạ-lu-di-a, là thống lĩnh quân sự tỉnh Ca-đi-xơ (1874-1875). - 654.

*Xô-ri-a-nô* (Soriano), Tô-ri-ni-đát - người Tây Ban Nha theo chủ nghĩa vô

chính phủ. – 466, 506, 508.

*Xô-va* (Sauva), Ác-xen - nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, làm nghề thợ may, người kế tục Ca-bê, một trong những người đứng đầu khu cư dân I-ca-ri ở Mỹ, tham gia Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp sang cư trú ở Mỹ, là đại biểu Đại hội La Hay (1872), nơi ông đứng về phía thiểu số vô chính phủ; trong những năm 70 tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa ở Mỹ. – 204, 206, 213, 214, 236.

*Xpơ-len-gê* (Splingard), Rô-sơ - đại biểu Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) thay mặt một trong số những chi hội ở Bỉ, theo chủ nghĩa vô chính phủ, đã bị khai trừ khỏi quốc tế theo nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873. – 206, 209, 212-215, 451.

*Xtê-pha-nô-ni* (Stefamoni), Lu-ít-gi (1842-1905) - nhà văn và nhà chính luận I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản theo chủ nghĩa duy lý, tham gia cuộc hành quân của Ga-ri-ban-đi, người sáng lập và tổng biên tập tạp chí "Libero Pensiero", ủng hộ phái Ba-cu-nin. – 65, 114-118, 491.

*Xtép-ni* (Stepney), Cau-en Uy-li-am Phrê-đê-rích (1820-1872) - nhà xã hội chủ nghĩa Anh, thành viên của Đồng minh cải cách, uỷ viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1866-1872) kiêm thủ quỹ (1868-1870), đại biểu Đại hội Bruy-xen (1868), và Ba-lơ (1869) và Hội nghị Luân Đôn (1871) của Quốc tế, uỷ viên Hội đồng Liên chi hội Anh (1872). – 70, 98, 113, 878.

*Xvác-mơ* - xem *Đen-tơ-rê-gơ*, Ê-min.

*Xvi-át-xki*, Vla-di-mia I-va-nô-vích (sinh khoảng năm 1847) - thành viên nhóm Ne-sa-ép ở Pê-téc-bua, năm 1871 được toà xử trắng án. – 561.

*Xuy-rơ-khéc* (Zürcher, P.) - uỷ viên chi hội người nước ngoài thuộc Quốc tế ở Man-se-xtơ (1872), đấu tranh chống phái cải lương trong Hội đồng Liên chi hội Anh. – 274.

## CÁC NHÂN VẬT THẦN THOẠI VÀ VĂN HỌC

*A-khát* - nhân vật trong trường ca "Ê-nê-ít" của Viéc-gi-lôo, người đồng hành thủy chung của Ê-nê, tên của ông trở thành từ đồng nghĩa với người bạn trung thành. - 95, 481.

*A-sin hay A-si-lơ* - trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là người quả cảm nhất trong số những anh hùng Hy Lạp đã bao vây thành Tơ-roa, là một trong những nhân vật chính trong trường ca "I-li-át" của Hô-me. - 731, 744.

*Antô-ni* - vị thánh đạo Ki-tô, theo truyền thuyết là tu sĩ ẩn dật ở sa mạc Nubia. - 504.

*Các-lu-sca-xních* - điển hình của một tri thức nửa mùa và cậu ấm do nhà văn trào phúng Đức Đa-vít Ca-li-sô xây dựng. - 730, 737, 743, 746.

*Các Mơ-rơ* - nhân vật chính trong vở kịch "kẻ cướp" của Si-lơ. - 547, 583.

*Chú Brê-xích* - nhân vật trong các câu chuyện hài hước của Rây-tơ-rơ. - 577.

*Đa-ni-en* - nhà tiên tri trong Kinh thánh. - 604.

*Đô-gơ-be-ri* (trong các bản dịch tiếng Nga của Cliu-cva) - nhân vật trong vở hài kịch của Sếch-xpia "Âm ĩ vì một chuyện không đâu", hiện thân của thói kiêu căng quan lại, của sự dốt nát và ngu ngốc. - 95.

*Đông Ki-sốt* - nhân vật chính của tiểu thuyết cùng tên của Xéc-van-tét. - 181, 798.

*Éc-các* - nhân vật trong các huyền thoại Đức thời trung cổ, là hình ảnh của con người trung thành, người bảo vệ đáng tin cậy. - 733.

*Gác-gan-tiu-a* - nhân vật trong tiểu thuyết "Gác-gan-tiu-a và Pan-ta-griu-en" của Ra-bơ-le. - 504.

*Giôn Bu-lơ* (Giôn Bò tốt) - danh từ chung để chỉ các đại biểu của giai cấp tư

sản Anh; danh từ này được phổ biến rộng rãi từ khi xuất hiện tác phẩm trào phúng chính trị "Câu chuyện của Giôn Bu-lơ" của nhà văn khai sáng Ác-béc-nốt năm 1712. - 668.

*Hăm-lét* - nhân vật chính trong vở bi kịch cùng tên của Sếch-xpia. - 716.

*Lê-vi-a-tăng* - theo truyền thuyết Kinh thánh đó là con quái vật khổng lồ ở biển. - 45.

*Ma-hô-mét* - người sáng lập nửa huyền thoại ra đạo Hồi. - 41, 599.

*Ma-ri Ma-dơ-len* - theo truyền thuyết Kinh thánh là người phạm tội đã sám hối. - 436.

*Mô-rô-xơ* - nhân vật trong bài thơ "Sự bảo đảm" của Si-lơ. - 716.

*Mông-tơ-Cri-xtô* - nhân vật chính trong tiểu thuyết cùng tên của A.Đuy-ma. – 583.

*Nê-mê-dít* - trong thần thoại Hy Lạp cổ là nữ thần của sự trừng phạt. – 734.

*Những cậu con trai của Ê-môn* - những nhân vật trong bản trường ca "Bốn cậu con trai của Ê-môn hay Rê-nô-đô Môn-tô-ban", bốn anh em là A-e-la, Ri-sác, Ghi-sác và Rê-nô. – 529.

*Phôn-stáp* - nhân vật trong một loạt tác phẩm của Sếch-xpia ("Mấy bà vui tính ở Uyn-dơ". "Vua Hăng-ri IV", một kẻ nhát gan hay khoác lác, mmột người bông đùa và con sâu rượu. – 473, 652.

*Pi-e* - theo truyền thuyết Kinh thánh đây là một trong những thánh tông đồ đã ba lần từ bỏ thầy của mình. – 509.

*Rô-béc Ma-ke-rơ* - hình mẫu một kẻ mưu lợi ranh ma, khôn khéo được diễn viên nổi tiếng người Pháp Phrê-dê-rích Lẽ-mét thể hiện và được lưu lại vĩnh viễn trong các tranh biếm hoạ của Ô-nô-rê Đô-ni-e. – 583.

*Rô-đôn-phơ* - nhân vật trong tiểu thuyết "Những bí mật của thành Pa-ri" của Ô-gien Xuy. – 583.

## BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

*"Báo Bắc Đức"* - xem *"Norddeutsche Allgemeine Zeitung"*.

*"Báo mới vùng Ranh"* - xem *"Neue Rheinische Zeitung"*

*"Cái chuông"* (Luân Đôn, Giơ-ne-vơ. - 18, 556, 597, 599, 600, 604, 605.

*"Cái chuông, Cơ quan ngôn luận của hội giải phóng Nga do A.I.Ghéc-sen sáng lập"* (Giơ-ne-vơ). - 575.

*"Công xã"* (Luân Đôn). – 572.

*"Người đương thời"* (Xanh - Pe-téc-bua). - 600.

*"Sự nghiệp nhân dân"* (Giơ-ne-vơ). – 548.

*"Tiến lên! Tạp chí không định kỳ"* (Xuy-rích. Luân Đôn). – 724, 725, 726, 732, 734, 737, 741-745, 747, 790.

*"Tin tức Mát-xcơ-va"*. – 598.

*"Tin tức Xanh - Pê-téc-bua"*. – 538, 553-557, 559, 561.

*"Almanacco Repubblicano per l'anno 1874"* ("Lịch cộng hoà năm 1874" (Lô-đi). – 417, 422.

*"L'Almanach du Peuple"* ("Lịch nhân dân") (Giơ-ne-vơ). – 61.

*"Arbeiter - Zeitung"* ("Báo công nhân") (Niu Oóc). – 274, 433, 906-909.



*"L'Avvenire Sociale"* ("Tương lai của xã hội") (Pi-a-sen-xơ). – 520, 639.

- Bulletin de la Fédération jurassienne de l'Association "Internationale" des Travailleurs* ("Tập san của Liên chi hội Giuy-ra thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế") (Xông-vi-li-ê, Lô-clơ, Sô-dơ - Phôn). - 233, 246, 263, 264, 427, 431, 481, 489, 492, 527, 576.
- El Combate* ("Đấu tranh") (Ma-đrít). - 494.
- Concordia, Zeitschrift fur die Arbeiterfrage* ("Hoà hiệp Tạp chí về vấn đề công nhân") (Béc-lin). - 119, 121, 145-152, 155.
- El Condenado* ("Người cùng khổ") (Ma-đrít). - 499.
- La Constitution* ("Hiến pháp") (Pa-ri). - 39.
- Le Corsaire* ("Cướp biển") (Pa-ri), - 221, 222.
- Le Courier de l'Europe* ("Tin tức châu Âu") (Luân Đôn). - 76.
- The Daily News* ("Tin tức hàng ngày") (Luân Đôn). - 141-144, 223, 334.
- La Democratie* ("Dân chủ") (Pa-ri). - 571.
- Lé Droits de l'Homme* ("Nhân quyền") (Mông-pe-li-ê). - 525.
- The Eastern Post* ("Bưu điện I-xton") (Luân Đôn). - 98, 105, 113, 429, 881, 883, 888.
- The Economist* ("Nhà kinh tế học") (Luân Đôn). - 143.
- L "Égalite"* ("Bình đẳng") (Giơ-ne-vơ). - 24-27, 29, 44, 45, 67, 113, 126, 185, 407, 476, 479, 481.
- La "Emancipacion"* ("giải phóng") (Ma-đrít). - 75, 89, 90, 98, 113, 126, 130, 138, 168, 170, 187, 190, 199, 201, 206, 222, 239, 251, 253, 267, 305, 407, 423, 427-431, 434, 500-505, 879, 889, 906.
- La "Emancipacton"* ("Giải phóng") (Tu-lu-dơ). - 39, 527.
- La Favilla* ("Tia lửa") (Măng-tu). - 230.
- La "Federacion"* ("Liên minh") (Bác-xê-lô-na). - 190, 199, 201, 237, 426, 431,

- 509, 576.
- Le Figaro* ("Phi-ga-rô") (Pa-ri). - 32, 221, 482, 521.
- The Fortinightly Review* ("Bình luận bán nguyệt san") (Luân Đôn). - 120, 148.
- Die Gartenlaube, Illustirtes Familienblatt* ("Nhà nghỉ mát. Tạp báo gia đình") (Béc-lin). - 318.
- Le Gaulois* ("Người Gô-loa") (Pa-ri). - 32, 482.
- Gazzettino Rosa* ("Báo Đỏ") (Mi-la-nô). - 105, 114, 118, 513.
- Herald* - xem *The New - York "Herald"*.
- La Igualdad* (Bình đẳng) (Ma-đrít). - 50.
- The "International Herald"* ("Người truyền tin quốc tế") (Luân Đôn). - 79, 86 113, 120, 187, 216, 243, 264, 267, 269-273, 276, 282, 408, 423, 428, 429, 434, 900,
- L "Internationale"* ("Quốc tế") (Bruy-xen). - 175, 187, 431, 440.
- The Illustrated London News* (Tạp báo Luân Đôn). - 318.
- Journal de Genève national, politique et linéraire* ("Báo dân tộc, chính trị và văn học Giơ-ne-vơ"). - 45, 570.
- Kladderadatsch* "Clát-đê-ra-đát" (Béc-lin). - 318.
- Kolnische Zeitung* "Báo Khuên"). - 684.
- Lipziger Tageblatt und Anzeiger* ("Báo hàng ngày và người truyền tin Lai-pxích"). - 688.
- Il Libero Pensiero* ("Tư duy tự do") (Phlo-ren-xi-a). - 114, 116.
- La Liberte* ("Tự do") (Bruy-xen). - 77, 79, 89, 113, 126, 175, 187, 220, 440, 442, 525.

- "La Marseillaise"* ("Mác-xây-e") (Pa-ri). – 35, 571.
- "The Morning Advertiser"* ("Người đưa tin buổi sáng") (Luân Đôn). – 155.
- "The Morning Star"* ("Sao Mai") (Luân Đôn). – 155.
- "National - Zeitung"* ("Báo dân tộc") (Béc-lin) - 115.
- "Neue Freie Presse"* ("Báo tự do mới") (Viên). – 726, 734.
- "Neue Rheinische Zeitung, Organ der Demokratie"* ("Báo mới tỉnh Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ") (Khuên). – 116, 791.
- "Neuer Social - Demokrat"* ("Người dân chủ - xã hội mới") (Béc-lin). – 65, 437, 438, 440, 443, 444, 491, 639.
- "New - York Daily Tribune"* ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày"). – 116.
- "the New - York Herald"* ("Người truyền tin Niu Oóc"). – 136.
- "Norddeutsche Allgemeine Zeitung"* ("Báo phổ thông Bắc Đức") (Béc-lin). – 184.
- "Paris - Journal"* ("Báo Pa-ri"). – 32,76, 482.
- "O Pensamento Social"* ("Tư tưởng xã hội") (Li-xbon). – 98, 113, 407, 424, 434.
- "Pensiero ed Azione"* ("Tư tưởng và hành động") (Luân Đôn, Lu-ga-nô, Giê-nô). – 116.
- "Le Pere Duchêne"* ("Cha Đuy-sên") (Pa-ri). – 95, 717.
- "Le Père Duchêsne"* ("Cha Đuy-sen") (Pa-ri). – 717.
- "La Plebe"* ("Nhân dân") (Lô-đi, Mi-la-nô). – 103, 172, 231, 242, 255, 259, 407-423, 429, 435, 445.
- "Il Popdino"* ("Người bình dân") (Tu-rin). – 172.

- "Le Progrès"* ("Tiến bộ") (Lô-clơ). – 24, 26, 44, 476, 477, 571.
- "Le Progrès de Lyon"* ("Tiến bộ của Ly-ông"). – 45.
- "Il Proletario"* "Người vô sản" (Tu-rin). – 55, 513.
- "Qui Vive!"* ("Ai đó!") (Luân Đôn). – 39.
- "Le Radical"* ("Người cấp tiến") (Pa-ri). – 39.
- "La Razon"* ("Lý trí") (Xê-vi-li-a). – 165, 200, 505.
- "The Red Republican"* ("Người cộng hoà đỏ") (Luân Đôn). – 127.
- "La Réforme"* ("Cải cách") (Tu-lu-dơ). – 490.
- "La République française"* ("Nước cộng hoà Pháp") (Pa-ri). – 489.
- "Le Réveil"* ("Thức tỉnh") (Pa-ri). – 35.
- "La Révolution Sociale"* ("Cách mạng xã hội") (Giơ-ne-vơ). – 32, 33, 61, 66, 68, 482, 492.
- "Reynolds's Weekly Newspaper"* ("Tuần báo Rây-nôn") (Luân Đôn). – 703.
- "Saturday Review of Politics, Literature, Science, and Art"* ("Tập chí thứ bảy về chính trị, văn học, khoa học và nghệ thuật") (Luân Đôn). – 148.
- "Social - Demokrat"* ("Người dân chủ - xã hội") (Béc-lin). – 477.
- "Le Socialiste"* ("Người xã hội chủ nghĩa") (Niu Oóc). – 127.
- "Le Socialiste"* ("Người xã hội chủ nghĩa") (Pa-ri). – 332.
- "Socialisten"* ("Người xã hội chủ nghĩa") (Cô-pen-ha-ghen). – 407.
- "Le Soir"* ("Buổi chiều") (Pa-ri). – 221.
- "La Solidarite"* "Đoàn kết") (Nơ-sa-ten, Giơ-ne-vơ). – 27, 28, 32, 44, 478, 482.
- "Solidarite révolutionnaire"* ("Đoàn kết cách mạng") (Bác-xê-lô-na). – 649, 651,654.

*"The Spectator"* ("Khán giả") (Luân Đôn). – 144.

*"Die Tägwachi"* ("Người lính gác") (Xuy-rích). – 407, 455, 737.

*"The Times"* ("Thời báo") (Luân Đôn). – 17, 45, 76, 91, 95, 121, 149-155, 395, 396, 413.

*"Le Travail"* ("Lao động") (Pa-ri). – 26, 476.

*"Ueber Land und Meer"* ("Qua đất liền và biển cả") (Stút-gát). – 318.

*Der "Volksstaat"* ("Nhà nước nhân dân") (Lai-pxích). – 75, 89, 113, 124, 135, 139, 144, 146, 150, 151, 156, 175, 181, 186, 218, 220, 245, 247, 283, 287, 296, 313, 328, 337, 350, 361, 370, 374, 395, 404, 407, 433, 439, 444, 477, 635, 640, 641, 656, 666, 675, 687, 691, 697, 701, 737, 753, 768, 772, 777, 789, 790, 906, 909.

*"Die Volksstimme"* ("Tiếng dân") (Viên). – 93.

*"Volkswille"* ("Ý dân") (Viên). – 407.

*"Weekly Times"* ("Thời báo hàng tuần") (Man-se-xtơ). – 358.

"*De Werkman*" ("Công nhân") (Am-xtéc-đam). – 407.

"*Woodhull and Claftin's Weekly*" ("Tuần báo Vút-han và Cla-phlin") ("Niu Oóc). – 73, 74, 131, 132, 136, 137.

"*Die Zukunft*" ("Tương lai") (Khuê-ních-xbéc, Béc-lin). – 76.

## MỤC LỤC<sup>1\*</sup>

	Trang
Lời Nhà xuất bản .....	7-8
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế. Thông tri nội bộ của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế .....	9-71
I... ..	13-17
II... ..	17-30
III... ..	30-41
IV... ..	41-58
V... ..	58-61
VI... ..	61-66
VII... ..	66-71
C.MÁC. Các nghị quyết nói về sự chia rẽ trong Liên chi hội nước Mỹ được thông qua tại hội nghị của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế ngày 5 và ngày 12 tháng Ba 1872.....	72-75
C.MÁC. Gửi ông chủ bút báo "La Libertes".....	76-77
C.MÁC. Các nghị quyết của cuộc mít-tinh kỷ niệm Công xã Pa-ri .....	78-79

---

1\* Những nhan đề do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ủy ban trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đặt, thì được đánh dấu bằng dấu hoa thị.

21	BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM
72	ĐỊNH KỶ

---

PH.ĂNG-GHEN. Gửi Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha .....	80-81
C.MÁC. Quốc hữu hoá ruộng đất .....	82-86

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH	21
KỶ	73

---

PH.ĂNG-GHEN. Gửi các vị đại biểu dự đại hội đại biểu toàn quốc Tây Ban Nha họp tại Xa-ra-gốt.....	87-89
PH.ĂNG-GHEN. Gửi đại hội đại biểu Xa-ra-gốt.....	90
C.MÁC. Tuyên bố của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế nhân bài phát biểu của Cô-cren tại Hạ nghị viện.....	91-98
PH.ĂNG-GHEN. Gửi Hiệp hội công nhân Phê-ra.....	99-100
PH.ĂNG-GHEN. Những bức thư từ Luân Đôn. - 1*. Cuộc bãi công của công nhân nông nghiệp Anh.....	101-103
PH.ĂNG-GHEN*, Về việc truy nã Tê-ô-đo Cu-nô, hội viên Quốc tế .....	104-105
PH.ĂNG-GHEN*, Về mối quan hệ qua lại giữa các chi hội Ai-rơ-len và Hội đồng của Liên chi hội Anh. Bản ghi lời phát biểu.....	106-109
C. MÁC. Tuyên bố của Tổng Hội đồng về Hội đồng Liên bang chủ nghĩa toàn thế giới.....	110-113
C.MÁC. Lại nói về Xtê-pha-nô-ni và Quốc tế (thư gửi ban biên tập báo "Gazzetino Rosa").....	114-118
C.MÁC. Trả lời bài báo của Bren-ta-nô.....	119-124
PH.ĂNG-GHEN. Nghị quyết của Tổng Hội đồng về việc triệu tập và chương trình nghị sự của Đại hội đại biểu ở La Hay.....	125-126
C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. Lời tựa viết cho bản tiếng Đức "tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" xuất bản năm 1872.....	127-129
PH.ĂNG-GHEN. Quốc tế ở Mỹ.....	130-139
PH.ĂNG-GHEN. Gửi uỷ ban giải phóng các giai cấp lao động ở Pác-mơ.....	140
C.MÁC. Gửi công nhân mỏ bãi công ở vùng Rua.....	141-144
C.MÁC. Trả lời bài báo thứ hai của Bren-ta-nô.....	145-156
PH.ĂNG-GHEN. Tổng Hội đồng gửi toàn thể hội viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế.....	157-164

C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. Gửi các chi hội Tây Ban Nha của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.....	165-168
PH.ĂNG-GHEN. Tổng Hội đồng gửi Liên chi hội Ma-đrít.....	169-170
PH.ĂNG-GHEN. Thư của Tổng Hội đồng gửi các chi hội I-ta-li-a của Hội liên hiệp công nhân quốc tế nói về Hội nghị đại biểu Ri-mi-ni.....	171-172
<i>Đại hội đại biểu La Hay của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ngày 2-7 tháng Chín 1872.....</i>	<i>173-216</i>
C.MÁC. Báo cáo của Tổng Hội đồng trước đại hội đại biểu hàng năm lần thứ năm của Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp tại La Hay từ ngày 2 đến ngày 7 tháng Chín 1872.....	175-187
PH.ĂNG-GHEN. Báo cáo của Đông minh dân chủ xã hội chủ nghĩa do đại diện của Tổng Hội đồng trình bày trước Đại hội La Hay .....	188-202
C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. Nghị quyết đại hội đại biểu toàn thể Hội liên hiệp họp ở La Hay ngày 2-7 tháng Chín 1872.....	203-216
1. Nghị quyết về Điều lệ.....	203-204
II. Nghị quyết về Quy chế.....	204-207
III. Nghị quyết về mối liên hệ quốc tế giữa các đoàn thể phản kháng.....	207-208
IV. Nghị quyết về việc kết nạp và khai trừ các chi hội.....	208-211
V. Kiểm tra báo cáo tài chính của Tổng Hội đồng .....	211
VI. Những quyền hạn do Tổng Hội đồng và các Hội đồng Liên chi hội trao cho.....	211-212
VII. Nghị quyết về Đông minh.....	212-214

VIII. Trụ sở và thành phần của Tổng Hội đồng tương lai....	214-216
IX. Địa điểm triệu tập đại hội kỳ sau.....	216
X. Tiểu ban biên tập biên bản.....	216
C.MÁC. Về Đại hội La Hay, Bản ghi của thông tin viên bài diễn văn đọc tại cuộc mít-tinh ở Am-xtéc-đam ngày 8 tháng Chín 1872.....	217-220
C.MÁC. Gửi ông chủ bút báo "Corsaire".....	221-222
C.MÁC. Gửi ông chủ bút báo "Daily News".....	223
PH.ĂNG-GHEN. Đại hội đại biểu La Hay (Thư gửi Bi-na-mi).....	224-231
PH.ĂNG-GHEN. Các giấy uỷ nhiệm bắt buộc tại Đại hội La Hay .....	232-239
PH.ĂNG-GHEN. Những bức thư từ Luân Đôn. II*. Lại bàn về Đại hội La Hay .....	240-242
PH.ĂNG-GHEN. Gửi Hội đồng Liên chi hội Anh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế về những cuộc bãi công ở Bồ Đào Nha.....	243-244
C.MÁC. Gửi ban biên tập báo "Volksstaat".....	245-247
PH.ĂNG-GHEN. Báo cáo gửi Tổng Hội đồng về tình hình của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, I-ta-li-a .....	248-254
PH.ĂNG-GHEN. Gửi Hiệp hội công nông miền Hạ Lô-m-béc-đi (chi hội quốc tế) ở Lô-đi.....	255
PH.ĂNG-GHEN. Những bức thư từ Luân Đôn. - III. Cuộc mít-tinh ở công viên Hây-dơ.....	256-259
PH.ĂNG-GHEN. Những bức thư từ Luân Đôn. - IV. Cuộc mít-tinh ở công viên Hây-dơ. - Tình hình ở Tây Ban Nha.....	260-263
C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. Gửi ông chủ bút báo "International Herald".....	264-267
PH.ĂNG-GHEN. Chi hội người nước ngoài ở Man-se-xơ gửi tất cả các chi hội và hội viên Liên chi hội Anh.....	268-274

C.MÁC. Thư của Hội đồng Liên chi hội Anh gửi các chi hội, các phân bộ, các đoàn thể đã được gia nhập và các hội viên của Liên chi hội Anh của Quốc tế.....	275-282
PH.ĂNG-GHEN. Về vấn đề nhà ở.....	283-394
Phần I. Pru-đông giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào.....	287-315
Phần II. Giai cấp tư sản giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào...316-360	
Phần III. Bàn thêm về Pru-đông và vấn đề nhà ở.....	361-394
C.MÁC. Gửi ông chủ bút báo "Times" .....	395-396
PH.ĂNG-GHEN. "Khủng hoảng" ở Phổ.....	397-404
C.MÁC. Trả lời bản thông báo mới của cái gọi là phái đa số của Hội đồng Liên chi hội Anh.....	405-408
C.MÁC. Chủ nghĩa thờ ơ chính trị.....	409-417
PH.ĂNG-GHEN. Bàn về quyền uy.....	418-422
PH.ĂNG-GHEN*. Thông báo về hoạt động của Quốc tế trên lục địa... ..	423-428
I.....	423-425
II.....	425
III.....	425-427
IV.....	427-428
PH.ĂNG-GHEN. Mấy dòng viết gửi Tổng Hội đồng .....	429-432
PH.ĂNG-GHEN. Gửi Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế... 433-435	
PH.ĂNG-GHEN*. Bàn về một số bài báo trong tờ "Neuer social - Demokrat" (trích trong thư gửi cho A.Héc-nét).....	436-439
PH.ĂNG-GHEN. Quốc tế và tờ "Neuer".....	440-444
PH.ĂNG-GHEN. Gửi Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế... 445-446	
C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và	



Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Báo cáo và các văn kiện được công bố theo quyết định của Đại hội La Hay của Quốc tế.....	447-634
I. Lời mở đầu.....	451-455
II. Đồng minh bí mật.....	456-472
III. Đồng minh ở Thụy Sĩ.....	473-493
IV. Đồng minh ở Tây Ban Nha .....	494-509
V... Đồng minh ở I-ta-li-a .....	510-521
VI. Đồng Minh ở Pháp.....	522-527
VII. Đồng minh sau Đại hội La Hay .....	528-536
VIII. Đồng minh ở Nga.....	537-592
IX. Phân kết luận.....	593-595
X. Phần bổ sung .....	596-612
XI. Các văn kiện.....	613-634
PH.ĂNG-GHEN. Trong Quốc tế .....	635-640
PH.ĂNG-GHEN. Phái Ba-cu-nin trong hành động bút ký về cuộc khởi nghĩa ở Tây Ban Nha mùa hè năm 1873.....	641-666
I.....	641-646
II.....	646-654
III.....	654-662
IV.....	662-666
PH.ĂNG-GHEN. Bầu cử ở Anh.....	667-675
PH.ĂNG-GHEN. Luật quân sự đế chế.....	676-687
I.....	676-678
II.....	678-687
PH.ĂNG-GHEN. Ông Môn-tơ-kê, một sĩ quan tham mưu hay la hét và	

lâm lì, và thông tín viên gần đây của ông ta tại Lai-pxích.....	688-691
PH.ĂNG-GHEN. Bổ sung lời tựa viết năm 1870 cho cuốn "Chiến tranh nông dân ở Đức".....	692-700
PH.ĂNG-GHEN. Sách báo của giới lưu vong.....	701-767
I. Tuyên ngôn Ba Lan .....	703-712
II. Cương lĩnh của những thành viên công xã lưu vong thuộc phái Blăng-ki.....	713-723
III.....	724-736
IV.....	737-750
V. Về vấn đề xã hội ở Nga.....	751-767
C.MÁC. Lời bạt viết cho lần xuất bản thứ hai tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên...".....	768-772
PH.ĂNG-GHEN. Ủng hộ Ba Lan.....	773-777
PH.ĂNG-GHEN. Những lời la ó bản chính thức về chiến tranh.....	778-789
PH.ĂNG-GHEN. Lời nói đầu viết cho cuốn sách nhỏ "Về vấn đề xã hội ở Nga".....	790-791

### PHẦN DI CẢO CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

PH.ĂNG-GHEN. Bút ký về nước Đức.....	797-804
I. Lời mở đầu 1500-1789.....	797-803
1789-1815.....	803-804
Trích bản thảo thứ hai "Bút ký về nước Đức".....	805-806
C.MÁC. Tóm lược cuốn sách của Ba-cu-nin "Thế chế nhà nước và tình trạng vô chính phủ".....	807-874

## PHỤ LỤC

Khủng bố của cảnh sát ở Ai-rơ-len. Tuyên bố của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế.....	877-879
Bản ghi lời phát biểu của Ph.Ăng-ghen về tình hình của Quốc tế ở I- ta-li-a và ở Tây Ban Nha ...	880-881
Bản ghi lời phát biểu của Ph.Ăng-ghen về tình hình của Quốc tế ở Tây Ban Nha .....	882-883
Bản ghi lời phát biểu của Ph.Ăng-ghen về Đại hội đại biểu Xa-ra-gốt...884-888	
Bản ghi lời phát biểu của C.Mác về việc triệu tập đại hội đại biểu và về thẩm quyền của Tổng Hội đồng.....	889-890
Bản ghi lời phát biểu của C.Mác về giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu của Ba- ri.....	891
Bản ghi lời phát biểu của C.Mác về giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu của Giu-cốp-xki.....	892-893
Bản ghi lời phát biểu của C.Mác về giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu của Oét-xtơ.....	894-895
Bản ghi lời phát biểu của C.Mác về thẩm quyền của Tổng Hội đồng ...	896-898
Bản ghi lời phát biểu của Ph.Ăng-ghen về trụ sở của Tổng Hội đồng ...	899-900
Giấy uỷ nhiệm do Tổng Hội đồng tại Niu Oóc cấp cho C.Mác.....	901
Giấy uỷ nhiệm do Tổng Hội đồng tại Niu Oóc cấp cho Ph.Ăng-ghen .....	902
Chỉ thị gửi Phri-đrich Ăng-ghen, đại diện của Tổng Hội đồng phụ trách các vấn đề nước I-ta-li-a ở Luân Đôn.....	903-904
Gửi toàn thể hội viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873.....	905-906

Gửi toàn thể hội viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Nghị quyết của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873.....	907-908
Tuyên bố của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế về các chi hội của Quốc tế ở I-ta-li-a.....	909
Gửi các vị đại biểu dự đại hội đại biểu lần thứ VI của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.....	910-912
<i>Chú thích</i> .....	915-1016
<i>Thân thế và sự nghiệp của C.Mác và Ph. Ăng-ghen</i> .....	1017-1059
<i>Bản chỉ dẫn tên người</i> ... ..	1060-1120
<i>Bản chỉ dẫn các xuất bản phẩm định kỳ</i> .....	1121-1126

## PHỤ BẢN

Bìa trong cuốn sách của C.Mác và Ph. Ăng-ghen "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế".....	15
Bìa trong cuốn sách của Ph.Ăng-ghen "Về vấn đề nhà ở" có chữ của tác giả để tặng Lau-rơ La-phác-gơ... ..	285
Bìa trong cuốn sách của C.Mác và Ph. Ăng-ghen "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế".....	449
Một phần của trang sách của Mác tóm lược cuốn sách của Ba-cu-nin "Thế chế nhà nước và tình trạng vô chính phủ.....	859

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giáo sư TRẦN NHÂM

Biên tập:

LÊ XUÂN TIÊM

NGUYỄN TUYẾT NGA

LÊ PHƯƠNG

Sửa bài:

BAN SÁCH KINH ĐIỂN

Trình bày, bìa:

NGHIÊM THÀNH

